B 1,154,403

Digitized by Google



Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

TPI

H-1980

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

năm 1978

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I — NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG		
— Ra sức thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1978	Xã luận	1
- Nắm vững mối quan hệ giữa cải tạo và xây dựng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	Nguyễn-Duy-Trinh	1
— Thường xuyên làm tốt công tác phát triển Đảng	Xã luận	2
— Nâng cao không ngừng năng suất lao động xã hội	Xã luận	3
— Hãy làm thật tốt việc tổ chức thảo luận dự thảo Hiến pháp mới trong cán bộ và nhân dân	Xã luận	4
- Phát động quần chúng xây dựng quyền làm chủ tập thể	Lê-Duẩn	4
— Phát huy vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt-nam trong giai đoạn mới	Xã luận	5
- Làm chủ tập thể là bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân	Lê-Duẩn	5
- Đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta	Võ-Nguyên-Giáp	5+6
— Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam	Đỗ-Mười	5
— Bồi dưỡng và phát huy những nhân tố mới	Xã luận	6
— [illegible]ực chất những hành động chống Việt-nam của các nhà cầm quyền Trung-quốc	Xã luận	7

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Tất cả vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	Xã luận	9
– Cả nước một lòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa	Hồng-Nam	10
– Hữu nghị vĩ đại	Xã luận	11
– Cần kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới	Xã luận	12
– Nâng cao hiệu lực công tác Đảng, công tác chính trị trong các lực lượng vũ trang nhân dân	Chu-Huy-Mân	12
II – KINH TẾ		
– Đổi mới công tác kế hoạch hóa của nước ta	Chế-Viết-Tấn	1
– Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ	Trường-Sơn	1
– Đẩy mạnh chế biến nông sản đi đôi với kế hoạch phát triển nông nghiệp	Nguyễn-Chung-Anh	1
– Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiếp tục thực hiện nghị quyết 228 – NQ/TƯ của Bộ chính trị	+ + +	1
– Về đường lối phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	Hoàng-Tùng	2
– Giống lúa Nông nghiệp 1A đã tạo ra thế mới trong nông nghiệp Hải-hưng	Ngô-Duy-Đông	2
– Xây dựng cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp trên địa bàn huyện và tăng cường cấp huyện	Đoàn-Trọng-Truyến	3
– Tăng năng suất lao động xã hội và triệt để tiết kiệm	Chế-Viết-Tấn	3
– Phát triển mạnh nghề rừng	Hoàng-văn-Kiều	4
– Công nghiệp phải góp phần to lớn thúc đẩy nông nghiệp phát triển vượt bậc	Đồng-Thảo	4
– Sản xuất thật nhiều than cho Tổ quốc	Nguyễn-Chấn	5
– Công tác giá cả trong tình hình mới	Hoàng-Anh	6
– Tổ chức công trường thủ công làm thủy lợi	Hoàng-Tiến	6
– Hóa chất, một ngành công nghiệp mũi nhọn	Lê-Tự	7
– Phát triển nhanh chóng lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, hoàn thành nhiệm vụ cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở các tỉnh và thành phố miền Nam	Vũ-Lộ	7
– Phát huy nguồn tiềm năng lao động lớn nhất của cả nước để phát triển mạnh nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp	Nguyễn-Thọ-Chân	8

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Phát triển sản xuất hải sản	Nguyễn-Bá-Phát	8
– Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đi đôi với khẩn trương hoàn thành việc xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở các tỉnh và thành phố miền Nam	Vũ-Lộ	9
– Trên cơ sở những kinh nghiệm đã thu được, cần làm tốt công tác ngoại thương trong giai đoạn mới của cách mạng	Đặng-Việt-Châu	10
– Thấu suốt các quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước về hợp đồng kinh tế	Nguyễn-Quang-Xá	10
– Ra sức khắc phục hậu quả lũ lụt	+++	11
– Quán triệt và thi hành tốt điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ở miền Nam	Lê-Thanh-Nghị	11
– Tổ chức lại sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở các tỉnh và thành phố miền Nam	Nguyễn-Bích	12
III – CHÍNH TRỊ – TRIẾT HỌC – QUÂN SỰ		
– Mấy suy nghĩ về kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn huyện trong giai đoạn mới	Lê-Quang-Hòa	2
– Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ và các dân tộc thiểu số ở miền Nam nước ta	Mạc-Đường	2
– Giai đoạn mới của cách mạng nước ta và vai trò của xã hội học	Thái-Vũ	2
– Thanh tra nhân dân và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động	Trần-Mạnh-Quỳ	3
– Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức quản lý nông nghiệp	Phạm-Đình-Tân	3
– Về việc ghi vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam trong Hiến pháp mới	Nguyễn-Niên	4
– Hiến pháp mới và nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý	Nghiêm-Xuân-Yêm	4
– Về một số ý kiến được nêu lên trong các cuộc họp thảo luận dự thảo Hiến pháp mới	Phan-Anh	4
– Vấn đề « giáo dục » trong dự thảo Hiến pháp mới	Nguyễn-Lân	4
– Chuyên chính vô sản và làm chủ tập thể	Khoa-Minh	4
– Quản lý xã hội một cách khoa học	Thanh-Lê	4
– Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân đội ta trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa	Lê-Quang-Đạo	5

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Những nét độc đáo của bản dự thảo Hiến pháp mới	Đỗ-Xuân-Sảng	5
– Đối chiếu hai nền dân chủ : tư sản và xã hội chủ nghĩa nhân dịp thảo luận dự thảo Hiến pháp mới	Bà Ngô-Bá-Thành	5
– Tại sao Mặt trận Tổ quốc Việt-nam là một chỗ dựa của Nhà nước	Lê-Ngọc-Tiến	5
– Sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của công dân	Vũ-Khiêu	5
– Hiến pháp xã hội chủ nghĩa là sự thể hiện tự giác và có tổ chức ý chí tập thể của nhân dân lao động	Phạm-Thành	5
– Hiến pháp mới và pháp chế xã hội chủ nghĩa	Trần-Công-Tường	6
– Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa	Lê-Trung-Hà	6
– Về lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của cá nhân	Phan-Hữu-Chi	6
– Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân và tăng cường chuyên chính với kẻ thù của nhân dân	Đào-Văn-Giảng	6
– Giai cấp công nhân Việt-nam sẽ xứng đáng với sứ mệnh của mình	Đỗ-Hữu-Khánh	6
– Tài năng và sáng tạo, nguồn sức mạnh làm chủ tập thể của thanh niên	Vũ-Công-Cần	7
– Xây dựng cơ chế làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động	Phạm-Thành	7
– Dự thảo Hiến pháp mới và vấn đề thể chế hóa đường lối kinh tế của Đảng	Văn-Tập	7
– Nhu cầu và cuộc sống	Lê-Xuân-Vũ	8
– Tư sản gốc Hoa với sự ưu ái của nhà đương cục Trung-quốc	Tiến-Lâm	8
– Hai khâu then chốt của công tác quân sự địa phương	Lê-Trọng-Tấn	9
– Phát triển mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước	Nguyên-Đàm	9
– Thấm nhuần lời dạy « Không có gì quý hơn độc lập tự do » của Hồ Chủ tịch	Hà-Huy-Giáp	11
– Lý tưởng và cuộc sống của thế hệ trẻ ngày nay	Vũ-Công-Cần	12
– Vấn đề con người trong triết học tư sản hiện đại	Phong-Hiền	12
IV – VĂN HÓA – GIÁO DỤC		
– Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng trong cả nước	Lê-Đức-Chỉnh	1
– Trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam	Phạm-Khắc-Hòe	1
– Công tác văn hóa văn nghệ trong giai đoạn mới	Trần-Độ	2
– Phục vụ sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ chủ yếu và là phương thức tiến bộ chủ yếu của sinh vật học nước ta	Nguyễn-Hữu-Thước	2

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
— Công tác khoa học kỹ thuật ở thành phố Hồ-Chí-Minh	Trần-Trọng-Tấn	2
— Tiếp tục đấu tranh xóa bỏ tàn dư « văn hóa » thực dân mới	Hà-Xuân-Trường	3
— Văn hóa và thông tin phục vụ sự nghiệp phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	Cù-Huy-Cận	6
— Qua những trường học làm lại con người	Lê-Xuân-Vũ	6
— Để tiến tới cải cách giáo dục phổ thông	Nguyễn-Thị-Bình	7
— Vấn đề sinh đẻ có kế hoạch	Hoàng-Đình-Cầu	7
— Bước đầu tìm hiểu những quan điểm về lối sống mới của Hồ Chủ tịch	Anh-Phong	7
— Về phong cách lao động của con người mới	Hoàng-Tụy	8
— Về nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa	Đức-Minh	8
— Về những phương thức và biện pháp xây dựng con người mới	Đặng-Xuân-Kỳ	8
— Từ thời đại vua Hùng đến thời đại Hồ-Chí-Minh	Trần-Quốc-Vượng	9
— Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, con người có văn hóa	Hoàng-Trinh	9
— Giáo dục con người mới từ trong gia đình	Hoàng-Ngọc-Di	9
— Con người mới là điểm hội tụ những giá trị lịch sử và thời đại về con người	Lê-Anh-Trà	9
— Một số suy nghĩ về cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp	Đường-Hồng-Dật	10
— Chống tàn dư của tư tưởng phong kiến	Bùi-Văn-Nguyên	10
— Xây dựng con người mới bằng giáo dục thẩm Mỹ	Lê-Anh	10
— Xây dựng thị hiếu lành mạnh về sân khấu để góp phần xây dựng con người mới	Hoàng-Chương	10
— Tìm hiểu những vấn đề có tính quy luật của việc hình thành con người mới Việt-nam	Lê-Thi	11
— Thể dục thể thao với việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	Tạ-Quang-Chiến	11
V. — ĐẢNG — CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG		
— Củng cố và kiện toàn các chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp	Vũ-Oanh	1
— Đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý	Lê-Đức-Bình	2
— Tổ chức, động viên thanh niên cả nước tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận sản xuất nông nghiệp	Đặng-Quốc-Bảo	3

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Phải dựa hẳn vào công nhân, lao động để làm tốt cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh	Vũ-Xuân-Cận	3
– Ôn lại bài học « Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư » của Bác Hồ vĩ đại	Hà-Huy-Giáp	5
– Một số suy nghĩ về bước trưởng thành của giai cấp công nhân Việt-nam	Văn-Tạo	7
– Mừng Bác Tôn 90 tuổi	TC Cộng sản	8
– Một số kinh nghiệm củng cố tổ chức cơ sở của Đảng ở nông thôn	Vũ-Trọng-Kiên	8
– Xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng ở miền Nam	Nguyễn-Lư	8
– Phấn đấu nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục lý luận	Nguyễn-Đức-Bình	9
– Khắc phục các quan điểm sai trái, đẩy mạnh công tác cán bộ nữ	Hà-Thị-Quế	11
– Công tác xây dựng Đảng với công tác cải tạo nông nghiệp	Vũ-Dũng	11
VI – SINH HOẠT CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG		
– Thái độ trước khó khăn	Người Xây dựng	3
– Dân chủ hình thức	Người Xây dựng	4
– Của công, của riêng	Người Xây dựng	6
– Cái sảy nảy cái ung	Người Xây dựng	7
– Móc ngoặc	Người Xây dựng	8
– Cảnh giác	Người Xây dựng	9
– Lãng phí	Người Xây dựng	10
– Liên quan	Người Xây dựng	11
– Kỷ luật phải nghiêm minh	Người xây dựng	12
VII – CÁC ĐỊA PHƯƠNG, CƠ SỞ		
– Những chuyển biến mới ở huyện Nông-cống	Đạm-Mai	1
– Những kinh nghiệm bước đầu của Gò-công	Hồ-Chương-Điền	2
– Quy hoạch cán bộ ở Hà-nam-ninh	Phan-Điền	3
– Phú-lâm vững bước tiến lên trong giai đoạn cách mạng mới	Tân-Minh	4

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Cách làm Hải-hậu	Thanh-Hà	6
– Mấy kinh nghiệm bước đầu giải quyết vấn đề lương thực ở tỉnh Nghĩa-bình	Võ-Văn-Dinh	7
– Bệnh viện Việt – Tiệp phấn đấu giữ vững lá cờ đầu của ngành y tế	Đặng-Hồi-Xuân và Nguyễn-Văn-Luyện	8
– Công tác đảng viên ở Thái-bình	Trương-Đăng-Hỏa	8
– Những bước đi lên chủ nghĩa xã hội của tỉnh Gia-lai – Công-tum	Năm-Vinh	8
– Nông dân huyện Đức-linh đi vào con đường làm ăn tập thể	Thế Hà	10
– Những tiến bộ bước đầu của khu phố Lê-Chân	Trần-Thành	10
– Nhà máy quốc doanh sản xuất máy may Sinco trên con đường khôi phục và phát triển sản xuất	Trần-Hỏ	10
– Bước vươn lên của một phường kém nát	Trọng-Nguyễn	10
– Một chi bộ xí nghiệp biết dựa vào quần chúng	Lê-Văn-Hồng	11
– Bước đầu xây dựng cơ cấu kinh tế nông – lâm – công nghiệp trên địa bàn huyện Trấn-yên	Trần-Văn-Hào	11
– Phong trào lao động và tiết kiệm ở nhà máy chế tạo biến thế Hà-nội	Trần-Xuân	11
– Nêu điển hình tốt, thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước ở Hà-sơn-bình	Nguyễn-Hữu-Thụ	12
VIII – QUỐC TẾ		
– Không thế lực phản động nào phá hoại được tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt-nam và Cam-pu-chia	+ + +	1
– Về cuộc khủng hoảng kinh tế trong các nước tư bản chủ nghĩa	Nguyễn-Văn-Thọ	1
– Ba-lan chú trọng phát triển ngành công nghiệp mũi nhọn	Hà-Đăng	2
– Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hòa Nam Phi	Trần-Hoài-Nam	2
– Tình hình bi đát của nước Mỹ và chính sách phản động của Ca-tơ	Lưu-Quý-Kỳ	3
– Khủng hoảng chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ	Phúc-Cương	4
– Sự thật về cuộc xung đột biên giới Việt-nam – Cam-pu-chia	Hoàng-Nguyễn	4
– Sau cuộc bầu cử Quốc hội Pháp, những vấn đề của nước Pháp vẫn còn nguyên vẹn	Huy-Du	5

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Tình hữu nghị quý báu giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung-quốc nhất định được bảo vệ	Bình luận	6
– Thắng lợi to lớn của nhân dân Ê-ti-ô-pi-a	Lê-Tịnh	6
– Cu-ba vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội	Nguyễn-Minh-Phương	7
– Sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Pa-le-xtin nhất định thắng lợi	Hữu-Nghị	7
– Về xu thế độc lập, hòa bình, trung lập ở khu vực Đông – Nam Á	Văn-Hiền	7
– Các nhà cầm quyền Trung-quốc đang ủng hộ bọn phát xít diệt chủng ở Cam-pu-chia	Quyết-Tiến	8
– Chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa dân tộc tư sản	+ + +	9
– Thắng lợi to lớn của cách mạng Áp-ga-ni-xtan	Nguyễn-Nam	9
– Tham vọng toàn cầu và thất bại chắc chắn	Thành-Tín	9
– Thắng lợi mới của phong trào không liên kết	Hướng-Nam	10
– Liên hợp nông – công nghiệp ở Bun-ga-ri	Lê-Phước	10
– Chỗ dựa tin cậy và niềm hy vọng của các lực lượng cách mạng và hòa bình trên thế giới	+ + +	11
– Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày càng được củng cố vững mạnh	Quyết-Thắng	11
– Một chính sách ngoại giao đúng đắn và kiên định	Lê-Thực	11
– Nhà cầm quyền Trung-quốc mưu toan sử dụng Hoa kiều để thực hiện bá quyền ở Đông – Nam châu Á	Hương-Cường	12
– Kẻ nào thi hành chính sách bành trướng ở Đông – Nam châu Á	Quyết-Tiến	12
– Bước phát triển mới của cách mạng Cam-pu-chia		12
– Về chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước	+ + +	12
IX – ĐỌC SÁCH		
– Bản tường trình của một viên đại... bại tướng	Thành-Tín	4
X – VĂN KIỆN – TƯ LIỆU		
– Chỉ thị của Bộ chính trị về nhiệm vụ của Tạp chí Cộng sản		2
– Về việc kỷ niệm lần thứ 33 cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9		8
– Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết		11
– Tuyên bố của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia		12

Digitized by Google

APR 1 8 1978

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

The University
of Michigan
Periodical
Reading Room

H-1980



1.1978

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

RA SỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1978

TRONG hai năm đầu thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980), nhân dân ta đã giành được những thành tựu quan trọng.

Trên mặt trận nông nghiệp, phong trào làm thủy lợi, phục hóa, khai hoang, tăng vụ, v.v... đã phát triển với khí thế mạnh mẽ ở hầu khắp các địa phương. Trong hai năm qua, chúng ta đã tăng được 1 triệu ha gieo trồng, khai hoang được hơn 30 vạn ha. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp năm 1976 đã tăng 10,2% so với năm 1975. Riêng sản lượng lương thực tăng 17%. Năm 1977, thiên tai ác liệt, sản xuất lúa gặp khó khăn lớn, nhưng sản xuất màu đã có bước phát triển mới, tăng 12,5% về diện tích và sản lượng.

Trong điều kiện hết sức khó khăn về nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế, giá trị tổng sản lượng công nghiệp đã tăng hằng năm 12 — 13%. Khối lượng xây dựng cơ bản tăng hằng năm 30 — 40% — một nhịp độ chưa từng có trong những năm trước đây. Hệ thống giao thông vận tải được khôi phục và mở rộng một bước trong cả nước. Về nhiệm vụ xuất khẩu, chúng ta đã đạt được mức kim ngạch đề ra trong kế hoạch hai năm qua với mức tăng tương đối khá.

Việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc được tiếp tục đẩy mạnh; công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam đang được xúc tiến.

Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế, thể dục thể thao, v.v... tiếp tục phát triển mạnh, nhất là ở các tỉnh miền Nam.

Digitized by Google

Do những kết quả đạt được nói trên, **tình trạng nền kinh tế nước ta phụ thuộc nặng nề vào nước ngoài đã được khắc phục một bước.** *Dù còn tồn tại những sự không cân đối lớn,* **nền kinh tế nước ta vẫn đang ở xu thế đi lên.** *Đó là kết quả tổng quát của một sự phấn đấu phi thường của nhân dân ta, theo đường lối đúng đắn mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra. Có thấy rõ những khó khăn rất to lớn của nền kinh tế nước ta trước khi bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai, chúng ta mới hiểu được những kết quả nói trên là đáng quý biết nhường nào! Thật vậy, trước năm 1976, nước ta còn ở tình trạng làm không đủ ăn. Những vết thương chiến tranh chưa kịp hàn gắn; hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới còn rất nặng nề. Năm 1977 lại xảy ra thiên tai lớn, làm thiệt hại hàng triệu tấn lương thực. Trong tình hình cực kỳ khó khăn như vậy, những thành tựu kinh tế đạt được đã làm nổi bật nhiệt tình cách mạng của nhân dân ta và khả năng lãnh đạo của Đảng ta!*

Điều đáng mừng là trong hai năm qua, đã xuất hiện **một số nhân tố mới** *mang tính chất phong trào cách mạng của quần chúng. Hàng triệu người, trong đó có 50 vạn người lao động, từ các thành phố và các khu đông dân, đã đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Công cuộc tổ chức lại sản xuất và đời sống đi đôi với phân công lao động mới và điều hành lao động trên địa bàn huyện, đã giúp làm được nhiều việc lớn trong thời gian ngắn, tạo bước phát triển mới về kinh tế và tổ chức đời sống, góp phần củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Các tỉnh Nghệ-tĩnh, Thanh-hóa... ở miền Bắc và một số tỉnh ở miền Nam đã mở ra những công trường thủ công quy mô lớn, nhờ đó mà đẩy mạnh được nhiều mặt công tác quan trọng như: thủy lợi, khai hoang, v.v... Các kỹ sư và công nhân ta nêu cao tinh thần tự lực tự cường, đã chế thử và sản xuất mới một số thiết bị, máy móc và nguyên liệu, vật liệu trước đây phải nhập từ nước ngoài. Hàng chục vạn cán bộ và chiến sĩ quân đội chuyển sang làm kinh tế, đã bước đầu góp phần tích cực của mình vào sự nghiệp xây dựng đất nước.*

Những nhân tố mới đó chứng tỏ rằng nhân dân lao động nước ta, một khi đã giác ngộ về quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của mình, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì có thể làm những việc tưởng như không thể nào làm được. Đó là một sức mạnh to lớn sẽ đưa nền kinh tế nước ta vượt qua những khó khăn lớn để tiến lên mạnh mẽ.

Tuy nhiên, cần thấy rằng **sự phát triển của nền kinh tế nước ta chưa đi kịp yêu cầu và còn thấp xa so với tiềm lực hiện có.** *Sản xuất nông nghiệp năm 1977 hụt nhiều so với kế hoạch. Về sản xuất của các ngành công nghiệp nặng, một số loại sản phẩm về cơ khí, hóa chất,*

Digitized by Google

vật liệu xây dựng... cũng không đạt kế hoạch. Nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật trong hai năm qua chưa đạt được mức dự kiến của kế hoạch 5 năm cho thời gian đó. Giao thông vận tải còn là khâu rất yếu của nền kinh tế quốc dân. Đáng chú ý nhất là: **lực lượng lao động dồi dào của xã hội chưa được dùng hết và dùng tốt; đất đai, rừng, biển và các tài nguyên khác chưa được khai thác tốt, cơ sở vật chất — kỹ thuật chưa được sử dụng có hiệu quả.** Bên cạnh đó, tình hình sử dụng vật tư còn lãng phí nhiều. Giá thành của nhiều loại sản phẩm, của vận tải, của các công trình xây dựng... còn cao. Công tác lưu thông phân phối tiến bộ chậm và có nhiều khuyết điểm. Các hiện tượng tiêu cực trong xã hội như: tham ô, hối lộ, ăn cắp, cửa quyền, v.v... chậm được khắc phục. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

Tình hình nói trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra. Những nguyên nhân rất quan trọng là ở khâu **tổ chức quản lý kinh tế và chỉ đạo thực hiện.**

Các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở chưa vận dụng đầy đủ Nghị quyết Đại hội lần thứ IV và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương Đảng vào công tác xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Điều này thể hiện trước hết ở chỗ: chưa biết tận dụng lao động xã hội và năng lực sản xuất hiện có để khai thác những tiềm năng kinh tế của đất nước, chưa tập trung vào nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, chưa coi trọng nhiệm vụ xuất khẩu, còn có tư tưởng ỷ lại nặng vào bên ngoài và bên trên.

Việc bố trí kế hoạch chưa coi trọng liên kết các thế mạnh của ta về lao động, đất đai, rừng, biển và các tài nguyên khác với các điều kiện vật chất — kỹ thuật hiện có, để tạo ra thế đi lên vững chắc.

Việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch chưa toàn diện, thường chỉ chú ý sản lượng mà chưa coi trọng các chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật và chất lượng sản phẩm.

Một số chính sách, chế độ quản lý chậm được sửa đổi và bổ sung. Việc chấp hành pháp chế kinh tế không nghiêm túc.

Bộ máy quản lý kinh tế cồng kềnh, chưa phát huy đầy đủ hiệu lực của Nhà nước chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Kỷ luật không nghiêm, chưa kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong công tác quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, văn hóa và trong đời sống xã hội.

Chưa thực hiện tốt chức năng chỉ đạo, quản lý theo ngành và theo cấp.

Digitized by Google

Công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ, công tác vận động quần chúng đều chưa theo kịp tình hình, chưa bảo đảm tốt yêu cầu của việc quản lý kinh tế trong tình hình mới.

Ở miền Nam, nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa chưa được tiến hành khẩn trương. Nhà nước chưa nắm chắc được các phương tiện sản xuất và nguồn vật tư sinh hoạt cần thiết để chủ động tổ chức và phân bố lại lao động xã hội, điều hành guồng máy kinh tế theo đúng quỹ đạo của kế hoạch.

Những khuyết điểm nói trên phải được kiên quyết khắc phục. Có như vậy, chúng ta mới vượt qua được những khó khăn hiện nay, đưa nền kinh tế tiến lên vững chắc và chủ động.

★

NĂM 1978 – năm bản lề của kế hoạch 5 năm lần thứ hai — có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với việc hoàn thành kế hoạch 5 năm. Trong năm 1978 này, chúng ta phải tạo ra cho được một bước chuyển biến mạnh mẽ của nền kinh tế, làm đà cho việc thực hiện kế hoạch trong mấy năm còn lại.

Để thực hiện sự chuyển biến đó, cần nắm vững **những tư tưởng chỉ đạo** *sau đây:*

— Kết hợp chặt chẽ sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, kinh tế và quốc phòng, hình thành từng bước cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp trong phạm vi cả nước và trên địa bàn từng tỉnh, từng huyện. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng một bước các huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp.

Tập trung cao độ vào nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, đồng thời ra sức phát triển công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp, tích cực xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp nặng, trước hết là điện, cơ khí, luyện kim, giao thông vận tải, bảo đảm các quan hệ tỷ lệ hợp lý giữa các ngành kinh tế trong tình hình hiện nay của nền kinh tế quốc dân, nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển của nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng.

— Trên tinh thần tự lực tự cường, tích cực và chủ động, dựa vào nguồn vốn dồi dào và quý nhất là lực lượng lao động, khai thác nhanh nhất, tốt nhất đất, rừng, biển, các tài nguyên khác cùng với cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có và sắp có để tạo ra nhiều giá trị sử dụng theo yêu cầu phát triển kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu và cải thiện đời

Digitized by Google

sống nhân dân. Việc mở rộng quan hệ kinh tế với các nước phải nhằm nhanh chóng tạo nên thế chủ động, độc lập về kinh tế của nước ta.

Từng đơn vị sản xuất, từng ngành, trên cơ sở nắm chắc lao động và các phương tiện vật chất của mình, căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất và yêu cầu phát huy tốt năng lực sản xuất, phải sắp xếp và sử dụng hợp lý hết lao động theo các định mức tiến bộ để đạt năng suất cao. Ở nông thôn, lấy huyện làm địa bàn cân đối, sử dụng lao động và phân bố lại lao động, bảo đảm các nhiệm vụ sản xuất, xây dựng và phục vụ đời sống tại chỗ, đồng thời bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế chung.

— Nắm vững quy luật cao nhất trong quản lý kinh tế là **tiết kiệm thời gian lao động, tăng năng suất lao động.** *Phấn đấu giảm mức tiêu hao vật chất, nâng tỷ lệ sử dụng công suất máy móc, nâng cao chất lượng sản phẩm, thực hành triệt để tiết kiệm trong sản xuất, xây dựng và đời sống. Tiến hành kiểm tra tài chính gắn liền với kiểm kê vật tư, thiết bị, v.v..., phấn đấu hạ giá thành, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đặc biệt là vốn đầu tư xây dựng cơ bản.*

— Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, kết hợp chặt chẽ việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với việc phát triển lực lượng sản xuất và tổ chức lại sản xuất theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Cần nhận thức sâu sắc rằng việc xúc tiến cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là rất quan trọng và cấp bách. Có làm như vậy, chúng ta mới tạo được cơ sở vững chắc để đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế.

Phải nắm vững chuyên chính vô sản trong công tác quản lý, xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong hoạt động kinh tế và đời sống xã hội.

— Trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng, tạo thành một động lực mạnh mẽ để chuyển biến tình hình kinh tế, thúc đẩy việc cải tiến công tác quản lý kinh tế.

— Tích cực chuẩn bị các mặt cho sự phát triển sản xuất và xây dựng trên quy mô lớn trong các năm sau, đặc biệt coi trọng việc đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học — kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công tác quy hoạch, khảo sát, thiết kế.

Digitized by Google

Những tư tưởng chỉ đạo nói trên thể hiện sự vận dụng sáng tạo đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng vào việc xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước, có tính tới những kinh nghiệm thực tế mới thu được. Những tư tưởng ấy chỉ ra phương hướng đúng đắn cho công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch. Bởi vậy, việc quán triệt những tư tưởng ấy là điều tuyệt đối cần thiết để định ra kế hoạch đúng đắn và bảo đảm hoàn thành thắng lợi kế hoạch đã đề ra.

Trên cơ sở quán triệt những nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ hai và quán triệt những tư tưởng chỉ đạo nói trên, kế hoạch Nhà nước năm 1978 phải nhằm giải quyết **những nhiệm vụ kinh tế cấp bách** *sau đây:*

1 — Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trước hết là lương thực và thực phẩm.

2 — Ra sức phát triển sản xuất hàng tiêu dùng.

3 — Phát triển thêm nguồn điện, bảo đảm ổn định, điều hòa nguồn điện; đẩy mạnh sản xuất cơ khí

4 — Tăng nhanh số lượng và mặt hàng xuất khẩu.

5 — Phát triển giao thông vận tải, giải quyết tốt việc tiếp nhận hàng nhập khẩu và vận tải Bắc — Nam.

6 — Chấn chỉnh và đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản.

7 — Cải tiến và tăng cường công tác lưu thông phân phối.

8 — Xúc tiến cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Tăng cường và cải tiến quản lý kinh tế trong cả nước.

Tất cả những nhiệm vụ nói trên đều quan trọng, nhất là nhiệm vụ về nông nghiệp. Chúng ta phải ra sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tập trung giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm. Ở đây có vấn đề hiểu cho đúng quan hệ giữa toàn diện và trọng tâm. Phải nắm trọng tâm, nhưng không thể không làm toàn diện.

Để bảo đảm thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1978, chúng ta phải làm tốt những **biện pháp chính về lãnh đạo và quản lý sau đây:**

1 — Cải tiến một số khâu quan trọng và cấp bách trong công tác quản lý kinh tế.

Phải **đổi mới ngay công tác kế hoạch hóa** *theo hướng phát huy cao nhất mọi năng lực hiện có và khả năng tiềm tàng trong nước, trước hết là lực lượng lao động, đất đai và tài nguyên thiên nhiên phong phú của ta để khắc phục các khó khăn, các mặt chưa cân đối của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nghiêm chỉnh việc xây dựng kế*

Digitized by Google

hoạch từ dưới lên, hết sức coi trọng trách nhiệm và quyền chủ động của các ngành, các địa phương và cơ sở trong việc xây dựng kế hoạch.

Phải **sớm bổ sung, sửa đổi một số chính sách, chế độ về quản lý kinh tế** *như:*

Chính sách về nghĩa vụ lao động; quy chế cụ thể về phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương trên các lĩnh vực; chính sách thu mua bằng hợp đồng kinh tế hai chiều; chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu và gia công hàng xuất khẩu; một số vấn đề cấp bách về chính sách giá cả, chế độ tiền lương và tiền thưởng, tiêu chuẩn cung cấp lương thực và thực phẩm; chính sách cụ thể về tín dụng, đầu tư xây dựng cơ bản; chính sách cụ thể về phát triển kinh tế và văn hóa ở miền núi.

Phải soát lại các chính sách, chế độ quản lý kinh tế hiện hành, sửa ngay những chính sách, chế độ không phù hợp với tình hình mới; hủy bỏ ngay những thủ tục, thể lệ không hợp lý.

Thực hiện nhanh việc phân cấp quản lý kinh tế, tăng cường trách nhiệm và quyền hạn quản lý của các ngành, các địa phương và cơ sở.

Cần **chấn chỉnh việc quản lý sản xuất, quản lý lao động ở cơ sở;** *muốn vậy điều quan trọng trước tiên là phải quản lý chặt theo tiêu chuẩn và định mức tiến bộ, thực hiện tốt công tác hạch toán kinh tế, tạo nên phong cách lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm hao phí vật chất và hạ giá thành trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh. Tất cả các ngành và các cơ sở sản xuất phải phấn đấu đạt và vượt các tiêu chuẩn, định mức, năng suất lao động và các chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật của thời kỳ trước chiến tranh. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ khen thưởng, xử phạt theo kết quả thực hiện các tiêu chuẩn, định mức.*

Các ngành không trực tiếp sản xuất phải kiên quyết giảm nhẹ biên chế hành chính, giảm bớt khâu trung gian, chuyển một bộ phận lao động sang khu vực sản xuất.

Gấp rút **kiện toàn bộ máy quản lý và tăng cường cán bộ** *cho một số ngành và địa phương trọng điểm.*

Coi trọng việc **xây dựng các huyện** *thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp.*

2 — Tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng trong cả nước, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước, phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trên cơ sở đó, tổ chức và

Digitized by Google

phát động phong trào quần chúng trong cả nước hướng vào mục tiêu cụ thể trước mắt là: thi đua lao động với năng suất cao, thực hành tiết kiệm triệt để trong sản xuất và đời sống, xây dựng nền nếp quản lý, phong cách lao động và nếp sống mới, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong xã hội.

Hai mặt xây và chống của phong trào quần chúng có quan hệ khăng khít với nhau, và đều có ý nghĩa quan trọng. Phải lấy **xây** *làm chính, dựa vào những thành quả của xây (tức của năng suất lao động cao, của việc thực hiện tiết kiệm triệt để, của nếp quản lý mới, phong cách lao động mới và nếp sống mới) mà khắc phục những hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong xã hội. Song trong tình hình hiện nay, phải rất coi trọng mặt* **chống**, *vì có gạt bỏ được những cái tiêu cực, hư hỏng trong xã hội thì mới tạo được không khí thuận lợi cho phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm cũng như cho việc xây dựng nếp quản lý mới, phong cách lao động mới và nếp sống mới.*

Vì vậy, để bảo đảm và thúc đẩy phong trào quần chúng thi đua tăng năng suất lao động và thực hành tiết kiệm, qua đó mà xây dựng nếp quản lý mới, phong cách lao động mới và nếp sống mới, chúng ta phải tạo ra những điều kiện thuận lợi cho phong trào như: cung ứng vật tư đều đặn, chăm lo đời sống của người lao động, khuyến khích những người lao động giỏi và có năng suất cao cả về vật chất lẫn tinh thần, làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, v.v... Đồng thời, phải tiến hành mạnh mẽ cuộc đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong đời sống kinh tế và xã hội, trong tất cả các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở.

Phải tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, thường xuyên thực hành **tự phê bình và phê bình**. *Trong việc này, các cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành phải nghiêm khắc với mình và phải nêu gương tốt cho cấp dưới. Cần nghiêm khắc thi hành pháp luật của Nhà nước đối với những phần tử ăn cắp của công, hối lộ, lợi dụng chức vụ ức hiếp quần chúng, v.v... Động viên dư luận xã hội mạnh mẽ lên án, ngăn chặn và bài trừ những hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Đặc biệt là* **phải sử dụng đầy đủ sức mạnh của bộ máy chuyên chính vô sản, kết hợp các biện pháp giáo dục, kinh tế và hành chính để xóa bỏ các hiện tượng làm ăn phi pháp.**

3 — Cải tiến và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý kinh tế.

Trung ương Đảng và Chính phủ sẽ tập trung sức và dành nhiều thời gian để bàn bạc và giải quyết các vấn đề kinh tế, tài chính.

Để phát huy hiệu quả của lãnh đạo và quản lý, phải đẩy mạnh việc **xây dựng và cải tiến chế độ làm việc**, *thực hiện nghiêm chỉnh*

Digitized by Google

nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ làm việc tập thể, chế độ trách nhiệm cá nhân, chế độ thủ trưởng, chế độ kỷ luật trong công tác quản lý kinh tế và chế độ chuẩn bị chu đáo để quyết định chính xác và kịp thời các vấn đề kinh tế, kỹ thuật quan trọng.

Phải đặc biệt đề cao **chế độ trách nhiệm cá nhân,** *sao cho mỗi công việc đều có người chịu trách nhiệm rõ ràng, kết quả công việc tốt hay xấu phải được kiểm tra và kết luận dứt khoát.*

Kiên quyết **điều chỉnh, tăng cường cán bộ cho các ngành kinh tế.**

Cải tiến tác phong lãnh đạo và chế độ làm việc, bảo đảm cho guồng máy kinh tế từ trung ương xuống cơ sở hoạt động có hiệu quả cao, công việc được giải quyết nhanh, không qua nhiều tầng, nhiều nấc.

Làm tốt hơn nữa việc **chỉ đạo trọng điểm** *để rút được kinh nghiệm tốt chỉ đạo phong trào chung.*

★

SAU khi Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về kế hoạch Nhà nước năm 1978, các ngành, các cấp cần tổ chức tốt việc truyền đạt để mọi người nắm vững nội dung của Nghị quyết và thi hành đúng đắn.

Việc truyền đạt Nghị quyết phải đạt được những yêu cầu sau đây:

– Đánh giá đúng tình hình khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa của cả nước và của ngành, địa phương, đơn vị mình trong hai năm qua, khẳng định những nhân tố mới và những thành tựu đã đạt được, thấy rõ những thiếu sót, những chỗ yếu và những vấn đề phải tiếp tục giải quyết, nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với việc thực hiện kế hoạch Nhà nước trong năm 1978.

– Trên cơ sở thấu suốt phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch kinh tế và văn hóa của cả nước, xây dựng kế hoạch của ngành, địa phương, của đơn vị một cách tích cực và vững chắc, xác định những biện pháp mấu chốt để thực hiện kế hoạch.

– Trên cơ sở nâng cao ý thức làm chủ tập thể, tinh thần tự lực tự cường, cách mạng tiến công, ý thức tổ chức và kỷ luật, phấn đấu để **đạt một chuyển biến mạnh mẽ và sâu sắc về tổ chức và quản lý** *và phát động cho được ngay từ đầu năm 1978 một phong trào quần chúng sôi nổi, liên tục, đồng khởi thi đua, bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước.*

Nội dung truyền đạt Nghị quyết phải đầy đủ đồng thời tập trung vào 3 trọng điểm.

Digitized by Google

– Quan điểm về quản lý và kế hoạch hóa : dựa vào lực lượng lao động dồi dào của đất nước ta, khai thác nhanh nhất, tốt nhất đất, rừng, biển, các tài nguyên khác, cùng với cơ sở vật chất – kỹ thuật mà ta có, để phát triển kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu và cải thiện đời sống... Ở nông thôn, lấy huyện làm địa bàn để cân đối sử dụng lao động và phân bố lại lao động, bảo đảm các nhiệm vụ sản xuất, xây dựng và tổ chức đời sống tại chỗ, đồng thời bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế chung. Phải truyền đạt cho tốt nội dung mới này để phát huy tính tích cực, tính sáng tạo của ngành, cấp, đơn vị trong việc xem xét lại, bổ sung kế hoạch năm 1978 và xây dựng kế hoạch 5 năm.

– 8 nhiệm vụ kinh tế cấp bách của năm 1978, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm. Khi truyền đạt về nhiệm vụ nông nghiệp và lương thực phải gắn chặt với nội dung Nghị quyết Trung ương lần thứ hai và không được xa rời cách nhìn toàn diện, đặt nông nghiệp và lương thực trong kế hoạch 5 năm và trong cơ cấu chung, cơ cấu công – nông nghiệp của nền kinh tế quốc dân.

– Nhấn mạnh **trách nhiệm phải vươn lên nhanh về tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện** *theo hướng đã xác định trong Nghị quyết Đại hội IV. Mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi cơ sở phải bắt tay vào những việc làm thiết thực, có hiệu lực, sửa ngay những việc thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình, không chờ đợi. Trong công việc này, phải nêu cao tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, luôn luôn kết hợp xây và chống, tiến hành trong Đảng, trong cơ quan Nhà nước, trong các tổ chức quần chúng.*

Việc truyền đạt Nghị quyết là quan trọng, song quan trọng hơn là phải tích cực **thi hành Nghị quyết.** *Điều này đòi hỏi ở các tổ chức Đảng một tinh thần trách nhiệm cao trước lợi ích của Tổ quốc và nhân dân, một quyết tâm lớn trong việc phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, một ý thức tổ chức và kỷ luật mạnh mẽ, một trình độ lãnh đạo được nâng cao trên cơ sở nắm được những quy luật kinh tế, những kiến thức về quản lý và khoa học – kỹ thuật, đồng thời có lác phong lãnh đạo sâu sát, gắn bó với quần chúng. Và trên hết là phải có một lập trường giai cấp vững vàng thấm nhuần tinh cách mạng và tinh khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, cũng tức là thấm nhuần đường lối, quan điểm cách mạng đúng đắn của Đảng.*

Tất cả cán bộ và đảng viên của Đảng hãy nêu cao tinh thần đấu tranh cách mạng và tinh tiên phong, gương mẫu của mình, cùng với toàn thể nhân dân ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1978, từ đó tiến lên hoàn thành toàn diện kế hoạch 5 năm lần thứ hai của Nhà nước ta.

Digitized by Google

KHÔNG THẾ LỰC PHẢN ĐỘNG NÀO PHÁ HOẠI ĐƯỢC TÌNH ĐOÀN KẾT HỮU NGHỊ GIỮA NHÂN DÂN HAI NƯỚC VIỆT-NAM VÀ CAM-PU-CHIA

GIỮA hai dân tộc Việt-nam và Cam-pu-chia vốn có truyền thống đoàn kết hữu nghị lâu đời. Hai dân tộc chúng ta cùng bị bọn thực dân, đế quốc áp bức, bóc lột trong gần một thế kỷ. Cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung để giành độc lập dân tộc đã gắn bó nhân dân hai nước chúng ta bằng mối tình hữu nghị vĩ đại.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nhân dân Việt-nam nhận thức rằng một dân tộc đi áp bức một dân tộc khác thì không có tự do, mỗi dân tộc dù lớn hay nhỏ đều có quyền tự quyết, các dân tộc bị áp bức phải đoàn kết cùng nhau chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc để giành lại độc lập. Đoàn kết với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia là chính sách trước sau như một của Đảng cộng sản Việt-nam, của Chính phủ và nhân dân Việt-nam. Trong cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc, nhân dân ta luôn luôn có ý thức vì độc lập tự do của mình, đồng thời vì sự nghiệp giải phóng chung của ba dân tộc sống trên bán đảo Đông-dương. Quân và dân ta đã làm hết sức mình để giúp đỡ quân và dân Cam-pu-chia đánh thắng kẻ thù chung, đồng thời đã nhận được sự giúp đỡ quý báu của nhân dân Cam-pu-chia cũng như của nhân dân Lào anh em. Chúng ta chủ trương phát triển quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt-nam và Cam-pu-chia, làm hết sức mình để củng cố và tăng cường sự tin cậy lẫn nhau, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ nhau trên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Về vấn đề biên giới giữa hai nước Việt-nam và Cam-pu-chia, chúng ta chủ trương xây dựng đường biên giới hữu nghị lâu dài giữa hai nước theo nguyên tắc công bằng và hợp lý, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của nhau, đồng thời tăng cường

Digitized by Google

tình đoàn kết và quan hệ hợp tác anh em giữa hai nước.

Trong những năm qua, Đảng và Chính phủ ta kiên trì chủ trương trên đây, nhưng tiếc rằng nhà cầm quyền Cam-pu-chia đã không ngừng gây hằn thù dân tộc và xâm phạm lãnh thổ Việt-nam, làm cho quan hệ giữa hai nước ngày càng xấu đi nghiêm trọng.

Ngay sau khi nước Cam-pu-chia được giải phóng, nhà cầm quyền Cam-pu-chia đã đối xử rất tàn tệ với kiều dân Việt-nam ở Cam-pu-chia, giết hại hàng nghìn người, cướp đoạt tài sản của hàng vạn người khác và đuổi họ về Việt-nam. Ngày 4-5-1975 quân đội Cam-pu-chia đã tiến công đảo Phú-quốc. Ngày 8-5-1975 họ xâm lấn lãnh thổ Việt-nam ở nhiều nơi từ Hà-tiên đến Tây-ninh. Ngày 10-5-1975 họ đánh chiếm đảo Thổ-chu. Từ đó và trong suốt hai năm qua quân đội Cam-pu-chia liên tiếp xâm phạm lãnh thổ Việt-nam một cách có hệ thống và quy mô ngày càng lớn.

Đặc biệt nghiêm trọng là từ tháng 4-1977 đến nay, nhà cầm quyền Cam-pu-chia đã sử dụng lực lượng vũ trang gồm nhiều sư đoàn có pháo binh yểm trợ, nhiều lần tiến công vào các vùng đất Việt-nam từ Hà-tiên đến Tây-ninh. Quân đội Cam-pu-chia đã liên tiếp pháo kích vào các vùng đông dân, kể cả các vùng nằm sâu trong lãnh thổ Việt-nam như thị xã Châu-đốc và các thị trấn Hà-tiên, Tịnh-biên. Quân đội Cam-pu-chia kéo đến đâu là gây ra cảnh chết chóc, tàn phá đến đó. Họ đã cướp của, đốt nhà, phá hoại chùa chiền, trường học, bệnh xá, hãm hiếp phụ nữ, mổ bụng người có thai, chặt đầu moi gan người lớn, tàn sát trẻ em, ném xác vào lửa. Nhiều gia đình Việt-nam đã bị quân đội Cam-pu-chia giết sạch không còn một người nào sống sót. Hàng nghìn người Việt-nam đã bị quân đội Cam-pu-chia giết chết. Hàng nghìn người khác đã bị thương. Hàng vạn người dân thường phải sơ tán vào sâu trong nội địa. Nhiều trâu bò bị cướp mang đi. Hàng vạn héc ta ruộng đất phải bỏ hoang, không cấy, gặt được. Công cuộc lao động hòa bình của nhân dân Việt-nam ở vùng biên giới bị phá hoại nghiêm trọng. Những thiệt hại về người và của mà quân đội Cam-pu-chia đã gây ra trên lãnh thổ Việt-nam trong hơn hai năm qua là vô cùng to lớn. Quân đội Cam-pu-chia đã gây ra trên đất nước ta những tội ác cực kỳ dã man.

Trước hành động của nhà cầm quyền Cam-pu-chia liên tục xâm phạm lãnh thổ Việt-nam, tàn sát nhân dân Việt-nam, cướp bóc của cải của người Việt-nam, quân và dân Việt-nam ở vùng biên giới đã buộc phải chiến đấu để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tính mạng, tài sản và cuộc sống yên lành của mình.

Hành động của quân và dân ta là hành động tự vệ chính đáng. Vậy mà nhà cầm quyền Cam-pu-

Digitized by Google

chia lại đổi trắng thay đen, vu cáo thô bạo Việt-nam. Lời lẽ bịa đặt và vu khống của nhà cầm quyền Cam-pu-chia không thể che đậy được sự thật đã rõ như ban ngày.

Với thiện chí bảo vệ tình đoàn kết giữa nhân dân hai nước, Chính phủ Việt-nam đã nhiều lần gửi công hàm chính thức đề nghị với nhà cầm quyền Cam-pu-chia có cuộc gặp gỡ giữa hai bên để giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước nhưng không được nhà cầm quyền Cam-pu-chia đáp ứng. Từ tháng 4-1977, nhà cầm quyền Cam-pu-chia đã cắt đứt liên hệ giữa Ban liên lạc của hai bên để giải quyết những va chạm giữa biên giới, nhiều lần từ chối đề nghị của Việt-nam về việc đàm phán để giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước. Cũng từ đó, họ đã tăng cường xâm phạm lãnh thổ của Việt-nam với quy mô ngày càng lớn.

Coi trọng tình đoàn kết chiến đấu và hữu nghị anh em giữa nhân dân hai nước, chúng ta đã hết sức kiên nhẫn. Quân và dân ta ở vùng biên giới đã hết sức tự kiềm chế, nhưng chúng ta càng kiên nhẫn, càng tự kiềm chế, thì nhà cầm quyền Cam-pu-chia càng cho là chúng ta yếu và càng lấn tới.

Ngày nay, mặc dù quan hệ giữa hai nước ngày càng xấu đi do nhà cầm quyền Cam-pu-chia gây ra, chúng ta vẫn chủ trương kiên trì bảo vệ tình đoàn kết và hữu nghị Việt-nam Cam-pu-chia. Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam ngày 31-12-1977 đã chỉ rõ: «Một lần nữa, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đề nghị hai bên gặp nhau càng sớm càng tốt, ở bất cứ cấp nào để cùng nhau trên tinh thần hữu nghị anh em giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước».

Các bản tuyên bố của chính phủ Cam-pu-chia trong thời gian gần đây đã vu cáo thô bạo Việt-nam và bác bỏ đề nghị của Chính phủ Việt-nam về việc cùng nhau đàm phán để giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước.

Trả lời phỏng vấn của Thông tấn xã Việt-nam ngày 4-1-1978, Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đã nói rõ: «Việc đàm phán về vấn đề biên giới giữa hai nước lúc này là cấp bách. Với quyết tâm giữ gìn tình hữu nghị vĩ đại giữa hai dân tộc, với thiện chí cùng nhau xây dựng đường biên giới hữu nghị lâu dài, có lợi cho sự nghiệp bảo vệ độc lập và xây dựng hòa bình của mỗi nước, chúng ta sẵn sàng ngồi ngay vào bàn hội nghị với Cam-pu-chia ở bất cứ cấp nào để cùng Cam-pu-chia giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước. Nếu phía Cam-pu-chia tiếp tục gây hằn thù dân tộc, tiếp tục xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt-nam, gây tội ác đối với nhân dân Việt-nam và một mực cự tuyệt đàm phán thì họ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm».

Digitized by Google

Việt-nam và Cam-pu-chia là hai nước láng giềng anh em, trước đây cùng chung một cảnh ngộ bị bọn đế quốc xâm chiếm, đã cùng nhau đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung và cùng giành thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Cam-pu-chia là một nhân tố có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ nền độc lập của Việt-nam. Vì vậy chúng ta trước sau như một ra sức giữ gìn tình đoàn kết chiến đấu và tình hữu nghị anh em với nhân dân Cam-pu-chia, chống lại âm mưu chia rẽ của bọn đế quốc và phản động trên thế giới.

Chính sách của nhà cầm quyền Cam-pu-chia gây hằn thù dân tộc và xâm phạm lãnh thổ của Việt-nam đi ngược lại lợi ích dân tộc chân chính của nhân dân Cam-pu-chia, phá hoại tình hữu nghị anh em giữa nhân dân hai nước. Đi ngược lại lợi ích hòa bình ở khu vực này. Chính sách này được bọn đế quốc và phản động quốc tế có tham vọng lớn ở Đông-Nam Á hoan nghênh và khuyến khích. Đây là một chính sách cực kỳ nguy hiểm.

Chúng ta rất quý trọng nền độc lập dân tộc của mình, cho nên chúng ta tôn trọng nền độc lập dân tộc của Cam-pu-chia. Chúng ta biết rõ rằng nhân dân Cam-pu-chia đã từng sát cánh cùng nhân dân Việt-nam chiến đấu để giành độc lập, nhất định sẽ bảo vệ tình đoàn kết giữa hai dân tộc Việt-nam – Cam-pu-chia, không cho phép bọn đế quốc và phản động chia rẽ, phá hoại. Chúng ta tin chắc rằng những người có lương tri trên thế giới cũng sẽ góp phần tích cực vào việc củng cố tình đoàn kết giữa Việt-nam và Cam-pu-chia, không làm điều gì tổn thương đến tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Digitized by Google

NẮM VỮNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG* TRONG CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

NGUYỄN - DUY - TRINH

NGHỊ quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ: « Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, sâu sắc và triệt để. Đó là quá trình kết hợp cải tạo với xây dựng, mà xây dựng là chủ yếu » (1). Cũng như bất cứ quá trình phát triển của tự nhiên hoặc xã hội nào, quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là « cuộc đấu tranh gay go, kịch liệt và lâu dài giữa cái xấu và cái tốt, giữa cái cũ và cái mới, giữa cái thoái bộ và cái tiến bộ, giữa cái đang suy tàn và cái đang phát triển. Kết quả là cái mới, cái đang tiến bộ nhất định thắng » (2).

Cải tạo và xây dựng vốn có mối quan hệ hữu cơ có tính quy luật. Cải tạo nói ở đây là cải tạo xã hội cũ về mọi mặt, trong đó cơ bản nhất là cải tạo quan hệ sản xuất. Xây dựng nói ở đây là xây dựng toàn bộ xã hội mới, trong đó cơ bản nhất là xây dựng lực lượng sản xuất mới. Nhưng cải tạo phải đặt trong mối quan hệ khăng khít với xây dựng, cũng như xây dựng phải đặt trong mối quan hệ khăng khít với cải tạo.

Cái đích mà chúng ta nhằm là xây dựng thành công xã hội mới. Với ý nghĩa đó, xây dựng là chủ chốt. Nhưng chỉ có thể xây dựng thành công trên cơ sở cải tạo đạt kết quả, và ngược lại chỉ có thể

(*) Có thể hiểu từ « cải tạo » với nghĩa rộng, ví như khi Hồ Chủ tịch nói « cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới » (Vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, trang 178), trong trường hợp này, « cải tạo » bao gồm cả cải tạo và xây dựng; thông thường, từ « cải tạo » được dùng theo nghĩa hẹp hơn, là một mặt trong hai mặt : cải tạo và xây dựng.

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 18.

(2) Hồ-Chí-Minh : *Con người xã hội chủ nghĩa*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, trang 93.

Digitized by Google

cải tạo triệt để khi xây dựng thành công.

Cái cũ, cái lạc hậu thường sống dai dẳng, ngoan cố, không chịu tự rút khỏi đời sống xã hội, mà trái lại nó tìm mọi cách giữ nguyên vị trí cũ và cưỡng lại cái mới. Có khi trong thời kỳ đầu, cái cũ lại mạnh hơn cái mới. Không xóa được cái cũ thì cái mới không thể nảy sinh, trưởng thành và phát triển. Nhưng cũng chỉ khi nào xây dựng được cái mới, xác định được vị trí ưu thế của cái mới, thì mới có thể xóa bỏ được cái cũ, mới có sức mạnh để chiến thắng cái cũ.

Vì vậy, phải đặt công cuộc cải tạo và xây dựng trong một thể thống nhất, bao gồm xóa bỏ cái cũ, lỗi thời, và tạo nên cái mới, tiến bộ.

Nhận định của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng phản ánh sự **tổng kết những kinh nghiệm phong phú** của hơn 20 năm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (từ năm 1954 đến năm 1975), của hơn 2 năm qua từ khi cả nước chuyển sang giai đoạn mới, cùng làm một nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhận định đó phản ánh sự **vận dụng một cách sáng tạo học thuyết của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** và những kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em vào điều kiện cụ thể của nước ta.

Vì vậy, nhận định đó trở thành **tư tưởng chủ đạo chung nhất**, có tác dụng hướng dẫn toàn bộ các mặt công tác cách mạng của mọi ngành, mọi cấp trong quá trình thi hành nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

★

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta đã trải qua một quá trình cải tạo và xây dựng phong phú, phản ánh tính phổ biến của những quy luật chung, đồng thời mang những nét đặc thù do điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội cụ thể.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (năm 1960) vạch rõ: «Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là hai mặt khăng khít của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta».

Sau khi cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế thắng lợi, miền Bắc đã khẩn trương chuyển ngay vào thời kỳ tiến hành những cuộc **cải tạo xã hội chủ nghĩa** quy mô lớn, đồng thời tiến hành một bước việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Thành quả có ý nghĩa lịch sử là đã xóa bỏ được các giai cấp bóc lột và chế độ người bóc lột người, hợp tác hóa nông nghiệp, tổ chức lại thợ thủ công và tiểu thương, tiến hành các mặt cải tạo một cách đồng bộ, nhịp nhàng, có

Digitized by Google

tác động qua lại tích cực giữa cải tạo ở nông thôn với cải tạo ở thành phố, cải tạo trên lĩnh vực sản xuất với cải tạo trên lĩnh vực lưu thông, và ngày càng gắn bó cải tạo với xây dựng.

Thành quả lịch sử đó chứng minh một luận điểm rất quan trọng về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của một nước mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ : sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, có thể dựa vào chuyên chính vô sản, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa mà không chờ cơ khí hóa nền kinh tế, để xây dựng một bước chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xác lập quan hệ sản xuất mới, tạo ra một bước lực lượng sản xuất mới, mở đường cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Đi đôi với cải tạo xã hội chủ nghĩa, **công cuộc phát triển kinh tế** qua các kế hoạch Nhà nước đã tăng cường một bước rõ rệt cơ sở vật chất — kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân, sáng tạo nhiều kinh nghiệm thực tế để từng bước cụ thể hóa và phát triển đường lối kinh tế của Đảng.

Một thành công đặc sắc của miền Bắc là trong vòng 8 năm đã thực hiện nhanh, gọn 4 lần chuyển hướng kinh tế từ thời bình sang thời chiến, rồi lại từ thời chiến sang thời bình, giữ vững và có mặt phát triển tiềm lực kinh tế, làm tròn nghĩa vụ chi viện miền Nam và nghĩa vụ quốc tế trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời chuẩn bị cho hướng tiến lên của cả nước sau ngày toàn thắng.

Ngày càng thể hiện toàn diện và sâu sắc quan hệ hữu cơ giữa cải tạo và xây dựng, đường lối của Đảng dần dần được bổ sung và phát triển, với nội dung cơ bản là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

Nhiều bài học thấm thía những năm qua, trên nhiều lĩnh vực, trong nông nghiệp và lâm nghiệp, trong công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, trong lưu thông và phân phối, đều chỉ rõ rằng nhiều vấp váp và tổn thất là do không biết kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, hoặc quá nặng về một mặt đến mức thiên lệch, hoặc tiến hành từng mặt một cách đơn độc, hoặc trong mức độ nào đó tách rời nhau.

Ở đây chúng ta không đi sâu vào kinh nghiệm trong từng ngành, từng lĩnh vực, cũng không đi sâu vào những kinh nghiệm chuyên về cải tạo hoặc những kinh nghiệm chuyên về xây dựng, mà xét **những kinh nghiệm chung về quan hệ kết hợp giữa cải tạo với xây dựng.**

Digitized by Google

Trong phạm vi ấy, có thể nêu lên mấy kinh nghiệm như sau:

1 – Trong một thời gian khá dài, chúng ta hiểu cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách quá đơn giản, thậm chí có lúc hầu như cho rằng cải tạo chỉ có nghĩa là biến sở hữu cá thể thành sở hữu tập thể.

Năm 1960, miền Bắc đã thực hiện nhanh gọn việc xác lập chế độ sở hữu công cộng đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu (*). Lúc đó, một số đông chí vội vã cho rằng như thế là đã cơ bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách toàn diện, vì vậy trong một số năm đã buông lơi việc tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, và từ đó cũng làm chậm trễ sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Kinh nghiệm thực tiễn giúp chúng ta xác định nội dung đầy đủ của cải tạo quan hệ sản xuất, bao gồm việc xác lập và không ngừng nâng cao chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, việc tạo ra và không ngừng cải tiến quan hệ xã hội chủ nghĩa về phân phối sản phẩm, việc tổ chức và không ngừng hoàn thiện các quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa các giai cấp, các tập thể người lao động trong quá trình sản xuất và tái sản xuất.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng, khi kiểm điểm khuyết điểm về lãnh đạo nông nghiệp, đã vạch rõ: « Trong một thời gian khá dài, không nhận rõ hợp tác hóa nông nghiệp là để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa trước hết là để củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chưa kết hợp ngay từ đầu công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, phần nào **tách rời phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp**; không nhận rõ sự gắn bó chặt chẽ giữa cải tạo quan hệ sản xuất với phát triển lực lượng sản xuất, giữa thay đổi chế độ sở hữu với xây dựng chế độ quản lý mới, chế độ phân phối mới... ».

2 – Trong một thời gian khá dài, chúng ta chưa gắn chặt được việc củng cố quan hệ sản xuất mới với việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật mới, chưa vận dụng được trong thực tế quan hệ nhân – quả hai chiều giữa cải tạo và xây dựng.

Lẽ ra mỗi bước phát triển lực lượng sản xuất phải đi liền với một bước hoàn thiện tương ứng của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, và mỗi bước cải tiến quan

(*) Cuối năm 1960, ở nông thôn, việc cải tạo nông nghiệp theo hình thức hợp tác xã bậc thấp, đã căn bản hoàn thành. Hơn 85% số nông hộ đã vào hợp tác xã với 68,06% diện tích ruộng đất, trong đó đã có 11,81% số hộ tham gia hợp tác xã bậc cao.

Ở thành thị, 100% số hộ tư sản công nghiệp, 98% số hộ tư sản thương nghiệp, và 99% phương tiện vận tải cơ giới thuộc diện cải tạo đã được cải tạo theo chủ nghĩa xã hội.

20 vạn thợ thủ công (87,9% tổng số thợ thủ công) đã gia nhập các hình thức hợp tác xã.

10,5 vạn người buôn bán nhỏ (45% tổng số những người buôn bán nhỏ) đã tham gia các hình thức hợp tác, và gần 5 vạn người chuyển hẳn sang sản xuất, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Digitized by Google

hệ sản xuất phải dẫn tới một bước phát triển tương ứng của lực lượng sản xuất. Nhưng trong một số năm, chúng ta đã phần nào tách rời giữa hai mặt.

Khi muốn phát huy tính hơn hẳn của quan hệ sản xuất mới và giải quyết những vấn đề còn phải giải quyết về quan hệ sản xuất, thì quanh quẩn tìm chủ trương và biện pháp đơn thuần trong những yếu tố của quan hệ sản xuất. Khi muốn đẩy mạnh lực lượng sản xuất phát triển, thì cũng đã quanh quẩn tìm chủ trương và biện pháp đơn thuần trong những yếu tố về cơ sở vật chất – kỹ thuật. Như vậy, tính thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất bị vi phạm, tổng thể kinh tế bị nhìn một cách chia cắt, sức mạnh tổng hợp không phát huy được, mà từng mặt lực lượng sản xuất hoặc quan hệ sản xuất cũng không thể phát triển mạnh mẽ.

Kinh nghiệm ấy giúp chúng ta ngày càng nhận rõ và vận dụng tốt hơn quan hệ biện chứng giữa cải tạo với xây dựng. Mỗi thành quả về cải tạo, ngay từ đầu, đều không thể tách khỏi tác dụng của xây dựng, và mỗi thành quả về xây dựng đều không tách khỏi tác dụng của cải tạo.

Không phải là công việc cải tạo chỉ đặt ra đối với quan hệ sản xuất, và công việc xây dựng chỉ đặt ra đối với lực lượng sản xuất. Cách hiểu và cách làm như vậy có phần máy móc và giản đơn. Trên mọi lĩnh vực của sự nghiệp cách mạng, về quan hệ sản xuất cũng như về lực lượng sản xuất, về kinh tế cũng như về chính trị, tư tưởng và văn hóa, đều có cả cải tạo và xây dựng, hai mặt kết hợp chặt chẽ với nhau.

3 — Thực tiễn cách mạng dần dần làm nổi bật nhiệm vụ tổ chức lại nền sản xuất xã hội, ở quy mô toàn bộ kinh tế quốc dân, trong từng ngành, trên từng địa bàn và tại các loại đơn vị kinh tế cơ sở.

Tổ chức lại sản xuất là điểm quy tụ kết quả xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật với kết quả xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Tổ chức lại sản xuất là vận dụng tổng thể các lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, bố trí cơ cấu mới của nền kinh tế, kết hợp cân đối giữa các yếu tố của sản xuất là sức lao động, đất đai, rừng, biển và các thiết bị, máy móc, công cụ, vật tư, gắn bó chặt chẽ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, khiến cho mọi năng lực sản xuất hiện có ở vào thế tốt nhất để phát huy tác dụng, đạt năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh cao.

Tổ chức lại sản xuất bản thân nó làm nảy nở những lực lượng sản xuất mới, song như vậy chưa đủ. Đi đôi với tổ chức lại sản xuất, phải xây dựng thêm cơ sở vật chất – kỹ thuật mới.

Hai mặt tổ chức lại sản xuất và tăng cường cơ sở vật chất – kỹ

Digitized by Google

thuật có liên quan mật thiết với nhau. Tổ chức lại sản xuất là huy động lực lượng hiện có và tiềm tàng, tạo tiền đề để tiếp thu và vận dụng tốt cơ sở vật chất – kỹ thuật mới, đề ra yêu cầu và chỉ rõ phương hướng, nội dung, địa bàn tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật. Dựa trên thành quả tổ chức lại sản xuất, việc tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật mới tạo thêm những lực lượng cần thiết để tổ chức hợp lý nền kinh tế, tạo ra cơ cấu sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

4 – Trong công cuộc kết hợp cải tạo với xây dựng, chúng ta dần dần nhận rõ sự cần thiết và khả năng bao quát toàn bộ kinh tế quốc dân, quán xuyến cả nước trên quan điểm toàn cục, coi nền kinh tế như một cơ thể thống nhất. Trong tổng thể đó, chúng ta dần dần nhận rõ tính chất nền tảng của các đơn vị kinh tế cơ sở, tầm quan trọng cơ bản của các ngành kinh tế – kỹ thuật chuyên môn hóa trong phạm vi cả nước, vai trò chiến lược của các cơ cấu kinh tế ở địa phương.

Những năm gần đây, do ngày càng quán triệt hơn quan điểm kết hợp cải tạo với xây dựng, do những cố gắng tìm tòi phương thức tốt và địa bàn thích hợp để thực hiện sự kết hợp ấy, chúng ta đã phát hiện ra vị trí trọng yếu của kinh tế huyện trên con đường tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tỉnh là một địa bàn chiến lược, với chừng 2 triệu dân, có cơ cấu công – nông nghiệp. Huyện là địa bàn thích hợp để liên kết công nghiệp với nông nghiệp, sở hữu toàn dân với sở hữu tập thể, thành thị với nông thôn, thể hiện quyền làm chủ tập thể của hai giai cấp công nhân và nông dân trong cải tạo và xây dựng. Huyện là địa bàn thích hợp để tổ chức sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu dùng, thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân, đồng thời làm tròn nghĩa vụ với cả nước. Huyện là địa bàn thích hợp để phát triển kinh tế và văn hóa, giữ gìn trật tự, an ninh, củng cố quốc phòng, tóm lại là xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, với chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới.

Để phát huy vai trò quan trọng của huyện, việc xây dựng huyện cần được tiến hành phù hợp với quy hoạch chung của cả nước và quy hoạch của tỉnh, gắn bó với cấp trên và cấp dưới theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thể hiện đúng đắn các mối quan hệ kinh tế ngang và dọc giữa cơ cấu kinh tế huyện với các ngành kinh tế – kỹ thuật, với cơ cấu kinh tế tỉnh và với các xí nghiệp, các hợp tác xã trong huyện.

Như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ, những kinh nghiệm về cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc, kể cả những thành công rực rỡ

Digitized by Google

và những khuyết điểm, thiếu sót, đều là cái vốn rất quý đối với cả nước ta, để xác định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, kết hợp nhuần nhuyễn cải tạo và xây dựng trong giai đoạn mới.

★

Dưới ánh sáng của đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng quyết định, với những đặc điểm mới của nước ta, quá trình đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội **càng đòi hỏi hơn trước** phải kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng. Đồng thời, ngày nay chúng ta có nhiều **điều kiện** thuận lợi hơn, nhiều **năng lực** vật chất và tinh thần hơn, nhiều **kiến thức** và **kinh nghiệm** hơn để kết hợp tốt giữa cải tạo với xây dựng, ở các tỉnh miền Bắc, ở các tỉnh miền Nam, và trong cả nước.

Đường lối chung và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thấm nhuần quan điểm kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, cải tạo để xây dựng, xây dựng để cải tạo, trong cải tạo có xây dựng, trong xây dựng có cải tạo, mà xây dựng là chủ yếu. Toàn bộ quá trình kết hợp cải tạo và xây dựng đó nhằm tạo ra cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới, cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới, cả đời sống vật chất và đời sống văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Khi chúng ta nói: «trong cải tạo có xây dựng, trong xây dựng có cải tạo», điều đó **không có nghĩa là chúng ta đồng nhất hoàn toàn cải tạo với xây dựng**, đưa đến kết luận hoặc chỉ cần tiến hành cải tạo, hoặc chỉ cần tiến hành xây dựng. Không phải thế. Công tác cải tạo một chừng mực nào có ý nghĩa và tác dụng xây dựng, chứ không phải toàn bộ công tác cải tạo tức là toàn bộ công tác xây dựng. Cũng như vậy, công tác xây dựng một chừng mực nào có ý nghĩa và tác dụng cải tạo, chứ không phải toàn bộ công tác xây dựng tức là toàn bộ công tác cải tạo.

Trong cả nước ta, ở các tỉnh miền Nam (mà nhiệm vụ hiện nay là xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa kết hợp với xây dựng chủ nghĩa xã hội) cũng như ở các tỉnh miền Bắc (mà nhiệm vụ hiện nay là củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới kết hợp với đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa), **nội dung kết hợp giữa cải tạo và xây dựng về kinh tế** đại thể như sau:

Cải tạo về kinh tế là cải tạo quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và cá thể, cải tạo các cơ sở vật chất — kỹ thuật và lực lượng sản xuất hiện có, cải tạo tổ chức sản xuất cũ.

Xây dựng về kinh tế là xây dựng quan hệ sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật và lực lượng sản xuất, xây dựng tổ chức sản xuất của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Nói rõ hơn là:

1 – Xác lập và hoàn thiện quan hệ sở hữu công cộng (toàn dân và tập thể) đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu; xác lập và hoàn thiện quan hệ xã hội chủ nghĩa về phân phối; xác lập và hoàn thiện quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa các giai cấp, các tập thể người lao động trong sản xuất và tái sản xuất.

2 – Xây dựng và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo và thật sự có tính hơn hẳn trong nền kinh tế về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật và các lực lượng sản xuất khác của chủ nghĩa xã hội.

3 – Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu kinh tế mới, thông qua việc tổ chức lại nền sản xuất, vận dụng và bố trí hợp lý tổng thể các lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

4 – Xây dựng và hoàn thiện phương thức quản lý kinh tế mới, lấy kế hoạch làm chính, gắn liền với các chính sách, chế độ quản lý kinh tế khác; xây dựng và thực hiện đúng các định mức kinh tế – kỹ thuật, các quy trình, quy phạm kỹ thuật tiến bộ; xây dựng và tăng cường bộ máy quản lý kinh tế, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đủ sức tiến hành tốt toàn bộ công cuộc cải tạo và xây dựng.

Theo những nội dung trên đây, có thể thấy ngay rằng cải tạo và xây dựng không hoàn toàn đồng nhất với nhau, nhưng có từng phần lồng vào nhau, chập lại với nhau, và toàn bộ hoạt động cải tạo phải được kết hợp chặt chẽ với toàn bộ hoạt động xây dựng.

Nội dung xây dựng bao gồm cả việc xây dựng hệ thống quản lý kinh tế mới (là khối thống nhất của phương thức quản lý và bộ máy quản lý). Hệ thống quản lý kinh tế không phải bản thân nền kinh tế, nhưng có tác động qua lại hết sức mật thiết với nền kinh tế. Đặt việc xây dựng hệ thống quản lý kinh tế trong nội dung kết hợp giữa cải tạo và xây dựng là nhấn mạnh vai trò và tác dụng tích cực, chủ động của chuyên chính vô sản trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là điều rất quan trọng đối với cả nước ta, đặc biệt quan trọng đối với các tỉnh miền Nam trong những năm trước mắt.

Trong phạm vi cả nước, để kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng, chúng ta phải đi sâu nghiên cứu và thử nghiệm, xác định cụ thể nội dung, bước đi, biện pháp và cách thức tiến hành từng cuộc trong ba cuộc cách mạng, đồng thời bảo đảm sự phát triển nhịp nhàng, có tác dụng phục vụ và thúc đẩy lẫn nhau giữa ba cuộc cách mạng.

Nội dung mỗi cuộc và cả ba cuộc cách mạng đều bao gồm hai mặt xây và chống, cải tạo và xây

Digitized by Google

dựng liên quan xoắn xuýt và thống nhất với nhau. Từ nội dung chung của ba cuộc cách mạng, phải đi sâu xác định nội dung kết hợp cải tạo và xây dựng trong từng ngành, trong công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, xây dựng, cũng như trong phân phối và lưu thông.

Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng, sau khi xác định rằng « trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế, phải nắm vững **nhiệm vụ hàng đầu** là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp », đã nêu ra những chủ trương và biện pháp lớn về tổ chức lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật cho nông nghiệp, đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, đồng thời cũng nêu ra những chủ trương và biện pháp lớn về củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ở miền Bắc, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam. Như vậy nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã vạch rõ nội dung kết hợp cải tạo và xây dựng để đưa nền nông nghiệp nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trong các ngành, các lĩnh vực khác, cũng cần phải làm như thế.

Ở các tỉnh miền Bắc, trên cơ sở những kinh nghiệm đã được tích lũy, phải thực hiện việc kết hợp giữa cải tạo và xây dựng một cách rộng khắp và đi vào chiều sâu, tránh những hiện tượng khập khiễng, so le ; cố gắng từng bước đạt đến sự nhuần nhuyễn, tại từng xí nghiệp của kinh tế quốc doanh, từng hợp tác xã của kinh tế tập thể, trong từng ngành kinh tế – kỹ thuật, trên từng lĩnh vực hoạt động và ở từng loại địa bàn, khi lập các quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hằng năm, cũng như khi tiến hành những công việc thiết thực hằng ngày.

Một nhiệm vụ chiến lược của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980) là xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa **ở các tỉnh miền Nam**. Ngoài những ý nghĩa và tác dụng vốn có của bất cứ một cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa nào, ở các tỉnh miền Nam hiện nay, công cuộc cải tạo gắn liền với xây dựng còn có một ý nghĩa và tác dụng đặc biệt quan trọng, là nhanh chóng hoàn thành về mọi mặt sự thống nhất nước nhà, phát huy sức mạnh toàn diện của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là một nhiệm vụ có ý nghĩa toàn quốc, phải được thực hiện với sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản trong cả nước, của toàn Đảng, toàn dân ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền chuyên chính vô sản ở các tỉnh miền Nam trực tiếp phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở các tỉnh miền Nam để tiến hành sự nghiệp cải tạo kết hợp với xây dựng. Vì

Digitized by Google

vậy, nhiều nghị quyết của Trung ương Đảng và của Bộ chính trị đều nhấn mạnh rằng **công tác cách mạng hàng đầu** ở các tỉnh miền Nam là mau chóng **tăng cường chính quyền chuyên chính vô sản** thật sự trong sạch và vững mạnh, nói rộng hơn là tăng cường cả **cơ cấu tổ chức của chuyên chính vô sản**, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở thành phố Hồ-Chí-Minh, ở các tỉnh, ở các quận, huyện và ở các xã, phường. Đó là điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng.

Yêu cầu và khả năng đều dẫn đến chủ trương đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, không do dự, ngập ngừng. Vấn đề là phải **cải tạo nhanh và tốt**, thu được kết quả vững chắc, đạt mọi mục đích của việc xác lập quan hệ sản xuất mới, không làm vội vã, hấp tấp, thiếu chuẩn bị, sinh ra sống sượng, có khi đi đường vòng. Để cải tạo nhanh và tốt, phải biết thật sự kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng.

Hiện nay, ở các tỉnh miền Nam, chúng ta đang triển khai công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng thời bắt đầu tổ chức lại những người sản xuất nhỏ, buôn bán nhỏ và bắt đầu đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Cải tạo đây là cải tạo cả quan hệ sản xuất, cả cơ sở vật chất – kỹ thuật và lực lượng sản xuất hiện có, cả tổ chức sản xuất, cả con người : người tư sản, người chuyên gia quản lý, người cán bộ kỹ thuật, và bản thân người lao động sản xuất.

Cải tạo đối với quan hệ sản xuất có nghĩa là hoàn toàn xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, tạo lập quan hệ sản xuất mới. Cải tạo đối với tổ chức sản xuất và đối với con người bao gồm việc thanh toán những nhân tố phản động, chuyển biến những nhân tố lạc hậu, lỗi thời thành nhân tố tiến bộ, giữ gìn và phát huy những nhân tố tích cực. Như vậy, cải tạo quyện chặt với xây dựng trong một thể thống nhất.

Cần hình thành **thế phối hợp nhịp nhàng giữa các mặt cải tạo**. Điều này không có nghĩa là phải thống nhất một cách máy móc về bước đi và thời gian, mà chủ yếu là bảo đảm tính hệ thống ăn khớp trong nội dung chủ trương và biện pháp tiến hành cải tạo, tôn trọng các mối quan hệ có tính quy luật về tác động qua lại giữa sản xuất và lưu thông, thành thị và nông thôn, công nghiệp và nông nghiệp.

Đối với **thương nghiệp tư bản tư doanh**, phải khẩn trương tiến hành cải tạo, kiên quyết đấu tranh xóa bỏ các hoạt động kinh doanh bất hợp pháp, phân tán hàng hóa, buôn bán đầu cơ, nâng giá, vơ vét lợi nhuận cao, gây khó khăn cho đời sống của người lao động và làm trở ngại cho công tác quản lý kinh tế của Nhà nước. Phải thẳng tay trừng trị bọn gian thương đang dùng những thủ

Digitized by Google

đoạn xấu xa hòng mua chuộc cán bộ, ăn cắp tài sản Nhà nước, gây rối thị trường. Điều quyết định về mặt kinh tế là nhanh chóng tăng cường lực lượng và trận địa xã hội chủ nghĩa, xây dựng thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã lớn mạnh, tổ chức mạng lưới và vận dụng phương thức thương nghiệp sao cho linh hoạt, nắm chắc được các nguồn hàng, lưu thông nhanh chóng, đưa đến tay người tiêu dùng một cách thuận tiện, đáp ứng tốt các nhu cầu của đời sống nhân dân.

Đối với **công nghiệp tư bản tư doanh**, chúng ta thực hiện những hình thức cải tạo phong phú, vận dụng những trình độ khác nhau của chủ nghĩa tư bản Nhà nước, thích hợp với từng ngành, nghề, từng cơ sở, phấn đấu để song song với sự biến đổi của quan hệ sản xuất, năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh được nâng lên, và mở cho những người tư sản con đường lao động phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Tại các cơ sở công tư hợp doanh, phải dựa vào quần chúng công nhân tại chỗ để tiến hành công tác cải tạo, làm cho công nhân hiểu trách nhiệm mới của mình, phát huy được vai trò làm chủ tập thể trong việc cải tạo xí nghiệp tư bản, xây dựng xí nghiệp công tư hợp doanh; đồng thời, phải làm cho người tư sản thấy được bóc lột là xấu và họ phải phấn đấu để tự cải tạo thành người lao động.

Cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh phải đi liền với việc tổ chức lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật và cải tiến quản lý để hình thành các ngành kinh tế – kỹ thuật trong phạm vi cả nước và hình thành các cơ cấu kinh tế thích hợp ở từng thành phố, từng tỉnh. Mỗi xí nghiệp là một thành viên của một ngành kinh tế – kỹ thuật và một cơ cấu kinh tế trên một địa phương. Vì vậy, công cuộc cải tạo kết hợp với xây dựng ở mỗi xí nghiệp phải là một bộ phận hợp thành của quy hoạch cải tạo và xây dựng đối với toàn ngành, đối với cả cơ cấu kinh tế ở địa phương.

Đối với **tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp**, việc phục hồi và phát triển những năng lực sản xuất dồi dào, những mặt hàng đa dạng, đi đôi với việc tổ chức lại các cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở các tỉnh miền Nam phải gắn liền với việc phát triển sản xuất công nghiệp và cải tạo công nghiệp. Từng ngành phải xây dựng và thực hiện **phương án tổ chức lại sản xuất, cải tạo và phát triển toàn ngành, bao gồm cả xí nghiệp quốc doanh, xí nghiệp công tư hợp doanh và các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp**. Những hình thức tổ chức lại tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phải linh hoạt, không cứng nhắc và nói chung đi từ thấp đến cao.

Đối với **tiểu thương**, ngoài những người được sử dụng trong

Digitized by Google

cải tạo triệt để khi xây dựng thành công.

Cái cũ, cái lạc hậu thường sống dai dẳng, ngoan cố, không chịu tự rút khỏi đời sống xã hội, mà trái lại nó tìm mọi cách giữ nguyên vị trí cũ và cưỡng lại cái mới. Có khi trong thời kỳ đầu, cái cũ lại mạnh hơn cái mới. Không xóa được cái cũ thì cái mới không thể nảy sinh, trưởng thành và phát triển. Nhưng cũng chỉ khi nào xây dựng được cái mới, xác định được vị trí ưu thế của cái mới, thì mới có thể xóa bỏ được cái cũ, mới có sức mạnh để chiến thắng cái cũ.

Vì vậy, phải đặt công cuộc cải tạo và xây dựng trong một thể thống nhất, bao gồm xóa bỏ cái cũ, lỗi thời, và tạo nên cái mới, tiến bộ.

Nhận định của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng phản ánh sự **tổng kết những kinh nghiệm phong phú** của hơn 20 năm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (từ năm 1954 đến năm 1975), của hơn 2 năm qua từ khi cả nước chuyển sang giai đoạn mới, cùng làm một nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhận định đó phản ánh sự **vận dụng một cách sáng tạo học thuyết của chủ nghĩa Mác — Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** và những kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em vào điều kiện cụ thể của nước ta.

Vì vậy, nhận định đó trở thành **tư tưởng chủ đạo chung nhất**, có tác dụng hướng dẫn toàn bộ các mặt công tác cách mạng của mọi ngành, mọi cấp trong quá trình thi hành nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

★

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta đã trải qua một quá trình cải tạo và xây dựng phong phú, phản ánh tính phổ biến của những quy luật chung, đồng thời mang những nét đặc thù do điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội cụ thể.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (năm 1960) vạch rõ: «Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là hai mặt khăng khít của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta».

Sau khi cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế thắng lợi, miền Bắc đã khẩn trương chuyển ngay vào thời kỳ tiến hành những cuộc **cải tạo xã hội chủ nghĩa** quy mô lớn, đồng thời tiến hành một bước việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Thành quả có ý nghĩa lịch sử là đã xóa bỏ được các giai cấp bóc lột và chế độ người bóc lột người, hợp tác hóa nông nghiệp, tổ chức lại thợ thủ công và tiểu thương, tiến hành các mặt cải tạo một cách đồng bộ, nhịp nhàng, có

Digitized by Google

tác động qua lại tích cực giữa cải tạo ở nông thôn với cải tạo ở thành phố, cải tạo trên lĩnh vực sản xuất với cải tạo trên lĩnh vực lưu thông, và ngày càng gắn bó cải tạo với xây dựng.

Thành quả lịch sử đó chứng minh một luận điểm rất quan trọng về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của một nước mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ : sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, có thể dựa vào chuyên chính vô sản, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa mà không chờ cơ khí hóa nền kinh tế, để xây dựng một bước chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xác lập quan hệ sản xuất mới, tạo ra một bước lực lượng sản xuất mới, mở đường cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Đi đôi với cải tạo xã hội chủ nghĩa, **công cuộc phát triển kinh tế** qua các kế hoạch Nhà nước đã tăng cường một bước rõ rệt cơ sở vật chất — kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân, sáng tạo nhiều kinh nghiệm thực tế để từng bước cụ thể hóa và phát triển đường lối kinh tế của Đảng.

Một thành công đặc sắc của miền Bắc là trong vòng 8 năm đã thực hiện nhanh, gọn 4 lần chuyển hướng kinh tế từ thời bình sang thời chiến, rồi lại từ thời chiến sang thời bình, giữ vững và có mặt phát triển tiềm lực kinh tế, làm tròn nghĩa vụ chi viện miền Nam và nghĩa vụ quốc tế trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời chuẩn bị cho hướng tiến lên của cả nước sau ngày toàn thắng.

Ngày càng thể hiện toàn diện và sâu sắc quan hệ hữu cơ giữa cải tạo và xây dựng, đường lối của Đảng dần dần được bổ sung và phát triển, với nội dung cơ bản là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

Nhiều bài học thấm thía những năm qua, trên nhiều lĩnh vực, trong nông nghiệp và lâm nghiệp, trong công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, trong lưu thông và phân phối, đều chỉ rõ rằng nhiều vấp váp và tổn thất là do không biết kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, hoặc quá nặng về một mặt đến mức thiên lệch, hoặc tiến hành từng mặt một cách đơn độc, hoặc trong mức độ nào đó tách rời nhau.

Ở đây chúng ta không đi sâu vào kinh nghiệm trong từng ngành, từng lĩnh vực, cũng không đi sâu vào những kinh nghiệm chuyên về cải tạo hoặc những kinh nghiệm chuyên về xây dựng, mà xét **những kinh nghiệm chung về quan hệ kết hợp giữa cải tạo với xây dựng.**

Digitized by Google

Trong phạm vi ấy, có thể nêu lên mấy kinh nghiệm như sau:

1 – Trong một thời gian khá dài, chúng ta hiểu cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách quá đơn giản, thậm chí có lúc hầu như cho rằng cải tạo chỉ có nghĩa là biến sở hữu cá thể thành sở hữu tập thể.

Năm 1960, miền Bắc đã thực hiện nhanh gọn việc xác lập chế độ sở hữu công cộng đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu (*). Lúc đó, một số đồng chí vội vã cho rằng như thế là đã cơ bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách toàn diện, vì vậy trong một số năm đã buông lơi việc tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, và từ đó cũng làm chậm trễ sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Kinh nghiệm thực tiễn giúp chúng ta xác định nội dung đầy đủ của cải tạo quan hệ sản xuất, bao gồm việc xác lập và không ngừng nâng cao chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, việc tạo ra và không ngừng cải tiến quan hệ xã hội chủ nghĩa về phân phối sản phẩm, việc tổ chức và không ngừng hoàn thiện các quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa các giai cấp, các tập thể người lao động trong quá trình sản xuất và tái sản xuất.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng, khi kiểm điểm khuyết điểm về lãnh đạo nông nghiệp, đã vạch rõ: « Trong một thời gian khá dài, không nhận rõ hợp tác hóa nông nghiệp là để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa trước hết là để củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chưa kết hợp ngay từ đầu công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, phần nào **tách rời phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp**; không nhận rõ sự gắn bó chặt chẽ giữa cải tạo quan hệ sản xuất với phát triển lực lượng sản xuất, giữa thay đổi chế độ sở hữu với xây dựng chế độ quản lý mới, chế độ phân phối mới... ».

2 – Trong một thời gian khá dài, chúng ta chưa gắn chặt được việc củng cố quan hệ sản xuất mới với việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật mới, chưa vận dụng được trong thực tế quan hệ nhân – quả hai chiều giữa cải tạo và xây dựng.

Lẽ ra mỗi bước phát triển lực lượng sản xuất phải đi liền với một bước hoàn thiện tương ứng của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, và mỗi bước cải tiến quan

---

(*) Cuối năm 1960, ở nông thôn, việc cải tạo nông nghiệp theo hình thức hợp tác xã bậc thấp, đã căn bản hoàn thành. Hơn 85% số nông hộ đã vào hợp tác xã với 68,06% diện tích ruộng đất, trong đó đã có 11,81% số hộ tham gia hợp tác xã bậc cao.

Ở thành thị, 100% số hộ tư sản công nghiệp, 98% số hộ tư sản thương nghiệp, và 99% phương tiện vận tải cơ giới thuộc diện cải tạo đã được cải tạo theo chủ nghĩa xã hội.

20 vạn thợ thủ công (87,9% tổng số thợ thủ công) đã gia nhập các hình thức hợp tác xã.

10,5 vạn người buôn bán nhỏ (45% tổng số những người buôn bán nhỏ) đã tham gia các hình thức hợp tác, và gần 5 vạn người chuyển hẳn sang sản xuất, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Digitized by Google

hệ sản xuất phải dẫn tới một bước phát triển tương ứng của lực lượng sản xuất. Nhưng trong một số năm, chúng ta đã phần nào tách rời giữa hai mặt.

Khi muốn phát huy tính hơn hẳn của quan hệ sản xuất mới và giải quyết những vấn đề còn phải giải quyết về quan hệ sản xuất, thì quanh quẩn tìm chủ trương và biện pháp đơn thuần trong những yếu tố của quan hệ sản xuất. Khi muốn đẩy mạnh lực lượng sản xuất phát triển, thì cũng đã quanh quẩn tìm chủ trương và biện pháp đơn thuần trong những yếu tố về cơ sở vật chất – kỹ thuật. Như vậy, tính thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất bị vi phạm, tổng thể kinh tế bị nhìn một cách chia cắt, sức mạnh tổng hợp không phát huy được, mà từng mặt lực lượng sản xuất hoặc quan hệ sản xuất cũng không thể phát triển mạnh mẽ.

Kinh nghiệm ấy giúp chúng ta ngày càng nhận rõ và vận dụng tốt hơn quan hệ biện chứng giữa cải tạo với xây dựng. Mỗi thành quả về cải tạo, ngay từ đầu, đều không thể tách khỏi tác dụng của xây dựng, và mỗi thành quả về xây dựng đều không tách khỏi tác dụng của cải tạo.

Không phải là công việc cải tạo chỉ đặt ra đối với quan hệ sản xuất, và công việc xây dựng chỉ đặt ra đối với lực lượng sản xuất. Cách hiểu và cách làm như vậy có phần máy móc và giản đơn. Trên mọi lĩnh vực của sự nghiệp cách mạng, về quan hệ sản xuất cũng như về lực lượng sản xuất, về kinh tế cũng như về chính trị, tư tưởng và văn hóa, đều có cả cải tạo và xây dựng, hai mặt kết hợp chặt chẽ với nhau.

3 — Thực tiễn cách mạng dần dần làm nổi bật nhiệm vụ tổ chức lại nền sản xuất xã hội, ở quy mô toàn bộ kinh tế quốc dân, trong từng ngành, trên từng địa bàn và tại các loại đơn vị kinh tế cơ sở.

Tổ chức lại sản xuất là điểm quy tụ kết quả xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật với kết quả xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Tổ chức lại sản xuất là vận dụng tổng thể các lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, bố trí cơ cấu mới của nền kinh tế, kết hợp cân đối giữa các yếu tố của sản xuất là sức lao động, đất đai, rừng, biển và các thiết bị, máy móc, công cụ, vật tư, gắn bó chặt chẽ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, khiến cho mọi năng lực sản xuất hiện có ở vào thế tốt nhất để phát huy tác dụng, đạt năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh cao.

Tổ chức lại sản xuất bản thân nó làm nảy nở những lực lượng sản xuất mới, song như vậy chưa đủ. Đi đôi với tổ chức lại sản xuất, phải xây dựng thêm cơ sở vật chất – kỹ thuật mới.

Hai mặt tổ chức lại sản xuất và tăng cường cơ sở vật chất – kỹ

Digitized by Google

thuật có liên quan mật thiết với nhau. Tổ chức lại sản xuất là huy động lực lượng hiện có và tiềm tàng, tạo tiền đề để tiếp thu và vận dụng tốt cơ sở vật chất – kỹ thuật mới, đề ra yêu cầu và chỉ rõ phương hướng, nội dung, địa bàn tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật. Dựa trên thành quả tổ chức lại sản xuất, việc tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật mới tạo thêm những lực lượng cần thiết để tổ chức hợp lý nền kinh tế, tạo ra cơ cấu sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

4 – Trong công cuộc kết hợp cải tạo với xây dựng, chúng ta dần dần nhận rõ sự cần thiết và khả năng bao quát toàn bộ kinh tế quốc dân, quán xuyến cả nước trên quan điểm toàn cục, coi nền kinh tế như một cơ thể thống nhất. Trong tổng thể đó, chúng ta dần dần nhận rõ tính chất nền tảng của các đơn vị kinh tế cơ sở, tầm quan trọng cơ bản của các ngành kinh tế – kỹ thuật chuyên môn hóa trong phạm vi cả nước, vai trò chiến lược của các cơ cấu kinh tế ở địa phương.

Những năm gần đây, do ngày càng quán triệt hơn quan điểm kết hợp cải tạo với xây dựng, do những cố gắng tìm tòi phương thức tốt và địa bàn thích hợp để thực hiện sự kết hợp ấy, chúng ta đã phát hiện ra vị trí trọng yếu của kinh tế huyện trên con đường tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tỉnh là một địa bàn chiến lược, với chừng 2 triệu dân, có cơ cấu công – nông nghiệp. Huyện là địa bàn thích hợp để liên kết công nghiệp với nông nghiệp, sở hữu toàn dân với sở hữu tập thể, thành thị với nông thôn, thể hiện quyền làm chủ tập thể của hai giai cấp công nhân và nông dân trong cải tạo và xây dựng. Huyện là địa bàn thích hợp để tổ chức sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu dùng, thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân, đồng thời làm tròn nghĩa vụ với cả nước. Huyện là địa bàn thích hợp để phát triển kinh tế và văn hóa, giữ gìn trật tự, an ninh, củng cố quốc phòng, tóm lại là xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, với chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới.

Để phát huy vai trò quan trọng của huyện, việc xây dựng huyện cần được tiến hành phù hợp với quy hoạch chung của cả nước và quy hoạch của tỉnh, gắn bó với cấp trên và cấp dưới theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thể hiện đúng đắn các mối quan hệ kinh tế ngang và dọc giữa cơ cấu kinh tế huyện với các ngành kinh tế – kỹ thuật, với cơ cấu kinh tế tỉnh và với các xí nghiệp, các hợp tác xã trong huyện.

Như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ, những kinh nghiệm về cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc, kể cả những thành công rực rỡ

Digitized by Google

và những khuyết điểm, thiếu sót, đều là cái vốn rất quý đối với cả nước ta, để xác định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, kết hợp nhuần nhuyễn cải tạo và xây dựng trong giai đoạn mới.

★

Dưới ánh sáng của đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng quyết định, với những đặc điểm mới của nước ta, quá trình đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội **càng đòi hỏi hơn trước** phải kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng. Đồng thời, ngày nay chúng ta có nhiều **điều kiện** thuận lợi hơn, nhiều **năng lực** vật chất và tinh thần hơn, nhiều **kiến thức** và **kinh nghiệm** hơn để kết hợp tốt giữa cải tạo với xây dựng, ở các tỉnh miền Bắc, ở các tỉnh miền Nam, và trong cả nước.

Đường lối chung và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thấm nhuần quan điểm kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, cải tạo để xây dựng, xây dựng để cải tạo, trong cải tạo có xây dựng, trong xây dựng có cải tạo, mà xây dựng là chủ yếu. Toàn bộ quá trình kết hợp cải tạo và xây dựng đó nhằm tạo ra cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới, cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới, cả đời sống vật chất và đời sống văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Khi chúng ta nói: « trong cải tạo có xây dựng, trong xây dựng có cải tạo », điều đó **không có nghĩa là chúng ta đồng nhất hoàn toàn cải tạo với xây dựng**, đưa đến kết luận hoặc chỉ cần tiến hành cải tạo, hoặc chỉ cần tiến hành xây dựng. Không phải thế. Công tác cải tạo một chừng mực nào có ý nghĩa và tác dụng xây dựng, chứ không phải toàn bộ công tác cải tạo tức là toàn bộ công tác xây dựng. Cũng như vậy, công tác xây dựng một chừng mực nào có ý nghĩa và tác dụng cải tạo, chứ không phải toàn bộ công tác xây dựng tức là toàn bộ công tác cải tạo.

Trong cả nước ta, ở các tỉnh miền Nam (mà nhiệm vụ hiện nay là xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa kết hợp với xây dựng chủ nghĩa xã hội) cũng như ở các tỉnh miền Bắc (mà nhiệm vụ hiện nay là củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới kết hợp với đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa), **nội dung kết hợp giữa cải tạo và xây dựng về kinh tế** đại thể như sau:

Cải tạo về kinh tế là cải tạo quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và cá thể, cải tạo các cơ sở vật chất — kỹ thuật và lực lượng sản xuất hiện có, cải tạo tổ chức sản xuất cũ.

Xây dựng về kinh tế là xây dựng quan hệ sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật và lực lượng sản xuất, xây dựng tổ chức sản xuất của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Nói rõ hơn là:

1 – Xác lập và hoàn thiện quan hệ sở hữu công cộng (toàn dân và tập thể) đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu; xác lập và hoàn thiện quan hệ xã hội chủ nghĩa về phân phối; xác lập và hoàn thiện quan hệ xã hội chủ nghĩa giữa các giai cấp, các tập thể người lao động trong sản xuất và tái sản xuất.

2 – Xây dựng và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo và thật sự có tính hơn hẳn trong nền kinh tế về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật và các lực lượng sản xuất khác của chủ nghĩa xã hội.

3 – Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu kinh tế mới, thông qua việc tổ chức lại nền sản xuất, vận dụng và bố trí hợp lý tổng thể các lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

4 – Xây dựng và hoàn thiện phương thức quản lý kinh tế mới, lấy kế hoạch làm chính, gắn liền với các chính sách, chế độ quản lý kinh tế khác; xây dựng và thực hiện đúng các định mức kinh tế – kỹ thuật, các quy trình, quy phạm kỹ thuật tiến bộ; xây dựng và tăng cường bộ máy quản lý kinh tế, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đủ sức tiến hành tốt toàn bộ công cuộc cải tạo và xây dựng.

Theo những nội dung trên đây, có thể thấy ngay rằng cải tạo và xây dựng không hoàn toàn đồng nhất với nhau, nhưng có từng phần lồng vào nhau, chập lại với nhau, và toàn bộ hoạt động cải tạo phải được kết hợp chặt chẽ với toàn bộ hoạt động xây dựng.

Nội dung xây dựng bao gồm cả việc xây dựng hệ thống quản lý kinh tế mới (là khối thống nhất của phương thức quản lý và bộ máy quản lý). Hệ thống quản lý kinh tế không phải bản thân nền kinh tế, nhưng có tác động qua lại hết sức mật thiết với nền kinh tế. Đặt việc xây dựng hệ thống quản lý kinh tế trong nội dung kết hợp giữa cải tạo và xây dựng là nhấn mạnh vai trò và tác dụng tích cực, chủ động của chuyên chính vô sản trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là điều rất quan trọng đối với cả nước ta, đặc biệt quan trọng đối với các tỉnh miền Nam trong những năm trước mắt.

Trong phạm vi cả nước, để kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng, chúng ta phải đi sâu nghiên cứu và thử nghiệm, xác định cụ thể nội dung, bước đi, biện pháp và cách thức tiến hành từng cuộc trong ba cuộc cách mạng, đồng thời bảo đảm sự phát triển nhịp nhàng, có tác dụng phục vụ và thúc đẩy lẫn nhau giữa ba cuộc cách mạng.

Nội dung mỗi cuộc và cả ba cuộc cách mạng đều bao gồm hai mặt xây và chống, cải tạo và xây

Digitized by Google

dựng liên quan xoắn xuýt và thống nhất với nhau. Từ nội dung chung của ba cuộc cách mạng, phải đi sâu xác định nội dung kết hợp cải tạo và xây dựng trong từng ngành, trong công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, xây dựng, cũng như trong phân phối và lưu thông.

Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng, sau khi xác định rằng « trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế, phải nắm vững **nhiệm vụ hàng đầu** là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp », đã nêu ra những chủ trương và biện pháp lớn về tổ chức lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật cho nông nghiệp, đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, đồng thời cũng nêu ra những chủ trương và biện pháp lớn về củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ở miền Bắc, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam. Như vậy nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã vạch rõ nội dung kết hợp cải tạo và xây dựng để đưa nền nông nghiệp nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trong các ngành, các lĩnh vực khác, cũng cần phải làm như thế.

Ở các tỉnh miền Bắc, trên cơ sở những kinh nghiệm đã được tích lũy, phải thực hiện việc kết hợp giữa cải tạo và xây dựng một cách rộng khắp và đi vào chiều sâu, tránh những hiện tượng khập khiễng, so le ; cố gắng từng bước đạt đến sự nhuần nhuyễn, tại từng xí nghiệp của kinh tế quốc doanh, từng hợp tác xã của kinh tế tập thể, trong từng ngành kinh tế — kỹ thuật, trên từng lĩnh vực hoạt động và ở từng loại địa bàn, khi lập các quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hằng năm, cũng như khi tiến hành những công việc thiết thực hằng ngày.

Một nhiệm vụ chiến lược của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980) là xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa **ở các tỉnh miền Nam**. Ngoài những ý nghĩa và tác dụng vốn có của bất cứ một cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa nào, ở các tỉnh miền Nam hiện nay, công cuộc cải tạo gắn liền với xây dựng còn có một ý nghĩa và tác dụng đặc biệt quan trọng, là nhanh chóng hoàn thành về mọi mặt sự thống nhất nước nhà, phát huy sức mạnh toàn diện của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là một nhiệm vụ có ý nghĩa toàn quốc, phải được thực hiện với sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản trong cả nước, của toàn Đảng, toàn dân ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền chuyên chính vô sản ở các tỉnh miền Nam trực tiếp phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở các tỉnh miền Nam để tiến hành sự nghiệp cải tạo kết hợp với xây dựng. Vì

Digitized by Google

vậy, nhiều nghị quyết của Trung ương Đảng và của Bộ chính trị đều nhấn mạnh rằng **công tác cách mạng hàng đầu** ở các tỉnh miền Nam là mau chóng **tăng cường chính quyền chuyên chính vô sản** thật sự trong sạch và vững mạnh, nói rộng hơn là tăng cường cả **cơ cấu tổ chức của chuyên chính vô sản**, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở thành phố Hồ-Chí-Minh, ở các tỉnh, ở các quận, huyện và ở các xã, phường. Đó là điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng.

Yêu cầu và khả năng đều dẫn đến chủ trương đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, không do dự, ngập ngừng. Vấn đề là phải **cải tạo nhanh và tốt**, thu được kết quả vững chắc, đạt mọi mục đích của việc xác lập quan hệ sản xuất mới, không làm vội vã, hấp tấp, thiếu chuẩn bị, sinh ra sống sượng, có khi đi đường vòng. Để cải tạo nhanh và tốt, phải biết thật sự kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng.

Hiện nay, ở các tỉnh miền Nam, chúng ta đang triển khai công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng thời bắt đầu tổ chức lại những người sản xuất nhỏ, buôn bán nhỏ và bắt đầu đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Cải tạo đây là cải tạo cả quan hệ sản xuất, cả cơ sở vật chất – kỹ thuật và lực lượng sản xuất hiện có, cả tổ chức sản xuất, cả con người : người tư sản, người chuyên gia quản lý, người cán bộ kỹ thuật, và bản thân người lao động sản xuất.

Cải tạo đối với quan hệ sản xuất có nghĩa là hoàn toàn xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, tạo lập quan hệ sản xuất mới. Cải tạo đối với tổ chức sản xuất và đối với con người bao gồm việc thanh toán những nhân tố phản động, chuyển biến những nhân tố lạc hậu, lỗi thời thành nhân tố tiến bộ, giữ gìn và phát huy những nhân tố tích cực. Như vậy, cải tạo quyện chặt với xây dựng trong một thể thống nhất.

Cần hình thành **thế phối hợp nhịp nhàng giữa các mặt cải tạo**. Điều này không có nghĩa là phải thống nhất một cách máy móc về bước đi và thời gian, mà chủ yếu là bảo đảm tính hệ thống ăn khớp trong nội dung chủ trương và biện pháp tiến hành cải tạo, tôn trọng các mối quan hệ có tính quy luật về tác động qua lại giữa sản xuất và lưu thông, thành thị và nông thôn, công nghiệp và nông nghiệp.

Đối với **thương nghiệp tư bản tư doanh**, phải khẩn trương tiến hành cải tạo, kiên quyết đấu tranh xóa bỏ các hoạt động kinh doanh bất hợp pháp, phân tán hàng hóa, buôn bán đầu cơ, nâng giá, vơ vét lợi nhuận cao, gây khó khăn cho đời sống của người lao động và làm trở ngại cho công tác quản lý kinh tế của Nhà nước. Phải thẳng tay trừng trị bọn gian thương đang dùng những thủ

Digitized by Google

đoạn xấu xa hòng mua chuộc cán bộ, ăn cắp tài sản Nhà nước, gây rối thị trường. Điều quyết định về mặt kinh tế là nhanh chóng tăng cường lực lượng và trận địa xã hội chủ nghĩa, xây dựng thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã lớn mạnh, tổ chức mạng lưới và vận dụng phương thức thương nghiệp sao cho linh hoạt, nắm chắc được các nguồn hàng, lưu thông nhanh chóng, đưa đến tay người tiêu dùng một cách thuận tiện, đáp ứng tốt các nhu cầu của đời sống nhân dân.

Đối với **công nghiệp tư bản tư doanh**, chúng ta thực hiện những hình thức cải tạo phong phú, vận dụng những trình độ khác nhau của chủ nghĩa tư bản Nhà nước, thích hợp với từng ngành, nghề, từng cơ sở, phấn đấu để song song với sự biến đổi của quan hệ sản xuất, năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh được nâng lên, và mở cho những người tư sản con đường lao động phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Tại các cơ sở công tư hợp doanh, phải dựa vào quần chúng công nhân tại chỗ để tiến hành công tác cải tạo, làm cho công nhân hiểu trách nhiệm mới của mình, phát huy được vai trò làm chủ tập thể trong việc cải tạo xí nghiệp tư bản, xây dựng xí nghiệp công tư hợp doanh; đồng thời, phải làm cho người tư sản thấy được bóc lột là xấu và họ phải phấn đấu để tự cải tạo thành người lao động.

Cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh phải đi liền với việc tổ chức lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật và cải tiến quản lý để hình thành các ngành kinh tế – kỹ thuật trong phạm vi cả nước và hình thành các cơ cấu kinh tế thích hợp ở từng thành phố, từng tỉnh. Mỗi xí nghiệp là một thành viên của một ngành kinh tế – kỹ thuật và một cơ cấu kinh tế trên một địa phương. Vì vậy, công cuộc cải tạo kết hợp với xây dựng ở mỗi xí nghiệp phải là một bộ phận hợp thành của quy hoạch cải tạo và xây dựng đối với toàn ngành, đối với cả cơ cấu kinh tế ở địa phương.

Đối với **tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp**, việc phục hồi và phát triển những năng lực sản xuất dồi dào, những mặt hàng đa dạng, đi đôi với việc tổ chức lại các cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở các tỉnh miền Nam phải gắn liền với việc phát triển sản xuất công nghiệp và cải tạo công nghiệp. Từng ngành phải xây dựng và thực hiện **phương án tổ chức lại sản xuất, cải tạo và phát triển toàn ngành, bao gồm cả xí nghiệp quốc doanh, xí nghiệp công tư hợp doanh và các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp**. Những hình thức tổ chức lại tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phải linh hoạt, không cứng nhắc và nói chung đi từ thấp đến cao.

Đối với **tiểu thương**, ngoài những người được sử dụng trong

Digitized by Google

mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, phần lớn tiểu thương phải được sắp xếp để chuyển sang sản xuất. Đây là công việc khó khăn, phức tạp, song cần kiên quyết làm một cách tích cực và vững chắc, trong những năm sắp tới. Ở các thành phố, thị trấn, cần **tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ**, bố trí vào đây một lực lượng lao động thích đáng. Đây là một sự phân công xã hội hợp lý, giúp tăng năng suất lao động của công nhân, tăng hiệu suất công tác của cán bộ, viên chức, và làm cho cuộc sống hàng ngày của người lao động được cải thiện hơn.

Đối với **nông dân**, xét về lâu dài, cải tạo đối với nông nghiệp có ý nghĩa quyết định nhất, có tác dụng to lớn và cơ bản nhất trong toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Như nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã phân tích rõ, mục đích cải tạo là đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ bóc lột và nguồn gốc sinh ra bóc lột, tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn. Đó là nguyện vọng chung của nông dân, đồng thời cũng là yêu cầu bức thiết của việc tổ chức lại nền nông nghiệp và của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Phải kết hợp chặt chẽ cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Phải từ tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, xây dựng huyện thành cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp mà tiến hành hợp tác hóa ở cơ sở; phải kết hợp hợp tác hóa với thủy lợi hóa, với cách mạng sinh học và từng bước cơ giới hóa nông nghiệp ; phải phát động phong trào quần chúng mạnh mẽ để bảo đảm vừa tiến hành hợp tác hóa tốt, vừa phát triển mạnh sản xuất.

Hiện nay ở miền Nam đang có phong trào tổ chức các hình thức lao động sản xuất tập thể như tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất..., đồng thời đang thí điểm thành lập hợp tác xã nông nghiệp tại một số huyện.

Về mặt tổ chức sản xuất và sử dụng lao động, trong các hình thức lao động sản xuất tập thể cũng như trong hợp tác xã đang diễn ra nhiều loại hình của phân công và hiệp tác, có hiệp tác giản đơn đồng thời có hiệp tác với sự phân công phát triển hơn, chuyên môn hóa theo từng khâu công việc, theo từng ngành, nghề.

Nói tóm tắt, hiệp tác giản đơn là loại hình hiệp tác trong đó đã có sự phân công, nhưng phân công còn ở trình độ thô sơ, chưa phát triển, những người tham gia hiệp tác đều làm một công việc giống nhau.

Trong các tập đoàn sản xuất ở miền Nam — là bước chuẩn bị để tiến lên hợp tác xã —, vừa có hiệp tác giản đơn, vừa có hiệp tác theo phân công chuyên môn hóa với

Digitized by Google

những tổ chuyên ngành và tổ chuyên khâu. Trong hợp tác xã (ở miền Bắc cũng như ở miền Nam), sự hiệp tác theo phân công chuyên môn hóa càng phát triển, song vẫn tồn tại cả loại hình hợp tác giản đơn.

Trên con đường tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, hiện nay trong nền kinh tế của nước ta, ở mọi ngành, mọi địa phương, và ở rất nhiều đơn vị cơ sở, cùng một lúc diễn ra trong cùng một cơ cấu kinh tế những loại hình tổ chức, phân công và hiệp tác sản xuất, từ hiệp tác giản đơn đến hiệp tác có phân công chuyên môn hóa phát triển, trên cơ sở kỹ thuật thủ công, nửa cơ khí và cơ khí hiện đại. Đó là chủ trương và bước đi đúng đắn để tiến lên nhanh, mạnh và vững chắc.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng giao nhiệm vụ cho mỗi tỉnh ở miền Nam phải xây dựng thí điểm một huyện và một vài hợp tác xã vào cuối năm 1977 và đầu năm 1978. Trên cơ sở làm tốt thí điểm mà mở rộng một cách tích cực và vững chắc việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, cố gắng hoàn thành về cơ bản việc xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền Nam trong vài năm đầu của những năm 80.

Toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam phải nắm vững **mục đích của cải tạo là phát triển sản xuất.** Trong khi chuẩn bị và tiến hành cải tạo, phải chú ý đầy đủ những yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất, tìm tòi những biện pháp, những hình thức cải tạo thích hợp với từng ngành, từng cơ sở, nhằm có lợi nhất cho sản xuất. Muốn vậy, phải gắn chặt việc xóa bỏ bóc lột tư bản chủ nghĩa và việc cải tạo những người sản xuất nhỏ với việc xây dựng và tăng cường lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa, phát triển nhanh kinh tế quốc doanh. Điều cực kỳ quan trọng là phải bảo đảm tính hơn hẳn của kinh tế quốc doanh so với các thành phần kinh tế khác. Kinh tế quốc doanh phải đạt năng suất lao động cao hơn, làm ra nhiều của cải vật chất hơn, chất lượng sản phẩm tốt hơn, lưu thông phân phối nhanh chóng hơn, phục vụ đời sống nhân dân đắc lực hơn.

Nhằm mục đích phát triển sản xuất, phải đi sâu nghiên cứu, đánh giá chính xác để mạnh dạn sử dụng những chỗ mạnh trong cách tổ chức sản xuất, quản lý kỹ thuật, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm của các xí nghiệp, các công ty sản xuất, xây cất, vận tải và thương nghiệp trước đây.

Nguyên tắc là **cải tạo đi liền với xây dựng và quản lý.** Xóa bỏ cái cũ thì phải sẵn sàng thay thế ngay bằng cái mới ưu việt hơn. Cùng một lúc với việc tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất cũ, phải ra sức phát triển lực lượng và trận địa kinh tế xã hội chủ nghĩa, phải tổ chức lại nền sản xuất và

Digitized by Google

xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật mới.

Chỗ khó khăn là việc tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật mới, tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý của từng cơ sở, từng ngành, nghề, từng loại địa bàn ở các tỉnh miền Nam phải được **đặt ngay trong khung khổ phát triển kinh tế, tổ chức lại nền sản xuất xã hội và cải tiến quản lý chung của cả nước.** Mà chính là trên phạm vi cả nước, hiện nay chúng ta còn lúng túng, vướng mắc, chưa vận dụng được nhuần nhuyễn nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và theo vùng lãnh thổ, chưa thực hiện được sự phân công và phối hợp luôn luôn thông suốt ngang dọc giữa các ngành, các cấp.

Tình hình và nhiệm vụ đòi hỏi chúng ta tiến bộ nhanh chóng về mặt này. Các tỉnh miền Nam, bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa sau các tỉnh miền Bắc, có thể và cần phải tiếp thu những kinh nghiệm mới nhất, kịp thời tránh từ đầu những khuyết điểm của cách tổ chức sản xuất phân tán chia cắt và kiểu quản lý hành chính cung cấp, để đi thẳng ngay trong cải tạo và sau cải tạo vào cách tổ chức sản xuất đại công nghiệp và phương thức quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ở đây, các tỉnh miền Nam có thể tìm ra những bước đi và biện pháp sáng tạo để chuyển một cách thuận lợi nhất tổ chức sản xuất và cơ chế kinh tế thị trường, mang tính chất thực dân mới và phục vụ chiến tranh trước ngày giải phóng, sang tổ chức sản xuất và cơ chế kinh tế xã hội chủ nghĩa, sớm phát huy được tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Được như vậy là thành công, là thắng lợi chung của cả nước ta.

Cải tạo và xây dựng kết hợp chặt chẽ với nhau, song **không phải là luôn luôn đối xứng một cách máy móc trong không gian và thời gian.**

Từ nay cho đến khi hoàn thành thống nhất nước nhà về mọi mặt, nhiệm vụ cụ thể về cải tạo và xây dựng ở các tỉnh miền Bắc và các tỉnh miền Nam có những chỗ khác nhau. Hiện nay và cả sau này nữa, nhiệm vụ cụ thể về cải tạo và xây dựng ở đồng bằng, trung du và miền núi, ở thành phố và nông thôn, cũng không phải hoàn toàn giống y như nhau được. Theo đúng đường lối chung của Đảng, những nhiệm vụ cụ thể ấy cần được xác định thích hợp với tình hình và điều kiện của từng loại địa phương.

Xét về thời gian, việc tạo ra chất lượng mới về quan hệ sản xuất đòi hỏi số năm, tháng ngắn hơn việc tạo ra chất lượng mới về cơ sở vật chất – kỹ thuật. Chính vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã quyết định trong kế hoạch 5 năm 1976 – 1980 (cụ thể còn **3 năm nữa**) phải « hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở

Digitized by Google

miền Nam », và quyết định « phấn đấu hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng **hai mươi năm** ». Cố nhiên cả quá trình đó là quá trình không ngừng kết hợp cải tạo với xây dựng.

Để thực hiện thành công các quyết định của Đại hội Đảng, đặc biệt là ở các tỉnh miền Nam trong những năm trước mắt, phải nỗ lực rất lớn để nâng cao **năng lực nghiên cứu**, ban hành kịp thời các loại **chính sách** cụ thể về cải tạo và xây dựng, nâng cao **năng lực thiết kế** các phương án tốt về cải tạo kết hợp với xây dựng cho từng ngành, từng địa phương, nâng cao **năng lực tổ chức thực hiện**, bảo đảm phối hợp nhịp nhàng, ăn khớp giữa các ngành, các cấp, bảo đảm tập trung cao độ lực lượng cán bộ và phát động cho được phong trào quần chúng, giải quyết dứt điểm từng vấn đề mấu chốt, hoàn thành nhanh gọn từng đợt công tác, nhằm vào những lĩnh vực trọng tâm và những địa bàn trọng điểm.

Trong nội dung cải tạo và xây dựng, phải coi trọng việc **cải tạo và xây dựng trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa.** Ở đây xây và chống cũng nằm trong một thể thống nhất, nhằm xây dựng nền văn hóa mới, — nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, thấm nhuần tính đảng, tính nhân dân, — và xây dựng con người mới, — con người Việt-nam với những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản. Nền văn hóa mới vừa kế thừa và nâng cao những truyền thống tốt đẹp của 4.000 năm lịch sử, của tâm hồn Việt-nam, của văn hóa Việt-nam, vừa hấp thụ có chọn lọc những thành quả của văn minh loài người, những thành tựu văn hóa và khoa học — kỹ thuật hiện đại. Nền văn hóa mới phát huy trong nhân dân ta lòng yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất, kiên cường cho độc lập, tự do, tình thương giữa những người lao động, đức tính cần cù, tinh thần lạc quan yêu đời. Xây dựng nền văn hóa ấy là quá trình vừa xây dựng những tư tưởng đúng, những tình cảm cao đẹp, lành mạnh, vừa đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của văn hóa thực dân, phong kiến.

Cần đặc biệt nhấn mạnh việc quét sạch những tàn dư tư tưởng và văn hóa của các chế độ cũ, đặc biệt là nhổ tận gốc những nọc độc tư tưởng và văn hóa thực dân mới mà đế quốc Mỹ đã gieo rắc ở các tỉnh miền Nam. Đó là thứ văn hóa nô dịch, lai căng, đồi trụy, phản động, cùng các hủ tục, mê tín, dị đoan. Song song với cuộc đấu tranh ấy, cần kiên trì giáo dục, khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cải tạo những tâm lý, tập quán do tình trạng sản xuất nhỏ tạo nên trong

Digitized by Google

nhân dân lao động: đó là tâm lý tự tư tự lợi, tủn mủn, tự do chủ nghĩa, rời rạc, tùy tiện, bảo thủ v.v...

Hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, xây dựng tư tưởng tiến bộ, xóa bỏ tư tưởng lạc hậu chỉ có thể giành thắng lợi trong **sự tiến hành đồng bộ với công cuộc cải tạo và xây dựng về kinh tế,** dựa trên thành quả kinh tế, và góp phần dấy lên sức mạnh to lớn của quần chúng để đẩy mạnh toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

★

Quá trình cải tạo và xây dựng chính là quá trình **tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng,** trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Ba cuộc cách mạng đều kết hợp cải tạo và xây dựng, xóa bỏ cái lạc hậu, phát huy cái tiến bộ, cải tạo cái cũ, xây dựng cái mới. Ba cuộc cách mạng đều nhằm xây dựng lực lượng sản xuất mới, quan hệ sản xuất mới, thượng tầng kiến trúc mới, đời sống vật chất, tinh thần và văn hóa mới. Đó là nội dung cơ bản của cuộc đấu tranh giai cấp gay go và phức tạp nhằm giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh đó được tiến hành bằng nhiều hình thức: cải tạo và xây dựng, chính trị và kinh tế, thuyết phục và cưỡng bức, hòa bình và bạo lực.

Để tiến hành thắng lợi 3 cuộc cách mạng, để thu được thành công trong quá trình cải tạo và xây dựng, thì điều kiện quan trọng nhất, có tính chất quyết định, chính là **«phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động»** (3).

Đảng ta là người lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, kết hợp cải tạo với xây dựng trong cả nước. Về xây dựng Đảng, báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương trước Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ: «Trước sự thay đổi của tình hình và nhiệm vụ, có đồng chí nhận thức nhanh, có đồng chí nhận thức chậm, không chuyển biến kịp với tình hình và nhiệm vụ mới. Ngoài ra, do những hoàn cảnh phức tạp khác nhau, nhiều đảng viên còn chịu những ảnh hưởng tư tưởng phi vô sản. Vì vậy, cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa tư tưởng vô sản và tư tưởng phi vô sản cũng tất yếu và thường xuyên xảy ra trong Đảng».

Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV về phần xây dựng Đảng

(3) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 18.

Digitized by Google

đã nhấn mạnh: « Giáo dục sâu sắc tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, làm thấu suốt tính cách mạng và tính khoa học, tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta. Kiên quyết khắc phục tư tưởng tiểu tư sản, chống mọi ảnh hưởng của tư tưởng tư sản và những tàn dư của tư tưởng phong kiến trong cán bộ, đảng viên... Trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng; phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng. Một mặt, kết nạp những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn; mặt khác, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất. Phải cảnh giác đề phòng những phần tử cơ hội và những phần tử gián điệp, phản động chui vào Đảng... Giai đoạn mới của cách mạng đòi hỏi toàn thể cán bộ, đảng viên phải luôn luôn ghi nhớ và quyết tâm làm đúng lời dạy của Hồ Chủ tịch: « Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân ».

Đảng ta không ngừng giáo dục đảng viên và nhân dân ta thấm nhuần những tình cảm trong sáng của Hồ Chủ tịch, tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa và mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản, làm tròn nghĩa vụ đối với dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân các nước.

Đi đôi với việc bồi dưỡng phẩm chất cách mạng, phải ra sức phấn đấu nâng cao trình độ kiến thức, năng lực quán triệt đường lối, năng lực tổ chức và quản lý, năng lực thực hành của cán bộ, đảng viên, đáp ứng yêu cầu rất cao của công cuộc kết hợp cải tạo với xây dựng trong giai đoạn mới của sự nghiệp cách mạng.

Xã hội xã hội chủ nghĩa ở bất cứ nước nào cũng chỉ có thể là kết quả của hoạt động tự giác của nhân dân lao động, đúng như Lê-nin đã nhấn mạnh: « Chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân » (4), và « một cuộc cách mạng như thế chỉ có thể được hoàn thành thắng lợi, nếu bản thân đa số nhân dân và trước hết là đa số những người lao động, phải tỏ ra là có khả năng chủ động tiến hành một hoạt động sáng tạo có ý nghĩa lịch sử » (5).

Nước ta đang trong quá trình từ nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phải sáng tạo từ gốc đến ngọn toàn bộ hình

---

(4) V. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, trang 327.

(5) V. Lê-nin: Sách đã dẫn, 1971, tập 27, trang 301.

Digitized by Google

thái kinh tế xã hội mới, cho nên vai trò của yếu tố tự giác lại càng quan trọng gấp bội. Vì vậy, Đảng ta nhấn mạnh tính chủ động của chuyên chính vô sản, tính tự giác của quần chúng lao động trong việc cải tạo xã hội cũ, sáng tạo xã hội mới.

Từ sự chỉ dẫn của Mác về vai trò của chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, Lê-nin đã vạch rõ thực chất của chuyên chính vô sản hoàn toàn không phải chỉ là áp dụng bạo lực cách mạng đối với các giai cấp bóc lột, mà trước hết là ở hoạt động tổ chức và kinh tế để xây dựng những cơ sở của xã hội xã hội chủ nghĩa, ở việc khắc phục dần dần sức ỳ, thói quen, tập quán của xã hội cũ. Chuyên chính vô sản đã từng được Lê-nin coi là « khẩu hiệu vĩ đại nhất của Mác, khẩu hiệu tổng kết bước tiến trong một thế kỷ nay của chủ nghĩa xã hội và của phong trào công nhân » (6).

Chúng ta nhấn mạnh nắm vững chuyên chính vô sản đi liền với phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, là để làm nổi bật mục đích và động lực của chuyên chính vô sản. Mục đích của chuyên chính vô sản là xóa bỏ các giai cấp bóc lột, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Và động lực chủ yếu của chuyên chính vô sản chính là nhân dân lao động nắm giữ quyền làm chủ tập thể xã hội, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Vai trò chủ động, tự giác của nhân dân lao động trong cải tạo và xây dựng phải được thể hiện cụ thể thành những phong trào cách mạng nối tiếp phong trào cách mạng, làm cho hoạt động sáng tạo của nhân dân lao động biến thành hoạt động có tổ chức trên quy mô toàn xã hội, tạo nên một sức mạnh dời non lấp biển, khắc phục mọi khó khăn, đưa xã hội tiến với nhịp điệu nhanh chưa từng thấy trong lịch sử, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

(6) V. Lê-nin : *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 29, trang 343.

Digitized by Google

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KẾ HOẠCH HÓA CỦA NƯỚC TA

CHẾ - VIẾT - TẤN

BÁO cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: «Mọi hoạt động kinh tế trong chế độ ta đều diễn ra theo kế hoạch. Do đó, **kế hoạch hóa** nền kinh tế quốc dân là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của công tác quản lý kinh tế» (1). Công tác kế hoạch hóa phải phục vụ việc xây dựng và phát triển nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm «*thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền kỹ thuật hiện đại*» (2).

Nội dung kế hoạch hóa cũng như phương pháp kế hoạch hóa ở từng đơn vị cơ sở, từng địa phương, từng ngành cho đến cả nước phải thể hiện tốt việc vận dụng các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, phản ánh đúng đường lối và quan điểm của Đảng mà Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: «Sử dụng hết lực lượng lao động xã hội; tổ chức và quản lý tốt lao động; phân bố lại lao động giữa các vùng và các ngành trong cả nước nhằm tăng rõ rệt năng suất lao động xã hội».

Đây là sự bố trí chiến lược trong kế hoạch 5 năm 1976 — 1980 mà cũng là một tư tưởng cơ bản trong chiến lược kinh tế của Đảng ta, nhằm thực hiện cùng một lúc hai mục tiêu vừa cơ bản vừa cấp bách là xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

I — CHUYỂN HƯỚNG TOÀN DIỆN VÀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP KẾ HOẠCH HÓA THEO QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG

Trong công tác kế hoạch hóa ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa những năm trước đây và trong công tác kế

(1), (2) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, 1977, trang 134, và trang 57.

Digitized by Google

hoạch hóa trên phạm vi cả nước hai năm qua, việc lập kế hoạch từ trên xuống dưới được làm theo cách sau đây: việc bố trí các cân đối kế hoạch thường căn cứ vào khả năng vật tư, thiết bị, lương thực, hàng hóa (gắn liền với khả năng về ngoại tệ), vốn đầu tư, ngân sách. Việc cân đối sức lao động và bố trí sử dụng nguồn lao động xã hội tuy có được chú ý nhưng thường phụ thuộc vào khả năng cân đối vật tư, vốn đầu tư trong sản xuất và xây dựng, v.v... Các cân đối đầu tư và cân đối vật tư trở thành gần như là cân đối trung tâm trong toàn bộ hệ thống cân đối của kế hoạch và được coi là căn cứ chính để xác định các chỉ tiêu kế hoạch, bố trí nhịp độ phát triển kinh tế cho từng thời kỳ kế hoạch. Chúng ta khẳng định rằng các cân đối ấy và những yếu tố đó đều rất quan trọng, là điều kiện cần thiết không thể thiếu được để phát triển sản xuất, xây dựng, bảo đảm nâng cao mức sống của nhân dân trong mỗi thời kỳ kế hoạch. Chúng ta không phủ nhận nội dung phương pháp làm kế hoạch lâu nay đã góp phần đưa nền kinh tế nước ta phát triển có kế hoạch ngày càng vững chắc hơn. Chúng ta cũng không phủ nhận nhịp độ phát triển kinh tế hằng năm trong thời kỳ qua là sự cố gắng lớn của nhân dân ta trong những điều kiện hết sức khó khăn. Song, trong hoàn cảnh nước ta, nếu chỉ đơn thuần lấy các yếu tố đó làm căn cứ để bố trí kế hoạch, mà không chú trọng khai thác lực lượng lao động — **nguồn vốn dồi dào và quý nhất của ta, kết hợp với khai thác nhanh nhất, tốt nhất đất, rừng, biển, các tài nguyên khác để tạo ra thế chủ động đi lên vững chắc**, sử dụng và phát huy tốt các cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có và sắp có thì rõ ràng là không sao tạo ra được nhịp độ nhanh về phát triển kinh tế. Chúng ta cần tăng cường hợp tác quốc tế, nhưng mặt khác, phải dựa vào sức bản thân mình là chính, đi con đường « cân đối từ lao động ». Lực lượng lao động của nước ta dồi dào, thông minh, cần cù, có truyền thống lâu đời về nghề thủ công mỹ nghệ, với đội ngũ lao động kỹ thuật ngày càng đông và có chất lượng cao hơn, nếu được sử dụng tốt sẽ là một động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Nếu chỉ căn cứ vào khối lượng tiền vốn, vật tư là những cái ta đang có khó khăn và nếu chỉ đơn thuần nhìn vào lợi nhuận của từng đơn vị mà không nhìn vào hiệu quả kinh tế của cả nước, chỉ chú ý đến giá trị mà không chú ý giá trị sử dụng, thì sẽ dẫn tới cân đối tiêu cực, luẩn quẩn trong những khó khăn mà không có hướng thoát ra. Quan điểm cân đối và phương pháp kế hoạch hóa ấy rất dễ đi đến chỗ ỷ lại vào viện trợ của nước ngoài. Chúng ta tiến lên từ một nền sản xuất nhỏ lại phải khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới. Nhưng chúng ta có chỗ mạnh lớn là nhân dân ta đã trải qua đấu tranh cách mạng lâu dài, Nhà nước xã hội chủ nghĩa của ta vững mạnh, lực lượng lao động dồi dào và tài nguyên thiên nhiên phong phú. Công tác kế hoạch hóa của ta trước hết phải xuất phát từ những đặc điểm ấy của ta, phát huy những thế mạnh, khắc phục chỗ yếu, đưa nền kinh tế nước ta tiến lên vững chắc.

Chúng ta **cần nắm vững đặc điểm nước ta để có quan điểm cân đối cụ thể với những yếu tố cụ thể của ta.**

Nếu xét một cách nghiêm túc thì hiện nay ta mới sử dụng 50% quỹ đất đai của nước ta (tức hơn 5 triệu héc-ta so với 11 triệu héc-ta đất nông nghiệp có thể có). Rừng trọc chiếm 1/2 diện tích rừng, một bộ phận rừng chưa được khai thác. Tài nguyên ở biển chưa khai thác được mấy. Cả biển mới đánh bắt khoảng 1/4 sản lượng hằng năm dự kiến có thể đánh được trong thời kỳ tới. Ở một số

Digitized by Google

ngành và một số đơn vị, nếu kiểm tra và hạch toán kỹ thì thấy rằng sức lao động và máy móc mới được sử dụng khoảng 50%, khiến cho thu nhập quốc dân đầu người và năng suất lao động xã hội bình quân của nước ta còn quá thấp.

Nước ta trải qua một thời kỳ dài bị đế quốc thống trị, mới xây dựng chủ nghĩa xã hội trong vòng hai mươi năm ở miền Bắc trong điều kiện vừa chiến đấu vừa sản xuất, lại mới vừa ra khỏi cuộc chiến tranh 30 năm tàn phá nặng nề đất nước ta. Đó là chưa kể những hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam cần phải khắc phục. Trên các mặt kinh tế, khoa học — kỹ thuật v.v... nước ta còn ở trình độ thấp, cách khá xa các nước công nghiệp đã phát triển. Trong vòng 20 năm tới, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trên thế giới sẽ tiếp tục phát triển rất nhanh, nếu nước ta không sớm đẩy mạnh tốc độ công nghiệp hóa, gắng đuổi kịp trình độ phát triển của thế giới thì trong 20 năm tới trình độ kinh tế của nước ta sẽ càng lạc hậu hơn nữa so với trình độ của các nước công nghiệp trên thế giới.

Đứng trước những vấn đề kinh tế mà nước ta đang giải quyết và sẽ giải quyết, chúng ta phải suy nghĩ, phải tìm cách chuyển hướng công tác kế hoạch hóa cho phù hợp với nhiệm vụ mới, phù hợp với hoàn cảnh của nước ta. Phải từ thế mạnh của ta là sức lao động dồi dào, từ đất đai, rừng biển với những tài nguyên tiềm tàng mà tập trung những phương tiện có thể có để sử dụng tốt nhất sức lao động dồi dào và tài nguyên phong phú chưa được khai thác nhằm tạo ra giá trị sử dụng mới, tạo ra nhiều sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của đời sống nhân dân, xây dựng được nền kinh tế và quốc phòng độc lập.

Đó là **hiệu quả kinh tế cao nhất** xét trên phạm vi toàn xã hội. Hiệu quả kinh tế của từng đơn vị, từng ngành, từng vùng tuy rất quan trọng nhưng phải phục tùng hiệu quả kinh tế của toàn xã hội. Phải đứng trên phạm vi toàn xã hội mà bố trí, tận dụng sức lao động, phân phối vật tư, nguyên liệu, vật liệu, nhằm tạo ra sản phẩm xã hội với khối lượng lớn nhất.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất — kỹ thuật còn non yếu, nếu chúng ta biết tổ chức lại sản xuất, phân bố lại sức lao động, thực hiện phân công mới lao động xã hội và biết tổ chức quản lý tốt lao động ở từng đơn vị cơ sở, từng địa phương, từng ngành, nhất là phân bố lại sức lao động và điều hành lao động trên địa bàn huyện, kết hợp cả lao động thủ công, nửa cơ giới, với cơ giới, khai thác tốt mọi tiềm năng ở trong nước để phát triển kinh tế, kết hợp quy mô nhỏ, vừa và lớn, thì chắc chắn chúng ta có thể đẩy nhanh nhịp độ phát triển nền kinh tế nước ta.

Qua thực tiễn phong trào lao động sản xuất ở nhiều địa phương trong nước như các tỉnh Nghệ-tĩnh, Thanh-hóa, v.v... qua việc điều hành lao động ở một số huyện như : Quỳnh-lưu (tỉnh Nghệ-tĩnh), Thọ-xuân (tỉnh Thanh-hóa) Đông-hưng (tỉnh Thái-bình), Gia-rai (tỉnh Minh-hải), Gò-công (tỉnh Tiền-giang) .v.v... qua việc xây dựng huyện nông — công nghiệp ở Điện-bàn (Quảng-nam — Đà-nẵng), tổ chức lao động sản xuất và đời sống ở hợp tác xã Định-công (huyện Yên-định, tỉnh Thanh-hóa), hợp tác xã Giao-an (huyện Xuân-thủy, tỉnh Hà-nam-ninh), v.v..., chúng ta đã thấy những khả năng mới để đẩy nhanh nhịp độ xây dựng đất nước.

Trong điều kiện cơ sở vật chất — kỹ thuật còn thấp, vốn đầu tư, các vật tư, phương tiện máy móc của Nhà nước còn ít, cách tốt nhất là phải « Nhà nước và nhân dân cùng làm ». Phải phát huy toàn bộ sức lao động xã hội bằng cách vừa sử dụng các phương tiện máy móc vừa sử dụng lao động thủ công, mở nhiều công

Digitized by Google

trường thủ công kể cả những «công trường thủ công lớn» để xây dựng các công trình lớn. Nhiều ngành, nhiều địa phương đã biết phối hợp lực lượng lao động và công cụ lao động của nhiều đơn vị theo phương châm «nhiều con suối nhỏ hợp thành sông lớn» để hoàn thành những công trình xây dựng trên địa bàn rộng.

Từ những nhân tố mới này chúng ta hy vọng có thể tạo nên nhịp độ phát triển nhanh, để hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật trong vòng 20 năm tới mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra.

Từ đó chúng ta thấy cần thiết phải chuyển hướng toàn diện nội dung công tác kế hoạch hóa và đổi mới phương pháp kế hoạch hóa kinh tế quốc dân của nước ta.

Nội dung chủ yếu của sự chuyển hướng công tác kế hoạch hóa là: **Hướng vào việc sử dụng tốt nhất mọi lực lượng lao động của xã hội, khai thác tốt đất đai, rừng biển, các tài nguyên khác và cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện có và sắp có để tạo ra nhiều giá trị sử dụng, tăng tích lũy cho tái sản xuất mở rộng và cải thiện đời sống nhân dân nhằm xây dựng cơ cấu kinh tế mới, tạo nên thế lực mới** bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra.

Phương pháp kế hoạch hóa kinh tế quốc dân chủ yếu là phương pháp cân đối. Với nội dung kế hoạch hóa sẽ chuyển hướng, cần phải đổi mới phương pháp cân đối, từ quan điểm đến công tác nghiệp vụ, chủ yếu là hình thành hệ thống cân đối mới trong công tác kế hoạch hóa.

Hệ thống cân đối kế hoạch xuất phát từ cân đối lao động lấy cân đối lao động làm cân đối trung tâm và phải gắn chặt với việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt.

Để thực hiện sự chuyển hướng đó, phương pháp xây dựng kế hoạch ở từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành cho đến kế hoạch tổng hợp chung của cả nước. Đều phải đổi mới một cách toàn diện, cơ bản.

II — NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA SỰ CHUYỂN HƯỚNG CÔNG TÁC KẾ HOẠCH HÓA: XÂY DỰNG CƠ CẤU CÔNG — NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI

Nhiệm vụ cơ bản của công tác kế hoạch hóa, như đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ, là «kế hoạch hóa việc xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý bảo đảm tái sản xuất mở rộng không ngừng» (3). Cơ cấu kinh tế ấy, đối với nước ta, là cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp hiện đại, được hình thành qua quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa theo đường lối «ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ», làm cho nông nghiệp và công nghiệp luôn luôn gắn bó với nhau, thúc đẩy lẫn nhau, kết hợp thành một thể thống nhất.

Cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp mà chúng ta cần xây dựng là cơ cấu thống nhất của cả nước bao gồm kinh

(3) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1976, tập II, trang 332.

Digitized by Google

tế trung ương và kinh tế địa phương, kết hợp đúng đắn kinh tế với quốc phòng: kết hợp giữa việc phát triển kinh tế trong nước là chính với việc phân công, hợp tác quốc tế. Trong cơ cấu kinh tế đó, nông nghiệp là ngành có vị trí cực kỳ quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng có tác dụng quan trọng về nhiều mặt: giải quyết một bước những khó khăn trong đời sống bảo đảm yêu cầu lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp hóa; phân bố lại lao động trên quy mô lớn: nâng cao một bước năng suất lao động xã hội; tạo nguồn hàng xuất khẩu quan trọng phục vụ yêu cầu phát triển của công nghiệp và các ngành khác, thúc đẩy cơ cấu công — nông nghiệp ngày càng lớn mạnh. Chính vì vậy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã quyết định: «Trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế, phải nắm vững **nhiệm vụ hàng đầu** là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp». Công nghiệp phải kết hợp chặt chẽ với nông nghiệp **ngay từ đầu**; mỗi bước phát triển của công nghiệp, nhất là các ngành công nghiệp nặng có vị trí then chốt đối với công nghiệp hóa, đều phải hướng vào việc phục vụ và thúc đẩy nông nghiệp. Chúng ta tập trung cao độ vào nhiệm vụ phát triển nông nghiệp đồng thời tích cực xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp nặng và các ngành khác trước hết là: cơ khí, điện, giao thông vận tải và các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

Do đó nội dung cơ bản của công tác kế hoạch hóa kinh tế quốc dân trong giai đoạn trước mắt là **kế hoạch hóa việc tổ chức lại sản xuất, phân bố lại sức lao động xã hội và dân cư trên phạm vi cả nước nhằm xây dựng từng bước cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại.**

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra mục tiêu phấn đấu hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng thời gian 20 năm. Để thực hiện mục tiêu đó, trong khoảng 10 năm đầu (từ nay đến năm 1985 hoặc 1 ~ 2 năm sau đó), chúng ta **phải tạo ra một cơ cấu ban đầu của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa**. Cơ cấu ấy tuy chưa hoàn chỉnh nhưng đã có cơ sở để đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế bằng sức trong nước là chính. Nền kinh tế nước ta phải giải quyết được về cơ bản nhu cầu lương thực, thực phẩm trong mấy năm trước mắt và tiếp tục bảo đảm vững chắc hơn, dồi dào hơn trong những năm sau. Đến khoảng năm 1985 nước ta có thể đáp ứng được nhu cầu về nhiên liệu, một phần quan trọng nguyên liệu, vật liệu; có sức tự giải quyết một phần yêu cầu trang bị kỹ thuật ở trình độ cơ giới hóa cho các ngành kinh tế, đồng thời có năng lực xuất khẩu, bảo đảm được nhu cầu thiết bị kỹ thuật và vật tư mà ta còn thiếu. Từ đó, có điều kiện vững chắc để triển khai mạnh mẽ việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên quy mô lớn, đồng thời nâng cao nhanh chóng và toàn diện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa, đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 10 năm tiếp theo.

Chúng ta kế hoạch hóa việc tổ chức lại nền sản xuất xã hội theo hướng kết hợp một cách chặt chẽ sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, kinh tế và quốc phòng, hình thành từng bước cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp trong phạm vi cả nước và trên địa bàn từng tỉnh, từng huyện.

Digitized by Google

Những năm trước mắt, chúng ta đặc biệt coi trọng xây dựng một bước các huyện thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp. Chúng ta phải xây dựng được một hệ thống các mối quan hệ kinh tế giữa các ngành kinh tế kỹ thuật, giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, giữa sản xuất với tiêu thụ, cung ứng vật tư, vận tải, v.v... trên từng địa bàn cụ thể, ở đó, diễn ra những hoạt động kinh tế phức tạp, đa dạng theo đường lối của Đảng, hình thành **cơ cấu kinh tế của từng lãnh thổ, từng địa phương.** Đó chính là **việc kết hợp kế hoạch hóa theo ngành với kế hoạch hóa theo địa phương,** mà hiện nay, là ở **tỉnh (thành phố)** và **huyện.** Có thể nói, đó là bước đi thích hợp có tính quy luật để đưa kinh tế nước ta tiến nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Ở nước ta hiện nay, địa bàn **tỉnh** là khuôn khổ cơ bản để kết hợp công nghiệp và nông nghiệp, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, đặc biệt là trong việc tổ chức và quản lý tốt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trên lãnh thổ.

Kế hoạch của huyện có vị trí và tác dụng rất quan trọng trong việc hình thành cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp trong cả nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ phải «xây dựng huyện vững mạnh, thật sự trở thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp; lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động một cách cụ thể và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể, công nhân với nông dân. Xây dựng chính quyền cấp huyện thành một cấp Nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách, một cấp quản lý sản xuất, quản lý lưu thông và đời sống ở huyện» (4). Trên địa bàn huyện, *«các hợp tác xã, các nông trường, lâm trường quốc doanh, các xí nghiệp công nghiệp, các cơ sở liên doanh trong huyện liên kết với nhau thành một cơ cấu sản xuất, làm cho huyện trở thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, trong đó từng xí nghiệp, nông trường, lâm trường và hợp tác xã là những đơn vị hạch toán kinh tế»* (5).

Theo hướng trên đây, huyện là một cấp kế hoạch toàn diện cần được tăng cường và được tổ chức để làm tốt chức năng của một cấp kế hoạch toàn diện.

Một điều cần nhấn mạnh là kế hoạch hóa của cấp huyện tiến hành trong tình hình tồn tại các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất (quốc doanh và tập thể; ở một số vùng, còn có thành phần công tư hợp doanh, tư doanh và cá thể), do đó công tác kế hoạch hóa cần phải vừa dùng các biện pháp trực tiếp, vừa vận dụng các biện pháp gián tiếp, và nhất là trong điều kiện các đơn vị kinh doanh còn hạch toán độc lập, thì hình thức hợp đồng kinh tế cần được vận dụng rộng rãi để làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch.

Trên đây là một số vấn đề trước mắt cần giải quyết về đổi mới nội dung công tác kế hoạch hóa nhằm quán triệt đường lối của Đảng, mà cấp bách là kế hoạch hóa việc tổ chức lại sản xuất, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp trong phạm vi cả nước cũng như trong từng tỉnh, thành phố và từng huyện. Chúng ta sẽ tiếp tục làm thử, rút kinh nghiệm, để bước đi của ta sao cho nhanh hơn, khai thác được tốt hơn những tiềm năng kinh tế của mỗi ngành, mỗi địa phương, đưa nền kinh tế nước ta tiến nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

---

(4) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 63.

(5) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV), Tạp chí Cộng sản, số 9-1977, trang 24.

Digitized by Google

III — ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP KẾ HOẠCH HÓA

Đổi mới chế độ lập kế hoạch. Đi vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội theo quy mô lớn trong cả nước, để vận dụng tổng hợp các quy luật khách quan của kinh tế và khoa học — kỹ thuật nhằm phát triển kinh tế và văn hóa, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, quán triệt và cụ thể hóa đường lối của Đảng thành các kế hoạch (cương lĩnh thứ hai của Đảng), không thể chỉ xây dựng kế hoạch hằng năm mà phải tích cực vươn lên xây dựng cho được **hệ thống các quy hoạch, kế hoạch nối tiếp nhau** một cách hoàn chỉnh, bao gồm: quy hoạch dài hạn phát triển kinh tế và xã hội (20 năm), kế hoạch dài hạn hay kế hoạch triển vọng (10 — 15 năm); kế hoạch 5 năm và kế hoạch hằng năm (được xây dựng theo chế độ kế hoạch hóa liên tục, tức là mỗi khi làm kế hoạch 5 năm và hằng năm phải tính đến kế hoạch 5 năm và hằng năm tiếp theo).

Chúng ta cần chú trọng:

— Xúc tiến việc lập quy hoạch dài hạn phát triển kinh tế và xã hội, bao gồm quy hoạch tổng thể về phân bố lực lượng sản xuất, phân vùng, quy hoạch của các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, quy hoạch của các tỉnh, các huyện và quy hoạch các vùng lãnh thổ về phát triển kinh tế, văn hóa.

— Trên cơ sở quy hoạch, tiến lên xây dựng kế hoạch triển vọng, quan trọng nhất là kế hoạch phân bố và sử dụng sức lao động, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, nghề cá, phác thảo sự phân bố các ngành công nghiệp lớn then chốt, kế hoạch đào tạo cán bộ và công nhân, kế hoạch khoa học và kỹ thuật, v.v...

— Cải tiến và nâng cao một bước chất lượng xây dựng kế hoạch hằng năm. Kế hoạch hằng năm phải theo sát và cụ thể hóa nội dung kế hoạch 5 năm, có điều chỉnh và bổ sung những điểm cần thiết, tùy theo tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm. Trong các kế hoạch hằng năm, càng phải coi trọng việc quyện chặt kế hoạch với các biện pháp quản lý kinh tế khác, kết hợp chặt chẽ việc xây dựng chỉ tiêu kế hoạch với các biện pháp về tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch.

Cân đối kế hoạch theo quan điểm mới.

Cân đối là phương pháp cơ bản trong việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Vấn đề đặt ra là ở nước ta hiện nay, vận dụng phương pháp cân đối như thế nào cho sát hợp, bảo đảm kế hoạch được cân đối tích cực, vững chắc và sinh động.

Nền kinh tế nước ta vốn có những mặt không cân đối nghiêm trọng. Quá trình xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội là quá trình sử dụng sức mạnh tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, dựa vào việc khai thác liên kết các thế mạnh của ta, nhất là về lao động, về đất rừng, biển, các tài nguyên tiềm tàng để khắc phục các mặt không cân đối vốn có, xây dựng các cân đối mới, tạo dần thế cân đối chủ động cho nền kinh tế.

Dưới ánh sáng của các nghị quyết của Đảng và Hội đồng Chính phủ về công tác kế hoạch, phải chuyển hướng và đổi mới công tác cân đối kế hoạch theo quan điểm của Đảng, **lấy cân đối sức lao động xã hội làm cân đối trung tâm** của toàn bộ hệ thống cân đối kinh tế, kết hợp tốt sức lao động với đối tượng lao động và công cụ lao động, tích cực vươn lên đáp ứng đến mức cao nhất các nhu cầu về xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật và nâng cao đời sống theo yêu cầu của quy luật

Digitized by Google

kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và đường lối của Đảng. Cân đối sức lao động xã hội là cân đối cơ bản để hình thành sự bố trí chiến lược trong nền kinh tế quốc dân nhằm xây dựng cơ cấu kinh tế mới, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kinh tế và quốc phòng, đồng thời đó cũng là cân đối cơ bản tạo nên thế chủ động để khắc phục các khó khăn, giải quyết các mặt không cân đối của nền kinh tế (lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, vật liệu, hàng xuất khẩu, v.v...). Mọi cân đối khác của kế hoạch đều phải xoay quanh cân đối cơ bản này.

Quan điểm mới về cân đối kế hoạch xuất phát từ cân đối lao động đòi hỏi mỗi ngành, mỗi liên hiệp xí nghiệp, mỗi công ty đều cần tìm biện pháp tích cực tự mình giải quyết công cụ lao động, thiết bị, vật tư và đề ra yêu cầu cần giải quyết để tận dụng sức lao động hiện có, sử dụng thêm lao động và tận dụng năng lực sản xuất.

Cân đối lao động ở các đơn vị xí nghiệp, công trường cần đi từ kế hoạch cụ thể sử dụng từng loại lao động một cách hợp lý, tận dụng thời gian lao động kết hợp với tận dụng năng lực sản xuất mà bố trí các kế hoạch khác của đơn vị, nhằm bảo đảm thực hiện nhiệm vụ sản xuất, xây dựng với chất lượng tốt, năng suất lao động tăng nhanh, giá thành hạ. Đối với số lao động dôi ra, cần tích cực tổ chức và sử dụng vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (được hạch toán riêng để khỏi ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất chính).

Xuất phát từ cân đối lao động, các cân đối khác về công cụ lao động, vật tư, về xây dựng cơ bản, v.v... đều cần dựa trước hết vào việc tận dụng sức lao động và điều kiện trong nước để tạo ra nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ lao động, thiết bị, phụ tùng, v.v... đi đôi với thực hành **tiết kiệm triệt để** trong việc sử dụng. Những thứ trong nước đã sản xuất hoặc có thể sản xuất được (mặc dù chất lượng có thể chưa cao), đều cần được đẩy mạnh sản xuất để bảo đảm nhu cầu, không dựa vào nhập khẩu. Những việc có thể huy động sức lao động làm thì không trông chờ, ỷ lại vào máy. Chúng ta đặc biệt chú trọng đầu tư nhiều lao động vào việc phát triển vùng chuyên canh xuất khẩu (đặc biệt là cây ngắn ngày), đánh bắt và thu mua hải sản, khai thác và chế biến lâm sản, làm gia công nhiều mặt hàng cho nước ngoài, v.v... coi đó là những hướng rất quan trọng để dùng lao động trong nước làm hàng xuất khẩu, chuyển thành thiết bị, vật tư cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Về đầu tư xây dựng cơ bản, phải chú trọng sử dụng cả lao động nam và nữ ở từng địa bàn, bảo đảm cho những vùng có cơ sở công nghiệp nặng có đủ lao động trai khỏe để sử dụng và bảo đảm cho lao động nữ của gia đình những người ấy có việc để làm. Cần lựa chọn cơ cấu đầu tư nào sử dụng được tốt nhất sức lao động, đất, rừng, biển, tài nguyên khác và cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có và sắp có. Trong thi công, phần việc nào có thể làm thủ công thì phải tích cực huy động sức lao động dưới hình thức công trường thủ công, để tập trung máy và lực lượng công nhân kỹ thuật vào những phần việc cần thiết.

Cân đối lao động là cân đối trung tâm của hệ thống cân đối kinh tế quốc dân đặt ra yêu cầu phải chú trọng cân đối tốt kế hoạch đời sống, bảo đảm tốt hơn nữa các nhu cầu về đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân để tái sản xuất sức lao động. Chúng ta có khá nhiều việc, đặc biệt là các hoạt động dịch vụ, có thể dùng sức lao động và điều kiện trong nước để phục vụ đời sống nhân dân, như:

Digitized by Google

tổ chức lại các khâu lưu thông, phân phối lương thực, thực phẩm, sửa chữa đồ dùng hằng ngày, phát triển các lớp mẫu giáo, nhà trẻ và các hoạt động văn hóa khác, phát triển các ngành nghề phù hợp với việc sử dụng lao động nữ, người lớn tuổi còn sức lao động và những người tuy bị thương tật, mất sức nhưng còn có khả năng tham gia một phần lao động có ích cho xã hội.

Đi từ thế mạnh nhất của ta là nguồn lao động dồi dào, kết hợp với đất đai, tài nguyên và cơ sở vật chất — kỹ thuật để cân đối kế hoạch, nhằm bảo đảm đến mức cao nhất các nhu cầu của sản xuất và đời sống là một bước chuyển hướng quan trọng, một sự đổi mới về quan điểm và phương pháp kế hoạch hóa. Sự chuyển hướng này đòi hỏi kế hoạch phải được cân đối theo quan điểm mới ngay từ cơ sở, trước hết là từ cấp huyện, và từ các xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, liên hiệp xí nghiệp, sử dụng tốt hơn nữa lực lượng lao động xã hội, không để một người lao động không có việc làm, một tấc đất bị bỏ hoang, một cỗ máy phải nằm im, quỹ thời gian lao động bị lãng phí, các nguồn vật tư, kể cả phế liệu, bị ứ đọng, bỏ phí. Có như vậy, việc sử dụng sức lao động gắn với khai thác đất đai, tài nguyên và cơ sở vật chất — kỹ thuật mới có căn cứ đầy đủ; kế hoạch mới bảo đảm được cân đối tích cực và vững chắc.

Những năm tới, việc xây dựng hệ thống hoàn chỉnh các cân đối của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, của ngành, tỉnh (thành phố), huyện, và đơn vị cơ sở là rất cần thiết để tổ chức công tác cân đối một cách có tổ chức, có nề nếp. Nhà nước sẽ xác định rõ hệ thống các cân đối, bao gồm các sản phẩm do Nhà nước thống nhất quản lý và các sản phẩm do các ngành, các địa phương, các cơ sở quản lý, quy định rõ cơ quan lập bảng cân đối, cơ quan duyệt cân đối, cơ quan thực hiện cân đối. Để thực hiện việc kết hợp kế hoạch hóa theo ngành với kế hoạch hóa theo địa phương và lãnh thổ, từ nay chúng ta sẽ tiến hành từng bước việc cân đối theo địa phương, trước hết là về một số mặt chủ yếu, như lao động, vật liệu xây dựng, vận tải, lương thực và thực phẩm, hàng tiêu dùng, cân đối thu chi tiền tệ của dân cư, cân đối nhà ở theo địa phương v.v...

Kết hợp kế hoạch với thị trường (cũng tức là vận dụng quan hệ hàng hóa — tiền tệ, quan hệ thị trường trong công tác kế hoạch hóa). Đây là một chủ trương quan trọng cần được quán triệt tốt trong việc cải tiến công tác kế hoạch hóa. Chúng ta nói thị trường ở đây tức là nói đến **thị trường xã hội chủ nghĩa**, là sự tổng hợp các điều kiện để thực hiện (tiêu thụ) sản phẩm trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sản xuất hàng hóa, để gắn sản xuất với tiêu dùng, bảo đảm quán triệt yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, đồng thời chú ý thích đáng đến tác động của quy luật giá trị để sử dụng đầy đủ hơn nữa các quan hệ hàng hóa — tiền tệ. Như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ, mục đích cao nhất của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là « *thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội, bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền khoa học — kỹ thuật hiện đại* » (6), công tác kế hoạch hóa phải được chuyển hướng và đổi mới mạnh mẽ, từ kế hoạch sản xuất đến kế hoạch lưu thông phân phối, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của sản xuất, xây dựng cũng như nhu cầu của đời sống nhân dân.

(6) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1977, trang 24.

Digitized by Google

Để kết hợp kế hoạch với thị trường, trước hết phải tổ chức việc nghiên cứu toàn diện **nhu cầu của xã hội**, trước hết là nhu cầu tiêu dùng của từng gia đình, gồm cả nhu cầu của người lao động, nam, nữ, trẻ em, người già, v.v... coi đó là một căn cứ cơ bản của công tác kế hoạch hóa đời sống nhân dân, cũng như công tác kế hoạch hóa của các ngành, các tổ chức thương nghiệp. Phải xác định đúng đắn nhu cầu hợp lý phù hợp với đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội của nước ta trong từng thời gian, vừa chú trọng nhu cầu về đời sống vật chất, vừa chú trọng nhu cầu về đời sống tinh thần và văn hóa, và xác định rõ bước đi cụ thể trong việc bố trí kế hoạch thỏa mãn các nhu cầu.

Đối với nước ta hiện nay, việc kết hợp kế hoạch với thị trường nước ngoài, tranh thủ mở rộng quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác có ý nghĩa hết sức quan trọng. Từng đơn vị sản xuất, từng địa phương, từng ngành phải quan tâm đến việc góp phần mở rộng « công suất xuất khẩu » của nền kinh tế trong khi xây dựng kế hoạch để nhanh chóng tăng kim ngạch xuất khẩu. Trong mỗi kế hoạch hằng năm và kế hoạch 5 năm phải chú trọng tăng cường không ngừng công suất xuất khẩu của nền kinh tế với cơ cấu hàng xuất khẩu hợp lý, có nhiều hàng xuất khẩu chủ lực, có những mặt hàng có giá trị trao đổi cao.

Trong việc đổi mới công tác kế hoạch hóa kinh tế quốc dân những năm tới, chúng ta nhấn mạnh việc **đổi mới chế độ kế hoạch hóa ở cơ sở**, vì đây là khâu cơ bản tạo ra thu nhập quốc dân và tích lũy để mở rộng tái sản xuất. Các cơ quan cấp trên, các ngành, toàn thể bộ máy quản lý đều phải dồn sức thực hiện bằng được sự chuyển biến và đổi mới phương pháp kế hoạch hóa tại cơ sở, xuất phát từ những nhu cầu của cơ sở mà phát hiện và giải quyết các vướng mắc ở cấp trên, để rồi quay trở lại phục vụ tốt cho cơ sở.

Vấn đề đặt ra hiện nay là phải tăng cường sự lãnh đạo của đảng bộ ở cơ sở, nhất là sự lãnh đạo của chi ủy, đảng ủy đối với việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước, làm tốt nhiệm vụ của tổ chức cơ sở Đảng mà Điều lệ Đảng đã nêu rõ: « Các tổ chức cơ sở Đảng nói chung phải đặt trọng tâm sự lãnh đạo của mình vào việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước. » Phải nêu cao vai trò tiên phong của đảng viên trong lao động sản xuất, quản lý kinh tế. Cần chấn chỉnh việc **quản lý sản xuất, quản lý lao động** ở các đơn vị cơ sở với định mức, tiêu chuẩn quản lý tiến bộ, tăng cường kỷ luật lao động, tạo nên phong cách lao động có kỷ luật, có kỹ thuật. Quán triệt tốt hơn nữa nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cơ sở, nâng cao hơn nữa chế độ tự chịu trách nhiệm, tạo điều kiện và thúc đẩy xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp, các công ty, công trường xây dựng, lâm trường, nông trường, cửa hàng, v.v... khai thác đến mức cao mọi khả năng tiềm tàng của đơn vị, đặc biệt là khả năng về lao động, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch một cách tích cực, vừa có lợi cho đơn vị, vừa đáp ứng tốt yêu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, cần tiến hành quy hoạch, sắp xếp lại sản xuất và ổn định phương hướng sản xuất của xí nghiệp.

Mối quan hệ và kế hoạch giữa cấp trên và xí nghiệp thể hiện cụ thể bằng những chỉ tiêu pháp lệnh mà cấp trên duyệt cho xí nghiệp. Hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh giao cho xí nghiệp công nghiệp do Nhà nước ban hành (gồm 9 chỉ tiêu) một mặt tập trung

Digitized by Google

vào những nhiệm vụ quan trọng nhất, có liên quan đến những cân đối chung của nền kinh tế; mặt khác, phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo của xí nghiệp theo chế độ tự chịu trách nhiệm (có phân biệt từng loại hình xí nghiệp).

Trong nội bộ xí nghiệp, công tác kế hoạch hóa cần được cải tiến theo hướng: xây dựng kế hoạch toàn diện, thống nhất kế hoạch hiện vật và kế hoạch giá trị, gắn kế hoạch với thị trường, với tiêu thụ, với hợp đồng kinh tế; coi trọng kế hoạch khoa học kỹ thuật, v.v...

Đối với các hợp tác xã nông nghiệp, gắn với cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, công tác kế hoạch hóa phải quán triệt nội dung xây dựng cơ cấu sản xuất hợp lý trong hợp tác xã (cơ cấu cây trồng, cơ cấu con gia súc) phát triển mới các ngành nghề để sử dụng tốt nhất các khả năng lao động, đi đôi với kế hoạch hóa các biện pháp kinh tế kỹ thuật tương ứng, mà đặc biệt là cân đối thật tốt sức lao động trong hợp tác xã, sử dụng tốt mọi nguồn lao động để phát triển sản xuất của hợp tác xã và nâng cao đời sống của xã viên. Cùng với việc tăng cường vai trò của kế hoạch hóa trực tiếp, cần vận dụng tốt hơn nữa các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, quan hệ thị trường, thông qua các đòn bẩy kinh tế mà khuyến khích, giúp đỡ hợp tác xã tăng nhanh sản xuất hàng hóa nhất là hàng xuất khẩu và bảo đảm cho Nhà nước nắm chắc hơn nữa nguồn nông sản hàng hóa cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hóa, nhất là lương thực, thực phẩm. Mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với các hợp tác xã nông nghiệp, ngoài mối quan hệ hai chiều về nghĩa vụ (như: nông dân tập thể có nghĩa vụ cung cấp lương thực, thực phẩm và làm nghĩa vụ lao động đối với Nhà nước, Nhà nước có trách nhiệm cung ứng các phương tiện, thiết bị sản xuất, cơ giới hóa nông nghiệp), còn có mối quan hệ về trao đổi hàng hóa. Do đó, cần soát xét lại các đòn bẩy kinh tế hiện có, bổ sung và hoàn chỉnh thêm một bước, nhằm bảo đảm cho các đòn bẩy kinh tế tác động đồng bộ trong hệ thống quản lý và quán triệt kế hoạch Nhà nước.

Kế hoạch của hợp tác xã phải chuyển hướng toàn diện và đổi mới phương pháp theo hướng sử dụng tốt toàn bộ sức lao động, lấy cân đối sức lao động làm cân đối trung tâm để phục vụ tốt yêu cầu phân bố lại sức lao động theo quy mô cả nước, chuyển mạnh sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, chuyên canh theo hướng phân vùng, quy hoạch của Nhà nước. Các hợp tác xã nông nghiệp phải chú trọng thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, kết hợp với kinh doanh tổng hợp trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá và mở mang thêm của ngành, nghề, nhằm sử dụng hết đất đai, sức lao động và áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiến bộ. Kế hoạch của hợp tác xã nông nghiệp là kế hoạch hành động, bảo đảm tốt từng thời vụ sản xuất nông nghiệp là căn cứ để bố trí lao động và các phương tiện vật chất — kỹ thuật. Vì vậy, kế hoạch của hợp tác xã phải được xây dựng toàn diện, bao gồm các lĩnh vực sản xuất, kỹ thuật, tài chính và đặc biệt là phải cân đối toàn diện các biện pháp: thủy lợi, phân bón, giống cây trồng và gia súc, cân đối thức ăn cho gia súc, v.v...

Đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, việc tổ chức lại sản xuất, cải tiến công tác kế hoạch hóa trong hợp tác xã là rất cần thiết để khai thác tốt hơn nữa các nguồn nguyên liệu ở từng địa phương, phát huy truyền thống lâu đời về nghề thủ công mỹ nghệ, tạo ra các nghề mới để sử dụng lao động tại chỗ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và nhu cầu đời sống của nhân dân địa phương, đẩy mạnh phát triển các ngành, nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp,

Digitized by Google

sản xuất thêm hàng tiêu dùng, tạo ra sự giúp đỡ thúc đẩy lẫn nhau giữa nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ngay tại cơ sở. Chúng ta sẽ xác định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất cho từng đơn vị cơ sở, kết hợp chuyên môn hóa sản xuất với phát triển sản xuất tổng hợp nhiều loại mặt hàng, nhất là ổn định nhiệm vụ sản xuất chính để hợp tác xã có hướng đầu tư mở rộng sản xuất, tăng thêm máy móc và đào tạo thợ. Nhà nước sẽ giao nhiệm vụ kế hoạch đến thẳng hợp tác xã thông qua cơ quan quản lý công nghiệp, lấy hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chuyên nghiệp làm đơn vị cơ sở để từ đó cân đối kế hoạch.

Theo nội dung chuyển hướng và đổi mới phương pháp kế hoạch hóa kinh tế quốc dân đã trình bày trên đây, chúng ta sẽ tiến lên xây dựng các hình mẫu cân đối theo hướng đó, đổi mới từng bước và đồng bộ công tác nghiệp vụ kế hoạch hóa, thật sự tiến hành việc xây dựng tổng hợp kế hoạch từ dưới lên, hết sức coi trọng trách nhiệm và quyền chủ động của các ngành, các địa phương và cơ sở, trong việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch, xây dựng hoàn chỉnh pháp chế kế hoạch hóa theo nội dung và phương pháp kế hoạch đổi mới của nước ta. Chúng ta sẽ mở rộng việc xây dựng các tiêu chuẩn, định mức tính toán kế hoạch, áp dụng các phương pháp toán kinh tế và máy tính điện tử, tạo thêm căn cứ khoa học cho việc phân tích, nghiên cứu, xây dựng kế hoạch.

Đi đôi với việc đổi mới phương pháp kế hoạch hóa, chúng ta coi trọng hơn nữa việc vận dụng các chính sách, chế độ về vật tư, tiêu thụ, giá cả, để khuyến khích tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển đúng hướng, v.v... mở rộng sản xuất, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu nhiều mặt của đời sống.

Cuối cùng, cần nhấn mạnh một vấn đề rất quan trọng là, để bảo đảm hiệu lực của công tác kế hoạch hóa, **cần gắn rất chặt kế hoạch hóa với việc thực hiện đồng bộ các công tác khác về quản lý kinh tế.**

Theo hướng đó, đi đôi với việc đổi mới công tác kế hoạch hóa, Đảng và Nhà nước ta cần xúc tiến nghiên cứu, hoàn chỉnh các chế độ, chính sách quản lý kinh tế, chấn chỉnh và kiện toàn bộ máy quản lý, bồi dưỡng, đào tạo, sắp xếp cán bộ, v.v... coi đó là những công tác có ý nghĩa cực kỳ quan trọng để đưa toàn bộ công tác quản lý kinh tế tiến lên một cách đồng bộ. Đặc biệt cấp thiết là chính sách về nghĩa vụ lao động, xây dựng vùng kinh tế mới, các chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, hệ thống giá cả (từ giá mua nông sản, lâm sản, hải sản, giá bán tư liệu sản xuất, giá bán buôn xí nghiệp, các loại giá xây dựng, vận tải...) và chính sách tiền lương, tiền thưởng, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế đánh vào vốn sản xuất, v.v... các tiêu chuẩn, chế độ phân phối, cung cấp lương thực, thực phẩm nhằm khuyến khích việc sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch Nhà nước.

Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong công tác kế hoạch hóa, là chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Quá trình tiến hành kế hoạch hóa kinh tế quốc dân thực chất là một cuộc vận động cách mạng. Kế hoạch kinh tế — văn hóa — xã hội phải do quần chúng trực tiếp nắm lấy (từ việc đổi mới xây dựng kế hoạch đến việc thực hiện kế hoạch) thì mới tạo ra một nhịp độ nhanh về phát triển kinh tế, bảo đảm cho Tổ quốc ta tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống nhân dân.

Đảng và Nhà nước ta sẽ vận dụng nhiều hình thức linh hoạt, phong phú để tổ chức nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ tập thể của

Digitized by Google

mình trong công tác quản lý kinh tế nói chung cũng như trong công tác kế hoạch hóa nói riêng, tập trung được trí tuệ tập thể của nhân dân lao động vào việc xây dựng kế hoạch, bảo đảm cho kế hoạch được xây dựng tích cực vững chắc, và được thực hiện thắng lợi.

Trên cương vị công tác của mình, mỗi người lao động vừa là người sản xuất, vừa là người quản lý. Mỗi người lao động phải là một người vừa lao động sản xuất tốt, vừa quản lý tốt. Quản lý tốt nói ở đây là làm chủ tập thể đối với công việc của mình, là giữ gìn máy móc, thiết bị, sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, vừa sản xuất, vừa ghi chép, hạch toán chi phí sản xuất, hoàn thành và hoàn thành kế hoạch được giao một cách tiết kiệm nhất. Mỗi người lao động ở bất cứ vị trí công tác nào đều phải tỏ rõ lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa của mình, góp phần tích cực vào việc xây dựng kế hoạch theo tinh thần chuyển hướng mới, đạt năng suất cao trong lao động sản xuất, thực hiện kế hoạch Nhà nước.

Năm 1978 là năm phải tạo ra cho được một bước chuyển biến mạnh mẽ của nền kinh tế. Chúng ta phải phát động một phong trào cách mạng sôi nổi và bền bỉ của quần chúng, động viên quần chúng lao động trong cả nước tiến lên với tinh thần phấn khởi và khí thế cách mạng tiến công, hăng hái thi đua tăng năng suất lao động, tiết kiệm triệt để trong lao động sản xuất và đời sống. Muốn vậy, phải có sự đổi mới trong cách thức tổ chức và chỉ đạo, xác định đúng dắn nội dung kinh tế của phong trào, vạch rõ những mục tiêu cụ thể (như: năng suất lao động cao, tiết kiệm triệt để, toàn diện trong sản xuất, trong đời sống, xây dựng nề nếp quản lý mới, phong cách lao động mới, nếp sống mới...), đồng thời kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực và hư hỏng trong xã hội. Phải kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp (kinh tế, hành chính, giáo dục), tăng cường công tác tư tưởng nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư tưởng và tác phong làm chủ tập thể. Các cơ quan quản lý cấp trên phải cải tiến mạnh mẽ cách làm việc, phục vụ tốt hơn nữa cho cấp dưới, cho cơ sở.

★

Trên đây là một số vấn đề về chuyển hướng và đổi mới phương pháp công tác kế hoạch hóa kinh tế quốc dân trong giai đoạn cách mạng mới.

Muốn có « kế hoạch thật tốt » như Hồ Chủ tịch đã căn dặn trong Di chúc của Người, Đảng ta phải tăng cường hệ thống kế hoạch hóa gắn với hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa; phải đổi mới công tác kế hoạch hóa một cách mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ.

Công tác kế hoạch hóa không đơn thuần phải là trách nhiệm của hệ thống các cơ quan chuyên môn về công tác kế hoạch hóa, mà là trách nhiệm chung của các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, của các ngành, các cấp, từ cán bộ lãnh đạo đến người lao động. Đảng cần trực tiếp nắm công tác kế hoạch hóa trong giai đoạn cách mạng mới cũng như trước đây trong chiến tranh đã trực tiếp nắm công tác quân sự. Đảng phải quan tâm xây dựng hệ thống bộ máy kế hoạch thành cơ quan tham mưu tổng hợp về kinh tế để nó giúp cấp lãnh đạo và quản lý ở các ngành, các cấp.

Đội ngũ cán bộ kế hoạch phải được lựa chọn kỹ, được đào tạo chu đáo để nắm được đường lối của Đảng, nắm được các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, nắm được nghiệp vụ và kỹ thuật, có tác phong sâu sát thực tế, gần gũi quần chúng, nhạy bén với cái mới.

(Xem tiếp trang 105)

Digitized by Google

CỦNG CỐ VÀ KIỆN TOÀN CÁC CHI BỘ, ĐẢNG BỘ CƠ SỞ NÔNG THÔN, BẢO ĐẢM THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

VŨ - OANH

DƯỚI ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhận rõ vai trò cực kỳ quan trọng của nông nghiệp đối với sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ và những chủ trương, biện pháp phát triển nông nghiệp, nhằm nhanh chóng đưa nền nông nghiệp nước ta từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông thôn mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Là hạt nhân lãnh đạo ở nông thôn, đưa đường lối, chính sách của Đảng vào quần chúng và tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng, các chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng. Có thể nói, lúc này, mọi việc làm đúng hay sai, tốt hay xấu của chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn đều ảnh hưởng trực tiếp và tức thời đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đến uy tín và sức mạnh chung của toàn Đảng.

Vì vậy, hơn bao giờ hết, trong việc củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng, chúng ta cần *ra sức củng cố và kiện toàn các chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn*, bảo đảm thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của Đảng, đặc biệt là thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp theo phương hướng mà Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã vạch ra. Điều đó lại càng có ý nghĩa cấp bách đối với các chi bộ, đảng bộ cơ sở ở nông thôn miền Nam, nơi mà trước đây trải qua chiến đấu ác liệt chống quân thù, cơ sở Đảng bị tổn thất nặng nề, ngày nay chuyển sang đảm nhiệm những nhiệm vụ hoàn toàn mới mẻ trong khi trình độ của số đông cán bộ, đảng viên còn bị hạn chế.

★

Trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ,

Digitized by Google

đảng bộ cơ sở nông thôn, điều quan trọng trước hết là phải giúp các chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn *xác định đúng nhiệm vụ chính trị của mình*, đặc biệt là *xác định đúng phương hướng sản xuất của địa phương*

Trách nhiệm chung nhất, bao trùm nhất của mọi tổ chức cơ sở Đảng, như Điều lệ Đảng đã chỉ rõ, là phải « theo chức trách lãnh đạo của mình, bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước được thực hiện ở cơ sở » (1). Cụ thể là, các tổ chức cơ sở Đảng phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, điều tra nghiên cứu tình hình, vạch ra một cách chính xác những nhiệm vụ, mục tiêu và biện pháp phấn đấu của đơn vị; trên cơ sở đó tiến hành công tác tư tưởng và tổ chức, phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể và trí sáng tạo của quần chúng, tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ; kế hoạch công tác đã đề ra; kiểm tra hoạt động của cán bộ, đảng viên, của cơ quan chính quyền và các đoàn thể quần chúng, bảo đảm cho mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được thực hiện một cách nghiêm túc và có hiệu quả. Đồng thời, thông qua đó để củng cố và kiện toàn tổ chức, không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Toàn bộ hoạt động của các chi bộ, đảng bộ cơ sở đều nhằm theo phương hướng đó. Xét một chi bộ, một đảng bộ tốt hay không tốt, mạnh hay không mạnh là phải dựa trên tiêu chuẩn ấy. « Không thể thừa nhận một chi bộ, một đảng bộ cơ sở là tốt nếu ở đó ba cuộc cách mạng làm không tốt, nếu sản xuất không lên, năng suất lao động không tăng, nghĩa vụ đối với Nhà nước không hoàn thành, quyền làm chủ của quần chúng bị xâm phạm, đời sống quần chúng về mọi mặt không được ổn định và nâng cao dần, những nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt nội bộ của chi bộ không được thực hiện tốt, v.v... »(2).

Một vấn đề hết sức quan trọng cần nhấn mạnh là các chi bộ và đảng bộ cơ sở nông thôn phải phát huy đầy đủ *vai trò là người đại diện lập trường của giai cấp công nhân*, là hạt nhân lãnh đạo và pháo đài chiến đấu của Đảng ở nông thôn. Trách nhiệm đầu tiên của các chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn là phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, vận dụng sáng tạo chủ trương chung của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, vạch ra một cách chính xác phương hướng sản xuất của địa phương, kết hợp đúng đắn lợi ích chung của Nhà nước với lợi ích của nông dân, đấu tranh chống tư tưởng cục bộ, địa phương, khắc phục lối làm ăn phường hội, sản xuất nhỏ.

Muốn xác định đúng đắn phương hướng sản xuất của địa phương, bên cạnh nhiệt tình cách mạng, quyết tâm và ý chí vươn lên, vấn đề mấu chốt là phải nắm chắc chủ trương, chính sách, phương hướng phát triển nông nghiệp của Đảng, các yêu cầu cụ thể của cấp trên đối với địa phương, phân tích một cách đầy đủ, sâu sắc các vấn đề kinh tế, kỹ thuật, điều tra cụ thể tình hình đất, nước, sức lao động, thời tiết, cây trồng, con gia súc,... của địa phương, tiếp thu tốt kinh nghiệm sản xuất của quần chúng, để từ đó xây dựng một cách hợp lý các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, xác định cơ cấu sản xuất, cơ cấu cây trồng, quy định các biện pháp, chế độ công tác, quy trình kỹ thuật, chế độ quản lý, chế độ phân phối, vừa định ra những bước đi cụ thể, những chỉ tiêu, định mức cụ thể cho những năm

(1) *Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam* trang 98.

(2) *Báo cáo chính trị* của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 190.

Digitized by Google

trước mắt, vừa chuẩn bị kế hoạch cho lâu dài.

Từ kinh nghiệm và thực tiễn của mình, đến nay một số tổ chức cơ sở Đảng đã vạch ra được phương hướng sản xuất tương đối rõ, đã xác định được cơ cấu cây trồng theo phương hướng chuyên canh, thâm canh, kết hợp chặt chẽ giữa trồng trọt và chăn nuôi. Nhưng ở nhiều nơi việc xác định phương hướng sản xuất, bố trí cây trồng, quy hoạch chăn nuôi, kế hoạch phát triển ngành nghề còn gặp lúng túng, nhất là chưa có tầm nhìn xa, chưa mạnh bạo đổi mới cách làm ăn, chưa chuẩn bị tốt quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế một cách cơ bản, lâu dài và toàn diện. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn ở miền Bắc cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, định ra một cách cơ bản phương hướng, nhiệm vụ sản xuất của hợp tác xã và cố gắng sớm ổn định phương hướng sản xuất đó để lãnh đạo các hợp tác xã thực hiện có kết quả các kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất, bảo đảm cân đối giữa các mặt sản xuất, giữa lúa và màu, giữa chăn nuôi và trồng trọt, giữa việc cải thiện dần đời sống của xã viên với việc đóng góp lương thực, thực phẩm và hàng hóa nông sản ngày càng nhiều cho Nhà nước, v.v... Cần kiên quyết khắc phục tình trạng một số chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn buông lỏng lãnh đạo hợp tác xã, hoặc lãnh đạo hợp tác xã một cách hời hợt, chung chung. Các xã ở miền Nam, trong khi chưa tổ chức hợp tác xã, tổ chức cơ sở Đảng cần thông qua tổ chức chính quyền, nông hội và các tổ vần công, đổi công, các đoàn thể quần chúng, lãnh đạo nông dân hăng hái phát triển sản xuất, làm tốt nghĩa vụ bán lương thực, thực phẩm cho Nhà nước, đồng thời tích cực tổ chức nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Chống tư tưởng cục bộ, địa phương, làm ăn theo lối cũ.

Xác định cho được một phương hướng sản xuất đúng không phải là việc đơn giản, dễ dàng, mà là công việc hết sức phức tạp, khó khăn, đòi hỏi phải có sự tập trung trí tuệ của cả chi bộ, đảng bộ, có sự giúp đỡ tích cực của các cơ quan lãnh đạo cấp trên, có công phu suy nghĩ, tính toán một cách khoa học của các bộ phận chuyên môn, và có sự bàn bạc dân chủ của đông đảo quần chúng. Vấn đề quyết định ở đây là chi ủy, đảng ủy cơ sở phải rất chủ động, sáng tạo, có quyết tâm, có kiến thức, có tầm suy nghĩ lớn, và phải phát huy được trí tuệ sáng tạo của đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Muốn nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn, một điều kiện cốt yếu là phải *ra sức giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.*

Trong những năm qua, được sự giáo dục của Đảng, được rèn luyện và trưởng thành trong bão táp dữ dội tranh cách mạng, số đông cán bộ, đảng viên ở nông thôn đã nêu cao tinh thần tận tụy hy sinh, không sợ gian khổ, khó khăn, ngày đêm lăn lộn với phong trào, từng bước nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực công tác của mình. Tuy vậy, năng lực công tác, năng lực lãnh đạo của một số cán bộ, nhất là cán bộ ở các vùng mới giải phóng ở miền Nam, chưa đáp ứng được yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới. Thậm chí, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, một số người giảm sút ý chí chiến đấu, thiếu tinh thần trách nhiệm, lợi dụng chức quyền để chăm lo thu vén cho gia đình, bản vị, cục bộ, hống hách với nhân dân, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Số đảng viên «trung bình» và yếu kém vẫn còn chiếm tỷ lệ không ít.

Giai đoạn mới của cách mạng đòi hỏi chúng ta phải ra sức giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên nông thôn, giúp cán bộ, đảng viên nông

Digitized by Google

thôn nắm được những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phương pháp luận của giai cấp vô sản, nắm được đường lối, chính sách của Đảng, trên cơ sở đó, có cách xem xét và giải quyết các vấn đề một cách khoa học, biện chứng, có khả năng vận dụng sáng tạo chủ trương chung vào tình hình cụ thể của địa phương, kịp thời giải quyết được những vấn đề do thực tế đặt ra. Trước mắt, cần làm cho cán bộ, đảng viên nông thôn nắm được đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta do Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch ra. Đặc biệt cần giúp cho cán bộ, đảng viên nông thôn thấu suốt nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng về phương hướng và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp. Từ đó hiểu rõ những vấn đề, những yêu cầu cấp bách đang đặt ra đối với địa phương; kiên quyết khắc phục tình trạng một số cán bộ, đảng viên chỉ chạy theo những công tác sự vụ trước mắt, coi nhẹ việc nghiên cứu lý luận và đường lối, chính sách của Đảng.

Cùng với việc giáo dục lý luận, chính trị, cần chú ý bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên nông thôn những hiểu biết về văn hóa, khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế, những kiến thức về công tác xây dựng Đảng. Hiện nay, chúng ta đang tiến hành tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện; quy mô của các hợp tác xã ngày càng mở rộng; hệ thống tổ chức, quản lý của hợp tác xã đang dần dần đổi mới theo yêu cầu tập trung và chuyên môn hóa ngày càng cao; nhiều vấn đề mới mẻ và phức tạp đặt ra, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nông thôn phải nhanh chóng vươn lên bằng cách gian khổ học tập, gian khổ suy nghĩ, trang bị cho mình vốn hiểu biết phong phú và cơ bản về các mặt. Cần thông qua các hình thức học tập tại chức, tại trường, kết hợp với việc tổng kết kinh nghiệm công tác, học tập kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến để bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, đảng viên.

Trong việc bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên nông thôn, cần chú ý nâng cao ý thức giác ngộ về lập trường của giai cấp công nhân, nâng cao ý chí chiến đấu cách mạng, quan điểm quần chúng, ý thức tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng, ý thức tổ chức, kỷ luật, đức tinh trung thực, thật thà, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Khắc phục tư tưởng ngại khó, ngại khổ, thái độ làm việc cầm chừng, thiếu tinh thần trách nhiệm, nặng chăm lo thu vén cho cá nhân, hống hách với quần chúng, coi thường quần chúng.

Để giúp đảng viên có điều kiện phấn đấu và rèn luyện một cách thiết thực và có hiệu quả, cần coi trọng việc phân công công tác cho đảng viên, đưa đảng viên vào vị trí chiến đấu cụ thể, hợp với khả năng, trình độ và hoàn cảnh của từng người; đồng thời thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, quản lý đảng viên, kịp thời giúp đỡ đảng viên giải quyết những khó khăn trong công tác và đời sống. Đối với những đảng viên yếu kém và «trung bình», chi bộ cần tận tình giúp đỡ, nếu sau một thời gian, những đảng viên này không có tiến bộ rõ rệt thì khuyên họ tự giác xin ra Đảng hoặc chi bộ quyết định xóa tên họ trong danh sách đảng viên, thực hiện một cách nghiêm túc chỉ thị của Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Cần *đặc biệt quan tâm bố trí tốt đội ngũ cốt cán*, coi đó là *biện pháp mấu chốt* để tăng cường sức mạnh của tổ chức cơ sở Đảng. Bởi vì, đội ngũ cốt cán của Đảng ở cơ sở là những người giữ vị trí quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi mặt

Digitized by Google

công tác ở cơ sở. Mỗi chủ trương, mỗi quyết định của những đồng chí này có ảnh hưởng rất lớn đến phong trào cách mạng ở cơ sở, đến đời sống của quần chúng ở cơ sở. Sức mạnh của tổ chức cơ sở Đảng phụ thuộc một cách quyết định vào chất lượng đội ngũ cốt cán. Năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng biểu hiện trước hết ở năng lực của các cốt cán. Thực tế đã chứng tỏ rằng nơi nào có đồng chí bí thư chi bộ «cứng», chủ nhiệm hợp tác xã giỏi, chi ủy, đảng ủy vững thì ở nơi đó phong trào vươn lên mạnh, các kế hoạch sản xuất và công tác được hoàn thành tốt. Cần khắc phục tình trạng không quan tâm bồi dưỡng đào tạo cán bộ cho cơ sở, hoặc điều động quá nhiều cốt cán giỏi ở cơ sở đi công tác khác.

Trong việc bố trí cốt cán ở cơ sở, cần chú ý tăng cường cán bộ trẻ, những người có sức khỏe, có nhiệt tình, có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, có kiến thức về quản lý kinh tế, nhạy cảm với cái mới, mạnh dạn, sáng tạo; đồng thời kết hợp chặt chẽ cán bộ cũ với cán bộ mới, phát huy những mặt tích cực, những kinh nghiệm tốt của cán bộ cũ. Vừa qua, tuy nhiều nơi đã chú ý cất nhắc, sử dụng cán bộ trẻ, nhưng nhìn chung, số cán bộ trẻ giữ những trách nhiệm chủ chốt còn quá ít; yêu cầu về cơ cấu cán bộ của Đảng chưa được quán triệt đầy đủ.

Khâu trung tâm của công tác củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng là *củng cố, kiện toàn chi bộ*, làm cho chi bộ, tế bào đầu tiên của Đảng, thật sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị, là đơn vị chiến đấu ở cơ sở và là trường học giáo dục, rèn luyện đảng viên. Trong nhiều năm trước đây, thông qua các cuộc vận động xây dựng chi bộ «bốn tốt», nâng cao chất lượng đảng viên... (ở miền Bắc), xây dựng chi bộ tự động công tác (ở miền Nam), rất nhiều chi bộ ở nông thôn, kể cả một số chi bộ yếu kém, đã nhanh chóng trưởng thành, từng bước nâng cao được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình, nhưng cho đến nay, vẫn còn một số chi bộ thuộc loại yếu kém và «trung bình». Điều đó làm hạn chế sự phát triển đồng đều của các đơn vị sản xuất cơ sở. Chúng ta cần ra sức phấn đấu để trong một thời gian không lâu, củng cố, kiện toàn được tất cả các chi bộ, thanh toán được tình trạng chi bộ yếu kém, «trung bình», làm cho các chi bộ hoạt động đồng đều ở khắp các cơ sở nông thôn.

Trong công tác củng cố chi bộ, cần hết sức coi trọng việc *cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ*, làm cho sinh hoạt chi bộ đi vào nề nếp và có nội dung chính trị, tư tưởng cụ thể, vừa mở rộng được dân chủ, bảo đảm phát huy được trí tuệ của đảng viên, vừa tăng cường được tập trung, bảo đảm được sự thống nhất về ý chí và hành động, thể hiện đúng tính chất lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu của tổ chức Đảng. Kinh nghiệm đã chỉ ra rằng, hễ nơi nào, lúc nào mà sinh hoạt chi bộ bị buông lỏng, rời rạc, hoặc không có nội dung chính trị, tư tưởng cụ thể, thiết thực thì ở nơi đó, lúc đó có nguy cơ đi chệch đường lối, chính sách của Đảng, hạ thấp vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng và không rèn luyện, giáo dục tốt đảng viên. Các chi bộ cần thảo luận kỹ đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhiệm vụ của địa phương và đơn vị, thảo luận kế hoạch, biện pháp để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ ấy, đồng thời thường xuyên kiểm điểm, rút kinh nghiệm công tác của chi bộ, đẩy mạnh việc tự phê bình và phê bình.

Đi đôi với việc cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, cần *thực hiện nghiêm túc và triệt để các nguyên tắc, chế độ sinh hoạt và công tác của tổ chức cơ sở Đảng*, bảo đảm vừa phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của đảng viên, vừa giữ gìn sự đoàn

Digitized by Google

kết, thống nhất của tổ chức Đảng. Nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng ta là nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc này đã được thể hiện bằng những quy định cụ thể trong nhiều chương, nhiều điều của *Điều lệ Đảng* như: «cơ quan lãnh đạo cấp dưới và cán bộ, đảng viên phải tôn trọng sự lãnh đạo tập trung thống nhất của cấp trên; phải chấp hành nghiêm chỉnh, không điều kiện và triệt để các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, của tập thể»...; «Cá nhân đảng viên phải phục tùng tổ chức và kỷ luật của Đảng, thiểu số phục tùng đa số, tổ chức cấp dưới phục tùng tổ chức có thẩm quyền ở cấp trên...»; «bộ phận phải phục tùng toàn bộ, không được bản vị, cục bộ, địa phương chủ nghĩa...»; «trong Đảng, tuyệt đối không được bè phái»; v.v... (3). Nguyên tắc này còn đòi hỏi «cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng phải thực hiện đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể. Lãnh đạo tập thể phải đi đôi với cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm cá nhân» (4). *Điều lệ Đảng* còn nêu lên hàng loạt các quy định, các chế độ cụ thể, bắt buộc mọi tổ chức Đảng và đảng viên phải tuân theo, như: chế độ tham gia đều đặn các kỳ sinh hoạt chi bộ; chế độ thường xuyên tự phê bình và phê bình; chế độ sơ kết, tổng kết công tác; chế độ báo cáo xin chỉ thị cấp trên; chế độ tổ chức cho quần chúng tham gia ý kiến vào những vấn đề trọng yếu của Đảng; chế độ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đảng; chế độ khen thưởng và kỷ luật cán bộ, đảng viên, v.v...

Thời gian qua, nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn đã hoạt động theo đúng nguyên tắc tổ chức của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của *Điều lệ Đảng*, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật của cán bộ, đảng viên. Tuy vậy, ở không ít nơi vẫn còn tình trạng mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Nghị quyết của chi bộ, đảng bộ chưa tập trung được trí tuệ của tập thể đảng viên và quần chúng. Nhiều cấp ủy không thực hiện đúng chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Nhiều đảng viên vin vào lý do này, lý do khác, không tham gia sinh hoạt chi bộ hoặc có những biểu hiện tự do chủ nghĩa, độc đoán, gia trưởng. Các chế độ tổng kết công tác, báo cáo và xin chỉ thị cấp trên không được tôn trọng đúng mức. Chế độ tự phê bình và phê bình không được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, v.v... Chúng ta cần tích cực khắc phục những thiếu sót ấy.

Một vấn đề hết sức quan trọng nữa đối với các chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn là cần *phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.*

Để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, các tổ chức cơ sở Đảng, các cán bộ, đảng viên cần nhận thức sâu sắc vai trò to lớn của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng, thật sự tôn trọng quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng, tổ chức để quần chúng phát biểu về tất cả các vấn đề mà quần chúng cần góp ý kiến xây dựng, nhất là những vấn đề về sản xuất nông nghiệp nhằm vận dụng sáng tạo và thực hiện thắng lợi nghị quyết của Trung ương về nông nghiệp ở địa phương. Quyền làm chủ tập thể của quần chúng thể hiện một phần quan trọng trong các phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng. Các tổ chức cơ sở Đảng cần kiên trì tuyên truyền, giáo dục sâu rộng làm cho quần chúng nông dân hiểu rõ tinh thần và nội dung nghị quyết của

(3) *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt-nam*, trang 53, 68, 70.

(4) Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam.

Digitized by Google

Trung ương về nông nghiệp, phát động quần chúng: tổ chức các phong trào thi đua sôi nổi và liên tục trong quần chúng, đẩy mạnh các phong trào thâm canh, tăng vụ, làm thủy lợi, làm phân bón, khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới, tiến quân vào khoa học, kỹ thuật, tích cực tham gia củng cố hợp tác xã, cải tiến quản lý hợp tác xã và hăng hái gia nhập hợp tác xã ở những nơi đang tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp. Đồng thời, thông qua các hoạt động cụ thể đó mà giáo dục, bồi dưỡng cho nông dân tinh thần làm chủ nông thôn, xây dựng hợp tác xã vững mạnh, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Các chi bộ, đảng bộ nông thôn không những cần thường xuyên tạo điều kiện và tổ chức cho quần chúng bàn bạc và quyết định những vấn đề trọng yếu của địa phương trong lĩnh vực sản xuất, phân phối, mà còn phải tích cực vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng: giới thiệu những người xứng đáng để chi bộ, đảng bộ lựa chọn bầu vào chi ủy, đảng ủy; giới thiệu những người ưu tú để chi bộ xét kết nạp vào Đảng, góp ý kiến về những công việc của Đảng và kiểm tra tư cách cán bộ, đảng viên.

Sức mạnh của Đảng ta ngày nay là sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản. Các tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn cần chăm lo xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng, phát huy đến mức cao nhất vai trò của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân xã, tôn trọng chế độ quản lý của hợp tác xã và đề cao vai trò, tác dụng của các đoàn thể quần chúng. Cần biết cách sử dụng bộ máy chính quyền, cơ quan quản lý hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng như những công cụ đắc lực để tổ chức, động viên quần chúng nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương. Kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, chuyên quyền, cũng như tình trạng tổ chức Đảng bao biện, làm thay công việc của chính quyền, can thiệp vào các vấn đề cụ thể thuộc phạm vi quản lý và điều hành công việc của hợp tác xã, coi nhẹ vai trò các đoàn thể quần chúng.. Đồng thời tích cực chống khuynh hướng chi bộ lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng một cách hời hợt, chung chung, khoán trắng mọi công việc cho các tổ chức ấy.

Hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng có liên quan đến hoạt động của các cấp, các ngành. Sức mạnh của tổ chức cơ sở Đảng có quan hệ đến sức mạnh chung của toàn Đảng. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, mọi hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, những thắng lợi và thiếu sót trong công tác của tổ chức cơ sở Đảng, nhiều khi lại phụ thuộc một cách quyết định vào việc các cơ quan cấp trên định ra và chỉ đạo thực hiện các chính sách, chế độ, biện pháp công tác ở cơ sở. Các chi bộ và đảng bộ cơ sở nông thôn, dù hoạt động thường xuyên trong mối liên hệ với quần chúng, hàng ngày hàng giờ phải chủ động giải quyết những vấn đề nóng hổi do thực tiễn sản xuất, công tác và đời sống của quần chúng đặt ra, nhưng vẫn không thể tách rời sự chỉ đạo của các cơ quan lãnh đạo và quản lý cấp trên, *nhất là cấp huyện*. Tính chủ động và sáng tạo của chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn chỉ có thể được phát huy theo phương hướng đúng đắn trên cơ sở quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, và được sự chỉ đạo, giúp đỡ tích cực của cấp huyện. Hiện nay, chúng ta đang tiến hành tổ chức lại sản xuất và phân công lại lao động nông nghiệp trên địa bàn huyện. Huyện chẳng những là một cấp hành chính mà còn là một cấp quản lý kinh tế, văn hóa, là cứ điểm để tiến hành ba cuộc cách mạng ở nông thôn, xây

(Xem tiếp trang 68)

Digitized by Google

NẮM VỮNG CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN, PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG, TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 228 NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

NGÀY 12-1-1974, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã ban hành nghị quyết về «cuộc đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an, phục vụ tốt phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, phục vụ tốt đời sống nhân dân». Nội dung nghị quyết phù hợp với nguyện vọng của cán bộ và nhân dân, cho nên khi nghị quyết được phổ biến, cán bộ, công nhân, bộ đội, nhân dân đường phố và xã viên hợp tác xã nhiệt liệt hưởng ứng và tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Mọi người hăng hái phát hiện những hiện tượng sơ hở trong quản lý, tự báo và phát hiện những vụ lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và làm ăn phi pháp. Việc thực hiện nghị quyết đã đạt được một số kết quả bước đầu.

Tuy nhiên, việc thực hiện nghị quyết này chưa đem lại tiến bộ rõ rệt trong công tác quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Những vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa chưa được xử lý đến nơi đến chốn làm ảnh hưởng đến việc duy trì và phát triển phong trào quần chúng.

Sau chiến thắng lịch sử của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, nước nhà thống nhất, nhân dân ta trong cả nước ra sức khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và khắc phục những di hại của chủ nghĩa thực dân mới. Tình hình sản xuất và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhất là những khó khăn về lương thực, thực phẩm, vật tư, hàng hóa. Trong tình hình đó, việc thực hiện nghị quyết 228 NQ/TƯ của Bộ chính trị, **bị buông lỏng.** Ở miền Bắc, công tác quản lý kinh tế của Nhà nước có nhiều sơ hở, công tác quản lý thị trường, trật tự an ninh không được tăng cường đúng mức, những hiện tượng tiêu cực chưa được xóa bỏ hẳn lại có cơ hội phát triển. Hiện nay, ở cả hai miền, tệ lấy cắp tài

Digitized by Google

sản Nhà nước, hối lộ, làm ăn trái phép và những biểu hiện tiêu cực khác ở trong các cơ quan Nhà nước và ngoài xã hội đang phát triển và có những mặt nghiêm trọng. Công tác quản lý, phân phối vật tư, hàng hóa vẫn có nhiều sơ hở, những chế độ, thể lệ của Nhà nước đã ban hành vẫn chưa được thực hiện nghiêm chỉnh.

Có tình hình trên đây chủ yếu là do chúng ta **buông lỏng quản lý kinh tế, chưa nghiêm chỉnh thực hiện nghị quyết nói trên của Bộ chính trị.** Kinh nghiệm công tác quản lý Nhà nước ta trong nhiều năm đã chỉ rõ: « Tình hình càng khó khăn, thì càng phải tăng cường quản lý ». Trong lúc đông đảo cán bộ và nhân dân ta sống giản dị, lành mạnh, lao động cần cù, dũng cảm, cố gắng khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất và công tác, góp phần xây dựng cuộc sống mới, thì một số ít phần tử xấu lại ngang nhiên ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu, phá hoại tài sản Nhà nước mà không bị trừng phạt. Những hiện tượng tiêu cực đang tác động xấu đến nhiều mặt trong đời sống kinh tế và xã hội. Một số cán bộ, đảng viên thoái hóa, hư hỏng. Tài sản xã hội chủ nghĩa bị mất mát. Uy tín của Đảng, của chế độ bị tổn thương. Nếu chúng ta không kiên quyết, kịp thời chặn đứng tệ nạn này, thì không thể tiến hành tốt các công tác khác được. Sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng sẽ bị cản trở.

Vì vậy, lúc này, hơn lúc nào hết, chúng ta **cần nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, tăng cường công tác quản lý của Nhà nước, tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết 228 — NQ/TƯ.** Vấn đề hiện nay không phải là cố tìm cho ra những biện pháp gì mới mẻ, mầu nhiệm. Điều quan trọng lúc này là **làm, kiên quyết làm, thật sự làm, liên tục làm** những điều đúng mà chúng ta đã thấy và đã quyết định.

★

Vừa qua, Ban bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị số 20 — CT/TƯ, ngày 24-9-1977, về việc tiếp tục thi hành Nghị quyết 228 — NQ/TƯ của Bộ chính trị. Chỉ thị có nêu rõ: « Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 228 và mở rộng việc thực hiện nghị quyết đó trong cả nước là yêu cầu cần thiết; đó là cuộc đấu tranh trong nội bộ nhân dân để tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đồng thời là cuộc đấu tranh gay go giữa nhân dân ta với bọn phá hoại chủ nghĩa xã hội, bọn lưu manh, côn đồ.

Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội, là một phần nội dung quan trọng của vấn đề tăng cường chuyên chính vô sản. Phải đạt tới kết quả là quản lý kinh tế, quản lý xã hội

Digitized by Google

ngày càng đi vào nề nếp, đời sống ở thành phố và nông thôn lành mạnh, tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng được củng cố, nhân dân lao động thật sự làm chủ, gắn bó với Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng».

Để thực hiện chỉ thị nói trên, **trước hết**, cần làm cho cán bộ và nhân dân **thấu suốt quan điểm, đường lối của Đảng ta** là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Cần làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên, nhất là các cấp ủy Đảng, thủ trưởng cơ quan chính quyền, những người đảm nhận chức năng quản lý Nhà nước, nhận thức rõ: thực hiện nghị quyết này chính là thiết thực **bảo vệ và củng cố chuyên chính vô sản**, chống mọi sự tiến công của kẻ thù, bảo vệ và củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Trở ngại lớn hiện nay trong việc thực hiện nghị quyết này là khá nhiều cán bộ lãnh đạo không thấy hết tính chất nghiêm trọng của vấn đề, do đó không quyết tâm làm, không làm đến nơi đến chốn; có một số đồng chí tự mình không làm, chưa làm đã kêu là không làm được, làm thì sợ đấu tranh căng thẳng, sợ mất thành tích, mất cán bộ, cũng có người vì bản thân có sai phạm cho nên tìm mọi cách tránh né, làm qua loa cho xong chuyện...

Cũng có đồng chí thường hay nói đến chuyên chính vô sản, nhưng trong hành động thì lại không tiến hành kiểm kê kiểm soát, không giám sát bọn ăn cắp, bọn trốn tránh lao động, làm ăn phi pháp, phá rối thị trường, phá rối trật tự an ninh xã hội, nhìn thấy rõ bọn đầu cơ, ăn cắp tài sản Nhà nước nhưng vẫn không đấu tranh chống lại chúng. Tệ hại hơn, có người còn tìm cách bao che cho kẻ xấu hoặc tìm cách cản trở người đấu tranh tích cực. Lê-nin đã nói: « Khi người ta bảo thừa nhận chuyên chính vô sản, thừa nhận trên lời nói, chứ trên thực tế lại đưa ra những lời trống rỗng, thì như vậy chính là họ chứng tỏ rằng họ không hiểu gì về chuyên chính vô sản vì chuyên chinhvô sản hoàn toàn không phải chỉ là lật đổ giai cấp tư sản hay địa chủ, — công việc ấy đã được thực hiện trong tất cả các cuộc cách mạng, — nền chuyên chính vô sản của chúng ta cốt ở chỗ bảo đảm trật tự, kỷ luật, năng suất lao động, sự kiểm kê và kiểm soát» (1). Và Lê-nin cũng đã nói: « Chủ nghĩa xã hội, chính là sự giám sát. Nếu các đồng chí muốn coi trọng từng miếng sắt, từng mảnh vải, thì các đồng chí sẽ có chủ nghĩa xã hội » (2).

Vì vậy, mỗi cán bộ lãnh đạo cần nghiên cứu nắm chắc nghị quyết của Bộ chính trị, và quyết

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 27, trang 378.

(2) Sách đã dẫn, 1963, tập 26, trang 335.

Digitized by Google

tâm thực hiện bằng được nghị quyết trong ngành mình, địa phương mình, cấp mình, cơ sở mình theo tinh thần chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thi hành nghị quyết.

Cần phát động phong trào quần chúng đấu tranh chống và bài trừ tệ lấy cắp, làm ăn phi pháp. Phong trào này phải kết hợp với phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng. Phong trào này phải trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi, các cửa hàng, kho bãi, xí nghiệp, cơ quan, đến các đơn vị bộ đội, công an, bệnh viện, trường học, hợp tác xã, từ thành thị đến nông thôn, từ Bắc đến Nam, trên khắp các tuyến giao thông vận tải.

Phong trào này phải được phát động từ cơ sở, mở đầu từ cơ sở, và chỉ khi nào tất cả các cơ sở, tất cả quần chúng cách mạng đều được phát động thật sự, thì khi đó phong trào này mới trở thành một phong trào quần chúng sâu rộng, có hiệu lực mạnh mẽ. Trách nhiệm của những người lãnh đạo mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi địa phương là phải chăm lo phát động phong trào, thường xuyên tìm cách duy trì, củng cố, lãnh đạo phong trào đi đúng phương hướng của nghị quyết.

Muốn đạt được hiệu quả cao trong việc phát động, duy trì và lãnh đạo phong trào, các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở **cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động,** để họ tự nguyện tự giác tham gia phong trào một cách tích cực. Giáo dục cho mọi người hiểu rõ: « làm chủ tập thể về chính trị bao gồm cả nghĩa vụ và quyền lợi; nghĩa vụ đi đôi với quyền lợi. Mỗi công dân có nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội, nghĩa vụ bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, nghĩa vụ tôn trọng và thi hành pháp luật của Nhà nước, các quy tắc của đời sống tập thể v.v... » (3).

Trên cơ sở đó mới phát hiện được các sơ hở trong công tác quản lý kinh tế từ trung ương đến cơ sở và có biện pháp chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý, nhằm đạt hiệu quả cao trong việc đấu tranh chống tệ lấy cắp tài sản Nhà nước, tệ làm ăn trái phép. Cần bảo vệ những người phát hiện, tố cáo những kẻ làm bậy, những việc làm trái phép; khen thưởng những người có công, nghiêm trị những kẻ cố tình mua chuộc hoặc trả thù những người tố giác.

Hướng chính của việc chấn chỉnh và tăng cường quản lý là làm có nề nếp, có hiệu quả việc kiểm kê và kiểm soát trong kinh tế, xây dựng chế độ công tác, sửa đổi các chế độ, thể lệ không còn phù hợp, định rõ trách nhiệm của

(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 21 — 22.

Digitized by Google

từng tổ chức, từng người, thực hiện chế độ thanh tra của cấp trên và của tập thể, giảm bớt những thủ tục, giấy tờ không cần thiết, không bày ra thêm những thủ tục làm chậm trễ công việc và gây phiền hà cho nhân dân.

Cần nắm chắc công tác phát động quần chúng để phát hiện và khắc phục các sơ hở, đồng thời chú trọng chỉ đạo các tổ chức chuyên môn đi sâu nghiên cứu, ngăn chặn và khám phá các thủ đoạn lấy cắp, hối lộ, tìm bắt cho được những thủ phạm trong các vụ phạm pháp quan trọng với đầy đủ chứng cớ để xử lý đến nơi đến chốn. Ở từng địa phương, cần có một số vụ xử lý điển hình nghiêm minh, nhằm đề cao kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Cuộc đấu tranh này không thể chỉ tiến hành đơn thuần bằng tuyên truyền giáo dục, mà còn cần phải tiến hành bằng pháp luật của Nhà nước. Đó là nhiệm vụ của tòa án nhân dân. Lê-nin đã nói: « Đến khi nhiệm vụ căn bản của chính quyền không còn là nhiệm vụ trấn áp bằng quân sự nữa, mà là nhiệm vụ quản lý, — thì lúc bấy giờ tòa án chứ không phải là hình phạt xử bắn tại chỗ, sẽ trở thành biểu hiện điển hình của sự trấn áp và cưỡng bách » (4). Nhưng, « Người ta chưa hiểu một cách đầy đủ rằng tòa án là một cơ quan chính ra có trách nhiệm làm cho tất cả những người nghèo khổ, không trừ một ai, đều có thể tham gia việc quản lý Nhà nước (vì hoạt động của các tòa án là một trong những chức năng của việc quản lý Nhà nước); rằng tòa án là một **cơ quan chính quyền** của giai cấp vô sản và của nông dân nghèo; rằng tòa án là một công cụ để **giáo dục kỷ luật**. (5)

Đi đôi với việc chấn chỉnh và tăng cường quản lý trong các cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước, đấu tranh chống tệ lấy cắp và hối lộ, cần tăng cường việc quản lý xã hội, quản lý thị trường, đấu tranh chống bọn đầu cơ buôn lậu, chứa chấp của gian, kiên quyết trấn áp bọn lưu manh. Mặt khác, cần giải quyết công việc làm ăn cho những người có sức lao động, bắt mọi người phải lao động và làm ăn chính đáng. Đối với những người có sức lao động mà lười biếng, ngồi không ăn bám, làm nghề trái phép, thì Nhà nước đưa họ đến công trường bắt họ lao động. Đồng thời, Nhà nước quản lý chặt chẽ lao động xã hội, quản lý chặt chẽ lương thực, vật tư, hàng hóa, thị trường. Phải tổ chức cho nhân dân lao động đứng ra thanh tra và giám sát việc sản xuất và phân phối sản phẩm, làm sao cho mọi người đều có cơm ăn, áo mặc, nơi ở, đều làm việc một cách có ý thức, và « phải làm sao cho không một tên ăn cắp nào (và không một tên

(4), (5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 27, trang 334 — 335.

Digitized by Google

trốn tránh lao động nào cả) lại có thể đi dạo chơi nhởn nhơ, mà không bị bỏ tù hay không bị phạt khổ sai thật nặng » (6).

Chính thông qua cuộc đấu tranh này, Nhà nước ta giáo dục cho mọi người dân những **đức tính quý báu của con người mới**, con người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, « cần kiệm liêm chính, chí công vô tư ». Trên cơ sở nhận thức « có lao động chính đáng mới hưởng thụ đúng đắn », mọi người tự xây dựng cho mình một thái độ lao động xã hội chủ nghĩa, chống lối làm ăn chây lười, tệ ăn cắp của công.

Chỉ có giáo dục cho mọi người hiểu rõ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của họ đối với tài sản xã hội chủ nghĩa — cơ sở thiêng liêng của chế độ làm chủ tập thể, sức mạnh của nền kinh tế và quốc phòng, nguồn sống ấm no hạnh phúc của toàn dân —, thì họ mới tự giác và kiên quyết đứng lên bảo vệ tài sản ấy như bảo vệ chính tài sản của cá nhân mình. Chỉ có dựa trên cơ sở sự giác ngộ đầy đủ về quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa như vậy, họ mới kiên quyết đấu tranh chống « cái thói cũ nhìn tiêu chuẩn lao động và những tư liệu sản xuất bằng con mắt của người nô lệ, của người chỉ tự hỏi làm sao trút được gánh nặng, làm sao ít nhất cũng giằng lại được một cái gì **trong tay giai cấp tư sản** » (7), và « đối với nhà máy **đã thuộc về nhân dân** đã trở thành tài sản của nhân dân, mà vẫn chỉ nghĩ như trước kia là: Vớ lấy một miếng thật bở rồi chuồn » (8).

Chúng ta biết rằng việc thiết lập nền chuyên chính vô sản đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử cách mạng nước ta, là tiền đề chính trị vô cùng quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là điều kiện cần thiết trước tiên để nhân dân lao động được làm chủ vận mệnh của mình, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Vì vậy, với ý thức làm chủ tập thể, nhân dân lao động nước ta phải chủ động, tích cực tham gia cuộc đấu tranh để bảo vệ và phát huy những thành quả của toàn bộ sự nghiệp cách mạng, đấu tranh để bảo vệ và tăng cường nền chuyên chính vô sản, mà một biểu hiện quan trọng hiện nay là **đấu tranh chống những hành động tiêu cực trong xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ trật tự an ninh xã hội, quản lý tốt lao động và thị trường.** Cuộc đấu tranh này thể hiện quyền lực chính trị của nhân dân lao động. Và nếu quyền lực chính trị này không được phát huy, thì chúng ta không thể tiến hành thắng lợi bất cứ một cuộc vận động cách mạng nào.

---

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, trang 466.

(7), (8) Sách đã dẫn, 1971, tập 26, trang 461.

Digitized by Google

RA SỨC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NHẸ

TRƯỜNG-SƠN

ĐẠI hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn mới. Trong đường lối kinh tế của Đảng, vấn đề « *Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ* » chiếm một vị trí rất quan trọng, vì nó vừa thể hiện quy luật ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất, vừa phản ánh sâu sắc đặc điểm cụ thể của nước ta đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Dưới đây, chúng tôi trình bày vấn đề **ra sức phát triển công nghiệp nhẹ để cùng với nông nghiệp làm cơ sở cho việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.**

VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHIỆP NHẸ VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG NGHIỆP NHẸ VỚI NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP NẶNG

Để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải luôn luôn nắm vững ưu tiên phát triển công nghiệp nặng vì công nghiệp nặng là nền tảng chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, là đòn bẩy đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Song, muốn ưu tiên phát triển công nghiệp nặng thì phải ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, vì nông nghiệp và công nghiệp nhẹ là cơ sở để phát triển công nghiệp nặng.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong hơn 20 năm qua đã cho chúng ta thấy một cách thấm thía ý nghĩa « cơ sở » của nông nghiệp đối với công nghiệp. Cùng với nông nghiệp, công nghiệp nhẹ cũng đóng vai trò là cơ sở để phát triển công nghiệp nặng. Sự phát triển của công nghiệp nhẹ có ý nghĩa chính trị và kinh tế sâu sắc, vì nó góp phần rất quan trọng vào việc thực hiện hai nhiệm vụ cơ bản và cấp bách là : tích lũy vốn cho công nghiệp hóa và cải thiện một bước đời sống nhân dân. Chúng ta biết rằng muốn tiến hành công nghiệp hóa, trước hết phải có nguồn vốn tích lũy tương đối lớn. Để có nguồn vốn đó, một mặt chúng ta có thể vay của các nước, nhưng mặt chủ yếu là phải phát huy tinh thần tự lực tự cường, phấn đấu tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân trong nước. Trong hoàn cảnh của ta, nguồn tích lũy quan trọng nhất phải lấy từ nông nghiệp là ngành kinh tế lớn nhất hiện nay. Song, công nghiệp nhẹ (gồm cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp)

Digitized by Google

cũng góp phần tích lũy rất quan trọng vì công nghiệp nhẹ với số vốn bỏ ra ít, thu lãi nhanh, có thể nhanh chóng góp phần tích lũy vốn cho công nghiệp hóa; hơn nữa, sản phẩm của nông nghiệp cũng phải thông qua chế biến của công nghiệp nhẹ mới tăng được tích lũy. Nói đến tích lũy vốn còn phải nói đến xuất khẩu để tích lũy ngoại tệ. Hiện nay, chúng ta chưa có nhiều sản phẩm công nghiệp nặng để xuất khẩu, còn xuất khẩu nông sản nguyên dạng thì giá trị kinh tế thấp. Do đó, phải ra sức phát triển công nghiệp nhẹ phục vụ xuất khẩu để tạo nên nguồn ngoại tệ ngày càng nhiều cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta đều biết rằng đời sống của nhân dân ta vốn đã thấp kém, hiện nay lại càng khó khăn hơn vì vừa trải qua 30 năm chiến tranh ác liệt. Mặt khác, mục đích của chủ nghĩa xã hội yêu cầu phải không ngừng cải thiện đời sống nhân dân. Vì vậy, để giải đáp yêu cầu trước mắt cũng như thực hiện mục đích lâu dài, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ là rất cần thiết để đáp ứng yêu cầu của nhân dân về hàng tiêu dùng.

Song, vai trò của công nghiệp nhẹ không chỉ thể hiện trong việc phục vụ hai nhiệm vụ cơ bản và cấp bách nói trên, mà còn thể hiện trong mối quan hệ với nông nghiệp và công nghiệp nặng. Nông nghiệp không thể đơn độc phát triển mạnh mẽ nếu không có sự phát triển tương ứng của công nghiệp nhẹ, nhất là công nghiệp thực phẩm. Công nghiệp nhẹ có tác dụng làm cho nông nghiệp thoát dần khỏi thế độc canh, tiến lên phát triển toàn diện theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Công nghiệp nhẹ còn có nhiệm vụ chế biến nông sản và cung cấp vật phẩm tiêu dùng cho nông dân, từ đó đẩy mạnh giao lưu hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, góp phần kích thích nông nghiệp phát triển. Ngoài ra, phát triển công nghiệp nhẹ còn có tác dụng thúc đẩy quá trình phân công lại lao động trong nông nghiệp và mở rộng phân công lao động xã hội, chuyển một bộ phận lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và các ngành khác.

Sự phát triển của công nghiệp nặng, ngoài vốn tích lũy, còn cần hai tiền đề quan trọng khác là quỹ tư liệu sinh hoạt cho công nhân công nghiệp nặng và thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp nặng. Vì vậy, phát triển công nghiệp nhẹ một mặt là để chế biến lương thực, thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng, tạo nên quỹ tư liệu sinh hoạt ngày càng nhiều bảo đảm cho công nghiệp nặng tái sản xuất mở rộng, mặt khác là để mở rộng thị trường tiêu thụ năng lượng, nguyên liệu, vật liệu, và thiết bị do công nghiệp nặng sản xuất.

Do bước đầu nhận thức được vai trò của công nghiệp nhẹ như đã nói trên, hơn 20 năm qua, ở miền Bắc, chúng ta đã dành hơn 20% vốn đầu tư vào công nghiệp để xây dựng và phát triển công nghiệp nhẹ. Từ chỗ hầu như không có cơ sở gì đáng kể, đến nay một hệ thống công nghiệp nhẹ đã hình thành, bao gồm hàng nghìn xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương và gần 3.000 hợp tác xã thủ công nghiệp, nghề cá, nghề muối, với hàng triệu lao động công nghiệp và thủ công nghiệp. Ở miền Nam, chúng ta đã tiếp quản, phục hồi và phát triển sản xuất, mặc dù gặp nhiều khó khăn, cũng đã thu được những thành tích đáng kể, và đến năm 1976 đã tạo ra được một giá trị sản lượng chiếm 49% giá trị tổng sản lượng công nghiệp nhẹ trong cả nước.

Tuy nhiên, nhìn chung việc phát triển công nghiệp nhẹ cũng còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm, cho nên chưa phát huy hết khả năng đáp ứng tốt nhu cầu. Nguyên nhân chính là do chúng ta chưa nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí của công nghiệp nhẹ trong nền kinh tế quốc dân, và chưa giải

Digitized by Google

quyết tốt mối quan hệ giữa công nghiệp nhẹ với nông nghiệp và công nghiệp nặng theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

NHIỆM VỤ, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NHẸ

Phục vụ đời sống nhân dân là nhiệm vụ cơ bản và cấp bách của công nghiệp nhẹ. Nhu cầu về đời sống của nhân dân là toàn diện và vô hạn, nhưng vì khả năng sản xuất của ta còn có hạn, cho nên phải giải quyết từng bước như sau: bước đầu, khoảng 10 — 15 năm tới, phấn đấu giải quyết một cách cơ bản những nhu cầu thông thường thiết yếu về ăn, mặc, ở, học tập, đi lại, bảo vệ sức khỏe; bước sau, sẽ tiếp tục nâng cao và giải quyết toàn diện các nhu cầu, làm cho đời sống của nhân dân thật sự văn minh, hạnh phúc.

Về ăn, từng bước nâng cao chất lượng và cải tiến cơ cấu bữa ăn theo hướng tăng thêm nhiệt lượng, tăng thêm chất đạm, nhất là đạm động vật, tăng thêm chất béo cả động vật và thực vật, chú ý đúng mức đến vi-ta-min và muối khoáng.

Về mặc, giải quyết toàn diện từ quần áo, chăn màn đến giày dép, mũ nón. Trước mắt, vì nguyên liệu dệt còn khó khăn, cho nên chỉ có thể bảo đảm mặc lành mặc ấm, nhưng cần chuẩn bị điều kiện để sớm giải quyết nhu cầu mặc được đầy đủ hơn.

Về ở, đi đôi với tăng thêm nhà ở, cần từng bước giải quyết các tiện nghi trong nhà trên cơ sở tiêu chuẩn hóa. Trước mắt, chú ý tăng thêm giường, tủ, bàn, ghế và những đồ dùng thông thường khác.

Về đi lại, vừa bảo đảm phương tiện cho cá nhân, (chủ yếu là xe đạp) vừa tăng thêm phương tiện giao thông công cộng làm cho việc đi lại của nhân dân được thuận tiện, nhanh chóng.

Về bảo vệ sức khỏe, kết hợp chặt chẽ giữa đông y và tây y, tiến tới tự túc phần lớn dược liệu và dược phẩm để bảo đảm chữa được các bệnh thông thường và tăng cường sức khỏe của nhân dân.

Đi đôi với phục vụ đời sống vật chất, cần hết sức coi trọng phục vụ đời sống văn hóa. Trước mắt, tập trung giải quyết tốt các nhu cầu về học tập, giảng dạy, in sách báo, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ chơi trẻ em, đồng thời từng bước đáp ứng các nhu cầu văn hóa khác như: nhạc cụ, phương tiện điện ảnh, nghệ thuật, văn hóa phẩm, v.v...

Để phục vụ đời sống nhân dân, ngoài việc sản xuất và cung cấp hàng tiêu dùng, cần đặc biệt quan tâm và tổ chức tốt công tác phục vụ, sửa chữa nhằm làm cho sinh hoạt của nhân dân được thuận tiện và tiết kiệm.

Cùng với phục vụ tiêu dùng trong nước, công nghiệp nhẹ **phải coi phục vụ xuất khẩu là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng,** vì có xuất khẩu mới mở rộng được thị trường cho công nghiệp nhẹ, có ngoại tệ để nhập nguyên liệu, phụ tùng và các thiết bị kỹ thuật cần thiết cho công nghiệp nhẹ và các ngành kinh tế khác.

Để phục vụ tiêu dùng và tăng cường xuất khẩu, công nghiệp nhẹ một mặt ra sức tận dụng, sử dụng hợp lý những cơ sở sản xuất, thiết bị máy móc kỹ thuật hiện có, để sản xuất hàng tiêu dùng; mặt khác cải tiến và tăng cường quản lý kinh tế tài chính, thực hành tiết kiệm, áp dụng mọi biện pháp nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành và nâng cao chất lượng

Digitized by Google

sản phẩm, từ đó mà nâng cao hiệu quả của mỗi một đồng vốn.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, vấn đề cơ bản nhất là phải từng bước **xây dựng một cơ cấu sản xuất công nghiệp nhẹ hợp lý**, phù hợp với tài nguyên của đất nước, nhu cầu của nhân dân ta. Cơ cấu đó phải gắn chặt với nông nghiệp, cùng với nông nghiệp và công nghiệp nặng tạo thành một **cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại.** Cơ cấu công nghiệp nhẹ ở nước ta phải xây dựng theo hướng **hoàn chỉnh và phổ cập.** Hoàn chỉnh là phát triển hầu hết các ngành nghề cần thiết từ công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm đến dệt, da, may mặc, văn hóa phẩm, dược phẩm; là đi đôi với các ngành sản xuất, cần xây dựng tương ứng các ngành có tính chất hậu cần như công nghiệp gia công nguyên liệu, cơ khí sửa chữa, công nghiệp sản xuất bao bì, công nghiệp lạnh sấy v.v...

Phổ cập là phát triển thật rộng rãi từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương, từ quốc doanh đến hợp tác xã, tổ sản xuất và thợ thủ công cá thể; là tận dụng mọi hình thức, mọi tổ chức, mọi cơ sở, tận dụng thiết bị, phế liệu, phế phẩm để sản xuất hàng tiêu dùng.

Về phương hướng phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, cần chú ý khôi phục và phát triển công nghiệp chế biến lương thực, tăng cường sản xuất thiết bị trong nước để xây dựng thêm một số nhà máy xay xát gạo, chế biến bột mì, nhằm tiến đến xay xát hết số thóc do Nhà nước huy động, chế biến hết số bột mì nhập. Cần quan tâm đầy đủ việc chế biến bột dinh dưỡng cho trẻ em. Giải quyết tốt việc chế biến màu trên quy mô lớn là nhiệm vụ quan trọng của ngành chế biến lương thực trong kế hoạch này. Có kế hoạch trang bị công cụ sơ chế cho các đơn vị sản xuất, xây dựng các cơ sở sơ chế màu ở huyện và các xí nghiệp tinh chế ở tỉnh. Nghiên cứu chế biến màu thành những sản phẩm như: mì sợi, mì sợi thực phẩm, miến hoa màu, bánh hoa màu, v.v...

Công nghiệp thực phẩm tập trung phát triển các ngành sản xuất đường, bánh kẹo, sữa, mì chính, dầu thực vật... Phát triển đường theo hướng tổng hợp lợi dụng; đường, giấy, rượu, men... Về đường mía, cần phấn đấu để có thể sớm đạt được chỉ tiêu 20 vạn tấn. Ngoài đường mía, cần phát triển thêm đường tinh bột, đồng thời nghiên cứu sản xuất bánh kẹo bằng đường nha từ khoai sắn sẵn có ở các địa phương. Cải tiến kỹ thuật sản xuất sữa ở các nông trường miền Bắc, có biện pháp giải quyết nguyên liệu để tận dụng công suất nhà máy sữa hộp và các nhà máy sản xuất mì chính ở miền Nam. Tận dụng năng lực ép dầu hiện có, đồng thời tăng thêm thiết bị và tận thu các loại hạt có dầu để đẩy mạnh sản xuất dầu ăn và dầu công nghiệp, đặc biệt chú ý việc tổ chức ép dầu cám ở các nhà máy xay.

Ra sức phát triển rau quả hộp và rau quả ướp đông để xuất khẩu. Phát triển nhiều mặt hàng giải khát như: bia, nước ngọt, nước quả, nước lên men, kem, nước đá, thạch, v.v...

Ngoài các mặt hàng nói trên, cần chú ý phát triển rượu, chè, thuốc lá để phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Phát triển rượu theo hướng tăng thêm rượu mùi, rượu lên men từ quả, rượu đặc sản, v.v...

Phát triển công nghiệp khai thác và chế biến hải sản, chủ yếu là khai thác và chế biến cá, chế biến nước mắm, tôm cá ướp đông để nâng cao chất lượng bữa ăn và phục vụ xuất khẩu. Tăng nhanh sản lượng muối để phục vụ tiêu dùng, chăn nuôi và dùng trong công nghiệp.

Ngành dệt đang có khó khăn về nguyên liệu, cần tích cực chuẩn bị điều kiện, nhất là tạo ra nguồn nguyên liệu để phát triển mạnh trong thời

Digitized by Google

gian kế hoạch sau, nhằm bảo đảm cho nhân dân mặc lành, mặc ấm, mặc đẹp và đáp ứng vải cho công nghiệp. Trong cơ cấu ngành dệt, cần chú ý phát triển cân đối 3 khâu: sợi, dệt, nhuộm; nâng cao dần tỷ trọng hàng dệt kim, trước mắt cần hết sức coi trọng lực lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, nhất là thủ công nghiệp ở miền Nam. Cùng với vải, lụa, chú ý phát triển thêm các sản phẩm khác như: vải màn, khăn mặt, chăn sợi, chiếu cói, bít tất, thảm đay, thảm len...

Cần tổ chức tốt việc sản xuất và kinh doanh hàng may sẵn, may nhiều cỡ số quần áo phù hợp với nhu cầu; thường xuyên nghiên cứu cải tiến kiểu cách quần áo, thay đổi thời trang theo hướng văn minh, tiến bộ, tránh đơn điệu, đồng thời tránh những kiểu cách lố lăng, cải tiến kỹ thuật, bảo đảm cho quần áo may sẵn cũng bền đẹp như may đo.

Cần có chính sách thích hợp nhằm tận thu da trâu bò và một phần da lợn để phát triển công nghiệp thuộc da và chế biến đồ da. Tùy theo tình hình nguyên liệu, bước đầu mỗi tỉnh có thể xây dựng một vài cơ sở thuộc da với kỹ thuật cơ khí hoặc nửa cơ khí. Sau này, khi đàn lợn phát triển khá, sẽ xây dựng ở mỗi huyện một cơ sở thuộc da lợn bên cạnh xí nghiệp mổ thịt.

Phát triển mạnh công nghiệp giấy và in để phục vụ cho cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa. Về giấy, đi đôi với tăng thêm sản lượng, cần từng bước phát triển thêm mặt hàng giấy để đáp ứng nhiều loại nhu cầu. Cân đối bột và giấy bằng cách trang bị thêm năng lực sản xuất bột giấy cho các nhà máy giấy hiện có ở miền Nam, xây dựng thêm nhiều cơ sở quy mô nhỏ, kỹ thuật thủ công làm bột giấy từ rơm rạ và các nguồn nguyên liệu khác ở địa phương... Tận dụng bã mía, tăng tỷ lệ bã mía trong cơ cấu nguyên liệu giấy.

Công nghiệp in cần phấn đấu để sớm đạt được các mục tiêu như: in được nhiều loại ấn phẩm với số lượng nhiều, chất lượng tốt và thời gian nhanh, in sách báo, tranh ảnh có nhiều màu sắc. Cải tạo xã hội chủ nghĩa ngành in ở miền Nam để sớm tiến tới thống nhất quản lý ngành in trong cả nước theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa, có sự sắp xếp, phân công hợp lý giữa các nhà in.

Để phát triển ngành sành sứ thủy tinh, cần tổ chức tốt việc khai thác, chế biến nguyên liệu, vật liệu như: lọc cao lanh, làm men sứ, chế tạo giấy hoa. Củng cố, cải tạo và mở rộng các cơ sở sản xuất hiện có bao gồm việc cải tiến tổ chức quản lý, cải tiến quy trình kỹ thuật, cân đối dây chuyền và nâng cao năng lực sản xuất. Xây dựng thêm một số cơ sở mới ở những địa phương có nguồn nguyên liệu.

Phát triển công nghiệp chế biến tinh dầu và chất thơm thành một ngành công nghiệp đặc sản để phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Công nghiệp tinh dầu cần được phát triển đồng bộ từ sản xuất tinh dầu, sản xuất các chất thơm đơn thể, đến sản xuất các chất thơm hỗn hợp. Mặt khác, cần tổ chức liên hợp sản xuất giữa công nghiệp tinh dầu, chất thơm với công nghiệp mỹ phẩm nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Phát triển mạnh công nghiệp dược phẩm theo một cơ cấu hoàn chỉnh bao gồm sản xuất dược liệu, bào chế dược phẩm và bao bì đóng gói. Hết sức coi trọng phát triển dược liệu thiên nhiên và phát triển thích đáng hóa dược, nhất là sau khi có hóa dầu. Về dược phẩm, phát triển các loại tân dược và cao đơn hoàn tán, đặc biệt coi trọng phát triển các loại thuốc dân tộc và đưa dần lên trình độ khoa học hiện đại.

Về các mặt hàng khác như xe đạp và phụ tùng xe đạp, quạt

Digitized by Google

điện, bóng đèn, phích nước, xà phòng, đồ gỗ, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ dùng giảng dạy và học tập, văn hóa phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, ta cũng cần cố gắng phát triển để bán cho nhân dân và xuất khẩu.

Đi đôi với phát triển hàng hóa cần chú ý phát triển tương ứng bao bì. Hướng chung là tất cả hàng hóa đều phải có bao bì và phải được giải quyết ở khâu sản xuất. Đặc biệt đối với hàng xuất khẩu, bao bì phải theo đúng quy cách và tiêu chuẩn quốc tế. Tiến tới sản xuất đủ các loại bao bì, trước mắt tập trung vào mấy loại chính như giấy, các tông, thủy tinh và chất dẻo.

Trong việc sản xuất hàng tiêu dùng, đi đôi với tăng thêm số lượng, phải phấn đấu nâng cao chất lượng, cải tiến mặt hàng và sản xuất nhiều mặt hàng mới theo phương châm bền, đẹp, tiết kiệm, tiện dùng. Cần giải quyết vấn đề chất lượng một cách toàn diện từ kỹ thuật, mỹ thuật đến vệ sinh công nghiệp.

NHỮNG BIỆN PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU

Để bảo đảm cho công nghiệp nhẹ phát triển một cách mạnh mẽ và vững chắc, cần có những biện pháp và chính sách thích hợp sau đây.

1 — *Lập quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp nhẹ.*

Quy hoạch phát triển công nghiệp nhẹ cần gắn chặt với quy hoạch phát triển nông nghiệp, làm cho hai quy hoạch này cân đối, ăn khớp với nhau cả về thời gian, không gian và kết hợp chặt chẽ với nhau từ trung ương đến cơ sở, tránh tình trạng nhà máy xây dựng lên rồi mà chưa có nguyên liệu, hoặc nguyên liệu ở nơi này nhưng lại làm nhà máy ở nơi khác. Tiến đến xây dựng một số cơ sở công nghiệp nhẹ quy mô nhỏ trên địa bàn huyện, nhất là công nghiệp chế biến nông sản để góp phần xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp.

Quy hoạch phát triển công nghiệp nhẹ phải thể hiện đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương, giữa quốc doanh và hợp tác xã. Công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương phải kết thành một cơ cấu thống nhất, trong đó công nghiệp trung ương là lực lượng nòng cốt, giữ vai trò chủ đạo có tác dụng quyết định về mặt tiến bộ kỹ thuật và phát huy hiệu quả kinh tế đối với toàn ngành; công nghiệp địa phương là lực lượng rộng lớn, gắn liền với đời sống nhân dân từng địa phương, có khả năng phát huy cao độ mọi nhân tố tích cực của kinh tế địa phương. Phương hướng chung của sự phân công phát triển giữa công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương là: những ngành nghề, những mặt hàng mà trình độ kỹ thuật phức tạp, vốn đầu tư nhiều, cần thiết phải sản xuất tập trung với quy mô tương đối lớn mới đạt được hiệu quả kinh tế cao thì do trung ương trực tiếp xây dựng và quản lý. Còn những ngành nghề, những mặt hàng trình độ kỹ thuật ít phức tạp, vốn đầu tư không nhiều, nguyên liệu có thể dựa vào một địa phương, sản xuất theo quy mô nhỏ và vừa cũng có lợi thì nên phát triển công nghiệp địa phương.

Trong công nghiệp địa phương, công nghiệp quốc doanh là lực lượng nòng cốt, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là lực lượng hỗ trợ quan trọng. Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp không chỉ có tác dụng nhất thời mà còn có vị trí quan trọng lâu dài. Vì vậy, đi

Digitized by Google

đối với phát triển công nghiệp quốc doanh, cần hết sức chú trọng phát huy và tận dụng lực lượng của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp hợp tác hóa làm cho công nghiệp quốc doanh và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp hợp tác hóa kết hợp chặt chẽ với nhau, hình thành một mạng lưới công nghiệp địa phương rộng khắp trong cả nước.

Về kế hoạch phát triển công nghiệp nhẹ, cần kết hợp đúng đắn giữa việc tận dụng các cơ sở sẵn có với xây dựng thêm các cơ sở mới. Hiện nay, cơ sở công nghiệp nhẹ của ta chưa nhiều, nhưng do nhiều nguyên nhân cho nên mức sử dụng công suất thiết bị máy móc còn thấp, chỉ khoảng 50 – 60%. Đây là một lãng phí lớn cần khắc phục. Trong kế hoạch này, vấn đề được đặt ra là phải tăng cường đầu tư chiều sâu để củng cố, bổ sung, cải tạo, hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất nhằm tận dụng các cơ sở sẵn có, nâng mức sử dụng công suất lên khoảng 70 – 80%, làm được như vậy sẽ có tác dụng như xây dựng thêm hàng trăm nhà máy mới. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho công nghiệp nhẹ là vấn đề có ý nghĩa chiến lược. Nhưng kế hoạch này là kế hoạch đầu tiên của cả nước sau chiến tranh, vốn đầu tư còn ít, công tác xây dựng cơ bản đang có nhiều khó khăn, cho nên việc xây dựng mới cần tiến hành một cách vững chắc theo hướng tập trung sức hoàn thành sớm những công trình đang xây dựng dở dang và xây dựng thêm một số công trình mới có đủ điều kiện thi công và sau này có nguyên liệu để sản xuất. Đồng thời, ra sức làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị lực lượng để đẩy mạnh xây dựng vào các kế hoạch sau.

2 – *Xây dựng cơ sở nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ.*

Để phát triển công nghiệp nhẹ, vấn đề có tính chất quyết định hiện nay là tạo ra nguồn nguyên liệu. Phương hướng chung để giải quyết vấn đề này là kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp nhẹ với nông nghiệp và công nghiệp nặng theo tinh thần nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Ra sức phát triển trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề biển là biện pháp cơ bản nhất để tạo ra nguồn nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ. Cần phát triển toàn diện các loại cây công nghiệp bao gồm các loại cây cho chất đạm, chất đường, cây có sợi, cây lấy nhựa, cây ăn quả, cây làm thuốc, cây tinh dầu và tập trung phát triển mạnh một số cây mà ta có nhiều khả năng và nhu cầu như: bông, dâu tằm, đay, cói, lạc, đỗ tương, dừa, mía, chè, thuốc lá, dứa, chuối, cao su, cọ dầu v.v... Chú ý kết hợp phân bố công nghiệp với phân bố nông nghiệp, tạo ra các vùng cây công nghiệp tập trung chung quanh các nhà máy nhằm rút ngắn cự ly vận chuyển và bảo đảm phẩm chất nguyên liệu.

Phát triển chăn nuôi cân đối với trồng trọt, sớm đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính để cung cấp thịt, trứng, sữa, da, lông cho công nghiệp thực phẩm và công nghiệp nhẹ.

Phát triển mạnh nghề rừng bao gồm các khâu bảo vệ và tu bổ rừng, trồng rừng và khai thác hợp lý tài nguyên rừng để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp xen-luy-lô, công nghiệp chế biến đồ gỗ, công nghiệp dược phẩm, công nghiệp gỗ xuất khẩu.

Khôi phục và làm tốt nghề biển bao gồm các mặt nuôi trồng, bảo vệ và khai thác các loại hải sản để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến cá, mắm, chế biến bột cá gia súc, chế biến hải sản xuất khẩu...

Đẩy mạnh công tác thăm dò tìm kiếm dầu khí, phát triển công nghiệp hóa dầu và các ngành công nghiệp nặng khác để cung cấp nhiều loại nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ như sợi hóa học, chất dẻo, cao su, chất

Digitized by Google

tẩy rửa tổng hợp, thuốc nhuộm, sơn, v.v...

Cùng với việc phát triển nguyên liệu trong nước, cần có chính sách khuyến khích xuất khẩu để có ngoại tệ nhập nguyên liệu và chính sách dành ngoại tệ để nhập khẩu nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ.

Đi đôi với sản xuất nguyên liệu, cần triệt để tiết kiệm nguyên liệu. Một mặt, tổ chức tốt việc vận chuyển, bảo quản, tổng hợp sử dụng nguyên liệu, áp dụng nguyên tắc thay thế nguyên liệu trong điều kiện chất lượng cho phép như dùng nguyên liệu rẻ tiền thay cho nguyên liệu đắt tiền, dùng nguyên liệu trong nước thay cho nguyên liệu nhập khẩu ; mặt khác, cần tìm cách thu hồi, tận dụng mọi nguồn phế liệu, phế phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông và tiêu dùng. Đây là một vấn đề lớn cần được nhận thức một cách sâu sắc và có nhiều chính sách biện pháp thích hợp để thực hiện.

3 — *Nghiên cứu khoa học, trang bị kỹ thuật.*

Trong hoàn cảnh hiện nay, phải lấy việc nghiên cứu ứng dụng làm phương hướng chủ yếu, kết hợp với nghiên cứu cơ bản ; làm cho phương hướng nghiên cứu khoa học kỹ thuật bám chắc phương hướng sản xuất ; vừa nghiên cứu tổng kết những kinh nghiệm trong nước, vừa nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài ; kết hợp sử dụng kỹ thuật thô sơ tiến lên nửa cơ giới và cơ giới hóa với việc đi thẳng vào kỹ thuật hiện đại.

Theo kinh nghiệm chung, chỉ có đi từ sửa chữa đến chế tạo, từ sản xuất phụ tùng đến sản xuất thiết bị thì mới đạt được kết quả tốt. Do đó, ngành công nghiệp nhẹ cần có một lực lượng cơ khí bảo đảm sản xuất được các loại phụ tùng và khuôn mẫu cần thiết, sửa chữa và cải tiến thiết bị hiện có, chế tạo các loại thiết bị chuyên dùng, thiết bị lẻ, v.v... Muốn vậy, một mặt cần tăng cường lực lượng thiết kế cơ khí ; mặt khác phải bổ sung thiết bị máy móc nhằm xây dựng một lực lượng cơ khí từ cơ sở đến các ngành, đồng thời có sự phân công hợp lý giữa các xí nghiệp cơ khí của ngành và các phân xưởng cơ khí của xí nghiệp.

Tốc độ phát triển công nghiệp nhẹ phụ thuộc một phần vào tốc độ xây dựng cơ bản, cho nên ngoài lực lượng xây dựng của Bộ xây dựng, các ngành công nghiệp nhẹ cũng cần có một lực lượng xây dựng cơ bản cần thiết để bảo đảm được một phần công tác xây dựng cơ bản của ngành. Đặc biệt chú ý tăng cường lực lượng thiết kế để bảo đảm các yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện để sau này tự ta có thể thiết kế được một nhà máy hoàn chỉnh.

4 — *Đào tạo và sử dụng cán bộ công nhân.*

Hiện nay, trình độ lành nghề của công nhân trong ngành công nghiệp nhẹ còn quá thấp, cán bộ quản lý còn yếu, cơ cấu cán bộ kỹ thuật không cân đối, do đó đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân, nhất là công nhân kỹ thuật là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và cấp bách.

Về công nhân công nghệ, cần đào tạo theo hướng biết nhiều nghề, giỏi một nghề, ngoài việc bồi dưỡng kỹ thuật công nghệ, cần hết sức chú ý bồi dưỡng kỹ thuật cơ khí để cho mỗi công nhân có thể nắm được máy móc, bảo dưỡng tốt máy móc. Ngoài công nhân công nghệ, cần chú ý đào tạo công nhân cơ điện, bảo đảm cho mỗi nhà máy có đủ lực lượng bảo toàn, bảo dưỡng và tu sửa máy móc. Cần đặc biệt quan tâm đào tạo tổ trưởng sản xuất và công nhân dầu nghề.

Về cán bộ, cần chú ý đào tạo cân đối, đồng bộ giữa cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý, giữa các

Digitized by Google

trình độ trên đại học, đại học và trung học và giữa các ngành nghề.

Đối với cán bộ mới ra trường, nói chung nên đưa về công tác ở cơ sở. Riêng cán bộ trung học kỹ thuật, nếu có điều kiện nên bố trí làm tổ trưởng sản xuất. Mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, nhất là cán bộ kỹ thuật đã qua thực tiễn sản xuất; kiên quyết bố trí cán bộ có năng lực phụ trách các cơ sở sản xuất quan trọng.

5 – *Bổ sung chính sách và cải tiến quản lý.*

Trong việc sản xuất hàng tiêu dùng, chính sách có vai trò rất quan trọng, vì vậy cần nghiên cứu cải tiến bổ sung một số chính sách nhằm động viên quần chúng đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm tiêu dùng.

Chính sách đầu tư phải hết sức tiết kiệm và hợp lý, một mặt Nhà nước kiên quyết tập trung vốn vào các ngành, các công trình then chốt, yêu cầu tổ chức sản xuất tập trung với kỹ thuật hiện đại; mặt khác, tìm mọi cách huy động vốn của nhân dân và hợp tác xã vào việc sản xuất các mặt hàng thông thường, và tận dụng kỹ thuật thô sơ.

Chính sách tiêu dùng, giá cả phải thích hợp với từng mặt hàng nhằm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng. Những mặt hàng không thuộc loại nhu cầu bức thiết của đời sống nhân dân mà có khả năng xuất khẩu thì nên thực hiện tích lũy cao, vừa gián tiếp khuyến khích tiết kiệm tiêu dùng, vừa tập trung được hàng cho xuất khẩu.

Cần nghiên cứu bổ sung và ban hành thêm các chính sách cụ thể về cung cấp lương thực, thu mua, giá cả, trao đổi hàng hóa, v.v... nhằm làm cho nông dân, ngư dân, lực lượng sơn tràng phấn khởi trồng và khai thác nguyên liệu nông sản, lâm sản, thủy sản bán cho Nhà nước, khuyến khích các địa phương phát triển sản xuất nguyên liệu cung cấp cho trung ương. Cần ban hành chính sách khuyến khích mọi người, mọi cơ sở sản xuất ra sức tận thu các nguồn phụ phẩm trong nông nghiệp, các nguồn nguyên liệu phân tán, các loại vật tư ứ đọng, các loại phế phẩm, phế liệu để làm nguồn nguyên liệu bổ sung ngày càng nhiều cho công nghiệp nhẹ; khuyến khích tận dụng nguyên liệu trong nước thay thế nguyên liệu và vật tư nhập khẩu. Xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ bảo quản và các định mức tiêu dùng nguyên liệu, vật liệu nhằm tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nhất là đối với các loại nguyên liệu quý, nguyên liệu nhập khẩu.

Cần có chính sách khuyến khích các cơ sở lam hàng xuất khẩu, làm mặt hàng mới, tổ chức các phân xưởng phụ để tận dụng phế liệu, phế phẩm, sử dụng lao động thừa hoặc yếu sức. Nghiên cứu cải tiến chế độ tiền lương nhằm làm cho công nhân an tâm trau dồi nghề nghiệp; khuyến khích những người thợ thủ công có nghề giỏi phát triển tài năng phục vụ xã hội và truyền lại nghề nghiệp cho người sau.

Cải tiến tổ chức quản lý công nghiệp nhẹ là một việc cấp bách để tăng cường sự chỉ đạo tập trung thống nhất của trung ương và phát huy tinh chủ động sáng tạo của địa phương và cơ sở. Cần thực hiện đúng nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và theo vùng lãnh thổ. Các bộ và tổng cục có trách nhiệm quản lý toàn ngành trong cả nước từ trung ương đến địa phương, từ quốc doanh đến hợp tác xã về các mặt phương hướng, quy hoạch chế độ, chính sách, kỹ thuật, nghiệp vụ và trực tiếp quản lý toàn diện các xí nghiệp trung ương. Các ủy ban nhân dân có trách nhiệm chung đối với tất cả các cơ sở công nghiệp đặt ở địa phương về các mặt có liên quan đến địa phương và trực tiếp quản lý toàn diện các xí nghiệp địa phương.

Trong công tác kế hoạch hóa, cần kết hợp đúng đắn giữa khả năng và

Digitized by Google

yêu cầu nhằm làm cho kế hoạch được cân đối và hiện thực. Kế hoạch Nhà nước phải bảo đảm cân đối những mặt hàng chính, những chỉ tiêu sản xuất và tiêu dùng cơ bản có liên quan đến toàn bộ nền kinh tế và đời sống nhân dân. Mặt khác, cần sử dụng đúng mức các quan hệ thị trường để giải quyết những mặt hàng thứ yếu, những nhu cầu muôn màu muôn vẻ của đời sống mà kế hoạch Nhà nước không thể dự kiến và bao quát hết được.

Từ trung ương đến cơ sở, cần cải tiến và tăng cường quản lý lao động, vật tư, kỹ thuật và tài vụ, nhằm nhanh chóng tăng năng suất lao động, cải tiến phẩm chất và hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất và kinh doanh.

Các cấp ủy địa phương cần kết hợp chặt lãnh đạo nông nghiệp với lãnh đạo công nghiệp, nhất là công nghiệp nhẹ, làm cho nông nghiệp và công nghiệp phát triển nhịp nhàng cân đối; đặc biệt chú ý lãnh đạo tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, động viên mọi người tham gia sản xuất hàng tiêu dùng.

Cần kiện toàn thích đáng bộ máy quản lý công nghiệp nhẹ ở trung ương và các cấp, vì đó là những cơ quan trực tiếp quản lý kinh tế, chỉ huy sản xuất, có trách nhiệm biến đường lối, chính sách của Đảng thành hành động thực tế. Các ngành kinh tế khác như nông nghiệp, nội thương, ngoại thương, ngân hàng, tài chính và các ngành y tế, văn hóa, cần theo chức năng của mình mà thiết thực phục vụ công nghiệp nhẹ phát triển.

CỦNG CỐ VÀ KIỆN TOÀN CÁC CHI BỘ...

(Tiếp theo trang 52)

dựng cơ cấu nông – công nghiệp theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Mọi hoạt động của cơ sở, của các hợp tác xã không còn chỉ đóng khung trong từng hợp tác xã hay từng xã, mà nhiều khi được mở rộng ra trên phạm vi toàn huyện. Vì vậy, hơn ai hết, cấp huyện có quan hệ rất chặt chẽ và có trách nhiệm rất nặng nề đối với cơ sở. Cấp huyện phải thường xuyên đi sâu, đi sát cơ sở, đi sát quần chúng, tìm hiểu những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn, lắng nghe ý kiến của cấp dưới và quần chúng, để giúp cơ sở định ra nhiệm vụ, chủ trương, kế hoạch công tác một cách chính xác; có kế hoạch và biện pháp giúp đỡ cơ sở một cách thiết thực trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương công tác; đồng thời thật sự gương mẫu trước cơ sở về mọi mặt.

Chính vì vậy, việc củng cố, kiện toàn các chi bộ, đảng bộ ở cơ sở nông thôn nhất thiết phải gắn liền với việc *tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan lãnh đạo cấp trên, nhất là cấp huyện.* Phải ra sức tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật cho cấp huyện và củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ huyện, làm cho huyện đủ sức lãnh đạo và tổ chức nhân dân địa phương xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, đưa nông nghiệp tiến nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

Digitized by Google

Đẩy mạnh chế biến nông sản đi đối với kế hoạch phát triển nông nghiệp

NGUYỄN-CHUNG-ANH

DƯỚI ánh sáng nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương Đảng đã chuyên bàn về phát triển nông nghiệp, trong đó có vấn đề *chế biến nông sản* bao gồm phơi sấy và bảo quản các loại nông sản, nhất là màu, để góp phần cải tiến bữa ăn của nhân dân và tăng nguồn hàng xuất khẩu. Đây là một vấn đề rất quan trọng, chúng ta cần nghiên cứu và tổ chức thực hiện tốt để từng bước nâng cao đời sống nhân dân và phục vụ xuất khẩu.

MỐI QUAN HỆ GIỮA NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN

Trong nền sản xuất xã hội, nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản có mối quan hệ rất chặt chẽ. Ở nước ta hiện nay việc kết hợp giữa nông nghiệp với công nghiệp chế biến nông sản là một trong những điều kiện quan trọng góp phần đưa kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Công nghiệp chế biến nông sản vừa phục vụ, vừa thúc đẩy nông nghiệp hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên canh, tạo khả năng cơ giới hóa ngày càng cao, làm cho nông nghiệp có điều kiện đầy đủ để tiêu thụ sản phẩm của công nghiệp nặng, đồng thời kích thích nông nghiệp thực hiện tái sản xuất mở rộng với quy mô ngày càng lớn.

Với đặc điểm là đầu tư vốn ít, xây dựng và đưa vào sản xuất nhanh, sản phẩm thuộc về nhu cầu thiết yếu của nhân dân, có khả năng tích lũy nhiều và nhanh, công nghiệp chế biến nông sản phát triển không chỉ đáp ứng yêu cầu của đời sống nhân dân trong nước mà còn tạo khả năng xuất khẩu lớn.

Digitized by Google

Công nghiệp chế biến nông sản góp phần phân bố lại lao động trong cả nước. Ở miền núi, trên diện tích đất đai đã được quy hoạch, khai hoang, trồng trọt và chăn nuôi, chúng ta chọn được cây, con thích hợp và xây dựng nhà máy chế biến nông sản, sẽ hình thành khu dân cư mới. Với nhà máy và công nhân tập trung, chúng ta có điều kiện mở trường học, bệnh viện, cửa hàng, làm đường giao thông, tạo nên cuộc sống ổn định của công nhân và nông dân đến xây dựng vùng kinh tế mới.

Công nghiệp chế biến nông sản rất linh hoạt, nó có thể từ sơ chế, chế biến nửa thành phẩm đến tinh chế và chế biến sản phẩm hoàn chỉnh. Các cơ sở sản xuất có thể đi từ thủ công đến nửa cơ khí và cơ khí, do đó việc tổ chức chế biến nông sản có thể tiến hành trong hợp tác xã nông nghiệp, trong nông trường quốc doanh, ở địa bàn huyện, ở tỉnh và cả trong những xí nghiệp lớn do trung ương quản lý. Nguyên liệu nông sản có thể được sử dụng một cách tổng hợp để sản xuất nhiều sản phẩm cần dùng, do đó từ một xí nghiệp chế biến có thể trở thành một cụm công nghiệp chế biến lớn.

Qua 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, chúng ta đã xây dựng nhiều cơ sở chế biến nông sản, đã tổ chức lại và khuyến khích tiểu, thủ công nghiệp phát triển, để chế biến nông sản. Tuy nhiên, công nghiệp chế biến nông sản phát triển chậm. Nơi có nhà máy thì không đủ nguyên liệu cho nên không sử dụng hết công suất ; cũng có nơi nguyên liệu quá ít, phân tán cho nên chưa đủ điều kiện để xây dựng nhà máy ; nhiều cơ sở chế biến hoa màu trước đây được xây dựng nhưng không đủ nguyên liệu, phải đóng cửa. Nhiều vùng sản xuất chuyên canh đã được quy hoạch từ lâu, nhưng vẫn chưa định hình được do chưa khai phá đủ số diện tích theo quy hoạch, năng suất cây trồng còn thấp

Ở miền Nam trước đây cũng có một số cơ sở chế biến nông sản và một số vùng chuyên canh, nhưng các cơ sở chế biến phần lớn đặt ở thành phố, chỉ có quan hệ với nông nghiệp qua những người mua bán nông sản; có những cơ sở đặt ở vùng nguyên liệu nhưng không được quy hoạch ; khi giá sản phẩm chế biến cao thì cạnh tranh nhau mua nguyên liệu, khi giá sản phẩm chế biến hạ thì không chế biến. Ở một vài đồn điền trồng chè, người chủ đồn điền cũng có cơ sở chế biến nông sản, song quy mô nhỏ, họ kinh doanh thương nghiệp là chính, còn công nghiệp chỉ là phụ. Dưới chế độ Mỹ — ngụy, nhiều nhà tư sản có xu hướng mại bản hóa việc sản xuất và kinh doanh của họ nhằm phục vụ chiến tranh xâm lược là chính, cho nên nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản không phát triển được.

Sau ngày giải phóng, nông nghiệp miền Nam còn là sản xuất cá thể, công thương nghiệp tư bản tư doanh chưa được cải tạo, gây trở ngại rất lớn cho việc đưa sản xuất vào quy hoạch, kế hoạch và đưa khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp và công nghiệp chế biến. Tình hình trên đây là do nền kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất — kỹ thuật còn yếu kém, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nhưng về mặt chủ quan là do chúng ta chưa thực hiện tốt sự kết hợp giữa công nghiệp và nông nghiệp, nhất là giữa công nghiệp chế biến với nông nghiệp : chỉ đạo một số chính sách cụ thể không được kịp thời như : giá cả, thu mua nông sản, đầu tư, tín dụng, cung ứng vật tư, chưa dùng công nghiệp chế biến để kích thích nông nghiệp phát triển ; chúng ta thiếu phương hướng cụ thể và biện pháp tích cực để phát triển mạnh nguồn hàng nông sản chế biến để xuất khẩu.

Digitized by Google

NHIỆM VỤ, PHƯƠNG HƯỚNG CHẾ BIẾN NÔNG SẢN

Chúng ta đã bước đầu xác định 7 vùng nông nghiệp trong cả nước, từng tỉnh cũng đã quy hoạch các vùng sản xuất, vạch phương hướng trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn của từng huyện. Đây là căn cứ để xây dựng quy hoạch lâu dài về sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản. Hiện nay, kế hoạch 5 năm về phát triển nông nghiệp đã được xác lập, công nghiệp chế biến nông sản phải vươn lên để góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển mạnh mẽ.

Đối với lúa, chúng ta phải thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, bảo đảm thóc, gạo đủ nhu cầu tiêu dùng cho toàn xã hội và có lực lượng dự trữ. Công nghiệp chế biến *thóc, gạo*, trước hết cần giải quyết được yêu cầu phơi sấy và bảo quản, nhất là ở những vùng mưa nhiều trong vụ gặt, đồng thời cần xây dựng đủ kho bảo quản để giảm bớt hao hụt, mất mát. Theo thống kê của nhiều nước thì lương thực hao hụt hằng năm trong bảo quản lên tới 10% sản lượng thu hoạch.

Công nghiệp xay xát thóc gạo ở nước ta đã phát triển, trước mắt cần phục hồi một số nhà máy cũ, xây dựng mới một số nhà máy lớn, chế tạo một số máy xay loại vừa để trang bị cho các huyện vùng lúa và chế tạo phụ tùng máy xay nhỏ, điều chỉnh mạng lưới xay xát thóc, gạo trong nông nghiệp. Đi theo các nhà máy xay, cần phát triển công nghiệp ép và luyện dầu cám, chế biến thức ăn gia súc.

Màu chiếm một vị trí rất quan trọng trong cơ cấu lương thực ở nước ta. Cần tập trung chỉ đạo để tăng nhanh diện tích, năng suất và sản lượng màu ở tất cả các vùng, tổ chức tốt việc chế biến màu, đưa màu vào lương thực chính của người, tăng nguồn thức ăn cho chăn nuôi. Ngoài việc chế biến màu làm lương thực để tiêu dùng trong nước, cần dùng màu làm nguyên liệu cho sản xuất mì chính, đường tinh bột, rượu, nước uống có men, kẹo bánh, các loại miến, bánh đa... và *xuất khẩu*. Trước hết, cần tổ chức tốt việc sơ chế màu như phơi sấy, tẽ hạt ngô, thái lát khoai, sắn, mài bột sắn... Đồng thời cần có những cơ sở chế biến màu thành sản phẩm lương thực như: nghiền ngô, khoai, sắn thành bột để làm sợi, làm bánh; chế biến bột sắn mài để làm miến, mì chính, v,v... Cần tận dụng bã, cám và phụ phẩm của màu để chế biến thức ăn gia súc.

Mía có khả năng phát triển mạnh ở nhiều vùng nước ta. Ở miền Đông Nam bộ, có thể quy hoạch những vùng mía lớn cho những nhà máy đường từ 4.000 tấn đến 7.000 tấn mía/ngày. Nhiều tỉnh có thể xây dựng các nhà máy 500 tấn, 1.000 tấn hoặc 2.000 tấn mía/ngày. Nhiều huyện có bãi đồi, bờ sông có thể cung cấp mía cho những nhà máy 100 tấn — 200 tấn/ngày. Từ đó, chúng ta có khả năng bảo đảm sản lượng đường đủ cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Hiện nay, một số nhà máy đường đang hoạt động, chúng ta cần quy vùng mía bảo đảm đủ nguyên liệu cho nhà máy có thể hoạt động 150 ngày mỗi năm. Cần cải tạo, trang bị thêm cho các cơ sở sản xuất đường hiện có và điều chỉnh vùng sản xuất đường cho phù hợp với vùng mía, đồng thời cần xúc tiến xây dựng mới các nhà máy đường cỡ lớn đã ghi vào kế hoạch. Kết hợp với các nhà máy đường, cần củng cố và xây dựng các cơ sở làm men thức ăn gia súc, nấu rượu, làm bột giấy, phân bón.

Nước ta có nhiều loại cây có *dầu* như: lạc, vừng, đậu tương, dừa, đen, trầu, sở, lai, hạt bông, hạt cao su, cọ dầu, phôi ngô, cám gạo, v.v... Trong việc chế biến dầu hiện nay, trước hết phải bảo đảm đủ nguyên liệu cho

Digitized by Google

các nhà máy dầu đã có, đồng thời xây dựng thêm một số nhà máy mới ở các vùng nguyên liệu tập trung đã quy hoạch như ép hạt bông, hạt cao su, ép dầu dừa. Mặt khác, trang bị thêm một số cơ sở ép dầu cỡ nhỏ cho các vùng có nguyên liệu. Đi đôi với công nghiệp dầu, cần có cơ sở làm thức ăn gia súc, phân bón và các sản phẩm từ dầu.

Cây *chè* rất thích hợp với các vùng miền núi và trung du nước ta. Ở những vùng đồi núi, cây chè có hiệu quả kinh tế cao, có thể phát triển sản xuất tập trung chuyên canh lớn. Hiện nay, chè là loại hàng xuất khẩu quan trọng, nếu tận dụng được hết diện tích thì chúng ta có thể xuất khẩu mỗi năm hàng chục vạn tấn. Trong kế hoạch 5 năm này, cần bảo đảm đủ diện tích và chè búp cho các nhà máy đã có và xây dựng mới. Đồng thời, cải tạo và cải tiến thiết bị, điều chỉnh vùng cho các cơ sở chế biến chè cỡ nhỏ. Mặt khác, cần tiếp tục quy hoạch các vùng chè mới cho kế hoạch sau.

Thuốc lá có thể tạo nguồn tích lũy nhanh và nhiều. Nước ta có nhiều vùng trồng những loại cây thuốc lá có giá trị kinh tế cao và có những nhà máy sản xuất thuốc lá điếu với công suất lớn đủ cung cấp cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Để bảo đảm chế biến tốt, hiện nay cần xây dựng các xí nghiệp sấy, lên men thuốc lá.

Cây ăn quả ở ta có nhiều như: dứa, chuối, cam, xoài, nhãn, vải, đào, mơ, mận... có giá trị xuất khẩu lớn. Trước mắt, cần đẩy mạnh quy hoạch trồng trọt theo vùng, bảo đảm đủ nguyên liệu cho các nhà máy đã có và đang xây dựng. Đồng thời xây dựng mới một số nhà máy lớn để chế biến quả hộp, nước quả, quả ướp đông.

Rau ở ta có nhiều chủng loại, có những vùng trồng được quanh năm, có thể sử dụng những nhà máy quả hộp để chế biến cà chua, dưa chuột, măng tây cho xuất khẩu. Đồng thời, xây dựng một số cơ sở để muối dưa, muối cà, sấy rau nhằm cung cấp cho nhân dân tiêu dùng.

Nhiều vùng ở miền Nam nước ta có thể mở rộng diện tích trồng *cà phê* và đang thí nghiệm trồng *ca cao*. Ngoài việc tổ chức sơ chế và bảo quản tại nông trường, chúng ta sẽ xây dựng một số cơ sở chế biến thành sản phẩm đặc biệt để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Đối với *cây có sợi*, các vùng trồng *đay, gai, cói* cần được trang bị các công cụ sơ chế, thay thế dần việc sơ chế thủ công. Riêng về *bông*, trong kế hoạch này chúng ta mở rộng diện tích trồng ở các tỉnh Phú-khánh, Thuận-hải, kịp thời xây dựng các cơ sở cán bông, ép dầu hạt bông, chế biến khô dầu bông.

Ở những vùng đang phát triển *tơ tằm*, ngoài việc xây dựng các cơ sở ươm tơ, cần có hiện pháp chế biến nhộng tằm để cung cấp thêm nguồn đạm động vật cho bữa ăn của nhân dân.

Cây cao su cũng đang được quy hoạch vùng để phát triển với quy mô lớn, mỗi vùng đều có cơ sở chế biến nhựa, ép dầu hạt cao su, chế biến thức ăn gia súc.

Nước ta có những vùng như Lâm-đồng, Đắc-lắc có thể trồng cây *hoa bia* và *đại mạch*. Chúng ta có những nhà máy bia với công suất lớn, nhưng nguyên liệu còn thiếu. Trước mắt cần đẩy mạnh việc trồng hoa bia và thí nghiệm việc trồng đại mạch vụ đông ở Đắc-lắc.

Hiện nay nhiều vùng đang đẩy mạnh việc trồng *đậu tương*. Đây là nguồn chất đạm quan trọng cho bữa ăn của nhân dân. Ở những huyện có đậu tương cần xây dựng cơ sở chế biến đậu phụ, làm tương đặc hoặc nước chấm từ đậu tương và ép dầu.

Tinh dầu là nguồn xuất khẩu quan trọng. Cần quy hoạch diện tích theo

Digitized by Google

vùng để trồng cây có tinh dầu nhằm đáp ứng đủ nguyên liệu cho các cơ sở chế biến tinh dầu đã có và những cơ sở mới xây dựng.

Sản phẩm chăn nuôi trong kế hoạch 5 năm này có thể được phát triển nhanh theo hướng sản xuất lớn. Cần xây dựng từ 2 — 3 nhà máy giết mổ, chế biến thịt liên hợp ở các vùng tập trung và xây dựng các nhà máy giết mổ ở một số thành phố và khu công nghiệp. Về sữa bò, hiện nay chúng ta có một số nhà máy làm sữa hộp với công suất lớn, nhưng lại phải nhập sữa bột từ nước ngoài về chế biến lại. Trước mắt, cần xây dựng một số nhà máy ở các vùng chăn nuôi bò sữa, đồng thời phát triển đàn bò sữa ở các vùng Lâm-đồng, Sông-bé, Tây-ninh để từng bước giải quyết nguyên liệu cho các nhà máy sữa hộp.

Nông sản được chế biến phần lớn là lương thực và thực phẩm nhằm phục vụ đời sống hằng ngày của nhân dân. Màu cần được chế biến thành nhiều món ăn ngon miệng và đẹp mắt. Cần hướng một phần sang dạng chế biến hoàn chỉnh có thể sử dụng ngay, giảm bớt khâu nấu nướng ở gia đình như: bánh mì, mì ăn liền, thức ăn ngọt, bữa ăn đóng gói sẵn... Đối với nông sản xuất khẩu, cần bảo đảm chất lượng tốt để giành được sự tín nhiệm của thị trường thế giới.

Với sự điều chỉnh, củng cố, cải tạo và xây dựng mới các cơ sở chế biến trên đây, chúng ta sẽ có một cơ cấu công nghiệp chế biến nông sản phù hợp với khả năng phát triển nông nghiệp. Lúc đó, chúng ta sẽ có những nhà máy quy mô lớn trang bị hiện đại, đặt ở các vùng tập trung chuyên canh lớn, bảo đảm phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; có những nhà máy quy mô vừa phù hợp với vùng chuyên canh của từng tỉnh phục vụ nhu cầu địa phương, giao nộp sản phẩm cho trung ương và xuất khẩu; các cơ sở chế biến nhỏ, các cơ sở thủ công nửa cơ khí và cơ khí, cung cấp nông sản sơ chế cho các nhà máy lớn và chế biến lương thực, thực phẩm cho nhu cầu từng huyện và làm nghĩa vụ với Nhà nước.

Cơ cấu này sẽ được hình thành trong cả nước với từng ngành theo sản phẩm hoặc theo nguyên liệu, có loại thuộc trung ương quản lý, có loại thuộc tỉnh hoặc huyện quản lý. Mỗi tỉnh, huyện có nhiệm vụ phát huy khả năng tiềm tàng của địa phương mình trong phạm vi được phân cấp để phát triển công nghiệp chế biến nông sản.

Hiện nay, chúng ta đang tiến hành xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Mỗi huyện, ngoài các cơ sở để cơ giới hóa nông nghiệp, sẽ có các cơ sở chế biến nông sản, các đơn vị thu mua và phân phối nông sản trong huyện, tổ chức và hướng dẫn sơ chế nông sản trong các hợp tác xã, các nông trường địa phương nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1— Quy hoạch sản xuất nông nghiệp và quy hoạch chế biến nông sản phải ăn khớp với nhau.

Có quy hoạch trồng trọt, chăn nuôi tất yếu phải có quy hoạch chế biến nông sản. Do tác động của quy luật tái sản xuất mở rộng, sự kết hợp giữa sản xuất và chế biến nông sản có thể từ cân đối trở thành không cân đối, để rồi tiến lên một thế cân đối mới cao hơn.

Để giải quyết tốt mối quan hệ này, cần phải có cơ quan quản lý việc quy hoạch chặt chẽ, phải có những thủ tục trong việc lựa chọn phương án tối ưu. Khi một nhà máy không đủ

Digitized by Google

nguyên liệu để huy động hết công suất thì không phải chỉ ngành công nghiệp chịu trách nhiệm mà ngành nông nghiệp cũng như cơ quan quản lý quy hoạch đều phải có trách nhiệm giải quyết.

Nhà máy muốn phát triển tốt việc chế biến phải chủ động phối hợp với nông nghiệp để xây dựng vùng quy hoạch chuyên canh, và phải trực tiếp tác động vào nông nghiệp ở các khâu chọn giống, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, tưới tiêu và kế hoạch gieo trồng, thu hoạch cho ăn khớp với kế hoạch của Nhà nước.

2 — Đẩy mạnh việc cải tiến kỹ thuật, trang bị cơ giới, ứng dụng các thành tựu kỹ thuật mới.

Kỹ thuật chế biến nông sản là loại kỹ thuật có nhiều dạng: cơ, lý, hóa, vi sinh học..., và ở nhiều mức, có loại sơ chế, có loại chế biến nửa thành phẩm, có loại tinh chế thành sản phẩm hoàn chỉnh. Nhưng sản phẩm lương thực thực phẩm và sản phẩm xuất khẩu đòi hỏi phải bảo đảm vệ sinh, phẩm chất, màu sắc, mùi vị, trang trí đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Nước ta hiện nay đã có một số cơ sở đạt trình độ kỹ thuật khá tốt như các nhà máy xay bột mì, làm mì thực phẩm, chế biến đường cỡ lớn, chế biến rau quả, làm mì chính theo phương pháp vi sinh vật, sản xuất thuốc lá điếu, chế biến chè, sản xuất bia, chế biến sữa hộp... có thể làm cái vốn kỹ thuật ban đầu cho từng loại chế biến. Nhưng cũng còn những ngành mà các cơ sở chế biến nông sản đã cũ kỹ, thường là nửa cơ giới, nhiều cơ sở còn chế biến bằng phương pháp thủ công, nhất là hệ thống kho tàng lương thực, phương tiện vận chuyển chuyên dùng, các cơ sở chế biến màu còn rất thô sơ.

Phương hướng tiến bộ kỹ thuật về chế biến nông sản của ta trong thời gian tới là *tận dụng các cơ sở thủ công, nửa cơ giới để từng bước cơ giới hóa cao hơn.* Cần có biện pháp cụ thể giải quyết tốt yêu cầu phơi sấy, chế biến màu và các nông sản khác bằng phương tiện thủ công, nửa cơ giới và cơ giới; trang bị công cụ sơ chế cho các đơn vị sản xuất, xây dựng các cơ sở chế biến màu, sản xuất thức ăn gia súc ở huyện và các xí nghiệp tinh chế ở tỉnh. Ngành thóc gạo cần có những nhà máy xay cỡ lớn đạt tiêu chuẩn sản phẩm tốt; việc chế biến ngô cần có nhà máy hiện đại, có khả năng tổng hợp cao. Đồng thời, cần từng bước trang bị mới cho các cơ sở nhỏ về đường, chè, ép dầu, để tiết kiệm nguyên liệu và tăng hàng xuất khẩu.

Vấn đề phơi sấy hiện nay là cấp thiết, trong khi chúng ta còn thiếu năng lượng, phải hướng vào việc tận dụng ánh nắng mặt trời, hong gió, làm các lò sấy đơn giản kết hợp với bếp nấu của gia đình và tập thể.

Việc chế biến màu có diện rộng và yêu cầu cấp bách, cần chế tạo hàng loạt công cụ cải tiến về bóc vỏ, rửa củ, thái lát, mài bột, tách hạt, nghiền hạt, sấy, quạt... để phân phối cho các vùng.

Đi đôi với việc cải tiến kỹ thuật chế biến, cũng cần đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi như chọn giống mía, giống sắn, giống thuốc lá có năng suất cao, có khả năng rải vụ, cải tạo giống chuối ở miền Nam, rải vụ dứa, chọn giống ca chua, giống cam ít hạt...

3 — Thực hiện chính sách đầu tư nhằm đẩy mạnh xây dựng cơ sở chế biến có hiệu quả tốt.

Song song với việc tăng vốn đầu tư cho nông nghiệp, cần chú ý tăng cả vốn đầu tư cho công nghiệp chế biến. Về nguyên tắc, chế biến nông sản phải đạt kế hoạch tích lũy cao, trừ một số ngành do chính sách giá cả, Nhà nước bù chênh lệch.

Trong kế hoạch 5 năm này, Nhà nước sẽ xây dựng một số cơ sở có quy mô lớn. Đối với các cơ sở chế biến và bảo quản khác như kho lương thực, các nhà máy chế biến lương thực, thực phẩm, cần có kế hoạch đầu tư kịp

Digitized by Google

thời để các công trình đưa vào hoạt động sớm, tránh tình trạng xây dựng kéo dài. Đối với các cơ sở chế biến nhỏ ở từng địa phương, ngoài số vốn Nhà nước đầu tư, nên chú ý huy động khả năng vốn của nhân dân trong việc cải tạo, cải tiến thiết bị, điều chỉnh vùng của các cơ sở tư nhân, và cần nghiên cứu việc tổ chức ngày lao động cộng sản chủ nghĩa để huy động sức lao động của nhân dân làm các việc san nền, đào móng, đắp đường, sản xuất vật liệu xây dựng...

Đi đôi với vốn đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, cần có vốn đầu tư cho việc xây dựng đồng ruộng theo yêu cầu của quy hoạch.

Việc đầu tư nên tập trung theo ngành và thông qua nguyên tắc tín dụng ngân hàng.

4 — Bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu cho nhà máy, tiêu thụ sản phẩm và hướng dẫn tiêu dùng.

Khi xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, điều lo lắng là phải có cơ sở chế biến nông sản, nhưng khi đã có nhà máy rồi thì điều đáng lo lắng hơn lại là bảo đảm cho nhà máy có đủ nguyên liệu để hoạt động, đồng thời phải có biện pháp tiêu thụ sản phẩm cho nhà máy, có chính sách tiêu dùng hợp lý để Nhà nước có sản phẩm cung cấp cho những nơi thiếu và để xuất khẩu.

Từ trước đến nay Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách đối với nông nghiệp, có tác dụng thúc đẩy các hợp tác xã và nông dân phát triển sản xuất, bán nông sản cho Nhà nước. Tuy nhiên khó khăn về nguyên liệu của các nhà máy chế biến nông sản vẫn còn kéo dài, một phần do các chính sách đó khi thực hiện thiếu tập trung, có nơi trở thành bao cấp, không phát huy được tác dụng cung cấp nguyên liệu cho nhà máy.

Để bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu cho nhà máy chế biến, ngoài việc cải tiến hệ thống chính sách về đòn bẩy kinh tế đối với nông nghiệp, trước hết là chính sách giá cả, cần có biện pháp chỉ đạo thực hiện chính sách một cách tập trung để có hiệu quả thiết thực đối với sản xuất. Ở từng vùng nguyên liệu, nên sử dụng các nhà máy chế biến đã có, thông qua hợp đồng kinh tế để thực hiện việc cung cấp nguyên liệu.

Việc tiêu thụ sản phẩm chế biến, trước mắt không có vấn đề gì khó khăn, vì hàng tiêu dùng của ta còn thiếu. Tuy nhiên, đối với một số mặt hàng mới, ngành thương nghiệp cần có biện pháp tiêu thụ để giải quyết vốn cho nhà máy và khuyến khích chế biến.

Hiện nay nhu cầu tiêu dùng của nhân dân đang tăng lên, nhưng chúng ta không thể tiêu dùng hết số sản phẩm làm ra, mà còn phải dành một phần cho xuất khẩu để đổi lấy thiết bị, kỹ thuật mới. Do đó, từng địa phương cần có kế hoạch cân đối sản xuất với tiêu dùng tại chỗ, dành một phần quan trọng cho Trung ương để cung cấp cho các vùng thiếu, dự trữ và xuất khẩu. Phải có kế hoạch hướng dẫn nhân dân trong việc tiêu dùng nông sản, biết dành những đặc sản có giá trị cao cho xuất khẩu, và bảo đảm cho nhu cầu chung của cả nước.

5 — Thực hiện việc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo địa phương và theo vùng lãnh thổ, hình thành các xí nghiệp liên hiệp công — nông nghiệp.

Việc tổ chức quản lý công nghiệp chế biến nông sản phải dựa vào nguyên tắc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo địa phương và theo vùng lãnh thổ, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương thành một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, xây dựng huyện thành một đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, mỗi tỉnh, thành phố thành một đơn vị kinh tế công — nông nghiệp phát triển, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp trên phạm vi cả nước thành một cơ cấu công — nông nghiệp.

Digitized by Google

Như vậy, về tổ chức sản xuất kinh doanh và quản lý đối với công nghiệp chế biến ở mỗi cấp sẽ có các loại hình nhất định.

Ở cấp huyện, ngoài các cơ sở chế biến trong các hợp tác xã, các nông trường, do hợp tác xã và nông trường quản lý theo nguyên tắc hạch toán nội bộ, có những cơ sở chế biến tổ chức theo xí nghiệp công nghiệp chế biến hoặc xí nghiệp liên hiệp nông – công nghiệp. Các xí nghiệp này là đơn vị kinh doanh theo chế độ hạch toán kinh tế độc lập do phòng quản lý công nghiệp (có thể tổ chức thành chi nhánh sản xuất) của ủy ban nhân dân huyện trực tiếp quản lý.

Ở cấp tỉnh, có các xí nghiệp chế biến hoặc xí nghiệp liên hiệp công – nông nghiệp của tỉnh do một công ty ở tỉnh quản lý, cũng có thể tổ chức thành các liên hiệp xí nghiệp theo ngành (nếu có nhiều xí nghiệp cùng ngành). Công ty của tỉnh ngoài việc quản lý các xí nghiệp thuộc tỉnh, còn có trách nhiệm hướng dẫn các xí nghiệp ở huyện, và quản lý tổng hợp theo ngành trong tỉnh.

Ở trung ương, theo từng ngành sản phẩm (hoặc theo loại nguyên liệu) có tổng công ty, hoặc công ty toàn quốc (bước đầu có thể tổ chức nhóm sản phẩm) chịu trách nhiệm quản lý các xí nghiệp thuộc trung ương quản lý, đồng thời chỉ đạo quản lý đối với các công ty ở các tỉnh, các phòng quản lý ở các huyện và làm tổng hợp toàn ngành.

Việc tổ chức các xí nghiệp liên hiệp công – nông nghiệp hoặc nông – công nghiệp hiện nay cần tiến hành thí điểm để rút kinh nghiệm. Trước mắt có thể tổ chức thí điểm ở các nông trường trồng mía và nhà máy đường, nông trường trồng chè và nhà máy chè, nông trường trồng cây ăn quả và nhà máy chế biến quả, nông trường nuôi bò và nhà máy sữa, v.v...

Ở huyện, việc quản lý sản xuất của ủy ban nhân dân huyện là sự kết hợp nông – công nghiệp, nhưng cũng có thể tổ chức một số xí nghiệp liên hiệp nông – công nghiệp như trồng sắn, dong riềng với chế biến sắn, làm bánh, làm miến và chăn nuôi lợn thành một đơn vị xí nghiệp.

Những vùng chuyên canh do các hợp tác xã nông nghiệp sản xuất cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, trong tương lai cũng có thể tổ chức xí nghiệp liên hiệp công – nông nghiệp, nhưng trước mắt là phối hợp quản lý giữa huyện và nhà máy, giao cho nhà máy có nhiệm vụ tác động vào các hợp tác xã để thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

Để thực hiện được phương hướng phát triển chế biến nông sản trên đây, cần đào tạo đủ cán bộ và công nhân kỹ thuật cho từng ngành. Trước mắt cần tổ chức các tổ kỹ thuật ở trung ương và ở tỉnh để hướng dẫn các huyện và các cơ sở. Kiện toàn các viện nghiên cứu kỹ thuật của ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp lương thực thực phẩm, viện thiết kế thiết bị chế biến để giúp đỡ các cơ sở, các địa phương.

Để giải quyết việc đào tạo công nhân ngoài các trường đào tạo tập trung, nên chú ý nhiều vào việc đào tạo trong các nhà máy đã có. Khi xây dựng xong nhà máy mới, các nhà máy cũ có trách nhiệm cung cấp công nhân kỹ thuật. Như vậy vừa giải quyết nhanh yêu cầu về công nhân đã qua thực tế sản xuất, vừa tạo được mối quan hệ tốt giữa các nhà máy cùng ngành.

★

Công nghiệp chế biến nông sản của nước ta, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, đang đứng trước những triển vọng to lớn. Nước ta có nông sản nhiệt đới, có dồi dào sức lao động, nhân dân ta có truyền thống cần cù, giàu óc sáng tạo, khéo léo tay nghề, có khả năng đưa công nghiệp chế biến thành một ngành kinh tế phát triển mạnh mẽ góp phần làm giàu cho đất nước.

Digitized by Google

Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng trong cả nước

LÊ-ĐỨC-CHÍNH

NGHỊ quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ nhiệm vụ của công tác thể dục thể thao là « phải tích cực góp phần nâng cao sức khỏe và bồi dưỡng thể lực của nhân dân; nhanh chóng khắc phục những hậu quả của chiến tranh, những di hại của chế độ thực dân mới về mặt xã hội » (1).

Từ lâu, Trung ương Đảng, Hồ Chủ tịch vẫn thường xuyên nhắc nhở mọi người, nhất là những người làm công tác thể dục thể thao phải nắm vững mục tiêu của công tác thể dục thể thao là vì sức khỏe nhân dân, vì sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Ngay trong Chương trình cứu nước của Việt-minh (tháng 5-1941), Đảng ta đã chỉ rõ: « Cần phải khuyến khích và giúp đỡ nền thể dục thể thao quốc dân, làm cho nòi giống ngày thêm khỏe mạnh ». Cách mạng tháng Tám vừa mới thành công, trong khi Đảng ta đang phải đối phó quyết liệt với thù trong giặc ngoài, tháng 1-1946, Hồ Chủ tịch đã ký sắc lệnh thành lập Nha thể dục trong Bộ thanh niên.

Khi miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ: « Bảo vệ và bồi dưỡng sức khỏe của con người là nghĩa vụ và mục tiêu cao quý của các ngành *y tế và thể dục thể thao* » (2). Và sau khi đất nước ta hoàn toàn giải phóng, Ban bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị số 227, tháng 11-1975, về công tác thể dục thể thao: « Phát triển công tác thể dục thể thao có chất lượng, có tác dụng thiết thực nhằm mục tiêu khôi phục và tăng cường sức khỏe của nhân dân, góp phần xây dựng con người mới phát triển toàn diện, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ».

Vì sao Đảng ta luôn luôn nêu lên một cách nghiêm túc và có hệ thống mục tiêu cao quý của thể dục thể thao?

Mỗi chế độ xã hội sản sinh một nền thể dục thể thao phù hợp với nó. Mục tiêu của thể dục thể thao phản ánh bản chất chế độ xã hội của mỗi nước. Chế độ ta là chế độ xã hội chủ nghĩa, rất coi trọng con người vì con

(1) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 58.

(2) *Văn kiện Đại hội*, Ban chấp hành trung ương Đảng lao động Việt-nam xuất bản, Hà-nội, 1960, tập I, trang 77.

Digitized by Google

người là vốn quý nhất. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch rõ nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Là một công tác cách mạng, là một bộ phận của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, thể dục thể thao phải trực tiếp đóng góp vào việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có tri thức, có thể lực tốt để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

Rõ ràng thể lực tốt là một yếu tố quan trọng không thể thiếu được của nội dung xây dựng con người mới. Chúng ta hiểu sức khỏe của con người một cách toàn diện; đó là sức khỏe về cơ thể, sức khỏe về thần kinh, sức khỏe về tinh thần. Và chỉ thể dục mới có nhiều khả năng góp phần làm cho con người ta có sức khỏe tốt toàn diện. Đó là sức khỏe của một dân tộc 50 triệu người đang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có sức khỏe toàn diện đó, nhân dân ta, trước hết nhân dân lao động mới thích ứng với các điều kiện sống, lao động và học tập trong giai đoạn mới, với yêu cầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng, bảo vệ đất nước.

Thể lực tốt không những là một yếu tố quan trọng để nhân dân ta tiến hành lao động tốt, học tập tốt, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc mà còn là một điều kiện quan trọng đầu tiên, là cơ sở để nâng cao thành tích các môn thể thao. Thường xuyên rèn luyện và tạo nên các nhân tố thể lực tốt thì những người hoạt động thể thao, nhất là các vận động viên dễ dàng tiếp thu kỹ thuật mới, từ đó vươn lên đạt trình độ và thành tích cao.

Thể dục thể thao không chỉ là một khoa học rèn luyện thân thể mà còn là trường học của sự dũng cảm, là một loại hình hoạt động có tác dụng góp phần xây dựng một thói quen mới, một phong cách mới. Nếu số đông người ở mọi lứa tuổi, khắp các cơ sở trên mọi miền đất nước, tập luyện đều đặn hằng ngày và có những hoạt động thể dục thể thao sôi nổi thì kết quả không phải chỉ là nâng cao được sức khỏe, mà còn tạo nên một nếp sống mới có văn hóa trong xã hội, đưa cái đẹp vào đời sống hằng ngày, vào lao động sản xuất, góp phần đẩy lùi và xóa bỏ lối sống đồi trụy do chế độ thực dân cũ và mới để lại về mặt xã hội.

Các hoạt động thể thao hấp dẫn, hào hứng được xem là một loại lao động nghệ thuật. Thi đấu thể thao là dịp để kiểm tra chất lượng, cổ vũ phong trào quần chúng, là cơ hội thi tài đua sức giữa các vận động viên và giữa các tập thể vận động viên. Hoạt động thể thao với tinh thần và mục đích đúng có tác dụng tốt về nhiều mặt: góp phần nâng cao tinh thần mỹ, nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân; nâng cao thể lực, kỹ thuật, rèn luyện các phẩm chất, ý chí tốt đẹp cho vận động viên, cho thanh niên và các tầng lớp khác, góp phần xây dựng mối quan hệ mới trong sáng, lành mạnh giữa các tập thể và con người mới xã hội chủ nghĩa. Mác đã từng nói: "Trong nền giáo dục của xã hội tương lai, lao động và khoa học sẽ chiếm địa vị ngang nhau, thể dục và thể thao, lao động chân tay và lao động trí óc sẽ phải hỗ trợ cho nhau bởi vì đó là phương pháp duy nhất để phát triển con người toàn diện và cũng là biện pháp đáng tin cậy nhất để tăng sức sản xuất của xã hội» (3).

Sta-lin cũng đã phân tích ý nghĩa, tác dụng của thể dục thể thao một cách toàn diện: "Không những xem thể dục thể thao trên quan điểm rèn

(3) C. Mác: *Tư bản*, bản tiếng Nga, nhà xuất bản Quốc gia về sách báo chính trị, Mát-scơ-va, 1936, quyển I, trang 402.

Digitized by Google

luyện thân thể, bồi dưỡng sức khỏe và xem thể dục là một phương diện giáo dục văn hóa, kinh tế, quân sự (như tập bắn, v.v...) cho thanh niên, mà còn phải xem nó là một trong những biện pháp giáo dục quần chúng (bởi vì thể dục thể thao nâng cao ý chí, bồi dưỡng tinh thần tập thể, tính kiên cường bất khuất, thái độ bình tĩnh cũng như các phẩm chất tốt đẹp khác), đồng thời cần xem nó là một biện pháp đoàn kết quần chúng công nông chung quanh Đảng. Chính quyền xô viết, Công đoàn, qua đó mà thu hút quần chúng công nông vào các hoạt động xã hội và chính trị khác, v.v... Thể dục không chỉ bó hẹp trong vận động đơn thuần, trong các hoạt động thể thao, các trò chơi vận động mà còn phải bao gồm lao động, các mặt vệ sinh xã hội và cá nhân trong đời sống, bao gồm việc kết hợp rèn luyện trong thiên nhiên và các chế độ sinh hoạt, lao động chính xác » (4).

Xác định rõ mục tiêu của thể dục thể thao như đã nói trên là vấn đề cơ bản nhất của đường lối thể dục thể thao của Đảng ta. Công tác thể dục thể thao có nhằm mục tiêu đó thì mới trở thành một công tác cách mạng, mới phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Quán triệt mục tiêu đã được đề ra và thể hiện nó trong hoạt động thực tiễn là một tiêu chuẩn quan trọng nhất để xem xét công tác thể dục thể thao có thật sự là một nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa hay không. Hoạt động thể dục thể thao có nhiều hình thức phong phú, nhưng dưới bất cứ hình thức nào cũng phải nhằm mục tiêu đó.

Qua nhiều năm hoạt động, nhiều địa phương đã kiên trì đẩy mạnh công tác thể dục thể thao theo hướng nâng cao sức khỏe nhân dân nhằm phục vụ sản xuất, học tập, phục vụ quốc phòng, phục vụ xây dựng con người mới, nếp sống mới, có nhiều cố gắng trong việc xây dựng phong trào thể dục thể thao ở cơ sở. Những nơi có phong trào khá, nhất là những đơn vị tiên tiến như xã Nam-chính (Hải-hưng), xã Quỳnh-đôi (Nghệ-tĩnh), xã Lập-chiệng (Hà-sơn-bình), nhà máy cơ khí Quang-Trung; xí nghiệp dược phẩm 1 (Hà-nội), mỏ than Hà-tu (Quảng-ninh), nông trường Tam-thiên-mẫu (Hà-bắc), trường cấp I, II Tân-thuật (Thái-bình), đại đội Gió (Quân đội), v.v... là những nơi quán triệt mục tiêu thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa. Ở những nơi ấy, hoạt động thể dục thể thao đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, phục vụ đắc lực các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị... Ở các tỉnh miền Nam, từ sau ngày giải phóng, các cấp Đảng và chính quyền đã coi trọng lãnh đạo, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao rộng rãi trong quần chúng, nhất là ở các trường học, trong thanh niên, thiếu niên; tổ chức giáo dục, bồi dưỡng về đường lối, quan điểm thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa, cải tạo tư tưởng và thói quen xấu cho những người hoạt động thể dục thể thao dưới chế độ cũ; thực hiện sự kết hợp giữa thể dục thể thao với vệ sinh phòng bệnh nhằm khôi phục và giữ gìn sức khỏe nhân dân, góp phần xây dựng nếp sống mới, lành mạnh, từng bước xóa bỏ lối sống đồi trụy do chế độ thực dân mới để lại.

Nhưng không phải mọi người, mọi nơi đều đã quán triệt mục tiêu, hiểu đúng vai trò, lợi ích, tác dụng của thể dục thể thao. Ở một số địa phương, còn có những người cho rằng « có thể dục thể thao cũng tốt, không có cũng chẳng sao ». Có nhiều người rất thích thể thao nhưng cho đó là « trò giải trí », thích xem để tiêu khiển chứ không thích tập luyện để nâng cao sức khỏe cho mình. Không ít địa phương còn quá chú trọng các hoạt

(4) *Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, ngày 1-3-7-1925*, bản tiếng Nga, nhà xuất bản Quốc gia về sách báo chính trị, Mát-scơ-va, 1936.

Digitized by Google

động « bề nổi », thích môn nào thì tổ chức thi đấu lu bù, trong thi đấu lại quá chú trọng chuyện được thua, biểu hiện rõ rệt tư tưởng cục bộ, địa phương, thiếu tinh thần thượng võ và hợp tác xã hội chủ nghĩa. Đó là những biểu hiện lệch lạc, xa lạ, trái với mục tiêu thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa. Vấn đề quan trọng đầu tiên đặt ra đối với tất cả các địa phương, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý ngành thể dục thể thao là bằng mọi cách « làm cho mọi người nhận thức sâu sắc rằng phong trào thể dục thể thao, hoạt động thể dục thể thao là trường học của sự dũng cảm, thông minh, sáng tạo, là trường học để cải tạo cơ thể con người, để tăng cường không ngừng sức khỏe con người, từ đó mà con người đóng góp có hiệu quả nhất vào sự nghiệp cách mạng » (5).

★

Muốn xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động trên mọi mặt của đời sống xã hội, phải bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong từng lĩnh vực cụ thể. « Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao có tính quần chúng rộng lớn trong cả nước, trước hết là ở cơ sở » (6), đó là một biểu hiện tập trung nhất của việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trên lĩnh vực thể dục thể thao.

Xây dựng nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa thực chất là xây dựng một phong trào thể dục thể thao của dân, do dân và vì dân. Nếu nói mục tiêu của thể dục thể thao là mang lại sức khỏe cho hàng chục triệu người thì tất yếu phải xây dựng cho được một phong trào thể dục thể thao của quần chúng. Chỉ khi nào chúng ta làm được điều đó thì thể dục thể thao mới thật sự góp phần tích cực vào việc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới nền văn hóa mới và con người mới. Sự khác nhau về bản chất giữa hai nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa chính là ở chỗ có xây dựng được phong trào thể dục thể thao rộng lớn của quần chúng hay không. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động tự mình xây dựng, sáng tạo nên một phong trào thể dục thể thao của mình. Chỉ khi nào quần chúng hiểu rõ lợi ích, tác dụng của thể dục thể thao, tự giác sử dụng thể dục thể thao như một công cụ, một biện pháp tích cực nhất để nâng cao sức khỏe, xây dựng con người mới với những thói quen mới thì thể dục thể thao mới thật sự trở thành một phong trào cách mạng của quần chúng, mới có gốc rễ sâu rộng và vững chắc.

Mỗi phong trào cách mạng của quần chúng đều có nội dung và hình thức vận động riêng của nó. Xác định nội dung và hình thức hoạt động thể dục thể thao là cụ thể hóa các vấn đề về môn tập, bài tập, về cách thức và cường độ tập luyện sao cho phù hợp với từng loại đối tượng. *Đề ra nội dung phong phú, hình thức đa dạng* cho hoạt động thể dục thể thao sẽ tác động mạnh đến việc chỉ đạo, hướng dẫn phong trào tập luyện của quần chúng ở cơ sở. Thiếu điều đó thì hoạt động thể dục thể thao của quần chúng sẽ nghèo nàn, đơn điệu. Nội dung, hình thức, phương tiện tập luyện thể dục, thể thao trên thế giới thường có những điểm cơ bản giống nhau. Song tùy theo trình độ phát triển kinh tế và văn hóa, truyền thống dân tộc, điều kiện, đặc điểm địa lý tự nhiên của mỗi nước, của mỗi vùng trong một nước, đặc điểm sinh lý con người của mỗi dân tộc mà nội dung, hình thức và phương

(5) Phạm-Văn-Đồng : Bài nói tại hội nghị tổng kết kinh nghiệm xây dựng điển hình tiên tiến thể dục thể thao toàn quốc tháng 10-1976.

6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, tạp chí *Học tập* số 12-1976, trang 87.

Digitized by Google

tiện tập luyện thể dục thể thao lại có điểm khác nhau.

Ở nước ta, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động thể dục thể thao khá phong phú. Vấn đề quan trọng đối với các cơ quan và cán bộ thể dục thể thao, nhất là cán bộ cơ sở, là phải căn cứ vào những hình thức vận động đã có mà tổ chức, sắp xếp chương trình, chế độ tập luyện hằng ngày một cách khoa học, phù hợp với tình hình sức khỏe, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, đặc điểm từng vùng, sở thích của từng loại đối tượng.

Có thể sắp xếp một chương trình, chế độ tập luyện hằng ngày chung cho số đông người như sau : khi ngủ dậy tập bài thể dục buổi sáng kết hợp với chạy hoặc bơi nhẹ nhàng ; giữa giờ học tập và lao động, tập mấy phút bài thể dục chống mệt mỏi ; sau một ngày học tập và lao động căng thẳng, mỗi người tùy theo tình hình sức khỏe, điều kiện cụ thể, sở thích mà tập một môn thể thao nào đó với mức độ thích hợp. Nếu mỗi cơ sở tổ chức được đông người thực hiện thường xuyên và tốt chế độ tập luyện hằng ngày nói trên thì có thể coi cơ sở đó đã xây dựng được phong trào.

Bên cạnh chế độ tập thể dục hằng ngày, chế độ rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn là một chế độ tập luyện quan trọng có tác dụng nâng cao thể lực, nhất là chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên có sức khỏe tốt để sẵn sàng phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chế độ rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn hiện nay đã trở thành một điều lệnh huấn luyện của quân đội. Một số cơ sở có phong trào thể dục thể thao khá cũng đã thực hiện chế độ rèn luyện này. Đối với các trường học, chế độ rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn cùng với việc tập luyện bốn môn (chạy, nhảy cao, nhảy xa, ném bóng trúng đích), năm môn phối hợp (chạy 100 mét, đẩy tạ, nhảy xa, nhảy cao, chạy 500 mét (nữ), 800 mét (nam)) được coi là nội dung hoạt động thể dục thể thao quan trọng nhất trong việc giáo dục con người mới xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện.

Trong một phong trào rèn luyện thân thể rộng lớn của quần chúng, do yêu cầu nâng cao sức khỏe, sở thích và năng khiếu khác nhau, thế nào cũng có những người thích tập một vài môn thể thao nào đó. Vì vậy, đi đôi với phong trào tập thể dục, các cơ sở cần tạo điều kiện cho quần chúng, nhất là thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trong các trường học hào hứng, tự giác tập luyện các môn thể thao ; từ đó sớm phát hiện những mầm non có năng khiếu về thể dục thể thao để chọn lọc, bồi dưỡng, đào tạo thành những cán bộ, vận động viên xuất sắc.

Phong trào cách mạng của quần chúng thường diễn ra theo quá trình từ hẹp đến rộng, từ thấp đến cao. Điều mong muốn của chúng ta là xây dựng cho được phong trào tập luyện rộng rãi của quần chúng với chất lượng ngày càng cao. Muốn đạt được điều đó, đi đôi với việc xây dựng phong trào trên diện rộng, phải chú ý xây dựng những đơn vị, cơ sở có phong trào với nội dung hoạt động phong phú và sinh động hơn, với số người tập đông đảo và có chất lượng hơn, với lực lượng nòng cốt rộng và có trình độ kỹ thuật ngày càng cao. Nghĩa là phải xây dựng các điển hình tiên tiến làm đầu tàu kéo phong trào trong các khu vực rộng lớn, cho đến cả nước tiến lên, không sót một nơi nào. Bởi vì điều chúng ta mong muốn trước tiên không phải là thi đấu giành ngôi thứ cao trong các môn thể thao, mà là làm cho sức khỏe của quảng đại quần chúng nhân dân ta ngày càng tốt.

Công tác xây dựng phong trào thể dục thể thao quần chúng mấy năm qua có những tiến bộ đáng chú ý. Đã có những bước tiến trong sự kết hợp giữa các tổ chức Đoàn thanh niên, Công đoàn, ngành giáo dục, ngành thể

Digitized by Google

dục thể thao... trong việc xây dựng phong trào trên địa bàn rộng và xây dựng các đơn vị tiên tiến ở từng loại cơ sở. Có những nơi chú ý phát động phong trào học và làm theo các đơn vị tiên tiến. Do chất lượng được nâng cao, phong trào thể dục thể thao ở một số đơn vị cơ sở đã thật sự phát huy tác dụng phục vụ sản xuất, phục vụ xây dựng con người mới, nền văn hóa mới ở địa phương. Tuy vậy, vẫn còn có những biểu hiện không đúng trong việc xây dựng phong trào ở cơ sở. Có nơi chỉ tập trung sức xây dựng một vài đơn vị tiên tiến, còn số đông cơ sở chưa có phong trào hoặc chỉ có một vài hoạt động lẻ tẻ, không đều, không thường xuyên. Có địa phương thiếu xây dựng, hướng dẫn nội dung hoạt động cụ thể cho cơ sở. Nhiều nơi tuy đã xây dựng được đơn vị tiên tiến nhưng chậm phát động, tổ chức phong trào làm theo gương các điển hình tiên tiến. Một số đơn vị tiên tiến có hiện tượng thỏa mãn, dừng lại. Về mặt tổ chức, có những địa phương chưa xây dựng được bộ phận chuyên lo chỉ đạo phong trào ở cơ sở; cán bộ còn ngại đi cơ sở hoặc có đi cơ sở nhưng thiếu kế hoạch, biện pháp chỉ đạo cụ thể. Bộ máy chuyên lo xây dựng phong trào cấp huyện nhiều nơi chưa có hoặc quá yếu...

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đưa nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cấp huyện đóng vai trò rất quan trọng. Vì vậy chúng ta phải chú ý xây dựng phong trào trên địa bàn huyện và cấp tương đương. Cấp huyện mà yếu thì không thể nói đến việc xây dựng phong trào ở cơ sở. Cần cố gắng xây dựng những huyện có phong trào thể dục thể thao tiên tiến.

Nội dung xây dựng phong trào thể dục thể thao trên địa bàn huyện, xây dựng đơn vị huyện tiên tiến về thể dục thể thao bao gồm:

Một là, làm cho các cơ sở thuộc các ngành, các khu vực khác nhau trong huyện (trường học, xã, xí nghiệp, cơ quan, lực lượng vũ trang...) có phong trào thể dục thể thao thu hút đông đảo quần chúng, trước hết là thanh niên, thiếu niên tham gia tập luyện. Nội dung hoạt động phù hợp với yêu cầu, điều kiện, truyền thống của địa phương, phục vụ đắc lực nhiệm vụ sản xuất, công tác, học tập, quốc phòng và đời sống nhân dân trong huyện. Từ đó hình thành một mạng lưới đơn vị tiên tiến về thể dục thể thao trong các loại cơ sở của huyện để giúp đỡ, thúc đẩy nhau cùng phát triển theo những hình thức thích hợp.

Hai là, từng bước xây dựng một hệ thống cơ sở vật chất gắn liền với phong trào thể dục thể thao của huyện, phù hợp với yêu cầu, điều kiện và khả năng của địa phương, phục vụ phong trào thể dục thể thao ở địa phương ngày càng phát triển. Việc xây dựng hệ thống cơ sở vật chất này phải dựa chủ yếu vào công sức của địa phương.

Ba là, xây dựng một hệ thống tổ chức, quản lý công tác thể dục thể thao từ cấp huyện đến cơ sở dưới hình thức Hội đồng thể dục thể thao để liên kết chặt chẽ các ngành giáo dục, y tế, quân sự, Đoàn thanh niên, Công đoàn, do phòng thể dục thể thao làm cơ quan thường trực, và làm tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo, xây dựng phong trào trong huyện. Cơ quan thể dục thể thao huyện phải được kiện toàn để có đủ khả năng đào tạo cán bộ chuyên môn cho cơ sở, có cán bộ quản lý và nghiệp vụ có năng lực chỉ đạo xây dựng phong trào ở cơ sở. Trên cơ sở phát triển rộng rãi phong trào thể dục thể thao quần chúng, mỗi huyện xây dựng lực lượng vận động viên, huấn luyện viên làm nòng cốt cho phong trào trong huyện, tạo cơ sở rộng rãi và vững chắc cho việc xây dựng lực lượng vận động viên của tỉnh.

★

(Xem tiếp trang 89)

Digitized by Google

Trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam

PHẠM-KHẮC-HÒE

LÀM cha mẹ ai mà chẳng thương con, lo cho con được mạnh khỏe, được nuôi dạy nên người, biết đạo làm người.

Nuôi dạy con nên người, biết đạo làm người là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta từ nghìn xưa. Nhưng trong xã hội có giai cấp, nội dung cụ thể của khái niệm « nên người, biết đạo làm người » bao giờ cũng có tính giai cấp. Ngày nay, trong xã hội của chúng ta, khái niệm « nên người, biết đạo làm người » là nên con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam như Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đã vạch ra: « Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam có những đặc trưng nổi bật là làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản ».

Con người mới « là sản phẩm của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội », song để có được điều đó « con người mới phải được đào tạo ngay từ bây giờ, từ những dòng sữa tươi mát đầu tiên, từ những sự chăm sóc đầu tiên của gia đình và xã hội, từ những niềm âu yếm, những lời khuyên bảo dỗ dành, v.v... của người mẹ, người cha khi còn tấm bé » (1). Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng sau khi nêu lên những tiêu chuẩn của con người mới cũng đã nhấn mạnh: « Phải xây dựng con người mới từ lúc mới lọt lòng và ở mọi lứa tuổi, trong tất cả các tổ chức quần chúng, các cơ sở kinh tế, văn hóa, các hoạt động xã hội, ở mọi ngành, mọi cấp, trong từng khu phố, thôn xóm và gia đình ».

Đọc những lời trên đây của Đảng, những người làm cha mẹ không thể không suy nghĩ đến trách nhiệm của

(1) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 568.

Digitized by Google

mình trong việc góp phần xây dựng con người mới.

★

Từ nghìn xưa nhân dân ta vẫn thường nhắc nhau « dạy con từ thuở còn thơ ». Ngày nay, các nhà tâm lý học trên thế giới đều nhất trí rằng, từ sơ sinh cho đến năm, sáu tuổi, đứa trẻ đã có những biểu hiện đầu tiên về tính tình, tâm hồn và nếp sống của nó : hiền lành hay hung dữ, vị tha hay ích kỷ, chăm chỉ hay lười biếng, trung thực hay gian dối, phục thiện hay bướng bỉnh, bình tĩnh hay nóng nảy, trật tự, gọn gàng, tiết kiệm hay bừa bãi, luộm thuộm, lãng phí, đoàn kết thân ái hay thường gây gỗ đánh nhau... Tất cả những nét tốt hay xấu đó đều cơ bản hình thành trong khoảng năm, sáu năm đầu của đời người và đối với quá trình hình thành này, ảnh hưởng của cha mẹ và gia đình có ý nghĩa quyết định.

Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, trẻ em dưới sáu tuổi, kể cả các cháu được gửi nhà trẻ và mẫu giáo, chủ yếu sống trong môi trường gia đình, trực tiếp chịu ảnh hưởng của cha mẹ và người lớn trong gia đình. Cho nên, những điều mà trẻ nhỏ thu nhận được tốt hay xấu, đúng hướng đi lên chủ nghĩa xã hội hay là chống lại, là tùy thuộc vào sự giáo dục của gia đình. Đó là trách nhiệm lớn lao của những người làm cha mẹ không những chỉ đối với tương lai của con cái mình, mà còn đối với xã hội, với Tổ quốc.

Đáng tiếc là hiện nay vẫn còn nhiều bậc cha mẹ chưa thấy rõ trách nhiệm lớn lao đó, mặc dù trước mắt họ đã diễn ra cảnh biết bao người đang tốn rất nhiều công sức và phải chịu rất nhiều đau khổ trong công việc cải tạo những đứa con hư hỏng vì những thiếu sót, sai lầm của chính cha mẹ trong việc nuôi dạy chúng từ thời thơ ấu.

Những năm gần đây một hiện tượng làm cho một số bậc cha mẹ lo lắng buồn bực là thấy con cái của mình có đứa từ tám, chín tuổi trở lên, càng lớn lên càng khó dạy bảo, bướng bỉnh, thô lỗ tục tằn, hỗn xược với người lớn, tự do, vô kỷ luật, hay gây gỗ, hay nói dối... Thậm chí, cá biệt có đứa đi trộm cắp, trở thành lưu manh, trụy lạc. Kêu ca, phàn nàn, nói chuyện với nhau về những hiện tượng tiêu cực như trên, nhiều cha mẹ cho đó là do ảnh hưởng của đường phố, của môi trường chung quanh. Cho nên, ngoài giờ đi học, họ cấm không cho con cái ra khỏi nhà.

Nói chung, hầu hết các bậc cha mẹ có con chậm tiến hoặc hư hỏng đều đổ lỗi cho hoàn cảnh khách quan, cho tổ chức này, tổ chức khác mà không thấy rằng người có lỗi lớn nhất chính là mình, do mình có những thiếu sót, sai lầm trong việc nuôi dạy con ngay từ tuổi thơ ấu.

Dưới đây là một số sai lầm thiếu sót phổ biến :

1 — Tách rời nuôi con với dạy con : Có nhiều bậc cha mẹ cho rằng giáo dục trẻ em là công việc của trường học và của các đoàn thể quần chúng, còn cha mẹ chỉ lo cho con được ấm no, mạnh khỏe đã là vất vả lắm rồi. Những người nghĩ như vậy không hiểu rằng bất cứ cách nuôi con nào cũng là một cách dạy con. Ví dụ : hễ con khóc là mẹ cho bú, hoặc cho ăn ngay bất cứ lúc nào, tức là « dạy » con mình sinh hoạt tùy tiện, vô tổ chức ; con mới tập đi, đụng cái ghế ngã, mẹ vừa đánh vào cái ghế vừa chửi tức là « dạy con tư tưởng trả thù, tác phong thô bạo ; muốn thúc giục bé ăn cho mau hết bát cơm, nhân lúc chị của bé lại gần, mẹ nói : « ăn đi không chị ăn hết », rồi bón dồn dập cơm cho bé, thế là dạy cho bé thói tham ăn và lối sống ích kỷ, v.v... Rõ ràng là trên thực tế, dù muốn hay không, bà mẹ nào cũng vừa nuôi vừa dạy con từ trong trứng nước và gia đình nào

Digitized by Google

cũng là nơi « huấn luyện » đầu tiên về tình tình, tâm hồn, nếp sống của đứa trẻ

2 — **Nuông chiều con quá đáng :** Nhiều bậc cha mẹ, nhất là những cha mẹ trẻ nuông chiều con đủ mọi thứ về mọi mặt và không bao giờ dám đề ra cho con một yêu cầu gì mà không đặt điều kiện trước : con nghe lời, bố mẹ sẽ cho tiền mua kem, cho đi xem xiếc, v.v... Hễ con hờn giỗi một tý là vuốt ve nâng niu đủ cách và sẵn sàng làm bất cứ điều gì cốt vừa lòng con, kể cả cho con hút thuốc lá, cho uống rượu mùi, cho tiền ra đường ăn quà tự do !

Trẻ con được nuông chiều quá đáng như vậy tất nhiên trở nên ích kỷ, lười biếng, vừa tự cao tự đại, vừa ỷ lại, yếu đuối, hèn nhát, không có nghị lực vượt khó khăn. Cho nên Ma-ca-ren-cô, nhà giáo dục học Liên-xô lỗi lạc, coi những lối nuông chiều con quá đáng là « sai lầm nhất », là « kém thông minh nhất », là « phản đạo đức nhất ».

3 — **Dạy con theo lối cũ, chủ quan, độc đoán :** Sinh hoạt xã hội mỗi ngày mỗi thay đổi, con em chúng ta ngày nay có một đời sống tâm lý ngày càng phong phú hơn, phức tạp hơn. Thế nhưng nhiều bậc cha mẹ vẫn cứ dạy con theo lối cũ : việc gì cũng muốn bắt buộc con cái phải làm theo ý muốn chủ quan của mình, không tôn trọng nhân cách của con, bất chấp tâm tư, nguyện vọng của con. Dạy con như vậy là hoàn toàn trái ngược với quan điểm giáo dục cách mạng. Nó làm cản trở sự phát triển lành mạnh của trẻ em cả về sinh lý lẫn tâm lý, làm cho những năng khiếu tốt bị thui chột đi, những tình cảm đẹp không nảy nở được.

4 — **Không thống nhất giữa cha mẹ, giữa người lớn trong gia đình đối với việc nuôi dạy con cái :** Nói giáo dục là phải nói đến mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp, chương trình. Nhưng trong gia đình chúng ta hiện nay, rất nhiều người làm cha mẹ chưa bao giờ đặt những vấn đề ấy ra để thống nhất giữa người lớn với nhau, dù chỉ là ở mức tối thiểu về mục đích yêu cầu. Cho nên, trong quan hệ hằng ngày với con cái, cha mẹ thường có những cách xử lý trái ngược nhau : con ngủ dậy, bố bảo phải xếp chăn gối lại, nhưng mẹ lại bảo để đó mẹ làm cho. Thế là mẹ đã làm cho con sinh ra tâm lý ỷ lại, lười lao động, cho rằng mẹ thương mình hơn bố và coi thường ý kiến của bố. Trong những gia đình có ông bà ở chung thì vấn đề lại càng phức tạp hơn, có nhiều mâu thuẫn hơn.

★

Gia đình Việt-nam, trước hết là gia đình nhân dân lao động, hình thành và phát triển qua 4.000 năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, mặc dù có bị ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến và tư sản, ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, song vẫn bảo tồn được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc về nuôi, dạy con.

Đó là truyền thống hy sinh tận tụy không bờ bến của người mẹ trong việc nuôi dạy con cái.

Đánh giá công lao của người mẹ Việt-nam, Hồ Chủ tịch nói : « Nhân dân ta rất biết ơn các bà mẹ cả hai miền Nam Bắc đã sinh đẻ và nuôi dạy những thế hệ anh hùng của nước ta » (2).

Nói về ý nghĩa xã hội lớn lao của vai trò người mẹ trong gia đình Việt-nam, đồng chí Lê-Duẩn cũng nhấn mạnh : « Từng giây, từng phút, người mẹ truyền cho con những tình cảm,

(2) Hồ Chủ tịch với vấn đề giải phóng phụ nữ, nhà xuất bản Phụ nữ, Hà-nội, 1970, trang 60.

Digitized by Google

những ý nghĩ của mình, những điều mình từng trải trong cuộc sống. Mỗi lời nói, mỗi nụ cười, mỗi nét mặt buồn hay vui của người mẹ đều in sâu vào tâm hồn đứa trẻ những ấn tượng mà đứa trẻ giữ mãi trong suốt cuộc đời. Dạy con biết nói biết cười, ru con bằng những điệu hát đầy ý nghĩa, khuyên bảo con những lẽ phải điều hay, v.v... Chính bằng cách đó, người mẹ đã góp phần giữ gìn và lưu truyền văn hóa dân tộc từ đời này sang đời khác » (3).

Chức năng làm mẹ có ý nghĩa xã hội lớn lao, cao quý như vậy. Nhưng trong xã hội cũ, người ta coi việc sinh đẻ và nuôi dạy con là việc riêng của mỗi gia đình. Còn trong gia đình, người chồng coi việc sinh đẻ và nuôi con thơ là trách nhiệm riêng của người vợ. Cho nên, người mẹ Việt-nam, nhất là người thuộc thành phần trong nhân dân lao động, phải vượt muôn vàn khó khăn thiếu thốn, đau khổ, vất vả. Ngày nay, toàn xã hội có trách nhiệm đối với việc sinh đẻ của phụ nữ và việc nuôi dạy trẻ em. Nhưng điều này hoàn toàn không có nghĩa là có thể coi nhẹ trách nhiệm giáo dục con cái của gia đình, cha mẹ.

Phát huy truyền thống hy sinh tận tụy của người mẹ Việt-nam trong việc nuôi dạy con cái là làm cho mọi người mẹ và nhất là mọi người cha nhận thức được thật sâu sắc ý nghĩa xã hội, tính chất khoa học của việc nuôi dạy trẻ, và trên cơ sở đó nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần sáng tạo của mình trong việc nuôi dạy con, cũng như trong việc hợp tác chặt chẽ với các tổ chức nuôi dạy trẻ và các đoàn thể quần chúng để đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Đó là truyền thống nuôi dạy con từ khi còn nhỏ. Từ xưa, nhân dân ta vẫn gắn liền việc nuôi con với dạy con và dạy ngay từ lúc đứa trẻ còn trong bụng mẹ, tức là «thai giáo». Đến khi đứa bé ra đời, thì các cụ ngày xưa thường nhắc nhở dâu con: dưỡng nam bất giáo như dưỡng lư, dưỡng nữ bất giáo như dưỡng trư; nghĩa là: nuôi con trai mà không dạy là như nuôi con lừa, nuôi con gái mà không dạy là như nuôi con lợn. Trong nhân dân lao động ngày xưa thường lưu truyền câu ca dao:

Đẻ con chẳng dạy chẳng răn
Thà rằng nuôi lợn cho ăn lấy lòng.

Rõ ràng là theo truyền thống của dân tộc ta, muốn cho con nên người thì phải gắn liền nuôi với dạy càng sớm bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Truyền thống đó đã được khoa học tâm lý giáo dục hiện đại xác nhận là đúng. Nhưng đáng tiếc là ngày nay có nhiều bậc cha mẹ không chú ý đến việc dạy con trong khi nuôi con. Và có dạy thì chỉ lo dạy cho con biết nói, biết đọc, biết viết mà bỏ quên mất phần quan trọng hơn nhiều là gieo những hạt giống tốt vào tâm hồn, tình cảm của con.

Trên đây là một số truyền thống quý báu của gia đình Việt-nam mà dưới ánh sáng của đường lối của Đảng về xây dựng nền văn hóa mới và con người mới, mỗi gia đình chúng ta đều có thể kế thừa và nâng cao, để từng bước xây dựng gia đình mình thành một tập thể nhỏ xã hội chủ nghĩa.

★

Những cố gắng hằng ngày của những bậc cha mẹ sáng suốt thật thiên hình vạn trạng, muôn màu muôn vẻ, không ai có thể kể hết được tất cả những điều cha mẹ cần phải biết, phải làm để nuôi dạy con mình thành con người mới. Sau đây, xin nêu một

(3) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1976, tập II, trang 566.

Digitized by Google

số phương hướng chủ yếu, đòi hỏi mỗi người làm cha, làm mẹ phải có những cố gắng tối đa.

1 — **Nêu gương tốt về mọi mặt trong mọi việc.** Tính bắt chước là một đặc điểm của trẻ em ở mọi lứa tuổi. Cho nên, sự nêu gương tốt của cha mẹ và người lớn trong gia đình là một cách giáo dục có hiệu quả nhất. Đặc biệt đối với trẻ em ở lứa tuổi mẫu giáo, khả năng dùng gương tốt để giáo dục lại cực kỳ phong phú, vì ở lứa tuổi này tính bắt chước của đứa trẻ là con đường chủ yếu để nó thu nhận kiến thức và tích lũy tình cảm, đạo đức. Cần nhấn mạnh **gương tốt,** vì cho đến cuối tuổi nhi đồng, trẻ em chưa biết phê phán, chọn lọc, nó bắt chước cả cái tốt lẫn cái xấu. Nhưng đến tuổi thiếu niên thì trẻ em đánh giá người lớn không chỉ qua những hành vi bề ngoài, mà còn qua động cơ bên trong của những hành vi đó. Vì không chú ý sự chuyển biến ấy ở con mình, mà có những bậc cha mẹ đã mất uy tín đối với con và khổ tâm nhận thấy sự nêu gương của mình không còn tác dụng nữa. Thật ra, nếu cha mẹ thật sự hiểu con và có cách xử lý thích hợp và chân thành thì gương tốt của mình bao giờ cũng có tác dụng giáo dục đối với con cái.

2 — **Nắm vững đặc điểm chung của từng lứa tuổi và đặc điểm riêng của từng đứa trẻ.** Muốn giáo dục con cái có kết quả tốt, cha mẹ phải hiểu biết đặc điểm chung của từng lứa tuổi và đặc điểm riêng của từng đứa trẻ. Về đặc điểm chung của từng lứa tuổi, nên tham khảo các sách về dạy trẻ hoặc về giáo dục gia đình mà ngày nay có thể tìm được dễ dàng ở các thư viện, các hiệu sách. Nhưng về đặc điểm riêng của từng đứa trẻ thì cha mẹ chỉ có thể nắm chắc được qua việc theo dõi, nghiên cứu cử chỉ, hành động hằng ngày của trẻ và thái độ của trẻ đối với những người và sự vật mà nó tiếp xúc. Môi trường rất tốt để hiểu sâu trẻ em là không khí chan hòa, thân thương, cởi mở giữa cha mẹ và con cái, làm cho con cái thường xuyên có điều kiện bộc lộ với cha mẹ tâm tư, nguyện vọng, ước mơ của mình.

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc con cái về mọi mặt và căn cứ vào hoàn cảnh gia đình và xã hội, cha mẹ nhất định sẽ đề ra được những yêu cầu sát thực tế, đúng mức độ và tìm ra được biện pháp thích hợp để đưa việc giáo dục đến kết quả mỹ mãn.

Theo nhiều nhà giáo dục có kinh nghiệm, đối với trẻ em từ lọt lòng cho đến năm sáu tuổi, chủ yếu xây dựng cho chúng những thói quen tốt; từ bảy, tám tuổi đến mười một, mười hai tuổi, chủ yếu là gây ý thức kỷ luật, ý thức tập thể, sau đó là giúp cho chúng xây dựng được lý tưởng; nhưng trẻ ở tuổi nào, cũng phải biết phối hợp cả ba yêu cầu đó và cần tác động vào tình cảm và nhu cầu của chúng.

3 — **Tổ chức tốt đời sống gia đình và hoạt động của con cái.** Nhiều bậc cha mẹ, thường vin cớ bận nhiều việc, buông lỏng giáo dục gia đình và khoán trắng việc dạy con cho nhà trường và các đoàn thể. Nói chuyện với những bậc cha mẹ kiểu ấy, Ma-ca-ren-cô đã nhấn mạnh : « Các bạn đừng nên nghĩ rằng các bạn chỉ giáo dục đứa con của các bạn khi các bạn đang chuyện trò với nó, đang giúp cho nó học tập hay là đang ra lệnh cho nó làm một công việc gì. Các bạn đang giáo dục nó trong mọi giờ phút mà các bạn đang sống, ngay cả khi các bạn không có mặt ở nhà... Bản chất chân chính của công tác giáo dục... là ở trong công việc tổ chức gia đình của các bạn, tổ chức đời sống cá nhân và xã hội của các bạn, và cả trong công việc tổ chức đời sống cho đứa trẻ ». (4)

(4) Theo Bác-di-an : « Giáo dục các con trong gia đình », nhà xuất bản Kim-Đồng, Hà-nội, 1977, trang 126.

Digitized by Google

Đối với công việc tổ chức gia đình chúng ta, hiện nay điều cấp bách nhất là phải có chế độ lao động, học tập, vui chơi, ăn ngủ... thích hợp cho con cái. Chế độ đó phải bắt đầu rất đơn giản, rồi nâng lên dần dần.

Lòng khao khát muốn tự mình làm lấy công việc của mình biểu hiện rất sớm ở trẻ em. Cha mẹ phải dựa vào nét tâm lý ấy mà xây dựng cho con lòng yêu lao động, kỹ năng lao động và ý thức lao động tập thể... Bắt đầu từ lao động tự phục vụ trong những việc nhẹ, trẻ em cần được hướng dẫn, đi đến lao động tự giác cho lợi ích chung của gia đình, của xã hội và qua đó hình thành phẩm chất của người lao động mới.

Cách hướng dẫn tốt nhất là bằng những chế độ ngắn hạn nhằm xây dựng cho trẻ những thói quen cụ thể, khi thói quen này đã bắt rễ sâu thì chuyển sang một thói quen khác cao hơn, ví dụ : từ việc tự sắp xếp quần áo đến việc tự giặt quần áo, từ chế độ làm vệ sinh một phòng đến chế độ làm vệ sinh cả nhà rồi đến chế độ tham gia vệ sinh với nhiều hộ trong một khối nhà và vệ sinh đường phố, từ chế độ vui chơi có mục đích học tập, đến chế độ học tập xen với vui chơi, nghỉ ngơi tích cực, v.v...

Từ năm sáu tuổi trở lên, trẻ em cần được tham gia xây dựng, điều chỉnh, thay đổi chế độ, nhất là về mặt phân công. Nhưng dã có chế độ thì nhất định phải được chấp hành nghiêm túc và phải được mọi người tôn trọng, kể cả cha mẹ. Cha mẹ cần nhắc nhở, hướng dẫn, khuyến khích, động viên con, nhưng tuyệt đối không nên làm thay. Kinh nghiệm ở Liên-xô cho biết rằng ở những gia đình thực hiện một chế độ sinh hoạt chặt chẽ, trẻ em lớn lên có nhiều đức tính tốt, đặc biệt là rất bình tĩnh, còn ở những gia đình không có tổ chức thì trẻ con lớn lên thường hay mắc bệnh thần kinh.

4 — Biết tự kiềm chế tình cảm trong việc giáo dục con cái. Tình thương yêu của cha mẹ là vô cùng cần thiết cho sự phát triển lành mạnh tâm hồn và trí tuệ của trẻ em, nhưng nếu thương yêu không phải lối thì sẽ gây nên phản tác dụng.

Như đã nói ở trên, những đứa trẻ được chiều chuộng quá đáng đều trở nên những người ích kỷ, kiêu ngạo, ỷ lại, lười biếng, hèn nhát, không có nghị lực vượt khó khăn.

Có những người cha mẹ bị tình thương mù quáng che lấp không thấy được những hành vi tội lỗi của con mình, cho nên cứ tìm mọi cách bao chữa cho nó trước mặt những người chung quanh và do đó biến chuyện trẻ con thành chuyện người lớn, gây nên những vụ cãi vã, mất đoàn kết giữa bà con xóm giềng, thậm chí có khi giữa anh chị em ruột. Đáng tiếc hơn nữa là có những bà mẹ đã giấu giếm cả với chồng tội lỗi của con để nó tái phạm nhiều lần, đến khi con bị công an bắt, bố mới biết. Rõ ràng yêu thương con không phải lối, là một liều thuốc độc dẫn con đến tội lỗi.

Cho nên, để giáo dục con cái có kết quả tốt, cha mẹ càng thương yêu con càng phải biết sáng suốt tự kiềm chế tình cảm của mình, kết hợp với lý trí mà biểu hiện tình cảm cho đúng. Phải âu yếm, dịu dàng, nhưng không nên vuốt ve mơn trớn, tán tụng quá lời ; phải tôn trọng nhân cách của con, nhưng cũng phải đòi hỏi cao đối với nó ; phải có độ lượng nhưng không được nhu nhược ; có thể vui đùa nhưng không nên biến mọi việc thành trò đùa ; phải tin cậy con, nhưng cũng phải kiểm tra hoạt động của nó.

5 — Thống nhất giữa cha mẹ, giữa người lớn trong gia đình và giữa gia đình với nhà trường, các tổ chức nuôi dạy trẻ và các đoàn thể trong việc giáo dục trẻ.

Sự thống nhất yêu cầu đối với con cái giữa người lớn trong gia đình

Digitized by Google

trước hết là giữa cha mẹ, là yếu tố hết sức quan trọng cho sự hình thành và củng cố những thói quen tốt đối với trẻ em. Song giáo dục con cái mà chỉ thống nhất trong nội bộ gia đình thì chưa đủ. Cha mẹ còn phải liên hệ chặt chẽ với các tổ chức có trách nhiệm trực tiếp đối với con cái mình như nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà trường, đội thiếu niên, đoàn thanh niên, để một mặt bản thân mình cũng như các tổ chức hữu quan hiểu biết con mình một cách đầy đủ hơn, mặt khác, bảo đảm cho trẻ được giáo dục theo một đường lối thống nhất và những yêu cầu thống nhất, cũng như tránh được những khuynh hướng tiêu cực. Mối quan hệ biện chứng ấy đã được Hồ Chủ tịch nhắc nhở nhiều lần: « Nếu như nhà trường dạy tốt mà gia đình dạy ngược lại, thì kết quả không tốt. Hoặc nhà trường hay gia đình dạy tốt, nhưng ngoài xã hội có những ảnh hưởng không tốt tới trẻ em, thì kết quả cũng không tốt ».

Vui sướng biết bao khi thấy trong gia đình mình, người lớn, trẻ em đều có khí thế vươn lên, con cái vâng lời cha mẹ, kính trên nhường dưới, yêu thầy mến bạn, chăm học chăm làm.

Tự hào biết bao khi thấy sự hợp tác chặt chẽ giữa gia đình mình với nhà trường, với các tổ chức nuôi dạy trẻ và các đoàn thể nhân dân, đã đem lại lợi ích thiết thực cho con cái mình và con cái của người khác!

Tất nhiên, để đạt tới những niềm vui sướng và tự hào như vậy, cha mẹ nhiều khi cũng trải qua lắm khó khăn. Nhưng khi đã thật sự thương con, thật sự có tinh thần trách nhiệm đối với tương lai của con, thì không khó khăn nào mà không vượt qua được. Mỗi khi gặp khó khăn, cha mẹ bàn bạc với nhau, trao đổi kinh nghiệm với nhau và do đó ngày càng hiểu nhau hơn, quý trọng nhau hơn, bổ sung cho nhau những đức tính tốt, và do đó, tình nghĩa vợ chồng cũng trở nên nồng thắm hơn. Từng bước, từng bước trong việc khắc phục khó khăn, người mẹ cũng như người cha sẽ thấy mình ngày càng giàu và mạnh lên về tình cảm, tư tưởng, đạo đức; mọi tự ái cá nhân, tính toán ích kỷ, hẹp hòi bị đẩy lùi dần. Tất cả những tiến bộ đó đều ảnh hưởng tốt đến sự trưởng thành của con cái, và sự trưởng thành của con cái càng thúc đẩy cha mẹ có những cố gắng mới, những tiến bộ mới. Và cứ thế cả gia đình tiến mãi không ngừng. Quá trình cố gắng nuôi dạy con cái thành con người mới cũng là quá trình bản thân cha mẹ tự cải tạo mình thành con người mới. Nguồn hạnh phúc đó bắt đầu từ khi cha mẹ ý thức được đầy đủ về trách nhiệm của mình, và nó sẽ ngày càng phong phú hơn và trở nên vô tận vì cái đẹp của con người mới xã hội chủ nghĩa là vô cùng.

(5) Theo báo *Phụ nữ Việt-nam* số 22, 1—7 tháng 6-1977, trang 2.

Phát triển mạnh mẽ...

(*Tiếp theo trang 82*)

Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng là một yêu cầu rất quan trọng đối với việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng trong cả nước là thực hiện nghiêm chỉnh lời dạy ân cần của Hồ Chủ tịch: « giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới thành công » (7). « Muốn lao động sản xuất tốt, công tác và học tập tốt thì cần có sức khỏe. Muốn giữ gìn sức khỏe thì nên thường xuyên tập thể dục thể thao » (8).

(7), (8) Hồ-Chí-Minh: *Thể dục và thể thao vì sức khỏe của nhân dân*, nhà xuất bản Y học và Thể dục thể thao, Hà-nội, 1971, trang 7, 8.

Digitized by Google

NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI Ở HUYỆN NÔNG-CỐNG

ĐẠM-MAI

Từ một huyện yếu kém, trì trệ vào loại nhất nhì tỉnh Thanh-hóa, hơn hai năm qua Nông-cống đã có những chuyển biến mạnh mẽ và đã thu được một số kết quả đáng phấn khởi trên các mặt. Tập trung nhất là trên ba mặt công tác sau đây:

1 — Xác định phương hướng sản xuất của Huyện. Khắc phục mọi khó khăn để phát triển sản xuất.

Đã có một thời gian dài sản xuất ở Nông-cống gặp rất nhiều khó khăn. Tuy Nông-cống là huyện thuộc vùng lúa, đông dân (13 vạn dân), ruộng đất nhiều (11.700 ha canh tác), nhưng ruộng đất phần lớn thuộc vùng trũng, bị ngập úng nặng. Một số khác lại bị hạn hán trong vụ chiêm xuân. Do đó, sản xuất bấp bênh, mùa màng thường thất bát. Đảng bộ và nhân dân Nông-cống thấy rõ những khó khăn khách quan của địa phương mình, đã có những cố gắng để phát triển sản xuất, nhưng cho đến trước năm 1975, kết quả thu được vẫn chưa có gì đáng kể. Đồng ruộng về cơ bản chưa được cải tạo, công tác thủy lợi chưa làm được bao nhiêu, các biện pháp kỹ thuật sản xuất tiên tiến hầu như chưa được áp dụng. Do đó, hàng năm không cấy hết diện tích, năng suất lúa chưa cao, sản lượng lương thực rất thấp, đời sống của nhân dân không ổn định. Chỉ tính 5 năm (từ năm 1971 đến năm 1975) đã có 3 năm Nông-cống bị ngập lụt lớn, có năm mất trắng cả vụ (năm 1973), dân cả huyện ăn gạo Nhà nước cấp đến 7 tháng. Những khó khăn trong sản xuất và đời sống kéo dài hết năm này sang năm khác đã gây ra tâm lý ỷ lại nặng nề trong phần lớn cán bộ và nhân dân Nông-cống. Cán bộ huyện, cán bộ xã nhìn vào phong trào địa phương thường chỉ thấy khó khăn. Xã viên chưa cấy kín đồng đã lo chạy việc ngoài để kiếm cái bù vào khi vụ thu hoạch bị thất bát. Ai cũng cho rằng tình trạng trì trệ ở đây không thể khắc phục được nếu không có sự đầu tư của Trung ương, của tỉnh.

Năm 1975, nhân dịp học tập chỉ thị của Trung ương Đảng về tổ chức lại sản xuất, huyện ủy Nông-cống đã đánh giá lại toàn bộ phong trào của huyện, vận dụng những chủ trương chung của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, vạch ra phương hướng sản xuất mới và phát động trong toàn dân phong trào lao động sản xuất mới. Huyện ủy đã phân tích một cách sâu sắc những nguyên nhân làm cho phong trào ở đây yếu kém và nghiêm

Digitized by Google

khắc kiểm điểm những thiếu sót của mình trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo sản xuất. Theo sự phân tích của huyện ủy, những trì trệ, yếu kém ở Nông-cống có phần do điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, sản xuất có nhiều khó khăn. Nhưng đó chưa phải là nguyên nhân căn bản. Nguyên nhân căn bản là do đảng bộ chưa có quyết tâm và chưa có nếp nghĩ mới trong lãnh đạo sản xuất. Trong chừng mực nào đó, huyện ủy chỉ thấy khó khăn mà không thấy thuận lợi, không thấy tiềm năng phát triển sản xuất của huyện cho nên đã không xác định được phương hướng sản xuất. Mặt khác, huyện ủy chưa kết hợp chặt chẽ công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, chưa thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị để củng cố tổ chức cơ sở Đảng, quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên.

Huyện ủy Nông-cống đã nghiên cứu, phân tích kỹ những thuận lợi, tiềm năng kinh tế của địa phương. Nông-cống có nhiều ruộng đất, chất đất tốt, nếu bảo đảm chủ động tưới, tiêu nước thì phần lớn ruộng đất gieo trồng được ba vụ. Nông-cống có ưu thế về vùng đồng trũng, lại có nhiều ao hồ, sông cụt, rất thuận lợi cho việc nuôi cá, nuôi vịt; một số nơi trồng được còi. Diện tích đồi núi nhiều, có khả năng trồng sắn và chăn nuôi đại gia súc. Huyện Nông-cống đông dân, có nguồn lao động dồi dào, lực lượng lao động này nếu quản lý, sử dụng tốt sẽ tạo cho Nông-cống một sức mạnh mới, tạo nên những chuyển biến mới.

Với điều kiện đất đai và lao động như trên, Nông-cống không những phát triển tốt cây lúa mà còn có nhiều khả năng trồng khoai, trồng sắn và sản xuất rau vụ đông, không những có khả năng phát triển mạnh cây lương thực mà còn có nhiều khả năng phát triển chăn nuôi lợn, nuôi vịt, nuôi cá, chăn nuôi đại gia súc và phát triển mạnh các ngành nghề. Trên cơ sở nhận thức sâu sắc yêu cầu chung của Đảng về tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và phân tích, nghiên cứu tỉ mỉ những khả năng của địa phương, huyện ủy đã đề ra phương hướng sản xuất của huyện là **đẩy mạnh trồng trọt, chăn nuôi và phát triển ngành nghề**, từng bước xây dựng Nông-cống thành huyện có nền kinh tế phát triển toàn diện và vững mạnh.

Sau khi đã vạch ra phương hướng sản xuất, huyện ủy phát động phong trào thi đua lao động sản xuất sôi nổi trong toàn huyện. Lực lượng lao động được bố trí lại thành các đội chuyên theo phương hướng của tổ chức lại sản xuất. Huyện điều hành lao động trong toàn huyện để khi cần có thể tập trung giải quyết những công việc chung cũng như giải quyết khó khăn cho từng vùng như làm thủy lợi, cải tạo đồng ruộng, xây dựng hệ thống thủy nông và giao thông nông thôn, khai hoang, mở rộng diện tích trồng trọt. Các xã tiến hành san ghềnh, lấp trũng, đi chuyền mồ mả để sử dụng đất vào việc sản xuất. Vùng chua mặn, năn lác được thu hẹp dần, nhiều xã đề ra khẩu hiệu « không sống chung với năn lác ». Công tác khai hoang phục hóa được làm tích cực. Năm 1976 toàn huyện khai phá thêm 1.000 ha, trong đó 300 ha được trồng ngay ngô, khoai, sắn. Nhiều xã lập công trường khai hoang với diện tích năm chục ha.

Ngày nay đồng ruộng của Nông-cống về căn bản đã được cải tạo. Ở khắp các cánh đồng đều có hệ thống bờ vùng, bờ thửa, mương tưới, mương tiêu hoàn chỉnh. Hệ thống đường sá phục vụ sản xuất được xây đắp, cải tạo.

Cùng với việc cải tạo đồng ruộng, giống lúa mới được đưa vào cấy đại trà. Các hợp tác xã đều thực hiện cấy dày hợp lý, cấy đúng kỹ thuật. Lối cấy thưa, cấy to bụi là tập quán nghìn năm của Nông-cống đã được

Digitized by Google

xóa bỏ. Bèo dâu, điền thanh phát triển đã làm tăng nguồn phân bón.

Hai năm qua, tuy điều kiện thiên nhiên không thuận lợi, rét kéo dài, hạn hán lớn, nhưng Nông-cống đã thực hiện vượt mức kế hoạch về diện tích gieo trồng và đạt được năng suất và sản lượng lúa cao hơn mọi năm. Năm 1976, diện tích gieo trồng cả năm là 20.382,8 ha, đạt 102% kế hoạch; sản lượng lúa đạt 42.334 tấn, bằng 104,5% kế hoạch, tăng 15.704 tấn so với năm 1975. Vụ mùa năm 1976 tuy bị hạn nặng, 4.000 ha ruộng không có nước, năng suất vẫn đạt 20 tạ/ha. Năng suất này tuy còn thấp so với nhiều nơi, nhưng là một tiến bộ lớn đối với Nông-cống.

Diện tích trồng màu được mở rộng. Năm 1976, diện tích màu là 1.424 ha, so với năm 1975 tăng 28,5%, sản lượng màu đạt 6.710 tấn, tăng hơn năm 1975 33%. Tổng sản lượng lương thực năm 1976 là 44.545 tấn, đạt 103,2% kế hoạch, tăng 54% so với năm 1975.

Mấy năm qua Nông-cống không những tự túc được về lương thực mà còn làm nghĩa vụ với Nhà nước mỗi năm một nhiều. Năm 1976 Nông-cống làm nghĩa vụ 8.500 tấn, tăng 35% so với năm 1975.

Nông-cống còn tích cực trồng rau vụ đông. Tuy vụ đông chưa thành vụ sản xuất chính nhưng việc trồng rau vụ đông đã phát triển mạnh trong mọi hợp tác xã, mọi gia đình xã viên, góp phần cải thiện bữa ăn của mỗi gia đình và tăng nguồn thức ăn cho chăn nuôi.

Do sản xuất phát triển, đời sống nhân dân Nông-cống dần dần được ổn định, mức ăn của dân tuy còn thấp nhưng so với trước được nâng lên nhiều. Vụ giáp hạt tháng 8-1976, nhân dân trong huyện chẳng những không bị đói, mà còn nhập kho Nhà nước 500 tấn thóc hè thu.

Cùng với việc phát triển cây trồng, chăn nuôi cũng được chú trọng. Hai năm qua, đàn lợn của các gia đình và của tập thể đều tăng hơn trước. Nghề nuôi cá, nuôi vịt đẻ, vịt giống phát triển mạnh. Ao hồ, sòng cụt đều trở thành cơ sở nuôi cá. Năm 1976 cả huyện nuôi thả cá trên 300 ha, đạt 140% kế hoạch. Xã Trung-thành nuôi cá trên diện tích hàng trăm ha. Đàn trâu, bò, gà, vịt đều tăng. Đàn trâu có 9.315 con, đạt 105,8% kế hoạch. Đàn bò có 2.608 con, đạt 124% kế hoạch. Gia cầm có 375.000 con, riêng vịt có 27.000 con. Năm 1976 thu hoạch được 5,5 triệu quả trứng vịt, đạt 137% kế hoạch, xuất khẩu 1 triệu quả trứng, 4 tấn lông vịt.

Những kết quả nói trên đã tạo cho phong trào trong huyện một khí thế mới, một bước chuyển mới. Tuy vậy, đó mới chỉ là những chuyển biến bước đầu. Nông-cống còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp. Do một số công trình thủy lợi của tỉnh chưa hoàn chỉnh, Nông-cống vẫn chưa chủ động được việc tưới, tiêu nước trên toàn bộ diện tích gieo trồng. Các biện pháp kỹ thuật tác động vào các mặt sản xuất còn ít, cho nên năng suất cây trồng, năng suất chăn nuôi còn thấp. Trong cơ cấu sản xuất, chưa bảo đảm cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt. Chăn nuôi lợn, nhất là chăn nuôi tập thể còn yếu, nghĩa vụ thực phẩm chưa đạt và nguồn phân chuồng còn bị hạn chế. Việc trồng được rau vụ đông là một chuyển biến mới trong tập quán làm ăn của Nông-cống nhưng việc sản xuất vụ đông nói chung chưa được chú trọng. Muốn tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, Nông-cống còn phải đầu tư nhiều công sức trong việc phân bố lại lao động, bố trí lại sản xuất trên quy mô toàn huyện, tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống thủy nông và cải tạo đồng ruộng. Chính đó cũng là điều kiện để Nông-cống thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Trung ương về phát triển nông nghiệp.

Digitized by Google

2 — Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản.

Bắt tay vào thực hiện chủ trương tổ chức lại sản xuất, đảng bộ và nhân dân Nông-cống vấp ngay phải một trở ngại lớn là cơ sở vật chất kỹ thuật của nhiều hợp tác xã, tuy đã trải qua gần 20 năm xây dựng nhưng còn quá nghèo nàn. Để tiếp tục đưa Nông-cống tiến lên một cách mạnh mẽ và vững chắc hơn, vấn đề bức thiết đặt ra là phải tập trung sức đẩy nhanh công tác xây dựng cơ bản (bao gồm cả công tác thủy lợi, cải tạo đồng ruộng và xây dựng hệ thống các đường giao thông nông thôn). Huyện ủy nhận rõ công tác xây dựng cơ bản phải nhằm mục đích phát triển sản xuất và cải thiện dần đời sống của nhân dân.

Đối với công tác thủy lợi, huyện ủy thấy rằng nếu cứ làm ăn theo kiểu phân tán, manh mún như trước thì chậm có kết quả, hoặc kết quả không đáp ứng yêu cầu. Do đó, huyện ủy chủ trương phải tổ chức lại lao động theo hướng tập trung hơn, ưu tiên trước hết cho việc giải quyết những công trình đầu mối. Huyện ủy cho lập các công trường như công trường đê, công trường thủy lợi, công trường khai hoang... Hơn 2.500 thanh niên được bố trí làm việc ở công trường đê, 1.200 người ở công trường thủy lợi, hàng vạn lao động khác được huy động xây dựng hệ thống thủy nông. Lực lượng lao động được tổ chức chặt chẽ, làm việc với khí thế mới đã mang lại kết quả tốt. Chỉ trong hai năm, Nông-cống đã đắp 65km đê thuộc hệ thống đê vùng I, vùng II và vùng III, làm xong 18 hệ thống kênh tiêu dài 65km với khối lượng 560.000 m^3, rút được nước ở vùng trũng nhất, xây lắp 1.255 công trình lớn nhỏ. Nhiều trạm bơm điện, bơm dầu được xây lắp kịp thời phục vụ tưới, tiêu nước ở những vùng có nhiều khó khăn. Tính ra, chỉ trong vòng hai năm, khối lượng đào đắp và xây lắp các công trình phục vụ sản xuất ở Nông-cống bằng khối lượng của cả mười năm trước đây cộng lại.

Cùng với việc hoàn chỉnh hệ thống thủy nông, hệ thống giao thông nông thôn cũng được cải tạo và xây dựng, làm cho việc vận chuyển phục vụ sản xuất và việc đi lại của nhân dân ngày càng được thuận lợi hơn. Đến nay cả 32 hợp tác xã đều có điều kiện dùng xe cải tiến, xe trâu kéo để vận chuyển phục vụ sản xuất. Người dân Nông-cống không còn phải chịu đựng cái cảnh «ba không» (không đi dép, không đi xe đạp, không mặc quần dài) vì đường sá lầy lội, ruộng đồng ngập lụt như trước.

Đối với việc xây dựng cơ sở sản xuất và phục vụ đời sống, huyện ủy cũng thấy rằng phải tập trung mọi cố gắng đẩy nhanh nhịp độ xây dựng hơn. Đây lại là một công việc hoàn toàn mới đối với Nông-cống. Trước năm 1975, cả huyện không có một lò gạch, một lò ngói. Nhà cửa của dân, của các cơ quan, bệnh viện, trường học, cửa hàng đều là nhà lợp kè, lợp rạ. Bắt tay vào công tác xây dựng cơ bản, Nông-cống thiếu mọi thứ, từ nguyên liệu, vật liệu, tiền vốn, đến đội ngũ thợ. Huyện ủy chủ trương huy động sự đóng góp của nhân dân trong huyện. Nghiên cứu kỹ tình hình địa phương, huyện ủy thấy đất ở đây rất thích hợp với việc làm gạch, ngói, vật liệu xây dựng. Không có thợ, huyện gửi người đến các địa phương để học nghề. Mỗi xã cử 50 — 70 người đi học làm gạch, làm ngói, làm vôi. Xã nào cũng lập đội chuyên về xây dựng cơ bản và xây dựng cơ sở sản xuất. Ngành nghề phát triển, thợ cũng được đào tạo kịp thời. Hàng nghìn lao động nông nghiệp ở các xã được đào tạo thành công nhân xây dựng cơ bản, công nhân điện... Hàng loạt cơ sở thủ công nghiệp làm gạch, ngói, vôi, cát, đá được xây dựng và đi vào sản xuất. Chỉ trong hai năm,

Digitized by Google

Nông-cống đã xây dựng 42 lò gạch (mỗi xã có 1 lò, một số nơi sản xuất bằng máy), 27 lò vôi, và nhiều xã có lò ngói. Năm 1976, Nông-cống sản xuất 20 triệu viên gạch, 1,9 triệu viên ngói và hàng vạn tấn vật liệu xây dựng trị giá 3 triệu rưỡi đồng. Mức sản xuất hằng năm tuy còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng, nhưng làm được như vậy là bước tiến lớn của Nông-cống.

Trên thực tế, việc mở rộng các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng cũng là một hướng quan trọng trong việc phát triển các ngành nghề của các hợp tác xã trong huyện một cách thích hợp. Cùng với việc xây dựng các cơ sở sản xuất vật liệu, công tác xây dựng cơ bản cũng được làm khẩn trương. Trong hai năm, các công trình phục vụ sản xuất và phục vụ đời sống như trạm biến thế điện, trạm bơm điện, hệ thống trạm, trại giống, nhà kho, cửa hàng, trại ấp trứng vịt... được xây dựng nhanh. Năm 1976, Nông-cống xây xong 6 trạm biến thế điện để phục vụ sản xuất với số vốn 4 triệu đồng, 69 phòng học, hàng nghìn mét vuông nhà cho cơ quan, bệnh viện, trường học. Đến nay Nông-cống có 14 trạm biến thế điện. Ở nhiều xã đã có điện chạy máy bơm, máy xay xát, máy làm gạch, ngói... Được sự giúp đỡ của tỉnh, Nông-cống đang phấn đấu để hết năm 1977 đưa điện về phục vụ sản xuất cho toàn bộ các xã trong huyện. Đây là một quyết tâm lớn của đảng bộ và nhân dân Nông-cống. Không có người hiểu biết về điện, huyện cử người đi học. Không có cột điện, nhân dân các xã chặt cây kè làm cột điện. Xã Vạn-hòa, chỉ trong 7 ngày đêm đã huy động dân trong xã xây xong trạm biến thế điện và làm xong hệ thống dây dẫn điện. Ở những xã có điện, việc xây dựng hệ thống loa truyền thanh cũng được làm nhanh chóng.

Sở dĩ công tác xây dựng cơ bản ở Nông-cống làm được nhanh là do đảng bộ huyện đã xác định đúng vị trí của xây dựng cơ bản trong phục vụ sản xuất và phục vụ đời sống. Đảng bộ đã coi trọng việc phát động ý thức tự lực, tự cường, vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân trong huyện.

3. Làm tốt công tác xây dựng đảng.

Cùng với việc lãnh đạo tổ chức lại sản xuất, huyện ủy Nông-cống đã tiến hành **kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng, sắp xếp lại cán bộ và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.** Đây là công tác có tác dụng quyết định đối với sự phát triển của phong trào toàn huyện. Đầu năm 1975, Nông-cống có tới 19 đảng bộ nông thôn và 4 đảng bộ, chi bộ cơ quan thuộc loại yếu kém. Sau khi phân tích, kiểm điểm kỹ, huyện ủy thấy rõ khuyết điểm của mình là chưa coi trọng đúng mức việc kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng. Mặt khác, huyện ủy cũng chưa xác định cụ thể phương hướng sản xuất của huyện, của hợp tác xã. Để phù hợp với yêu cầu tổ chức lại sản xuất, huyện ủy đã sắp xếp, bố trí lại các chi bộ theo các đội chuyên, theo các ngành nghề, và quyết tâm xây dựng các chi bộ thành hạt nhân lãnh đạo thật sự. Nhân việc sắp xếp lại các chi bộ, huyện ủy đã cùng với các cơ sở nghiên cứu và bố trí đảng viên khá vào nơi yếu, tăng cường cán bộ vững cho những nơi có nhiều khó khăn. Huyện ủy còn chỉ đạo việc cải tiến nội dung sinh hoạt chi bộ, đảng bộ, giúp các tổ chức cơ sở Đảng đưa sinh hoạt chi bộ vào nề nếp, và tiến hành phân công, kiểm tra công tác đảng viên.

Trong việc kiện toàn tổ chức cơ sở đảng huyện ủy đặc biệt coi trọng việc bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt. Huyện ủy phân tích đánh giá mặt mạnh, mặt

Digitized by Google

yếu của cán bộ từ huyện đến cơ sở. Phong trào ở Nông-cống yếu kém, trì trệ một phần quan trọng là do đội ngũ cán bộ ở đây bị hạn chế về nhiều mặt. Số đông cán bộ yếu về trình độ và năng lực lãnh đạo; một số cán bộ sa sút về đạo đức, phẩm chất, một số người mắc khuyết điểm tham ô, vụ lợi, gây mất đoàn kết nội bộ, không tôn trọng quyền làm chủ của dân... Muốn kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, phải thay thế ngay những cán bộ mất phẩm chất và năng lực quá yếu, đồng thời căn cứ vào yêu cầu công tác và khả năng, phẩm chất của mỗi người mà sắp xếp, bố trí lại cán bộ. Trong hai năm, Nông-cống đã thay thế 50% cán bộ trong tổng số cán bộ chủ chốt ở cơ sở như bí thư đảng ủy, chủ tịch xã, chủ nhiệm hợp tác xã, thường trực Đảng ủy, trong đó có nhiều người thôi hẳn công tác và một số chuyển sang công tác khác thích hợp hơn.

Trong việc bố trí cán bộ, đảng bộ Nông-cống coi trọng phương châm "trọng già, quý trẻ", tăng cường số cán bộ trẻ có văn hóa, có sức khỏe bên cạnh những cán bộ hoạt động lâu năm, lập trường vững vàng, có nhiều kinh nghiệm. Sự kết hợp này đã tạo cho các cơ sở một sức mạnh mới. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng đã và đang phát huy tốt vai trò lãnh đạo của mình. Tuy vậy, so với yêu cầu của nhiệm vụ mới, đội ngũ cán bộ của Nông-cống vẫn còn yếu và thiếu, nhất là cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật. Thấy rõ khó khăn ấy, huyện ủy đã làm quy hoạch cán bộ từ huyện đến xã, hợp tác xã, và đang khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mạnh dạn đưa người đi đào tạo, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận

Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, đảng bộ Nông-cống đã **chú ý bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và đạo đức phẩm chất cho cán bộ, đảng viên.** Đảng bộ Nông-cống có hơn 4.500 đảng viên. Trước đây, các đảng bộ, chi bộ trong huyện thường vin vào lý do sản xuất và đời sống khó khăn, coi nhẹ việc tổ chức học tập cho cán bộ, đảng viên. Trong quá trình kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, huyện ủy đã xác định học tập là nhiệm vụ cấp bách của đảng bộ, là nghĩa vụ không thể thiếu được đối với mỗi đảng viên. Huyện ủy phát động phong trào học tập sôi nổi trong toàn huyện. Trường Đảng huyện được củng cố về tổ chức, nâng cao chất lượng giảng dạy và mở thêm nhiều lớp. Năm 1976, trường Đảng huyện đã mở 5 lớp học theo chương trình cơ sở cho 512 cán bộ chủ chốt; mở lớp lý luận sơ cấp tại chức cho 120 cán bộ, đảng viên cơ quan; mở lớp lý luận sơ cấp cho 200 cán bộ, đảng viên ở các cụm liên xã — 100% đảng ủy viên và chi ủy viên đã học qua trường Đảng huyện và trường Đảng tỉnh. Huyện ủy và các ban của huyện thường xuyên bố trí 1 phần 3 số cán bộ đi học tập trung ở các trường.

Đến nay, mỗi xã đã có một trường Đảng. Các trường Đảng ở xã được tổ chức chặt chẽ, có giảng viên được lựa chọn kỹ, và bồi dưỡng chu đáo. Đảng viên tham gia học tập nghiêm túc, cuối mỗi khóa đều tổ chức thi kiểm tra. Đến tháng 10-1976 toàn thể đảng viên trong huyện đã học xong chương trình cơ sở, 92,7% số đảng viên thi đạt kết quả tốt. Đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh cũng tham gia học tập với đảng viên nhưng được tổ chức thảo luận và thu hoạch riêng. Từ khi có trường Đảng ở xã, việc tổ chức cho đảng viên học tập các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh ủy... được nghiêm túc, sâu sắc hơn. Huyện ủy còn coi trọng việc tổ chức học tập các điển hình tiên tiến.

Cùng với việc tổ chức học tập lý luận chính trị ở các trường Đảng, huyện ủy còn chú ý mở rộng các

Digitized by Google

trường lớp bổ túc văn hóa của huyện, của xã. Năm 1976, trường bổ túc văn hóa huyện mở 2 khóa học, và đã tổ chức cho 360 người thi tốt nghiệp cấp II. Trường bổ túc văn hóa khối cơ quan cũng tổ chức thi tốt nghiệp cấp II cho 57 học viên... Đến nay, các trường, lớp bổ túc văn hóa ở các xã vẫn mở đều. Do đó, trình độ của cán bộ, đảng viên trong huyện được nâng lên rõ rệt. Nhưng đó mới chỉ là chuyển biến bước đầu. Trình độ văn hóa của số đông cán bộ, đảng viên mới ở lớp 4, 5, 6 đã hạn chế khả năng tiếp thu cái mới, tiếp thu khoa học kỹ thuật. Phong trào học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật chưa mạnh.

Trong quá trình kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, huyện ủy coi trọng việc **đưa đảng viên vào hành động, gắn việc nâng cao chất lượng đảng viên với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị**. Dựa theo kế hoạch công tác của chi bộ, tất cả đảng viên đều được giao công việc cụ thể. Qua từng vụ sản xuất, qua từng đợt lao động, qua mỗi phong trào thi đua, các chi bộ đều xem xét, đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu của đảng viên, từng bước nâng cao ý thức trách nhiệm của đảng viên trước chi bộ, trước quần chúng. Đây cũng là điều khác hẳn những năm trước. Trước kia, do không gắn việc giáo dục đảng viên với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của chi bộ cho nên việc phân loại, đánh giá đảng viên rất khó khăn. Việc đưa những người không đủ tiêu chuẩn đảng viên ra khỏi Đảng rất lúng túng. Số đảng viên được xếp loại khá cũng không thể hiện rõ vai trò, tác dụng của mình... Ngày nay, do gắn liền việc giáo dục đảng viên với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, gắn liền công tác xây dựng Đảng với phong trào cách mạng của quần chúng, chất lượng đảng viên được nâng lên rõ rệt, các đảng viên đã phát huy tác dụng tích cực của mình đối với phong trào; các tổ chức cơ sở Đảng có điều kiện lựa chọn, sàng lọc người tích cực bổ sung cho Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Trước đây, số đảng viên trung bình và yếu kém của Nông-cống chiếm tới 50% số đảng viên trong huyện; đến nay, số đảng viên yếu kém đã giảm xuống còn 2,6%. Các tổ chức cơ sở Đảng vẫn đang có những biện pháp giải quyết tích cực. Do những cố gắng nói trên, đến nay huyện Nông-cống chỉ còn 3 đảng bộ (trong tổng số 32 đảng bộ xã) thuộc loại yếu kém. 81% số chi bộ nông thôn hoạt động khá. Ngay ở những nơi thuộc loại kém cũng đang có chuyển biến tốt.

Tuy nhiên, trong quá trình kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, đảng bộ huyện chưa quan tâm đúng mức đến công tác phát triển Đảng. Nông-cống đã phát động được một phong trào quần chúng vươn lên khá mạnh sau nhiều năm yếu kém, đã tạo được một bước chuyển biến mới với nhiều nhân tố tích cực nhưng nhiều người ưu tú xuất hiện trong phong trào quần chúng chưa được bồi dưỡng kịp thời để bổ sung vào hàng ngũ của Đảng. Mặt khác, tuy chất lượng đảng viên được nâng lên rõ rệt, nhưng số đông đảng viên mới thể hiện vai trò tích cực, gương mẫu trong hành động mà chưa thể hiện được vai trò lãnh đạo, giáo dục quần chúng.

★

Từ một huyện yếu kém đã lâu, chỉ trong vòng hai năm cố gắng phấn đấu, Nông-cống đã có một bước chuyển khá mạnh trên nhiều mặt. Hiện nay đảng bộ Nông-cống được xếp vào loại đảng bộ mạnh của tỉnh Thanh-hóa. Tuy vậy, ở đây cũng còn nhiều khó khăn. Đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở tuy đã được củng cố và bước đầu ổn định,

(Xem tiếp trang 105)

Digitized by Google

VỀ CUỘC KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TRONG CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

NGUYỄN-VĂN-THỌ

Bước sang những năm 70 của thế kỷ này, nền kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa ngày càng gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng. Nhiều chứng bệnh kinh tế hiểm nghèo mới phát sinh làm cho mọi biện pháp can thiệp vào đời sống kinh tế của các Nhà nước tư bản lũng đoạn bị phá sản. Quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa bị rối loạn sâu sắc và toàn diện, thể hiện rõ sự suy yếu nhanh chóng không gì ngăn cản nổi của hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Sau thời kỳ khủng hoảng 1970 – 1971, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa vừa mới bước vào thời kỳ phồn vinh chưa được bao lâu thì đến cuối năm 1973 bị nạn lạm phát ác tính và nhiều khó khăn mới tác động sâu sắc, lại lâm vào một cuộc khủng hoảng mới nghiêm trọng nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Cuộc khủng hoảng kinh tế lần này có **những đặc điểm chủ yếu** như sau :

Đặc điểm thứ nhất là **khủng hoảng toàn diện, sâu sắc và kéo dài.** Từ tháng 12-1973 khủng hoảng kinh tế bắt đầu nổ ra ở các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu: Mỹ, Nhật, Anh và lan rất nhanh sang các nước tư bản chủ nghĩa khác. Đến quý II-1974 thì toàn bộ thế giới tư bản chủ nghĩa bị cuốn vào cơn bão tập khủng hoảng nghiêm trọng nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Sản xuất công nghiệp của tất cả các nước tư bản chủ nghĩa nói chung giảm 11,6%, kéo dài trong 12 tháng; trong đó Mỹ giảm 14,4% kéo dài 17 tháng, Tây Đức — 13,1% và 14 tháng, Anh — 11,3% và 21 tháng, Pháp — 15,5% và 9 tháng, Nhật — 21,8% và 15 tháng, Ý — 22,1% và 18 tháng, v.v...

Khủng hoảng đã nổ ra ở tất cả các ngành sản xuất, kể cả các ngành có liên quan chặt chẽ với những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại như công nghiệp điện tử, hóa chất, thiết bị tự động hóa, v.v... Trong thời gian khủng hoảng, sản lượng dầu mỏ khai thác giảm 288 triệu tấn, tức giảm 24% so với mức cao nhất trước khủng hoảng; thép — 70 triệu tấn, 14,5% ; xi măng — 71 triệu tấn, 14,3% ; ô-tô con — 5,4 triệu chiếc, 18,6% ; ô-tô vận tải — 1,5 triệu chiếc, 18,3% ; tàu hạ thủy — 0,9 triệu tấn, 2,7%. Các ngành sản xuất khác cũng giảm mạnh như dệt, may mặc, đóng giày giảm 17,7%, hóa chất — 13,8%, gia công kim loại — 11,6%, chế tạo máy chung — 10,2%, vô tuyến điện tử — 20%, chất dẻo — 25%, v.v..

Digitized by Google

Sản xuất giảm sút mạnh, hàng hóa thừa ế, tồn kho ngày càng chồng chất, lợi nhuận của các công ty tư bản giảm, thậm chí có công ty còn bị thua lỗ, khó khăn trong lĩnh vực tín dụng ngày càng nhiều, cạnh tranh trở nên khốc liệt, do đó nhiều công ty kể cả các công ty công nghiệp cũng như ngân hàng có thế lực lớn phá sản. Cuối năm 1975 chỉ tính riêng 10 nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu đã có trên 7 vạn công ty tư bản phá sản, tăng 45,2% so với cuối năm 1973.

Số vốn đầu tư vào sản xuất của các nước tư bản chủ nghĩa giảm xuống trong hai năm liền: năm 1974 giảm 0,4%, năm 1975 giảm 10,5%, trong đó vốn đầu tư vào xây dựng nhà ở giảm nhiều nhất: năm 1974 giảm 18,9%, năm 1975 giảm 16,1%. Tình hình giảm sút vốn đầu tư ở các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu diễn ra càng trầm trọng hơn: Mỹ, năm 1974 giảm 10%, năm 1975 giảm 13,5%, Nhật — 10,6% và 5,1%, Tây Đức — 8,1% và 4,7%, v.v...

Khủng hoảng càng phát triển sâu sắc thì các công ty tư bản càng phải đóng cửa nhiều nhà máy và sa thải công nhân hàng loạt. Số thất nghiệp hoàn toàn tăng vọt lên đến mức cao nhất kể từ năm 1945. Theo số liệu thống kê đã bị cắt xén đi nhiều thì tổng số công nhân thất nghiệp hoàn toàn của 24 nước tư bản chủ nghĩa thuộc tổ chức hợp tác và phát triển quốc tế (OECD) vào quý IV-1975 lên tới 16 triệu người, tăng 88,5% so với quý IV-1973. Đấy là chưa kể số thất nghiệp một nửa và số thất nghiệp không đáng kể.

Khủng hoảng cũng tác động mạnh đến lĩnh vực mậu dịch quốc tế. Lần đầu tiên trong thời gian từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, khối lượng mậu dịch quốc tế trong năm 1975 giảm 6%. Cán cân mậu dịch của nhiều nước tư bản chủ nghĩa bị thâm hụt nặng nề. Hồng trút gánh nặng khủng hoảng sang lẫn cho nhau, các nước tư bản chủ nghĩa lần lượt thi hành các biện pháp hạn chế nhập khẩu, đồng thời ra sức đẩy mạnh xuất khẩu, do đó mâu thuẫn quyền lợi giữa các nước tư bản chủ nghĩa càng trở nên gay gắt và cuộc chiến tranh mậu dịch trên thị trường thế giới tư bản chủ nghĩa lại bùng lên dữ dội. Điều đó đã làm cho thị trường tiêu thụ trên thế giới bị thu hẹp lại nhanh chóng và tất nhiên sẽ làm cho các nước tư bản chủ nghĩa càng khó thoát ra khỏi khủng hoảng.

Tóm lại, cuộc khủng hoảng kinh tế 1974 —1975 đã đẩy lùi nền kinh tế của thế giới tư bản chủ nghĩa lại khoảng ba năm về trước. Tổng sản phẩm xã hội tính theo giá cố định của các nước tư bản chủ nghĩa trong năm 1974 giảm sút và trong năm 1975 chỉ còn 2.384 tỷ đô-la, giảm 1,5% so với 2.417 tỷ đô-la của năm 1973. Xét về các chỉ tiêu kinh tế nói trên thì đây là một cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng nhất so với những cuộc khủng hoảng kinh tế đã nổ ra sau chiến tranh thế giới thứ hai. Hơn nữa, cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1974 — 1975 còn làm bùng nổ mọi mâu thuẫn gay gắt trong lòng chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn lịch sử hiện nay. Chính vì vậy cuộc khủng hoảng kinh tế 1974—1975 còn có những đặc điểm mới và nếu so với cuộc khủng hoảng kinh tế lớn 1929 — 1933, thì về một số mặt chủ yếu, cuộc khủng hoảng lần này còn nghiêm trọng hơn nhiều.

Đặc điểm thứ hai là **lạm phát đi liền với suy thoái**. Do hậu quả của các biện pháp can thiệp vào đời sống kinh tế theo thuyết Kê-in của Nhà nước tư bản lũng đoạn trong những năm 1974, 1975, nạn lạm phát ác tính càng phát triển nghiêm trọng hơn. Khác với những cuộc khủng hoảng trước kia, giá cả hàng hóa trong cuộc khủng hoảng hiện nay không giảm mà còn tăng lên dữ dội. Chỉ số giá tiêu dùng, bao gồm giá hàng hóa và dịch vụ của tất cả các nước tư bản chủ nghĩa năm 1972 so với năm trước

Digitized by Google

tăng 4,5%, năm 1973 tăng 7,6%, năm 1974 tăng vọt lên 12,6% và năm 1975 tiếp tục tăng 11%.

Tại sao lại có tình trạng như vậy? Trên thực tế, trong giai đoạn khủng hoảng 1974 – 1975 giá tiêu dùng vẫn chịu ảnh hưởng của nhân tố khủng hoảng kinh tế, nhưng tác động của lạm phát đối với giá cả lại tương đối mạnh hơn, do đó đã làm cho giá tiêu dùng tăng lên. Trong thời gian khủng hoảng, nạn lạm phát càng trở nên nghiêm trọng trước hết là do số thâm hụt ngân sách ở các nước tư bản chủ nghĩa đều tăng lên. Một mặt, số thu nhập của những người đóng thuế đều bị sụt xuống, đồng thời nhiều nước giảm thuế thu nhập để duy trì khả năng tiêu thụ của thị trường cho nên số thu ngân sách bị giảm sút; mặt khác, chính phủ các nước tư bản chủ nghĩa đều tăng chi ngân sách để kích thích mở rộng đầu tư và tăng tuyển thợ, v.v... nhằm giảm nhẹ áp lực của khủng hoảng, rốt cuộc ngân sách của các nước tư bản chủ nghĩa đều bị thâm hụt nặng nề. Điều còn làm cho nạn lạm phát trầm trọng thêm là chính sách tăng giá để tăng thu lợi nhuận của các tập đoàn tư bản lũng đoạn. Các mặt hàng bị lũng đoạn cao như thực phẩm và năng lượng, nhất là dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, tăng giá mạnh nhất; lợi nhuận của các công ty dầu mỏ quốc tế (chủ yếu là của Mỹ) năm 1974 đã lên tới 11,6 tỷ đô-la, nhiều gấp 2,6 lần so với năm 1972.

Giá tiêu dùng tăng vọt lên trong giai đoạn khủng hoảng đã tạo nên một chứng bệnh kinh tế mới cực kỳ nguy hiểm là lạm phát đi liền với suy thoái. Chứng bệnh này xuất hiện đầu tiên ở Mỹ ngay từ cuộc khủng hoảng 1970 – 1971 và sau đó lan sang các nước tư bản chủ nghĩa khác và hiện nay trở thành căn bệnh phổ biến và nghiêm trọng hơn. Từ đó nền kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa bị kẹp giữa hai gọng kìm: lạm phát và suy thoái. Các biện pháp chống lạm phát đã làm cho suy thoái trầm trọng thêm và ngược lại, các biện pháp kích thích kinh tế, chống suy thoái thì lại càng làm cho lạm phát nặng nề hơn. Vì lẽ đó, giới cầm quyền các nước tư bản chủ nghĩa phải thú nhận đấy là kẻ thù số một và là bệnh ung thư của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Đặc điểm thứ ba là **khủng hoảng kinh tế chu kỳ gắn chặt với khủng hoảng cơ cấu** như: khủng hoảng tiền tệ, khủng hoảng nguyên liệu. Đặc điểm này lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Nó nói lên tình trạng ngày càng rối loạn không những trong quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa mà cả trong cơ cấu nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Hệ thống tiền tệ thế giới tư bản chủ nghĩa mà đồng đô-la là trụ cột bắt đầu bị khủng hoảng từ cuối những năm 60 và sang đầu những năm 70 thì sụp đổ hoàn toàn. Đứng trước tình hình đó, các nước tư bản chủ nghĩa đang cố gắng xây dựng một chế độ tiền tệ mới: dùng quyền rút vốn đặc biệt (S.D.R = Special drawing right) thay cho vàng và đô-la Mỹ trước kia làm đơn vị dự trữ và thanh toán quốc tế, thi hành chế độ tỷ giá thả nổi có điều chỉnh thay cho chế độ tỷ giá cố định, v.v..., song bản thân chế độ tiền tệ mới này là sản phẩm của thế suy yếu, chứa đựng nhiều mâu thuẫn nội tại của thế giới tư bản chủ nghĩa, do đó các trung tâm tiền tệ của thế giới tư bản chủ nghĩa luôn luôn bị rối loạn. Cuộc khủng hoảng tiền tệ thế giới tư bản chủ nghĩa vẫn tiếp tục phát triển.

Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế chu kỳ 1974 – 1975 sản xuất của các nước tư bản chủ nghĩa giảm sút mạnh và nạn lạm phát trầm trọng đã làm cho đồng tiền của các nước đó càng mất giá nhanh chóng. Trong quá trình này, các nước tư bản chủ nghĩa bị suy yếu không đều, do đó trên thị

Digitized by Google

trường tiền tệ tư bản chủ nghĩa, tỷ giá giữa các đồng tiền chủ yếu biến động hết sức hỗn loạn. Các đồng tiền yếu như đồng bảng Anh, đồng lia Ý và cả đồng đô-la Mỹ, v.v... liên tiếp bị giảm giá, trong khi đó các đồng tiền tương đối vững hơn như đồng mác Tây Đức, đồng phơ-răng Thụy-sĩ và đồng yên Nhật lại lên giá. Mâu thuẫn quyền lợi giữa các nước tư bản chủ nghĩa trong lĩnh vực tiền tệ càng sâu sắc. Trong điều kiện khủng hoảng, các nước tư bản chủ nghĩa càng không có khả năng giữ cho tỷ giá tiền tệ không biến động mạnh và tiếp tục thiết lập chế độ tiền tệ mới tiến hành dở dang trước kia.

Tiền tệ mất giá và thị trường tiền tệ rối loạn, đã làm cho nạn lạm phát trầm trọng thêm và ảnh hưởng xấu đến mậu dịch quốc tế, kết quả làm cho các nước tư bản chủ nghĩa càng khó ra khỏi cuộc khủng hoảng.

Ngoài tác động của cuộc khủng hoảng tiền tệ ra, cuộc khủng hoảng kinh tế 1974 — 1975 còn chịu sự thúc đẩy mạnh mẽ của cuộc khủng hoảng nguyên liệu đã bùng lên dữ dội ở khâu yếu nhất và quan trọng nhất là dầu mỏ vào cuối năm 1973. Để giành lại độc lập về kinh tế, chống lại mọi hình thức bóc lột và cướp đoạt của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, các nước đang phát triển ở Á, Phi và Mỹ la-tinh đã đấu tranh nhằm giành lại chủ quyền về các nguồn tài nguyên của mình bằng cách quốc hữu hóa tài sản của các công ty tư bản nước ngoài và tăng giá hàng nguyên liệu xuất khẩu của mình, xóa bỏ dần tình trạng trao đổi không ngang giá — một hình thức bóc lột chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc trong lĩnh vực mậu dịch —, thực hiện dần từng bước nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Cuộc đấu tranh chính nghĩa này của nhân dân Á, Phi, Mỹ la-tinh đã làm chấn động đời sống kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa.

Cuộc khủng hoảng nguyên liệu đã làm bộc lộ những mặt yếu cơ bản và tình trạng mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Cuộc khủng hoảng nguyên liệu ấy không những thúc đẩy cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ sớm bùng lên mà còn làm cho cuộc khủng hoảng đó sâu sắc thêm. Rốt cuộc cuộc khủng hoảng nguyên liệu càng phát triển thì càng làm cho cơ sở kinh tế của chủ nghĩa đế quốc lung lay mạnh.

Đặc điểm thứ tư là **khủng hoảng kinh tế gắn liền với khủng hoảng chính trị và xã hội.** Trong hoàn cảnh khủng hoảng và lạm phát trầm trọng, giai cấp công nhân và nhân dân lao động càng bị bần cùng hóa nhanh chóng. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn còn dùng mọi thủ đoạn trút gánh nặng khủng hoảng lên đầu họ. Do đó thu nhập thực tế của nhân dân lao động bị giảm xuống nhiều, số người nghèo tăng lên, điều kiện sinh hoạt của họ đã cực khổ mà điều kiện lao động của họ càng tồi tệ hơn. Theo thống kê của bộ lao động Mỹ, tuy đã bị cắt xén đi nhiều, thì trong hai năm khủng hoảng kinh tế 1974 — 1975 số người nghèo ở Mỹ đã tăng thêm 2,5 triệu người. Thu nhập thực tế mỗi tuần (đã tính trừ lạm phát và nộp thuế) của mỗi gia đình người Mỹ bị giảm 6%. Ở các nước tư bản chủ nghĩa khác cũng vậy. Chịu hậu quả tai hại của nạn ô nhiễm môi trường sống, làm việc trong điều kiện an toàn lao động kém, lại phải tăng cường độ lao động, công nhân càng bị bệnh nghề nghiệp và bị tai nạn lao động nhiều.

Tình hình đó làm cho mâu thuẫn giai cấp càng trở nên gay gắt. Các cuộc đình công, bãi công đòi tăng lương, có việc làm, chống lạm phát ở các nước tư bản chủ nghĩa nổ ra trong những năm 1974 — 1975 với quy mô to lớn. Riêng ở 6 nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu: Mỹ, Nhật, Tây Đức, Anh, Pháp, Ý trong năm

Digitized by Google

1974 đã có 20 cuộc tổng bãi công. Các cuộc bãi công đó đã thu hút đông đảo nhân dân lao động tham gia : viên chức, kỹ sư, chuyên gia kỹ thuật, cán bộ của các trung tâm nghiên cứu, phụ nữ, thanh niên, công nhân người nước ngoài, nông dân, v.v... Tổng số người tham gia bãi công ở các nước tư bản chủ nghĩa tăng từ 45 triệu năm 1973 lên 49 triệu năm 1975.

Các cuộc đình công, bãi công liên tiếp nổ ra mạnh mẽ và với quy mô lớn như vậy đã làm cho tình hình chính trị và xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa vốn đã không ổn định càng bị hỗn loạn. Trong khi đó, các chính sách chống khủng hoảng, chống lạm phát của chính phủ các nước tư bản chủ nghĩa đều phá sản. Giới cầm quyền ngày càng tỏ ra bất lực và càng mất lòng tin của quần chúng.

★

Qua giai đoạn khủng hoảng trầm trọng, nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa bước sang giai đoạn phục hồi. Nhà nước tư bản lũng đoạn đã dùng nhiều biện pháp nhằm kích thích kinh tế phát triển nhưng tại sao nền kinh tế đó vẫn chưa có được lối thoát ? Từ mùa thu năm 1975 đến nay nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa lần lượt chuyển sang giai đoạn phục hồi. Tổng sản phẩm xã hội tính theo giá cố định của các nước tư bản chủ nghĩa năm 1976 so với năm trước tăng 5,5%. Cũng trong thời gian trên, sản xuất công nghiệp của các nước này tăng trung bình 8%. Đồng thời sản xuất bắt đầu hoạt động nhộn nhịp trở lại trong các ngành sản xuất hàng tiêu dùng lâu bền như công nghiệp xây dựng nhà ở, chế tạo ô tô, dệt và may mặc rồi đến các ngành luyện kim, chế tạo cơ khí, hóa học, v.v...

Mặc dù sản xuất ở các nước tư bản chủ nghĩa và các ngành kinh tế đều tăng lên với mức độ khác nhau, nhưng quá trình phục hồi kinh tế trong năm 1976 diễn ra rất chậm chạp không ổn định và có nhiều khó khăn mới, đến nỗi giới cầm quyền các nước tư bản chủ nghĩa cũng phải thú nhận là « tồi tệ hơn nhiều so với dự đoán trước kia ». Tình hình kinh tế phục hồi này đã diễn ra trên những nét lớn như sau :

Thời gian khôi phục kinh tế kéo dài. Từ quý III—1975 các nước tư bản chủ nghĩa đã chuyển sang giai đoạn phục hồi kinh tế nhưng đến nay trừ Mỹ và Tây Đức ra, các nước đó vẫn chưa khôi phục lại được mức cao nhất trước khủng hoảng. Tình hình kinh tế phục hồi không ổn định và tốc độ phát triển bị chậm lại rõ rệt. Sản xuất công nghiệp của các nước tư bản chủ nghĩa trong năm 1976 so với năm trước tăng 8%, sáu tháng đầu năm nay chỉ tăng 6%. Trong thời gian gần đây sản xuất ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu thậm chí còn bị giảm xuống. Sản xuất công nghiệp của Ý trong tháng 4-1977 so với tháng trước giảm 3,1%, Pháp — 1,6%, Tây Đức — 0,9%, Anh — 0,8%, sang tháng 5-1977 cả khối 9 nước thị trường chung châu Âu bị giảm 1,5%.

Trong giai đoạn phục hồi kinh tế này, số công nhân thất nghiệp hoàn toàn rất lớn và còn đang tăng lên ở nhiều nước. Theo thống kê của các nước tư bản chủ nghĩa tuy đã bị cắt xén nhiều, số công nhân thất nghiệp hoàn toàn vào tháng 8-1977 là 15,7 triệu người, nhiều gấp đôi số công nhân thất nghiệp trong thời kỳ phục hồi và phát triển kinh tế 1972 — 1973, trong đó Mỹ là 7 triệu người, tuy con số này có giảm xuống đôi chút, nhưng vẫn còn cao hơn 75% mức thất nghiệp mà giới cầm quyền Mỹ cho là có thể chịu đựng được, khối thị trường chung châu Âu là 5,84 triệu người so với tháng 8-1976 tăng 14%. Nhật-bản cũng trên 1 triệu người, cao hơn mức bình quân năm 1976 khoảng 10%. Số thất nghiệp này ở nhiều nước tư bản

Digitized by Google

chủ nghĩa khác lại đang tăng lên, nhất là trong những tháng gần đây, lúc mà nền kinh tế của các nước này đang gặp nhiều khó khăn mới.

Cũng trong giai đoạn này, nạn lạm phát vẫn nghiêm trọng. Dưới tác động của các nhân tố khủng hoảng, tốc độ tăng giá cả tiêu dùng ở các nước tư bản chủ nghĩa từ cuối năm 1975 đã chậm dần lại. Theo số liệu thống kê công bố gần đây của tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) thì giá tiêu thụ của các nước tư bản chủ nghĩa trong năm 1976 trung bình tăng 10,4%, tám tháng đầu năm 1977 tăng 10%, trong đó Mỹ tăng 6%, Tây Đức — 4,3%, Nhật — 9%, Pháp — 10%, Anh — 16,5%, Ý — 17%, v.v... Tuy mức tăng giá tiêu thụ của các nước này trong năm 1976 và đầu năm 1977 có thấp hơn năm 1975 nhưng còn cao hơn năm 1973 trên 30%.

Tại sao giai đoạn phục hồi kinh tế hiện nay của các nước tư bản chủ nghĩa lại chậm chạp, bấp bênh và có nhiều khó khăn như vậy? Như mọi người đã biết, giai đoạn phục hồi kinh tế hiện nay là bước phát triển tất yếu của giai đoạn khủng hoảng kinh tế 1974 — 1975 và chịu những hậu quả nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng đó. Do cuộc khủng hoảng mang những đặc điểm chưa từng có trong lịch sử của chủ nghĩa tư bản như đã nói ở trên cho nên cuộc khủng hoảng 1974 — 1975 đã không thể lấy lại thế cân đối tạm thời trong nền kinh tế như những cuộc khủng hoảng trước kia; chẳng những thế cuộc khủng hoảng kinh tế này còn tạo ra những khó khăn mới làm cho tác dụng của các nhân tố thúc đẩy phục hồi kinh tế như chi phí tiêu thụ cá nhân, đầu tư vốn, xuất khẩu, v.v... bị hạn chế. Thật vậy, chi phí tiêu thụ cá nhân tăng lên rất chậm chạp. Trong năm 1976 giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa đấu tranh mạnh cho nên tiền lương danh nghĩa tuy có tăng lên nhưng tiền lương thực tế chỉ tăng được rất ít vì nạn lạm phát còn nghiêm trọng và giá tiêu dùng cũng tăng lên nhanh. Đồng thời số thất nghiệp rất lớn và còn đang tăng lên, tiền thuế thu nhập và tiền mua bảo hiểm xã hội cũng tăng lên, v.v... Cho nên khả năng tiêu thụ thực tế của nhân dân lao động bị giảm xuống. Vào cuối năm 1976, bộ trưởng tài chính Mỹ Sai-mơn đã phải công khai thú nhận: chi phí tiêu dùng tư nhân được coi là động lực chủ yếu để phát triển kinh tế đã không ngừng bị suy giảm và lại còn tiếp tục bị suy giảm.

Một điều đặc biệt đáng chú ý là ở Mỹ, Tây Đức, Nhật thi hành chính sách kích thích kinh tế mà khả năng tiêu thụ thực tế của nhân dân còn bị hạn chế dữ dội, thì ở các nước tư bản chủ nghĩa khác như Anh, Ý, Pháp, Ca-na-đa, v.v... thi hành chính sách chống lạm phát, khả năng tiêu thụ thực tế này của nhân dân còn bị giảm xuống nhiều hơn nữa.

Đầu tư tư bản tư nhân rất yếu ớt. Thông thường trong các giai đoạn phục hồi kinh tế trước kia phong trào đầu tư vào tư bản cố định rất sôi nổi và đó là cơ sở vật chất thúc đẩy sản xuất phát triển. Trong giai đoạn phục hồi hiện nay, đầu tư tư bản tư nhân sau hai năm bị giảm xuống mạnh (1974 giảm 0,5%, 1975 giảm 10,5%), chỉ tăng rất ít và ở một số nước tư bản chủ nghĩa vẫn còn tiếp tục giảm.

Đầu tư tư bản tư nhân yếu đi có liên quan tới tình trạng năng lực sản xuất thừa nghiêm trọng. Tỷ lệ sử dụng công suất trong ngành công nghiệp chế tạo trong quý III-1976 ở Mỹ là 76%, Tây Đức — 85%, Nhật 87,3%. Tình hình kinh doanh chưa ổn định và có nhiều khó khăn. Số công ty phá sản không ngừng tăng thêm. Ở Nhật, trong năm 1976, có 15.196 công ty phá sản, so với năm 1975 tăng 25,6%, và trong 7 tháng đầu năm 1977 có 10.530 công ty phá sản, tăng 28,6% so với năm trước, ở Pháp tăng 9,6%, v.v... Triển

Digitized by Google

vọng kinh tế không sáng sủa, lợi nhuận đầu tư không hấp dẫn, nhiều công ty có khuynh hướng chuyển vốn ra ngoài đầu tư. Nhu cầu vay vốn ở ngân hàng để đầu tư rất thấp mặc dù lãi suất ngân hàng đang giảm xuống.

Số lớn các nước tư bản chủ nghĩa thi hành chính sách chống lạm phát. Từ cuối năm 1975 nạn lạm phát có giảm xuống nhưng vẫn còn nghiêm trọng, đặc biệt là ở các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu như Anh, Pháp, Ý, v.v... Các nước này đã thi hành một loạt biện pháp chống lạm phát như hạn chế tăng lương và tăng giá dưới hình thức cưỡng bức hay tự nguyện, giảm chi ngân sách, đặc biệt cắt giảm các khoản chi về phục vụ công cộng, phúc lợi xã hội, văn hóa giáo dục, tăng thuế tiêu thụ, co hẹp tín dụng, duy trì lãi suất ngân hàng ở mức cao. Các nước Mỹ, Nhật, Tây Đức tuy đặt trọng tâm chính sách vào việc kích thích sản xuất bằng cách tăng chi ngân sách, khuyến khích mở rộng đầu tư, trợ cấp thất nghiệp, giảm thuế, giảm lãi suất ngân hàng, v.v... thế nhưng các tập đoàn tư bản dùng những biện pháp này cũng chỉ đến mức độ nào vì sợ lạm phát lại bùng lên gay gắt.

Trong năm 1976 và đầu năm 1977, do khôi phục kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa cho nên nhu cầu tiêu thụ trên thị trường thế giới tăng, nhờ đó khối lượng hàng xuất khẩu của các nước tư bản chủ nghĩa đã tăng khoảng 6 – 7%, thấp hơn dự tính của các nước đó hồi đầu năm. Thêm vào đó, cán cân mậu dịch của các nước tư bản chủ nghĩa, trừ Tây Đức và Nhật, đều nhập siêu nghiêm trọng. Cho nên hy vọng của nhiều nước tư bản chủ nghĩa muốn đẩy mạnh xuất khẩu để nhanh chóng phục hồi kinh tế đã không thể thực hiện được.

Những mâu thuẫn gay gắt mà nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đang gặp phải trên đây chính là những **nguyên nhân chủ yếu** làm cho giai đoạn phục hồi kinh tế hiện nay ở các nước tư bản chủ nghĩa rất chậm chạp, kéo dài, không ổn định và có nhiều khó khăn mới.

Như vậy, những năm 70, trong nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa, những chứng bệnh mới đã phát sinh và gây tác hại rất nghiêm trọng trong tất cả các giai đoạn của chu kỳ kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nạn lạm phát ác tính và có tính chất thế giới trong giai đoạn khủng hoảng đã đẻ ra chứng bệnh « lạm phát đi liền với suy thoái » và trong các giai đoạn phục hồi và phồn vinh thì chứng bệnh kinh tế này lại bộc lộ ra dưới dạng vật giá tăng và số thất nghiệp rất lớn là hai vấn đề gay gắt nhất mà giới cầm quyền các nước tư bản chủ nghĩa phải luôn luôn đối phó. Các cuộc khủng hoảng có tính chất cơ cấu như khủng hoảng tiền tệ, khủng hoảng năng lượng và nguyên liệu ngày càng sâu sắc làm cho cơ sở kinh tế của chủ nghĩa đế quốc lung lay và từ đó gây nhiều khó khăn chồng chất cho quá trình phát triển của các giai đoạn trong chu kỳ kinh tế. Các cuộc khủng hoảng này không những làm cho khủng hoảng kinh tế chu kỳ trầm trọng thêm mà còn hạn chế mạnh khả năng phát triển sản xuất trong các giai đoạn phục hồi và phồn vinh ở các nước tư bản chủ nghĩa. Khủng hoảng chính trị và xã hội gay gắt là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm giảm hiệu lực hoặc làm phá sản các biện pháp chống khủng hoảng hay chống lạm phát của các Nhà nước tư bản lũng đoạn. Tình hình trên đã dẫn tới những thay đổi trong chu kỳ kinh tế tư bản chủ nghĩa, đó là giai đoạn khủng hoảng và phục hồi kéo dài, giai đoạn phồn vinh rút ngắn lại, khó khăn chồng chất, khó khăn cũ chưa được giải quyết thì khó khăn mới lại phát sinh, khó khăn này làm tiền đề cho khó khăn kia, v.v...

★

Digitized by Google

Nhìn lại quá trình phát triển kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa từ đầu những năm 70 đến nay thì thấy rằng nền kinh tế đó ngày càng gặp những chứng bệnh hiểm nghèo, những khó khăn nghiêm trọng khiến cho giới cầm quyền của các nước tư bản chủ nghĩa mặc dù có đề ra trăm phương nghìn kế cũng không sao tìm ra lối thoát.

Đó là do hậu quả tất yếu của các biện pháp can thiệp trực tiếp vào đời sống kinh tế của các Nhà nước tư bản lũng đoạn hòng cứu vãn chủ nghĩa tư bản trong cơn hấp hối ; đó là do hậu quả của sự thất bại hoàn toàn của đế quốc đầu sỏ Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đã kéo cả thế giới tư bản chủ nghĩa lún sâu vào tổng khủng hoảng toàn diện, không phương cứu chữa ; và điều quan trọng hơn nữa, đó là do sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng trên thế giới dồn dập tiến công, buộc chủ nghĩa đế quốc, do đế quốc Mỹ cầm đầu, phải thu hẹp phạm vi ảnh hưởng và khả năng bóc lột của chúng.

Trong tương lai, lực lượng đối sánh trên thế giới càng thay đổi nhanh chóng, có lợi cho lực lượng cách mạng, sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc ngày càng nghiêm trọng hơn, nền kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa vốn đã chứa đựng những mâu thuẫn sâu sắc, không tránh khỏi lâm vào cuộc khủng hoảng còn gay gắt hơn.

Phụ lục

— Thời gian khôi phục kinh tế kéo dài : Tổng chỉ số sản xuất công nghiệp ở Mỹ giảm xuống mức thấp nhất vào tháng 4-1975 và từ tháng 5-1975 bắt đầu tăng trở lại, mãi tới tháng 6-1976, nghĩa là phải mất 14 tháng mới khôi phục lại được mức cao nhất trước khủng hoảng và đến tháng 8-1977, mất thêm 14 tháng nữa mới vượt mức đó 9%. Tây Đức bắt đầu khôi phục kinh tế từ tháng 8-1975 cho tới tháng 10-1976 mới trở lại mức cao nhất trước khủng hoảng, như vậy giai đoạn phục hồi cũng phải kéo dài 15 tháng. Từ tháng 3-1975 nền kinh tế Nhật đã chuyển sang giai đoạn phục hồi nhưng đến tháng 8-1977 đã mất 30 tháng rồi mà sản xuất công nghiệp vẫn còn thấp hơn mức cao nhất trước khủng hoảng 2,7%. Nền kinh tế Anh đã phải trải qua 25 tháng phục hồi nhưng hiện nay vẫn còn thấp hơn mức cao nhất trước khủng hoảng 9,2%, v.v...

— Tình hình phục hồi kinh tế không ổn định. Sản xuất công nghiệp của Nhật từ tháng 5-1977 giảm xuống liên tục và đến tháng 7 so với tháng 5 giảm 2,7%. Ở Tây Đức từ tháng 4-1977 chỉ số sản xuất công nghiệp giảm dần và đến tháng 6 so với tháng 4 giảm 2,6%. Ở Pháp sản xuất công nghiệp trong các tháng 2, 4, 5-1977 đều giảm. Ở Anh tháng 2, 4, 6-1977 sản xuất công nghiệp cũng giảm. Còn ở Mỹ sản xuất tuy có được tăng lên liên tục nhưng tốc độ đang chậm dần lại. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5-1977 so tháng trước tăng 0,9%, tháng 6 chỉ tăng 0,7%, tháng 7 tăng 0,5%, v.v...

Tình hình thất nghiệp ở các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu

(đơn vị 1000 người)

Các nước TBCN	*1973*	*1974*	*1975*	*1976*	*1977*
	8 300	9.500	13.750	15.670	15.600
Mỹ	4.304	5.076	7.830	7.288	7.000
Nhật	664	726	1.000	1.080	1.270
Tây Đức	274	583	1.074	1.060	1.020
Pháp	392	493	730	1.025	1.080
Anh	581	573	720	1.377	1.630

Digitized by Google

Trong năm 1977, số thất nghiệp ở một số nước tư bản chủ nghĩa vẫn tiếp tục tăng khá mạnh. Ở Mỹ tháng 5-1977 có 6,75 triệu người thất nghiệp, chiếm 6,9% tổng số người có sức lao động, tháng 8-1977 tăng lên 7 triệu, chiếm 7,1%. Số người thất nghiệp của các nước khối thị trường chung châu Âu tăng từ 5,3 triệu người cuối năm 1977 lên 5,84 triệu người tháng 8-1977. Cũng trong thời gian trên, số thất nghiệp ở Anh tăng từ 1,4 triệu người lên 1,63 triệu người.

Tình hình tăng giá tiêu thụ ở các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu

(% so với năm trước)

Các nước TBCN	*1973*	*1974*	*1975*	*1976*	*1977*
	7,6	12,6	11,0	10,4	10,0
Mỹ	6,2	11,0	9,1	5,2	6,0
Nhật	11,7	22,7	11,7	9,2	8,1
Tây Đức	7,0	7,0	6,0	4,1	4,3
Pháp	7,4	13,7	11,7	9,6	10,0
Anh	9,2	16,0	23,0	16,6	16,5

Đổi mới công tác kế hoạch hóa...

(Tiếp theo trang 45)

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết hội nghị lần thứ 2 và thứ 3 của Ban chấp hành trung ương Đảng, được sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của đảng ủy các cấp, sự tham gia tích cực của mọi người lao động với tinh thần làm chủ tập thể, chắc chắn công tác kế hoạch hóa sẽ có những bước chuyển biến mới, góp phần xứng đáng vào việc thực hiện đường lối xây dựng kinh tế của Đảng, đưa nền kinh tế cả nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI Ở HUYỆN NÔNG-CỐNG

(Tiếp theo trang 96)

nhưng còn yếu và thiếu nhiều so với yêu cầu nhất là cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó còn những khó khăn trong sản xuất chưa khắc phục được: ruộng đồng chưa chủ động được nước (vụ mùa năm 1977 có 2 500 ha bị ngập úng), tác động của khoa học kỹ thuật, của cơ giới vào sản xuất còn ít, cơ sở công nghiệp trong huyện chưa có bao nhiêu. Phát huy những kết quả đã đạt được, đảng bộ huyện Nông-cống đang cố gắng khắc phục khó khăn, quyết tâm phấn đấu vươn lên thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Trung ương Đảng về phát triển nông nghiệp.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАА – Сосредоточить усилия на выполнении государственного плана 1978 г.

+++ Никакой реакционной силе не подорвать солидарность и дружбу между вьетнамским и кхмерским народами

НГУЕН ЗЮИ ЧИНЬ – Твёрдо придержаться соотношения преобразования и строительства в социалистической революции нашей страны

ТЕ ВБЕТ ТАН - Обновить работу по планированию в нашейстране

ВУ ОАНЬ – Укреплять и совершенствовать ячейки и первичные парторганизации на селе, обеспечить успешное выполнение задач развития сельского хозяйства.

+++ Твёрдо придержаться диктатуры пролетариата, расширять право трудящихся на коллективное хозяйствование и продолжать претворение в жизнь постановления N° 228 политбюро цк партии.

ЧЫОНГ ШОН - Усиленно развивать лёгкую промышленность

НГУЕН ТЮНГ АНЬ — Расширять обработку сельскохозяйственной продукции одновременно с планомерным развитием сельского хозяйства.

ЛЕ ДЫК ТИНЬ – Усиленно развивать массовое спортивное движение во всей стране

...

目　录

社　論：大力实现一九七八年国家计划

☆☆☆：任何反动势力也破坏不了越南和柬埔寨两国人民之间的团结友谊

阮维桢：掌握我国社会主义革命中改造与建设的关系

制曰晉：革新我国的计划化工作

武　鹭：巩固和健全农村党支部和基层党部，保证胜利地实现发展农业的任务

☆☆☆：掌握无产阶级专政，发挥劳动人民的集体作主权，继续落实党中央政治局的228—NQ/TU决议

长　山：大力发展轻工业

阮钟英：大力促进与发展农业计划相适应的农产品加工业

黎德整：在全国范围内大力发展群众性的体育运动

知識界人士論坛☆范克槐：家庭在培育越南社会主义新人工作中的责任

漢　槐：农贡县的新转变

阮文寿：资本主义国家的经济危机

Digitized by Google

SOMMAIRE

Éditorial – S'employer à réaliser le plan d'État pour 1978

★ ★ ★ – Aucune force réactionnaire ne peut saboter l'union et l'amitié entre les peuples vietnamien et cambodgien

NGUYỄN-DUY-TRINH – Bien saisir les rapports entre la transformation et l'édification dans la révolution socialiste de notre pays

CHẾ-VIẾT-TẤN – Rénover notre travail de planification

VŨ-OANH – Consolider et parachever les cellules et les organisations de base du Parti à la campagne, mener à bien le développement de l'agriculture

★ ★ ★ – Maintenir fermement la dictature du prolétariat, faire valoir le droit de maitre collectif du peuple travailleur, poursuivre la réalisation de la résolution n° 228 – NQ/TU du Bureau politique du Comité central du Parti

TRƯỜNG-SƠN – Déployer tous les efforts pour développer l'industrie légère

NGUYỄN-CHUNG-ANH – Activer la transformation des produits agricoles en même temps qu'on développe l'agriculture

LÊ-ĐỨC-CHỈNH – Impulser le mouvement de masse des exercices physiques et des sports dans le pays tout entier

Tribune des personnalités intellectuelles ★ *PHẠM-KHẮC-HÒE* – Responsabilité de la famille dans l'édification de l'homme nouveau, socialiste vietnamien

ĐẠM-MAI – Des changements au district de Nông Cống

NGUYỄN-VĂN-THỌ – La crise économique dans les pays capitalistes

CONTENTS

Editorial – Let us do our best to fulfill the 1978 State Plan

★★★ – No reactionary forces can undermine the solidarity and friendship between the Vietnamese and Kampuchean peoples

NGUYỄN-DUY-TRINH – Let us hold firm to the relationship between transformation and construction in our country's socialist revolution

CHẾ-VIẾT-TẤN – Let us bring the planning work in our country up to date

VŨ-OANH – Strengthen and perfect the Party cells, the party primary organizations in the countryside, so as to successfully carry out the task of agricultural development

★★★ – Hold firm to proletarian dictatorship, bring into full play the working people's collective mastery, and go on carry out the Political Bureau's 228 – NQ/TU resolution

TRƯỜNG-SƠN – Strive to develop light industry

NGUYỄN-CHUNG-ANH – Boost the processing of agricultural produce in harmony with the plan for agricultural development

LÊ-ĐỨC-CHỈNH – Give a strong impetus to the mass movement for physical culture and sports throughout the country

Forum of intellectual personalities ★ *PHẠM-KHẮC-HÒE* – The responsibility of the family in the building of the new Vietnamese socialist man

ĐẠM-MAI – Changes in Nong Cong district

NGUYỄN-VĂN-THỌ – On the economic crisis in the capitalist countries

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 1

1978

NĂM THỨ XXIV (265)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Ra sức thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1978 1

★ ★ ★ — Không thế lực phản động nào phá hoại được tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt-nam và Cam-pu-chia 11

NGUYỄN-DUY-TRINH — Nắm vững mối quan hệ giữa cải tạo và xây dựng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 15

CHẾ-VIẾT-TẤN — Đổi mới công tác kế hoạch hóa của nước ta 33

VŨ-OANH — Củng cố và kiện toàn các chi bộ, đảng bộ cơ sở nông thôn, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp 46

★ ★ ★ — Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 228 — NQ/TƯ của Bộ chính trị 53

TRƯỜNG-SƠN — Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ 59

NGUYỄN-CHUNG-ANH — Đẩy mạnh chế biến nông sản đi đôi với kế hoạch phát triển nông nghiệp 69

LÊ-ĐỨC-CHÍNH — Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng trong cả nước 77

Diễn đàn của các nhân sĩ trí thức ★ *PHẠM-KHẮC-HÒE* — Trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam 83

ĐẠM-MAI — Những chuyển biến mới ở huyện Nông-cống 90

NGUYỄN-VĂN-THO — Về cuộc khủng hoảng kinh tế trong các nước tư bản chủ nghĩa 97

Digitized by Google

Digitized by Google

trường tiền tệ tư bản chủ nghĩa, tỷ giá giữa các đồng tiền chủ yếu biến động hết sức hỗn loạn. Các đồng tiền yếu như đồng bảng Anh, đồng lia Ý và cả đồng đô-la Mỹ, v.v... liên tiếp bị giảm giá, trong khi đó các đồng tiền tương đối vững hơn như đồng mác Tây Đức, đồng phơ-răng Thụy-sĩ và đồng yên Nhật lại lên giá. Mâu thuẫn quyền lợi giữa các nước tư bản chủ nghĩa trong lĩnh vực tiền tệ càng sâu sắc. Trong điều kiện khủng hoảng, các nước tư bản chủ nghĩa càng không có khả năng giữ cho tỷ giá tiền tệ không biến động mạnh và tiếp tục thiết lập chế độ tiền tệ mới tiến hành dở dang trước kia.

Tiền tệ mất giá và thị trường tiền tệ rối loạn, đã làm cho nạn lạm phát trầm trọng thêm và ảnh hưởng xấu đến mậu dịch quốc tế, kết quả làm cho các nước tư bản chủ nghĩa càng khó ra khỏi cuộc khủng hoảng.

Ngoài tác động của cuộc khủng hoảng tiền tệ ra, cuộc khủng hoảng kinh tế 1974 – 1975 còn chịu sự thúc đẩy mạnh mẽ của cuộc khủng hoảng nguyên liệu đã bùng lên dữ dội ở khâu yếu nhất và quan trọng nhất là dầu mỏ vào cuối năm 1973. Để giành lại độc lập về kinh tế, chống lại mọi hình thức bóc lột và cướp đoạt của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, các nước đang phát triển ở Á, Phi và Mỹ la-tinh đã đấu tranh nhằm giành lại chủ quyền về các nguồn tài nguyên của mình bằng cách quốc hữu hóa tài sản của các công ty tư bản nước ngoài và tăng giá hàng nguyên liệu xuất khẩu của mình, xóa bỏ dần tình trạng trao đổi không ngang giá – một hình thức bóc lột chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc trong lĩnh vực mậu dịch –, thực hiện dần từng bước nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Cuộc đấu tranh chính nghĩa này của nhân dân Á, Phi, Mỹ la-tinh đã làm chấn động đời sống kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa.

Cuộc khủng hoảng nguyên liệu đã làm bộc lộ những mặt yếu cơ bản và tình trạng mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Cuộc khủng hoảng nguyên liệu ấy không những thúc đẩy cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ sớm bùng lên mà còn làm cho cuộc khủng hoảng đó sâu sắc thêm. Rốt cuộc cuộc khủng hoảng nguyên liệu càng phát triển thì càng làm cho cơ sở kinh tế của chủ nghĩa đế quốc lung lay mạnh.

Đặc điểm thứ tư là **khủng hoảng kinh tế gắn liền với khủng hoảng chính trị và xã hội.** Trong hoàn cảnh khủng hoảng và lạm phát trầm trọng, giai cấp công nhân và nhân dân lao động càng bị bần cùng hóa nhanh chóng. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn còn dùng mọi thủ đoạn trút gánh nặng khủng hoảng lên đầu họ. Do đó thu nhập thực tế của nhân dân lao động bị giảm xuống nhiều, số người nghèo tăng lên, điều kiện sinh hoạt của họ đã cực khổ mà điều kiện lao động của họ càng tồi tệ hơn. Theo thống kê của bộ lao động Mỹ, tuy đã bị cắt xén đi nhiều, thì trong hai năm khủng hoảng kinh tế 1971 – 1975 số người nghèo ở Mỹ đã tăng thêm 2,5 triệu người. Thu nhập thực tế mỗi tuần (đã tính trừ lạm phát và nộp thuế) của mỗi gia đình người Mỹ bị giảm 6%. Ở các nước tư bản chủ nghĩa khác cũng vậy. Chịu hậu quả tai hại của nạn ô nhiễm môi trường sống, làm việc trong điều kiện an toàn lao động kém, lại phải tăng cường độ lao động, công nhân càng bị bệnh nghề nghiệp và bị tai nạn lao động nhiều.

Tình hình đó làm cho mâu thuẫn giai cấp càng trở nên gay gắt. Các cuộc đình công, bãi công đòi tăng lương, có việc làm, chống lạm phát ở các nước tư bản chủ nghĩa nổ ra trong những năm 1974 – 1975 với quy mô to lớn. Riêng ở 6 nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu: Mỹ, Nhật, Tây Đức, Anh, Pháp, Ý trong năm

Digitized by Google

1974 đã có 20 cuộc tổng bãi công. Các cuộc bãi công đó đã thu hút đông đảo nhân dân lao động tham gia : viên chức, kỹ sư, chuyên gia kỹ thuật, cán bộ của các trung tâm nghiên cứu, phụ nữ, thanh niên, công nhân người nước ngoài, nông dân, v.v... Tổng số người tham gia bãi công ở các nước tư bản chủ nghĩa tăng từ 45 triệu năm 1973 lên 49 triệu năm 1975.

Các cuộc đình công, bãi công liên tiếp nổ ra mạnh mẽ và với quy mô lớn như vậy đã làm cho tình hình chính trị và xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa vốn đã không ổn định càng bị hỗn loạn. Trong khi đó, các chính sách chống khủng hoảng, chống lạm phát của chính phủ các nước tư bản chủ nghĩa đều phá sản. Giới cầm quyền ngày càng tỏ ra bất lực và càng mất lòng tin của quần chúng.

★

Qua giai đoạn khủng hoảng trầm trọng, nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa bước sang giai đoạn phục hồi. Nhà nước tư bản lũng đoạn đã dùng nhiều biện pháp nhằm kích thích kinh tế phát triển nhưng tại sao nền kinh tế đó vẫn chưa có được lối thoát ? Từ mùa thu năm 1975 đến nay nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa lần lượt chuyển sang giai đoạn phục hồi. Tổng sản phẩm xã hội tính theo giá cố định của các nước tư bản chủ nghĩa năm 1976 so với năm trước tăng 5,5%. Cũng trong thời gian trên, sản xuất công nghiệp của các nước này tăng trung bình 8%. Đồng thời sản xuất bắt đầu hoạt động nhộn nhịp trở lại trong các ngành sản xuất hàng tiêu dùng lâu bền như công nghiệp xây dựng nhà ở, chế tạo ô tô, dệt và may mặc rồi đến các ngành luyện kim, chế tạo cơ khí, hóa học, v.v...

Mặc dù sản xuất ở các nước tư bản chủ nghĩa và các ngành kinh tế đều tăng lên với mức độ khác nhau, nhưng quá trình phục hồi kinh tế trong năm 1976 diễn ra rất chậm chạp không ổn định và có nhiều khó khăn mới, đến nỗi giới cầm quyền các nước tư bản chủ nghĩa cũng phải thú nhận là « tồi tệ hơn nhiều so với dự đoán trước kia ». Tình hình kinh tế phục hồi này đã diễn ra trên những nét lớn như sau :

Thời gian khôi phục kinh tế kéo dài. Từ quý III — 1975 các nước tư bản chủ nghĩa đã chuyển sang giai đoạn phục hồi kinh tế nhưng đến nay trừ Mỹ và Tây Đức ra, các nước đó vẫn chưa khôi phục lại được mức cao nhất trước khủng hoảng. Tình hình kinh tế phục hồi không ổn định và tốc độ phát triển bị chậm lại rõ rệt. Sản xuất công nghiệp của các nước tư bản chủ nghĩa trong năm 1976 so với năm trước tăng 8%, sáu tháng đầu năm nay chỉ tăng 6%. Trong thời gian gần đây sản xuất ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu thậm chí còn bị giảm xuống. Sản xuất công nghiệp của Ý trong tháng 4-1977 so với tháng trước giảm 3,1%, Pháp — 1,6%, Tây Đức — 0,9%, Anh — 0,8%, sang tháng 5-1977 cả khối 9 nước thị trường chung châu Âu bị giảm 1,5%.

Trong giai đoạn phục hồi kinh tế này, số công nhân thất nghiệp hoàn toàn rất lớn và còn đang tăng lên ở nhiều nước. Theo thống kê của các nước tư bản chủ nghĩa tuy đã bị cắt xén nhiều, số công nhân thất nghiệp hoàn toàn vào tháng 8-1977 là 15,7 triệu người, nhiều gấp đôi số công nhân thất nghiệp trong thời kỳ phục hồi và phát triển kinh tế 1972 — 1973, trong đó Mỹ là 7 triệu người, tuy con số này có giảm xuống đôi chút, nhưng vẫn còn cao hơn 75% mức thất nghiệp mà giới cầm quyền Mỹ cho là có thể chịu đựng được, khối thị trường chung châu Âu là 5,84 triệu người so với tháng 8-1976 tăng 14%. Nhật-bản cũng trên 1 triệu người, cao hơn mức bình quân năm 1976 khoảng 10%. Số thất nghiệp này ở nhiều nước tư bản

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 0đ40

Digitized by Google

H-1980
HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

JUN 1 1978

The University
of Michigan
Reading Room

2

2.1978

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

THƯỜNG XUYÊN LÀM TỐT CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG

PHÁT triển Đảng là một mặt trọng yếu của công tác xây dựng Đảng và là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của toàn Đảng.

Mục đích *của công tác phát triển Đảng là lựa chọn những người ưu tú, giác ngộ nhất, tích cực nhất trong phong trào cách mạng của quần chúng, những người thật sự giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đã được thử thách trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập, có đủ tiêu chuẩn đảng viên, bổ sung vào đội ngũ của Đảng, để tăng cường sức chiến đấu và sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, góp phần nâng cao chất lượng đảng viên, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng, thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng.*

Phát triển Đảng là một yêu cầu khách quan của công tác xây dựng Đảng, vì nhiệm vụ cách mạng luôn luôn đặt ra những yêu cầu mới, những công tác mới, cần có những người xứng đáng để bảo đảm việc thực hiện, và trong phong trào cách mạng của quần chúng cũng luôn luôn xuất hiện những người ưu tú, tích cực cần được bổ sung vào hàng ngũ của Đảng. Không quan tâm công tác phát triển Đảng sẽ ảnh hưởng đến số lượng đảng viên và chất lượng của Đảng. Đội ngũ của Đảng không được mở rộng, số đảng viên trẻ trong Đảng ít dần, những nhân tố tích cực, những lực lượng trẻ mới lớn lên qua các phong trào cách mạng không được bổ sung kịp thời vào Đảng, làm cho tổ chức Đảng không phản ánh được sinh động những giá trị mới trong đời sống xã hội và sẽ hạn chế việc tăng cường sức chiến đấu của Đảng. Không quan tâm công tác phát triển Đảng làm cho Đảng không đào tạo, bồi dưỡng kịp thời lớp người kế cận để bảo đảm những yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới và do đó ảnh hưởng không tốt đến mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Trong quá trình xây dựng Đảng, Đảng ta đã có nhiều kinh nghiệm phong phú về công tác phát triển Đảng.

Digitized by Google

Đảng đã vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý của học thuyết Mác — Lê-nin về xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân vào hoàn cảnh nước ta, một nước vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, giai cấp công nhân nhỏ bé. Cùng với việc quan tâm phát triển Đảng vào giai cấp công nhân, Đảng ta đã lựa chọn kết nạp vào đội ngũ của mình những người ưu tú, giác ngộ nhất trong các tầng lớp lao động khác, đã được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn cách mạng, có đủ tiêu chuẩn đảng viên. Xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong mỗi giai đoạn, Đảng ta lại bổ sung, nâng cao những yêu cầu về tiêu chuẩn đảng viên để chỉ đạo công tác phát triển Đảng. Việc kết nạp người vào Đảng còn được Đảng ta quy định bằng những thủ tục chặt chẽ. Cùng với việc kết nạp người vào Đảng, nhiều cấp ủy và tổ chức Đảng đã chú ý giáo dục, tạo điều kiện cho đảng viên trưởng thành và có đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Nhất là những năm gần đây, từ khi có Nghị quyết số 195 của Bộ chính trị Trung ương Đảng về việc nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ-Chí-Minh, chỉ thị số 192 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng và nghị quyết số 23 của Ban chấp hành trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng, công tác phát triển Đảng đã đi dần vào nền nếp và có những tiến bộ mới.

Nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng ta trong công tác xây dựng Đảng, công tác phát triển Đảng đã đạt được những kết quả to lớn. Từ mấy nghìn đảng viên khi giành được chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, đến nay Đảng ta đã trở thành một đảng vững mạnh có tính quần chúng rộng rãi. Đảng đã xây dựng được đội ngũ đảng viên đông đảo gồm trên một triệu rưỡi người, chiếm 3,13% dân số (1). Có số lượng đảng viên đông đảo, các tổ chức cơ sở Đảng ngày càng mở rộng. Ngày nay, Đảng ta đã có hệ thống tổ chức vững chắc trong cả nước với các tổ chức cơ sở của Đảng ăn sâu, bám rễ vào các tế bào xã hội. Qua chiến đấu, thử thách trong kháng chiến cứu nước cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, số đông đảng viên đã biểu lộ rõ phẩm chất tốt đẹp của người chiến sĩ cộng sản. Hàng chục vạn đảng viên đã hy sinh rất oanh liệt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ở miền Nam, trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kẻ thù đã dùng trăm phương nghìn kế, từ bắn giết, tra tấn đã man đến những thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc, nhưng đông đảo đảng viên đã tỏ rõ lòng trung thành không bờ bến với Đảng, với cách mạng. Cùng với việc kết nạp người vào Đảng và bồi dưỡng, nâng cao chất lượng

(1) Theo «Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng».

Digitized by Google

đảng viên, những năm qua Đảng ta đã đưa ra khỏi Đảng hàng vạn người không đủ tư cách đảng viên, góp phần làm cho Đảng thêm trong sạch, vững mạnh.

Những kết quả to lớn trong công tác phát triển Đảng đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ta.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, những thành tựu đã đạt được, công tác phát triển Đảng cũng có những thiếu sót, khuyết điểm. Những khuyết điểm trong công tác phát triển Đảng biểu hiện chủ yếu ở hai khuynh hướng: khi thì chạy theo số lượng, coi nhẹ và hạ thấp chất lượng đảng viên, kết nạp vào Đảng cả những người không đủ tiêu chuẩn; ngược lại, khi thì hẹp hòi, rụt rè, sợ trách nhiệm, không quan tâm phát triển Đảng.

Sau Cách mạng tháng Tám và những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, chủ trương đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, mau chóng mở rộng đội ngũ đảng viên nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đáp ứng kịp thời những yêu cầu to lớn của nhiệm vụ cách mạng lúc ấy là một chủ trương đúng. Nhưng nhiều nơi đã «thi đua» phát triển Đảng một cách ào ạt, chỉ cốt tăng số lượng đảng viên cho nhanh, đơn thuần chạy theo số lượng và không chú trọng đến công tác củng cố Đảng. Trong những năm chiến đấu quyết liệt chống Mỹ, cứu nước, việc mở rộng đội ngũ đảng viên cũng rất cần thiết, nhằm thu hút vào Đảng những phần tử ưu tú nảy nở trong phong trào cách mạng của quần chúng, thiết thực tăng cường lực lượng nòng cốt cho những nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất. Nhưng nhiều nơi lại chạy theo số lượng, kết nạp cả những người giác ngộ chính trị thấp, hoặc chỉ có những biểu hiện hăng hái, tích cực nhất thời. Những khuyết điểm ấy đã được Đảng ta phê phán.

Cùng với việc đấu tranh chống khuynh hướng chạy theo số lượng, Đảng ta cũng có những kinh nghiệm về đấu tranh chống khuynh hướng hẹp hòi, rụt rè, thành kiến trong công tác phát triển Đảng. Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, trong công tác phát triển Đảng đã có khuynh hướng hẹp hòi: «việc đóng cửa Đảng tiến hành nhất loạt và kéo quá dài, trong lúc cuộc kháng chiến đang quyết liệt, quần chúng được thử thách, rèn luyện một cách rộng rãi và sâu sắc» (2).

Những năm gần đây, nhiều nơi vẫn còn mắc những khuyết điểm nói trên, khi thì chạy theo số lượng, coi nhẹ và hạ thấp chất lượng

---

(2) *Văn kiện Đại hội*, Ban chấp hành trung ương Đảng lao động Việt-nam xuất bản, 1960, tập II, trang 20.

Digitized by Google

đảng viên, khi thì hẹp hòi, rụt rè trong công tác phát triển Đảng; kết nạp vì cảm tình gia đình, cảm tình cá nhân, cốt kéo bè kéo cánh hoặc kết nạp người vào Đảng một cách thiếu thận trọng, không phân biệt rõ những người cơ hội với những người trung thực.

Từ những bài học kinh nghiệm của Đảng ta và từ thực tế xây dựng Đảng của Đảng ta hiện nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ phương châm phát triển Đảng như sau: «Trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng; phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng. Một mặt, kết nạp những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn; mặt khác, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất. Phải cảnh giác đề phòng những phần tử cơ hội và những phần tử gián điệp, phản động chui vào Đảng» (3).

★

*Vì sao Đảng ta nhấn mạnh «**trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng**»? Đó là vì xuất phát từ tính chất của Đảng, từ vai trò và sứ mệnh lịch sử của Đảng. Đảng ta là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt-nam. Mục đích cuối cùng của Đảng ta là thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta, và góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên thế giới. Để thực hiện mục đích ấy, từ trước tới nay Đảng ta vẫn chủ trương chỉ kết nạp vào Đảng những phần tử ưu tú nhất, giác ngộ nhất trong giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác có đủ tiêu chuẩn đảng viên. Hiện nay, Đảng ta đang đứng trước nhiệm vụ lịch sử mới hết sức nặng nề là lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Để thực hiện nhiệm vụ nặng nề ấy, Đảng ta càng phải mạnh hơn nữa.*

Sức mạnh của Đảng thể hiện ở chỗ Đảng có đường lối lãnh đạo đúng, có ý chí chiến đấu cao, có năng lực tổ chức thực hiện giỏi. Đảng mạnh còn do các cơ quan lãnh đạo các cấp, các ngành mạnh, do các tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên mạnh. Đội ngũ đảng viên có phẩm chất và năng lực là một trong những nhân tố quyết định sự vững mạnh của Đảng. Vì vậy trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, không được chạy theo số lượng.

Nhấn mạnh việc coi trọng chất lượng trong công tác phát triển Đảng không có nghĩa là coi nhẹ số lượng đảng viên, coi nhẹ việc kết nạp người

---

(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 85 — 86.

Digitized by Google

vào Đảng. Vừa qua, một số đảng bộ hiểu không đầy đủ vấn đề này đã có khuynh hướng chừng lại, không kết nạp người vào Đảng. Cần nhận rõ, số lượng và chất lượng đảng viên là những yếu tố tạo nên sức mạnh hoàn chỉnh của Đảng. Phải có một số lượng đảng viên nhất định thì mới xây dựng được các tổ chức Đảng ở cơ sở, ở các cấp, các ngành, tạo nên sức mạnh chiến đấu của Đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, cần thường xuyên làm tốt công tác phát triển Đảng.

Đồng thời, cần nhận rõ Đảng mạnh không phải chỉ ở số lượng đảng viên, mà trước hết do chất lượng đảng viên quyết định. Mỗi đảng viên là một tế bào của Đảng; từng tế bào có mạnh thì Đảng mới mạnh. Hồ Chủ tịch đã nói: «Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt» (4). Số lượng đảng viên chỉ thật sự có ý nghĩa, có tác dụng khi nó được bảo đảm về chất lượng. Số lượng đảng viên đông mà không bảo đảm những yêu cầu về chất lượng thì càng đông càng yếu, tổ chức Đảng trở nên phức tạp, lỏng lẻo, vai trò lãnh đạo của Đảng chẳng những không được tăng cường mà có thể bị yếu đi.

Coi trọng chất lượng trong công tác phát triển Đảng có nghĩa là trước hết phải bảo đảm chỉ kết nạp vào Đảng những người xứng đáng, đủ tiêu chuẩn. Đó là những người «trải qua rèn luyện trong đấu tranh cách mạng đã chứng tỏ là người ưu tú nhất trong quần chúng, có giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, gương mẫu trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập, có liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được quần chúng tin nhiệm» (5). Người được kết nạp vào Đảng còn phải là người có động cơ vào Đảng đúng đắn, có lịch sử rõ ràng, không phạm các tiêu chuẩn chính trị không cho phép kết nạp vào Đảng.

Cần khắc phục những quan niệm đơn giản, phiến diện về chất lượng người được kết nạp vào Đảng như chỉ căn cứ vào những biểu hiện hăng hái, tích cực nhất thời của họ, không xem xét kỹ những mặt khác, nhất là sự hiểu biết của họ về Đảng, sự giác ngộ của họ về chủ nghĩa cộng sản. Khuyết điểm về kết nạp vào Đảng những người không đủ tiêu chuẩn chủ yếu là xuất phát từ những quan niệm đơn giản, phiến diện ấy.

Sự giác ngộ về Đảng, về chủ nghĩa cộng sản, đối với quần chúng dù là những người ưu tú, tích cực nhất, không phải tự nhiên mà có được. Muốn đạt yêu cầu ấy, các tổ chức Đảng cần phân công những

---

(4) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 149.

(5) *Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam.*

Digitized by Google

đảng viên có trình độ, có năng lực và uy tín, thường xuyên gần gũi, tuyên truyền, bồi dưỡng họ, từng bước nâng cao nhận thức của họ, đồng thời qua việc thực hiện nhiệm vụ cụ thể của họ mà chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm và nhược điểm của họ, giúp đỡ họ tiến bộ, trở thành những người có đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào Đảng. Nói chung, không nên phân công đảng viên giới thiệu những người là vợ, chồng, con, anh chị em vào Đảng.

Cũng cần khắc phục khuynh hướng vì cần có đảng viên để phân công, để thành lập tổ chức mà « châm chước » tiêu chuẩn, kết nạp vội vàng, gượng ép, không bảo đảm yêu cầu về chất lượng. Đặc biệt cần đấu tranh để ngăn chặn và có thái độ nghiêm khắc đối với những đảng viên vì nể nang, cảm tình hoặc vì những động cơ cá nhân khác mà báo cáo dối trá với tổ chức để đưa vào Đảng những người không xứng đáng.

« Phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng ». *Đây là một yêu cầu khách quan của công tác xây dựng Đảng và cũng là một kinh nghiệm rút ra từ thực tế xây dựng Đảng của Đảng ta.*

Phát triển Đảng và củng cố Đảng là hai mặt có quan hệ hữu cơ với nhau, tác động lẫn nhau, không thể tách rời. Làm tốt công tác phát triển Đảng có ý nghĩa thiết thực góp phần củng cố Đảng. Phát triển Đảng đúng phương hướng, đúng tiêu chuẩn, qua đó mà nâng cao chất lượng đảng viên, từng bước cải thiện cơ cấu thành phần của đội ngũ đảng viên, tăng thêm số đảng viên xuất thân từ thành phần công nhân, đảng viên trẻ, đảng viên có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, bổ sung vào hàng ngũ Đảng những sinh lực mới, những lực lượng ưu tú xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng; đó là những việc làm rất cần thiết để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, làm tốt công tác phát triển Đảng là đặt cơ sở thuận lợi cho việc củng cố Đảng về nhiều mặt.

Cũng như phát triển Đảng, củng cố Đảng là một yêu cầu thường xuyên của công tác xây dựng Đảng. Có chăm lo củng cố Đảng mới làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, bảo đảm cho Đảng có đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ. Củng cố Đảng còn là một điều kiện không thể thiếu để làm tốt công tác phát triển Đảng. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở có vững mạnh, trong sạch, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, phân công người có năng lực và phẩm chất tốt làm công tác tuyên truyền, kết nạp người vào Đảng thì công tác phát triển Đảng mới có thể tiến hành được tốt. Ngược lại, nếu tổ chức Đảng yếu kém, nội bộ thiếu đoàn kết, thì sẽ không thể làm tốt việc kết nạp người vào Đảng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng (khóa III) đã chỉ rõ: « Ở những nơi cơ sở Đảng yếu, kém, nội bộ mất đoàn kết, không có phong trào quần

Digitized by Google

đảng viên, những năm qua Đảng ta đã đưa ra khỏi Đảng hàng vạn người không đủ tư cách đảng viên, góp phần làm cho Đảng thêm trong sạch, vững mạnh.

Những kết quả to lớn trong công tác phát triển Đảng đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ta.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, những thành tựu đã đạt được, công tác phát triển Đảng cũng có những thiếu sót, khuyết điểm. Những khuyết điểm trong công tác phát triển Đảng biểu hiện chủ yếu ở hai khuynh hướng: khi thì chạy theo số lượng, coi nhẹ và hạ thấp chất lượng đảng viên, kết nạp vào Đảng cả những người không đủ tiêu chuẩn; ngược lại, khi thì hẹp hòi, rụt rè, sợ trách nhiệm, không quan tâm phát triển Đảng.

Sau Cách mạng tháng Tám và những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, chủ trương đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, mau chóng mở rộng đội ngũ đảng viên nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đáp ứng kịp thời những yêu cầu to lớn của nhiệm vụ cách mạng lúc ấy là một chủ trương đúng. Nhưng nhiều nơi đã «thi đua» phát triển Đảng một cách ào ạt, chỉ cốt tăng số lượng đảng viên cho nhanh, đơn thuần chạy theo số lượng và không chú trọng đến công tác củng cố Đảng. Trong những năm chiến đấu quyết liệt chống Mỹ, cứu nước, việc mở rộng đội ngũ đảng viên cũng rất cần thiết, nhằm thu hút vào Đảng những phần tử ưu tú nảy nở trong phong trào cách mạng của quần chúng, thiết thực tăng cường lực lượng nòng cốt cho những nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất. Nhưng nhiều nơi lại chạy theo số lượng, kết nạp cả những người giác ngộ chính trị thấp, hoặc chỉ có những biểu hiện hăng hái, tích cực nhất thời. Những khuyết điểm ấy đã được Đảng ta phê phán.

Cùng với việc đấu tranh chống khuynh hướng chạy theo số lượng, Đảng ta cũng có những kinh nghiệm về đấu tranh chống khuynh hướng hẹp hòi, rụt rè, thành kiến trong công tác phát triển Đảng. Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, trong công tác phát triển Đảng đã có khuynh hướng hẹp hòi: «việc đóng cửa Đảng tiến hành nhất loạt và kéo quá dài, trong lúc cuộc kháng chiến đang quyết liệt, quần chúng được thử thách, rèn luyện một cách rộng rãi và sâu sắc» (2).

Những năm gần đây, nhiều nơi vẫn còn mắc những khuyết điểm nói trên, khi thì chạy theo số lượng, coi nhẹ và hạ thấp chất lượng

---

(2) *Văn kiện Đại hội*, Ban chấp hành trung ương Đảng lao động Việt-nam xuất bản, 1960, tập II, trang 20.

Digitized by Google

đảng viên, khi thì hẹp hòi, rụt rè trong công tác phát triển Đảng; kết nạp vì cảm tình gia đình, cảm tình cá nhân, cốt kéo bè kéo cánh hoặc kết nạp người vào Đảng một cách thiếu thận trọng, không phân biệt rõ những người cơ hội với những người trung thực.

Từ những bài học kinh nghiệm của Đảng ta và từ thực tế xây dựng Đảng của Đảng ta hiện nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ phương châm phát triển Đảng như sau: «Trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng; phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng. Một mặt, kết nạp những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn; mặt khác, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất. Phải cảnh giác đề phòng những phần tử cơ hội và những phần tử gián điệp, phản động chui vào Đảng» (3).

★

*Vì sao Đảng ta nhấn mạnh «**trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng**»? Đó là vì xuất phát từ tính chất của Đảng, từ vai trò và sứ mệnh lịch sử của Đảng. Đảng ta là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt-nam. Mục đích cuối cùng của Đảng ta là thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta, và góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên thế giới. Để thực hiện mục đích ấy, từ trước tới nay Đảng ta vẫn chủ trương chỉ kết nạp vào Đảng những phần tử ưu tú nhất, giác ngộ nhất trong giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác có đủ tiêu chuẩn đảng viên. Hiện nay, Đảng ta đang đứng trước nhiệm vụ lịch sử mới hết sức nặng nề là lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Để thực hiện nhiệm vụ nặng nề ấy, Đảng ta càng phải mạnh hơn nữa.*

Sức mạnh của Đảng thể hiện ở chỗ Đảng có đường lối lãnh đạo đúng, có ý chí chiến đấu cao, có năng lực tổ chức thực hiện giỏi. Đảng mạnh còn do các cơ quan lãnh đạo các cấp, các ngành mạnh, do các tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên mạnh. Đội ngũ đảng viên có phẩm chất và năng lực là một trong những nhân tố quyết định sự vững mạnh của Đảng. Vì vậy trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, không được chạy theo số lượng.

Nhấn mạnh việc coi trọng chất lượng trong công tác phát triển Đảng không có nghĩa là coi nhẹ số lượng đảng viên, coi nhẹ việc kết nạp người

---

(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 85 — 86.

Digitized by Google

vào Đảng. Vừa qua, một số đảng bộ hiểu không đầy đủ vấn đề này đã có khuynh hướng chừng lại, không kết nạp người vào Đảng. Cần nhận rõ, số lượng và chất lượng đảng viên là những yếu tố tạo nên sức mạnh hoàn chỉnh của Đảng. Phải có một số lượng đảng viên nhất định thì mới xây dựng được các tổ chức Đảng ở cơ sở, ở các cấp, các ngành, tạo nên sức mạnh chiến đấu của Đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, cần thường xuyên làm tốt công tác phát triển Đảng.

Đồng thời, cần nhận rõ Đảng mạnh không phải chỉ ở số lượng đảng viên, mà trước hết do chất lượng đảng viên quyết định. Mỗi đảng viên là một tế bào của Đảng; từng tế bào có mạnh thì Đảng mới mạnh. Hồ Chủ tịch đã nói: « Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt » (4). Số lượng đảng viên chỉ thật sự có ý nghĩa, có tác dụng khi nó được bảo đảm về chất lượng. Số lượng đảng viên đông mà không bảo đảm những yêu cầu về chất lượng thì càng đông càng yếu, tổ chức Đảng trở nên phức tạp, lỏng lẻo, vai trò lãnh đạo của Đảng chẳng những không được tăng cường mà có thể bị yếu đi.

Coi trọng chất lượng trong công tác phát triển Đảng có nghĩa là trước hết phải bảo đảm chỉ kết nạp vào Đảng những người xứng đáng, đủ tiêu chuẩn. Đó là những người « trải qua rèn luyện trong đấu tranh cách mạng đã chứng tỏ là người ưu tú nhất trong quần chúng, có giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, gương mẫu trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập, có liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm » (5). Người được kết nạp vào Đảng còn phải là người có động cơ vào Đảng đúng đắn, có lịch sử rõ ràng, không phạm các tiêu chuẩn chính trị không cho phép kết nạp vào Đảng.

Cần khắc phục những quan niệm đơn giản, phiến diện về chất lượng người được kết nạp vào Đảng như chỉ căn cứ vào những biểu hiện hăng hái, tích cực nhất thời của họ, không xem xét kỹ những mặt khác, nhất là sự hiểu biết của họ về Đảng, sự giác ngộ của họ về chủ nghĩa cộng sản. Khuyết điểm về kết nạp vào Đảng những người không đủ tiêu chuẩn chủ yếu là xuất phát từ những quan niệm đơn giản, phiến diện ấy.

Sự giác ngộ về Đảng, về chủ nghĩa cộng sản, đối với quần chúng dù là những người ưu tú, tích cực nhất, không phải tự nhiên mà có được. Muốn đạt yêu cầu ấy, các tổ chức Đảng cần phân công những

---

(4) **Hồ-Chí-Minh**: *Về xây dựng Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 149.

(5) *Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam.*

Digitized by Google

đảng viên có trình độ, có năng lực và uy tín, thường xuyên gần gũi, tuyên truyền, bồi dưỡng họ, từng bước nâng cao nhận thức của họ, đồng thời qua việc thực hiện nhiệm vụ cụ thể của họ mà chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm và nhược điểm của họ, giúp đỡ họ tiến bộ, trở thành những người có đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào Đảng. Nói chung, không nên phân công đảng viên giới thiệu những người là vợ, chồng, con, anh chị em vào Đảng.

Cũng cần khắc phục khuynh hướng vì cần có đảng viên để phân công, để thành lập tổ chức mà « châm chước » tiêu chuẩn, kết nạp vội vàng, gượng ép, không bảo đảm yêu cầu về chất lượng. Đặc biệt cần đấu tranh để ngăn chặn và có thái độ nghiêm khắc đối với những đảng viên vì nể nang, cảm tình hoặc vì những động cơ cá nhân khác mà báo cáo dối trá với tổ chức để đưa vào Đảng những người không xứng đáng.

« Phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng ». *Đây là một yêu cầu khách quan của công tác xây dựng Đảng và cũng là một kinh nghiệm rút ra từ thực tế xây dựng Đảng của Đảng ta.*

Phát triển Đảng và củng cố Đảng là hai mặt có quan hệ hữu cơ với nhau, tác động lẫn nhau, không thể tách rời. Làm tốt công tác phát triển Đảng có ý nghĩa thiết thực góp phần củng cố Đảng. Phát triển Đảng đúng phương hướng, đúng tiêu chuẩn, qua đó mà nâng cao chất lượng đảng viên, từng bước cải thiện cơ cấu thành phần của đội ngũ đảng viên, tăng thêm số đảng viên xuất thân từ thành phần công nhân, đảng viên trẻ, đảng viên có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, bổ sung vào hàng ngũ Đảng những sinh lực mới, những lực lượng ưu tú xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng; đó là những việc làm rất cần thiết để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, làm tốt công tác phát triển Đảng là đặt cơ sở thuận lợi cho việc củng cố Đảng về nhiều mặt.

Cũng như phát triển Đảng, củng cố Đảng là một yêu cầu thường xuyên của công tác xây dựng Đảng. Có chăm lo củng cố Đảng mới làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, bảo đảm cho Đảng có đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ. Củng cố Đảng còn là một điều kiện không thể thiếu để làm tốt công tác phát triển Đảng. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở có vững mạnh, trong sạch, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, phân công người có năng lực và phẩm chất tốt làm công tác tuyên truyền, kết nạp người vào Đảng thì công tác phát triển Đảng mới có thể tiến hành được tốt. Ngược lại, nếu tổ chức Đảng yếu kém, nội bộ thiếu đoàn kết, thì sẽ không thể làm tốt việc kết nạp người vào Đảng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng (khóa III) đã chỉ rõ : « Ở những nơi cơ sở Đảng yếu, kém, nội bộ mất đoàn kết, không có phong trào quần

Digitized by Google

chúng thì phải chấn chỉnh tổ chức cơ sở Đảng rồi mới kết nạp đảng viên mới».

Phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng có nghĩa là cùng với việc phát triển Đảng, phải không ngừng chăm lo kiện toàn tổ chức, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng đảng viên. Phát triển Đảng đến đâu phải kịp thời củng cố đến đấy. Phải giáo dục, bồi dưỡng đảng viên về lập trường giai cấp, về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, quan điểm của Đảng, về đạo đức cách mạng để đảng viên có thể làm tròn nhiệm vụ được giao phó. Không chăm lo giáo dục, bồi dưỡng đảng viên, củng cố tổ chức Đảng thì dù đội ngũ đảng viên có được mở rộng với những người đủ tiêu chuẩn, vẫn chưa thể bảo đảm được sự vững mạnh của Đảng. Chất lượng người đảng viên không chỉ được quyết định ở khâu lựa chọn, kết nạp mà còn ở quá trình giáo dục, rèn luyện sau khi họ được kết nạp. Kinh nghiệm cho thấy, có những người khi được kết nạp vào Đảng là đúng tiêu chuẩn, đúng thủ tục, nhưng sau khi họ vào Đảng, do không được giáo dục, bồi dưỡng mà không phát huy được tác dụng hoặc trở thành hư hỏng. Vả lại, từ những người đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng trở thành những đảng viên tốt còn phải có một quá trình phấn đấu vươn lên của bản thân người đảng viên mới và đó cũng là quá trình mà tổ chức Đảng có trách nhiệm giáo dục, rèn luyện họ. Một mặt quan trọng của công tác củng cố Đảng là bồi dưỡng đảng viên về kiến thức khoa học, nghiệp vụ, kiến thức quản lý, nhằm nâng cao năng lực công tác của đảng viên. Một khuyết điểm của nhiều cấp ủy, nhiều tổ chức Đảng trong những năm qua là không nắm vững mối quan hệ giữa phát triển Đảng với củng cố Đảng, khi thì coi nhẹ công tác phát triển Đảng với lý do tập trung giáo dục, củng cố trước rồi mới kết nạp, khi thì chỉ chú trọng một mặt phát triển Đảng, sau khi kết nạp người vào Đảng không tiếp tục theo dõi, giáo dục, giúp đỡ người mới được kết nạp. Chúng ta cần chú ý khắc phục những khuyết điểm ấy.

Để làm cho Đảng vững mạnh và trong sạch, cùng với việc kết nạp những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn, **phải kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, những người không đủ tư cách đảng viên.** *Đó cũng là một nhiệm vụ quan trọng nhằm củng cố Đảng.*

Hiện nay, ở nhiều nơi số đảng viên «trung bình» và yếu, kém còn chiếm tỷ lệ không ít. Các tổ chức Đảng cần thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ công tác trước mắt mà kiểm tra tư cách đảng viên, có kế hoạch và biện pháp giáo dục, giúp đỡ những đảng viên yếu, kém phấn đấu trở thành đảng viên tốt. Nếu tổ chức Đảng đã hết lòng giúp đỡ mà những người ấy không tiến bộ rõ, thì khuyên họ tự giác xin ra Đảng, hoặc chi bộ quyết định xóa tên họ trong danh sách đảng viên. Đối với những trường hợp thoái hóa, biến chất, cần phối hợp sự kiểm tra của

Digitized by Google

Đảng với sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước và của các tổ chức quần chúng để kết luận một cách chính xác. Sau khi xem xét một cách toàn diện, nếu thấy những người đó thật sự không còn phẩm chất đảng viên thì kiên quyết đưa ra khỏi Đảng. Cần đấu tranh mạnh mẽ chống những biểu hiện hữu khuynh không chịu đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Ngày nay, Đảng ta đang lãnh đạo chính quyền trong cả nước, nhiều đảng viên thường được giao những trách nhiệm trọng yếu trong các tổ chức Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng. Trong điều kiện ấy, thường có những phần tử cơ hội tìm cách chui vào Đảng để xoay xở, trục lợi, phục vụ cho những mưu đồ cá nhân của họ. Vì vậy, các tổ chức Đảng cần cảnh giác đề phòng. Các đảng bộ, nhất là những đảng bộ ở miền Nam, còn phải cảnh giác đề phòng những phần tử gián điệp, phản động tìm cách chui vào Đảng để phá hoại ngay từ trong nội bộ Đảng. Các cấp ủy Đảng cần kiểm tra kỹ lưỡng nội bộ Đảng, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, những phần tử xấu mà tổ chức cơ sở Đảng đã kết nạp nhầm vào Đảng. Biện pháp quan trọng nhất để làm tốt những việc nói trên là phải kết hợp chặt chẽ việc điều tra, nghiên cứu đầy đủ của tổ chức Đảng với việc phát động quần chúng tích cực tham gia xây dựng Đảng bằng cách nhận xét, phê bình những người được giới thiệu để kết nạp vào Đảng.

★

Để làm tốt công tác phát triển Đảng, cùng với việc nắm vững phương châm nói trên, còn phải nắm vững phương hướng phát triển Đảng và chấp hành nghiêm chỉnh các thủ tục quy định trong Điều lệ Đảng.

Về **phương hướng phát triển Đảng**, *Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV đã chỉ rõ: «Trước hết phải nhằm vào những người ưu tú trong giai cấp công nhân, nhất là công nhân công nghiệp. Đồng thời, lựa chọn những người ưu tú trong nông dân lao động, trong các lực lượng vũ trang nhân dân và những người trí thức ưu tú đã được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn cách mạng»* (6).

Cần thấy hết ý nghĩa quan trọng của việc tăng cường phát triển Đảng vào giai cấp công nhân. Đảng ta là đảng cách mạng của giai cấp công nhân. Tăng cường thành phần giai cấp công nhân trong Đảng là một yếu tố quan trọng về mặt tổ chức để bảo đảm tính chất giai cấp của Đảng, «là phương hướng giai cấp chính trong thời kỳ quá độ tiến

(6) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 88.

Digitized by Google

lên chủ nghĩa xã hội» (7) của công tác phát triển Đảng. Hiện nay, số đảng viên thuộc thành phần công nhân mới chiếm tỷ lệ 9,64% tổng số đảng viên của Đảng. Nước nhà lại đang trên quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đang thu hút ngày càng nhiều công nhân vào mặt trận xây dựng và phát triển kinh tế. Đội ngũ công nhân nước ta đang phát triển nhanh, mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tăng cường phát triển Đảng vào thành phần công nhân là một yêu cầu khách quan nhằm kịp thời bổ sung vào Đảng những người ưu tú nhất của giai cấp công nhân, từng bước nâng cao tỷ lệ đảng viên xuất thân từ công nhân, tăng cường tính chất giai cấp công nhân của Đảng.

Phát triển Đảng trong giai cấp công nhân cũng phải bảo đảm yêu cầu về chất lượng. Khi xem xét sự giác ngộ của người công nhân, cần đặc biệt chú trọng tiêu chuẩn hy sinh, tận tụy, có ý thức vì lợi ích chung trong việc nâng cao năng suất lao động, cải tiến kỹ thuật, tham gia xây dựng nền nếp quản lý xí nghiệp, đấu tranh để bảo vệ của công, xây dựng cho tập thể đơn vị, chứ không phải tích cực lao động, làm việc chỉ vì đồng lương, vì khen thưởng. Coi trọng việc phát triển Đảng trong giai cấp công nhân trước hết cần phải coi trọng việc giáo dục, bồi dưỡng những người tích cực, ưu tú trong giai cấp công nhân, giúp cho họ đạt được tiêu chuẩn đảng viên để kết nạp vào Đảng.

Nhấn mạnh việc tăng cường phát triển Đảng trong giai cấp công nhân không có nghĩa là coi nhẹ việc phát triển Đảng vào các tầng lớp lao động khác.

Việc kết nạp vào Đảng những người trong nông dân lao động ở miền Bắc cần nhằm vào những phần tử ưu tú nhất trong nông dân tập thể, có ý thức làm chủ hợp tác xã, hăng hái chấp hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần tích cực vào việc tiến hành ba cuộc cách mạng, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông thôn mới. Ở nông thôn miền Nam, việc kết nạp đảng viên cần nhằm trước hết vào những cố nông, bần nông và trung nông lớp dưới, chẳng những hăng hái tăng gia sản xuất, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước và chấp hành đầy đủ các chính sách khác, mà còn phải thật sự tán thành hợp tác hóa nông nghiệp. Ở những nơi đang xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hoặc tập đoàn sản xuất, tổ chức Đảng không được kết nạp những nông dân làm ăn riêng lẻ vào Đảng.

Việc phát triển Đảng trong các lực lượng vũ trang nhân dân cần nhằm vào những người có ý thức xây dựng lực lượng vũ trang hùng

(7) *Báo cáo Tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 153.

Digitized by Google

mạnh, có tinh thần hy sinh, dũng cảm trong chiến đấu chống kẻ thù, có giác ngộ về đường lối, quan điểm của Đảng, có lập trường kiên định, hăng hái tham gia sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Việc phát triển Đảng ở các cơ quan của Đảng và Nhà nước cần nhằm vào những người đã được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn, có giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, có phẩm chất tốt và có kiến thức chuyên môn, hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác được giao.

Các đảng bộ ở miền Nam cần chú ý lựa chọn, bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng những người trước đây đã là nòng cốt trong phong trào đấu tranh chống Mỹ, ngụy mà hiện nay đang phát huy tác dụng trong xây dựng hòa bình, những người đã được giáo dục, rèn luyện trong công tác thực tế, trong sản xuất, chiến đấu ở khu căn cứ hoặc ở miền Bắc về.

Cùng với việc nắm vững phương hướng nói trên, các đảng bộ cần coi trọng việc phát triển Đảng vào những người trẻ tuổi để từng bước tăng cường lực lượng trẻ trong Đảng.

Lựa chọn đúng đối tượng, đủ tiêu chuẩn là những yêu cầu hết sức quan trọng, nhưng đồng thời phải chấp hành đúng các thủ tục kết nạp người vào Đảng đã được quy định cụ thể trong Điều lệ Đảng. *Thủ tục kết nạp người vào Đảng là những yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm chất lượng công tác phát triển Đảng, bảo đảm chất lượng đảng viên. Cần phê phán nghiêm khắc và có thái độ xử lý thích đáng những đảng viên và tổ chức Đảng làm công tác kết nạp người vào Đảng một cách tùy tiện, không chấp hành nghiêm túc các thủ tục đã quy định trong* Điều lệ Đảng.

Để có thể tiến hành công tác phát triển Đảng một cách chủ động, đúng phương châm, phương hướng, còn phải có những **biện pháp tích cực và cụ thể.** *Các cấp ủy cần tổ chức điều tra, nắm vững số chi bộ, đảng bộ khá có điều kiện phát triển Đảng, những cơ sở yếu, kém chưa thể làm công tác phát triển Đảng, tình hình phân bố lực lượng đảng viên ở các đơn vị, cơ sở, những nơi chưa có đảng viên. Trên cơ sở đó mà suy tính những nơi nào có thể làm công tác kết nạp người vào Đảng một cách thường xuyên, những nơi nào phải tiến hành củng cố nội bộ trước khi làm công tác kết nạp người vào Đảng cũng như những đối tượng cần kết nạp vào Đảng để cải thiện cơ cấu thành phần đội ngũ đảng viên. Các tổ chức cơ sở Đảng dựa vào phương hướng nói trên và trên cơ sở theo dõi thường xuyên phong trào cách mạng của quần chúng mà lựa chọn những người ưu tú, tích cực nhất để giáo dục, bồi dưỡng, giúp họ phấn đấu để đủ điều kiện trở thành đảng viên.*

Digitized by Google

Đối với vùng mới giải phóng ở miền Nam, các cấp ủy Đảng cần đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, tạo điều kiện để phát triển Đảng một cách thận trọng ở khắp mọi nơi, mọi ngành. Ở những nơi chưa có đảng viên hoặc mới có một, hai đảng viên, nhất là ở những cơ sở kinh tế, văn hóa quan trọng, các vùng dân tộc ít người, vùng tín đồ tôn giáo tập trung, các cấp ủy Đảng cần có kế hoạch điều chỉnh lực lượng đảng viên và cử cán bộ tốt về phát động các phong trào quần chúng, xây dựng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, **đặc biệt là Đoàn thanh niên;** *dựa trên* **phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa** *mà phát triển mạnh* **các nhóm cảm tình Đảng, các tổ trung kiên;** *trên cơ sở đó phát hiện, bồi dưỡng những người ưu tú nhất có đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào Đảng. Tất nhiên, không được vì để xây dựng tổ chức, «thanh toán cơ sở trắng» mà hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên, kết nạp người không đủ tiêu chuẩn vào Đảng; đặc biệt cần cảnh giác để phòng những phần tử địch tìm cách chui vào Đảng.*

Để làm tốt công tác phát triển Đảng, còn phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban tổ chức, tuyên huấn và kiểm tra của cấp ủy, giữa tổ chức Đảng với các đoàn thể quần chúng. Tùy theo chức năng của mình, mỗi ban của Đảng và mỗi đoàn thể quần chúng cần tích cực tham gia vào công tác phát triển Đảng, từ nội dung tuyên truyền, giáo dục đến kế hoạch, biện pháp giáo dục, kiểm tra. Các cấp ủy Đảng cần chú trọng xây dựng đội ngũ biết làm công tác phát triển Đảng ở cơ sở và giúp đỡ các tổ chức cơ sở Đảng giải quyết những khó khăn, vướng mắc cụ thể. Cần thường xuyên kiểm tra công tác phát triển Đảng để kịp thời phát hiện, uốn nắn những sai sót; đồng thời đấu tranh khắc phục khuynh hướng hẹp hòi, bảo thủ, ngại khó, sợ trách nhiệm, không muốn kết nạp người vào Đảng. Từng thời gian nhất định, cần sơ kết, rút kinh nghiệm, đưa công tác phát triển Đảng vào nền nếp.

Để làm tốt công tác phát triển Đảng, các cấp ủy Đảng, nhất là các tổ chức cơ sở Đảng cần coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục quần chúng để quần chúng hiểu được những yêu cầu cần thiết của việc phát triển Đảng, phát huy tinh thần trách nhiệm của quần chúng trong việc giúp Đảng lựa chọn người để kết nạp vào Đảng và kiểm tra tư cách đảng viên. Đó cũng là một yêu cầu, một biện pháp quan trọng để quần chúng góp phần tích cực vào công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng ngày càng vững mạnh và trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Digitized by Google

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT - NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số: 32 — CT/TƯ

Hà-nội, ngày 07-1-1978

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ NHIỆM VỤ CỦA TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Tạp chí Cộng sản là cơ quan lý luận và chính trị của Đảng. Nhiệm vụ của *Tạp chí Cộng sản* là đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận Mác — Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt-nam để tuyên truyền đường lối, chính sách và các quan điểm của Đảng một cách sâu sắc. *Tạp chí Cộng sản* phải vận dụng lý luận Mác — Lê-nin phân tích những chủ trương, chính sách của Đảng, nâng cao nhận thức của cán bộ và đảng viên về tư tưởng chính sách và quan điểm của Đảng, phê phán những khuyết điểm, sai lầm trong khi thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Trong khi tuyên truyền, giáo dục sâu sắc chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, *Tạp chí Cộng sản* đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng và quan điểm phản động của các giai cấp bóc lột. Tạp chí phải giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng thực dân mới. Tạp chí phải đi hàng đầu trong việc bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, bảo vệ đường lối cách mạng và các quan điểm của Đảng, đồng thời làm nổi bật việc Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt-nam để lãnh đạo cách mạng Việt-nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản đóng vai trò quan trọng trong công tác tư tưởng và lý luận của Đảng. Trong giai đoạn mới, Tạp chí phải góp phần bảo đảm thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, tích cực góp phần xây dựng lý luận cách mạng Việt-nam, tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng và trong nhân dân trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đường lối đúng đắn của Đảng.

Trước mắt, *Tạp chí Cộng sản* phải căn cứ vào chức năng của mình mà tuyên truyền sâu sắc Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các Nghị quyết quan trọng của Ban chấp hành trung ương Đảng, của Quốc hội và Hội đồng Chính phủ. Cụ thể, Tạp chí phải tiến hành công tác biên tập theo phương hướng sau đây:

1 – Kết hợp lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt-nam để giải thích đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta.

2 – Căn cứ vào chủ nghĩa Mác – Lê-nin và Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng mà trình bày có hệ thống và hướng dẫn những công tác lớn của Đảng như: xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, vận động quần chúng, kinh tế tài chính, văn hóa giáo dục, khoa học – kỹ thuật, văn học nghệ thuật, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự, an ninh, v.v...

3 – Nêu bật một cách sâu sắc và có tính tổng kết những kinh nghiệm tốt, những sáng kiến mới, phê phán những khuynh hướng và biểu hiện tư tưởng sai lầm trong phong trào quần chúng nhân dân đang phấn đấu để thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước.

4 – Góp phần tổng kết những kinh nghiệm của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, và của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở Việt-nam, đi đến những kết luận có tính chất lý luận.

5 – Tuyên truyền các chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, quan điểm của Đảng về các vấn đề quốc tế quan trọng. Giới thiệu có chọn lọc những kinh nghiệm chủ yếu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, và của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Thông qua bình luận thời sự mà phê phán chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, bóc trần những âm mưu đen tối của bọn đế quốc và tay sai.

Digitized by Google

6 — Dùng những hình thức trình bày trực diện vấn đề mà bảo vệ sự trọng sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin...

Nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi *Tạp chí Cộng sản* phải nâng cao chất lượng, nâng cao tính chiến đấu, tính thiết thực, đồng thời phải bảo đảm nâng cao tính tư tưởng và tính lý luận của công tác tuyên truyền.

Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản* là một ban của Trung ương Đảng đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ chính trị. Cán bộ lãnh đạo của Đảng ở các cấp, các ngành có nhiệm vụ viết bài cho *Tạp chí Cộng sản*. Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản* phải phối hợp với Ban nghiên cứu lý luận trung ương và tổ chức cộng tác viên để nghiên cứu các vấn đề lý luận và viết thành bài đăng trên Tạp chí.

Tạp chí Cộng sản cần được phát hành đến tận các chi bộ của Đảng. Cán bộ và đảng viên của Đảng có nhiệm vụ đọc và vận động nhiều người đọc *Tạp chí Cộng sản*, phổ biến rộng rãi đường lối cách mạng và những quan điểm của Đảng được thể hiện trên *Tạp chí*.

Các cấp ủy Đảng cần hướng dẫn việc đọc *Tạp chí Cộng sản*, thông qua đó mà đẩy mạnh phong trào học tập lý luận và chính trị trong Đảng và trong nhân dân.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Đã ký: *Trường-Chinh*

Digitized by Google

VỀ ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

HOÀNG - TÙNG

THẾ giới đang bàn về cuộc khủng hoảng lương thực trên toàn cầu do số dân tăng quá nhanh mà nhịp độ phát triển nông nghiệp thì chậm.

Ở nước ta, vấn đề phát triển nông nghiệp được đặt ra như thế nào trong toàn bộ đường lối phát triển kinh tế quốc dân? Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng đã trình bày cương lĩnh xây dựng nông thôn và phát triển nông nghiệp của nước ta trong thời kỳ quá độ; nêu rõ mục tiêu phấn đấu và những vấn đề cần giải quyết nhằm phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai và những kế hoạch tiếp sau.

Nền nông nghiệp của nước ta đến nay về căn bản vẫn là nông nghiệp độc canh lúa. Muốn phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn, chúng ta phải có một *quan điểm* đúng đắn về vấn đề nông nghiệp và nông thôn trong toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa; phải có *đường lối* xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp, giải quyết vấn đề lương thực, phải có cả một loạt *kế hoạch* với những *biện pháp* cụ thể khai thác một cách tốt nhất đất đai, rừng, biển của chúng ta. Và phải làm cho sự nhất trí về những quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách đó trở thành hành động cách mạng có tổ chức của toàn Đảng, toàn dân.

I — TÌNH HÌNH NÔNG THÔN VÀ NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA

Một số người cho rằng nông thôn miền Bắc đi lên con đường xã hội chủ nghĩa đã 20 năm rồi mà vẫn còn thiếu thốn. Vậy thì chủ nghĩa xã hội đã làm được những gì cho nông thôn miền

Digitized by Google

Bắc? Đây không phải chỉ để nói chuyện quá khứ mà là có liên quan đến việc phân tích, giải quyết những vấn đề của hiện tại và tương lai.

Từ khi Pháp đặt ách thực dân trên đất nước ta đến trước Cách mạng tháng Tám, dân số miền Bắc kể từ Vĩnh-linh trở ra có khoảng 11 — 12 triệu người, sản xuất nông nghiệp trì trệ, ruộng đất chỉ cấy trồng một vụ và năng suất rất thấp (1,5T/ha), tổng sản lượng năm cao nhất cũng chỉ 3 triệu tấn thóc và một đàn lợn khoảng 3 triệu con. Thiên tai, ách áp bức bóc lột của giai cấp phong kiến cộng với ách áp bức bóc lột của thực dân Pháp làm cho nhân dân lao động càng thêm cùng cực. Nhiều vùng chỉ có khoảng từ 20% đến 30% số hộ được ăn no. Chết đói là tai họa thường xuyên của đồng bằng Bắc-bộ và Nghệ-tĩnh. Nạn đói trong các dân tộc thiểu số ở Tây-bắc và Việt-bắc càng kinh khủng hơn, làm cho dân số giảm đi nhanh chóng, và nhiều dân tộc có nguy cơ bị diệt vong. Chính bọn chuyên gia thực dân đã kết luận rằng « Đồng bằng Bắc-kỳ này bị thiên nhiên kết tội đói ».

Cách mạng nổ ra rồi kháng chiến kéo dài, đồng bằng sông Hồng tạm bị chiếm, ruộng đất bị bỏ hoang, trâu bò bị giết hại, nhà cửa bị tàn phá, người bị hy sinh, công cụ lao động thiếu thốn và lạc hậu, v.v... Tai họa của chủ nghĩa phong kiến, của chủ nghĩa thực dân, của mấy mươi năm chiến tranh nếu kể cả chiến tranh thế giới lần thứ hai, cũng trực tiếp ảnh hưởng đến xã hội, kinh tế và nông thôn miền Bắc. Chính trong hoàn cảnh ấy mà sau cải cách ruộng đất, nông thôn miền Bắc đi vào hợp tác hóa, với 2 triệu héc-ta đất canh tác để lúc bấy giờ nuôi 15,9 triệu người và nay 25 triệu người. Hợp tác hóa trong điều kiện như vậy nhất định có khó khăn. Nhưng chúng ta có Đảng lãnh đạo, có nông dân yêu nước, có chính quyền vững mạnh. Năm 1960, chúng ta đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp. Đồng thời, đó cũng là lúc chiến tranh bắt đầu ở miền Nam và ngày càng mở rộng ra trong cả nước.

Ở nước ta, lực lượng kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa xã hội chưa phải ở thành thị mà trước hết là ở nông thôn, bởi vì nhà máy và hầm mỏ chưa có bao nhiêu. Cho nên, nếu không có nông thôn hợp tác hóa thì làm sao chúng ta có thể huy động được hàng triệu thanh niên đi chiến đấu? Làm sao có thể bám làng bám ruộng đến cùng để giữ vững sản xuất ngày đêm dưới bom đạn địch? Làm sao có thể bảo đảm cuộc sống cho những gia đình có người đi chiến đấu? Trong chiến tranh, không những chúng ta giữ vững mà còn nâng cao hơn năng suất lúa bình quân trên toàn miền Bắc, đạt 5T/ha. Từ năm 1965 đến 1975, sản lượng lúa của miền Bắc năm thấp nhất là 4,2 triệu tấn, năm cao nhất là 4,9 triệu tấn.

Digitized by Google

Năm 1976 là 5,5 triệu tấn. Như vậy là chủ nghĩa xã hội đã đem lại hơn trước 2 triệu tấn thóc cho 2 triệu héc-ta đất canh tác, từ chỗ bình quân mỗi vụ 1,5T/ha lên 2,2T/ha. Đó là thành tựu đặc biệt của hợp tác hóa nông nghiệp và của tinh thần cách mạng hăng hái tiến công của nông dân ta.

Nếu không có chiến tranh kéo dài thì tình hình sản xuất nông nghiệp hơn hai mươi năm qua có thể khá hơn nhiều. Chúng ta cũng đã đạt được những thành tựu nhất định về sản xuất nông nghiệp, kể cả lúa, hoa màu và chăn nuôi. Ngay trong những năm có chiến tranh, chúng ta vẫn có những điển hình về năng suất cao (từ 5T/ha đến 7T/ha) ở nhiều hợp tác xã như Bình-minh, Tân-phong, Vũ-thắng, Quảng-nạp, v.v...

Nông nghiệp nước ta ngày nay đã phát triển về nhiều mặt. Nông thôn ta đã có nhiều đổi mới. Sự phát triển ấy, sự đổi mới ấy, sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nông thôn xã hội chủ nghĩa đã tạo nên cuộc sống anh hùng của nhân dân ta và đã góp phần quan trọng đem lại những thắng lợi vĩ đại cho dân tộc ta.

Thành tích là to lớn, nhưng « nhìn chung, nền nông nghiệp nước ta chưa bảo đảm được nhu cầu về lương thực, thực phẩm của nhân dân, thức ăn cho chăn nuôi, nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản xuất khẩu, chưa thật sự trở thành cơ sở để phát triển công nghiệp » (1). Đó là do chúng ta đã kéo dài quá lâu tình trạng hợp tác giản đơn, khép kín trong từng hợp tác xã, thậm chí trong từng đội sản xuất. Tình trạng hợp tác giản đơn kéo dài không thể tạo ra năng suất cao, không thực hiện được phân công lao động mới chuẩn bị tiến lên giai đoạn sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Việc đào tạo cán bộ quản lý, kể cả chủ nhiệm hợp tác xã, kế toán trưởng và đội trưởng sản xuất cũng như việc tổng kết kinh nghiệm điển hình (tốt và xấu) trước đây còn bị coi nhẹ. Lẽ ra phải coi đó là những công tác lớn trong thời kỳ 1965 – 1975. Vì vậy, mặc dù tỉnh nào cũng có những điển hình về năng suất cao trong sản xuất nông nghiệp, về quản lý khá, về phát triển ngành nghề tốt, nhưng vẫn không mở rộng ra được. Khoảng cách giữa cái tiên tiến và cái lạc hậu khá xa và kéo dài.

Tình hình nông thôn và nông nghiệp miền Nam từ Bình-trị-thiên đến Thuận-hải đại thể giống miền Bắc sau cuộc kháng chiến chống Pháp. « Khúc ruột miền Trung » này đã trải qua chế độ bóc lột phong kiến và chủ nghĩa thực dân cũ, lại có thêm ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới và chiến tranh ác liệt. Ở đây, dân số đông, ruộng đất ít, điều kiện thiên nhiên rất khắc nghiệt. Bình quân ruộng đất tính theo

(1) Nghị quyết lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV), *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 9-1977, trang 11.

Digitized by Google

đầu người khoảng 1.000m². Nông dân phần lớn là tiểu nông nghèo khổ đã đi theo cách mạng suốt mấy chục năm qua. Điều kiện sản xuất hàng trăm năm chưa có gì thay đổi. Sau ngày giải phóng, Bình-trị-thiên, Quảng-nam – Đà-nẵng, Nghĩa-bình, Phú-khánh tiến lên khá vững vàng, nhưng vấn đề lương thực cũng vẫn chưa phải là đã được giải quyết.

Ở đồng bằng Nam-bộ thì khác, sản xuất nông nghiệp không gặp thiên tai như ở Bắc-bộ và Trung-bộ, nông sản hàng hóa nhiều hơn. Song chế độ bóc lột của chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa tư bản trước đây rất ác liệt. Ở đây, bình quân ruộng đất tính theo đầu người cao hơn những nơi khác, thời tiết thuận lợi, nhưng nông dân lao động vẫn đói rách, bần nông và cố nông có nơi chiếm tới 40% tổng số hộ. Đồng bằng sông Cửu-long trước đây đã qua cải cách ruộng đất, khi Mỹ – ngụy chiếm đóng, chúng lại làm « cải cách điền địa » và thực hiện chính sách « hữu sản hóa » một bộ phận nông dân, nhằm tạo ra một tầng lớp tiểu nông mới theo kiểu chủ trại nhỏ ở các nước tư bản chủ nghĩa, có từ 2 đến 3 héc-ta ruộng đất tính theo đầu người, có máy kéo, máy bơm, máy xay, v.v.. Hiện nay, nông thôn miền Nam nói chung và nông thôn Nam-bộ nói riêng mới chuẩn bị đi vào hợp tác hóa nông nghiệp.

Nhìn chung, cả nước ta sau ngày giải phóng miền Nam, các chế độ áp bức, bóc lột đã bị xóa bỏ (ở một số huyện miền Nam còn có ít nhiều trường hợp bóc lột theo lối phong kiến, tư bản chủ nghĩa), sản xuất nông nghiệp đã được khôi phục, một số huyện đã phát triển nông nghiệp ở mức độ nhất định. Nhiều nhân tố mới và điển hình tốt đã xuất hiện. Chúng ta hoàn toàn có thể dựa vào những tiềm lực, những khả năng về lao động, về đất đai của chúng ta để tiến lên bằng chính sức mạnh của mình. Trên cơ sở 5 triệu héc-ta diện tích canh tác hiện có, chúng ta có thể tiến tới xóa bỏ tình trạng độc canh lúa, phát triển nông nghiệp toàn diện và chuyên canh, mở rộng thêm mấy triệu héc-ta nữa. Đó là chưa kể những khả năng tiềm tàng to lớn về rừng và biển.

Nhưng muốn tạo ra được những thay đổi to lớn trong nông thôn và nông nghiệp, chúng ta phải giải quyết một loạt vấn đề. Một mặt, tiếp tục giải quyết vấn đề ai tốt hơn ai giữa sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa và sản xuất cá thể của trung nông, chấm dứt bóc lột tư bản chủ nghĩa đối với nông dân ở Nam-bộ. Mặt khác, phải tạo ra sự chuyển biến cách mạng từ một nền tiểu nông lên một nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đây là một cuộc cách mạng rộng lớn và khó khăn, đòi hỏi chúng ta phải thực hiện sự phân công lại trong toàn bộ nền nông nghiệp cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Digitized by Google

Vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng trong nông nghiệp và nông thôn là tạo ra cho được một sức sản xuất mới tương ứng với quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và hai mặt ấy không ngừng phát triển. Sức sản xuất mới ấy cuối cùng là một nền nông nghiệp thủy lợi hóa, cơ giới hóa, hóa học hóa. Xây dựng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới phải đi liền với nâng cao năng lực về tổ chức và quản lý, trong đó vấn đề quyết định là phải tạo ra một đội ngũ cán bộ có năng lực cả về cách mạng khoa học – kỹ thuật, tổ chức và quản lý nông nghiệp, cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Muốn tạo ra được một sức sản xuất mới trong nông nghiệp phải đồng thời đẩy mạnh ba cuộc cách mạng. Ở đây, phải xét mọi vấn đề theo quan điểm tổng hợp, quan điểm biện chứng của sự phát triển trong nông nghiệp và nông thôn. Vấn đề trung tâm là sức sản xuất mới nhưng gay gắt trước mắt, gây nên nhiều khó khăn là vấn đề lương thực, thực phẩm ; trong những năm tới, nếu không giải quyết được vấn đề lương thực, thực phẩm thì chúng ta khó có thể thực hiện được các kế hoạch lớn. Nói cách khác là phải tạo ra một sức sản xuất mới thì mới giải quyết được các vấn đề đặt ra đối với nông nghiệp và nông thôn ; nhưng có giải quyết được vấn đề lương thực, thực phẩm mới có thể tiến lên đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được.

II — NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN TRONG NỀN KINH TẾ NƯỚC TA

Đặc điểm của nông nghiệp và nông thôn trong nền kinh tế nước ta là từ nông thôn phong kiến tiểu nông tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, cùng một lúc làm nhiệm vụ của mấy giai đoạn phát triển kinh tế kế tiếp nhau trong lịch sử. Do đặc điểm ấy, một vấn đề trọng yếu là phải nhiều lần phân công lại lao động trong nông nghiệp và trong nền kinh tế quốc dân, đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng trong bất kỳ một quá trình phát triển nào.

Cũng chính do đặc điểm ấy, chúng ta phải thật sự tạo ra nhiều bước nhảy vọt khác nhau ở trong một thời gian tương đối ngắn, phải vừa làm cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất vừa làm cách mạng kỹ thuật lần thứ hai, nhất là cách mạng về giống. Như vậy là, về quy mô, tổ chức, bước đi đều phải thể hiện tổng hợp nhiều quá trình phát triển đã lần lượt diễn ra trong lịch sử. Cố nhiên, ngay trong cách mạng tư tưởng cũng có mặt phải nhảy vọt. Từ những nông dân tư hữu nhỏ đi thẳng lên thành những người nông dân tập thể xã hội chủ nghĩa, trong tư tưởng phải có

Digitized by Google

bước nhảy vọt, phải thay đổi hẳn về thế giới quan, nhân sinh quan, lối sống, v.v...

Vì chưa thấy hết đặc điểm ấy chúng ta dừng lại quá lâu ở giai đoạn hợp tác giản đơn, không thấy hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chưa thật sự chuẩn bị và tác động vào việc đi nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cho đến nay, vẫn có người cho rằng đẩy mạnh nền nông nghiệp của chúng ta đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, kể cả công trường thủ công là quá sớm. Nhưng nếu không vượt qua giai đoạn hợp tác giản đơn thì làm sao có được sản phẩm hàng hóa, thực hiện được phân công lại lao động trong nền kinh tế quốc dân, làm sao « bảo đảm đủ lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội và có lương thực dự trữ, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu ». (2)

Vấn đề phát triển nông nghiệp phải được đặt ra trong đường lối phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nền kinh tế độc lập, tự chủ của nước ta. Kinh tế độc lập, tự chủ là xương sống của một nước độc lập, tự chủ. Công nghiệp nặng tương đối hoàn chỉnh là xương sống của nền kinh tế độc lập, tự chủ. Trên quan điểm ấy, đường lối kinh tế của chúng ta là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở đồng thời phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý là hợp với quy mô đất nước ta, nền kinh tế nước ta ; là hợp với điều kiện vật chất, tài nguyên, lao động và cán bộ, đồng thời phù hợp với nhu cầu phát triển của kinh tế và quốc phòng. Quan hệ giữa công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, nông nghiệp cũng phải gắn liền với sự hợp lý ấy và phải phù hợp với phương hướng hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý trong phạm vi cả nước, bao gồm phân vùng kinh tế, phân vùng nông nghiệp, chuyên môn hóa nông nghiệp và công nghiệp, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, trong đó có công nghiệp do Trung ương quản lý và có công nghiệp do địa phương xây dựng. Từ đó, dần dần hình thành đơn vị cơ sở là huyện. Rõ ràng là phải ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, và công nghiệp làm cơ sở của nền kinh tế quốc dân. Nhưng trong những năm trước mắt, phải tập trung cao độ lực lượng cả nước tạo ra một bước phát triển vượt bậc của nông nghiệp. Quan hệ giữa các mặt của nền kinh tế quốc dân là quan hệ biện chứng, phong phú và phức tạp, nó luôn luôn đòi hỏi phải được giải quyết đúng đắn từng bước, nhất là giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ. Ở đây, luôn luôn có sự thống nhất giữa mất cân đối và cân đối vì công nghiệp nặng, công nghiệp

(2) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 74.

Digitized by Google

nhẹ và nông nghiệp luôn luôn tác động lẫn nhau, bộ phận này phát triển nhanh hơn một chút thì bộ phận kia trở thành lạc hậu, xóa bỏ sự lạc hậu đó lại tạo ra một bước phát triển mới. Ngay từ đầu, chúng ta phải gắn liền công nghiệp với nông nghiệp trong việc đồng thời phát triển, trong việc tổ chức lại sản xuất, trong việc phân công lại lao động và trong việc phát triển nhịp nhàng các bộ phận của nền kinh tế quốc dân. Và trong công nghiệp thì công nghiệp chế tạo cơ khí – then chốt của ngành công nghiệp nặng – phải lấy phục vụ nông nghiệp làm mục tiêu số một; công nghiệp phải trang bị cho nông nghiệp như thế nào để sản xuất được lương thực, thực phẩm đủ nuôi sống dân mình. Đó là cách thức chúng ta xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của nước ta.

III – MỘT VÀI VẤN ĐỀ CHUNG QUANH ĐƯỜNG LỐI, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) đã nêu rõ đường lối, phương hướng phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ở nước ta. Để thực hiện đường lối, phương hướng đó, điều cần thiết là chúng ta phải có một quan điểm toàn diện, tổng hợp, một tinh thần cách mạng tiến công vững chắc. Trong những năm tới, chúng ta phải « xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đồng nhất trong cả nước dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa » (3). Hai hình thức ấy từng bước phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, hình thành một cơ cấu công – nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế quốc dân hợp lý của cả nước từ trung ương đến cơ sở.

Chúng ta bắt đầu từ hợp tác giản đơn là đúng, nhưng phải nhanh chóng tạo ra những tiền đề và điều kiện cho việc chuyển từ hình thức hợp tác giản đơn lên công trường thủ công rồi đi vào sản xuất lớn cơ giới hóa. Trước mắt, chúng ta còn chưa vượt qua giai đoạn hợp tác giản đơn. Ở miền Nam sắp tới bước đi chắc sẽ nhanh hơn miền Bắc trước đây, bắt đầu bằng việc thay đổi chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất. Ở miền Bắc là vấn đề quy mô, bước đi của sản xuất xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa cả về mặt tổ chức, quản lý, phân phối. Chúng ta hình thành cơ sở nông nghiệp, công nghiệp từ huyện, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp hoặc

(3) Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương (khóa IV), *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 9-1977, trang 21 — 22.

Digitized by Google

nông, lâm, ngư nghiệp để từng bước tiến lên hình thành các vùng kinh tế trong quy hoạch chung của cả nước, từng bước cơ giới hóa nông nghiệp dựa vào công nghiệp cơ khí của ta, và dựa vào việc trao đổi kinh tế với các nước khác.

Nói đến phát triển nông nghiệp, chúng ta thường bị những vấn đề cấp bách trước mắt chi phối, cho nên có lúc thiếu sự kết hợp cần thiết. Thật ra, vấn đề lương thực không thể tự nông nghiệp giải quyết được nếu không kết hợp việc đáp ứng những nhu cầu trước mắt đó của đời sống nhân dân với sự nghiệp công nghiệp hóa, việc đồng thời đẩy mạnh ba cuộc cách mạng. Nông nghiệp có đạt được chỉ tiêu 21 triệu tấn lương thực năm 1980 hay không là phụ thuộc vào tất cả các ngành: công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, văn hóa, giáo dục, v.v... Sự phát triển của văn hóa, chẳng hạn, vừa là mục đích của cách mạng xã hội chủ nghĩa vừa là nhu cầu phát triển kinh tế, đặc biệt là nhu cầu của phát triển nông nghiệp. Hình thành một vùng kinh tế mới, mở rộng diện tích cấy trồng hay bắt đầu khai thác tốt khả năng tiềm tàng của lâm nghiệp, ngư nghiệp là chuẩn bị điều kiện cho bước phát triển toàn diện, nhảy vọt những năm sau. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất, chuyên môn hóa sản xuất, phân bố lại lao động trong nông thôn và trong nền kinh tế quốc dân cũng là những điều kiện cần thiết để phát triển sản xuất nông nghiệp v.v... Tất cả các ngành, tùy theo chức năng của mình, đều có thể và phải tác động vào việc đẩy mạnh sản xuất lương thực và thực phẩm, tạo ra bước phát triển vượt bậc của nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tóm lại, chúng ta phải có quan điểm toàn diện, tổng hợp về toàn bộ sự phát triển kinh tế và toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta; không tách rời nông nghiệp với nông thôn, sức sản xuất với quan hệ sản xuất; không tách rời nông nghiệp với công nghiệp và các mặt khác của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Khi phân tích vấn đề nông nghiệp, chúng ta cần có quan điểm hiện thực, tức là thấy rõ khả năng hiện thực, không phiêu lưu xa rời thực tế. Tuy nhiên, không vì kiên trì quan điểm hiện thực mà không xem xét đến triển vọng phát triển của nông nghiệp, không thấy hết và ra sức khai thác những khả năng tiềm tàng của chúng ta. Có những người cho rằng tiềm năng của chúng ta tuy to lớn nhưng vẫn chỉ là tiềm năng mà thôi. Đó là một thái độ tiêu cực, một tâm trạng bi quan, không thấy rằng chưa bao giờ nhân dân ta có điều kiện thuận lợi như ngày nay để giải quyết vấn đề nuôi sống mình. Ngày nay, chúng ta hoàn toàn có thể sử dụng tất cả những lực lượng hiện có và dựa vào tính hơn hẳn của

Digitized by Google

quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa để khai thác tất cả những khả năng tiềm tàng của đất nước, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân ta. Đó không phải là chúng ta «chỉ thích nói viễn cảnh, không nói khuyết điểm, khó khăn» như nhận xét của một ai đó hay hoài nghi. Chúng ta phải nghiêm khắc với những khuyết điểm, thấy hết những khó khăn trước mắt, nhưng là những chiến sĩ tiên phong của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải nắm vững quy luật tiến lên của chủ nghĩa xã hội, đẩy nhanh quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong từng bước đi cụ thể.

IV – VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Chúng ta có thể hoàn thành về căn bản việc hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam trong thời gian của kế hoạch năm năm 1976—1980 được không? Câu hỏi đó phải được trả lời ngay từ bây giờ. *Trước hết*, phải khẳng định rằng không hợp tác hóa nông nghiệp, không đưa nông dân vào con đường xã hội chủ nghĩa, cứ duy trì con đường làm ăn cá thể thì nhất định sẽ tạo ra sự phân hóa mới trong nông thôn miền Nam, trung nông và cả phú nông nữa sẽ phát triển, số bần nông sẽ tăng lên. Điều đó là chắc chắn.

Hai là, không kịp thời hợp tác hóa thì không thủy lợi hóa được, không thể đào được những hệ thống mương máng như ở miền Bắc. Không thủy lợi hóa thì không làm được hai vụ lúa, không thể phát triển sản xuất. Hiện nay, năng suất ở đây là 2T/héc-ta một vụ. Phần rất lớn ruộng đất ở đây mới chỉ làm một vụ trong một năm. Muốn tăng vụ, nhất thiết phải làm thủy lợi. Công tác thủy lợi không thể làm ở từng nhà, từng khoảnh đất mà phải làm trong từng vùng, trên cả đồng bằng Nam-bộ đã hợp tác hóa, phải đầu tư hàng tỷ đồng, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian để tạo ra một bước phát triển mới của nông nghiệp.

Ba là, không hợp tác hóa thì không thể xóa bỏ được chủ nghĩa tư bản. Hàng trăm năm nay, nông thôn Nam-bộ đã bị chủ nghĩa tư bản chi phối. Tuy chúng ta đang tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp, thương nghiệp tư bản chủ nghĩa nhưng thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, dưới hình thức này hay hình thức khác vẫn còn chi phối một phần sản xuất và đời sống nhân dân ở nông thôn và thành thị. Muốn xóa bỏ quan hệ của chủ nghĩa tư bản với nông thôn và nông

Digitized by Google

nghiệp miền Nam, đặc biệt là ở đồng bằng Nam-bộ, phải đồng thời tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và cải tạo nông nghiệp. Đó là một tất yếu. Nếu hai mặt cải tạo đó không tiến hành đồng thời thì khó có thể thực hiện được việc sản xuất theo kế hoạch.

Đánh giá quá cao khả năng và vai trò của kinh tế tiểu nông, không thấy rõ những mặt tiêu cực của kinh tế tiểu nông, đó là quan điểm sai lầm làm trở ngại cho việc hợp tác hóa nông nghiệp. Khuynh hướng sai lầm cần được khắc phục trong vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam hiện nay là tư tưởng hữu khuynh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, không ra sức khắc phục những mặt tiêu cực của kinh tế tiểu nông. Mặt khác cũng cần đề phòng những hiện tượng hấp tấp, vội vàng, hoặc không thấy rõ những đặc điểm của từng vùng trong những bước đi cụ thể, nhất là trong phương pháp tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp

Trong khi tiến hành hợp tác hóa, cần nắm vững những bước đi cụ thể đồng thời nắm vững quan điểm tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, nhất là vấn đề tạo ra sức sản xuất mới, bao gồm cả vấn đề xây dựng cơ sở vật chất và thủy lợi hóa. Trọng điểm cơ giới hóa và thủy lợi hóa sẽ là đồng bằng sông Cửu-long. Đó là vì lợi ích của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cả nước ta. Vì cơ giới hóa và thủy lợi hóa vùng này có thể đem lại hiệu quả kinh tế nhanh hơn. Mặt khác, tập trung thực hiện ưu tiên thủy lợi hóa và cơ giới hóa vùng này — là để tạo điều kiện thuận lợi hàng đầu cho việc tổ chức lại nông dân. Cơ giới hóa, thủy lợi hóa và hợp tác hóa tác động và thúc đẩy lẫn nhau.

Trên cơ sở hợp tác hóa, thủy lợi hóa, cơ giới hóa, chúng ta sẽ đưa giống mới vào một cách phổ biến, tiến hành cuộc cách mạng về giống và cải tiến cả quy trình kỹ thuật sản xuất.

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường về mặt tư tưởng trong cuộc vận động hợp tác hóa ở miền Nam còn là vấn đề gay gắt. Ở đồng bằng sông Cửu-long, chúng ta thấy rõ nhân vật mà Ăng-ghen đã nói tới là nhân vật trung nông. Nhưng cũng phải thấy rằng nông dân Nam-bộ là người nông dân yêu nước, đã chiến đấu từ Trương-Định và Nguyễn-Trung-Trực, đã tham gia phong trào cách mạng từ khi Đảng ta ra đời, đã chịu đựng những hy sinh hết sức to lớn, kiên trì một trăm năm đấu tranh chống xâm lược và chiến đấu liên tục ba mươi năm trong cuộc chiến tranh cách mạng vĩ đại cho đến ngày toàn thắng. Đó là cái mạnh của người nông dân yêu nước.

Đương nhiên, ngoài vấn đề trung nông khá giả ra, việc hợp tác hóa nông nghiệp ở Nam-bộ

Digitized by Google

cũng còn có những khó khăn khác. Nhưng chúng ta tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn Nam-bộ trong điều kiện có hai cái mạnh: một là, những kinh nghiệm đã có từ trước đến nay; hai là, cái mạnh của nền kinh tế cả nước thống nhất. Nếu không có thế mạnh đó thì làm sao chúng ta có thể đầu tư ngay hàng tỷ đồng cho hợp tác hóa, thủy lợi hóa, cơ giới hóa? Tiền đầu tư cho thủy lợi hóa và cơ giới hóa đều dành phần lớn cho vùng Nam-bộ. Nếu chúng ta thấy rõ khả năng hợp tác hóa và xúc tiến việc tạo ra những điều kiện thuận lợi thì có thể thực hiện nhanh hơn kế hoạch đã định. Bình-trị-thiên làm theo kinh nghiệm miền Bắc nhưng bỏ qua những kinh nghiệm không tốt để đi nhanh vào sản xuất quy mô tương đối lớn. Quảng-nam — Đà-nẵng cũng làm theo kinh nghiệm đó nhưng có sáng tạo, bắt đầu là hợp tác sản xuất, hợp tác lao động, hợp tác theo định mức công việc. Ở Quảng-nam — Đà-nẵng, Nghĩa-bình nói chung có thể tự giải quyết được vấn đề cán bộ để vận động nông dân đi vào con đường hợp tác hóa. Còn ở Nam-bộ có một vấn đề lớn là cán bộ. Ở đây, các tổ chức cơ sở đều cần được củng cố và tăng cường để làm tốt hơn công tác quản lý sản xuất, quản lý xã hội, trật tự trị an... chuẩn bị cho công việc hợp tác hóa tiến lên quản lý những hợp tác xã quy mô 400 — 500 héc-ta xây dựng nông thôn mới. Cấp huyện cũng cần được kiện toàn để đủ sức tổ chức và lãnh đạo cuộc vận động hợp tác hóa, phát triển nông nghiệp, xây dựng kinh tế, văn hóa, tổ chức đời sống mọi mặt của nhân dân trên địa bàn huyện.

Ở miền Nam, phương hướng công tác tư tưởng trong cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp là giáo dục nông dân về con đường xã hội chủ nghĩa, là con đường duy nhất đem lại sự phát triển mạnh của nông nghiệp, khai thác tốt nhất những khả năng tiềm tàng của vùng đồng bằng đất tốt, khí hậu ôn hòa, nhân dân cần cù và dũng cảm, vĩnh viễn chấm dứt bóc lột, bất công, mang lại cuộc sống tốt đẹp về vật chất và văn hóa. Nội dung chủ yếu của việc giáo dục nông dân là tinh thần làm chủ tập thể của người nông dân trong hợp tác xã, trong làng xã mình và trong cả nước. Tăng cường giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tinh thần làm chủ cả nước, vì lợi ích của mình và con cháu mình, vì sự giàu mạnh của cả nước hăng hái đi vào con đường làm ăn tập thể. Đó là vấn đề trung tâm của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nông thôn: bồi dưỡng tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và phê phán, khắc phục lối sống riêng lẻ, đầu óc tư hữu hẹp hòi.

Ở miền Bắc, phương hướng công tác tư tưởng là bồi dưỡng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tinh

Digitized by Google

thần cách mạng không ngừng, không dậm chân tại chỗ ở giai đoạn hợp tác giản đơn khép kín trong hợp tác xã nhỏ, phải từng bước xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng nông thôn mới, cuộc sống mới, con người mới, xã hội chủ nghĩa. Muốn vượt qua giai đoạn hợp tác giản đơn phải đưa quy mô hợp tác xã lên 400 – 500 héc-ta, kết hợp với việc xây dựng kinh tế văn hóa trên địa bàn huyện: hợp tác xã vẫn là đơn vị hạch toán, huyện là địa bàn bố trí sản xuất, là đơn vị kinh tế cơ bản để từng bước hình thành một hình thức kết hợp nông – công nghiệp.

Ở các miền đều phải tiến hành công tác giáo dục, tổ chức kiên trì bồi dưỡng phẩm chất con người mới, con người làm chủ tập thể kết hợp lợi ích của mình với lợi ích của tập thể và của cả nước chống thói lười biếng, xâm phạm lợi ích của tập thể. Phải thi hành mọi biện pháp ngăn ngừa và chấm dứt tệ nạn những chi bộ cơ sở và hợp tác xã xâm phạm của công, chè chén, nhậu nhẹt, bê tha, làm tổn thương uy tín của cách mạng.

Chúng ta phải nắm vững cả ba nhiệm vụ của nông nghiệp mà trọng tâm là nhiệm vụ giải quyết cho được vấn đề lương thực; thực hiện cho được chỉ tiêu về lương thực đã đề ra trong kế hoạch. Lương thực là một vấn đề sinh tử. Vì vậy, phải tập trung cao độ lực lượng của Đảng, của Nhà nước và toàn dân để giải quyết cho được vấn đề lương thực, để trước mắt có đủ ăn, để tạo ra những bước phát triển mới của nông nghiệp và chuyển sang tập trung toàn bộ lực lượng vào việc xây dựng đất nước, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, do đó, lại tạo những điều kiện vững chắc đưa nông nghiệp tiến lên mạnh hơn nữa.

Bất kỳ giai đoạn nào của sự phát triển chúng ta cũng phải nắm vững mối quan hệ biện chứng giữa phát triển nông nghiệp và phát triển công nghiệp.

Trong việc giải quyết vấn đề lương thực, cần có quan điểm đúng đắn là phát triển đồng thời cả trồng trọt và chăn nuôi, lúa và màu, màu phải chiếm tỷ lệ quan trọng trong cơ cấu bữa ăn hằng ngày. Không phải chỉ có gạo mới là lương thực. Chúng ta có khả năng phát triển màu và màu là nguồn lương thực quan trọng của nước ta. Hiện nay, cây lúa vẫn còn là cây chủ yếu. Khả năng thâm canh, tăng năng suất cây lúa còn rất lớn. Giữa màu và lúa thì lúa vẫn là cây quan trọng số một, phải cấy hết diện tích có thể trồng lúa, tăng vụ và thâm canh cao độ. Đồng thời phải đẩy mạnh sản xuất màu. Chẳng những chúng ta phải giải quyết cho được vấn đề lương thực mà còn phải tạo ra lực lượng lương thực dự trữ. Chúng ta lại phải thực hành chính sách tiết kiệm để giải quyết cho

Digitized by Google

được vấn đề lương thực và trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải giáo dục nông dân về nghĩa vụ bán lương thực cho Nhà nước để xây dựng đất nước, xây dựng nông thôn và xây dựng cuộc sống lâu dài của chính mình.

Mỗi xã, mỗi huyện, mỗi tỉnh và thành phố đều cần khai thác triệt để những khả năng hiện có đi đôi với khai hoang mở rộng diện tích canh tác, thi hành đầy đủ mọi biện pháp có hiệu quả để tự giải quyết vấn đề lương thực cho mình và góp phần ngày càng nhiều hơn vào việc tạo ra nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm và cho xuất khẩu. Những biện pháp đó là:

Phấn đấu **thu hẹp khoảng cách giữa năng suất cao** (7 — 8 tấn/năm) và năng suất bình quân (4 tấn/năm). Trước mắt, đưa năng suất bình quân từ 2 tấn/vụ lên 3 tấn/vụ. Khả năng tăng vụ và thâm canh còn rất lớn; phải nhanh chóng thu hẹp các khoảng cách giữa năng suất cao và năng suất thấp, đưa năng suất bình quân lên đồng đều ở từng huyện, từng tỉnh và trong cả nước.

Kết hợp tốt trồng trọt với chăn nuôi cũng là một biện pháp nữa có thể khai thác tốt nhất khả năng hiện có. Quan hệ giữa trồng trọt và chăn nuôi là quan hệ thúc đẩy lẫn nhau để giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm. Nếu không có một lượng phân bón đầy đủ thì không thể có năng suất cao. Hợp tác xã Bình-đà 2 trước đây, số lượng phân hóa học cũng bằng các nơi khác nhưng vì có phân chuồng bình quân 30T/ha cho nên đã đạt năng suất bình quân 10T/ha. Hợp tác xã Vũ-thắng là điển hình hoàn chỉnh về thâm canh lúa. Hợp tác xã Định-công là một điển hình tốt về nhiều mặt v.v... Những hợp tác xã đạt năng suất cao đều chứng minh rằng chăn nuôi phát triển thì trồng trọt phát triển. Và ngược lại, trồng trọt phát triển sẽ tạo điều kiện phát triển chăn nuôi.

Khai hoang mở rộng diện tích canh tác của nước ta. Trong những năm tới, chúng ta phải khai hoang mở rộng thêm 5 triệu héc-ta đất nông nghiệp. Đây cũng là một vấn đề sống còn của chúng ta, là một chiến lược lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là vấn đề của cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Chỉ sống trên 5 triệu héc-ta canh tác hiện có, chúng ta sẽ không có cuộc sống ấm no hạnh phúc, vì cuối thế kỷ thứ 20 này, dân số nước ta dự tính sẽ là 70 triệu người. Chúng ta có khả năng khai hoang mở rộng diện tích vì mình có lao động, có thể đầu tư, có thể sử dụng rộng rãi những thành tựu của khoa học kỹ thuật và cũng đã có kinh nghiệm.

Việc khai hoang tuy có nhiều khó khăn do thiếu cán bộ giỏi, do thiếu lương thực, thiếu vốn liếng, máy móc, v.v... Nhưng nguyên nhân quan trọng gây ra

Digitized by Google

tình trạng trầy trật trong việc khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới là vấn đề tổ chức. Chúng ta chưa có một tổ chức có hiệu quả để bảo đảm thực hiện kế hoạch khai hoang rộng lớn. Vấn đề này có liên quan đến các mặt kinh tế, khoa học, tổ chức, y tế, văn hóa, giáo dục v.v... Lúc đầu phăn nào chúng ta còn giản đơn, khi gặp khó khăn thì thiếu tin tưởng ở khả năng thực hiện.

Khai hoang có hai hướng là đồng bằng và miền núi (ở vùng ven biển là lấn biển). Thủy lợi là vấn đề lớn đầu tiên. Đồng bằng cũng như miền núi, phải giải quyết cho được vấn đề nước, ở đây thủy lợi cũng là biện pháp kỹ thuật hàng đầu.

Cách mạng về giống Cuộc cách mạng xanh đang được đẩy mạnh. Nhiều giống lúa mới ngắn ngày năng suất cao đã được sử dụng rộng rãi, hình thành cơ cấu giống lúa nước, quy trình trồng trọt các giống lúa nước ấy cũng đã được xây dựng và áp dụng phổ biến. Đó là một thành tựu quan trọng của nền nông nghiệp nước ta. Gần đây chúng ta lại sử dụng giống lúa mới 80 – 85 ngày có kết quả tốt. Hải-hưng đã đưa giống lúa mới này vào trên 11.000 héc-ta đạt năng suất thấp nhất là 2,5T/vụ, năng suất cao có thể đạt 4T/vụ, năng suất trên ruộng thí nghiệm đạt 7T/vụ. Với giống lúa mới này chỉ 80 – 85 ngày là được thu hoạch. Do đó, có thể cấy trồng nhiều vụ, làm hai vụ lúa rồi trồng màu, ruộng đất có thể quay 3 – 4 vòng trong một năm.

Khai thác những diện tích hoang hóa. (Kể cả mặt đất và mặt nước) là một biện pháp ít tốn kém so với khai hoang mở rộng diện tích. Tỉnh nào cũng còn hàng nghìn héc-ta đất hoang hóa. Trong khi đó lao động của chúng ta còn thừa, chưa có việc làm. Vấn đề là phải tổ chức và có biện pháp cụ thể.

Tổ chức và quản lý. Chiến lược vĩ đại về nông nghiệp và nông thôn đã được đề ra với những kế hoạch cụ thể. Nhưng tất cả những cái đó mới là cương lĩnh. Muốn biến cương lĩnh đó thành hiện thực thì vấn đề tổ chức và quản lý là vấn đề quyết định. Vấn đề này đang được giải quyết. Chúng ta vẫn có một khoảng cách giữa nhiệm vụ chính trị và năng lực tổ chức thực hiện. Dã có đường lối, phương hướng phải có tổ chức có hiệu lực để thực hiện. Phải làm gì và làm thế nào để khai thác một cách tốt nhất những diện tích đất đai hiện có, khai thác những ruộng đất hoang hóa, mở thêm đất mới khai thác rừng, biển, sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động dồi dào của nhân dân ta, phải làm thế nào để tiến hành thắng lợi việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, hoàn thiện được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, tạo ra quan hệ sản xuất đồng nhất trong cả nước, đồng thời phát huy tính ưu việt

Digitized by Google

của chủ nghĩa xã hội đối với nền nông nghiệp nước ta và đời sống của nhân dân ta.

Kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, thu hẹp khoảng cách giữa năng suất cao và năng suất bình quân; cách mạng về giống; những câu hỏi đó cần được trả lời đúng bằng hành động thực tiễn, bằng tổ chức và bằng phong trào quần chúng rộng lớn của hàng triệu, hàng triệu đồng bào ta. Không có phong trào quần chúng rộng lớn thì chẳng làm gì được. Làm thế nào để có phong trào quần chúng. Đó là vấn đề quan trọng về chính trị và tổ chức. Tổ chức của Đảng ở cơ sở phải làm cho tất cả những nhiệm vụ nói trên trở thành hành động cách mạng cụ thể của quần chúng nhân dân. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, phong trào cải tạo và xây dựng nông thôn, phong trào lao động sản xuất nông nghiệp phải diễn ra sôi nổi như những phong trào cứu nước trước đây. Cố nhiên, phải giải quyết tốt vấn đề chính sách. Chính sách của Đảng là kết hợp lợi ích của người lao động với lợi ích của xã hội, của đất nước. Trong kháng chiến chống xâm lược thì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là động lực tinh thần động viên sức người, sức của cho chiến đấu. Ngày nay, chúng ta phải xây dựng một nước Việt-nam giàu mạnh, một cuộc sống tốt đẹp của nhân dân ta. Chúng ta phải thực hiện chính sách xã hội đúng đắn kết hợp với sự bảo đảm đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Làm chủ tập thể là động lực mạnh mẽ của cuộc cách mạng hiện nay, là sức mạnh dời non lấp biển, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, xây dựng sự cường thịnh của đất nước, cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Những điều đó phải được thể hiện trong một loạt chính sách, biện pháp về tổ chức, giáo dục, phân phối, xây dựng cuộc sống mới, nâng cao mức sống vật chất, văn hóa. Đối với những người cộng sản chúng ta, đây là cương lĩnh, là lý tưởng, là trách nhiệm. Là chiến sĩ tiên phong của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, những người cộng sản chúng ta hãy vươn lên thành người tổ chức, người lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng, ra sức phấn đấu nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông thôn mới.

Digitized by Google

CÔNG TÁC VĂN HÓA VĂN NGHỆ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

TRẦN-ĐỘ

« CÁCH mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa phải nhằm tạo ra cho mọi người một cuộc sống tinh thần, văn hóa phong phú, phù hợp với mục đích cao nhất của chủ nghĩa xã hội là thỏa mãn không chỉ những nhu cầu vật chất mà cả những nhu cầu văn hóa ngày càng cao của xã hội » (1). Quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình con người mới phát triển toàn diện « có cuộc sống tập thể và cuộc sống cá nhân hài hòa, phong phú », con người mới được hoàn thiện dần từ thể chất đến tri tuệ, từ ý thức đến tình cảm, đạo đức. Con người mới ở đây vừa là sản phẩm của xã hội mới, vừa là chủ thể có ý thức xây dựng xã hội mới.

Hiện nay, đời sống vật chất của nhân dân ta còn nhiều khó khăn, thiếu thốn; rồi đây đời sống vật chất của nhân dân ta sẽ được nâng cao. Việc nâng cao đời sống vật chất là có giới hạn, đó là giới hạn về sự dung nạp khối lượng vật chất đã đến mức dồi dào. Ngược lại, về đời sống văn hóa, sự phát triển của nó không có giới hạn, nhu cầu của con người về văn hóa là vô hạn.

Văn hóa có mặt trên mọi hoạt động của con người. Nó tham gia mọi quá trình phát triển của xã hội, chinh phục tự nhiên, cải tạo con người. Nó luôn luôn đi vào tất cả mọi mặt đời sống của con người, từ sản xuất đến ăn uống, giải trí, đến quan hệ giữa người và người. Nó đem cái đẹp đến cho mỗi người, mỗi gia đình và toàn xã hội, cho cả tự nhiên trong đó con người đang sống. Cuộc sống có văn hóa là cuộc sống đầy ý nghĩa, cuộc sống có lý tưởng cao đẹp, có lòng nhân ái, có tri tuệ, một cuộc sống hạnh phúc. Hạnh phúc của con người, sự phát triển tự do và toàn diện của con người, xét cho cùng là mục đích cao nhất của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

I — QUÁN TRIỆT NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA, VĂN NGHỆ

Để làm tốt nhiệm vụ trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, chúng ta cần quán triệt những quan điểm cơ bản của Đảng.

(1) Lê-Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập 2, trang 717.

Digitized by Google

1 — Tư tưởng, văn hóa không chỉ là kết quả của kinh tế mà còn là động lực thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới.

Cách mạng tư tưởng và văn hóa là một bộ phận hợp thành của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nó gắn một cách hữu cơ với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học — kỹ thuật. Ba cuộc cách mạng này luôn luôn tác động lẫn nhau, thúc đẩy lẫn nhau. Chính đó là nguyên nhân, là sức mạnh tổng hợp tạo ra những thành quả chung của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và thành quả riêng cụ thể của từng cuộc cách mạng. Nhưng, những thành quả riêng ấy lại là tiền đề, là nguyên nhân thúc đẩy toàn bộ ba cuộc cách mạng tiến lên và từng cuộc cách mạng phát triển. Do đó, toàn bộ chủ nghĩa xã hội cũng như từng bộ phận của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể ra đời bằng kết quả tổng hợp của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Nền văn hóa mới, con người mới không phải hình thành một cách tự phát, mà được xây dựng một cách chủ động, tự giác. Không thể chờ có thành quả của nền sản xuất lớn rồi mới xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, mà phải xây dựng nền văn hóa mới, con người mới song song với xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới. Quá trình đó cũng là quá trình dùng văn hóa mới, con người mới tác động tích cực vào việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vào cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật. Suy cho cùng, công tác tư tưởng và văn hóa là nhằm trực tiếp giải quyết vấn đề xây dựng con người mới, và nhân tố quyết định trong việc xây dựng chế độ mới và nền kinh tế mới chính là con người. Khi tư tưởng, tình cảm cách mạng, trình độ kiến thức về văn hóa, nghiệp vụ... được nâng cao, con người trở thành động lực quan trọng để thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy sản xuất phát triển. Ý thức tự giác, niềm vui sáng tạo, khí thế hăng say trong lao động của những người lao động góp phần quan trọng vào kết quả của các phong trào sản xuất. Có thể nói việc đầu tư vào công tác tư tưởng, văn hóa sẽ đưa lại hiệu quả không phải theo cấp số cộng mà theo cấp số nhân.

Như vậy là, nền văn hóa mới, con người mới là kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng, là sản phẩm của xã hội mới, đồng thời, nó là **động lực** thúc đẩy công cuộc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới.

Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa có nội dung rất rộng lớn và phức tạp, nó giữ một vai trò quan trọng làm biến đổi đời sống tư tưởng, tình cảm của toàn xã hội; nó tác động vào mọi lĩnh vực công tác, mọi nhiệm vụ cách mạng. Vì vậy, cách mạng tư tưởng và văn hóa là sự nghiệp chung của toàn Đảng, toàn dân ta, là nhu cầu tất yếu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2 — Văn hóa, văn nghệ phải gắn chặt với nhiệm vụ cách mạng và đời sống nhân dân, góp phần đẩy lên các cao trào cách mạng liên tục của quần chúng, và thông qua đó mà phát huy năng lực sáng tạo văn hóa của nhân dân.

Văn hóa, văn nghệ phải phục vụ đắc lực nhiệm vụ cách mạng. Người làm công tác văn nghệ chỉ có thể làm tròn nhiệm vụ chiến sĩ, «kỹ sư tâm hồn» khi mà trái tim nghệ sĩ rung động sâu sắc trước mọi nhịp thở của Đảng, của nhân dân, của đất nước. Người nghệ sĩ phải là người linh xung kích sống, khám phá và sáng tạo nhằm tái hiện cuộc sống muôn hình muôn vẻ của nhân dân, đất nước và Đảng anh hùng của mình

Digitized by Google

đã và đang trải qua những bước thăng trầm, luôn luôn tìm cách khắc phục khó khăn, giành thắng lợi. Văn hóa, văn nghệ phải thật sự là vũ khí đấu tranh giai cấp, là công cụ phục vụ cho lợi ích của Tổ quốc và nhân dân, cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật hay một phát minh khoa học, kỹ thuật, một công trình nghiên cứu... được đo trước hết bằng sự cống hiến của nó cho sự nghiệp cao cả ấy. Chúng ta kiên quyết chống mọi khuynh hướng tách rời văn hóa, văn nghệ khỏi chính trị, khỏi đời sống bất cứ dưới một dạng nào. Cho rằng có ngành nghệ thuật nào đó không cần đi vào thực tế cuộc sống hoặc chỉ cần đi theo lối « cưỡi ngựa xem hoa » là không đúng. Kinh nghiệm đã khẳng định rằng nguồn gốc sâu xa tạo nên những rung động nghệ thuật để từ đó ra đời những tác phẩm có chiều sâu về tư tưởng và nghệ thuật là cuộc sống chiến đấu và lao động quên mình của nhân dân lao động, của dân tộc. « Càng bắt nguồn trong đời sống luôn luôn xanh tươi mặc dù sương gió, nghệ thuật càng chân thật, phong phú, càng đẹp, càng trở thành thức ăn tinh thần của mọi người. Thoát ly đời sống, nghệ thuật cũng như cây cối không có gốc rễ, không thể là nghệ thuật lành mạnh, càng không thể là một nghệ thuật có giá trị » (2).

Văn hóa, văn nghệ gắn liền với nhiệm vụ cách mạng và đời sống nhân dân cũng tức là gắn liền với đường lối, chính sách, chủ trương, mục tiêu phấn đấu và biện pháp thực hiện do Đảng đề ra nhằm bảo đảm cho thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải hướng vào nhiệm vụ trung tâm là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, bởi vì « muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa ». Con người mới xã hội chủ nghĩa hình thành trong các phong trào cách mạng của quần chúng xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, mà cụ thể là thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

3 — **Bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về văn hóa, văn nghệ** trên ba mặt: nâng cao trình độ thưởng thức văn hóa, nghệ thuật cho nhân dân, biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân và tạo mọi điều kiện để nhân dân trực tiếp sáng tạo ra những giá trị văn hóa.

Quán triệt vai trò của quần chúng nhân dân lao động trong lịch sử và vai trò của văn hóa, văn nghệ, Đảng ta chủ trương ra sức xây dựng nền văn hóa mới, từng bước xây dựng xã hội ta thành một xã hội văn hóa cao. Nền văn hóa cao là một nền văn hóa do nhân dân thật sự làm chủ. Thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về văn hóa là thu hút nhân dân vào đời sống văn hóa mới, tạo điều kiện cho nhân dân tiếp xúc với văn hóa mới, làm chủ những kiến thức và giá trị văn hóa, tinh thần. Bảo đảm những nhu cầu về hưởng thụ văn hóa cho nhân dân, đem đến cho nhân dân ngày càng nhiều món ăn tinh thần phong phú, đa dạng, biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân. Trong quan điểm phục vụ, tránh thái độ « ban ơn » khi đem văn hóa đến cho quần chúng, tránh quan niệm cho rằng quần chúng trình độ thấp kém, không thể thưởng thức nghệ thuật cao, do đó chỉ muốn đưa đến phục vụ quần chúng những cái đơn giản, tầm thường. Những thái độ, quan niệm đó cũng là biểu hiện của khuynh hướng tách rời nghệ thuật với nhân

(2) Phạm-Văn-Đồng: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, nhà xuất bản Văn học, Hà-nội, 1969, trang 67 — 68.

Digitized by Google

dân, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân về văn hóa, văn nghệ, và rơi vào quan điểm văn hóa, nghệ thuật tư sản. Nhân dân ta rất yêu đời và lạc quan cách mạng. Nhân dân lao động rất phong phú về đời sống tinh thần. Kho tàng văn hóa hết sức phong phú của dân tộc ta đã chứng minh điều đó. Phong trào «tiếng hát át tiếng bom» trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua cũng là một bằng chứng hùng hồn. Trong sinh hoạt hằng ngày, quần chúng lao động có ý thức xây dựng nếp sống mới văn minh, trật tự, tươi vui, lành mạnh, khát khao vươn tới cái đẹp trong mọi mặt. Đó là những yêu cầu chính đáng cần được thỏa mãn. Để tạo điều kiện cho quần chúng lao động thật sự làm chủ về văn hóa, những người làm công tác văn hóa, văn nghệ cần có kế hoạch và biện pháp cụ thể nhằm không ngừng nâng cao trình độ sử dụng, thưởng thức và năng lực sáng tạo văn hóa, nghệ thuật của quần chúng. Hướng dẫn, giới thiệu một cách có hệ thống để cho quần chúng nắm được, sử dụng, thưởng thức, cảm thụ được tất cả những tinh hoa văn hóa, nghệ thuật của dân tộc và của loài người. Nghiên cứu thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ của quần chúng để không những phục vụ tốt mà còn hướng dẫn, uốn nắn các lệch lạc ở một bộ phận quần chúng, nâng cao trình độ thưởng thức nghệ thuật cách mạng của họ. Trong việc xây dựng phong trào văn nghệ quần chúng, cần tôn trọng tính sáng tạo của quần chúng, tạo điều kiện cho quần chúng sáng tạo, tránh bắt ép quần chúng rập khuôn theo chuyên nghiệp, đồng thời ngăn ngừa chiều hướng thoát ly sản xuất, tổ chức văn nghệ không chuyên nghiệp «thi tài» với văn nghệ chuyên nghiệp. Cần tôn trọng phong cách riêng của quần chúng, bản sắc của các dân tộc để cho vườn hoa nghệ thuật của Tổ quốc muôn sắc muôn hương. Phải chú ý phát hiện và trân trọng những mầm non nghệ thuật, bồi dưỡng, đào tạo thành tài năng của đất nước. Trong quần chúng, đặc biệt chú trọng tầng lớp thanh niên, thiếu niên trong việc đưa văn hóa đến với họ, cũng như tạo điều kiện cho họ làm văn hóa. Đây là đối tượng có trình độ văn hóa, nhạy cảm với cái mới, tiếp cận nhanh với cách mạng và cũng là lực lượng làm chủ tập thể về văn hóa, nghệ thuật có nhiều hứa hẹn. Văn hóa, nghệ thuật của chúng ta phải trẻ, khỏe, đẹp cho nên càng cần phải chú trọng phát huy quyền làm chủ tập thể của thanh niên, thiếu niên về văn hóa, nghệ thuật.

4 – **Xây dựng nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc trên cơ sở tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin.** Nền văn hóa đó vừa kế thừa có sáng tạo, và kết hợp hài hòa tinh hoa văn hóa của đại gia đình các dân tộc Việt-nam, vừa tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của loài người.

Chúng ta cần chú ý giải quyết tốt các mối quan hệ cơ bản, có tính chất bao quát sau đây:

a) **Quan hệ giữa tính giai cấp và tính dân tộc.** Xây dựng nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc là giải quyết mối quan hệ giữa tính giai cấp và tính dân tộc trong lĩnh vực văn hóa. Chỉ có đứng vững trên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân, nắm vững học thuyết Mác — Lê-nin và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, quán triệt đường lối cách mạng và đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng mới có thể xây dựng được nền văn hóa mới của dân tộc. Nền văn hóa mới của dân tộc là nền văn hóa thật sự độc lập, tự chủ, đã rứt bỏ hết những ảnh hưởng xấu của văn hóa tư sản, thực dân, phong kiến và những nhân tố lạc hậu trong xã hội, mang

Digitized by Google

đầy đủ những tinh hoa và bản sắc tốt đẹp trong truyền thống bốn nghìn năm lao động và đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt-nam ta. Trong hoàn cảnh thực tế của nước ta, miền Nam mới được giải phóng chưa bao lâu, ảnh hưởng văn hóa thực dân mới chưa được quét sạch, nước ta ngày càng mở rộng quan hệ quốc tế và trao đổi văn hóa với nhiều nước trên thế giới, chúng ta càng cần phải đề cao tính giai cấp trong văn hóa, văn nghệ, mà biểu hiện cao nhất, tập trung nhất là tính đảng. Chúng ta phải kiên quyết và triệt để chống mọi thứ khuynh hướng nghệ thuật tư sản và phản động, bảo vệ đường lối của Đảng ta trong mọi lĩnh vực hoạt động văn hóa, văn nghệ.

b) **Quan hệ giữa dân tộc và thế giới.** Văn minh của loài người là một kho tàng quý báu, chúng ta phải tiếp thụ có chọn lọc để làm phong phú thêm đời sống văn hóa của nhân dân ta, và trên cơ sở học tập những tinh hoa văn hóa thế giới mà sáng tạo nên những giá trị văn hóa dân tộc hiện đại, nâng những giá trị văn hóa dân tộc ta lên ngang tầm thời đại, đóng góp xứng đáng vào kho tàng văn hóa của loài người.

Đối với vốn văn hóa, văn nghệ thế giới cần nhận rõ những giá trị văn hóa đã trở thành tài sản chung của loài người với những giá trị văn hóa của riêng từng dân tộc để có thái độ tiếp thu đúng đắn, thích hợp. Từ chối các giá trị văn hóa của thế giới, hoặc tiếp thu nguyên xi đều không đúng với quan điểm của Đảng ta.

c) **Quan hệ giữa cổ truyền và hiện đại.** Một số người quan niệm rằng văn hóa dân tộc là những cái gì có từ cổ xưa. Như vậy là không đúng. Khi ta nói văn hóa dân tộc là bao hàm cả vốn văn hóa cổ truyền và tất cả những gì thuộc lĩnh vực văn hóa mà dân tộc ta đã, đang và sẽ xây dựng nên. Như vậy đối với văn hóa dân tộc, chúng ta cần chú ý đến bốn loại hình song song tồn tại:

— Vốn cổ truyền nguyên dạng, ta tiếp tục khẩn trương sưu tầm, tổ chức bảo tồn tốt để nghiên cứu, hệ thống hóa, phát triển nhằm bảo đảm tính liên tục trong phát triển nghệ thuật.

— Vốn cổ truyền đã được cải biên một cách tự phát, ta nghiên cứu rút kinh nghiệm để tiếp thu những yếu tố hợp lý.

— Trên cơ sở vốn cổ, sáng tạo ra những tác phẩm mới thể hiện cuộc sống mới, mang âm hưởng dân tộc cổ truyền. Đây là sự cải biên có ý thức, cần được khuyến khích phát triển mạnh mẽ.

— Sáng tác với hình thức mới, thể loại mới, phương tiện mới và nội dung mới. Loại này cũng cần được khuyến khích phát triển.

d) **Quan hệ văn hóa giữa các dân tộc anh em** trong đại gia đình Việt-nam. Nước ta có nhiều dân tộc anh em. Văn hóa dân tộc nào cũng có vẻ đẹp riêng. Tuy nhiên không thể phát triển nhiều nền văn hóa dân tộc độc lập với nhau trong một quốc gia thống nhất. Đảng ta chủ trương xây dựng một nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc. Nền văn hóa này là sự kết hợp hài hòa những nền văn hóa có phong cách riêng của các dân tộc anh em sống trong cùng một Tổ quốc — những nền văn hóa này tựa như những bông hoa thơm đẹp nở rộ trong rừng hoa muôn sắc muôn hương của dân tộc. Kế thừa và phát huy tinh hoa của tất cả các dân tộc anh em trong nước, chúng ta tôn trọng các phong cách khác nhau để làm giàu thêm nền văn hóa chung, đồng thời bảo đảm sự hài hòa trong một phong cách Việt-nam. Cần phát triển việc giao lưu trao đổi văn hóa giữa các dân tộc, giữa các địa phương trong nước. Nền văn hóa của ta là nền văn hóa nhiều dân tộc, phong phú, đa

Digitized by Google

dạng, nhưng thống nhất. Không phát huy sắc thái của mỗi dân tộc trong nước là sai lầm, trái với đường lối của Đảng. Nhưng nhấn mạnh tính chất riêng của mỗi dân tộc, mỗi địa phương, làm phương hại đến tính thống nhất của nền văn hóa nghệ thuật Việt-nam cũng trái với đường lối của Đảng.

5 — **Đảng phải lãnh đạo toàn bộ công tác văn hóa văn nghệ bằng những phương thức thích hợp với đặc điểm của nó :** vừa chặt chẽ về nguyên tắc, nội dung, vừa rộng rãi về hình thức và phong cách nghệ thuật ; nhạy cảm, tinh tế và công phu trong việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng và khuyến khích lực lượng văn nghệ nhằm phát huy cao độ các tài năng sáng tạo.

Đảng lãnh đạo toàn bộ công tác văn hóa, văn nghệ là một yêu cầu tuyệt đối. Bởi vì, chủ nghĩa xã hội nhất định phải chiếm lĩnh trận địa tư tưởng và văn hóa, chiếm lĩnh toàn bộ lĩnh vực sáng tạo tinh thần — một lĩnh vực rộng lớn, quan trọng, phức tạp của đời sống xã hội. Toàn bộ nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa phải thấm nhuần thế giới quan mác-xít và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa. Và nó phải đấu tranh không điều hòa với những quan điểm tư tưởng thù địch và lạc hậu. Văn hóa, văn nghệ phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, hướng theo những mục tiêu phấn đấu của Đảng, thì mới phát triển đúng hướng, mới phục vụ nhân dân được tốt.

Tuy nhiên, văn hóa lại là một lĩnh vực đặc thù của xã hội. Chú ý tính đặc thù ấy là đòi hỏi tất yếu của sự lãnh đạo thật sự mác-xít — lê-ni-nít để các ngành văn hóa, văn nghệ có thể phát huy cao độ những khả năng sáng tạo trong hoạt động của mình. Văn hóa, văn nghệ lại bao gồm nhiều ngành khác nhau, mỗi ngành có đặc trưng của nó, và lao động nghệ thuật lại mang những đặc điểm riêng. Những thái độ thiên lệch, vội vã, những biện pháp và phương pháp thô bạo, đơn giản trong việc giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, văn nghệ — cũng như mọi lĩnh vực khác, tất nhiên — đều không thích hợp. Mọi suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo nhằm phục vụ lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của chủ nghĩa xã hội đều được khuyến khích. Chính sách của Đảng là bảo đảm điều kiện thuận lợi cho mọi sự sáng tạo, phát triển của văn hóa văn nghệ vì lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.

II — XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO NỀN VĂN HÓA MỚI

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ : phải **từng bước xây dựng nước ta thành một xã hội có văn hóa cao, và nền văn hóa mới, con người mới là kết quả cần đạt tới của chủ nghĩa xã hội.**

Văn hóa là toàn bộ sinh hoạt tinh thần của một xã hội ; nó luôn luôn gắn chặt với phương thức sản xuất và cơ sở vật chất tương ứng với xã hội ấy. Như vậy, văn hóa không phải là một phạm trù thuần túy « tinh thần » mà nó phải được thể hiện ở cơ sở vật chất phù hợp để chứa đựng toàn bộ nội dung của sinh hoạt tinh thần con người. Cơ sở vật chất đó biểu hiện trình độ văn hóa của một dân tộc ; trong phạm vi hẹp, nó biểu hiện trình độ văn hóa của nhân dân một địa phương, một vùng nhất định. Bộ mặt của một xã hội có văn hóa cao phải được thể hiện trên mọi hình thức sinh hoạt tinh thần của mỗi con người trong xã hội, trên những chỉ tiêu hưởng thụ về văn hóa, những cơ sở vật chất bảo đảm cho các hoạt

Digitized by Google

động văn hóa, những tổ chức và hoạt động chứa đựng những nội dung tinh thần phong phú, tác động sâu sắc đến mọi mặt sinh hoạt trí tuệ, tư tưởng và tình cảm của nhân dân.

Trong vòng 15, 20 năm tới, đất nước ta sẽ trải qua những cao trào cách mạng toàn diện, liên tục. « Đó là quá trình vừa xóa bỏ cái cũ, vừa xây dựng cái mới từ gốc đến ngọn. Phải tạo ra cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới ; tạo ra cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới, tạo ra cả đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần, văn hóa mới ».

Trong vòng 15, 20 năm tới chúng ta phải thực hiện hàng loạt chỉ tiêu về sản xuất cũng như về sự hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Ví dụ : chúng ta cần phấn đấu bảo đảm cho nhân dân bình quân đầu người trong một năm có từ 5 đến 7 cuốn sách, 15 tờ báo, tập san, 10 văn hóa phẩm, được xem văn công 0,7 lượt, xem chiếu bóng 10 lượt. Các huyện trong cả nước đều phải có đủ thư viện, nhà văn hóa, hiệu sách, hiệu ảnh. Xã nào cũng có đội văn nghệ, mỗi huyện có 10 đội văn nghệ mạnh trở lên. Thư viện xã, xí nghiệp và các đơn vị tương đương phải hoạt động một cách có hiệu quả thiết thực. Các tỉnh đều có trường trung cấp nghệ thuật để đào tạo cán bộ, diễn viên, đạo diễn... phục vụ cho phong trào văn hóa của tỉnh. Riêng thủ đô Hà-nội, thành phố Hồ-Chí-Minh, một số địa phương khác sẽ mở thêm một số trường đại học và trường năng khiếu nghệ thuật.

Xây dựng nếp sống mới là một trong những nội dung quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa. Xây dựng nếp sống mới là xây dựng đạo đức mới, phong cách mới, quan hệ mới, giữa người và người, thói quen mới... của con người mới xã hội chủ nghĩa, chống mọi biểu hiện của đạo đức phong kiến, tư sản, mọi phong tục tập quán cổ hủ, lạc hậu. Việc xây dựng nếp sống mới đòi hỏi phải phát động một phong trào rộng lớn, phải kiên trì vận động các tầng lớp nhân dân,— vận động là chính, đồng thời kết hợp với một số biện pháp hành chính —, phải định ra một hệ thống các quy tắc để từng bước thực hiện.

Nội dung xây dựng nếp sống mới, chủ yếu bao gồm mấy vấn đề sau đây :

1 — Xây dựng phong cách lao động mới : lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao trên mọi lĩnh vực hoạt động trí óc và chân tay, hành chính và sản xuất ;

2 — Xây dựng gia đình văn hóa mới với nội dung chủ yếu là quan hệ gia đình bình đẳng, thuận hòa, nuôi dạy con ngoan, chấp hành tốt mọi chính sách ;

3 — Tổ chức việc tang, việc cưới, hội hè tiến bộ, lành mạnh, tiết kiệm, chống mê tín, dị đoan, lãng phí ;

4 — Xây dựng nếp sống văn minh công cộng : vệ sinh, trật tự nơi công cộng, lễ phép, lịch sự trong mọi quan hệ xã hội ;

5 — Đưa cái đẹp vào cuộc sống, vào mọi gia đình, vào mỗi con người. Cái đẹp đó phải phù hợp với tính thẩm mỹ của dân tộc, phù hợp với con người Việt-nam, tập quán Việt-nam, phong cách Việt-nam và cả thiên nhiên, khí hậu Việt-nam. Cái đẹp đó phải giản dị, tức là chống mọi sự diêm dúa, cầu kỳ, cái đẹp đó phải khỏe mạnh ; phải trang nhã, tức là có sự hài hòa về màu sắc, về kiểu dáng, chống mọi sự dị dạng, dị hình, lố lăng...

Để bảo đảm thỏa mãn những nhu cầu về văn hóa của nhân dân, cần phải có một cơ sở vật chất tương ứng đủ sức chứa đựng, thể hiện mọi nội dung phong phú của nền văn hóa dân tộc, cần phải xây dựng các trung tâm văn hóa từ trung ương đến tỉnh, huyện, cơ sở. Những trung tâm này gắn liền với trung tâm chính trị, kinh

Digitized by Google

tế của mỗi địa phương với tất cả những nét đặc sắc của nó. Cái nhiều vẻ của mỗi trung tâm thể hiện sự phong phú của nền văn hóa mới Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ của các trung tâm văn hóa là thỏa mãn nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của nhân dân, làm giảm dần sự cách biệt về trình độ và mức độ hưởng thụ về văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi, thực hiện bình đẳng dân tộc về văn hóa và phát huy năng lực sáng tạo của quần chúng, của tất cả các dân tộc anh em đóng góp vào việc xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Trong việc xây dựng các trung tâm văn hóa, **phải vừa chú ý tầm cao, vừa coi trọng bề rộng.**

Những trung tâm văn hóa này bao gồm một hệ thống các cơ quan, các công trình văn hóa cân đối, đồng bộ như thư viện, nhà bảo tàng (hoặc phòng truyền thống, phòng lưu niệm), nhà văn hóa (hoặc cung văn hóa, câu lạc bộ), rạp chiếu bóng, rạp hát (hoặc sân khấu ngoài trời, phòng hòa nhạc), cửa hàng sách, hiệu ảnh, nhà triển lãm, khu di tích lịch sử, các tượng đài, công viên văn hóa, trường nghệ thuật. Ngoài ra, còn có các công trình, các cơ sở vật chất của các ngành thể dục thể thao, giáo dục, y tế, du lịch... như sân vận động, cung thể thao, bệnh viện, trường học, khách sạn, cửa hàng lớn...

Những cơ quan và công trình văn hóa được xây dựng trong tương lai gần và xa, phải là những công trình văn hóa **mang vẻ đẹp hài hòa và có nét đặc sắc riêng** của mỗi trung tâm văn hóa; trung tâm văn hóa của vùng công nghiệp khác vùng nông nghiệp, ở hải đảo khác vùng cao biên giới; những công viên văn hóa phải trở thành những công trình nghệ thuật hoàn chỉnh. **Phải kết hợp cảnh vật thiên nhiên, với tổ chức sinh hoạt văn hóa phong phú và sinh động của con người để tạo nên những môi trường hoạt động giáo dục sâu sắc và nghỉ ngơi thoải mái** nhằm tái tạo và phát triển sức lao động sáng tạo của nhân dân.

Ngoài các trung tâm văn hóa, ở cơ sở cũng có thể tổ chức những cụm, khu văn hóa xây dựng tập trung kết hợp với các công trình thể dục thể thao, vườn cây... để hợp thành **công viên văn hóa** loại vừa và nhỏ.

Các cơ quan và công trình văn hóa trong các trung tâm văn hóa do Nhà nước đầu tư và nhân dân đóng góp xây dựng. Đặc biệt, việc xây dựng các trung tâm văn hóa mới ở nông thôn phải được tiến hành theo quy hoạch tùy từng cơ sở trên địa bàn huyện. Việc xây dựng các cơ sở vật chất về văn hóa ở cấp huyện và xã chủ yếu phải dựa vào lao động của hợp tác xã, của địa phương, ngân sách địa phương có sự đầu tư cần thiết (Theo nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng, khóa IV).

Như vậy, **một nền văn hóa mới phải có các cơ sở vật chất và một mạng lưới tổ chức hoạt động rộng lớn** (của Nhà nước và của quần chúng) **để vừa chứa đựng nội dung và thể hiện trình độ văn hóa, tinh thần của xã hội,** vừa tác động vào sinh hoạt tinh thần của xã hội.

★

Sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa đem lại những biến đổi quan trọng trong đời sống tinh thần và tình cảm của quần chúng. Quá trình xây dựng nền văn hóa mới và con người mới là quá trình góp phần tạo ra liên tục các cao trào cách mạng để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng (trước mắt là nghị quyết về

(Xem tiếp trang 81)

Digitized by Google

Giống lúa Nông nghiệp 1A đã tạo ra thế mới trong nông nghiệp Hải-hưng

NGÔ-DUY-ĐÔNG
Bí thư tỉnh ủy Hải-hưng

HẢI-HƯNG là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng — một trong 2 vùng trọng điểm lớn về sản xuất lúa của cả nước. Cho nên Hải-hưng có trách nhiệm quan trọng trong việc đẩy mạnh sản xuất lương thực và thực phẩm nhằm góp phần tích cực vào việc «giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm, tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi để thực hiện cùng một lúc hai yêu cầu cơ bản và cấp bách là xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân» mà Đảng ta đã đề ra.

Hải-hưng có đất đai màu mỡ, sức lao động dồi dào, nhưng số dân quá đông, diện tích ruộng đất bình quân quá ít. Mật độ dân số bình quân là 787 người/km^2. Huyện đông dân nhất có tới 1.113 người/km^2. Do đó cùng với việc đưa bớt dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, chúng tôi tập trung sức đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ trên diện tích đất canh tác hiện có, dựa trên cơ sở quy vùng sản xuất tập trung, chuyên canh theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi phải giải quyết cho được bài toán: vừa bảo đảm tốt 2 vụ lúa, không để mất diện tích và sản lượng lúa, vừa phát triển vụ đông một cách mạnh mẽ và vững chắc, với hiệu quả kinh tế cao. Có làm được như vậy thì Hải-hưng mới giải quyết được vấn đề lương thực cho người và thức ăn cho gia súc, mới tạo điều kiện đẩy mạnh chăn nuôi, đưa chăn nuôi lên cân đối với trồng trọt nhằm tạo ra nguồn phân bón dồi dào để đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu thâm canh và tăng vụ ngày càng cao.

Chúng ta hiểu rằng, muốn đạt năng suất cao, sản lượng nhiều trong trồng trọt, phải áp dụng một loạt biện pháp như sử dụng giống tốt, tưới tiêu nước một cách chủ động, bón phân tốt và đủ, phòng trừ sâu bệnh tốt, v.v... Nhưng muốn làm nhiều vụ trong năm thì nhất thiết phải có một cơ cấu cây trồng thích hợp. Cuộc cách mạng về cơ cấu cây trồng để thâm canh tăng vụ trên đồng ruộng miền Bắc những năm vừa qua, chính là bắt đầu từ chỗ chúng ta tìm ra được tập đoàn lúa xuân (giống lúa ngắn ngày, có năng suất cao) để thay cho giống lúa chiêm (giống lúa dài ngày và năng suất thấp). Từ ngày có giống lúa xuân đến nay, chúng ta đã chuyển phần lớn vụ lúa chiêm thành vụ lúa xuân, do đó đã làm cho nghề trồng lúa ở miền Bắc đạt được một bước tiến vượt bậc cả về năng suất và sản lượng, đồng thời lại tạo thêm được một vụ mới — vụ đông, trên diện tích làm 2 vụ lúa.

Digitized by Google

Tiến hành sản xuất lúa xuân có kết quả tốt và tăng thêm vụ đông là những thành tựu rất đáng phấn khởi. Tuy nhiên, trong sản xuất lúa và làm vụ đông ở miền Bắc từ đó đến nay, chúng ta còn chưa khắc phục được những khó khăn sau đây:

— Vụ lúa xuân đã tương đối ổn định. Song gặp trường hợp rét đậm và kéo dài như năm 1977 vừa qua, thì việc giải quyết khâu mạ và bảo đảm cấy hết diện tích lúa xuân là rất khó khăn.

— Vụ đông được mở ra, song thời vụ chỉ có 3 tháng thôi. Mấy năm nay diện tích vụ đông khó mở rộng là vì thời vụ bắt đầu làm vụ đông quá muộn, mà nguyên nhân chính là do thời vụ lúa mùa dài (kể cả giống NN 23 là giống lúa mùa sớm). Thời vụ làm vụ đông đã quá muộn, gặp năm mưa cuối vụ (tháng 10) thì lại càng bị động.

Bởi vậy, muốn quay vòng sử dụng đất nhanh để tăng vụ thì phải bố trí một cơ cấu cây trồng hợp lý để triệt để tận dụng năng lượng, điều kiện thời tiết trong các mùa vụ ở các vùng khác nhau, nhằm đạt sản lượng cao nhất trên đơn vị diện tích. Trong việc bố trí cơ cấu cây trồng để tăng vụ, tất nhiên phải đi vào nghiên cứu giống lúa ngắn ngày mà khâu quan trọng là tìm ra **giống lúa mùa ngắn ngày có năng suất cao** để có thể vừa làm tốt vụ lúa mùa, vừa tạo điều kiện mở rộng được diện tích vụ đông.

Hải-hưng trước đây đã nghiên cứu nhiều giống lúa mùa sớm như: Ba giăng, Cánh mẫm, Mẫn gia, Tam xuân, Bát ngoạt, Sớm mừng, Sớm giai, Giẻ vỏ, Giẻ trắng, Bạch hoa, Vàng heo, Gié hương, Tám sớm, Trà trung tử; 127; Trân châu lùn; NN 23.. Nhưng tất cả những giống lúa này không có loại nào có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày. Loại ngắn nhất như Ba giăng cũng phải mất 101 ngày, còn phần lớn đều từ 110 đến 130 ngày; thậm chí có 8 loại thời gian sinh trưởng tới 135 ngày. Về năng suất, phần lớn các loại giống chỉ đạt từ 14 đến 20 tạ/ha; loại cao nhất là NN 23 cũng chỉ đạt 25,9 tạ/ha.

Những giống lúa này, nếu sử dụng làm lúa mùa sớm để làm vụ đông thì phải gieo sớm vào khoảng trung tuần tháng 6. Nếu cấy thì phải gieo mạ từ đầu tháng 6 và cấy vào cuối tháng 6 sang đầu tháng 7. Lúc này lúa thường dễ bị sâu đục thân phá hoại, cho nên năng suất thấp. Những năm thu hoạch lúa chiêm xuân muộn như năm 1977 vừa qua chẳng hạn, thì làm đất sẽ không kịp, được mạ không được ngấu, gốc rạ chưa bị phân hủy, mạ dễ bị già ống, năng suất cũng sẽ thấp. Nếu gieo thẳng sau đầu tháng 7, thì tránh được lúa sâu đục thân, nhưng lại gặt muộn vào cuối tháng 10, do đó làm lỡ vụ một số cây vụ đông cần trồng sớm như: dưa hấu, đậu tương, cà chua, tỏi, hành tây, khoai lang..., là những loại cây trồng có hiệu quả kinh tế lớn hơn. Đó là những mâu thuẫn mà lâu nay, với giống lúa mùa sớm đã có, chúng ta chưa có cách nào khắc phục được

★

Khi miền Nam mới được giải phóng, các đồng chí ở tỉnh ủy Trà-vinh có tặng Hải-hưng 2 kg thóc giống ngắn ngày. Theo các đồng chí đó cho biết thì thời gian sinh trưởng của nó khoảng 75 ngày (trong điều kiện thời tiết khí hậu của đồng bằng Nam-bộ), và cũng chưa xác định được tên giống lúa ấy là gì. Số thóc này được giao cho trại sản xuất giống Điền-nhi; trại này có trách nhiệm theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật, qua đó bước đầu xây dựng quy trình kỹ thuật thích hợp với giống lúa này trong điều kiện đất đai, thời tiết, khí hậu ở Hải-hưng.

Qua 5 vụ chọn lọc, bồi dục và nhân giống trên đất Hải-hưng, chúng tôi thấy giống lúa này có một số ưu điểm như sau: cây lúa thấp và cứng, lá đứng, chịu phân, ngắn ngày, năng suất cao. Đây cũng là loại giống cảm

Digitized by Google

ôn và phản ứng trung tính ánh sáng, có thể gieo được cả 2 vụ: xuân và mùa. Để phân biệt với các giống lúa khác, chúng tôi đặt tên là giống Nông nghiệp 1A.

Vụ đầu tiên (vụ mùa 1975), giống lúa này được thực nghiệm ở trại giống Điền-nhi bằng hai hình thức:

— Hình thức thứ nhất là gieo thẳng 40 mét vuông vào ngày 7-7-1976, đạt năng suất 30,55 tạ/ha, thời gian sinh trưởng là 85 ngày.

— Hình thức thứ hai là gieo mạ và cấy. Mạ gieo từ ngày 2 — 7 (tuổi mạ 15 ngày), cấy trên diện tích 120 mét vuông, cấy một dảnh với mật độ 40 khóm/m^2, đạt năng suất 26,6 tạ/ha, thời gian sinh trưởng là 90 ngày. Trọng lượng 1000 hạt là 23 gam.

Năng suất vụ này chưa cao vì không bảo đảm mật độ cấy cần thiết, nhưng thời gian sinh trưởng 85 ngày là rất quý, vì nó tạo điều kiện để mở rộng diện tích vụ đông.

Vụ thứ hai (vụ xuân 1976), ngoài trại giống Điền-nhi ra, chúng tôi làm thử ở 2 hợp tác xã nữa để rút kinh nghiệm. Kết quả như sau:

— Trại giống Điền-nhi gieo 3.100m^2 vào ngày 10-2-76, thu hoạch ngày 26-5, đạt năng suất 46 tạ/ha;

— Hợp tác xã Cam-la gieo 723m^2 vào ngày 12-2, thu hoạch ngày 29-5, đạt năng suất 51 tạ/ha;

— Hợp tác xã Đức-xương (Gia-lộc) tỉa lúa gieo của trại Điền-nhi về cấy 4.320m^2; đạt năng suất 38,8 tạ/ha.

Vụ thứ ba (vụ mùa 1976), chúng tôi mở rộng ra tới 16 hợp tác xã với diện tích 50,5 ha để vừa nhân giống, vừa thí nghiệm trên phạm vi rộng. Kết quả là năng suất bình quân chung đạt 26,9 tạ/ha. Riêng trại giống Điền-nhi gieo 3,6 ha, đạt năng suất 47,3 tạ/ha. Hợp tác xã Hưng-đạo (Tứ-kỳ) gieo 1,5 ha, đạt năng suất 31,3 tạ/ha. Ruộng « phần trăm » của xã viên ở xã Tân-tiến (Gia-lộc) có người đã đạt tới 73 tạ/ha. Còn một số hợp tác xã khác chỉ đạt từ 20 đến 28 tạ/ha vì phần nhiều là đem cấy hoặc gieo quá thưa, và nói chung là chưa nắm vững đặc điểm sinh lý của nó, chưa làm đúng các quy trình kỹ thuật thâm canh.

Vụ thứ tư (vụ xuân 1977), toàn tỉnh đã gieo tới 1.153 ha giống Nông nghiệp 1A. Năng suất bình quân đạt 29 tạ/ha.

— Trại giống Điền-nhi gieo 2 ha, đạt năng suất 52 tạ/ha, trong đó có 720m^2 gieo ngày 5-3 đạt 68 tạ/ha;

— Hợp tác xã Đức-xương (Gia-lộc) gieo 110,5 ha, đạt năng suất 35 tạ/ha;

— Hợp tác xã Đồng-gia (Kim-thành) gieo gần 10 ha, đạt năng suất 54 tạ/ha;

— Hợp tác xã Xuân-hèo (Tứ-kỳ) gieo 67 ha, đạt năng suất 39 tạ/ha;

— Hợp tác xã Cẩm-định (Cẩm-bình) gieo 7 ha, đạt năng suất 39 tạ/ha;

— Hợp tác xã Toàn-thắng (Gia-lộc) gieo 72 ha, đạt năng suất 33 tạ/ha;

— Hợp tác xã Phạm-kha (Thanh-miện) gieo 10,8 ha, đạt năng suất 36,1 tạ/ha. Riêng đội 6 thôn Đô-hạ gieo 1,8 ha, đạt năng suất 41 tạ/ha;

— Ruộng « phần trăm » của một số xã viên ở huyện Gia-lộc và Cẩm-bình, có người đã đạt năng suất tới trên 70 tạ/ha.

Vụ thứ năm (vụ mùa 1977), Hải-hưng đã gieo tới 10.720 ha, đồng thời còn cung cấp trên 300 tấn giống Nông nghiệp 1A cho các tỉnh bạn. Nhìn chung lúa tốt đồng đều, có nhiều điểm cho năng suất khá cao. Những hợp tác xã làm đúng các quy trình kỹ thuật thâm canh đều đạt năng suất từ 30 tạ/ha trở lên. Kết quả cụ thể ở một số cơ sở như sau:

— Trại giống Điền-nhi đạt 43 tạ/ha, có đội đạt tới 46 tạ/ha;

— Hợp tác xã Phùng-hưng (Khoái-châu) đạt 36,5 tạ/ha;

— Hợp tác xã Bình-minh (Khoái-châu) đạt 33,32 tạ/ha, trong đó, đội ông Đường đạt 39,40 tạ/ha và có thửa đạt tới 55,50 tạ/ha;

— Hợp tác xã Đức-hợp (Kim-động) đạt 36,19 tạ/ha, trong đó đội kỹ thuật gieo 2,5 ha, đạt 42,24 tạ/ha;

Digitized by Google

— Hợp tác xã Kỳ-sơn (Tứ-kỳ) đạt 33,75 tạ/ha ;

— Hợp tác xã Thanh-quang (Nam-sách) đạt 33,55 tạ/ha ;

— Hợp tác xã Thất-hùng (Kinh-môn) đạt 33,25 tạ/ha, trong đó có thửa đạt tới 45,63 tạ/ha ;

— Hợp tác xã Nghĩa-hưng (Gia-lộc) đạt 32,42 tạ/ha ;

— Hợp tác xã Phạm-kha (Thanh-miện) đạt 31 tạ/ha ;

— Hợp tác xã Cẩm-định (Cẩm-bình) đạt 31 tạ/ha ;

— Ruộng « phần trăm » của xã viên gieo giống Nông nghiệp 1A phần lớn đều đạt từ 40 tạ/ha trở lên, có người đạt tới 75 tạ/ha như đồng chí Nguyễn-Phùng ở xã Cẩm-định, huyện Cẩm-bình.

Những kết quả cụ thể trên đây, cho thấy rằng, trong điều kiện được chăm sóc đầy đủ, đúng quy trình kỹ thuật thâm canh, giống lúa Nông nghiệp 1A có khả năng cho năng suất từ 4 đến 5 tấn/ha vào vụ xuân và từ 3 đến 4 tấn/ha vào vụ mùa trên diện tích rộng.

Qua 5 vụ thí nghiệm ở Hải-hưng, từ diện hẹp ra diện rộng, cả vụ mùa và vụ xuân, chúng ta thấy Nông nghiệp 1A là giống lúa mẫn cảm với nhiệt độ (nhiệt độ cao thì thời gian sinh trưởng ở mức 83 — 85 ngày, nhiệt độ thấp thì thời gian sinh trưởng kéo dài hơn). Do đó, vụ mùa giống Nông nghiệp 1A thường có thời gian sinh trưởng ổn định từ 83 đến 85 ngày ; vụ xuân nhiệt độ thấp hơn cho nên thời gian sinh trưởng của nó tới 90 ngày. Nhưng nếu gieo quá sớm (từ 10 — 12) khi nhiệt độ còn thấp thì thời gian sinh trưởng của nó tới 105 ngày.

Tính ổn định của giống lúa Nông nghiệp 1A là do thời vụ ngắn cho nên nó có thể tránh được những đợt rét đậm đầu vụ cũng như tránh được cả gió tây khô nóng cuối vụ.

Do đặc tính đó, Nông nghiệp 1A trở thành giống lúa chính trong cơ cấu lúa mùa sớm ; hơn nữa nó còn là loại giống dự phòng rất tốt cho vụ xuân khi gặp thiên tai khi giống Nông nghiệp 8, Trân châu lùn đã hết thời vụ thì có thể dùng giống Nông nghiệp 1A thay thế, vì giống lúa này gieo thẳng vẫn bảo đảm cho năng suất cao (nếu được thâm canh tốt) và không ảnh hưởng đến thời vụ của lúa mùa.

Hiện nay, giống lúa Nông nghiệp 1A đã được Hội đồng khoa học kỹ thuật của Bộ nông nghiệp chính thức đưa vào tập đoàn giống lúa quốc gia.

Đưa một tỷ lệ nhất định giống Nông nghiệp 1A vào cơ cấu lúa mùa và lúa xuân còn có tác dụng rải vụ, làm cho các loại giống đều có được thời vụ thích hợp nhất để thâm canh cho năng suất cao, đỡ căng thẳng về lao động lúc thời vụ khẩn trương.

Dùng giống lúa Nông nghiệp 1A gieo thẳng tập trung từng khu đồng để thực hiện thâm canh, chuyên canh, tăng vụ, tăng hệ số sử dụng ruộng đất, sẽ tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình cơ giới hóa nông nghiệp.

Dùng giống lúa Nông nghiệp 1A ngắn ngày năng suất cao, thực hiện gieo thẳng, bảo đảm đúng quy trình kỹ thuật, đúng thời vụ, sẽ giảm được nhiều khâu lao động trong sản xuất, giảm được chi phí sản xuất, do đó mà hạ được giá thành sản phẩm, tăng giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích.

Nét nổi bật nhất là đưa giống lúa Nông nghiệp 1A vào cơ cấu lúa mùa sớm đã làm cho vụ đông được tiến hành sớm hơn mọi năm từ 15 đến 20 ngày, do đó mà tạo điều kiện trồng được một số cây vụ đông dài ngày hơn, có giá trị kinh tế và giá trị xuất khẩu cao hơn, với quy mô lớn hơn như : tỏi, đậu tương, dưa hấu, hành tây... trên chân ruộng hai vụ lúa. Nếu xét về cơ cấu mùa vụ ở ta, thì vụ lúa xuân đã cho phép mở ra vụ đông, nhưng vụ đông chỉ có 3 tháng và nhất là thời vụ bắt đầu làm vụ đông quá muộn cho nên chỉ trồng được

Digitized by Google

một số cây ngắn ngày, rất khó mở rộng vụ đông thành vụ sản xuất chính. Đến nay, đưa giống lúa Nông nghiệp 1A vào cơ cấu lúa mùa sớm, chúng ta đã tạo ra được vụ đông sớm hơn, dài ngày hơn và đáp ứng được ba yêu cầu: có thêm một phần lương thực, thực phẩm cho người; tạo ra được nguồn thức ăn cho chăn nuôi phát triển; và có một số mặt hàng để xuất khẩu. Cái đáng quý là với điều kiện cơ sở vật chất — kỹ thuật và trình độ canh tác hiện nay, sử dụng giống lúa Nông nghiệp 1A, ta vẫn có thể chủ động giành thắng lợi trong sản xuất và vụ đông có điều kiện trở thành vụ sản xuất chính trong năm.

Nhờ có giống lúa ngắn ngày Nông nghiệp 1A, năm 1977 Hải-hưng đã gieo trồng được 32.980 héc-ta cây vụ đông, đạt 103,3% mức kế hoạch Trung ương giao, gấp 1,5 lần so với vụ đông trước. Đặc biệt cây ngô và khoai lang, trước đây chưa vụ đông nào đạt kế hoạch thì vụ đông này đều vượt kế hoạch. Cây khoai tây, cây trồng chủ yếu chiếm tới 53% tổng diện tích vụ đông ở Hải-hưng, thì tăng gần 2 lần so với vụ đông trước, với diện tích 17.335 héc-ta. Các loại rau đậu khác đều vượt kế hoạch. Đáng chú ý là trong tập đoàn cây vụ đông năm nay ở Hải-hưng có cả cây tỏi, dưa hấu, đỗ tương và hành tây (năm đầu tiên trồng thí nghiệm) là những cây có giá trị kinh tế và giá trị xuất khẩu cao, được phát triển trên phạm vi hàng trăm héc-ta, mở đầu cho thời kỳ phát triển sản xuất mạnh mẽ trong các vụ đông sau.

Việc quay vòng, tăng vụ ở Hải-hưng chủ yếu theo hướng: hai vụ lúa + một vụ màu (vụ đông), tức là ba vụ trong năm. Song có giống lúa Nông nghiệp 1A, một số nơi còn làm được 2 vụ màu trong vụ đông như: cải củ + cà chua; cải củ + khoai tây; dưa hấu + khoai tây; hoặc làm liền 2 vụ khoai tây, trong đó vụ khoai tây giống chỉ cần 75 ngày.

Đối với vùng trồng đay, công thức luân canh trước đây là làm 2 vụ mà cũng còn nhiều khó khăn vì được đay thì hỏng lúa, hoặc được lúa thì hỏng đay. Vùng trồng đay của Hải-hưng chiếm diện tích khá lớn, gần 1 vạn héc-ta và thuộc vùng phù sa ven sông Hồng, đất đai màu mỡ. Muốn làm tốt cây đay để có nhiều hàng xuất khẩu với giá trị kinh tế cao, thì lại gặp khó khăn về mặt lương thực. Công thức luân canh hai vụ: đay + lúa trước đây có khó khăn cho nên một số diện tích đã phải chuyển sang công thức luân canh 2 vụ: đay và ngô vụ đông. Nhưng thâm canh cây ngô để có năng suất 20 đến 25 tạ ngô/ha trên diện tích rộng cũng không phải dễ.

Nay dùng giống lúa Nông nghiệp 1A gieo thẳng sau khi thu hoạch đay khoảng cuối tháng 7 và đầu tháng 8, lúa vẫn trỗ trước tiết hàn lộ và cho năng suất khá. Vụ mùa 1977 vừa qua, một số xã vùng đay thuộc huyện Khoái-châu đã gieo tới gần 400 héc-ta giống lúa Nông nghiệp 1A vào chân ruộng trồng đay, lúa khá tốt. Lúa Nông nghiệp 1A gieo trên chân ruộng trồng đay của huyện Khoái-châu đạt năng suất bình quân hơn 32 tạ/ha, và cơ bản thu hoạch xong từ 20 đến 30 tháng 10, là thời gian làm vụ đông rất tốt. Như vậy ở những xã gieo lúa Nông nghiệp 1A vào chân ruộng trồng đay, đương nhiên có một công thức luân canh 3 vụ: đay + lúa + khoai tây, — một công thức lý tưởng đối với nhân dân vùng trồng đay vì vừa bảo đảm làm tốt cây công nghiệp xuất khẩu, vừa giải quyết được vấn đề lương thực.

Đó là những nét mới, những nhân tố mới từ khi đưa giống lúa Nông nghiệp 1A vào đất Hải-hưng. Những nhân tố mới này đã và đang tạo ra một thế đi lên mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp Hải-hưng, cho phép Hải-hưng thực hiện một cách có kết quả phương hướng có tầm chiến lược đối với các tỉnh thuộc đồng bằng

Digitized by Google

Bắc-bộ là: thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích vụ đông, đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính. Những nhân tố mới này đã và đang tạo điều kiện thúc đẩy sự phân công lao động tại chỗ để sử dụng một cách có hiệu quả lực lượng lao động dồi dào, tiềm năng phong phú của đất đai, khí hậu và những cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có, nhằm đưa nông nghiệp phát triển vượt bậc, tăng thóc, tăng màu, tiến tới giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và thực phẩm, tăng nguồn hàng xuất khẩu, có thêm nhiều nguyên liệu để phát triển công nghiệp thực phẩm, chế biến nông sản, tăng thức ăn cho chăn nuôi, tăng thu nhập cho tập thể và xã viên, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, tạo điều kiện để cơ giới hóa nông nghiệp với quy mô ngày càng lớn.

★

Có được giống lúa nông nghiệp 1A để đưa vào cơ cấu giống lúa mùa sớm, nhằm tạo ra vụ đông sớm hơn, dài ngày hơn và trở thành vụ chính trong năm như trên đã nói, là một thắng lợi rất đáng phấn khởi. Song cũng cần biết một số nhược điểm của giống lúa Nông nghiệp 1A và những điều kiện cần chú ý khi sử dụng nó.

Giống lúa Nông nghiệp 1A tuy đã qua 5 vụ chọn lọc, bồi dục và nhân ra, nhưng nó cũng còn một số nhược điểm như độ đồng đều còn thấp, chịu hạn thua kém một số giống lúa khác, dễ bị nhiễm thuốc sâu khi bón quá liều lượng. Còn mức chịu đựng sâu bệnh thì cũng bình thường như các giống lúa mùa sớm hiện nay, nếu làm đúng thời vụ thì vẫn có thể tránh được những lứa sâu đục thân đầu vụ. Hiện tượng sinh lý: bớt đầu bông và bệnh tiêm lúa, đốm nâu vẫn còn, nhưng trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh, các hiện tượng trên đã giảm đi rõ rệt. Sắp tới các cơ quan khoa học — kỹ thuật nông nghiệp đi vào giúp đỡ nghiên cứu chọn lọc, bồi dục cho giống lúa này thì những nhược điểm nêu ở trên sẽ được hạn chế dần.

Giống lúa Nông nghiệp 1A là giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn (83 đến 85 ngày) cho nên về kỹ thuật thâm canh theo kinh nghiệm của Hải-hưng, cần chú ý mấy vấn đề sau đây:

— *Về thời vụ:* Vụ mùa có thể gieo trong cả tháng 7, lúa sẽ trỗ vào cuối tháng 8 đến hạ tuần tháng 9 và thu hoạch vào cuối tháng 9 sang đầu tháng 10 là thời vụ làm vụ đông rất tốt. Không nên gieo quá sớm vào cuối tháng 6 dễ bị sâu đục thân và trỗ vào lúc nóng, lúa sẽ bị lép nhiều.

Vụ xuân nên gieo từ 20-2 đến 10-3, nếu gặp rét kéo dài có thể lùi lại 5 đến 7 ngày; miền núi có thể gieo muộn hơn đồng bằng 10 ngày. Lúa sẽ trỗ vào khoảng từ 20-4 đến 5-5 là thời kỳ nhiệt độ rất thích hợp và sẽ thu hoạch vào khoảng từ 25-5 đến 10-6.

— *Gieo vãi:* Vì là giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn (83 đến 85 ngày) cho nên thời kỳ sinh trưởng dinh dưỡng của giống Nông nghiệp 1A rất ngắn. Vụ mùa, sau khi gieo 12 đến 15 ngày lúa đã bắt đầu đẻ nhánh; sau 25 đến 27 ngày lúa đã làm đòng. Nếu cấy tuổi mạ 15 đến 20 ngày, mạ sẽ già, ảnh hưởng đến đẻ nhánh, bông bé, năng suất sẽ thấp. Do đó gieo vãi, và chỉ có gieo vãi, mới bảo đảm năng suất cao.

— *Mật độ:* Qua theo rõi thực tế, giống lúa Nông nghiệp 1A cần có số bông bình quân từ 250 — 500 bông/m^2 mới cho năng suất cao. Do đó, vụ mùa nên gieo khoảng từ 85 — 90 kg/ha (hay 3 — 3,2 kg/sào Bắc-bộ), vụ xuân nên gieo từ 100 — 105 kg/ha (hay 3,5 — 3,7 kg/sào Bắc-bộ) với tỷ lệ nảy mầm 90%.

— Phải gieo mộng cho thật đều để hạn chế việc tỉa dặm, vì giống lúa ngắn ngày, phát triển nhanh, những cây lúa tỉa dặm sẽ trỗ và chín muộn

(*Xem tiếp trang 96*)

Digitized by Google

Từ thực tiễn của Quân khu 4

MẤY SUY NGHĨ VỀ KẾT HỢP KINH TẾ VỚI QUỐC PHÒNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

LÊ - QUANG - HÒA

NHỮNG năm gần đây, nhất là từ sau khi có Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, vấn đề xây dựng huyện đã trở thành một trong những vấn đề then chốt của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn nước ta.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã chỉ rõ: « Huyện là cứ điểm để tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới ở nông thôn; là nơi thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân ở địa phương; là cấp bảo đảm đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân » (1).

Trong giai đoạn mới, huyện là địa bàn cơ bản thể hiện trực tiếp và cụ thể quy luật toàn dân xây dựng đất nước đi đôi với toàn dân bảo vệ đất nước trong điều kiện và hoàn cảnh mới của một nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa thống nhất, góp phần quan trọng vào nhiệm vụ « bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tinh cách là Tổ quốc ».

★

Đi từ kinh tế, từ công cuộc tổ chức lại sản xuất tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp để thực hiện sự kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn huyện.

Một trong những sự đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta về đường lối cũng như về phương pháp cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là xác định đúng vị trí và nội dung của huyện và cấp huyện, là chủ trương xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp.

Với chủ trương xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, Đảng ta đã tìm được bước đi thích hợp nhất, ngắn nhất, dễ tiếp thu nhất để đưa nền nông nghiệp nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất

(1) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 139.

Digitized by Google

lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là bước đi có hiệu quả nhất để giải quyết tình trạng sản xuất phân tán, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế thấp trong từng hợp tác xã, từng đội sản xuất khép kín. Trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu là ra sức phát triển nông nghiệp vượt bậc, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà. Địa bàn huyện là nơi trực tiếp quyết định thắng lợi trong trận tiến công giành mục tiêu 21 triệu tấn lương thực vào năm 1980.

Để đạt tới mục tiêu ấy, một loạt vấn đề được đặt ra một cách khẩn trương, cấp bách nhằm thúc đẩy nhanh quá trình tổ chức và phân công lại lao động xã hội, thực hiện tốt các mối quan hệ kết hợp – kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, sản xuất với lưu thông, phân phối, kết hợp sở hữu toàn dân với sở hữu tập thể, kết hợp sự đầu tư của Nhà nước với sức lực của nhân dân, làm cho huyện thật sự là cứ điểm tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn.

Khi đặt yêu cầu kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn huyện thì không thể không gắn chặt nó với công cuộc tổ chức lại sản xuất và phải đi từ yêu cầu xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa. Vì như Ăng-ghen đã nói: «Khoa học quân sự mới là sản phẩm tất nhiên của quan hệ xã hội mới», và «Sức sản xuất mới đồng thời cũng là tiền đề của những thành tựu mới về quân sự» (2) Cho nên, muốn giải quyết tốt vấn đề quân sự địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân ở cấp huyện thì phải đi từ vị trí của cấp huyện về kinh tế. Trong những năm trước mắt, chúng ta phải tập trung cao độ lực lượng vào nông nghiệp, và xây dựng cơ cấu nông – công nghiệp ở huyện. Từ đó, tạo cơ sở vững chắc để từng bước xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

Vừa qua, nhờ sớm xác định được vấn đề này và từng bước nâng cao được nhận thức tư tưởng, các tỉnh thuộc Quân khu 4 đã kịp thời chuyển hướng công tác quân sự địa phương theo yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới và đã đi đúng đường lối, quan điểm của Đảng. Khắp nơi đã huy động lực lượng của quốc phòng để thúc đẩy kinh tế, thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Đặc biệt là đã huy động vào những khâu khẩn trương, cấp bách nhất mà nông nghiệp đang đặt ra: phá gỡ bom mìn, giải phóng đất đai cho sản xuất, làm thủy lợi, khai hoang; xây dựng vùng kinh tế mới, chuẩn bị địa bàn đưa dân từ vùng xuôi lên vùng núi...

Trên mảnh đất Bình-trị-thiên, địch để lại bom đạn dày đặc ở nhiều vùng, không mấy ngày không gây thiệt hại cho nhân dân. Bộ đội và dân quân đã bỏ ra hơn nửa triệu ngày công, tháo gỡ hơn 6,5 triệu quả bom, mìn các loại, trả lại đất đai cho sản xuất, đem lại yên vui cho đồng bào. Cuộc chiến đấu thầm lặng nhưng hết sức quyết liệt này diễn ra suốt từ sau ngày giải phóng cho đến nay vẫn thu hút mỗi tháng trung bình từ 4 đến 5 vạn ngày công. Chỉ riêng 3 tháng 8, 9, 10 năm 1977, số bom mìn, đầu đạn do dân quân, tự vệ, bộ đội địa phương phá gỡ được đã lên tới 1 triệu 75 nghìn quả. Nếu không biết sử dụng sức mạnh của tổ chức quân sự, nếu chỉ ỷ lại vào phương tiện hiện đại, thì không thể nào và chưa biết đến bao giờ mới giải quyết được hậu quả to lớn và nặng nề đó của chiến tranh.

Cũng chính vì biết kết hợp kinh tế với quốc phòng, các huyện, các tỉnh đã tập trung lực lượng, điều hành lao động theo kiểu quân sự hóa

(2) Ăng-ghen: *Tuyển tập luận văn quân sự*, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1961, quyển 3, trang 30 — 31.

Digitized by Google

trên hàng loạt công trường thủ công, tạo được sức mạnh lớn, năng suất và hiệu quả kinh tế cao, góp phần giải quyết nhanh, gọn, dứt điểm những khối lượng lớn công việc, những công trình có quy mô vừa và lớn, phục vụ sản xuất và đời sống. Huyện Quỳnh-lưu (tỉnh Nghệ-tĩnh) đã mở đầu về cách thức làm ăn mới này. Bài học Quỳnh-lưu đã mở ra hướng đi mới và được vận dụng có kết quả trên các công trường thủ công của các địa phương khác. Chiến dịch Vách-bắc huy động một lúc 8 — 9 vạn người (lúc cao nhất 13 vạn) là một điển hình về tổ chức và điều hành lao động. Trên một công trường lớn như vậy, nếu không có một sự tổ chức chặt chẽ, khoa học thì chưa nói đến năng suất, chất lượng, mà ngay việc quản lý kỷ luật, giữ gìn trật tự an ninh, vệ sinh phòng bệnh, bảo đảm đời sống cũng sẽ gặp biết bao phức tạp, khó khăn. Bằng cách điều hành lao động theo kiểu quân sự hóa, chỉ trong vòng ba tuần, kể từ lúc có chủ trương của tỉnh, tất cả các huyện đã tổ chức xong các trung đoàn, sư đoàn (80% trong số đó là dân quân tự vệ), hình thành một « tập đoàn quân » lao động thủ công kết hợp với một phần công cụ và phương tiện cơ khí, đặt dưới sự chỉ huy tập trung thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh; còn cơ quan quân sự và các ngành có liên quan làm tham mưu. Trong vòng một tháng, các lực lượng tham gia chiến dịch hoàn thành đào đắp 3 triệu mét khối đất (bằng khối lượng cả tỉnh làm một năm trước đây). Tại công trường, tỉnh đã kết hợp việc lao động với việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển quân, tập huấn quân sự cho cán bộ. Trong chiến dịch điều hành lao động tập trung với quy mô tỉnh và theo phương thức quân sự hóa, dân quân, tự vệ là lực lượng xung kích và cũng là lực lượng chủ yếu.

Tỉnh Thanh-hóa hoàn chỉnh thêm một bước cách điều hành này trên các công trình sông Lý, lạch Bạng, Quảng-châu, sông Mực, Trung-bằng. Trong một tháng lao động tại sông Lý, 8 vạn dân quân không những lao động giỏi, mà còn thực hiện được chương trình huấn luyện kỹ thuật quân sự năm 1977, dùng thời gian lao động dôi ra do tăng năng suất để huấn luyện 4 vạn dân quân bắn đạn thật đạt 80% loại khá và loại giỏi. Huyện Nông-cống tổ chức lực lượng dân quân thành sư đoàn (từ các đội 202 hợp lại), lao động giỏi, huấn luyện quân sự giỏi, có tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật nghiêm, thường xuyên dẫn đầu năng suất lao động của công trường. Trong chiến dịch sông Lý, sư đoàn này đạt 310% kế hoạch, vượt thời hạn 27 ngày và còn giúp đỡ đơn vị bạn. Đang lao động trên công trường, gặp dịp mưa, ngay trong đêm, sư đoàn tổ chức báo động, phân chia lực lượng về giúp các xã tranh thủ cấy cày kịp thời vụ.

Trong điều kiện một tỉnh có hai vùng: từ Bến-hải trở ra đã kinh qua nhiều năm xây dựng chủ nghĩa xã hội; từ Bến-hải trở vào, quan hệ sản xuất mới đang bắt đầu xây dựng, lực lượng dân quân còn ít, lại còn nhiều đặc điểm khác chi phối, tỉnh Bình-trị-thiên đã có những vận dụng sáng tạo. Để phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của quần chúng, tỉnh đã cùng một lúc tiến hành nhiều việc: rà phá bom mìn, rà phá đến đâu tổ chức sản xuất, khai hoang đến đó, vừa tổ chức đưa dân lên vùng kinh tế mới, vừa mở ra hàng loạt công trình xây dựng khác. Tỉnh đã lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt, thanh niên làm xung kích, khai thác và huy động lực lượng quần chúng, tạo thành phong trào lao động xã hội chủ nghĩa ngày càng sôi nổi, mạnh mẽ. Mọi việc đều điều hành theo kiểu quân sự hóa, có tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật, lao động có năng suất, có khí thế, có kết quả thiết thực. Nhờ vậy, những tháng hè năm 1977, tỉnh đã có thể huy động một lực

Digitized by Google

lượng khá lớn, triển khai xây dựng trên 200 công trình thủy lợi lớn, nhỏ. Công trình Nam sông Hương trên địa bàn hai huyện (cũ) Phú-vang—Hương-trà và thành phố Huế, thường xuyên huy động trên dưới 2 vạn dân quân du kích và một số đơn vị bộ đội tham gia. Trước dự định 2 năm thì xong công trình này, nhưng chỉ làm 7 tháng đã hoàn thành, kịp đưa nước vào phục vụ sản xuất vụ hè thu 1977.

Với những kinh nghiệm đã có, tỉnh ủy Bình-trị-thiên quyết định tổ chức ở mỗi huyện, thành phố 1 sư đoàn (hoặc 1 — 2 trung đoàn) xây dựng kinh tế. Các đơn vị này hoạt động linh hoạt, khi tập trung, khi phân tán, tổ chức gọn nhẹ, có kỷ luật nghiêm. Mỗi sư đoàn có 1 trung đoàn làm thủy lợi, 1 trung đoàn (hoặc 1 — 2 tiểu đoàn) sản xuất vật liệu xây dựng, 1 — 2 tiểu đoàn xây dựng các công trình công cộng cho vùng kinh tế mới, 2 trung đoàn xây dựng kinh tế theo quy hoạch địa phương. Theo cách tổ chức này, tỉnh Bình-trị-thiên có thể điều hành 20 vạn lao động. Quân khu 4 có 50 huyện, nếu mỗi huyện huy động 1 vạn người, thì đây là một lực lượng to lớn.

Tổ chức và điều hành lao động theo kiểu quân sự hóa là cách làm, cách chỉ huy, quản lý, rèn luyện tác phong khẩn trương, nghiêm túc, chấp hành triệt để mọi mệnh lệnh, chế độ, quy định, quy trình kỹ thuật trong lao động sản xuất, trong sinh hoạt xã hội. Tổ chức đó có thể nơi này gọi là «Tổng đội», nơi khác đặt tên là «Công trình tuổi trẻ», «Công trình Tháng Mười», «Công trình lao động cộng sản chủ nghĩa»..., nhưng kỷ luật và các quy định của nó đều chặt chẽ. Cán bộ tiểu đội, đại đội nắm chắc tình hình từng buổi, từng giờ lao động, trước khi đi làm có tập hợp kiểm tra số quân, dụng cụ; làm xong có nhận xét, đi về theo đội ngũ; lao động, nghỉ ngơi theo hiệu lệnh thống nhất và được quản lý chặt. Ở những nơi làm được như vậy, năng suất, chất lượng công việc đều tăng, trật tự, an ninh vùng đóng quân bảo đảm tốt. Thông thường trên các công trình lớn, ban chỉ huy đều do các đồng chí trong tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc huyện) trực tiếp phụ trách. Cơ quan quân sự làm tham mưu, tổ chức điều hành lao động, và cùng các ngành khác làm các công tác chính trị và tư tưởng, hậu cần, kế hoạch, văn hóa, thông tin, y tế... Vì thế, ở những nơi đó mọi người đã khắc phục tư tưởng ngại khó ngại khổ, cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, phát huy nhiệt tình lao động, tinh thần hiệp tác xã hội chủ nghĩa, chung sức chung lòng, quyết thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho.

★

Tạo thế kết hợp kinh tế với quốc phòng nhằm phục vụ yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Tuy huyện không phải là đơn vị chiến lược, nhưng xây dựng huyện về kinh tế và quốc phòng lại là vấn đề có ý nghĩa chiến lược. Xây dựng huyện trở thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp và thành pháo đài quân sự tại chỗ vững chắc là một thể thống nhất nằm trong toàn bộ công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đây là sự vận dụng sáng tạo quy luật xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện cụ thể của nước ta, là vấn đề thuộc về đường lối chính trị, đường lối kinh tế và đường lối quân sự của Đảng ta trong giai đoạn mới.

Chỉ có thông qua việc tổ chức lại sản xuất theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì mới tạo được thế kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn huyện. Bản thân việc tổ chức lại sản xuất theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa

Digitized by Google

đã là một trong những nội dung và biện pháp cơ bản để tạo thế xây dựng kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng việc tạo thế ấy phải gắn với thế bố trí chiến lược về mặt quốc phòng chung của cả tỉnh, cả Quân khu và cả nước thì nội dung tạo thế ấy mới đúng hướng, đúng yêu cầu « dân giàu, nước mạnh ». Bởi vì cũng có cách làm kinh tế nhất thời có lợi, nhưng lại tách rời với bảo vệ kinh tế, bảo vệ sản xuất. Trong chiến đấu, tạo được thế là nắm chắc phần thắng. Trong xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng trên địa bàn huyện cũng như vậy. Mở được thế mới, phát huy hết năng lực tiềm tàng, mới khỏi đi vòng quanh. Tạo thế xây dựng kinh tế là phải kết hợp với tạo thế quốc phòng cả trước mắt và lâu dài. Ngược lại, khi muốn tạo thế quốc phòng thì cần thấu suốt cho được yêu cầu xây dựng và bảo vệ kinh tế trong thời bình, duy trì và bảo vệ sản xuất trong thời chiến.

Việc tạo thế ấy nhằm thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế nhanh, mạnh, vững chắc, bố trí được thế chiến lược trên các vùng lãnh thổ, làm cho nông thôn nhích gần với thành thị, thỏa mãn ngày càng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Việc tạo thế ấy còn phải đáp ứng được yêu cầu tổ chức chiến tranh nhân dân tại chỗ, xây dựng hậu cần tại chỗ, bố trí lực lượng tại chỗ, có đất hoạt động cho các binh đoàn chủ lực, bảo đảm giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, bảo vệ vững chắc sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hành động xâm lược của bất cứ kẻ thù nào.

Việc tạo thế ấy có nhiều yêu cầu, thể hiện trên nhiều mặt, song bước đầu có thể nêu lên mấy yêu cầu chính sau đây :

1 — *Xây dựng cơ sở chính trị và tinh thần mạnh.*

Cơ sở chính trị và tinh thần của việc kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn huyện là sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, sự quản lý của tổ chức chính quyền và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Sự vững mạnh của tổ chức Đảng và chính quyền thể hiện ở trình độ thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng, ở sự nhất trí cao trong việc tổ chức thực hiện một cách chủ động và sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chỉ thị, nghị quyết, mệnh lệnh của cấp trên, biến đường lối, chủ trương của Đảng thành hiện thực sinh động trên địa bàn chiến đấu của mình. Sức mạnh của cơ sở chính trị và tinh thần ấy thể hiện ở ý thức và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, làm chủ tập thể trong xây dựng kinh tế, làm chủ tập thể trong củng cố quốc phòng.

Qua việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện mà kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao chất lượng về mọi mặt của các tổ chức Đảng và tổ chức quần chúng ở cơ sở, nâng cao hiệu lực chỉ đạo và quản lý của các tổ chức chính quyền. Trên cơ sở tăng cường chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông, thực hiện chủ trương: toàn dân làm nghĩa vụ xây dựng đất nước, toàn dân làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; mỗi người dân là người lao động giỏi, đồng thời là người chiến sĩ kiên cường bảo vệ Tổ quốc. Phát động nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước theo yêu cầu mới: biến cả nước thành một công trường xây dựng lớn tràn ngập khí thế cách mạng tiến công; đồng

Digitized by Google

thời biến cả nước thành một thành lũy cách mạng vững chắc, không kẻ nào xâm phạm được.

2 — *Xây dựng lực lượng kinh tế vững mạnh.*

Lực lượng kinh tế trên địa bàn huyện chỉ có thể được tăng cường trên cơ sở đẩy mạnh xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp, không ngừng tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm hàng hóa ngày càng nhiều. Chỉ có xây dựng huyện vững mạnh « thật sự trở thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp; lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động một cách cụ thể và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể, công nhân với nông dân »(3); chỉ có « tổ chức lại sản xuất và tổ chức đời sống trên địa bàn huyện một cách toàn diện » (4), thì mới có cơ sở để củng cố quốc phòng trên địa bàn huyện được tốt, và việc kết hợp kinh tế với quốc phòng mới có ý nghĩa thật sự.

Chúng ta phấn đấu làm cho kinh tế của huyện giàu mạnh, ngày càng có nhiều dự trữ. Dự trữ này chẳng những đủ bảo đảm cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, cho đời sống của nhân dân lúc bình thường cũng như khi bị thiên tai, mất mùa, mà còn bảo đảm được hậu cần tại chỗ lúc xảy ra chiến tranh. Đó là một yêu cầu quan trọng đối với từng địa bàn, nhất là đối với những nơi có vị trí xung yếu. Những nơi dân cư thưa thớt, những vị trí xung yếu, nhất thiết phải thông qua việc tổ chức lại sản xuất mà phân bố, điều chỉnh lực lượng, xây dựng cho được thế và lực theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương Đảng về phát triển nông nghiệp: « *Các hợp tác xã, các nông trường, lâm trường quốc doanh, các xí nghiệp công nghiệp, các cơ sở liên doanh trong huyện liên kết với nhau thành một cơ cấu sản xuất, làm cho huyện trở thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, trong đó từng xí nghiệp, nông trường, lâm trường và hợp tác xã là những đơn vị hạch toán kinh tế* » (5).

Trên địa bàn Quân khu 4 đang hình thành những điểm kinh tế và dân cư ở vùng miền núi thưa dân. Hàng chục vạn đồng bào miền xuôi đã lên các vùng Tân-kỳ, Quỳ-châu, Quỳ-hợp, Quế-phong, Nghĩa-đàn. Vùng kinh tế mới Phủ-quỳ, Sao Vàng... hình thành từ sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đến nay đã thu hút hàng chục vạn người, từ một nơi hẻo lánh xưa kia nay đã trở thành vùng dân cư trù phú, có cụm kinh tế liên doanh lâm — nông — công nghiệp. Những vùng gò đồi hai, ba vạn héc-ta ở Bình-trị-thiên cũng đang biến thành khu dân cư, nông trường quốc doanh, nông trường quân đội. Hiện nay vùng này đã quy hoạch xong, dự định sẽ có 50 vạn người lên khai phá.

Trong vấn đề này, Quân khu và các tỉnh đã áp dụng nhiều cách làm, hoặc đưa nguyên từng đơn vị bộ đội tới lập nông trường, lâm trường, mở mang giao thông, xí nghiệp, hoặc đưa dân quân du kích và thanh niên lên trước chuẩn bị địa bàn, tạo thế đứng chân, rồi dần dần đưa gia đình lên. Ở nơi có điều kiện thì đưa nguyên từng gia đình, từng đội sản xuất tới.

3 — *Xây dựng lực lượng quân sự mạnh:*

Việc xây dựng lực lượng quân sự ở địa bàn huyện phải dựa trên cơ sở lực lượng chính trị và kinh tế. Lực lượng ấy thể hiện ở nền quốc phòng toàn dân, từng bước được hiện đại hóa, đủ sức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời bình, đánh bại mọi cuộc chiến tranh xâm lược hiện đại với bất cứ quy mô nào trong thời chiến.

---

(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 63.

(4), (5) « Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IV », *Tạp chí Cộng sản*, số 9-1977, trang 24.

Digitized by Google

Nói đến lực lượng quân sự trên địa bàn huyện trước hết phải nói đến con người. Con người lao động có giác ngộ chính trị cao, có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa nồng nàn và tinh thần quốc tế vô sản, có ý thức và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, được tổ chức chặt chẽ, quản lý khoa học, được huấn luyện kỹ càng về kỹ thuật, chiến thuật, được thường xuyên tập dượt chu đáo, có văn hóa, có thể lực tốt, có khả năng làm chủ các binh khí kỹ thuật, phương tiện, khí tài hiện đại.

Con người ở đây bao gồm những người **có khả năng, có nghĩa vụ và đủ tiêu chuẩn** tiến hành chiến tranh nhân dân, trước hết và chủ yếu là con người trong các lực lượng vũ trang nhân dân và lực lượng dự bị, bao gồm bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang, các đơn vị chủ lực đóng quân tại địa phương và lực lượng dân quân tự vệ. Dân quân tự vệ luôn luôn là một trong những lực lượng chiến lược. Đó là những người trực tiếp sản xuất, đồng thời cũng là những người bảo vệ sản xuất, là lực lượng «cơ động ứng chiến» nhanh nhất, đồng thời là nguồn bổ sung có hiệu lực cho lực lượng vũ trang thời chiến ngay từ cơ sở. Tiêu chuẩn để đánh giá khả năng và sức mạnh của dân quân tự vệ trên địa bàn huyện có thể tóm tắt như sau:

— Làm tròn chức năng công cụ chuyên chính vô sản ở cơ sở,

— Hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội tại chỗ;

— Phối hợp chặt chẽ với công an, bộ đội đóng quân tại địa phương, bảo đảm ổn định trật tự trên toàn địa bàn, phát hiện, bắt giữ các vụ vượt biển, vượt biên giới, các hoạt động xâm nhập vùng biển, nội địa của ta;

— Kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động thâm độc của bọn phản động quấy rối, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và mọi thành quả xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta;

— Tham gia vào việc bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo đảm pháp luật xã hội chủ nghĩa được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh;

— Có kế hoạch sẵn sàng chiến đấu cơ bản và lâu dài theo yêu cầu tác chiến phòng thủ ở địa phương, luôn luôn chuẩn bị đầy đủ về tư tưởng, tổ chức, kỹ thuật, chiến thuật, trang bị, kế hoạch, phương án... để lúc nào cũng sẵn sàng chiến đấu.

Đối với lực lượng dự bị, đặc biệt là các sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân xuất ngũ, các cán bộ, nhân viên kỹ thuật cần cho quốc phòng, thì đăng ký đầy đủ, quản lý chặt chẽ, và tiến tới thực hiện chế độ huấn luyện bồ túc, động viên thử, tập dượt theo nền nếp.

Sức mạnh quân sự bao gồm cả các mặt: khả năng cơ động trên địa bàn, mạng đường sá, công trình quốc phòng phục vụ cho chiến đấu phòng thủ và tiến công, các cơ sở hậu cần, các phương tiện, khí tài, trang bị kỹ thuật, các cơ sở phục vụ xây dựng kinh tế, bảo đảm đời sống thời bình và có thể chuyển sang phục vụ yêu cầu chiến đấu.

Muốn xây dựng lực lượng quân sự mạnh, thì ngay từ đầu phải xác định rõ quan điểm kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, làm cho kinh tế và quốc phòng đều mạnh. Trên cơ sở làm giàu cho dân, cho nước mà xây dựng quốc phòng vững mạnh. Quốc phòng phải đáp ứng những yêu cầu mới mà nhiệm vụ kinh tế đặt ra; mặt khác, kinh tế luôn luôn chú ý đến những yêu cầu mới mà nhiệm vụ quốc phòng đặt ra. Kinh tế và quốc phòng xã hội chủ nghĩa tuy là hai việc có nội dung khác nhau, có chỗ mâu thuẫn cụ thể, nhưng về cơ bản là thống nhất với nhau, có thể thúc đẩy nhau cùng phát triển nếu biết khéo kết hợp. Nhiệm vụ của người lãnh đạo, người tổ chức thực hiện là nghiêm chỉnh thực hiện đúng phương châm của Đảng đã đề ra: «kết hợp

Digitized by Google

kinh tế với quốc phòng », đồng thời tìm cách phát hiện, khắc phục kịp thời những chỗ phát sinh mâu thuẫn trong quá trình kết hợp. Sự kết hợp ấy diễn ra suốt cả quá trình tổ chức lại sản xuất theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp. Nó phải luôn luôn được kiểm nghiệm trong thực tế và được bổ sung bằng kế hoạch cụ thể. Nhưng sự kết hợp trong buổi ban đầu bao giờ cũng có một vị trí quan trọng, có giá trị như một cái « cửa mở ». Và nghệ thuật của sự kết hợp ấy là ở chỗ làm một việc mà đạt được cả hai mục đích : **dân giàu, nước mạnh.**

4 — *Ra sức cải tạo địa hình, khắc phục những nhược điểm do nền sản xuất nhỏ, lạc hậu trước đây để lại.*

Đất nước chúng ta, nhất là đoạn giữa, vốn dài và hẹp, bị sông ngòi, đầm lầy chia cắt nhiều. Giao thông chưa phát triển. Phân bố kinh tế và dân cư không đều. Vùng núi các tỉnh Quân khu 4 rộng, có nhiều địa bàn có giá trị chiến lược lớn nhưng lại rất thưa dân. Ví dụ ở Nghệ-tĩnh, vùng đồng bằng diện tích hẹp nhưng số dân đông. Ngược lại, miền núi diện tích rộng nhưng số dân lại ít. Trong những năm qua, tỉnh đã rời hàng chục vạn hộ lên vùng núi miền Tây xây dựng vùng kinh tế mới. Nhân dân lên đến đâu, mạng lưới giao thông phát triển tới đó. Các tỉnh Bình-trị-thiên và Thanh-hóa cũng đã tích cực tiến hành phân bố lại dân cư, xây dựng các điểm kinh tế mới; nhiều điểm đã phát huy tốt tác dụng trong cuộc chiến đấu vừa qua và đang tiếp tục được hoàn thiện. Đi đôi với cuộc « tiến quân lên rừng », cuộc « xuất quân xuống biển » với các chiến dịch khai hoang, mở rộng đồng muối, trồng cói, tổ chức các đơn vị đánh cá biển trên quy mô mới, kết hợp giữa lực lượng hợp tác xã, hải quân, bộ đội và lực lượng quốc doanh... cũng được đẩy mạnh

Chúng ta có nhiều địa bàn quân sự khá lợi hại trong tiến công và phòng thủ. Nhưng ở đó dân rất thưa, cơ sở kinh tế, cơ sở quốc phòng rất mỏng hoặc không có, cho nên trở ngại cho việc tiến hành chiến tranh nhân dân và xây dựng quốc phòng toàn dân. Ngược lại, nhiều nơi đất hẹp, dân quá đông, rất khó khăn cho việc bảo đảm đời sống, phát triển sản xuất. Chính nhược điểm này làm trở ngại không ít tới kế hoạch chiến đấu bảo vệ đất nước, sẵn sàng tiêu diệt nhanh, gọn quân địch. Vì thế, việc cải tạo địa hình, khắc phục những nhược điểm trên là nhằm khai thác và tổ chức lại các thế mạnh tự nhiên của kinh tế và quân sự trên địa bàn huyện ; tạo nguồn lương thực, thực phẩm dồi dào; đẩy mạnh nhịp độ phát triển công nghiệp ; phát triển hệ thống giao thông thủy, bộ, nhất là trên các trục, các hướng quan trọng ; không ngừng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật cho nhân dân ; nâng trình độ phát triển của các huyện lên mức đồng đều, nhất là miền núi, vùng mới giải phóng ; tăng cường từng bước năng lực làm chủ trên biển và ở vành đai biên giới.

★

Vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn huyện có tầm chiến lược rộng lớn. Nó bao gồm hàng loạt vấn đề rất cụ thể, đòi hỏi chúng ta phải giải quyết thật tỉ mỉ, thật công phu, từ cách đặt vấn đề trong ban lãnh đạo, đến việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, phân công phân nhiệm trong toàn Đảng, toàn dân, trong các ngành, các giới, các cơ quan, các công, nông, lâm trường, xí nghiệp.

Tất cả những vấn đề nói trên chỉ có thể hoàn thành tốt trên cơ sở phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của mọi ngành, mọi cấp, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của các cấp Đảng, chính quyền, có cơ quan quân sự làm tham mưu đắc lực.

Digitized by Google

Đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý

LÊ-ĐỨC-BÌNH

NGHỊ quyết Hội-nghị lần thứ 23 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa III) trong phần nói về công tác cán bộ, đã nêu lên: «Trong việc sắp xếp cán bộ, phải vừa bảo đảm tính liên tục, vừa coi trọng đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, làm cho tổ chức luôn luôn năng động và bảo đảm tính kế thừa của đội ngũ cán bộ». Tinh thần này tiếp tục được khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đã chỉ rõ: «Mạnh dạn giao việc, cất nhắc những cán bộ mới, trẻ đã được thử thách trong công tác, là một trong những nhiệm vụ và biện pháp quan trọng nhất hiện nay để kiện toàn, đổi mới đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước» (1). Đó cũng là điều được nhấn mạnh trong Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng: «Một nhiệm vụ cấp bách và trọng yếu của công tác cán bộ trong thời gian tới là phải tích cực **bồi dưỡng, nâng cao, bổ sung, và đổi mới đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước**» (2).

Đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý là một trong những yêu cầu có tính quy luật của việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước.

Chủ trương ấy **xuất phát từ chính sách cán bộ của Đảng là kết hợp đúng đắn cán bộ cũ với cán bộ mới, cán bộ già với cán bộ trẻ.**

Mỗi loại cán bộ, cũ và mới, già và trẻ, đều có ưu điểm và nhược điểm, do những đặc điểm khác nhau về quá trình đào tạo và trưởng thành, về tuổi tác và sức khỏe. Cán bộ cũ trải qua chiến đấu và thử thách lâu dài, nói chung vững vàng về chính trị, có nhiều kinh nghiệm lãnh đạo nhưng không tránh khỏi những sự hạn chế do tuổi cao, sức yếu, do ít có điều kiện được đào tạo cơ bản về văn hóa, lý luận, chuyên môn nghiệp vụ. Cán bộ mới, thời gian hoạt động ngắn, còn ít kinh nghiệm lãnh đạo, nhưng lại có những mặt mạnh cơ bản là tuổi còn

(1) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 198.

(2) *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 161.

Digitized by Google

trẻ, có sức khỏe, nhạy cảm với cái mới, nhiều người được đào tạo có hệ thống về văn hóa, lý luận, khoa học – kỹ thuật. Chỉ có khéo kết hợp hai loại cán bộ ấy, lấy cái mạnh của loại này để bồi bổ cho cái yếu của loại kia thì mới có thể kiện toàn đội ngũ cán bộ vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng cũng như tạo điều kiện cho hai loại cán bộ ấy giúp đỡ, học hỏi lẫn nhau, cùng tiến bộ và trưởng thành.

Đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, không có nghĩa là chỉ coi trọng cán bộ mới, đem cán bộ mới đối lập với cán bộ cũ. Bản thân khái niệm đổi mới từng phần đã bao hàm ý nghĩa bố trí xen kẽ cán bộ cũ và cán bộ mới, kết hợp cán bộ cũ và cán bộ mới. Đảng ta đánh giá cao vai trò và cống hiến của cán bộ cũ, coi cán bộ cũ là vốn quý của Đảng, của cách mạng, chăm lo bồi dưỡng và phát huy vốn quý ấy. Đồng thời, Đảng ta chủ trương tích cực đào tạo và mạnh dạn sử dụng, đề bạt cán bộ mới, cán bộ trẻ. Việc mạnh dạn sử dụng và đề bạt cán bộ mới, việc đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý không thể tiến hành bằng cách gạt bỏ cán bộ cũ, mà trái lại cần có sự tham gia tích cực, chủ động của cán bộ cũ. Cán bộ mới không thể nảy nở và trưởng thành nếu thiếu sự chăm sóc, dìu dắt và sự ủng hộ của cán bộ cũ. Mặt khác, cán bộ cũ có trách nhiệm trước Đảng là lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ mới để họ kế tục sự nghiệp cách mạng.

Trong sự nghiệp cách mạng, **bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý** là một yếu tố có ảnh hưởng rất quan trọng đến chất lượng lãnh đạo của Đảng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý. Giữa lớp cán bộ thuộc thế hệ trước với lớp cán bộ thuộc thế hệ sau cần có sự nối tiếp, kế thừa. Thế hệ sau cần được chuẩn bị sao cho có thể tiếp thụ và phát huy những kinh nghiệm và truyền thống tốt đẹp của thế hệ trước, sẵn sàng gánh vác và hoàn thành xuất sắc sứ mệnh mà thế hệ trước giao lại. Điều đó đòi hỏi phải biết tìm tòi những cán bộ mới có tài năng và triển vọng, cất nhắc họ một cách kịp thời, đúng chỗ và đúng lúc, tạo điều kiện cho họ học hỏi cán bộ cũ, làm quen dần với công tác lãnh đạo, công tác quản lý. Phải coi việc « bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết » như lời Di chúc của Hồ Chủ tịch.

Tính liên tục và tính kế thừa không bài trừ nhau mà kết hợp chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau. Có duy trì tính liên tục của đội ngũ cán bộ, sử dụng và khéo phát huy lực lượng cán bộ cũ thì mới đào tạo, bồi dưỡng được lực lượng cán bộ mới và do đó bảo đảm tính kế thừa của đội ngũ cán bộ. Ngược lại, có đào tạo cán bộ mới, từng bước đề bạt và bố trí cán bộ mới xen kẽ với cán bộ cũ, thì mới duy trì được tính liên tục của đội ngũ cán bộ. Nếu trong một cơ quan lãnh đạo, quản lý, chỉ bố trí toàn cán bộ cũ, đến một lúc nào đó các đồng chí ấy ốm đau, già yếu, phải nghỉ việc hàng loạt, không có sự chuẩn bị trước, không có những người thay thế đủ kinh nghiệm, thì như vậy tính liên tục không còn, hoạt động lãnh đạo và quản lý ở nơi đó không tránh khỏi đứt đoạn. Tiến hành đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý một cách thường xuyên và có kế hoạch, đó là bảo đảm tính kế thừa và cũng chính là để duy trì tính liên tục của đội ngũ cán bộ, không để xảy ra tình trạng xáo động đột ngột trong cơ quan lãnh đạo, quản lý.

Vấn đề đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý được đặt ra **còn do đòi hỏi cấp bách của tình hình thực tế đội ngũ cán bộ ta hiện nay.**

Digitized by Google

Trong nhiều cơ quan lãnh đạo và quản lý hiện nay, tuổi bình quân của cán bộ khá cao, số đồng chí già yếu, ốm đau chiếm tỷ lệ tương đối lớn. Ở không ít cơ quan trung ương và cấp tỉnh, chỉ trong vòng 3 đến 5 năm tới, có 1/3 hoặc 1/2 cán bộ lãnh đạo, quản lý đến tuổi về hưu. Có những nơi, tuổi của phó bí thư, phó thủ trưởng cũng cao bằng tuổi bí thư, thủ trưởng hoặc có khi còn cao hơn, như vậy khi đồng chí trưởng phải nghỉ thì đồng chí phó cũng khó lên thay được.

Đối với Đảng ta, một đảng có lịch sử chiến đấu oanh liệt gần nửa thế kỷ, nhiều cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý được rèn luyện, thử thách lâu năm, tuổi bình quân tương đối cao cũng là điều dễ hiểu. Đứng về mặt nào đó, điều này nói lên sự trưởng thành, sự vững vàng của đội ngũ cán bộ ta. Song khuyết điểm ở nhiều nơi là chưa mạnh dạn cất nhắc cán bộ mới, chưa khéo kết hợp cán bộ cũ với cán bộ mới, dẫn đến « tình trạng cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chừng nào bị hẫng ở nhiều cơ quan, nhiều cấp, nhiều ngành » (3). Chúng ta đều biết rằng không thể trong ngày một ngày hai đào tạo nên được những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý giỏi, mà cần có sự chuẩn bị, sự tập dượt công phu từ thấp đến cao, cho nên lúc này hơn lúc nào hết việc đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đặt ra một cách cấp bách.

Hơn nữa, vấn đề ở đây không chỉ là đào tạo cán bộ, chuẩn bị cán bộ cho tương lai, mà còn là kiện toàn đội ngũ cán bộ, đáp ứng ngay yêu cầu của nhiệm vụ trước mắt. Bởi vì, nó không chỉ là vấn đề hạ thấp độ tuổi bình quân, mà còn là vấn đề bổ sung và nâng cao chất lượng cán bộ. Cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới, nhân dân ta đang ra sức phấn đấu đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Đội ngũ cán bộ ở miền Bắc tuy đã tích lũy được một số hiểu biết và kinh nghiệm về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong 20 năm qua, nhưng so với tầm cỡ và quy mô rộng lớn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, sau khi đất nước đã hoàn toàn được giải phóng, thì rõ ràng những hiểu biết và kinh nghiệm cũ là chưa đủ. Đội ngũ cán bộ ở miền Nam được rèn luyện, thử thách lâu dài trong cách mạng dân tộc dân chủ, vững vàng về chính trị, song còn thiếu hiểu biết và kinh nghiệm trước những nhiệm vụ mới mẻ, phức tạp của giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, một yêu cầu cấp bách hiện nay là, đi đôi với việc bồi dưỡng, phát huy khả năng của lực lượng cán bộ cũ, giúp anh chị em vươn lên đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng mới, cần mau chóng bổ sung và tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý ở các cấp, các ngành bằng những lực lượng cán bộ mới, vừa được thử thách qua thực tiễn, vừa có sức khỏe, có kiến thức quản lý kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn. Chỉ có như vậy mới có được một đội ngũ cán bộ dồi dào sức chiến đấu, giàu tính năng động, tiêu biểu cho phong trào quần chúng không ngừng phát triển và đủ sức hoàn thành những nhiệm vụ chính trị mới mẻ, phức tạp.

Đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý phải đi đôi với chuyên môn hóa cán bộ, hết sức coi trọng việc ổn định công tác của cán bộ.

Để lãnh đạo và quản lý có hiệu quả, đội ngũ cán bộ cần được ổn định. Năng lực lãnh đạo, năng lực quản lý không thể chỉ do học tập trong nhà trường và sách vở mà có, nó được nảy nở và nâng cao dần trong công

(3) *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 162.

Digitized by Google

tác thực tiễn, trong đấu tranh cách mạng. Những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý giỏi đều đã trải qua một quá trình hoạt động thực tiễn, đã tích lũy những kiến thức và kinh nghiệm nhất định. Vì vậy, sau khi đã lựa chọn và bố trí cán bộ một cách đúng đắn, cần ổn định công tác cho họ. Đó chính là bảo đảm tính liên tục của các cơ quan lãnh đạo và quản lý.

Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, hoạt động của đội ngũ cán bộ chủ yếu là trên lĩnh vực chính trị, làm công tác đảng và công tác vận động quần chúng, nếu có chuyển cán bộ từ việc này sang việc khác thì họ cũng dễ thích ứng. Ngày nay, tình hình đã khác hẳn. Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội với rất nhiều ngành nghề, lĩnh vực hoạt động khác nhau, nhất thiết phải có những cán bộ quản lý giỏi chuyên sâu về từng ngành nghề, từng lĩnh vực một. Vì vậy, phải chuyên môn hóa cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ đi sâu vào công việc, tinh thông nghề nghiệp, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó.

Đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý không có nghĩa là thuyên chuyển và thay đổi cán bộ một cách tùy tiện, vô căn cứ. Điều động cán bộ từ việc này qua việc khác mà không xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, không cân nhắc kỹ khả năng và chỗ mạnh, chỗ yếu của cán bộ, là xáo trộn một cách vô ích và sẽ dẫn tới những hậu quả xấu về nhiều mặt. Cán bộ không thể phát triển được tài năng, bộ máy thường xuyên không ổn định, nhiệm vụ chính trị khó có thể hoàn thành tốt đẹp.

Mặt khác, chuyên môn hóa cán bộ, ổn định công tác của cán bộ cũng không có nghĩa là cán bộ đã làm việc gì thì mãi mãi làm việc đó, đã giữ chức vụ lãnh đạo thì cứ mãi mãi phải là người lãnh đạo. Do sự phát triển của nhiệm vụ chính trị, trong từng thời gian không tránh khỏi sự điều động và phân bố lại lực lượng cán bộ trong chừng mực cần thiết và bổ sung thêm những lực lượng cán bộ mới. Đứng về sự phát triển của người cán bộ mà nói, việc thay đổi công tác của cán bộ một cách có kế hoạch và chủ động, sau khi đã xem xét kỹ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và triển vọng của cán bộ, tạo ra những điều kiện cho người cán bộ phát triển tài năng mới và rèn luyện năng lực lãnh đạo toàn diện hơn. Hằng năm, có một số cán bộ già yếu, về hưu, cần có người thay thế. Sau nữa, một số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tỏ ra không đủ sức đảm đương nhiệm vụ thì cần được thay đổi công tác ; đó là yêu cầu của cách mạng mà mọi người phải tự giác tuân theo vì người cán bộ cách mạng luôn luôn đặt lợi ích chung của cách mạng, của nhân dân lên trên hết.

Đổi mới từng phần và ổn định đội ngũ cán bộ là hai mặt mâu thuẫn mà thống nhất với nhau. Bất cứ sự tuyệt đối hóa một mặt nào cũng đều không đúng, đều dẫn tới những lệch lạc trong công tác cán bộ. Không nên đối lập mà phải biết khéo kết hợp, khéo giải quyết mối quan hệ giữa hai mặt ấy. Sự thống nhất giữa hai mặt ấy là ở chỗ nó đều xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, bảo đảm cho nhiệm vụ chính trị của Đảng được hoàn thành tốt đẹp và bảo đảm cho đội ngũ cán bộ được vững mạnh, mỗi người được sử dụng đúng chỗ và phát triển được năng lực của mình.

Tiến hành đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý phải dựa trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn cán bộ của Đảng.

Mục tiêu của việc xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung, của việc đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nói riêng, không có gì khác hơn là nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng, với

Digitized by Google

chất lượng và hiệu quả ngày càng cao hơn. Vì vậy phải lựa chọn, bố trí những cán bộ có phẩm chất và năng lực tương ứng với nhiệm vụ chính trị của Đảng, với trách nhiệm mà họ được giao phó. Việc đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chỉ có ý nghĩa khi nó có tác dụng làm cho đội ngũ cán bộ thêm vững mạnh, nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, và do đó góp phần thúc đẩy việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Sẽ là vô nghĩa và thậm chí là có hại, nếu đổi mới chỉ vì đổi mới, chỉ cốt chạy theo những tỷ lệ về thành phần cán bộ có độ tuổi trẻ, có bằng cấp này khác, v.v... nhưng không đem lại một chất lượng gì mới trong công tác lãnh đạo và quản lý, không tạo ra những chuyển biến tốt hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng.

★

Trong mấy năm qua, dưới ánh sáng Nghị quyết số 225 của Bộ chính trị «về công tác cán bộ trong giai đoạn mới», Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa III) về «tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng» và Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, công tác cán bộ đã có những chuyển biến tốt. Một trong những chuyển biến ấy là đã đổi mới được một phần đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý theo những yêu cầu và phương hướng nêu lên trong các nghị quyết nói trên. Một số cán bộ tuổi cao đã về hưu theo chính sách quy định. Một số cán bộ đau yếu nhiều đã đi nghỉ chữa bệnh dài hạn. Mặt khác, một số cán bộ trẻ có phẩm chất và năng lực, có kiến thức về quản lý và kỹ thuật đã được đề bạt; tỷ lệ này tương đối khá trong một số ngành kinh tế và khoa học — kỹ thuật. Qua đại hội đại biểu các đảng bộ năm 1977, các tỉnh ủy, huyện ủy đã được đổi mới một phần. Khoảng một phần ba số cấp ủy viên cũ không tham gia cấp ủy lần này, trong đó có một số rút khỏi cấp ủy để đi học dài hạn hoặc đi nhận công tác khác theo sự điều động của cấp trên, một số là các đồng chí già yếu, ốm đau hoặc không đủ năng lực đảm đương nhiệm vụ. Số đồng chí mới tham gia cấp ủy lần này (chiếm khoảng một phần ba số cấp ủy viên), là những đồng chí đã trải qua thử thách trong thực tiễn công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ, số đông tương đối trẻ, nhiều người đã qua đào tạo về lý luận và chính trị, về quản lý, kỹ thuật. Do đó, độ tuổi bình quân của tỉnh ủy viên, huyện ủy viên khóa này so với khóa trước rút bớt được gần 1 tuổi, tỷ lệ cấp ủy viên đã qua đào tạo ở các trường đảng cao cấp và trung cấp, và tỷ lệ cấp ủy viên có trình độ đại học và trung học về công tác quản lý, về khoa học — kỹ thuật đều tăng hơn khóa trước.

Tuy nhiên, sự tiến bộ ấy còn chậm, chưa đủ so với yêu cầu và chưa đều giữa các ngành, các địa phương. Chúng ta cần tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, với nhận thức đúng đắn, với những biện pháp tích cực, có hiệu quả hơn nữa. Qua kinh nghiệm thực tế của những nơi làm tốt và cả những nơi làm chưa tốt, có thể thấy nổi bật lên một số vấn đề như sau:

Trước hết, **cần quán triệt những quan điểm cơ bản của Đảng về công tác cán bộ**, không ngừng đấu tranh khắc phục những nhận thức lệch lạc về mặt này hoặc mặt khác. Chẳng những cần thông suốt chủ trương đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý mà còn cần thông suốt những quan điểm cơ bản về công tác cán bộ như: việc xây dựng đội ngũ cán bộ phải xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và phải gắn chặt với nhiệm vụ tổ chức, phải

Digitized by Google

quán triệt đường lối giai cấp công nhân, phải nắm vững tiêu chuẩn cán bộ, coi trọng cả hai mặt phẩm chất và năng lực, phải khéo kết hợp cán bộ cũ và cán bộ mới, v.v... Nếu không nắm vững những quan điểm cơ bản này thì cũng không thể thực hiện tốt chủ trương đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý.

Qua học tập, nghiên cứu Nghị quyết 225 của Bộ chính trị và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa III), nói chung các ngành, các địa phương đều nhận thức rõ và nhất trí với những quan điểm nêu trong hai nghị quyết ấy. Đó là một chuyển biến quan trọng về nhận thức, song mới là bước đầu. Thực tế đã cho thấy, quá trình thực hiện Nghị quyết còn là quá trình tiếp tục đấu tranh nhằm quán triệt hơn nữa đường lối, quan điểm của Đảng. Bởi vì khi đi vào từng trường hợp cụ thể như: đánh giá người cán bộ này thế nào, có nên đề bạt người cán bộ kia hay không, v.v... thì những khía cạnh về nhận thức, quan điểm chưa thật giống nhau lại có dịp bộc lộ. Thực tế ở những nơi làm tốt cho thấy, trong quá trình thực hiện việc sắp xếp, đề bạt cán bộ, phải tiếp tục đấu tranh khắc phục những lệch lạc như hẹp hòi, bảo thủ, đầu óc tôn ti trật tự phong kiến, không thấy hết sự tiến bộ và trưởng thành của cán bộ mới, v.v... qua đó mà củng cố thêm một bước sự nhất trí đối với các quan điểm của Đảng về công tác cán bộ.

Trong công tác cán bộ, có lẽ hơn mọi lĩnh vực công tác khác, việc quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng càng phải gắn chặt với một thái độ thật sự chí công vô tư, hoàn toàn xuất phát từ lợi ích chung của Đảng, của cách mạng. Trong việc đánh giá một con người, trước một quyết định đề bạt cán bộ..., thường có thể nảy sinh những tâm tư, tình cảm, suy tính cá nhân làm cho người ta suy xét mất chính xác. Nếu để chủ nghĩa cá nhân chi phối thì mỗi người tùy theo vị trí của mình — là cán bộ cũ hay cán bộ trẻ, cán bộ chính trị hay cán bộ chuyên môn — có thể có những ý kiến lệch lạc khác nhau, người nhấn mạnh mặt này, người lại nhấn mạnh mặt kia trong khi chính sách của Đảng là một thể hoàn chỉnh và toàn diện. Vì vậy, cuộc đấu tranh nhằm làm thông suốt đường lối, quan điểm công tác cán bộ của Đảng phải gắn liền với cuộc đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, xây dựng thái độ chí công vô tư, xây dựng tình cảm cách mạng trong sáng.

Trên cơ sở quan điểm tư tưởng đúng đắn, cần **tăng cường quản lý cán bộ**, nắm cán bộ một cách chắc chắn, chính xác, có hệ thống. Có nắm chắc cán bộ thì mới dám quyết đoán. Mỗi khi bố trí hoặc đề bạt cán bộ, ý kiến và dư luận chung quanh thường phân tán, người đồng tình, người thắc mắc. Có nguyên nhân về nhận thức và động cơ khác nhau, nhưng cũng có nguyên nhân là không hiểu rõ cán bộ, người chỉ thấy mặt này, người chỉ thấy mặt kia. Trước tình hình ấy, nếu cơ quan lãnh đạo không nắm chắc cán bộ, không có sự phân tích đúng đắn thì có thể do dự, chần chừ hoặc quyết định sai.

Quản lý cán bộ, tìm hiểu cán bộ phải có phương pháp tư tưởng đúng. Cần đánh giá cán bộ một cách toàn diện, hiểu rõ cả phẩm chất và năng lực, ưu điểm và khuyết điểm, quá khứ và hiện tại, biết phân biệt đâu là mặt cơ bản, không lẫn lộn hiện tượng với bản chất. Cần tránh tình trạng khi muốn đề bạt cán bộ thì chỉ nhấn mạnh ưu điểm, khi muốn thay đổi cán bộ, kỷ luật cán bộ thì lại chỉ thấy khuyết điểm. Cũng cần tránh tình trạng khi cán bộ có thành tích thì chỉ biểu dương mà không chỉ ra khuyết điểm, ngược lại, khi phong

Digitized by Google

trào có khó khăn, cán bộ có va vấp thì lại phủ nhận mọi ưu điểm và thành tích. Cần có quan điểm lịch sử, đặt người cán bộ trong hoàn cảnh cụ thể của phong trào ở địa phương đó, ngành đó, vào thời gian đó, với những thuận lợi và khó khăn cụ thể, xem xét người cán bộ trong sự vận động và phát triển, không nên có thành kiến, định kiến với cán bộ.

Muốn nắm chắc cán bộ, cần tổ chức quản lý cán bộ một cách chặt chẽ. Các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự và các đồng chí thủ trưởng cơ quan trực tiếp chỉ đạo công tác hằng ngày của cán bộ, là những người nắm chắc cán bộ hơn cả. Đồng thời các cơ quan tổ chức và cán bộ cần được kiện toàn để giúp lãnh đạo tìm hiểu cán bộ một cách có hệ thống, thu thập tài liệu, điều tra, nghiên cứu, so sánh đối chiếu, v.v... Cần thực hiện đúng các chế độ và thủ tục quản lý cán bộ như chế độ về lập hồ sơ cán bộ, chế độ nhận xét cán bộ, thủ tục đề bạt cán bộ, v.v..., để giúp cho cơ quan lãnh đạo có những quyết định chính xác trong công tác cán bộ.

Việc lựa chọn và đề bạt cán bộ cần tiến hành một cách dân chủ, có chế độ thu thập ý kiến của cán bộ, đảng viên, và cả người ngoài Đảng, kết hợp sự xem xét của cấp trên với sự lựa chọn, giới thiệu của cấp dưới. Đương nhiên, cần có sự hướng dẫn để mọi người nắm vững tiêu chuẩn cán bộ và hiểu rõ cơ cấu cần thiết của bộ máy lãnh đạo, quản lý nơi đó. Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nói : « Bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước phải thật sự dân chủ. Ngay việc bổ nhiệm các chức vụ quản lý cũng phải tiến hành trên cơ sở dân chủ, lắng nghe ý kiến của quần chúng, đảng viên bên dưới, và có sự tham gia ý kiến của đảng ủy, chi ủy cơ quan. Cần rút kinh nghiệm để mở rộng việc áp dụng phương pháp lựa chọn, đề bạt cán bộ, kết hợp việc cán bộ, nhân viên trong đơn vị ấy bỏ phiếu đề cử, với việc cấp trên ra nghị quyết bổ nhiệm (4). Với phương pháp dân chủ, đi đường lối quần chúng, cơ quan lãnh đạo có thể tìm tòi, lựa chọn được nhiều cán bộ mới ưu tú.

Vừa qua, những nơi làm tốt việc đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý còn là những nơi coi trọng việc **xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý.** Những nơi này đã tiến hành xem xét, lựa chọn cán bộ dự bị, cử nhiều cán bộ ưu tú đi học ở các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ..., do đó đã kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý một cách chủ động, với chất lượng tốt. Ngược lại, nếu chờ « nước đến chân mới nhảy », khi công việc đã bức bách mới lo chọn cán bộ, làm chắp vá, bị động thì không tránh khỏi tình trạng dễ bạt cán bộ một cách gượng ép, không bảo đảm tiêu chuẩn, hoặc vì không tìm ra người đành để tổ chức xộc xệch. Có nơi vì thấy cấp trên nhấn mạnh phải đổi mới, thì cũng cố đề bạt một số cán bộ trẻ, nhưng vì thiếu chuẩn bị trước, không lựa chọn kỹ và bồi dưỡng chu đáo, rốt cuộc không đem lại một sự đổi mới thật sự nào, có người khóa này được đưa vào cấp ủy đến khóa sau lại phải đưa ra.

Cần xúc tiến việc xây dựng và từng bước hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức hiện tại và sắp tới, đối chiếu với tình hình đội ngũ cán bộ hiện có, mà xem xét : những tổ chức nào yếu kém cần được kiện toàn, những tổ chức mới nào sẽ thành lập đòi hỏi phải có cán bộ, những ai không đủ sức đảm đương nhiệm vụ cần thay thế, những ai sắp

(4) *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 168.

Digitized by Google

về hưu.... Từ đó mà dự kiến nhu cầu các loại cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trước mắt và những năm tới. Để chuẩn bị đáp ứng những nhu cầu ấy, cần tiến hành xem xét, lựa chọn cán bộ dự bị, bảo đảm cho mỗi chức vụ, trước hết là những chức vụ mà trong vài năm tới cần thay thế hoặc kiện toàn, đều có 2 – 3 cán bộ dự bị. Lựa chọn cán bộ dự bị đúng rồi, lại phải căn cứ vào ý định sử dụng sau này và chỗ mạnh, chỗ yếu của mỗi người mà có kế hoạch cụ thể: ai cần đi học văn hóa, ai cần học lý luận chính trị hoặc quản lý kinh tế, chuyên môn kỹ thuật, ai cần xuống cơ sở để rèn luyện thêm trong thực tiễn, ai đã có công tác thực tế ở cơ sở cần đưa về cơ quan nghiên cứu tổng hợp để mở rộng kiến thức toàn diện hơn...

Đi đôi với việc mạnh dạn sử dụng, đề bạt cán bộ mới, **cần chấp hành đầy đủ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ cũ**. Việc chấp hành tốt chính sách đó thể hiện sự quan tâm của Đảng, của Nhà nước và của nhân dân đối với những đồng chí đã gian khổ phấn đấu, có nhiều cống hiến cho cách mạng. Hơn nữa, việc đó còn có tác dụng quan trọng góp phần xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ, vừa giúp cán bộ cũ vươn lên đáp ứng tốt nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, vừa tạo điều kiện thuận lợi để có thể mạnh dạn sử dụng, đề bạt cán bộ mới, kết hợp đúng đắn cán bộ cũ với cán bộ mới.

Trước hết, cần bố trí và sử dụng cán bộ cũ một cách đúng đắn, tích cực bồi dưỡng kiến thức và năng lực cho cán bộ cũ, giúp các đồng chí phát huy những mặt mạnh và khắc phục những mặt yếu của mình. Đồng thời, chăm lo săn sóc đời sống tinh thần và vật chất của cán bộ cũ, thực hiện đầy đủ những chế độ mà Đảng và Nhà nước đã ban hành.

Số cán bộ già yếu đã đến tuổi về hưu cần được nghỉ theo đúng chính sách của Đảng và Nhà nước. Đó là vì lợi ích giữ gìn sức khỏe cho các đồng chí và cũng là cần thiết để kiện toàn, đổi mới từng phần các cơ quan lãnh đạo và quản lý. Đối với các đồng chí về hưu, tạo điều kiện để các đồng chí tham gia công tác thích hợp với khả năng và sức khỏe của từng người, nhằm sử dụng tốt kinh nghiệm và kiến thức của các đồng chí, làm cho các đồng chí không bị tách rời phong trào cách mạng, luôn luôn thấy mình vẫn ở vị trí chiến đấu, vẫn cống hiến cho Đảng, cho cách mạng. Đồng thời, chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ về hưu, nhất là số đồng chí có mức thu nhập thấp, chăm lo giải quyết những điều kiện ăn, ở, chữa bệnh... sao cho đừng thua kém nhiều so với lúc còn công tác.

Nhiều cán bộ cũ vì lợi ích chung và lâu dài của cách mạng, đã ân cần dìu dắt, bồi dưỡng những cán bộ trẻ, ủng hộ cán bộ trẻ làm việc. Có những cán bộ cũ tuổi cao, sức yếu đã tự nguyện xin về hưu hoặc tự xét năng lực không đủ đã chủ động đề nghị với Đảng được gánh vác công việc nhẹ hơn, nhường cương vị lãnh đạo lại cho những đồng chí có đủ năng lực và sức khỏe. Đó là những tấm gương về thái độ chí công vô tư, về tình cảm cách mạng trong sáng.

Việc chấp hành tốt chính sách đối với cán bộ cũ cùng với thái độ đúng mực của cán bộ cũ là điều kiện không thể thiếu để có thể mạnh dạn đề bạt cán bộ mới, tăng cường đoàn kết cán bộ cũ và cán bộ mới, thực hiện đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý.

★

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng nhấn mạnh: «Mỗi cấp ủy, mỗi chi bộ, mỗi đảng viên đều có trách nhiệm tìm tòi, phát hiện, lựa

(Xem tiếp trang 105)

Digitized by Google

Giai đoạn mới của cách mạng nước ta và vai trò của xã hội học

THÁI · VŨ

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã quyết định mở rộng và nâng cao chất lượng nghiên cứu xã hội học — một ngành khoa học trẻ tuổi ở nước ta. Quyết định đó xuất phát từ yêu cầu của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, đồng thời phù hợp với xu thế phát triển khoa học của thời đại.

Là khoa học điều tra xã hội một cách tổng hợp, xã hội học nghiên cứu các cơ cấu và quá trình xã hội, phát hiện những quy luật của sự hình thành và chuyển biến các quan hệ giữa người và người, giữa cá thể và cộng đồng, giữa những nhóm, những tập đoàn người và xã hội nói chung. No cung cấp những căn cứ khoa học cho việc kế hoạch hóa và quản lý xã hội, giúp điều chỉnh sự hoạt động của các quá trình đã được kế hoạch hóa và các quá trình mới nảy sinh trong đời sống xã hội, đưa ra những dự báo kịp thời về các vấn đề xuất hiện và phát triển trong quan hệ xã hội giữa người và người. Như vậy, xã hội học là một công cụ quan trọng phục vụ những hoạt động đầy chủ động, sáng tạo của Đảng và nhân dân ta trong sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

★

Trong mấy chục năm gần đây, xã hội học đã phát triển nhanh chóng và rộng rãi trên thế giới. Xã hội học đã trở thành một ngành khoa học lớn mạnh, có một đội ngũ đông đảo các chuyên gia hoạt động trong các ngành kinh tế và xã hội ở các nước. Hàng loạt những công trình nghiên cứu xã hội học được tiến hành trên các lĩnh vực khác nhau. Xã hội học ngày càng chứng tỏ hiệu quả quan trọng của nó như là một khoa học trực tiếp gắn liền với sản xuất và đời sống xã hội.

Tuy nhiên tính thời đại của xã hội học không thể che mờ **tính giai cấp** và **tính đảng** sâu sắc của nó. Cần phải nhấn mạnh sự khác nhau căn bản giữa xã hội học mác-xít với mọi trường phái xã hội học tư sản, giữa khuynh hướng xã hội học ở các nước xã hội chủ nghĩa với khuynh hướng xã hội học ở các nước tư bản chủ nghĩa

Digitized by Google

Đầu thế kỷ 20, xã hội học đã có một thời kỳ phát triển mạnh mẽ ở một số nước phương Tây và sau đó ở Mỹ. Vào thời kỳ ấy, những tư tưởng xã hội chủ nghĩa, học thuyết của chủ nghĩa Mác đã được truyền bá rộng rãi ở các nước phương Tây, thâm nhập giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Giai cấp tư sản thấy cần thiết phải nắm sát tình hình xã hội, đối phó kịp thời với những biến động xã hội, ngăn chặn và chia rẽ phong trào công nhân. Xã hội học tư sản đã được phát triển hướng vào mục đích ấy. Giai cấp tư sản chú trọng sử dụng xã hội học làm một vũ khí quan trọng phục vụ lợi ích của nó. Các đề tài nghiên cứu xã hội học về lao động và nghề nghiệp, về tình hình và khả năng của công nhân, về thị trường và thị hiếu của công chúng đã giúp giai cấp tư sản có những biện pháp nâng cao năng suất lao động, tăng cường bóc lột và đẩy mạnh việc bán hàng. Những sự nghiên cứu về tâm trạng và dư luận xã hội, về tâm lý quần chúng đã giúp cho bộ máy tuyên truyền tư sản đánh lạc ý thức, tình cảm và thái độ chính trị của nhân dân. Nhằm những mục đích ấy, việc nghiên cứu xã hội học ở các nước tư bản chủ nghĩa mang nặng tinh thần thực dụng chủ nghĩa và phương pháp kinh nghiệm.

Sự bế tắc về thế giới quan và phương pháp luận khiến cho xã hội học tư sản ngoài những vấn đề nghiên cứu và ứng dụng trong các lĩnh vực cụ thể, đã không nêu lên và giải đáp được những vấn đề lớn đang đặt ra cho thời đại. Cái trục của những vấn đề ấy là cuộc đấu tranh gay gắt giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, là sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội.

Tuy đã phát triển và sử dụng nhiều phương pháp điều tra, nhiều dẫn liệu thống kê và tính toán hiện đại, xã hội học tư sản đến nay vẫn không thể vượt lên khỏi trình độ mô tả, phương pháp kinh nghiệm và cách giải thích thực dụng chủ nghĩa và phiến diện các vấn đề xã hội rộng lớn. Ở đâu mà các nhà xã hội học tư sản có tham vọng khái quát những vấn đề thời đại, đưa ra những học thuyết xã hội, thì ở đó họ bộc lộ hoàn toàn một thế giới quan phản động và phương pháp luận phản khoa học.

Đó là học thuyết về « chủ nghĩa tư bản nhân dân » đã hình thành và phát triển vào những năm 50 ở nhiều nước phương Tây. Nó được bọn xét lại và cải lương trong phong trào cộng sản quốc tế phụ họa. Học thuyết ấy làm như đã dựa trên những cứ liệu xã hội học để rút ra những nhận xét về sự « cân bằng » trong thu nhập, về cuộc « cách mạng » trong chiếm hữu và quản lý tài sản, về sự « dân chủ hóa » nhà nước tư sản, về vai trò của « giai cấp trung gian », v.v...

Đó là học thuyết về « xã hội công nghiệp thống nhất » được phổ biến rộng rãi ở phương Tây vào những năm 60. Thuyết này dựa vào việc sắp xếp, đối chiếu và so sánh các cứ liệu thống kê xã hội nhằm chứng minh sự nhích lại gần nhau giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ những đối lập giữa hai hệ thống thế giới để hình thành một « xã hội công nghiệp thống nhất », một « xã hội sau công nghiệp » nào đó.

Trong những năm gần đây, các nhà xã hội học tư sản với những nhân vật có tiếng như Ray-mông A-rông, Sô-rô-kin Pớc-sơn, v.v... đã ra sức xây dựng và truyền bá « thuyết hội tụ » nhằm truyền bá những quan điểm phản động nhất chống chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội khoa học. Các nhà xã hội học tư sản đã khai thác một cách hình thức và giả tạo những chỉ số về kinh tế, xã hội, văn hóa, lối sống, thị hiếu quần chúng, v.v... hòng chứng minh cho sự

Digitized by Google

hội tụ giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, sự nhích lại gần nhau và tiến tới đồng nhất về mọi mặt, sự «phi hệ tư tưởng» và xóa bỏ mọi khác biệt về tư tưởng, v.v... Đồng thời họ không ngừng tuyên truyền xuyên tạc về chủ nghĩa xã hội, so sánh một cách hời hợt lối sống trong chủ nghĩa xã hội với lối sống trong chủ nghĩa tư bản, đề cao cái gọi là «xã hội tiêu thụ», làm lu mờ những thành quả tốt đẹp mà chủ nghĩa xã hội đã đạt được trong việc tổ chức đời sống mọi mặt của nhân dân.

Hai mươi năm qua, giới xã hội học tư sản đã ra sức làm nổi bật vai trò của mình, lấp chỗ trống cho sự khủng hoảng của triết học tư sản, bằng mọi cách truyền bá những tư tưởng xã hội phản động. Họ có tham vọng đem xã hội học thay thế cho triết học. Nhưng sự thật họ đã làm cho xã hội học tư sản đi vào con đường thoái hóa, trở thành công cụ phụ thuộc vào mục đích truyền bá những quan điểm chính trị phản động nhất của chủ nghĩa đế quốc.

Thực tiễn ngày càng chứng tỏ tầm quan trọng của học thuyết xã hội do Mác và Ăng-ghen xây dựng đối với sự phát triển của các khoa học xã hội. Như Lê-nin đã nói, chủ nghĩa Mác lần đầu tiên đã làm cho xã hội học trở thành một khoa học thật sự. Chủ nghĩa duy vật lịch sử là chìa khóa mở ra những quy luật cơ bản của đời sống xã hội, là kim chỉ nam cho việc nghiên cứu mọi hiện tượng và quá trình xã hội. Nhiều công trình nghiên cưu của Mác và Ăng-ghen là những mẫu mực của việc điều tra nghiên cứu về xã hội. Dựa vào đó, các ông đã đưa ra những dự báo xã hội xuất sắc và tiến hành khái quát những tư tưởng triết học thiên tài của mình. Chỉ có chủ nghĩa duy vật lịch sử mới có thể đóng vai trò phương pháp luận chung của xã hội học. Quyết định luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử vạch ra vai trò quyết định của sự sản xuất và tái sản xuất đời sống vật chất đối với toàn bộ sinh hoạt xã hội, nêu lên vai trò của quan hệ sản xuất chi phối mọi quan hệ xã hội khác. Đồng thời nó cho phép nhìn nhận xã hội như một thể hoàn chỉnh với sự hoạt động tương hỗ giữa những nhân tố khách quan và những nhân tố chủ quan, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, giữa các lĩnh vực khác nhau của đời sống. Đó cũng là vũ khí sắc bén để đấu tranh chống lại mọi khuynh hướng của chủ nghĩa duy tâm thường tồn tại trong xã hội học tư sản hiện đại, như khuynh hướng quyết định luận kinh tế tầm thường, khuynh hướng tâm lý thuần túy, chủ nghĩa cấu trúc và chủ nghĩa đa nguyên...

Đương nhiên chủ nghĩa duy vật lịch sử không phải là một học thuyết cứng đọng không còn phát triển. Nó cũng không thể thay thế cho việc nghiên cứu xã hội cụ thể. Trái lại nó đòi hỏi phải được vận dụng và làm phong phú thêm bằng việc nghiên cứu cụ thể các lĩnh vực xã hội khác nhau ở các thời kỳ và điều kiện lịch sử khác nhau.

Các nhà xã hội học mác-xít đang ra sức xây dựng những cơ sở lý luận của xã hội học, trên lập trường và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác, phê phán các quan điểm phản động trong xã hội học tư sản, từng bước hình thành hệ thống các phương pháp nghiên cứu cụ thể và ứng dụng xã hội học vào các công tác cụ thể trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

★

Nước ta hiện nay đang ở trong thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. «Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, sâu sắc và triệt để. Đó là quá trình kết hợp cải tạo với xây dựng, mà xây dựng là chủ yếu. Đó là quá trình xóa bỏ cái lạc hậu, phát huy cái tiến bộ, cải tạo

Digitized by Google

cái cũ, xây dựng cái mới» (1). Vì thế có rất nhiều vấn đề mới được đặt ra. Ngành xã hội học ở nước ta với những lĩnh vực nghiên cứu chuyên môn của mình có thể và phải góp phần giải quyết những vấn đề cụ thể đáp ứng yêu cầu phát triển của sự nghiệp cách mạng nước ta. Đảng yêu cầu cán bộ, đảng viên phải có tác phong điều tra nghiên cứu, phải đi sát quần chúng và chống bệnh quan liêu xa rời thực tế. Nắm vững thực tế, xuất phát từ thực tế là một đặc điểm quan trọng trong phương pháp tư tưởng và tác phong công tác của người mác-xít. Phương pháp và tác phong ấy càng có ý nghĩa đặc biệt khi Đảng ta đã trở thành đảng lãnh đạo chính quyền, khi chính sách và hoạt động của Đảng hằng ngày tác động mạnh mẽ vào đời sống mọi mặt của nhân dân. Để kịp thời nắm được những chuyển biến phức tạp trong xã hội, để ngăn ngừa và khắc phục có hiệu quả chủ nghĩa quan liêu, Đảng thấy cần phải đưa công tác điều tra nghiên cứu và thông tin nội bộ đi vào nền nếp. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: «Cấp ủy Đảng phải biết xây dựng và ngày càng hoàn thiện hệ thống thông tin nội bộ, dành một phần quan trọng thì giờ và công sức vào công tác điều tra, nghiên cứu, làm thử, xây dựng điển hình, tổng kết kinh nghiệm» (2). Ngành xã hội học sẽ có nhiệm vụ đi sâu vào thực tế xã hội và sẽ góp phần đáp ứng yêu cầu ấy.

Giai đoạn mới của cách mạng nước ta đang đặt ra cho xã hội học những vấn đề nghiên cứu quan trọng và rộng lớn.

Xã hội nước ta đang tiến lên chủ nghĩa xã hội là một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm lớn nhất ấy của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi phải được điều tra cụ thể và phân tích sâu sắc. Xóa bỏ nền sản xuất nhỏ là xóa bỏ cả một cơ chế xã hội cũ đã tồn tại hàng nghìn năm, là cải tạo những tâm lý và tập quán lâu đời của hàng chục triệu người sản xuất nhỏ. Xã hội học cần tiến hành nghiên cứu những trở lực của nền sản xuất nhỏ, tiếp tục phân tích những quy luật và bước đi cụ thể của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng mà Đảng đã đề ra.

Chiến tranh mới kết thúc, còn để lại trên cả nước ta những hậu quả nặng nề. Ở miền Nam, tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới, tư tưởng và lối sống tư sản còn gây tác hại trên nhiều mặt của đời sống xã hội. Tệ nạn xã hội chưa được xóa bỏ hoàn toàn. Còn có nhiều hiện tượng tiêu cực trong ý nghĩ, tâm trạng, thái độ và hành động của không ít người. Dựa trên những thuận lợi to lớn của cách mạng và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xã hội học phải nắm vững và phân tích được tình hình ấy, góp phần làm sáng tỏ sự đúng đắn và cần thiết của những biện pháp hành chính và tư tưởng, tổ chức và giáo dục, cải tạo và xây dựng nhằm giải quyết những vấn đề xã hội phức tạp ấy.

Yêu cầu to lớn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới đòi hỏi chúng ta ngay từ đầu phải biết kết hợp chặt chẽ việc kế hoạch hóa kinh tế với việc kế hoạch hóa xã hội. Bởi vì chúng ta phải xây dựng cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới, xây dựng cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới, xây dựng cả

(1) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 18.

(2) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 192.

Digitized by Google

đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần và văn hóa mới. Nhiều quá trình kinh tế — xã hội hết sức mới mẻ đang diễn ra. Điều khiển các quá trình ấy một cách tự giác là một vấn đề khoa học rộng lớn. Hơn 200 năm của chủ nghĩa tư bản, nhiều quá trình xã hội đã diễn ra một cách tự phát. Giai cấp tư sản chỉ quan tâm điều chỉnh các quá trình ấy trong chừng mực đụng chạm đến lợi ích và an ninh của nó. Khác với chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội thực hiện kế hoạch hóa nền kinh tế, do đó tất yếu phải kế hoạch hóa xã hội. Nhưng so với việc kế hoạch hóa kinh tế, việc kế hoạch hóa xã hội đã được nhìn thấy chậm hơn. Phức hợp những vấn đề kinh tế – xã hội chưa được nghiên cứu một cách thích đáng. Chỉ trong những năm gần đây, ở các nước xã hội chủ nghĩa nhiều vấn đề xã hội quan trọng như lối sống, quá trình đô thị hóa, việc xóa bỏ sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, vấn đề hôn nhân và gia đình... mới được nghiên cứu thật sự, và ngay cả việc xây dựng khoa học quản lý xã hội cũng đang ở bước đầu. Vì thế, xã hội học ở nước ta cần nhìn thấy sớm hơn và từng bước nghiên cứu những vấn đề ấy.

Hiện nay, công tác tổ chức lại nền sản xuất và phân công lại lao động xã hội đang thúc đẩy quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Với yêu cầu tạo một bước ngoặt trong nông nghiệp, nhiều vấn đề kinh tế — xã hội trước mắt đang đặt ra. Chẳng hạn cùng với việc mở mang vùng kinh tế mới, phân vùng kinh tế và bố trí lại lực lượng lao động trong cả nước, một quá trình di dân khá lớn sẽ diễn ra. Một triệu tám trăm nghìn lao động được đưa đi mở mang vùng kinh tế mới. Trên địa bàn huyện cũng sẽ có sự di dân đáng kể trong khi tổ chức lại sản xuất và đời sống mọi mặt, kết hợp quy hoạch sản xuất với quy hoạch dân cư, xây dựng nông thôn mới. Để tạo thế ổn định và phát triển về sản xuất và đời sống, cần nghiên cứu, tính toán giải quyết một cách toàn diện, đầy đủ các điều kiện địa lý, số dân, những yếu tố tâm lý, truyền thống, văn hóa, phong tục tập quán... Xã hội học cần xúc tiến sớm việc điều tra nghiên cứu để xác định rõ rệt hơn những mô hình và cơ chế xã hội trên địa bàn huyện và ở vùng kinh tế mới.

Công việc ấy có thể là bước mở đầu cho một lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn hơn — **xã hội học nông thôn**. Trọng điểm của việc nghiên cứu nông thôn là vấn đề giai cấp nông dân tập thể, một giai cấp mới về chất ở nông thôn nước ta. Hiện nay giai cấp đó đã được hình thành ra sao, nó phản ánh những thành tựu của chủ nghĩa xã hội như thế nào, có những chỗ mạnh và chỗ yếu nào, có nguyện vọng và khuynh hướng tiến lên như thế nào trên mỗi bước đường xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Bằng việc nghiên cứu những vấn đề ấy, xã hội học có thể đóng góp một phần đáng kể vào nhiệm vụ phát triển nông nghiệp đang giữ vị trí hàng đầu trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Quá trình công nghiệp hóa sẽ tạo nên những chuyển biến xã hội to lớn nhất, làm thay đổi nhiều mặt đời sống xã hội trên đất nước ta. Cũng chính trong bối cảnh của công nghiệp hóa ở các nước phát triển, xã hội học đã được thúc đẩy và trở thành một khoa học có nhiều chuyên ngành nghiên cứu. Ở nước ta, giai cấp công nhân đang tăng lên không ngừng về số lượng và chất lượng. Đó là lực lượng có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Xã hội học cần nghiên cứu tình hình giai cấp công nhân nước ta về tư tưởng và lao động.

Digitized by Google

về tổ chức và kỷ luật, về văn hóa và kỹ thuật. Phải quan tâm làm sáng tỏ những vấn đề truyền thống của giai cấp công nhân, sự kế tục của lớp công nhân trẻ, những biến đổi của người công nhân trước cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Việc nghiên cứu ấy nhằm góp phần xây dựng giai cấp công nhân nước ta ngày càng xứng đáng với vai trò tiên phong, vai trò lãnh đạo cách mạng.

Đời sống công nghiệp đang hình thành trên đất nước ta gắn liền với sự thiết lập các khu công nghiệp, với việc quy hoạch lại các đô thị, xây dựng các tuyến giao thông vận tải, tổ chức lại đời sống theo nhịp điệu của công nghiệp hóa. Việc tổ chức đời sống đô thị, đời sống của các khu công nghiệp, cải thiện từng bước sinh hoạt vật chất và văn hóa của giai cấp công nhân có quan hệ mật thiết đến việc tăng năng suất lao động và ổn định trật tự sinh hoạt xã hội. Đối tượng của **xã hội học công nghiệp** và **xã hội học lao động** là nghiên cứu những quan hệ giữa cá nhân và tập thể trong sản xuất, giữa lao động và sinh hoạt, giữa các yếu tố khác nhau trong môi trường lao động và môi trường sống, giữa các nhân tố kích thích lao động. Căn cứ vào những điều kiện vật chất và văn hóa của chúng ta, xã hội học cần cùng với các ngành quy hoạch công nghiệp, nghiên cứu những hình thức thích hợp để kết hợp khu vực sản xuất và khu vực phục vụ, tổ chức lao động và tổ chức sinh hoạt nhằm góp phần đẩy mạnh phong trào lao động có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao trong giai cấp công nhân. Từ việc điều tra tình hình lao động và phong cách sinh hoạt, cần đề ra những biện pháp khắc phục kiên quyết và triệt để tàn dư của tác phong sản xuất nhỏ, xây dựng tác phong đại công nghiệp trong xã hội ta.

Nền kinh tế mới là cơ sở của chế độ mới – chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng và chủ yếu bằng Nhà nước chuyên chính vô sản. Chế độ làm chủ tập thể bao gồm một hệ thống quan hệ xã hội mới giữa người và người. Đó là một cơ chế ngày càng hoàn thiện bảo đảm quyền làm chủ chân chính của cộng đồng xã hội, của tập thể nhân dân với các hình thức cụ thể của nó. Từ góc độ của mình, xã hội học cần góp phần làm sáng tỏ cơ chế ấy. Pháp luật là một chỗ dựa của cơ chế đó. Nhưng trong chủ nghĩa xã hội, sức sống của cơ chế đó là ở tính chủ động, tính tích cực và sáng tạo của nhân dân lao động, ở vai trò ngày càng tăng của tập thể, ở uy tín, sự đoàn kết nội bộ, kỷ luật và sự giám sát của tập thể. Cùng với các ngành nghiên cứu về nhà nước và pháp luật, xã hội học điều tra những chuyển biến trong ý thức về nghĩa vụ và quyền lợi, sự kết hợp ý thức pháp luật và tinh thần làm chủ tập thể ngày càng được nâng cao của nhân dân ta.

Bước ngoặt lớn của cách mạng nước ta cũng mở ra một thời kỳ mới cho sự phát triển nền văn hóa mới và con người mới. Nền văn hóa mới kết hợp chặt chẽ nội dung xã hội chủ nghĩa với tính chất dân tộc. Chúng ta đang xây dựng một nền văn hóa Việt-nam trong kỷ nguyên mới trên cơ sở của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, vừa kết tinh truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa hấp thụ có chọn lọc những thành quả văn minh của loài người. Nền văn hóa ấy là một cơ sở của đời sống cộng đồng, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của xã hội và cá nhân. Xã hội học nghiên cứu sự hình thành nền văn hóa mới bằng việc điều tra tổng hợp những nhân tố văn hóa trong sinh hoạt vật chất và tinh thần, vạch ra quá trình truyền bá nền văn hóa mới

Digitized by Google

và sự giao lưu văn hóa giữa các khu vực khác nhau, ở thành thị và nông thôn, ở miền xuôi và miền núi. Những chỉ số về văn hóa phải được nghiên cứu trên cơ sở nhận rõ nhu cầu văn hóa của nhân dân ngày càng tăng. Đảng ta hết sức quan tâm đến việc thỏa mãn những nhu cầu văn hóa ấy ngay trong điều kiện vật chất còn hạn chế. Bởi vì sự tiến bộ của văn hóa cuối cùng sẽ thể hiện ở trình độ mà nhân dân ta đạt được trong việc tiếp thu những tư tưởng tiên tiến, xây dựng những tình cảm lành mạnh, nâng cao tri thức và phương pháp tư duy khoa học, hình thành những phong tục tập quán tốt đẹp, khắc phục những ảnh hưởng thực dân phong kiến, tư sản và các nhân tố lạc hậu khác. Trình độ ấy không thể chỉ đo bằng những chỉ số vật chất của văn hóa mặc dù chúng ta sẽ không ngừng cố gắng để tăng cường cơ sở vật chất của văn hóa trong mỗi làng xã, mỗi huyện, mỗi khu vực thành thị và nông thôn.

Trong khuôn khổ của nền văn hóa mới, cần xúc tiến việc nghiên cứu về lối sống mới. Đó là những lề lối và phong cách xã hội chủ nghĩa trong lao động và sinh hoạt, trong quan hệ xã hội và đời sống cá nhân, là bộ mặt văn minh của dân tộc ta trong thời đại mới. Xã hội học cần xuất phát từ phong trào xây dựng nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hóa mới ở các địa phương, xác định mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa trong chủ nghĩa xã hội mà nêu ra những quy ước và khuôn mẫu của lối sống mới trong xã hội ta.

Con người mới đang hình thành trong các phong trào cách mạng của nhân dân ta. Những đề tài nghiên cứu về diễn biến trong ý thức, tâm tư, tình cảm, thế giới quan và nhân sinh quan ở các tầng lớp nhân dân là nội dung rất lớn của xã hội học. Cần nghiên cứu về quá trình giải phóng người phụ nữ, vai trò ngày càng cao của phụ nữ trong hoạt động xã hội. Vấn đề thanh niên là một chủ đề trước mắt và lâu dài của xã hội học. Để bồi dưỡng thanh niên thành những con người mới xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần nghiên cứu về trình độ tư tưởng, đặc điểm tâm lý, để ra những biện pháp hướng dẫn thanh niên giải quyết đúng đắn các vấn đề về lối sống, về tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình...

★

NGÀNH xã hội học ở nước ta đang ở bước đầu xây dựng. Song nhờ Đảng ta luôn luôn quán triệt tính cách mạng và tính khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, định ra đường lối và phương pháp cách mạng một cách sáng tạo trên cơ sở điều tra nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình và đặc điểm cụ thể của xã hội trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, cho nên chúng ta có vốn liếng phong phú làm cơ sở cho ngành xã hội học ở nước ta phát triển mạnh mẽ.

Để có thể tiến lên một cách vững chắc và nhanh chóng, ngành xã hội học nước ta một mặt cần vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, độc lập, sáng tạo và bám sát thực tiễn trong công tác điều tra, nghiên cứu để giải quyết những vấn đề xã hội học ở nước ta. Vì như đồng chí Lê-Duẩn thường nhắc nhở : « Cách mạng là sáng tạo, bởi vì chân lý luôn luôn là cụ thể » (3). Mặt khác, ngành xã hội học nước ta cũng cần tiếp thụ có chọn lọc kinh nghiệm của các nước anh em đã có nhiều năm nghiên cứu xã hội học ; đồng thời, bên cạnh việc phê phán những quan điểm phản động của xã hội học tư sản, chúng ta cần lựa chọn và sử dụng thích đáng một số phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu mà xã hội học tư sản đã tích lũy được.

(3) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1977, trang 183.

Digitized by Google

PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP LÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ LÀ PHƯƠNG THỨC TIẾN BỘ CHỦ YẾU CỦA SINH VẬT HỌC NƯỚC TA

NGUYỄN-HỮU-THƯỚC

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) về phát triển nông nghiệp đã ghi rõ «...Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất một cách nhanh chóng và vững chắc, từng bước thực hiện cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp như thủy lợi hóa, cơ giới hóa, hóa học hóa, điện khí hóa và áp dụng những thành tựu mới của cách mạng sinh vật học».

Điều này nói lên rằng sinh vật học hiện nay có vai trò to lớn đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp của đất nước. Dưới đây chúng tôi xin bàn về một số quan điểm về sinh vật học phục vụ nông nghiệp.

1 – Trước hết là về quan hệ giữa sinh vật học và khoa học – kỹ thuật nông nghiệp. Sinh vật học là ngành khoa học nghiên cứu một trong những dạng vận động của vật chất – vận động của chất sống. Đây là dạng vận động phức tạp nhất trong tất cả các dạng vận động của vật chất. Sự vận động của chất sống bao gồm các quy luật vật lý học, hóa học và các quy luật riêng về sinh vật học. Ăng-ghen viết: «Bởi vì thể hữu cơ thì dương nhiên là một *sự thống nhất cao liên kết cơ học, vật lý học và hóa học thành một chỉnh thể* trong đó cái tam vị nhất thể không thể bị tách rời ra được. Trong thể hữu cơ, vận động cơ giới là trực tiếp do sự biến đổi vật lý và hóa học gây ra, và điều đó có quan hệ đến ăn uống, hô hấp và bài tiết v.v... cũng như có quan hệ đến sự vận động thuần túy của cơ thịt» (1).

Điều này nói lên tính chất phức tạp và khó khăn trong nghiên cứu sinh vật học. Chỉ từ những năm 50 trở lại đây của thế kỷ này, nhờ ứng dụng những thành tựu của vật lý và hóa học mà sinh vật học có những bước nhảy vọt mang tính chất cách mạng: nghiên cứu sự sống và bản chất di truyền sinh vật ở mức độ phân tử, khác với thời gian trước đó sinh vật học nặng về nghiên cứu mô tả và chưa đi sâu vào bản chất bên trong của sự sống.

(1) F. Ăng-ghen: *Biện chứng của tự nhiên* nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 397

Digitized by Google

Đối tượng nghiên cứu của sinh vật học là cấu trúc và chức năng của chất sống và cơ thể sinh vật. Ăng-ghen viết : « *Sống là phương thức tồn tại của những thể an-bu-min*, và phương thức tồn tại này chủ yếu là ở chỗ các nhân tố hóa học của những vật thể ấy tự nó luôn luôn đổi mới » (2).

Sinh vật học trong những năm gần đây đã đi sâu nghiên cứu cấu trúc, chức năng và hoạt động không những của prô-tê-in mà cả của a-xít nu-clê-ích. Đây là những đại phân tử mang sự sống trong tất cả các loài sinh vật.

Sinh vật học nghiên cứu những quy luật chung về vận động của chất sống và của cơ thể sinh vật, còn khoa học nông nghiệp nghiên cứu những quy luật đó nhưng với các đối tượng là sinh vật nông nghiệp. Đây là mối quan hệ giữa khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng.

Do đó sinh vật học là cơ sở để phát triển khoa học — kỹ thuật nông nghiệp. Không thể có một nền nông nghiệp phát triển khi tình trạng nghiên cứu sinh vật học còn ở mức độ thấp kém. Trong hoàn cảnh nước ta, điều kiện vật tư và sự viện trợ của công nghiệp còn hạn chế thì các kết quả nghiên cứu của sinh vật học lại càng có ý nghĩa to lớn để đưa nông nghiệp nước ta tiến lên.

Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đã nói : « ...Phải mạnh dạn đầu tư vào các ngành khoa học, nhất là sinh vật học, để nó có thể tác động trực tiếp vào sản xuất nông nghiệp, như vậy sẽ đẩy mạnh tốc độ tiến lên của nông nghiệp nước ta. Chắc chắn đây là cách đầu tư rẻ nhất và có hiệu quả nhất » (3).

Nhiệm vụ của những người nghiên cứu sinh vật học là không ngừng đi sâu học tập để hiểu biết đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng và thực tiễn sản xuất của đất nước để ra sức phục vụ. Mặt khác, những người làm công tác trong phạm vi khoa học và kỹ thuật nông nghiệp không thể không ra sức học tập tìm hiểu về sinh vật học để có thể sáng tạo và ứng dụng các thành tựu của sinh vật học vào các lĩnh vực công tác của mình.

2 — Phục vụ phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ chính trị của sinh vật học nước ta trong giai đoạn hiện nay, nhưng cũng cần nhận thức rằng chính phục vụ nông nghiệp là phương thức để đưa nền sinh vật học nước ta tiến lên. Bởi vì :

Nghiên cứu sinh vật học là nhằm tìm ra các quy luật vận động cơ bản của sự sống. Tuy nhiên, ta không thể dừng lại ở những quy luật cơ bản, từ những quy luật chung đó phải trải qua nhiều năm nữa mới tìm thấy sự ứng dụng trong sản xuất và đời sống.

Mỗi nước trên thế giới đều phải ra sức phát triển nền khoa học cơ bản, đem nó phục vụ cho yêu cầu của nền kinh tế và quốc phòng của nước mình. Tuy rằng khoa học cơ bản là tìm ra những quy luật chung, nhưng như đã nói, mỗi nước phải có những sắc thái riêng. Đó là hướng đi của nền khoa học cơ bản của từng nước.

Hoạt động của sản xuất nông nghiệp là một trong hai mặt hoạt động chủ yếu của nền sản xuất (công nghiệp và nông nghiệp) của một nước. Sản xuất nông nghiệp ở nước ta có rất nhiều mặt phong phú và phức tạp. Nông dân nước ta có nhiều kinh nghiệm về thuần hóa giống cây trồng và giống con gia súc. Những kinh nghiệm có tính chất truyền thống lâu đời có giá trị thực tiễn rất lớn đó đòi hỏi khoa học cơ bản chứng minh.

Nước ta là nước nhiệt đới. Quy luật hoạt động sống của sinh vật nhiệt

(2) F. Ăng-ghen : *Chống Đuy-rinh*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 141.

(3) Phạm-Văn-Đồng : « Về một số vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình đưa nền nông nghiệp miền Bắc nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ». Tạp chí *Học tập*, số 10-1974, trang 46.

Digitized by Google

đới còn ít được nghiên cứu, nền nông nghiệp nhiệt đới đang đòi hỏi khoa học cơ bản làm sáng tỏ nhiều quy luật đặc thù để làm cơ sở cho việc phát triển cây trồng và con vật nuôi.

Nói sinh vật học phục vụ nông nghiệp không có nghĩa là đồng nhất những nghiên cứu của ngành khoa học này với những nghiên cứu của ngành khoa học — kỹ thuật nông nghiệp, song cũng không có nghĩa là coi nhẹ phát triển khoa học cơ bản.

Trong một thời gian không xa ta phải phấn đấu để đưa nền khoa học nước ta tiến kịp trình độ khoa học thế giới, đưa «sinh vật học phải sớm trở thành ngành khoa học mũi nhọn của nước ta» (4).

Đây là một trong những nhiệm vụ của những người làm công tác nghiên cứu sinh vật học ở nước ta. Chúng ta đưa nền sinh vật học tiến lên bằng cách nào?

Bất cứ khoa học nào dù là cơ bản hay ứng dụng của một nước cũng phải có tiền đề, điểm xuất phát và kế thừa những giai đoạn phát triển trước đó. Nền sinh vật học cơ bản nước ta không thể xuất phát từ những vấn đề trong sách vở nước ngoài để nghiên cứu mà phải xuất phát từ những vấn đề do yêu cầu của đất nước ta đặt ra.

Trong nhịp tiến chung của sinh vật học thế giới, sinh vật học nước ta xuất phát từ trình độ sản xuất và nghiên cứu của ta, cố gắng giải quyết tốt các yêu cầu lớn của nền kinh tế quốc dân và tiến lên đuổi kịp trình độ thế giới. Một trong những cơ sở chủ yếu làm điểm xuất phát cho công tác nghiên cứu trước mắt là nông nghiệp.

Lấy ví dụ sau đây để chứng minh điều đó. Do yêu cầu của thâm canh tăng năng suất lúa mà khoa sinh lý thực vật nước ta đã đặt vấn đề nghiên cứu về quang hợp và dinh dưỡng khoáng của cây lúa và ruộng lúa. Ta đã xác định được đặc điểm quang hợp và vận chuyển chất hữu cơ của cây lúa, đặc điểm quang hợp cây lúa và ruộng lúa có năng suất cao, nhu cầu dinh dưỡng của cây lúa trong suốt đời sống để có năng suất cao.

Kết quả nghiên cứu về vấn đề này không những có tác dụng làm cơ sở cho kỹ thuật thâm canh lúa mà còn có giá trị về lý luận cơ bản không kém trình độ thế giới. Do đó trong lĩnh vực sinh lý thực vật thì quang hợp và dinh dưỡng khoáng là hai chuyên môn ta có điều kiện đi lên và tiến nhanh để tiến kịp trình độ thế giới một cách toàn diện hơn. Như vậy phục vụ nông nghiệp không những là nhiệm vụ chính trị của ngành sinh vật học nước ta mà còn là phương thức để đưa nền sinh vật học nước ta tiến lên, tìm ra hướng đi đúng đắn cho nền sinh vật học nước ta và xây dựng lý luận của sinh vật học nhiệt đới.

3 — Để phục vụ nông nghiệp, sinh vật học nước ta đang nghiên cứu những khả năng, những điều kiện, các cơ sở lý luận để đưa các tiến bộ của sinh vật học vào sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân ta.

Muốn vậy, không có cách nào khác là căn cứ vào yêu cầu trước mắt và phương hướng đi lên của sản xuất nông nghiệp của ta để đặt vấn đề và tìm cách giải quyết.

Sinh vật học nghiên cứu các vấn đề nhằm đánh giá tài nguyên sinh vật học của nước ta ở trên đất và dưới biển, phục vụ cho công tác điều tra quy hoạch, phân vùng kinh tế, khai thác, sử dụng các tài nguyên sẵn có, bảo vệ môi trường; nghiên cứu cơ sở lý luận phục vụ cho thâm canh tăng năng suất cây trồng, đưa chăn nuôi (kể cả nghề nuôi cá) thành ngành sản xuất chính.

Sinh vật học nghiên cứu các vấn đề nhằm tăng thêm các nguồn nguyên

(4) Võ-Nguyên-Giáp : Tham luận tại Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Digitized by Google

liệu lấy từ các đối tượng của sinh vật phục vụ cho sản xuất và chế biến nông sản làm nguyên liệu cho công nghiệp xuất khẩu, nghiên cứu các quá trình vi sinh vật học để sử dụng các chất phế thải của nông nghiệp và công nghiệp chế thành thức ăn cho gia súc, gia cầm, và chống ô nhiễm môi trường, v.v...

Những nghiên cứu theo phương hướng này có ý nghĩa rất lớn đối với việc phát triển sản xuất nông nghiệp.

Cần đánh giá đúng đắn tầm quan trọng của các nghiên cứu về lý luận cơ sở này. Sự đánh giá đúng đắn của lãnh đạo và của dư luận khoa học đối với những nghiên cứu đó sẽ có tác dụng động viên cán bộ khoa học đi sâu vào các vấn đề cơ bản và cơ sở.

Trong thời gian qua có nơi này hoặc nơi nọ chỉ chú ý đề cao những nghiên cứu ứng dụng mà không chú ý khuyến khích những nghiên cứu cơ bản và cơ sở cho nên đã làm cho cán bộ khoa học không yên tâm phấn khởi tiến hành nghiên cứu trên các lĩnh vực cơ bản và cơ sở. Điều này gây tác dụng không tốt, bởi vì thiếu các nghiên cứu cơ bản và cơ sở thì sẽ thiếu căn cứ khoa học vững chắc để có thể đưa các tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất.

4 – Với xu thế hiện nay là khoa học nói chung và sinh vật học nói riêng đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì trong vấn đề phục vụ sản xuất nông nghiệp hiển nhiên sinh vật học không thể chỉ dừng lại ở khâu nghiên cứu những quy luật cơ bản và cơ sở.

Trước đây nếu như các ngành khoa học – kỹ thuật là khâu nối liền giữa khoa học cơ bản và sản xuất thì trong cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần này đang diễn ra sự liên kết khoa học với sản xuất, hoàn thiện một kế hoạch thống nhất bao gồm các khâu nghiên cứu khoa học, thiết kế, thử nghiệm và sản xuất. Mác viết: « Theo đà phát triển của nền đại công nghiệp, việc sáng tạo ra của cải hiện thực ngày càng ít phụ thuộc hơn vào thời gian lao động và số lượng lao động phải bỏ ra, so với năng lực của các nhân tố được vận dụng trong suốt thời gian lao động; bản thân các nhân tố đó đến lượt mình (hiệu quả lớn của chúng) lại hoàn toàn không nhất trí với số thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra chúng, hay nói cho đúng ra thì phụ thuộc vào trình độ chung của khoa học và vào tiến bộ kỹ thuật, hay là vào việc ứng dụng khoa học đó vào sản xuất » (5).

Quả vậy, ngày nay nhiều kết quả nghiên cứu trong phòng thí nghiệm sinh vật học được chuyển vào sản xuất nhanh chóng và trực tiếp mà không thông qua nhiều khâu nghiệm trung gian. Ví dụ: để nghiên cứu quá trình vi sinh vật người ta dùng các thùng lên men. Từ những kết quả này đem vào quy trình sản xuất trong những thùng lên men lớn không phải là xa xôi. Sự khác nhau trong trường hợp này giữa phòng thí nghiệm và nhà máy chỉ là quy mô của thùng lên men chứ không phải nguyên tắc hoạt động của quá trình. Hoặc lấy một ví dụ khác. Đã có sự liên hiệp chặt chẽ giữa các phòng thí nghiệm nuôi cấy mô tế bào với các cơ quan sản xuất. Do đó phương pháp nuôi cấy mô tế bào đã được sử dụng nhanh chóng vào việc nhân giống vô tính các loài hoa, đánh « thức » các hạt giống « ngủ » để có thể gieo được kịp thời, tạo các giống cây không nhiễm bệnh, khắc phục hiện tượng phôi các hạt giống không mọc được do lai xa.

Xu thế sinh vật học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp đó đòi hỏi, để phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp, thì:

– Các vấn đề của nghiên cứu sinh vật học ở nước ta không thể xa xôi

(5) Mác và Ăng-ghen: *Toàn tập*, tập 46, phần 2, bản tiếng Nga, trang 213.

Digitized by Google

đối với sản xuất, vừa phải giải đáp những yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, vừa phải nghiên cứu những vấn đề mở ra cho sản xuất nông nghiệp những tiến bộ kỹ thuật mới.

— Tổ chức hiệp tác giữa các phòng thí nghiệm sinh vật học của các viện và trường đại học với các nông trường và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Các nghiên cứu cơ bản đặt ra trong trường hợp này nhằm đưa nhanh các tiến bộ của khoa học vào sản xuất sẽ làm cho khoa học cơ bản gắn chặt với ứng dụng. Còn các cơ quan sản xuất, trong trường hợp này, sẽ nhanh chóng trưởng thành về khoa học — kỹ thuật và sẽ thu được lợi nhuận đầu tiên lúc sự nghiên cứu thành công.

Thực tiễn của nước ta cho thấy tiến hành phương thức này đã thu được kết quả tốt. Một số trường hợp không thành công không phải vì phương thức không đúng mà do khoa học — kỹ thuật đặt ra vấn đề sai hoặc chưa thích hợp mà thôi.

— Tổ chức kết hợp giữa những người nghiên cứu khoa học và những người sản xuất, nhất là những người sản xuất giỏi, có nhiều kinh nghiệm, những người lao động tiên tiến ở các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các nông trường quốc doanh.

Sự kết hợp này thúc đẩy nhanh việc đưa các tiến bộ của sinh vật học vào sản xuất vì chính những người nông dân tập thể và công nhân ở các nông trường không những là người áp dụng và kiểm tra các kết quả của khoa học trong sản xuất mà họ còn giúp cho các nhà sinh vật học nhiều dữ kiện từ những kinh nghiệm của họ được kiểm nghiệm trong thực tiễn để xây dựng thành lý luận.

5—Áp dụng các thành tựu của cách mạng sinh vật học là con đường đúng đắn phục vụ tốt nông nghiệp, và thúc đẩy sinh vật học nước ta tiến lên nhanh chóng.

Kể từ những năm 50 của thế kỷ này cuộc cách mạng trong sinh vật học đã và đang xảy ra trên hai lĩnh vực: «cách mạng xanh» và sinh vật học phân tử.

Thực chất của «cách mạng xanh» là việc thành tạo các giống lúa, lúa mì, ngô có năng suất cao, góp phần giải quyết tình hình thiếu lương thực trên thế giới, nhất là ở các nước vùng Đông—Nam Á. Người ta còn gọi là «cách mạng về giống, tưới nước và phân bón» hoặc gọi là «cách mạng nông nghiệp».

Tính riêng các loại hạt, tổng sản lượng trên toàn thế giới đã tăng từ 978 triệu tấn (1960) lên 1.436 triệu tấn (1976), trong đó lúa mì tăng từ 254 triệu tấn lên 407 triệu tấn, thóc từ 253 triệu tấn lên 342 triệu tấn, ngô từ 216 triệu tấn lên 326 triệu tấn.

Trong các yếu tố làm tăng năng suất cây trồng, giống có vai trò rất quan trọng. Nếu như trước năm 1967 giống có tác dụng làm tăng 4% năng suất thì sau năm 1967 giống làm tăng đến 26%.

Tuy nhiên cũng cần nhận thấy các mặt tiêu cực của cuộc «cách mạng xanh» này do thiếu một quan điểm thật sự khoa học. Đó là việc dùng nhiều giống mới một cách ồ ạt, loại bỏ mất nhiều giống có những gien quý của các địa phương, do đó làm nghèo nguồn gien quý: gien chống sâu bệnh, chống những điều kiện ngoại cảnh bất lợi, gien phẩm chất tốt, v.v...

Những giống mới là những giống đòi hỏi phải đủ nước, phân bón, cho nên yêu cầu đầu tư cho sản xuất phải cao hơn. Ở các nước tư bản chủ nghĩa điều này chỉ làm lợi cho người giàu vì người nghèo không có đủ điều kiện đầu tư, địa chủ đẩy nông dân lao động vào cảnh chết đói, chúng không cho nông dân thuê ruộng đất mà lấy đất về để thuê nhân công làm.

Digitized by Google

Nước ta đã ứng dụng tốt nhiều thành tựu của «cách mạng xanh». Ta đã dùng nhiều giống tốt trong sản xuất. Những giống này phát huy được ưu điểm của chúng là do, trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, đồng ruộng của ta được từng bước thủy lợi hóa, được bón nhiều phân các loại như bèo hoa dâu, điền thanh, phân hóa học, v.v...

Chúng ta ứng dụng tốt thành tựu của «cách mạng xanh» không như một số nước khác vì ta đã kết hợp chặt chẽ giữa khoa học và cách mạng theo đường lối, phương châm của Đảng, đã tích lũy được một số kiến thức khoa học về sử dụng giống mới, lại có cả một phong trào quần chúng rộng lớn tiến quân vào khoa học — kỹ thuật, có phong trào quần chúng sâu rộng cải tạo đồng ruộng, làm thủy lợi, làm phân bón.

Để phục vụ tốt nông nghiệp sinh vật học nước ta trong thời gian tới sẽ tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ hơn nữa các thành tựu của «cách mạng xanh» trong lĩnh vực giống cây trồng, giống cây rừng, giống cây thuốc, giống vi sinh vật.

Chúng ta sẽ nhập giống và thuần hóa nhanh các giống nhập, khu vực hóa các giống lai tạo được. Chúng ta sẽ sử dụng nhiều phương pháp để tạo giống mới mà không chỉ nhấn mạnh một loại phương pháp nào lúc người nghiên cứu đang đi sâu vào phương pháp đó. Mặt khác các cơ quan làm công tác giống bảo quản tốt các giống địa phương chứa những gien quý, sử dụng nhiều phương pháp để nhân nhanh các giống tốt hiện có.

Trong công tác giống vừa qua ta mới chú ý nhiều đến giống lúa. Hiện nay sự chú ý sẽ toàn diện hơn, như nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng về vấn đề phát triển nông nghiệp đã ghi, «Trong phạm vi cả nước cần nghiên cứu giải quyết tốt việc nhân và sản xuất các giống cây lương thực (lúa, ngô, sắn, khoai lang, khoai tây), các loại cây công nghiệp quan trọng (như đậu tương, lạc, cọ dầu, sở, mía, bông, dâu tằm, cao su, cà phê, chè, thuốc lá, cây làm thuốc). Đặc biệt chú trọng giải quyết giống ngô năng suất cao để phát triển chăn nuôi; về giống con, chú ý chọn lọc, lai, tạo, nhân và sản xuất giống lợn, giống trâu bò lấy thịt và lấy sữa, giống gia cầm...».

Cần có sự kết hợp giữa những người làm công tác sinh vật học: thực vật nông nghiệp, sinh lý, sinh hóa, di truyền, chọn giống để giải quyết vấn đề một cách toàn diện, vì chọn giống chỉ là khâu cuối cùng. sự kết hợp này trước đây chưa được chú ý đúng mức vì tổ chức chưa tốt.

Kết hợp giữa những người nghiên cứu di truyền chọn giống với phong trào chọn giống của quần chúng, học tập các kinh nghiệm chọn giống quý báu của những người sản xuất giỏi, giúp đỡ quần chúng những phương pháp mới, cùng quần chúng tổ chức theo dõi đánh giá kết quả nghiên cứu thí nghiệm về giống.

Về sinh vật học phân tử thì ngày nay chính nhờ các nghiên cứu trên lĩnh vực này người ta đã hiểu đầy đủ và sâu sắc hơn bản chất của hiện tượng sống thông qua các thành tựu nghiên cứu về sinh vật học tổng hợp prô-tê-in và cơ chế điều khiển di truyền do a-xit đê-dô-xi-ri-bô-nu-clê-ích (ADN) trong nhiễm sắc thể của tế bào. Có thể nói ngày nay, với những thành tựu này, lịch sử sinh vật học đã sang trang. Những kỹ thuật mới như kỹ thuật tế bào, kỹ thuật gien đã bắt đầu được ứng dụng. Người ta đã tái lập lại được cây hoàn chỉnh từ tế bào tách rời và nuôi cấy trong ống nghiệm, lai được tế bào bằng phương pháp hòa lẫn chất nguyên sinh của các tế bào trần, lai được các giống tế bào có nguồn gốc rất xa nhau như giữa tế bào động vật và thực vật.

Digitized by Google

Áp dụng vào thực tế, người ta đã tạo ra các cây đơn bội(*) để phục vụ cho công tác giống, người ta đã kết hợp được tinh trùng và tế bào trứng của bò ở ngoài tử cung, trên phiến kính rồi đưa vào tử cung của một bò cái khác để mang hộ. Người ta cũng đem được ADN từ tế bào vi sinh vật khác sang làm cho tế bào vi sinh vật mới trước đây không cố định được đạm nay cũng cố định được đạm, v.v...

Nếu như nước ta đã thu được nhiều kết quả trong việc ứng dụng và sáng tạo các thành tựu «cách mạng xanh» thì trên lĩnh vực sinh vật học phân tử ta chưa có chuẩn bị gì nhiều để sớm ứng dụng các thành tựu về mặt này vào trong nông nghiệp và các ngành khác.

Chúng ta không thể tán thành ý kiến cho rằng ta chưa nên phát triển sinh vật học phân tử, mà dứt khoát phải khẳng định rằng đã đến lúc nước ta cần phát triển lĩnh vực nghiên cứu này, nhất là những nghiên cứu mang tính chất ứng dụng phục vụ cho nông nghiệp cũng như y học. Tuy nhiên cũng cần thấy vấn đề một cách toàn diện là việc nghiên cứu sinh vật học cần được tiến hành ở nhiều mức độ: quần thể, cá thể, cơ quan, mô, tế bào, cơ quan tử, phân tử. Các mức độ đó không thể thay thế cho nhau mà hỗ trợ nhau. Do đó không nên nghĩ rằng nhiều khó khăn trong nông nghiệp biểu hiện ở cây trồng, con vật nuôi mà ta chưa hiểu là do ta chưa phát triển được lĩnh vực nghiên cứu sinh vật học phân tử. Với tầm nhìn rộng rãi, chúng ta không coi nhẹ những nghiên cứu về sinh vật học phân tử là những nghiên cứu chắc chắn sẽ có nhiều đóng góp cho thực tiễn, tuy rằng hiện nay nó có thể đóng góp chậm hơn so với các nghiên cứu khác.

Nói đến việc ứng dụng các thành tựu cách mạng sinh vật học vào nông nghiệp nước ta, không phải chỉ có vấn đề giống và vấn đề sinh vật học phân tử, mà còn nhiều vấn đề khác. Tuy nhiên, hai vấn đề này có tầm quan trọng đặc biệt mà ta phải quan tâm. Trong khi sinh vật học cũng như các ngành khoa học khác ra sức phục vụ nông nghiệp, chúng ta không nên quên đầu tư một phần lực lượng vào từng phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu hoặc trường đại học để nghiên cứu một số vấn đề lý luận nhằm chuẩn bị những bước tiến cho bản thân của ngành sinh vật học và cho các ngành khoa học và kinh tế khác trong tương lai. Những hướng đặt ra cố nhiên sẽ là những hướng tiếp cận với sinh vật học hiện đại, những hướng đang mở ra nhiều triển vọng cho thực tiễn. Các hướng nghiên cứu này sẽ tạo điều kiện cho các nhà khoa học, ngoài nhiệm vụ phục vụ những yêu cầu lớn của đất nước, sẽ phát huy sức sáng tạo của mình để có nhiều đóng góp to lớn cho nền kinh tế nước nhà trong tương lai, đồng thời đóng góp vào kho tàng tri thức của loài người. Bên cạnh nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp, sinh vật học còn có nhiệm vụ phục vụ y học. Vấn đề này cũng có tầm quan trọng không nhỏ nhưng không thuộc phạm vi bài này.

★

Việc áp dụng những thành tựu của cách mạng sinh vật học vào việc phát triển nông nghiệp nước ta, cũng như nghiên cứu các vấn đề sinh vật học trong thực tiễn nông nghiệp nước ta, trên cơ sở đó thúc đẩy sự tiến bộ của khoa sinh vật học Việt-nam, đòi hỏi chúng ta tập trung vào những vấn đề lớn sau đây:

Điều tra tài nguyên sinh vật học: điều tra các nguồn lợi tự nhiên như tôm, cá và các loài thủy sản khác ở dưới nước, cây lấy gỗ,

(*) Cây đơn bội là cây có số lượng nhiễm sắc thể trong tế bào bằng một nửa số nhiễm sắc thể của cây bình thường.

Digitized by Google

cây lấy sợi, cây làm thức ăn gia súc, cây làm thuốc, v.v... các loài chim thú ở rừng để đánh giá cho đúng, nhằm có kế hoạch khai thác, bảo vệ và phát triển thích hợp.

Công tác này không những góp phần giải quyết các vấn đề thực phẩm cho người, nguyên liệu cho công nghiệp mà còn phục vụ cho việc xuất khẩu đổi lấy những thiết bị cần thiết cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp.

Nghiên cứu cân bằng sinh vật học của các hệ sinh thái và quy luật diễn thế của các quần lạc sinh vật học và năng suất sinh vật học trên các vùng lãnh thổ khác nhau của đất nước để đặt cơ sở cho việc bảo vệ và phát triển rừng, phát triển các vùng đồng cỏ chăn nuôi gia súc tập trung, mở mang các vùng kinh tế mới, tăng vụ trồng trọt, bảo vệ môi trường và các cảnh quan tự nhiên.

Giải quyết tốt vấn đề giống. Trong lĩnh vực nghiên cứu này, thế giới đạt được nhiều thành tựu. Ta có điều kiện ứng dụng các thành tựu đó vào hoàn cảnh nước ta, nhất là có thể thuần hóa các giống nhập từ nước ngoài.

Mặt khác ta phải giải quyết nhiều vấn đề cấp bách do điều kiện nước ta đặt ra. Chọn các giống lúa chịu phèn cho các tỉnh miền Nam, chọn các giống lúa chịu lạnh cho các tỉnh miền Bắc, chọn các giống cây trồng thích hợp cho vụ đông, tìm cách nhân giống nhanh đối với các giống có hệ số nhân thấp như khoai tây, v.v...

Giải quyết vấn đề chất đạm (prô-tê-in). Muốn đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, muốn cải thiện bữa ăn hằng ngày trong đó lượng đạm trong khẩu phần còn thấp, muốn tăng thêm nguồn xuất khẩu, thì phải tìm thêm nguồn dinh dưỡng giàu đạm.

Nghiên cứu đặc điểm sinh vật học và yêu cầu ngoại cảnh của các loài thủy sản là điều kiện cần thiết đặt cơ sở cho kỹ thuật đánh bắt và nuôi các loài thủy sản, cũng như phương pháp nuôi một số loài theo lối công nghiệp (tôm). Sinh vật học còn có nhiệm vụ nghiên cứu các biện pháp tăng khả năng cố định đạm của các loài vi sinh vật sống cộng sinh với các thực vật giàu đạm như bèo hoa dâu, các loài cây họ đậu, nhất là đậu tương, v.v..., nghiên cứu để trồng các loài cây này ở nhiều vùng khác nhau, nghiên cứu trồng quanh năm trên diện tích hẹp nhưng có hiệu suất cao (bèo hoa dâu).

Tăng cường nghiên cứu đưa vào sản xuất để thụ sinh khối vi sinh vật giàu đạm và sinh tố như các loài nấm men, các loài tảo như xpi-ru-li-na, clo-ren-la, v.v...

Nghiên cứu sinh học của các biện pháp bảo vệ cây trồng và con vật nuôi. Đề phòng, chống bệnh và các loại sâu, chuột, cùng các sinh vật khác phá hoại nông nghiệp, sử dụng thuốc hóa học chưa đủ mà còn cần sử dụng biện pháp phòng, trừ tổng hợp. Muốn vậy cần nghiên cứu sinh thái các đối tượng này và cơ sở sinh vật học của các biện pháp phòng, trừ.

Sử dụng các loài sinh vật có ích để diệt trừ các loài sinh vật có hại là biện pháp áp dụng có hiệu quả ở nhiều nước. Chúng ta cần có kế hoạch đưa vào sản xuất một số kết quả bước đầu thu được ở nước ta về sử dụng ong mắt đỏ, vi khuẩn ba-xi-lút để trừ sâu.

Hưởng theo lời kêu gọi của Đảng: Tập trung cao độ lực lượng cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, ngành sinh vật học nước ta quyết tâm phấn đấu để có phần đóng góp xứng đáng, và qua đó chắc chắn sẽ trưởng thành nhanh chóng.

Digitized by Google

Công tác khoa học — kỹ thuật ở thành phố Hồ-Chí-Minh

TRẦN-TRỌNG-TÂN

SAU ngày giải phóng, yêu cầu khôi phục, cải tạo, xây dựng kinh tế và văn hóa đặt ra cho công tác khoa học — kỹ thuật của thành phố Hồ-Chí-Minh nhiều vấn đề phải giải quyết.

Tiềm năng khoa học — kỹ thuật của thành phố thật ra không ít. Về cơ sở vật chất — kỹ thuật, ngoài các xí nghiệp lớn, các trường Đại học, các Viện nghiên cứu, hệ thống máy tính điện tử, các thiết bị nghiên cứu khoa học, v.v.. còn có các phòng thí nghiệm của tư nhân, những thiết bị chuyên dùng nằm rải rác ở các cơ sở tiểu công nghiệp, cơ sở dạy nghề... Về lực lượng lao động trong lĩnh vực này, có đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật và công nhân kỹ thuật tại chỗ bao gồm hơn 500 người có trình độ trên đại học, ngót 8.500 người có trình độ đại học, hai vạn cán bộ và kỹ thuật viên trung cấp và sơ cấp, vài chục vạn công nhân kỹ thuật, trong đó 7 — 8% là công nhân lành nghề. Lực lượng lao động khoa học — kỹ thuật này có khả năng thực hành khá, vận hành tốt các thiết bị hiện đại trong nghiên cứu, giảng dạy và sản xuất theo ngành nghề được đào tạo. Sở trường của số cán bộ kỹ thuật công nghiệp là lắp ráp, sửa chữa, sử dụng các thiết bị của các nước tư bản chủ nghĩa, và có khả năng thiết kế chế tạo một phần. Nhiều người biết xem xét công việc cả về mặt kỹ thuật và mặt kinh tế. Anh chị em công nhân kỹ thuật tại chỗ tuy phần đông yếu về trình độ văn hóa và không được trang bị nhiều về lý thuyết, nhưng nhiều người có tay nghề khá, thạo lắp ráp và sửa chữa các thiết bị hiện đại, có kinh nghiệm làm việc trong các dây chuyền sản xuất hiện đại.

Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế của thành phố Sài-gòn trước đây, dù có một số mặt phát triển, nhìn chung vẫn là một cơ cấu kinh tế què quặt — sản phẩm của chủ nghĩa thực dân mới, mà đặc trưng nổi bật là sự lệ thuộc vào đế quốc Mỹ và các nước tư bản chủ nghĩa khác về nhiều thứ: nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, cả vật liệu xây dựng, giống cây trồng, giống gia súc.. Sau ngày giải phóng, mấy trăm nhà máy, mấy chục nghìn cơ sở tiểu công nghiệp chuyên làm gia công dựa vào nguyên liệu, vật liệu nhập từ nước ngoài, bị đe dọa ngừng sản xuất. Hàng chục nghìn phương tiện cơ giới (ô-tô, máy kéo, máy bơm, máy xay xát, tàu thuyền

Digitized by Google

đánh cá...), hàng nghìn thiết bị chuyên dùng trong y học, trong các cơ sở nghiên cứu khoa học và giảng dạy rơi vào tình trạng thiếu vật tư kỹ thuật. Trong nông nghiệp, còn thiếu cả phân bón, thuốc trừ sâu.

Yêu cầu cấp bách đặt ra cho công tác khoa học — kỹ thuật của thành phố Hồ-Chí-Minh là nghiên cứu thay thế những nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng trước đây phải mua của các nước tư bản chủ nghĩa bằng những thứ sản xuất ở trong nước; đồng thời nghiên cứu cải tiến các máy móc thiết bị cũ sao cho thích hợp với điều kiện về vật tư kỹ thuật của ta hiện nay. Ngoài ra, phải giải quyết hàng loạt vấn đề nhằm góp phần khôi phục, cải tạo và xây dựng kinh tế, làm cho thành phố Hồ-Chí-Minh trở thành một thành phố xã hội chủ nghĩa có cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến.

Được sự giúp đỡ của Trung ương, của các ngành và các địa phương khác trong nước, khai thác những tiềm năng khoa học — kỹ thuật tại chỗ, dựa vào cơ sở vật chất — kỹ thuật sẵn có và mới bổ sung, phát huy tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần làm chủ tập thể của đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật và công nhân kỹ thuật, thành phố đã đạt được một số thành tựu đáng kể trong công tác khoa học — kỹ thuật.

Các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật như Viện định chuẩn, Công ty máy tính điện tử IBM, Viện khoa học — kỹ thuật, Viện y dược học dân tộc... đã được tổ chức lại. Thành phố đã ban hành tiêu chuẩn địa phương về xe đạp, những quy định về quản lý hoạt động cải tiến khoa học — kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; đã thành lập Hội đồng sáng kiến, Hội đồng bảo vệ môi sinh... Các trường học, bệnh viện, các cơ quan khoa học — kỹ thuật khác cũng đã đạt được những kết quả bước đầu trong nghiên cứu phục vụ sản xuất và đời sống. Đặc biệt là phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học — kỹ thuật đã đem lại những hiệu quả kinh tế thiết thực.

Đến nay, trên 16.000 cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đã được phục hồi và phát triển sản xuất, hàng trăm xí nghiệp lớn tiếp tục hoạt động, nhiều xí nghiệp mở rộng quy mô sản xuất gấp nhiều lần so với trước. Theo thống kê sơ bộ, chỉ trong 3 quý đầu năm 1977 đã có hơn 4.400 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Trong nghiên cứu khoa học, đã có một số công trình có giá trị.

Những thành tựu về khoa học — kỹ thuật mà thành phố đã đạt được trong mấy năm qua là những đóng góp đắc lực vào việc tiếp quản thành phố, cải tạo và phát triển một bước kinh tế và văn hóa của thành phố. Những thành tựu đó chứng minh vai trò then chốt của cách mạng khoa học — kỹ thuật trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nói lên khả năng dồi dào của đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật và công nhân kỹ thuật, và sức mạnh to lớn của họ khi họ được tổ chức và lãnh đạo theo một phương hướng đúng.

Tuy nhiên, về phía lãnh đạo, Thành ủy chúng tôi thấy còn nhiều thiếu sót trong việc phát huy khả năng và tiềm lực sẵn có về khoa học — kỹ thuật, nhất là trong việc thực hiện chính sách đoàn kết, sử dụng, cải tạo cán bộ khoa học — kỹ thuật tại chỗ. Việc lãnh đạo công tác khoa học — kỹ thuật còn lúng túng về nội dung cũng như phương pháp. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển đòi hỏi phải có một nhận thức đầy đủ và một kế hoạch toàn diện về công tác khoa học — kỹ thuật.

★

Digitized by Google

Thành phố Hồ-Chí-Minh là một thành phố lớn, một trung tâm công nghiệp, một trung tâm văn hóa, một trung tâm giao dịch quốc tế của nước ta. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, Đại hội lần thứ nhất của đảng bộ thành phố đã xác định phương hướng chung của thành phố đến năm 1980 là «tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, từng bước xây dựng một thành phố công nghiệp có cơ sở kinh tế công – nông nghiệp hiện đại», «đẩy mạnh công tác khoa học – kỹ thuật, làm cho công tác khoa học – kỹ thuật bám sát và phục vụ đắc lực hơn nữa yêu cầu cải tạo và xây dựng kinh tế, văn hóa, phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng».

Khoa học – kỹ thuật từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

Theo tinh thần cơ bản ấy, công tác khoa học – kỹ thuật ở thành phố Hồ-Chí-Minh trong những năm tới nhằm mục tiêu **trước hết là** phục vụ nhiệm vụ trung tâm là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, qua quá trình kết hợp cải tạo với xây dựng mà từng bước xây dựng thành phố Hồ-Chí-Minh thành thành phố công nghiệp có cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp hiện đại.

Hai là, tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật cho nông nghiệp, tập trung xây dựng các huyện ngoại thành từng bước trở thành những đơn vị kinh tế nông – công nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, dựa vào hệ thống các nông trường quốc doanh và trên cơ sở hợp tác hóa đi liền với thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa và hóa học hóa.

Ba là, qua việc đưa lực lượng cán bộ khoa học – kỹ thuật vào thực tiễn hoạt động khoa học – kỹ thuật mà giáo dục, rèn luyện và phát triển thành một đội ngũ những chiến sĩ cách mạng vững vàng làm nòng cốt cho phong trào quần chúng tiến quân vào mặt trận khoa học – kỹ thuật.

Trong lúc triển khai hoạt động theo ba mục tiêu dài hạn đó, công tác khoa học – kỹ thuật ở thành phố Hồ-Chí-Minh trong những năm tới sẽ phải nhằm làm tốt hơn nữa ba việc trước mắt là:

– Thay thế các nguyên liệu, vật liệu, vật tư kỹ thuật và phụ tùng trước đây phải nhập từ nước ngoài bằng những thứ sản xuất trong nước.

– Giải quyết những vấn đề kỹ thuật bảo đảm đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng xuất khẩu, tranh thủ xuất để nhập một số nguyên liệu, vật liệu, máy móc và phụ tùng hết sức cần thiết, trước hết là nhập những thiết bị thiết yếu cho sản xuất và nghiên cứu khoa học – kỹ thuật.

– Nghiên cứu chế tạo một số máy công cụ, máy công tác và máy chuyên dùng phục vụ nông nghiệp, cơ khí hóa việc sản xuất một số mặt hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Để đạt tới ba mục tiêu dài hạn và giải quyết tốt hơn nữa ba việc trước mắt trên đây, cần **phát huy năng lực tổ chức của các cơ quan Đảng và Nhà nước kết hợp với phát huy tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần tự lực tự cường, chủ động, sáng tạo của nhân dân lao động và đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật**, hình thành một cao trào cách mạng của quần chúng tiến quân vào khoa học – kỹ thuật. Đây là phương châm quan trọng nhất.

Trước đây, dưới chế độ cũ, trong diện Nhà nước (ngụy) quản lý công tác khoa học – kỹ thuật không làm

Digitized by Google

được bao nhiêu. Phần lớn hoạt động khoa học – kỹ thuật mang tính chất nghiên cứu kinh tế – kỹ thuật đều có quy mô nhỏ, nằm trong tay tư nhân, kể cả tiểu chủ, và đều tuân theo quy luật cạnh tranh tư bản chủ nghĩa. Công nghiệp lắp ráp, sửa chữa phổ biến còn ở quy mô gia đình, tuy có hàng chục nghìn máy chuyên dùng nhưng phân tán khắp nơi. Sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu – mặt mạnh của thành phố – chủ yếu cũng dựa vào các cơ sở tiểu công nghiệp phân tán như vậy. Nay cần tổ chức lại. Tổ chức lại sẽ tạo ra những khả năng mới. Việc tổ chức lại do Nhà nước hướng dẫn, quản lý và dựa trên cơ sở phát huy ý thức làm chủ tập thể của cán bộ khoa học – kỹ thuật, của công nhân và nông dân, sẽ sáng tạo ra nhiều hình thức tập hợp thích hợp từ thấp đến cao, không bỏ sót một khả năng, một tiềm lực nào, làm cho mọi khả năng và tiềm lực phát huy hiệu quả cao nhất theo một chương trình hành động chung. Kinh nghiệm hai năm qua cho thấy, để phát hiện và phát huy hết mọi khả năng và tiềm lực về khoa học – kỹ thuật, không thể chỉ dựa vào một vài biện pháp đơn giản nào, mà phải kết hợp nhiều mặt về tổ chức, quản lý, về xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật.. Sắp tới đây, thành phố còn phải dành nhiều công sức để làm tốt hơn nữa công tác này.

Phương châm thứ hai trong công tác khoa học – kỹ thuật ở thành phố chúng tôi là **kết hợp tốt hai nguồn cán bộ khoa học – kỹ thuật đào tạo từ hệ thống xã hội chủ nghĩa và từ hệ thống tư bản chủ nghĩa và phát huy hết khả năng của đội ngũ đó.**

Điều này nhằm tăng cường sức mạnh trước hết cho đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật là lực lượng nòng cốt trong phong trào cách mạng của quần chúng tiến quân vào mặt trận khoa học – kỹ thuật. Lực lượng nòng cốt này mà yếu, thì không thể nào tạo ra bất kỳ một mũi nhọn xung kích nào trên mặt trận khoa học – kỹ thuật. Thành phố Hồ-Chí-Minh có một đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật có nhiều ưu thế về cơ cấu ngành nghề, về trình độ và năng lực thực hành, là nơi hội tụ nhiều kiến thức và khả năng về khoa học và kỹ thuật của hầu hết các nước công nghiệp phát triển cao trên thế giới bao gồm cả phía xã hội chủ nghĩa và phía tư bản chủ nghĩa. Vấn đề là biết kết hợp hai nguồn cán bộ này lại để bổ sung cho nhau, phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu, để đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Phương châm thứ ba trong công tác khoa học – kỹ thuật của thành phố chúng tôi là **hợp đồng chặt chẽ giữa các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, thí nghiệm, giảng dạy của thành phố với các cơ sở của trung ương đóng tại thành phố.** Đây là do đòi hỏi của sự phân công và hợp tác giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, do tình hình phân cấp quản lý hiện nay. Sự phối hợp giữa trung ương và địa phương trên lĩnh vực khoa học – kỹ thuật thể hiện trong sự phân chia đề tài nghiên cứu, từ nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu ứng dụng và sản xuất thử, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và cả trong việc thi hành chế độ, chính sách đối với cán bộ khoa học – kỹ thuật. Sự phối hợp đó nhằm sử dụng hợp lý cơ sở vật chất – kỹ thuật và lực lượng cán bộ, nhất là cán bộ giỏi. Sự phối hợp đó cũng nhằm thực hiện giảng dạy, học tập gắn liền với sản xuất, nghiên cứu thí nghiệm gắn liền với các cơ sở sản xuất.

Phương châm thứ tư là **tận dụng mọi khả năng về trang bị kỹ thuật, về vốn tri thức hiện có, phát huy các thế mạnh của thành phố mà tạo nên nhiều cơ sở vật chất – kỹ thuật mới, lực lượng**

Digitized by Google

cán bộ mới nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sản xuất, đời sống và quốc phòng.

Phương châm cuối cùng là phải **coi trọng mặt thực dụng, coi trọng việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và giải quyết các đề tài từ lý thuyết đến thành phẩm, tức là từ nghiên cứu, thí nghiệm, đến sản xuất thử và sản xuất công nghiệp.** Công tác nghiên cứu khoa học — kỹ thuật phải nhằm vào việc tổ chức lại nền sản xuất xã hội theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phát triển lực lượng sản xuất, sản xuất nhiều hàng tiêu dùng và tư liệu sản xuất phục vụ công nghiệp, nông nghiệp, các nhu cầu khác và xuất khẩu.

Hướng vào những mục tiêu đã định, và dựa vào các phương châm nêu trên, công tác khoa học — kỹ thuật của thành phố Hồ-Chí-Minh trong những năm tới sẽ phát triển theo phương hướng chung là:

1 — Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên và các điều kiện thiên nhiên để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế, xây dựng cơ bản, quy hoạch các vùng nông nghiệp chuyên canh ở ngoại thành, khai thác và sử dụng hợp lý các tài nguyên.

2 — Nghiên cứu việc trang bị cơ khí cho các ngành sản xuất, cải tiến công cụ lao động thủ công, từng bước trang bị nửa cơ khí, cơ khí và hiện đại hóa các ngành sản xuất của địa phương, chú trọng đúng mức nông nghiệp và các ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, nhằm hạ thấp tỷ lệ lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

3 — Phát huy thế mạnh của thành phố về sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, chú ý cả ba mặt: tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm và hạ giá thành; chú ý cả các hàng công nghiệp, chế biến, hàng thủ công, mỹ nghệ và các sản phẩm có truyền thống của dân tộc.

4 — Nghiên cứu các vấn đề về kinh tế — kỹ thuật để áp dụng trong việc chỉ đạo công tác cải tạo và xây dựng, tổ chức lại nền sản xuất xã hội, lưu thông phân phối, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, phân bố lại lực lượng lao động, từng bước tiến hành việc hợp tác hóa thủ công nghiệp, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cán bộ, v.v...

5 — Áp dụng các phương pháp khoa học về quản lý kỹ thuật trong sản xuất trên ba mặt: tiêu chuẩn hóa, đo lường, chất lượng sản phẩm.

Mỗi ngành sẽ căn cứ vào mục tiêu, phương châm và phương hướng chung trên đây mà xác định phương hướng và bước đi cụ thể cho công tác khoa học — kỹ thuật của ngành mình, xác định mũi nhọn cần tập trung sức giải quyết.

★

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ nói trên của công tác khoa học — kỹ thuật ở thành phố Hồ-Chí-Minh, thành ủy đã đề ra những biện pháp tăng cường sự lãnh đạo và quản lý của các cấp Đảng và chính quyền đối với công tác quan trọng này.

Cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật giữ vị trí then chốt trong cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Thành ủy chúng tôi thấy cần làm cho các cấp lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong thành phố nhận thức đúng đắn vị trí, tác dụng của công tác khoa học — kỹ thuật. Trên cơ sở đó, sẽ uốn nắn và khắc phục những lệch lạc như: chưa quan tâm đúng mức việc lãnh đạo công tác khoa học — kỹ thuật; tách rời cải tạo với xây dựng và đẩy mạnh sản xuất; buông lỏng việc quản lý trang bị, thiết bị, vật tư kỹ thuật; xóa bỏ hay thay đổi một cách tùy tiện nền nếp quản lý kỹ thuật và quy

Digitized by Google

trình công nghệ đúng đắn vốn có trong một số cơ sở sản xuất tư nhân khi những cơ sở sản xuất này được chuyển sang tay Nhà nước; chưa chú trọng tập hợp, cải tạo, sử dụng, bồi dưỡng lực lượng cán bộ khoa học — kỹ thuật và lao động có kỹ thuật; chưa quý trọng đúng mức các tài năng khoa học — kỹ thuật; chưa chịu khó học tập để nắm lấy khoa học — kỹ thuật, khoa học quản lý kinh tế, v.v...

Về tổ chức và chỉ đạo thực hiện, vấn đề cấp bách là phải xây dựng hệ thống quản lý công tác khoa học — kỹ thuật hoàn chỉnh từ cấp thành phố xuống quận, huyện, đến các cơ sở sản xuất. Việc này đòi hỏi phải kiện toàn Ban khoa giáo của thành ủy và từng bước xây dựng bộ phận chuyên trách công tác khoa giáo trong các ban tuyên huấn quận, huyện; kiện toàn Ủy ban khoa học — kỹ thuật thành phố, lập các Hội đồng khoa học kỹ thuật chuyên ngành và chuyên đề cấp thành phố, các bộ phận quản lý khoa học — kỹ thuật ở các ngành chuyên môn; từng bước lập các bộ phận khoa học — kỹ thuật ở quận, huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện hoặc trực thuộc các phòng công nghiệp, nông nghiệp quận, huyện; xây dựng những tổ chức thích hợp, chuyên lo quản lý công tác khoa học — kỹ thuật ở cơ sở.

Đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật cho công tác khoa học — kỹ thuật là rất quan trọng: xây dựng các trạm, trại thí nghiệm thuộc các sở, các huyện ngoại thành; xây dựng trung tâm sản xuất thử của thành phố, trung tâm dịch thuật, nghiên cứu, cơ quan cung ứng vật tư khoa học — kỹ thuật của thành phố...

Những biện pháp khác như kế hoạch hóa công tác khoa học — kỹ thuật, phát động phong trào quần chúng làm khoa học — kỹ thuật dưới hai hình thức «cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất» và «sáng chế phát minh», đẩy mạnh công tác phổ biến khoa học và kỹ thuật, cũng đều phải được chú ý đúng mức.

Nhưng nổi bật hơn cả là vấn đề quản lý đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật và thực hiện chính sách đối với cán bộ khoa học — kỹ thuật. Chỉ thị 190 ngày 7-7-1971 của Ban bí thư Trung ương Đảng đã chỉ rõ: «Công tác quản lý đội ngũ trí thức và cán bộ khoa học — kỹ thuật nhằm bồi dưỡng và sử dụng tốt đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa, phát huy cao sức cống hiến của anh chị em cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm cho đội ngũ trí thức mãi mãi là một lực lượng xã hội trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, với Đảng và Nhà nước». Chúng tôi nhận định rằng: cán bộ khoa học — kỹ thuật được đào tạo từ các nước xã hội chủ nghĩa hay các nước tư bản chủ nghĩa ngày nay đều là vốn quý của đất nước, là bộ phận quan trọng trong lực lượng sản xuất và quản lý xã hội. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng cần nhiều trí thức tốt và giỏi. Vì vậy, vừa phải quản lý thật tốt đội ngũ trí thức hiện có, vừa phải chăm lo, đào tạo thêm lực lượng trí thức mới. Chúng tôi cho rằng, có kế hoạch sử dụng, bố trí anh chị em làm công tác khoa học — kỹ thuật theo đúng ngành nghề, đúng vị trí của họ, thì anh chị em sẽ phát huy tốt khả năng của mình. Tìm cách giúp đỡ anh chị em cải thiện đời sống, đáp ứng những yêu cầu hợp lý về phương tiện làm việc, cũng tạo điều kiện cho anh chị em tập trung vào công tác nghiên cứu, giảng dạy. Đồng thời, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho anh chị em là điều cần hết sức coi trọng, nhất là đối với những anh chị em trước đây đã được đào tạo theo hệ tư tưởng tư sản, bị Mỹ ngụy đầu độc về chính trị.

Digitized by Google

Cán bộ khoa học – kỹ thuật tại chỗ cần được giúp đỡ tích cực để nhanh chóng nâng cao sự hiểu biết về cách mạng, về chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phát huy mạnh mẽ nhiệt tình cách mạng và lòng tự hào dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, tin tưởng ở Đảng, ở nhân dân và ở bản thân mình, và với tư cách là thành viên của tập thể những người làm chủ xã hội mới, dũng cảm vượt mọi khó khăn, thử thách, cống hiến hết sức mình cho công cuộc xây dựng nước nhà, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với anh chị em trí thức tại chỗ là: **đoàn kết, tin dùng, giúp đỡ tiến bộ, bảo đảm đời sống và bảo đảm điều kiện, phương tiện làm việc,** không có thành kiến với anh chị em, đối xử có lý, có tình, thực hiện bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi giữa mọi người trí thức làm việc cho chủ nghĩa xã hội, vv... Chính sách đó thật sáng tỏ và chí tình. Gần ba năm qua, bên cạnh những kết quả tốt đẹp do việc chấp hành đúng đắn chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đội ngũ trí thức tại chỗ, vẫn còn nhiều mặt cần làm tốt hơn nhằm tận dụng nguồn vốn khoa học – kỹ thuật sẵn có vào sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở thành phố. Một số cán bộ phụ trách chưa nhận thức đúng vấn đề huy động tiềm năng khoa học – kỹ thuật; đánh giá chưa đúng mức khả năng, trình độ, tinh thần của trí thức khoa học – kỹ thuật tại chỗ; đòi hỏi anh chị em quá cao về mặt chuyển biến tư tưởng và tác phong, hoặc hẹp hòi, thành kiến.... nhất là chưa hết lòng giúp đỡ anh chị em sớm thoát khỏi hệ tư tưởng tư sản, để trở thành người trí thức xã hội chủ nghĩa. Đó là những khuyết điểm cần sớm được khắc phục.

Bên cạnh số cán bộ khoa học – kỹ thuật tại chỗ, thành phố ngày càng được bổ sung nhiều cán bộ khoa học – kỹ thuật đã được đào tạo trong nhà trường xã hội chủ nghĩa, trong đó nhiều người đã trải qua kháng chiến cứu nước. Đây là lực lượng nòng cốt trong cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật của thành phố, có trách nhiệm làm hạt nhân đoàn kết toàn bộ đội ngũ trí thức khoa học – kỹ thuật. Để làm tròn trách nhiệm đó, anh chị em cần không ngừng tu dưỡng về chính trị và tư tưởng, về đạo đức và tác phong cách mạng, khiêm tốn học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, động viên, lôi cuốn các anh chị em trí thức khác hết lòng phục vụ cách mạng.

Với tất cả những cái hiện có và sẽ có, với sự lãnh đạo và chỉ đạo đúng đắn của các cấp Đảng và chính quyền, với sự nỗ lực của toàn bộ đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật và công nhân kỹ thuật trong thành phố, với sự phối hợp nhịp nhàng của tất cả các ngành có liên quan, chắc chắn công tác khoa học – kỹ thuật của thành phố Hồ-Chí-Minh sẽ đạt được những thành tựu to lớn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước

CÔNG TÁC VĂN HÓA VĂN NGHỆ...

(Tiếp theo trang 37)

nông nghiệp). Vì vậy, các cấp Đảng và chính quyền, các đoàn thể và cán bộ, đảng viên của Đảng phải quán triệt những quan điểm của Đảng về văn hóa văn nghệ, chăm lo xây dựng sự nghiệp văn hóa và đời sống văn hóa của nhân dân, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, đưa nước nhà vào kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc.

Digitized by Google

NHỮNG KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU CỦA GÒ-CÔNG

HÒ-CHƯƠNG-ĐIỀN

Do yêu cầu cấp bách của việc khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp và thiết thực chuẩn bị cho công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa nền nông nghiệp ở miền Nam, dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng, các đảng bộ ở miền Nam đã hướng dẫn nông dân tự tổ chức nhau lại dưới các hình thức hiệp tác lao động sản xuất với mức độ thích hợp ở từng vùng. Đến nay, việc làm ăn của nông dân trong các tổ chức hiệp tác lao động sản xuất đang trở thành phong trào quần chúng rộng rãi.

Ở Gò-công, một huyện vùng đồng bằng sông Cửu-long, đã xuất hiện một kiểu tổ chức hiệp tác lao động sản xuất quá độ thích hợp. Đó là hình thức các tổ đoàn kết sản xuất trong một ấp gắn với ban chỉ đạo sản xuất ấp để phát triển sản xuất có kế hoạch nhằm từng bước cải thiện đời sống nhân dân và làm nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước.

★

Huyện Gò-công thuộc tỉnh Tiền-giang, là một huyện loại lớn với gần 30 vạn dân, 10 vạn lao động nông nghiệp, hơn 6 vạn héc-ta ruộng đất, trong đó có hơn 4 vạn héc-ta cấy lúa. Đồng ruộng, làng xóm nơi đây nằm giữa hai con sông lớn là sông Soài-rạp và sông Tiền đổ ra biển bằng cửa Tiểu và cửa Đại. Bờ biển của Gò-công dài 32 ki-lô-mét. Với những điều kiện tự nhiên ấy, Gò-công có thể trở thành huyện nông — ngư — công nghiệp giàu mạnh.

Qua hai cuộc kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ở đây đã đấu tranh bằng nhiều hình thức phong phú, khi công khai, lúc bí mật; nông dân đã giành được phần lớn ruộng đất về tay mình. Dưới chế độ cũ, Gò-công (lúc đó là tỉnh) với vị trí chiến lược quan trọng của mình, là nơi thực hiện thử các chính sách «bình định», «Việt-nam hóa chiến tranh» của Mỹ — ngụy. Mỹ — ngụy đã tập trung lực lượng vào đây nhằm tạo ra một kiểu mẫu về ấp chiến lược, với hệ thống đường giao thông phát triển đến tận các xã, ấp, một mạng lưới điện cao thế, một xưởng cơ khí sửa chữa vừa, bắt đầu đưa một số máy móc vào nông nghiệp (250 máy cày lớn, nhỏ, 6.800 máy bơm nhỏ, 400 ghe thuyền gắn máy). Tuy vậy về nông nghiệp, thủy lợi không được

Digitized by Google

mở mang, ruộng đất bị nước mặn bao vây, phần lớn không có nước tưới, chỉ làm được một vụ lúa với năng suất thấp, không ổn định.

Gò-công có 38.616 hộ nông nghiệp trong đó có hơn 50% là hộ trung nông, có một số ít hộ có nhiều ruộng đất, mua được máy móc, thuê mướn thêm nhân công, sử dụng máy đi làm thuê cho người khác, và cho vay lấy lãi; số hộ nông dân ít ruộng và không có ruộng đất trong thời Mỹ — ngụy chiếm 11%; số này phải thuê máy với giá cao, phải đi vay, đi làm thuê, làm mướn, đời sống bấp bênh. Gò-công còn có hơn 1.000 hộ chuyên sống bằng buôn bán và các nghề khác. Hàng vạn người ít có việc làm hoặc thất nghiệp. Nạn đầu cơ tích trữ và những tệ nạn xã hội rất nghiêm trọng. Đến nay nhiều xã, ấp chưa có tổ chức cơ sở Đảng. Từ huyện tới cơ sở còn thiếu nhiều cán bộ, số cán bộ hiện có thì phần đông chưa có kinh nghiệm chỉ đạo và quản lý kinh tế.

Cũng như các huyện khác ở miền Nam, từ ngày giải phóng đến nay, đảng bộ và nhân dân Gò-công đã ra sức xây dựng chế độ chính trị mới về mọi mặt và từng bước khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, tổ chức đời sống mới. Về kinh tế, dưới ánh sáng đường lối của Đảng, suy nghĩ trên mảnh đất của mình, đảng bộ Gò-công đã lãnh đạo nhân dân tập trung sức khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm, đã dấy lên phong trào làm thủy lợi, thâm canh tăng vụ, phục hóa, khai hoang mở rộng diện tích khá sôi nổi. Công trình đê biển Tân-thành và kênh tưới Tham-thu đã giúp nông dân Gò-công mở rộng tương đối nhanh diện tích làm hai vụ lúa và tạo điều kiện để thâm canh lúa.

Thủy lợi phát triển đặt ra một yêu cầu mới: **tổ chức sản xuất như thế nào để** sử dụng hợp lý đất đai, lao động, vật tư nhằm đẩy mạnh hơn nữa thâm canh và mở rộng diện tích gieo trồng, để người có nhiều ruộng vẫn thâm canh, tăng vụ được trên toàn bộ diện tích và người ít ruộng, không có phương tiện sản xuất, vẫn làm kịp thời vụ; để khắc phục được tình trạng vì không nắm vững diện tích từng nơi, từng nhà mà phân phối vật tư của Nhà nước không hợp lý, người mua được quá mức cần thiết đưa ra bán chợ đen với giá cao, người cần vật tư lại không mua được đủ mức cần thiết.

Phải củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng các tổ đoàn kết sản xuất của nông dân. Phải thành lập ban chỉ đạo sản xuất ấp để chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp hoạt động của các tổ đoàn kết sản xuất trong cùng một ấp theo một kế hoạch thống nhất để bảo đảm việc cung cấp vật tư của Nhà nước đến tận tay người sản xuất đúng theo yêu cầu cần thiết và phù hợp với khả năng cho phép. Vấn đề đặt ra đối với đảng bộ và nhân dân Gò-công lúc đầu là như vậy.

Gò-công có 19 xã, 185 ấp. Mỗi ấp có từ 100 đến 400 héc-ta đất canh tác và khoảng 1.000 lao động. Sau ngày giải phóng, các tổ đoàn kết sản xuất của nông dân được thành lập, song chỉ mới thực hiện đổi công không thường xuyên và phân phối hàng hóa của thương nghiệp cung cấp. Mỗi ấp chỉ có trưởng ấp chăm lo công việc hành chính nói chung và một số cán bộ phụ trách an ninh, dân quân, văn hóa, thông tin, thương binh, xã hội.

Với chủ trương mới, trình độ tổ chức quản lý của các tổ đoàn kết sản xuất được nâng dần từ thấp đến cao. Chức trưởng ấp bị bãi bỏ, ban chỉ đạo sản xuất ấp được thành lập để điều hành công việc sản xuất trong ấp. Huyện dựa vào các ban chỉ đạo sản xuất ấp để chỉ đạo sản xuất nông nghiệp trong toàn huyện.

Việc làm trước tiên của ban chỉ đạo sản xuất ấp là phát động quần

Digitized by Google

chúng kê khai đúng diện tích, lập bản đồ giải thửa, dựa vào đó để phân phối xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu và thông qua việc cung ứng vật tư mà hướng sản xuất của nông dân đi vào kế hoạch. Nhờ vậy diện tích đất đai được quản lý chặt chẽ, vật tư được phân phối, sử dụng hợp lý hơn. Ban chỉ đạo sản xuất ấp đã khắc phục tình trạng áp đặt kế hoạch từ trên xuống bằng cách phát động quần chúng xây dựng kế hoạch sản xuất từ từng hộ, từng tổ đoàn kết sản xuất. Kế hoạch sản xuất của hộ được tổ đoàn kết góp ý kiến, thông qua, và được tập hợp thành kế hoạch sản xuất của tổ; kế hoạch sản xuất của các tổ được tập hợp lại thành kế hoạch sản xuất của ấp. Kế hoạch sản xuất của ấp được Đại hội nông dân ấp thảo luận và quyết định. Huyện chỉ đạo riêng một số ấp làm trước để rút kinh nghiệm chỉ đạo các ấp khác và bồi dưỡng cho cán bộ các ấp. Nhờ vậy đã phát huy được một bước quan trọng tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tự lực, tự cường của cán bộ, đảng viên và nông dân, khai thác tốt hơn những tiềm năng của địa phương về lao động, đất đai, phương tiện, vật tư do Nhà nước cung cấp, đưa sản xuất đi vào kế hoạch phù hợp với kế hoạch chung của huyện. Và cũng nhờ đó mà diện tích gieo trồng và năng suất cây trồng đều tăng, các vụ sản xuất từng bước được bố trí lại hợp lý hơn.

Ở những ấp làm tốt như Lợi-an, Hưng-hòa, nông dân thảo luận sôi nổi việc bố trí lại các vụ sản xuất, các biện pháp về thời vụ, giống, nước, phân bón, sức kéo, việc tổ chức điều hòa lao động, vấn đề vật tư, tiền vốn, việc tăng vụ và thâm canh. Một số yêu cầu của ấp đề ra được huyện giải quyết ngay tại chỗ. Ủy ban nhân dân huyện chỉ thị cho Phòng nông nghiệp và Trạm vật tư nông nghiệp chở thẳng phân bón về ấp, bỏ qua các khâu trung gian, gây phiền hà, tốn kem. Ngân hàng cho nông dân vay vốn để dàng để bà con ít vốn hoặc không có vốn đều có thể sản xuất được. Giá công người, công máy, công trâu, v.v... được bàn bạc khá sôi nổi và đi đến thỏa thuận. Qua bàn bạc dân chủ và qua việc làm cụ thể, bà con nông dân càng vững tin ở sự hiệp tác lao động sản xuất của tổ đoàn kết, sự chỉ đạo của ban sản xuất ấp, sự giúp đỡ của Nhà nước, và nâng thêm một bước tinh thần trách nhiệm đối với Nhà nước. Hiện nay ở Lợi-an, 100% hộ nông dân lao động vào tổ đoàn kết sản xuất, 100% số hộ lập kế hoạch sản xuất gia đình; các tổ đoàn kết sản xuất, mỗi tổ từ 20 đến 30 lao động, đã dựa vào kế hoạch sản xuất mà hướng dẫn về kỹ thuật, điều hành lao động, phương tiện và tính công cho tổ viên; ban chỉ đạo sản xuất ấp gồm 1 trưởng ban, 2 phó ban và 6 ủy viên, đã dần dần quản lý được khá chặt chẽ 8 mặt trong ấp. lao động, đất đai, phương tiện, vật tư, kế hoạch, một số khâu kỹ thuật, một số khâu trong quan hệ hiệp tác, lưu thông, phân phối sản phẩm. Nhờ vậy, ở đây thủy lợi được mở mang, hầu hết diện tích đã được chuyển từ một vụ thành hai vụ sản xuất, mọi người đều có việc làm, lao động nông nghiệp mỗi ngày làm 9, 10 giờ và còn phải làm thêm giờ ban đêm trong những lúc thời vụ khẩn trương, máy móc, trâu bò, vật tư được sử dụng hợp lý và có hiệu suất cao, kỹ thuật trồng trọt tiến bộ được áp dụng, chăn nuôi gia đình phát triển, phân chuồng nhiều, năng suất, sản lượng lương thực tăng khá nhanh, thu nhập và đời sống của tổ viên được nâng lên rõ rệt, nông dân thông qua bàn bạc dân chủ mà tự giác tự nguyện bán 70% số lương thực thừa cho Nhà nước. Ở ấp Hưng-hòa, tình hình cũng đã diễn ra tương tự.

Kinh nghiệm của hai ấp Lợi-an, Hưng-hòa được áp dụng ngày càng rộng rãi ở các ấp khác.

Digitized by Google

Đến giữa tháng 11-1977, các ấp trong huyện Gò-công đều đã có các Ban sản xuất ấp. Trong số này đã có 33 ấp thực hiện tốt « 8 quản lý », 56 ấp đã lập được kế hoạch ấp, nhưng quản lý còn yếu trên một số mặt. Số ấp còn lại mới quản lý được diện tích canh tác và việc phân phối vật tư.

Nhờ hình thức tổ chức sản xuất mới, Gò-công đã thật sự phát động được phong trào lao động sản xuất ở cơ sở, vượt qua được nhiều khó khăn để mở rộng diện tích gieo trồng lúa, đưa diện tích làm 2 vụ một năm từ 7.800 héc-ta năm 1970 lên 11.300 héc-ta năm 1977. Mặc dù năm 1977 hạn kéo dài, năng suất lúa vẫn đạt được 2.8 tấn héc-ta/vụ tăng 0.3 tấn/héc-ta/vụ so với năm 1976. Sản lượng lúa đạt 120.000 tấn, tăng hơn năm 1976 22.000 tấn. Đàn lợn của nông dân cũng tăng. Sản xuất phát triển, đời sống nhân dân ổn định và có phần được nâng cao. Thu nhập của bà con nông dân nghèo không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất cũng khá hơn trước, nhất là ở những ấp tổ chức sản xuất tốt.

★

Việc tổ chức các tổ đoàn kết sản xuất gắn với Ban chỉ đạo sản xuất ấp để thực hiện 8 mặt quản lý ở Gò-công không những trước mắt đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường mối quan hệ về kinh tế giữa nông dân và Nhà nước, mà còn có một tác dụng khác hết sức quan trọng. Đó là thiết thực chuẩn bị tiến lên hợp tác hóa nông nghiệp.

Qua phong trào hiệp tác lao động sản xuất này, nông dân lao động Gò-công đã làm quen khá nhanh với lối lao động sản xuất tập thể, với tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tinh thần chăm lo tới lợi ích chung của tập thể trong đó có lợi ích riêng của bản thân và gia đình. Tinh tổ chức, tính kỷ luật trong lao động sản xuất tập thể của nông dân bắt đầu nảy nở và ngày càng phát triển. Rõ ràng đây là một bước tập dượt có hiệu quả đối với nhân dân trên con đường tiến lên hợp tác hóa nông nghiệp.

Một đội ngũ cốt cán mới, am hiểu tình hình địa phương, kiên quyết phấn đấu theo đường lối của Đảng, hết lòng chăm lo đến lợi ích tập thể, làm quen dần với lối làm ăn mới, lối tổ chức quản lý kinh tế mới đang xuất hiện ở nông thôn Gò-công và ngày càng trưởng thành. Phong trào hợp tác lao động sản xuất quá độ đang góp phần tích cực đào tạo cán bộ tại chỗ cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp sắp tới.

Qua phong trào này, với công tác quy hoạch trên địa bàn huyện đang được xúc tiến khẩn trương, cấp huyện ngày càng nắm chắc tình hình ở các cơ sở hơn, chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời việc tổ chức lại sản xuất, bố trí lại lao động và tổ chức đời sống trên địa bàn huyện, giúp các đảng bộ cơ sở làm tốt việc đưa nông dân ở từng ấp, xã đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp.

Phong trào ấy cũng giúp cho các cấp lãnh đạo và các cơ quan chuyên trách công tác cải tạo nông nghiệp ở tỉnh và ở trung ương thấy rõ hơn một số vấn đề cụ thể cần làm để đưa phong trào hợp tác nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu-long tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.

Rõ ràng phong trào hiệp tác lao động sản xuất ở Gò-công, nhất là ở những ấp làm tốt như Lợi-an, Hưng-hòa, đang tạo ra những điều kiện cho công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp. Ở đây nông dân ngày càng thấy rõ **lợi ích** của lối làm ăn tập thể, và đã bắt đầu thấy được những **mặt hạn chế** của hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất quá độ hiện nay. Làm thế nào có

Digitized by Google

được ruộng đất liền khoảnh, liền đồng, tiện cho sản xuất, làm thế nào xây dựng lại đồng ruộng được thuận lợi, đáp ứng yêu cầu thâm canh, tăng vụ cao độ khi ruộng đất còn thuộc quyền sở hữu tư nhân? Làm thế nào có thể phân công lại lao động xã hội, phát triển thêm nhiều ngành nghề, tạo ra nhiều công việc làm thích hợp với mọi loại lao động cũng như trang bị thêm nhiều công cụ mới và sử dụng hợp lý nhất máy móc, trâu bò và các vật tư khác nhằm nâng cao hơn nữa năng suất lao động, nâng cao đời sống của mọi người khi quan hệ sở hữu cá thể chưa thay đổi? Làm thế nào để có sự phân phối công bằng, hợp lý nhằm kích thích hơn nữa tinh tích cực của mọi người trong lao động sản xuất? Những vấn đề ấy chỉ có thể giải quyết bằng con đường hợp tác hóa nông nghiệp. Số khá đông bà con nông dân ở các ấp làm ăn tốt như Lợi-an, Hưng-hòa đã thấy rõ con đường tất yếu phải tiến lên là xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Số người thấy rõ con đường tất yếu ấy ngày càng đông thêm. Điều mà bà con suy nghĩ nhiều là khi lên hợp tác xã, cần có chế độ, chính sách quản lý như thế nào để sản xuất phát triển tốt hơn và sản phẩm làm ra được phân phối công bằng, hợp lý. Đó là suy nghĩ rất chính đáng. Các cấp lãnh đạo ở Gò-công cũng thấy được điều đó và đang khẩn trương tạo điều kiện cần thiết cho việc xây dựng hợp tác xã, đặc biệt đang tích cực lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở cho Lợi-an, Hưng-hòa để có thể đưa hai ấp này lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp vào vụ hè thu tới. Huyện ủy Gò-công dự định lấy hai ấp Lợi-an và Hưng-hòa làm thử việc xây dựng hợp tác xã của huyện, để dùng thực tế thuyết phục nông dân toàn huyện, và làm trường học thực tế cho cán bộ và các cấp lãnh đạo trong huyện.

Huyện Gò-công cũng đang tích cực đưa các ấp loại khá lên ngang trình độ các ấp loại tốt, phát triển hình thức tổ chức tổ đoàn kết sản xuất gắn với ban chỉ đạo sản xuất ấp làm công tác « 8 quản » rộng khắp ra tất cả các ấp, kết hợp với đẩy mạnh sản xuất đông xuân 1977—1978, coi đây là một **bước tập dượt ngắn cần thiết** để đưa nông dân toàn huyện đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp được thuận lợi. Huyện ủy và đảng bộ Gò-công cho rằng nếu lãnh đạo quyết tâm, có kế hoạch thiết thực, cụ thể, kết hợp được chặt chẽ mọi mặt sản xuất, kỹ thuật, tổ chức sản xuất; tổ chức chính trị, giáo dục tư tưởng, đào tạo cán bộ, thì chỉ cần qua một vụ sản xuất là đã có thể chuyển ngay các tổ chức hiệp tác lao động sản xuất quá độ hiện nay lên hợp tác xã một cách vững vàng. Nhiều cán bộ ở Gò-công thấy rõ **không nên và không thể đứng lại ở bước tổ chức quá độ lâu**, vì như thế hoàn toàn không phù hợp với yêu cầu khách quan của miền Nam nước ta hiện nay là phải sớm tạo ra quan hệ sản xuất mới và sức sản xuất mới ở nông thôn, đưa nông nghiệp đi nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa vì lợi ích trực tiếp của nông dân lao động và vì yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà; thấy rõ phải tích cực, khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện cho việc tổ chức lại sản xuất và hợp tác hóa nông nghiệp được tiến hành kịp thời và vững chắc.

Được sự giúp đỡ của các cơ quan Nhà nước cấp trên, huyện Gò-công cũng đang cố gắng hoàn chỉnh công tác quy hoạch, phân vùng, lên phương án kinh tế để làm cơ sở cho việc tổ chức lại sản xuất, tổ chức tốt đời sống trên địa bàn huyện, và làm cơ sở cho việc lập kế hoạch từng bước xây dựng Gò-công thành đơn vị kinh tế nông — ngư — công nghiệp.

★

Digitized by Google

Làm thế nào để tất cả các hộ nông dân cá thể đều hăng hái tham gia các hình thức hiệp tác lao động sản xuất, tự nguyện kê khai đúng diện tích, làm ăn theo kế hoạch và bán phần lớn lúa dư cho Nhà nước ? Làm thế nào để, trong khi ruộng đất, tư liệu sản xuất còn thuộc quyền sở hữu tư nhân mà tổ đoàn kết sản xuất đã có thể điều hành công việc sản xuất tương tự như một đội sản xuất trong một hợp tác xã và ban chỉ đạo sản xuất ấp đã có thể thực hiện được 8 mặt quản lý tương tự như một ban quản trị hợp tác xã quy mô ấp (mặc dù việc quản lý đó còn ở mức thấp) ? Đó không phải là một điều đơn giản. Việc đó cũng chưa phải nhiều ấp ở Gò-công đã làm được. Song số ấp loại tốt như Lợi-an, Hưng-hòa và những điều đã thực hiện được ở các ấp loại tốt đang ngày càng trở thành hiện thực phổ biến ở các ấp khác trong huyện Gò-công. Và từ kinh nghiệm Gò-công, tỉnh Tiền-giang đang phát động phong trào « Gò-công hóa » các huyện trong tỉnh từ vụ đông — xuân 1977 — 1978 này.

Thực tiễn ở những ấp tiên tiến nói trên và ở huyện Gò-công cho thấy rõ đường lối, chủ trương của Đảng đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa nền nông nghiệp ở miền Nam đã được nêu ra trong nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương và được cụ thể hóa trong các chỉ thị gần đây của Trung ương, xuất phát đầy đủ từ tình hình thực tế và hoàn toàn phù hợp với đòi hỏi của tình hình thực tế. Đảng ta coi việc tập hợp được nông dân vào các hình thức hiệp tác lao động sản xuất quá độ là bước tập dượt ngắn rất cần thiết để tiến lên hợp tác hóa nông nghiệp một cách vững chắc. Chỉ cần các cấp, cán bộ, đảng viên quán triệt và nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng với ý thức tổ chức kỷ luật, tính chủ động và đầu óc sáng tạo cao, thì sẽ tìm ra được những hình thức và phương pháp tổ chức thích hợp để nhanh chóng biến đường lối, chủ trương của Đảng thành hiện thực sinh động trong đời sống xã hội. Trong bước tổ chức quá độ tiến lên hợp tác hóa nông nghiệp, chính các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở huyện Gò-công đã làm như thế và làm cho tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và đội ngũ cốt cán ở nhiều ấp làm được như thế. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở Gò-công cũng rất trân trọng những kinh nghiệm cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp ở miền Bắc trước đây, những kinh nghiệm quý của các hợp tác xã tiên tiến ở miền Bắc mà các đồng chí đã tìm hiểu. Dựa vào đó, các đồng chí đã suy nghĩ tìm ra cách làm trên miếng đất của mình cho thích hợp, rồi cùng cán bộ cốt cán xã, ấp bắt tay làm thử ở một vài nơi để rút kinh nghiệm tại chỗ, và trong quá trình làm, vừa làm vừa tiếp tục nghiên cứu, tiếp tục sáng tạo thêm. Hình thức tổ đoàn kết sản xuất trong một ấp đặt dưới sự chỉ đạo của ban chỉ đạo sản xuất ấp làm công tác « 8 quản » đã ra đời trong quá trình đó. **Thắng lợi của Gò-công trước hết là thắng lợi của tinh thần kiên quyết tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, của tinh thần nghiêm chỉnh, tinh chủ động và đầu óc sáng tạo của các cấp bộ Đảng địa phương, trước hết là của cán bộ chủ chốt, trong việc chấp hành đường lối chủ trương của Đảng.**

Thực tiễn ở Gò-công cũng cho thấy rõ : nông dân ta bất cứ ở đâu, đều rất cách mạng, đã từng đi theo Đảng hy sinh phấn đấu cứu nước, cứu nhà, giành quyền làm chủ vận mệnh của mình, ngày nay sẵn sàng theo Đảng đi lên chủ nghĩa xã hội, làm chủ tập thể, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc. Chủ trương của Đảng đưa nông dân vào con đường làm ăn

Digitized by Google

tập thể, đi từ các hình thức hiệp tác lao động sản xuất quá độ tiến lên hợp tác xã, hoàn toàn phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của nông dân. Chỉ cần cán bộ lãnh đạo tin tưởng ở tinh thần và khả năng cách mạng vô cùng to lớn của nông dân, dựa hẳn vào nhân dân, đưa chủ trương của Đảng ra cho dân bàn bạc một cách thật sự dân chủ để dân hiểu, dân tin và dân tự quyết định lấy những công việc cụ thể mình cần phải làm thì dù khó khăn đến mấy, với một tinh thần tự giác tự nguyện cao, dân cũng làm được và làm tốt. Chính các đồng chí lãnh đạo ở huyện Gò-công và ở các ấp tiến tiến của Gò-công đã làm được như thế, cho nên đã nhanh chóng biến được đường lối, chủ trương của Đảng thành hiện thực sinh động trong đời sống xã hội. Tinh thần và năng lực làm chủ tập thể của nông dân không ngừng được phát huy, các chính sách nhằm bảo đảm lợi ích cá nhân trong tổ chức sản xuất tập thể quá độ không ngừng được chỉnh lý, bổ sung ngày càng công bằng, hợp lý hơn; trình độ tổ chức quản lý của hình thức làm ăn tập thể quá độ được nâng dần từ thấp lên cao, cán bộ chỉ đạo và quản lý không ngừng được dìu dắt, bồi dưỡng trong thực tiễn công tác v.v... Thắng lợi của Gò-công và các ấp tiến tiến của Gò-công tuy mới chỉ là thắng lợi bước đầu, song nó cho thấy rằng các đồng chí ở địa phương đã biết phát huy tinh thần và năng lực làm chủ tập thể của nhân dân lao động, có chính sách và có tổ chức thích hợp, tích cực xây dựng và không ngừng bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ cốt cán của phong trào.

Hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất quá độ ở các ấp tiến tiến của huyện Gò-công phát triển từ thấp lên cao tương đối nhanh còn nhờ các cấp lãnh đạo ở huyện, xã, ấp đã kết hợp được chặt chẽ việc phát huy tinh thần và khả năng làm chủ tập thể, tự lực, tự cường của nhân dân địa phương với sự giúp đỡ tích cực về mọi mặt của Nhà nước, nhất là về mặt đầu tư để mở mang thủy lợi, cung cấp vật tư sản xuất, hướng dẫn, chỉ đạo về khoa học — kỹ thuật sản xuất, về chính sách và cách thức tổ chức quản lý kinh tế, về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, v.v... **Thực hiện phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm»** là điều tuyệt đối cần thiết để đưa nông thôn tiến nhanh trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

★

Gò-công đang tiếp tục cố gắng để làm tốt việc tổ chức lại sản xuất, tổ chức đời sống trên địa bàn huyện và hợp tác hóa nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ cấu nông — ngư — công nghiệp và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Thời gian qua, bên cạnh những mặt làm được, Gò-công cũng còn những mặt yếu, kém. Phong trào Gò-công phát triển lành mạnh nhưng chậm mở rộng và chất lượng của phong trào chưa đồng đều ở tất cả các ấp. Huyện chưa kịp thời rút kinh nghiệm để giải quyết đúng đắn, hợp lý vấn đề giá cả thuê tư liệu sản xuất và thuê sức lao động. Huyện ủy chưa tích cực tuyên truyền, giáo dục mạnh trong Đảng và trong nhân dân về tính tất yếu đi lên hợp tác hóa và tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp; chưa thật khẩn trương đào tạo cán bộ để chuẩn bị điều kiện triển khai mạnh mẽ phong trào hợp tác hóa. Quy hoạch và phương án kinh tế cụ thể của huyện và của từng địa bàn đã được chuẩn bị, nhưng vẫn chưa được thông qua một cách chính thức. Nhưng với quyết tâm và cố gắng của toàn đảng

(Xem tiếp trang 105)

Digitized by Google

NGHIÊN CỨU

CHỦ NGHĨA THỰC DÂN MỚI CỦA MỸ VÀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở MIỀN NAM NƯỚC TA

MẠC-ĐƯỜNG

SAU khi Pháp thua ở Điện-biên-phủ, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt-nam và thực hiện những âm mưu đen tối của chủ nghĩa thực dân mới.

Chúng dùng Ngô-Đình-Diệm để quét sạch ảnh hưởng của thực dân Pháp ở miền Nam. Trong vấn đề dân tộc thiểu số, chúng buộc Bảo-Đại ký lệnh bỏ chế độ Hoàng-triều cương thổ (1). Thông qua Ngô-Đình-Diệm, đế quốc Mỹ thực hiện những thủ đoạn kiềm chế bọn tư bản đồn điền Pháp, lôi kéo các lực lượng phản động thân Pháp, chuẩn bị kế hoạch lâu dài khai thác Tây-nguyên.

Đế quốc Mỹ đã giúp Diệm tiêu diệt lực lượng vũ trang của các giáo phái và những bè đảng có thế lực do đế quốc Pháp sử dụng và đào tạo.

Trong hai năm 1958 — 1959 bọn Diệm đã mở đường cho bọn địa chủ và tay sai của chúng thực hiện quá trình tư sản hóa bằng cách lập dồn điền, thực hiện chính sách dinh điền ở các vùng dân tộc thiểu số. Về văn hóa, Diệm cưỡng bức các dân tộc thiểu số phải theo lối sống lạc hậu của giai cấp phong kiến Việt-nam, buộc người Tây-nguyên phải mang khăn đóng áo dài, đi giầy đen như những tên địa chủ. Ở Đắc-lắc, chúng cấm nam giới trong các dân tộc thiểu số mặc quần áo dân tộc mình khi vào thị xã. Ở Pơ-lây-cu, chúng buộc người Gia-rai phải làm nhà nền đất như ở miền xuôi. Về tiếng nói, chúng hạn chế việc dùng ngôn ngữ dân tộc trong khi giao thiệp với các cấp ngụy quyền. Chúng khuyến khích những hành động phân biệt dân tộc, dung túng việc chèn ép, phá hoại tập quán cổ truyền tốt đẹp của các dân tộc thiểu số và khinh miệt đồng bào các dân tộc thiểu số. Vì vậy, từ khi đế quốc

(1) Quy chế tự trị riêng cho vùng Tây-nguyên và Lâm-đồng, trực thuộc quyền điều khiển của Bảo-Đại (tức là trực thuộc thực dân Pháp).

Digitized by Google

Mỹ trực tiếp sử dụng Ngô-Đình-Diệm, tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc hẹp hòi được khuấy động và chi phối sâu sắc mối quan hệ giữa đồng bào các dân tộc ở miền Nam. Một số người Tây-nguyên trước đây đã làm tay sai cho Pháp hết sức căm ghét Ngô-Đình-Diệm. Những người Tây-nguyên xuất thân từ tầng lớp trên cũng bị chèn ép và mất đi những đặc quyền, đặc lợi ở địa phương. Lợi dụng tình hình đó, thực dân Pháp cũng ra sức kích động các dân tộc thiểu số đấu tranh chống lại Diệm. Trước bối cảnh lịch sử đó, tháng 7 năm 1958, một phong trào đấu tranh gồm những viên chức, thầy giáo, sĩ quan xuất thân từ tầng lớp trên trong các dân tộc ở Tây-nguyên đã nổi lên. Phong trào này lấy tên là Ba-gia-ra-ka (Ba-na, Gia-rai, Ra-đê (tức Ê-đê) và Ka-ho (tức Cơ-ho). Vì bản chất độc tài và sợ các lực lượng thân Pháp ngóc đầu dậy, Diệm đã lập tức bỏ tù các thủ lĩnh phong trào Ba-gia-ra-ka và chuyển tất cả sĩ quan, viên chức người Tây-nguyên đến các tỉnh đồng bằng miền Trung và Nam-bộ để dễ đàn áp. Những thủ lĩnh của phong trào Ba-gia-ra-ka là những tên cơ hội câu kết chặt chẽ với đế quốc Pháp, chống Ngô-Đình-Diệm, tức là chống Mỹ. Nhưng phong trào này là một phong trào phản động, mang nặng tư tưởng dân tộc hẹp hòi, khinh miệt các dân tộc thiểu số khác ở Tây-nguyên, chống đối người Kinh; vì vậy, bọn tình báo CIA hết sức quan tâm khai thác và sử dụng phong trào Ba-gia-ra-ka để thực hiện âm mưu của Mỹ đối với vấn đề dân tộc và dân tộc thiểu số ở miền Nam.

Đầu năm 1962, ở Tây-nguyên đã xuất hiện một phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân các dân tộc thiểu số dưới sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc giải phóng, kết hợp chặt chẽ với các đoàn thể cách mạng ở miền Nam. Phong trào này đã tập hợp được nhiều tầng lớp xã hội thuộc các dân tộc anh em, kể cả những viên chức, sĩ quan tiến bộ người Tây-nguyên trong bộ máy ngụy quyền. Đó là một phong trào đấu tranh có nội dung cách mạng. Điều đó làm cho đế quốc hết sức lo sợ. Nếu trước đây, đế quốc Mỹ dựa vào Ngô-Đình-Diệm để thực hiện các âm mưu loại trừ thế lực của Pháp ra khỏi vùng dân tộc thiểu số thì nay chúng lại phải trở lại cái công thức lừa bịp về « tự trị, độc lập » cho một « quốc gia » mà Mỹ trực tiếp giật dây và tách ra khỏi Diệm (như thực dân Pháp đã thực hiện). Giải pháp chính trị về vấn đề dân tộc thiểu số ở Tây-nguyên trong thời gian này mâu thuẫn sâu sắc với ngụy quyền Sài-gòn. Từ năm 1960 trở đi, phong trào cách mạng của nhân dân ta càng lớn mạnh thì những mâu thuẫn giữa Ngô-Đình-Diệm và đế quốc Mỹ trên vấn đề dân tộc thiểu số ở Tây-nguyên lại càng sâu sắc.

Diệm bị lật đổ, đế quốc Mỹ kết thúc chính sách một chủ bài đối với vấn đề dân tộc thiểu số ở miền Nam để thực hiện chính sách nhiều chủ bài nhằm nuôi dưỡng và xây dựng nhiều lớp thủ lĩnh tay sai thuộc các dân tộc thiểu số thành những lực lượng chính trị khác nhau. Chúng nuôi những tổ chức vũ trang, những cơ sở giáo dục, những lực lượng chính trị nòng cốt ở tỉnh và cơ sở, trực tiếp viện trợ kinh tế để từng bước tư sản hóa tầng lớp viên chức, sĩ quan người Tây-nguyên, biến họ thành tay sai của chúng.

Vì vậy, đế quốc Mỹ thúc ép ngụy quyền phóng thích bọn thủ lĩnh phong trào Ba-gia-ra-ka thân Pháp bị Diệm bỏ tù để lợi dụng, mua chuộc. Được thả, bọn này đã lập ngay cái gọi là « Mặt trận giải phóng quốc gia » (Front de la libération nationale), đứng đầu là tên Y-bơ-ham. Bọn này chuẩn bị mà cả để làm tay sai cho đế quốc Mỹ. Song chẳng được bao lâu, phong trào này phải tự giải tán vì mâu thuẫn nội bộ không thể dàn xếp được.

Digitized by Google

Sau khi cái gọi là « mặt trận giải phóng quốc gia » giải tán, bọn phản động trong các dân tộc thiểu số phân hóa thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất còn bám lấy những chủ trương tổ chức các đại hội đồng bào Tây-nguyên để đề đạt nguyện vọng tham gia ngụy quyền, đòi có những biện pháp « bảo vệ quyền lợi dân tộc ». « Quyền lợi dân tộc » ở đây là những đặc quyền, đặc lợi của bọn tay sai người Thượng do Pháp đào tạo đang lo sợ đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài-gòn bỏ rơi. Nhóm thứ hai gồm những viên chức, sĩ quan trẻ do Mỹ đào tạo, có thế đứng, đang muốn ngoi lên, theo khuynh hướng hiếu chiến phản động kiểu Mỹ, mang nặng tư tưởng phân biệt chủng tộc. Bọn phản động lớp trẻ ở Tây-nguyên đã liên kết với bọn phản động trong các dân tộc thiểu số ở cực nam Trung-bộ và Nam-bộ. Và năm 1964 tất cả bọn phản động nói trên câu kết lại trong một tổ chức gọi là « Mặt trận thống nhất đấu tranh của các dân tộc bị áp bức » (Front unifié de lutte des races opprimées) viết tắt là FULRO. FULRO do tình báo Mỹ CIA trực tiếp điều khiển, đã nổi lên giết binh lính và sĩ quan ngụy người Kinh thuộc các lực lượng thân Pháp và tay chân của Diệm còn lại ở Sác-pa, Ban-đông, Bu-pơ-rang, Mi-ga ở vùng ba biên giới. Bọn FULRO đòi « kiểm soát trực tiếp nền hành chính cao nguyên », đòi « thương nghị với chính phủ Việt-nam » và đòi « quyền sở hữu đất đai tại miền cao nguyên ».

Bạo loạn vũ trang ở các trại dân sự chiến đấu ở vùng ba biên giới và việc tổ chức đại hội các dân tộc chính là âm mưu xảo quyệt của tình báo Mỹ nhằm gây nên một tiếng vang chính trị về vấn đề dân tộc thiểu số ở trong và ngoài nước. Do sức ép về quân sự và chính trị của bọn tay sai lớp trẻ người Tây-nguyên thân Mỹ, bọn tay chân của Pháp phải tích cực hơn trong việc ôm chân đế quốc Mỹ. Mặt khác, âm mưu nói trên của đế quốc Mỹ còn kích động mạnh mẽ tư tưởng dân tộc hẹp hòi của bọn phản động trong các dân tộc thiểu số. Nhằm mục đích phá hoại sự thống nhất của dân tộc Việt-nam để dễ dàng đặt ách thống trị của chúng lên dân tộc ta, cơ quan tình báo Mỹ CIA đã tô vẽ bộ mặt chính trị cho bọn phản động các dân tộc thiểu số ở miền Nam để chúng có thể nói chuyện với bọn cầm đầu các tổ chức phản động ở các nước chư hầu của Mỹ tại Đông – Nam Á, nhằm thực hiện âm mưu của Mỹ là đặt Tây-nguyên trong phạm vi hoạt động của khối liên phòng Đông – Nam Á, trực tiếp nắm lấy Tây-nguyên để chống lại sức tiến công của cách mạng và gạt dần ảnh hưởng của ngụy quyền Sài-gòn đối với các dân tộc thiểu số.

Sau cuộc bạo động nói trên, Y-bơ-ham và nhiều tên tay sai khác của thực dân Pháp vẫn là những con bài chính trị của đế quốc Mỹ và được CIA sử dụng. Vì vậy, Y-bơ-ham từ chỗ chống lại âm mưu của Mỹ trong vấn đề dân tộc thiểu số đã trở thành người đứng đầu bọn FULRO thực hiện những mưu đồ thâm độc của đế quốc Mỹ ở Tây-nguyên. Y-bơ-ham đòi ngụy quyền Sài-gòn lập lại Liên bang cao nguyên và đổi tên cái quốc gia giả hiệu của ngụy quyền thành Cộng hòa liên bang Việt-nam, đòi có quốc kỳ riêng, quân đội riêng.

Để xoa dịu và mua chuộc bọn phản động người Tây-nguyên thân Mỹ, đầu năm 1966, ngụy quyền Sài-gòn chính thức ra lệnh bãi bỏ mọi sắc lệnh hạn chế quyền sở hữu đất đai ở Tây-nguyên, chấp thuận chương trình do các chuyên viên Mỹ đề ra đối với các trường tiểu học ở Tây-nguyên, tổ chức « đại hội sắc tộc » để thu nhận « nguyện vọng », mời các nhân sĩ trí thức người Tây-nguyên về thăm Sài-gòn. Ngụy quyền Sài-gòn một mặt ra sức lừa bịp và mua chuộc bọn phản động người Tây-nguyên tay sai của đế quốc Mỹ, công bố hai sắc lệnh 033/67

Digitized by Google

và 034/67, coi đó là một chính sách dân tộc hoàn hảo. (Sắc luật 033/67 quy định nhiều quyền lợi văn hóa và kinh tế nhằm mua chuộc lớp quân nhân, viên chức trẻ tuổi tay sai của đế quốc Mỹ trong các dân tộc Ê-đê, Gia-rai, Ba-na, Ka-ho, Hơ-roi ...; sắc luật 034/67 hợp pháp hóa và cụ thể hóa việc chiếm đoạt ruộng đất của tư nhân, giúp bọn tay sai Mỹ, ngụy ở Tây-nguyên có điều kiện trở thành tầng lớp bóc lột mới để dần dần khai thác đất đai theo phương thức tư bản chủ nghĩa). Mặt khác, chúng tuyên bố rằng « FULRO đi theo Việt-cộng » để trừng trị bọn tay sai người Tây-nguyên thân Mỹ chống ngụy quyền Sài-gòn. Trước những đòn tiến công mạnh mẽ của quân và dân ta ở Tây-nguyên, ngụy quyền Sài-gòn buộc đế quốc Mỹ phải tạm ngừng âm mưu giúp bọn FULRO ly khai và đưa các lực lượng FULRO vào bộ máy ngụy quyền.

Xã hội Tây-nguyên từ đây phân hóa sâu sắc hơn. Ngoài bọn tay sai Mỹ — ngụy có quyền chiếm đoạt đất đai, một số gia đình người Tây-nguyên có thế lực ở vùng Mỹ — ngụy đông cũng được cấp ruộng đất để kinh doanh và bóc lột.

Để thực hiện âm mưu nói trên, cơ quan tình báo Mỹ CIA đã có tính toán, xếp đặt trước. Ngày 15-12-1967, cố vấn Mỹ thúc ép Nguyễn-Văn-Thiệu nâng Phủ đặc ủy thượng vụ thành Bộ phát triển sắc tộc. Có thể nói rằng, từ năm 1970 trở về sau, **đế quốc Mỹ đã bố trí được một hệ thống tay sai từ trung ương đến địa phương gồm những tên phản động thuộc các dân tộc thiểu số trẻ tuổi, được đào tạo chính quy và chống cộng một cách điên cuồng.**

Dựa vào đó, đế quốc Mỹ đã rắp riết tiến hành những âm mưu thâm độc nhằm chống lại sự nghiệp cách mạng vẻ vang của các dân tộc anh em ở nước ta.

Về kinh tế — xã hội, chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đã tạo ra ở Tây-nguyên những cơ sở cho một cơ cấu kinh tế — xã hội vừa có tính chất phong kiến, vừa có tính chất tư bản chủ nghĩa. Ruộng đất nhà chung, nhà chùa, ruộng đất của tầng lớp địa chủ mới bóc lột theo kiểu phong kiến. Ruộngđất của một số sĩ quan, viên chức người Tây-nguyên khai thác theo kiểu đồn điền bóc lột theo phương thức tư bản chủ nghĩa. Đặc biệt, từ năm 1967 về sau, một tầng lớp xã hội mới bao gồm những giáo viên, thầy giảng, tu sĩ, viên chức hành chính và hạ sĩ quan, sĩ quan người Tây-nguyên ngày càng thêm đông và chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ tư tưởng tư sản.

Về tư tưởng, văn hóa, giáo dục, bộ máy chiến tranh tâm lý của Mỹ — ngụy đã tuyên truyền ầm ĩ về cái gọi là nguồn gốc « anh em » giữa đồng bào Tây-nguyên với các dân tộc Ma-lai-xi-a, đề cao có chủ đích chính trị nền văn hóa Ma-lai-xi-a, khuyến khích việc đi thăm và tuyển lựa người gửi đi học tập ở Ma-lai-xi-a. Nhiều người trong giới viên chức, sĩ quan ngụy người Tây-nguyên có tư tưởng hướng về một tổ chức Đại Mã-lai ở Đông — Nam Á. Núp dưới chiêu bài « phát huy văn hóa dân tộc », đế quốc Mỹ tổ chức những gian hàng thủ công, những cuộc triển lãm, những buổi dạ hội biểu diễn văn nghệ của đồng bào Tây-nguyên. Trên thực tế, đó là lối kinh doanh kiếm lời của ngụy quyền. Ở nhiều nơi, nhất là những vùng gần các căn cứ lính Mỹ, những nơi tập trung dân, văn hóa cổ truyền của dân tộc bị chà đạp đến mức tối đa. Lối sống trụy lạc, nạn mãi dâm, xì ke, ma túy và du đãng đã lôi cuốn một số không nhỏ thanh niên các dân tộc thiểu số. Nhiều thanh niên ở Tây-nguyên bị xô đẩy vào lực lượng đặc biệt của Hoa-kỳ, sau khi xuất ngũ sống xa hoa, đàng điếm, không muốn lao động sản xuất nữa

Digitized by Google

Về tôn giáo, đạo Thiên chúa và nhất là đạo Tin lành phát triển rất sâu rộng trên những địa bàn quan trọng ở Tây-nguyên, nhất là từ sau khi Diệm bị lật đổ. Ở Tây-nguyên, số nhà thờ Tin lành, số mục sư và thầy giảng đạo Tin lành gốc người Tây-nguyên tăng nhanh so với năm 1954, nhất là trong các dân tộc Ka-ho, Chin, Sơ-rê, Chu-ru ở Lâm-đồng. Đế quốc Mỹ lợi dụng việc đề cao văn hóa dân tộc để đưa văn hóa nô dịch của chủ nghĩa thực dân mới vào các dân tộc thiểu số. Nội dung chủ yếu của những sách giáo khoa do Viện chuyên khảo ngữ học ở Sài-gòn soạn thảo cho các dân tộc ở Tây-nguyên là phổ biến kinh thánh Tin lành, nói về phong tục tập quán, tuyên truyền chống cộng, hướng dẫn chống du kích và truy lùng cán bộ cách mạng. Núp dưới chiêu bài phát triển văn hóa, giáo dục, từ cuối năm 1967 đến cuối năm 1970, đế quốc Mỹ đã đào tạo được 871 sĩ quan, 3.611 hạ sĩ quan và khoảng 94.331 dân vệ người Tây-nguyên làm tay sai cho chúng.

Với cái gọi là « công cuộc định, hồi cư đồng bào sắc tộc », Mỹ—ngụy đã thực hiện một chính sách hết sức dã man đối với các dân tộc thiểu số ở miền Nam. Năm 1962, ở Tây-nguyên, Ngô-Đình-Diệm đã lập ra 61 địa điểm dinh điền và 342 ấp chiến lược để dồn hàng chục vạn đồng bào Tây-nguyên vào những điểm tập trung dân của chúng.

Từ năm 1970 đến năm 1974, Mỹ — ngụy ráo riết dùng không quân, pháo binh, chất độc hóa học để hủy diệt nhiều vùng. Các cuộc hành quân để thực hiện « kế hoạch xúc tát dân chúng Thượng » đã diễn ra một cách ác liệt. Ở Đắc-lắc, từ tháng 12-1973 đến tháng 2-1974, Mỹ— ngụy đã thiêu hủy 29 ngôi nhà của 15 buôn làng người Ê-đê bắt hơn 7.000 người phải đi tập trung. Chúng còn đổ thuốc trừ sâu vào lúa gạo của đồng bào Tây-nguyên với lý do « đề phòng cung cấp lương thực cho Việt cộng ». Ở Buôn Hồ, linh ngụy còn lợi dụng cơ hội đồng bào bị bắt buộc di cư để bắn giết gia súc, cướp phá những vật thờ cúng thiêng liêng cổ truyền của đồng bào Tây-nguyên. Nhiều gia đình mất hết đất đai phải đi làm thuê cho các đồn điền tư bản ở Tây-nguyên. Số người đau ốm ngày càng nhiều, hàng trăm người chết vì bệnh. Ở Tây-nguyên, chương trình định cư đồng bào Ba-na ở phía Nam thị xã Kon-tum, việc chuyển đồng bào Bờ-ru ở Quảng-trị vào buôn Giát ở Đắc-lắc, kế hoạch di dân sắc tộc liên vùng, liên tỉnh là những hành động rất tàn ác của Mỹ — ngụy nhằm làm biến đổi môi trường sinh sống, xóa bỏ những hình ảnh sâu sắc về dân tộc của đồng bào Tây-nguyên. Chính sách di dân, dồn dân của Mỹ — ngụy nằm trong âm mưu chống phá phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ còn có những âm mưu đối với đồng bào Chàm. Dưới thời Mỹ — ngụy, đồng bào Chàm ở miền Nam nước ta có khoảng 59.000 người (2), cư trú ở hai vùng khác nhau và có những đặc điểm văn hóa, xã hội không giống nhau. Ở cực nam Trung-bộ, đồng bào Chàm làm nông nghiệp. Về quản lý xã hội và lập quán gia đình, đồng bào Chàm ở đây chịu ảnh hưởng tư tưởng và luật lệ của tôn giáo Bà-la-môn. Vốn cổ truyền của văn hóa Chàm được giữ gìn đậm nét trong lối sống và nhiều mặt khác. Ở miền Tây Nam-bộ nói chung, đồng bào Chàm vốn sống về nông nghiệp là chính, nhưng những nghề buôn bán nhỏ, thủ công và lối sống thành thị không ổn định cũng khá phổ biến. Đạo Hồi chi phối toàn bộ cuộc sống của đồng bào Chàm ở đây. Nền văn hóa Chàm ở đây chịu ảnh hưởng của các nền văn hóa Ma-lai-xi-a hiện đại.

(2) Theo số thống kê đến ngày 24-6-1976, số người Chàm là 63.000.

Digitized by Google

Từ sau 1954, Ngô-Đình-Diệm thực hiện một chính sách cưỡng bức thô bạo đối với đồng bào Chàm, buộc người Chàm phải ăn mặc và sinh hoạt theo những quy tắc của bọn địa chủ và phong kiến người Kinh. Một mặt, bọn Diệm dồn đồng bào Chàm vào các ấp chiến lược và khu tập trung dân. Mặt khác, chúng dung túng cho bọn tay chân cướp đoạt ruộng đất màu mỡ của đồng bào. Với chính sách bần cùng hóa và lập ấp chiến lược, Mỹ-ngụy đã đưa một số đông bào Chàm nghèo ở tây Nam-bộ lên Tây-ninh và Long-khánh, định cư ở những địa điểm không thuận lợi cho việc sinh sống để làm bia đỡ đạn cho những căn cứ đóng quân của Mỹ—ngụy. Ở cực nam Trung-bộ, chúng duy trì tình trạng biệt lập của các thôn xã Chàm. Mặt khác, chúng di chuyển những làng Chàm lẻ tẻ ở Phan-lý về tập trung dọc theo quốc lộ số 1 và thị trấn lập thành một vành đai an ninh.

Năm 1961, Ngô-Đình-Diệm lập ra Hiệp hội Chàm Hồi giáo Việt-nam để thực hiện âm mưu chia rẽ người Chàm, khơi sâu mâu thuẫn giữa những người Chàm khác nhau về tôn giáo. Đồng thời, tay chân Diệm ở các vùng có người Chàm sinh sống đã tập hợp bọn phản động và khuyến khích những tổ chức phản cách mạng trong người Chàm hoạt động. Núp dưới chiêu bài bảo vệ tôn giáo, bảo vệ dân tộc, bọn phong kiến phản động người Chàm đã tăng cường chiếm đoạt ruộng đất của nhân dân, và gây ra những vụ xung đột giữa những người tự xưng là chính thống giáo của dân tộc và những người coi là theo tôn giáo pha tạp, ngoại lai. Thực chất của những vụ xung đột này là sự tranh chấp giữa một bên là bọn phong kiến thủ cựu, tăng lữ Bà-la-môn và một bên là bọn địa chủ mới đang muốn cải cách, câu kết với tăng lữ Hồi giáo. Bọn phong kiến thủ cựu và tăng lữ Bà-la-môn đại diện cho tư tưởng bảo thủ, muốn duy trì xã hội Chàm theo các nguyên tắc cổ truyền lạc hậu. Lớp địa chủ mới và tăng lữ Hồi giáo muốn thực hiện một sự cải cách theo mẫu hình của Vương quốc I-ran và Cộng hòa Ma-lai-xi-a, tiêu biểu cho bọn phong kiến đang trên đường tư sản hóa. Ngay trong các thôn xóm Chàm ở miền Trung, trong từng gia đình người Chàm cũng thường diễn ra những vụ xung đột giữa những người có tôn giáo khác nhau. Người thì muốn giữ nguyên cổ tục của đạo Ba-ni ở trong làng, kẻ thì muốn đổi theo giáo luật Hồi giáo. Người thì muốn lấy toàn bộ đất đai trồng trọt của gia đình hiến cho giáo đường Hồi giáo, kẻ thì quyết liệt chống lại. Do đó, bọn phong kiến ngày càng có thế lực, chiếm hữu ruộng đất được nhiều và trở nên giàu có hơn, còn nhân dân lao động Chàm ngày càng nghèo khổ và mất dần đất đai.

Sự chia rẽ giữa người Chàm với nhau còn biểu lộ những mâu thuẫn của chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Bọn thực dân Pháp muốn lôi kéo người Chàm để chuẩn bị cho âm mưu lâu dài. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà sau Tết Mậu Thân, một trung tâm văn hóa Chàm đã mọc lên ở Phan-rang, đứng đầu là một linh mục dòng thừa sai người Pháp. Trung tâm văn hóa này lúc đầu chỉ hoạt động trong một số trẻ em người Chàm. Từ năm 1972 trở đi, tổ chức này soạn từ điển, nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, phong tục tập quán Chàm... Ở Sài-gòn, Hội Việt-Mỹ và những báo chí, công trình nghiên cứu về Chàm có liên quan đến những hoạt động văn hóa châu Á lại đi vào một khuynh hướng khác. Họ khai thác triệt để những « yếu tố » Ma-lai-xi-a trong nền văn hóa và ngôn ngữ Chàm, họ muốn Ma-lai-xi-a hóa nguồn gốc văn hóa của người Việt và gán ghép một cách thô

Digitized by Google

bạo một số nhóm dân tộc thiểu số ở miền Nam với người Chàm v.v... Họ muốn tạo ra một « quan hệ dân tộc » ở Đông - Nam Á trên cơ sở dân tộc Ma-lai-xi-a để tuyên truyền cho cái gọi là « sự nỗ lực kết đoàn của một dân tộc mới ở Đông — Nam Á — dân tộc Maphilindo », tức là Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và In-đô-nê-xi-a. Không phải ngẫu nhiên Hội các nước Đông — Nam Á và khối phòng thủ Đông — Nam Á đã đứng ra tổ chức một « hội nghị quốc tế » ở Xanh-ga-po năm 1969 để tập hợp bọn tay sai của Mỹ nhằm cổ súy cho tinh thần dân tộc giả hiệu này. Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đề cao văn hóa Chàm — Ma-lai-xi-a chính là nhằm kích động tinh thần dân tộc hẹp hòi để lôi kéo các dân tộc thiểu số đi theo con đường phản động.

Thủ đoạn chủ yếu của chủ nghĩa thực dân cũ và mới đối với đồng bào Khơ-me ở Nam—bộ cũng là nhằm kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, nhất là trong tầng lớp trí thức tư sản và viên chức người Khơ-me nhằm đối lập đồng bào Khơ-me ở Nam-bộ với cộng đồng dân tộc Việt-nam. Ở các tỉnh cực nam nước ta, có khoảng 60 vạn đồng bào Khơ-me. Giữa đồng bào Khơ-me và các dân tộc anh em ở miền Nam nước ta, tuy có khác nhau về tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán và tín ngưỡng tôn giáo, nhưng giống nhau về đời sống chính trị và kinh tế.

Pháp cũng như Mỹ đã khai thác triệt để những mâu thuẫn trong lịch sử và xúi giục tầng lớp trên người Khơ-me gây ra những vụ tàn sát người Kinh và người Khơ-me yêu nước ở vùng biên giới tây nam Nam-bộ. Dưới chế độ Mỹ—ngụy, người Khơ-me không được đối xử như những người công dân khác. Người Khơ-me bị ngụy quyền tước mất những quyền lợi tối thiểu.

Sau khi Diệm bị lật đổ, đế quốc Mỹ và bọn tay sai thực hiện một chính sách lừa bịp, mị dân đối với người Khơ-me như mở kỳ túc xá cho học sinh người Khơ-me ở những trọng điểm do chúng kiểm soát, cấp học bổng cho con em một số tay chân, viên chức, sĩ quan tầng lớp trên người Khơ-me và dựa vào đó để thi hành chiến tranh tâm lý. Chúng còn lập ra những bệnh viện riêng để chữa bệnh cho sư sãi và lôi kéo họ.

Để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, ngụy quyền Sài-gòn còn lập những lò thiêu xác riêng cho binh sĩ Khơ-me nhằm làm cho người Khơ-me yên tâm đi làm bia đỡ đạn cho chúng.

Núp dưới chiêu bài bảo vệ dân tộc, bảo vệ tôn giáo, đế quốc Mỹ và tay sai đã tập hợp quần chúng lạc hậu và những người mơ hồ về chính trị để kích động hằn thù dân tộc chống lại cách mạng. Nhưng những âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và tay sai đã bị thất bại thảm hại. Dưới chế độ Mỹ — ngụy, nông dân lao động người Khơ-me càng bị bọn địa chủ và tay sai bóc lột nặng nề, lần chiếm ruộng đất, bị đẩy vào con đường cùng khổ. Vì vậy, người nông dân Khơ-me hăng hái đi theo cách mạng, tích cực chống Mỹ — ngụy. Nhiều địa phương có đông người Khơ-me đã trở thành những căn cứ cách mạng vững chắc.

Để phục vụ âm mưu xâm lược và thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của chúng, trong nhiều năm qua đế quốc Mỹ đã lợi dụng sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, trình độ phát triển kinh tế giữa các dân tộc trên đất nước ta, liên tiếp tiến hành các thủ đoạn chia rẽ, phá hoại khối cộng đồng các dân tộc Việt-nam, hòng làm yếu sức mạnh đoàn kết chiến đấu của nhân dân ta. Nhưng rõ ràng những thủ đoạn đó đã không ngăn chặn được bước tiến của cách mạng nước ta, không giúp đế quốc Mỹ tránh khỏi thất bại. Điều đó nói lên thế yếu của chủ nghĩa đế quốc và sự phá sản của

Digitized by Google

chủ nghĩa thực dân mới trên đất nước ta. Tuy nhiên, những thủ đoạn đó đã để lại những hậu quả phức tạp ở miền Nam nước ta, đòi hỏi chúng ta phải kiên quyết khắc phục. Chúng ta cần phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, dựa chắc vào đường lối, chính sách của Đảng, thi hành nghiêm chỉnh và làm cho đồng bào các dân tộc thấm nhuần chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, cảnh giác và sẵn sàng đập tan mọi luận điệu và hành vi chia rẽ, phá hoại của địch, tăng cường đoàn kết, ra sức xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc trên Tổ quốc độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa của mình.

Giống lúa Nông nghiệp 1A...

(Tiếp theo trang 43)

hơn, tạo ra bông chín, bông xanh, ảnh hưởng tới năng suất. Nếu có phải tỉa dặm thì khi đã 3 lá thật phải dặm ngay.

– *Làm đất :* Đất phải được làm kỹ, được phải ngấu, bờ và ruộng phải được dọn sạch cỏ, mặt ruộng phải phẳng để dễ điều tiết nước.

– *Điều kiện nước :* giống lúa Nông nghiệp 1A không chịu được úng, và cũng kém chịu hạn, những nơi để khô hạn năng suất bị giảm đi rõ rệt. Do đó, chủ động nước đối với những ruộng gieo vãi giống Nông nghiệp 1A là một điều hết sức quan trọng. Mấy vụ này, một số nơi thường xuyên giữ được nước cần thiết trên ruộng gieo vãi Nông nghiệp 1A cho nên không chế được cỏ, không để cho cỏ phát triển, đỡ tốn nhiều công làm cỏ.

– *Phân bón :* vì là giống lúa ngắn ngày lại cho năng suất cao cho nên nó cần bón nhiều phân, đồng thời phải bón cân đối và bón tập trung nhiều hơn cho bón lót và bón thúc đợt đầu. Mỗi héc-ta cần từ 10 đến 12 tấn phân chuồng, 270 đến 300 kg sun-phát đạm, 250 đến 300 kg su-pe lân, 80 đến 100 kg sun-phát ka-li. Đó là mức phân bón cần thiết cho yêu cầu thâm canh đạt năng suất cao. Có người thấy giống Nông nghiệp 1A đòi hỏi mức phân bón lớn hơn một số giống khác, coi đó là một nhược điểm của giống lúa này với lý do rằng hiện nay chăn nuôi chưa cân đối với trồng trọt, vụ đông được mở rộng cũng đòi hỏi một lượng phân ngày càng lớn. Kinh nghiệm thực tế trong nông nghiệp nhiều năm qua đã chỉ rõ : chưa có một giống cây trồng và con gia súc nào đòi hỏi ít dinh dưỡng mà lại có thể cho năng suất cao. Bởi vậy, muốn cho lúa có năng suất cao, phải bón nhiều phân. Cách giải quyết vấn đề là phải theo hướng tích cực, nghĩa là phải đẩy mạnh chăn nuôi, tìm mọi cách tạo ra nguồn phân bón để thực hiện thâm canh, khai thác năng suất tối đa của cây trồng phục vụ con người.

Thật ra trước đây việc đưa lúa xuân vào thay cho lúa chiêm trên đồng ruộng miền Bắc cũng không dễ dàng và đã cho chúng ta những bài học kinh nghiệm quý báu. Giờ đây với giống lúa Nông nghiệp 1A, Hải-hưng chúng tôi sẽ tiếp tục làm thí điểm bằng nhiều biện pháp thâm canh, tiếp tục mở rộng sản xuất trong vụ mùa và vụ xuân với một tỷ lệ nhất định, đồng thời thí nghiệm các công thức luân canh, tăng vụ để tìm ra những phương án kinh tế tốt nhất trên đồng ruộng Hải-hưng. Chúng tôi coi đó là cách tốt nhất để thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng (khóa IV).

Digitized by Google

Ba-lan chú trọng phát triển ngành công nghiệp mũi nhọn

HÀ-ĐĂNG

TRƯỚC chiến tranh thế giới thứ hai, Ba-lan là nước kinh tế kém phát triển ở châu Âu. Công nghiệp mới chỉ có vài ngành và sản xuất phân tán, giá trị sản lượng công nghiệp chỉ chiếm 1 phần 3 giá trị tổng sản lượng công nghiệp và nông nghiệp của cả nước. Trong chiến tranh, Ba-lan bị tàn phá hết sức nghiêm trọng, nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng chỉ trong một thời gian tương đối ngắn sau khi chiến tranh kết thúc, nhân dân Ba-lan chẳng những đã khôi phục lại, mà còn xây dựng một nền kinh tế mới, một cơ sở vật chất – kỹ thuật vững mạnh. Nhiều ngành công nghiệp then chốt như: khai thác nhiên liệu, năng lượng, luyện kim, cơ khí, hóa chất, v.v... đã phát triển mạnh, làm cho tiềm lực sản xuất của cả nước được tăng cường.

Ngày nay, sau 33 năm xây dựng và phát triển kinh tế, nước Cộng hòa nhân dân Ba-lan đã trở thành một nước công – nông nghiệp phát triển. Ba-lan là một trong những nước có tốc độ phát triển công nghiệp nhanh trên thế giới. Tốc độ tăng trung bình hằng năm là 10%. Nhiều ngành công nghiệp quan trọng đã đạt trình độ tiên tiến trên thế giới.

Từ những năm 70, Ba-lan bước vào thời kỳ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Tiềm lực kinh tế và sản xuất công nghiệp không ngừng tăng với tốc độ cao. Năm 1975, giá trị sản lượng công nghiệp đạt 2.000 tỷ dơ-lô-ti, dự kiến đến năm 1980 sẽ lên tới 3.000 tỷ. Công nghiệp chiếm 30% tài sản cố định, 44% vốn đầu tư trong nền kinh tế quốc dân, 38% tổng số lao động. Công nghiệp đóng góp 52% trong thu nhập quốc dân, cung cấp 70% máy móc và thiết bị cho nhu cầu trang bị kỹ thuật và thực hiện đầu tư trong nước. Sản phẩm xuất khẩu của công nghiệp chiếm khoảng 80% toàn bộ hàng xuất khẩu của Ba-lan.

Hiện nay Ba-lan đứng thứ 10 trên thế giới về tổng sản lượng công nghiệp, chiếm khoảng 2,2% sản lượng công nghiệp thế giới và gần 5% sản lượng công nghiệp châu Âu. Ba-lan

Digitized by Google

đứng thứ 5 ở châu Âu về số dân làm việc trong công nghiệp.(*)

Trong những năm gần đây Ba-lan đẩy mạnh hiện đại hóa về cơ cấu và trình độ kỹ thuật trong công nghiệp. Trong kế hoạch 5 năm 1971 — 1975, một nửa số máy móc thiết bị công nghiệp được đổi mới, chương trình này tiếp tục được thực hiện và dự kiến đến năm 1980 toàn bộ máy móc và thiết bị công nghiệp sẽ được đổi mới hoàn toàn. Ba-lan đã chú trọng ứng dụng vào sản xuất những thành tựu nghiên cứu khoa học — kỹ thuật mới.

★

Trong sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp Ba-lan, ngành cơ điện được xem là ngành công nghiệp mũi nhọn và là một trong những ngành đóng vai trò quyết định trong sự phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Xuất phát từ nhận thức công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa không chỉ là xây dựng các ngành công nghiệp mà còn là trang bị kỹ thuật cơ khí cho toàn bộ các ngành kinh tế, và sự phát triển của nền sản xuất không phải chỉ cần những loại máy thông thường mà còn cần những máy hiện đại nhất, những máy liên hợp, có khả năng đáp ứng đòi hỏi của một nền sản xuất lớn chuyên môn hóa. Ba-lan đã chú trọng đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp cơ điện. Tốc độ phát triển của ngành này vượt các ngành sản xuất khác, cũng như vượt cả tốc độ sản xuất công nghiệp nói chung. So với năm 1950, năm 1972 sản lượng công nghiệp cơ điện tăng 34 lần. Năm 1950 giá trị sản lượng công nghiệp cơ điện mới chiếm 8%, năm 1975 đã chiếm 31% giá trị tổng sản lượng công nghiệp. Năm 1975, giá trị sản phẩm công nghiệp cơ điện xuất khẩu chiếm khoảng 40% giá trị toàn bộ sản phẩm xuất khẩu của Ba-lan. Trong quá trình phát triển, ngành cơ điện đã có những thay đổi về cơ cấu và chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế quốc dân ngày càng đòi hỏi nhiều máy móc, thiết bị mới và hiện đại

Tăng cường đầu tư là một trong những biện pháp quan trọng thúc đẩy ngành công nghiệp mũi nhọn này phát triển nhảy vọt. Nhà nước Ba-lan đã dành cho ngành công nghiệp cơ điện 20% tổng số vốn đầu tư vào công nghiệp. Nhờ vậy nhiều nhà máy mới được xây dựng, nhiều ngành sản xuất mới, đồng bộ, có đầy đủ cơ sở nghiên cứu khoa học — kỹ thuật được thành lập, cả một mạng lưới các xí nghiệp cơ khí hiệp tác sản xuất được tổ chức. Ngành cơ điện còn được cải tạo và hiện đại hóa để có thể từ chỗ sản xuất những sản phẩm tương đối đơn giản, tốn nhiều nguyên liệu, vật liệu đến chỗ sản xuất được những sản phẩm hiện đại có thông số kỹ thuật và giá trị sử dụng cao. Những ngành mới được xây dựng từ cơ sở như: đóng tàu, chế tạo máy, điện tử, tự động hóa, máy và dụng cụ đo lường, quang học, y học, máy thi công — xây dựng, động cơ cao áp, v.v... phát triển rất nhanh. Ngoài ra, những ngành có cơ sở từ trước như: chế tạo đầu máy và toa xe lửa, máy công cụ, thiết bị điện lực, máy nông nghiệp, v.v... cũng phát triển.

Để hiện đại hóa ngành công nghiệp cơ điện, Ba-lan hết sức chú trọng công tác nghiên cứu khoa học phục

(*) Vị trí một số ngành công nghiệp của Ba-lan ở châu Âu và trên thế giới:

— Sản xuất thép: đứng thứ 6 ở châu Âu, thứ 9 trên thế giới.

— Ô tô vận tải: thứ 7 ở châu Âu, thứ 10 trên thế giới.

— Than đá: đứng thứ 2 ở châu Âu, thứ 4 trên thế giới.

— Điện lực: thứ 6 ở châu Âu, thứ 10 trên thế giới.

— Đóng tàu đánh cá: thứ 2 trên thế giới.

— Sản xuất lưu huỳnh: thứ nhất ở châu Âu, thứ 2 trên thế giới.

— Phân đạm: thứ 2 ở châu Âu, thứ 5 trên thế giới.

— Xi-măng: thứ 6 ở châu Âu, thứ 9 trên thế giới.

Digitized by Google

vụ sản xuất. Việc áp dụng những cải tiến và phát minh trong nước cũng như việc ứng dụng những phát minh của nhiều nước công nghiệp phát triển được tăng cường. Trong kế hoạch 5 năm 1971 – 1975, Nhà nước Ba-lan đã chi 32,1 tỷ dơ-lô-ti, bằng 2,5% thu nhập quốc dân, cho công tác nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất. Trong kế hoạch 5 năm hiện nay (1976 – 1980) chi phí đó lên tới 215 tỷ dơ-lô-ti, bằng 4% thu nhập quốc dân. Riêng ngành công nghiệp cơ điện được trang bị một hệ thống viện nghiên cứu khoa học và phòng thiết kế, và thường xuyên được cung cấp những thiết kế cần thiết có chất lượng cao. Nhờ vậy trong những năm gần đây, ngành kỹ thuật điện tử, tự động hóa phát triển mạnh, đóng vai trò quan trọng trong việc hiện đại hóa và tự động hóa quá trình sản xuất công nghiệp. Ngành cơ điện đã chế tạo được những máy tính tự động, máy cái điều khiển theo chương trình, v.v..., đã và đang sản xuất nhiều loại sản phẩm và mặt hàng quan trọng đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Hiện nay ngành này có khoảng 1.500 xí nghiệp với hơn 1,5 triệu lao động (chiếm 1 phần 3 tổng số lao động trong công nghiệp), sản xuất khoảng trên 200 nhóm sản phẩm hoàn chỉnh và các nhóm cấu kiện.

Thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ VI (1971) và Đại hội lần thứ VII (1975) của Đảng công nhân thống nhất Ba-lan, nhân dân Ba-lan đang đẩy mạnh cải tạo và mở rộng cơ cấu sản xuất của ngành cơ điện. Những năm gần đây, ngành cơ điện phát triển mạnh, đặc biệt trong một số ngành như sản xuất máy thi công xây dựng, chế tạo máy cái, chế tạo thiết bị tự động và máy tính, chế tạo máy nông nghiệp, sản xuất máy dệt, chế tạo thiết bị toàn bộ, v.v...

Ngành sản xuất máy thi công xây dựng đã có khả năng tiến hành sản xuất lớn với những cơ sở nghiên cứu và thiết kế riêng cho ngành mình. Những sản phẩm ngành này làm ra đạt trình độ kỹ thuật cao, được nhiều nước trên thế giới ưa chuộng. Trong Hội đồng tương trợ kinh tế, Ba-lan được phân công chuyên sản xuất các loại máy thi công xây dựng và là nước đứng thứ hai, sau Liên-xô, trong lĩnh vực sản xuất này.

Ba-lan cũng sản xuất được các loại máy công cụ hạng nặng dùng cho ngành chế tạo thiết bị xe lửa, các loại máy công cụ điều khiển theo chương trình, máy gia công nguội tự động nhiều động tác, v.v... Trên cơ sở những thành tựu khoa học, Ba-lan đã phát triển nhanh ngành sản xuất máy cắt gọt kim loại bằng áp suất, máy ép vỏ ô-tô, máy công cụ đồng bộ. Ngành chế tạo máy công cụ đang đóng vai trò rất quan trọng và đáp ứng nhu cầu của các ngành sản xuất ô-tô, máy kéo, các loại động cơ, máy nông nghiệp v.v...

Ngành chế tạo thiết bị tự động và máy tính mới được xây dựng trong những năm gần đây nhưng đã phát triển nhanh. Trên cơ sở áp dụng thành tựu của công tác nghiên cứu khoa học, Ba-lan đã tự thiết kế và sản xuất các tổ hợp mạch và đã chuyển từ sản xuất bóng đèn điện tử và một số loại bóng bán dẫn giéc-man sang sản xuất hàng loạt bóng bán dẫn si-lít và mạch vi điện tử. Ba-lan là một trong số ít nước sản xuất được mạch vi điện tử và áp dụng rộng rãi trong các máy thông dụng và chuyên dùng.

Từ năm 1970 Ba-lan đã bỏ sơ đồ sản xuất các loại máy thu thanh cũ và tiến hành bán dẫn hóa toàn bộ máy thu thanh, máy ghi âm, máy thu vô tuyến truyền hình. Ngành điện tử và tự động hóa ở Ba-lan đang phấn đấu để đến năm 1990 có thể đạt trình độ điện tử hóa phổ cập trong cả nước.

Để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, ngành cơ điện tập trung sản xuất các loại máy nông nghiệp đồng bộ. Ba-lan đã sản xuất các loại máy kéo có công suất từ 25

Digitized by Google

sức ngựa đến 75 sức ngựa, với khoảng 40 kiểu khác nhau. Trong năm 1978, Ba-lan sẽ đi vào sản xuất loại máy kéo hạng nặng trên 100 sức ngựa, đồng thời đẩy mạnh việc sản xuất các loại máy gặt đập liên hợp, máy kéo công suất lớn đi kèm với máy làm đất, gieo hạt, máy bón phân, v.v... Trong kế hoạch 5 năm 1976 — 1980 số vốn bỏ vào ngành sản xuất máy nông nghiệp là 51 tỷ đơ-lô-ti. Nông nghiệp sẽ được cung cấp khoảng 33 vạn máy kéo. Dự kiến trong những năm 1981 — 1990, Ba-lan sẽ đầu tư 200 tỷ đơ-lô-ti nhằm thỏa mãn nhu cầu cơ khí hóa nông nghiệp trong cả nước. Do Ba-lan chú trọng sản xuất các loại máy nông nghiệp, cho nên, nếu năm 1976 một máy kéo phải phụ trách 43 héc-ta canh tác, thì đến năm 1980 dự kiến một máy kéo chỉ phụ trách 29 héc-ta và năm 1985 22 héc-ta. Đồng thời, việc tăng cường cung cấp máy liên hợp cho phép đến năm 1980 sẽ cơ giới hóa việc thu hoạch trên 75% diện tích đất trồng ngũ cốc và trên 90% diện tích đất trồng củ cải đường.

Trên cơ sở một nền công nghiệp phát triển, có tiềm lực sản xuất lớn, Ba-lan đã và đang đẩy mạnh việc xây dựng các nhà máy hoàn chỉnh để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Ba-lan đã xây dựng được nhiều loại nhà máy như nhà máy a-xít sun-phua-rích, nhà máy đóng tàu, nhà máy gỗ, ván ép, nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, nhà máy sản xuất thiết bị toàn bộ cho mỏ than, v.v... Ba-lan đã tự động hóa sản xuất cho nhà máy đường cỡ lớn, nhà máy sản xuất a-xít sun-phua-rích công suất 50 vạn tấn/năm. (Trong nhà máy này chỉ cần 4 công nhân điều khiển một ca nếu dùng nguyên liệu lưu huỳnh thể lỏng và 5 công nhân nếu dùng lưu huỳnh cục).

Trong kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, vai trò của ngành công nghiệp cơ điện sẽ tiếp tục được tăng cường, sản lượng của nó sẽ tăng 67% so với kế hoạch 5 năm trước. Để tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp then chốt và có tính chất quyết định đối với quá trình hiện đại hóa nền sản xuất, Ba-lan đang phát huy cao độ các nhân tố phát triển theo chiều sâu, tận dụng các nguồn dự trữ về nhân lực, vật lực và mọi khả năng kỹ thuật trong nước, đồng thời tranh thủ kỹ thuật hiện đại trong quan hệ hợp tác kinh tế với nước ngoài.

Hiện nay, bên cạnh việc phát triển những ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp then chốt và nông nghiệp, Đảng và Nhà nước Ba-lan cũng chú trọng tăng cường sản lượng hàng hóa cung cấp cho thị trường và chú trọng xây dựng nhà ở, nhằm cải thiện đời sống cho nhân dân nhanh hơn trước. Hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân thống nhất Ba-lan (tháng 12-1976) nhận định quá trình mở rộng và hiện đại hóa sản xuất trong những năm qua đã đem lại kết quả, cho phép nền sản xuất Ba-lan tiếp tục phát triển nhanh mà không cần tăng tốc độ đầu tư. Nguồn tăng chủ yếu của sản lượng công nghiệp trong giai đoạn hiện nay là tăng năng suất lao động. Hội nghị chỉ thị: trong 6 tháng đầu năm 1977, 95,6% số tăng về sản lượng công nghiệp và toàn bộ số tăng về sản lượng xây dựng phải do tăng năng suất lao động. Hội nghị cũng quyết định tăng đầu tư cho nhóm B, giảm tích lũy trong thu nhập quốc dân, tập trung vốn cho một số ngành như công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp xây dựng nhà ở nhằm đáp ứng nhu cầu về đời sống của nhân dân.

Với nhịp độ phát triển mạnh và tiềm lực sản xuất to lớn, ngành công nghiệp Ba-lan đang có cơ sở để tiến tới những đỉnh cao về kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế trong thời kỳ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở Ba-lan.

Digitized by Google

CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC Ở CỘNG HÒA NAM PHI

TRẦN-HOÀI-NAM

Từ cuối thế kỷ 15, người Bồ-đào-nha đã đặt chân lên mũi Hảo-vọng. Năm 1652, thực dân Hà-lan lập ra thuộc địa Cáp. Năm 1806, thực dân Anh tranh giành thuộc địa này của Hà-lan. Năm 1910, Liên bang Nam Phi được thành lập do người Anh cai trị. Năm 1946 – 1947, bọn thực dân da trắng cầm quyền ở Liên bang Nam Phi tuyên bố chủ nghĩa a-pa-thai (1) và chính sách phân biệt chủng tộc là quốc sách. Năm 1961, chính quyền phân biệt chủng tộc đổi tên nước là Cộng hòa Nam Phi và rút khỏi khối liên hiệp Anh.

Cộng hòa Nam Phi rộng trên 1,2 triệu ki-lô-mét vuông, có khoảng 25 triệu người. Trong đó, người châu Phi da đen trên 18 triệu, bọn thiểu số thực dân da trắng trên 4 triệu, còn lại là người lai và người gốc Ấn-độ... Cùng với Rô-đê-di-a và Na-mi-bi-a, Cộng hòa Nam Phi là một trong những nơi giàu tài nguyên nhất châu Phi và thế giới. Hiện nay, Cộng hòa Nam Phi đứng đầu thế giới tư bản chủ nghĩa về sản lượng vàng, cơ-rôm, bạch kim, măng-gan, ăng-ti-moan; đứng thứ 2 về sản lượng kim cương, đứng thứ 3 về sản lượng u-ra-ni-um; đứng thứ 4 về sản lượng len và đứng thứ 2 về sản lượng bột cá. Cộng hòa Nam Phi có thể sản xuất được máy bay, tàu biển, tên lửa. Nhờ sự giúp đỡ của các nước đế quốc phương Tây, đứng đầu là Mỹ, Cộng hòa Nam Phi đang tiến tới sản xuất vũ khí hạt nhân. Toàn bộ nền kinh tế của Cộng hòa Nam Phi hiện nằm trong tay từ 10 đến 15 tập đoàn tư bản lũng đoạn. Năm 1975, có trên 300 công ty tư bản Mỹ hoạt động chủ yếu ở Cộng hòa Nam Phi. Vài chục năm gần đây, số vốn của tư bản Mỹ bỏ vào Cộng hòa Nam Phi tăng lên nhanh chóng. Vốn của Anh và một số nước phương Tây khác cũng rất lớn.

Trong lúc thiểu số thực dân da trắng ở Cộng hòa Nam Phi và bọn đế quốc làm giàu trên kho tài nguyên đồ sộ đó thì nhân dân lao động người Phi da đen sống cuộc đời tối tăm cực khổ. Cùng làm một việc như nhau nhưng thu nhập bình quân của một người Phi da đen chỉ bằng 1 phần 14 thu nhập của một người da trắng. Hơn 90% công nhân làm việc trong các hầm mỏ là người da đen. Cho đến năm 1973, những công nhân này vẫn lĩnh lương theo mức định từ năm 1911. Chỉ trong 10 năm, từ 1964 đến 1974, có đến 5.500 thợ mỏ chết vì tai

(1) A-pa-thai (apartheid), tiếng A-phơ-ri ken-nơ (tiếng nói của bọn thực dân da trắng gốc Hà-lan) có nghĩa là « phát triển riêng biệt ». Ngoài nhóm người gốc Hà-lan, bọn thiểu số thực dân da trắng ở Cộng hòa Nam Phi còn gồm nhóm người gốc Anh.

Digitized by Google

nạn lao động. Ở nông thôn, 1 phần 3 gia đình không có ruộng đất. Có nơi, 95% gia đình không đủ ruộng để bảo đảm đời sống ở mức thấp nhất. Có khoảng 20 – 25% số người ở nông thôn không có việc làm, họ trở thành đội quân lao động dự bị rẻ mạt của tư bản thực dân da trắng. Do sự bóc lột tàn khốc của bọn tư bản thực dân da trắng, mâu thuẫn giữa bọn chúng với giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động người Phi ngày càng sâu sắc. Nhân dân Phi da đen ngày càng nổi dậy đấu tranh chống chính quyền phân biệt chủng tộc của thiểu số thực dân da trắng, đòi cải thiện đời sống, đòi quyền dân chủ, đòi thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc, giành độc lập dân tộc.

Nhân dân lao động người Phi chẳng những bị giai cấp tư sản thực dân da trắng bóc lột thậm tệ, mà còn bị chúng tước mất cả quyền độc lập về chính trị với tính cách là một dân tộc. Lịch sử thống trị mấy thế kỷ qua của bọn thực dân da trắng vừa là lịch sử khai thác thuộc địa tàn bạo nhất, vừa là lịch sử dàn áp dân tộc dã man nhất. Hiện nay, chính quyền thực dân da trắng chiếm hẳn 87% đất đai của người Phi, và chỉ dành cho nhân dân Phi, 13% còn lại. Hơn nữa, 13% đất đai này lại bị chia thành nhiều mảnh manh mún, nằm gọn trong sự bao vây và giám sát nghiêm ngặt của các khu vực thực dân da trắng. Đó lại là những miếng đất cằn cỗi và trong lòng nó không có một chút tài nguyên nào! Tình hình đó làm cho nhân dân da đen, tuy sống trên quê hương mình, nhưng bị cướp hết mọi nguồn sống, phải bán sức lao động cho bọn thiểu số thực dân da trắng. Bọn phân biệt chủng tộc còn độc ác quy định chế độ tuyển mộ công nhân rất tệ hại đối với người Phi da đen: chúng chỉ lấy một bộ phận người Phi trong nước, còn lại là lấy từ các nước chung quanh. Không thể kể hết những luật lệ của chính quyền phân biệt chủng tộc định ra để trói chặt nhân dân Phi da đen trong khu vực dành riêng cho họ, không cho họ sống chung, làm việc chung, và cả tiếp xúc với người da trắng. Theo số liệu chưa đầy đủ, từ 1948 đến 1973, có trên 10,5 triệu người Phi da đen bị kết tội vi phạm luật giao thông và cư trú. Nhà nước cảnh sát Cộng hòa Nam Phi có ngân sách quân sự thuộc vào loại cao nhất thế giới về mặt tỷ trọng. Năm 1975 chi phí quân sự của chúng là 1,7 tỷ đô-la, tăng 42% so với năm 1974; năm 1976, chi phí đó tăng 92% so với năm 1975. Điều đó nói lên tính chất phát-xít của chính quyền phân biệt chủng tộc.

Như vậy, ở Cộng hòa Nam Phi vừa có mâu thuẫn giữa bọn tư bản thực dân da trắng cầm quyền với giai cấp công nhân, kể cả tầng lớp công nhân nông nghiệp người Phi da đen, vừa có mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ cùng bọn thực dân da trắng, với toàn thể dân tộc Phi da đen. Mâu thuẫn thứ nhất là mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn thứ hai là mâu thuẫn dân tộc. Tuy nhiên, do tình hình đặc biệt ở Cộng hòa Nam Phi, hai mâu thuẫn đó xoắn xuýt với nhau, và được phản ánh trong cuộc **đấu tranh giải phóng dân tộc, thủ tiêu chính quyền phân biệt chủng tộc của thiểu số thực dân da trắng, thực hiện độc lập dân tộc cho nhân dân Phi da đen, dựa trên lực lượng của nhân dân Phi da đen và da màu... mà nòng cốt là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác.**

Ở Cộng hòa Nam Phi, nền công nghiệp thuộc địa sớm hình thành, cho nên giai cấp công nhân ra đời sớm và từ cuối thế kỷ trước, phong trào đấu tranh của công nhân đã phát triển. Thời kỳ đó, các tổ chức yêu nước cũng đã xuất hiện trong tầng lớp trí thức tiểu tư sản người Phi da

Digitized by Google

đen. Nhưng phải đến năm 1912, một tổ chức tiêu biểu nhất cho xu hướng yêu nước mới xuất hiện: Đại hội dân tộc Phi (ANC). Mục tiêu của ANC là lãnh đạo nhân dân các dân tộc người Phi đấu tranh cho nền độc lập và thống nhất của toàn thể những người Phi ở Cộng hòa Nam Phi. Năm 1921, Đảng cộng sản Nam Phi ra đời trên cơ sở sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân người Phi lúc đó. Năm 1948, trước cao trào đấu tranh quần chúng do ANC và Đảng cộng sản lãnh đạo, chính quyền phân biệt chủng tộc cấm Đảng cộng sản hoạt động và khủng bố gắt gao những người cộng sản. Kẻ thù âm mưu làm suy yếu phong trào yêu nước và cô lập Đảng cộng sản. Nhưng Đảng vẫn tiếp tục đấu tranh bất hợp pháp. Năm 1955, Đảng cộng sản cùng với ANC và một số tổ chức yêu nước khác thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất do ANC đứng đầu, nhằm đấu tranh cho mục tiêu độc lập dân tộc, thủ tiêu chính quyền phân biệt chủng tộc của thiểu số thực dân da trắng. Sau khi chính quyền phân biệt chủng tộc công khai đàn áp ANC vào năm 1960, và nhất là sau vụ tàn sát đẫm máu nhân dân da đen ở Sác-pơ-vin vào tháng 3-1960, những người lãnh đạo ANC và Đảng cộng sản đều đi đến kết luận thống nhất: « Chính quyền đã tuyên chiến với nhân dân » và nhân dân chỉ có một con đường là dùng bạo lực cách mạng để đấu tranh lật đổ nó. 16 năm sau vụ Sác-pơ-vin, chính quyền phân biệt chủng tộc lại giết hại và làm bị thương gần 1.600 người Phi yêu nước trong cuộc biểu tình của gần 1 vạn học sinh và các tầng lớp nhân dân Phi ở thành phố Xô-ê-tô ngày 16-6-1976 đòi được học bằng tiếng mẹ đẻ, phản đối học thứ tiếng A-phơ-ri-ken-nơ. Ngọn lửa căm thù Xô-ê-tô đang bốc cao và lan rộng ra khắp nước. Hiện nay, ANC và Đảng cộng sản Nam Phi đang « đấu tranh để tạo ra những điều kiện và tình hình chính trị cho phép không những bắt đầu cuộc kháng chiến vũ trang cách mạng mà còn tiếp tục kiên trì cuộc kháng chiến đó » (Lời đồng chí I-u-xúp Đa-đu, Chủ tịch Đảng cộng sản Nam Phi, nói hồi tháng 4-1977).

Chính quyền phân biệt chủng tộc Nam Phi và các thế lực làm hậu thuẫn cho chúng là các tập đoàn tư bản phương Tây đang lo sợ cho số phận của chúng. Nếu chính quyền phân biệt chủng tộc sụp đổ, có nghĩa là tập đoàn tư bản đế quốc phương Tây mất một nguồn lợi lớn nhất ở châu Phi, mất một căn cứ chiến lược ở miền Nam châu Phi, một vị trí then chốt ở Nam Đại-tây-dương và Ấn-độ-dương! Chính vì vậy mà bọn cầm đầu **các nước đế quốc phương Tây, đứng đầu là đế quốc Mỹ, luôn luôn có thái độ hai mặt trong vấn đề Nam Phi.** Một mặt chúng dùng những lời lẽ mị dân, đưa ra những công thức mơ hồ, hòng đánh lừa dư luận thế giới, nhất là dư luận châu Phi và nhân dân các nước miền Nam châu Phi. Mặt khác, chúng tích cực hoạt động để tạo điều kiện dễ dàng cho việc thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, nhằm thay thế chính quyền hiện nay của thiểu số thực dân da trắng bằng một chính quyền thỏa hiệp vừa đáp ứng phần nào lợi ích của tầng lớp trên trong người Phi, vừa bảo vệ được quyền lợi của thiểu số thực dân da trắng. Chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, không bao giờ có ý muốn thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc của thiểu số thực dân da trắng ở Nam Phi. Đối với nhân dân Phi da đen muốn có độc lập thật sự thì phải thủ tiêu chế độ đó. Về thái độ của các nước đế quốc phương Tây, ông Nkô-mô, một lãnh tụ dân tộc nổi tiếng của nhân dân Dim-ba-bu-ê có nói: « Phần lớn các phong trào giải phóng ở châu Phi đều giành được thắng lợi nhờ ở tình đoàn kết của các lực lượng tiến bộ và các nước xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, trên thực tế,

Digitized by Google

không có bất cứ nước phương Tây nào giúp đỡ các lực lượng giải phóng». Ông nói tiếp, một trong những lý do chính của việc đó là « Cộng hòa Nam Phi, Rô-đê-di-a đang bảo vệ quyền lợi cho các nước đế quốc phương Tây, kết quả là, mặc dù chế độ phân biệt chủng tộc đã bị tố cáo ở Liên hợp quốc, và bị toàn thể loài người lên án, nhưng các nước phương Tây vẫn tìm cách giúp đỡ chế độ đó sống sót » (Ông Nkô-mô trả lời phỏng vấn của tuần báo Liên-xô « Thời mới », số 12, tháng 4-1977).

Chính quyền phân biệt chủng tộc ở Cộng hòa Nam Phi đang bị cô lập cao độ trước làn sóng đấu tranh ngày càng dâng cao của quần chúng nhân dân Phi da đen, và trước dư luận toàn thế giới. Những năm gần đây, đứng trước sự tàn bạo của chính quyền phân biệt chủng tộc ở Cộng hòa Nam Phi và Rô-đê-di-a, nhiều tổ chức quốc tế, kể cả Liên hợp quốc, nhiều chính phủ, kể cả một số chính phủ từng tuyên bố chống cộng sản, đã liên tiếp lên án chúng, đồng thời có những biện pháp trừng phạt như không buôn bán với chúng, ủng hộ các tổ chức và phong trào yêu nước ở Cộng hòa Nam Phi, ở Rô-đê-di-a và ở Na-mi-bi-a. Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) đã tuyên bố chế độ phân biệt chủng tộc ở miền Nam châu Phi là kẻ thù không đội trời chung của nhân dân châu Phi, trong khi vẫn khẳng định đế quốc Mỹ là kẻ thù nguy hiểm nhất của toàn thể loài người. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở miền Nam châu Phi đang trở thành một bộ phận khăng khít của cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Nhờ sự hà hơi tiếp sức của các tập đoàn tư bản đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, về mặt kinh tế và chính trị, đặc biệt là về mặt kỹ thuật sản xuất vũ khí, kể cả vũ khí hạt nhân, tập đoàn thực dân thiểu số da trắng, đứng đầu là tên thủ tướng Vo-xtơ, đang điên cuồng giãy giụa một cách tuyệt vọng. Một mặt, chúng cố hết sức tăng cường sức mạnh quân sự tăng cường bộ máy cảnh sát đàn áp. Mặt khác, chúng tìm mọi cách xoa dịu dư luận thế giới, đưa ra luận điệu chung sống hòa bình, mở rộng buôn bán... Ở trong nước, chúng cho thi hành một số cải cách và nhượng bộ nhỏ giọt, như tăng lương cho một bộ phận công nhân da đen, bãi bỏ một vài luật lệ cấm đoán lỗi thời vụn vặt... Điều đáng chú ý trong âm mưu của bọn đế quốc và bọn phân biệt chủng tộc ở miền Nam châu Phi, là chúng đang cố sức gây chia rẽ, phân hóa các lực lượng yêu nước. Chúng ve vãn và mua chuộc một vài nhân vật thuộc tầng lớp trên trong phong trào dân tộc, những người này, trước đây ít nhiều có ý thức dân tộc, yêu nước, nhưng dần dần xa lánh phong trào công nông, đi vào con đường hợp tác với giai cấp thống trị, hy vọng chúng sẽ giao lại chính quyền cho mình. Ở Cộng hòa Nam Phi cũng như ở Rô-đê-di-a đã xuất hiện những chính khách thỏa hiệp kiểu đó. Đông đảo nhân dân lao động và tất cả những người yêu nước chân chính đều thấy rõ những người này chỉ là những nhân vật tiêu biểu cho tầng lớp tư sản mới, tầng lớp viên chức mới, được ưu đãi, đó chỉ là một bộ phận rất nhỏ người Phi da đen. Cho dù các tập đoàn thống trị phân biệt chủng tộc được sự tiếp tay của chủ nghĩa đế quốc đang cố sức tô son trát phấn cho những người bù nhìn đó, song số phận của họ cũng rất mỏng manh.

Đi đôi với âm mưu trên, tập đoàn Vo-xtơ đang bày ra trò hề trao trả độc lập cho các bộ tộc mà lịch sử mấy trăm năm nay đã gắn bó thành một dân tộc. Âm mưu xảo quyệt này của bọn thực dân da trắng nhằm làm suy yếu lực lượng đấu tranh của

Digitized by Google

nhân dân, đang được tập hợp trong một mặt trận thống nhất. Thực hiện âm mưu này, bọn thiểu số thực dân da trắng sẽ chiếm hẳn 87% lãnh thổ của Cộng hòa Nam Phi, thiết lập Nhà nước riêng của chúng trên phần đất đó, còn 13% lãnh thổ còn lại, chúng chia ra thành hơn một chục quốc gia người Phi da đen, những nước nhỏ, nghèo, chậm phát triển, do đó, sẽ phải phụ thuộc vào cái Nhà nước của thiểu số thực dân da trắng nói trên. Như vậy, chúng đạt được mục đích kéo dài sự tồn tại của chế độ thực dân da trắng và duy trì ách thống trị của chúng với tính cách là một cường quốc đối với hơn một chục nước của người Phi da đen ở chung quanh, mà chúng gọi theo tên bộ tộc là các nước băng-tu. Tập đoàn Vo-xtơ đã thất bại trong âm mưu này. Cái Nhà nước Tơ-răng-xcây do chúng dựng lên cuối năm ngoái không được bất cứ chính phủ nào trên thế giới công nhận.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Phi da đen ở Cộng hòa Nam Phi đang tiếp tục phát triển. Nhân dân châu Phi và nhân dân thế giới đang quan tâm theo dõi và giúp đỡ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Phi da đen ở Cộng hòa Nam Phi. Trong hoàn cảnh quốc tế hiện nay, cuộc đấu tranh của nhân dân Phi ở Cộng hòa Nam Phi cũng đang có những thuận lợi to lớn. Cuộc đấu tranh đó nhất định sẽ giành được thắng lợi vẻ vang. Nhân dân Việt-nam hết sức vui mừng trước mỗi thắng lợi của nhân dân da đen ở Cộng hòa Nam Phi trong cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc tàn bạo. Nhân dân Việt-nam kiên quyết ủng hộ nhân dân da đen ở Cộng hòa Nam Phi trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của mình.

Đổi mới từng phần...

(Tiếp theo trang 59)

chọn đào tạo cán bộ mới nhằm đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và kế tục sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng. Mỗi cán bộ ở cương vị lãnh đạo có trách nhiệm đào tạo cán bộ dự bị, góp phần chuẩn bị người thay thế mình» (5). Với ý thức trách nhiệm đầy đủ và sự tham gia tích cực của mọi tổ chức Đảng, của mọi đảng viên và cán bộ lãnh đạo, việc lựa chọn, đào tạo, đề bạt cán bộ mới, việc đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chắc chắn sẽ được tiến hành một cách thuận lợi, góp phần quan trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước.

(5) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 198.

Những kinh nghiệm...

(Tiếp theo trang 88)

bộ và toàn dân trong huyện, Gò-công nhất định sớm khắc phục được những mặt yếu, kém ấy để tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực cùng với toàn tỉnh Tiền-giang thực hiện thắng lợi chỉ thị của Bộ chính trị Trung ương Đảng gửi Đại hội lần thứ II của đảng bộ tỉnh là, làm cho Tiền-giang trở thành tỉnh đi đầu trong công cuộc tổ chức lại sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa và thâm canh trong nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu-long.

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ. Постоянно и на должном уровне проводить работу по расширению рядов партии

О задачах «Коммунистического журнала». Директива Политбюро ЦК КПВ

ХОАНГ ТУНГ. О курсе на развитие сельского хозяйства и строительство новой деревни

ЧАН ДО. Задачи в области искусства, литературы и культуры на новом этапе

НГО ЭЮИ ЛОНГ. Применение сорта риса «нонг нгиеп 1А» создало новые сдвиги в еельском хозяйстве провинции Хайхынг

ЛЕ КУАНГ ХОА. Некоторые мысли о сочетании экономического строительства с оборонным в масштабе уезда на данном этапе

ЛЕ ЛЫК БИНЬ. Постепенно обновлять состав руководящих кадров и управленческого персонала

ТХАЙ ВУ. Новый этап революции в нашей стране и роль социологии

НГУЕН ХЫУ ТХЫОК. Обслуживание сельского хозяйства — главная задача и путь прогресса биологии в нашей стране

ЧАН ЧОНГ ТАН. Работа в области науки и техники в городе Хошимине

...

目　　录

社　論：经常作好党的发展工作

党中央政治局关于共产主义杂志任务的指示

黄　松：关于发展农业和建设新农村的路线

陈　度：新阶段的文化文艺工作

吳维东：农业1A号稻种创造了海兴省农业新态势

黎光和：新阶段中县内经济与国防结合的几个意见

黎德平：逐部更新领导干部、管理干部

蔡　武：我国革命新阶段与社会学的作用

阮友麟：为农业生产服务是我国生物学的主要任务和主要发展途径

陈仲新：胡志明市的科学技术工作

...

Digitized by Google

SOMMAIRE

Éditorial — S'appliquer en permanence à accroître les rangs du Parti

Directive du Bureau politique du Parti concernant les tâches de la *Revue du Communisme*

HOÀNG-TÙNG — A propos de la ligne du développement de l'agriculture et de l'édification de la campagne nouvelle

TRẦN-ĐỘ — Le travail culturel, littéraire et artistique dans l'étape nouvelle

NGÔ-DUY-ĐÔNG — La variété de riz *Nông nghiệp 1A*, un atout nouveau de l'agriculture à Hai-hung

LÊ-QUANG-HÒA — Quelques réflexions sur la façon de combiner l'édification économique à la défense nationale au niveau du district dans l'étape nouvelle

LÊ-ĐỨC-BÌNH — Rajeunissement et renouvellement graduel des cadres dirigeants et gestionnaires

THÁI-VŨ — L'étape nouvelle de la révolution dans notre pays et le rôle de la sociologie

NGUYỄN-HỮU-THƯỚC — Servir la production agricole : tâche essentielle et facteur déterminant du progrès de la biologie dans notre pays

TRẦN-TRỌNG-TÂN — Le travail scientifique et technique à Hô-Chi-Minh ville

HỒ-CHƯƠNG-ĐIỀN — Les expériences préliminaires du district de Go-công

Études ★ *MẠC-ĐƯỜNG* — Le néocolonialisme américain et les minorités ethniques dans le sud de notre pays

HÀ-ĐĂNG — La Pologne met l'accent sur le développement de l'industrie de pointe

TRẦN-HOÀI-NAM — La lutte contre l'aparthéid en République sudafricaine

CONTENTS

Editorial — Do the work of developing the Party consistently and well. Instruction from the Political Bureau on the task of the *Review of Communism*

HOÀNG-TÙNG — On the line of agricultural development and building up a new countryside

TRẦN-ĐỘ — Work in the fields of culture, literature and arts in the new stage

NGÔ-DUY-ĐÔNG — The impact of 1A rice on agriculture in Hai-hung province

LÊ-QUANG-HÒA — Some reflections on co-ordinating the economy and national defence at district level in the new stage

LÊ-ĐỨC-BÌNH — Gradual replacement of leading and management cadres

THÁI-VŨ — The new stage in our country's revolution and the new role of sociology

NGUYỄN-HỮU-THƯỚC — Serving agricultural production is the main task and the main way of making progress for biology in our country

TRẦN-TRỌNG-TÂN — Scientific and technological work in Ho-Chi-Minh City

HỒ-CHƯƠNG-ĐIỀN — Go-công draws its first lessons

Study ★ *MẠC-ĐƯỜNG* — U.S. neo-colonialism and the ethnic minorities in southern Viet Nam

HÀ-ĐĂNG — Poland stresses the development of spearhead industrial branches

TRẦN-HOÀI-NAM — The struggle against racial discrimination in the Republic of South Africa

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 2

1973

NĂM THỨ XXIV (CŨ)

TOÀ SOẠN BỘ BIÊN TẬP :

L. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52161, 52162

TOÀ SOẠN CƠ QUAN TUYÊN TRUYỀN TẠI MIỀN NAM :

40, Thi-Sách-Vải, TP Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 20.60, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Thường xuyên làm tốt công tác phát triển Đảng 1

Cải thi của Bộ chính trị về nhiệm vụ của Tạp chí Cộng sản 12

HOÀNG-TÙNG — Về đường lối phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới 15

TRẦN-BỘ — Công tác văn hóa văn nghệ trong giai đoạn mới 30

NGÔ-DUY-HỒNG — Giống lúa Nông nghiệp 1A đã tạo ra thế mới trong nông nghiệp Hải-hưng 38

LÊ-QUANG-HÓA — Mấy suy nghĩ về kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn huyện trong giai đoạn mới 44

LÊ-ĐỨC-BÌNH — Đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý 52

THÁI-VŨ — Giai đoạn mới của cách mạng nước ta và vai trò của xã hội học 60

NGUYỄN-HỮU-THƯỚC — Phục vụ sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ chủ yếu và là phương thức tiến bộ chủ yếu của sinh vật học nước ta 67

TRẦN-TRỌNG-TÂN — Công tác khoa học — kỹ thuật ở thành phố Hồ-Chí-Minh 75

HỒ-CHƯƠNG-DIỄN — Những kinh nghiệm bước đầu của Gò-công 82

Nghiên cứu — ★ *MẠC-DƯỜNG* — Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ và các dân tộc thiểu số ở miền Nam nước ta 89

HÀ-DƯƠNG — Ba-lan chú trọng phát triển ngành công nghiệp mũi nhọn 97

TRẦN-HOÀI-NAM — Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hòa Nam Phi 101

Digitized by Google

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 48
NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM
(3-2-1930 — 3-2-1978)

—★—

Tìm đọc:

HỒ - CHÍ - MINH

— Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội

— Về xây dựng Đảng

LÊ - DUẨN

— Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam
Tác phẩm chọn lọc (Tập I và II)

— Đảng lao động Việt-nam, người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt-nam

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

— Thắng lợi vĩ đại, tương lai huy hoàng

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN **Chỉ số : 12651** **Giá : 0đ40**

Digitized by Google

H-1980
HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

JUN 13 1978

The University of Michigan Periodical Reading Room

29: 3 (wh. no. 267)
1978:

3.1978

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

NÂNG CAO KHÔNG NGỪNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG XÃ HỘI

TRONG quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nâng cao không ngừng năng suất lao động xã hội là một vấn đề chiến lược to lớn. Bởi vì như Lê-nin đã nói, đó là cái có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của chế độ xã hội mới.

Hồ Chủ tịch cũng chỉ rõ : « Chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no.

Muốn đạt mục đích đó, trước hết phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm » (1). *Người còn nói : « Muốn phát triển sức sản xuất thì trước hết phải* nâng cao năng suất lao động » (2).

Có nâng cao năng suất lao động xã hội, chúng ta mới có thể đáp ứng được hai yêu cầu vừa cơ bản vừa cấp bách của nước ta là xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và cải thiện một bước đời sống của nhân dân.

Có nâng cao năng suất lao động xã hội, chúng ta mới có cơ sở thực hiện tích lũy vốn ngày càng nhiều để đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tạo ra cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội giành được thắng lợi triệt để.

Có nâng cao năng suất lao động xã hội, chúng ta mới phát triển được mạnh mẽ lực lượng sản xuất của xã hội, đẩy mạnh cách mạng

---

(1) Hồ-Chí-Minh : *Về phát triển sản xuất thực hành tiết kiệm*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, trang 68.

(2) Sách đã dẫn, trang 96.

Digitized by Google

về quan hệ sản xuất, thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong các cơ sở sản xuất, trong từng ngành và trên phạm vi cả nước.

Có nâng cao năng suất lao động xã hội, trước hết là năng suất lao động trong nông nghiệp, chúng ta mới mở rộng được sự phân công lao động xã hội, có điều kiện thuận lợi hơn để tổ chức lại sản xuất, phân bố lại lao động trên phạm vi cả nước, bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển theo kế hoạch, với tốc độ cao.

Việc nâng cao năng suất lao động xã hội còn góp phần củng cố niềm tin của đông đảo nhân dân vào tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa ngày càng chiếm địa vị thống trị tuyệt đối trong xã hội ta. Nó trực tiếp góp phần củng cố cơ sở kinh tế và xã hội của chuyên chính vô sản, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, cho việc hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, bằng cách tăng cường sức mạnh kinh tế của đất nước, nó còn góp phần to lớn vào việc củng cố quốc phòng.

Việc nâng cao năng suất lao động xã hội dẫn đến thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở nước ta và sẽ góp phần phát huy ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Vì những lẽ trên, vấn đề nâng cao năng suất lao động xã hội chiếm một vị trí rất quan trọng trong đường lối cách mạng của Đảng ta trong giai đoạn mới.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, trong đoạn giải thích nội dung của đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, đã nhấn mạnh vấn đề: « Nâng cao không ngừng **năng suất lao động xã hội, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất và kinh doanh ».**

Theo tinh thần đó, việc « tăng rõ rệt năng suất lao động xã hội » đã được ghi vào trong nội dung của một trong những nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ hai 1976 — 1980. Và Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) cũng chỉ rõ: sự chuyển biến mạnh mẽ của các cấp, các ngành, các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước và phong trào quần chúng trong năm 1978, sự phấn đấu của họ để khắc phục tình trạng trì trệ trong những năm qua, phải hướng vào mục tiêu « làm cho năng suất lao động xã hội tăng lên nhanh, mang lại nhịp độ phát triển cao trong tất cả các mặt hoạt động ».

Tăng nhanh năng suất lao động xã hội, không chỉ là một quy luật kinh tế khách quan của chủ nghĩa xã hội, một biểu hiện nổi bật của

Digitized by Google

tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, một vấn đề cơ bản quyết định thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội, mà còn là một đòi hỏi vừa cấp bách vừa lâu dài của sự nghiệp cách mạng nước ta — một nước đang trong quá trình đi từ sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, một nước đã trải qua mấy chục năm chiến tranh ác liệt trước khi bắt đầu làm cách mạng xã hội chủ nghĩa trên quy mô cả nước, một nước mà các điều kiện khách quan nói trên cùng với các khuyết điểm của chúng ta trong công tác quản lý kinh tế đã dẫn đến tình trạng năng suất lao động xã hội quá thấp, chưa bảo đảm được yêu cầu tích lũy vốn cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống nhân dân.

Chúng ta biết rằng năng suất lao động xã hội cao vừa là **kết quả** *của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết là trên lĩnh vực kinh tế, vừa là* **điều kiện** *để triển khai mạnh mẽ sự nghiệp vĩ đại ấy. Thế mà hiện nay năng suất lao động xã hội của nước ta lại quá thấp, tình hình ấy không khỏi hạn chế rất lớn sự phát triển của cách mạng nước ta. Bởi vậy để đưa nước ta vượt qua những khó khăn trước mắt, đặng đi nhanh tới những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, chúng ta không có con đường nào khác là phải tăng nhanh năng suất lao động xã hội bằng những biện pháp thiết thực và có hiệu quả, phù hợp với tình hình cụ thể của nước ta, và bằng những hành động thông minh và dũng cảm của nhân dân ta do Đảng tiền phong của giai cấp công nhân lãnh đạo.*

Nâng cao năng suất lao động xã hội về thực chất có nghĩa là tiết kiệm thời gian lao động. Chúng ta phải tiết kiệm thời gian lao động của những người đang lao động sản xuất bằng cách tăng giờ công có ích và ngày công trong tháng, trong năm của những người lao động hiện còn quá thấp so với mức quy định của chế độ ; hơn nữa phải làm sao cho mỗi giờ, mỗi ngày lao động của mọi người đều đạt được năng suất cao, nghĩa là sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ như Hồ Chủ tịch đã dạy. Chúng ta phải khắc phục tình trạng lãng phí lớn sức lao động xã hội hiện nay bằng cách huy động mọi người có sức lao động nhưng chưa có việc làm tham gia những công việc lao động, sản xuất và dịch vụ có ích cho xã hội. Cần nhấn mạnh rằng trong điều kiện nước ta hiện nay, tận dụng sức lao động xã hội là một vấn đề cơ bản, có tác dụng rất to lớn làm tăng năng suất lao động của nhân dân ta, xét trên phạm vi toàn xã hội mà nói. Trên ý nghĩa ấy, tận dụng sức lao động xã hội là một nội dung rất quan trọng của việc nâng cao năng suất lao động xã hội. Hơn nữa, cần hiểu rằng tăng năng suất lao động bao gồm cả

Digitized by Google

việc tiết kiệm những vật tư kỹ thuật, nguyên liệu, vật liệu v.v... vì đó là thứ lao động « vật hóa » nằm trong giá trị của sản phẩm làm ra. Bởi vậy, chúng ta phải **ra sức tận dụng sức lao động xã hội, tăng nhanh năng suất lao động xã hội, đồng thời thực hành tiết kiệm triệt để** *trong sản xuất, xây dựng và cả trong đời sống. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nhấn mạnh: « Tiết kiệm phải trở thành một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ». Chúng ta cần nghiêm túc thực hiện chính sách tiết kiệm của Đảng và Nhà nước với ý thức sâu sắc rằng: tiết kiệm không chỉ là một nguyên tắc quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà còn là một vấn đề có ý nghĩa chính trị và đạo đức quan trọng, có quan hệ rất lớn đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta.*

★

Để nâng cao năng suất lao động xã hội, chúng ta cần phải thi hành một loạt biện pháp về tổ chức và quản lý, về kinh tế và kỹ thuật, về văn hóa và tư tưởng v.v... cũng như phải quan tâm đến nhiều mặt công tác quan trọng khác, và phải huy động sức cố gắng của toàn thể nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý có hiệu lực của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta biết rằng năng suất lao động xã hội nói chung cũng như năng suất lao động của từng người lao động đều phụ thuộc vào nhiều nhân tố. C. Mác đã từng nói: năng suất lao động phụ thuộc vào phương thức sản xuất của xã hội. Người còn chỉ rõ: năng suất lao động (hay sức sản xuất của lao động) « phụ thuộc vào những hoàn cảnh khác nhau, trong đó có: trình độ thành thạo trung bình của những người lao động; sự phát triển của khoa học và trình độ áp dụng khoa học về mặt kỹ thuật; các sự kết hợp xã hội của quá trình sản xuất, phạm vi và tác dụng của các tư liệu sản xuất và các điều kiện hoàn toàn tự nhiên » (3). *Còn Lê-nin thì thường nhấn mạnh đến tác dụng quyết định của nền đại công nghiệp cơ khí hóa đối với việc tăng năng suất lao động xã hội.*

---

(3) C. Mác: *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển I, tập I, trang 62.

Digitized by Google

Vận dụng những luận điểm cơ bản nói trên của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về năng suất lao động, chúng ta thấy rằng, xét về mặt cơ bản và lâu dài mà nói, việc nâng cao năng suất lao động xã hội ở nước ta phụ thuộc một cách quyết định vào thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, một sự nghiệp vĩ đại được Đảng ta coi là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bởi vậy, **tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa,** *nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tạo ra cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại, đưa nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa theo đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng,* **đó chính là biện pháp cơ bản nhất, có tính chất quyết định nhất đối với việc tăng năng suất lao động xã hội ở nước ta.** *Song trong khi thực hiện đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa: «Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ...», trong những năm trước mắt, chúng ta phải* **tập trung sức phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp** *như Nghị quyết hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương (khóa IV) đã đề ra;* **đó cũng là con đường thiết thực nhất để phát triển kinh tế, tăng năng suất lao động xã hội.**

Đường lối phát triển kinh tế của Đảng phải được cụ thể hóa thành quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế của Nhà nước, thành phương hướng và mục tiêu phát triển kinh tế trong một thời gian dài và trong từng thời kỳ cụ thể. Trên cơ sở đó, các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở mới có được căn cứ để định ra phương hướng sản xuất đúng đắn nhằm sử dụng đầy đủ và hợp lý nhất mọi nguồn lao động và tài nguyên để phát triển sản xuất. Bởi vậy việc **xác định kế hoạch kinh tế đúng đắn và cơ cấu kinh tế hợp lý,** *cũng như việc phấn đấu nhằm thực hiện kế hoạch kinh tế của Nhà nước và xây dựng từng bước cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại, trở thành một biện pháp rất quan trọng để phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội. Trong quá trình xây dựng cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại, chúng ta cần chú trọng xây dựng dần từng bước cơ cấu nông — công nghiệp huyện, một bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân nói chung.*

Hiện nay, nền sản xuất của nước ta về cơ bản còn là sản xuất nhỏ, phân công lao động chưa phát triển, lao động phân bố rất không hợp lý giữa các ngành và các vùng, hệ thống quản lý và kế hoạch hóa còn yếu, do đó sức lao động xã hội còn bị lãng phí nhiều và năng suất lao động xã hội rất thấp. Bởi vậy trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chúng ta tất yếu phải **tổ chức lại sản xuất, xây dựng**

Digitized by Google

hệ thống quản lý và kế hoạch hóa có hiệu lực, thực hiện sự phân công mới lao động xã hội, *điều chỉnh lại lao động giữa các ngành và các vùng trong nước theo một quy hoạch chung, có căn cứ khoa học, đúng như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ: « Cần tổ chức lại nền sản xuất xã hội, xây dựng một hệ thống quản lý và kế hoạch hóa có hiệu lực nhằm sử dụng hợp lý và phát huy tốt mọi năng lực sản xuất, làm cho sản xuất và tái sản xuất được thực hiện một cách có kế hoạch, với năng suất ngày càng cao, chất lượng ngày càng tốt, hiệu quả ngày càng lớn ». Đó cũng là một biện pháp lớn để tận dụng sức lao động xã hội và tăng năng suất lao động xã hội.*

Ở đây cần đặc biệt nhấn mạnh đến tác dụng của công tác tổ chức và quản lý đối với việc tăng năng suất lao động xã hội. Những biện pháp nêu trên đều thuộc về chức năng của công tác lãnh đạo, tổ chức và quản lý. Song cần hiểu rằng, chức năng của công tác quản lý là kết hợp tốt người lao động với công cụ lao động, đồng thời giải quyết tốt các mối quan hệ xã hội trong sản xuất, nhằm khai thác tốt nhất những tiềm năng lao động và tài nguyên của đất nước để phát triển sản xuất mạnh mẽ và tăng năng suất lao động xã hội không ngừng. Phải biết tận dụng ưu thế của chủ nghĩa xã hội để quản lý cho tốt. Theo tinh thần ấy, chúng ta phải ra sức cải tiến quản lý kinh tế, trước mắt là thực hiện tốt việc cải tiến một số khâu quan trọng và cấp bách trong công tác quản lý kinh tế *đã được nêu trong Nghị quyết hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV). Những khâu đó là:*

— Phải đổi mới ngay công tác kế hoạch hóa theo hướng phát huy cao nhất mọi năng lực hiện có và khả năng tiềm tàng trong nước, trước hết là lực lượng lao động, đất đai, tài nguyên thiên nhiên phong phú, các cơ sở vật chất kỹ thuật, công cụ sản xuất và vật tư sẵn có của ta, để khắc phục các khó khăn và các mặt mất cân đối của nền kinh tế.

— Phải bổ sung, sửa đổi một số chính sách, chế độ cấp thiết trong quản lý kinh tế.

— Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý kinh tế, tăng cường trách nhiệm và quyền hạn quản lý của các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở.

Digitized by Google

— Chấn chỉnh việc quản lý sản xuất, quản lý lao động ở cơ sở, bằng cách quản lý chặt theo tiêu chuẩn và định mức tiến bộ, thực hiện tốt công tác hạch toán kinh tế, tạo nên tác phong lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động, giảm hao phí vật chất và hạ giá thành sản phẩm.

— Phải thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng (khóa IV) về mặt này: «Bằng mọi biện pháp quản lý và kỹ thuật, trong năm 1978, tất cả các ngành và các cơ sở sản xuất phải phấn đấu đạt và vượt các tiêu chuẩn, định mức về năng suất lao động và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của thời kỳ trước chiến tranh, đặc biệt chú trọng tiết kiệm thời gian lao động».

— Phải gấp rút kiện toàn bộ máy quản lý và tăng cường cán bộ cho một số ngành và địa phương trọng điểm.

Trong công tác quản lý kinh tế, chúng ta phải nghiêm ngặt tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, sử dụng có hiệu quả các biện pháp hành chính, kinh tế và tư tưởng, thực hiện tốt phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Chỉ có như vậy, chúng ta mới phối hợp được tốt nhất hoạt động của từng người lao động, từng đơn vị cơ sở, từng địa phương, từng ngành cho đến lực lượng lao động cả nước, theo một kế hoạch kinh tế chung, được xác định đúng đắn dựa theo đường lối phát triển kinh tế của Đảng, bảo đảm giành được hiệu quả kinh tế cao nhất, bảo đảm tăng năng suất lao động xã hội không ngừng.

Để làm được điều đó, phải chống lối quản lý tập trung quan liêu và tình trạng «dân chủ quá trớn», chống lối quản lý «hành chính, bao cấp», chống bệnh cục bộ, địa phương chủ nghĩa, chống thói vô tổ chức, vô kỷ luật, coi thường pháp chế xã hội chủ nghĩa, coi thường việc chấp hành các chính sách, chế độ, thể lệ mà Nhà nước đã ban hành. Đồng thời, phải nêu cao ý thức phục vụ lợi ích chung, nêu cao tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, nêu cao kỷ luật lao động tự giác của mọi người lao động. Lê-nin đã từng nhấn mạnh rằng «kỷ luật lao động là cái cốt yếu của toàn bộ công cuộc xây dựng kinh tế của chủ nghĩa xã hội, là cơ sở của sự hiểu biết của chúng ta về nền chuyên chính vô sản» (4).

---

(4) V.I. Lê-nin: *Về năng suất lao động*, bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mạc-tư-khoa, 1966, trang 152.

Digitized by Google

Chúng ta biết rằng quá trình xây dựng lề lối quản lý theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội cũng là quá trình đấu tranh chống những lề lối quản lý tư sản và tiểu tư sản là những lề lối xấu hoặc mang nặng tính chất quan liêu, không vì lợi ích của quần chúng nhân dân, không dựa vào lực lượng và trí sáng tạo của nhân dân mà tiến hành, hoặc mang nặng tính chất phân tán, tản mạn, tự do chủ nghĩa v.v... Chính vì vậy mà quá trình xây dựng lề lối quản lý xã hội chủ nghĩa cũng như toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đều rất cần đến tính tổ chức và tính kỷ luật của giai cấp công nhân, bởi vì thiếu những cái đó thì không thể có kỷ luật xã hội nói chung, không thể có hành động phối hợp theo cùng một hướng của mọi công dân trong xã hội, mà như vậy thì mọi đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước sẽ chỉ dừng lại trên giấy, sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ không thể tiến lên được. Chính trên ý nghĩa đó, mà **Lê-nin coi tính tổ chức và tính kỷ luật của giai cấp công nhân là bản chất chủ yếu của chuyên chính vô sản.** *Và điều này không hề mâu thuẫn với luận điểm của Đảng ta coi quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, mà nòng cốt là công nông, do Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, cũng là cái thuộc về bản chất của chuyên chính vô sản. Chúng ta cần nhận thức sâu sắc luận điểm quan trọng này của Lê-nin để đề cao kỷ luật xã hội, kỷ luật lao động, làm cho nó phát huy tác dụng ngày càng lớn đối với việc tăng năng suất lao động xã hội nói riêng cũng như đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung.*

Cùng với việc cải tiến quản lý kinh tế, chúng ta phải tăng cường trang bị kỹ thuật cho những người lao động, **xúc tiến từng bước cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật,** *coi đó là một nhân tố cơ bản có tác dụng quyết định đối với việc tăng năng suất lao động xã hội. Trước mắt, chúng ta cần cố gắng tăng thêm trang bị kỹ thuật hiện đại cho những khu vực sản xuất và những vùng sản xuất quan trọng của đất nước, coi trọng việc cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, giải quyết bằng được vấn đề cung cấp đầy đủ những công cụ thường và công cụ cải tiến cho người lao động, đồng thời với việc cung ứng vật tư kỹ thuật, phụ tùng thay thế, nguyên liệu, vật liệu v.v... cho họ. Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, cần phát huy cao độ trí sáng tạo của mọi người lao động để khai thác nguồn nguyên liệu, vật liệu ở trong nước,*

Digitized by Google

nghiên cứu chế tạo những phụ tùng thay thế, tận dụng những phế liệu, phế phẩm để bổ sung vào nguồn vật tư thiếu thốn của ta, đồng thời coi trọng việc đẩy mạnh xuất khẩu để bảo đảm nhập những vật tư kỹ thuật rất cần thiết mà ta chưa sản xuất được.

Việc nâng cao năng suất lao động xã hội còn đòi hỏi phải **đẩy mạnh cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa**, *nhằm nâng cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và trình độ văn hóa của đông đảo nhân dân lao động. Phải ra sức* **nâng cao trình độ lành nghề** *của mọi người lao động, khẩn trương* **đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật**, *làm cho đội ngũ lao động kỹ thuật của nước ta được mở rộng nhanh chóng, phát triển đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu tăng nhanh năng suất lao động xã hội. Đồng thời, phải hết sức* **chăm lo đời sống** *của người lao động, có chính sách khuyến khích những người lao động giỏi và có kỹ thuật, để họ phấn khởi đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hóa của đất nước.*

Cần nhấn mạnh rằng **cuộc phấn đấu nâng cao năng suất lao động xã hội hoàn toàn không thể tách rời công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, không thể tách rời cuộc đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong đời sống kinh tế và xã hội.**

Như trên đã nói, năng suất lao động xã hội phụ thuộc vào phương thức sản xuất của xã hội. Chủ nghĩa xã hội, với tính ưu việt của nó, tạo điều kiện khách quan rất thuận lợi cho việc không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội. Ngược lại, sự tồn tại của các hình thức sở hữu tư bản chủ nghĩa, phong kiến và cả của nông dân và thợ thủ công cá thể không khỏi hạn chế sự phát triển của năng suất lao động xã hội. Bởi vậy, phải khẩn trương **xúc tiến công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa** *gắn với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, với việc tổ chức lại sản xuất theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, như Đảng đã nhiều lần nhấn mạnh trong các nghị quyết của mình.*

Sự tồn tại ở mức độ tương đối nghiêm trọng những hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong đời sống kinh tế và xã hội cũng gây trở ngại không nhỏ cho cuộc phấn đấu tăng năng suất lao động xã hội. Thật vậy, làm sao mà người ta có thể phấn khởi lao động khi những bọn ăn cắp, những kẻ làm ăn phi pháp lại được sống phè phỡn mà không bị trừng phạt trong khi những người lao động chân chính, những người

Digitized by Google

làm ăn lương thiện cảm thấy mình bị thiệt thòi do chính bọn chúng gây nên? Bởi vậy, chỉ có kiên quyết trừng trị bọn người xấu xa đó, khắc phục những hành động tiêu cực, hư hỏng trong đời sống kinh tế và xã hội, xóa bỏ sự bất công đó trong việc phân phối những thành quả lao động, thì mới có thể cổ vũ mọi người hăng hái lao động, phát triển sản xuất và tăng năng suất lao động không ngừng.

★

DO tầm quan trọng to lớn của nó, cuộc phấn đấu tăng năng suất lao động xã hội **phải là sự nghiệp của toàn Đảng, của toàn thể bộ máy Nhà nước xã hội chủ nghĩa, và của tất cả các tầng lớp nhân dân lao động nước ta.**

Năng suất lao động xã hội cao là dấu hiệu chủ yếu và là kết quả tổng hợp của mọi hoạt động lãnh đạo kinh tế của Đảng, là một trong những chỉ tiêu chủ yếu thuộc về chất lượng của kế hoạch Nhà nước — cương lĩnh thứ hai của Đảng. Bởi vậy, toàn thể cán bộ, đảng viên ta, tất cả các cấp ủy Đảng đều phải tập trung sự chú ý của mình vào việc lãnh đạo nhân dân và cùng với nhân dân phấn đấu thực hiện nhiệm vụ cao cả này.

Cán bộ, đảng viên chúng ta phải ra sức học tập, nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế, giữ vững kỷ luật lao động, kiên quyết bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, đi tiên phong và làm gương mẫu cho quần chúng trong cuộc phấn đấu vĩ đại nhằm nâng cao năng suất lao động xã hội.

Đồng chí Lê-Duẩn nói: « Đảng viên nhất thiết phải là người gương mẫu, đi đầu trong sản xuất, chiến đấu và công tác, phải là người lao động quên mình và lao động giỏi » (5)... « Đảng viên phải tiêu biểu cho con người mới xã hội chủ nghĩa, con người làm chủ tập thể. Tính chất

---

(5) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 672.

Digitized by Google

tiên phong cách mạng của Đảng không cho phép đưa vào Đảng hoặc để ở trong Đảng những người không cách mạng, những người có thái độ bàng quan, thờ ơ, thụ động trước cuộc chiến đấu quyết liệt của toàn Đảng và toàn dân, những kẻ đầu cơ, trục lợi, muốn vào Đảng để tìm kiếm « đặc quyền, đặc lợi », lợi dụng danh nghĩa đảng viên trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền để mưu lợi cho cá nhân, những người sợ gian khổ, hy sinh, trốn trách nhiệm, không tôn trọng kỷ luật và vi phạm pháp luật Nhà nước » (6).

Các cơ quan Nhà nước phải ra sức cải tiến quản lý kinh tế, sử dụng mọi biện pháp trong quyền hạn và chức năng của mình, kiên quyết thi hành pháp chế xã hội chủ nghĩa, có những chính sách kinh tế đúng đắn, nhất là chính sách phân phối xã hội chủ nghĩa, để tạo điều kiện thuận lợi cho đông đảo quần chúng lao động phát triển sản xuất và tăng năng suất lao động.

Sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, rốt cuộc đều phải hướng vào mục tiêu : **phát động và đẩy mạnh phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng, phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu chủ yếu là tăng năng suất lao động xã hội,** *đưa sự nghiệp phát triển kinh tế của nước ta tiến lên mạnh mẽ.*

Mỗi người lao động nước ta cần phải nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, học tập để nâng cao trình độ nghề nghiệp, luôn luôn giữ vững kỷ luật lao động, ra sức thi đua tăng năng suất lao động cá nhân và thực hành tiết kiệm, tích cực đóng góp vào việc cải tiến công tác quản lý của đơn vị mình công tác, từ đó góp phần vào việc tăng năng suất lao động của đơn vị và của toàn xã hội. Đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh chống những hành động chây lười, vô kỷ luật, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) đã đề ra nhiệm vụ :

« Phát động phong trào cách mạng của quần chúng, tiến hành cuộc vận động tăng năng suất lao động, kết hợp với thực hành tiết kiệm,

---

(6) Sách đã dẫn, trang 673.

Digitized by Google

ra sức xây dựng nền nếp quản lý mới, tác phong lao động và nếp sống mới, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong tất cả các đơn vị cơ sở, các ngành và các địa phương, trong các tổ chức của Đảng, của Nhà nước, của các đoàn thể nhân dân, của quân đội và trong xã hội».

Chấp hành Nghị quyết của Trung ương Đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hãy dấy lên một phong trào thi đua sôi nổi, vừa xây dựng cái tốt, vừa đấu tranh chống cái xấu, nhằm thực hiện toàn diện những mục tiêu của phong trào thi đua mà Đảng đã đề ra, trước hết và chủ yếu là tăng năng suất lao động xã hội, từ đó mà đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta tiến lên những bước mới.

Digitized by Google

TỔ CHỨC, ĐỘNG VIÊN THANH NIÊN CẢ NƯỚC tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận sản xuất nông nghiệp

ĐẶNG-QUỐC-BẢO

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh

TẬP trung cao độ lực lượng của cả nước, phấn đấu tạo ra một bước phát triển vượt bậc trong nông nghiệp là nhiệm vụ kinh tế quan trọng hàng đầu trong những năm sắp tới của toàn Đảng, toàn dân ta. Là lực lượng xung kích cách mạng, là người làm chủ tiền đồ rạng rỡ của Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và thế hệ trẻ cả nước có vinh dự lớn lao và trách nhiệm nặng nề trong việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp mà Đảng đã vạch ra. Đoàn thanh niên nhận thức rõ ràng, cuộc tiến quân vĩ đại đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng nông thôn mới và con người mới xã hội chủ nghĩa là ngày hội cách mạng làm chủ tập thể của quần chúng, trong đó có Đoàn thanh niên và thế hệ trẻ nước ta. Đây là thời cơ lớn cho thế hệ trẻ cả nước phát huy mạnh mẽ tiềm năng cách mạng của mình, cống hiến nhiều nhất cho chủ nghĩa xã hội, cho tiền đồ rạng rỡ của Tổ quốc và cho hạnh phúc của nhân dân. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để tổ chức, giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện thế hệ trẻ, nhất là thế hệ trẻ ở nông thôn, làm cho thế hệ trẻ phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của mình, phấn đấu thực hiện một cách tốt nhất khẩu hiệu: « Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại ».

*

Để quán triệt yêu cầu phát triển nông nghiệp trong giai đoạn mới, trước hết **cần tiến hành giáo dục sâu rộng và liên tục trong cán bộ, đoàn viên, thanh niên những vấn đề cơ bản nêu trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng.**

Digitized by Google

Bằng nhiều hình thức tuyên truyền, học tập, sinh hoạt chính trị hấp dẫn, phù hợp với đặc điểm tuổi trẻ, cần làm cho đoàn viên và thanh niên nhận thức rõ vị trí quan trọng của nông nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nắm vững phương hướng, chủ trương, biện pháp phát triển nông nghiệp của Đảng, các chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước và chương trình hành động 10 điểm của Đoàn, để trên cơ sở đó, cụ thể hóa thành chương trình hành động của mỗi đơn vị, mỗi cá nhân.

Công tác tuyên truyền, giáo dục này gắn chặt với việc học tập Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, và được tiến hành trong tất cả các đối tượng thanh niên, làm cho thanh niên ở mọi ngành, mọi lĩnh vực nhận thức rõ nhiệm vụ cụ thể của mình đối với công cuộc phát triển nông nghiệp.

Là bộ phận đông đảo nhất của thanh niên hiện nay, thanh niên nông dân cần có ý thức giác ngộ đầy đủ về vai trò, vị trí của mình để thật sự là lực lượng nòng cốt xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đi đầu thực hiện ba cuộc cách mạng ở nông thôn.

Thanh niên công nhân, nhất là thanh niên ở những ngành, những xí nghiệp trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, thông qua việc thực hiện đầy đủ, chủ động và sáng tạo trách nhiệm chi viện cho nông dân, đáp ứng tốt mọi yêu cầu của sản xuất nông nghiệp mà góp phần củng cố liên minh công nông, gắn liền công nghiệp với nông nghiệp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp theo yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Thanh niên trong các ngành nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cần hướng trí tuệ sáng tạo của mình vào việc nghiên cứu các vấn đề phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới như: cơ khí hóa nông nghiệp, giống cây trồng và gia súc, các biện pháp kỹ thuật canh tác, giao thông nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, v.v... Song song với quá trình nghiên cứu và thực nghiệm, cần nhanh chóng giúp đỡ nông dân ứng dụng có kết quả các công cụ mới, giống mới, các biện pháp kỹ thuật canh tác mới, góp phần đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp.

Thanh niên trong các lực lượng vũ trang, ngoài việc trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp theo kế hoạch của đơn vị, cần tích cực chi viện cho thanh niên và nhân dân ở địa phương nơi mình đóng quân, nhất là chi viện về sức lao động và kỹ thuật để giúp địa phương xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hoặc giải quyết những nhu cầu đột xuất (như thời vụ khẩn trương, thiên tai, bão lụt...).

Thanh niên học sinh, ngoài việc bảo đảm tốt học tập, cần chú trọng tham gia lao động và hoạt động xã hội với ý thức tích cực phục vụ sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, chuẩn bị đáp ứng mọi yêu cầu của công cuộc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn trong tương lai.

Có làm thấu suốt tư tưởng các nghị quyết của Đảng, Đoàn thanh niên mới có thể tạo nên sự chuyển biến trong nhận thức tư tưởng của thế hệ trẻ theo các yêu cầu nói trên; mới hoàn thành được trách nhiệm là người giúp Đảng đưa tư tưởng của Đảng vào quảng đại quần chúng trẻ tuổi, trên cơ sở đó tạo ra sức mạnh làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của hơn 10 triệu đoàn viên và thanh niên, dấy lên cao trào lao động xung kích và sáng tạo của thế hệ trẻ trên mặt trận sản xuất nông nghiệp.

★

Digitized by Google

Đi đôi với việc giáo dục nâng cao nhận thức, chúng ta cần có kế hoạch và biện pháp động viên thanh niên tiến lên hàng đầu trên mặt trận sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, con người mới.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã chỉ rõ: « Dựa vào các chi bộ và đảng bộ cơ sở, các đoàn thể quần chúng như Nông hội, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Công đoàn, các tổ chức kinh tế cơ sở, huy động tốt các cơ quan tuyên truyền của Đảng và Nhà nước..., phát động phong trào cách mạng liên tục của nông dân lao động và các tầng lớp nhân dân đi vào công cuộc cải tạo và xây dựng nông nghiệp, phục vụ nông nghiệp với khí thế hào hùng của những người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh các phong trào thâm canh, tăng vụ, làm thủy lợi, làm phân bón, khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới, tiến quân vào khoa học kỹ thuật, hăng hái gia nhập hợp tác xã, v.v... ».

Quán triệt phương hướng nói trên của Đảng, Đoàn sẽ động viên lực lượng thanh niên cả nước tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận sản xuất nông nghiệp, tập trung trên các mặt chủ yếu sau đây: thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng và chăn nuôi; khai hoang, mở rộng diện tích canh tác, hợp tác hóa và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện; xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp; và xây dựng nông thôn mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng và chăn nuôi là một phương hướng cơ bản để phát triển nông nghiệp nước ta hiện nay.

Là những người có sức khỏe, có nhiệt tình, có trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật, thanh niên phải là lực lượng mũi nhọn đi vào thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng và chăn nuôi, trong đó các khâu trọng yếu nhất là: nước, phân, giống và quy trình canh tác theo kỹ thuật mới thích hợp với từng cây, từng con.

Thanh niên phải đi đầu trong công tác thủy lợi, kiên thiết đồng ruộng, phấn đấu chủ động được nguồn nước, làm cho tất cả diện tích canh tác lúa và màu không bị thiếu nước mỗi khi hạn và không bị lũ lụt mỗi khi mưa lớn. Hiện nay phong trào làm thủy lợi đang phát triển mạnh mẽ. Các cách làm như « công trình tuổi trẻ sông Nghèn » ở Nghệ-tĩnh, các công trình Quảng-châu, sông Lý ở Thanh-hóa, các công trình ở đồng bằng sông Cửu-long, thành phố Hồ-Chí-Minh,... đã cho nhiều kinh nghiệm. Chúng ta cần phát huy những kinh nghiệm đã có, nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế và kỹ thuật của các công trình, sớm hoàn chỉnh mạng lưới thủy lợi và thủy nông trong cả nước, trước hết ở các vùng chuyên canh lớn.

Muốn thâm canh tăng năng suất cây trồng, phải ra sức tăng nguồn phân và chất lượng phân bón. Cơ cấu nguồn phân bao gồm cả phân hữu cơ và phân vô cơ, song trong tình hình nước ta hiện nay, phải đặc biệt chú ý khai thác các nguồn phân hữu cơ và thông qua kỹ thuật chế biến để nâng cao chất lượng phân bón. Chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào thanh niên làm phân, chế biến phân, góp phần phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu 9 — 10 tấn phân chuồng cho 1 héc-ta gieo trồng. Các hình thức « chiến dịch 1 triệu tấn bèo dâu » ở Nghệ-tĩnh, « chiến dịch 1 triệu tấn phân bón » ở Hà-nam-ninh, « đội chế biến phân » ở nhiều nơi khác cần được khuyến khích phát triển mạnh mẽ.

Về giống, thanh niên quyết tâm phấn đấu từng bước làm chủ bộ giống cây trồng và con gia súc thích hợp với từng vùng chuyên canh ở nước ta. Lai tạo giống để có giống mới năng suất cao, xử lý giống để bảo đảm

Digitized by Google

độ thuần chủng của giống, và thực hiện đúng kỹ thuật canh tác của từng giống cây, con là những vấn đề quan trọng, thanh niên phải tập trung nghiên cứu, học tập và thực hành thuần thục. « Đội chuyên giống » là một hình thức hoạt động hấp dẫn thanh niên cần được duy trì và mở rộng.

Muốn áp dụng một cách chủ động và có kết quả các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến, thanh niên phải say mê học tập, thấu hiểu các giai đoạn sinh trưởng, phát dục của từng loại cây, loại con, nắm vững các biện pháp kỹ thuật canh tác, nuôi dưỡng thích hợp. Trước đây, thông qua các hình thức « tập huấn kỹ thuật », « tổ kỹ thuật trẻ », « trường đoàn văn hóa — kỹ thuật », « trường vừa làm vừa học », « hội thi tài »,... thanh niên miền Bắc đã góp phần đẩy nhanh quá trình đưa kiến thức và thao tác kỹ thuật vào sản xuất. Ngày nay, trong điều kiện mới, Đoàn cần có nhiều hình thức và biện pháp tiếp tục động viên thanh niên cả nước làm tốt công tác này.

Đi đôi với thâm canh, tăng năng suất, phải phấn đấu tăng vụ để tăng sản lượng lương thực, thực phẩm. Nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta cho phép chúng ta tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, có thể nâng hệ số sử dụng ruộng đất lên 2 và trên 2 lần. Muốn vậy, thanh niên phải tích cực thực hiện các biện pháp luân canh theo công thức thích hợp với từng cánh đồng. Hiện nay việc mở rộng diện tích vụ đông đang là một mục tiêu hành động của thanh niên miền Bắc, và tăng vụ (trước hết là từ 1 vụ lúa thành 2 vụ lúa, hoặc 1 lúa + 1 màu) là một mục tiêu hành động của thanh niên miền Nam.

Muốn thực hiện thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, chúng ta phải đẩy mạnh chăn nuôi, đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính, theo hướng kết hợp đẩy mạnh chăn nuôi gia đình với chăn nuôi tập thể và quốc doanh, kết hợp chăn nuôi gia súc và gia cầm, kết hợp các vùng chăn nuôi lớn và chăn nuôi cá thể, và lấy huyện làm địa bàn để cân đối chăn nuôi và trồng trọt. Thanh niên cần góp phần xứng đáng phấn đấu đạt cho được mục tiêu 3 — 4 con lợn trên 1 héc-ta gieo trồng. Các hình thức đã có như « ô lợn tăng sản », « đàn lợn 100 con — 100 cân »,... cần được triển khai mạnh mẽ.

Thông qua phong trào thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng và chăn nuôi, chúng ta phải quy tụ được sức mạnh của thanh niên, ra sức phấn đấu để đến năm 1980 cùng với toàn dân thực hiện được chỉ tiêu 21 triệu tấn lương thực, 16,5 triệu con lợn, 1 triệu tấn thịt hơi, trên 1 triệu tấn cá...

Khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp là một yêu cầu cơ bản và cấp bách của công cuộc phát triển nông nghiệp ở nước ta hiện nay, một nước có diện tích canh tác bình quân đầu người thấp trong khi nhịp độ tăng dân số lại nhanh. Đây cũng là một mặt trận nóng bỏng mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang đòi hỏi rất nhiều ở thanh niên. Thanh niên cần tiến quân vào mặt trận này theo đội hình lớn, với khí thế hào hùng như đi đánh Mỹ và thắng Mỹ. Tình cảm « hiến dâng tuổi trẻ cho sự giàu đẹp của Tổ quốc », « ở đâu cũng là quê hương xã hội chủ nghĩa » đang là ngọn lửa cách mạng thúc giục thanh niên lên đường đi mở mang các vùng kinh tế mới. Qua bốn nghìn năm lịch sử, biết bao thế hệ đi trước, bằng lao động cần cù, dũng cảm và sáng tạo đã để lại cho chúng ta trên 5 triệu héc-ta đất canh tác. Ngày nay thanh niên phải cùng toàn dân ra sức phấn đấu để trong vòng trên dưới 10 năm tới tạo ra thêm 5 triệu héc-ta đất canh tác (trước mắt từ nay đến năm 1980 phục hóa 50 vạn héc-ta

Digitized by Google

và khai hoang thêm 1 triệu héc-ta). Tiếp tục truyền thống «3 sẵn sàng», «5 xung phong», «thanh niên quyết thắng» trong giai đoạn chống Mỹ, cứu nước, bằng các lực lượng «thanh niên xung phong», «thanh niên tình nguyện», thanh niên quân đội vừa bảo vệ Tổ quốc, vừa xây dựng kinh tế, tuổi trẻ nước ta quyết góp phần xứng đáng cho thắng lợi của sự nghiệp vĩ đại và vẻ vang này.

Hình thức «thanh niên xung phong» chủ yếu được áp dụng ở các tỉnh miền Nam. Thanh niên xung phong là một tổ chức kinh tế của Nhà nước, đồng thời là trường học giáo dục, rèn luyện thanh niên, đào tạo thanh niên thành những con người mới xã hội chủ nghĩa. Mỗi đơn vị thanh niên xung phong phải mang đầy đủ tính chất của một đơn vị kinh tế cơ sở, một tế bào của xã hội mới, và là trường học giáo dục, rèn luyện thanh niên về ba cuộc cách mạng, về chủ nghĩa xã hội. Để động viên đông đảo thanh niên tham gia các đội thanh niên xung phong, chúng ta phải giải quyết một loạt vấn đề, trong đó có vấn đề chính sách và chế độ tổ chức hợp lý nhằm bảo đảm quyền lợi chính trị cũng như đời sống vật chất, tinh thần của thanh niên, tạo điều kiện cho hàng chục vạn thanh niên chiến đấu trên mặt trận này trưởng thành về mọi mặt: sức khỏe, văn hóa, tay nghề, kỹ thuật, trình độ tổ chức và giác ngộ chính trị.

Cùng với lực lượng thanh niên xung phong, chúng ta sẽ phát động mạnh mẽ hơn nữa phong trào «thanh niên tình nguyện» đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Thanh niên tình nguyện là một hình thức tập hợp, tổ chức thanh niên, nhất là thanh niên ở các tỉnh, thành phố, thị trấn và các vùng nông thôn có mật độ dân số quá cao, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy tinh thần «đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên», hăng hái đi đến những nơi khó khăn, gian khổ, chuẩn bị địa bàn, tạo tiền đề vật chất cần thiết để đưa dân lên lập các khu kinh tế mới, phát triển sản xuất nông nghiệp, khai thác rừng và đẩy mạnh chăn nuôi.

Một lực lượng quan trọng tham gia khai hoang là thanh niên trong quân đội. Vừa bảo vệ Tổ quốc, vừa xây dựng kinh tế là nhiệm vụ của mỗi thanh niên, mỗi tổ chức cơ sở Đoàn trong quân đội. Có thể nói, nếu thanh niên nói chung là lực lượng xung kích, đi đầu trên mặt trận khai hoang, thì thanh niên trong quân đội là lực lượng xung kích đi tới những nơi khó khăn, gian khổ nhất, chứng minh một cách hùng hồn sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ khi được giác ngộ và được tổ chức chặt chẽ. Do đó, phải thường xuyên động viên thanh niên thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự, đồng thời nhanh chóng tạo ra những tiền đề chính trị, kinh tế và xã hội để thanh niên quân đội tham gia xây dựng kinh tế đạt hiệu quả cao.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn là bước đi quan trọng đưa nông nghiệp nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và đưa nông dân cả thể thành nông dân tập thể. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, nội dung trọng yếu của cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất ở nông thôn nước ta là tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện.

Là những người sinh ra và lớn lên trong thời đại mới, ít bị nếp sống tư hữu, bảo thủ ràng buộc, lại nhạy cảm với cái mới, ưa thích đời sống tập thể, thanh niên có điều kiện làm tròn nhiệm vụ xung kích trong công tác này. Tuy nhiên, do có sự phát triển khác nhau giữa hai miền của đất nước cho nên nội dung, bước đi của cuộc vận động này ở hai miền có chỗ khác

Digitized by Google

nhau, và do đó hoạt động của thanh niên ở hai miền cũng không hoàn toàn giống nhau.

Ở các tỉnh miền Nam, đặc biệt là ở vùng đồng bằng sông Cửu-long, vấn đề cấp bách hiện nay là phải nhanh chóng xây dựng các tập đoàn sản xuất và tiến lên xây dựng các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nhằm vừa tạo ra quan hệ sản xuất mới, vừa xây dựng lực lượng sản xuất mới, từng bước tiến lên xây dựng cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp trên địa bàn huyện.

Yêu cầu cụ thể đối với các tổ chức Đoàn ở miền Nam là phải cố gắng phấn đấu, bằng nhiều hình thức thích hợp, đưa 100% thanh niên đi vào làm ăn tập thể, phát huy tác dụng lôi cuốn gia đình; đồng thời chủ động tham gia vào việc phân công lại lao động theo hướng đưa thanh niên vào làm lực lượng nòng cốt trong cách mạng kỹ thuật và tích cực tham gia quản lý kinh tế, đáp ứng yêu cầu của cách làm ăn mới.

Ở các tỉnh miền Bắc, các tổ chức Đoàn phải góp sức phấn đấu nhanh chóng đưa các hợp tác xã yếu kém tiến lên khá; đặc biệt, phải động viên thanh niên hăng hái đi đầu trong công tác tổ chức lại sản xuất, phân bố lại lao động trên địa bàn huyện.

Trước đây, thanh niên miền Bắc đã đi đầu gia nhập hợp tác xã và là lực lượng xung kích củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Với những kinh nghiệm đã có, thanh niên cả nước quyết vươn lên làm tròn trách nhiệm của mình, góp phần nhanh chóng tạo nên bước tiến mới trong nông nghiệp và bộ mặt mới của nông thôn, nhất là của nông thôn các vùng mới giải phóng.

Sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh hay chậm là tùy thuộc vào quá trình **xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp**. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của nông nghiệp bao gồm hệ thống thủy lợi, các cơ sở phân bón, giống cây và con, hệ thống chế biến thức ăn gia súc, hệ thống trạm, trại cung ứng vật tư nông nghiệp, kho tàng, sân bãi, phương tiện giao thông, các trạm cung ứng năng lượng, và đặc biệt là các công cụ cơ giới hóa nông nghiệp.

Vì vậy, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp không phải chỉ là nhiệm vụ của nông dân, của thế hệ trẻ ở nông thôn, mà là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp công nhân và trí thức xã hội chủ nghĩa. Các cấp bộ Đoàn cần tùy theo lĩnh vực công tác của mình, tổ chức, động viên thanh niên ra sức phấn đấu, góp phần tăng cường các cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp. Riêng các tổ chức Đoàn ở nông thôn, cần thông qua hình thức đảm nhận các « công trình thanh niên », động viên thanh niên nêu cao ý thức làm chủ tập thể, phát huy mạnh mẽ vai trò lao động xung kích, sáng tạo, đi đầu xây dựng các cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp. Các phong trào làm thủy lợi, cải tạo, kiến thiết đồng ruộng, hoàn chỉnh các hệ thống kênh rạch, mương máng, xây dựng các trạm chế biến phân, các chuồng trại chăn nuôi, cải tạo các ao hồ thả cá, xây dựng các kho tàng, đường giao thông,... nhất thiết phải trở thành phong trào cách mạng sôi nổi, liên tục, thu hút mọi tầng lớp thanh niên.

Đi đôi với việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp, phát triển nông nghiệp toàn diện, phải ra sức **xây dựng nông thôn mới và con người mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.**

Xây dựng nông thôn mới và cuộc sống mới ở nông thôn là xây dựng cơ sở kinh tế, cơ sở chính trị và cơ sở văn hóa, xã hội của nông thôn mới. Cơ sở kinh tế của nông thôn mới ở nước ta là nền nông nghiệp hợp tác hóa phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Biểu hiện cụ

Digitized by Google

thể của cơ sở kinh tế ấy là cơ cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện. Cơ sở chính trị của nông thôn mới ở nước ta là liên minh công nông làm chủ tập thể ngày càng được củng cố và phát triển ở một trình độ mới, cao hơn, trên mọi mặt kinh tế, chính trị, tư tưởng và văn hóa, xã hội. Cơ cấu đó bao gồm Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, và quần chúng làm chủ bằng Nhà nước và các đoàn thể quần chúng của mình. Cơ sở văn hóa, xã hội của nông thôn mới là hệ thống các cơ sở văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, văn nghệ, y tế.

Thanh niên phải tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận này, góp phần tích cực tạo ra cơ sở kinh tế mới, hoàn thiện cơ sở chính trị mới, và xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội mới ở nông thôn. Đặc biệt, thanh niên phải là lực lượng nòng cốt xây dựng các cơ sở văn hóa, xã hội, bao gồm khu văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, công trình vui chơi giải trí, và các công trình phúc lợi công cộng khác. Đồng thời, thông qua hình thức « đội thanh niên kiểm tra », thanh niên cần tích cực và kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, thiếu lành mạnh trong đời sống xã hội, xây dựng một cuộc sống mới vui tươi, lành mạnh ở nông thôn. Thanh niên quyết xứng đáng là người mang ánh sáng văn hóa mới của Đảng, cuộc sống văn minh, lành mạnh vào nông thôn, từng bước khắc phục những biểu hiện tiêu cực, đẩy lùi nếp sống cũ lạc hậu, và quét sạch những ảnh hưởng của lối sống thực dân mới trong các vùng nông thôn miền Nam.

Chính thông qua quá trình đấu tranh xây dựng cơ sở kinh tế, chính trị và văn hóa, xã hội mới ở nông thôn, thế hệ thanh niên mới làm chủ nông thôn mới, lao động sáng tạo và phát triển toàn diện theo mẫu hình của giai cấp công nhân sẽ hình thành. Thế hệ trẻ ở nông thôn, cũng như thế hệ trẻ trong cả nước, cần nhận thức đầy đủ vấn đề đó để chủ động tu dưỡng, rèn luyện, không ngừng phấn đấu vươn lên, xứng đáng là người chủ tương lai của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

★

Quá trình phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ nói trên cũng là quá trình tổ chức lực lượng trẻ ở nông thôn, hình thành đội quân lao động xung kích, sáng tạo ở nông thôn, và tạo điều kiện về tổ chức để giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, thế hệ trẻ ở nông thôn được tổ chức vào bốn hệ thống lớn. **Hệ thống tổ chức của thế hệ trẻ** bao gồm Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Đội thiếu niên tiền phong Hồ-Chí-Minh, Đội nhi đồng Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp thanh niên Việt-nam và các hình thức tập hợp khác. Hệ thống này cần được tích cực củng cố, mở rộng ở miền Bắc và được khẩn trương xây dựng ở miền Nam. Các tổ chức Đoàn ở miền Nam cần có kế hoạch và biện pháp tích cực giáo dục, bồi dưỡng thanh niên, thiếu niên, kết nạp những thanh niên, thiếu niên đủ tiêu chuẩn vào Đoàn, Đội; đồng thời tăng cường đoàn kết, tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp thanh niên, thiếu niên, chống tư tưởng hẹp hòi, thành kiến. **Hệ thống kinh tế** ở nông thôn bao gồm các đội hình lao động sản xuất như: các đội sản xuất cơ bản, các đội chuyên khâu, chuyên ngành, hoặc các tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất,... Hệ thống này tiến tới thu hút 100% thanh niên đến tuổi lao động tham gia lao động, lao động với tinh thần làm chủ, xung kích và sáng tạo. **Hệ thống giáo dục văn hóa, khoa học kỹ thuật** (bao gồm hệ giáo dục phổ thông, hệ bổ túc văn hóa, trường vừa làm vừa

Digitized by Google

học, các trạm trại kỹ thuật,...) đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ. Thế hệ trẻ từ khi sinh ra đến khi bước vào đội ngũ lao động và trong quá trình lao động, thông qua hệ thống này, được bồi dưỡng, rèn luyện trở thành những con người phát triển toàn diện. **Hệ thống bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội** bao gồm quân đội, công an nhân dân, dân quân tự vệ và các hội quần chúng ủng hộ lực lượng vũ trang. Hệ thống này bảo đảm cho thế hệ trẻ ở nông thôn thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi bảo vệ Tổ quốc của mình.

Bốn hệ thống đó kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo điều kiện để thế hệ trẻ phát huy mạnh mẽ vai trò là lực lượng xung kích trong ba cuộc cách mạng và là đội hậu bị đáng tin cậy của Đảng. Các cấp bộ Đoàn, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng, cần chủ động và tích cực phối hợp với các cơ quan chuyên trách của Nhà nước, tổ chức thật tốt thế hệ trẻ ở nông thôn, đặc biệt là ở nông thôn miền Nam, đi nhanh vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, phấn đấu cho lý tưởng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tổ chức, động viên thanh niên tiến lên hàng đầu trên mặt trận sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ có những thuận lợi cơ bản và cũng có nhiều khó khăn. Song với phương hướng và các biện pháp nói trên, thế hệ trẻ cả nước đoàn kết chung quanh đội tiền phong chiến đấu của mình là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, được sự lãnh đạo của Đảng quang vinh, nhất định sẽ phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, lao động xung kích, sáng tạo, góp phần tích cực cùng với toàn Đảng, toàn dân tạo ra một bước phát triển vượt bậc trong nông nghiệp theo tinh thần các nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 và lần thứ 3 của Trung ương Đảng.

Digitized by Google

XÂY DỰNG CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG – CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN

ĐOÀN-TRỌNG-TRUYẾN

THỰC hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng, vừa qua Bộ chính trị đã có chỉ thị về việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện; tiếp theo đó Hội đồng Chính phủ đã ra nghị quyết về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền Nhà nước cấp huyện trên lĩnh vực quản lý kinh tế. Đó là những chỉ thị nhằm thực hiện chủ trương « xây dựng huyện vững mạnh, thật sự trở thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp; lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất một cách cụ thể và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể, công nhân với nông dân. Xây dựng chính quyền cấp huyện thành một cấp Nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách, một cấp quản lý sản xuất, quản lý lưu thông và đời sống ở huyện » (1).

Xây dựng kinh tế huyện và tăng cường cấp huyện là một bộ phận quan trọng của đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, là một cách giải quyết sáng tạo của Đảng ta đối với vấn đề phát triển của đất nước, nhằm đưa nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

I – QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ NƯỚC TA ĐI LÊN SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐÒI HỎI PHẢI LẤY HUYỆN LÀM ĐƠN VỊ KINH TẾ NÔNG – CÔNG NGHIỆP

1 – Sau năm 1960, công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc nước ta đã giành được thắng lợi có tính chất quyết định. Khi mới thành lập, hầu hết các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đều có quy mô nhỏ, kỹ thuật canh tác thô sơ, tổ chức sản xuất còn mang nhiều tính chất sản xuất nhỏ. Trong gần 20 năm qua, mặc dù bị

(1) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 63.

Digitized by Google

chiến tranh tàn phá nặng nề, nền nông nghiệp của ta vẫn được giữ vững và phát triển, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông thôn vẫn được củng cố, lực lượng sản xuất trong nông nghiệp vẫn không ngừng phát triển. Quy mô các hợp tác xã lớn dần lên; hệ thống thủy nông ngày càng được mở rộng và hoàn chỉnh; việc sử dụng máy móc, vật tư, năng lượng trong các hợp tác xã ngày càng nhiều, khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp ngày càng tiến bộ. Các ngành công nghiệp (năng lượng, cơ khí, hóa chất, vật liệu xây dựng...) cũng như những ngành vận tải, chế biến nông sản, thu mua, xuất khẩu v.v... càng ngày càng phát triển và cung ứng nhiều tư liệu sản xuất, phục vụ ngày càng nhiều cho nông nghiệp, gắn với nông nghiệp trên những vùng rộng lớn cho đến ở từng đơn vị sản xuất (hợp tác xã, nông trường, lâm trường...). Quá trình sản xuất và tái sản xuất của nền nông nghiệp và của các ngành công nghiệp nói chung cũng như của các đơn vị sản xuất nói riêng có quan hệ qua lại ngày càng nhiều với nhau. Đồng thời mối quan hệ giữa các đơn vị kinh tế quốc doanh với các hợp tác xã cũng ngày càng phát triển.

Thế nhưng cho đến cuối những năm 1960, và đầu năm 1970, sau một thời gian khá dài tổ chức và củng cố các hợp tác xã, nội dung và hình thức tổ chức sản xuất của nông nghiệp và của các hợp tác xã vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ: quá trình phân công lao động, chuyên môn hóa trong nội bộ hợp tác xã và trên các vùng chưa phát triển; các mối quan hệ hợp tác và liên hiệp sản xuất giữa các hợp tác xã với các xí nghiệp quốc doanh rất hạn chế; quan hệ sản xuất khó được củng cố do không dựa trên cơ sở phát triển lực lượng sản xuất và tổ chức lại sản xuất theo lối mới; sự kết hợp giữa nông nghiệp với công nghiệp và các ngành kinh tế khác chưa được chặt chẽ. Tình trạng đó gây trở ngại cho việc phát triển lực lượng sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn. Muốn giải quyết mâu thuẫn đó để mở đường cho nông nghiệp đi lên, tất yếu phải tiến hành tổ chức lại nền sản xuất xã hội, tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và các ngành công nghiệp, tổ chức lại lưu thông phân phối trong xã hội để phục vụ sản xuất và đời sống. Riêng trong nông nghiệp, đó là phân công và sắp xếp lại lao động, sử dụng hợp lý ruộng đất, bố trí lại sản xuất theo hướng chuyên canh, định ra quy mô thích hợp cho các đơn vị sản xuất, tổ chức sự hợp tác và liên hiệp giữa các đơn vị sản xuất, giữa sản xuất nông nghiệp và sản xuất công nghiệp theo những hình thức khác nhau trên những vùng khác nhau. Kinh nghiệm thực tế của việc tổ chức lại sản xuất ở nhiều huyện, nhiều hợp tác xã đã chỉ ra rằng: một là, không thể giải quyết tốt những yêu cầu phát triển nông nghiệp nếu chỉ đóng khung tổ chức sản xuất nông nghiệp *trong từng hợp tác xã hoặc nông trường riêng lẻ* mà phải đặt công tác tổ chức lại sản xuất của các hợp tác xã, của từng đơn vị kinh tế trên quy mô tổ chức lớn hơn, trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân và trong khuôn khổ một vùng có vài vạn héc-ta; hai là, không thể tổ chức lại sản xuất nông nghiệp một cách có hiệu quả và phát huy vai trò chủ đạo của công nghiệp ngay từ đầu nếu không *kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp*, không tổ chức lại tất cả các ngành kinh tế, kể cả ngành lưu thông — phân phối kết hợp với nhau trên địa bàn địa phương và vùng lãnh thổ một cách hợp lý và trong một cơ cấu kinh tế có quy mô thích hợp; ba là, không thể tổ chức lại nông nghiệp tốt nếu không *kết hợp hai mặt: xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới với phát triển lực lượng sản xuất*, kết hợp hai hình thức

Digitized by Google

sở hữu quốc doanh và tập thể. Địa bàn thích hợp nhất để tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và công nghiệp kết hợp cụ thể nông nghiệp với công nghiệp, kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể, chỉ đạo cụ thể việc phát huy các tiềm năng lao động và tài nguyên thiên nhiên của một tiểu vùng chính là huyện.

2 – Trải qua quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn bằng phân công lao động và cơ giới hóa, hình thành nền kinh tế trung ương và kinh tế địa phương gắn bó trong một cơ cấu kinh tế thống nhất. Kinh tế tỉnh (xem là một cơ cấu công – nông nghiệp) là sự thể hiện của sự kết hợp và thống nhất ấy, trong đó có kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, có kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, có kỹ thuật cơ giới (từng bộ phận hiện đại) và thô sơ cải tiến, có các loại quy mô to, vừa, nhỏ, có lực lượng của Nhà nước và của nhân dân. Trong cơ cấu kinh tế tỉnh ấy, thực tiễn chỉ ra rằng *huyện là địa bàn thích hợp để tổ chức sự kết hợp và thống nhất ấy giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương* nhằm phát huy có hiệu quả nhất lực lượng mọi mặt của Nhà nước, nhất là của công nghiệp để phục vụ nông nghiệp, và ngược lại để nông nghiệp đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Huyện là địa bàn nảy sinh ra tại chỗ sự phân công và kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp và cũng là nơi gặp nhau, là bàn lề kết hợp lại giữa nông nghiệp từ đơn vị cơ sở đi lên với công nghiệp từ ngành và vùng lớn đi xuống.

Đảng ta sớm nhận thức được yêu cầu phải kết hợp nông nghiệp với công nghiệp *ngay từ đầu quá trình công nghiệp hóa*, mà không chờ cho đến khi nông nghiệp và công nghiệp đều đã có một trình độ phát triển cao, tiến lên sản xuất lớn như ở nhiều nước khác, bây giờ mới kết hợp với nhau. Chúng ta tổ chức quá trình kết hợp nông nghiệp với công nghiệp trong điều kiện nền nông nghiệp nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ, trang bị kỹ thuật chưa nhiều, trình độ tích tụ và chuyên môn hóa chưa cao. Lấy huyện làm địa bàn để kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kinh tế với quốc phòng trên cơ sở kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, phát huy đến mức cao nhất những năng lực sản xuất hiện có, phát huy tính năng động chủ quan của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đưa công nghiệp tác động vào nông nghiệp và lấy nông nghiệp làm cơ sở để phát triển công nghiệp, làm cho nông nghiệp và công nghiệp gắn bó với nhau từ đầu, kết hợp thành một cơ cấu thống nhất cùng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

3 – Để sử dụng tốt hơn sức lao động, khai thác tốt đất đai và tài nguyên của đất nước, tổ chức lại sản xuất nông – lâm nghiệp trên cả nước và trên những vùng khác nhau, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã tiến hành một bước phân vùng, quy hoạch sản xuất nông – lâm nghiệp, gắn với quy hoạch công nghiệp và các ngành khác một cách toàn diện. Quy hoạch nông – lâm nghiệp phải làm trên những vùng rộng lớn (vùng cơ bản) trên từng tỉnh, huyện, và cuối cùng phải thể hiện thành quy hoạch của đơn vị cơ sở (hợp tác xã, nông trường...). Địa bàn thích hợp để cụ thể hóa phương hướng của vùng lớn và của tỉnh, và để xác định cụ thể phương hướng của các đơn vị sản xuất cơ sở, chính là địa bàn huyện xem như «mỗi huyện là một tiểu vùng sản xuất nông, lâm nghiệp và công nghiệp trong một tỉnh...» như Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương đã chỉ rõ.

Thực tiễn chứng tỏ phải tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và xây dựng cơ cấu nông – công nghiệp và quy hoạch huyện *trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, bảo đảm sự thống*

Digitized by Google

suốt từ trung ương, các ngành, các vùng đến tận các đơn vị cơ sở. Phải căn cứ vào điều kiện của từng tiểu vùng để xây dựng những vùng chuyên canh nhỏ hay bố trí những khu vực sản xuất, quy hoạch các « cụm » cơ sở vật chất – kỹ thuật của nông – lâm – ngư – công nghiệp, đề ra phương hướng phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, các nông trường, lâm trường, các xí nghiệp quốc doanh, các hợp tác xã của các ngành công nghiệp và ngành khác, tạo thành một cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp thống nhất. Các tiểu vùng đó có thể bao gồm nhiều huyện, hay nằm trên địa bàn những huyện khác nhau, nhưng nói chung là dần dần phù hợp với địa bàn của huyện.

Nền kinh tế, các ngành, các vùng càng phát triển thì càng không thể duy trì tình trạng tự cấp, tự túc trong từng hợp tác xã hay từng vùng nhỏ hẹp được. Khi xây dựng cơ cấu kinh tế huyện, nếu không thoát khỏi tầm nhìn nhỏ hẹp ấy thì lại đi từ vòng « khép kín » hợp tác xã lên vòng « khép kín » của huyện, tức là vẫn luẩn quẩn trong vòng sản xuất nhỏ.

Trên địa bàn huyện có nhiều đơn vị kinh tế cơ sở hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân với những hình thức sở hữu khác nhau. Kinh nghiệm cho thấy không chỉ lấy huyện làm địa bàn để tổ chức lại sản xuất, mà còn để *tổ chức cuộc sống xã hội toàn diện*, bao gồm cả sản xuất, lưu thông, phân phối và đời sống, cả kinh tế, văn hóa và quốc phòng, nhằm từng bước xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ dần sự tách biệt giữa thành thị và nông thôn.

4 Vấn đề xây dựng huyện ở miền Nam cũng là một vấn đề thời sự. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chính quyền chuyên chính vô sản được thiết lập trên cả nước nắm trong tay các vị trí then chốt và phần lớn tiềm lực của nền kinh tế quốc dân. Miền Nam đã chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, theo những quy luật chung của cả nước, nhưng có những đặc điểm riêng. Nền kinh tế miền Nam trước đây tuy phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, nhưng đã có một bước phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa, nông nghiệp không còn hoàn toàn là nông nghiệp sản xuất nhỏ của chế độ phong kiến địa chủ nữa, mà đã bắt đầu có những quan hệ sản xuất và hình thức tổ chức tư bản chủ nghĩa, nằm trong khuôn khổ chung của một nền kinh tế thuộc địa kiểu mới lệ thuộc vào đế quốc Mỹ. Nông thôn miền Nam đã bị lôi cuốn vào guồng máy kinh tế tư bản chủ nghĩa. Một mặt, hệ thống ngân hàng, hệ thống thu mua của giai cấp tư sản đứng đầu là tư sản mại bản, và hoạt động của chúng đã thâm nhập khá sâu vào trong nông nghiệp. Mặt khác những sản phẩm của công nghiệp như máy móc, phân bón, xăng dầu... được sử dụng ở nhiều vùng nông thôn, làm cho nông nghiệp miền Nam mà chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu-long ra khỏi tình trạng của một nền kinh tế tự cấp tự túc, tỷ suất hàng hóa trong nông nghiệp tương đối lớn ; sản xuất nông nghiệp đã gắn với công nghiệp chế biến, thu mua, vận tải, và sự giao lưu giữa thành thị và nông thôn tương đối phát triển. Muốn đưa nông thôn miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội, tất yếu phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải tập thể hóa nông nghiệp. Dựa trên kinh nghiệm của 20 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, và xuất phát từ các đặc điểm của miền Nam, ta thấy rằng con đường đưa nông nghiệp miền Nam đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức sở hữu (tập thể và quốc doanh) nhất thiết phải là con đường kết hợp rất chặt chẽ hai mặt : xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và

Digitized by Google

xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật mới, tổ chức lại nền nông nghiệp theo nguyên tắc của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Không thể chia thành hai bước: hợp tác hóa xong, rồi sau đó mới xây dựng và tổ chức nền sản xuất lớn. Hai việc đó gắn bó mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau và có quan hệ nhân quả biện chứng. Không hợp tác hóa thì không thể tổ chức được nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nông thôn; ngược lại, không tổ chức lại sản xuất theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì cũng không thể hợp tác hóa tốt được. Cần phải xóa bỏ các quan hệ sản xuất phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cải tạo quan hệ sản xuất cá thể, nhưng không phải bằng cách phá vỡ cơ cấu tổ chức vật chất — kỹ thuật, phá bỏ những cơ sở tổ chức sản xuất lớn đã hình thành, những hình thức kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa thành thị và nông thôn đã có; mà trái lại, phải bằng các phương thức và biện pháp thích hợp và khéo léo mà thay thế cơ cấu kinh tế cũ bằng cơ cấu kinh tế mới xã hội chủ nghĩa, trong đó cần phải và nên duy trì và tăng cường những yếu tố của sản xuất lớn đã có, chuyển những yếu tố sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa thành những yếu tố của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Do vậy, nếu ở miền Bắc phải qua 10 — 15 năm sau hợp tác hóa ta mới nhận thức được yêu cầu phải tổ chức lại sản xuất từ hai mặt: đối với bản thân nông nghiệp trong đơn vị sản xuất cơ sở cũng như từ quy mô vùng, tiểu vùng, địa bàn huyện, và đối với việc kết hợp nông nghiệp với công nghiệp trên địa bàn huyện, thì ở miền Nam, yêu cầu ấy đã đặt ra ngay từ đầu của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, và ta đã nhận thức được ngay từ đầu yêu cầu ấy. Nhờ những kinh nghiệm của hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc chúng ta mới có được nhận thức như thế.

Đó là một yêu cầu khách quan nảy sinh ra từ bản thân sự phát triển của nông nghiệp ở miền Nam sau giải phóng, là sự vận dụng đúng đắn và sáng tạo những kinh nghiệm của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vào hoàn cảnh cụ thể ở miền Nam ngày nay. Kinh nghiệm đó càng được làm sáng tỏ thêm, càng có khả năng hiện thực được nhân lên gấp bội trong điều kiện nước nhà thống nhất, miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội với kho tàng kiến thức, kinh nghiệm của Đảng ta đã trải qua một quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội gần 20 năm ở miền Bắc.

Tuy hai miền có tiến trình phát triển lịch sử khác nhau và chênh lệch nhau hơn 20 năm, nhưng lúc này yêu cầu xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp lại đặt ra ở hai miền cơ bản không khác biệt nhau nhiều lắm. Vấn đề ở đây là phải tìm ra những cách làm, những bước đi, những hình thức tổ chức thích hợp xuất phát từ những điều kiện cụ thể của mỗi miền.

II — TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG — CÔNG NGHIỆP HUYỆN

1 — Kinh nghiệm nước ta và lịch sử phát triển các nước cho thấy những hình thức phong phú của sự kết hợp công nghiệp với nông nghiệp. Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp là một yêu cầu khách quan để phát triển sản xuất, để tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Mác đã nói rằng

Digitized by Google

phương pháp kinh doanh tư bản chủ nghĩa với nền sản xuất cơ khí đã « tạo ra những điều kiện vật chất cho một sự tổng hợp mới, cao hơn, nghĩa là một sự kết hợp nông nghiệp với công nghiệp trên cơ sở sự phát triển mà mỗi ngành đã đạt được trong thời kỳ hai ngành còn hoàn toàn tách rời nhau » (2). Lê-nin đã nói « nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội là nhích gần và thống nhất nông nghiệp với công nghiệp » (3). Trên phạm vi cả nước thì nền kinh tế quốc dân của ta là một cơ cấu công — nông nghiệp thống nhất. Sự kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp trên quy mô lớn đó cần được thực hiện một cách cụ thể và thấu suốt từ trên xuống dưới và cần được thể hiện cụ thể trong cơ cấu kinh tế các ngành, các vùng khác nhau, và ngay trong các đơn vị cơ sở, các tế bào của nền kinh tế quốc dân. Nền kinh tế càng phát triển thì sự kết hợp nông nghiệp với công nghiệp càng chặt chẽ và đa dạng. Sự tác động của công nghiệp vào nông nghiệp không phải chỉ đơn thuần là việc cung ứng máy móc, công cụ, vật tư cho nông nghiệp, mà có một nội dung rất cơ bản và phong phú là « công nghiệp hóa » nông nghiệp, cả về cơ sở vật chất — kỹ thuật, phương thức canh tác và phương thức quản lý. Cả hai mặt đó đều đòi hỏi phải phá vỡ vòng « khép kín » cố hữu của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp dù là hợp tác xã có quy mô 500 héc-ta hay nhiều hơn nữa.

Ta có thể xét sự kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp trên nhiều giác độ khác nhau.

Sự kết hợp đó bắt đầu ngay trong từng đơn vị sản xuất nông nghiệp, dưới hình thức sử dụng các công cụ, máy móc, phân bón, thuốc trừ sâu và cả các phương pháp canh tác và phương pháp quản lý theo kiểu công nghiệp. Tuy cơ sở vật chất — kỹ thuật nông nghiệp còn thấp, nhưng trong những năm qua, sự giúp đỡ của công nghiệp, sự giúp đỡ về nhiều mặt của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã đem lại những thay đổi rõ rệt trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Nhiều hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tiên tiến hiện nay không những không còn ở trình độ hiệp tác giản đơn nữa, mà có mặt đã vượt qua giai đoạn công trường thủ công, tổ chức sự phân công lao động trên cơ sở sử dụng những công cụ thủ công và cơ giới, vừa vận dụng những kinh nghiệm canh tác cổ truyền vừa áp dụng những thành tựu của cách mạng khoa học — kỹ thuật.

Vượt ra khỏi quy mô từng hợp tác xã và nông trường quốc doanh là sự kết hợp giữa các hợp tác xã và nông trường với các xí nghiệp công nghiệp. Sự kết hợp này là một hình thức đặc thù của sự kết hợp giữa công nghiệp với nông nghiệp, được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, trong đó có hình thức hợp tác xã hội chủ nghĩa thông qua hợp đồng kinh tế giữa các đơn vị sản xuất nông nghiệp với các xí nghiệp công nghiệp, hoặc hình thức liên doanh, hoặc thông qua hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân. Sự kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp diễn ra ở những quy mô khác nhau, trên quy mô toàn nền kinh tế quốc dân, trên quy mô từng vùng lớn và vùng nhỏ.

Một hình thức cao hơn của sự kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp là sự hình thành các liên hiệp sản xuất nông — công nghiệp hoặc công — nông nghiệp. Trong các liên hiệp sản xuất nông — công nghiệp, các đơn vị sản xuất nông nghiệp và các xí nghiệp công nghiệp trực tiếp phục vụ nông nghiệp, các xí nghiệp chế biến nông sản tập hợp lại và hình thành một tổ chức sản xuất kinh doanh thống nhất

(2) C. Mác : *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển I, tập II, trang 257.

(3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập* (tiếng Nga) tập 42, trang 15.

Digitized by Google

đặt dưới sự quản lý và điều hành của một ban giám đốc chung.

Trong điều kiện nền nông nghiệp của nước ta bắt đầu bước vào công nghiệp hóa, cần có một hình thức có tính chất phổ biến kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất và quan hệ sản xuất nhằm phát huy tốt nhất tính ưu việt của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và những yếu tố mới của công nghiệp được đưa vào sử dụng trong nông nghiệp. Hình thức kết hợp đó phải gắn bó chặt chẽ các đơn vị sản xuất nông nghiệp với các đơn vị công nghiệp trực tiếp phục vụ nông nghiệp, các đơn vị chế biến nông sản trên một địa bàn thích hợp thành một cơ cấu, nhưng trong đó quyền tự chủ trong sản xuất — kinh doanh của các đơn vị đó vẫn được tôn trọng. Cơ cấu đó một mặt khuyến khích tính chủ động sáng tạo, phát huy sức mạnh của bản thân các đơn vị sản xuất cơ sở, của giai cấp nông dân tập thể, của bản thân tổ chức nông nghiệp; mặt khác phát huy được sức mạnh tổng hợp của sự kết hợp giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa Nhà nước với nhân dân, giữa hai hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa, quốc doanh và tập thể. Hình thức kết hợp đó chính là cơ cấu nông – công nghiệp huyện.

2 – Ta có thể hình dung thế nào là cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp huyện. Đơn vị kinh tế nông – công nghiệp huyện là một hình thức tổ chức kinh tế—xã hội, trong đó ít nhất là những năm trước mắt hoạt động chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, sản phẩm chủ yếu là sản phẩm của nông nghiệp, nhưng là một loại hình nông nghiệp kết hợp ngày càng chặt chẽ với công nghiệp, xét trên ý nghĩa kinh tế quốc dân thì công nghiệp ngay từ đầu chiếm vai trò chủ đạo, nông nghiệp được công nghiệp hóa ngày càng cao, tức là tiếp nhận và sử dụng ngày càng nhiều tư liệu sản xuất từ công nghiệp, ngày càng chuyển sang phương thức canh tác và phương thức quản lý theo lối công nghiệp.

Như Bộ chính trị đã chỉ rõ : « *Kinh tế huyện* gồm nhiều đơn vị cơ sở sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, lưu thông, phân phối..., thuộc những thành phần kinh tế và ngành kinh tế khác nhau nhưng gắn bó với nhau và cùng phát triển trên địa bàn huyện, *hình thành cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp huyện*, một bộ phận của nền kinh tế quốc dân thống nhất, nằm trong cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp của một tỉnh » (4).

Việc xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp là một quá trình kéo dài nhiều năm, không thể một lúc mà thành ngay được. Quá trình đó đã bắt đầu và đang tiếp diễn. Quá trình đó phát triển từ thấp đến cao, từ thô sơ đến phức tạp, ở những trình độ khác nhau trong những vùng khác nhau. Trong khi xây dựng đơn vị kinh tế nông – công nghiệp, ta không hề có ý coi nhẹ vai trò tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trong việc phát triển công nghiệp của huyện. Nhưng khi nói vai trò chủ đạo của công nghiệp đối với nông nghiệp thì phải nói đến vai trò công nghiệp nặng, trước hết là cơ khí, và khi nói đến cơ cấu nông – công nghiệp là nói đến công nghiệp cơ khí, vì nếu không có lực lượng đó thì không thể đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được.

Trên cơ sở nông nghiệp, từ sự đòi hỏi của nông nghiệp, qua sự phân công lại lao động (chủ yếu là giữa nông nghiệp với công nghiệp) và với sự giúp đỡ của Nhà nước, sẽ hình thành trên địa bàn huyện những cơ sở công nghiệp và thủ công nghiệp, gắn bó với nông nghiệp. Đó là : công nghiệp huyện cung ứng tư liệu sản xuất và sửa chữa cơ khí cho nông

(4) Chỉ thị số 33 — CT/TƯ của Bộ chính trị Trung ương Đảng.

Digitized by Google

nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Cơ cấu nông — công nghiệp huyện có những loại hình khác nhau về kinh tế — kỹ thuật, tùy theo tài nguyên (đất, rừng, biển,...) nằm trong những vùng kinh tế khác nhau (đồng bằng, trung du, miền núi, ven biển...): huyện nông — công nghiệp, huyện nông — lâm — công nghiệp, huyện nông — ngư — công nghiệp v.v...

Đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện là tổng thể các đơn vị sản xuất nông nghiệp và công nghiệp gắn bó với nhau theo sự phân công lao động hợp lý và tạo thành một cơ cấu kinh tế mới trên địa bàn huyện, trong đó các đơn vị sản xuất cơ sở vẫn là các đơn vị sản xuất — kinh doanh hạch toán kinh tế, có tư cách pháp nhân, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương đã vạch rõ. Hình thức sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, phương thức quản lý và chế độ phân phối trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp vẫn được tôn trọng và qua việc xây dựng huyện nông — công nghiệp mà được củng cố và phát triển vững mạnh. Nhưng tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh đó giờ đây không tồn tại một cách biệt lập, rời rạc mà được gắn bó với nhau một cách chặt chẽ trong cơ cấu nông — công nghiệp huyện thông qua sự phân công, hiệp tác, liên doanh hoặc liên hiệp sản xuất theo một quy hoạch và kế hoạch thống nhất.

Như vậy, đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện là một hình thức sáng tạo tích tụ, chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp sản xuất của ta. Nó kết hợp các đơn vị sản xuất nông nghiệp mà chủ yếu là các hợp tác xã có quy mô trung bình từ 300 đến 500 ha hoặc các nông trường quốc doanh với những đơn vị sản xuất công nghiệp quy mô vừa và nhỏ trên một địa bàn thích hợp khoảng vài ba vạn ha, trong một cơ cấu chung, nhằm tạo ra một năng lực sản xuất mới mà từng đơn vị sản xuất riêng lẻ không có được. Đấy là một hình thức tổ chức sản xuất rộng hơn, cao hơn, chuyên môn hóa sâu hơn, hợp tác tốt hơn giữa các đơn vị sản xuất; nhưng đồng thời vẫn giữ được tính tự chủ của các đơn vị cơ sở phù hợp với trình độ của quan hệ sản xuất và trình độ của lực lượng sản xuất cũng như trình độ quản lý của các đơn vị đó hiện nay.

3 — *Đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện lấy cơ cấu nông — công nghiệp làm bộ trục, đồng thời phát triển toàn diện.* Đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện bao gồm cả sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng. Trong sản xuất, huyện nông — công nghiệp không phải chỉ có nông nghiệp và công nghiệp, mà các ngành khác cũng phát triển đồng bộ và toàn diện, đặc biệt là giao thông vận tải, xây dựng và các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp. Huyện nông — công nghiệp là địa bàn tổ chức lưu thông, phân phối trên cơ sở sản xuất phát triển, gắn liền sản xuất với lưu thông, phân phối và đời sống; đồng thời các khâu lưu thông, phân phối tác động tích cực trở lại đối với sản xuất và đời sống, thông qua việc thực hiện hợp đồng hai chiều mà thắt chặt hơn nữa mối quan hệ gắn bó giữa nông dân và công nhân, giữa các hợp tác xã và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Gắn chặt sản xuất với lưu thông, phân phối không phải là tạo ra một vòng «khép kín» sản xuất — lưu thông — phân phối — tiêu dùng trong huyện, mà là để tổ chức tốt hơn, hợp lý hơn sản xuất và đời sống trong một cơ cấu kinh tế, mà cơ cấu đó lại là một bộ phận hữu cơ của cả nền kinh tế quốc dân. Sự lưu thông không thể bo lại trong một thị trường chật hẹp (huyện), trái với quy luật tái sản xuất của một nền sản xuất lớn, có hại cho sự phát triển của cơ cấu kinh tế huyện và của nền kinh tế quốc dân.

Digitized by Google

Sự phân phối về hiện vật cũng như giá trị của sản phẩm và của thu nhập quốc dân tạo ra trên địa bàn huyện càng không thể chỉ bó hẹp trong cơ cấu kinh tế huyện theo kiểu « phường hội » (tự cung, tự cấp). Nền kinh tế càng phát triển và đi lên sản xuất lớn, sự phân công và chuyên môn hóa càng tiến triển thì các ngành và các vùng càng liên kết với nhau, đan vào nhau, lệ thuộc và thúc đẩy lẫn nhau như trong một cơ thể sống cao cấp. Điều đó diễn ra càng rõ ràng, sâu sắc trong hệ thống lưu thông — phân phối.

Huyện nông — công nghiệp không phải là một đơn vị đơn thuần kinh tế, mà còn là đơn vị tổ chức đời sống xã hội toàn diện của nhân dân trong huyện, một đơn vị xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục. Mức sống của nhân dân cao hay thấp về cơ bản phụ thuộc vào trình độ phát triển và năng suất của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nhưng việc tổ chức đời sống, tạo cho nhân dân có được cuộc sống no đủ về vật chất, phong phú và lành mạnh về tinh thần thì chủ yếu phải do các địa phương, mà trước hết là huyện đảm nhiệm trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch kinh tế — xã hội toàn diện. Huyện xác định các điểm dân cư, mạng lưới kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, ngay từ đầu đã gắn liền nông thôn với thành thị, cùng với từng bước phát triển của nền sản xuất mà khắc phục sự cách biệt giữa thành thị với nông thôn.

Với quy mô vài ba vạn héc-ta ruộng đất và 10 — 20 vạn dân, đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện hoàn toàn có khả năng xây dựng trong huyện một lực lượng quốc phòng vững mạnh, gắn một cách hữu cơ nhiệm vụ sản xuất với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong huyện. Quản lý đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện như vậy là một cấp chính quyền Nhà nước quản lý toàn diện, không phải là một ban giám đốc của một liên hiệp hay tổ hợp sản xuất nông — công nghiệp nào đó.

4 — Xây dựng đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện là con đường nhanh nhất để khai thác hai thế mạnh : sức lao động và đất đai, rừng, biển trên một quy mô hợp lý.

Tổ chức và phân bố lại lực lượng lao động là một nội dung cơ bản của tổ chức lại sản xuất trên quy mô toàn bộ nền kinh tế quốc dân, cũng như trong từng huyện và ở từng đơn vị cơ sở. Đứng trên địa bàn huyện mà sắp xếp, bố trí lại lực lượng lao động cũng tức là gắn việc phân công lao động trong từng hợp tác xã, từng cơ sở sản xuất với yêu cầu phân bố lại lao động trên phạm vi cả nước và trên từng vùng, theo một quy hoạch và kế hoạch chung.

Tổ chức lao động trong huyện trước hết là tận dụng sức lao động và tổ chức chuyên môn hóa và phân công lao động trong bản thân sản xuất nông nghiệp một cách hợp lý, nhất là tổ chức sự cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi nhằm khai thác một cách có kết quả đất đai và thế mạnh về nông — lâm — ngư nghiệp của các khu vực sản xuất trong huyện; trên cơ sở đó mà phân bố lại sức lao động để tổ chức các ngành nghề khác trong huyện dưới các hình thức khác nhau, theo cơ cấu kinh tế đã được xác định về phương hướng, và cân đối giữa các ngành nghề, các bộ phận của cơ cấu tổ chức. Có như vậy, mới làm cho cấp huyện có điều kiện nắm được một lực lượng lao động cơ động, điều phối được sức lao động của các đơn vị sản xuất, và cả của các cơ quan, trường học, đơn vị bộ đội trong huyện nhằm tập trung hoàn thành dứt điểm các công trình trọng điểm của huyện, hoặc tổ chức sự giúp đỡ nhau giữa các đơn vị sản xuất, nhất là trong lúc thời vụ căng thẳng, hoặc khắc phục các khó khăn, hậu

Digitized by Google

quả do thiên tai gây ra v.v... Tổ chức lại lao động trong huyện còn có nghĩa là cân đối giữa lực lượng lao động hiện có với yêu cầu sử dụng lao động trong huyện, và tùy theo từng nơi sức lao động thừa hay thiếu mà có biện pháp chuyển bớt dân cư và sức lao động đi xây dựng kinh tế ở các vùng khác, hoặc ngược lại, tiếp nhận sức lao động ở nơi khác đến.

Trong thời gian qua, nhiều huyện đã thu được những kinh nghiệm bổ ích trong việc điều hành lao động trên phạm vi toàn huyện, sử dụng lao động một cách linh hoạt và cơ động vào những nhiệm vụ trọng điểm của huyện. Về nội dung kinh tế – kỹ thuật, công tác điều hành lao động trên toàn huyện mà thực chất là tổ chức lại lao động trên quy mô huyện phải gắn liền với tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, tiến hành trên cơ sở có quy hoạch, có kế hoạch, kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật trong huyện. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể phân công lao động một cách hợp lý và ổn định, đi dần vào chuyên môn hóa và đem lại hiệu quả cao. Nếu ngược lại, huyện chỉ trực tiếp nắm được một lực lượng lao động phổ thông mà không đi vào hướng chuyên môn hóa, điều động một cách tác nghiệp, không theo kế hoạch và quy hoạch được xây dựng một cách khoa học, không tôn trọng quyền tự chủ của đơn vị cơ sở và nguyên tắc hạch toán kinh tế của hợp tác xã và xí nghiệp thì không thể đem lại hiệu quả về kinh tế và sự ổn định về tổ chức.

Tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện là trực tiếp tổ chức sự kết hợp giữa sức lao động với đất đai, tạo ra của cải; cho nên nó còn bao gồm một nội dung cơ bản là sắp xếp, bố trí lại và tận dụng đất đai theo hướng chuyên canh và thâm canh, dựa vào các điều kiện tự nhiên và thế mạnh và đất đai, rừng, biển, sông, hồ v.v... của vùng, mà xác định và ổn định phương hướng sản xuất cho huyện theo sự phân vùng, quy hoạch chung của tỉnh và khớp với sự phân vùng trong cả nước.

Trên cơ sở phương hướng sản xuất đã được xác định, huyện phải tiến hành sắp xếp lại các tư liệu sản xuất hiện có và tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật mới không những của từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường mà còn là thành hệ thống chung của cả huyện như: hệ thống thủy nông, chọn giống và cung ứng giống tốt, cơ khí chế tạo và sửa chữa, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, chế biến thức ăn gia súc, hệ thống cung ứng vật tư, nghiên cứu khoa học phục vụ nông nghiệp v.v... nhằm khai thác tốt nhất các tiềm năng trong huyện. Các năng lực sản xuất của các hợp tác xã, nông trường, lâm trường riêng lẻ, xí nghiệp quốc doanh riêng lẻ được kết hợp với nhau thành một năng lực sản xuất mới trên địa bàn huyện và do cấp huyện điều hòa, phối hợp.

III – VỊ TRÍ CỦA KINH TẾ HUYỆN TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN VÀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ MỚI CỦA CẤP HUYỆN TRONG HỆ THỐNG NHÀ NƯỚC TA

1 – Cấp huyện là trung tâm chỉ đạo tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, là cơ cấu làm chủ tập thể (chủ yếu bằng Nhà nước) và là địa bàn tổ chức, động viên phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng

Digitized by Google

lao động. Như báo cáo chính trị ở Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nói: « Nội dung của làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt: làm chủ về chính trị, kinh tế văn hóa, xã hội; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân; làm chủ trong phạm vi cả nước, trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở; ... xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa chính là xây dựng một hệ thống hoàn chỉnh các quan hệ xã hội thể hiện ngày càng đầy đủ sự làm chủ của nhân dân lao động về tất cả các mặt nói trên » (5).

Thông qua việc xây dựng đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, nội dung và phạm vi làm chủ tập thể của nhân dân lao động được nâng cao hơn và mở rộng hơn.

Xét về cơ cấu kinh tế, nông dân làm chủ tập thể trong phạm vi hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là hình thức làm chủ tập thể ở mức thấp và phạm vi hẹp. Với cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp huyện, quyền làm chủ tập thể của người nông dân lao động được mở rộng ra và nâng cao lên một bước mới. Từ làm chủ trong đơn vị hợp tác xã mở rộng ra làm chủ trong cả cơ cấu kinh tế huyện; từ làm chủ chỉ trong tổ chức nông nghiệp tiến lên làm chủ cả cơ cấu nông — công nghiệp; từ làm chủ hình thức sở hữu tập thể nâng lên làm chủ cả hình thức sở hữu toàn dân, làm cho hai hình thức sở hữu nhích lại gần nhau, thống nhất với nhau trong một cơ cấu kinh tế chung; nông dân liên minh chặt chẽ với công nhân và trí thức xã hội chủ nghĩa cùng nhau làm chủ tập thể toàn diện các mặt đời sống xã hội trên địa bàn huyện dưới hai hình thức sở hữu cơ bản. Thông qua việc xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp huyện, nông dân cùng với công nhân không những trực tiếp làm chủ trên địa bàn huyện mà còn có điều kiện và khả năng tốt hơn để làm chủ trên phạm vi cả nước. Nhân dân lao động làm chủ tập thể phát huy sức mạnh của mình thông qua hình thức tổ chức và quản lý Nhà nước, bằng các đoàn thể quần chúng và bằng hoạt động trực tiếp của mình, để phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục và phúc lợi công cộng trong huyện; từ đó mở rộng ra là làm chủ cả tư liệu sản xuất, lao động, phân phối, làm chủ cả cuộc sống mới, tức là làm chủ chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới. Biết phát huy khả năng tiềm tàng trong nhân dân thì chỉ với một sự đầu tư nhất định của Nhà nước về vật tư, về vốn ngân sách và tín dụng, cũng có thể mở mang được nhiều ngành nghề trong các hợp tác xã, hoặc xây dựng được những cơ sở chuyên làm các ngành nghề công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải v.v... góp phần đắc lực vào việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động và tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật trên địa bàn huyện. Kinh nghiệm của các huyện trọng điểm tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp đã cho thấy rằng, chọn huyện làm địa bàn phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, kết hợp cao độ sức Nhà nước với sức dân cùng làm, thì với số vốn về tài chính và vật tư không nhiều, cấp huyện cũng có thể xây dựng được các công trình kinh tế và công trình công cộng phục vụ đời sống có giá trị, mà nếu cứ để cho từng hợp tác xã thì khó có thể làm được trong một thời gian ngắn như vậy.

2 — *Đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện nằm trong hệ thống chung của nền kinh tế quốc dân*. Mỗi huyện có thể xem như là một tiểu

(5) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 51.

Digitized by Google

vùng nằm trong vùng lớn hơn của nền kinh tế quốc dân, do đó hướng phát triển của huyện phụ thuộc vào hướng phát triển của vùng lớn và toàn bộ nền kinh tế quốc dân, do quy hoạch và kế hoạch phát triển chung của Nhà nước đã quy định.

Đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện là một bộ phận cấu thành cơ bản và khăng khít của cơ cấu công — nông nghiệp tỉnh, trong đó bao gồm cả khu vực công nghiệp do trung ương quản lý, khu vực công nghiệp do tỉnh quản lý và các đơn vị nông — công nghiệp huyện.

Nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa là một tổng thể, là một cơ cấu nhiều ngành lấy cơ cấu công — nông nghiệp làm bộ trục. Các ngành kinh tế phải được phát triển một cách cân đối với nhau và phải được phân bố trên các vùng lãnh thổ và địa phương một cách hợp lý và thông suốt cho đến tận cơ sở. Do vậy, cơ cấu nông — công nghiệp huyện cũng là một cơ cấu kết hợp chặt chẽ giữa tổ chức sản xuất nhiều ngành với tổ chức sản xuất địa phương và vùng lãnh thổ; cơ cấu nông — công nghiệp huyện không thể tách rời cơ cấu các ngành.

Xét cho cùng thì bất kỳ một đơn vị kinh tế nào, dù là đơn vị cơ sở, đơn vị huyện, đơn vị tỉnh hay các đơn vị liên hiệp sản xuất ngành, đều là một bộ phận hữu cơ của toàn bộ nền kinh tế quốc dân; nó gắn bó với các bộ phận khác và với toàn bộ nền kinh tế quốc dân về nhiều mặt: sản xuất, kỹ thuật, và đặc biệt là về lưu thông, phân phối. Do đó, không có đơn vị kinh tế nào có thể hoạt động và phát triển theo kiểu «khép kín» tự cung tự cấp được. Huyện nông — công nghiệp cũng chỉ có thể phát triển trong mối quan hệ rất gắn bó với sự phát triển chung của các ngành, của cơ cấu công — nông nghiệp tỉnh và của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Việc phân cấp cho chính quyền huyện quản lý một số cơ sở sản xuất — kinh tế phải theo đúng nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và theo vùng lãnh thổ và phải phù hợp với năng lực quản lý của cấp huyện. Cần tránh khuynh hướng trung ương và tỉnh không mạnh dạn giao các cơ sở cho cấp huyện quản lý, cũng như khuynh hướng ngược lại huyện ôm đồm nhiều cơ sở, muốn cân đối theo kiểu «khép kín».

Huyện nông — công nghiệp có nhiệm vụ khai thác các khả năng trong huyện, đồng thời tiếp nhận và sử dụng sự chi viện của Nhà nước, để một mặt tổ chức tốt nhất sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện, mặt khác phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Do đó, kinh tế nông — công nghiệp huyện vừa phải bảo đảm hiệu quả cao cho từng đơn vị cơ sở riêng lẻ cũng như hiệu quả trong phạm vi huyện nói chung, lại phải bảo đảm tính thống nhất và hiệu quả cao của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cả nước chi viện cho huyện, huyện phải phục tùng lợi ích chung của cả nước.

3 — *Cấp huyện trở thành cấp Nhà nước có vị trí rất quan trọng trong việc xây dựng và quản lý đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện.* «Xây dựng huyện và cấp huyện phải đặt trong hệ thống tổ chức chính quyền hiện nay gồm 4 cấp (trung ương, tỉnh hoặc thành, huyện và xã), làm cho 4 cấp đó gắn bó và thông suốt từ trung ương đến địa phương và cơ sở» (6) Mỗi cấp trong hệ thống tổ chức Nhà nước được xác định chủ yếu căn cứ vào cơ cấu kinh tế mà cấp đó quản lý. Nền kinh tế của ta đang trong quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; vị trí, nhiệm

(6) Chỉ thị số 33—CT/TƯ của Bộ chính trị Trung ương Đảng.

Digitized by Google

vụ, và tổ chức của mỗi cấp chính quyền Nhà nước cũng thay đổi theo sự phát triển của cơ cấu kinh tế đó.

Yêu cầu khách quan phải tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý kinh tế trên địa bàn huyện, xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp huyện làm cho vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cấp huyện mang một nội dung mới. Cấp huyện không còn là cấp chỉ quản lý hành chính nữa, mà phải làm đầy đủ cả hai mặt chức năng quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là quản lý hành chính Nhà nước và quản lý sản xuất, kinh doanh. Cấp huyện là cấp quản lý cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp huyện, trực tiếp điều khiển quá trình hình thành cơ cấu nông — công nghiệp huyện, trực tiếp tiến hành tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện. Do vậy, cấp huyện vừa quản lý hành chính, vừa quản lý kinh tế, «Ủy ban nhân dân huyện vừa là cơ quan hành chính, vừa là cơ quan kinh tế...» như Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng đã xác định. Đây là một thay đổi rất cơ bản trong chức năng, nhiệm vụ của cấp huyện, đòi hỏi phải tăng cường tổ chức bộ máy, tăng cường cán bộ cho huyện, xây dựng một chế độ công tác và phong cách làm việc mới.

Huyện nông — công nghiệp là một cơ cấu kinh tế — xã hội phát triển toàn diện, do đó chính quyền Nhà nước cấp huyện cũng là cấp quản lý toàn diện về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng trong huyện, trong đó quản lý kinh tế là trọng tâm. Cấp huyện vừa là đại diện cho cả hệ thống Nhà nước xã hội chủ nghĩa, vừa là đại diện cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong huyện; là khâu kết hợp sự quản lý của Nhà nước với phong trào cách mạng của quần chúng; là trung tâm trang bị kỹ thuật cho nông — lâm — ngư nghiệp, quản lý và sử dụng toàn bộ lực lượng vật chất — kỹ thuật, tài chính mà Nhà nước đưa về huyện để phát triển sản xuất nông — lâm — ngư nghiệp trong huyện; và nói rộng ra là trung tâm chỉ đạo tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

Cấp huyện vừa giáo dục nhân dân làm nghĩa vụ ngày càng nhiều đối với Nhà nước, đóng góp tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, vừa trực tiếp tổ chức ngày càng tốt hơn, toàn diện hơn đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trong huyện. Hai mặt ấy gắn bó hữu cơ và trực tiếp tác động lẫn nhau, làm cho nhân dân nhận thức sâu sắc và tự giác hành động cách mạng trên cơ sở bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích của toàn xã hội (Nhà nước), lợi ích của tập thể nhân dân trong huyện, lợi ích của từng đơn vị cơ sở, và lợi ích của người lao động.

Trên cơ sở phát triển kinh tế và cải thiện đời sống, phát huy đầy đủ chức năng của chính quyền Nhà nước chuyên chính vô sản, cấp huyện có trách nhiệm và có điều kiện bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội, xây dựng lực lượng quốc phòng vững mạnh, củng cố quốc phòng, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa trong huyện.

Cũng như hệ thống tổ chức bộ máy Nhà nước của ta nói chung, cấp huyện được tổ chức theo các nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý; tập trung dân chủ; kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và theo vùng lãnh thổ; thống nhất giữa tổ chức hành chính Nhà nước và tổ chức quản lý kinh tế. Là một trong bốn cấp của bộ máy Nhà nước, cấp huyện được đặt dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của cấp tỉnh, và được giao quyền trực

Digitized by Google

tiếp chỉ đạo và quản lý hai hệ thống: về hành chính Nhà nước là chính quyền cấp xã, về sản xuất — kinh doanh là các đơn vị kinh tế quốc doanh và hợp tác xã nằm trong cơ cấu kinh tế huyện và giao cho cấp huyện trực tiếp quản lý.

Với vị trí, chức năng, nhiệm vụ mới của cấp huyện, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cấp tỉnh cần được điều chỉnh trên một số mặt cho phù hợp. Như nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã định rõ, mỗi tỉnh, thành phố là một cơ cấu công — nông nghiệp, trong đó các cơ cấu nông — công nghiệp huyện là những bộ phận hợp thành. Cấp tỉnh là cấp chính quyền Nhà nước có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan trung ương dưới sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ để xây dựng cơ cấu công — nông nghiệp tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ cấp huyện xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất và cơ cấu nông — công nghiệp huyện. Chức năng, nhiệm vụ của cấp tỉnh đối với kinh tế trung ương, đối với kinh tế địa phương, đối với đời sống nhân dân trong tỉnh và mối quan hệ giữa cấp tỉnh với trung ương về cơ bản không thay đổi, như đã quy định (*). Nhưng quan hệ giữa cấp tỉnh và cấp huyện có thay đổi theo nguyên tắc: những gì Nhà nước giao cho cấp huyện (nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, phương tiện vật chất — kỹ thuật, tài chính, bộ máy, biên chế...) thì cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra cấp huyện làm, mà không trực tiếp quản lý, điều hành như trước đây. Như vậy không có nghĩa là vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cấp tỉnh giảm nhẹ; trái lại nó được nâng cao và tăng cường theo hướng cấp tỉnh phải làm nhiều những việc quan trọng hơn, quyết định hơn (như quy hoạch, kế hoạch đối với toàn bộ cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp tỉnh, đối với toàn bộ các hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân trong tỉnh, giúp huyện quy hoạch và duyệt quy hoạch của huyện; trực tiếp quản lý những cơ sở kinh tế, nhất là những cơ sở công nghiệp có tầm quan trọng đối với nhiều huyện và thành phố, thị xã; cùng các ngành bố trí mạng lưới cơ sở vật chất — kỹ thuật và các cơ sở kinh doanh phục vụ kinh tế huyện; đào tạo cán bộ và công nhân...), và giảm bớt những việc có tính chất tác nghiệp trong việc xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp huyện và trong việc điều hành các hoạt động kinh tế (sản xuất, lưu thông, phân phối...) của cơ cấu nông — công nghiệp huyện, và trong việc trực tiếp tổ chức đời sống của nhân dân trong huyện.

Với sự hình thành và phát triển các huyện nông — công nghiệp, nguyên tắc tập trung dân chủ càng phải được quán triệt; sự quản lý thống nhất của Nhà nước, của Trung ương, của cấp tỉnh và của các ngành lại càng cần thiết và phải được nâng cao thêm một bước về mặt chất lượng để bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa. Tăng cường sự quản lý tập trung thống nhất của cấp trên, của các ngành thông suốt từ trung ương xuống cơ sở không phải là để gò bó cấp huyện và các đơn vị kinh tế cơ sở, mà chính là để giúp đỡ và tạo điều kiện cho cấp huyện phát huy hơn nữa lực lượng và trí sáng tạo của mình; nếu không như vậy, nếu phân cấp theo tinh thần và cách thức «chia phần», cắt rời trung ương, tỉnh với huyện, huyện với các ngành thì dù cấp huyện có được giao nhiều quyền hạn và phương tiện cũng không thể nào xây dựng được cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp có hiệu quả được.

Thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, các bộ

(*) Xem nghị định 172/CP và 24/CP của Hội đồng Chính phủ.

Digitized by Google

không chỉ quản lý các xí nghiệp trung ương, mà phải quản lý toàn ngành, quản lý trực tiếp các xí nghiệp trung ương, và quản lý các xí nghiệp địa phương thông qua cấp tỉnh và cấp huyện. Ngược lại, chính quyền Nhà nước cấp huyện cũng không chỉ quản lý các xí nghiệp giao cho mình và chỉ lo « thu vén » cho cấp mình, mà phải quản lý trên một số mặt nhất định cả các xí nghiệp trực thuộc trung ương và cấp tỉnh nằm trên lãnh thổ của huyện, nhất là đối với các xí nghiệp trực tiếp phục vụ sản xuất và đời sống trong huyện ; cấp huyện tổ chức các mối quan hệ hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa các xí nghiệp của trung ương và của tỉnh với các xí nghiệp và hợp tác xã của huyện, tổ chức phục vụ đời sống của nhân dân trong toàn huyện. Cho nên như Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ hai đã nói, chính quyền cấp huyện là « một cấp Nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách, một cấp quản lý sản xuất, quản lý lưu thông và đời sống ở huyện ». Nó được giao trực tiếp quản lý những phương tiện vật chất — kỹ thuật và tài chính để xây dựng cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất và đời sống trong huyện. Nó phải lập quy hoạch, xây dựng và quản lý kế hoạch và ngân sách, tổ chức cơ cấu sản xuất — kỹ thuật về nông — lâm — ngư nghiệp, phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, tổ chức hệ thống lưu thông, phân phối (cung ứng tư liệu sản xuất, thu mua, bán lẻ, phục vụ...), tổ chức đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tổ chức quản lý về nội chính, an ninh chính trị và trật tự xã hội, củng cố quốc phòng, tổ chức bộ máy quản lý các mặt mà trọng tâm là bộ máy quản lý kinh tế.

Muốn làm được nhiệm vụ nặng nề mới, phải tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng. Huyện ủy phải nâng cao năng lực lãnh đạo về chính trị, tổ chức của bản thân mình ; phát huy hiệu lực của bộ máy chính quyền để nó đảm đương nổi chức năng, nhiệm vụ quản lý theo kịp đòi hỏi mới, và làm đúng, làm tốt những quy định của Nhà nước về cấp huyện. Phải củng cố các đoàn thể quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, phát động phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng, kết hợp và thống nhất hai mặt phong trào cách mạng sôi nổi, kế hoạch vững chắc đem lại hiệu quả thiết thực. Giai đoạn mới, nhiệm vụ mới, phải có một năng lực lãnh đạo và quản lý mới, một bộ máy tổ chức và một đội ngũ cán bộ có một chất lượng mới. Tóm lại là phải có một sự chuyển biến cách mạng sâu sắc trong cách nghĩ và cách làm từ trung ương đến tỉnh, huyện, cơ sở. Phải đấu tranh chống những khuynh hướng *chủ quan, nôn nóng*, cũng như khuynh hướng *bảo thủ, rụt rè* ; chống khuynh hướng *cục bộ, bản vị*, « khép kín » theo lối sản xuất nhỏ, cũng như khuynh hướng tập trung bên trên một cách *quan liêu* và thống nhất *rập khuôn, máy móc* ; chống khuynh hướng lên « sản xuất lớn » theo lối *hình thức*, chỉ muốn nhập hợp tác xã, nhập huyện cho to, xem nhẹ củng cố các đơn vị cơ sở, xin cho nhiều máy móc, huy động lao động ồ ạt mà không tính toán và làm ăn có hiệu quả thiết thực.

★

Vấn đề xây dựng huyện nông — công nghiệp là một vấn đề mới và phức tạp. Trong quá trình thực hiện, dưới ánh sáng đường lối của Đảng và với sức sáng tạo của quần chúng, sự tổng kết kinh nghiệm sẽ bổ sung và làm phong phú thêm những kiến thức, những quy định hiện nay. Có nhiều vấn đề cần được nghiên cứu tiếp, hoặc làm thử theo những loại hình huyện khác nhau ở những vùng khác nhau,

(*Xem tiếp trang 65*)

Digitized by Google

TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG XÃ HỘI VÀ TRIỆT ĐỂ TIẾT KIỆM

CHÉ-VIẾT-TÂN

TRONG giai đoạn cách mạng mới, việc tăng nhanh sản phẩm xã hội, tăng nhanh năng suất lao động xã hội có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Hồ Chủ tịch đã nói: « Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người ra để sản xuất... muốn phát triển sức sản xuất thì trước hết phải *nâng cao năng suất lao động* » (1). Đồng chí Lê-Duẩn cũng nhấn mạnh: « Việc tăng năng suất lao động xã hội lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và cấp bách, nó trở thành một quy luật « thép » đối với mọi ngành, mọi cấp » (2)

Trước mắt, để chuyển biến mạnh mẽ tình hình kinh tế theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng (khóa IV), một nhiệm vụ hàng đầu đang được đặt ra, đó là: phải sử dụng tốt hơn nguồn lao động, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, thực hành triệt để tiết kiệm, kiên quyết chống mọi hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong sản xuất, đời sống, xây dựng nếp sống mới, phong cách lao động mới; đồng thời phải tiến hành cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất ở miền Bắc.

Tăng năng suất lao động xã hội và triệt để tiết kiệm đã trở thành một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, về lâu dài cũng như trước mắt, cần được đặt lên vị trí hàng đầu trong mọi hoạt động quản lý kinh tế.

I – Ý NGHĨA, NỘI DUNG TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG XÃ HỘI VÀ TIẾT KIỆM TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

Hai năm qua, bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 – 1980), tuy còn phải khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh và ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới

(1) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 6, trang 176.

(2) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 335.

Digitized by Google

để lại, vượt qua những khó khăn do tình hình thiên tai kéo dài năm 1977 gây ra, nhân dân lao động nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong lao động sản xuất. Năng suất lao động ở một số ngành và đơn vị sản xuất có tiến bộ hơn trước.

Đáng chú ý nhất là phong trào khai hoang, làm thủy lợi, xây dựng các vùng kinh tế mới với việc điều hành lao động trên địa bàn tỉnh, huyện đang được đẩy mạnh. Trong công nghiệp, vận tải, năng suất lao động của nhiều ngành, nhiều xí nghiệp quốc doanh đạt và vượt mức trước chiến tranh. So với năm 1975 ngành điện tăng 12%, ngành than tăng 16%, sản xuất xi-măng tăng 33%, khai thác gỗ tăng 10%, dệt vải tăng 21%, sản xuất giấy tăng 33%, vận tải xe hơi tăng 46%, vận tải đường sông tăng 21%, v.v..

Nhìn chung, năng suất lao động cá nhân hoặc trong từng khâu có tăng lên nhanh, nhưng năng suất lao động bình quân toàn xí nghiệp, công trường toàn ngành tăng lên chậm hoặc không tăng mấy, thậm chí có ngành giảm. Trong nông nghiệp, bình quân một lao động trồng trọt mới làm 0,6 — 0,7 héc-ta gieo trồng; năm 1977 do thiên tai nghiêm trọng sản lượng nông nghiệp giảm sút đã ảnh hưởng đến năng suất lao động của các ngành khác, nhất là các ngành trực tiếp sử dụng nguyên liệu nông sản như công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm... Trong xây dựng, năng suất lao động rất thấp, chủ yếu do công tác chuẩn bị thi công ở một số công trường xây dựng chưa tốt. Việc sử dụng công suất của xe, máy, thiết bị trong xây dựng đạt rất thấp, có ngành xây dựng mới sử dụng 30% thiết bị thi công; vật tư, nguyên liệu chưa bảo đảm cung cấp đúng tiến độ thi công. Công tác quản lý thi công chưa tốt gây lãng phí lao động, quỹ lương. Trong thương nghiệp năng suất lao động của một nhân viên kinh doanh thương nghiệp còn thấp, nhưng điều quan trọng là chất lượng phục vụ kém đã ảnh hưởng không tốt đến năng suất lao động của các ngành khác.

Nhìn chung lại, tiêu hao vật chất trong nhiều ngành vẫn còn cao, có ngành lại có khuynh hướng tăng lên, thiết bị, vật tư ứ đọng không được kịp thời huy động vào sản xuất. Việc sử dụng vật tư, thiết bị ở nhiều đơn vị cơ sở sản xuất, v.v... vẫn còn lãng phí. Có tình trạng đó là do: nền kinh tế nước ta vốn thấp kém lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Chiến tranh và tình trạng phụ thuộc lớn vào nước ngoài của nền kinh tế miền Nam trước đây đã để lại những hậu quả tai hại về nhiều mặt. Trong hoàn cảnh ấy, với thời gian hai năm, chúng ta chưa thể khắc phục được ngay những mất cân đối trên nhiều lĩnh vực; hơn nữa thiên tai năm 1977 đã gây thêm khó khăn cho sản xuất, đời sống và năng suất lao động.

Nhưng nguyên nhân cơ bản của tình hình là:

— Cơ sở vật chất — kỹ thuật của nền kinh tế còn non yếu, gần 90% lao động xã hội vẫn còn là lao động thủ công, công suất thiết bị trong một số ngành công nghiệp mới sử dụng 50 — 60%, trong một số ngành xây dựng mới đạt 25 - 30%...

— Phân công lao động giữa các vùng ở nước ta còn bất hợp lý: vùng đồng bằng Bắc-bộ, một số vùng đồng bằng miền Trung quá đông người, đất ít, phải chia nhau việc mà làm. Cơ cấu phân công lao động xã hội còn ở trình độ thấp: số lao động nông nghiệp với năng suất thấp chiếm hơn 50% lực lượng lao động xã hội; số lao động công nghiệp với năng suất cao gấp 4 lần so với năng suất lao động nông nghiệp, mới chiếm khoảng 10% lao động xã hội; lực lượng lao động có trình độ khoa học và kỹ thuật quá ít: mới có 7% lực lượng lao động xã

Digitized by Google

hội (ở các nước công nghiệp phát triển, lực lượng này chiếm hơn 30% lực lượng lao động xã hội).

— Việc quản lý sản xuất và sử dụng lao động, vật tư ở một số ngành, một số đơn vị chưa tốt. Lực lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật có nhiều trường hợp sử dụng chưa đúng, chưa phát huy hết khả năng. Kỷ luật lao động còn lỏng lẻo, quỹ thời gian lao động còn lãng phí lớn, có đơn vị cơ sở, có xí nghiệp thời gian làm việc có ích trong ngày tính chung lại khoảng bốn, năm giờ. Công tác định mức lao động chưa tốt; một số chính sách, chế độ về lao động, tiền lương, giá cả chậm được cải tiến. Một bộ phận khá lớn sức lao động chưa có việc làm.

— Nhiều nơi chưa tổ chức tốt việc phục vụ đời sống của người lao động, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có thể tập trung sức vào lao động sản xuất.

— Phong trào đồng khởi thi đua lao động, sản xuất và tiết kiệm tuy đã được phát động, nhưng có đảng bộ chưa quan tâm lãnh đạo phong trào.

Trên đây là những nguyên nhân chính. Mặt khác, cũng cần chú ý đến những biểu hiện thiếu ý chí cách mạng tiến công, không nghiêm khắc đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong lao động sản xuất. Kỷ luật lao động ở một số đơn vị, một số ngành chưa được tăng cường. Những hiện tượng hư hỏng trong xã hội ở một số nơi chậm được khắc phục; tình trạng những người làm ăn phi pháp có thu nhập cao hơn người lao động chân chính, đã ảnh hưởng không tốt đến tư tưởng của người lao động.

Năng suất lao động xã hội của nước ta tăng lên chậm và thấp, tiêu hao vật chất trong nền kinh tế còn cao đã ảnh hưởng đến việc cải thiện đời sống nhân dân và việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Đó là những mặt yếu kém mà chúng ta cần nhanh chóng khắc phục trong thời gian tới.

Chúng ta đều biết, năng suất lao động cao vừa là điều kiện, vừa là kết quả của quá trình đưa nền sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « suy cho cùng thì nhân tố quyết định sự thành công của quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là *nâng cao không ngừng năng suất lao động xã hội, hiệu quả kinh tế và chất lượng sản xuất* » (3). Chỉ có trên cơ sở tăng năng suất lao động mới phá được thế độc canh nặng nề trong nông nghiệp hiện đang chiếm phần lớn lao động xã hội và khắc phục được tình trạng phân bố lao động và dân cư không hợp lý hiện nay, mở ra sự phân công lao động xã hội theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chỉ có trên cơ sở tăng năng suất lao động mới tạo ra được những điều kiện cơ bản để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, rút ngắn được khoảng cách lịch sử hàng trăm năm giữa trình độ sản xuất thấp kém của nước ta với trình độ sản xuất tiên tiến của nhiều nước trên thế giới, hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm. Và cũng chỉ có trên cơ sở tăng năng suất lao động mới bảo đảm tăng cường tiềm lực quốc phòng. Hoàn thành những nhiệm vụ trọng đại đó, cũng tức là củng cố vững chắc chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động nước ta. Hơn lúc nào hết, chúng ta càng thấm thía câu nói nổi tiếng của Lê-nin: « xét đến cùng, thì năng suất

(3) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 62.

Digitized by Google

lao động là cái quan trọng nhất, căn bản nhất cho thắng lợi của trật tự xã hội mới. chủ nghĩa tư bản có thể hị đánh bại hẳn, và sẽ bị đánh bại hẳn, vì chủ nghĩa xã hội tạo ra một năng suất lao động mới, cao hơn nhiều »(4).

Về lâu dài, muốn tạo ra năng suất lao động xã hội cao, phải đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại, với khoa học — kỹ thuật tiên tiến.

Việc phân bố lại lao động, thực hiện phân công mới lao động xã hội ở nước ta sẽ diễn ra trong vòng 20 năm tới với một nhịp độ nhanh nhằm hoàn thành cùng một lúc việc phân bố lại sức lao động giữa các vùng trong nước và phân công lại lao động giữa các ngành trồng trọt và chăn nuôi, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn, đồng thời tăng nhanh năng suất lao động trong nông nghiệp, để chuyển phần lớn lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp có năng suất lao động cao hơn. Việc phân bố sức lao động từ lao động giản đơn sang lao động kỹ thuật sẽ diễn ra theo quy mô lớn, với việc phát triển mạnh mẽ nền giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp. Số lao động dịch vụ (như giữ trẻ, nhân viên phục vụ công cộng trong các ngành kinh tế dịch vụ) sẽ tăng lên, nhằm bảo đảm cho năng suất lao động toàn xã hội tăng lên nhanh chóng.

Để tạo ra sự phân công mới lao động xã hội như đã trình bày ở trên, điều có ý nghĩa quyết định là phải nhanh chóng « tạo ra một cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại » như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ.

Cơ cấu ấy sẽ được tạo ra đồng thời ở cả các khâu: Trung ương sẽ xây dựng những ngành, những cơ sở kinh tế then chốt có tác dụng quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân và tranh thủ những kỹ thuật tiên tiến nhất thông qua các quan hệ quốc tế. Tỉnh, thành phố xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý gồm cả công nghiệp và nông nghiệp, với các cơ sở hiện đại, nửa hiện đại, trình độ cơ giới hóa thấp, thậm chí còn dùng lao động thủ công. Các huyện sẽ xây dựng thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp phù hợp với điều kiện ở các vùng: miền núi, miền biển, đồng bằng, trung du, theo quy hoạch của cả nước và của tỉnh.

Để tạo ra sự chuyển biến lớn về phân bố lại và phân công mới lao động xã hội ở cả các khâu trên đây, việc tăng năng suất lao động trong nông nghiệp có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong nông nghiệp, yêu cầu tăng năng suất lao động chẳng những đặt ra ở những vùng đất thuộc như đồng bằng Bắc-bộ, đồng bằng sông Cửu-long... mà còn đặt ra ở cả những vùng đất mới khai thác. Chỉ có tăng năng suất lao động nông nghiệp theo mục tiêu một lao động làm 1 héc-ta gieo trồng, tiến đến 2 — 3 héc-ta gieo trồng, chúng ta mới chuyển được số lao động hiện đang quá đông ở vùng đất thuộc đi mở mang diện tích ở các vùng đất mới, tăng vụ trên vùng đất thuộc, thâm canh tăng sản lượng trên 1 héc-ta với hao phí lao động ngày càng giảm trên 1 tạ thóc. Chỉ có như vậy chúng ta mới có khả năng chuyển một bộ phận lao động hoặc tăng số ngày lao động tham gia xây dựng lúc thời vụ sản xuất nông nghiệp nhàn rỗi để mở những công trường lao động thủ công lớn nhằm đẩy nhanh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của sản xuất lớn nông nghiệp.

Chỉ có như vậy chúng ta mới có khả năng vừa tiến hành đồng thời sự phân công lại lao động trong nội bộ nông nghiệp, giữa các ngành trồng

(4) Lê-nin : *Về năng suất lao động*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 135.

Digitized by Google

trọt, chăn nuôi, đồng thời chuyển lao động ngày càng nhiều sang công nghiệp, xây dựng và các ngành khác mà vẫn có đủ số lao động cần thiết đáp ứng yêu cầu sản xuất lương thực, thực phẩm cho số dân ngày càng tăng và yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đúng như Mác đã viết: « Rõ ràng số lượng tương đối những người có thể sống mà không lao động nông nghiệp, là hoàn toàn phụ thuộc vào năng suất lao động của những người làm ruộng » (5).

Việc cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, điện khí hóa nông thôn sẽ đặt ra vấn đề phải quy hoạch lại dân cư, tổ chức lại đồng ruộng và hàng loạt vấn đề khác mà chúng ta phải giải quyết khá phức tạp trong điều kiện công nghiệp của nước ta chưa mạnh và chúng ta còn ít kinh nghiệm tiến hành cơ giới hóa ở các đồng ruộng phần lớn canh tác lúa nước ở vùng nhiệt đới.

Việc định canh, định cư của trên 1 triệu 50 vạn đồng bào hiện còn du canh, du cư và tiến hành cơ giới hóa ở vùng đồng bằng Bắc-bộ, đồng bằng sông Cửu-long, một số vùng đồng bằng miền Trung có ý nghĩa lớn đối với việc tăng năng suất lao động và tạo ra khả năng lớn để phân bố lại lao động trên phạm vi cả nước nhằm phát triển kinh tế và tăng cường khả năng quốc phòng.

Trong điều kiện hiện nay, căn cứ vào đặc điểm của nền kinh tế nước ta, những năm trước mắt, để sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm cho nhiều người, trong việc phát triển kinh tế, chúng ta chú trọng kết hợp giữa quy mô nhỏ, vừa và lớn, kết hợp dùng lao động thủ công, nửa cơ giới và cơ giới, vừa tạo điều kiện để chuyên môn hóa sức lao động nhằm tận dụng tài năng và sự cống hiến của mọi người, vừa phải chú trọng phát triển kinh doanh tổng hợp trên mỗi khu vực, mỗi đơn vị để sử dụng hết nguồn lao động tại chỗ, tăng năng suất lao động xã hội.

Vấn đề đặt ra cho nước ta hiện nay là phải không ngừng phấn đấu nâng cao năng suất lao động ngay trên cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có và sắp có bằng chính ngay lực lượng tiềm tàng và sẵn có của mỗi người lao động, của từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành và trong phạm vi cả nước để tăng nhanh khối lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động toàn xã hội.

Tăng năng suất lao động xã hội cũng còn có ý nghĩa là tiết kiệm lao động trong phạm vi toàn xã hội, nghĩa là phải làm thế nào mà với toàn bộ sức lao động xã hội hiện có, của cải xã hội làm ra phải tăng lên nhiều hơn, với tiêu hao vật chất ít hơn. Với nguồn lao động dồi dào, song chưa được phân bố lại và chưa được sử dụng hợp lý của ta hiện nay, làm sao cho số người trực tiếp sản xuất ngày càng tăng thêm để nhanh chóng tác động có hiệu quả vào đất, rừng, biển, các tài nguyên khác và cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm vật chất cho xã hội. Số người chưa có việc làm cần được huy động hết vào sản xuất, xây dựng và công tác; số người làm chưa đủ thời gian lao động cần tận dụng thời gian lao động trong ngày, trong năm vào hoạt động sản xuất. Được như vậy thì dù chưa thêm kỹ thuật mới, năng suất lao động xã hội cũng tăng lên một cách rõ rệt. Chính vì muốn đạt kết quả đó, trong mọi khâu của quá trình tái sản xuất xã hội, ở từng cơ sở, từng ngành, từng địa phương, cũng như cả nước, phải hết sức coi trọng tổ chức, phân bố, sử dụng hợp lý sức lao động đi đôi với tăng năng suất lao động xã hội và thực hành tiết kiệm.

---

(5) C. Mác: *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1965, quyển IV, tập I, trang 54.

Digitized by Google

Chúng ta cần chống khuynh hướng **hay động** và sử dụng bừa bãi sức lao động, và chống cả lối làm việc cầm chừng vì sợ tăng năng suất lao động sẽ sinh ra thừa lao động. Ta không sợ thừa lao động vì yêu cầu công nghiệp hóa đất nước đang đòi hỏi ở mọi người, mọi ngành một năng suất lao động rất cao, nhằm có thêm lực lượng lao động dôi ra do tăng năng suất lao động để chuyển sang mở rộng sản xuất, phát triển thêm các ngành nghề. Có như vậy mới nâng cao được thu nhập quốc dân, tăng tích lũy và cải thiện đời sống nhân dân. Trong hợp tác xã nông nghiệp, nếu thừa sức lao động trong trồng trọt thì đầu tư vào chăn nuôi, mở thêm ngành, nghề mới, đầu tư vào xây dựng cơ bản để tạo thêm cơ sở vật chất — kỹ thuật và tăng số người lao động làm hàng xuất khẩu, v.v...

Đồng thời, cũng cần tránh hiện tượng rụt rè không dám đầu tư thêm lao động cho việc mở rộng quy mô, cơ cấu sản xuất, có lợi cho việc tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế toàn xã hội. Thật là không đúng nếu không dám tăng thêm lao động để mở rộng sản xuất, ngại rằng lao động mới tăng có năng suất thấp sẽ ảnh hưởng đến mức tăng năng suất lao động bình quân của đơn vị và ảnh hưởng đến tình hình «lỗ, lãi» của đơn vị. Về vấn đề này, đồng chí Lê-Duẩn đã từng chỉ rõ: «không nên quan niệm lỗ lãi một cách hẹp hòi theo kiểu kinh doanh của người sản xuất cá thể. Trong điều kiện nước ta hiện nay, cái lãi lớn nhất là làm sao phát triển được sản xuất, mở rộng được ngành nghề, tăng thêm được sản phẩm, *nâng cao được năng suất lao động trong từng ngành và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân* (do tôi nhấn mạnh C.V.T). Trên cơ sở đó và chỉ có trên cơ sở đó, mới nói đến việc thu lãi và mới làm cho việc thu lãi phù hợp với bản chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế nước ta. Một mặt, phải tranh thủ lãi ngay trong từng khâu kinh doanh và trong từng thời kỳ, mặt khác phải đứng trên toàn bộ nền kinh tế và trong một thời gian dài để xem xét vấn đề lỗ lãi một cách toàn diện» (6).

Nhận thức toàn diện như vậy, cũng tức là quán triệt quan điểm của Đảng ta về quan hệ giữa giá trị và giá trị sử dụng. Từ quan điểm làm chủ tập thể về kinh tế, trên cơ sở xác định bản chất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là bảo đảm ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội, thì «điều mà chúng ta phải quan tâm và coi trọng trước hết là *giá trị sử dụng* của sản phẩm. Đứng trên quan điểm toàn cục của người làm chủ tập thể, xuất phát từ những nhu cầu thực tế của xã hội cần được thỏa mãn, dựa vào các khả năng lao động, thiết bị, tài nguyên, khoa học, kỹ thuật sẵn có, chúng ta phải bằng mọi cách tạo ra cho được một khối lượng giá trị sử dụng ngày càng lớn có chất lượng ngày càng cao» (7).

Đương nhiên, chúng ta vẫn phải coi trọng tác động của quy luật giá trị và giá trị còn tồn tại khách quan trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, thông qua đó để tính toán, tìm ra phương án kinh tế, phương án kế hoạch tốt nhất, có lợi nhất, nghĩa là làm ra nhiều giá trị sử dụng nhất với mức hao phí lao động, vật tư ít nhất; và xem xét các mặt đó theo quan điểm toàn diện, xét trên phạm vi năng suất lao động toàn xã hội.

Chúng ta sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc phân bố và sử dụng lao động xã hội, coi đây là một nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược để nhanh

(6) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 112.

(7) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 60 — 61.

Digitized by Google

chóng phát triển sản xuất, khắc phục những khó khăn và những mặt mất cân đối, đưa nền kinh tế nước ta tiến nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tăng năng suất lao động xã hội không chỉ là sự tăng thêm sản lượng trong một đơn vị thời gian hoặc giảm bớt thời gian cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (giảm thấp lượng hao phí lao động sống), mà còn phải tiết kiệm lượng hao phí nguyên liệu, vật liệu, hao phí máy móc, thiết bị... (giảm thấp lượng hao phí lao động vật hóa). Mác đã viết: «sự tăng lên của sức sản xuất hay năng suất của lao động, chúng ta hiểu, nói chung là sự thay đổi trong cách thức lao động, một sự thay đổi làm rút ngắn thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa, sao cho một số lượng lao động ít hơn mà lại có được một sức sản xuất ra nhiều giá trị sử dụng hơn» (8). Như vậy, xét trên phạm vi toàn xã hội, tăng năng suất lao động đồng nghĩa với tiết kiệm thời gian lao động; hai khái niệm này cùng có nội dung kinh tế như nhau, vì nó đều biểu hiện quan hệ so sánh giữa số lượng lao động hao phí với số lượng sản phẩm đạt được. Đối với nước ta hiện nay, nhiều loại vật tư cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa còn phải dựa vào nhập khẩu, vì vậy việc tiết kiệm vật tư càng có ý nghĩa rất lớn.

Như vậy nhiệm vụ tăng năng suất lao động đòi hỏi thường xuyên tiết kiệm lao động sống và lao động quá khứ trong từng đơn vị sản xuất, từng ngành, cũng như trong toàn xã hội. Chúng ta phải tiết kiệm trong sản xuất, đồng thời tiết kiệm trong tiêu dùng cho đời sống hằng ngày. Tiết kiệm trong sản xuất là để bảo đảm thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của đời sống; tiết kiệm trong đời sống là để dành thêm vốn liếng nhiều hơn nữa cho việc đẩy mạnh sản xuất, mà cuối cùng, cũng là nhằm phục vụ nhu cầu của đời sống ở một mức độ cao hơn. Đối với chúng ta, tiết kiệm trong đời sống vừa là một việc cần thiết về mặt kinh tế, vừa là một yêu cầu của lối sống xã hội chủ nghĩa phù hợp với truyền thống của dân tộc ta.

II — MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG XÃ HỘI VÀ TIẾT KIỆM

Ở nước ta hiện nay, việc tăng năng suất lao động xã hội tùy thuộc trước hết vào việc *xác định một cơ cấu kinh tế hợp lý, một kế hoạch phát triển kinh tế — văn hóa — xã hội đúng đắn*, Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: «để tăng năng suất lao động không ngừng với tốc độ ngày càng cao, tạo ra nhiều sản phẩm với hiệu quả ngày càng lớn, thì một biện pháp quan trọng là xác định đúng đắn phương hướng và mục tiêu phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân trong một thời gian dài và trong từng thời kỳ cụ thể. Trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch chung đó, mỗi đơn vị cần có phương hướng sản xuất thích hợp và ổn định nhằm sử dụng đầy đủ mọi nguồn lao động và tài nguyên, phát huy hết mọi khả năng và sở trường sẵn có, bảo đảm ngày càng chuyên sâu. Có phương hướng sản xuất hợp lý chưa đủ, còn cần phải thông qua nhiều sự tính toán, đối chiếu tỉ mỉ mà tìm ra

(8) C. Mác: *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển I, tập II, trang 8.

Digitized by Google

phương án kinh tế tốt nhất mang lại năng suất lao động cao nhất và hiệu quả kinh tế lớn nhất » (9).

Căn cứ vào đường lối kinh tế của Đảng và dựa vào phương hướng phát triển kinh tế trong thời gian dài, cần xúc tiến các công tác phân vùng, quy hoạch, xác định phương hướng sản xuất, cơ cấu kinh tế của các vùng, các địa phương. Các ngành, các cấp, nhất là các đơn vị cơ sở cần soát xét lại phương hướng sản xuất của mình, sắp xếp hợp lý dây chuyền sản xuất, quy trình công nghệ, máy móc thiết bị, đất đai, bố trí cân đối các điều kiện sản xuất để tận dụng mọi nguồn lao động, bảo đảm làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Quá trình hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp theo đường lối của Đảng cũng là quá trình *phân công lao động mới* ở nước ta, mà trước mắt là phân bố và sử dụng tốt hơn nữa lực lượng lao động xã hội, tổ chức thật tốt công cuộc phân bố lao động và dân cư theo quy mô lớn giữa các ngành và các vùng trên cả nước. Đây cũng là một biện pháp cơ bản để tăng năng suất lao động xã hội trong khi đại bộ phận lao động xã hội còn dựa trên kỹ thuật thủ công.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước ta có đầy đủ khả năng tác động một cách chủ động và có kế hoạch đến việc phân công lao động xã hội và sử dụng lực lượng lao động một cách hợp lý nhất nhằm tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Trước hết, cần *tận dụng mọi nguồn lao động của xã hội, sử dụng hợp lý và tiết kiệm sức lao động trong từng đơn vị cơ sở*. Ở nước ta hiện nay, số người chưa có việc làm còn khá lớn. Hằng năm, số người đến tuổi lao động cũng tăng lên nhanh chóng. Đây là một nguồn lao động dự trữ đặc biệt quan trọng có thể thu hút vào các ngành sản xuất để tăng nhanh sản phẩm xã hội. Bởi vì sự dồi dào về của cải vật chất không chỉ được quyết định chủ yếu bởi việc tăng năng suất lao động, mà việc tăng số người trực tiếp sản xuất cũng có tầm quan trọng đặc biệt. Mác đã nói: « Nếu các điều kiện khác không có gì thay đổi, thì giá trị và khối lượng của sản phẩm sẽ tăng lên theo tỷ lệ thuận với số lao động được sử dụng » (10) Nhất là trong nông nghiệp, sau khi đã đầu tư về giống, phân bón, thủy lợi... để thâm canh hoặc mở rộng diện tích rồi, thì « chỉ riêng sự tác động máy móc của lao động đối với ruộng đất cũng đủ làm tăng thêm sự phì nhiêu của ruộng đất lên một cách kỳ diệu » (11).

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980), để bảo đảm thu nhập quốc dân hằng năm tăng lên theo kế hoạch, chúng ta phấn đấu trên hai hướng: một mặt, huy động hết lực lượng lao động xã hội, tăng thêm lao động mới vào các ngành sản xuất vật chất; mặt khác, tăng năng suất lao động của từng ngành sản xuất vật chất, từng đơn vị cơ sở, từng người lao động.

Không những từng công nhân, từng phân xưởng phải đạt năng suất cao, mà phải phấn đấu sao cho năng suất lao động bình quân chung của toàn xí nghiệp, toàn ngành cho đến toàn xã hội đều đạt mức cao. Nếu chúng ta đưa năng suất lao động xã hội tăng lên 1% thì sẽ có thêm một thu nhập quốc dân bằng sức của 50 — 60 vạn lao động tạo ra trong năm 1977 Nếu nước ta tiết kiệm tiêu hao vật chất 1% thì nền kinh tế sẽ tiết kiệm được một khoản tiền lớn bằng thu nhập quốc dân của gần 70 — 80 vạn lao động tạo ra trong năm 1977. Như vậy, tăng 1%

(9) Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 337.

(10) C. Mác: *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển I, tập III, trang 60.

(11) C. Mác: sách đã dẫn, trang 60.

Digitized by Google

năng suất lao động xã hội và tiết kiệm 1% tiêu hao vật chất thì sẽ có thêm một khối lượng thu nhập quốc dân bằng số của cải của 1 — 1,5 triệu người lao động tạo ra trong năm 1977.

Mỗi đơn vị, mỗi ngành, mỗi địa phương không những phải phấn đấu tăng năng suất lao động trong phạm vi hoạt động của mình mà còn có trách nhiệm bảo đảm cho các đơn vị khác, các ngành và địa phương khác cùng đạt năng suất lao động cao. Ra sức bảo đảm mọi yêu cầu về tư liệu sản xuất phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, góp phần thúc đẩy tăng năng suất lao động các ngành này là nhiệm vụ hàng đầu của nhiều cơ sở và nhiều ngành sản xuất, lưu thông, phân phối trong giai đoạn hiện nay. Việc cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm... cũng phải được đẩy mạnh trong các ngành sản xuất có liên quan. Vì vậy, tất cả các ngành đều phải chăm lo đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động, triệt để tiết kiệm và phải vươn lên đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế. Đó là hướng tích cực để bảo đảm những cân đối lớn trong nền kinh tế, có tác động tăng nhanh năng suất lao động xã hội.

Trong từng đơn vị cơ sở, cần chú trọng tổ chức lại lao động tại chỗ, có biện pháp tích cực để khai thác mọi khả năng tiềm tàng về quỹ thời gian lao động. Ở từng hợp tác xã nông nghiệp, từng xã, ấp, cần huy động hết lực lượng lao động dư thừa, đầu tư thêm lao động vào các khâu khai hoang, thâm canh, tăng vụ, cải tạo đất, làm thủy lợi, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, mở mang ngành nghề mới, xây dựng các công trình công cộng, v.v.. Một vấn đề cấp bách và có khả năng phát huy tác dụng nhanh chóng là nâng cao số giờ công có ích trong ngày và số ngày lao động trong năm. Trong nông nghiệp, ở nhiều nơi, mỗi lao động hiện mới làm 180 — 200 ngày công (có nơi ở vùng đồng bằng sông Cửu-long mới làm có 100 ngày); phải phấn đấu mỗi năm mỗi lao động làm cho hợp tác xã 250 ngày lao động trở lên; mỗi ngày phải làm tốt 8 giờ và cần thiết thì làm thêm giờ. Ở các cơ sở sản xuất quốc doanh, cần tăng số giờ công có ích trong ngày, trong năm.

Để nâng cao số giờ công, ngày công và tăng năng suất lao động, trong từng cơ sở phải rất coi trọng việc chấn chỉnh quản lý sản xuất, quản lý lao động. Biện pháp quan trọng là cải tiến tổ chức lao động, tăng cường kỷ luật lao động, chấn chỉnh và áp dụng phổ biến định mức lao động tiến bộ, tạo nên phong cách lao động có kỷ luật, có kỹ thuật; tổ chức hợp lý sự phân công và hiệp tác lao động; chăm lo cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; giảm tỷ lệ nhân viên gián tiếp xuống dưới mức quy định. Ở nhiều cơ sở như lâm trường Chiêm-hóa, Nghĩa-đàn, mỏ than Đèo-nai, nhiều công trường thủy lợi (như công trình hồ Kẻ-gỗ, cống Trà-linh II, công trình sông Lý), nhiều hợp tác xã nông nghiệp như Vũ-thắng (huyện Kiến-xương, Thái-bình), Quảng-trình (huyện Thái-thụy, Thái-bình), Hải-quang (huyện Hải-hậu, Hà-nam-ninh)... nhờ cải tiến tổ chức, sử dụng hợp lý sức lao động và quản lý tốt lao động mà năng suất lao động đã tăng lên 20 — 30%.

Đi đôi với việc tổ chức lại và sử dụng hợp lý sức lao động trong từng đơn vị cơ sở, vấn đề cấp bách và có ý nghĩa chiến lược trong kế hoạch 5 năm 1976 — 1980 này là đẩy mạnh việc *phân bố lại để sử dụng hợp lý lực lượng lao động giữa các ngành, giữa các vùng trong phạm vi cả nước.*

Trong năm 1978, chúng ta mở ra một phong trào rộng lớn của quần chúng tiến quân vào mặt trận xây dựng các vùng kinh tế mới, chuyển gần nửa triệu lao động với gần 1 triệu

Digitized by Google

nhân khẩu từ đồng bằng Bắc-bộ, từ các huyện đông dân ở các tỉnh miền Trung, từ các thành phố lớn miền Nam... đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở cao nguyên miền Trung, đồng bằng sông Cửu-long, miền đông Nam-bộ, vùng trung du, miền núi Bắc-bộ. Chúng ta đẩy mạnh công tác khai hoang, mở rộng diện tích canh tác, thâm canh, tăng vụ, phát triển mạnh mẽ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, mở rộng các ngành nghề gia công xuất khẩu ở đô thị; đồng thời tuyển mới và tăng thêm lao động cho các ngành công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải,... Trong quá trình phân bố lại lao động trên đây, việc tăng cường lực lượng lao động kỹ thuật, nhất là việc đào tạo công nhân kỹ thuật có tác dụng rất quan trọng để tạo điều kiện tăng năng suất lao động.

Nhờ phân bố lại lực lượng lao động như trên, năm 1978 sẽ huy động thêm một bộ phận quan trọng lao động xã hội tác động mạnh vào việc khai thác nhanh nhất, tốt nhất đất, rừng, biển, những cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện có, tạo thêm nhiều giá trị sử dụng, tăng thêm khối lượng sản phẩm xã hội, từ đó mà nâng cao năng suất lao động xã hội.

Một biện pháp quan trọng khác để tăng nhanh năng suất lao động xã hội là *tổ chức lại sản xuất, từng bước xây dựng cơ cấu sản xuất hợp lý, thực hiện sự cân đối sản xuất giữa các khâu, giữa các yếu tố của quá trình tái sản xuất trong từng đơn vị cơ sở cũng như trong toàn ngành, trong từng địa phương cũng như trong phạm vi cả nước.*

Trong quá trình tổ chức lại nền sản xuất xã hội, những năm trước mắt chúng ta *cần tập trung sức và khẩn trương xây dựng các huyện trên cả nước dần dần trở thành những đơn vị kinh tế nông – công nghiệp* (hoặc nông – lâm – công nghiệp; nông – ngư – công nghiệp). Huyện là một địa bàn thích hợp để tổ chức lại sản xuất, thực hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp, bảo đảm cho quá trình tái sản xuất mở rộng được tiến hành với nhịp độ cao trong điều kiện lao động thủ công còn là phổ biến.

Qua kinh nghiệm của những huyện như Quỳnh-lưu (Nghệ-tĩnh), Đông-hưng (Thái-bình), Nam-ninh, Hải-hậu (Hà – nam – ninh), Điện-bàn (Quảng-nam – Đà-nẵng), Đức-linh (Thuận-hải), Gò-công (Tiền-giang), Gia-rai (Minh-hải)... chúng ta thấy rằng muốn đẩy mạnh sản xuất và tăng nhanh năng suất lao động, cần coi trọng làm tốt những điều sau đây: trên cơ sở quy hoạch của trung ương và của tỉnh, mỗi huyện cần dựa vào kế hoạch và tiềm năng của mình mà chủ động xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho các ngành, trước hết bảo đảm sự kết hợp và tác động lẫn nhau giữa công nghiệp và nông nghiệp; bố trí và xây dựng hợp lý các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các tổ chức phục vụ sản xuất tổ chức lại lao động giữa các ngành; tổ chức và điều hành tập trung hoạt động sản xuất trên địa bàn toàn huyện, gắn liền sản xuất với phân phối, trao đổi và tiêu dùng; vừa chăm lo phát triển sản xuất, vừa cải thiện đời sống nhân dân trong huyện...

Gắn với việc tổ chức lại nền sản xuất xã hội, *là việc tổ chức và chấn chỉnh sản xuất trong từng đơn vị cơ sở*. Mỗi đơn vị cơ sở phải xuất phát từ quy hoạch của ngành, của địa phương mà xây dựng và thực hiện các phương án cải tiến tổ chức sản xuất, coi trọng các biện pháp chủ yếu như:

– Điều chỉnh lại cơ cấu sản xuất cho hợp lý, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, thực hiện sự cân đối giữa các bộ phận sản xuất chính với các bộ phận phụ và phục vụ.

– Tổ chức tốt công tác chuẩn bị sản xuất, bảo đảm cân đối và sử dụng

Digitized by Google

có hiệu quả các yếu tố: sức lao động, vật tư, công cụ lao động, đất đai... Cần xóa bỏ tình trạng người lao động phải ngừng việc do thiếu việc làm hoặc thiếu vật tư, chờ máy móc, và khắc phục hiện tượng đầu kỳ kế hoạch thì làm việc cầm chừng, đến cuối kỳ kế hoạch mới chạy nước rút để hoàn thành kế hoạch.

Kinh nghiệm ở các đơn vị tiên tiến là, phải làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất, nhất là đối với các công trường xây dựng, các hợp tác xã nông nghiệp thì phải phát huy tinh chủ động trong việc ổn định nguồn cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm. Biện pháp tích cực góp phần giải quyết khó khăn về máy móc, vật tư hiện nay là phát động phong trào quần chúng phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ra sức thực hành tiết kiệm trong sản xuất và trong đời sống để dành vật liệu, điện năng nhằm sản xuất thêm sản phẩm vật chất cho xã hội; tận dụng nguyên liệu thừa vụn, tự chế tạo vật liệu, phụ tùng thay thế, tự trang bị công cụ, máy móc, thiết bị... Bằng cách làm đó, nhiều đơn vị cơ sở đã chủ động giữ vững cân đối trong sản xuất, góp phần tích cực nâng cao năng suất lao động của đơn vị.

Nếu như đẩy mạnh phân công lao động xã hội, thực hiện tốt việc phân bố lại lao động và dân cư giữa các ngành, các vùng là một yêu cầu bức thiết để tăng năng suất lao động, thì việc *đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật, đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ khoa học — kỹ thuật, cán bộ quản lý, đội ngũ công nhân kỹ thuật, nâng cao trình độ trang bị kỹ thuật cho người lao động* là nhân tố quan trọng có tính chất quyết định. Lê-nin đã nhấn mạnh: « Việc nâng cao năng suất lao động trước hết đòi hỏi cơ sở vật chất của nền đại công nghiệp phải được bảo đảm, ngành sản xuất nhiên liệu, sắt, máy móc, hóa chất, phải phát triển... » (12).

Vì vậy, Đảng ta đã xác định công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, là nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong đó, chúng ta đặc biệt coi trọng việc phát triển các ngành *kinh tế then chốt* của công nghiệp hóa, nhất là các *ngành công nghiệp* then chốt như: năng lượng, cơ khí, luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng, v.v... Trước mắt phải phát triển mạnh ngành điện, ngành cơ khí, nhằm phục vụ trước hết việc trang bị công cụ cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ, đặc biệt là trang bị công cụ lao động cho nông nghiệp.

Theo kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, cơ sở vật chất — kỹ thuật trong các ngành sản xuất sẽ được tăng cường một bước quan trọng. Trình độ trang bị máy móc trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản và giao thông vận tải được nâng cao thêm. Đối với nông nghiệp, chúng ta sẽ đưa tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất từ 29% lên 55% trên toàn bộ diện tích gieo trồng của cả nước; ở đồng bằng sông Hồng lên 50%, đồng bằng sông Cửu-long lên 75%; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các công trình thủy lợi nhằm mở rộng diện tích tưới tiêu chủ động. Mức trang bị tài sản cố định bình quân cho mỗi công nhân sản xuất công nghiệp tăng 10%, trang bị điện lực tăng 14% so với năm 1975. Trong các ngành xây dựng và vận tải, cũng sẽ trang bị thêm hàng nghìn máy móc thi công xây dựng; tăng thêm những phương tiện vận tải như dầu máy, toa xe hàng, tàu kéo, tàu biển...; xây dựng mới và nâng cao chất lượng cầu, đường, kho tàng bến cảng; nâng cao năng lực bốc xếp và tiếp nhận hàng ở các khu vực cảng, nhất là khu vực cảng Hải-phòng, Quảng-ninh.

(12) Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật Hà-nội, 1971, tập 27, trang 323.

Digitized by Google

Đi đôi với việc cơ giới hóa, hiện đại hóa hoặc bổ sung các thiết bị, máy móc.. chúng ta phải rất coi trọng trang bị đầy đủ công cụ thường, công cụ cải tiến có chất lượng tốt cho người lao động, nhất là người lao động trong nông nghiệp. Mỗi năm sắp tới trong kế hoạch 5 năm này phải cung cấp gần 30 triệu công cụ lao động thường, đáp ứng đủ xe cải tiến để thay cho khâu gánh thủ công trong vận chuyển.

Một vấn đề rất cấp bách hiện nay là phải đẩy mạnh việc chế tạo phụ tùng thay thế, tăng cường lực lượng sửa chữa của các ngành, kết hợp với việc chấn chỉnh tổ chức sản xuất, tăng thêm giờ và thêm ca hoạt động của máy móc, để nhanh chóng nâng hệ số sử dụng máy móc thiết bị ở một số ngành mới đạt 40 — 50% hiện nay lên 70 — 80%, tăng tỷ lệ lợi dụng trọng tải của ô-tô và tàu thuyền.

Việc trang bị kỹ thuật cho lao động cần được coi trọng cả trên hai mặt: số lượng và chất lượng, cũng tức là cả số lượng máy móc, thiết bị tính theo đầu người sản xuất và cả sự cải tiến kỹ thuật của những máy móc, thiết bị đó cùng các quá trình chế tạo sản phẩm. Đối với nước ta đang trong quá trình tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, để tăng nhanh năng suất lao động, việc trang bị kỹ thuật cho lao động, tăng số lượng máy móc, thiết bị, tận dụng khả năng của máy móc, thiết bị đã có, là rất cần thiết. Đây là những biện pháp rất quan trọng để tiết kiệm lao động quá khứ và không ngừng mở rộng quy mô sản xuất. Đồng thời, chúng ta đặc biệt coi trọng không ngừng cải tiến kỹ thuật các máy móc, thiết bị và các quy trình sản xuất, coi đó là nguồn vô tận để tăng năng suất lao động.

Thời gian vừa qua, phong trào cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp được mở rộng ở nhiều địa phương; nhiều huyện và hợp tác xã đạt mức cao về năng suất cây trồng và năng suất con gia súc. Chúng ta cần tiếp tục mở rộng việc tưới nước, chọn giống cây trồng và con gia súc, phát triển mạnh các loại phân hữu cơ, làm tốt công tác phòng, chống sâu bệnh, bảo vệ cây trồng và gia súc. Cần coi trọng việc thực hiện những biện pháp kỹ thuật, tự chế tạo những nguyên liệu và vật liệu trong nước để thay thế nguyên liệu và vật liệu nhập từ nước ngoài, hạ thấp mức tiêu hao vật tư, tận dụng phế liệu và phục hồi phụ tùng thay thế... Để thực hiện tốt những biện pháp trên đây, mỗi đơn vị cơ sở, mỗi ngành, mỗi địa phương phải phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường. Cần phê phán tư tưởng trông chờ, ỷ lại, tư tưởng của người sản xuất nhỏ, cách làm ăn tùy tiện, không tính toán hiệu quả, không chịu trách nhiệm về công việc, làm ăn không có tiêu chuẩn, định mức. Trong các công việc, nếu chưa có máy móc, phải tận dụng công cụ thủ công và cải tiến. Trong điều kiện cơ giới hóa có hạn, phải rất coi trọng việc cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức sản xuất, tổ chức lao động.

Để tăng năng suất lao động xã hội, các cơ sở và các địa phương phải nêu cao ý chí cách mạng tiến công, đẩy lên phong trào dựa vào lực lượng lao động sẵn có của mình để chủ động tạo ra những cơ sở vật chất — kỹ thuật cần thiết.

Một hướng khác cần được coi trọng để tạo nên cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội là đẩy mạnh xuất khẩu, mở ra một thế mới về trao đổi hàng hóa với nước ngoài, để nhập những thiết bị, vật tư mà nước ta chưa sản xuất được. Trong thời gian tới, ở tất cả các ngành, các địa phương phải dấy lên một cao trào sản xuất nhiều hàng xuất khẩu. Hiện nay mỗi lao động mới làm có 13 ngày cho xuất khẩu, phải phấn đấu nâng lên 30 ngày trong năm 1980

Digitized by Google

và tiến tới dành 100 ngày lao động cho xuất khẩu.

Cuối cùng, để tăng năng suất lao động và thực hành tiết kiệm, cần *phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, động viên một phong trào quần chúng sôi nổi, liên tục và rộng khắp*, hướng vào việc hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước.

Để tạo nên một phong trào cách mạng thật sự, trước hết phải làm cho mọi người nhận thức sâu sắc rằng, trong giai đoạn hiện nay, trình độ giác ngộ cách mạng, phẩm chất và đạo đức cách mạng, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa của người lao động phải thể hiện trong phong cách lao động mới, tức lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, và phải thể hiện ở tinh thần đấu tranh không khoan nhượng chống những hiện tượng tiêu cực, hư hỏng trong đời sống kinh tế và xã hội.

Năm 1978, khẩu hiệu của chúng ta là phấn đấu tăng nhanh thu nhập quốc dân để bảo đảm *cả nước đủ ăn và có tích lũy*. Khối lượng công trình xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật sẽ hoàn thành trong năm 1978 rất lớn, gần bằng mức của cả hai năm 1976 — 1977 cộng lại. Đối với nhân dân ta, điều rất có ý nghĩa là *mọi người có sức lao động phải làm việc và làm việc với năng suất lao động cao*, coi đó là nghĩa vụ và vinh dự của mỗi người lao động góp phần vào việc chuyển biến tình hình kinh tế hiện nay của đất nước.

Ở nước ta ngày nay, vừa ra khỏi cuộc chiến tranh lâu dài 30 năm, đi vào xây dựng trong hòa bình cũng chỉ hơn hai năm, nhưng với tinh thần làm chủ tập thể, với lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa được phát huy cao độ, chắc chắn nhân dân ta sẽ có đủ khả năng để khắc phục các khó khăn trước mắt, ra sức lao động sản xuất, tăng năng suất lao động.

Trong năm 1978, muốn tạo được một sự chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế, chúng ta phải phát động một phong trào quần chúng sôi nổi, mạnh mẽ và liên tục, hướng vào những mục tiêu cụ thể như: năng suất lao động cao, tiết kiệm triệt để và toàn diện trong sản xuất và đời sống, xây dựng nếp quản lý mới, xây dựng phong cách lao động mới và nếp sống mới.

Để bảo đảm cho phong trào lao động sản xuất phát triển thuận lợi, Nhà nước ta cần kết hợp các biện pháp hành chính, kinh tế, giáo dục để loại trừ những việc làm phi pháp của bọn ăn bám, bọn trốn tránh lao động mà lại có thu nhập cao, được hưởng thụ nhiều hơn người lao động chân chính. Chế độ tiền lương, tiền thưởng và chế độ phân phối ở các hợp tác xã cần được cải tiến theo hướng quán triệt hơn nữa nguyên tắc phân phối theo lao động kết hợp với việc mở rộng phúc lợi xã hội chủ nghĩa.

Phải chăm lo đầy đủ đến đời sống vật chất và văn hóa của người lao động, giảm bớt những khó khăn và tích cực bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động.

Cần thường xuyên bồi dưỡng trình độ chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật cho người lao động, làm cho mỗi người ngày càng có ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ, có năng lực thực hiện nhiệm vụ kế hoạch được giao.

Muốn bảo đảm cho phong trào lao động, sản xuất của quần chúng đạt hiệu quả cao, cần tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nêu cao tinh tiên phong gương mẫu của đảng viên, đoàn viên trong quản lý kinh tế, trong lao động sản xuất, trong thực hành tiết kiệm, đề cao vai trò tổ chức giáo dục và động viên của các đoàn thể quần chúng, vai trò chỉ

(Xem tiếp trang 75)

Digitized by Google

QUY HOẠCH CÁN BỘ Ở HÀ-NAM-NINH

PHAN - ĐIỀN
Bí thư Tỉnh ủy Hà-nam-ninh

MUỐN làm tốt công tác cán bộ, hay nói một cách cụ thể là muốn làm tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ thì phải *xây dựng quy hoạch cán bộ.*

Xuất phát từ nhận thức nói trên, từ năm 1971, đảng bộ tỉnh Nam-hà (cũ) đã bước đầu có những chuyển hướng trong công tác cán bộ, đã xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, và đến nay đã đạt được một số thành tích. Sau khi Nam-hà hợp nhất với Ninh-bình, những kinh nghiệm về công tác cán bộ được triển khai trong toàn tỉnh Hà-nam-ninh.

Những điều chúng tôi trình bày dưới đây được rút ra từ thực tiễn công tác cán bộ của Nam-hà (cũ) và của Hà-nam-ninh hiện nay.

★

Những năm 1969, 1970, cũng như nhiều tỉnh khác ở miền Bắc, tỉnh chúng tôi đứng trước những yêu cầu rất lớn về cán bộ, phải có một đội ngũ cán bộ đủ số lượng và chất lượng để vừa đáp ứng những đòi hỏi của nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu trước mắt trong tỉnh, vừa góp phần chi viện cho cách mạng miền Nam, và tăng cường các ngành ở trung ương, đồng thời thỏa mãn những yêu cầu xây dựng tỉnh nhà trong tương lai khi sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi. Do tình hình đó, tỉnh chúng tôi bắt tay vào việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ 5 năm (1971 – 1975).

Đầu năm 1973, Nghị quyết số 225 của Bộ chính trị Trung ương Đảng về công tác cán bộ trong giai đoạn mới được ban hành đã tiếp thêm sức mạnh và soi sáng cho chúng tôi rất nhiều. Tỉnh chúng tôi đã tiến hành nghiêm túc ở các cấp, các ngành, các đơn vị việc học tập nghị quyết đó. Trường Đảng của tỉnh đã đưa nghị quyết đó vào nội dung giảng dạy trong nhiều khóa. Trong quá trình nghiên cứu nghị quyết, cán bộ trong Đảng cũng như anh chị em ngoài Đảng, đều tin tưởng, phấn khởi, nhất trí với những quan điểm, những nội dung nêu trong nghị quyết. Nhưng ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi loại cán bộ thường bộc lộ những suy nghĩ, tâm tư khác nhau. Ở các đồng chí đã đứng tuổi, những biểu hiện thường là : băn khoăn về trình độ hiện nay của mình, đồ tại cấp trên thiếu chú ý bồi dưỡng, lo lắng về chính sách của Đảng đối với mình,

Digitized by Google

chưa thật tin tưởng ở cán bộ trẻ, v.v... Nhiều đồng chí trẻ thì hoặc tự ti, thấy mình chưa có quá trình hoạt động lâu năm cho nên rất rè, không dám phê phán những lệch lạc, thiếu sót trong công tác cán bộ, hoặc ngược lại thì có sự đánh giá cán bộ một cách tràn lan, cho là ở giai đoạn mới của cách mạng thì cần biết về văn hóa, khoa học — kỹ thuật là trên hết, v.v... Một khi không phổ biến ở các loại cán bộ là tinh thần, quyết của Đảng về công tác cán bộ thực rất đúng, rất sát hợp, nhưng trong hoàn cảnh cụ thể của tỉnh mà có thực hiện trọn vẹn được không?

Qua việc nghiên cứu chúng tôi thấy rằng việc giải quyết những thắc mắc, những khác biệt nói trên là cần thiết của tỉnh, không thể chỉ bằng học tập, bằng giải đáp mà còn phải bằng việc làm cụ thể. Trong quá trình nghiên cứu, học tập nghị quyết của Bộ chính trị về công tác cán bộ, tỉ là chúng tôi đã hướng dẫn các cấp các ngành trong tỉnh phải từ nhận thức và có phương hướng đúng đắn về công tác cán bộ. Những phương hướng đó là: căn cứ các chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy, của các bộ, ngành trung ương, các đặc điểm về tình hình của các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị mình mà đề ra những yêu cầu về phẩm chất và năng lực cán bộ. Sau khi xác định những yêu cầu về phẩm chất, năng lực cán bộ, đối chiếu với thực trạng cán bộ hiện có, từ đó đề ra kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đề bạt, sử dụng cán bộ. Đồng thời, phải thường xuyên theo dõi, đánh giá cán bộ, kịp thời phát hiện những cán bộ có năng lực, có phẩm chất tốt để đề bạt, sử dụng, đồng thời phát hiện những cán bộ không đủ tiêu chuẩn để có kế hoạch thay thế. Đối với cán bộ cao cấp, cần có kế hoạch bồi dưỡng về kiến thức chính trị, kiến thức về quản lý kinh tế, văn hóa, khoa học — kỹ thuật, v.v... Đối với cán bộ trẻ, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật, v.v... Đối với cán bộ phụ nữ, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật, v.v... Đối với cán bộ dân tộc ít người, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật, v.v... Đối với cán bộ tôn giáo, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật, v.v... Đối với cán bộ quân đội, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật, v.v... Đối với cán bộ công an, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật, v.v... Đối với cán bộ tòa án, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật, v.v... Đối với cán bộ viện kiểm sát, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật, v.v... Đối với cán bộ công đoàn, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chính trị, văn hóa, khoa học — kỹ thuật, v.v... Đối với cán bộ thanh niên

tỉnh. Cách làm của chúng tôi là từ dưới lên, kết hợp ý kiến của cán bộ với ý kiến của tổ chức và của lãnh đạo. Từng cán bộ, sau khi học tập Nghị quyết 225 của Bộ chính trị, tự xác định chức trách cụ thể theo cương vị công tác của mình, tự đề ra những tiêu chuẩn mà mình cần phải có để làm tốt chức trách đó. Sau đó, ban thường vụ các cấp ủy, các đồng chí lãnh đạo các ngành tổ chức thảo luận kỹ về chức trách và tiêu chuẩn cụ thể của từng loại cán bộ, đồng thời nêu rõ phương hướng và mục tiêu phấn đấu nâng cao trình độ về các mặt chính trị, văn hóa, năng lực quản lý, kỹ thuật, v.v... của các loại cán bộ, trước hết là các cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt. Chẳng hạn, ngoài các tiêu chuẩn về lập trường, đạo đức, tác phong công tác, chỉ xét riêng tiêu chuẩn trình độ hiểu biết thì, *đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh* phải có hiểu biết rộng về tình hình chung của cả nước và tình hình chung của tỉnh, có trình độ nghiên cứu tổng hợp, có trình độ tổ chức thực hiện. Về trình độ lý luận và chính trị, phải qua chương trình trung cấp hoặc cao cấp trường Đảng. Về trình độ văn hóa, phải học hết chương trình cấp III về các môn khoa học tự nhiên hoặc khoa học xã hội tùy theo phần việc phụ trách. Về trình độ quản lý kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ thì, đến năm 1975, cán bộ lãnh đạo, quản lý ngành nào phải có trình độ đại học về ngành ấy. Cán bộ lãnh đạo các ngành công tác Đảng và các đoàn thể quần chúng phải qua lớp chuyên môn nghiệp vụ do ngành dọc ở trung ương mở, lại phải am hiểu về quản lý kinh tế theo chương trình trung học hoặc đại học rút gọn. *Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện* thì về lý luận và chính trị, phải qua chương trình trung cấp hoặc cao cấp trường Đảng. Về trình độ văn hóa phải học hết cấp II và phải phấn đấu để học xong chương trình cấp III. Về kiến thức quản lý kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, phải có trình độ trung học và một số huyện ủy viên phải đạt trình độ đại học.

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã thì, về lý luận và chính trị, phải qua chương trình sơ cấp trường Đảng. Về văn hóa, phải có trình độ cấp II và phải phấn đấu để sớm học hết cấp III. Về quản lý, kỹ thuật, nghiệp vụ, phải qua chương trình sơ cấp hoặc trung cấp quản lý hoặc kỹ thuật thực hành.

Việc xây dựng tiêu chuẩn cán bộ được tiến hành một cách dân chủ, từ dưới lên và có sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên như vậy đã góp phần làm cho đông đảo cán bộ tỉnh chúng tôi thấy rằng trong quá trình tiến lên không ngừng của cách mạng, yêu cầu công tác đối với cán bộ ngày càng cao, việc tự rèn luyện của cán bộ về mọi mặt cũng như việc bố trí, sắp xếp lại cán bộ là một đòi hỏi khách quan, cấp bách. Những tư tưởng «sống lâu lên lão làng», những cách nhìn mang tính chất phong kiến đối với công tác cán bộ, những thái độ coi thường học tập, coi thường khoa học—kỹ thuật đã từng bước được khắc phục. Đông đảo cán bộ tỉnh chúng tôi đã cố gắng phấn đấu để đạt những tiêu chuẩn đã đề ra. Đến năm 1976, ở cấp huyện, trong tổng số huyện ủy viên, có 32,58% đạt tiêu chuẩn về trình độ lý luận và chính trị, 54,68% đạt tiêu chuẩn về trình độ hiểu biết quản lý kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ, 72% đạt tiêu chuẩn về trình độ văn hóa. Ở cấp xã, trong số cán bộ chủ chốt có khoảng 30% đạt tiêu chuẩn về trình độ lý luận và chính trị, 50% đạt tiêu chuẩn về trình độ hiểu biết quản lý kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ, 65% đạt tiêu chuẩn về trình độ văn hóa, v.v... Những kết quả trên cho thấy số cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý ở tỉnh chúng tôi, về trình độ lý luận và

Digitized by Google

chưa thật tin tưởng ở cán bộ trẻ, v.v... Nhiều đồng chí trẻ thì hoặc tự ti, thấy mình chưa có quá trình hoạt động lâu năm cho nên rụt rè, không dám phê phán những lệch lạc, thiếu sót trong công tác cán bộ, hoặc ngược lại thiếu sự đánh giá cán bộ một cách toàn diện, cho là ở giai đoạn mới của cách mạng trình độ hiểu biết về văn hóa, khoa học – kỹ thuật là trên hết, v.v... Một băn khoăn phổ biến ở các loại cán bộ là nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ tuy rất đúng, rất sát hợp, nhưng trong hoàn cảnh cụ thể của tỉnh nhà có thực hiện trọn vẹn được không?

Qua kinh nghiệm, chúng tôi thấy rằng việc giải quyết những thắc mắc, những nhận thức nói trên là cả một quá trình, không thể chỉ bằng học tập, hay giải đáp mà còn phải bằng việc làm cụ thể. Trong quá trình nghiên cứu, học tập nghị quyết của Bộ chính trị về công tác cán bộ, tỉnh ủy chúng tôi đã hướng dẫn các cấp các ngành trong tỉnh phải từ nhiệm vụ chính trị mà định rõ vị trí, nội dung của công tác cán bộ. Những năm trước, các đại hội đảng bộ các cấp, các kỳ họp của các cấp ủy, của các ban lãnh đạo các ngành, các đại hội công nhân viên chức các cơ quan, sau khi kiểm điểm tình hình, đều có thảo luận những nhiệm vụ công tác sắp tới. Song, sự xác định nhiệm vụ đó chỉ nhằm giải quyết những yêu cầu trước mắt, chưa nhìn về lâu dài. Do không nhìn xa, trông rộng cho nên cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành trong tỉnh chúng tôi dễ bằng lòng với đội ngũ cán bộ đã có, không thấy trước những đòi hỏi về cán bộ do sự phát triển của tình hình đề ra, có nơi, có lúc đã lâm vào cảnh « nước đến chân mới nhảy ». Lần này, chúng tôi yêu cầu các cấp, các ngành, các đơn vị trong tỉnh phải phác họa được nhiệm vụ chính trị lâu dài, ít nhất là trong 5 năm (1971 – 1975), phải hình dung được những biến động có thể có về cán bộ trong thời gian ấy để từ đó quyết tâm làm công tác quy hoạch cán bộ một cách khẩn trương và đúng đắn. Chẳng hạn, đối với các huyện ủy thì phải thảo luận kỹ nội dung việc xây dựng cấp huyện, đối với cấp xã thì phải hình dung được những vấn đề lớn cần giải quyết trong 5 năm (1971 – 1975) về cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, về tổ chức lại đời sống của nhân dân, về sự thay đổi một bước quan trọng bộ mặt của địa phương, v.v... và từ đó suy nghĩ về đội ngũ cán bộ đã có, về những việc phải làm để không ngừng tăng cường đội ngũ đó cho kịp với đòi hỏi của tình hình.

Với phương châm xuất phát từ nhiệm vụ chính trị để có nhận thức đúng về công tác cán bộ, chúng tôi đã bước đầu tạo được sự chuyển biến cần thiết về tư tưởng trong đông đảo cán bộ. Tiếp đó, tỉnh chúng tôi đã thực hiện những mặt công tác sau đây trong nội dung quy hoạch cán bộ:

Một là, xác định tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại cán bộ, trước hết là từng loại cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành trong tỉnh. Từ năm 1970, tỉnh chúng tôi, với sự giúp đỡ hướng dẫn của Ban tổ chức trung ương, đã bước đầu làm thử việc xây dựng tiêu chuẩn các loại cán bộ ở huyện Hải-hậu và ở Ty kiến trúc (nay là Ty xây dựng). Đến khi có nghị quyết của Bộ chính trị về công tác cán bộ quy định những tiêu chuẩn chung cho tất cả cán bộ của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng, chúng tôi lại từ những tiêu chuẩn chung đó, định ra tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại cán bộ từng ngành, từng cấp, từng lĩnh vực công tác. Căn cứ vào những tiêu chuẩn đó, và dựa vào những kết quả, những kinh nghiệm khi làm thử ở huyện Hải-hậu và Ty kiến trúc, chúng tôi đã mở rộng việc xây dựng tiêu chuẩn cán bộ ra các cấp, các ngành trong

Digitized by Google

tỉnh. Cách làm của chúng tôi là từ dưới lên, kết hợp ý kiến của cán bộ với ý kiến của tổ chức và của lãnh đạo. Từng cán bộ, sau khi học tập Nghị quyết 225 của Bộ chính trị, tự xác định chức trách cụ thể theo cương vị công tác của mình, tự đề ra những tiêu chuẩn mà mình cần phải có để làm tốt chức trách đó. Sau đó, ban thường vụ các cấp ủy, các đồng chí lãnh đạo các ngành tổ chức thảo luận kỹ về chức trách và tiêu chuẩn cụ thể của từng loại cán bộ, đồng thời nêu rõ phương hướng và mục tiêu phấn đấu nâng cao trình độ về các mặt chính trị, văn hóa, năng lực quản lý, kỹ thuật, v.v... của các loại cán bộ, trước hết là các cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt. Chẳng hạn, ngoài các tiêu chuẩn về lập trường, đạo đức, tác phong công tác, chỉ xét riêng tiêu chuẩn trình độ hiểu biết thì, *đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh* phải có hiểu biết rộng về tình hình chung của cả nước và tình hình chung của tỉnh, có trình độ nghiên cứu tổng hợp, có trình độ tổ chức thực hiện. Về trình độ lý luận và chính trị, phải qua chương trình trung cấp hoặc cao cấp trường Đảng. Về trình độ văn hóa, phải học hết chương trình cấp III về các môn khoa học tự nhiên hoặc khoa học xã hội tùy theo phần việc phụ trách. Về trình độ quản lý kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ thì, đến năm 1975, cán bộ lãnh đạo, quản lý ngành nào phải có trình độ đại học về ngành ấy. Cán bộ lãnh đạo các ngành công tác Đảng và các đoàn thể quần chúng phải qua lớp chuyên môn nghiệp vụ do ngành đọc ở trung ương mở, lại phải am hiểu về quản lý kinh tế theo chương trình trung học hoặc đại học rút gọn. *Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện* thì về lý luận và chính trị, phải qua chương trình trung cấp hoặc cao cấp trường Đảng. Về trình độ văn hóa phải học hết cấp II và phải phấn đấu để học xong chương trình cấp III. Về kiến thức quản lý kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, phải có trình độ trung học và một số huyện ủy viên phải đạt trình độ đại học.

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã thì, về lý luận và chính trị, phải qua chương trình sơ cấp trường Đảng. Về văn hóa, phải có trình độ cấp II và phải phấn đấu để sớm học hết cấp III. Về quản lý, kỹ thuật, nghiệp vụ, phải qua chương trình sơ cấp hoặc trung cấp quản lý hoặc kỹ thuật thực hành.

Việc xây dựng tiêu chuẩn cán bộ được tiến hành một cách dân chủ, từ dưới lên và có sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên như vậy đã góp phần làm cho đông đảo cán bộ tỉnh chúng tôi thấy rằng trong quá trình tiến lên không ngừng của cách mạng, yêu cầu công tác đối với cán bộ ngày càng cao, việc tự rèn luyện của cán bộ về mọi mặt cũng như việc bố trí, sắp xếp lại cán bộ là một đòi hỏi khách quan, cấp bách. Những tư tưởng «sống lâu lên lão làng», những cách nhìn mang tính chất phong kiến đối với công tác cán bộ, những thái độ coi thường học tập, coi thường khoa học-kỹ thuật đã từng bước được khắc phục. Đông đảo cán bộ tỉnh chúng tôi đã cố gắng phấn đấu để đạt những tiêu chuẩn đã đề ra. Đến năm 1976, ở cấp huyện, trong tổng số huyện ủy viên, có 32,58% đạt tiêu chuẩn về trình độ lý luận và chính trị, 54,68% đạt tiêu chuẩn về trình độ hiểu biết quản lý kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ, 72% đạt tiêu chuẩn về trình độ văn hóa. Ở cấp xã, trong số cán bộ chủ chốt có khoảng 30% đạt tiêu chuẩn về trình độ lý luận và chính trị, 50% đạt tiêu chuẩn về trình độ hiểu biết quản lý kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ, 65% đạt tiêu chuẩn về trình độ văn hóa, v.v... Những kết quả trên cho thấy số cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý ở tỉnh chúng tôi, về trình độ lý luận và

Digitized by Google

chính trị, trình độ quản lý kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ chưa đạt tỷ lệ cao. Điều đó có nguyên nhân là, ở tỉnh chúng tôi, hệ thống trường Đảng và hệ thống các trường nghiệp vụ, tuy đã có những cố gắng nhất định, nhưng còn thiếu cơ sở vật chất cho nên số người được tuyển vào học chưa nhiều. Trong thời gian sắp tới, chúng tôi phải có những biện pháp tích cực hơn để khắc phục tình trạng đó.

Từ kết quả thực tế, chúng tôi thấy rất rõ là việc xây dựng tiêu chuẩn cán bộ là việc mới, việc khó, đòi hỏi phải công phu, tỉ mỉ, vừa phải đi đúng đường lối quần chúng, vừa phải có sự chỉ đạo chặt chẽ, tập trung, thống nhất. Bên cạnh sự chỉ đạo của tỉnh ủy, của ủy ban nhân dân tỉnh, cần phải có sự phối hợp chỉ đạo của các ngành ở trung ương theo hệ thống ngành dọc từ trên xuống dưới. Các ngành ở trung ương nên sớm ban hành những quy định về tiêu chuẩn các loại cán bộ các cấp trong ngành, điều đó sẽ tạo nhiều thuận lợi cho việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ ở các địa phương, các cấp.

Hai là, tiến hành việc nhận xét cán bộ đương chức.

Sau khi bước đầu định tiêu chuẩn các loại cán bộ, chúng tôi tiến hành một đợt nhận xét kỹ về cán bộ đương chức. Việc nhận xét này không phải chỉ nhằm đánh giá những ưu điểm, khuyết điểm chính của cán bộ trong từng thời kỳ công tác mà còn nhằm yêu cầu cao hơn là phân tích xem cán bộ đó có hoàn thành nhiệm vụ được giao hay không và mức độ hoàn thành như thế nào. Để việc nhận xét cán bộ khỏi tràn lan, thiếu tập trung, chúng tôi xác định trong bước đầu những người trong diện được nhận xét là :

Ở cấp tỉnh : các đồng chí trưởng và phó các ty, các ban, các ngành ; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm các công ty, trưởng và phó các phòng ở ty và ở các công ty.

Ở cấp huyện : các huyện ủy viên các đồng chí trưởng và phó các phòng, các ngành cấp huyện.

Ở cấp xã : các cán bộ chủ chốt trong đảng ủy, trong ủy ban nhân dân xã, trong ban quản trị hợp tác xã.

Ở các trường học, cửa hàng, bệnh viện, v v.. các đồng chí bí thư đảng bộ và thủ trưởng đơn vị.

Căn cứ vào phẩm chất, năng lực và kết quả công tác của từng cán bộ, chúng tôi xếp thành 3 loại :

— Số đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ đang làm và có khả năng hoàn thành nhiệm vụ nặng hơn, tức là có khả năng để bạt được, thì xếp loại A.

— Số đồng chí có thể đảm đương được nhiệm vụ đang làm, chưa cần phải thay thế, tuy cần được bồi dưỡng thêm, thì xếp loại B.

— Số đồng chí không thể bảo đảm nhiệm vụ vì những lý do khác nhau (tuổi cao, sức yếu, năng lực, trình độ thấp, thiếu sự tín nhiệm, vv...), thì xếp loại C.

Khi đề ra việc nhận xét, phân loại cán bộ, có đồng chí cho là không cần thiết, có thể gây mất đoàn kết, song chúng tôi cho rằng nếu có cách làm thận trọng, hợp lý thì chẳng những không gây ảnh hưởng xấu, mà còn tạo cơ sở vững chắc để làm tốt việc bồi dưỡng, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ. Chúng tôi phân công cho các ban thường vụ huyện ủy phụ trách việc nhận xét, phân loại các cán bộ chủ chốt các xã trong huyện và các huyện ủy viên. Bộ phận thường trực của huyện ủy, với sự giúp đỡ của ban tổ chức tỉnh ủy nhận xét, phân loại các đồng chí trong thường vụ huyện ủy. Ban thường vụ tỉnh ủy, có Ban tổ chức tỉnh ủy giúp việc, nhận xét và phân loại các bí thư huyện ủy và các đồng chí trong bộ phận thường trực các huyện ủy. Trước khi tiến hành việc nhận xét, phân loại cán

Digitized by Google

bộ, các đồng chí có trách nhiệm phải lắng nghe ý kiến của những người cộng sự, của quần chúng về từng người được nhận xét. Khi kết luận về từng người, phải thông qua thảo luận tập thể, kỹ càng, tránh mọi thành kiến, định kiến.

Việc nhận xét, phân loại cán bộ được tiến hành ở các cấp, các ngành trong tỉnh đã giúp cho chúng tôi có thêm cơ sở thực tế, cụ thể về tình hình cán bộ để từ đó có những suy nghĩ đúng đắn trong công tác quy hoạch cán bộ. Dưới đây là một số ví dụ về tình hình đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đương chức ở tỉnh chúng tôi qua đợt phân loại lần thứ nhất;

Ở cấp xã: Trong số cán bộ chủ chốt ở các xã thì;

– Số đồng chí đạt loại A chiếm tỷ lệ 16,6%,

– Số đồng chí đạt loại B chiếm tỷ lệ 54,2%,

– Số đồng chí loại C chiếm tỷ lệ 29,2%.

Ở cấp huyện: Trong số 302 huyện ủy viên (năm 1971) thì:

– Số đồng chí đạt loại A: 70 đồng chí (chiếm tỷ lệ 23,17%).

– Số đồng chí đạt loại B: 165 đồng chí (chiếm tỷ lệ 54,63%).

– Số đồng chí loại C: 67 đồng chí (chiếm tỷ lệ 22,18%).

Qua những ví dụ kể trên về tình hình cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở cấp huyện và cấp xã, chúng tôi thấy số đông chí có khả năng hoàn thành nhiệm vụ chiếm số đông, cho nên việc tích cực bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có phải được đặc biệt coi trọng. Khẳng định điều đó, tức là khẳng định rằng đội ngũ cán bộ của tỉnh về cơ bản là tốt, có thể vươn lên làm tốt nhiệm vụ. Song vì số đông chí cần được sắp xếp lại cũng không phải là số ít, cho nên cần gấp rút đào tạo những cán bộ trẻ, khỏe, có phẩm chất tốt và trình độ kiến thức khá để thay thế những đồng chí ấy.

Nhận xét, phân loại cán bộ là việc làm cần thiết vì nhờ đó không những hiểu kỹ được từng cán bộ mà còn đánh giá được những mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ cán bộ từng cấp, từng ngành. Để nhận xét, phân loại cán bộ được chính xác, phải dựa vào tiêu chuẩn cụ thể của các loại cán bộ, phải xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong cả một quá trình, lại phải có thái độ khách quan, vô tư, v.v... Nơi nào trong tỉnh không làm đúng như vậy thì việc nhận xét, phân loại cán bộ không được chính xác, thiếu sự nhất trí, thường phải làm đi làm lại nhiều lần. Việc nhận xét, phân loại cán bộ lại không thể là việc làm "nhất thành bất biến", mà từng thời kỳ nhất định phải được xem xét lại để điều chỉnh khi cần thiết.

Ba là, ra sức xây dựng đội ngũ cán bộ dự bị. Để có nguồn bổ sung, thay thế cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý khi cần thiết, chúng tôi đã tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ dự bị ở các cấp, các ngành. Khái niệm cán bộ dự bị mà chúng tôi dùng ở đây là những cán bộ sau khi được chọn lựa, sẽ được bồi dưỡng, giúp đỡ một cách thiết thực để khi cần có thể thay thế các cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đương chức. Theo hướng chung, cán bộ dự bị ở ngành nào thì chọn trong ngành ấy là chính, nhằm vào số cán bộ kế cận, số cán bộ xuất sắc do ngành quản lý. Về cán bộ dự bị các cấp ủy thì chọn trong phạm vi rộng hơn, có thể chọn ở các ngành, ở các cơ sở, bao gồm các loại cán bộ chính trị, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, v.v... Nhìn chung, cán bộ dự bị phải là những người có phẩm chất tốt, có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ đang làm, và có khả năng gánh vác được nhiệm vụ nặng hơn, còn trẻ và có sức khỏe. Được

Digitized by Google

bồi dưỡng, giúp đỡ tốt thì nếu ở trong ngành, họ có thể trở thành những cán bộ quản lý tốt, và nếu vào cấp ủy, họ có thể đóng góp tích cực vào sự lãnh đạo chung.

Theo chủ trương của tỉnh chúng tôi, mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức ở các ngành, các cấp trong tỉnh phải giới thiệu 2 hoặc 3 cán bộ dự bị trong tương lai có thể đảm nhiệm công việc mà mình đang phụ trách. Các cấp ủy, các đồng chí thủ trưởng các ngành căn cứ vào sự giới thiệu đó, sau khi đã xem xét đầy đủ về các mặt phẩm chất, năng lực, kết quả công tác, độ tuổi, sức khỏe, hồ sơ lý lịch, v.v... lập danh sách cán bộ dự bị của từng cấp, từng ngành và báo cáo với cấp ủy hoặc ngành dọc cấp trên.

Cho đến năm 1975, ở tỉnh chúng tôi, hầu hết các cấp, các ngành đã lập được tương đối hoàn chỉnh danh sách cán bộ dự bị. Xin nêu lên một vài số liệu làm ví dụ:

— Số cán bộ dự bị huyện ủy đã chọn được là 241 đồng chí (trong số đó có 127 đồng chí dưới 30 tuổi, 88 đồng chí là cán bộ cấp huyện, 153 đồng chí là cán bộ cơ sở).

— Số cán bộ dự bị tỉnh ủy đã chọn được là 68 đồng chí, (trong số đó có 50 đồng chí dưới 40 tuổi, 21 đồng chí là trưởng ty, phó trưởng ty, bí thư huyện ủy, 8 đồng chí là huyện ủy viên, 39 đồng chí là cán bộ khoa học — kỹ thuật, 35 đồng chí có trình độ đại học). Trong quá trình chọn lựa cán bộ dự bị ở các cấp, các ngành, chúng tôi thường phải uốn nắn những khuynh hướng, những cách làm lệch lạc như: chọn một cách chung chung, thiếu mục đích rõ ràng, không dựa vào những tiêu chuẩn cụ thể, không xác định rõ ý định sẽ sắp xếp người được lựa chọn vào vị trí công tác gì để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sát hợp; hoặc khi chọn cán bộ dự bị chỉ nhìn vào trình độ văn hóa, vào bằng cấp hay ngược lại chỉ nhìn vào đạo đức, tác phong, thiếu xem xét một cách toàn diện.

Sau khi chọn cán bộ dự bị, phải ra sức chăm lo bồi dưỡng số cán bộ đó. Nhiều cán bộ đương chức đã quan tâm giúp đỡ, dìu dắt cán bộ dự bị bằng cách trao đổi kinh nghiệm công tác, góp ý về phương hướng phấn đấu, tạo điều kiện cho đi học tập, bồi dưỡng, để cán bộ dự bị có thể vươn lên đảm đương tốt nhiệm vụ mà tổ chức định giao phó.

Nhờ xây dựng được đội ngũ cán bộ dự bị, đảng bộ chúng tôi đã thêm phần chủ động trong công tác cán bộ. Trước đây, mỗi lần đại hội đảng bộ các cấp, chúng tôi thường phải mất khá nhiều công sức, thời gian để lo vấn đề nhân sự thì ngày nay vấn đề đó đã được giải quyết nhanh chóng và sát đúng hơn. Một ví dụ khác là trong vài năm tới, ở tỉnh chúng tôi sẽ có khoảng trên năm chục đồng chí cấp trưởng và phó các ty, các ban, các ngành cấp tỉnh sẽ đến tuổi về hưu, nhưng từ bây giờ chúng tôi đã chuẩn bị đủ số người sẽ thay thế.

Bốn là, đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Trong quy hoạch cán bộ 1971 — 1975, chúng tôi coi trọng việc bồi dưỡng tại chức cho phần lớn cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức về những kiến thức cần thiết để các đồng chí đó có thể đáp ứng được yêu cầu của công tác. Đồng thời, chúng tôi xây dựng kế hoạch lần lượt cho đi học tập một cách cơ bản, có hệ thống ở các trường, lớp trong tỉnh và ở các trường, lớp do Trung ương mở những cán bộ đương chức còn trẻ và những cán bộ dự bị có nhiều triển vọng nhằm đáp ứng yêu cầu kiện toàn các cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành và cơ sở.

Chúng tôi cũng đã phát động mạnh mẽ phong trào học tập trong toàn tỉnh. Theo nghị quyết của tỉnh ủy, mỗi cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh

Digitized by Google

đạo, cán bộ quản lý chủ chốt ở các cấp các ngành, phải nêu cao quyết tâm gương mẫu học tập. Mỗi đồng chí, với sự giúp đỡ của tập thể, của tổ chức, căn cứ vào nhiệm vụ công tác, vào trình độ hiện có, phải xác định cho mình nội dung, chương trình học tập và hình thức học tập sát hợp. Các tổ chức Đảng các cấp phải kiểm tra theo dõi sát kết quả học tập của cán bộ, đảng viên, biểu dương, khen thưởng kịp thời những đồng chí cần cù học tập và nghiêm khắc phê phán những hiện tượng lười học tập.

Để phục vụ việc học tập của cán bộ, chúng tôi đã mở nhiều loại trường, lớp văn hóa, chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

Về văn hóa, ở các xã đều có lớp bổ túc văn hóa tại chức cho cán bộ, đảng viên. Một số xã có lớp học văn hóa theo hình thức tập trung luân phiên cho cán bộ chủ chốt.

Ở huyện, bên cạnh các trường bổ túc văn hóa cấp II, III tại chức, có trường bổ túc văn hóa tập trung nhằm bồi dưỡng hết chương trình cấp II cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cấp huyện.

Ở tỉnh, có nhiều trường bổ túc văn hóa cấp III (gồm các loại tập trung và tại chức) do ngành giáo dục và do một số xí nghiệp lớn trong tỉnh tổ chức. Riêng trường phổ thông lao động của tỉnh, trong 5 năm (1971 — 1975) đã thu nhận 737 học viên, trong đó phần lớn là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cấp tỉnh và cấp huyện.

Về lý luận và chính trị, chúng tôi đã xây dựng và củng cố hệ thống trường Đảng cấp huyện và cấp xã, mở rộng nội dung hoạt động của trường Đảng tỉnh, giúp trường Đảng tỉnh mở nhiều lớp chính trị trung cấp (gồm hệ tập trung và hệ tại chức). Từ năm 1972, trường Đảng tỉnh đã mở lớp đào tạo giảng viên chính trị cho trường Đảng cấp huyện theo chương trình trung cấp với thời gian học là 18 tháng.

Về quản lý kinh tế, về kỹ thuật, nghiệp vụ thì, đối với cán bộ cơ sở, chúng tôi thường dùng các hình thức tập huấn chuyên đề ngắn ngày về từng loại cây trồng, từng loại con gia súc, từng khâu công tác quản lý, v.v... Đối với cán bộ cấp huyện và cấp tỉnh, chúng tôi mở các lớp học tại chức về quản lý kinh tế, kỹ thuật. Chúng tôi cũng đã nhờ các trường đại học giúp đỡ tổ chức bồi dưỡng tại chỗ cho cán bộ trong tỉnh theo chương trình đại học rút gọn về các môn kinh tế, kỹ thuật. Trên 400 cán bộ đã theo học các lớp này. Khi bước vào thực hiện quy hoạch cán bộ, trong tổng số huyện ủy viên trong tỉnh chỉ có 7 đồng chí có trình độ đại học và 15 đồng chí có trình độ trung học về các ngành kinh tế, kỹ thuật; đến năm 1975 đã có 56 đồng chí có trình độ đại học và 79 đồng chí có trình độ trung học.

Năm là, từng bước bố trí, sắp xếp lại cán bộ, đổi mới từng phần đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp, các ngành.

Đội ngũ cán bộ của tỉnh chúng tôi, như trên kia đã trình bày, về cơ bản là tốt và đã có những cống hiến đáng kể vào sự nghiệp cách mạng. Song, bước vào giai đoạn mới của cách mạng, trước những nhiệm vụ mới ngày càng nặng nề, đội ngũ đó cần được từng bước bố trí, sắp xếp lại. Đây là việc làm đòi hỏi phải có sự tính toán, cân nhắc tập thể, kỹ lưỡng theo phương châm *kiên quyết* đi đôi với *thận trọng*, nhằm tạo nên những chuyển biến thật sự trong việc nâng cao chất lượng cán bộ, đẩy mạnh mọi mặt công tác, tránh được mọi cách làm hình thức, tùy tiện, không mang lại hiệu quả gì mà lại gây nên những xáo trộn không cần thiết.

Chúng tôi chủ trương trước hết phải thông qua các kỳ đại hội các cấp, thông qua việc kiện toàn các ngành, các đơn vị, đưa một tỷ lệ thích đáng cán bộ dự bị xuất sắc vào

Digitized by Google

các bộ phận lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành, làm cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý không ngừng được đổi mới từng phần, bảo đảm được tính liên tục và tính kế thừa. Chúng tôi đã thực hiện được chủ trương này một cách thuận lợi nhờ đã bồi dưỡng được đông đảo cán bộ dự bị ở các ngành, các cấp. Kinh nghiệm cho chúng tôi thấy, trong việc tăng cường cán bộ trẻ cho các cấp, các ngành, nếu chỉ chú ý đến số lượng mà thiếu sự chuẩn bị, sự bồi dưỡng cần thiết để bảo đảm chất lượng thì thường không được sự đồng tình của đông đảo cán bộ, có khi còn gây những hậu quả không tốt.

Việc bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ ở tỉnh chúng tôi được tiến hành theo các hướng sau đây:

— Tăng cường cán bộ, trước hết là cán bộ quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ, cho các cơ sở, ưu tiên cho những cơ sở kém yếu hoặc có nhiều khó khăn.

- Đưa những đồng chí cần được bồi dưỡng thêm đi học các lớp tập trung hoặc tại chức.

— Sắp xếp công tác thích hợp cho những đồng chí thật sự tỏ ra không thể gánh vác nổi nhiệm vụ đang làm, cho về hưu những người đã đến tuổi. Đối với các đồng chí này, cần làm tốt công tác tư tưởng, thực hiện tốt các chế độ, chính sách với tinh thần thương yêu đồng chí sâu sắc.

— Xử lý kỷ luật đối với những người đã thoái hóa, có sai lầm nghiêm trọng.

Với phương hướng trên, qua 5 năm thực hiện quy hoạch cán bộ (1971 — 1975), qua các kỳ bầu cử dân chủ, hầu hết các huyện ủy viên không đảm đương nổi nhiệm vụ đều đã được thay thế. Trong nhiệm kỳ huyện ủy 1971 — 1972, trong tổng số đồng chí được bổ sung vào huyện ủy số cán bộ dự bị chiếm 46,77%. Trong nhiệm kỳ 1973—1974 số đó lên tới 61,17%... Ở cấp tỉnh đã đề bạt 564 cán bộ vào các cương vị lãnh đạo, quản lý, trong đó số cán bộ khoa học, kỹ thuật trẻ tuổi chiếm gần 50%. Tỉnh chúng tôi cũng đã tăng cường cho các cơ sở 189 cán bộ có trình độ đại học, 65 cán bộ có trình độ trung học. Ở các cấp, các ngành, hầu hết cán bộ đến tuổi đều đã về hưu.

Trong quá trình bố trí, sắp xếp lại cán bộ, ở tỉnh chúng tôi không phải lúc nào tình hình cũng diễn ra thuận lợi. Có nơi, có lúc, những quan điểm, nhận thức sai trái, những tư tưởng hẹp hòi, bảo thủ, và những biểu hiện tiêu cực khác đã gây ra không ít khó khăn, trở ngại. Song, nhờ có sự nhất trí qua các đợt học tập nghị quyết của Bộ chính trị về công tác cán bộ trong giai đoạn mới, nhờ biết kết hợp chặt chẽ ý kiến của lãnh đạo với ý kiến của quần chúng và nhờ làm tốt các khâu trong quy hoạch cán bộ, chúng tôi đã vượt qua được những khó khăn đó.

★

Nhờ tiến hành một cách đồng bộ các mặt công tác kể trên ở cả 3 cấp: tỉnh, huyện và xã, từ năm 1971 đến nay chúng tôi đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ không ngừng lớn mạnh, đáp ứng được về cơ bản yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Tình trạng chắp vá, bị động trong công tác cán bộ đang từng bước được khắc phục. Việc sử dụng, điều động, bố trí, sắp xếp, đề bạt cán bộ ngày càng bớt được những điều không hợp lý. Những tổ chức, những đơn vị yếu kém đã và đang được củng cố. Công tác quản lý cán bộ ngày càng chặt chẽ. Một số tài năng trẻ đã được phát hiện và cất nhắc, đề bạt kịp thời. Đông đảo cán bộ các ngành, các cấp đã và đang phấn đấu vươn lên trong công tác, trong học tập và rèn luyện để đáp ứng ngày càng tốt hơn nữa yêu cầu của nhiệm vụ chính trị.

Digitized by Google

Tuy nhiên, việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ ở tỉnh chúng tôi vẫn còn nhiều thiếu sót, thể hiện trước hết ở chỗ chưa đồng đều ở cả ba cấp tỉnh, huyện, xã. Nhìn chung, ở cấp tỉnh, sự chuyển biến chưa thật mạnh và chưa đều. Ngay trong từng cấp cũng chưa đồng đều, cơ quan có trách nhiệm mới chú ý quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, chưa chú ý đúng mức quy hoạch cán bộ khoa học — kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng quy hoạch cán bộ cũng chưa cao. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xuất thân từ thành phần công nhân, cán bộ nữ, cán bộ các dân tộc thiểu số chưa được coi trọng đúng mức. Trong nội dung quy hoạch cán bộ ở từng cấp còn nhiều việc chưa được chỉ đạo thực hiện chu đáo, tỉ mỉ, và có những việc chưa được thực hiện. Do đội ngũ cán bộ thường có những biến động đột xuất cho nên các chỉ tiêu trong quy hoạch cán bộ chỉ mới được thực hiện khoảng 70%.

Kinh nghiệm ngày càng cho chúng tôi thấy rằng quy hoạch cán bộ là công việc quan trọng và bức thiết không những để làm tốt công tác cán bộ trong từng đơn vị mà còn để làm tốt các việc củng cố cơ sở, xây dựng cấp huyện, kiện toàn các ngành và nâng cao chất lượng đảng viên.

Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh chúng tôi họp vào cuối tháng 4 năm 1977 đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ cụ thể nhằm xây dựng Hà-nam-ninh sớm trở thành một tỉnh công — nông nghiệp phát triển, có quốc phòng địa phương vững mạnh, có phong trào quần chúng làm chủ tập thể mạnh mẽ, có đời sống ngày càng được cải thiện, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Trên cơ sở nhiệm vụ chính trị đó, chúng tôi đã xây dựng quy hoạch cán bộ 1976 — 1980 (trong đó có những mặt được quy hoạch đến năm 1985). Trong quy hoạch đó, chúng tôi đã tính toán kỹ những nhu cầu trước mắt và nhu cầu lâu dài về cán bộ, và nâng cao tính đồng bộ của các mặt công tác nhằm hoàn chỉnh một bước quy hoạch cán bộ ở cả ba cấp: tỉnh, huyện và cơ sở. Chúng tôi đặc biệt coi trọng việc tăng thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, cán bộ các dân tộc thiểu số, đồng thời cũng rất coi trọng việc điều chỉnh lại lực lượng cán bộ có trình độ đại học nhằm đạt hiệu quả sử dụng cao nhất.

Chúng tôi quyết tâm khắc phục mọi trở ngại, khó khăn, làm cho quy hoạch cán bộ 1976 — 1980 của tỉnh được thực hiện thắng lợi, góp phần cùng toàn Đảng làm tốt công tác cán bộ trong giai đoạn mới.

Digitized by Google

Thanh tra nhân dân và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động

TRẦN-MẠNH-QUỲ

TRONG giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tính chủ động, óc sáng tạo của quần chúng nhân dân cần được phát huy mạnh mẽ hơn, sâu sắc hơn và toàn diện hơn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực. Để bảo đảm được yêu cầu rất quan trọng này, động viên được sức mạnh của toàn dân ra sức xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong cả nước, ngăn ngừa và đấu tranh xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực, Đảng ta đã đề ra nhiều hình thức và biện pháp. Thanh tra nhân dân là một trong những biện pháp thiết thực và có hiệu quả nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, bảo đảm cho nhân dân có quyền kiểm tra, giám sát việc chấp hành, người chấp hành và bộ máy chấp hành, góp phần làm cho mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước thực hiện đúng những chế độ, chính sách và luật lệ đã ban hành. Nó góp phần ngăn chặn và xóa bỏ những việc làm trái phép, ủng hộ và bảo vệ những việc làm đúng đắn, làm cho hoạt động của quần chúng nhân dân trên mọi lĩnh vực thật sự có dân chủ và có tổ chức, đặng thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt.

Việc quần chúng nhân dân tiến hành kiểm tra, giám sát các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là xuất phát từ bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội nước ta, của Nhà nước ta. Mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước ta không có mục đích nào khác là phục vụ lợi ích của nhân dân lao động. Vì thế, trong đạo luật cơ bản – Hiến pháp của nước ta – đã quy định rõ ràng: « Tất cả các cơ quan Nhà nước đều phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân và chịu sự kiểm soát của nhân dân » (điều 6). Ở đây, sự kiểm tra, giám sát của nhân dân là một nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa, và nằm trong mối quan hệ cơ bản: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước

Digitized by Google

quản lý. Thanh tra nhân dân chẳng những là một hình thức làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong hoạt động xã hội, mà còn là một hình thức thiết thực để nhân dân lao động giám sát trực tiếp và tham gia quản lý mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Quần chúng lao động là người trực tiếp sản xuất, công tác, gắn liền với công việc ở từng cơ sở, cho nên có điều kiện thuận lợi thấy rõ việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở, để đánh giá đúng đắn những ưu điểm, khuyết điểm và đề ra được những biện pháp thiết thực nhằm khắc phục khuyết điểm, phát huy ưu điểm trong việc chấp hành chính sách. Vì vậy, thực hiện việc kiểm tra, giám sát của quần chúng đối với mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước và xã hội sẽ nâng cao ý thức và vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, làm cho sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo của Nhà nước có hiệu lực hơn, góp phần khắc phục những hiện tượng quan liêu, cửa quyền, phiền hà nhân dân, đồng thời nâng cao lòng tin tưởng của quần chúng đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Sự kiểm tra, giám sát của nhân dân là một bộ phận không thể thiếu được trong cơ cấu kiểm tra của chúng ta bao gồm hệ thống tự kiểm tra trong bộ máy Nhà nước, sự kiểm tra của Đảng và của các tổ chức quần chúng. Nó góp phần tạo nên một cơ chế buộc từng tổ chức, từng cán bộ, từng người dân phải tuân thủ Hiến pháp, chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ, thể lệ, pháp luật của Nhà nước, làm tốt từng công việc, từng sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn số lượng và chất lượng đã quy định. Vì thế, thanh tra nhân dân chẳng những phù hợp với yêu cầu khách quan của việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, mà còn phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân lao động là nghiêm chỉnh thực hiện và bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ làm chủ tập thể của nhân dân, làm cho Nhà nước xã hội chủ nghĩa của ta thật sự là của dân, do dân, vì dân.

Sự kiểm tra, giám sát của nhân dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa có một phạm vi rất rộng lớn. Tác dụng của nó sẽ ngày càng to lớn khi nó được tiến hành ở khắp mọi nơi, có tính chất toàn dân. Lê-nin đã chỉ rõ: «Khi đa số nhân dân, tự mình và ở khắp mọi nơi, tiến hành thống kê và kiểm sát.... thì lúc đó sự kiểm sát ấy sẽ thật rộng khắp, phổ biến và có tính chất toàn dân, và không một ai có thể trốn thoát sự kiểm sát ấy bằng cách nào được cả, «không còn trốn vào đâu được cả» (1). Và nếu có trốn thoát cũng là «một chuyện hết sức khó khăn và một ngoại lệ hết sức hiếm; việc trốn tránh ấy chắc chắn sẽ đưa lại một hình phạt rất nhanh chóng và rất nghiêm» (2). Vì thế, nó được tiến hành bằng nhiều tổ chức và phương pháp khác nhau. Những tổ chức và phương pháp đó phát huy tác dụng khác nhau và bổ sung cho nhau, làm cho sự kiểm tra, giám sát của quần chúng nhân dân càng thêm phong phú, đầy đủ.

Theo quyết định số 25/TTg của Thủ tướng Chính phủ, chúng ta đã tổ chức lực lượng thanh tra của quần chúng ở các đơn vị cơ sở chính quyền, kinh tế, sự nghiệp, gọi là ban thanh tra nhân dân. Ban này có nhiệm vụ giúp chính quyền cơ sở và thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp động viên rộng rãi nhân dân và cán bộ, công nhân, viên chức trong đơn vị cơ sở đó thường xuyên kiểm tra mọi người trong việc thực hiện nhiệm vụ, chấp hành các chính sách của Đảng, kế hoạch và

(1), (2) Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 25, trang 545, 546.

Digitized by Google

pháp luật của Nhà nước, nội quy của đơn vị, để kịp thời phát hiện và bài trừ các hiện tượng tiêu cực nhằm góp phần thúc đẩy mọi người hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước và xây dựng đơn vị vững mạnh. Nó còn tham gia góp ý kiến với chính quyền cơ sở hoặc thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp trong việc xét, giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo, hoặc các kiến nghị, thỉnh cầu của nhân dân thuộc phạm vi trách nhiệm của đơn vị cơ sở đó. Việc tổ chức thanh tra nhân dân chứng tỏ rằng Nhà nước ta không những tự giác chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, mà còn tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình.

Thanh tra nhân dân là một tổ chức rất quan trọng để kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra của quần chúng với kiểm tra của Đảng và thanh tra của Nhà nước, là tổ chức cơ sở của thanh tra Nhà nước, giúp ngành thanh tra làm tốt nhiệm vụ của mình. Nếu chỉ dựa vào cơ quan thanh tra chuyên trách thì không thể tiến hành kiểm tra thường xuyên, kịp thời, rộng khắp và có hiệu lực, góp phần làm cho sự lãnh đạo, chỉ đạo được sâu sát, kịp thời và có hiệu quả trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước ta hiện nay.

★

Nội dung hoạt động của thanh tra nhân dân xuất phát từ nội dung làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, bao gồm nhiều mặt: làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, làm chủ trong phạm vi cả nước, trong mỗi địa phương, nhất là ở mỗi cơ sở, nơi mà quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được thực hiện một cách trực tiếp. Ở đó, quần chúng trực tiếp hưởng các quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ của mình. Qua hoạt động thực tế, quần chúng có điều kiện phát hiện vấn đề một cách nhạy bén và chính xác, phân biệt rõ ràng và cụ thể người tốt, kẻ xấu, hiểu cặn kẽ nguồn gốc phát sinh vấn đề, có ý kiến giải quyết thỏa đáng, kể cả trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, xã hội.

Đến nay, các địa phương, các ngành trong cả nước đã tổ chức được 10.123 ban thanh tra nhân dân với 75.485 ủy viên, 110.346 thanh tra viên trong các đơn vị cơ sở chính quyền xã, tiểu khu, phường, các cơ sở kinh tế, sự nghiệp của địa phương và trung ương. Thực tế chứng tỏ rằng, ở nơi nào mà thanh tra nhân dân hoạt động tốt thì ở nơi đó có tiến bộ về nhiều mặt, và đạt được những kết quả thiết thực đối với đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kết quả trước hết là nhân dân đã từng bước thật sự thực hiện quyền làm chủ về chính trị của mình. Trên mọi lĩnh vực hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức tập thể, các đoàn thể quần chúng, nhân dân đều thực hiện sự kiểm tra, giám sát của mình. Qua đó, đã thúc đẩy mọi người cố gắng vươn lên, sửa chữa những khuyết điểm, thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao phó. Quần chúng đã đấu tranh một cách có tổ chức chống những hiện tượng tiêu cực, kể cả những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở mà trước đây không ai dám đấu tranh. Do đó, đã bảo vệ được cán bộ, đề cao trách nhiệm của cơ quan chính quyền cơ sở trước nhân dân, giải quyết kịp thời những vấn đề mắc mứu, thanh toán những chuyện ấm ức lâu ngày, xóa bỏ được những nghi ngờ không có căn cứ trong quần chúng hoặc giữa quần chúng và cán bộ, giảm bớt được đơn từ khiếu nại và tố cáo gửi lên cấp trên, tạo nên không khí đoàn kết, phấn khởi thực hiện nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa...,

Digitized by Google

xây dựng nếp sống mới trong đơn vị. Mặt khác, qua kiểm tra của quần chúng, đã kịp thời xử lý bọn làm ăn phi pháp, thanh lọc được những phần tử xấu đầu cơ trục lợi trong bộ máy chính quyền cơ sở, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực của bộ máy Nhà nước ở cơ sở.

Qua hoạt động của thanh tra nhân dân quyền làm chủ tập thể của nhân dân về kinh tế cũng được tăng cường. Quần chúng đã tích cực đấu tranh chống những hiện tượng làm bừa, làm ẩu trong lao động sản xuất, không công bằng, hợp lý trong phân phối, tệ tham ô, lãng phí, chè chén, móc ngoặc tuồn hàng của Nhà nước cho bọn buôn gian bán lậu, nạn cửa quyền, gây phiền hà cho nhân dân, hoặc những hiện tượng tùy tiện, không tuân theo các chế độ, pháp luật của Nhà nước, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Nhờ vậy, đã thu hồi được nhiều tài sản cho Nhà nước và tập thể, trả lại quyền lợi kinh tế chính đáng cho nhiều người, giảm phiền hà cho nhân dân trong mua bán, đi lại, góp phần tích cực vào việc quản lý lao động, tiền của, vật tư, hàng hóa của Nhà nước và của tập thể, thúc đẩy việc sản xuất, kinh doanh, phân phối, phục vụ ngày càng tốt hơn đời sống nhân dân. Có nơi, qua 1 năm hoạt động, ban thanh tra nhân dân kiểm tra hai cửa hàng lương thực của hai huyện đã tìm thấy 14 tấn thóc, gạo bị nhân viên cửa hàng lợi dụng sơ hở, làm giấy tờ giả để lấy cắp, hoặc chỉ riêng 1 xã đã tìm thấy 13 tấn thóc bị nhân viên cửa hàng và cán bộ xã tham ô. Có ban thanh tra nhân dân ở một tiểu khu trong 4 tháng đã phát hiện 100 vụ, việc sai phạm chế độ, chính sách, pháp luật Nhà nước.

Trước đây, nhiều ban thanh tra nhân dân thường chỉ chú ý kiểm tra, phát hiện những hiện tượng tham ô, ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa ở các xí nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, nhà ăn tập thể..., nay đã chú ý cả việc kiểm tra, giám sát các khâu sản xuất, phân phối và tổ chức đời sống, phát hiện các mặt tiêu cực, đề xuất với lãnh đạo những biện pháp khắc phục.

Thông qua hoạt động của thanh tra nhân dân, quần chúng còn phát huy vai trò làm chủ tập thể trong việc đóng góp ý kiến xây dựng và cải tiến các chế độ quản lý và tổ chức thực hiện. Ở một xã trung bình khá sau khi có ban thanh tra nhân dân, đã có hơn 200 vụ, việc do nhân dân báo cáo. Ban thanh tra nhân dân của một xí nghiệp chỉ sau hơn 1 năm hoạt động đã nhận được hơn 200 ý kiến đề nghị của công nhân, viên chức, trong đó có gần 150 ý kiến về công tác quản lý chung, về tổ chức và quản lý lao động, về sử dụng và bảo quản vật tư và về công tác đời sống. Vì vậy thanh tra nhân dân đã góp phần giúp cấp ủy Đảng và chính quyền nắm được tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất, công tác và bảo đảm đời sống một cách kịp thời và toàn diện, thấy được những việc làm tốt, việc làm chưa tốt, chỗ mạnh, chỗ yếu trong công tác, kịp thời chỉ đạo và uốn nắn để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Thanh tra nhân dân còn giúp chính quyền, thủ trưởng xem xét giải quyết các đơn khiếu nại, tố giác của quần chúng được cụ thể, chính xác, nhanh chóng, vì nó đã tiến hành kiểm tra, giám sát, thu thập được những tài liệu, chứng cứ cần thiết.

Bộ phận thường trực của ban thanh tra nhân dân có đại diện của các đoàn thể quần chúng tham gia, cho nên đã giúp cho các đoàn thể này nắm được những hiện tượng tiêu cực của đoàn viên, kịp thời đưa ra giáo dục trong đoàn thể. Mặt khác nhờ có mạng lưới đoàn viên, hội viên làm tai mắt cho mình, ban thanh tra nhân dân nắm được chính xác sự việc diễn biến cụ thể ở cơ sở, giải quyết sự việc được nhanh chóng, kịp thời ngay từ lúc mới phát sinh.

Digitized by Google

Nội dung hoạt động của thanh tra nhân dân gắn liền và xoay quanh nhiệm vụ chính trị của đơn vị cơ sở mà mỗi người, mỗi tổ chức trong đơn vị cơ sở phải ra sức thực hiện, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng bộ cơ sở. Mỗi người ở đơn vị cơ sở muốn thực hiện được quyền kiểm tra, giám sát của mình, thì trước tiên phải làm đầy đủ nhiệm vụ công tác của mình trong đơn vị. Đó là điều kiện bảo đảm cho thanh tra nhân dân hoạt động thuận lợi, nó có tác dụng thúc đẩy mọi người, mọi tổ chức trong đơn vị cơ sở cố gắng làm tròn trách nhiệm của mình. Mỗi đơn vị cơ sở có vị trí và nhiệm vụ khác nhau, cho nên nội dung hoạt động thanh tra nhân dân cũng không giống nhau, tùy điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của mỗi đơn vị mà vận dụng cho sát với thực tế, không rơi vào hình thức hoặc gò bó vào những quy định cụ thể, hạn chế tác dụng hoạt động, không phục vụ thiết thực cho sự lãnh đạo của đảng bộ và chính quyền cơ sở.

Vừa qua, do chưa nắm vững tổ chức và nội dung hoạt động của nó, cho nên hoạt động thanh tra nhân dân ở một số nơi đã không bám sát nhiệm vụ trọng tâm từng thời kỳ của đơn vị, động viên mọi người trong đơn vị phát huy tinh thần làm chủ tập thể, kiểm tra việc thực hiện mọi mặt công tác ở đơn vị, biểu dương người tốt, việc tốt, phê phán người xấu, việc xấu, mà chỉ sa vào việc kiểm tra các vụ tham ô. Vì thế, nội dung hoạt động của thanh tra nhân dân trở nên nghèo nàn. Kết quả tưởng là lớn, nhưng thật ra rất hạn chế, không phát huy được vai trò làm chủ tập thể của mỗi người và mỗi tổ chức trong đơn vị, không làm cho mọi người thấy được việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị gắn liền với quyền lợi thiết thân của mỗi người, mỗi tổ chức trong đơn vị, để tự giác làm tốt nhiệm vụ của mình và kiểm tra, giám sát việc làm của người khác. Đương nhiên hoạt động của thanh tra nhân dân là phải kịp thời phát hiện và đấu tranh không khoan nhượng với những hiện tượng tiêu cực, nhưng cái đó không phải là nội dung duy nhất của thanh tra nhân dân. Hoạt động của thanh tra nhân dân phải biết *kết hợp giữa xây và chống, chống là để xây tốt hơn; kết hợp giữa giáo dục thuyết phục với cưỡng bức, mà giáo dục thuyết phục là chính*, là rộng lớn, phải *dám đấu tranh và biết đấu tranh trong mọi trường hợp với mọi đối tượng, bảo đảm đoàn kết nội bộ trên quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng*. Đó là phương châm hoạt động đúng đắn và lâu dài của thanh tra nhân dân.

Ở những nơi có phong trào khá, việc kiểm tra, giám sát của nhân dân dần dần đi vào nền nếp, thường xuyên bám sát nhiệm vụ sản xuất, công tác trong từng thời kỳ, đi vào từng khâu công tác, như trong nông nghiệp đã kiểm tra, giám sát từ việc làm đất, gieo mạ, cấy lúa, chăm bón đến khâu phân phối ăn chia, chống làm ẩu làm dối, làm không đúng kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí...

★

Thanh tra nhân dân hoạt động có kết quả là nhờ sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp chính quyền. Sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ở đây là làm công tác giáo dục cho mọi người có ý thức đối với công việc thanh tra, kiểm tra, trên cơ sở đó, phát động mỗi người tự kiểm tra mình và kiểm tra những người chung quanh một cách thường xuyên, hăng hái tham gia hoạt động của ban thanh tra nhân dân; là đề ra chủ trương, phương hướng công tác thanh tra trong từng thời kỳ, nghe ban thanh tra nhân dân phản ánh tình hình, lãnh đạo chính quyền chỉ đạo chặt chẽ hoạt động của ban thanh tra nhân dân. Sự chỉ đạo

Digitized by Google

chặt chẽ của chính quyền ở đây là đề ra những nội dung cụ thể cho thanh tra nhân dân hoạt động, bám sát nhiệm vụ của từng đơn vị, thường kỳ nghe báo cáo kết quả của nó, tích cực giải quyết những vấn đề cần thiết mà quần chúng đặt ra, phát huy tác dụng của thanh tra nhân dân không phải chỉ trong phạm vi những đơn vị có phong trào quần chúng làm công tác kiểm tra, giám sát, mà cả những nơi khác nhằm phát huy rộng rãi ưu điểm, ngăn ngừa khuyết điểm tương tự có thể xảy ra ở những đơn vị khác.

Lợi ích của hoạt động thanh tra nhân dân đòi hỏi các cấp Đảng, chính quyền, các tổ chức quần chúng và các cơ quan thanh tra chuyên trách mạnh dạn phát động quần chúng tiến hành kiểm tra, giám sát, và giữ vững chế độ kiểm tra, giám sát đó một cách bền vững ở các đơn vị cơ sở. Vì chỉ có tổ chức cho quần chúng kiểm tra, giám sát tại chỗ, mới thực hiện được sự kiểm tra liên tục ở mọi nơi. Trách nhiệm của các cấp Đảng và chính quyền đối với hoạt động thanh tra nhân dân thể hiện chủ yếu ở chỗ đề ra chủ trương và kế hoạch cho tổ chức đó thực hiện, đồng thời củng cố tổ chức thanh tra chuyên trách để đủ sức làm tham mưu cho công tác thanh tra và thường xuyên hướng dẫn, giúp đỡ thanh tra nhân dân hoạt động đúng hướng và có kết quả. Trách nhiệm đó còn thể hiện ở chỗ biết kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của cơ sở với nội dung hoạt động thanh tra nhân dân trong từng thời kỳ, quyết đoán kịp thời và công khai trả lời trước quần chúng về những vấn đề mà qua kiểm tra, giám sát, quần chúng nhân dân đặt ra trong phạm vi đơn vị.

Trách nhiệm của các đoàn thể là động viên quần chúng tham gia kiểm tra, giám sát công việc của các cơ quan Nhà nước, cử người có năng lực và có tín nhiệm trong quần chúng tham gia hoạt động thanh tra nhân dân.

Trách nhiệm của cơ quan thanh tra chuyên trách là bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu và hướng dẫn nghiệp vụ cho thanh tra nhân dân hoạt động; kịp thời báo cáo, đề xuất những vấn đề cần thiết về tình hình thanh tra nhân dân với cấp ủy Đảng và chính quyền để có biện pháp giải quyết, làm cho hoạt động thanh tra nhân dân vừa có chiều rộng vừa có chiều sâu.

Thiếu những mặt nói trên, là thiếu những yếu tố cơ bản để bảo đảm tính bền vững của thanh tra nhân dân.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Phải tổ chức kiểm tra chặt chẽ sự hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Củng cố và hoàn thiện cơ cấu kiểm tra bao gồm hệ thống tự kiểm tra trong bộ máy Nhà nước và sự kiểm tra của các tổ chức quần chúng » (3). Vì vậy, xây dựng tổ chức và đẩy mạnh hoạt động thanh tra nhân dân là điều thiết yếu đối với mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi tổ chức cơ sở nhằm bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của quần chúng. Nhưng trong thực tế đã có những nhận thức không đúng cần được sớm khắc phục. Có đồng chí ngại rằng hoạt động thanh tra nhân dân sẽ « moi » hết chuyện này đến chuyện khác, « vạch lá tìm sâu », sinh lắm chuyện lôi thôi, hoặc coi thanh tra nhân dân là thuộc về nghiệp vụ của cơ quan thanh tra chuyên trách, chẳng dính dáng gì đến lãnh đạo, do đó thờ ơ, không tôn trọng và không tin vào khả năng kiểm tra của quần chúng. Ngược lại, có đồng chí coi thanh tra nhân dân là « vạn năng », có thể giải quyết được nhiều vấn đề, nhất là những vấn đề tiêu cực hiện nay, cho nên tổ chức vội vàng, ồ ạt, làm lướt,

(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 67.

Digitized by Google

làm ầu, chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng, thành lập được nhiều ban thanh tra nhân dân, nhưng số ban thanh tra nhân dân hoạt động khá thì lại ít, v.v... Hoặc có người sợ dính dáng đến chuyện kiểm tra phát hiện vấn đề không biết có giải quyết được gì không hay lại liên lụy đến bản thân. Lại có người cho rằng có thanh tra nhân dân thì sẽ xóa bỏ được ngay hết mọi hiện tượng tiêu cực, cho nên khi gặp khó khăn mắc mứu trong công việc thì sinh ra tiêu cực, chán nản... Những nhận thức và biểu hiện trên đây không đúng với quan điểm của Đảng ta về vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, về vị trí và tác dụng của thanh tra nhân dân, cần được uốn nắn trong quá trình xây dựng và phát triển sâu rộng thanh tra nhân dân.

Tổ chức thanh tra nhân dân là một tổ chức của nhân dân, hoạt động của nó vừa mang tính chất quần chúng, vừa mang tính chất của một công cụ chuyên chính vô sản, đối tượng kiểm tra, giám sát của nó bao gồm nhiều lĩnh vực hoạt động của xã hội. Nó có khả năng tiến hành công tác thanh tra rất tốt. Trong thực tế, có nhiều sự việc nếu chỉ đơn thuần dựa vào tổ chức chuyên môn thì không thể hiểu biết hết và giải quyết tốt được, nhưng nếu biết dựa hẳn vào quần chúng, thông qua sự kiểm tra, giám sát của quần chúng thì sẽ giải quyết được rõ ràng, thấu tình đạt lý, có sức thuyết phục cao. Qua việc kiểm tra, giám sát của quần chúng, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước sẽ thấm sâu dần vào quần chúng và biến thành hành động cách mạng của quần chúng. Vì vậy cần làm cho hoạt động thanh tra nhân dân thật sự trở thành phong trào quần chúng sâu rộng, bảo đảm cho nhân dân có quyền kiểm tra, giám sát những người do dân cử ra, có quyền chất vấn những việc làm của cơ quan Nhà nước, làm cho quyền kiểm tra, giám sát của quần chúng nhân dân trở thành một quy chế buộc mọi người phải tuân thủ, như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã quy định: «Tất cả các cơ quan Nhà nước, từ trung ương đến cơ sở, phải trả lời kịp thời và đầy đủ những vấn đề do quần chúng nhân dân nêu ra» (4). Đồng thời, cần làm cho việc tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được trải qua sự kiểm tra, giám sát của quần chúng, tránh được sự tùy tiện làm sai, báo cáo sai, v.v...

Mạnh dạn phát động quần chúng tiến hành kiểm tra, giám sát, tích cực bảo vệ những người trung thực, dám thẳng thắn đấu tranh, phát hiện, tố cáo những người làm sai, những việc làm trái phép, để quần chúng yên tâm phấn khởi làm nhiệm vụ của mình là điều kiện cốt yếu để thúc đẩy và duy trì hoạt động thanh tra nhân dân. Chỗ dựa cho việc phát động quần chúng là đội ngũ cốt cán thanh tra nhân dân, có uy tín, có nhiệt tình và có năng lực hoạt động. Đội ngũ cốt cán thanh tra nhân dân bao gồm những người do nhân dân bầu ra, có đức tính ngay thẳng, công bằng, vô tư, không vụ lợi, dám đấu tranh, gương mẫu trong lao động sản xuất và công tác, có quan hệ tốt với quần chúng, được quần chúng tin nhiệm. Qua phát động quần chúng, những người có nhiệt tình sẽ được chú ý bồi dưỡng, lựa chọn, đưa vào đội ngũ cốt cán; những người không xứng đáng sẽ bị đưa ra khỏi đội ngũ cốt cán. Coi nhẹ đội ngũ cốt cán tức là coi nhẹ bộ máy kiểm tra, giám sát của nhân dân, làm cho tổ chức thanh tra nhân dân chỉ có trên hình thức, hoạt động thanh tra nhân dân bị tri trệ.

Tăng cường chỉ đạo tổ chức thực hiện cũng là điều kiện rất cần thiết

(4) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 67.

Digitized by Google

để thúc đẩy hoạt động thanh tra nhân dân. Qua thực tế hoạt động của thanh tra nhân dân, chỉ ra những chỗ yếu của nó, và có biện pháp tích cực, tập trung khắc phục những chỗ yếu đó; đồng thời kịp thời vạch ra phương hướng và nội dung hoạt động mới của thanh tra nhân dân, xác định rõ nội dung và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành trong việc giúp đỡ nó hoạt động. Thực tế chứng tỏ rằng, sự chỉ đạo tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả có ảnh hưởng quyết định đối với khả năng tồn tại và phát triển của thanh tra nhân dân. Thực tế cũng chứng tỏ rằng, nơi nào cán bộ có trách nhiệm nắm vững quan điểm quần chúng của Đảng, quyết tâm chỉ đạo và tạo điều kiện cho thanh tra nhân dân hoạt động, thì ở đó vai trò làm chủ tập thể của quần chúng được phát huy, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, và giữa nhân dân với nhau được tăng cường, mặt tích cực được đề cao, mặt tiêu cực bị lên án, công tác và sản xuất có chuyển biến tốt. Ngược lại, nơi nào cán bộ có trách nhiệm lơ là việc xây dựng và phát triển thanh tra nhân dân, coi thường hoặc trốn tránh sự kiểm tra, giám sát của quần chúng nhân dân, thậm chí còn hống hách, khống chế, truy trù, trả thù những người trung thực dám đấu tranh thẳng thắn với lỗi lầm của mình, cưỡng bức nhân dân làm theo ý muốn chủ quan của bản thân, thì nơi đó gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, công tác.

★

Thanh tra nhân dân là một hình thức kiểm tra, giám sát rất phong phú và sinh động, một phương pháp kiểm tra, giám sát không thể thiếu được trong toàn bộ công tác thanh tra, kiểm tra dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và là một biện pháp hết sức quan trọng để thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động. Nếu các cấp Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng nhận thức đầy đủ ý nghĩa, vai trò và vị trí của nó, chú ý tổ chức chỉ đạo, phát động quần chúng tham gia, thì chắc chắn sẽ có một phong trào quần chúng rộng lớn làm công tác kiểm tra, thanh tra một cách có hiệu lực, tích cực phục vụ sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Xây dựng cơ cấu...

(Tiếp theo trang 35)

và ở hai miền khác nhau. Đường lối, phương hướng đã rõ, những chủ trương, biện pháp chính đã được xác định; việc tổ chức thực hiện tốt chỉ thị của Bộ chính trị và Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ nhất định sẽ mang lại những thành công mới và những kinh nghiệm mới phong phú.

Digitized by Google

Tiếp tục đấu tranh xóa bỏ tàn dư «văn hóa» thực dân mới

HÀ-XUÂN-TRƯỜNG

MỚI gần ba năm sau ngày chiến thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ xâm lược mà bộ mặt của cả nước ta, đặc biệt là của miền Nam, đã có nhiều thay đổi kỳ diệu trên mọi lĩnh vực, do kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng. Trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật cũng vậy, do tác động của toàn bộ công tác cải tạo và xây dựng mà Đảng và Nhà nước ta chủ trương tiến hành, cuộc đấu tranh xóa bỏ tàn dư «văn hóa» thực dân mới đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi, đang đổi mới đời sống văn hóa và tinh thần của nhân dân ta ở miền Nam. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh này vẫn phải tiếp tục, kiên trì và khẩn trương hơn, toàn diện và đồng bộ hơn, để sớm chôn vùi, chôn sâu, chôn chặt cái thây ma thối rữa của «văn hóa» thực dân mới của Mỹ. Nó chết đã gần ba năm, nhưng mùi hôi thối cùng những vi trùng độc hại của nó còn gây bệnh trong một số khá đông đồng bào ta và làm cho một số cán bộ của Đảng và Nhà nước ta cũng bị nhiễm độc.

★

Nói đến chủ nghĩa thực dân mới, thế giới nghĩ ngay đến đế quốc Mỹ, tên đầu sỏ phản động quốc tế. Cả một quá trình lịch sử đã tạo cho Mỹ một ưu thế về khoa học và kỹ thuật, tập trung phần lớn tiềm lực kinh tế, tài chính, quân sự của thế giới tư bản chủ nghĩa để Mỹ vỗ ngực tự xưng là nước đứng đầu «thế giới tự do» có trách nhiệm «bảo vệ» và «giúp đỡ» các dân tộc nhỏ yếu.

Việt-nam là một mục tiêu chiến lược quan trọng của đế quốc Mỹ. Ở đây, chúng đã huy động mọi lực lượng, áp dụng mọi thủ đoạn nhằm đè bẹp ý chí giành độc lập tự do của dân tộc Việt-nam, biến miền Nam Việt-nam thành một căn cứ địa thực dân mới để tiến công vào hệ thống xã hội chủ nghĩa từ địa bàn Đông—Nam Á. Trong những lực lượng đó có lực lượng văn hóa, trong những thủ đoạn đó có thủ đoạn văn hóa, và mục tiêu cuối cùng của đế quốc Mỹ ở Việt-nam là chinh phục đất nước này, con người này về cả tâm hồn lẫn thể xác. Do đó, bàn về «văn hóa» thực dân mới không thể bàn tách ra như một lĩnh vực riêng biệt, mà bàn về nó trong sự liên quan chặt chẽ với

Digitized by Google

các lực lượng và các thủ đoạn mà đế quốc Mỹ đã dùng để đánh Việt-nam. Và « văn hóa » ở đây không còn giữ ý nghĩa thông thường của nó nữa, nó đã biến chất. Nếu coi văn hóa là một nhu cầu của con người luôn luôn vươn tới tự giác, ý thức về mình, về dân tộc, về giai cấp, về nhân loại, nếu coi văn hóa là biểu hiện cao của tinh người, của tinh người, của sự làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân, thì « văn hóa » thực dân mới của Mỹ ở đây là « phản văn hóa ». Nếu coi thành quả cao nhất của một nền văn hóa là con người với tất cả nếp nghĩ, cách sống, năng lực của nó, thì « thành quả » mà chủ nghĩa thực dân mới Mỹ muốn nhào nặn ở miền Nam nước ta là con người bị tha hóa cả phần hồn lẫn phần xác. Nghiên cứu âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ trên mặt văn hóa, chúng ta càng thấy rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, **một bản chất hoàn toàn phản động** và **phi nhân tính.**

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội lần thứ IV của Đảng ta đã nêu rõ: « Ở miền Nam, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, cùng với ba mươi năm chiến tranh đã để lại những hậu quả nặng nề trên lĩnh vực văn hóa và tư tưởng. Bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, bọn Mỹ ngụy cố tạo ra một thứ « văn hóa » nô dịch, đồi trụy, lai căng, cực kỳ phản động, xô đẩy một số khá đông thanh niên trong các thành thị chạy theo lối sống gấp, vị kỷ, sa đọa và ăn bám, hòng hủy hoại những giá trị văn hóa dân tộc và nếp sống lành mạnh của nhân dân ta. Đồng bào miền Nam đã kiên trì chống lại thứ « văn hóa » thực dân mới đó, giữ vững và phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, thương nòi, kiên cường, bất khuất của dân tộc, bảo vệ và phát triển những yếu tố dân tộc và dân chủ trong văn hóa, ngay cả những vùng bị địch chiếm đóng lâu năm ».

Vậy thì « văn hóa » thực dân mới là gì? Đó là **một công cụ xâm lược, đồng thời là sự phản ánh (theo điều kiện mỗi nước đối tượng của chủ nghĩa thực dân mới) những mặt tiêu cực nhất của nền văn hóa tư sản trong thời kỳ thoái hóa, vào xã hội những nước bị đế quốc chinh phục, hoặc nằm trong âm mưu chinh phục của chúng.**

Là một công cụ xâm lược, « văn hóa » thực dân mới trước tiên đánh vào truyền thống tốt đẹp của dân tộc, sức mạnh đoàn kết, thống nhất, tình cảm đồng bào của nhân dân ta, gây tâm lý tự ti dân tộc, phục Mỹ, sợ Mỹ. Nhằm kéo nhân dân ta ra khỏi con đường giải phóng dân tộc, phá vỡ sự gắn bó tất yếu giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội. « Văn hóa » thực dân mới lấy chủ nghĩa chống cộng làm tư tưởng chủ yếu. Chủ nghĩa chống cộng là một sự phản công về hệ tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại giai cấp công nhân và nhân dân lao động từ sau khi chủ nghĩa Mác hình thành, từ thời kỳ mà chủ nghĩa cộng sản mới còn là « bóng ma » đối với chúng. Sau Cách mạng tháng Mười Nga, và đặc biệt sau chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa chống cộng gắn liền với chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa chống cộng dưới mọi dạng, mọi vẻ, từ thô lỗ đến tinh vi, từ những thủ đoạn tuyên truyền rộng rãi đến những « học thuyết » này « chủ nghĩa » nọ, đã trở nên một bộ phận khăng khít của hệ tư tưởng tư sản, đồng thời là quốc sách của đế quốc Mỹ và các nước đế quốc khác. Đối với nhân dân ta, chủ nghĩa chống cộng không phải là thứ gì mới lạ. Thực dân Pháp đã dùng nó để đàn áp các phong trào cách mạng ở nước ta, tập hợp các giai cấp bóc lột, và thậm chí đã lừa gạt được cả một số người yêu nước. Để che giấu bộ mặt xâm lược, chủ

Digitized by Google

nghĩa thực dân mới tạo nên một bọn tay sai, khoác cho chúng cái áo « quốc gia » đối lập với cộng sản. Chủ nghĩa quốc gia trá hình này trở thành một mặt gắn bó hữu cơ với chủ nghĩa chống cộng. Do đó, sự thể hiện và diễn biến của chủ nghĩa chống cộng ở mỗi hoàn cảnh cụ thể có những nét riêng của nó, tùy thuộc vào « chính quốc », tùy thuộc vào tính nết và « tài ba » của bọn tay sai, giai cấp tư sản mại bản, quan liêu, quân phiệt, tùy thuộc vào phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân mỗi nước. Từ một nguồn sinh ra, nhưng « quốc gia » của Nguyễn-Văn-Thiệu không hoàn toàn giống « quốc gia » của Ngô-Đình-Diệm, « quốc sách chống cộng » của Thiệu mang nhiều thủ đoạn khác với « quốc sách chống cộng » của Diệm, « Quốc gia » của tay sai Mỹ ở Nam Triều-tiên, ở Đài-loan... không giống « quốc gia » của tay sai Mỹ ở miền Nam Việt-nam. Và những người theo chủ nghĩa chống cộng cũng không phải xuất phát từ cùng một điểm như nhau : có người từ giai cấp đối địch với cách mạng chống cộng với một ý thức phục thù giai cấp sâu sắc ; có người do Mỹ ngụy nuôi chuyên « nghề » chống cộng ; có người bị nhiễm phải bả tuyên truyền của Mỹ ngụy ; nhưng cũng có người mang cái ngông ngênh của tiểu tư sản, ghét cộng sản ở một số điểm mà họ không bao giờ tìm hiểu, họ chỉ « nghe nói » và ghét theo định kiến, v.v..

Là sự phản ánh những mặt tiêu cực nhất của văn hóa tư sản trong thời kỳ thoái hóa, « văn hóa » thực dân mới ở miền Nam nước ta trước đây là thứ văn hóa sa đọa, đồi trụy, sống gấp, vị kỷ, ăn bám, lai căng, khinh thị những giá trị văn hóa truyền thống, v.v... Nó gần như là toàn bộ những mặt tiêu cực nhất của các nền văn hóa các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phương Đông được đưa vào miền Nam nước ta, khi sống sượng, khi biến dạng và đặc biệt được tạo những điều kiện vật chất thích hợp (« điều kiện hóa ») cho sự tiếp nhận. Mỹ đâu phải là xứ triết học. Nhiều thứ triết học được truyền bá và gần như chiếm ưu thế ở miền Nam trước đây không phải chỉ là sản phẩm của nước Mỹ. Có thể nói rằng « văn hóa thực dân mới là **bộ phận phản động nhất của văn hóa tư sản ở thời kỳ suy thoái mà Mỹ vừa là đại diện vừa là đăng cai,** nó tạo nên một lối sống mà ta thường gọi là « lối sống Mỹ », thật ra phải gọi là « lối sống nô lệ theo Mỹ », một lối sống bằng viện trợ Mỹ mang dáng dấp của xã hội tư bản chủ nghĩa phương Tây. Vì mục đích xâm lược, đế quốc Mỹ đã tạo nên một **hệ thống** cơ cấu tổ chức chằng chịt với những phương tiện hiện đại, những thủ đoạn nham hiểm trên mặt trận văn hóa. Tuy vậy cuộc đấu tranh chống « văn hóa » thực dân mới chưa phải là toàn bộ cuộc đấu tranh chống văn hóa tư sản. Hai cuộc đấu tranh này có quan hệ chặt chẽ với nhau. Chúng ta phải tiến hành đồng thời cuộc đấu tranh chống ảnh hưởng văn hóa tư sản và cuộc đấu tranh xóa bỏ tàn dư « văn hóa » thực dân mới, nhưng trong một thời gian nhất định phải tập trung vào việc xóa bỏ tàn dư « văn hóa » thực dân mới.

« Văn hóa » thực dân mới không phải chỉ có thế. Nó còn sử dụng cả những tàn dư lỗi thời của văn hóa phong kiến. Bản chất là một thế lực phản động, « văn hóa » thực dân mới vừa tìm cách đẩy lùi và phá nát những truyền thống tốt đẹp, vừa thu hút dưới dạng nguyên xi hoặc « hiện đại hóa » mọi thứ lạc hậu, phản động ở những nước bị chủ nghĩa thực dân mới chinh phục. Thông thường những thứ đó được nêu lên dưới danh nghĩa « quốc hồn quốc túy », « tinh hoa dân tộc » Vì vậy, chống « văn hóa » thực dân mới gắn liền với chống tàn dư tư tưởng và văn hóa phong kiến. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đã đề ra cho công tác tư tưởng và văn

Digitized by Google

hóa nhiệm vụ « giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng và văn hóa thực dân mới ở miền Nam ». Chỉ một câu tưởng như đơn giản, thật ra là một nhận định khái quát về tình hình cụ thể của những thế lực phản động trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, và thực hiện được nhiệm vụ đó không phải là đơn giản. Phải tốn công phu nghiên cứu, tìm hiểu đối tượng đấu tranh và có biện pháp, chủ trương đúng đắn mới tiêu diệt được những thế lực phản động đó. Ở một nước như nước ta, cuộc đấu tranh đó càng khó khăn, vì dân tộc ta không qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa, mà bước thẳng tới chủ nghĩa xã hội, bước thẳng tới thời kỳ phát triển của khoa học và kỹ thuật hiện đại. Chúng ta phải cùng một lúc chống bốn thế lực phản động: tư tưởng tư sản, tư tưởng phong kiến, tư tưởng tiểu tư sản, tư tưởng và văn hóa thực dân mới; cùng một lúc làm ba nhiệm vụ nặng nề: vừa phục hưng, vừa đổi mới, vừa tạo nên cái mới trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa dân tộc. Chúng ta phải cùng một lúc làm gấp ba, bốn lần công việc mà giai cấp vô sản và nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa phải làm sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công. Trong lúc chống văn hóa tư sản và phong kiến, chúng ta coi trọng việc kế thừa những cái tốt đẹp của các nền văn hóa đó, tức là những cái gắn liền với nhân dân, với sự phát triển của dân tộc, còn đối với « văn hóa » thực dân mới thì chỉ có quét, vì nó phản động toàn bộ. Nhưng « văn hóa » thực dân mới nằm trong hệ thống văn hóa tư sản, nó lại tập hợp cả những tàn dư của văn hóa phong kiến, bộ mặt của nó trở thành khó nhận biết. Có khi nó lẩn vào trong « văn hóa dân tộc », và thường mang cái vỏ « hiện đại », « hợp thời », làm cho một số người dễ nhận lầm là « văn hóa » thực dân mới có cái dở và cũng có cái hay. Thật ra, cái « hay » mà người ta có thể tiếp thu được ở đây không phải là của chủ nghĩa thực dân mới. Đó là những thành quả của các nước tư bản chủ nghĩa mà chủ nghĩa thực dân mới phải dùng để duy trì xã hội như những phương tiện vật chất, những kiến thức khoa học — kỹ thuật và những cách thức làm việc, quản lý nào đó, v.v... Nói cho đúng, những thành tựu trong quản lý xã hội, trong sản xuất là thuộc về những người lao động chân tay và trí óc. Nhân dân ta kiên quyết chống kẻ thù, nhưng không bị nhiễm tư tưởng bài ngoại, biết sử dụng những phương tiện không mang tính chất giai cấp do kẻ địch để lại để phục vụ lợi ích của dân tộc và sự phát triển của đất nước.

Không đâu hơn ở miền Nam nước ta, đế quốc Mỹ đã thi hành chiến lược tổng hợp. Chúng tiến hành những chiến dịch quân sự ồ ạt hết sức dã man và tàn bạo vừa để chống phá cách mạng, vừa để bần cùng hóa nông dân, lôi họ ra khỏi đồng ruộng quê hương, về sống trong các trại tập trung và đô thị: chúng tha hóa người nông dân lao động. Trong lúc đó, chúng đặc biệt sử dụng ưu thế của sự giàu có và tiềm lực to lớn của chúng, tuôn hàng hóa Mỹ, huy động đồng minh và chư hầu tung hàng hóa vào miền Nam nước ta, mau chóng tạo nên một « xã hội tiêu thụ » hoàn toàn dựa vào chúng: chúng tha hóa người lao động thành thị, và tạo nên một giai cấp tư sản mại bản, quan liêu và quân phiệt. Đồng thời, trên mặt trận văn hóa, chúng lợi dụng triệt để những phương tiện hiện đại, thông tin đại chúng (mass-média) nhằm tạo nên một tâm lý phục Mỹ, thù ghét cộng sản, một lối sống sa đọa, buông thả hết mình, một nếp nghĩ chán ngán và hoài nghi mọi giá trị văn hóa chân chính của dân tộc và thế giới.

Digitized by Google

Chúng huy động một lực lượng cán bộ và tổ chức to lớn, áp dụng những thủ đoạn hết sức nham hiểm đối với mỗi giới, mỗi tầng lớp, trong bộ máy chính quyền và ngoài bộ máy chính quyền của chúng, có tổ chức và không tổ chức, trong nước và ngoài nước, trong hàng ngũ tay sai và ngoài hàng ngũ tay sai, trong những người lầm đường theo chúng và cả những người chống lại chúng. Chúng tìm mọi cách để bôi đen, **nhưng chủ yếu là làm cho người ta sa ngã, trượt vào quỹ đạo của chúng.** Để lôi kéo và lừa bịp những người yêu nước hay không chịu theo chúng, hoặc ít nhất nhằm làm tê liệt ý chí đấu tranh của họ, thông thường chúng dùng thủ đoạn đánh lộn trắng đen, phải trái, tư sản và vô sản, cách mạng và phản cách mạng, cách mạng và cơ hội chủ nghĩa, nghĩa là làm lu mờ quan điểm giai cấp. Thuyết tình người chung chung, nhân đạo chung chung vốn nằm trong phương pháp luận của hệ tư tưởng tư sản được vận dụng phục vụ cho chủ nghĩa thực dân mới. Trong văn học nghệ thuật (lý luận cũng như sáng tác), trong triết học, và trong hành động, Mỹ đều ra sức truyền bá quan điểm « phi giai cấp », « không lập trường » trong tư tưởng và văn hóa — đừng phân biệt phản động và tiến bộ, lành mạnh và đồi trụy —, hay ở một biến dạng khác — « chủ nghĩa đa nguyên trong tinh thần và văn hóa », một thứ quan điểm dễ thâm nhập vào giới trí thức tiểu tư sản.

Như nhiều người đã nêu lên, ở Việt-nam chính sách của đế quốc Mỹ đã đi xa hơn người ta tưởng, chúng tiến hành chính sách diệt chủng và diệt tộc. Đế quốc Mỹ tin sức mạnh và sự xảo quyệt của chúng có thể tha hóa một cách toàn diện con người ở trên nửa nước Việt-nam vốn có nền văn hiến lâu đời, y như Mê-phi-xtô tin những phù phép ma quái có thể hủy hoại được ước mơ của Phao-xtơ.

★

Đế quốc Mỹ đã để lại cho dân tộc ta, cho đất nước ta những hậu quả nặng nề trên nhiều mặt, nhất là những hậu quả về mặt xã hội, văn hóa và tư tưởng. Có những hậu quả không thể thanh toán trong vòng năm, mười năm, mà phải cả một thế hệ. Nhưng điều rõ ràng là nhân dân ta đã thắng, thắng trọn vẹn và toàn diện. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng ta nhận định: « Thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không chỉ là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, mà còn là thắng lợi của chính sách văn hóa của Đảng ».

Nhân dân Việt-nam bước vào giai đoạn chiến đấu chống Mỹ với tư thế là người chiến thắng và luôn luôn ở thế tiến công. Miền Nam Việt-nam, quê hương của nhiều phong trào chống Pháp từ khi thực dân Pháp mới đặt chân lên đất nước ta và của nhiều phong trào cách mạng từ những ngày chuẩn bị thành lập đảng của giai cấp công nhân Việt-nam, nơi đi trước về sau cả hai thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ dưới sự lãnh đạo của Đảng, tất nhiên không phải là miếng đất ngon lành cho « văn hóa » thực dân mới tự do phun độc. Hơn nữa, suốt trong quá trình chống Mỹ, miền Nam luôn luôn được sự chi viện của hậu phương lớn vững chắc là miền Bắc xã hội chủ nghĩa ruột thịt và của cả nhân loại tiến bộ, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ. Cho nên, **đặc điểm nổi bật nhất của chế độ thực dân mới ở miền Nam là không bao giờ ổn định.** Mỹ liên tiếp bị động. Trên mảnh đất Việt-nam này, đế quốc Mỹ đã phải thay đổi bao nhiêu chiến lược và sách lược, phơi bày bộ mặt thật của chủ nghĩa thực dân mới bị giáng

Digitized by Google

xé bởi những mâu thuẫn không thể giải quyết được trong chính sách xâm lược cũng như chính sách đối nội của chúng. Chúng tự cho là kẻ truyền bá tự do, dân chủ, thì chính chúng sử dụng bọn tay sai để thực hiện những chính sách độc tài phát xít tàn bạo. Chúng luôn luôn nói « hòa bình », « nhân đạo » trong lúc chúng ngày càng đi sâu vào cuộc chém giết dã man nhất. Chúng tự cho là « bạn của các dân tộc », « bảo vệ các dân tộc » trong lúc chúng tàn sát nhân dân các dân tộc, phá hoại giá trị văn hóa của các dân tộc. Chủ trương, chính sách của chúng là gieo tâm lý hoài nghi trong nhân dân trong lúc chúng cần khẳng định vai trò và mục đích của chúng, v.v... và v.v...

Trên mặt trận văn hóa, cuộc đấu tranh của nhân dân ta cũng không lúc nào ngừng nghỉ: đấu tranh công khai, nửa công khai và bí mật của giới văn hóa yêu nước và cách mạng: đấu tranh của nhân dân bằng mọi vũ khí có trong tay, ở mỗi người, ở mỗi gia đình, trong toàn xã hội. Vũ khí ở đây là tập quán lâu đời của dân tộc, là văn học nghệ thuật dân tộc, là lòng yêu nước, là chí kiên cường, là ánh sáng của cách mạng, là bàn tay trực tiếp của kháng chiến... Cuộc đấu tranh tiếp tục mạnh mẽ và gay gắt, khi bộc lộ, khi không bộc lộ, khi diễn ra như một bi kịch, khi nồi dậy như một thiên anh hùng ca. Những cuộc chuyển biến thuận chiều, ngược chiều; có người từ phía cách mạng chạy theo địch can tâm làm nô lệ cho chúng, chửi cách mạng; trái lại có những người đang phục vụ kẻ thù của nhân dân lại tìm cách đi với cách mạng, hay muốn làm một việc gì ủng hộ cách mạng. Địch phản công ta, ta tiến công lại; địch lợi dụng việc làm của ta, ta lợi dụng việc làm của địch; địch giành giật với ta những truyền thống văn hóa của ông cha, ta giành lại, nêu cao truyền thống đó vì mục đích chính nghĩa của cách mạng. Cuộc đấu tranh xen kẽ, diễn biến vô cùng phức tạp, vì tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh, và cũng vì tình hình khủng hoảng của chủ nghĩa thực dân mới trên nửa đất nước này trầm trọng đến mức làm xáo động không chỉ cái xã hội thuộc địa mà cả xã hội Mỹ. Những thứ mà chủ nghĩa thực dân mới tưởng chỉ gieo tai hại ở nước ta thì trở lại gây tai hại cho cả thanh niên Mỹ. Tình hình chung chẳng khác nào những đám mây đen khổng lồ báo hiệu bão tố sắp đến. Ngày nay đứng trên đỉnh cao của thắng lợi, chúng ta có thể thấy rõ và phân tích được cuộc đấu tranh của đồng bào ta trên địa hạt văn hóa. Rất tiếc về mặt này, ta làm được ít quá so với việc ta vạch trần tội ác và thủ đoạn của địch. Sự tố cáo, nghiên cứu, phân tích những âm mưu, thủ đoạn của Mỹ trên mặt trận văn hóa còn xa mới đầy đủ (nhất là những bài viết có tính tổng kết và khái quát mang tính khoa học). Nhưng một yêu cầu hết sức quan trọng là làm sáng tỏ hơn nữa cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống lại « văn hóa » thực dân mới của Mỹ trong hơn 20 năm qua. Quan điểm « hai nền văn hóa » của Lê-nin áp dụng vào miền Nam nước ta chắc có nhiều điểm sáng tạo và mới mẻ. Đại hội lần thứ IV của Đảng ta đã khẳng định tinh thần đấu tranh kiên trì và anh dũng của đồng bào miền Nam ta chống lại thứ « văn hóa » thực dân mới đó. Chúng ta hãy cùng nhau làm sáng tỏ nhận định đó, làm sáng tỏ toàn bộ vấn đề « văn hóa » thực dân mới ở miền Nam nước ta trước đây, cả những nguy hại của nó cũng như sự chống trả thắng lợi của nhân dân ta. Công việc này hết sức cần thiết và bổ ích cho thế hệ mai sau và cho cả thế giới, trước mắt là cho cuộc đấu tranh tiếp tục xóa bỏ triệt để tàn dư của « văn hóa » thực dân mới hiện nay.

Hơn mai năm qua, tiếp tục thi hành chính sách văn hóa của Đảng, chúng

Digitized by Google

ta đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi trong cuộc đấu tranh xóa bỏ tàn dư « văn hóa » thực dân mới. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, những thành công đầu tiên trong cuộc cải tạo những nạn nhân của xã hội cũ, những chuyển biến mạnh mẽ, khi thế lao động của thanh niên thành phố Hồ-Chí-Minh, v.v... chứng tỏ sức cảm hóa và sức hấp dẫn của cách mạng, của truyền thống dân tộc thật vô cùng lớn lao. Trong cuộc đấu tranh này, một lần nữa chủ nghĩa anh hùng cách mạng thấm sâu tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa lại được giương cao.

Nhưng mặt khác chúng ta cần nhận thức sâu sắc tội ác mà đế quốc Mỹ để lại trên một nửa nước ta sau hơn 20 năm bị tàn phá về mặt văn hóa và xã hội. Tàn dư của thứ « văn hóa » thực dân mới còn tác hại trên nhiều mặt, ở một phạm vi khá rộng trong tư tưởng, văn hóa và đời sống xã hội của nhân dân ta. Những quan điểm cá nhân chủ nghĩa cực đoan, khinh lao động, không tin ở sức mạnh của dân tộc, ở vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, hoài nghi chân lý, hoài nghi sự tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, ảo tưởng về một thứ tự do tuyệt đối, mơ hồ đối với kẻ thù của dân tộc, nuối tiếc cái quá khứ « nô lệ tự nguyện »... cùng với sự ham muốn trở lại lối sống tiêu thụ của một xã hội phồn vinh giả tạo, một lối sống ích kỷ, « chụp giật », sa đọa, v.v... hằng ngày đang bám riết một bộ phận không nhỏ nhân dân ta. Trên những mức độ khác nhau, những tàn dư ấy gây nên những mâu thuẫn nội tại trong mỗi người, trong mỗi gia đình và trong xã hội. Những tàn dư ấy không bao giờ chịu tự tiêu diệt, trái lại tìm cách mở rộng trên những mặt tiêu cực của xã hội nảy sinh từ tình hình sau 30 năm chiến tranh, từ một nền kinh tế mà đại bộ phận còn là sản xuất nhỏ, và trên những hoạt động ngầm ngầm của những kẻ địch đang tìm cách phá hoại ta về mặt tâm lý và xã hội. Hơn hai mươi năm qua, học thuyết « điều kiện hóa » của Mỹ với mọi thủ đoạn độc ác của nó đã bị nhân dân ta đánh bại, nhưng mặt khác cũng đã đi vào đời sống của một bộ phận nhân dân khá đông đảo, nhất là tầng lớp tiểu tư sản thành thị, giới thanh niên lớn lên trong chiến tranh. Từ sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, một số tàn dư này, bằng nhiều con đường khác nhau, đã ảnh hưởng tới một số thanh niên ở miền Bắc, và gây nên một số mặt tiêu cực mà trước nay miền Bắc không hề biết đến.

Rõ ràng cuộc đấu tranh xóa bỏ tàn dư « văn hóa » thực dân mới nằm trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, đồng thời nằm trong toàn bộ cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa hai con đường dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Muốn xóa bỏ triệt để tàn dư « văn hóa » thực dân mới đã bén rễ vào đời sống xã hội, thì biện pháp tích cực nhất là đồng thời với cuộc đấu tranh tư tưởng, truyền bá thế giới quan và nhân sinh quan mới, phải tiến hành cải tạo xã hội, xóa bỏ các giai cấp bóc lột, tạo nên một cơ sở xã hội mới, loại trừ mọi miếng đất có thể giúp cho tàn dư « văn hóa » thực dân mới gây mầm tác hại.

★

Cuộc đấu tranh chống « văn hóa » thực dân mới trước đây đã không chỉ hạn chế ở những bài luận chiến, mà chủ yếu diễn ra trong đời sống sôi động của nhân dân, thì ngày nay, cuộc đấu tranh xóa bỏ triệt để tàn dư của « văn hóa » thực dân mới cũng không phải chỉ do những người chuyên làm công tác tư tưởng và văn hóa tiến hành. Nó phải là một bộ phận khăng khít của cách mạng tư tưởng và văn hóa do toàn dân tiến

Digitized by Google

hành dưới sự lãnh đạo của Đảng. Không có một phong trào quần chúng rộng rãi, nhất là thanh niên, có nhận thức sâu sắc về cuộc đấu tranh này, quyết tâm xây dựng nền văn hóa mới thì không thể nào xóa bỏ được triệt để những tàn dư của « văn hóa » thực dân mới. Vì vậy, **cải tạo đi đôi với xây dựng; và xây dựng giữ vai trò quyết định.** Ngày nào chưa xây dựng cái mới, thì cái cũ vẫn tồn tại và có cơ hội thì nó lại quẫy mạnh lên.

« Văn hóa » thực dân mới làm cho con người ta đánh giá sai lạc nhân cách, giá trị của con người. Giá trị con người đối với Mỹ ngụy là ở đồng tiền và cách làm ra tiền ít đổ mồ hôi nhất, là ở những chiếc xe hơi bóng lộn các kiểu, ở những nhà lầu sang trọng, ở đống vàng bạc, kim cương, ở cách ăn chơi, v.v... Ngày nay, nền văn hóa mới xóa bỏ quan niệm ấy, nêu cao lao động, tài năng, phẩm chất, sự cống hiến nhiều nhất cho xã hội. Xây dựng một nếp sống mới, cụ thể hóa ở **lối sống** hay **cách sống** đang là một đòi hỏi nghiêm khắc. Phải chống lại lối sống Mỹ, lối sống tiêu thụ, xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », từng bước tạo nên một xã hội văn hóa cao.

Công tác văn hóa cần làm cho một số người còn nuối tiếc cuộc sống phồn vinh giả tạo, cuộc sống « dễ dãi » thời Mỹ ngụy, thấy rõ cuộc sống ấy đã phải trả bằng máu của đồng bào, bằng sự bán cả linh hồn của ông cha, của con cái và của bản thân. Công tác tư tưởng và văn hóa phải làm sao cho những người ấy tự thấy phải làm lại cuộc đời, phải thay đổi cách sống, bằng hai bàn tay, khối óc của mình trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Đồng thời, công tác văn hóa bằng mọi hình thức, góp phần tích cực nhất trong việc biểu dương « người tốt việc tốt » và phê phán những mặt tiêu cực trong đời sống, nêu cao những cán bộ và đảng viên cộng sản có lối sống trong sạch, lành mạnh, giản dị theo gương Bác Hồ kính yêu, coi đó là một biện pháp tuyên truyền và giáo dục quần chúng tốt nhất, có sức thuyết phục nhất, vạch rõ ranh giới dứt khoát giữa văn hóa mới xã hội chủ nghĩa và « văn hóa » thực dân mới. Đương nhiên, « người đi giáo dục cũng phải được giáo dục », những người làm công tác văn hóa và mọi cán bộ nói chung phải thực hiện điều đó trước tiên cho bản thân và trong giới mình. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nhất là ở nước ta trong giai đoạn này, không có lý do để bênh vực cho khoảng cách quá xa trong sự hưởng thụ giữa một số ít người và đông đảo quần chúng đã phải chịu đựng biết bao đau khổ. Càng không có lý do để bảo vệ cho một số cán bộ hưởng thụ ngoài chính sách và quy định của Nhà nước, lấy làm của riêng những thứ hôm qua còn là kết quả của sự bóc lột, đàn áp của kẻ địch và tay sai, những thứ đáng lý phải dành cho lợi ích công cộng, phục vụ đông đảo quần chúng.

Trước kia, bọn thống trị và bóc lột chiếm đoạt những tài sản văn hóa của nhân dân để hưởng thụ riêng. Ngày nay, chúng ta xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động về văn hóa, « biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân và tạo điều kiện cho nhân dân trực tiếp sáng tạo ra các giá trị văn hóa » (Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng). Chúng ta hoàn toàn có thể tạo cho nhân dân ta một đời sống văn hóa phong phú ngay trong lúc đời sống vật chất còn nhiều khó khăn. Nhân dân ta cần được đọc, xem, nghe nhiều hơn nữa những tác phẩm văn học nghệ thuật ưu tú của ngày nay và ngày xưa của nước ta và của nhân loại tiến bộ, được đến xem một cách dễ dàng những công trình văn hóa, những di tích cách mạng và kháng chiến có ý nghĩa tiêu biểu, những cảnh đẹp của

Digitized by Google

đất nước, để bồi bổ cho tâm hồn và trí tuệ của mình. Quyền hưởng thụ văn hóa đó được thực hiện cũng là một sự biểu lộ tính chất dân chủ của chế độ ta, tạo thêm niềm tự hào cho quần chúng, sớm phá bỏ được tâm lý tự ti và những định kiến mà « văn hóa » thực dân mới gieo rắc trước đây.

Một trong những tai hại của « văn hóa » thực dân mới Mỹ là xuyên tạc truyền thống dân tộc, gây nên sự lộn xộn, lẫn lẫn trong việc đánh giá truyền thống văn hóa dân tộc, chủ yếu là gây tâm lý tự ti, chia rẽ Nam Bắc, chia rẽ dân tộc. Bảo đảm và phát huy tính chất dân tộc trong nền văn hóa từ lâu đã trở thành một nguyên tắc xây dựng nền văn hóa mới của ta. Những việc làm ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa trước đây về phương diện này đã có ảnh hưởng lớn đối với cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam, chiếm được nhiều thiện cảm trong nhân sĩ trí thức yêu nước ở vùng tạm bị chiếm trước đây và có tác động mạnh mẽ trong đời sống văn hóa sau ngày giải phóng. Nhưng, trong việc xây dựng nền văn hóa mới, đó mới chỉ là những viên gạch đầu tiên. Điều kiện mới cho phép đoàn kết, thống nhất, huy động lực lượng nghiên cứu, lý luận của cả nước vào việc sưu tầm, khai thác vốn dân tộc để khẳng định nguồn gốc xa xưa của đất nước, nội dung phong phú của nền văn học, nghệ thuật cổ điển Việt-nam, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển nền văn hóa, văn nghệ mới xã hội chủ nghĩa. Xưa nay yếu tố dân tộc, yếu tố yêu nước vẫn là yếu tố mạnh nhất của nền văn hóa nhiều dân tộc của nước ta. Nó đã là một nguyên nhân cơ bản cổ vũ và thúc đẩy cuộc đấu tranh chống văn hóa nô dịch thực dân mới trước đây, thì ngày nay nó vẫn tiếp tục vai trò quan trọng của nó trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, một nền văn hóa có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc.

« Văn hóa » thực dân mới là một khuynh hướng phản trí tuệ nhất, phản khoa học nhất của văn hóa tư sản ở thời kỳ thoái hóa. Chỉ nhìn vào cái thứ « nghệ thuật » mà đế quốc Mỹ chủ trương và khuyến khích trước đây ở vùng chúng chiếm đóng cũng đủ thấy. Nghệ thuật trong tay chúng đã trở thành những hình thức kích động hoặc ru ngủ, những trò chơi và giải trí quay cuồng trong những hoạt động thương mại của một xã hội tiêu thụ. Giải quyết vấn đề này không đơn giản. Vì trò chơi và giải trí là những nhu cầu văn hóa của con người, của từng lứa tuổi và của mọi giới. Ở đây, cái đối lập giữa « văn hóa » thực dân mới và văn hóa mới là : một bên thì « phi tư tưởng hóa » những thứ đó để dùng vào những mục đích sa đọa con người, một bên thì không ngừng nâng những thứ đó lên tầm nghệ thuật, phục vụ cuộc sống lành mạnh tươi vui của con người, điều hòa những nhịp điệu trong cuộc sống của mỗi người và của xã hội, giúp cho việc mở mang trí tuệ và tình cảm trong sáng của con người lao động. Đây là một việc lớn hiện nay của văn học và nghệ thuật, của các sinh hoạt văn hóa, cần được nghiên cứu và tiến hành tốt nhằm thỏa mãn nhu cầu văn hóa, trí tuệ và tình cảm của quần chúng, nhất là tầng lớp thanh niên, để đẩy lùi, đi tới xóa bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của văn nghệ và các loại sinh hoạt « văn hóa » của chủ nghĩa thực dân mới.

« Văn hóa » thực dân mới còn sử dụng tôn giáo như một công cụ ngu dân. Chúng ta tôn trọng tín ngưỡng của đồng bào, nhưng vạch trần âm mưu của Mỹ và tay sai lợi dụng tôn giáo phục vụ mục đích xâm lược của chúng, v.v...

Tóm lại, đấu tranh xóa bỏ triệt để tàn dư « văn hóa » thực dân mới là một cuộc đấu tranh toàn diện và đồng

Digitized by Google

bộ, khẩn trương và kiên trì. Nó đòi hỏi cải tạo phải đi đôi với xây dựng và xây dựng là chủ yếu. Nó đòi hỏi phải phát động quần chúng, thực hiện quyền làm chủ tập thể của quần chúng về văn hóa, tạo nên những phong trào văn hóa quần chúng rộng rãi. Nó cũng đòi hỏi sự phối hợp của mọi ngành hoạt động xã hội và sự đoàn kết thống nhất của đội ngũ những người làm công tác văn hóa nghệ thuật của cả nước biết nhìn từ chỗ đứng và con mắt của Đảng ta.

Ở Việt-nam, Mỹ đã phơi bày hết những nhược điểm không chỉ về mặt quân sự, chính trị, kinh tế mà cả về mặt văn hóa. Việt-nam đã đánh đổ thần tượng Mỹ trong tư thế cường quốc mạnh nhất thế giới và cả trong tư thế kẻ độc quyền truyền bá « tư tưởng tự do ». Việt-nam chiến thắng, nhưng còn mang trong mình những vết thương. Những vết thương hôm qua do thứ « văn hóa » thực dân mới ấy gây ra còn ảnh hưởng dai dẳng trong cuộc sống của chúng ta hôm nay, không phải một sớm một chiều mà xóa sạch dấu vết được. Nhưng nếu mỗi người, mỗi tập thể, trên lĩnh vực của mình đều quyết tâm, đồng lòng vì Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội thì không có việc gì chúng ta không làm nổi, không có khó khăn nào chúng ta không vượt qua được.

Tăng năng suất lao động xã hội...

(Tiếp theo trang 48)

đạo của thủ trưởng các cấp, các ngành.

Các cơ quan có trách nhiệm cần cố gắng cung ứng kịp thời và đầy đủ công cụ lao động, vật tư, bảo đảm cho người lao động không vì thiếu tư liệu sản xuất mà phải ngừng việc. Các ngành, các cấp cần thi hành đúng các chính sách động viên, khuyến khích lao động, nhất là đối với những người lao động giỏi, những đơn vị giỏi có năng suất lao động cao và tiết kiệm nhiều; ra sức cải tiến chế độ quản lý, sửa đổi cách làm việc. Cán bộ luôn đi sát, chỉ đạo chặt chẽ phong trào. Tất cả đều phải nhằm phục vụ tốt cho người lao động thực hiện được mục tiêu năng suất cao, chất lượng tốt và tiết kiệm nhiều.

★

Với khí thế cách mạng tiến công, cả nước ta đang tiến lên thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1978. Với sức mạnh của nhân dân làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, với những tiềm năng kinh tế rất to lớn của đất nước sẽ được phát huy, nhất định chúng ta sẽ đạt được một năng suất lao động cao hơn và tạo nên bước chuyển biến mới cho toàn bộ nền kinh tế của nước ta trong giai đoạn mới.

Digitized by Google

NGHIÊN CỨU

TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ NÔNG NGHIỆP

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

LÀ một công cụ rất quan trọng của Nhà nước ta trong việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội, pháp chế xã hội chủ nghĩa có vai trò lớn trong việc quản lý nông nghiệp của Nhà nước. Nhà nước sử dụng nó để tổ chức lại sản xuất và tổ chức lại lao động trong nông nghiệp, để kế hoạch hóa và quản lý nông nghiệp, để thực hiện và bảo vệ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nông dân đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và nông thôn.

Bằng pháp chế, Nhà nước quy định các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức lại nông nghiệp, cụ thể là đề ra các quy phạm, tiêu chuẩn mà mọi cơ quan, tổ chức, công dân phải tôn trọng và tuân theo trong việc tổ chức lại sản xuất, quản lý sản xuất và tiến hành quá trình sản xuất nông nghiệp cũng như các quá trình kinh tế có liên quan đến sản xuất nông nghiệp. Chính là thông qua các quy phạm và tiêu chuẩn pháp chế mà Nhà nước làm rõ cách thức thực hiện các nguyên tắc quản lý kinh tế và quản lý nông nghiệp, xác định vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các loại cơ sở và các công dân trong việc quản lý nông nghiệp cũng như trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp.

Như mọi người thấy, nông nghiệp xã hội chủ nghĩa nước ta mới bước đầu đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, mọi việc còn đang trong quá trình chuyển biến mạnh. Song ngay từ trong bước đầu này, Nhà nước không thể một ngày không quản lý, mà quản lý là bằng pháp luật, vạch ra cái nên làm, cái phải làm, cái cấm làm; nếu những người chấp hành làm khác đi thì phải chịu một trách nhiệm nhất định. Dù chỉ là những điều hướng dẫn, khuyên bảo, một khi cấp trên đã ghi những điều đó vào văn bản, là cấp dưới đã có nghĩa vụ phải nghiên cứu, thảo luận, lựa chọn biện pháp thực hiện và báo cáo với cấp trên về sự lựa chọn và quyết định của

Digitized by Google

mình. Hướng hồ phần lớn các quy định đều mang tính chất bắt buộc, từ việc kế hoạch hóa sản xuất, sử dụng đất đai và lao động, đến việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, v.v... *Chính cái trật tự pháp lý mới trong nông nghiệp được Nhà nước xây dựng nên bằng một hệ thống các quy phạm và tiêu chuẩn ngay từ bước đầu tổ chức lại sản xuất là cái khuôn phép trong đó các cơ quan quản lý nông nghiệp, các cơ sở sản xuất – kinh doanh và quần chúng tiến hành hoạt động một cách có tổ chức, có kỷ luật với phong cách sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy ba cuộc cách mạng trong nông nghiệp và nông thôn, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa trong giai cấp nông dân tập thể. Trật tự pháp lý mới ấy bảo đảm sự hài hòa trong việc hiệp đồng giữa các ngành, các cấp, các cơ sở, chống lại mọi sự lùy tiện cả về phía cấp ngang, cấp trên và cấp dưới* với các hình thức biểu hiện khác nhau của nó là tệ quan liêu, độc đoán, vô trách nhiệm, vô kỷ luật, một trở ngại lớn của quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Những khuyết điểm về mặt tổ chức và quản lý nông nghiệp trong thời gian qua mà Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương đã phê phán như « không phát huy đầy đủ hiệu lực chỉ đạo tập trung của Chính phủ, năng lực và trách nhiệm của các ngành ở trung ương, cũng không phát huy được quyền chủ động và tinh thần sáng tạo của các địa phương và các đơn vị sản xuất », « bộ máy trực tiếp chỉ đạo và quản lý nông nghiệp không theo kịp yêu cầu chỉ đạo, quản lý, kinh doanh nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa », « chỉ đạo chính sách không kịp thời », v.v... đều có quan hệ đến tình trạng non yếu về pháp chế trong lĩnh vực này. Nói gọn lại là như sau :

Một mặt pháp luật trong nông nghiệp hiện có nhiều nhược điểm. Lâu nay, phần lớn các văn bản của Chính phủ trong lĩnh vực nông nghiệp được ban hành dưới hình thức nghị quyết, chỉ thị, thông tư. Phần lớn những văn bản ấy hoặc đề ra những phương hướng và biện pháp mang nội dung chung, mà một phần là có tính chất bắt buộc, một phần là có tính chất hướng dẫn; hoặc đề ra những chủ trương và biện pháp có tính chất nhất thời (nói rõ là thực hiện trong năm đó, trong vài năm tới).

Nói chung nội dung các văn bản của Chính phủ chưa điều chỉnh được một cách toàn diện và lâu dài các quan hệ pháp lý về sử dụng và quản lý ruộng đất, về sử dụng và quản lý lao động nông nghiệp, về quản lý các yếu tố khác của sản xuất nông nghiệp (nước, phân bón, công cụ, giống cây, con...). Các vấn đề tổ chức – pháp lý về quản lý chuyên ngành nông nghiệp, về cung ứng vật tư – kỹ thuật, thu mua nông sản, cũng như về nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền chung (chính quyền Nhà nước các cấp), nhất là cấp huyện, chưa đủ cụ thể để phân định quyền hạn, trách nhiệm của từng ngành, từng cấp về một mặt quản lý nào đó, hoặc có những chỗ còn chưa hợp lý (như tổ chức bộ máy cung ứng vật tư – kỹ thuật cho địa bàn huyện, v.v...). Các quy định về quản lý nội bộ các tổ chức hiện có (kể cả hợp tác xã và nông trường, lâm trường quốc doanh) hoặc là chậm được bổ sung và chính thức ban hành (đối với hợp tác xã), hoặc là chưa có đầy đủ (đối với các loại cơ sở quốc doanh). Nói chung tính chất quy phạm của các văn bản về tổ chức, quản lý nông nghiệp thấp hơn rất nhiều so với các văn bản về tổ chức, quản lý công nghiệp.

Đặc biệt dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương, nhiều chỗ trong các văn bản hiện hành đòi hỏi phải được bổ sung,

Digitized by Google

sửa đổi cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

Mặt khác, việc thi hành pháp luật trong nông nghiệp có phần lỏng lẻo hơn so với trong lĩnh vực công nghiệp. Chẳng hạn việc thu hồi những ruộng đất bị lấn chiếm trái phép không được tiến hành tích cực; việc cung ứng, bảo quản, sử dụng vật tư — kỹ thuật, cũng như việc sử dụng máy kéo, trạm bơm còn nhiều chỗ tùy tiện, lãng phí, ảnh hưởng xấu đến sản xuất; tình hình dân chủ trong nội bộ hợp tác xã có những vấn đề nghiêm trọng, các quyền làm chủ tập thể của xã viên về mặt quản lý, sản xuất, phân phối và về mặt chính trị ở nhiều nơi bị xâm phạm, v.v...

Hơn nữa, cũng vì pháp luật hiện hành có những thiếu sót, kẽ hở, những chỗ không rõ ràng, một số địa phương đã tùy tiện đề ra những chủ trương, chỉ thị, thủ tục làm trở ngại cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp, hoặc gây phiền hà cho cơ quan quản lý cấp dưới, cho nhân dân; làm ảnh hưởng không tốt đến phong trào lao động sản xuất trong nông nghiệp, thậm chí có nơi, có lúc phong trào không dấy lên được.

Tóm lại, phải khắc phục tình trạng pháp chế non yếu và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực tổ chức và quản lý nông nghiệp. Đó là một trong các điều kiện cần thiết để Nhà nước tăng cường tổ chức chỉ đạo nông nghiệp như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương đã đề ra.

★

Trong khi thể hiện đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng về mặt quản lý nông nghiệp đã được Đại hội lần thứ IV của Đảng, và Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương xác định, công tác pháp chế phải chú ý đến sự biến đổi về chất lượng của cả xã hội ta do công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước tạo nên, phải *chú ý đến tính chất biến động và rất phức tạp của quá trình tổ chức lại và quản lý nền nông nghiệp trong cả nước*, một quá trình dài khoảng 15 — 20 năm, cho đến khi tạo ra được sự biến đổi mới về chất lượng: một nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa hiện đại gắn bó mật thiết với công nghiệp xã hội chủ nghĩa hiện đại trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, có vị trí và tác dụng như Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra.

Cụ thể là phải chú ý đến những đặc điểm sau đây:

1. *Quá trình tổ chức lại sản xuất nông nghiệp ở nước ta đang ở giai đoạn đầu, các hình thức tổ chức lại sản xuất và lao động mới bước đầu hình thành và còn tiếp tục hình thành* trên cơ sở Đảng và Nhà nước tự giác vận dụng các quy luật về việc đưa nền nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng trên cơ sở sự sáng tạo phong phú và thử nghiệm liên tục của các cấp chính quyền và của quần chúng ở các địa phương, nhất là ở cấp huyện.

Cho nên trong khi xây dựng trật tự pháp lý mới trong nông nghiệp, phải chú ý giải quyết tốt mâu thuẫn giữa tính ổn định tương đối của pháp chế với tính năng động và biến động của quá trình tổ chức lại sản xuất và lao động nông nghiệp.

Pháp chế không thể tách rời cơ sở kinh tế mà phải bám vào sự phát triển của cơ sở kinh tế, đặc biệt là bám vào các điều kiện kinh tế và quan hệ kinh tế mới thành hình, bám vào các điều kiện tất yếu kinh tế mới xuất hiện để khỏi lạc hậu với cơ sở kinh

Digitized by Google

tế và nhất là để phát huy tác dụng tích cực của nó góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển. Cho nên pháp chế trong nông nghiệp phải nhạy cảm với những biến đổi mới của xã hội ta nói chung, của nền nông nghiệp nói riêng, phải phản ánh kịp thời những yêu cầu mới của nhiệm vụ phát triển nông nghiệp. Có như vậy mới đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý nông nghiệp của Nhà nước trong giai đoạn mới. Một sự trì trệ nào đó, một sự không chính xác nào đó, một sự sai trái nào đó trong việc phản ánh và đáp ứng yêu cầu quản lý của Nhà nước sẽ gây tác hại không nhỏ đối với việc phát triển nông nghiệp.

Song mặt khác, tự bản chất của nó, pháp chế có tính ổn định tương đối. Một pháp lệnh về quản lý ruộng đất có tác dụng điều chỉnh các quan hệ đất đai trong thời gian ít ra là mươi năm hoặc lâu hơn nữa ; một điều lệ về quản lý lực lượng lao động xã hội cũng điều chỉnh các quan hệ lao động trong thời gian ít ra là năm bảy năm.

Cho nên việc xây dựng pháp chế trong lĩnh vực này phải *bắt đầu từ những quy định cơ bản nhất, chung nhất của việc tổ chức, quản lý nông nghiệp*, làm cơ sở cho những quy định cụ thể hơn được ban hành dần dần trong cả quá trình công tác tổ chức quản lý được mở rộng và đi vào chiều sâu. Chẳng hạn, sau pháp lệnh về quản lý ruộng đất sẽ có các pháp quy về quản lý đất nông nghiệp, quản lý đất rừng, quản lý đất xây dựng... ; sau điều lệ về quản lý lực lượng lao động xã hội sẽ có các quy định về phân bố lại lao động, tổ chức và quản lý lao động theo yêu cầu tổ chức lại và phát triển sản xuất nông nghiệp trong cả nước, từng địa phương, từng hợp tác xã, v.v...

Trong tình hình còn có nhiều biến động, trong việc sử dụng các hình thức tổ chức và quản lý, *nếu Chính phủ ban hành nhiều văn bản pháp quy bên cạnh một số đạo luật, pháp lệnh thật cần thiết thì có lẽ là thích hợp nhất.* Nói chung, các văn bản pháp quy có tính ổn định thấp hơn so với các đạo luật và pháp lệnh, dễ sửa đổi, bổ sung, thủ tục thông qua và ban hành cũng nhanh gọn hơn, cho nên có khả năng thích ứng với sự biến chuyển mau lẹ của tình hình tổ chức và quản lý nông nghiệp trong giai đoạn mới.

Việc *bám sát các quá trình thí nghiệm, các hình thức tổ chức mới hình thành* là rất cần thiết để kịp thời nắm được những quan hệ mới phát sinh có liên quan đến việc tổ chức, hoạt động và quản lý của các hình thức tổ chức mới đó, từ đó mà có những quy định pháp lý mới thích ứng.

2 — *Công tác tổ chức và quản lý nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa có tính chất tổng hợp và rất phức tạp.* Các quá trình tổ chức và quản lý trong lĩnh vực này có mối liên hệ khăng khít với nhau. Một sự lơ là, lơi lỏng, vi phạm trong khi thi hành nhiệm vụ và nghĩa vụ ở một quá trình nào đó có thể gây tác hại lớn cho việc tiến hành các quá trình có liên quan. Điều đó đòi hỏi công tác quản lý nông nghiệp của Nhà nước phải toàn diện và rất cụ thể, chặt chẽ.

Nói cách khác *pháp luật trong nông nghiệp phải đầy đủ, chặt chẽ và có hệ thống*, bao gồm từ việc sử dụng, quản lý đất đai, cải tạo đất đai, công tác thủy nông, đến việc huy động, sử dụng và quản lý lao động, cung ứng vật tư — kỹ thuật các loại cho nông nghiệp, thu mua nông sản các loại... Hệ thống pháp luật ấy cũng điều chỉnh nhiều loại công tác quản lý, từ việc quy hoạch, kế hoạch hóa, đến công tác hợp đồng kinh tế hai chiều, công tác tài chính và đầu tư, tín dụng, giá cả, v.v...

Việc điều chỉnh các mối quan hệ pháp lý trong lĩnh vực nông nghiệp

Digitized by Google

đòi hỏi phải khéo vận dụng rất nhiều nguyên tắc quản lý : nguyên tắc thống nhất lãnh đạo chính trị và lãnh đạo kinh tế, nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, nguyên tắc kết hợp việc phân ngành quản lý với việc tổ chức hiệp đồng giữa các ngành các cấp, nguyên tắc song trùng phụ thuộc, nguyên tắc kết hợp việc quản lý tập trung của Nhà nước với việc mở rộng dân chủ của hợp tác xã, nguyên tắc phân biệt các biện pháp quản lý tùy theo hình thức sở hữu, v.v... Có thể nói, việc vận dụng các nguyên tắc nói trên vào trong lĩnh vực tổ chức quản lý nông nghiệp là khó khăn hơn so với các lĩnh vực khác.

3—*Việc quản lý nông nghiệp của Nhà nước ta hiện nay đang tác động vào cả ba khu vực kinh tế — kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã và kinh tế cá thể (chủ yếu là ở miền Nam) — và trong một tương lai không xa nữa thì vào hai khu vực kinh tế quốc doanh và hợp tác xã là chủ yếu.*

Hai khu vực kinh tế này (quốc doanh và hợp tác xã) giống nhau về mặt bản chất kinh tế — xã hội, đều dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, nhưng lại khác nhau về mặt hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa (của toàn dân, của tập thể). Do vậy tính chất và địa vị pháp lý của các đơn vị cơ sở trong hai khu vực kinh tế ấy có chỗ khác nhau, và *các mối quan hệ quản lý giữa Nhà nước với hai loại cơ sở đó cũng có chỗ khác nhau.*

Mặt khác, theo quy luật phát triển của nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa, *Nhà nước sử dụng các hình thức tổ chức — pháp lý thích hợp để làm cho hình thức sở hữu tập thể ngày càng nhích lại gần và cuối cùng hòa vào hình thức sở hữu toàn dân.* Và dĩ nhiên đến lúc đó không còn có sự phân biệt về các mối quan hệ quản lý giữa Nhà nước với các cơ sở nữa.

★

Chú ý đến ba đặc điểm nói trên, công tác pháp chế với sự tác động đặc thù của nó, phải làm sao vừa thể hiện đúng đắn và sâu sắc ý chí, đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc tổ chức, quản lý nông nghiệp, vừa bảo đảm hiệu lực của nó trong lĩnh vực phức tạp này.

Ở đây có ba vấn đề đáng chú ý nhất :

— Thực hiện có hệ thống các biện pháp pháp chế về tổ chức, quản lý nông nghiệp ;

— Củng cố, xây dựng các hình thức tổ chức — pháp lý bảo đảm tăng cường mối quan hệ giữa Nhà nước và hợp tác xã ;

— Kiểm tra, thanh tra và xử lý công minh các vấn đề về thi hành pháp luật nông nghiệp.

1. Thực hiện có hệ thống các biện pháp pháp chế về tổ chức, quản lý nông nghiệp.

Các biện pháp pháp chế trong nông nghiệp có thể chia làm 3 loại :

— Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý ;

— Hệ thống các thể chế về quản lý ;

— Chế độ dân chủ trong hợp tác xã.

a) Việc xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nông nghiệp ở các cấp, các ngành và các cơ sở có tầm quan trọng hàng đầu. Làm rõ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi trách nhiệm cũng như các quan hệ chỉ đạo hoặc

Digitized by Google

phối hợp của các cơ quan chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý chuyên ngành và các cơ quan quản lý liên ngành (ta thường gọi là cơ quan chức năng, tổng hợp), các quan hệ song trùng phụ thuộc của các cơ quan quản lý chuyên ngành và liên ngành ở các địa phương, là một việc rất công phu và phức tạp.

Một mặt, xác định các nhiệm vụ cụ thể cùng các quan hệ phối hợp của bản thân *các cơ quan quản lý chuyên ngành* nông nghiệp, lâm nghiệp và hải sản trong những điều kiện mới. Mặt khác, quy định trách nhiệm cùng các quan hệ phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành nói trên, của bản thân *các cơ quan quản lý liên ngành*, như các cơ quan phụ trách công tác thủy lợi (« liên ngành » vì công tác thủy lợi không chỉ bao gồm công tác thủy nông, tuy trong tình hình hiện nay phải rất coi trọng công tác thủy nông), quản lý đất đai, công tác kế hoạch, các công tác cung ứng vật tư – kỹ thuật, hợp đồng kinh tế, thu mua nông sản, bán lẻ hàng hóa, vật giá, tài chính, tín dụng, v.v...

Hiện nay, chúng ta đang thực hiện các quy định rất quan trọng về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ, về nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế, về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền Nhà nước cấp tỉnh, và về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp huyện. Các quy định này làm rõ ở mức độ tổng quát sự phân cấp, phân công quản lý Nhà nước nói chung và dĩ nhiên chúng có liên quan đến nông nghiệp. Song để quản lý nông nghiệp có hiệu quả hơn, việc *phân cấp và phân công cụ thể về tất cả các mặt quản lý nông nghiệp* là điều rất nên làm.

Đặc biệt, chúng ta nên rút kinh nghiệm để cải tiến tổ chức bộ máy một cách căn bản hơn, nhằm *bảo đảm cho cấp huyện làm được nhiệm vụ mới của mình đối với nông nghiệp.*

Điều quan trọng nhất là phục vụ cơ sở trên địa bàn huyện: các hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp (hiện nay chủ yếu là ở miền Bắc, nhưng sau này thì cả ở miền Nam). Kinh nghiệm là: đứng trước các tổ chức cơ sở (các hợp tác xã), càng có ít tổ chức có quan hệ thì càng tốt. Nhờ đó mà giảm bớt các đầu mối giao dịch và chỉ đạo, giải quyết công việc nhanh gọn và có hiệu quả, tránh những sự đùn đẩy trách nhiệm, bớt phiền hà đối với cơ sở. Hiện nay việc cung ứng vật tư – kỹ thuật cho các cơ sở trên địa bàn một huyện do 4, 5 tổ chức phụ trách: trạm vật tư nông nghiệp thuộc Bộ nông nghiệp (đối với phân bón và nông cụ), trạm vật tư – kỹ thuật thuộc Bộ vật tư (đối với xăng dầu, sắt thép, đồ điện...), trạm cung ứng xi-măng thuộc Bộ xây dựng, công ty vật liệu kiến thiết thuộc Bộ nội thương (đối với than,...). Để thu mua nông sản và sản phẩm thủ công nghiệp, cũng có đến mấy ngành: lương thực và thực phẩm, nội thương, ngoại thương, y tế (đối với cây dược liệu)..., chưa kể các xí nghiệp, đơn vị cơ sở có quan hệ kinh tế trực tiếp với các hợp tác xã. Cho nên cần nghiên cứu, thử nghiệm để tiến tới ở cấp huyện có *bộ máy cung ứng vật tư – kỹ thuật và bộ máy thu mua nông sản và sản phẩm thủ công nghiệp hợp lý theo hướng tổng hợp và tập trung hơn.* Đây cũng chính là điều kiện thuận lợi để thực hiện chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều giữa tổ chức Nhà nước với các hợp tác xã.

Để cho cấp huyện được chủ động hơn, đi đôi với việc cải tiến tổ chức bộ máy ở cấp huyện, cần *cải tiến cả bộ máy và lề lối làm việc ở cấp tỉnh*, vì cấp tỉnh có quan hệ chỉ đạo trực tiếp đối với cấp huyện, nhất là về các mặt cung ứng vật tư – kỹ thuật, thu mua nông sản, bán lẻ hàng tiêu dùng, cấp phát tài chính, v.v... Đặc biệt đáng được nghiên cứu là vấn đề tăng cường phối hợp chỉ đạo của hai

Digitized by Google

ty nông nghiệp, lâm nghiệp đối với Ủy ban nông — lâm huyện là cơ quan duy nhất thống nhất chỉ đạo cả hai ngành đó ở cấp huyện, như về mặt xác định trọng tâm công tác của Ủy ban nông — lâm huyện trong từng thời kỳ, giải quyết các tranh chấp về đất đai giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, tận dụng đất đai trên địa bàn huyện để kết hợp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp một cách hợp lý, v.v...

Hoàn thiện, tăng cường bộ máy quản lý của các hợp tác xã, các nông trường, các lâm trường quốc doanh, sẽ đưa đến việc cải tiến hoạt động sản xuất — kinh doanh ở các cơ sở, củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nêu gương và tạo cơ sở cho việc đẩy nhanh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam.

Củng cố các ban quản trị, ban kiểm soát trong từng hợp tác xã, thực hiện chế độ Nhà nước bổ nhiệm trưởng kế toán, trưởng kỹ thuật và quản lý chặt chẽ chủ nhiệm hợp tác xã như Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương đã chủ trương, là công việc rất quan trọng. Đồng thời, theo chủ trương của Chính phủ, các cơ quan chủ quản căn cứ vào những nguyên tắc cơ bản trong Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, sớm xây dựng và thực hiện các điều lệ nông trường quốc doanh và lâm trường quốc doanh. Việc củng cố các loại cơ sở quốc doanh này theo hướng hợp lý hóa tổ chức và lao động, thực hiện phương pháp quản lý sản xuất lớn và phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, có tác dụng làm gương cho việc hợp lý hóa tổ chức sản xuất và quản lý ở các hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, đưa các hợp tác xã này đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

b) *Hệ thống các thể chế về quản lý nông nghiệp* là tổng thể các quy phạm và tiêu chuẩn pháp lý — kinh tế, pháp lý — kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp và quản lý nông nghiệp mà các cấp, các ngành, các cơ sở cũng như tất cả những người có liên quan phải tôn trọng, tuân theo.

Các quy phạm và tiêu chuẩn nói trên phải thể hiện các chủ trương và biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu đã đề ra về phát triển nông nghiệp trong giai đoạn mới, *trước hết là khai thác, tận dụng thế mạnh của nước ta là lực lượng hơn 22 triệu người lao động, các nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đồng thời sử dụng tốt nhất các cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có và sẽ có của ta, theo tinh thần dựa vào sức ta là chính.*

Khi đề ra nhiệm vụ hàng đầu trên mặt trận kinh tế trong những năm trước mắt là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, Đảng ta đã xuất phát từ thế mạnh nói trên của nước ta. Phù hợp với quan điểm của Mác, coi « lao động là cha, còn đất là mẹ của của cải vật chất », Đảng ta đã nhấn mạnh trong nhiều nghị quyết tầm quan trọng của vấn đề sử dụng, quản lý lực lượng lao động xã hội, cũng như của vấn đề sử dụng, quản lý ruộng đất. Song việc thể chế hóa của Nhà nước ta về mặt này tiến hành hơi chậm và chưa đầy đủ.

Lao động là sức sản xuất đầu tiên, thứ nhất, của loài người, còn đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu không gì thay thế được của nông nghiệp, lâm nghiệp, là cái chứa đựng các nguồn nước, các loại khoáng sản, là cơ sở để phát triển các ngành nông nghiệp, các ngành công nghiệp khai thác và các ngành công nghiệp chế biến, là nền tảng để xây dựng các khu dân cư, các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, các đường giao thông vận tải... So với tất cả các lĩnh vực khác của nền kinh tế quốc dân thì trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là ở bước đầu đi lên sản xuất lớn, lao động và đất đai có tầm quan trọng quyết định nhất. Cho nên xây dựng và thực hiện các thể chế về *quản lý lực lượng*

Digitized by Google

lao động xã hội và về *quản lý ruộng đất* là vấn đề cấp bách nhất. Đồng thời thể chế hóa việc *quản lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên một cách toàn diện* (bao gồm đất, rừng, nước, khoáng sản, các loại sinh vật trong rừng, dưới nước, v.v...), thi hành nghiêm chỉnh pháp lệnh bảo vệ rừng, cũng là những vấn đề không thể trì hoãn.

Trong lĩnh vực quản lý tổ chức sản xuất và sản xuất, các quy định về *cải tiến kế hoạch hóa nông nghiệp nói chung* (« cải tiến hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước đề cho tỉnh, huyện và cơ sở sản xuất có quyền chủ động hơn... », cân đối kế hoạch phải xuất phát từ lao động và tài nguyên thiên nhiên, chứ không phải từ đầu tư vốn và thiết bị, máy móc, v.v...) cần được sớm thực hiện để thúc đẩy, củng cố việc tổ chức lại sản xuất sau khi đã xây dựng được quy hoạch tổng thể và quy hoạch cụ thể trên địa bàn huyện, từng vùng nhỏ và từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường, đồng thời để tạo điều kiện đạt và vượt mức kế hoạch sản xuất hàng năm, bảo đảm thực hiện vững chắc các chỉ tiêu lớn của kế hoạch 5 năm 1976 – 1980 mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã quyết định.

Bổ sung, hoàn thiện sớm các thể chế về *quản lý các loại vật tư – kỹ thuật dùng trong nông nghiệp*, bao gồm từ chế độ cung ứng, chế độ bảo quản, chế độ sử dụng vật tư – kỹ thuật, đến tổ chức sản xuất, sửa chữa máy móc công cụ, chế độ thuê và sử dụng máy kéo, chế độ sử dụng và bảo quản các trạm bơm cũng là điều cần thiết. Ở đây các vấn đề nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể, tổ chức, biện pháp, chế độ trách nhiệm vật chất cùng các chế độ trách nhiệm khác (hành chính, kỷ luật, hình sự) đều quan trọng cả.

Với việc xây dựng hệ thống giống quốc gia từ trung ương tới cơ sở cần thực hiện *chế độ quản lý hệ thống giống quốc gia* bao gồm tất cả các loại giống cây, con do Nhà nước quản lý (hiện nay chỉ mới thực hiện chế độ phân cấp quản lý giống và chủ yếu là đối với giống cây lúa và giống con lợn).

Để thúc đẩy tiến bộ khoa học – kỹ thuật trong nông nghiệp, một mặt cần hoàn thiện các thể chế về *bảo vệ thực vật, thú y* theo phương pháp khoa học hiện đại; mặt khác xây dựng các chế độ về *khen thưởng sáng chế, phát minh* kể cả trong lĩnh vực « cách mạng xanh » và trong lĩnh vực thí nghiệm, thiết kế, chế tạo các loại phân bón hóa học, thuốc trừ sâu bệnh, trừ cỏ dại, các máy móc, công cụ nông nghiệp, v.v...

Việc thể chế hóa các chính sách của Đảng và Nhà nước về việc sử dụng các « đòn bẩy kinh tế », sử dụng các mối quan hệ hàng hóa – tiền tệ, hàng hóa – thị trường đòi hỏi phải sớm điều chỉnh, bổ sung *chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều, hệ thống giá cả thu mua nông sản* (bao gồm cả các loại giá, sự hình thành giá đối với loại giá chỉ đạo, kỷ luật giá cả, v.v...), *chế độ tín dụng* đối với hợp tác xã, v.v...

Mỗi loại vấn đề nêu trên bao gồm nhiều, có khi rất nhiều thể chế cụ thể. Chúng ta không thể quy định trong một lúc hết thảy mọi thể chế cần thiết, mà phải lựa chọn giải quyết từng bước các vấn đề theo một chương trình hợp lý được Chính phủ thông qua, bắt đầu bằng những vấn đề chung nhất và thiết yếu nhất.

c) *Xác định chế độ dân chủ trong hợp tác xã* là biện pháp pháp chế để phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của xã viên trong sản xuất và phân phối, khắc phục tình trạng mệnh lệnh, độc đoán, quan liêu.

Đối với giai cấp nông dân, hợp tác xã là trường học chủ nghĩa xã hội, trước hết vì nơi đây được thiết lập một *chế độ dân chủ trực tiếp* thật sự và một *chế độ dân chủ đại diện* lành mạnh

Digitized by Google

nhất. Đã là xã viên thì ai cũng có quyền bầu cử các cơ quan đại diện cho mình trong hợp tác xã, ai cũng có quyền tham gia bàn bạc và quyết định các vấn đề lớn trong việc quản lý hợp tác xã, thông qua đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên, thông qua các hội nghị tổ, đội sản xuất; ai cũng có quyền giám sát, kiểm tra công việc của các cơ quan đại diện (ban quản trị, ban kiểm soát). Các cơ quan đại diện này phải chấp hành tốt mọi quyết định của tập thể xã viên, phải phục vụ tốt xã viên, chịu sự kiểm soát của xã viên, báo cáo công việc và chịu trách nhiệm trước xã viên; những người trong các cơ quan này nếu không làm tròn nhiệm vụ thì có thể bị tập thể xã viên phê bình, bãi miễn, v.v...

Thực hiện chế độ dân chủ trong hợp tác xã đòi hỏi mọi người (kể cả xã viên, các cán bộ trong các cơ quan quản lý hợp tác xã, các cán bộ quản lý cấp trên, các cán bộ Đảng và chính quyền) phải tôn trọng điều lệ hợp tác xã, thực hiện đầy đủ các quy tắc về sinh hoạt, hoạt động của hợp tác xã đã được điều lệ ấy quy định. Việc chính thức thông qua và phê chuẩn điều lệ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao có ý nghĩa rất quan trọng về mặt pháp chế. Nó bảo đảm và củng cố chế độ làm chủ tập thể bằng pháp chế Nhà nước trong phạm vi nội bộ khu vực hợp tác xã, bắt buộc mọi công dân dù ở trong hay ngoài hợp tác xã, dù là cán bộ Nhà nước cấp trên cũng phải nghiêm chỉnh tôn trọng

2—*Củng cố, xây dựng các hình thức tổ chức — pháp lý, bảo đảm tăng cường mối quan hệ giữa Nhà nước và hợp tác xã.*

Khu vực hợp tác xã trong nông nghiệp chiếm một trận địa rất rộng lớn cả về mặt lao động và đất đai; trong tổng sản phẩm nông nghiệp của nước nhà hiện nay phần của nó chiếm một tỷ lệ rất cao.

Nhà nước không thể là người quan sát thụ động quá trình phát triển sản xuất ở các hợp tác xã. Vì các hợp tác xã là bộ phận của nền kinh tế quốc dân thống nhất, là những xí nghiệp có tính chất xã hội chủ nghĩa cũng phát triển theo các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội giống như các nông trường, lâm trường quốc doanh; các hợp tác xã là hình thức chủ yếu lôi cuốn, tổ chức giai cấp nông dân cùng với giai cấp công nhân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Do vậy Nhà nước ta phải tăng cường quản lý đối với các hợp tác xã để phát huy vai trò tích cực, to lớn của nó trong lĩnh vực nông nghiệp.

Trong giai đoạn trước mắt, tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với hợp tác xã là bằng các biện pháp thích hợp, có hiệu lực, đưa các hợp tác xã đi theo con đường thực hiện kế hoạch Nhà nước, chấp hành các chính sách, pháp luật và biện pháp tổ chức của Nhà nước. Nhà nước vừa dùng phương pháp mệnh lệnh trực tiếp để bắt buộc các hợp tác xã chấp hành các thể chế về quản lý, vừa phát huy và mở rộng chế độ làm chủ tập thể trong hợp tác xã, « xây dựng và phát triển quan hệ hợp lý giữa sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể » như Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng đã nêu ra.

Biện pháp cơ bản quan trọng nhất về mặt này là sử dụng cơ chế kế hoạch kết hợp với hợp đồng kinh tế hai chiều. Lâu nay chúng ta chưa sử dụng tốt cơ chế này. Một số đồng chí khi nghĩ đến vấn đề kế hoạch Nhà nước đối với hợp tác xã thường tách rời kế hoạch với hợp đồng kinh tế, và trong việc chỉ đạo lập và thực hiện kế hoạch thường dùng phương pháp mệnh lệnh đối với hợp tác xã cũng gần giống như đối với nông trường, lâm trường quốc doanh. Như vậy là vi phạm chế độ dân chủ trong hợp tác xã, trái với điều lệ hợp tác xã (điều lệ này tuy còn là dự thảo,

Digitized by Google

nhưng đã được áp dụng trên thực tế khi các hợp tác xã xây dựng điều lệ cụ thể của họ). Theo điều lệ hợp tác xã, thì kế hoạch của hợp tác xã là do đại hội hợp tác xã thông qua và quyết định.

Vậy làm thế nào để bảo đảm tính chất pháp lệnh của kế hoạch nông nghiệp? Phải thực hiện kế hoạch, đó là pháp lệnh, không còn phải bàn cãi gì về vấn đề đó nữa. Song tính chất pháp lệnh đó nhằm chủ yếu vào các cơ quan Nhà nước, trước hết là cấp huyện. Còn *Nhà nước « ràng buộc » các hợp tác xã chủ yếu bằng chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều, đồng thời cũng bằng cách đòi hỏi thi hành nghiêm chỉnh các thể chế khác của Nhà nước.* Do đó mà bảo đảm đạt được các chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước về sản xuất nông nghiệp.

3) *Kiểm tra, thanh tra và xử lý công minh các vấn đề về thi hành pháp luật trong nông nghiệp.*

Sẽ là một thiếu sót lớn nếu chúng ta bỏ qua vấn đề này khi nói đến việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức, quản lý nông nghiệp. Điều đáng nhấn mạnh ở đây là yêu cầu kiểm tra đặt ra rất cấp bách và phạm vi kiểm tra rất rộng đối với lĩnh vực quản lý nông nghiệp: kiểm tra việc thực hiện nghiêm chỉnh nhiều thể chế đã ban hành trên một lĩnh vực hoạt động tổng hợp và đang chuyển biến mạnh để phát hiện các vấn đề có khi rất khó thấy; kiểm tra để bổ sung và hoàn thiện các thể chế hiện hành cho phù hợp với tình hình phát triển nhanh; kiểm tra để uốn nắn, xử lý kịp thời các vụ vi phạm.

Vì địa bàn kiểm tra rất rộng lớn, cho nên hơn đâu hết cần phát huy đầy đủ sự kiểm tra của quần chúng kết hợp với sự kiểm tra của Nhà nước, và do đó cũng cần có biện pháp để đông đảo quần chúng nắm được các thể chế trong lĩnh vực này.

Mặt khác, thực hiện có hệ thống công tác thanh tra: thanh tra tổng hợp và thanh tra chuyên ngành của Nhà nước, thanh tra nhân dân ở cơ sở, nhằm vào những vấn đề cơ bản nhất như các vấn đề về quản lý lao động, quản lý ruộng đất, quản lý rừng, quản lý vật tư — kỹ thuật, công tác thu mua nông sản, chế độ dân chủ trong hợp tác xã, v.v... Từ việc thanh tra mà phát hiện các vấn đề về tăng cường quản lý và các vấn đề cần xử lý. Cơ quan có trách nhiệm xử lý cần xử lý kịp thời, công minh và theo dõi tình hình chấp hành biện pháp xử lý

★

Đối với một vấn đề lớn, một nhiệm vụ cơ bản của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta — tập trung cao độ lực lượng cả nước, tạo ra một bước phát triển vượt bậc của nông nghiệp — nếu không thật sự tăng cường và phát huy hiệu lực của pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức, quản lý nông nghiệp, thì chúng ta không thể tạo nên một sức mạnh tổng hợp, đồng bộ để hoàn thành thắng lợi trong những năm trước mắt.

Digitized by Google

PHẢI DỰA HẲN VÀO CÔNG NHÂN, LAO ĐỘNG ĐỂ LÀM TỐT CUỘC CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI CÔNG THƯƠNG NGHIỆP TƯ BẢN TƯ DOANH

VŨ-XUÂN-CẬN

CẢI tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh là một cuộc cách mạng sâu sắc trên các mặt: chính trị và kinh tế, tư tưởng và tổ chức nhằm xóa bỏ bóc lột, tổ chức lại nền kinh tế quốc dân, đẩy mạnh sản xuất phát triển, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng quan hệ sản xuất mới, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sức sản xuất phát triển. Do vậy, công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh phải thực hiện được việc xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa về sản xuất và lưu thông phân phối, công hữu hóa tư liệu sản xuất chủ yếu dưới nhiều hình thức thích hợp, từng bước chuyển sở hữu tư bản chủ nghĩa thành sở hữu xã hội chủ nghĩa, tổ chức sắp xếp lại bộ phận còn do tư nhân kinh doanh vào quỹ đạo quản lý của Nhà nước, không ngừng tăng cường lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất. Thông qua cuộc cải tạo này, chúng ta củng cố, tăng cường thêm một bước nền chuyên chính vô sản và phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Đây là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp. Giai cấp tư sản là đối tượng của cuộc cải tạo. Giai cấp công nhân và quần chúng lao động khác vừa là lực lượng chính trị, vừa là lực lượng sản xuất chủ yếu; song lực lượng trực tiếp, có vai trò quyết định nhất trong cuộc cải tạo này là giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân coi việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh là một trong những nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ kinh tế trực tiếp của mình. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đáp ứng quyền lợi cơ bản trước mắt và lâu dài của bản thân giai cấp công nhân. Chính vì lẽ đó, giai cấp công nhân là lực lượng hăng hái, tích cực nhất, kiên quyết nhất, là chỗ dựa vững chắc nhất của Đảng và Nhà nước ta trong cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Trong quá trình lãnh đạo cuộc cải tạo, Đảng ta luôn luôn nhắc nhở các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền phải thật sự dựa vào giai cấp công nhân và quần chúng lao động khác, dựa vào Công đoàn và các đoàn thể quần chúng khác, coi trọng công tác

Digitized by Google

giáo dục tư tưởng, phát động quần chúng, bảo đảm cuộc cải tạo đạt kết quả tốt, nhanh và gọn. Thông báo số 10 TB — TƯ ngày 24-3-1977 của Ban bí thư Trung ương Đảng đã vạch ra nguyên tắc sách lược trong cuộc cải tạo là « dựa vào giai cấp công nhân và quần chúng cách mạng, đoàn kết đông đảo nhân dân lao động, giáo dục cải tạo người tư sản, đấu tranh với những kẻ ngoan cố vì quyền lợi ích kỷ làm cản trở công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, kiên quyết trừng trị những phần tử phản cách mạng phá hoại hiện hành và bọn gian thương đầu cơ tích trữ, phá rối thị trường, gây thiệt hại đến đời sống nhân dân ». Thông báo trên còn chỉ rõ « dựa vào các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc Việt-nam để vận động giáo dục quần chúng một cách sâu rộng. Coi trọng nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý thức và vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân và nhân dân lao động để thực hiện tốt công tác cải tạo những người tư sản và tiểu chủ » Ngày 8-6-1977 Ban bí thư Trung ương Đảng lại ra thông báo số 17, nhấn mạnh « Phải dựa vào quần chúng công nhân, lao động tại chỗ để làm công tác cải tạo và để quản lý xí nghiệp sau cải tạo. Do đó phải chú trọng phát động tư tưởng công nhân, làm cho công nhân hiểu vị trí mới, vai trò làm chủ tập thể của mình đối với xí nghiệp, trách nhiệm của người công nhân trong việc góp phần cải tạo người chủ cũ ».

Như vậy rõ ràng đường lối giai cấp, quan điểm quần chúng của Đảng ta xuất phát từ tư tưởng coi sự nghiệp cách mạng của Đảng là sự nghiệp cách mạng của công nhân và quần chúng lao động đông đảo. Đảng dựa vào và thông qua các tổ chức quần chúng do mình lãnh đạo để giáo dục, nâng cao giác ngộ cách mạng cho quần chúng, Đảng ta cho rằng, bản chất quần chúng là tốt, song phải coi trọng việc giáo dục nâng cao giác ngộ cách mạng cho quần chúng, thì hành động của quần chúng mới có thể là hành động tự giác Khi Đảng ta nói phải dựa vào công nhân và quần chúng lao động khác chính là với ý nghĩa dựa vào quần chúng có giác ngộ, có tổ chức, chứ không phải là dựa vào quần chúng lạc hậu, sống rời rạc, không có tổ chức. Trong điều kiện Đảng ta đã lãnh đạo chính quyền, chúng ta có đủ sức mạnh, đủ phương tiện để tập hợp, giáo dục quần chúng, chúng ta hoàn toàn chủ động trong công việc này, cho nên phải mở rộng các tổ chức cách mạng của quần chúng, không để một người nào sống ngoài tổ chức, trừ những phần tử phản động; vì chỉ có qua tổ chức mới bảo đảm giáo dục, nâng cao giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa cho quần chúng, mới hướng dẫn được quần chúng hành động đúng theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Trong các xí nghiệp công thương nghiệp tư bản tư doanh, tổ chức quần chúng rộng lớn nhất của giai cấp công nhân là công đoàn. Công đoàn là trung tâm tập hợp công nhân, lao động bao gồm không chỉ những người tiên tiến, những người trung bình, mà thậm chí có cả những người còn chậm tiến để giáo dục, nâng cao giác ngộ của họ lên ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do đó, Đảng ta nói dựa vào công nhân, lao động cũng có nghĩa là dựa vào công đoàn và các đoàn thể quần chúng khác để tiến hành cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Trong cuộc cải tạo này, Đảng giữ vai trò lãnh đạo, chính quyền có trách nhiệm quản lý, các đoàn thể quần chúng tiến hành việc giáo dục tư tưởng, phát động quần chúng thực

Digitized by Google

hiện thắng lợi đường lối, chính sách cải tạo của Đảng và Nhà nước.

★

Hơn một năm qua, cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở các tỉnh và thành phố phía Nam đã được tiến hành, nhưng còn chậm so với đòi hỏi của tình hình thực tế. Chúng ta đã chuyển một số xí nghiệp do Nhà nước tạm thời quản lý từ sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng theo chế độ «công quản» thành xí nghiệp quốc doanh. Đây là việc hợp thức hóa quyền sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất của bọn ngụy quân, ngụy quyền, tư sản mại bản và tư sản phản động bỏ chạy ra nước ngoài. Trên cơ sở hợp pháp hóa chế độ sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất, các xí nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại thành cơ sở kinh tế của từng ngành, tiếp tục giải quyết những vấn đề về kinh tế và bảo đảm cho xí nghiệp có đủ quyền tư cách pháp nhân, xác định năng lực sản xuất, xác định các loại vốn để tạo điều kiện dần tư thêm vốn, trang bị kỹ thuật. Phương hướng, nhiệm vụ sản xuất của xí nghiệp được xác định rõ hơn. Trong các xí nghiệp này chúng ta thực hiện chế độ quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, áp dụng điều lệ tổ chức xí nghiệp quốc doanh, thực hiện luật công đoàn, xác lập quyền làm chủ tập thể của công nhân và quần chúng lao động khác, củng cố xí nghiệp về mọi mặt để phát huy vai trò nòng cốt của xí nghiệp quốc doanh trong cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong thời gian «công quản», chúng ta đã bước đầu giáo dục công nhân và lao động khác về tình hình, nhiệm vụ mới, làm cho anh chị em hiểu rõ địa vị mới của mình, từ người làm thuê trở thành người làm chủ tập thể xí nghiệp, làm chủ xã hội, động viên liên tục phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm nhằm duy trì và đẩy mạnh sản xuất, phục vụ công cuộc xây dựng đất nước, phục vụ nhân dân. Trong đợt chuyển các xí nghiệp «công quản» thành xí nghiệp quốc doanh, chúng ta đã tổ chức tốt đợt sinh hoạt chính trị trong công nhân, lao động, tạo cơ sở chính trị, tư tưởng cho việc giải quyết tốt những tồn tại về kinh tế, về tổ chức quản lý và động viên mạnh mẽ phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1977.

Trong những tháng cuối năm 1977, chúng ta tiến hành cải tạo khẩn trương, tương đối tập trung ngành giao thông vận tải, một trong những ngành có vị trí chiến lược quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Ngành vận tải đường bộ được cải tạo trước một bước. Đại bộ phận công nhân và lao động ngành vận tải đường bộ, bao gồm hơn 10.000 người đã được phát động tư tưởng, giáo dục về chủ trương, chính sách cải tạo, về vai trò, nhiệm vụ của giai cấp công nhân nói chung và của công nhân và lao động ngành giao thông vận tải nói riêng trong cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Về thương nghiệp, chúng ta đang đi vào cải tạo và tổ chức lại một số ngành hàng thiết yếu đến đời sống của nhân dân, tổ chức mạng lưới cung cấp vật tư, hàng hóa và thu mua lương thực, thực phẩm nông sản, nhằm loại bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Đấu tranh để cải tạo thương nghiệp tư doanh ở miền Nam đang là cuộc đấu tranh gay go phức tạp, đòi hỏi chúng ta phải tập trung cố gắng mới làm tốt được.

Về công nghiệp, một số ít xí nghiệp công nghiệp tư bản tư doanh đã được cải tạo theo hình thức công tư hợp doanh. Chúng ta đang rút kinh nghiệm, chuẩn bị kế hoạch cho bước triển

Digitized by Google

khai sắp tới trên diện rộng. Ở những nơi làm thí điểm công tư hợp doanh, việc giáo dục tư tưởng, phát động công nhân, lao động nói chung được coi trọng. Song cách làm còn chưa thống nhất, có nơi việc giáo dục quần chúng làm còn nặng nề tham nhiều nội dung nên thời gian học tập kéo quá dài. Tuy vậy, tư tưởng quần chúng ở đây đã được phát động, nhận thức về trách nhiệm và quyền lợi làm chủ tập thể của người lao động được nâng cao rõ rệt, quan hệ nội bộ xí nghiệp được cải thiện, khí thế lao động hăng say sôi nổi, phần lớn các xí nghiệp công tư hợp doanh đều hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước. Xí nghiệp dệt Cầu-voi (Long-an) hoàn thành sản xuất 1,5 triệu mét vải ngoài ra còn sản xuất thêm 10.000 mét. Xí nghiệp in số I (thành phố Hồ-Chí-Minh), công suất các loại máy in đều tăng từ 16,5% đến 20% so với trước. Xí nghiệp xà phòng Việt-nam, công suất máy móc, năng suất lao động tăng lên rõ rệt, từ 18 tấn/ngày lên 28 tấn/ ngày. Xí nghiệp sản xuất phích nước Bình-gây đã đưa sản lượng từ 100.000 chiếc/năm lên 400.000 chiếc/năm. Song ở một số nơi, việc giáo dục công nhân, lao động, cũng như việc giáo dục người tư sản lại làm quá sơ sài, tư tưởng quần chúng chưa được phát động, người tư sản chưa thấy được rằng sự giàu sang của họ là do bóc lột công nhân, lao động mà có. Vì vậy xí nghiệp tuy đã được « cải tạo », nhưng công nhân chưa phấn khởi sản xuất; các mặt hoạt động của xí nghiệp biến chuyển chưa tốt.

Những xí nghiệp tư bản tư doanh còn được phép kinh doanh thì phần lớn đang hoạt động theo quy chế tư bản Nhà nước bậc vừa và bậc thấp. Những xí nghiệp sản xuất những mặt hàng cần thiết cho nhu cầu đời sống của nhân dân, phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh tế của Nhà nước thì hầu hết đã ký hợp đồng kinh tế với Nhà nước. Một số xí nghiệp tư nhân ở thành phố Hồ-Chí-Minh và phần lớn xí nghiệp tư nhân ở tỉnh sông Bé đã ký kết hợp đồng lao động theo nội dung tinh thần nghị định 186/CP của Chính phủ và theo Luật công đoàn. Đối với loại xí nghiệp này, tuy tư liệu sản xuất còn thuộc sở hữu tư nhân, những phương hướng, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đã do kế hoạch Nhà nước chi phối, năng lực thiết bị, máy móc và lao động của xí nghiệp đã được sử dụng phục vụ cho yêu cầu quốc kế dân sinh. Do vậy, những xí nghiệp này thực chất đã nằm trong quỹ đạo kinh tế xã hội chủ nghĩa chịu sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa; hiện tượng bóc lột lao động, những hoạt động tiêu cực của chủ tư nhân tuy chưa hoàn toàn xóa bỏ, nhưng đã bị hạn chế nhiều, quan hệ giữa chủ tư nhân và người lao động về trách nhiệm và quyền lợi đã được quy định cụ thể, chế độ làm chủ tập thể của công nhân, lao động đang từng bước được xác lập, nhất là quyền giám sát của quần chúng, của Công đoàn đối với hoạt động của xí nghiệp đã bắt đầu được thực hiện. Song nhìn chung, trong khi quan hệ với các xí nghiệp tư bản tư doanh, các cơ quan Nhà nước chưa dựa hẳn vào tổ chức của công nhân là Công đoàn, chưa phát huy đầy đủ vai trò của Công đoàn đúng với vị trí là một thành viên trong hệ thống chuyên chính vô sản như Luật công đoàn đã quy định.

Một hiện tượng khá phổ biến và nghiêm trọng là, hầu hết hợp đồng kinh tế ký giữa cơ quan quản lý Nhà nước với chủ tư nhân đều không cho Công đoàn cơ sở biết để Công đoàn tham gia ý kiến và vận động công nhân lao động thực hiện hợp đồng, đồng thời giám sát chủ tư nhân thực hiện hợp đồng đã ký. Một số cán bộ quản lý của Nhà nước quan niệm sai lầm rằng « ký hợp đồng kinh tế là công việc của cơ quan Nhà nước, Công đoàn không cần biết đến », còn các chủ tư nhân thì kiên quyết không

Digitized by Google

chịu thông báo cho Công đoàn công nhân biết nội dung của hợp đồng kinh tế, khước từ sự kiểm tra, giám sát của Công đoàn, thậm chí có chủ tư nhân còn kiện Công đoàn « xâm phạm quyền quản lý kinh doanh » của họ. Nhà tư sản chống lại sự kiểm soát của công nhân là một việc dễ hiểu, đó là biểu hiện của sự phản ứng giai cấp của giai cấp bóc lột. Song cán bộ quản lý của Nhà nước phạm sai lầm như vậy là một điều đáng chê trách, biểu hiện sự mất lập trường giai cấp. Chúng ta cần nghiêm khắc phê phán sai lầm đó và sớm có biện pháp khắc phục. Chúng ta cần hiểu rõ rằng điều 9 Luật công đoàn đã ghi rõ « ...Công đoàn có quyền giám sát việc thi hành các hợp đồng đã ký kết và luật lệ về sản xuất kinh doanh, về quyền lợi của công nhân, viên chức, chống mọi hành động làm trái chính sách, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước ». Thông tư số 9 LĐ – TT ngày 14-4-1977 của Bộ lao động đã hướng dẫn rõ là « các bản dự thảo hợp đồng kinh tế phải gửi đến Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp ít nhất 7 ngày, trước khi ký kết. Cơ quan Nhà nước và chủ xí nghiệp phải coi trọng ý kiến của Ban chấp hành công đoàn và thường xuyên thông báo cho Ban chấp hành công đoàn về kết quả thực hiện hợp đồng ».

Do cán bộ quản lý không tôn trọng và không làm đúng luật pháp của Nhà nước, không dựa vào công đoàn và quần chúng công nhân, lao động tại chỗ, cho nên nhiều hợp đồng kinh tế có những sơ hở đáng tiếc. Chủ xí nghiệp tư nhân lợi dụng sự thiếu hiểu biết cụ thể và cách làm ăn sai sót đó của cán bộ để phát triển lối làm ăn gian dối, thu thêm nhiều lợi nhuận phi pháp, ngang nhiên vi phạm luật lệ của Nhà nước, coi thường quyền làm chủ tập thể của công nhân, lao động. Nguy hiểm hơn nữa là, một số cán bộ quản lý đã bị tư sản mua chuộc, đi đến thoái hóa biến chất, thông đồng với tư sản, ăn cắp tài sản của Nhà nước, chia lợi nhuận với tư sản.

Các công đoàn cơ sở và anh chị em công nhân, lao động ở các xí nghiệp tư nhân rất bất bình về sự mất cảnh giác, tác phong quan liêu, không theo đường lối quần chúng, vi phạm luật pháp Nhà nước của số cán bộ quản lý kinh tế như trên. Họ xót xa trước những tổn thất do sai lầm của một số cán bộ gây ra. Mặc dù vậy, nhiều nơi anh chị em công nhân, lao động do nhận thức được trách nhiệm và quyền làm chủ tập thể của mình, cho nên họ kiên quyết đấu tranh ngăn chặn những hành động tiêu cực của chủ tư sản, thu hồi lại cho Nhà nước nhiều của cải, và tố giác những sai lầm của cán bộ với cơ quan có trách nhiệm cấp trên. Công nhân xí nghiệp dệt Tuấn-thành đã giúp Nhà nước thu hồi 46.000 mét vải dôi ra của năm 1976 và nửa năm 1977. Công nhân xí nghiệp dệt Bảo-xương đã phát hiện chủ gian dối lấy sợi của Nhà nước dệt vải bán ra thị trường tự do. Công nhân xí nghiệp Vĩnh-hưng (Quảng-nam – Đà-nẵng) đã phát hiện cho Nhà nước thu hồi 3 tấn dây thép tốt do chủ xí nghiệp khai man định mức tiêu hao vật tư.

Sở dĩ có những sai lầm trên đây là do một số cán bộ trong cơ quan quản lý Nhà nước chưa đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân và chưa thấu suốt quan điểm quần chúng của Đảng. Họ chưa nhận rõ vai trò, vị trí giai cấp công nhân trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Họ đã rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa quan liêu, không dựa vào quần chúng, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, vi phạm luật pháp của Nhà nước.

Mặt khác sự quan tâm không đúng mức của các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền đối với việc giáo dục và kiểm tra cán bộ trong quan hệ kinh tế với giai cấp tư sản; việc không nghiêm khắc xử lý kịp thời những trường hợp cán bộ thoái hóa biến chất,

Digitized by Google

bị tư sản lợi dụng, mua chuộc, v v... cũng góp phần làm cho số cán bộ hư hỏng càng thêm nghiêm trọng

★

Cuộc vận động cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh là một dịp tốt để phát triển đội ngũ giai cấp công nhân về số lượng và nâng cao về chất lượng. Thông qua hoạt động thực tiễn sản xuất và đấu tranh giai cấp, chúng ta có điều kiện để phát hiện những người ưu tú trong giai cấp công nhân, bồi dưỡng, đề bạt họ vào các cương vị phụ trách của xí nghiệp từ tổ trưởng sản xuất đến các phòng, ban, phân xưởng, kể cả vào ban giám đốc xí nghiệp. Vừa qua, khi chuyển một số xí nghiệp từ « công quản » sang quốc doanh, hoặc hay cải tạo xí nghiệp tư bản tư nhân thành xí nghiệp công tư hợp doanh, chúng ta chưa thật mạnh dạn đưa những công nhân giỏi, thành thạo tay nghề, được quần chúng tín nhiệm vào làm giám đốc và phó giám đốc xí nghiệp. Ở một số nơi, khi đưa nhà tư sản vào làm giám đốc, hoặc phó giám đốc xí nghiệp thì một số đồng chí dễ chấp nhận, trái lại khi đưa công nhân vào những cương vị lãnh đạo đó thì những đồng chí này viện nhiều lý do để khước từ hoặc trì hoãn. Phải chăng, công nhân xưa kia đi làm thuê thì nay không làm chủ được, hay trước đây là người bị lãnh đạo thì ngày nay không thể làm người lãnh đạo được, còn nhà tư sản vốn đã là người chủ lâu đời thì nay đương nhiên vẫn phải là người lãnh đạo? Phải chăng những ông chủ cũ nay không thể là một chuyên viên làm công ăn lương dưới sự lãnh đạo của công nhân mà hôm trước đây còn là người nô lệ làm thuê cho họ ? Vừa qua, trong các xí nghiệp đã cải tạo, không có xí nghiệp nào không có chủ tư sản cũ tham gia vào ban lãnh đạo xí nghiệp, còn công nhân trở thành người lãnh đạo xí nghiệp là một việc ít thấy, chỉ đạt tỷ lệ khoảng 1/10, 1/5, nghĩa là cứ 10 chủ tư sản cũ tham gia ban giám đốc thì có 1 hoặc 2 công nhân được « đề bạt » vào ban giám đốc xí nghiệp

Đào tạo nhiều cán bộ xuất thân từ công nhân để bổ sung cho đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước ta là một yêu cầu quan trọng của công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam. Chỉ thị của Trung ương Đảng đã ghi rõ vấn đề này, song nhiều nơi, kể cả một số ngành ở Trung ương chưa thấu suốt tầm quan trọng của vấn đề.

Thái độ thận trọng, cảnh giác cách mạng, căn cứ vào tiêu chuẩn, thực chất tài, đức trong khi xem xét, lựa chọn, đề bạt cán bộ là đúng và hoàn toàn cần thiết. Nhưng phải có quan điểm giai cấp đúng đắn, phải phân biệt rõ rằng mặt bản chất với những nhược điểm có tính chất tạm thời trước mắt (văn hóa, kiến thức, kinh nghiệm, quản lý...) của anh chị em công nhân vùng mới giải phóng. Trong điều kiện mới của chuyên chính vô sản, chúng ta hoàn toàn có đủ điều kiện để giáo dục, bồi dưỡng anh chị em, giúp họ vươn lên làm chủ xí nghiệp. Chúng ta không giữ thái độ hẹp hòi đối với những người tư sản có kinh nghiệm quản lý và giỏi về kỹ thuật sản xuất, chịu tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhưng chúng ta càng không thể có thái độ hẹp hòi đối với anh chị em công nhân, đội quân chủ lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mạnh dạn đề bạt công nhân ưu tú tại chỗ, xây dựng nhanh và vững đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật xuất thân từ công nhân, chúng ta mới đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng đất nước trên quy mô lớn, tốc độ cao.

Việc xây dựng, củng cố các tổ chức ở xí nghiệp tuy có được đẩy mạnh một bước, song còn rất chậm và có nhiều thiếu sót. Ở các xí nghiệp « công quản », xí nghiệp quốc doanh, xí nghiệp công tư hợp doanh đều đã

Digitized by Google

có tổ chức Công đoàn. Phần lớn xí nghiệp tư bản tư doanh có từ 10 công nhân, lao động với 20.000 đồng tiền vốn trở lên cũng đã có tổ chức công đoàn. Còn những cơ sở tư nhân khác thì mới trên 50% có tổ chức Công đoàn Việc phát triển đoàn viên công đoàn nói chung còn rất chậm, rất hẹp cho nên chưa thể hiện đúng tính chất giai cấp và tinh quần chúng của tổ chức Công đoàn. Đến nay đoàn viên công đoàn mới đạt khoảng 30 — 40% so với tổng số công nhân, lao động. Thành phố Hồ-Chí-Minh có 293.492 công nhân viên chức, nhưng mới có 159.264 đoàn viên công đoàn đạt tỷ lệ 54,24%. Riêng khu vực tư doanh, có 25.381 doàn viên công đoàn so với 55.297 công nhân, lao động, đạt tỷ lệ 45,8%. Trình độ công tác của cán bộ công đoàn cơ sở còn yếu, kém. Trong nhiều xí nghiệp tư bản tư doanh, chưa có tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh ; còn chi bộ Đảng cộng sản thì hầu như chưa có

Lực lượng cơ bản cũng như chỗ dựa chủ yếu của chúng ta trong khi tiến hành cải tạo kinh tế tư bản tư nhân, chưa được các cấp, các ngành thật sự quan tâm xây dựng, cho nên việc phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, lao động ở các xí nghiệp tư nhân chưa mạnh, làm hạn chế không ít tiến độ và kết quả của việc cải tạo.

Trong thời gian tới đây, cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh phải được tiến hành khẩn trương hơn trước. Vì vậy chúng ta cần sớm sơ kết công việc cải tạo vừa qua, để rút kinh nghiệm bổ sung phương án và kế hoạch cải tạo trên diện rộng trong năm 1978. Theo phương hướng chỉ đạo của Trung ương ghi rõ trong thông báo số 17/TB — TƯ ngày 8-6-1977: "Nói chung trong vài năm trước mắt, hình thức công tư hợp doanh chỉ nên áp dụng đối với những xí nghiệp loại tương đối lớn, những xí nghiệp sản xuất ra những mặt hàng quan trọng, có thiết bị tương đối hiện đại và có điều kiện phát triển sản xuất" Như vậy là các cơ sở được cải tạo bằng các hình thức tư bản Nhà nước thấp hơn như gia công đặt hàng, đấu thầu v.v... còn khá nhiều. Tuy những cơ sở này hoạt động dưới sự quản lý về nhiều mặt của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chịu sự chi phối của kinh tế quốc doanh, nằm trong quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, song cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong khu vực kinh tế này sẽ còn diễn ra khá gay go, phức tạp. Do vậy, đòi hỏi chúng ta phải nâng cao khả năng của các cơ quan quản lý, dựa chặt vào giai cấp công nhân và tổ chức rộng rãi của nó là Công đoàn, để sử dụng tốt nhất năng lực sản xuất của các xí nghiệp tư nhân và ngăn ngừa, hạn chế những hoạt động tiêu cực của người tư sản.

Cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đang diễn ra ở các tỉnh, thành phố phía Nam phải là dịp giáo dục tư tưởng sâu sắc nhất, phát động quần chúng mạnh mẽ nhất kể từ sau ngày giải phóng đến nay. Thông qua cuộc cải tạo này, đội ngũ công nhân, lao động phải được trưởng thành về mọi mặt. Công tác giáo dục phải nhằm nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho công nhân, lao động. Nội dung giác ngộ giai cấp bây giờ là nhận thức đúng vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, là hiểu rõ địa vị mới của người công nhân, lao động từ làm thuê trở thành làm chủ tập thể, phân biệt được sự khác nhau về bản chất giữa làm thuê và làm chủ để thực hiện tốt quyền làm chủ tập thể, có thái độ đúng đối với lao động và của công, kiên quyết khắc phục càng nhanh càng tốt mọi biểu hiện của tư tưởng, thái độ lao động làm thuê ; là thông suốt và tự giác thực hiện đúng chính sách của Đảng, của Nhà

Digitized by Google

nước đối với giai cấp tư sản và người tư sản, thấy được trách nhiệm của công nhân lao động trong việc góp phần cải tạo người tư sản, cộng tác với người tư sản, khắc phục mọi khó khăn để duy trì và đẩy mạnh sản xuất phát triển phục vụ cho quốc kế dân sinh, giám sát giúp đỡ người tư sản làm đúng luật pháp, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước, từ bỏ lối làm ăn gian dối, phi pháp.

Trên cơ sở nhận thức được nâng cao, tư tưởng được phát động mà tổ chức, động viên một phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm mạnh mẽ trong các xí nghiệp tư bản tư doanh.

Công tác giáo dục tư tưởng, phát động quần chúng phải tùy từng hình thức cải tạo khác nhau mà có nội dung giáo dục và cách làm cho phù hợp. Giáo dục tư tưởng, nâng cao giác ngộ giai cấp cho công nhân là việc phải làm thường xuyên, lâu dài, song cuộc cải tạo này phải được coi là một dịp rất thuận lợi để giáo dục sâu sắc tư tưởng làm chủ tập thể cho anh chị em công nhân.

Giáo dục tư tưởng, phát động quần chúng là trách nhiệm của mọi cấp Đảng và chính quyền, mọi tổ chức quần chúng. Do đó, phương án, kế hoạch cải tạo của các ngành, các địa phương cần đề cập đầy đủ đến công tác này, và khi tiến hành cải tạo ở từng xí nghiệp cần dựa chặt vào Công đoàn, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể quần chúng khác. Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp phụ nữ và Mặt trận Tổ quốc Việt-nam... dưới sự lãnh đạo của Đảng có trách nhiệm lớn trong việc giáo dục tư tưởng, phát động quần chúng, cho nên cần chủ động có kế hoạch, biên soạn đầy đủ tài liệu giáo dục đối với quần chúng giới mình.

★

Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc cách mạng thật sự của quần chúng, trước hết là quần chúng công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cho nên phải dựa vào Công đoàn và các đoàn thể quần chúng khác, phát động cho được phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, làm cho mọi người lao động tự giác, phấn khởi đi vào làm ăn theo kế hoạch của Nhà nước. Phát huy cho được quyền làm chủ thật sự của công nhân và quần chúng lao động khác về chính trị, xã hội và kinh tế, phải được coi **là biện pháp và mục đích quan trọng của công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa**. Cần nhanh chóng khắc phục tình trạng quan liêu mệnh lệnh, coi thường quần chúng trong cán bộ đảng viên. Làm được như vậy, chúng ta mới góp được phần quan trọng vào việc hoàn thành thắng lợi cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh hiện đang là một trong những công tác trọng tâm của các tỉnh và thành phố ở phía nam của Tổ quốc ta.

Digitized by Google

THÁI ĐỘ TRƯỚC KHÓ KHĂN

GẦN dây, trong một số cán bộ, đảng viên, thường nói nhiều về những khó khăn trong công tác. Một số đồng chí khi bàn việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, thường đưa ra những khó khăn này khó khăn khác để «bàn ra» chứ không phải để «bàn vào». Đẩy mạnh sản xuất, cải tiến lưu thông phân phối, nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng công tác chuyên môn, khắc phục những tiêu cực trong quản lý kinh tế, trong đời sống xã hội, v.v..., đụng đến vấn đề gì các đồng chí ấy cũng chỉ thấy khó và... khó.

Vì sao có những hiện tượng ấy và chúng ta suy nghĩ như thế nào về điều đó?

Đúng là trước mắt chúng ta đang có nhiều khó khăn, thậm chí trên một số mặt, có những khó khăn rất lớn. Tình trạng thiếu lương thực, thiếu nguyên liệu, vật liệu, thiếu cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa xuất khẩu và nhập khẩu, giữa hàng và tiền, việc chậm sửa chữa một số thiếu sót, khuyết điểm trong công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện, v.v... đang là những khó khăn, làm ảnh hưởng không ít đến nhiều mặt công tác.

Nhưng chỉ thấy khó khăn, không phân tích đúng khó khăn, không xác định đúng thái độ trước khó khăn, thì sẽ dẫn tới những lệch lạc, sai lầm trong nhận thức và trong hoạt động thực tiễn. Những hiện tượng bi quan, do dự, thường «bàn ra» «bàn lùi» của một số cán bộ, đảng viên ta hiện nay, chủ yếu bắt nguồn từ chỗ đó.

Như chúng ta biết, từ sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội là một con đường mới mẻ trong lịch sử, một sự nghiệp cách mạng vốn có rất nhiều khó khăn phức tạp. Sự nghiệp ấy đối với nhân dân ta càng khó khăn phức tạp hơn nữa do đất nước trải qua nhiều năm chiến tranh liên tiếp. Chúng ta vừa phải chịu đựng những hậu quả nặng nề của chiến tranh lâu dài trên cả hai miền đất nước, vừa phải chịu đựng những hậu quả tai hại về nhiều mặt của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam. Những khó khăn ấy không thể khắc phục được nhanh chóng như chúng ta mong muốn. Ngay những nước đã có nền kinh tế phát triển, cũng không phải chỉ trong một thời gian ngắn đã dễ dàng khắc phục được mọi khó khăn sau chiến tranh. Đất nước ta lại mới ra khỏi cuộc chiến tranh chưa được ba năm. Đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất tạo ra những điều kiện thuận lợi mới chưa từng thấy nhưng trong điều kiện mới cũng xuất hiện những khó khăn mới. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ

Digitized by Google

một nửa nước được mở rộng ra trên quy mô cả nước với bao nhiêu yêu cầu to lớn mới, trong khi miền Nam mới bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiềm năng chưa khai thác được bao nhiêu, số đông cán bộ, đảng viên lại chưa có nhiều kinh nghiệm. Sự phát triển chưa đồng đều ở hai miền đất nước trên một số mặt cũng đặt ra không ít khó khăn. Những nhu cầu tiêu dùng trong đời sống xã hội tăng lên nhiều mặt. Đương nhiên còn có những nguyên nhân khác, nhưng chỉ nói vắn tắt, sơ lược như vậy cũng đủ cho chúng ta thấy có khó khăn là điều dễ hiểu.

Trong lịch sử chưa bao giờ và cũng sẽ không bao giờ có con đường cách mạng nào lại bằng phẳng, dễ dàng, đơn giản, không đòi hỏi phải chiến thắng những khó khăn thử thách. Hơn nữa, khó khăn thử thách càng lớn bao nhiêu thì tầm vóc thắng lợi của cách mạng càng lớn bấy nhiêu. Đó là một chân lý hiển nhiên của cách mạng. Thực tiễn cách mạng của nước ta và thực tiễn cách mạng của thế giới đã chứng minh điều đó. Nhất là trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, nếu không phải đương đầu với khó khăn thử thách mà cách mạng cũng giành được thắng lợi thì chắc chắn rằng không cần phải có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, của những người cộng sản.

Trong cuốn *Đường kách mệnh* viết cách đây 50 năm, Hồ Chủ tịch đã nói: «Kách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt...». «Sửa cái xã hội cũ đã mấy nghìn năm làm xã hội mới ấy là rất khó... Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí thì làm được».

Ngay từ buổi đầu cách mạng, giữa lúc đất nước còn chìm đắm trong bóng đêm dày đặc của chủ nghĩa đế quốc thống trị, nếu không có những người cộng sản kiên cường, những quần chúng trung kiên, với lòng tin vững chắc sẽ có ngày thắng lợi, quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù, đạp bằng mọi khó khăn, gian khổ, ung dung bước lên máy chém, thì làm sao có thắng lợi Cách mạng tháng Tám. Và trong hai cuộc kháng chiến, đặc biệt là trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tuy có đường lối lãnh đạo đúng đắn sáng tạo của Đảng, nhưng nếu không có lòng dũng cảm kiên cường quyết tâm vượt mọi khó khăn, chung lưng đấu cật, chiến đấu đến cùng của những người cộng sản và của toàn thể nhân dân ta thì làm sao cách mạng có thể giành được thắng lợi trọn vẹn, vĩ đại như ngày nay. Không nói ai cũng biết, mỗi chiến công, mỗi thắng lợi của cách mạng nước ta đều là kết quả của sự phấn đấu dũng cảm, kiên cường, khắc phục mọi khó khăn của nhân dân ta, của những người cộng sản dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta

Nói hẹp hơn, ngay trong mỗi quá trình cách mạng, mỗi nhiệm vụ cụ thể cũng luôn luôn là một quá trình đấu tranh khắc phục khó khăn. Chúng ta khắc phục được khó khăn này, đưa công tác, đưa quá trình cách mạng tiến lên một bước, lập tức lại xuất hiện khó khăn mới, khó khăn của bước trưởng thành do những điều kiện mới đặt ra. Khắc phục được khó khăn ấy, chúng ta lại gặp khó khăn khác, và vấn đề sẽ cứ nối tiếp nhau, lặp đi lặp lại mãi như vậy. Đó là phép biện chứng, là quy luật của quá trình vận động cách mạng.

Trong hoạt động cách mạng có khó khăn là điều tất yếu. Dám đấu tranh khắc phục khó khăn, chiến thắng khó khăn là trách nhiệm, là vinh dự của mỗi người cách mạng để góp phần thúc đẩy mọi mặt công tác, đưa cách mạng từng bước tiến lên. Đặc biệt đối với những người cộng sản là những người có giác ngộ cao hơn quần chúng, những người đã tự nguyện suốt đời chiến đấu không mệt mỏi cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa càng phải có nhận thức và quyết tâm cao hơn đối với

Digitized by Google

trách nhiệm ấy. Đó là yêu cầu tối thiểu nói lên bản lĩnh của người đảng viên cộng sản.

Để hiểu đúng khó khăn và có quyết tâm cao nhất trong việc khắc phục khó khăn, còn phải nói đến một khía cạnh khác của vấn đề, tức là tính chất của những khó khăn hiện tại. Những khó khăn của chúng ta ngày nay rất khác với những khó khăn của giai đoạn cách mạng trước. Những khó khăn trước đây đặt ra trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh ác liệt, tức là trong điều kiện mọi vấn đề đặt ra không chỉ tùy thuộc vào chúng ta mà còn tùy thuộc một phần vào những âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù; mọi sức lực của chúng ta chưa tập trung được vào một nhiệm vụ mà phải bảo đảm thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: vừa đánh thắng chiến tranh xâm lược vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, những tiềm năng của chúng ta chỉ mới được huy động, khai thác trong nửa nước, v.v...

Những khó khăn ngày nay đặt ra trong một hoàn cảnh hoàn toàn khác trước. Đất nước ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, nhân dân ta đã hoàn toàn làm chủ đất nước ta; toàn bộ mọi khả năng, mọi cố gắng của chúng ta đều nhằm vào mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau 50 năm chiến đấu ròng rã cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, đây chính là giai đoạn mà Đảng ta phấn đấu để trực tiếp thực hiện mục đích và lý tưởng của Đảng là xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Đất nước ta có 50 triệu người, trong đó có hơn 20 triệu lao động — một cái vốn quý lớn, với bao nhiêu tài nguyên thiên nhiên tiềm tàng phong phú. Tuy so với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng thì còn thấp nhưng sau 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và những thắng lợi bước đầu trong cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, chúng ta cũng đã có những cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng ban đầu, có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật đông đảo có kiến thức, có kinh nghiệm cần thiết... **Điều đó có nghĩa là, ngày nay cách mạng nước ta đang ở thế tốt đẹp hơn bất cứ lúc nào khác; chưa bao giờ chúng ta có những điều kiện thuận lợi cơ bản cho sự phát triển của đất nước như bây giờ.** Những khó khăn hiện tại chỉ là những khó khăn trong bước trưởng thành, những khó khăn của quá trình phát triển to lớn ấy của cách mạng. Do đó sẽ là sai lầm nếu nghĩ rằng chúng ta đang đứng trước những khó khăn, thử thách lớn lao không thể nào vượt nổi.

Đương nhiên đã là khó khăn thì dù lớn dù nhỏ đều là sự thử thách ý chí cách mạng. Nhất là ngày nay sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước đang đặt ra với tất cả chiều sâu, tầm cỡ rộng lớn và tính cụ thể của nó thì những khó khăn do yêu cầu mới của cách mạng đặt ra cũng không ít và khắc phục những khó khăn ấy cũng không đơn giản. Điều đó đòi hỏi những người cách mạng, đặc biệt là những người cộng sản càng phải xác định một quyết tâm rất lớn mới làm nên sự nghiệp. Song, dù khó khăn đến thế nào, đối với những người cộng sản, còn có vinh dự nào lớn hơn là được trực tiếp tham gia vào cuộc tiến quân vĩ đại chống nghèo nàn và lạc hậu, đem lại phồn vinh cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân ta hiện nay và cho con cháu muôn đời về sau.

Hơn nữa, cần nhận thức sâu sắc rằng, cũng như trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trước đây, công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ngày nay là một trường học cách mạng lớn. Trường học ấy đang từng ngày từng giờ rèn luyện chúng ta, đưa chung ta đến những bước trưởng thành mới. Bất cứ ai muốn trưởng thành đều phải được rèn luyện trong trường học cách mạng ấy,

Digitized by Google

phải lao vào công việc, phải trang bị cho mình tư tưởng người chiến thắng. Tình hình mới, nhiệm vụ mới của cách mạng không cho phép chúng ta đứng lại, càng không được lùi bước; cũng không phải chúng ta đi với tốc độ bình thường mà phải cố gắng với tốc độ nhanh, có khi phải « chạy ».

Sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội bao gồm nhiều lĩnh vực hoạt động rộng lớn và phức tạp. Mỗi lĩnh vực công tác, mỗi nhiệm vụ cụ thể có những khó khăn riêng, đòi hỏi phải có những biện pháp thích hợp. Không có cuốn từ điển nào có thể cắt nghĩa hoặc giải đáp cho mọi khó khăn cụ thể trong thực tiễn cách mạng. Song, bí quyết chung để khắc phục bất cứ khó khăn nào, trong lĩnh vực nào, trong hoàn cảnh nào, là mỗi người phải có một trái tim nồng cháy và một khối óc biết suy nghĩ. Trái tim đã nguội lạnh thì tất cả đều trở thành vô nghĩa. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước có đúng đắn bao nhiêu, người có trái tim nguội lạnh cũng không sao tiếp thu nổi. Mọi việc dù dễ dàng, đơn giản đến đâu cũng trở thành khó khăn phức tạp, không làm được; và chỉ việc gì có lợi cho cá nhân họ thì họ mới hăng hái « ra tay ».

Người có trái tim nồng cháy là người có nhiệt tình cách mạng cao độ, thật sự lo lắng đến trách nhiệm của mình, luôn luôn cảm thấy băn khoăn, day dứt, thậm chí có khi đau khổ, ăn không ngon, ngủ không yên mỗi khi chưa làm tròn nhiệm vụ.

Trái tim là yếu tố quan trọng đầu tiên, nhưng chỉ có trái tim thôi thì chưa đủ. Muốn chiến thắng khó khăn còn phải có bộ óc sáng suốt. Đó là bộ óc luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo, biết cách khắc phục khó khăn, vừa làm vừa học, học trong sách báo, học kinh nghiệm những nơi tiến tiến, tính được đường đi nước bước, từng bước xoay chuyển được tình hình, đưa công tác tiến lên theo phương hướng lãnh đạo của Đảng. Lười suy nghĩ, không chịu tìm tòi, sáng tạo, không lăn xả vào thực tiễn mà chiến đấu với khó khăn, khắc phục khó khăn thì sẽ dẫn đến tình trạng ngày trôi qua, tháng trôi qua, cuối cùng nhiệt tình cũng vẫn chỉ là nhiệt tình, không có cái gì trở thành hiện thực, và khó khăn vẫn nguyên vẹn là khó khăn. Những thành tựu, những tiến bộ của các điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực hoạt động đã cho chúng ta những bài học kinh nghiệm rất sâu sắc về điều đó. Hoàn toàn không phải là các hợp tác xã Định-công, Vũ-thắng, các huyện Quỳnh-lưu, Hải-hậu, Gò-công và những điển hình tiên tiến khác trong nông nghiệp, công nghiệp, lưu thông phân phối, giao thông vận tải, trật tự trị an,... không có những khó khăn chung của đất nước hiện nay và họ cũng không có những thuận lợi gì đặc biệt. Bí quyết tạo nên thắng lợi của họ là họ không chịu bó tay, khuất phục trước khó khăn và chính từ trong những cái khó, họ tạo ra những cái khôn, họ dám nghĩ dám làm thật sự.

Hãy bớt kêu ca về khó khăn, bớt tranh luận suông, dành thì giờ đi sâu vào các điển hình tiên tiến, học tập các điển hình tiên tiến chúng ta sẽ tìm ra được những biện pháp khắc phục khó khăn.

Quyết tâm cách mạng cao độ, không bó tay trước khó khăn, có trái tim nồng cháy và khối óc biết suy nghĩ, đó là bí quyết thành công của chúng ta. Còn nếu chỉ một điệp khúc « khó khăn, khó khăn », đụng đến việc gì cũng chỉ thấy « khó và khó » để « bàn ra », « bàn lùi » thì, xin lỗi, làm sao chúng ta có thể xứng đáng với danh hiệu người đảng viên cộng sản!

Người xây dựng

Digitized by Google

Nhân bản thông điệp đầu năm 1978
của tổng thống Ca-tơ về tình hình liên bang Hoa-kỳ

Tình hình bi đát của nước Mỹ và chính sách phản động của Ca-tơ

LƯU-QUÝ-KỲ

NGÀY 20-1 năm ngoái, giữa Oa-sinh-tơn u ám và rét đậm, Giêm-my Ca-tơ bước lên bục dựng trên thềm trụ sở Quốc hội Mỹ, làm lễ tuyên thệ nhậm chức tổng thống — vị tổng thống đầu tiên của thế kỷ thứ ba trong lịch sử liên bang Hoa-kỳ.

Mặc dù lúc Ca-tơ đọc lời thề, cuốn kinh thánh trên tay bà vợ ông ta được mở ra ở một trang có đoạn viết: « Chúa chỉ đòi hỏi mọi người hành động trong tình thương và sự khiêm tốn như Chúa », nhưng Ca-tơ vẫn tự cho mình là người mở ra « kỷ nguyên mới » của nước Mỹ đang xuống dốc. Ông ta dõng dạc tuyên bố « *giấc mơ của nước Mỹ vẫn còn* », khẳng định rằng việc ông ta lên cầm quyền là « *một bước bắt đầu mới của nước Mỹ* ».

Trong bài diễn văn nhậm chức, Ca-tơ hứa sẽ có nhiều tiến bộ ở nước Mỹ cũng như trên thế giới và năm 1977 nước Mỹ « *sẽ đi được một bước, tiến tới mục tiêu cuối cùng* », « phục hồi lòng tin ở Mỹ và giấc mơ của Mỹ ».

Ngày 19-1-1978, đúng một năm sau khi lên cầm quyền, Ca-tơ lại ra trước hai viện của Quốc hội Mỹ, đọc bản thông điệp về tình hình liên bang. Chúng ta đều biết rằng dưới chế độ hiện hành ở Mỹ, việc đọc bản thông điệp về tình hình liên bang hằng năm là một cơ hội để tổng thống Mỹ khoe khoang « thành tích, công lao », bào chữa cho những bất lực của chính quyền, tranh giành ảnh hưởng với các thế lực khác trong cuộc bầu cử sắp tới. Do đó, các bản thông điệp của tổng thống Mỹ thường vẽ ra một bức tranh « tô hồng » và có một giá trị rất hạn chế trong việc phản ánh hiện thực của nước Mỹ.

Nhưng, bản thông điệp của tổng thống Mỹ Ca-tơ đọc ngày 19-1 vừa qua có một giọng khác hẳn những bản thông điệp của các tổng thống Mỹ trước đây. Tình hình nước Mỹ bi đát đến mức chẳng có một sự việc cụ thể nào trên lĩnh vực đối nội cũng như đối ngoại để tổng thống Mỹ có thể khoe khoang. Toàn bộ bản thông

Digitized by Google

điệp toát ra một giọng buồn thảm, não nề.

Ca-tơ cố thuyết phục, động viên mọi người hợp tác với tổng thống, đưa nước Mỹ ra khỏi tình hình nghiêm trọng hiện nay, bằng những lời lẽ khẩn thiết:

«...Mỗi thế hệ người Mỹ chúng ta đều phải đối phó với những tình huống không phải do chính chúng ta lựa chọn, qua đó bản lĩnh của chúng ta được đánh giá và tinh thần của chúng ta được đem ra thử thách...

«...Có những thời gian khẩn trương, trong đó một dân tộc và những người lãnh đạo phải tập trung vào một nhiệm vụ cấp bách (như A-bra-ham Lin-cơn khi nước Mỹ bị xâu xé sau chiến tranh; như Ru-dơ-ven khi nước Mỹ bị khủng hoảng kinh tế và khi có chiến tranh thế giới; như Tơ-ru-man sau chiến tranh thế giới thứ 2...).

«...Giờ đây chúng ta cũng đang sống trong một thời kỳ như vậy... Với cương vị tổng thống, tôi phải yêu cầu các vị thành viên của Quốc hội và nhân dân Mỹ đi vào đấu tranh với những vấn đề gay go nhất đang đặt ra cho xã hội chúng ta (Mỹ).

«...Chúng ta phải có một cố gắng tối đa... Chúng ta cần phải kiên nhẫn và thiện chí...».

Tình hình nước Mỹ như thế nào mà Ca-tơ phải «báo động» như thế?

TÌNH HÌNH NƯỚC MỸ DO CHÍNH TỔNG THỐNG MỸ NHẬN ĐỊNH VÀ TRÌNH BÀY

Nước Mỹ đang ở đâu và sẽ đi đến đâu? Chúng ta có thể nghe những lời nhận xét do chính bản thân tổng thống Mỹ đưa ra.

Trước hết, để ghi nhận tình hình nước Mỹ lúc Ca-tơ bắt đầu cầm quyền, chúng ta đọc lại lời phát biểu trích dưới đây của tổng thống mãn nhiệm Giê-rôn Pho trong thông điệp về tình hình liên bang chuẩn bị cho Giêm-my Ca-tơ nhậm chức:

«Khi tôi lên làm tổng thống ngày 9-8-1974, nước Mỹ bị chia rẽ và dằn vặt sâu sắc. Kế tiếp nhau, phó tổng thống và tổng thống phải từ chức trong sự hổ thẹn. Lúc bấy giờ, chúng ta phải vật lộn với những hậu quả của một cuộc chiến tranh kéo dài, đẫm máu, không được nhân dân ủng hộ, ở Đông-Nam Á (chiến tranh xâm lược Việt-nam). Nền kinh tế không ổn định lao vào cuộc suy thoái tệ hại nhất từ 40 năm nay. Người dân mất việc làm. Giá sinh hoạt tăng vọt. Quốc hội và người đứng đầu ngành hành pháp học hặc nhau... Trong hơn 15 năm, chi tiêu trong nước tăng lên và chi phí hằng năm leo thang. Những nhu cầu về an ninh quốc gia của nước ta bị xáo trộn mạnh. Ý chí duy trì quyền lãnh đạo quốc tế của chúng ta bị lung lay...». Như vậy có nghĩa là Ca-tơ lên ghế tổng thống vào lúc nước Mỹ đang bị chia rẽ, xâu xé vì hậu quả của chiến tranh xâm lược Việt nam và đang bị điêu đứng vì cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế.

Sau một năm cầm quyền và đưa ra nhiều chính sách đối nội được gọi là «táo bạo», và sau khi tiến hành chuyến đi «thuyết khách» hàng 3 vạn ki-lô-mét đến 4 lục địa, để thực hiện chính sách đối ngoại vì «hòa bình và quyền làm người», trong thông điệp 19-1-1978, Ca-tơ có những nhận định sau đây về tình hình liên bang Hoa-kỳ:

Về *tình hình tổng quát*, Ca-tơ nói: «Những vấn đề mà chúng ta (Mỹ) đang gặp phải hiện nay phức tạp và

Digitized by Google

khó khăn hơn là những vấn đề của thời kỳ trước đây. Chúng ta không thể chỉ tập trung vào việc chống nạn lạm phát, hoặc chỉ chống nạn thất nghiệp, hoặc chỉ chống tình trạng thâm thủng của ngân sách liên bang, hoặc chỉ chống sự thiếu hụt trong cán cân thanh toán quốc tế. Chúng ta phải giải quyết 4 vấn đề này cùng một lúc ở nước Mỹ và trên thế giới (thế giới tư bản chủ nghĩa)...».

Về *tình trạng suy thoái*: «...Cuộc suy thoái năm 1974 — 1975 là cuộc suy thoái nghiêm trọng nhất trong 40 năm qua. Trong 3 năm qua, tuy tổng sản phẩm có tăng lên, nhưng nền kinh tế vẫn hoạt động dưới khả năng của nó (không sử dụng hết công suất)... Mười năm đầu tiên sau khi chiến tranh thế giới kết thúc, năng suất lao động Mỹ tăng trung bình mỗi năm là 3%. Nhưng trong 10 năm qua, mức tăng này đã giảm đi rõ rệt... Một phần các ngành công nghiệp của chúng ta phải đình chỉ sản xuất... Giới kinh doanh do dự trong kế hoạch đầu tư dài hạn và thị trường chứng khoán vẫn tri trệ».

Về *nạn thất nghiệp*: «...Gần 6 triệu rưỡi người lao động vẫn ra sức tìm công ăn việc làm mà không thể tìm được. Ba triệu 25 vạn công nhân chỉ kiếm được một phần việc làm vì họ không tìm được việc làm đầy đủ; và một triệu người không đi tìm việc làm nữa vì họ đã hết hy vọng tìm được công việc... Tỷ lệ thất nghiệp trong hàng ngũ người thiểu số (da đen) cao hơn trong những người da trắng hơn hai lần và tỷ lệ thất nghiệp trong thanh niên dân tộc thiểu số thì cao hơn một cách bi thảm. Phụ nữ ít có cơ hội tìm được việc làm vừa ý mình, còn những người có tuổi ở Mỹ thì thấy con đường đi tới thị trường công ăn việc làm của họ bị đóng kín. Thu nhập của nông dân giảm sút một cách đáng kể».

Về *nạn lạm phát*: «...Nạn lạm phát đã phát triển mạnh rồi, nên không thể nhanh chóng ngăn chặn nó được.. Phải có thời gian và lòng kiên nhẫn.

...Nạn lạm phát mà chúng ta kế thừa của quá khứ không thể giải quyết được bằng những chính sách theo đó sự phát triển kinh tế rất chậm và nạn thất nghiệp lại cao. Từ năm 1975 đến nay, nạn lạm phát thường là ở mức 6%, 6,5% mặc dù tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở trên mức 6%, có khi lên đến 9%, cho dù một bộ phận công nghiệp của chúng ta không được sử dụng».

Về tài chính, ngân sách và cán cân thanh toán: «...Phải giảm bớt mức thiếu hụt trong ngân sách liên bang. Năm nay (1978), tôi đề nghị một ngân sách chỉ cho phép thiếu hụt 62.000 triệu (62 tỉ) đô-la và chỉ giảm được một ít thôi trong năm 1979.

...Năm 1977, tổng kim ngạch nhập khẩu về dầu mỏ của chúng ta đã lên tới 45.000 triệu (45 tỉ) đô-la, trong khi ta chỉ nhập có 8.500 triệu đô-la năm 1973.

...Bội chi lớn về ngoại thương (thiếu hụt 18 tỉ đô-la năm 1977 so với 0,5 tỉ đô-la năm 1976 trong cán cân thanh toán) đã làm cho đồng đô-la bị sụt giá trên thế giới. Đô-la sụt giá làm cho giá hàng nhập tăng lên và tăng thêm tình trạng lạm phát...».

Về *chính quyền Nhà nước*: «...Trong thời gian qua, nhân dân Mỹ thấy Nhà nước ngày càng xa rời họ. Đối với một số công dân Mỹ, chính quyền Mỹ đã trở thành chẳng khác gì chính quyền của một nước nào đó bên ngoài, xa lạ và khó tiếp xúc được... Trong khi vạch chính sách, tình hình cách biệt giữa nhân dân với Nhà nước là một nguồn gây ra tình trạng yếu kém và mắc sai lầm.

Tôi cũng biết rằng nhân dân Mỹ đang chán ngán và rất bực bội về tệ quan liêu, giấy tờ. Trong năm qua, ta mới giảm bớt được 12% giấy tờ...».

Digitized by Google

Về *mặt quốc tế*: «.. Vai trò của chúng ta (Mỹ) cho tới nay đã tỏ ra khó khăn và nhiều khi bạc bẽo, không được một ai cảm ơn, thậm chí còn bị trách móc...

...Những mất cân đối trong hệ thống kinh tế quốc tế gây căng thẳng cho nền kinh tế thế giới (tư bản chủ nghĩa). Nhiều nước — kể cả Mỹ — bị bội chi lớn. Các nước công nghiệp khác được bội thu lớn và liên tục, đã tăng áp lực đối với các nước bội chi. Đó là một yếu tố quan trọng gây ra tình trạng hỗn loạn trên thị trường quốc tế những tháng gần đây... ».

Trên đây, chúng ta đã xem một bức tranh khá đầy đủ, khá rõ nét về tình hình nước Mỹ, do chính tổng thống Mỹ Ca-tơ vẽ ra. Trên tất cả các lĩnh vực, từ kinh tế đến chính trị, từ đối nội đến đối ngoại, nước Mỹ tiếp tục sa lầy, xuống dốc. Nếu cần bổ sung cho bức tranh ấy được toàn diện thì chúng ta chỉ thêm 2 điểm sau đây:

Một là, **cuộc đấu tranh của nhân dân lao động** Mỹ chống lại các chính sách phản động của chính quyền Ca-tơ ngày càng mở rộng. Năm 1977 đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh với quy mô lớn, trong đó nổi bật nhất là: 80 vạn nông dân ở 41 bang của nước Mỹ biểu tình đòi tăng giá nông phẩm; trên 100 thành phố có những cuộc biểu tình chống chính sách chạy đua vũ trang; 85.000 công nhân mỏ bãi công từ tháng 6 đến tháng 8 và 120.000 công nhân mỏ khác bãi công trong tháng 12 năm 1977..

Hai là, **dư luận Mỹ**, đặc biệt là trong những người da đen, **đã hiểu rõ hơn bản chất phản động, xảo quyệt, và sự bất tài của Ca-tơ.** Vào ngày kết thúc năm đầu tiên tại chức của tổng thống, theo các hãng thăm dò dư luận ở Mỹ, uy tín của Ca-tơ đã tụt xuống mức thấp nhất. Đúng như lời bình luận của hãng thông tấn Pháp AFP: « Trước hết, chính là nhân cách của Ca-tơ đã mất hết. Những sai lầm lớn của ông ta, như ông ta đã thừa nhận, là hứa hẹn quá nhiều.. Trong một năm làm tổng thống, ông Ca-tơ chẳng thật sự đạt được điều gì. Không có một thành công nào để làm cho người ta quên một loạt việc làm thất bại.. Trong một năm hành động, Nhà trắng bị mất nền nếp, nếu không phải là rối ren, vô hiệu... Sự vỡ mộng của công chúng là rõ rệt, đặc biệt là những người da đen ». Báo Ec-xprét ngày 15-1-1978 nhận xét: « Sau một năm ở Nhà trắng, Ca-tơ vẫn là một người lạc lõng ở Oa-sinh-tơn, trước một Quốc hội khó tính và một giới báo chí thù địch. Chỉ số tín nhiệm đối với ông đã tụt từ 70 xuống 50 và người ta đã gọi ông Ca-tơ là « tổng thống chỉ một nhiệm kỳ » thôi! ».

Nhưng, tình hình bi đát hôm nay của nước Mỹ không phải là do trách nhiệm riêng của ông Ca-tơ. Ca-tơ chỉ là người làm tồi tệ thêm một tình trạng xuống dốc vốn có từ nhiều năm nay.

SUY THOÁI, BẾ TẮC LÀ ĐIỀU TẤT YẾU CỦA NƯỚC MỸ ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

Tất cả những điều mà Ca-tơ nêu ra trong thông điệp của ông ta và chúng tôi trích dẫn lại trên đây, chỉ là một phần sự thật về nước Mỹ. Nhưng, chỉ với chừng nấy thôi, chúng ta cũng đã có đủ những nhân tố để khẳng định một lần nữa rằng: nước Mỹ đế quốc chủ nghĩa đang tiếp tục lao sâu vào một cuộc khủng hoảng kinh tế và xã hội triền miên không

Digitized by Google

lối thoát: sản xuất trì trệ (từ 25 đến 35% công suất thiết bị không được sử dụng); hàng chục triệu người thất nghiệp và nửa thất nghiệp, nạn lạm phát ở mức báo động và kéo dài; đồng đô-la sụt giá, ngân sách thâm thủng, cán cân thanh toán thiếu hụt nghiêm trọng; xã hội rối ren, mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp căng thẳng; nội bộ giới cầm quyền lục đục, chính quyền giảm hiệu lực, nhân dân mất lòng tin ở Nhà nước; vị trí quốc tế sa sút...

Điều đáng chú ý nữa là Ca-tơ đã không giấu giếm gì về sự căng thẳng trong quan hệ giữa Mỹ và các nước tư bản chủ nghĩa khác, đặc biệt là trong việc giành giật thị trường, đấu tranh tiền tệ... Và cũng rất rõ ràng là chủ nghĩa đế quốc Mỹ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối và đang có nguy cơ sẽ bị đẩy xuống hàng thứ hai trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Tình hình đó không phải là ngẫu nhiên. Đó là hậu quả tất yếu, là tác động có tính quy luật của hai mặt có liên quan với nhau: về đối nội, đó là sự tác động của một cơ cấu kinh tế già nua, cằn cỗi, phát triển trong một quan hệ sản xuất lỗi thời, phản động; về đối ngoại, đó là sự tác động của một thế giới đã thay đổi một cách cơ bản, trong đó ba dòng thác cách mạng phát triển nhanh chóng đang ở thế tiến công liên tục; trong khi thế giới tư bản chủ nghĩa đang ngày càng suy yếu, càng bị thu hẹp phạm vi ảnh hưởng, ngày càng rối ren, và đầy mâu thuẫn ngày càng sâu sắc.

Đáng lý ra, hậu quả của những tác động có tính quy luật vừa kể trên phải ảnh hưởng với mức độ ngang nhau đối với nhiều nước tư bản chủ nghĩa khác, nhưng vì nước Mỹ là nước đầu sỏ của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, là đinh lũy của chủ nghĩa đế quốc, đứng ra gánh vác nhiệm vụ sen đầm quốc tế, tung lực lượng ra để thực hiện một chiến lược toàn cầu phản cách mạng hòng làm bá chủ thế giới, đặc biệt là **kẻ đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt-nam,** cho nên nước Mỹ phải chịu đựng hậu quả của những tác động ấy một cách nặng nề nhất.

Và chính vì vậy, chúng ta có đầy đủ lý do để khẳng định rằng: **sự suy yếu và bế tắc của đế quốc Mỹ sau chiến tranh Việt-nam là một đặc điểm nổi bật của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới trong thời đại ngày nay.**

Chính Ca-tơ, trong bài diễn văn về chính sách đối ngoại Mỹ đọc tại trường Đại học Đức Bà ngày 22-5-1977, đã thừa nhận: «Cuộc chiến tranh ở Việt-nam đem lại một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đạo lý, làm mất sự tin tưởng của thế giới đối với chính sách của Mỹ; sự căng thẳng về kinh tế trong những năm 70 đã giảm lòng tin của dư luận vào khả năng của một nền dân chủ công nghiệp (tức là chủ nghĩa tư bản) đem lại phúc lợi lâu dài cho các công dân của nó; một cuộc khủng hoảng lòng tin ngày càng nghiêm trọng do chủ nghĩa bi quan được che đậy của một số nhân vật lãnh đạo nước Mỹ».

Bên cạnh những nguyên nhân sâu xa về mặt đối nội, do chế độ thống trị của tập đoàn tư bản lũng đoạn gây ra, những khó khăn bế tắc của Mỹ hiện nay còn bắt nguồn từ những thay đổi sâu sắc trong tình hình thế giới.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang ở thời kỳ phát triển mới, thời kỳ mà lực lượng sản xuất của chủ nghĩa xã hội gần bằng lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản. Năng lực kỹ thuật và trình độ hiện đại của lực lượng sản xuất của chủ nghĩa xã hội và của chủ nghĩa tư bản không còn chênh lệch nhiều như trước đây. Tình hình này đã làm cho Mỹ không còn ưu thế về kinh tế, khoa học — kỹ thuật và quốc phòng.

Digitized by Google

Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc đã làm cho phạm vi ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc ngày càng thu hẹp lại. Cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc khối các nước không liên kết về vấn đề nguyên liệu và năng lượng đã đẩy nước Mỹ và các nước phương Tây vào một cuộc khủng hoảng không có lối thoát. Những chuyển biến gần đây ở khu vực Đông—Nam Á, Mỹ latinh cùng với tình hình ở châu Phi và Trung Đông đã gây ra hàng loạt khó khăn cho đế quốc Mỹ.

Phong trào công nhân ở Mỹ và các nước tư bản chủ nghĩa phát triển rộng, có khí thế mạnh, đã giáng những đòn nặng nề vào chế độ kinh tế, chính trị của bọn tư bản lũng đoạn, ngay trong lòng của nó. Phong trào công nhân các nước đó đã trở thành một chướng ngại lớn cho sự duy trì và phát triển quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Những mâu thuẫn và phong trào đấu tranh bên trong xã hội Mỹ cùng với sự phát triển của ba dòng thác cách mạng trên phạm vi thế giới đã đẩy chủ nghĩa đế quốc Mỹ—cũng như chủ nghĩa đế quốc thế giới—vào một cuộc khủng hoảng toàn diện, lâu dài và sâu sắc chưa từng thấy. Đế quốc Mỹ nắm trong tay một lực lượng sản xuất to lớn, nhưng lại không duy trì được nơi cung cấp nguyên liệu và thị trường tiêu thụ, và cũng không nắm chắc được lực lượng lao động ngày càng giác ngộ, ngày càng mở rộng đấu tranh chống áp bức bóc lột, chống quan hệ sản xuất lỗi thời phản động. Trước đây, các nước đế quốc chủ nghĩa tìm lối thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế bằng chiến tranh. Nhưng ngày nay, chiến tranh không còn là lối thoát có hiệu quả cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa nữa. Và đế quốc Mỹ, cũng như nhiều nước phương Tây, chưa tìm ra được một lối thoát nào cho sự bế tắc của chúng.

Một điều đáng chú ý nữa là cuộc khủng hoảng hiện nay ở Mỹ diễn ra trong khuôn khổ một cuộc khủng hoảng chung của thế giới tư bản chủ nghĩa. Do đó, những khó khăn của đế quốc Mỹ lại càng gay gắt thêm với sự mâu thuẫn và cạnh tranh với các nước tư bản chủ nghĩa phát triển khác ở Tây Âu, Bắc Âu và Nhật-bản. Và trong cuộc giành giật thị trường này, Mỹ không còn ở vị trí có ưu thế tuyệt đối như trước. Trên một số vấn đề và trong một số trường hợp, Mỹ đã bị lép vế. Các nước xưa nay được xem như là « đồng minh tin cậy nhất » của Mỹ, ngày nay cũng không ngoan ngoãn vâng lời Mỹ.

Nói tóm lại, tình trạng suy thoái và bế tắc của Mỹ hiện nay là hậu quả tất yếu của một chế độ kinh tế và xã hội phản động bên trong nước Mỹ và tình hình quốc tế không lợi cho Mỹ. Nếu không có sự thay đổi quan hệ sản xuất, nước Mỹ tiếp tục xuống dốc. Nước Mỹ không còn khả năng đảo ngược lại tình huống. Giấc mơ của đế quốc Mỹ ngày càng xa rời thực tế.

Đế quốc Mỹ đã vào con đường hầm không lối thoát khi tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Ngày nay, chiến tranh Việt-nam đã chấm dứt, nhưng Mỹ vẫn tiếp tục nằm trong đường hầm không lối thoát ấy! Và cũng chính Ca-tơ đã có một câu kết luận khá chua xót trong bản thông điệp vừa qua: « Có người nói những năm tốt đẹp nhất của nước ta là những năm đã thuộc về quá khứ, nhưng tôi xin nói lại là thời gian tốt đẹp nhất của nước Mỹ hãy còn nằm trong tương lai »! Nhưng quy luật phát triển của lịch sử cũng như thực tiễn hiện nay đều chứng minh rằng: trong tương lai gần gũi hay xa xôi, đế quốc Mỹ không còn có được một thời gian nào tốt đẹp nữa.

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH PHẢN ĐỘNG CỦA CA-TƠ LÀM CHO TÌNH HÌNH NƯỚC MỸ VỐN ĐÃ XẤU, CÀNG THÊM TỒI TỆ

Báo chí phương Tây đã đưa ra một số liệu lý thú: Trong cuộc vận động bầu cử tổng thống, Ca-tơ đã đưa ra với nhân dân Mỹ 600 lời hứa nhằm «cải thiện tình hình bi thảm của đất nước». Bước vào Nhà trắng, Ca-tơ đã làm cho nhiều người chú ý đến thủ đoạn mị dân của ông ta bằng cách cử một người da đen làm đại diện cho Mỹ tại Liên hợp quốc.

Trong những điều đã hứa với nhân dân Mỹ, Ca-tơ luôn luôn nhấn mạnh việc giải quyết nạn thất nghiệp, nạn lạm phát, tình trạng suy thoái về kinh tế, cải thiện đời sống của những người lao động và người da đen, khôi phục lòng tin của thế giới đối với Mỹ, xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định.

Sau một năm Ca-tơ làm tổng thống, những khó khăn của nước Mỹ không những không giảm đi mà còn trầm trọng thêm. Ca-tơ đổ vấy cho Quốc hội Mỹ và bào chữa cho chính quyền của y bằng những lời lẽ trong bản thông điệp ngày 19-1-1978 như sau: «.. Chúng ta cần nhận rõ rằng vai trò và chức năng của Nhà nước cũng có giới hạn. Nhà nước không thể giải quyết tất cả mọi vấn đề, đạt đến tất cả các mục tiêu và xác định triển vọng tương lai. Nhà nước không thể nào tiêu diệt được nạn nghèo khổ, đem lại một nền kinh tế dồi dào, làm giảm bớt nạn lạm phát, cứu vãn các thành phố của chúng ta, giải quyết nạn mù chữ, cung cấp năng lượng hay ra lệnh cho con người phải có lòng tốt đối với người khác...»

Đối với khái niệm chung về chính quyền Nhà nước, luận điệu này của Ca-tơ là một sự ngụy biện thô bỉ. Nói như Ca-tơ thì sự tồn tại của mọi chính quyền sẽ trở nên vô nghĩa. Và cuộc đấu tranh của nhân dân các nước cho một chính quyền dân chủ tiến bộ cũng trở thành vô nghĩa nốt! Nhưng, đặt trong khung cảnh của chính quyền Ca-tơ, chính quyền của tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ trong điều kiện của nước Mỹ hiện nay, thì Ca-tơ đã nói đúng. Bởi vì, chính quyền Nhà nước của bọn tư bản lũng đoạn không thể tiêu diệt được nạn nghèo khổ, không đem lại phồn vinh cho đất nước và nhân dân được. Đại diện cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lũng đoạn, đặc biệt là lợi ích của bọn cá mập lái súng, Ca-tơ dù có tài hay bất tài, cũng không thể thực hiện được những điều Ca-tơ đã hứa với nhân dân Mỹ, mà trái lại, chỉ làm cho tình trạng nước Mỹ vốn đã xấu rồi, càng tồi tệ thêm.

Trong một năm cầm quyền, Ca-tơ đã đưa ra những chủ trương chính sách rất phản động, tiếp tục đường lối chính trị và kinh tế đế quốc chủ nghĩa của các tổng thống Mỹ trước đây. Và 8 biện pháp mà Ca-tơ đề ra trong thông điệp vừa qua cũng không phải là những biện pháp cơ bản, có thể đảo ngược được tình hình nước Mỹ đang xuống dốc vì tác động của khủng hoảng và thất bại ở Việt-nam.

Những biện pháp kinh tế của Ca-tơ có tính chất chắp vá, vụn vặt, không triệt để, chỉ nhằm xoa dịu sự bất bình gay gắt của nhân dân Mỹ. Toàn bộ chính sách của Ca-tơ nhằm phục vụ việc tăng lợi nhuận và giành giật thị trường cho các tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ. Ca-tơ kêu gọi công nhân không đòi tăng lương. Việc giảm thuế cho giới kinh doanh nhằm tăng mức sử dụng tư bản và tăng lợi nhuận cho bọn tư bản, còn việc giảm thuế cho người tiêu thụ là nhằm tăng sức mua để các công ty tư bản có thể bán thêm được nhiều hàng.

Ngân sách quân sự Mỹ đã được Ca-tơ nâng lên từ 110 tỉ đô-la năm 1976, lên 120 tỉ đô-la năm 1977 và sẽ lên đến 130 tỉ năm 1978, trong khi đó thì

Digitized by Google

ngân sách dành cho văn hóa giáo dục chỉ vẻn vẹn có 1 tỉ đô-la thôi.

Về đối ngoại, Ca-tơ cũng tiếp tục các chính sách phản động truyền thống của đế quốc Mỹ ra sức đẩy lùi ảnh hưởng và thế lực của các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời gây chia rẽ giữa nước xã hội chủ nghĩa này với nước xã hội chủ nghĩa kia, phá hoại và chia rẽ các phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, ngăn chặn phong trào cộng sản và phong trào đấu tranh của công nhân; đi tìm thế mạnh, chạy đua vũ trang (sản xuất những phương tiện giết người hàng loạt) và cung cấp vũ khí cho các nước tay sai để gây chiến tranh, phá hoại hòa bình. Chính quyền Ca-tơ công khai đòi «xét duyệt» thành phần chính phủ các nước Tây Âu, tiếp tục nuôi dưỡng bọn độc tài Pac-chung-hy, Pi-nô-chê; bọn phân biệt chủng tộc ở Nam Phi; bọn phản động ở Trung Đông và Mỹ la-tinh...

Để tiếp tục làm nhiệm vụ «sen đầm quốc tế» dưới một hình thức khác trong thế thất bại về quân sự «sau Việt-nam», Ca-tơ nêu ra một nhãn hiệu mới: «bảo vệ quyền làm người» thay cho nhãn hiệu «bảo vệ thế giới tự do» hoặc «chống cộng» đã bị dư luận thế giới chán ngấy và vứt bỏ. Ca-tơ và cả bộ máy tuyên truyền Mỹ đã quảng cáo cho nhãn hiệu «quyền làm người» như là nền tảng của chính sách đối ngoại hòa bình và nhân đạo của Mỹ. Với nhãn hiệu mới này, chính quyền Mỹ công khai trắng trợn can thiệp vào nội bộ các nước, phân bổ viện trợ quân sự và kinh tế theo hướng phục vụ cho chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ.

Ở Đông—Nam Á, sau thất bại ở Việt-nam, Ca-tơ nỗ lực trấn an những bọn phản động tay sai Mỹ, ra sức tập hợp các lực lượng «đồng minh» trong khu vực này, hòng ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Việt-nam, ngăn chặn xu thế hòa bình, độc lập và trung lập tích cực đang phát triển ở các nước đang lệ thuộc Mỹ. Với sự phối hợp của Nhật, Úc, Tân Tây-lan, Ca-tơ đang thúc đẩy một liên minh chống cộng ở Đông—Nam Á.

Đối với nhân dân Việt-nam ta, chính sách của Ca-tơ vẫn là chính sách thù địch, coi Việt-nam là «đối thủ khu vực» của Mỹ. Mặc dù không thể tiếp tục phủ quyết việc công nhận quyền chính đáng của nước ta trong tổ chức Liên hợp quốc, Mỹ vẫn dùng nhiều thủ đoạn hòng hạn chế uy tín và ảnh hưởng của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam trên phạm vi quốc tế. Cho đến nay, Mỹ vẫn từ chối thi hành điều 21 của Hiệp định Pa-ri, vẫn duy trì chính sách cấm vận với ta, vẫn lôi kéo và nuôi dưỡng những người Việt-nam trốn ra nước ngoài hòng dùng họ chống lại ta, đồng thời tìm mọi cơ hội để tuyên truyền xuyên tạc, vu khống và gây rối cho ta. Ngoài miệng, chính quyền Ca-tơ tỏ ra quan tâm đến việc bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ và Việt-nam, nhưng trên thực tế, Ca-tơ không có một hành động cụ thể nào để xóa bỏ những chướng ngại do phía Mỹ gây ra để mở đường tiến tới quan hệ bình thường giữa hai nước. Gần đây nhất, chính quyền Ca-tơ bất chấp dư luận quốc tế, đã làm một việc xấu xa, bỉ ổi, là ngăn cản một cách trái phép hoạt động bình thường của Trưởng phái đoàn thường trực Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam tại Liên hợp quốc.

Chính sách của Ca-tơ là chính sách phản động, chống lại bốn mục tiêu của loài người tiến bộ trong thời đại ngày nay là: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Con đường Ca-tơ đang đi là con đường mà các tổng thống Mỹ trước đây đã đi và đã bị lật nhào một cách nhục nhã. Con đường đó cũng đã đưa nước Mỹ đến chỗ suy yếu và bế tắc ngày nay.

Tiếp tục chính sách phản động ấy, Ca-tơ sẽ đưa nước Mỹ đến chỗ ngày càng tồi tệ hơn.

Digitized by Google

Коммунистический журнал
№ 3 — 1978 г

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ. Непрерывно повышать производительность общественного труда

ДАНГ КУОК БАО. Организовать и мобилизовать молодёжь всей страны на ударный труд в области сельского хозяйства

ДОАН ЧОНГ ЧУЕН. Создание агро-промышленной экономической структуры на уровне уезда и укрепление уездных инстанций.

ТЕ ВЬ ЕТ ТАН. Повышение производительности общественного труда и последовательная экономия

ФАН ДИЕН. Планирование подготовки и расстановки кадров в провинции Ханамминь

ЧАН МАНЬ КУЙ. Народный контроль и коллективные хозяйские права трудового народа

ХА СУАН УЫОНГ. Продолжать борьбу за ликвидацию пережитков неоколониалистской «культуры»

ИССЛЕДОВАНИЯ + ФАМ ДИНЬ ТАН. Укрепление социалистической законности в организации и управлении сельским хозяйством

ВУ СУАН КАН. Целиком опираясь на рабочих и трудящихся, как следует осуществить социалистические преобразования в отношении частно капиталистической промышленности и торговли.

ПАРТИЙНАЯ ЖИЗНЬ + Строитель. Как относятся к трудностям

ЛЫу КЮИ КИ. Плачевное положение США и реакционная политика Картера

共产主义杂志
一九七八年第三期

目　錄

社　論：不断提高社会劳动生产率
邓国宝：组织、动员全国青年向农业生产战线勇往进军
段仲传：在县地盘建立农工业经济结构，加强县级
制曰晉：提高社会劳动生产率，厉行节约
潘　田：河南宁省的干部规划
陈孟葵：人民监察和劳动人民的集体作主权
何春长：继续斗争，肃清新殖民主义“文化”残余
研　究：范廷新：增强农业组织管理中的社会主义法制
武春近：要紧紧依靠工人和劳动者，做好对私营资本主义工商业的社会主义改造
党的生活：建設者：对待困难的态度
刘贵琪：美国的可悲景况和卡特的反动政策

Digitized by Google

Revue du Communisme
N° 3 — 1978

SOMMAIRE

Éditorial — Élever sans cesse la productivité du travail social

ĐẶNG-QUỐC-BẢO — Organiser et mobiliser la jeunesse dans tout le pays pour la production agricole

ĐOÀN-TRỌNG-TRUYẾN — Édifier la structure agro-industrielle du district et renforcer cet échelon

CHẾ-VIẾT-TẤN — Élever la productivité du travail social et pratiquer strictement l'économie

PHAN-ĐIỀN — Planifier le travail d'organisation concernant les cadres dans la province de Hà-nam-ninh

TRẦN-MẠNH-QUỲ — Les inspecteurs populaires et le droit de maître collectif des masses travailleuses

HÀ-XUÂN-TRƯỜNG — Poursuivre l'élimination des vestiges de la « culture » néo-colonialiste

Études ★ *PHẠM-ĐÌNH-TÂN* — Renforcer la légalité socialiste dans l'organisation et la gestion de l'agriculture

VŨ-XUÂN-CẬN — S'appuyer franchement sur les ouvriers et autres travailleurs pour mener à bien la transformation socialiste de l'industrie et du commerce capitalistes privés

La vie du Parti ★ *LE CENSEUR* — Comportement devant les difficultés

LƯU-QUÝ-KỲ — La situation dramatique aux États-Unis et la politique réactionnaire du président Carter

---

Review of Communism
N° 3 — 1978

CONTENTS

Editorial — Constantly increase labour productivity

ĐẶNG-QUỐC-BẢO — Organize and mobilize young people throughout the country in a strong offensive on the agricultural production front

ĐOÀN-TRỌNG-TRUYẾN — Build an agricultural-industrial economic basis at district level and strengthen the district-level administration

CHẾ-VIẾT-TẤN — Increase labour productivity and practise economy

PHAN-ĐIỀN — Cadre-planning in Ha-nam-ninh province

TRẦN-MẠNH-QUỲ — People's Inspection Commissions and the working people's right to collective mastery

HÀ-XUÂN-TRƯỜNG — Continue the struggle to eradicate the effects of neo-colonialist « culture »

Study ★ *PHẠM-ĐÌNH-TÂN* — Strengthen socialist legality in the organization and management of agriculture

VŨ-XUÂN-CẬN — We must rely on the workers and working people to carry out socialist transformation of private capitalist industry and commerce

Party Life ★ *CRITIC* — Our attitude in face of difficulties

LƯU-QUÝ-KỲ — The somber situation in the United States and Carter's reactionary policies

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 3

1978

NĂM THỨ XXIV (267)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Nâng cao không ngừng năng suất lao động xã hội 1

ĐẶNG-QUỐC-BẢO — Tổ chức, động viên thanh niên cả nước tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận sản xuất nông nghiệp 13

ĐOÀN-TRỌNG-TRUYẾN — Xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp trên địa bàn huyện và tăng cường cấp huyện 21

CHẾ-VIẾT-TẤN — Tăng năng suất lao động xã hội và triệt để tiết kiệm 36

PHAN-ĐIỀN — Quy hoạch cán bộ ở Hà-nam-ninh 49

TRẦN-MẠNH-QUỲ — Thanh tra nhân dân và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động 58

HÀ-XUÂN-TRƯỜNG — Tiếp tục đấu tranh xóa bỏ tàn dư « văn hóa » thực dân mới 66

Nghiên cứu ★ *PHẠM - ĐÌNH - TÂN* — Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức, quản lý nông nghiệp 76

VŨ-XUÂN-CẬN — Phải dựa hẳn vào công nhân, lao động để làm tốt cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh 86

Sinh hoạt Đảng ★ *NGƯỜI XÂY DỰNG* — Thái độ trước khó khăn 94

LƯU-QUỲ-KỲ — Tình hình bi đát của nước Mỹ và chính sách phản động của Ca-tơ 98

Digitized by Google

Digitized by Google

Tìm đọc:

LÊ-DUẨN:

Cách mạng tháng Mười với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam

TRƯỜNG-CHINH:

Kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười vĩ đại

VÕ-NGUYÊN-GIÁP:

Mấy vấn đề về cách mạng khoa học – kỹ thuật ở nước ta

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 0đ40

Digitized by Google

H-1980

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

JUN 20 1978

The University
of Michigan
Periodical
Reading Room

24. **4** (April 1978) (Whole No 268)

4 . 1978

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

Hãy làm thật tốt việc tổ chức thảo luận dự thảo Hiến pháp mới trong cán bộ và nhân dân

ĐỂ đáp ứng tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Nhà nước ta cần có một bản Hiến pháp mới. Quốc hội khóa VI đã thành lập Ủy ban để dự thảo Hiến pháp mới trình Quốc hội thảo luận và quyết định. Bản dự thảo Hiến pháp mới đã được Ủy ban soạn thảo xong. Bộ chính trị Trung ương Đảng và Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định đưa bản dự thảo đó ra để cán bộ và nhân dân cả nước thảo luận và góp ý kiến xây dựng.

Cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp mới trong cán bộ và nhân dân là một cuộc sinh hoạt chính trị và vận động dân chủ xã hội chủ nghĩa rất quan trọng, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân ta, nâng cao tinh thần trách nhiệm và lòng tha thiết của nhân dân ta đối với chế độ xã hội chủ nghĩa và nền chuyên chính vô sản. Cuộc sinh hoạt chính trị này được làm tốt sẽ mang lại những kết quả thiết thực trong việc xây dựng chính quyền nhân dân, hoàn thành kế hoạch Nhà nước và các công tác trước mắt. Vì vậy, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã chỉ thị : **« Tất cả các tổ chức của Đảng, toàn thể cán bộ và đảng viên có nhiệm vụ vận động nhân dân và cùng nhân dân tích cực tham gia thảo luận dự thảo Hiến pháp mới, bảo đảm cho cuộc thảo luận giành được thắng lợi lớn ».**

★

Digitized by Google

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước. Hiến pháp định ra những nguyên tắc cơ bản để xây dựng nước nhà. Một nước văn minh không thể không có Hiến pháp. Đảng ta và Nhà nước ta rất coi trọng việc xây dựng Hiến pháp.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa thành lập, Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng xúc tiến việc xây dựng bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta.

Hiến pháp năm 1946 khẳng định nền độc lập, tự do vừa giành được, biểu thị ý chí của nhân dân Việt-nam quyết tâm **« bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ »**. *Hiến pháp này là công cụ cho nhân dân ta xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân lấy liên minh công nông làm nền tảng, không ngừng kiện toàn và củng cố Nhà nước, làm cho Nhà nước phát huy đầy đủ tác dụng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, và tiến hành cải cách ruộng đất, xóa bỏ giai cấp địa chủ phong kiến, thực hiện khẩu hiệu « người cày có ruộng ».*

Chiến thắng Điện-biên-phủ buộc thực dân Pháp phải ký kết hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt-nam. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Nhưng đế quốc Mỹ lại thay thế thực dân Pháp xâm chiếm miền Nam nước ta. Cách mạng Việt-nam phải đồng thời làm hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Tình hình thay đổi thì Hiến pháp cũng phải được sửa đổi cho phù hợp. Dưới sự chỉ đạo của Hồ Chủ tịch và Bộ chính trị, Hiến pháp đã được sửa đổi và được Quốc hội thông qua ngày 31-12-1959.

Hiến pháp năm 1959 là **Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở nước ta**. *Hiến pháp đó khẳng định ý chí của nhân dân ta quyết tâm đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm căn cứ vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thi hành Hiến pháp năm 1959, nhân dân ta đã cải biến sâu sắc xã hội miền Bắc, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một nửa nước, vừa sản xuất vừa chiến đấu, đánh bại hai cuộc chiến tranh phá hoại cực kỳ tàn khốc của đế quốc Mỹ, đồng thời đáp ứng yêu cầu chi viện miền Nam về mọi mặt và làm tròn nhiệm vụ quốc tế của mình.*

Với thắng lợi trọn vẹn trong chiến dịch mùa xuân năm 1975, nhân dân ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ ở

Digitized by Google

miền Nam và thống nhất Tổ quốc. Cách mạng Việt-nam chuyển sang giai đoạn mới: giai đoạn cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 25 tháng 4 năm 1976 đã bầu Quốc hội chung của cả nước. Quốc hội đã quyết định tên **nước ta là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam** *và cử ra Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới.*

Sau gần một năm làm việc khẩn trương, Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới đã soạn thảo xong. Toàn Đảng, toàn dân ta hãy tích cực tham gia thảo luận và góp ý kiến xây dựng bản Hiến pháp mới.

★

Hiến pháp mới của nước ta là bản tổng kết những thành tựu cách mạng mà nhân dân ta đã đạt được, đồng thời là luật cơ bản bảo đảm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Hiến pháp mới bao gồm những kết luận khoa học rút ra từ những kinh nghiệm trong mấy chục năm qua của chính quyền nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, đồng thời bao gồm những nguyên lý hướng dẫn hành động của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiến pháp mới nhằm thể chế hóa nhiệm vụ và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra, tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm tiến hành thắng lợi ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học và kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa), xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa; xây dựng và củng cố quốc phòng toàn dân; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Hiến pháp mới quy định mục tiêu cách mạng và phương hướng phấn đấu của nhân dân ta trong giai đoạn mới, bảo vệ độc lập dân tộc, hoàn thành thống nhất nước nhà về mọi mặt, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, chẳng những chống mọi chế độ người bóc lột người mà còn phải chống những tập quán lạc hậu lâu đời của xã hội cũ. Vì vậy cần có Hiến pháp mới để làm công cụ mạnh mẽ và vũ khí sắc bén để kiên trì đấu tranh thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Hiến pháp mới là đạo luật cơ bản quy định những nguyên tắc lớn bảo đảm tính chất Nhà nước của ta là Nhà nước chuyên chính vô sản, quy định những nguyên lý chỉ đạo sự phát triển của xã hội ta tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hiến pháp mới là cơ sở để tăng cường đoàn kết, nhất trí trong toàn dân, đồng thời là công cụ có hiệu lực để củng cố bộ máy Nhà nước chuyên chính vô sản. Nhân dân ta nắm vững đạo luật cơ bản đó để kiểm tra mọi hoạt động của bộ máy Nhà nước. Xây dựng được Hiến pháp mới là một thành tựu lớn của nhân dân ta, đồng thời là tiền đề bảo đảm cho nhân dân ta giành được những thành tựu to lớn khác trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

★

Hiến pháp mới của nước ta là Hiến pháp của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Vì vậy, việc xây dựng Hiến pháp mới không chỉ là công việc của một cơ quan chuyên môn, mà còn phải có sự đóng góp tích cực của nhân dân, người chủ chân chính nước nhà.

Nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân ta, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đưa bản dự thảo Hiến pháp mới ra để cán bộ và nhân dân cả nước thảo luận và góp ý kiến xây dựng.

Mục đích, yêu cầu *của cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp là:*

— Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước tích cực tham gia thảo luận và góp ý kiến xây dựng Hiến pháp mới.

— Nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về chủ nghĩa xã hội và pháp chế xã hội chủ nghĩa, về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, phát huy truyền thống anh hùng, tài năng sáng tạo của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

— Nâng cao nhiệt tình yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội của cán bộ và nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, tăng năng suất lao động, hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước và mọi mặt công tác khác.

Những yêu cầu trên đây có quan hệ mật thiết với nhau và đều quan trọng cả. Trong đợt sinh hoạt chính trị, chúng ta không được coi nhẹ yêu cầu nào. Bởi vì, có phát huy quyền làm chủ tập thể của

Digitized by Google

nhân dân, động viên nhân dân hăng hái tham gia cuộc thảo luận thì mới nâng cao được nhận thức của nhân dân về chủ nghĩa xã hội và pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao được nhiệt tình yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân và đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm. Ngược lại, có nâng cao nhiệt tình yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh phong trào thi đua thì mới tạo được khí thế thảo luận sôi nổi, tích cực góp ý kiến xây dựng Hiến pháp mới.

Để làm tốt cuộc sinh hoạt chính trị này, các cấp ủy Đảng ở các địa phương, các ngành, nhất là ở cơ sở, cần có kế hoạch sát hợp. Kế hoạch đó phải kết hợp việc thảo luận dự thảo Hiến pháp với việc đẩy mạnh các mặt công tác khác và phải tính đến thời vụ sản xuất. Việc thảo luận bản dự thảo Hiến pháp phải được tiến hành một cách thiết thực, sâu rộng, bằng nhiều hình thức phong phú. Cần động viên đông đảo quần chúng hăng hái góp ý kiến xây dựng Hiến pháp. Phải lắng nghe và thu thập ý kiến của nhân dân để chỉnh lý tốt bản dự thảo Hiến pháp; song phải tiến hành hết sức khẩn trương, tiết kiệm tiền của và công sức của nhân dân và Nhà nước; đồng thời, đề phòng những phần tử xấu xuyên tạc, khiêu khích và phá hoại.

Để nhân dân có thể tham gia thảo luận góp nhiều ý kiến xây dựng Hiến pháp, các cấp ủy Đảng cần bố trí lực lượng để giới thiệu, hướng dẫn, giúp nhân dân hiểu rõ nội dung từng chương, từng điều trong dự thảo Hiến pháp. Việc giới thiệu như vậy cần có kế hoạch bảo đảm phổ biến rộng rãi, đồng thời sát hợp với trình độ của các loại đối tượng khác nhau, nhằm giúp họ nâng cao trình độ hiểu biết và giúp cho việc thảo luận được sâu rộng và thiết thực. Đi đôi với kế hoạch tuyên truyền giới thiệu nội dung dự thảo Hiến pháp, cần có những hình thức thu thập ý kiến sinh động để mỗi công dân ở thành thị cũng như ở nông thôn, trong các cơ quan, xí nghiệp cũng như ở các hợp tác xã v.v... đều có điều kiện thuận lợi để phát biểu ý kiến về dự thảo Hiến pháp. Những ý kiến xây dựng có thể phát biểu trong cuộc thảo luận, sau cuộc thảo luận, có thể góp ý kiến bằng cách trực tiếp trong hội nghị và bằng cách gián tiếp qua các hòm thư v.v...

Để bảo đảm cho cuộc sinh hoạt chính trị này đạt kết quả tốt, các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể cần hết sức lắng nghe ý kiến của quần chúng, động viên quần chúng hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng Hiến pháp. Kết quả của cuộc sinh hoạt chính trị này phải được biểu hiện trên các mặt: cán bộ và nhân dân góp được nhiều ý kiến xây dựng Hiến pháp mới; quần chúng hăng hái thi đua tăng năng suất, thực hành tiết kiệm; qua cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp

Digitized by Google

các cơ quan Đảng và Nhà nước có những cải tiến công tác, làm cho Đảng, Nhà nước và nhân dân thêm gắn bó mật thiết.

★

Xây dựng Hiến pháp mới là nhiệm vụ vẻ vang của toàn Đảng và toàn dân ta. *Chúng ta phải tập trung trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân xây dựng một bản Hiến pháp thật tốt, thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta, đồng thời thể hiện được tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Việc thảo luận dự thảo Hiến pháp mới trong cán bộ và nhân dân là một cuộc sinh hoạt chính trị có ý nghĩa cực kỳ to lớn. Vì vậy, đảng ủy các cấp cần tập trung sức lãnh đạo chặt chẽ cuộc sinh hoạt chính trị này.*

Nhân dân ta có tinh thần yêu nước rất cao. Ngày nay nhân dân ta đã là người chủ đất nước. Với tư cách người chủ đất nước, nhân dân ta sẵn sàng góp ý kiến xây dựng đạo luật cơ bản của Nhà nước. Chỉ cần các cấp ủy Đảng quan tâm lãnh đạo, các cấp chính quyền, Mặt trận và Công đoàn đứng ra tổ chức và hướng dẫn, thì nhân dân ta sẽ tích cực tham gia thảo luận và góp nhiều ý kiến xây dựng Hiến pháp mới.

Sau khi đánh đuổi được bọn giặc xâm lược nước ngoài thì việc xây dựng đất nước phồn vinh là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của toàn Đảng, toàn dân ta. Xây dựng Hiến pháp là công việc cực kỳ trọng đại và vẻ vang trong sự nghiệp xây dựng nước Nhà. Hiểu rõ ý nghĩa vô cùng to lớn của việc xây dựng Hiến pháp mới, toàn Đảng, toàn dân ta nhất định sẽ đem hết nhiệt tình và trí tuệ để xây dựng Hiến pháp mới.

Phát huy tinh thần làm chủ tập thể, toàn Đảng, toàn dân ta hãy cùng nhau thảo luận, góp ý kiến xây dựng Hiến pháp mới, góp phần tích cực vào thắng lợi chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Digitized by Google

PHÁT ĐỘNG QUẦN CHÚNG XÂY DỰNG QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ (*)

LÊ - DUẨN

TÔI được biết các đồng chí đang nghiên cứu vấn đề tổ chức bộ máy chính quyền các cấp. Nhưng hôm nay tôi không có nhiều thì giờ để phát biểu về vấn đề này. Tôi chỉ nói mấy ý kiến về vấn đề thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đây là vấn đề lớn lắm, quan trọng lắm mà các đồng chí phải suy nghĩ rất nhiều mới làm được. Bài diễn văn của đồng chí Phạm-Văn-Đồng nhân ngày Quốc khánh 2-9 vừa qua cũng nhấn mạnh vấn đề này.

Các đồng chí đã nghiên cứu các văn kiện của Đại hội lần thứ IV của Đảng. Văn kiện Đại hội lần thứ IV có nhiều điều mới. Nếu nghiên cứu Nghị quyết của Đại hội mà không thấy cái mới về đường lối, về cơ cấu kinh tế, cơ cấu tổ chức chính quyền ở nước ta là chưa hiểu được thực chất của nghị quyết.

Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một vấn đề cơ bản trong đường lối của Đảng ta về cách mạng xã hội chủ nghĩa. Là cán bộ cao cấp của chính quyền, đại diện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, các đồng chí phải hiểu quyền làm chủ tập thể là gì và cần phải xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa như thế nào, nếu không thì không thể làm việc được.

Trong « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản », Các Mác nói sau khi lật đổ được giai cấp tư sản, giai cấp công nhân phải tự tổ chức thành giai cấp thống trị. Phải đến sau Công xã Pa-ri, Các Mác mới nêu lên sự cần thiết phải đập tan bộ máy Nhà nước tư sản và thiết lập Nhà nước chuyên chính vô

(*) Bài nói với các chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố miền Nam (ngày 9 tháng 9 năm 1977).

Digitized by Google

sản. Các Mác hoan nghênh Công xã Pa-ri về mặt nó nêu cao vai trò của giai cấp vô sản và quần chúng lao động, về những nguyên tắc rất cách mạng trong việc phân phối, v.v... Nhưng Công xã Pa-ri chưa làm sáng tỏ tất cả những vấn đề về nội dung và hình thức của Nhà nước vô sản.

Năm 1905, quần chúng cách mạng ở Nga sáng tạo ra hình thức của chính quyền cách mạng là xô-viết. Từ thực tiễn đó, Lê-nin khẳng định xô-viết là hình thức thích hợp của chính quyền chuyên chính vô sản. Xô-viết là gì? – Là hội đồng đại biểu công nông do quần chúng bầu ra từ cơ sở, khác hẳn với nghị viện dưới chế độ dân chủ đại nghị; nó không phải là bộ máy của những người công chức, mà chính là đại biểu của nhân dân đứng ra quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Sau Cách mạng tháng Mười, để đối phó với cuộc phản công của mười bốn nước đế quốc và bọn bạch vệ, Lê-nin phải áp dụng chính sách «cộng sản thời chiến»; sau khi nội chiến kết thúc thì chuyển sang «chính sách kinh tế mới»; cho đến khi qua đời, Lê-nin chưa có thì giờ đi sâu vào vấn đề xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Năm 1936, khi thảo ra bản Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên của Liên-xô, về cơ bản Xta-lin vẫn tuân theo những chỉ dẫn của Lê-nin. Trả lời câu hỏi của sinh viên: Tại sao nói chuyên chính vô sản mà lại nói chính quyền công nông, Xta-lin giải thích: nói chuyên chính vô sản, vì Nhà nước do giai cấp vô sản lãnh đạo; còn nói chính quyền công nông là để chỉ rõ thành phần cấu tạo của chính quyền đó chủ yếu là hai giai cấp: giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, bạn đồng minh trực tiếp của công nhân. Từ đó đến nay, ở các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng anh em vẫn tiếp tục suy nghĩ, tìm tòi về nội dung của chính quyền Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng ta nói phải nắm vững chuyên chính vô sản đồng thời lại nói phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nói phải xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là chế độ trong đó người làm chủ là nhân dân lao động mà nòng cốt là công nông; làm chủ cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; làm chủ trong phạm vi cả nước, trong từng địa phương và cơ sở, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Chế độ làm chủ đó phải dựa trên một cơ cấu kinh tế thích hợp, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp ngay từ đầu, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương và nó phải được bảo đảm bởi một cơ chế kết hợp chặt chẽ Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Bộ máy Nhà nước, ngoài chức năng cai trị ra, còn có chức năng quản lý kinh tế, văn hóa. Ở nước ta, bộ máy Nhà nước nói chung cũng như bộ máy quản lý kinh tế nói riêng ở từng cấp trung

Digitized by Google

ương, địa phương, cơ sở, phải làm sao phù hợp với đặc điểm từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, phải thể hiện và thực hiện được quyền làm chủ của nhân dân lao động trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Về quản lý kinh tế, nói trung ương thì ngoài các cơ quan tổng hợp, chủ yếu là nói các ngành; nói địa phương là nói thành phố, tỉnh, huyện; nói cơ sở là nói xã và hợp tác xã nông nghiệp, nói xí nghiệp và xí nghiệp liên hiệp công nghiệp. Quản lý theo ngành là do yêu cầu của kinh tế kỹ thuật, yêu cầu của chuyên môn hóa sản xuất quyết định. Công nghiệp hóa càng cao, kỹ thuật càng phát triển thì càng có nhiều ngành. Qua các ngành, Nhà nước nắm kinh tế, kỹ thuật. Qua địa phương Nhà nước tiếp xúc với dân; Nhà nước lấy địa phương làm nơi gắn liền sản xuất với phân phối để tổ chức đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân. Trong hoàn cảnh của ta, quản lý theo địa phương còn là cách tốt nhất để thực hiện tập trung dân chủ, động viên sức của nhân dân cùng với Nhà nước khai thác tiềm năng về lao động và đất đai để đi lên. Lâu nay, một số đồng chí chỉ nói quản lý theo ngành và theo lãnh thổ, chỉ thấy vai trò của chính quyền Nhà nước trung ương, của kinh tế trung ương mà không thấy vai trò của chính quyền địa phương và kinh tế địa phương. Ngược lại, một số đồng chí lại hiểu kinh tế địa phương theo lối cục bộ, địa phương chủ nghĩa, không chấp hành đầy đủ những chủ trương, chính sách chung, những nghĩa vụ của địa phương đối với cả nước. Trong quy hoạch phát triển kinh tế, chúng ta phải chú ý đầy đủ đến các vùng khác nhau như: đồng bằng sông Hồng, trung du và miền núi ở phía Bắc, các tỉnh khu IV cũ, miền đông Nam-bộ, đồng bằng sông Cửu-long, duyên hải miền Trung và Tây-nguyên để phân bố sản xuất, lao động và vốn đầu tư thích hợp trên quy mô cả nước. Nhưng trong việc *tổ chức và quản lý kinh tế, đời sống*, nếu không nhận rõ vị trí, chức năng của chính quyền địa phương trong hệ thống quản lý kinh tế thống nhất của cả nước, không giao cho nó những nhiệm vụ, quyền hạn và phương tiện cần thiết phù hợp với đòi hỏi khách quan của nền sản xuất xã hội đang trong quá trình tổ chức lại, đang cần những cân đối cụ thể để phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thì chúng ta sẽ bỏ phí tiềm lực và làm chậm bước phát triển của mình, sẽ không đáp ứng được những nhu cầu muôn hình, muôn vẻ của đời sống nhân dân.

Xây dựng một hệ thống quản lý kinh tế sao cho phù hợp với quá trình phát triển của nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một việc rất khó. Chỉ nói về mặt phân phối cũng đã khó, bởi vì tư liệu sản xuất là của chung, sản xuất xã hội

Digitized by Google

cũng là chung, nhưng phân phối thì vừa có chung vừa có « riêng », riêng ở đây là phân phối theo lao động, cho từng người, từng gia đình. Đi đôi với phân phối theo lao động, còn có phần phân phối chung cho tập thể những người lao động, cho tất cả mọi thành viên trong xã hội, chủ yếu là cho những người chưa đến tuổi hoặc đã quá tuổi lao động; đó là phúc lợi tập thể và phúc lợi xã hội. Như thế chế độ xã hội chủ nghĩa khác hẳn chế độ tư bản chủ nghĩa là một chế độ trong đó việc chiếm hữu tư liệu sản xuất cũng như chế độ phân phối đều hoàn toàn mang tính chất tư nhân. Trong chủ nghĩa xã hội, sản xuất là chung, phân phối vừa có chung, vừa có « riêng » (theo nghĩa phân phối theo lao động), thì cơ cấu kinh tế, tổ chức quản lý phải thế nào để bảo đảm được những quy luật của chủ nghĩa xã hội, bảo đảm được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động? Chúng ta phải dày công suy nghĩ, tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, thâm nhập sâu vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội, để tìm ra giải pháp cụ thể.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra những nét lớn về nội dung làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình cách mạng, chúng ta còn phải làm rõ nhiều vấn đề về tổ chức bộ máy Nhà nước, về chế độ quản lý kinh tế, văn hóa, về phân công, phân cấp giữa trung ương và địa phương, v.v... Phải hiểu ngành quan trọng như thế nào đối với việc cân đối sản xuất, đối với hiệu quả kinh tế và tiến bộ kỹ thuật của toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như của từng lĩnh vực, thì mới định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Bộ trưởng và cách tổ chức, quản lý của một bộ. Phải hiểu đầy đủ vai trò của địa phương trong việc khai thác tiềm năng lao động, đất đai, trong việc tổ chức đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, thì mới thấy phải giao trách nhiệm, quyền hạn cho chính quyền địa phương như thế nào là đúng. Phải hiểu rõ vai trò của cơ sở là nơi trực tiếp diễn ra mọi hoạt động sản xuất, là một khâu có ý nghĩa quyết định trực tiếp đối với năng suất lao động xã hội và tốc độ phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân thì mới đặt đúng mối quan hệ giữa trung ương, địa phương đối với việc phục vụ cho cơ sở đặng thúc đẩy cơ sở sản xuất ngày một tốt hơn. Phải vừa cách mạng, vừa khoa học thì mới vận dụng tốt quy luật phát triển kinh tế, mới giải quyết được những vấn đề về tổ chức bộ máy Nhà nước, bộ máy quản lý kinh tế.

Hơn ba mươi năm nay, Nhà nước ta đã làm được một việc rất vĩ đại là tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Sau Cách mạng tháng Tám, chúng ta đã lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân, một chính quyền thật sự của công nhân và nông dân. Chính quyền

Digitized by Google

đó đã động viên, tổ chức được tuyệt đại đa số nhân dân cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp. Chính quyền đó đã đưa lại ruộng đất cho nông dân. Trong lúc công nhân chưa làm chủ được nhà máy của tư bản, thì nông dân được chia ruộng đất và làm chủ được ruộng đất ngay trong lúc đang kháng chiến. Đó là một sáng tạo, nhờ đó mà kháng chiến được dầy mạnh và đi đến thắng lợi. Lúc bấy giờ, trong vùng tự do từ Việt-bắc đến khu 9 Nam-bộ, rõ ràng là nhân dân làm chủ. Tuy chiến tranh mà cuộc sống vẫn nhẹ nhàng, thoải mái: Mọi người sống đùm bọc nhau, chia sẻ ngọt bùi, quyết tâm đánh giặc. Trong kháng chiến chống Mỹ, chúng ta có nửa nước đi vào chủ nghĩa xã hội, có vùng giải phóng ở miền Nam, tại đó chúng ta đã thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân. Tuy trình độ kinh tế chưa cao, nhưng ta đã làm chủ phần lớn đất nước, và thiết lập được một chế độ chính trị vững mạnh. Ta kháng chiến thắng lợi là nhờ có chế độ làm chủ đó. Có thể nói mọi gia đình đều đánh giặc, chồng ra mặt trận, vợ ở nhà đảm đang sản xuất, phụng dưỡng cha mẹ, nuôi dạy con cái và tham gia kháng chiến ở địa phương. Mọi người sẵn sàng gánh vác nghĩa vụ đối với Tổ quốc, chịu đựng mọi gian khổ hy sinh, ngày đêm suy nghĩ việc đánh giặc, cứu nước.

Điều đó chứng tỏ Nhà nước ta là một Nhà nước cách mạng, một Nhà nước rất mạnh. Tuy nhiên, sau thắng lợi vĩ đại ta vừa giành được, tình hình đất nước còn nhiều khó khăn; việc tổ chức quản lý kinh tế hiện đang có những vướng mắc, lúng túng, thậm chí có sai lầm. Tình hình đó có nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan. Về phần chủ quan, có nguyên nhân về nhận thức lý luận, có nguyên nhân về tổ chức sản xuất, có nguyên nhân về chế độ, chính sách, có nguyên nhân về quản lý và kế hoạch hóa kinh tế, có nguyên nhân về bố trí cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu... Những vấn đề đó, bây giờ phải gỡ ra từng bước và đưa vào quỹ đạo đúng.

Điều làm chúng ta không yên lòng là bên cạnh những mặt tốt của chế độ ta, lại diễn ra những việc trái làm cho quần chúng không đồng tình. Phải chấm dứt những hành động chuyên quyền, thiết lập quyền lực thật sự của nhân dân lao động, đưa lại quyền làm chủ tập thể về chính trị cho họ, làm sao cho chính quyền của ta, nhất là chính quyền cơ sở, phải thật sự là chính quyền của nhân dân. Chưa nói đến cơ cấu kinh tế, đến tổ chức bộ máy quản lý kinh tế các cấp, là những vấn đề phức tạp, tôi muốn các tỉnh ủy hãy tự hỏi xem hơn hai năm nay, mình đã nhận thức như thế nào về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về chính trị, và đã

Digitized by Google

quan tâm thực hiện vấn đề đó chưa?

Điều lớn nhất sau khi cách mạng thành công là đưa nhân dân lao động lên làm chủ tập thể về chính trị. Chúng ta làm cách mạng ngót nửa thế kỷ nay, đau khổ biết bao nhiêu, hy sinh biết bao nhiêu là cốt để làm cho được điều cơ bản ấy. Đó chính là chuyên chính vô sản. Nhân dân lao động tin cậy Đảng, đi theo Đảng làm cách mạng là mong thoát khỏi kiếp người dân mất nước, kiếp nô lệ làm thuê và được hưởng quyền làm chủ nước nhà, làm chủ xã hội. Trước đây, tôi có nói với các đồng chí trong Nam rằng: là người đảng viên cộng sản mà ngày nào, giờ nào không nghĩ tới Đảng thì ngày ấy, giờ ấy chúng ta đã tự đặt mình ra ngoài Đảng. Bây giờ cần nói thêm rằng: là đảng viên cộng sản mà ngày nào, giờ nào không nghĩ đến thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thì ngày ấy, giờ ấy chính mình đã phản bội lý tưởng của mình, phản bội sự nghiệp của mình và không xứng đáng là đảng viên cộng sản nữa. Đó là một chân lý giản đơn, nhưng phải có tấm lòng trong sáng, không bị bất cứ cái gì làm vẩn đục thì ta mới cảm thụ được nó một cách sâu sắc, đồng thời phải có tổ chức đúng thì mới thể hiện được nó trong thực tế.

Chế độ ta tốt hơn hẳn bất kỳ chế độ dân chủ tư sản nào. Nhưng muốn cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được thực hiện thì phải đặt đúng mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, và mối quan hệ đó phải thành cơ chế của chế độ ta. Cơ chế đó là Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Đảng chỉ là người lãnh đạo, còn người làm chủ là nhân dân, và nhân dân làm chủ chủ yếu bằng Nhà nước. Do đó, có thể nói *thực chất của chuyên chính vô sản là Đảng lãnh đạo và nhân dân làm chủ, và Đảng lãnh đạo để cho nhân dân làm chủ.*

Về chính trị, phải phát động quần chúng, phải tuyên truyền, giáo dục, làm cho mọi công dân Việt-nam từ em bé đến cụ già, nhất là tầng lớp thanh niên hiểu rằng họ là người chủ của nước Việt-nam, rằng tất cả của cải, tài nguyên của đất nước này đều thuộc về tập thể nhân dân, thuộc về những thế hệ hôm nay và cả những thế hệ ngày mai. Họ phải làm tròn nghĩa vụ của người làm chủ đất nước, đồng thời họ có đầy đủ những quyền của người làm chủ: quyền làm việc, học hành, vui chơi, quyền phát biểu ý kiến về bất cứ vấn đề gì của Nhà nước nhằm mưu cầu sự giàu có cho đất nước và hạnh phúc cho đồng bào, không ai được áp bức, ép buộc họ. Trong chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân là người lãnh đạo và liên minh công nông là nòng cốt. Phải làm cho nông dân hiểu rằng mấy chục năm nay, đi với công nhân, họ được độc lập, tự do và ruộng đất, nay đi lên chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội, họ cùng với công nhân trở thành người chủ tập thể toàn bộ đất nước và đời sống xã hội. Phải làm cho người nông dân ở đồng bằng sông Cửu-long hay ở Tây-nguyên cũng nhận rõ rằng: Nhà máy cơ khí Hà-nội, Khu gang thép Thái-nguyên hay Mỏ than Quảng-ninh... cũng là tài sản của họ. Công nhân ở những nhà máy, xí nghiệp ấy có nghĩa vụ làm ra than, ra thép, ra máy để phục vụ cho nông nghiệp và nông dân. Ngược lại, bà con nông dân phải sản xuất nhiều lúa, nhiều hoa màu và nuôi nhiều heo cho nhu cầu cả nước và cho công nhân. Chẳng những bản thân người làm cha, làm mẹ có quyền làm chủ mà họ còn có thể hoàn toàn yên tâm về tương lai của con cháu. Các em nhất định sẽ không bị bóc lột, không bị thất nghiệp, thất học, bất kỳ con ai, nếu có tài năng, đều có thể học đến bậc học cao nhất và đều được sử dụng. Nếu nhân dân hiểu được quyền làm chủ như thế thì họ sẵn sàng đem hết tài sức ra xây dựng đất nước, vui vẻ chịu đựng mọi khó khăn khi cần thiết để giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội. Tôi tin rằng người dân Việt-nam, đã từng hy sinh tất cả cho Tổ quốc trong kháng chiến, hoàn toàn có đủ sức hiểu và làm như vậy.

Muốn bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân về chính trị, phải xây dựng những đảng bộ, chi bộ tốt, không chuyên quyền, bè phái. Phải khắc phục và ngăn ngừa tình trạng những người có chức, có quyền sinh ra lạm quyền. Bác Hồ dạy chúng ta: đối với một đảng cầm quyền, cán bộ, đảng viên phải là người lãnh đạo đồng thời phải là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Trong Di chúc, Bác lại nhắc nhủ chúng ta điều đó. Đảng bộ tốt phải bao gồm những đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có đủ năng lực lãnh đạo nhân dân, đồng thời luôn luôn nghiêm khắc tự đòi hỏi mình phải làm đầy tớ của nhân dân tốt hơn nữa. Phải dựa vào quần chúng mà xây dựng Đảng, mà kiểm tra công tác của đảng bộ, kiểm tra tư cách của cán bộ, đảng viên. Trong những bước ngoặt của cách mạng, bên cạnh những đảng viên rất kiên cường, những chiến sĩ mẫu mực, không tránh khỏi có một số người cơ hội tìm cách chui vào Đảng. Phải đuổi ra khỏi Đảng bọn cơ hội, lợi dụng danh nghĩa Đảng để làm bậy. Dựa vào quần chúng, chúng ta sẽ phát hiện được những phần tử xấu xa đó, vì quần chúng rất tinh tường, sáng suốt; với quần chúng, không ai có thể che giấu được những hành vi đen tối. Phải đưa ra khỏi Đảng những đảng viên hư hỏng, mất phẩm chất và cả những người không đủ tiêu chuẩn. Có làm như thế, Đảng ta mới trong sạch, vững mạnh, và thông qua phong trào cách mạng của quần chúng, chúng ta sẽ tuyển lựa những người ưu tú trong nhân dân lao động để kết nạp vào Đảng, tăng thêm sức chiến đấu cho Đảng.

Digitized by Google

Đi đôi với xây dựng, củng cố Đảng, phải xây dựng và tăng cường chính quyền cấp xã, cấp huyện. Phải làm sao để cho nhân dân lao động có thể lựa chọn và bầu ra những đại biểu của họ, khiến cho họ nhận thấy một cách rõ ràng rằng chính quyền này là thật sự của họ. Nếu có những đảng viên ưu tú, thật sự tận tụy vì dân, được quần chúng tín nhiệm bầu vào các cơ quan chính quyền thì rất tốt, bởi vì điều đó chứng tỏ quần chúng tin yêu Đảng và Đảng vẫn giữ vững được mối liên hệ mật thiết với quần chúng. Mọi nghĩa vụ, quyền hạn, lợi ích của người dân phải có những chế định, quy tắc, luật pháp bảo đảm. Phải tuyên truyền cho người dân hiểu rõ những quy định ấy, đồng thời các cơ quan pháp chế phải bắt buộc cán bộ chính quyền tôn trọng luật pháp. Có làm như vậy, mới ngăn ngừa được tình trạng cán bộ hư hỏng biến tập thể thành một thứ tập đoàn chuyên quyền, bè phái, làm cho nhân dân mất quyền làm chủ. Nếu trong một tỉnh, cán bộ, đảng viên lúc nào cũng một lòng tận tụy phục vụ nhân dân, không để xảy ra tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân thì đó là hạnh phúc lớn nhất đối với đồng bào ta, một điều vĩ đại nhất đối với đảng bộ tỉnh. Chính quyền phải chăm lo đời sống của nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân. Phải tổ chức cho nhân dân bàn bạc, góp ý kiến vào công việc của chính quyền ở xã, và đại biểu của các xã phải được bàn bạc góp ý kiến về các vấn đề của huyện từ chính trị đến kinh tế, văn hóa, từ sản xuất đến phân phối, từ tiêu dùng đến tích lũy để tái sản xuất mở rộng.

Làm chủ về chính trị phải gắn với làm chủ về kinh tế. Ở nông thôn, nhiệm vụ hàng đầu hiện nay là tiến hành ba cuộc cách mạng, kết hợp cải tạo với xây dựng để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho công nghiệp hóa đất nước. Phải nắm vững chủ trương của Đảng về sản xuất nông nghiệp để gắn việc xây dựng quyền làm chủ tập thể với phong trào sản xuất của quần chúng, với việc đẩy mạnh trồng trọt và chăn nuôi, với phong trào thủy lợi, phong trào thâm canh tăng vụ, khai hoang, phục hóa. Chính quyền phải chăm lo phục vụ sản xuất, phải cùng với nhân dân tính toán trồng cây gì, nuôi gia súc gì, kỹ thuật thế nào, vật tư ở đâu, làm ăn ra sao để có hiệu quả kinh tế. Mỗi người dân phải coi việc thực hiện kế hoạch sản xuất của tập thể, của Nhà nước như làm việc cho gia đình mình ; phải hiểu rằng công việc sản xuất của mình có quan hệ tới vận mệnh của đất nước. Thí dụ như việc nuôi heo, nếu mỗi nhà nông dân ở trong Nam nuôi được bốn hoặc năm con heo thì có lợi cho cả nước, sẽ tạo ra một bước phát triển lớn về sản xuất nông nghiệp. Có heo sẽ có thêm thịt, thêm phân, thêm lúa,

Digitized by Google

sẽ phá bỏ được tập quán không dùng phân chuồng, sẽ có thể đưa năng suất lúa lên bốn tấn, năm tấn mỗi héc-ta. Như thế cả nước sẽ thắng trên mặt trận lương thực. Có nhiều heo, ta có thể xuất khẩu thịt để nhập máy mà cơ giới hóa nông nghiệp. Để đi vào sản xuất lớn, phải bỏ con đường sản xuất cá thể, đi dần vào làm ăn tập thể để nâng trình độ sản xuất lên từng bước. Tổ chức những tổ đường nước, những tổ cày chung, những tổ đoàn kết đổi công, những tập đoàn sản xuất, v.v... những công việc đó nên làm từ bây giờ, không nên chậm trễ.

Sản xuất nông nghiệp là mặt trận chiến đấu rất gian khổ để thắng thiên nhiên. Muốn thắng, phải có biện pháp kỹ thuật đúng, đồng thời phải có biện pháp kinh tế đúng. Chẳng hạn như để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho hơn năm mươi triệu người, chúng ta phải đẩy mạnh sản xuất lúa, hoa màu và phát triển chăn nuôi, vừa ra sức thâm canh, tăng vụ, vừa khẩn trương mở rộng diện tích, hết sức chú trọng đầu tư vào thủy lợi và cơ giới hóa. Đó là những vấn đề chiến lược mà cả trung ương, địa phương, cơ sở và cả đến từng người lao động phải hiểu rõ, phải làm đúng, làm tốt thì mới thực hiện được chiến lược chung của cả nước về nông nghiệp. Thí dụ như vấn đề xuất khẩu, phải nhận rõ muốn cơ giới hóa, muốn có vật tư kỹ thuật thì bản thân nông nghiệp phải biết xuất khẩu và nhập khẩu. Kế hoạch kinh tế của từng tỉnh, từng huyện vừa phải bảo đảm nhu cầu trong nước, vừa phải bảo đảm nhu cầu xuất khẩu, trung ương cũng phải có chính sách đúng đắn khuyến khích xuất khẩu. Như tỉnh Đắc-lắc hiện nay có hàng chục nghìn tấn cà phê; Nhà nước phải cấp lương thực để đổi lấy số cà phê đó mà xuất khẩu. Có xuất khẩu, nhập khẩu mới khai thác được tiềm năng nông nghiệp nhiệt đới của ta và mở rộng nhanh sản xuất. Đi con đường tự túc là tự trói tay mình. Trong kế hoạch 5 năm 1976 – 1980, Nhà nước sẽ đầu tư khá mạnh cho nông nghiệp. Rồi đây chúng ta sẽ bàn thêm để điều chỉnh giá thu mua nông sản, đó cũng là một dịp tăng thêm đầu tư cho nông nghiệp. Chúng ta khuyến khích nông dân hăng hái lao động, say sưa sản xuất để làm ngày để có đời sống vật chất và văn hóa ngày càng cải thiện, đồng thời có thể đóng góp được ngày càng nhiều vào sự nghiệp chung. Chúng ta hy vọng trong vòng bảy, tám năm nữa, đời sống nông dân và bộ mặt nông thôn sẽ đổi mới từ việc ăn, mặc, ở, tiêu dùng đến việc học hành, chữa bệnh, vui chơi, giải trí. Tôi tin rằng chúng ta hoàn toàn có thể làm được như thế.

Đi liền với làm chủ tập thể về chính trị, kinh tế, phải thực hiện làm chủ về văn hóa. Các tỉnh, các huyện phải mở thêm nhiều trường học. Chúng ta không thiếu thầy giáo, vì đây chỉ là sự phân

Digitized by Google

công lại lao động xã hội. Tôi nghe nói có nơi không muốn dùng thầy giáo trong chế độ cũ. Như thế là không đúng. Trong đội ngũ thầy giáo trước đây, người làm tay sai cho Mỹ – ngụy chỉ là một số nào thôi. Thầy giáo là những người lao động trí óc làm thuê cho Mỹ – ngụy, chứ không phải là tầng lớp tay sai; ngày nay chế độ ta trọng dụng họ để dạy dỗ con em của nhân dân lao động; họ làm tốt trọng trách đó thì chính họ trở thành người làm chủ trong tập thể làm chủ của nhân dân lao động. Ở miền Nam hiện nay, nhân dân ham học là điều rất tốt. Phải tìm mọi cách đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Không được để một xã, một phường nào thiếu trường học, chưa có gạch ngói thì làm bằng tranh tre; thiếu thầy giáo thì trên phải đào tạo để đưa về cho kịp. Trong một tỉnh mà có xã thiếu trường, thì đồng chí bí thư tỉnh ủy có lỗi. Học tập, mở mang kiến thức là một biện pháp quan trọng để giải phóng con người. Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Bác Hồ kêu gọi toàn dân chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm. Đó là những nhiệm vụ cơ bản nhất của cách mạng. Bây giờ ta đã thắng giặc ngoại xâm, nhưng giặc đói, giặc dốt vẫn còn. Vì vậy, để đẩy mạnh sản xuất, chúng ta phải đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Đi đôi với xây dựng trường học, phải xây dựng nhà hộ sinh, bệnh viện, nhà gửi trẻ, lớp mẫu giáo, v.v... Nhân dân phải cùng làm với Nhà nước thì mới xây dựng nhanh để kịp thời chăm lo sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em, và đáp ứng nhu cầu của nhân dân về học hành, chữa bệnh, nuôi dạy con cái.

Một nội dung quan trọng của việc thực hiện làm chủ về văn hóa là xây dựng nếp sống văn hóa vui tươi, lành mạnh, có nội dung xã hội chủ nghĩa và tinh chất dân tộc. Phải làm cho khắp nông thôn đâu đâu cũng có phong trào thể dục thể thao, phong trào vệ sinh, phòng bệnh, có các đội đàn, múa, hát, có thư viện, sách báo... Phải kiên quyết chống văn hóa đồi trụy, kịch liệt lên án tệ cờ bạc, rượu chè, ăn chơi đàng điếm. Phải chống bệnh nghiện rượu, nghiện rượu xấu lắm, nó làm bại hoại con người, nguy hại nòi giống, có khi làm mất cả tình cha con, chồng vợ. Thanh toán được những tệ nạn này sẽ là một thành công rất lớn trên mặt trận văn hóa. Trước đây, trong kháng chiến chống Pháp chúng ta đã làm được, thì nay nhất định chúng ta cũng sẽ làm được, vì những chủ trương ấy chắc chắn được nhân dân nhiệt liệt đồng tình và hưởng ứng.

Để thi hành Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Trung ương Đảng về nông nghiệp, cần tiến hành một cuộc phát động quần chúng mạnh mẽ và

Digitized by Google

rộng khắp ở nông thôn nhằm tạo ra một phong trào cách mạng thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Phát động quần chúng xây dựng quyền làm chủ tập thể phải gắn liền với việc xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, ở miền Bắc nhằm củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; ở miền Nam nhằm bước đầu xây dựng chế độ làm chủ của nhân dân lao động, củng cố và kiện toàn chính quyền cơ sở.

Huyện là địa bàn tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, tổ chức lại lao động, tổ chức cuộc sống mới của nông dân và xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa. Huyện là cứ điểm tiến hành ba cuộc cách mạng, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Tỉnh phải nắm huyện và qua việc xây dựng huyện mà thúc đẩy các xã và hợp tác xã tiến lên, đồng thời triển khai việc xây dựng kinh tế địa phương của tỉnh. Xây dựng huyện và cấp huyện có nhiều việc phải làm như: quy hoạch lại sản xuất, phân bố và tổ chức lại lao động, tiến hành xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật cho nông nghiệp, xây dựng mạng lưới xí nghiệp công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, hệ thống mua bán và phục vụ, mạng lưới giao thông vận tải và lực lượng xây dựng trong huyện. Nhưng điều trước tiên có ý nghĩa quyết định là nâng cao trình độ lãnh đạo của huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện, nhất là về mặt lãnh đạo và quản lý kinh tế. Lâu nay do nhận thức về lý luận và thực tiễn chưa rõ, cho nên chỉ xem cấp huyện như một cấp trung gian, một cấp làm công việc hành chính. Bây giờ phải kiện toàn cấp huyện thành một cấp kế hoạch và ngân sách, một cấp trực tiếp quản lý kinh tế, văn hóa. Tỉnh ủy phải giảm bớt công việc sự vụ để phân công cán bộ về tăng cường cho huyện và cùng với huyện ủy làm việc này. Hầu hết các đồng chí trong tỉnh ủy và huyện ủy đều đã trải qua hai, ba mươi năm chiến đấu, được tôi luyện dày dạn trong cách mạng, cho nên có đủ bản lĩnh để lãnh đạo việc xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Về cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, thì chúng ta đã có kế hoạch đào tạo chung để bổ sung cho các huyện; đồng thời chúng ta tin rằng phong trào cách mạng của quần chúng sẽ làm nảy nở và bồi dưỡng thêm nhiều cán bộ mới.

Việc xây dựng huyện đã có chủ trương từ lâu và đã thành Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng. Mới đây, Hội nghị lần thứ II của Trung ương Đảng lại quyết định phải làm tốt việc xây dựng các huyện trong cả nước. Tôi đề nghị sau cuộc họp này, các đồng chí cần bàn với tỉnh ủy phát động phong trào xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân gắn với

Digitized by Google

việc xây dựng huyện. Phải làm mạnh và liên tục trong suốt quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ II của Trung ương Đảng. Phải lắng nghe ý kiến của quần chúng để đánh giá cho đúng những hiện tượng lạm quyền, gây phiền hà cho nhân dân ở cơ sở và đặt kế hoạch khắc phục những thiếu sót đó từ trong Đảng ra ngoài. Phát động lên rồi, chúng ta phải có chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ. Phải làm liên tục sáu tháng, một năm, hai năm để thanh toán những cái sai, đặt cơ sở cho những cái đúng bắt rễ vào phong trào quần chúng, làm cho quần chúng thật sự phấn khởi sản xuất và hăng hái tham gia mọi hoạt động cách mạng. Phải đạt được yêu cầu củng cố và tăng thêm sức chiến đấu cho đảng bộ và chính quyền cơ sở, xây dựng được các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông hội vững mạnh, đặng phát huy vai trò làm chủ của nhân dân lao động về chính trị cũng như về các mặt khác.

★

Nhân dân ta đánh thắng đế quốc Mỹ, là nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng, nhờ nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn. Lòng yêu nước đó bắt nguồn từ tinh thần cộng đồng xã hội đã có từ thời kỳ Hùng Vương dựng nước và tiếp tục phát triển mãi lên trong quá trình chiến đấu chống ngoại xâm vô cùng oanh liệt của dân tộc ta, mà tiêu biểu nhất là việc ta đánh thắng quân Nguyên ở thế kỷ XIII và vừa qua, đánh thắng đế quốc Mỹ.

Mỗi dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội với đặc điểm của mình. Nhân dân ta đi vào chủ nghĩa xã hội với truyền thống anh hùng, bất khuất, tự lực tự cường từ nghìn xưa, với truyền thống «nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng». Chúng ta muốn qua phong trào cách mạng của quần chúng tạo ra trong xã hội ta một cuộc sống đẹp, trong đó người với người đối xử với nhau có tình, có nghĩa, biết thương yêu, đoàn kết lẫn nhau. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta chủ trương thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đảng ta nói rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, quyền làm chủ của nhân dân và chức năng quản lý của Nhà nước. cơ quan quyền lực thể hiện sự lãnh đạo của Đảng và sự làm chủ của dân. Dự thảo Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam sẽ ghi rõ những điều ấy.

Đảng ta là một đảng vĩ đại. Chúng ta kiên quyết đấu tranh để giữ gìn sự trong sạch của Đảng, ngăn ngừa tình trạng đảng viên chuyên quyền. Chúng ta biết rằng xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một việc khó. Nhưng dù khó đến đâu, chúng ta cũng phải làm cho kỳ được, bởi vì chỉ có làm cho

(Xem tiếp trang 29)

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN MẠNH NGHỀ RỪNG

HOÀNG-VĂN-KIỀU

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã xác định: «Nghề rừng cần được phát triển mạnh theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa để trở thành một ngành kinh tế quan trọng». Cụ thể hóa một bước Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương (khóa IV) đã chỉ rõ: nghề rừng phải trực tiếp góp phần giải quyết những nhu cầu về xây dựng cơ bản, về ăn, mặc, ở, hàng tiêu dùng của nhân dân và tăng sản phẩm hàng hóa xuất khẩu. Trong thời gian kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 — 1980) cả nước phải trồng mới 1,2 triệu héc-ta rừng và khai thác đạt sản lượng 3,5 triệu m^3 gỗ hàng hóa trong năm 1980

Trên cơ sở quán triệt đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần nhận rõ vị trí của nghề rừng, phát huy cao độ năng lực tiềm tàng về tài nguyên rừng, đất rừng và những nhân tố thuận lợi khác, đồng thời khắc phục khó khăn, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong nghề rừng nhằm tạo nên những bước chuyển biến mới quan trọng trên các lĩnh vực sản xuất, tổ chức và quản lý lâm nghiệp, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

I

Rừng nước ta rất phong phú về thực vật và động vật rừng. Ngoài những loại gỗ quý, rừng của ta còn có nhiều đặc sản và dược thảo có giá trị kinh tế cao như: cánh kiến đỏ, quế, hồi, thông nhựa, ba kích, tam thất, sa nhân, hà thủ ô, đẳng sâm... và hàng trăm loài cho tinh dầu, chất béo và chất bột khác. Động vật (thú, chim) gồm hàng trăm họ, trong đó có nhiều loài mà thế giới ngày nay coi là hiếm như: bò tót, hổ, báo, vượn, cầy bay, sóc bay, đại bàng, công, trĩ, gà lôi, v.v...

Trong suốt mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc ta, rừng luôn luôn phát huy tác dụng to lớn, toàn diện trên nhiều mặt. Mấy chục năm qua rừng và nghề rừng đã góp phần phục vụ tích cực cho sự nghiệp kháng chiến cứu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và ngày nay đang góp phần quan trọng vào công cuộc khôi

Digitized by Google

phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.

Nhưng đến nay, do hậu quả của chính sách khai thác thuộc địa của đế quốc thực dân, do tệ đốt rừng làm nương rẫy, do khai hoang thiếu quy hoạch, khai thác không đi liền với tái sinh và nuôi dưỡng, lại thêm công tác quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng và tu bổ rừng chậm được chú ý cho nên diện tích, trữ lượng, sản lượng và phẩm chất rừng nước ta đã giảm sút khá nhanh. So với năm 1945, rừng đã mất đi gần 5 triệu héc-ta. Trong 9 triệu héc-ta rừng còn lại chỉ còn hơn 3 triệu héc-ta có trữ lượng giàu và trung bình, nhưng phần lớn lại nằm trên những địa bàn hiểm trở, độ dốc cao, việc khai thác, vận chuyển gặp rất nhiều khó khăn.

Tài nguyên rừng bị giảm sút nhiều như vậy, không những làm cho khả năng cung cấp lâm sản bị hạn chế, mà năng lực phòng hộ của rừng như giữ đất, giữ nước, phòng và chống lũ lụt, hạn hán... cũng giảm sút đến mức đáng lo ngại. Tỷ lệ che phủ của rừng cả nước chỉ còn 29%, ở miền Bắc còn 24%. Đặc biệt các tỉnh có vị trí phòng hộ đầu nguồn rất quan trọng thì tỷ lệ che phủ của rừng lại quá thấp. Ví dụ tỷ lệ che phủ của rừng ở Lai-châu chỉ còn 8,9%, Sơn-la 11,2%, Hà-tuyên 22,8%, Cao-lạng 19,5%, Thanh-hóa 23%, Thuận-hải 22,6%, Đồng-nai 11,2%, v.v... Sản lượng gỗ và các loại lâm sản khác hằng năm không tăng hoặc tăng rất chậm, trong khi đó nhu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế và đời sống nhân dân đối với hàng hóa lâm sản ngày một tăng nhanh.

Theo quy hoạch bước đầu, Nhà nước ta sẽ dành khoảng 15 triệu héc-ta rừng và đất rừng, bằng gần một nửa diện tích đất đai cả nước, để kinh doanh lâm nghiệp. Nếu kinh doanh, sử dụng hợp lý và phát huy tiềm lực của rừng, đất rừng trên diện tích đã quy hoạch, thì sẽ tạo ra nguồn nguyên liệu lớn để cung cấp cho nhu cầu sản xuất trong nước và xuất khẩu. Và làm được như vậy, ngành kinh tế rừng mới có thể đóng góp phần xứng đáng hơn vào sự phát triển chung của nền kinh tế quốc dân, mới sớm trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng.

Hiện nay cả nước ta mới khai thác từ 1,8 đến 2 triệu m^3 gỗ/năm, nhưng nếu xây dựng tốt 15 triệu héc-ta rừng theo hướng tập trung, chuyên canh, thâm canh, tiến lên sản xuất lớn, thì cứ mỗi héc-ta rừng ít nhất chúng ta cũng huy động được từ 3 đến 4m^3 gỗ, kể cả củi, tre, nứa quy ra gỗ. Và như thế thì hằng năm chúng ta có thể khai thác từ 30 đến 40 triệu m^3 gỗ, và một khối lượng lớn đặc sản, dược thảo, động vật rừng, và các sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt. Mặt khác, với việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp chế biến lâm sản, đặc sản, chúng ta còn có khả năng tăng khối lượng sản phẩm hàng hóa lâm sản nhằm đáp ứng nhu cầu phong phú của đời sống xã hội.

Tiềm năng rừng nhiệt đới với những sản phẩm phong phú, đa dạng và độc đáo, là *một trong những thế mạnh của nước ta*. Nó cho phép chúng ta tạo ra được nguồn hàng hóa lâm sản xuất khẩu dồi dào, làm cho sản phẩm rừng nhiệt đới có vị trí mũi nhọn trong công tác xuất khẩu, để nhập khẩu máy móc trang bị cho các ngành kinh tế quốc dân, trong đó có cả ngành lâm nghiệp. Việc khai thác và phát huy mạnh mẽ tiềm năng lớn này của đất nước nhằm phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế chung của cả nước đòi hỏi nhiều cố gắng của ngành lâm nghiệp.

Rừng có chức năng phòng hộ và bảo vệ môi trường sống. Vì vậy chúng ta phải ra sức bảo vệ rừng tự nhiên hiện có, tái sinh và trồng rừng mới trên hàng triệu héc-ta đất trống và đồi trọc để sớm tạo ra một tỷ lệ che phủ phù hợp với đặc điểm địa hình đất đai, thời tiết nước ta và phân bố hợp lý

Digitized by Google

giữa các vùng, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do bão, lũ, gió mùa, cát bay, nắng hạn gây ra, bảo đảm ổn định nguồn nước cho các công trình thủy lợi, thủy điện, độ ẩm cho các cây nông nghiệp trồng cạn và khôi phục lại độ phì cho hàng triệu héc-ta đất đã bị xói mòn nghiêm trọng. Thực tiễn ngày càng khẳng định rừng có vị trí và tác dụng rất lớn đối với nông nghiệp; và để đạt các mục tiêu lớn trong sản xuất nông nghiệp không thể không coi trọng việc bảo vệ rừng đầu nguồn, cũng như trồng nhanh các hệ thống rừng bảo vệ đồng ruộng.

Đặc điểm nổi bật của rừng nước ta là phân bố không đều và phần lớn tập trung ở miền núi và vùng núi cao; ở đây *rừng gắn liền với đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số*. Phát triển lâm nghiệp sẽ tác động rất lớn đến sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật và kết cấu kinh tế hạ tầng, cũng như đời sống văn hóa xã hội của nông thôn miền núi. Vì vậy việc phát triển lâm nghiệp có quan hệ với việc đưa miền núi từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với cơ cấu kinh tế lâm — nông — công nghiệp, tạo điều kiện đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

Phát triển mạnh lâm nghiệp còn là *yêu cầu lớn của quốc phòng* nói chung, cũng như của việc bảo đảm an ninh biên giới nói riêng.

Đời sống xã hội không chỉ dừng lại ở các nhu cầu ăn, mặc, ở, học hành... mà ngày càng đề ra những yêu cầu rất lớn về tham quan, du lịch, nghỉ ngơi, giải trí, điều dưỡng tinh thần... Do đó nghề rừng phải sớm tạo ra được hệ thống *rừng văn hóa, rừng bảo vệ thiên nhiên và các vành đai cây xanh chống ô nhiễm môi trường* để đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.

II

Tài nguyên rừng nhiệt đới của ta rất phong phú, khả năng khai thác và chế biến nguồn lâm sản còn lớn, điều kiện thiên nhiên căn bản thuận lợi cho cây rừng phát triển, sức lao động của cả nước ta rất dồi dào, đường lối phát triển kinh tế của Đảng ta ngày càng được cụ thể hóa — đó là những thuận lợi cơ bản để đưa nghề rừng tiến nhanh, tiến mạnh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, sớm xây dựng nghề rừng trở thành một ngành kinh tế quan trọng. Vấn đề đặt ra là trên cơ sở đường lối của Đảng, cần suy nghĩ sáng tạo để có được phương hướng, bước đi cụ thể, vững chắc, nhằm đạt được những mục tiêu trước mắt, đồng thời tạo tiền đề cho bước phát triển lâu dài trong tương lai.

Một trong những khó khăn lâu nay làm hạn chế nhịp độ phát triển của nghề rừng, là thiếu lương thực, thiếu máy móc thiết bị — hay nói cách khác, cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất lâm nghiệp còn quá nghèo nàn. Bên cạnh đó, chúng ta lại chưa huy động được một lực lượng lao động tương xứng để phát triển mạnh kinh tế rừng.

Điều quan trọng đầu tiên là cần quán triệt và vận dụng đúng đắn phương hướng kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với lâm nghiệp như Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) đã chỉ rõ là: «kết hợp chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp và công nghiệp chế biến ngay trong từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường, trên từng huyện, từng vùng ở miền núi, trung du và bờ biển». Có thực hiện phương hướng kết hợp này thì

Digitized by Google

rừng mới được bảo vệ và phát triển tốt; nông nghiệp mới được phát triển mạnh mẽ và ổn định. Bởi vì một lẽ rất đơn giản là muốn sản xuất nông nghiệp có năng suất cao thì phải bảo đảm nguồn nước và độ ẩm cho nó. Rừng chính là nơi giữ nguồn nước và tạo ra độ ẩm cho nông nghiệp, là «người vệ sĩ bảo vệ đồng ruộng». Diện tích rừng bị thu hẹp làm cho nguồn nước bị khô cạn, ảnh hưởng đến nhiều mặt sản xuất và đời sống của nhân dân. Lâm nghiệp muốn phát triển nhanh phải dựa trên cơ sở nông nghiệp được đẩy mạnh và được tổ chức lại, vì có như thế thì mới có đủ lương thực, thực phẩm và có nhiều lao động rút từ nông nghiệp ra để cung cấp cho lâm nghiệp. Chính vì chưa kết hợp chặt chẽ hai mặt sản xuất này cho nên đã xảy ra những hiện tượng tiêu cực khiến cho nông nghiệp khó phát triển ổn định, mà lâm nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn.

Chúng ta biết rằng lâm nghiệp là một trong những ngành có khả năng sản xuất nhiều mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao. Vì vậy, phát huy cao độ mọi tiềm năng rừng nhiệt đới phục vụ xuất khẩu là một trong những nhiệm vụ cấp bách trước mắt, và cũng là một nhiệm vụ lâu dài của nghề rừng nhiệt đới nước ta. Đây còn là con đường cho phép ta tạo được điều kiện cần thiết để phát triển nhanh, mạnh nghề rừng theo tinh thần «lấy rừng để phát triển rừng».

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nhấn mạnh rằng trong kinh doanh rừng phải coi trọng cả ba mặt: *bảo vệ và tu bổ rừng, trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản.* Phương hướng và bước đi trong kinh doanh sản xuất lâm nghiệp là:

1 – Bảo vệ kết hợp với tái sinh và nuôi dưỡng tốt rừng tự nhiên hiện còn là phương hướng cơ bản nhất; đầu tư cho việc thực hiện nhiệm vụ này là phương hướng đầu tư có hiệu quả kinh tế cao nhất.

Rừng tự nhiên tuy còn không nhiều nhưng là vốn rất quý, là nguồn cung cấp gỗ, củi, lâm sản, đặc sản chủ yếu hiện nay và lâu dài về sau nữa. Đặc biệt đối với xuất khẩu, cơ sở rừng tự nhiên nhiệt đới còn đang có vai trò rất quan trọng. Có thể nói chúng ta không thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và xuất khẩu lâm sản, nếu diện tích rừng tự nhiên cứ tiếp tục giảm đi, kéo theo việc giảm và mất đi những ưu thế của rừng nhiệt đới, những đặc sản, dược thảo quý, những muông thú hiếm, mà chúng ta rất khó thành công trong gây trồng, hồi phục.

Tài liệu điều tra ở một số khu rừng tự nhiên cho thấy: lượng tăng trưởng của rừng tái sinh tự nhiên tuy thấp, nhưng vẫn đạt khoảng 3 đến 4m^3/ha/năm; nếu được bảo vệ, tu bổ, chăm sóc tốt thì lượng tăng trưởng có thể cao hơn. Những rừng nghèo, trữ lượng thấp, nếu được khoanh nuôi bảo vệ, kết hợp với chăm sóc, tu bổ thì sau một thời gian có khả năng phát triển thành rừng tốt, việc đầu tư lại thấp hơn nhiều so với trồng rừng mới.

Do yêu cầu khai hoang mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp, đương nhiên cần chuyển một số diện tích rừng nào đó thành diện tích nông nghiệp. Tuy nhiên, trên quan điểm đúng đắn kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp, chúng ta không thể khai hoang trên đất rừng một cách tùy tiện, mà phải có sự tính toán khoa học, có quy hoạch hợp lý và toàn diện. Khai hoang mở rộng diện tích canh tác phải đi liền với biện pháp bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo đảm cân bằng sinh thái chung cũng như bảo vệ được đất, cung cấp được nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp. Rừng vốn là quần thể cây công nghiệp – nhiều nơi lại là những loại cây công

Digitized by Google

nghiệp có nhiều tác dụng, cho nên cần cân nhắc kỹ trước khi phá cây công nghiệp sẵn có này để làm một loại cây công nghiệp khác, cũng như không nên phá thêm rừng khi diện tích đất hoang, đồi trọc chưa được sử dụng hết và diện tích nông nghiệp sẵn có chưa được thâm canh.

Rừng trải rộng trên hàng 15 — 16 triệu héc-ta trong khi lực lượng kiểm lâm nhân dân là lực lượng nòng cốt bảo vệ rừng rất nhỏ bé, do đó phải tập trung lực lượng bảo vệ trên những địa bàn trọng yếu, nơi tài nguyên còn giàu, ở đó có nguy cơ bị phá hoại. Đồng thời phải tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân các dân tộc sinh sống gần rừng về tầm quan trọng và lợi ích thiết thực của công tác bảo vệ rừng, nhanh chóng tổ chức và xây dựng lực lượng quần chúng bảo vệ rừng ở mỗi tiểu khu rừng, thực hiện phương châm « ở đâu có rừng, ở đó có lực lượng nhân dân trông nom bảo vệ ».

Trước mắt, cần tập trung sức bảo vệ tốt các vùng trọng điểm tài nguyên rừng ở Tây-nguyên và các vùng dễ phát sinh nạn cháy rừng như ở Minh-hải và các tỉnh duyên hải miền Trung.

2 — Phủ xanh diện tích đất trống, đồi trọc bằng nhiều hình thức và biện pháp tái sinh, thực hiện thâm canh rừng trên những vùng trọng điểm.

Trong điều kiện diện tích rừng, đất rừng bình quân đầu người thấp, lực lượng lao động dồi dào, chúng ta lại có ưu thế thiên nhiên nhiệt đới và cơ sở vật chất — kỹ thuật của nền kinh tế ngày một tăng lên, khả năng thực hiện phương hướng thâm canh rừng, kinh doanh toàn diện, lợi dụng tổng hợp và « làm rừng như làm vườn », là một khả năng thực tế. Tuy nhiên, do cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ tạo rừng đến nay còn quá yếu, khả năng đầu tư về lương thực, vật tư, thiết bị kỹ thuật của Nhà nước vào nghề rừng còn có hạn, trong việc trồng rừng những năm trước mắt, chúng ta chưa thể thực hiện được thâm canh trên toàn bộ diện tích, mà chỉ có thể kết hợp việc thâm canh có trọng điểm với việc phủ nhanh trên diện tích đất trống, đồi trọc một thảm thực vật rừng bằng nhiều biện pháp tái sinh, ít tốn kém.

Trên những diện tích rừng trồng tập trung theo quy hoạch phục vụ cho công nghiệp giấy, sợi, gỗ dán, gỗ lạng, diêm, chỉ, trụ mỏ và những cây đặc sản như cây chủ cánh kiến, quế, hồi, thông nhựa, dược thảo, v.v... phải thực hiện các biện pháp thâm canh ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tạo rừng, để bảo đảm cung cấp ổn định về số lượng, với chất lượng sản phẩm ngày càng cao cho các nhu cầu công nghiệp và xuất khẩu.

Những vùng đất cát ven biển, vùng ngập mặn, vùng đồi trọc miền trung du chạy dọc từ Bắc đến Nam, là những nơi có nguồn lao động lớn, giao thông thuận lợi thì việc trồng rừng ở đây cần theo hướng thâm canh và hoàn thành nhanh trong một thời gian ngắn.

Đi đôi với việc trồng rừng theo hướng thâm canh, chúng ta phải phát huy mọi khả năng về lao động, áp dụng kinh nghiệm của nhân dân và tận dụng những điều kiện sẵn có khác của địa phương kết hợp với sự giúp đỡ của Nhà nước để đẩy mạnh việc tái sinh rừng bằng khoanh nuôi rừng, trồng kết hợp với khoanh nuôi, trồng những cây mọc nhanh ở những vùng cao, vùng chưa có khả năng mở mang ngay để bảo đảm yêu cầu phòng hộ và cung cấp gỗ, củi tại địa phương. Mặt khác, lại phải tích cực tạo cơ sở vật chất — kỹ thuật, mở mang đường sá và chuẩn bị những điều kiện cần thiết khác để tiếp thu những lực lượng lao động mới đi vào cải tạo rừng nghèo kiệt và trồng rừng theo hướng thâm canh tập trung quy mô lớn trong những năm tiếp theo nhằm phục vụ đắc lực cho yêu cầu ngày

Digitized by Google

càng lớn của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Phong trào trồng cây phân tán trong nhân dân phải được tiếp tục đẩy mạnh khắp mọi nơi từ trung du, đồng bằng đến vùng ven biển nhằm sử dụng hợp lý mọi khả năng đất đai và sức lao động, phục vụ cho yêu cầu phòng hộ, tạo phong cảnh đẹp và cung cấp gỗ, củi, hoa quả, đặc sản cho nhân dân; đó cũng là biện pháp tích cực để tạo ra một phần nguyên liệu tại chỗ cho việc phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp của địa phương. Lúc còn sống, Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta luôn luôn quan tâm và khuyến khích phát triển phong trào trồng cây, gây rừng. Bởi vậy ở đâu còn có đất đai có khả năng để trồng cây, gây rừng thì phải tổ chức mọi lực lượng lao động có thể sử dụng được để gây trồng một cách rộng rãi và có kết quả. Vấn đề quan trọng là phải có quy hoạch, có hướng dẫn, có chuẩn bị đủ nguồn hạt giống và cây con. Khi trồng, cần bảo đảm trồng nhanh, nhiều và sống tốt, tuyệt đối tránh phô trương hình thức, gây lãng phí công sức và tiền của của nhân dân.

3 — Đẩy mạnh khai thác hợp lý trên cơ sở tái sinh và mở rộng tài nguyên rừng; tăng nhanh năng lực chế biến để sử dụng hợp lý, có hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên rừng.

Việc cung cấp lâm sản cho sự nghiệp phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân và tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu đòi hỏi phải đẩy mạnh khai thác rừng. Nhưng việc khai thác phải bảo đảm yêu cầu tái sinh và tái sản xuất mở rộng tài nguyên. Vì vậy đối với những khu rừng đã khai thác kiệt phải kiên quyết đóng cửa rừng để tu bổ, nuôi dưỡng, và đẩy mạnh khai thác ở những khu rừng còn trữ lượng lớn. Mặt khác lại phải chú trọng tận dụng sản phẩm trung gian trên diện tích rừng trồng và tăng nhanh năng lực chế biến, bảo quản, nhất là đẩy mạnh việc sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván sợi, ván dăm, ván tre nứa ép, v.v... để tăng sản lượng, tăng giá trị kinh tế và giá trị sử dụng của các loại gỗ và tre nứa; đó là phương hướng lâu dài cần quán triệt trong khai thác và chế biến lâm sản.

Rừng tự nhiên của ta không phải chỉ có gỗ mà còn có tre, nứa, những đặc sản và dược thảo khác, cho nên trong khai thác rừng không những phải bảo đảm quy trình kỹ thuật đối với khai thác gỗ, mà còn phải chú trọng bảo đảm quy trình khai thác các lâm sản khác. Trong khai thác rừng phải thực hiện nghiêm ngặt quy trình bảo đảm tái sinh; quyết không vì khai thác lấy được nhiều sản phẩm mà làm ảnh hưởng đến sự nuôi dưỡng và phát triển của rừng. Một vấn đề cấp bách đặt ra nữa là phải triệt để sử dụng mọi nguồn lâm sản có thể sử dụng được, kể cả gỗ cành, ngọn, gỗ nhỏ và tre, nứa. Hiện nay tỷ lệ sử dụng gỗ so với cây đứng còn quá thấp (mới đạt khoảng 30%), đó là sự lãng phí rất lớn. Gỗ cành, ngọn, thậm chí gỗ thân còn bỏ lại trong rừng quá lớn, do đó phải có chính sách và biện pháp nhằm đưa ra khỏi rừng để sử dụng. Đồng thời cần đẩy mạnh công nghiệp chế biến lâm sản (bao gồm chế biến cơ lý và chế biến hóa học gỗ và lâm sản, đặc sản) để nâng cao dần tỷ lệ sử dụng gỗ. Chỉ cần nâng tỷ lệ sử dụng gỗ lên 50 — 60% so với cây đứng, thì chúng ta đã có thể tăng gấp đôi sản phẩm gỗ hàng hóa hiện có, mà không phải chặt thêm vào rừng mới. Có thể nói trình độ chế biến lâm sản lạc hậu của ta hiện nay là một nguyên nhân chủ yếu của tình trạng sử dụng quá lãng phí tài nguyên rừng, và chưa phát huy được tốt hiệu quả kinh tế của nghề rừng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Đẩy mạnh chế biến, sử dụng gỗ với hiệu suất cao, chất lượng hàng

Digitized by Google

hóa tốt, đồng thời ra sức tiết kiệm trong tiêu dùng lâm sản, dành mọi nguồn lâm sản có giá trị cho xuất khẩu, là con đường tất yếu để tăng nhanh năng lực xuất khẩu sản phẩm rừng nhiệt đới. Có thực hiện xuất khẩu lâm sản đã qua chế biến, mới nâng cao được giá trị hàng hóa xuất khẩu, hạn chế dần việc xuất khẩu sản phẩm nguyên dạng.

4 – Thực hiện phương châm kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp ngay trong mỗi đơn vị hợp tác xã, mỗi lâm trường, nông trường và trên mỗi địa bàn sản xuất.

Thực hiện phương châm này có nghĩa là trên lâm phận đã được xác định quyền quản lý kinh doanh, các lâm trường và hợp tác xã cần tận dụng mọi khả năng đất đai để phát triển trồng trọt, chăn nuôi, tạo hồ nuôi cá nhằm sản xuất ra lương thực, thực phẩm. Làm được như vậy ngành lâm nghiệp sẽ góp phần tích cực cùng cả nước giải quyết tốt vấn đề ăn như Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng đã đề ra, đồng thời sử dụng hợp lý mọi lực lượng lao động của lâm trường và hợp tác xã để mở rộng các mặt sản xuất kinh doanh, trước hết nhằm cung cấp trực tiếp lương thực, thực phẩm cho lao động nghề rừng. Trong 15 triệu héc-ta rừng và đất rừng hiện có, ngành lâm nghiệp chỉ cần sử dụng 1 triệu héc-ta để sản xuất lương thực, thực phẩm thì hằng năm đã có thể góp phần đáng kể vào việc giải quyết vấn đề ăn cho nhân dân ta. Ngược lại, trên diện tích đất đai do các nông trường và hợp tác xã đảm nhận kinh doanh đều có một phần diện tích rừng và đất lâm nghiệp, do đó cần kết hợp với việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất chính mà trồng rừng, bảo vệ, chăm sóc, tu bổ rừng.

Nhiệm vụ kết hợp sản xuất lương thực, thực phẩm của các cơ sở lâm nghiệp cũng như nhiệm vụ trồng rừng, tu bổ rừng của các cơ sở nông nghiệp đều phải được kế hoạch hóa; Nhà nước giao chỉ tiêu cụ thể và có chính sách đầu tư thích đáng đối với các lâm trường, nông trường và hợp tác xã, ngược lại các cơ sở sản xuất này phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp và bán sản phẩm cho Nhà nước để Nhà nước phân phối lại theo chính sách chung.

III

Muốn phát triển nhanh ngành kinh tế rừng, làm cho nó sớm trở thành ngành kinh tế quan trọng, chúng ta phải tổ chức lại sản xuất lâm nghiệp trong phạm vi cả nước, trên địa bàn huyện và trong từng đơn vị kinh tế cơ sở; tăng cường xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ sự nghiệp cải tạo và xây dựng lại 15 triệu héc-ta rừng theo yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây chính là mục tiêu phấn đấu và là trung tâm hoạt động của ngành kinh tế rừng. Vì vậy, tổ chức lại sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của ngành kinh tế rừng không chỉ nhằm tạo ra một năng suất lao động mới trong mọi khâu sản xuất của nghề rừng, *mà trước hết và chủ yếu là nhằm tạo ra một năng suất rừng mới trên cơ sở phát huy đến mức cao nhất tiềm năng to lớn về tài nguyên rừng và ưu thế thiên nhiên nhiệt đới Việt-nam.*

Từ đó, chúng ta phải tập trung sức giải quyết những vấn đề chủ yếu sau đây – những vấn đề mà chúng tôi coi là những công tác và biện pháp cấp bách, trước mắt

Digitized by Google

— Cần sớm có một lâm phận ổn định để làm cơ sở cho việc tổ chức lại sản xuất, xây dựng một hệ thống các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phương hướng sản xuất ổn định lâu dài.

Trên cơ sở quy hoạch phân phối đất đai toàn quốc và từng tỉnh, cần xúc tiến nhanh quy hoạch nông — lâm nghiệp và quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn huyện, từ đó quy hoạch và thiết kế lâm trường, quy hoạch giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý và kinh doanh.

Tùy theo đặc điểm tài nguyên, mật độ dân cư, tập quán và kinh nghiệm sản xuất, điều kiện giao thông vận tải trên từng loại huyện hoặc từng huyện để định rõ phương hướng sản xuất, loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh cho phù hợp. Nói chung cơ cấu tổ chức sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn huyện bao gồm cả thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể, trong đó chủ yếu là các lâm trường, xí nghiệp lâm nghiệp và các hợp tác xã lâm — nông nghiệp hoặc nông — lâm nghiệp do huyện trực tiếp quản lý. Cần tiến tới chuyển giao các lâm trường của tỉnh về cho huyện trực tiếp quản lý và xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế lâm — nông — công nghiệp hoặc nông — lâm — công nghiệp.

Trên những vùng có tài nguyên rừng tập trung, đòi hỏi đầu tư lớn và trình độ quản lý kinh doanh cao sẽ xây dựng các khu kinh tế lâm nghiệp lớn do trung ương hoặc tỉnh quản lý. Trên các khu kinh tế lâm nghiệp này, ngoài các cơ sở quốc doanh ra, các hợp tác xã cũng được giao nhiệm vụ sản xuất các sản phẩm đồng nhất đã được ghi trong kế hoạch chung của vùng kinh tế lâm nghiệp tập trung. Các đơn vị kinh tế lâm nghiệp do trung ương, tỉnh hoặc huyện quản lý, đều phải tiến hành quản lý và kinh doanh theo phương hướng và chính sách chung của Nhà nước, và phải phát huy đến mức cao nhất mọi giá trị tài nguyên rừng và đất rừng nhiệt đới.

Cả nước ta hiện nay còn gần 2 triệu đồng bào các dân tộc thiểu số chuyên sống bằng nương rẫy nằm rải rác trên địa bàn hơn 100 huyện với diện tích gần 8 triệu héc-ta rừng, và gần 4 triệu đồng bào vùng núi sống một phần bằng nương rẫy. Đây là một vấn đề gây nhiều khó khăn lớn cho công tác quản lý bảo vệ rừng. Bởi vậy cần đẩy mạnh cuộc vận động định canh, định cư đối với số đồng bào này để chấm dứt tệ đốt rừng làm nương rẫy và chuyển họ thành lực lượng trồng rừng, bảo vệ rừng và sản xuất nông nghiệp. Ở những nơi mà sản xuất nông nghiệp không bảo đảm được đời sống, thì thu hút đồng bào vào các lâm trường quốc doanh hoặc các hợp tác xã lâm nghiệp.

Chỉ có chuyển được gần 2 triệu đồng bào chuyên sống bằng nương rẫy, thành lực lượng sản xuất lâm — nông nghiệp theo phương hướng sản xuất ổn định và tích cực thâm canh trên diện tích đất nông nghiệp ở vùng núi để tăng nhanh sản lượng lương thực, tiến tới có nhiều vùng tự giải quyết được yêu cầu về lương thực, thì chúng ta mới có điều kiện thực hiện được nhiệm vụ quản lý kinh doanh rừng.

— Cần có một lực lượng lao động ổn định đủ bảo đảm thực hiện được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của ngành kinh tế rừng.

Cùng với việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch và chính sách của Nhà nước, và thu hút phần lớn lực lượng lao động từ du canh, du cư thành lực lượng sản xuất lâm — nông nghiệp ổn định, Nhà nước tổ chức các lâm trường, các khu kinh tế lâm nghiệp tập trung nhằm quản lý kinh doanh tốt mọi diện tích rừng và đất rừng. Để làm việc này, chúng ta cần dựa vào lực lượng Quân đội

Digitized by Google

nhân dân vừa làm kinh tế, vừa chuẩn bị sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, là một lực lượng có tiềm năng to lớn. Mặt khác lại phải tích cực đưa lực lượng lao động từ miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế ở miền núi, trong đó có việc phát triển lâm nghiệp. Đảng ta đã chỉ rõ đất đai và sức lao động là hai nguồn vốn quý của nước ta và phải dựa vào hai nguồn vốn quý đó để xây dựng lại và làm giàu cho Tổ quốc. Nhưng trên thực tế khi nói đến đất nhiều người thường chỉ nghĩ đến đất nông nghiệp; còn nói đến xây dựng vùng kinh tế mới thì cũng chỉ nghĩ đến sản xuất nông nghiệp mà ít nghĩ đến kinh tế rừng. Đó là những thiên hướng sai lệch cần sửa chữa. Cần nhận rõ rằng, có điều động mạnh mẽ lực lượng lao động đi phát triển nghề rừng, chúng ta mới thúc đẩy nhanh việc phân công và phân bố lại lao động xã hội một cách hợp lý theo phương hướng bố trí lại dân cư trên từng địa bàn chiến lược trong cả nước. Đương nhiên để bảo đảm có một lực lượng lao động đông đảo và ổn định cho nghề rừng, Nhà nước cần sớm bổ sung một số chính sách nhằm khuyến khích việc thu hút lao động vào nghề rừng, trong đó có việc đầu tư để phát triển giao thông, thủy lợi và xây dựng các thị trấn lâm nghiệp ở miền núi, là những vấn đề có tác dụng lớn về nhiều mặt.

— Tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật của ngành kinh tế rừng.

Tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật cho các mặt sản xuất (trồng rừng, khai thác rừng, chế biến lâm sản), cho công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ cũng như để bảo đảm những nhu cầu cần thiết cho đời sống của những người lao động nghề rừng là một biện pháp rất quan trọng cần được chú ý đúng mức. Trước hết cần mở rộng hệ thống đường và tăng nhanh phương tiện vận tải lâm nghiệp. Đường đối với lâm nghiệp cũng như thủy lợi đối với nông nghiệp. Ở nước ta hiện nay, phát triển mạng lưới đường làm nghiệp không chỉ phục vụ cho việc mở mang lâm nghiệp, mà còn tạo điều kiện cơ bản để phục vụ dân sinh, kinh tế và quốc phòng trên vùng rừng núi.

Muốn trồng rừng nhanh, nhiều và tốt không thể không chuẩn bị và bắt tay xây dựng ngay hệ thống rừng giống, vườn giống và hệ thống vườn ươm sản xuất cây con để bảo đảm có đủ số lượng cây trồng và những cây trồng đúng quy cách phẩm chất. Hệ thống vườn ươm tạo cây con cần được bố trí hợp lý trên các địa bàn trồng rừng của cả nước và phát huy được những thành tựu nghiên cứu và sản xuất trong những năm qua.

— Giải quyết sớm và dứt điểm vấn đề phân công giữa lâm nghiệp và các ngành khác, phân cấp quản lý lâm nghiệp giữa trung ương và địa phương theo hướng kết hợp quản lý thống nhất theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

Cải tiến quản lý kinh tế nói chung và cải tiến kế hoạch hóa nói riêng là một trong những vấn đề đang được Nhà nước ta quan tâm giải quyết. Là một ngành kinh tế có chức năng « đa dạng », có nhiều lĩnh vực sản xuất khác nhau và liên quan đến nhiều ngành khác, ngành lâm nghiệp phải có sự hợp tác xã hội chủ nghĩa với nhiều ngành mới có thể làm tốt được nhiệm vụ của mình. Vấn đề này nói thì dễ nhưng trong thực tiễn lại có nhiều điều vướng mắc. Bởi vậy ngoài việc đề cao tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa các ngành với nhau, Nhà nước cần có sự phân công hợp lý, cụ thể giữa ngành lâm nghiệp và các ngành khác trên nhiều vấn đề về danh mục sản phẩm, về xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, [illegible] nghiệp có cơ sở cải tiến kế hoạch hóa và đi sâu vào thương mại kinh tế — kỹ thuật, thực hiện tích cực sự chuyên môn hóa theo ngành.

Digitized by Google

việc xây dựng huyện. Phải làm mạnh và liên tục trong suốt quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ II của Trung ương Đảng. Phải lắng nghe ý kiến của quần chúng để đánh giá cho đúng những hiện tượng lạm quyền, gây phiền hà cho nhân dân ở cơ sở và đặt kế hoạch khắc phục những thiếu sót đó từ trong Đảng ra ngoài. Phát động lên rồi, chúng ta phải có chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ. Phải làm liên tục sáu tháng, một năm, hai năm để thanh toán những cái sai, đặt cơ sở cho những cái đúng bắt rễ vào phong trào quần chúng, làm cho quần chúng thật sự phấn khởi sản xuất và hăng hái tham gia mọi hoạt động cách mạng. Phải đạt được yêu cầu củng cố và tăng thêm sức chiến đấu cho đảng bộ và chính quyền cơ sở, xây dựng được các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông hội vững mạnh, đặng phát huy vai trò làm chủ của nhân dân lao động về chính trị cũng như về các mặt khác.

★

Nhân dân ta đánh thắng đế quốc Mỹ, là nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng, nhờ nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn. Lòng yêu nước đó bắt nguồn từ tinh thần cộng đồng xã hội đã có từ thời kỳ Hùng Vương dựng nước và tiếp tục phát triển mãi lên trong quá trình chiến đấu chống ngoại xâm vô cùng oanh liệt của dân tộc ta, mà tiêu biểu nhất là việc ta đánh thắng quân Nguyên ở thế kỷ XIII và vừa qua, đánh thắng đế quốc Mỹ.

Mỗi dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội với đặc điểm của mình. Nhân dân ta đi vào chủ nghĩa xã hội với truyền thống anh hùng, bất khuất, tự lực tự cường từ nghìn xưa, với truyền thống «nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng». Chúng ta muốn qua phong trào cách mạng của quần chúng tạo ra trong xã hội ta một cuộc sống đẹp, trong đó người với người đối xử với nhau có tình, có nghĩa, biết thương yêu, đoàn kết lẫn nhau. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta chủ trương thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đảng ta nói rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, quyền làm chủ của nhân dân và chức năng quản lý của Nhà nước, cơ quan quyền lực thể hiện sự lãnh đạo của Đảng và sự làm chủ của dân. Dự thảo Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam sẽ ghi rõ những điều ấy.

Đảng ta là một đảng vĩ đại. Chúng ta kiên quyết đấu tranh để giữ gìn sự trong sạch của Đảng, ngăn ngừa tình trạng đảng viên chuyên quyền. Chúng ta biết rằng xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một việc khó. Nhưng dù khó đến đâu, chúng ta cũng phải làm cho kỳ được, bởi vì chỉ có làm cho

(Xem tiếp trang 29)

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN MẠNH NGHỀ RỪNG

HOÀNG-VĂN-KIỀU

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã xác định: « Nghề rừng cần được phát triển mạnh theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa để trở thành một ngành kinh tế quan trọng ». Cụ thể hóa một bước Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương (khóa IV) đã chỉ rõ: nghề rừng phải trực tiếp góp phần giải quyết những nhu cầu về xây dựng cơ bản, về ăn, mặc, ở, hàng tiêu dùng của nhân dân và tăng sản phẩm hàng hóa xuất khẩu. Trong thời gian kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 — 1980) cả nước phải trồng mới 1.2 triệu héc-ta rừng và khai thác đạt sản lượng 3,5 triệu m^3 gỗ hàng hóa trong năm 1980

Trên cơ sở quán triệt đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần nhận rõ vị trí của nghề rừng, phát huy cao độ năng lực tiềm tàng về tài nguyên rừng, đất rừng và những nhân tố thuận lợi khác, đồng thời khắc phục khó khăn, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong nghề rừng nhằm tạo nên những bước chuyển biến mới quan trọng trên các lĩnh vực sản xuất, tổ chức và quản lý lâm nghiệp, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

I

Rừng nước ta rất phong phú về thực vật và động vật rừng. Ngoài những loại gỗ quý, rừng của ta còn có nhiều dặc sản và dược thảo có giá trị kinh tế cao như: cánh kiến đỏ, quế, hồi, thông nhựa, ba kích, tam thất, sa nhân, hà thủ ô, dẳng sâm... và hàng trăm loài cho tinh dầu, chất béo và chất bột khác. Động vật (thú, chim) gồm hàng trăm họ, trong đó có nhiều loài mà thế giới ngày nay coi là hiếm như: bò tót, hổ, báo, vượn, cầy bay, sóc bay, đại bàng, công, trĩ, gà lôi, v.v...

Trong suốt mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc ta, rừng luôn luôn phát huy tác dụng to lớn, toàn diện trên nhiều mặt. Mấy chục năm qua rừng và nghề rừng đã góp phần phục vụ tích cực cho sự nghiệp kháng chiến cứu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và ngày nay đang góp phần quan trọng vào công cuộc khôi

Digitized by Google

phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.

Nhưng đến nay, do hậu quả của chính sách khai thác thuộc địa của đế quốc thực dân, do tệ đốt rừng làm nương rẫy, do khai hoang thiếu quy hoạch, khai thác không đi liền với tái sinh và nuôi dưỡng, lại thêm công tác quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng và tu bổ rừng chậm được chú ý cho nên diện tích, trữ lượng, sản lượng và phẩm chất rừng nước ta đã giảm sút khá nhanh. So với năm 1945, rừng đã mất đi gần 5 triệu héc-ta. Trong 9 triệu héc-ta rừng còn lại chỉ còn hơn 3 triệu héc-ta có trữ lượng giàu và trung bình, nhưng phần lớn lại nằm trên những địa bàn hiểm trở, độ dốc cao, việc khai thác, vận chuyển gặp rất nhiều khó khăn.

Tài nguyên rừng bị giảm sút nhiều như vậy, không những làm cho khả năng cung cấp lâm sản bị hạn chế, mà năng lực phòng hộ của rừng như giữ đất, giữ nước, phòng và chống lũ lụt, hạn hán... cũng giảm sút đến mức đáng lo ngại. Tỷ lệ che phủ của rừng cả nước chỉ còn 29%, ở miền Bắc còn 24%. Đặc biệt các tỉnh có vị trí phòng hộ đầu nguồn rất quan trọng thì tỷ lệ che phủ của rừng lại quá thấp. Ví dụ tỷ lệ che phủ của rừng ở Lai-châu chỉ còn 8,9%, Sơn-la 11,2%, Hà-tuyên 22,8%, Cao-lạng 19,5%, Thanh-hóa 23%, Thuận-hải 22,6%, Đồng-nai 11,2%, v.v... Sản lượng gỗ và các loại lâm sản khác hằng năm không tăng hoặc tăng rất chậm, trong khi đó nhu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế và đời sống nhân dân đối với hàng hóa lâm sản ngày một tăng nhanh.

Theo quy hoạch bước đầu, Nhà nước ta sẽ dành khoảng 15 triệu héc-ta rừng và đất rừng, bằng gần một nửa diện tích đất đai cả nước, để kinh doanh lâm nghiệp. Nếu kinh doanh, sử dụng hợp lý và phát huy tiềm lực của rừng, đất rừng trên diện tích đã quy hoạch, thì sẽ tạo ra nguồn nguyên liệu lớn để cung cấp cho nhu cầu sản xuất trong nước và xuất khẩu. Và làm được như vậy, ngành kinh tế rừng mới có thể đóng góp phần xứng đáng hơn vào sự phát triển chung của nền kinh tế quốc dân, mới sớm trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng.

Hiện nay cả nước ta mới khai thác từ 1,8 đến 2 triệu m^3 gỗ/năm, nhưng nếu xây dựng tốt 15 triệu héc-ta rừng theo hướng tập trung, chuyên canh, thâm canh, tiến lên sản xuất lớn, thì cứ mỗi héc-ta rừng ít nhất chúng ta cũng huy động được từ 3 đến 4m^3 gỗ, kể cả củi, tre, nứa quy ra gỗ. Và như thế thì hằng năm chúng ta có thể khai thác từ 30 đến 40 triệu m^3 gỗ, và một khối lượng lớn đặc sản, dược thảo, động vật rừng, và các sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt. Mặt khác, với việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp chế biến lâm sản, đặc sản, chúng ta còn có khả năng tăng khối lượng sản phẩm hàng hóa lâm sản nhằm đáp ứng nhu cầu phong phú của đời sống xã hội.

Tiềm năng rừng nhiệt đới với những sản phẩm phong phú, đa dạng và độc đáo, là *một trong những thế mạnh của nước ta*. Nó cho phép chúng ta tạo ra được nguồn hàng hóa lâm sản xuất khẩu dồi dào, làm cho sản phẩm rừng nhiệt đới có vị trí mũi nhọn trong công tác xuất khẩu, để nhập khẩu máy móc trang bị cho các ngành kinh tế quốc dân, trong đó có cả ngành lâm nghiệp. Việc khai thác và phát huy mạnh mẽ tiềm năng lớn này của đất nước nhằm phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế chung của cả nước đòi hỏi nhiều cố gắng của ngành lâm nghiệp.

Rừng có chức năng phòng hộ và bảo vệ môi trường sống. Vì vậy chúng ta phải ra sức bảo vệ rừng tự nhiên hiện có, tái sinh và trồng rừng mới trên hàng triệu héc-ta đất trống và đồi trọc để sớm tạo ra một tỷ lệ che phủ phù hợp với đặc điểm địa hình đất đai, thời tiết nước ta và phân bố hợp lý

Digitized by Google

giữa các vùng, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do bão, lũ, gió mùa, cát bay, nắng hạn gây ra, bảo đảm ổn định nguồn nước cho các công trình thủy lợi, thủy điện, độ ẩm cho các cây nông nghiệp trồng cạn và khôi phục lại độ phì cho hàng triệu héc-ta đất đã bị xói mòn nghiêm trọng. Thực tiễn ngày càng khẳng định rừng có vị trí và tác dụng rất lớn đối với nông nghiệp; và để đạt các mục tiêu lớn trong sản xuất nông nghiệp không thể không coi trọng việc bảo vệ rừng đầu nguồn, cũng như trồng nhanh các hệ thống rừng bảo vệ đồng ruộng.

Đặc điểm nổi bật của rừng nước ta là phân bố không đều và phần lớn tập trung ở miền núi và vùng núi cao; ở đây *rừng gắn liền với đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số*. Phát triển lâm nghiệp sẽ tác động rất lớn đến sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật và kết cấu kinh tế hạ tầng, cũng như đời sống văn hóa xã hội của nông thôn miền núi. Vì vậy việc phát triển lâm nghiệp có quan hệ với việc đưa miền núi từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với cơ cấu kinh tế lâm — nông — công nghiệp, tạo điều kiện đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

Phát triển mạnh lâm nghiệp còn là *yêu cầu lớn của quốc phòng* nói chung, cũng như của việc bảo đảm an ninh biên giới nói riêng.

Đời sống xã hội không chỉ dừng lại ở các nhu cầu ăn, mặc, ở, học hành... mà ngày càng đề ra những yêu cầu rất lớn về tham quan, du lịch, nghỉ ngơi, giải trí, điều dưỡng tinh thần... Do đó nghề rừng phải sớm tạo ra được hệ thống *rừng văn hóa, rừng bảo vệ thiên nhiên và các vành đai cây xanh chống ô nhiễm môi trường* để đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.

II

Tài nguyên rừng nhiệt đới của ta rất phong phú, khả năng khai thác và chế biến nguồn lâm sản còn lớn, điều kiện thiên nhiên căn bản thuận lợi cho cây rừng phát triển, sức lao động của cả nước ta rất dồi dào, đường lối phát triển kinh tế của Đảng ta ngày càng được cụ thể hóa — đó là những thuận lợi cơ bản để đưa nghề rừng tiến nhanh, tiến mạnh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, sớm xây dựng nghề rừng trở thành một ngành kinh tế quan trọng. Vấn đề đặt ra là trên cơ sở đường lối của Đảng, cần suy nghĩ sáng tạo để có được phương hướng, bước đi cụ thể, vững chắc, nhằm đạt được những mục tiêu trước mắt, đồng thời tạo tiền đề cho bước phát triển lâu dài trong tương lai.

Một trong những khó khăn lâu nay làm hạn chế nhịp độ phát triển của nghề rừng, là thiếu lương thực, thiếu máy móc thiết bị — hay nói cách khác, cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sản xuất lâm nghiệp còn quá nghèo nàn. Bên cạnh đó, chúng ta lại chưa huy động được một lực lượng lao động tương xứng để phát triển mạnh kinh tế rừng.

Điều quan trọng đầu tiên là cần quán triệt và vận dụng đúng đắn phương hướng kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với lâm nghiệp như Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) đã chỉ rõ là: «kết hợp chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp và công nghiệp chế biến ngay trong từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường, trên từng huyện, từng vùng ở miền núi, trung du và bờ biển». Có thực hiện phương hướng kết hợp này thì

Digitized by Google

rừng mới được bảo vệ và phát triển tốt; nông nghiệp mới được phát triển mạnh mẽ và ổn định. Bởi vì một lẽ rất đơn giản là muốn sản xuất nông nghiệp có năng suất cao thì phải bảo đảm nguồn nước và độ ẩm cho nó. Rừng chính là nơi giữ nguồn nước và tạo ra độ ẩm cho nông nghiệp, là «người vệ sĩ bảo vệ đồng ruộng». Diện tích rừng bị thu hẹp làm cho nguồn nước bị khô cạn, ảnh hưởng đến nhiều mặt sản xuất và đời sống của nhân dân. Lâm nghiệp muốn phát triển nhanh phải dựa trên cơ sở nông nghiệp được đẩy mạnh và được tổ chức lại, vì có như thế thì mới có đủ lương thực, thực phẩm và có nhiều lao động rút từ nông nghiệp ra để cung cấp cho lâm nghiệp. Chính vì chưa kết hợp chặt chẽ hai mặt sản xuất này cho nên đã xảy ra những hiện tượng tiêu cực khiến cho nông nghiệp khó phát triển ổn định, mà lâm nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn.

Chúng ta biết rằng lâm nghiệp là một trong những ngành có khả năng sản xuất nhiều mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao. Vì vậy, phát huy cao độ mọi tiềm năng rừng nhiệt đới phục vụ xuất khẩu là một trong những nhiệm vụ cấp bách trước mắt, và cũng là một nhiệm vụ lâu dài của nghề rừng nhiệt đới nước ta. Đây còn là con đường cho phép ta tạo được điều kiện cần thiết để phát triển nhanh, mạnh nghề rừng theo tinh thần «lấy rừng để phát triển rừng».

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nhấn mạnh rằng trong kinh doanh rừng phải coi trọng cả ba mặt: *bảo vệ và tu bổ rừng, trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản.* Phương hướng và bước đi trong kinh doanh sản xuất lâm nghiệp là:

1 – Bảo vệ kết hợp với tái sinh và nuôi dưỡng tốt rừng tự nhiên hiện còn là phương hướng cơ bản nhất; đầu tư cho việc thực hiện nhiệm vụ này là phương hướng đầu tư có hiệu quả kinh tế cao nhất.

Rừng tự nhiên tuy còn không nhiều nhưng là vốn rất quý, là nguồn cung cấp gỗ, củi, lâm sản, đặc sản chủ yếu hiện nay và lâu dài về sau nữa. Đặc biệt đối với xuất khẩu, cơ sở rừng tự nhiên nhiệt đới còn đang có vai trò rất quan trọng. Có thể nói chúng ta không thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và xuất khẩu lâm sản, nếu diện tích rừng tự nhiên cứ tiếp tục giảm đi, kéo theo việc giảm và mất đi những ưu thế của rừng nhiệt đới, những đặc sản, dược thảo quý, những muông thú hiếm, mà chúng ta rất khó thành công trong gây trồng, hồi phục.

Tài liệu điều tra ở một số khu rừng tự nhiên cho thấy: lượng tăng trưởng của rừng tái sinh tự nhiên tuy thấp, nhưng vẫn đạt khoảng 3 đến 4m^3/ha/năm; nếu được bảo vệ, tu bổ, chăm sóc tốt thì lượng tăng trưởng có thể cao hơn. Những rừng nghèo, trữ lượng thấp, nếu được khoanh nuôi bảo vệ, kết hợp với chăm sóc, tu bổ thì sau một thời gian có khả năng phát triển thành rừng tốt, việc đầu tư lại thấp hơn nhiều so với trồng rừng mới.

Do yêu cầu khai hoang mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp, đương nhiên cần chuyển một số diện tích rừng nào đó thành diện tích nông nghiệp. Tuy nhiên, trên quan điểm đúng đắn kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp, chúng ta không thể khai hoang trên đất rừng một cách tùy tiện, mà phải có sự tính toán khoa học, có quy hoạch hợp lý và toàn diện. Khai hoang mở rộng diện tích canh tác phải đi liền với biện pháp bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo đảm cân bằng sinh thái chung cũng như bảo vệ được đất, cung cấp được nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp. Rừng vốn là quần thể cây công nghiệp – nhiều nơi lại là những loại cây công

Digitized by Google

nghiệp có nhiều tác dụng, cho nên cần cân nhắc kỹ trước khi phá cây công nghiệp sẵn có này để làm một loại cây công nghiệp khác, cũng như không nên phá thêm rừng khi diện tích đất hoang, đồi trọc chưa được sử dụng hết và diện tích nông nghiệp sẵn có chưa được thâm canh.

Rừng trải rộng trên hàng 15 — 16 triệu héc-ta trong khi lực lượng kiểm lâm nhân dân là lực lượng nòng cốt bảo vệ rừng rất nhỏ bé, do đó phải tập trung lực lượng bảo vệ trên những địa bàn trọng yếu, nơi tài nguyên còn giàu, ở đó có nguy cơ bị phá hoại. Đồng thời phải tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân các dân tộc sinh sống gần rừng về tầm quan trọng và lợi ích thiết thực của công tác bảo vệ rừng, nhanh chóng tổ chức và xây dựng lực lượng quần chúng bảo vệ rừng ở mỗi tiểu khu rừng, thực hiện phương châm « ở đâu có rừng, ở đó có lực lượng nhân dân trông nom bảo vệ ».

Trước mắt, cần tập trung sức bảo vệ tốt các vùng trọng điểm tài nguyên rừng ở Tây-nguyên và các vùng dễ phát sinh nạn cháy rừng như ở Minh-hải và các tỉnh duyên hải miền Trung.

2 — Phủ xanh diện tích đất trống, đồi trọc bằng nhiều hình thức và biện pháp tái sinh, thực hiện thâm canh rừng trên những vùng trọng điểm.

Trong điều kiện diện tích rừng, đất rừng bình quân đầu người thấp, lực lượng lao động dồi dào, chúng ta lại có ưu thế thiên nhiên nhiệt đới và cơ sở vật chất — kỹ thuật của nền kinh tế ngày một tăng lên, khả năng thực hiện phương hướng thâm canh rừng, kinh doanh toàn diện, lợi dụng tổng hợp và « làm rừng như làm vườn », là một khả năng thực tế. Tuy nhiên, do cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ tạo rừng đến nay còn quá yếu, khả năng đầu tư về lương thực, vật tư, thiết bị kỹ thuật của Nhà nước vào nghề rừng còn có hạn, trong việc trồng rừng những năm trước mắt, chúng ta chưa thể thực hiện được thâm canh trên toàn bộ diện tích, mà chỉ có thể kết hợp việc thâm canh có trọng điểm với việc phủ nhanh trên diện tích đất trống, đồi trọc một thảm thực vật rừng bằng nhiều biện pháp tái sinh, ít tốn kém.

Trên những diện tích rừng trồng tập trung theo quy hoạch phục vụ cho công nghiệp giấy, sợi, gỗ dán, gỗ lạng, diêm, chỉ, trụ mỏ và những cây đặc sản như cây chủ cánh kiến, quế, hồi, thông nhựa, dược thảo, v.v... phải thực hiện các biện pháp thâm canh ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tạo rừng, để bảo đảm cung cấp ổn định về số lượng, với chất lượng sản phẩm ngày càng cao cho các nhu cầu công nghiệp và xuất khẩu.

Những vùng đất cát ven biển, vùng ngập mặn, vùng đồi trọc miền trung du chạy dọc từ Bắc đến Nam, là những nơi có nguồn lao động lớn, giao thông thuận lợi thì việc trồng rừng ở đây cần theo hướng thâm canh và hoàn thành nhanh trong một thời gian ngắn.

Đi đôi với việc trồng rừng theo hướng thâm canh, chúng ta phải phát huy mọi khả năng về lao động, áp dụng kinh nghiệm của nhân dân và tận dụng những điều kiện sẵn có khác của địa phương kết hợp với sự giúp đỡ của Nhà nước để đẩy mạnh việc tái sinh rừng bằng khoanh nuôi rừng, trồng kết hợp với khoanh nuôi, trồng những cây mọc nhanh ở những vùng cao, vùng chưa có khả năng mở mang ngay để bảo đảm yêu cầu phòng hộ và cung cấp gỗ, củi tại địa phương. Mặt khác, lại phải tích cực tạo cơ sở vật chất — kỹ thuật, mở mang đường sá và chuẩn bị những điều kiện cần thiết khác để tiếp thu những lực lượng lao động mới đi vào cải tạo rừng nghèo kiệt và trồng rừng theo hướng thâm canh tập trung quy mô lớn trong những năm tiếp theo nhằm phục vụ đắc lực cho yêu cầu ngày

Digitized by Google

càng lớn của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Phong trào trồng cây phân tán trong nhân dân phải được tiếp tục đẩy mạnh khắp mọi nơi từ trung du, đồng bằng đến vùng ven biển nhằm sử dụng hợp lý mọi khả năng đất đai và sức lao động, phục vụ cho yêu cầu phòng hộ, tạo phong cảnh đẹp và cung cấp gỗ, củi, hoa quả, đặc sản cho nhân dân; đó cũng là biện pháp tích cực để tạo ra một phần nguyên liệu tại chỗ cho việc phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp của địa phương. Lúc còn sống, Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta luôn luôn quan tâm và khuyến khích phát triển phong trào trồng cây, gây rừng. Bởi vậy ở đâu còn có đất đai có khả năng để trồng cây, gây rừng thì phải tổ chức mọi lực lượng lao động có thể sử dụng được để gây trồng một cách rộng rãi và có kết quả. Vấn đề quan trọng là phải có quy hoạch, có hướng dẫn, có chuẩn bị đủ nguồn hạt giống và cây con. Khi trồng, cần bảo đảm trồng nhanh, nhiều và sống tốt, tuyệt đối tránh phô trương hình thức, gây lãng phí công sức và tiền của của nhân dân.

3 — Đẩy mạnh khai thác hợp lý trên cơ sở tái sinh và mở rộng tài nguyên rừng; tăng nhanh năng lực chế biến để sử dụng hợp lý, có hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên rừng.

Việc cung cấp lâm sản cho sự nghiệp phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân và tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu đòi hỏi phải đẩy mạnh khai thác rừng. Nhưng việc khai thác phải bảo đảm yêu cầu tái sinh và tái sản xuất mở rộng tài nguyên. Vì vậy đối với những khu rừng đã khai thác kiệt phải kiên quyết đóng cửa rừng để tu bổ, nuôi dưỡng, và đẩy mạnh khai thác ở những khu rừng còn trữ lượng lớn. Mặt khác lại phải chú trọng tận dụng sản phẩm trung gian trên diện tích rừng trồng và tăng nhanh năng lực chế biến, bảo quản, nhất là đẩy mạnh việc sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván sợi, ván dăm, ván tre nứa ép, v.v... để tăng sản lượng, tăng giá trị kinh tế và giá trị sử dụng của các loại gỗ và tre nứa; đó là phương hướng lâu dài cần quán triệt trong khai thác và chế biến lâm sản.

Rừng tự nhiên của ta không phải chỉ có gỗ mà còn có tre, nứa, những đặc sản và dược thảo khác, cho nên trong khai thác rừng không những phải bảo đảm quy trình kỹ thuật đối với khai thác gỗ, mà còn phải chú trọng bảo đảm quy trình khai thác các lâm sản khác. Trong khai thác rừng phải thực hiện nghiêm ngặt quy trình bảo đảm tái sinh; quyết không vì khai thác lấy được nhiều sản phẩm mà làm ảnh hưởng đến sự nuôi dưỡng và phát triển của rừng. Một vấn đề cấp bách đặt ra nữa là phải triệt để sử dụng mọi nguồn lâm sản có thể sử dụng được, kể cả gỗ cành, ngọn, gỗ nhỏ và tre, nứa. Hiện nay tỷ lệ sử dụng gỗ so với cây đứng còn quá thấp (mới đạt khoảng 30%), đó là sự lãng phí rất lớn. Gỗ cành, ngọn, thậm chí gỗ thân còn bỏ lại trong rừng quá lớn, do đó phải có chính sách và biện pháp nhằm đưa ra khỏi rừng để sử dụng. Đồng thời cần đẩy mạnh công nghiệp chế biến lâm sản (bao gồm chế biến cơ lý và chế biến hóa học gỗ và lâm sản, đặc sản) để nâng cao dần tỷ lệ sử dụng gỗ. Chỉ cần nâng tỷ lệ sử dụng gỗ lên 50 — 60% so với cây đứng, thì chúng ta đã có thể tăng gấp đôi sản phẩm gỗ hàng hóa hiện có, mà không phải chặt thêm vào rừng mới. Có thể nói trình độ chế biến lâm sản lạc hậu của ta hiện nay là một nguyên nhân chủ yếu của tình trạng sử dụng quá lãng phí tài nguyên rừng, và chưa phát huy được tốt hiệu quả kinh tế của nghề rừng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Đẩy mạnh chế biến, sử dụng gỗ với hiệu suất cao, chất lượng hàng

Digitized by Google

hóa tốt, đồng thời ra sức tiết kiệm trong tiêu dùng lâm sản, dành mọi nguồn lâm sản có giá trị cho xuất khẩu, là con đường tất yếu để tăng nhanh năng lực xuất khẩu sản phẩm rừng nhiệt đới. Có thực hiện xuất khẩu lâm sản đã qua chế biến, mới nâng cao được giá trị hàng hóa xuất khẩu, hạn chế dần việc xuất khẩu sản phẩm nguyên dạng.

4 — Thực hiện phương châm kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp ngay trong mỗi đơn vị hợp tác xã, mỗi lâm trường, nông trường và trên mỗi địa bàn sản xuất.

Thực hiện phương châm này có nghĩa là trên lâm phận đã được xác định quyền quản lý kinh doanh, các lâm trường và hợp tác xã cần tận dụng mọi khả năng đất đai để phát triển trồng trọt, chăn nuôi, tạo hồ nuôi cá nhằm sản xuất ra lương thực, thực phẩm. Làm được như vậy ngành lâm nghiệp sẽ góp phần tích cực cùng cả nước giải quyết tốt vấn đề ăn như Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành trung ương Đảng đã đề ra, đồng thời sử dụng hợp lý mọi lực lượng lao động của lâm trường và hợp tác xã để mở rộng các mặt sản xuất kinh doanh, trước hết nhằm cung cấp trực tiếp lương thực, thực phẩm cho lao động nghề rừng. Trong 15 triệu héc-ta rừng và đất rừng hiện có, ngành lâm nghiệp chỉ cần sử dụng 1 triệu héc-ta để sản xuất lương thực, thực phẩm thì hằng năm đã có thể góp phần đáng kể vào việc giải quyết vấn đề ăn cho nhân dân ta. Ngược lại, trên diện tích đất đai do các nông trường và hợp tác xã đảm nhận kinh doanh đều có một phần diện tích rừng và đất lâm nghiệp, do đó cần kết hợp với việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất chính mà trồng rừng, bảo vệ, chăm sóc, tu bổ rừng.

Nhiệm vụ kết hợp sản xuất lương thực, thực phẩm của các cơ sở lâm nghiệp cũng như nhiệm vụ trồng rừng, tu bổ rừng của các cơ sở nông nghiệp đều phải được kế hoạch hóa; Nhà nước giao chỉ tiêu cụ thể và có chính sách đầu tư thích đáng đối với các lâm trường, nông trường và hợp tác xã, ngược lại các cơ sở sản xuất này phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp và bán sản phẩm cho Nhà nước để Nhà nước phân phối lại theo chính sách chung.

III

Muốn phát triển nhanh ngành kinh tế rừng, làm cho nó sớm trở thành ngành kinh tế quan trọng, chúng ta phải tổ chức lại sản xuất lâm nghiệp trong phạm vi cả nước, trên địa bàn huyện và trong từng đơn vị kinh tế cơ sở; tăng cường xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật phục vụ sự nghiệp cải tạo và xây dựng lại 15 triệu héc-ta rừng theo yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây chính là mục tiêu phấn đấu và là trung tâm hoạt động của ngành kinh tế rừng. Vì vậy, tổ chức lại sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của ngành kinh tế rừng không chỉ nhằm tạo ra một năng suất lao động mới trong mọi khâu sản xuất của nghề rừng, *mà trước hết và chủ yếu là nhằm tạo ra một năng suất rừng mới trên cơ sở phát huy đến mức cao nhất tiềm năng to lớn về tài nguyên rừng và ưu thế thiên nhiên nhiệt đới Việt-nam.*

Từ đó, chúng ta phải tập trung sức giải quyết những vấn đề chủ yếu sau đây — những vấn đề mà chúng tôi coi là những công tác và biện pháp cấp bách, trước mắt

Digitized by Google

— Cần sớm có một lâm phận ổn định để làm cơ sở cho việc tổ chức lại sản xuất, xây dựng một hệ thống các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phương hướng sản xuất ổn định lâu dài.

Trên cơ sở quy hoạch phân phối đất đai toàn quốc và từng tỉnh, cần xúc tiến nhanh quy hoạch nông — lâm nghiệp và quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn huyện, từ đó quy hoạch và thiết kế lâm trường, quy hoạch giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý và kinh doanh.

Tùy theo đặc điểm tài nguyên, mật độ dân cư, tập quán và kinh nghiệm sản xuất, điều kiện giao thông vận tải trên từng loại huyện hoặc từng huyện để định rõ phương hướng sản xuất, loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh cho phù hợp. Nói chung cơ cấu tổ chức sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn huyện bao gồm cả thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể, trong đó chủ yếu là các lâm trường, xí nghiệp lâm nghiệp và các hợp tác xã lâm — nông nghiệp hoặc nông — lâm nghiệp do huyện trực tiếp quản lý. Cần tiến tới chuyển giao các lâm trường của tỉnh về cho huyện trực tiếp quản lý và xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế lâm — nông — công nghiệp hoặc nông — lâm — công nghiệp.

Trên những vùng có tài nguyên rừng tập trung, đòi hỏi đầu tư lớn và trình độ quản lý kinh doanh cao sẽ xây dựng các khu kinh tế lâm nghiệp lớn do trung ương hoặc tỉnh quản lý. Trên các khu kinh tế lâm nghiệp này, ngoài các cơ sở quốc doanh ra, các hợp tác xã cũng được giao nhiệm vụ sản xuất các sản phẩm đồng nhất đã được ghi trong kế hoạch chung của vùng kinh tế lâm nghiệp tập trung. Các đơn vị kinh tế lâm nghiệp do trung ương, tỉnh hoặc huyện quản lý, đều phải tiến hành quản lý và kinh doanh theo phương hướng và chính sách chung của Nhà nước, và phải phát huy đến mức cao nhất mọi giá trị tài nguyên rừng và đất rừng nhiệt đới.

Cả nước ta hiện nay còn gần 2 triệu đồng bào các dân tộc thiểu số chuyên sống bằng nương rẫy nằm rải rác trên địa bàn hơn 100 huyện với diện tích gần 8 triệu héc-ta rừng, và gần 4 triệu đồng bào vùng núi sống một phần bằng nương rẫy. Đây là một vấn đề gây nhiều khó khăn lớn cho công tác quản lý bảo vệ rừng. Bởi vậy cần đẩy mạnh cuộc vận động định canh, định cư đối với số đồng bào này để chấm dứt tệ đốt rừng làm nương rẫy và chuyển họ thành lực lượng trồng rừng, bảo vệ rừng và sản xuất nông nghiệp. Ở những nơi mà sản xuất nông nghiệp không bảo đảm được đời sống, thì thu hút đồng bào vào các lâm trường quốc doanh hoặc các hợp tác xã lâm nghiệp.

Chỉ có chuyển được gần 2 triệu đồng bào chuyên sống bằng nương rẫy, thành lực lượng sản xuất lâm — nông nghiệp theo phương hướng sản xuất ổn định và tích cực thâm canh trên diện tích đất nông nghiệp ở vùng núi để tăng nhanh sản lượng lương thực, tiến tới có nhiều vùng tự giải quyết được yêu cầu về lương thực, thì chúng ta mới có điều kiện thực hiện được nhiệm vụ quản lý kinh doanh rừng.

— Cần có một lực lượng lao động ổn định đủ bảo đảm thực hiện được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của ngành kinh tế rừng.

Cùng với việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch và chính sách của Nhà nước, và thu hút phần lớn lực lượng lao động từ du canh, du cư thành lực lượng sản xuất lâm — nông nghiệp ổn định, Nhà nước tổ chức các lâm trường, các khu kinh tế lâm nghiệp tập trung nhằm quản lý kinh doanh tốt mọi diện tích rừng và đất rừng. Để làm việc này, chúng ta cần dựa vào lực lượng Quân đội

Digitized by Google

nhân dân vừa làm kinh tế, vừa chuẩn bị sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, là một lực lượng có tiềm năng to lớn. Mặt khác lại phải tích cực đưa lực lượng lao động từ miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế ở miền núi, trong đó có việc phát triển lâm nghiệp. Đảng ta đã chỉ rõ đất đai và sức lao động là hai nguồn vốn quý của nước ta và phải dựa vào hai nguồn vốn quý đó để xây dựng lại và làm giàu cho Tổ quốc. Nhưng trên thực tế khi nói đến đất nhiều người thường chỉ nghĩ đến đất nông nghiệp; còn nói đến xây dựng vùng kinh tế mới thì cũng chỉ nghĩ đến sản xuất nông nghiệp mà ít nghĩ đến kinh tế rừng. Đó là những thiên hướng sai lệch cần sửa chữa. Cần nhận rõ rằng, có điều động mạnh mẽ lực lượng lao động đi phát triển nghề rừng, chúng ta mới thúc đẩy nhanh việc phân công và phân bố lại lao động xã hội một cách hợp lý theo phương hướng bố trí lại dân cư trên từng địa bàn chiến lược trong cả nước. Đương nhiên để bảo đảm có một lực lượng lao động đông đảo và ổn định cho nghề rừng, Nhà nước cần sớm bổ sung một số chính sách nhằm khuyến khích việc thu hút lao động vào nghề rừng, trong đó có việc đầu tư để phát triển giao thông, thủy lợi và xây dựng các thị trấn lâm nghiệp ở miền núi, là những vấn đề có tác dụng lớn về nhiều mặt.

— Tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật của ngành kinh tế rừng.

Tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật cho các mặt sản xuất (tạo rừng, khai thác rừng, chế biến lâm sản), cho công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ cũng như để bảo đảm những nhu cầu cần thiết cho đời sống của những người lao động nghề rừng là một biện pháp rất quan trọng cần được chú ý đúng mức. Trước hết cần mở rộng hệ thống đường và tăng nhanh phương tiện vận tải làm nghiệp. Đường đối với làm nghiệp cũng như thủy lợi đối với nông nghiệp. Ở nước ta hiện nay, phát triển mạng lưới đường làm nghiệp không chỉ phục vụ cho việc mở mang lâm nghiệp, mà còn tạo điều kiện cơ bản để phục vụ dân sinh, kinh tế và quốc phòng trên vùng rừng núi.

Muốn trồng rừng nhanh, nhiều và tốt không thể không chuẩn bị và bắt tay xây dựng ngay hệ thống rừng giống, vườn giống và hệ thống vườn ươm sản xuất cây con để bảo đảm có đủ số lượng cây trồng và những cây trồng đúng quy cách phẩm chất. Hệ thống vườn ươm tạo cây con cần được bố trí hợp lý trên các địa bàn trồng rừng của cả nước và phát huy được những thành tựu nghiên cứu và sản xuất trong những năm qua.

— Giải quyết sớm và dứt điểm vấn đề phân công giữa lâm nghiệp và các ngành khác, phân cấp quản lý lâm nghiệp giữa trung ương và địa phương theo hướng kết hợp quản lý thống nhất theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

Cải tiến quản lý kinh tế nói chung và cải tiến kế hoạch hóa nói riêng là một trong những vấn đề đang được Nhà nước ta quan tâm giải quyết. Là một ngành kinh tế có chức năng « đa dạng », có nhiều lĩnh vực sản xuất khác nhau và liên quan đến nhiều ngành khác, ngành lâm nghiệp phải có sự hợp tác xã hội chủ nghĩa với nhiều ngành mới có thể làm tốt được nhiệm vụ của mình. Vấn đề này nói thì dễ nhưng trong thực tiễn lại có nhiều điều vướng mắc. Bởi vậy ngoài việc đề cao tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa các ngành với nhau, Nhà nước cần có sự phân công hợp lý, cụ thể giữa ngành lâm nghiệp và các ngành khác trên nhiều vấn đề về danh mục sản phẩm, về xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật... để ngành lâm nghiệp có cơ sở cải tiến kế hoạch hóa và đi sâu vào những mặt kinh tế — kỹ thuật, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn hóa theo ngành.

Digitized by Google

Quản lý thống nhất theo ngành kết hợp với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ là một trong những nguyên tắc quản lý hoàn toàn phù hợp với đường lối phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Song ngành kinh tế lâm nghiệp hiện nay có nhiều mặt quản lý sản xuất, kinh doanh: bảo vệ rừng, tái sinh rừng, trồng rừng, khai thác rừng, chế biến và cung ứng vật tư lâm sản, một số mặt sản xuất kinh doanh lại vừa do kinh tế quốc doanh, vừa do kinh tế hợp tác xã đảm nhiệm. Cho nên trên cơ sở quản lý thống nhất theo ngành về mặt kinh tế — kỹ thuật, chính sách, chế độ, thể lệ, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế — kỹ thuật, v.v... cần phải có sự phân công hợp lý giữa trung ương và địa phương trong việc quản lý các cơ sở kinh doanh, sản xuất và về từng mặt kinh doanh, sản xuất. Theo ý kiến chúng tôi, những cơ sở sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp do trung ương trực tiếp quản lý chỉ nên là những khu vực kinh tế rộng lớn, có vị trí quan trọng đối với cả nước, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, kỹ thuật cao, sản xuất những vật phẩm chủ yếu để phục vụ cho nhu cầu của kinh tế trung ương và xuất khẩu.

— Phải cải tiến, bổ sung và xây dựng một hệ thống các chính sách nhằm thúc đẩy nghề rừng phát triển.

Nghề rừng của chúng ta chỉ có thể đi nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và sớm trở thành cơ sở vững mạnh cho nhiều ngành công nghiệp và nông nghiệp phát triển khi nhiệm vụ bảo vệ rừng và trồng cây gây rừng thật sự trở thành nhiệm vụ của toàn dân do Nhà nước và nhân dân cùng làm, quốc doanh và hợp tác xã cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm. Để thực hiện được phương châm ấy, Nhà nước ta phải cải tiến tổ chức và xây dựng một hệ thống các chính sách phù hợp với đặc điểm của nghề rừng, nhằm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước và hợp tác xã, giữa Nhà nước và nhân dân, giữa Nhà nước và đồng bào các dân tộc sống ở vùng có rừng, giữa Nhà nước và các lực lượng lao động làm nghề rừng; đồng thời phải có một hệ thống các quy định về quản lý hành chính kinh tế và kỹ thuật, tiến tới có một bộ luật về rừng để làm căn cứ cho việc tăng cường quản lý, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa đối với nghề rừng.

— Hoàn thành nhiệm vụ cải tạo kết hợp với xây dựng các cơ sở kinh tế lâm nghiệp ở các tỉnh miền Nam.

Lâm trường, xí nghiệp và hợp tác xã là những đơn vị cơ sở thực hiện các nhiệm vụ trồng rừng và khai thác, chế biến lâm sản. Để bảo đảm hoàn thành những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980 mà Đảng và Nhà nước đã xác định cho ngành kinh tế rừng, chúng ta phải củng cố, tăng cường và phát triển các cơ sở sản xuất ở các tỉnh miền Bắc; đồng thời tích cực hoàn thành nhiệm vụ cải tạo các thành phần kinh tế tư bản tư doanh trong lâm nghiệp kết hợp với việc xây dựng nhanh các cơ sở sản xuất lâm nghiệp quốc doanh ở các tỉnh miền Nam. Nhiệm vụ trồng rừng ở các tỉnh miền Nam chiếm gần một nửa nhiệm vụ của cả nước; mức khai thác gỗ ở các tỉnh miền Nam đến năm 1980 sẽ lớn hơn so với các tỉnh miền Bắc, cho nên chúng ta cần phát triển nhanh lực lượng lâm nghiệp quốc doanh để làm nòng cốt về kinh tế — kỹ thuật trong việc phát triển sản xuất lâm nghiệp tại mỗi vùng và mỗi địa phương ở miền Nam. Có thể nói, nếu chúng ta chậm xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong lâm nghiệp ở các tỉnh miền Nam thì sản xuất lâm nghiệp ở đây khó đi vào ổn định và phát triển theo kế hoạch, đồng thời cũng khó có thể bảo đảm hoàn thành được nhiệm vụ sản xuất lâm nghiệp trong những năm còn lại của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980.

Digitized by Google

– Củng cố và tăng cường hệ thống tổ chức quản lý ngành lâm nghiệp.

Trong việc xây dựng và phát triển kinh tế lâm nghiệp, chính quyền địa phương có trách nhiệm rất lớn. Hệ thống tổ chức quản lý của ngành lâm nghiệp cần được củng cố và tăng cường để làm tốt chức năng của mình, giúp chính quyền các cấp làm nhiệm vụ quản lý hành chính – kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh của ngành lâm nghiệp phần lớn được hình thành trên địa bàn huyện, do đó tổ chức lâm nghiệp cấp huyện cần được củng cố và tăng cường để có đủ năng lực giúp chính quyền cấp huyện thực hiện được nhiệm vụ thống nhất quản lý về mặt hành chính – kinh tế cũng như về mặt sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp. Có làm được như vậy thì Bộ lâm nghiệp và ty lâm nghiệp tỉnh mới có điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ của ngành đối với các cơ sở quản lý sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, đề cao chức năng quản lý của ngành lâm nghiệp và chính quyền địa phương, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân lâm nghiệp, của xã viên hợp tác xã lâm – nông nghiệp và các lực lượng khác làm nghề rừng, tạo ra một phong trào cách mạng sôi nổi trong đội ngũ những người làm nghề rừng và có sự phối hợp, ủng hộ mạnh mẽ của các ngành hữu quan, đó là những nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và phát triển nghề rừng.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết các Hội nghị lần thứ hai và thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng, nhất định những nhân tố trên đây sẽ được phát huy mạnh mẽ và ngành kinh tế rừng nước ta sẽ sớm đạt tới những mục tiêu của một ngành kinh tế quan trọng.

Phát động quần chúng xây dựng quyền làm chủ...

(Tiếp theo trang 18)

nhân dân lao động thật sự làm chủ thì mới bảo đảm được sự vững mạnh của chế độ ta.

Tóm lại, tôi đã nói một số ý kiến về việc xây dựng quyền làm chủ tập thể ở nông thôn, gắn liền với việc đẩy mạnh các phong trào sản xuất nông nghiệp, với việc xây dựng nếp sống văn minh lành mạnh, đấu tranh chống văn hóa đồi trụy, thanh toán các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, đàng điếm do chế độ cũ để lại, với việc xây dựng huyện trong quá trình tổ chức lại sản xuất nông nghiệp.

Mong rằng tất cả chúng ta hãy cố gắng đến năm 1980, đi đôi với việc hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ hai, sẽ xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở xã, ở huyện một cách vững chắc, coi đó là một bước quan trọng trong cả quá trình xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Digitized by Google

KHỦNG HOẢNG CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

PHÚC-CƯƠNG

THẮNG LỢI TO LỚN CỦA NHÂN DÂN VIỆT-NAM ĐÃ LÀM ĐẢO LỘN CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

CUỘC chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam hoàn toàn thắng lợi đã *làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ*, làm cho đế quốc Mỹ lâm vào một cuộc khủng hoảng về chiến lược. Cho đến nay Mỹ vẫn lúng túng chưa tìm được giải pháp. *Vì sao như vậy?*

Trước hết, cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam là cuộc chiến tranh hao người tốn của, tuy chưa phải là cuộc chiến tranh tốn kém nhất đối với Mỹ. Theo số liệu mà Mỹ công bố (1) thì thiệt hại về người và của trong chiến tranh xâm lược ở Việt-nam, về con số tuyệt đối cũng như về mặt so sánh với tổng sản phẩm quốc dân, đứng sau so với sự thiệt hại của Mỹ trong chiến tranh thế giới thứ hai và cuộc nội chiến ở Mỹ.

Song điều đáng chú ý là trong các cuộc chiến tranh trước, tuy bị thiệt hại nhiều nhưng Mỹ đã thu được lợi lớn, còn trong chiến tranh xâm lược Việt-nam, Mỹ đã nếm một thất bại đầu tiên và thảm hại nhất trong lịch sử nước Mỹ, làm cho vị trí quốc tế của nước Mỹ bị suy yếu hẳn, làm cho các nước đế quốc khác mạnh lên so với Mỹ, làm cho so sánh lực lượng trên toàn thế giới thay đổi có lợi cho độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đã đưa nước Mỹ vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc về kinh tế, chính trị và quân sự chưa từng có. Ngay sau khi ký Hiệp định Pa-ri năm 1973, để miêu tả vết thương sâu và dai dẳng này, nhà báo Mỹ Giêm Rét-sơn đã phải thốt lên rằng người Mỹ đã rút ra khỏi Việt-nam, nhưng vấn đề Việt-nam còn lâu mới rút ra khỏi nước Mỹ.

(1) Xem chú thích ở trang sau

Digitized by Google

Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam là cuộc chiến tranh phi nghĩa nhất và tàn bạo nhất, cho nên nhân dân Mỹ không những không ủng hộ mà còn phản đối mạnh mẽ và rộng rãi nhất. Việc Mỹ tham gia chiến tranh thế giới thứ hai chống chủ nghĩa phát xít là một sự nghiệp chính nghĩa, cho nên Mỹ có thể huy động lúc cao nhất một đội quân gồm 16 triệu người và một khoản chi phí chiến tranh chiếm tới 40% tổng sản phẩm quốc dân. Trong chiến tranh ở Việt-nam Mỹ huy động lúc cao nhất là 3 triệu rưỡi quân và một khoản chi phí chiếm 3% tổng sản phẩm quốc dân. Sau chiến thắng Mậu Thân của nhân dân miền Nam Việt-nam, tháng 3 năm 1968, Mác Na-ma-ra đã phải khẳng định rằng, về chính trị mà nói, Mỹ không thể chịu đựng nổi một cuộc leo thang mới về chiến tranh. Chính vì thế mà từ lúc đó Giôn-xơn buộc phải bắt đầu quá trình xuống thang chiến tranh.

Vì cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam là phi nghĩa, cho nên ngay từ khi bắt đầu tiến hành chiến tranh, Giôn-xơn đã phải đưa ra khẩu hiệu vừa bơ vừa súng, vừa tiến hành xây dựng « xã hội vĩ đại », vừa tiến hành chiến tranh Việt-nam. Đó là thủ đoạn lừa dối nhân dân Mỹ, đồng thời cũng chứng tỏ chỗ hạn chế của đế quốc Mỹ trong việc động viên sức của sức người của nhân dân Mỹ. Mặt khác, đế quốc Mỹ có phần chủ quan, chúng cho rằng có thể kết thúc thắng lợi cuộc xâm lược Việt-nam trong mấy tuần lễ: giữa năm 1965, Tay-lơ và Mác Na-ma-ra hứa vào dịp lễ nô-en năm 1965 có thể rút linh Mỹ về nước.

Chiến tranh xâm lược Việt-nam là cuộc chiến tranh tàn bạo nhất cho nên đã đưa đến những hậu quả tai hại cho nền kinh tế và chính trị của Mỹ.

Để có tiền chi cho cuộc chiến tranh Việt-nam, chính quyền Mỹ không thể bắt nhân dân Mỹ đóng thuế như thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai, mà chúng phải dựa vào lạm phát. Do đó nước Mỹ đã bước vào thời kỳ lạm phát cao nhất chưa từng có. Lạm phát trong những năm trước chiến tranh Việt-nam là dưới 3%, trong chiến tranh lên tới 7 và 8%, và những

(1) Số liệu mà Mỹ đã công bố.

Các cuộc chiến tranh của Mỹ	Số thiệt hại của Mỹ : chết và bị thương		Dân số nước Mỹ
Nội chiến Mỹ (1861 — 1865)	490.000 người		35 triệu
Chiến tranh thế giới II (1940 — 1945)	960.000 —		135 —
Chiến tranh xâm lược Việt-nam (1960—1973)	360.000 —		200 —
Các cuộc chiến tranh của Mỹ	**Chi phí trực tiếp của Mỹ cho toàn bộ cuộc chiến tranh**	**Chi phí trực tiếp và gián tiếp của Mỹ cho toàn bộ cuộc chiến tranh**	**Tỷ lệ của 1 năm chi phí chiến tranh cao nhất của Mỹ so với tổng sản phẩm quốc dân cùng năm**
Chiến tranh thế giới thứ II (1940 — 1945)	341 tỷ đô-la	900 tỷ đô-la	Năm 1945 : 84 tỷ/213 tỷ — 39,4%
Chiến tranh xâm lược Việt-nam (1960 — 1973)	141 tỷ đô-la	700 tỷ đô-la	Năm 1968 : 26 tỷ/864 tỷ — 3%

Digitized by Google

năm cuối chiến tranh lên vọt tới trên dưới 10%. Lạm phát cao đã đè nặng lên đời sống của nhân dân Mỹ. Mặt khác lạm phát cao đã đưa giá hàng của Mỹ lên cao. Giá hàng của Mỹ lên cao thì khả năng cạnh tranh của hàng Mỹ càng thấp so với hàng của các nước Tây Âu và Nhật-bản. Cho nên, từ khi Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam, hàng của Mỹ bị đẩy lùi trên thị trường thế giới ; trong khi đó hàng của Nhật và Tây Âu ngày càng tràn vào thị trường nước Mỹ. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1965, Nhật nhập siêu của Mỹ hàng năm từ 3 đến 4 tỷ đô-la. Nhưng từ năm 1965 trở đi, tức là từ sau khi Mỹ tiến hành chiến tranh cục bộ ở Việt-nam, Nhật bắt đầu xuất siêu sang Mỹ. Trong lịch sử nước Mỹ, Mỹ chỉ có một lần nhập siêu, đó là năm 1893, còn luôn luôn xuất siêu, năm cao nhất là 10 tỷ đô-la, trung bình hằng năm là 3 hoặc 4 tỷ. Nhưng từ năm 1968, Mỹ không còn xuất siêu nữa, năm 1971, Mỹ bắt đầu nhập siêu và nhập siêu đã trở thành căn bệnh khó chữa của nền kinh tế Mỹ trong những năm cuối của cuộc chiến tranh Việt-nam và thời kỳ « sau Việt-nam ».

Từ trước đến nay, chiến tranh đối với Mỹ là một trong những biện pháp chiến lược để giải quyết khủng hoảng kinh tế. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 — 1933 là cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất của Mỹ. Cuộc khủng hoảng đó đã đưa đến tình trạng kinh tế Mỹ trì trệ kéo dài đến năm 1940. Chiến tranh thế giới thứ hai đã giúp Mỹ thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế. Thời kỳ này Mỹ đã lợi dụng được tình hình các nước châu Âu đang có chiến tranh, phải chuyển toàn bộ nền kinh tế sang phục vụ chiến tranh, nền kinh tế của họ bị chiến tranh tàn phá cho nên họ cần mua nhiều vũ khí và hàng hóa ; trong điều kiện lãnh thổ Mỹ nằm ngoài cuộc chiến tranh, Mỹ đã tranh thủ đẩy mạnh và phát triển sản xuất. Cho nên chỉ số sản xuất công nghiệp của Mỹ năm 1939 là 100 thì đến năm 1943 đã lên tới 230. Nhưng trong chiến tranh Việt-nam, tình hình đã diễn ra khác hẳn.

Các nước đế quốc khác đã lợi dụng lúc Mỹ bị sa lầy ở Việt-nam để phát triển kinh tế và làm giàu, Mỹ đã phải tăng nhập khẩu và giảm xuất khẩu để giải quyết hậu cần cho cuộc chiến tranh Việt-nam. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam là một cuộc chiến tranh tốn kém nhất mà Mỹ *phải một mình gánh vác*. Trong những năm 1965, 1966, cuộc chiến tranh Việt-nam đã giúp Mỹ giải quyết được cuộc khủng hoảng kinh tế bắt đầu chớm nở từ đầu năm 1965. Nhưng từ năm 1967 trở đi, cuộc chiến tranh này đã góp phần làm cho nền kinh tế Mỹ lâm vào cuộc khủng hoảng kéo dài, bắt đầu bằng cuộc khủng hoảng của đồng đô-la năm 1968 đưa đến phá vỡ hệ thống tiền tệ thế giới tư bản chủ nghĩa được lập ra từ 1944 và do Mỹ khống chế, khiến cho đồng đô-la không còn giữ được vai trò chúa tể trong hệ thống tiền tệ này nữa. Cuộc khủng hoảng kinh tế này đã chấm dứt tình trạng phát triển tương đối ổn định và tốc độ cao của nền kinh tế Mỹ cũng như của thế giới tư bản chủ nghĩa từ sau chiến tranh thế giới thứ hai và đánh dấu một thời kỳ khủng hoảng kéo dài và trì trệ của nền kinh tế Mỹ và của thế giới tư bản chủ nghĩa.

Mỹ đã làm giàu trong hai cuộc chiến tranh thế giới. Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất đã giúp Mỹ từ con nợ của nhiều nước đế quốc khác trở thành nước chủ nợ của các nước đế quốc thắng trận cũng như bại trận. Tuy vậy về quân sự, Mỹ đứng thứ 17 trên thế giới. Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đã giúp Mỹ trở thành nước đế quốc mạnh nhất về kinh tế, tài chính và quân sự, mạnh hơn tất cả các nước đế quốc khác cộng lại. Đó là sự kiện chưa từng có trong lịch sử của chủ nghĩa đế quốc. Cuộc chiến tranh Việt-nam, tuy là cuộc « chiến

Digitized by Google

tranh cục bộ », nhưng đã làm cho Mỹ suy yếu và yếu hơn tất cả các nước đế quốc khác cộng lại, trừ mặt quân sự. Đó là một đặc điểm quan trọng của tình hình quốc tế thời kỳ « sau Việt-nam ».

Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam còn đẩy nước Mỹ vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc về chính trị và tư tưởng. Từ trước đến nay lợi ích của đế quốc Mỹ đã được thực hiện dưới những chiêu bài chính nghĩa giả hiệu như tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân và bảo vệ hòa bình, tự do, chống lại chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa độc tài. Do đế quốc Mỹ là đế quốc sinh sau, trong chiến tranh thế giới thứ hai, chúng đã biết lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước đế quốc cũ và những nước đế quốc sinh sau, đẩy chúng chém giết lẫn nhau và suy yếu đi, đồng thời dưới chiêu bài bảo vệ tự do chống phát xít, đế quốc Mỹ đã dùng cuộc chiến tranh Xô – Đức làm suy yếu cả Liên-xô và Đức, trên cơ sở đó, Mỹ làm giàu và trở nên tên đế quốc mạnh nhất. Đồng thời Mỹ lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước đế quốc và các thuộc địa, nêu ra khẩu hiệu tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc chống chủ nghĩa thực dân để thực hiện ý đồ gạt các nước đế quốc khác khỏi các thuộc địa và thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Do những điều kiện lịch sử thuận lợi, Mỹ đã thực hiện được lợi ích của chủ nghĩa đế quốc Mỹ mà không bị lộ mặt. Cho nên trước đây Mỹ còn lừa bịp được dư luận nhân dân Mỹ và thế giới. Nhưng cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam với tất cả sự tàn bạo chưa từng có trong lịch sử nhân loại từ trước đến nay đã đưa đến cuộc khủng hoảng rất sâu sắc về lòng tin trong nhân dân Mỹ, về chính trị và tư tưởng của nước Mỹ. Vụ Oa-tơ-ghết là một biểu hiện của cuộc khủng hoảng ấy. Nước Mỹ có 2 cuộc khủng hoảng nội bộ sâu sắc nhất trong lịch sử nước Mỹ, đó là cuộc nội chiến 1861 – 1865 và cuộc khủng hoảng do cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt-nam gây ra. Cuộc nội chiến 1861 – 1865, tuy có gây thiệt hại về người và của rất lớn, nhưng nó là sự khủng hoảng trong trưởng thành của chủ nghĩa tư bản Mỹ. Cuộc nội chiến đó đã giải quyết mâu thuẫn giữa một bên là lực lượng tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc và một bên là lực lượng chủ đồn điền bóc lột nô lệ ở miền Nam; cuộc nội chiến đó đã đưa đến thắng lợi của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn bộ nước Mỹ. Cuộc nội chiến này đã dẫn đến một thời kỳ phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Mỹ, đưa Mỹ từ một nước đứng thứ tư trong nền kinh tế thế giới năm 1861 thành nước đứng đầu trong nền kinh tế đó năm 1890. Với sự phát triển mới này Mỹ đã bước vào thời kỳ đế quốc chủ nghĩa.

Nhưng cuộc khủng hoảng nội bộ toàn diện của Mỹ sau chiến tranh Việt-nam, là cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản Mỹ, làm cho các mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Mỹ, mâu thuẫn giữa nhân dân lao động Mỹ với tư bản độc quyền Mỹ, mâu thuẫn giữa các tập đoàn tư bản Mỹ với nhau trở nên sâu sắc. Đúng như dư luận báo chí thế giới đã nhận định, chiến tranh Việt-nam đã thức tỉnh nhân dân Mỹ.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ là một trong những nhân tố buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt-nam và rút quân Mỹ về nước. Thời kỳ « sau Việt-nam », cuộc đấu tranh ấy lại càng phát triển và xoay quanh các vấn đề do cuộc khủng hoảng về kinh tế gây ra và vấn đề chống một « Việt-nam thứ hai ».

Cuộc khủng hoảng nội bộ nước Mỹ đã đưa đến cuộc khủng hoảng sâu sắc của quân đội Mỹ. Trong chiến tranh Việt-nam, quân đội Mỹ là một quân đội theo chế độ nghĩa vụ. Phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ đã

Digitized by Google

tác động sâu sắc và ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của quân đội Mỹ và gây nên nhiều cuộc phản chiến trong quân đội Mỹ. Năm 1969, Nichxơn lên nắm chính quyền, đã đưa ra kế hoạch trong 2 năm biến quân đội nghĩa vụ của Mỹ thành quân đội nhà nghề, được trả lương cao, để tách quân đội Mỹ ra khỏi phong trào chống chiến tranh ở Mỹ và trở thành công cụ có hiệu lực của đế quốc Mỹ. Nhưng hai năm sau, tên tướng Mỹ được giao trách nhiệm thực hiện kế hoạch này tuyên bố trong tình hình còn chiến tranh Việt-nam, thì chưa thể thành lập quân đội nhà nghề được. Trước chiến tranh Việt-nam, binh lính Mỹ mặc quân phục ra đường đều được mọi người Mỹ coi trọng, vì chiến tranh thế giới thứ hai đã đưa lại niềm tự hào cho người Mỹ về quân đội Mỹ đã giải phóng Tây Âu khỏi họa phát xít. Nhưng cuộc chiến tranh tàn bạo và phi nghĩa ở Việt-nam đã làm cho nhân dân Mỹ phỉ nhổ những binh lính và sĩ quan Mỹ mặc quân phục ra đường. Nếu tình nguyện vào quân đội để đi đánh nhân dân Việt-nam, thanh niên Mỹ không thể giải thích nổi lý do của việc làm đó cho người yêu, bố mẹ và bạn bè. Bọn tướng tá cao cấp Mỹ cho rằng phải mất vài chục năm nữa (tức là một thế hệ) mới có thể giải quyết được tình trạng khủng hoảng hiện nay trong quân đội Mỹ.

Cuộc chiến tranh Việt-nam đã làm cho mâu thuẫn giữa các tập đoàn tư bản Mỹ trở nên gay gắt. Sự tranh giành quyền lực giữa Quốc hội và chính quyền Mỹ đã bộc lộ khá rõ mâu thuẫn này. Đây là mâu thuẫn giữa các tập đoàn độc quyền Mỹ có nhiều lợi ích ở nước ngoài với các tập đoàn tư bản Mỹ nói chung. Chiến tranh Việt-nam nhằm bảo vệ trước hết lợi ích của các tập đoàn độc quyền Mỹ có nhiều quyền lợi ở nước ngoài. Gây ra cuộc khủng hoảng sâu sắc về kinh tế và chính trị ở Mỹ, cuộc chiến tranh này làm tổn hại đến lợi ích của các tập đoàn tư bản Mỹ nói chung. Cho nên ngay từ năm 1967 đã có nhiều tập đoàn tư bản Mỹ đặc biệt là các nhà tư bản loại trung và nhỏ, các nhà tư bản không kinh doanh về trang bị quân sự, phản đối chiến tranh. Họ đã thành lập tổ chức của các nhà kinh doanh hoạt động cho hòa bình. Mặt khác cuộc chiến tranh này lại làm cho mâu thuẫn giữa các tập đoàn tư bản độc quyền Mỹ có lợi ích trực tiếp trong chiến tranh Việt-nam và các tập đoàn tư bản độc quyền có lợi ích ở các khu vực khác trên thế giới thêm gay gắt, vì Mỹ bị sa lầy ở Việt-nam cho nên không có khả năng bảo vệ lợi ích của các tập đoàn tư bản Mỹ bị đe dọa ngày càng nghiêm trọng ở Nam Mỹ, Trung Cận Đông từ cuối những năm 60.

Cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam đã làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, còn là vì cuộc chiến đấu đó đã góp phần to lớn đẩy mạnh phong trào cách mạng thế giới, thúc đẩy quá trình tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, và do đó góp phần làm thay đổi lực lượng đối sánh trên thế giới. Trước hết, các nước xã hội chủ nghĩa đã tranh thủ thời gian dài Mỹ sa lầy và suy yếu ở Việt-nam để tăng cường mạnh mẽ và nhanh chóng lực lượng kinh tế, quốc phòng và mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ra nhiều khu vực. Năm 1960 sản lượng công nghiệp của các nước xã hội chủ nghĩa chỉ chiếm 30% của toàn thế giới, đến năm 1975 đã chiếm tới 41,8%. Sản lượng công nghiệp của Liên-xô năm 1965 chỉ bằng 60% của Mỹ, đến năm 1975 đã đạt 80% của Mỹ. Từ 1950 đến 1975 nhịp độ phát triển công nghiệp trung bình hằng năm của các nước xã hội chủ nghĩa là hơn 10% so với 4,6% của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Lực lượng xã hội chủ nghĩa thế giới mặc dù còn bị chia rẽ và gặp nhiều khó

Digitized by Google

khăn nhưng đã trở nên lực lượng vô địch trên thế giới. Không một lực lượng đế quốc chủ nghĩa nào có khả năng đẩy lùi một tấc đất của hệ thống xã hội chủ nghĩa cũng như ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á, ở Trung Cận Đông, ở châu Phi, ở Mỹ la tinh và phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển từ cuối những năm 1960 trở đi đã có một bước phát triển mới. Cuộc đấu tranh đòi tăng giá dầu mỏ tháng 10 năm 1973 của các nước xuất cảng dầu mỏ ở Trung Cận Đông là bước phát triển mới của tình hình sau những thắng lợi to lớn của nhân dân Việt-nam.

Cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta thắng lợi còn góp phần thúc đẩy quá trình tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản. Phong trào cách mạng ở thế giới tư bản chủ nghĩa phát triển ngày càng mạnh làm cho cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản ngày càng trở nên trầm trọng. Chiến thắng của nhân dân Việt-nam đã động viên cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc đồng thời đã đẩy chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng. Mỹ đã thi hành chính sách thực dân mới ở miền Nam Việt-nam với mức độ cao nhất; Mỹ đã xây dựng ở miền Nam một quân đội ngụy lớn nhất; dành cho ngụy quyền miền Nam một khoản viện trợ quân sự và kinh tế lớn nhất; Mỹ không cứu được bọn bù nhìn miền Nam khỏi bị tiêu diệt. Sự thất bại lịch sử đó của Mỹ đã đưa đến sự khủng hoảng nghiêm trọng của bọn tay sai chư hầu của Mỹ trên thế giới, chúng không tin vào khả năng của Mỹ có thể cứu chúng khỏi thảm họa và sức mạnh của Mỹ không còn hiệu lực đe dọa nặt như trước nữa. Do đó đã có những biến động trong các nước tay sai, chư hầu của Mỹ ở Đông Nam Á, Nam Triều-tiên, Trung Cận Đông và Mỹ la tinh. Đế quốc Mỹ là cột trụ của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới. Sự khủng hoảng sâu sắc và sự suy yếu nhanh chóng của đế quốc Mỹ đã kéo theo sự khủng hoảng và suy yếu của toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa. Thời kỳ kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa phát triển với tốc độ cao của những năm 1950 và 1960 đã chấm dứt. Từ cuối năm 1973 đến nay, các nước này đang lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng, kéo dài và chưa có lối thoát. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa cũng phát triển mạnh chưa từng thấy từ cuối những năm 1960 trở đi.

Chủ nghĩa tư bản thế giới đã đi vào một giai đoạn mới của tổng khủng hoảng: khủng hoảng trầm trọng cùng một lúc cả về kinh tế và chính trị, cả ở chính quốc và các nước phụ thuộc. Đó là tình hình nghiêm trọng chưa từng có đối với chủ nghĩa đế quốc.

Cuộc chiến tranh Việt-nam đã làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc đặc biệt là giữa đế quốc Mỹ và các đế quốc khác càng thêm sâu sắc. Các nước đế quốc đã lợi dụng tình hình đế quốc Mỹ sa lầy và suy yếu trong chiến tranh Việt-nam để làm giàu và thay đổi lực lượng đối sánh giữa chúng với đế quốc Mỹ. Cuộc chiến tranh Việt-nam càng kéo dài, Mỹ càng suy yếu nhanh chóng và các nước đế quốc khác càng lớn mạnh lên và vai trò bá chủ của Mỹ đối với thế giới tư bản chủ nghĩa ngày càng lung lay. Năm 1948 sản lượng công nghiệp của Mỹ chiếm 54,6% của thế giới tư bản chủ nghĩa, các nước Tây Âu chiếm 28,8% và Nhật-bản chiếm 1,2%. Như vậy sản lượng công nghiệp của các nước Tây Âu và Nhật cộng lại mới bằng hơn nửa của Mỹ. Năm 1973 sản lượng công nghiệp của Mỹ chỉ còn 37,6%, các nước Tây Âu chiếm 30,5% và Nhật-bản chiếm 8,7%. Như vậy, sản lượng công nghiệp của các nước

Digitized by Google

này cộng lại đã lớn hơn của Mỹ. Các hệ thống tiền tệ và thương mại do Mỹ lập ra và khống chế từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến cuối những năm 60 đã bị khủng hoảng và sụp đổ. Từ giữa những năm 60, nhiều liên minh quân sự do Mỹ lập ra đang tan rã, còn liên minh quân sự chủ yếu của Mỹ là khối Bắc Đại-tây-dương đang rạn nứt nghiêm trọng. Từ cuối những năm 60 và đầu những năm 70, phe đế quốc do Mỹ cầm đầu đã bị xé ra thành ba trung tâm giành giật lẫn nhau: Bắc Mỹ, Tây Âu và Nhật-bản.

Rõ ràng, những điều nói trên chứng minh rằng cuộc chiến đấu của nhân dân Việt-nam thắng lợi đã góp phần *to lớn làm thay đổi lực lượng đối sánh giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới*. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, với chiến thắng của Hồng quân Liên-xô, Đảng ta đã khẳng định rằng phong trào cách mạng thế giới phát triển với một khí thế mới, đã chuyển từ thế phòng ngự của thời kỳ trước chiến tranh sang thế tiến công chiến lược. Lúc đó, đứng về sản xuất vật chất, sản xuất công nghiệp của hệ thống xã hội chủ nghĩa mới chỉ chiếm 20% của thế giới và sản xuất công nghiệp của các nước đế quốc chiếm 70% của thế giới. Nhưng lực lượng cách mạng đã mạnh hơn lực lượng của chủ nghĩa đế quốc. Bởi vì nói đến lực lượng đối sánh không thể chỉ tính đến sản xuất vật chất đơn thuần mặc dù sản xuất vật chất là một nhân tố rất quan trọng, mà còn phải tính đến nhân tố quan trọng nhất là hàng nghìn triệu con người trên thế giới đã thức tỉnh và đứng lên chống chủ nghĩa đế quốc. Đứng về phía lực lượng cách mạng mà nói, phải tính đến sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng vì lợi ích chung mà phối hợp chặt chẽ với nhau, và chĩa vào một kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc đặc biệt là đế quốc Mỹ phải tính đến sức mạnh không những về vật chất mà cả về tinh thần, một yếu tố khiến cho lực lượng cách mạng đã mạnh lại mạnh hơn bội phần. Ngược lại, về phía lực lượng đế quốc, phải tính đến các mâu thuẫn cơ bản nội tại lúc đó xâu xé chủ nghĩa đế quốc, dìm nó vào một giai đoạn mới của tổng khủng hoảng, làm cho nó đã suy yếu lại suy yếu bội phần. Cách nhìn về lực lượng đối sánh trên đây đã được thực tế 30 năm qua chứng minh là đúng.

Với thế bị động phòng ngự, chiến lược toàn cầu của Mỹ trong 30 năm qua phải đối phó với mối đe dọa từ bên ngoài là sự lớn mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa và nhất là phải đối phó với mối đe dọa bên trong là phong trào cách mạng ngày càng sôi sục trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới. Tuy vậy Mỹ cũng không thể ngăn chặn quá trình phát triển cách mạng trong hệ thống tư bản chủ nghĩa cũng như sự lớn mạnh của chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ không đủ sức dụng độ về quân sự với Liên-xô, sau chiến tranh Triều-tiên, Mỹ không đủ sức dụng độ quân sự với Trung-quốc, sau chiến tranh Việt-nam, Mỹ rất sợ một Việt-nam thứ hai. Những diễn biến trên đây nói lên lực lượng đối sánh mới sau Việt-nam. Ngày nay, sau 30 năm biến đổi sâu sắc, lực lượng đối sánh giữa cách mạng và phản cách mạng trên phạm vi thế giới đã thay đổi rất to lớn, có lợi cho cách mạng, chúng ta có thể khẳng định rằng thế tiến công chiến lược của cách mạng thế giới hiện nay đang có những thay đổi về chất.

Digitized by Google

KHỦNG HOẢNG CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

Về ý nghĩa thắng lợi của cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam, trong buổi mít tinh trọng thể mừng thắng lợi tại Hà-nội, đồng chí Lê-Duẩn đã nói : « Thắng lợi của Việt-nam không riêng gì là thắng lợi của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam mà còn có ý nghĩa quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc : nó đã làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ. Nó chứng minh rằng ba dòng thác cách mạng của thời đại hiện nay đang ở thế tiến công, đang đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc. Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc, dù là đế quốc Mỹ, không thể lấn được một tấc đất của bất kỳ nước xã hội chủ nghĩa nào, không thể đẩy lùi được phong trào độc lập dân tộc trên thế giới, không thể ngăn chặn được sự phát triển của các nước lên chủ nghĩa xã hội. Với ý nghĩa đó, thắng lợi của Việt-nam đã mở ra một thời kỳ mới, vô cùng thuận lợi cho phong trào cách mạng thế giới » (2).

Dư luận chung trên thế giới đều cho rằng chiến tranh Việt-nam đánh dấu một mốc mới trong lịch sử thế giới và mọi người đều nói đến thời kỳ « sau Việt-nam ».

Để tìm hiểu sự khủng hoảng của chiến lược toàn cầu của Mỹ, chúng ta cần đánh giá đặc điểm tình hình của thời kỳ « sau Việt-nam » này. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời đại quá độ này cũng có những mốc lịch sử quan trọng từ sau Cách mạng tháng Mười Nga đến nay là chiến tranh thế giới thứ hai và chiến tranh Việt-nam. Để thấy rõ xu thế phát triển của tình hình thế giới « sau Việt-nam », ta hãy so sánh thời kỳ « sau Việt-nam » với hai thời kỳ : thời kỳ sau Cách mạng tháng Mười Nga và thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Từ sau Cách mạng tháng Mười Nga đến 1945, điều đáng chú ý là cách mạng xã hội chủ nghĩa đã chọc thủng một mắt xích yếu nhất trong dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và do đó đã góp phần giải quyết cuộc khủng hoảng lần thứ nhất của phong trào cộng sản quốc tế. Nhưng lúc đó Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên còn non trẻ lại bị đế quốc bao vây và hai lần bị đế quốc tiến công vũ trang, phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi và Mỹ la tinh và phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa cũng còn yếu, cách mạng thế giới tạm thời phải ở trong thế phòng ngự.

Chủ nghĩa đế quốc đã bị chọc thủng ở một khâu và trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế lớn nhất (1929 – 1933) nhưng vẫn còn tạm thời ổn định tương đối về chính trị ở cả chính quốc lẫn thuộc địa.

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến chiến tranh của Mỹ xâm lược Việt-nam, có những sự kiện nổi bật như : sau chiến thắng của Hồng quân Liên-xô đối với chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa xã hội ra khỏi phạm vi một nước. Vòng vây của chủ nghĩa tư bản bị phá vỡ. Nhiều nước ở châu Âu và châu Á tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời. Chiến thắng của Hồng quân Liên-xô đối với chủ nghĩa phát xít đã tạo những điều kiện rất thuận lợi cho cách mạng thế giới phát triển. Cách mạng Trung-quốc thành công góp phần làm cho lực lượng đối sánh trên thế giới thay đổi lớn. Phong trào giải phóng dân tộc làm sụp đổ chủ nghĩa thực

(2) Lê-Duẩn : *Quyết tâm xây dựng Việt-nam thành một nước văn minh giàu mạnh vươn lên đỉnh cao của thời đại*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, trang 14.

Digitized by Google

dân cũ. Phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển trong chiến tranh thế giới thứ hai nhưng lại tạm lắng xuống trong một thời kỳ giữa những năm 1950 và 1960 và sau đó mới lại tiếp tục phát triển.

Chủ nghĩa đế quốc nói chung bị suy yếu, nhưng đế quốc Mỹ làm giàu và trở nên cường quốc lớn nhất về kinh tế và quân sự thống trị thế giới tư bản chủ nghĩa. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa có một bước phát triển chưa từng thấy nhờ có cách mạng khoa học — kỹ thuật trong những năm 1950 và 1960. Ở các thuộc địa, chủ nghĩa thực dân cũ bị sụp đổ nhưng tình hình chính trị ở các nước đế quốc vẫn tạm thời ổn định và chủ nghĩa thực dân mới ra đời.

Cách mạng ở thế tiến công. Nhưng trong phong trào cộng sản quốc tế và giữa các nước xã hội chủ nghĩa có sự bất đồng về quan điểm và một số người có xu hướng đi vào thế phòng ngự. Phong trào cộng sản quốc tế trải qua cuộc khủng hoảng lần thứ hai.

Trong bối cảnh thế giới đang có những vấn đề rất phức tạp, nhân dân Việt-nam, một dân tộc nước không rộng, người không đông, có sự lãnh đạo đúng đắn của một đảng Mác — Lê-nin chân chính, đã đánh và đánh thắng tên đế quốc đầu sỏ, điều đó góp phần quan trọng vào những thay đổi to lớn, rất cơ bản, sâu sắc và lâu dài của tình hình thế giới.

Thời kỳ « sau Việt-nam », đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ bị suy yếu nghiêm trọng, kéo theo toàn bộ hệ thống đế quốc chủ nghĩa vào cuộc khủng hoảng toàn diện, ở cả chính quốc lẫn thuộc địa. Cho đến nay đế quốc Mỹ nói riêng, chủ nghĩa đế quốc nói chung, vẫn chưa tìm được phương sách nào để thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng. Chủ nghĩa thực dân mới khủng hoảng sâu sắc và đi vào quá trình sụp đổ. Sự thống trị của đế quốc Mỹ trong thế giới tư bản chủ nghĩa bị suy yếu và hệ thống đế quốc chủ nghĩa chia thành 3 trung tâm, giành giật nhau gay gắt. Tâm lý phục Mỹ, sợ Mỹ trên thế giới đã giảm bớt nhiều.

Cả ba dòng thác cách mạng phát triển ngày càng mạnh mẽ và đều khắp. Đó là *« những lực lượng đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của lịch sử phát triển của xã hội loài người, đang thúc đẩy sự quá độ của thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội »* (3). Sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng nói chung cũng như của các nước xã hội chủ nghĩa nói riêng đã hơn hẳn lực lượng đế quốc chủ nghĩa.

Một nhân tố mới, trước chưa từng có, là sự giải phóng tư tưởng của con người, giải phóng tư tưởng các dân tộc nhỏ; ý thức độc lập tự chủ của các dân tộc, của các phong trào cách mạng trên thế giới được nâng cao. Nhân tố đó đang thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng trên thế giới, đưa đến những sáng tạo mới, những bước nhảy vọt mới.

Thời kỳ « sau Việt-nam » sẽ là thời kỳ cách mạng phát triển nhanh. Ba dòng thác cách mạng tiếp tục phát triển mạnh. Cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công ở một số nước đang phát triển và hệ thống xã hội chủ nghĩa phát huy ưu thế về mọi mặt bao gồm cả mặt sản xuất vật chất đối với chủ nghĩa đế quốc. Có khả năng vào cuối thế kỷ này chủ nghĩa thực dân mới, hình thức thực dân cơ bản cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc sẽ căn bản bị xóa bỏ. Hệ thống tư bản chủ nghĩa càng khủng hoảng trầm trọng, suy yếu và co hẹp thêm. Cũng có khả năng: dinh lũy của chủ nghĩa tư bản bị chọc thủng ở một vài nơi hoặc nhiều nơi, cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công ở một vài nước tư

(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 79.

Digitized by Google

bản chủ nghĩa phát triển. Đây sẽ là một biến chuyển cực kỳ to lớn. Cách đây mấy năm, cách mạng Bồ-đào-nha tuy mới đạt được thắng lợi ở một mức nhất định, nhưng cũng đã góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa phát xít ở Bồ-đào-nha và sụp đổ cả hệ thống thuộc địa của Bồ-đào-nha, đưa đến những thay đổi lớn ở châu Âu và châu Phi. Sự sụp đổ của một bộ phận của chủ nghĩa tư bản ngay trong dinh lũy của nó sẽ là một bước nhảy vọt có ảnh hưởng to lớn đến cuộc đấu tranh giai cấp nhằm giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới.

Thời kỳ «sau Việt-nam» trước tình hình cách mạng thế giới có những khả năng biến đổi như trên, đế quốc Mỹ liệu có những khả năng lựa chọn chiến lược như thế nào? Trước hết, cần phải khẳng định một điều cơ bản là bản chất của chủ nghĩa đế quốc nói chung và chủ nghĩa đế quốc Mỹ nói riêng không hề thay đổi. Vơ vét lợi nhuận độc quyền cao bằng cách bóc lột áp bức giai cấp công nhân ở trong nước và các dân tộc khác ở ngoài nước, bằng cách điên cuồng chống lại ba dòng thác cách mạng trên thế giới, bằng cách giành giật thị trường và nguyên liệu giữa bọn đế quốc với nhau là bản chất đồng thời là mục tiêu chiến lược không thay đổi của chủ nghĩa đế quốc nói chung, và của chủ nghĩa đế quốc Mỹ nói riêng. Mặc dù chúng có phải thay đổi chiến lược và sách lược như thế nào, thì thật ra chẳng qua là trong điều kiện khách quan và chủ quan đã thay đổi chúng phải thay đổi cách làm để đạt tới mục tiêu chiến lược không thay đổi đó mà thôi.

Mặt khác, chúng ta cũng cần thấy rằng nếu đối sánh lực lượng trên thế giới giữa một bên là lực lượng của ba dòng thác cách mạng với một bên là lực lượng đế quốc chủ nghĩa do đế quốc Mỹ cầm đầu thay đổi có lợi hoặc không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc, thì khả năng thực hiện lợi ích chiến lược của chúng, tức là khả năng thực hiện bản chất của chúng, có thể tăng hoặc giảm. Và xét đến cùng, lực lượng đối sánh trên thế giới vẫn là nhân tố quyết định việc chủ nghĩa đế quốc phát huy được nhiều hay ít bản chất không thay đổi của chúng. Bản chất và mục tiêu chiến lược của chủ nghĩa đế quốc Mỹ là do quy luật lợi nhuận tối đa quyết định. Nhưng khả năng thực hiện chiến lược đó, sự thành công hay thất bại của chiến lược đó lại là do lực lượng đối sánh trên thế giới quyết định.

Trong 30 năm qua, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay đế quốc Mỹ đã 4 lần điều chỉnh chiến lược toàn cầu của chúng:

Từ năm 1945 đến năm 1950 đế quốc Mỹ thi hành chiến lược của Tơ-ru-man: «chặn đứng chủ nghĩa cộng sản» dựa vào độc quyền hạt nhân, đe dọa nhân dân thế giới. Tuy Mỹ tiến hành chính sách khiêu khích, đe dọa nhân dân và lực lượng cách mạng thế giới nhưng Mỹ đã không ngăn cản được phong trào cách mạng ở Việt-nam, Trung-quốc và Đông Âu. Kết quả thực sự của chiến lược Mỹ trong giai đoạn này lại là Mỹ xóa bỏ được địa vị ưu thế của Anh, Pháp trong hệ thống thuộc địa, hệ thống tiền tệ và thương mại của thế giới tư bản chủ nghĩa và thay vào đó Mỹ đã áp đặt được lần đầu tiên sự thống trị của Mỹ lên thế giới tư bản chủ nghĩa.

Từ năm 1950 đến năm 1960 là thời kỳ chiến tranh lạnh, đế quốc Mỹ thi hành chiến lược của Ai-xen-hao: «đẩy lùi chủ nghĩa cộng sản» và về quân sự «trả đũa ồ ạt». Đây là thời kỳ Mỹ đã mất độc quyền hạt nhân, nhưng vẫn còn nắm được ưu thế hạt nhân, cho nên Mỹ thi hành chính sách ngoại giao «bên miệng hố chiến tranh» bao vây, cấm vận và đe dọa hệ thống xã hội chủ nghĩa và các nước

Digitized by Google

khác, phát động cuộc chạy đua vũ trang, triển khai lực lượng quân sự và kinh tế trên thế giới. Mỹ hy vọng với chiến lược này có thể buộc các nước xã hội chủ nghĩa đã bị chiến tranh tàn phá, phải giảm bớt việc xây dựng kinh tế và phải dốc sức lực vào chạy đua vũ trang, do đó làm cho các nước xã hội chủ nghĩa phải kiệt sức và sụp đổ từ bên trong. Đồng thời Mỹ dùng chạy đua vũ trang và chiến tranh lạnh để củng cố vai trò bá chủ của Mỹ trên thế giới tư bản chủ nghĩa cả về kinh tế và quân sự.

Từ *năm 1961 đến 1968*, đế quốc Mỹ thi hành về chính trị « chiến lược vì hòa bình » của Ken-nơ-đi và về quân sự, chiến lược « phản ứng linh hoạt ». Trong thời kỳ này, Liên-xô đã giành được thế cân bằng hạt nhân với Mỹ cho nên Mỹ tìm cách tạm thời hòa hoãn với Liên-xô ; triệt để lợi dụng mâu thuẫn về đường lối trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhất là mâu thuẫn giữa Liên-xô và Trung-quốc ; chia rẽ mặt trận thế giới đoàn kết lực lượng xã hội chủ nghĩa với lực lượng độc lập dân tộc nhằm mục đích làm suy yếu lực lượng cách mạng trên thế giới để Mỹ có thể tập trung lực lượng chống phá phong trào giải phóng dân tộc mà Ken-nơ-đi coi là mối đe dọa chủ yếu trong những năm 60 đối với Mỹ. Vì phong trào giải phóng dân tộc — như Đảng ta đã nhận định — « bao gồm cả nghìn triệu nhân dân bị áp bức đang dâng lên cuồn cuộn tạo thành một cơn bão táp cách mạng, làm sụp đổ từng mảng lớn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ». Chiến lược ấy được Ken-nơ-đi và giôn-xơn thực hiện một cách tập trung nhất trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam và Lào trong những năm 60. Nhưng điều không lợi cho Mỹ là Mỹ thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt-nam, một cuộc thất bại làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ.

Từ năm 1969 đến năm 1972, đế quốc Mỹ thi hành « học thuyết Nich-xơn ». Học thuyết này ra đời trong điều kiện lực lượng đối sánh giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới đã thay đổi căn bản, có lợi cho cách mạng. Mặc dù các nước xã hội chủ nghĩa có sự bất đồng, hệ thống xã hội chủ nghĩa vẫn không ngừng tăng cường củng cố và phát huy tác dụng quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc sụp đổ và chủ nghĩa thực dân mới đang trong quá trình khủng hoảng nghiêm trọng. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và phong trào dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa đã có bước phát triển mới. Đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, bị suy yếu về quân sự và cô lập về chính trị hơn bao giờ hết. Đế quốc Mỹ và các nước đế quốc khác lâm vào cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng thêm, mâu thuẫn giữa các nước đế quốc khác với đế quốc Mỹ, giữa các nước đế quốc với nhau ngày càng sâu sắc. Trong điều kiện không lợi ấy, Nich-xơn không thể không điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Mỹ. Về chính trị, y đề ra cái gọi là « chiến lược vì hòa bình », về quân sự, y thi hành chiến lược « ngăn đe thực tế ». Mục tiêu của Nich-xơn là « giảm cam kết quốc tế » của Mỹ để bớt gánh nặng về quân sự và kinh tế cho Mỹ, nhằm ổn định tình hình nội bộ và mị dân, tăng cường lực lượng, giành lại thế mạnh, tiếp tục mưu đồ làm bá chủ thế giới, duy trì lợi ích của Mỹ trên các lục địa và vẫn đóng được vai trò sen đầm quốc tế trước phong trào cách mạng của nhân dân các nước.

Những lần Mỹ điều chỉnh chiến lược từ thời kỳ « sau Việt-nam » (kể từ khi học thuyết Nich-xơn ra đời) cũng như những lần Mỹ điều chỉnh chiến lược trước đây đều do một nguyên nhân chung là đối sánh lực lượng trên thế giới thay đổi, ngày

Digitized by Google

càng không có lợi cho Mỹ. Nhưng khác hẳn trước đây, những sự điều chỉnh về chiến lược của Mỹ thời kỳ « sau Việt-nam » có sâu sắc hơn. Những lần điều chỉnh chiến lược trước đây được tiến hành trong tình hình nền kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ nhất và nội bộ nước Mỹ tương đối ổn định về chính trị. Sự điều chỉnh chiến lược thời kỳ « sau Việt-nam » tiến hành trong tình hình khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế và chính trị của bản thân nước Mỹ do cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam đã gây ra. Cuộc khủng hoảng sâu sắc này đã tạo nên xu thế rất mạnh trong nhân dân Mỹ đòi chính quyền Mỹ không được gây ra thêm « một Việt-nam nữa », đã kéo theo cuộc khủng hoảng trầm trọng trong quân đội Mỹ, công cụ chủ yếu của chiến lược toàn cầu của Mỹ, điều này có ảnh hưởng lâu dài đến chiến lược của Mỹ.

Khả năng đối phó của Mỹ trước đây đã bị hạn chế nay lại càng bị co hẹp. Thời gian từ 1945 đến 1949 là lúc Mỹ mạnh nhất trong lịch sử nước Mỹ, Mỹ giữ độc quyền hạt nhân, lực lượng của Mỹ mạnh hơn tất cả các nước đế quốc khác cộng lại, lực lượng của Mỹ còn chưa bị giãn mỏng trên thế giới, là lúc Liên-xô và các nước đế quốc khác vừa ra khỏi cuộc chiến tranh, đang trong thời kỳ băng bó vết thương chiến tranh và khôi phục kinh tế, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang trên quá trình hình thành. Chính giữa lúc còn sung sức đó, Mỹ đã đề ra chiến lược chặn đứng chủ nghĩa cộng sản, nhưng Mỹ đã không dám trực tiếp can thiệp quân sự vào quá trình biến đổi cách mạng ở các nước Đông Âu và vào cuộc nội chiến cách mạng ở Trung-quốc. Trong tình hình đó, các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa và nước Trung-hoa xã hội chủ nghĩa đã được thành lập và trên cơ sở đó hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời. Rõ ràng là chính giữa lúc Mỹ còn sung sức nhất, Mỹ cũng không có đủ khả năng đối phó với mọi nơi trong cùng một lúc.

Năm 1961, nói về « chiến lược vì hòa bình » và « chiến lược phản ứng linh hoạt », tổng thống Mỹ Ken-nơ-đi đã huênh hoang tuyên bố: « Cần phải làm cho mọi nước trên thế giới hiểu rõ: dù họ mong muốn cho chúng ta điều tốt lành hay điều xấu xa, chúng ta cũng sẽ trả bất cứ giá nào, chấp nhận bất cứ gánh nặng nào, vượt qua bất cứ khó khăn nào, ủng hộ bất cứ người bạn nào hoặc đương đầu với bất cứ kẻ thù nào để bảo đảm sự sống còn và thắng lợi của tự do ». Nhưng cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam chứng tỏ rằng mặc dù tiềm lực của Mỹ rất lớn, nhưng Mỹ đã không còn đủ sức để đối phó với tất cả những sự thách thức đối với Mỹ trên thế giới.

Rút bài học về cuộc chiến tranh này, năm 1969, khi công bố học thuyết Nich-xơn ở Gu-am, tổng thống Mỹ Nich-xơn đã phải xuống giọng: « Chúng ta sẽ cung cấp một lá chắn nếu một cường quốc hạt nhân đe dọa tự do của một nước đồng minh với chúng ta hoặc của một nước mà sự sống còn được chúng ta coi là thiết thân đối với an ninh của chúng ta. Trong những trường hợp liên quan đến những loại xâm lược khác, chúng ta sẽ cung cấp viện trợ về quân sự và kinh tế khi được yêu cầu đúng với sự cam kết của chúng ta theo các hiệp ước. Nhưng chúng ta mong rằng nước trực tiếp bị đe dọa đảm nhận trách nhiệm chủ yếu về cung cấp nhân lực cho cuộc phòng thủ nước đó ».

Nich-xơn đã phải xem xét lại chiến lược của Ken-nơ-đi làm sen đầm quốc tế với bất cứ giá nào và bất cứ ở đâu trên thế giới, và chuyển sang theo đuổi chiến lược làm sen đầm quốc tế có chọn lọc.

Rõ ràng là ngày nay, sau khi bị suy yếu nghiêm trọng trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, khả năng

Digitized by Google

đối phó của Mỹ càng bị giảm đi rất nhiều so với trước.

Vậy những hướng chiến lược mà Mỹ phải lựa chọn để đối phó là như thế nào? Vì khả năng của Mỹ ngày càng bị hạn chế trong khi phong trào cách mạng ngày càng phát triển và những mối đe dọa lợi ích của chủ nghĩa đế quốc ngày càng nhiều, Mỹ không thể nào đối phó với mọi nơi trên thế giới và buộc phải lựa chọn trọng điểm để đối phó.

Thời kỳ « sau Việt-nam », trong khi phải ra sức ngăn chặn và làm suy yếu hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển mạnh mẽ, ra sức chống lại phong trào độc lập dân tộc và giải phóng dân tộc đang sôi nổi làm cho chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ khủng hoảng nghiêm trọng, chống lại phong trào đấu tranh rộng khắp của công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa, đế quốc Mỹ còn phải tiếp tục đối phó với cuộc tổng khủng hoảng trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Trước đây, đế quốc Mỹ là đế quốc mạnh nhất, mạnh hơn các đế quốc khác cộng lại. Thời kỳ « sau Việt-nam », đế quốc Mỹ đã suy yếu lại phải đối phó cùng một lúc với cuộc khủng hoảng toàn diện sâu sắc của bản thân nước Mỹ, với mâu thuẫn giữa Mỹ và hai trung tâm khác của chủ nghĩa đế quốc là Tây Âu và Nhật-bản. Mỹ đang đứng trước những khó khăn không thể khắc phục được : nền kinh tế Mỹ ngày càng phải phụ thuộc vào nguyên liệu và nhiên liệu của nước ngoài; trước chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ tự túc hoàn toàn về nguyên liệu và nhiên liệu, đồng thời còn là nguồn cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều nước, nhưng năm 1950, Mỹ phải nhập từ bên ngoài 15% nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu, năm 1970 Mỹ phải nhập 25% và dự kiến đến năm 2000, Mỹ phải nhập từ 60 đến 70%; trong khi đó khả năng của Mỹ không chế thế giới tư bản chủ nghĩa ngày càng co hẹp. Do đó khả năng đối phó của Mỹ ngày càng hạn chế và sự lựa chọn hướng chiến lược của Mỹ ngày càng gặp khó khăn. Chúng ta không thể dự kiến Mỹ sẽ bỏ những nơi nào để cố giữ những nơi nào? Vì bản thân Mỹ cũng chưa dự kiến được hết mức độ diễn biến của tình hình thế giới thời kỳ « sau Việt-nam ». Điều chắc chắn là Mỹ sẽ buộc phải bỏ những nơi không thể giữ được trong phần còn lại của thế giới tư bản chủ nghĩa và cố bám lấy những nơi sống còn đối với Mỹ trong phần còn lại của thế giới tư bản chủ nghĩa này.

Các biện pháp và thủ đoạn trong chiến lược của Mỹ về cơ bản cũng là các biện pháp và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc nói chung vì đế quốc Mỹ và các đế quốc khác đều cùng có một lợi ích chiến lược là vơ vét lợi nhuận tối đa trong điều kiện 3 dòng thác cách mạng trên thế giới ngày càng phát triển mạnh mẽ, ngày càng tiến công dữ dội vào chủ nghĩa đế quốc và không ngừng đe dọa lợi ích chiến lược đó. Lợi ích chiến lược thực hiện trong điều kiện lực lượng đối sánh trên thế giới đã thay đổi ngày càng không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc như vậy xác định các biện pháp và thủ đoạn trong chiến lược của chủ nghĩa đế quốc. Song do Mỹ có những đặc điểm riêng và do Mỹ là tên đế quốc đầu sỏ, tên bóc lột quốc tế lớn nhất và tên sen đầm quốc tế, Mỹ phải đối phó với một cao trào đấu tranh cách mạng thế giới mà các đế quốc khác chưa từng gặp phải, cho nên các biện pháp và thủ đoạn của đế quốc Mỹ cũng có tính riêng biệt của nó.

Ngay từ khi đế quốc Mỹ đã bắt đầu chính sách bành trướng, chúng đã coi chính sách *cái gậy và củ cà rốt* là quốc sách hàng đầu. Vào đầu thế kỷ này, tổng thống Mỹ Thê-ô-đo Ru-dơ-ven đã nêu tư tưởng sau đây thành phương châm đối ngoại của Mỹ : « Nói năng nhẹ nhàng và vác chiếc gậy to thì sẽ đi được xa ». Thực chất của tư

Digitized by Google

tưởng đó là kết hợp đe dọa vũ lực với mua chuộc lừa bịp.

Cái gậy và củ cà rốt của Mỹ cũng có đặc tính riêng của nó. Mỹ là một nước lớn, từ 80 năm nay đứng đầu thế giới về kinh tế. Mỹ khác với tất cả các đế quốc khác là Mỹ mạnh cả về công nghiệp và nông nghiệp. Trong một thời gian dài Mỹ chẳng những nắm ưu thế về khoa học kỹ thuật trên thế giới mà còn kiểm soát một phần quan trọng dạ dày của thế giới tư bản chủ nghĩa, nhất là của các nước chậm phát triển (năm 1974, Mỹ xuất 36,8% lúa mì, 50,5% ngô, 93,5% đỗ tương, 23,8% gạo và 22,5% bông của tổng số xuất khẩu trên thế giới). Mỹ là lái súng lớn nhất cung cấp vũ khí cho các bên tham chiến trong chiến tranh thế giới thứ nhất và chiến tranh thế giới thứ hai. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai Mỹ mạnh hơn tất cả các nước đế quốc khác cộng lại về 3 mặt kinh tế, tài chính và quân sự. Trong khoảng 5 năm, Mỹ nắm độc quyền hạt nhân và trong gần 10 năm Mỹ nắm ưu thế về hạt nhân trên thế giới. Những đặc điểm trên đây của đế quốc Mỹ là có một không hai trong lịch sử của chủ nghĩa đế quốc. Chính vì lẽ đó chính sách vũ lực cũng như lừa bịp, mua chuộc của Mỹ có khác với các nước đế quốc khác.

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, trong các chiến lược từ Tơ-ru-man đến Ních-xơn, đế quốc Mỹ đều giơ gậy to và lừa bịp. Tuy gậy của Mỹ lớn, nhưng việc Mỹ sử dụng gậy đó rất bị hạn chế. Mỹ dùng gậy để thực hiện chính sách đe dọa. Trong lịch sử của chủ nghĩa đế quốc Mỹ, Mỹ chưa hề tiến hành chiến tranh chống một kẻ thù lớn mạnh hơn Mỹ, hoặc ngang sức với Mỹ, thậm chí yếu tương đối so với Mỹ, Mỹ chỉ mới tiến hành chiến tranh chống những đối thủ rất yếu so với Mỹ. Mỹ là đế quốc sinh sau, cũng như các đế quốc sinh sau khác, Mỹ đòi chia lại các thuộc địa. Mỹ đã tiến hành chiến tranh đế quốc đầu tiên trong lịch sử của chủ nghĩa đế quốc để chia lại thuộc địa, đó là cuộc chiến tranh của Mỹ đánh Tây-ban-nha năm 1898 để chiếm đoạt thuộc địa của Tây-ban-nha, một nước đế quốc suy yếu nhất. Nhưng Mỹ lại không dám gây chiến tranh với đế quốc Anh và Pháp là hai nước có thuộc địa nhiều nhất, béo bở nhất, và là những đế quốc hùng mạnh lúc đó. Đế quốc Mỹ chỉ tham gia chiến tranh thế giới thứ nhất để chia lại thuộc địa, khi chiến tranh sắp kết thúc và các bên tham chiến đã kiệt quệ. Đế quốc Mỹ buộc phải tham gia cuộc chiến tranh thế giới thứ hai nhưng với mức độ cần thiết để có thể làm giàu trong khi các đối thủ và đồng minh của Mỹ bị kiệt quệ và suy yếu trong chiến tranh. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, mặc dù Mỹ có độc quyền hạt nhân, Liên-xô vừa ra khỏi một cuộc chiến tranh tàn phá và Trung-quốc vừa ra khỏi cuộc nội chiến cách mạng, nhưng Mỹ cũng tránh va chạm về quân sự với Liên-xô và Trung-quốc. Sau này Mỹ đã liều lĩnh gây ra cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt-nam, nhưng rốt cuộc Mỹ đã thất bại thảm hại và suy yếu nghiêm trọng, Mỹ đã phải rút ra bài học không nên có một Việt-nam thứ hai nữa.

Biện pháp chiến lược của Mỹ là dùng sức mạnh để đe dọa. Kít-xinh-giơ lộ rõ ý đồ đó như sau: «một trò bịp mà được coi là đe dọa thật sự thì còn có ích hơn là đe dọa thật sự mà lại được coi là một trò bịp». Điều tốt nhất đối với Mỹ là dọa nạt và buộc được đối phương phải khuất phục mà không cần dùng đến chiến tranh. Cố nhiên nếu Mỹ buộc phải làm chiến tranh mà giải quyết được nhanh, gọn, có lợi cho Mỹ thì vẫn tốt. Nhưng nếu chiến tranh kéo dài thì có nhiều nguy cơ cho Mỹ. Chiến tranh kéo dài làm cho Mỹ suy yếu, một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho các đối thủ của

Digitized by Google

Mỹ lợi dụng thời cơ tăng cường lực lượng của mình và làm thay đổi lực lượng đối sánh giữa Mỹ và các đối thủ của Mỹ, mặt khác tạo cơ hội cho các dân tộc bị Mỹ thống trị nổi lên đấu tranh giành lại độc lập dân tộc và như vậy Mỹ bị bó tay, ít có khả năng đối phó. Chiến tranh phi nghĩa kéo dài làm cho chính quyền Mỹ không thể tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân Mỹ vốn có truyền thống đấu tranh cho độc lập và tự do và khó có thể đoàn kết nhân dân Mỹ bao gồm nhiều chủng tộc khác nhau vốn bị chia rẽ lâu đời. Những hậu quả của một cuộc chiến tranh phi nghĩa kéo dài và bị đánh bại sẽ trở thành thảm họa đối với Mỹ. Chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam là một bài học lớn đối với Mỹ.

Thắng lợi của nhân dân Việt-nam và thất bại của Mỹ ở Việt-nam đã giáng một đòn mạnh mẽ vào thần tượng về sức mạnh và sự giàu có của Mỹ mà Mỹ đã dựng lên để thực hiện chiến lược toàn cầu của chúng trong những năm 50 và 60. Chiến thắng của nhân dân Việt-nam đã thức tỉnh lương tri các dân tộc, làm cho các dân tộc tin ở sức mạnh của mình, làm cho họ tin rằng con người có thể thắng được vũ khí. Thời kỳ « sau Việt-nam » cái gậy thần của Mỹ không còn có sức đe dọa như trước nữa tuy rằng chạy đua vũ trang ráo riết chuẩn bị chiến tranh và đe dọa chiến tranh vẫn là những biện pháp chiến lược cơ bản của Mỹ. Đặc biệt, quân đội Mỹ, « cái gậy to » của chiến lược Mỹ đang bị khủng hoảng nghiêm trọng và chưa tìm được liều thuốc nào hiệu nghiệm.

Đi đôi với chính sách cái gậy to là chính sách củ cà rốt. Chính sách đó có ý nghĩa rất quan trọng trong chiến lược của Mỹ. Chính sách đó dựa trên ưu thế lâu dài của Mỹ về kinh tế và khoa học kỹ thuật trên thế giới. Số dân của Mỹ tuy chỉ chiếm 6% số dân thế giới nhưng trong một thời gian dài sản xuất công nghiệp của Mỹ đã chiếm 1/2 của thế giới, ngày nay tuy Mỹ đã suy yếu nhưng sản xuất công nghiệp của Mỹ còn chiếm trên 1/4 của thế giới. Đã từ lâu Mỹ dẫn đầu nhiều ngành khoa học kỹ thuật trên thế giới. Do có một nền kinh tế và khoa học kỹ thuật rất phát triển, Mỹ đã dành những khoản viện trợ khá lớn cho các nước trên thế giới. Trong 30 năm từ 1945 đến 1975 Mỹ viện trợ khoảng 200 tỷ đô-la cho 150 nước trên thế giới, trung bình hằng năm viện trợ gần 7 tỷ đô-la cho các nước. Trong những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, với kế hoạch Mác-san, Mỹ viện trợ cho các nước Tây Âu nhằm lợi dụng khó khăn của các nước này về kinh tế để áp đặt sự thống trị của Mỹ lên thế giới tư bản chủ nghĩa. Trong những năm 50 và 60, Mỹ viện trợ chủ yếu cho các nước Mỹ la tinh, Trung Cận Đông và Đông Nam Á nhằm giành giật các thuộc địa cũ của Anh, Pháp, Hà-lan và thi hành chủ nghĩa thực dân mới ở các nước này.

Ưu thế của Mỹ trong nền kinh tế thế giới ngày càng giảm dần, thì hiệu lực củ cà rốt của Mỹ cũng giảm theo. Trong những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ là nước duy nhất viện trợ cho các nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Từ giữa những năm 50 trở đi, các nước xã hội chủ nghĩa đã dành phần viện trợ quan trọng cho nhiều nước đang phát triển xây dựng nền kinh tế độc lập. Từ đầu những năm 60, các nước tư bản chủ nghĩa phát triển khác cũng viện trợ cho các nước đang phát triển nhằm giành giật với Mỹ thị trường tiêu thụ hàng hóa và nguồn cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu. Trong thời gian Mỹ giữ độc quyền về viện trợ, thì viện trợ của Mỹ là một vũ khí rất lợi hại để thi hành chính sách thực dân mới. Nhưng từ khi viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng có một tầm quan trọng lớn, thì khả năng đấu tranh đòi giải phóng dân tộc và độc lập

Digitized by Google

dân tộc của các nước Á, Phi, Mỹ la tinh càng được tăng cường và viện trợ của Mỹ ngày càng giảm hiệu quả. Chính sách củ cà rốt của Mỹ còn nhằm xuất khẩu lương thực và các thiết bị kỹ thuật hiện đại cần thiết cho việc công nghiệp hóa của các nước, Mỹ đã sử dụng các mặt hàng xuất khẩu này làm vũ khí chống lại các nước đang phát triển và các nước xã hội chủ nghĩa. Trong những năm 50 và 60, Mỹ đã thi hành chính sách cấm vận đối với các nước xã hội chủ nghĩa, nhưng rốt cuộc đã thất bại, vì kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa vẫn phát triển với tốc độ cao chưa từng có; và lại từ cuối những năm 60, Mỹ đã mất ưu thế về kinh tế, các nước tư bản chủ nghĩa phát triển khác đã đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang các nước xã hội chủ nghĩa, phá vỡ sự cấm vận của Mỹ.

Lợi dụng mâu thuẫn và chia rẽ đối phương là một trong những biện pháp chiến lược hàng đầu của các nước từ xưa đến nay. Nước nào cũng muốn giữ gìn được lực lượng của mình trong khi đó dùng đối phương làm suy yếu đối phương. Đó là cái thế «ngồi trên núi xem hổ đánh nhau». Mỹ lại là nước có điều kiện thuận lợi để lợi dụng mâu thuẫn giữa các đối thủ của Mỹ trong thời kỳ từ 1890 đến cuối những năm 50 của thế kỷ này.

Mỹ đã lợi dụng được mâu thuẫn giữa các đế quốc có nhiều thuộc địa và các đế quốc sinh sau không có thuộc địa để đẩy các nước đế quốc sinh sau này gây ra chiến tranh thế giới thứ nhất và chiến tranh thế giới thứ hai nhằm làm suy yếu tất cả các nước đế quốc đó, để Mỹ lợi dụng «đục nước béo cò» làm giàu và nhảy lên vị trí đế quốc đầu sỏ. Mỹ làm được như vậy vì những nguyên nhân sau đây: Mỹ có điều kiện địa lý rất thuận lợi là Mỹ ở một lục địa riêng biệt, các đối thủ lớn của Mỹ đều ở xa. Những nước láng giềng của Mỹ là những nước nhỏ yếu. Lãnh thổ Mỹ lại được hai đại dương che chở. Trong thời kỳ dài, Mỹ có ưu thế là Mỹ có thể đi đánh nước khác, mà không bị các nước khác trừng phạt tại nước mình. Nhưng từ 1957, khi Liên-xô có tên lửa vượt đại dương thì tính chất bất khả xâm phạm của nước Mỹ đã chấm dứt. Chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai đều diễn ra ở châu Âu và châu Á, nơi mà mâu thuẫn giữa các đế quốc sinh sau và những đế quốc có nhiều thuộc địa trở nên gay gắt nhất. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến cuối những năm 50, Mỹ đã lợi dụng ưu thế về kinh tế và quân sự của mình và sự suy yếu của các đế quốc khác sau chiến tranh, đặc biệt là lợi dụng phong trào giải phóng dân tộc chống các đế quốc thực dân Anh, Pháp, Hà-lan để áp đặt nền thống trị của Mỹ lên trên thế giới tư bản chủ nghĩa và tước đoạt các thuộc địa của Anh, Pháp, Hà-lan ở Mỹ la tinh, Trung Cận Đông và Đông Nam Á.

Từ cuối những năm 50 sau khi Mỹ đã áp đặt xong quyền bá chủ của Mỹ trên thế giới tư bản chủ nghĩa và đã giành giật được các thuộc địa quan trọng nhất của Anh, Pháp và Hà-lan, Mỹ phải một mình đối phó với phong trào giải phóng dân tộc phát triển ngày càng mạnh mẽ đồng thời phải đối phó với khuynh hướng độc lập của nhiều nước tư bản chủ nghĩa phát triển chống lại sự thống trị của Mỹ trên thế giới tư bản chủ nghĩa. Trở thành tên sen đầm quốc tế, Mỹ đã biến mình thành đối tượng đả kích của các loại nước và buộc phải rải lực lượng ra khắp thế giới để duy trì quyền bá chủ của Mỹ. Khi nền thống trị của Mỹ đã đạt được đỉnh cao thì đó cũng là lúc Mỹ bắt đầu suy yếu nghiêm trọng, vì lực lượng của Mỹ bị dàn mỏng ra khắp thế giới và Mỹ mâu thuẫn với tất cả các loại nước. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam làm cho mâu thuẫn giữa Mỹ và các loại nước càng trở nên

Digitized by Google

sâu sắc và Mỹ sa lầy ở Việt-nam cho nên Mỹ không có đủ khả năng đối phó với các lực lượng đấu tranh chống lại sự thống trị của Mỹ trên thế giới. Do đó vào cuối những năm 60, từ chỗ chịu sự thống trị của một trung tâm là Mỹ, thế giới tư bản chủ nghĩa chia thành 3 trung tâm Mỹ, Tây Âu và Nhật-bản xâu xé nhau gay gắt.

Từ cuối những năm 50, Mỹ đã lợi dụng và khoét sâu sự bất hòa giữa Liên-xô và Trung-quốc để chia rẽ hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào cách mạng thế giới, nhưng sự bất hòa giữa Liên-xô và Trung-quốc không phải là mâu thuẫn cơ bản của thời đại vì không có cơ sở giai cấp đối kháng, đó chỉ là một hiện tượng tạm thời và cục bộ. Nhất định Liên-xô và Trung-quốc trong tương lai xa hay gần cũng sẽ giải quyết được sự bất hòa. Mâu thuẫn giữa một bên là Liên-xô, Trung-quốc, những nước xã hội chủ nghĩa khác với một bên là Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ và các đế quốc khác mới thực sự là một trong những mâu thuẫn cơ bản của xã hội loài người hiện nay. Mặt khác, Mỹ hòa hoãn với Liên-xô và Trung-quốc để khoét sâu mâu thuẫn giữa Liên-xô với Trung-quốc, và Mỹ chỉ có thể lợi dụng mâu thuẫn này trong một thời gian và với một mức độ nhất định vì việc làm này của Mỹ đã và sẽ đưa đến cuộc khủng hoảng ngày càng sâu sắc về lòng tin đối với Mỹ của các liên minh quân sự chống cộng do Mỹ lập ra và của các chính quyền tay sai thân Mỹ chống cộng.

Từ cuối những năm 50, Mỹ tập trung đối phó với phong trào giải phóng dân tộc. Lúc này Mỹ âm mưu hòa hoãn với Liên-xô, Trung-quốc để chia rẽ mặt trận đoàn kết giữa lực lượng xã hội chủ nghĩa và lực lượng giải phóng dân tộc trên thế giới, ngăn chặn sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa đối với phong trào giải phóng dân tộc; thỏa hiệp với giai cấp tư sản các nước Á Phi, Mỹ la tinh và chia rẽ lực lượng giải phóng dân tộc, dùng chiến tranh đặc biệt và chiến tranh cục bộ để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.

Ý đồ của Mỹ trong âm mưu này là khoét sâu những mâu thuẫn khác để che giấu mâu thuẫn chủ yếu, tức là mâu thuẫn giữa một bên là các lực lượng xã hội chủ nghĩa, các lực lượng giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, các lực lượng dân chủ và hòa bình trên thế giới với một bên là đế quốc Mỹ. Âm mưu này của Mỹ được thực hiện tập trung nhất ở Việt-nam, và đã thất bại. Vì cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống Mỹ xâm lược đã làm cho mâu thuẫn chủ yếu trên thế giới trở nên rất sâu sắc, rất gay gắt. Nhân dân ta đã lập được mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với nhân dân Việt-nam chống Mỹ xâm lược với quy mô rộng, với sức mạnh lớn chưa từng có.

Tuy vậy, đế quốc Mỹ còn có thể thực hiện tạm thời âm mưu này ở một số nơi trên thế giới mà lực lượng cách mạng chưa phát triển mạnh mẽ và thiếu một đường lối đúng đắn có thể đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết để tập trung mũi nhọn chống đế quốc Mỹ. Sau Việt-nam, Mỹ tăng cường thực hiện âm mưu chia rẽ ở Trung Cận Đông, ở Đông bắc châu Phi, ở Nam phần châu Phi và châu Mỹ la tinh.

Nhìn chung, Mỹ có thể lợi dụng mâu thuẫn giữa các đối thủ của Mỹ trong điều kiện mâu thuẫn giữa Mỹ với các đối thủ của Mỹ không gay gắt bằng mâu thuẫn giữa các đối thủ của Mỹ với nhau. Nhưng khi mâu thuẫn chủ yếu giữa Mỹ với nhân dân thế giới trở nên gay gắt nhất, thì khả năng của Mỹ lợi dụng mâu thuẫn giữa các đối thủ của Mỹ ngày càng hạn chế. Tình trạng của Mỹ trong «thời kỳ sau Việt-nam» đã được Bơ-rê-din-xki, cố vấn đối ngoại của Tổng thống Ca-tơ, mô tả trong một bài viết năm 1976: «Nước Mỹ bị cô lập trong một thế giới thù địch».

Digitized by Google

Mỹ còn âm mưu áp đặt sự thống trị của nó trên *thế giới thông qua các tổ chức quốc tế, các hệ thống thế giới về thương mại và tiền tệ, các liên minh quân sự, các tổ chức khu vực*, v.v... Dựa trên sức mạnh về nhiều mặt của nó, từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Mỹ đã có âm mưu lập ra Hội quốc liên để áp đặt sự thống trị của Mỹ trên toàn thế giới. Sau khi Hội quốc liên được thành lập theo đề nghị của Mỹ, Mỹ đã không tham gia Hội quốc liên vì lúc đó đế quốc Anh còn khống chế được Hội ấy. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ âm mưu lập ra Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác, các hệ thống thế giới về thương mại và tiền tệ, ngân hàng và quỹ tiền tệ thế giới, các liên minh quân sự, các tổ chức khu vực như Tổ chức liên Mỹ, v.v... làm công cụ cho Mỹ thống trị toàn thế giới. Tuy quyền phủ quyết của Liên-xô có gây cản trở cho Mỹ, nhưng trong những năm 50 và 60 Mỹ đã tập hợp được một lực lượng bỏ phiếu bảo đảm cho Mỹ có được đa số phiếu và Mỹ đã lũng đoạn được các tổ chức của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác. Mỹ đã lợi dụng danh nghĩa Liên hợp quốc để tiến hành chiến tranh xâm lược Triều-tiên, đàn áp cách mạng Công-gô, nhưng Mỹ không thể thực hiện được âm mưu dùng Liên hợp quốc để chống nhân dân Việt-nam. Từ đầu những năm 70, đế quốc Mỹ đã suy yếu nhanh chóng trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt-nam và phong trào cách mạng thế giới đã có những bước phát triển mới. Điều đó cũng được phản ánh vào Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác. Mỹ không còn lũng đoạn các tổ chức này như trước nữa. Trước đây Liên-xô dùng quyền phủ quyết để hạn chế việc Mỹ lũng đoạn Liên hợp quốc trong những vấn đề an ninh quốc tế, ngày nay ngược lại nhiều trường hợp Mỹ đã phải dùng quyền phủ quyết để ngăn chặn những nghị quyết của Liên hợp quốc không có lợi cho Mỹ. Hệ thống thương mại và hệ thống tiền tệ thế giới do Mỹ khống chế và nhiều liên minh quân sự do Mỹ lập ra có cái đang rệu rã, có cái đã tan vỡ. Tuy vậy Mỹ còn lũng đoạn ngân hàng thế giới, quỹ tiền tệ quốc tế, một số liên minh quân sự xâm lược do Mỹ cầm đầu, v.v...

Mỹ là đế quốc sinh sau. Một trong những mục tiêu chiến lược của Mỹ trước đây là phá bỏ trật tự cũ để giành giật thuộc địa của các đế quốc đã chiếm nhiều thuộc địa. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ thực hiện chiến lược này trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc đi vào giai đoạn tổng khủng hoảng, phong trào giải phóng dân tộc phát triển, và lực lượng xã hội chủ nghĩa lớn mạnh. Cho nên Mỹ không thể đi theo con đường chủ nghĩa thực dân cũ mà phải chuyển sang thi hành *chủ nghĩa thực dân mới*. Chính sách đó « là một chính sách cơ bản của đế quốc Mỹ nhằm thực hiện chức năng sen đầm quốc tế và âm mưu làm bá chủ thế giới » (4).

Lúc đầu Mỹ tạm thời lừa bịp được nhân dân thế giới vì Mỹ có những đặc điểm lịch sử không giống các đế quốc khác. Trước đây, Mỹ là một nước thuộc địa và năm 1776 đã đứng dậy làm chiến tranh giải phóng dân tộc mà Mác và Ăng-ghen đánh giá là một cuộc cách mạng tiến bộ, nó có tác dụng thúc đẩy cách mạng 1789 của Pháp. Mỹ lại tiến hành cuộc nội chiến 1861 - 1865 giải phóng nô lệ và đề cao những tư tưởng tự do và dân chủ tư sản. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ đã đứng về phía liên minh dân chủ chống phát xít và đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít. Mỹ lại không có thuộc địa kiểu cũ.

Từ thế kỷ thứ 19, dựa trên ưu thế của nó về kinh tế, Mỹ đưa ra khẩu

(4) Lê-Duẩn : « Chủ nghĩa Lê-nin soi sáng mục tiêu của thời đại » Tạp chí *Học tập* số 6-1970, trang 9.

Digitized by Google

hiệu đòi tự do buôn bán, tự do thông thương, tự do trên mặt biển, xóa bỏ hàng rào quan thuế, đòi mở cửa các thuộc địa để tự do tìm kiếm nguyên liệu. Đầu thế kỷ thứ 19, Mỹ ủng hộ quyền tự quyết của các dân tộc Mỹ la tinh chống chủ nghĩa thực dân của Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha nhằm giành giật châu Mỹ la tinh với hai nước thực dân này. Sau đó Mỹ lại đưa ra học thuyết Môn-rô-ê «châu Mỹ của người Mỹ» để gạt bỏ sự can thiệp của các cường quốc châu Âu, tạo điều kiện cho Mỹ thống trị Mỹ la tinh. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Mỹ đòi đặt các thuộc địa dưới chế độ công quản quốc tế, đòi quyền tự quyết cho các thuộc địa nhằm gạt các đế quốc thực dân ra khỏi các thuộc địa để Mỹ thay thế. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, lợi dụng các đế quốc Anh, Pháp, Hà-lan bị kiệt quệ trong chiến tranh, và phong trào giải phóng dân tộc phát triển làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ, đế quốc Mỹ đã thực hiện âm mưu gạt các đế quốc thực dân ra khỏi các thuộc địa và thi hành chính sách thực dân mới. Đế quốc Mỹ đưa ra chính sách lừa bịp ủng hộ quyền độc lập của các thuộc địa, nhưng thực chất là lợi dụng mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với các nước đế quốc thực dân để giành giật các thuộc địa với các nước đế quốc này. Đồng thời Mỹ lợi dụng mâu thuẫn giữa các giai cấp ở các nước thuộc địa, nắm lấy giai cấp phong kiến, giai cấp tư sản, xây dựng chính quyền và quân đội tay sai chống lại nhân dân và phong trào cách mạng ở các nước đó. Đến cuối những năm 50, bằng cách này, Mỹ đã hất cẳng Anh ra khỏi Mỹ la tinh, giành được từ tay đế quốc Anh phần lớn nhất về dầu lửa ở Trung Cận Đông, hất cẳng Pháp ra khỏi Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, hất cẳng Hà-lan ra khỏi In-đô-nê-xi-a.

Ra đời trong giai đoạn trầm trọng của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản và giữa lúc phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ, chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ngay từ cuối những năm 50 đã bị đánh bại một bước ở Cu-ba, ở Lào, ở miền Nam Việt-nam. Thắng lợi hoàn toàn có ý nghĩa lịch sử và quốc tế của nhân dân Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia đã đẩy chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng.

Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ dựa trên 2 yếu tố chủ yếu: một là chính quyền và quân đội tay sai; hai là viện trợ của Mỹ về quân sự và kinh tế.

Cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam thắng lợi chứng tỏ rằng mặc dù ngụy quân và ngụy quyền do Mỹ xây dựng ở miền Nam là mạnh nhất so với tất cả ngụy quân và ngụy quyền do Mỹ xây dựng trên thế giới và mặc dù Mỹ đã viện trợ nhiều nhất về quân sự và kinh tế cho ngụy quân ngụy quyền Sài-gòn, chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam đã không thể nào chống đỡ nổi, sức mạnh như vũ bão của một dân tộc kiên quyết đấu tranh cho chủ quyền độc lập của mình

Diễn biến hòa bình và lật đổ, đó là những thủ đoạn của Mỹ thông qua các giai cấp phản động, những phần tử phản động và thoái hóa lạc hậu ở các nước xã hội chủ nghĩa, hoặc các nước độc lập dân tộc tiến bộ để thay đổi đường lối hoặc chế độ bằng con đường hòa bình hay lật đổ. Những thủ đoạn này của Mỹ thường đi đôi với sức ép từ bên ngoài của Mỹ như cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị, và đe dọa về quân sự, nhằm gây ra những khó khăn về kinh tế, chính trị, xã hội, tạo ra những khủng hoảng về chính trị trong các nước này.

Diễn biến hòa bình và lật đổ chỉ có thể thực hiện trong điều kiện các nước còn có giai cấp phản động, chính quyền có những sai lầm về đường lối và không nắm vững chuyên chính.

Digitized by Google

Mỹ đã thực hiện được âm mưu đó ở nhiều nước độc lập dân tộc Á, Phi, Mỹ la tinh. Mỹ cũng đã tiến hành âm mưu đó ở một số nước xã hội chủ nghĩa, nhưng chúng chưa thành công ở một nước xã hội chủ nghĩa nào.

Sau Việt-nam, Mỹ đã tăng cường hoạt động lật đổ ở Chi-lê, Ác-giăng-tin, Băng-la-đét, thực hiện diễn biến hòa bình ở Pê-ru.

Nhìn chung, ta thấy Mỹ đã dùng những biện pháp và thủ đoạn chiến lược nhằm đạt được những lợi ích đế quốc, thực dân mà vẫn che giấu được bộ mặt đế quốc tàn bạo và không phải trực tiếp dùng đến lực lượng quân sự của Mỹ. Nhưng cuộc đấu tranh kiên cường và thắng lợi của nhân dân Việt-nam đã buộc Mỹ không thể dùng những thủ đoạn nham hiểm và lừa bịp đó được nữa ở Việt-nam và đế quốc Mỹ đã lộ rõ bộ mặt đế quốc thực dân tàn bạo nhất. Sau Việt-nam, Mỹ lại tìm cách lừa bịp nhân dân thế giới bằng những thủ đoạn rất nham hiểm và lừa bịp cao độ để đối phó với những biến đổi cách mạng trên thế giới. Ngày 31-10-1977, Bơ-rê-din-xki, nhà tư tưởng về chiến lược của chính quyền Ca-tơ, đã phê phán các chính quyền Mỹ trước đây đã hành động chống lại những biến đổi trên thế giới và đã không thành công, Bơ-rê-din-xki cho rằng Mỹ phải «hòa theo những biến đổi đó để đưa những biến đổi đó đi theo hướng bảo vệ những lợi ích của Mỹ». Đó là những thủ đoạn mà chúng đang thực hiện ở Pa-na-ma, ở Nam phần châu Phi, v.v... Đó cũng là những thủ đoạn của Mỹ trong cái gọi là chiến dịch bảo vệ nhân quyền của Ca-tơ. Thực chất chiến dịch nhân quyền này là để che giấu một bộ mặt tàn bạo nhất của Mỹ đã chà đạp lên nhân quyền ở Việt-nam, để che giấu bộ mặt thối tha nhất của chính quyền Mỹ đã bị vụ «bê bối Uốt-tơ-ghết» phơi bày, để đánh lạc hướng cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của các nước Á, Phi, Mỹ la tinh, cuộc đấu tranh của nhân dân lao động ở phương Tây chống lại sự bóc lột và đàn áp của chủ nghĩa tư bản.

★

Lợi ích chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ làm cho Mỹ mâu thuẫn với các loại nước trên thế giới và với nhân dân lao động trong nước Mỹ: mâu thuẫn với các nước xã hội chủ nghĩa, mâu thuẫn với các dân tộc bị áp bức, mâu thuẫn với giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa khác, mâu thuẫn với giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở nước Mỹ, và mâu thuẫn với các đế quốc khác.

Đặc biệt là Mỹ trở thành sen đầm quốc tế và tiến hành chiến lược toàn cầu của Mỹ trong tình hình ba dòng thác cách mạng trên thế giới đang ở thế tiến công liên tục, đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu và trong tình hình cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn trầm trọng, kéo dài và không phương cứu chữa. Do đó các mâu thuẫn trên đây đều phát triển gay gắt nhất và buộc lực lượng của Mỹ phải căng mỏng trên thế giới. Đó là nguyên nhân vì sao đế quốc Mỹ là đế quốc lớn mạnh nhất trong lịch sử chủ nghĩa đế quốc, nhưng lại bị suy yếu nhanh chóng hơn các đế quốc khác trước đây, và điều đặc biệt quan trọng là đế quốc Mỹ đã suy yếu nhanh chóng trong điều kiện không có chiến tranh thế giới, còn đối với các đế quốc khác phải hai cuộc chiến tranh thế giới mới làm chúng suy yếu.

30 năm qua là thời kỳ đế quốc Mỹ mạnh nhất nhưng Mỹ cũng không đủ sức đối phó với cuộc tổng khủng hoảng của thế giới tư bản chủ nghĩa. Trong thời kỳ «sau Việt-nam», cách mạng thế giới đã chuyển sang thế tiến công mới khác hẳn thế tiến công sau

Digitized by Google

chiến tranh thế giới thứ hai và cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn trầm trọng mới, đế quốc Mỹ tuy còn lớn hơn các đế quốc khác nhưng đã suy yếu nghiêm trọng thì khả năng đối phó của chúng lại càng bị hạn chế hơn trước nhiều. Tuy vậy đế quốc Mỹ có thể phiêu lưu làm bậy, nhân dân thế giới phải tỉnh táo và sẵn sàng giáng cho chúng những đòn quyết liệt và nhất định đế quốc Mỹ sẽ thất bại thảm hại hơn nữa.

Đế quốc Mỹ có lực lượng kinh tế, tài chính và quân sự to lớn mà không một nước đế quốc nào từ trước tới nay có thể sánh được. Tuy vậy nó cũng không thể thoát khỏi số phận của chủ nghĩa đế quốc nói chung. Chủ nghĩa tư bản đi vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa từ đầu những năm 90 của thế kỷ thứ 19 và đến nay chủ nghĩa đế quốc đã tồn tại gần 90 năm. Khoảng gần 30 năm đầu từ 1890 đến 1917, chủ nghĩa đế quốc đã thống trị được toàn bộ thế giới. Khoảng gần 30 năm thứ hai từ 1917 đến 1945, chủ nghĩa xã hội đã sinh ra từ trong lòng của chủ nghĩa tư bản và đã chọc thủng một mắt xích trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc thế giới. Mặc dù bị chủ nghĩa đế quốc bao vây và hai lần bị chủ nghĩa đế quốc tiến công quân sự và xâm lược nhưng Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và duy nhất trên thế giới đã tồn tại và vững mạnh. Khoảng 30 năm thứ ba từ 1945 đến 1975, mặc dù đế quốc Mỹ làm giàu và vươn lên thành nước đế quốc lớn mạnh nhất, chủ nghĩa đế quốc thế giới suy yếu một bước rất quan trọng, thế giới tư bản chủ nghĩa ngày càng co hẹp lại, nhiều nước tách khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa đi vào chủ nghĩa xã hội và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã được hình thành và kéo dài trên 3 lục địa. Đồng thời chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ, chủ nghĩa đế quốc bị giáng thêm một đòn mạnh. Cách mạng từ thế phòng ngự chuyển sang thế tiến công, chủ nghĩa xã hội đã mạnh hơn chủ nghĩa đế quốc. Chẳng những chủ nghĩa đế quốc không thể lấn một tấc đất của chủ nghĩa xã hội, mà chủ nghĩa xã hội còn lớn mạnh và ngày càng phát triển nhanh chóng trên thế giới, và không có một sức mạnh nào ngăn cản nổi. Trong vòng gần 30 năm sắp tới, từ thời kỳ chiến thắng của nhân dân Việt-nam chống đế quốc Mỹ cho đến hết thế kỷ này, chắc chắn chúng ta sẽ được chứng kiến sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trong một bộ phận của phần còn lại thuộc thế giới tư bản chủ nghĩa, đồng thời chứng kiến một bước suy tàn có ý nghĩa của chủ nghĩa đế quốc thế giới. Những diễn biến của gần 90 năm qua chứng minh luận điểm nổi tiếng của Lê-nin về « chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản », là « chủ nghĩa tư bản giẫy chết » và « chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa » của giai cấp vô sản. Lê-nin nêu lên luận điểm này vào năm 1916, tức là thời kỳ chủ nghĩa đế quốc còn đang thống trị toàn thế giới và chủ nghĩa xã hội chưa ra đời. Đó là lời tiên đoán thiên tài của Lê-nin.

Trước đây, kể cả những người lạc quan nhất không ai lường trước được những biến đổi cách mạng sâu sắc trên thế giới như trong 30 năm qua. Chắc chắn rằng sự phát triển của tình hình thế giới trong thời gian 30 năm tới cũng sẽ vượt xa những phán đoán lạc quan nhất hiện nay.

Digitized by Google

Thảo luận

DỰ THẢO HIẾN PHÁP MỚI

Lời Bộ biên tập – *Để phát huy quyền làm chủ tập thể góp phần xây dựng Hiến pháp mới, Bộ biên tập* **Tạp chí Cộng sản** *đã tổ chức một cuộc họp thảo luận dự thảo Hiến pháp mới tại Bộ biên tập của Tạp chí.*

Tham gia cuộc thảo luận có các nhà luật học, các cán bộ nghiên cứu ở các viện, các trường, các đại diện của các cơ quan và đoàn thể, v.v...

Trong mục này chúng tôi trích đăng một số bài đã được phát biểu trong cuộc thảo luận đó.

VỀ VIỆC GHI VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM TRONG HIẾN PHÁP MỚI

NGUYỄN-XIỂN
Tổng thư ký Đảng xã hội Việt-nam

TRONG kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI, là kỳ họp đã nhất trí thông qua việc thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới theo đề nghị của đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư của Đảng cộng sản Việt-nam, đoàn đại biểu của Đảng xã hội Việt-nam chúng tôi đã đọc tham luận đề nghị ghi vào Hiến pháp mới vai trò lãnh đạo của Đảng lao động Việt-nam nay là Đảng cộng sản Việt-nam. Từ ngày thành lập Đảng, chúng tôi đã luôn luôn tán thành và nhiệt liệt ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện. Chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng sự lãnh đạo của một đảng mác xít – lê ni nít là một yêu cầu

Digitized by Google

khách quan và điều kiện không thể thiếu được, là một quy luật khách quan đối với sự nghiệp đấu tranh giành lại độc lập cho Tổ quốc, xóa bỏ mọi áp bức bóc lột, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Trong giai đoạn mới của cách mạng, chúng tôi nhất trí rằng công cuộc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước càng phức tạp bao nhiêu, càng rộng lớn bao nhiêu thì vai trò và trách nhiệm của Đảng cộng sản càng lớn bấy nhiêu.

Cho nên chúng tôi hoan nghênh bản dự thảo Hiến pháp mới đã ghi: «*Đảng cộng sản Việt-nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt-nam, là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt-nam*» (điều 4). Điều đó khẳng định rất đúng đắn sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Tôi nghĩ rằng đối với Nhà nước ta, việc ghi lần đầu tiên điều này vào Hiến pháp có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng, tình cảm và tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân đã một lòng một dạ đi theo Đảng từ nửa thế kỷ nay.

Về nội dung thì tôi nghĩ rằng điều này phải phản ánh nội dung cơ bản nhất của nghị quyết đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam về việc tăng cường sự lãnh đạo đối với Nhà nước (chương V). Có một số điểm mấu chốt cần kết hợp nhuần nhuyễn thành một điều duy nhất rất súc tích và hoàn chỉnh nói lên tầm vóc lớn lao của vai trò lãnh đạo của Đảng:

— Tính chất Đảng mác xít — lê ni nít của giai cấp công nhân.

— Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

— Đảng vạch ra đường lối đối nội đối ngoại, kết hợp cách mạng và khoa học, đoàn kết toàn dân chung quanh Đảng xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

Hiến pháp của nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã ghi vai trò lãnh đạo của Đảng là hạt nhân lãnh đạo tất cả các tổ chức Nhà nước và toàn xã hội.

Tôi nghĩ rằng mặc dù tình hình nước ta có khác, song Hiến pháp ta cũng cần có một điều nói về vai trò của Đảng cộng sản.

Hiến pháp mới không những cần ghi vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, là vấn đề trọng yếu của Hiến pháp, mà còn cần quy định vị trí của công đoàn và của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, là những điều mà Hiến pháp 1959 chưa ghi. Vì vậy tôi nghĩ rằng chương I của Hiến pháp mới không chỉ rập khuôn theo Hiến pháp 1959 mà phải có cách thể hiện tập trung hơn quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể.

Để kết luận, tôi hoàn toàn tán thành việc ghi vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản thành một điều của Hiến pháp và đề nghị bổ sung điều 4 và hoàn chỉnh chương I để làm nổi bật vai trò của Đảng cộng sản Việt-nam là hạt nhân lãnh đạo của Nhà nước và vị trí của các tổ chức xã hội, thông qua đó Đảng nắm được toàn bộ nhân dân và tổ chức các hoạt động của nhân dân có kế hoạch theo một hướng thống nhất trong tất cả các lĩnh vực sinh hoạt có tính chất quyết định đối với việc phát triển xã hội về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, làm cho các hoạt động đó có tác dụng có lợi cao nhất cho xã hội.

Digitized by Google

HIẾN PHÁP MỚI VÀ NGUYÊN TẮC ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÂN DÂN LÀM CHỦ TẬP THỂ, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ

NGHIÊM-XUÂN-YÊM
Tổng thư ký Đảng dân chủ Việt-nam

THÁNG 7-1976, khi Quốc hội quyết định thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam thì cũng quyết định ngay việc xây dựng Hiến pháp mới, trong giai đoạn mới của Cách mạng Việt-nam.

Đến nay, Hiến pháp mới đã được dự thảo xong và đưa ra cho cán bộ, rồi nhân dân nghiên cứu, thảo luận, góp ý kiến. Trong những tuần qua ở khắp nơi, cuộc sinh hoạt chính trị và vận động dân chủ sâu rộng này đương được tiến hành sôi nổi, làm nức lòng mọi người Việt-nam yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Hiến pháp mới lần này là Hiến pháp của nhân dân Việt-nam dã làm chủ hoàn toàn trên toàn bộ lãnh thổ đất nước Việt-nam, độc lập, thống nhất, hòa bình, và đương tiến hành sự nghiệp vĩ đại làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến thẳng lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, trên quy mô cả nước, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân Việt-nam.

Nghiên cứu dự thảo Hiến pháp chúng tôi thấy rằng lần này, nhân dân Việt-nam ta khẳng định bằng Hiến pháp những thành quả diệu kỳ của cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, oanh liệt của dân tộc mình đồng thời cũng xác định bằng Hiến pháp ý chí kiên cường xây dựng thành công Tổ quốc yêu quý của mình. Điều này chắc chắn sẽ tăng cao niềm tự hào của mọi người công dân Việt-nam về truyền thống đoàn kết cách mạng của dân tộc Việt-nam anh hùng, trong quá trình lịch sử dựng nước, giữ nước, và đưa nước nhà đứng vào vị trí vẻ vang trên vũ đài quốc tế như ngày nay.

Chúng tôi lại thấy rằng lòng tin tưởng và quyết tâm của mọi người công dân Việt-nam chắc chắn sẽ được tăng lên nhiều, trong nỗ lực cách mạng xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, vì lần này, đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đường lối xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, và con người mới xã hội chủ nghĩa, do Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam vạch ra, tất cả những vấn đề cơ bản ấy đều được thể chế hóa đầy đủ trong Hiến pháp, với sức mạnh pháp lý cao nhất của đạo luật cơ bản của Nhà nước ta.

Chúng tôi còn phấn khởi thấy rằng Hiến pháp mới đặt rõ cơ sở pháp chế cao nhất cho công cuộc hoàn thành thống nhất nước nhà về mọi mặt; điều này đáp ứng nguyện vọng thiết tha của toàn dân.

Dưới đây, tôi xin nhấn mạnh về nguyên tắc: «Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý» được pháp luật hóa một cách khoa học trong Hiến pháp mới.

Xác định, phát huy và bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; quyền làm chủ tập thể đất

Digitized by Google

nước ấy thể hiện ở quyền quản lý và nhiệm vụ quản lý về mọi mặt; quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội — ví dụ điều 18 dự thảo Hiến pháp đã ghi rõ quyền quản lý ấy trên mọi lĩnh vực kinh tế —; quyền làm chủ tập thể đất nước ấy còn thể hiện về nhiều mặt quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người công dân, quyền lợi và nghĩa vụ gắn liền với nhau: (quyền bình đẳng trước pháp luật với nghĩa vụ tôn trọng và chấp hành pháp luật; quyền lợi và nghĩa vụ lao động; quyền lợi và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, v.v... như Chương IV dự thảo Hiến pháp đã ghi rõ); để thực hiện quyền làm chủ tập thể như vậy, cụ thể như làm chủ về các mặt quản lý đất nước, thì nhân dân dùng phương thức quản lý bằng Nhà nước (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp) là chủ yếu đồng thời bằng các tổ chức đoàn thể quần chúng: công, nông, thanh, phụ, mặt trận, có sự bảo đảm điều kiện để thực hiện những quyền quản lý và nhiệm vụ quản lý ấy.

Tất cả những điều cơ bản về yêu cầu và nội dung quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng với sự đảm nhiệm quản lý của Nhà nước như trên, đều được quy định bằng Hiến pháp, đó là đặc điểm cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ thật sự, khác hẳn với dân chủ tư sản, dân chủ giả dối — nói dân chủ nhưng quảng đại quần chúng nhân dân lao động, chân tay cũng như trí óc, đều vẫn chỉ là người làm thuê, bị bóc lột — và đó cũng là đặc điểm cơ bản của Hiến pháp xã hội chủ nghĩa của ta, mà chúng tôi tin tưởng rằng trên cơ sở bản dự thảo đã được đưa ra để nhân dân nghiên cứu, thảo luận, góp ý kiến, sẽ được xây dựng thành công tốt đẹp.

Đây cũng chính là việc nhân dân ta sử dụng ngay quyền và nghĩa vụ làm chủ tập thể để xây dựng đất nước, xây dựng đạo luật cơ bản, làm vũ khí sắc bén, kiên trì và dũng cảm đấu tranh cách mạng thực hiện chủ nghĩa xã hội thắng lợi

VỀ MỘT SỐ Ý KIẾN ĐƯỢC NÊU LÊN TRONG CÁC CUỘC HỌP THẢO LUẬN DỰ THẢO HIẾN PHÁP MỚI

PHAN-ANH

Chủ tịch Hội luật gia Việt-nam

GẦN đây tôi đã được tham gia một số cuộc họp trao đổi ý kiến về dự thảo Hiến pháp mới. Hôm nay, tôi xin nhắc lại đây một vài câu hỏi đã được nêu ra cùng với những ý kiến mà tôi đã góp trong cuộc thảo luận.

Đảng lãnh đạo với nhân dân làm chủ có mâu thuẫn với nhau không? Đã

Digitized by Google

nói nhân dân làm chủ, sao còn nói Đảng lãnh đạo?

Nhìn lại lịch sử hơn 100 năm nay, nhân dân ta giàu lòng yêu nước luôn luôn nổi dậy đấu tranh vì độc lập, tự do, để làm chủ đất nước. Nhưng trước khi Đảng cộng sản Việt-nam ra đời, mọi cuộc khởi nghĩa đều thất bại. Rõ ràng, chỉ yêu nước chưa đủ để cứu nước; muốn cứu nước, phải đi con đường đúng. Đó là con đường mà Hồ Chủ tịch đã tìm ra: «*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*».

Chân lý đó đã soi đường cho dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác từ Cách mạng tháng 8 đến ngày nay: nhân dân ta hoàn toàn làm chủ đất nước từ Bắc đến Nam.

Chân lý đó đã đi sâu vào trái tim, bộ óc của hàng triệu người dân Việt-nam lúc đầu chỉ biết yêu nước, nhưng từng bước đi theo Đảng trên con đường cứu nước và xây dựng nước, càng thấm thía không thể tách rời được ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa.

Đó là thực tế, một thực tế của dân tộc ta, một thực tế của thời đại ta: con đường cứu nước, giành độc lập tự do, giành quyền làm chủ thật sự đất nước cho nhân dân là con đường cách mạng vô sản dẫn đầu là giai cấp công nhân mà đội tiền phong và bộ tham mưu chiến đấu là Đảng của giai cấp công nhân.

Nhìn về mặt pháp lý, nền dân chủ của ta là nền dân chủ *tập thể*. Đã nói là tập thể, tất phải có tổ chức, có cơ cấu, có lãnh đạo, có nền tảng, có công cụ thực hiện: lãnh đạo là Đảng của giai cấp công nhân, nền tảng là liên minh công nông, công cụ là Nhà nước chuyên chính vô sản. Giai cấp công nhân chiến đấu cho lợi ích chung của tất cả nhân dân lao động. Lợi ích của giai cấp công nhân nhất trí với lợi ích của nhân dân. Mặt khác, giai cấp công nhân là giai cấp giác ngộ nhất và có tổ chức nhất. Đó là những điều kiện khách quan đặt giai cấp công nhân, Đảng của giai cấp công nhân vào vai trò lãnh đạo.

Đảng viên của Đảng là những người ưu tú giác ngộ nhất trong giai cấp công nhân, nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa. Cho nên Đảng nằm trong nhân dân, không tách rời khỏi nhân dân, nắm tình hình và nguyện vọng của nhân dân, nắm chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nắm cách mạng và khoa học, phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân, đấu tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng một nền kinh tế nhằm thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu vật chất và văn hóa của toàn thể xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân là thống nhất.

Quản lý theo pháp luật và bảo đảm quyền tự do dân chủ có mâu thuẫn với nhau không?

Tất nhiên là không. Mà ngược lại, *pháp luật của ta bảo đảm tự do dân chủ thật sự.*

Chế độ dân chủ của ta là *chế độ dân chủ tập thể, nghĩa là có tổ chức. Nói tổ chức là nói pháp luật.*

Trong quá trình phát triển của chế độ làm chủ tập thể theo đà tiến lên của ba cuộc cách mạng (về quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật, tư tưởng và văn hóa), những quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội không ngừng phát triển từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, càng ngày càng phong phú, tinh vi. Những quan hệ đó phải quy định thành pháp luật. Không có pháp luật hoặc không tôn trọng, chấp hành pháp luật tức là làm ngừng trệ bước tiến lên của xã hội, bước tiến lên của từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở, từng cá nhân. Ngược lại, bảo đảm thi hành pháp luật, tức là bảo đảm sự phát triển hài hòa của xã hội, bảo đảm quyền làm chủ của

Digitized by Google

tập thể, và từ đó mà bảo đảm tự do càng đầy đủ cho mỗi người, và ngược lại « sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người » như Mác, Ăng-ghen đã nói.

Hiện nay, chúng ta tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, *việc quản lý theo pháp luật là một yêu cầu cấp thiết khách quan.*

Không nhận thấy sự cần thiết của pháp luật và không có ý thức đầy đủ về quản lý theo pháp luật tức là đi ngược lại con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Quyền lợi và nghĩa vụ, cái nào trên, cái nào dưới?

Ý kiến của những bạn nhấn mạnh về nghĩa vụ và muốn đặt chữ « nghĩa vụ » lên trước chữ « quyền lợi » trong chương IV là một biểu hiện cụ thể của tinh thần làm chủ mà chính chương IV đã nêu ngay ở điều mở đầu : điều 50.

Tinh thần đó là tinh thần của nhân dân ta đã dũng cảm, hy sinh chiến đấu trong 30 năm qua để có thắng lợi ngày nay, là tinh thần của cô gái bắn máy bay, của bà mẹ chèo đò ngang nói trong bài ca mùa xuân của Tố-Hữu, tinh thần không tách rời nghĩa vụ với quyền lợi, không tách rời hạnh phúc mình với hạnh phúc của mọi người, thấy hạnh phúc trong khi thi hành và làm tròn nhiệm vụ, coi sự cống hiến cho nhân dân, đất nước là nguồn vui cao nhất, coi đó là lẽ sống của mình.

Tinh thần đó đã thể hiện không những ở điều 50 mở đầu chương IV, mà còn ở nhiều điều không phân biệt quyền lợi và nghĩa vụ. Ví dụ, điều 50 nói « lao động là quyền lợi, đồng thời là nghĩa vụ hàng đầu của công dân » ; điều 71 nói « bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền lợi cao quý ».

Tôi nghĩ rằng, vấn đề chủ yếu là mỗi người công dân quán triệt tinh thần đó, và dự thảo Hiến pháp cũng thể hiện tinh thần đó.

Còn trong Hiến pháp, thì Nhà nước cắm những mốc trên con đường tiến lên càng ngày càng thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân, phải đặt nhiệm vụ đề phấn đấu, và do đó, nên đặt quyền lợi của nhân dân lên trước.

Đặt tên nước là « Cộng hòa xã hội chủ nghĩa » Việt-nam có sớm quá không?

Trên thế giới có những nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhưng chưa đặt tên là nước xã hội chủ nghĩa, lại có những nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa nhưng cũng đặt tên là nước xã hội chủ nghĩa.

Tôi nghĩ rằng vấn đề không phải ở chỗ tên đặt, để phân biệt chế độ này, chế độ khác, mà là ở chỗ *bản chất* của chế độ.

Về bản chất thì rõ ràng tất cả các nước xã hội chủ nghĩa và tất cả thế giới đều công nhận nước ta là một nước xã hội chủ nghĩa với cơ cấu chính trị, kinh tế, với đường lối cách mạng tiến lên, một nước xã hội chủ nghĩa đã phất cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên thế giới, đã tụ hợp ba dòng thác cách mạng của thời đại vào sự nghiệp cách mạng của mình và đóng góp một cách vẻ vang vào sự nghiệp cách mạng thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Tất nhiên, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ làm chủ tập thể là một quá trình từ thấp đến cao. Trên đường tiến lên, còn nhiều khó khăn phải vượt. Nhưng nhìn lại 30 năm lịch sử dân tộc ta, lịch sử của nhân loại, đương tiến lên những bước hào hùng, ta có căn cứ để tin tưởng rằng, nhất định Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam sẽ hoàn thành sứ mệnh lịch sử « động viên và tổ chức nhân dân tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội ; đập

Digitized by Google

tan mọi sự phản kháng và mọi hành động xâm lược của kẻ thù; thực hiện xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến tới xã hội cộng sản chủ nghĩa không giai cấp» như điều 2 của dự thảo Hiến pháp đã ghi.

VẤN ĐỀ «GIÁO DỤC» TRONG DỰ THẢO HIẾN PHÁP MỚI

NGUYỄN-LÂN
Nhà giáo

TRONG đợt nghiên cứu dự thảo Hiến pháp, là một nhà giáo, tôi rất phấn khởi được thấy chế độ của ta đặc biệt quan tâm đến vấn đề giáo dục. Vấn đề này được đề cập đến không những ở phần lớn chương III mà còn ở cả chương IV nữa.

So với Hiến pháp của một số nước anh em, dự thảo Hiến pháp của ta nói nhiều hơn và cụ thể hơn về giáo dục. So với hai bản Hiến pháp cũ của nước nhà (năm 1946 và năm 1959), dự thảo Hiến pháp lần này đánh dấu một bước tiến rõ rệt.

Trước hết, tôi xin nói đến điều 55, trong đó có một câu rất gọn: «Công dân có quyền và có nghĩa vụ học tập». Chỉ một câu này thôi cũng đủ nói lên tính ưu việt của chế độ ta. Hiến pháp của các nước tư bản chủ nghĩa gọi là tiến tiến nhất cũng không thể có một câu như thế. Riêng ở nước ta, nếu nhớ lại những năm dài đen tối trước Cách mạng tháng Tám, với chính sách ngu dân thâm độc, bọn thực dân đã cố tình dìm dân tộc ta trong vòng ngu dốt, đến nỗi hơn 90 phần 100 nhân dân phải thất học, thì ta mới thấm thía được ý nghĩa cao cả và sáng ngời của câu giản dị ấy. Gần đây, chúng ta đã cơ bản hoàn thành việc xóa nạn mù chữ trong cả nước. Đó là một thành tựu vô cùng to lớn mà ai là người Việt-nam mà không lấy làm tự hào!

Song cách mạng Việt-nam không dừng lại ở chỗ làm cho mọi người biết đọc, biết viết, mà còn đòi hỏi «Nhà nước thực hiện từng bước chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc, chế độ học không phải trả tiền và chính sách cấp học bổng» (điều 55), đòi hỏi «hệ thống giáo dục được phát triển đồng bộ từ mẫu giáo đến đại học và trên đại học» (điều 41), «nhằm đào tạo những người lao động mới có trình độ chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ» (điều 40), và nhằm «xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, làm chủ tập thể, tích cực lao động, nồng nàn yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và có tinh thần quốc tế vô sản, con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cuộc sống riêng hài hòa, phong phú, lành mạnh» (điều 37).

Dự thảo Hiến pháp không những đã nêu lên cái mục tiêu đào tạo lớn lao của nhà trường như thế, lại còn đề ra những nguyên lý giáo dục mà

Digitized by Google

Hồ Chủ tịch đã nhiều năm dạy bảo cho anh chị em nhà giáo chúng tôi: « Giáo dục gắn chặt với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội » (điều 40). Từ mấy chục năm nay, những nguyên lý đó vẫn là những ngọn đèn pha soi đường chỉ lối cho chúng tôi và đã trở thành những phương châm, những nguyên tắc, những quy phạm mà không một người nào làm công tác giáo dục ở nước ta được xa rời hoặc quên lãng.

Dự thảo Hiến pháp còn nhấn mạnh đến sự « cộng tác chặt chẽ với nhà trường » của « Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, gia đình và toàn thể xã hội » trong sự nghiệp « giáo dục thế hệ trẻ » (điều 42). Đó là một phương thức giáo dục cách mạng, một mặt « bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân » đối với giáo dục, mặt khác lại « phát huy được tinh thần tích cực và khả năng sáng tạo của nhân dân » trong việc « bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau » (điều 39 và 40).

Sau nửa thế kỷ làm nghề dạy học, tôi hết sức sung sướng được thấy bản dự thảo đạo luật cơ bản của Nhà nước ta đã khẳng định như thế vai trò quan trọng và phương hướng phát triển tươi đẹp của ngành giáo dục, do đó tôi đặt tất cả niềm tin tưởng vững chắc vào tương lai huy hoàng của thế hệ trẻ của chúng ta.

Để đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào việc hoàn thiện bản dự thảo Hiến pháp, tôi xin mạnh dạn trình bày vài ý kiến sau đây:

Trước hết, tôi đề nghị nêu rõ, chúng ta đương xây dựng một hệ thống giáo dục nhân dân *thống nhất*, vì thực tế nhà trường của chúng ta đã là một nhà trường thống nhất rồi. Trong lịch sử loài người, không phải dễ dàng có được một nhà trường thống nhất đâu: giai cấp thống trị trong các chế độ cũ hoặc chỉ dành riêng quyền học tập cho con em chúng, hoặc có phải mở trường cho con em nhân dân lao động thì cũng tìm hết cách để hạn chế không cho các em được học lên cao: Thi dụ giai cấp phong kiến đời Hán ở Trung-quốc đã mở một trường gọi là « Tứ tinh tiểu hầu học » dành riêng cho con em bốn họ quyền quý Phàn, Quách, Am, Mã. Hoặc như giai cấp tư sản Pháp trước đây ở chính quốc cũng như ở thuộc địa đã tổ chức hai hệ thống giáo dục khác nhau: một hệ thống giáo dục trung học dạy trong các trường lít-xê chỉ dành riêng cho con em bọn có của để chúng học một mạch từ lớp 10 lên lớp nhất rồi đi thi tú tài; còn con em nhà thường dân thì chỉ được học hệ thống giáo dục tiểu học đưa đến một ngõ cụt là cái bằng cao đẳng tiểu học không cho phép vào các trường đại học như bằng tú tài. Vì thế con em nhà lao động không bao giờ bước qua được ngưỡng cửa trường đại học. Trong chế độ của chúng ta, nhà trường thống nhất mở cửa cho tất cả mọi con em, miễn là có khả năng và có quyết tâm học tập. Cho nên tính *thống nhất* của nền giáo dục nổi lên tính ưu việt của nhà trường xã hội chủ nghĩa.

Trong dự thảo Hiến pháp, điều 40 có ghi: « Nền giáo dục Việt-nam được phát triển về các mặt đức dục, trí dục, thể dục, mỹ dục ». Chúng tôi nghĩ rằng ngay trong chế độ chiếm hữu nô lệ, nền giáo dục ở A-ten cũng đã nói đến bốn mặt đó rồi, tất nhiên với một nội dung khác hẳn. Nhưng chỉ nói đến bốn mặt đó là thiếu một đặc điểm của nhà trường xã hội chủ nghĩa là việc giáo dục lao động. Cho nên khi nói đến nội dung giáo dục xã hội chủ nghĩa, ngày nay người ta phải kể đến năm mặt: ngoài đức, trí, thể, mỹ, người ta còn nói đến *giáo dục kỹ thuật tổng hợp* hoặc giáo dục bách khoa. Chúng tôi cũng hiểu hiện nay ta còn gặp nhiều khó khăn về

Digitized by Google

mặt xây dựng cơ sở vật chất, nhưng Hiến pháp của một nước xã hội chủ nghĩa không thể không nói đến đặc điểm căn bản ấy.

Ngoài hai đề nghị nhỏ trên đây, tôi có suy nghĩ về việc bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân về giáo dục và liên tưởng đến việc tuyển sinh vào các trường đại học trong nước và cử học sinh đi học ở ngoài nước trong mấy năm gần đây. Tôi thấy một số đồng chí phụ trách việc tuyển sinh, nhất là ở các tỉnh không quán triệt chính sách của Đảng và Nhà nước cho nên đã viện những lý do về những vấn đề như thành phần, như liên quan, để hạn chế việc tiếp tục học tập của học sinh có năng khiếu. Vậy Hiến pháp có nên thêm vào điều gì để ngăn cản những việc làm tùy tiện như thế vừa trái với tinh thần rộng rãi của Hiến pháp vừa thiệt cho việc đào tạo những nhân tài cho đất nước.

CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN VÀ LÀM CHỦ TẬP THỂ

KHOA-MINH

Phó chủ tịch Hội đồng khoa học Trường Đảng cao cấp Nguyễn-Ái-Quốc

TÔI xin phát biểu mấy ý kiến về vấn đề chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động đã thể hiện như thế nào trong dự thảo Hiến pháp mới. Chúng ta đều biết rằng, chuyên chính vô sản là quy luật chung đối với tất cả mọi nước, mọi dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nhưng mỗi nước, mỗi dân tộc, tùy theo hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mình mà có những hình thức và bước quá độ khác nhau để thực hiện hoặc tiến tới thực hiện chuyên chính vô sản một cách độc lập và sáng tạo.

Từ toàn bộ lịch sử đấu tranh giai cấp và nhất là từ những kinh nghiệm của hai cuộc cách mạng lớn của giai cấp vô sản những năm 1848 – 1850 và mùa xuân năm 1871 (Công xã Pa-ri), Mác và Ăng-ghen đã phát triển và hoàn chỉnh học thuyết của mình về chuyên chính vô sản: chủ nghĩa cộng sản không thể có ngay sau khi giai cấp vô sản lật đổ nền thống trị của giai cấp tư sản. Nó gồm có hai giai đoạn: giai đoạn thấp mà ta thường gọi là chủ nghĩa xã hội, và giai đoạn cao. « Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, trong đó Nhà nước không thể là cái gì khác hơn chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản » (1).

(1) Các Mác và F. Ăng-ghen: *Phê phán cương lĩnh Gô-ta và Ec-phuya*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, trang 50.

Digitized by Google

Chuyên chính vô sản « không chấm dứt đấu tranh giai cấp... nhưng tạo nên hoàn cảnh hợp lý, trong đó cuộc đấu tranh giai cấp ấy có thể trải qua những giai đoạn khác nhau của nó, bằng con đường hợp lý nhất và nhân đạo nhất » (2).

Đến thời kỳ Lê-nin, từ việc tổng kết và khái quát những kinh nghiệm cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới, của cách mạng Nga, nhất là những kinh nghiệm của những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, Lê-nin đã làm sáng tỏ thêm học thuyết chuyên chính vô sản từ nhiều góc độ khác nhau, trong rất nhiều tác phẩm.

Vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo học thuyết của Mác—Ăng-ghen và Lê-nin vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta, và từ những kinh nghiệm thực tế phong phú của cách mạng nước ta, Đảng ta khẳng định :

« Để đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, *điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động* » (3).

Thực chất của chuyên chính vô sản là quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông được thực hiện chủ yếu bằng Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Đó là Nhà nước thật sự của dân, do dân, và vì dân. Bản chất đó của Nhà nước chuyên chính vô sản thể hiện trước hết ở nội dung cơ bản của nó là tổ chức và xây dựng : xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa và con người xã hội chủ nghĩa. Để đạt được những mục tiêu cơ bản đó, cần phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng : cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

Nhấn mạnh nhiệm vụ tổ chức và xây dựng là cơ bản, không có nghĩa là chúng ta xem nhẹ nhiệm vụ trấn áp của chuyên chính vô sản đối với mọi phản kháng và âm mưu phục hồi của thù trong, giặc ngoài. Chúng ta luôn luôn đề cao cảnh giác cách mạng, không ngừng củng cố quốc phòng và lực lượng an ninh để giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo vệ Tổ quốc. Vì thế điều 2 trong dự thảo Hiến pháp mới đã khẳng định Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Nhà nước chuyên chính vô sản với những chức năng cơ bản là tổ chức, xây dựng chủ nghĩa xã hội, trấn áp mọi sự phản kháng của kẻ thù, thực hiện xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến tới xã hội cộng sản chủ nghĩa không giai cấp. Điều 3 xác định vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động và nội dung của chế độ làm chủ tập thể đó. Điều 4 khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng cộng sản Việt-nam, hạt nhân lãnh đạo của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản và của toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta. Ba điều rất quan trọng trên đây chính là những yếu tố quyết định để chúng ta không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Bản chất của Nhà nước chuyên chính vô sản còn thể hiện ở hệ thống tổ chức của nó. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được thực hiện chủ yếu, chứ không phải duy nhất bằng Nhà nước, mà còn bằng cả hệ thống chuyên chính vô sản bao gồm : đảng Mác — Lê-nin, bộ máy Nhà nước và các tổ chức quần chúng như

(2) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Toàn tập*, tiếng Nga, Nhà xuất bản chính trị văn học quốc gia, Mạc-tư-khoa, 1960, tập 17, trang 553.

(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 18.

Digitized by Google

Tổng công đoàn Việt-nam, Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt-nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam và các đoàn thể nhân dân khác, v.v... Dự thảo Hiến pháp mới lần đầu tiên xác định rõ vị trí, vai trò của Công đoàn, Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, và quyền tham dự hội nghị Hội đồng Bộ trưởng của các vị đứng đầu 4 đoàn thể: Tổng công đoàn, Hội liên hiệp nông dân tập thể, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp phụ nữ.

Về mặt cơ cấu tổ chức, Hiến pháp thể hiện tinh thần tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa đi đôi với phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, đồng thời xác định mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng tức là tăng cường hiệu lực của Nhà nước, vì Nhà nước chỉ phát huy tác dụng mạnh mẽ của mình khi được đường lối và phương hướng chính trị của Đảng soi sáng. Và phát huy vai trò của Nhà nước tức cũng là tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vì thông qua Nhà nước, Đảng mới thực hiện được sự lãnh đạo toàn diện và đầy đủ đối với toàn thể xã hội.

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và sự lãnh đạo của giai cấp vô sản không đối lập nhau, mà là một thể thống nhất trong chuyên chính vô sản. Vì giai cấp vô sản là giai cấp cách mạng nhất, tiến bộ nhất trong thời đại chúng ta; lợi ích của giai cấp vô sản và của nhân dân lao động là nhất trí. Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi ách áp bức và bóc lột, nhân dân lao động không có con đường giải phóng nào ngoài con đường cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, mà chuyên chính vô sản tức là sự lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, của bọn bóc lột, giành chính quyền về tay nhân dân, xác lập quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Quyền làm chủ này của nhân dân lao động sẽ không có phương hướng, sẽ không có sức mạnh, và sẽ không thể thực hiện được, nếu không có sự lãnh đạo của Đảng Mác — Lê-nin, đội tiên phong của giai cấp công nhân. « Sự lãnh đạo của Đảng là bảo đảm cao nhất cho chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, cho sự tồn tại và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa » (4).

Có đứng trên lập trường giai cấp vô sản mới nhận thức sâu sắc và đầy đủ lợi ích cơ bản của nhân dân lao động, đồng thời cũng thấy được sự khác nhau giữa giai cấp vô sản với quần chúng lao động không vô sản, với nếp sống và suy nghĩ, tâm tư tình cảm của người sản xuất nhỏ, để tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tạo nên sự nhất trí về chính trị và tinh thần, về tư tưởng và tổ chức, về ý chí và hành động trong nhân dân lao động.

Đảng lãnh đạo hệ thống chuyên chính vô sản, trước hết và chủ yếu là định ra đường lối, phương hướng chính trị, vì đây chính là cái quyết định vận mệnh của hàng triệu con người; sự lãnh đạo đó còn thể hiện ở việc đào tạo đội ngũ cán bộ làm nòng cốt cho các cơ quan Nhà nước và các tổ chức quần chúng, ở việc đôn đốc, kiểm tra sự thực hiện đường lối chính sách của Đảng, v.v... Chuyên chính vô sản là thể thống nhất giữa tính giai cấp và tính quần chúng rộng lớn. Tính giai cấp của chuyên chính vô sản được thể hiện sâu sắc nhất và triệt để nhất trong tính quần chúng rộng lớn, vì có phát huy được quyền làm chủ của nhân dân lao động mới đưa sự nghiệp cách mạng vô sản đến thắng lợi hoàn toàn.

(4) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 148.

Digitized by Google

khách quan và điều kiện không thể thiếu được, là một quy luật khách quan đối với sự nghiệp đấu tranh giành lại độc lập cho Tổ quốc, xóa bỏ mọi áp bức bóc lột, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Trong giai đoạn mới của cách mạng, chúng tôi nhất trí rằng công cuộc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước càng phức tạp bao nhiêu, càng rộng lớn bao nhiêu thì vai trò và trách nhiệm của Đảng cộng sản càng lớn bấy nhiêu.

Cho nên chúng tôi hoan nghênh bản dự thảo Hiến pháp mới đã ghi: *« Đảng cộng sản Việt-nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt-nam, là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt-nam »* (điều 4). Điều đó khẳng định rất đúng đắn sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Tôi nghĩ rằng đối với Nhà nước ta, việc ghi lần đầu tiên điều này vào Hiến pháp có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng, tình cảm và tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân đã một lòng một dạ đi theo Đảng từ nửa thế kỷ nay.

Về nội dung thì tôi nghĩ rằng điều này phải phản ánh nội dung cơ bản nhất của nghị quyết đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam về việc tăng cường sự lãnh đạo đối với Nhà nước (chương V). Có một số điểm mấu chốt cần kết hợp nhuần nhuyễn thành một điều duy nhất rất súc tích và hoàn chỉnh nói lên tầm vóc lớn lao của vai trò lãnh đạo của Đảng:

— Tính chất Đảng mác xít — lê nin nít của giai cấp công nhân.

— Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

— Đảng vạch ra đường lối đối nội đối ngoại, kết hợp cách mạng và khoa học, đoàn kết toàn dân chung quanh Đảng xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

Hiến pháp của nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã ghi vai trò lãnh đạo của Đảng là hạt nhân lãnh đạo tất cả các tổ chức Nhà nước và toàn xã hội.

Tôi nghĩ rằng mặc dù tình hình nước ta có khác, song Hiến pháp ta cũng cần có một điều nói về vai trò của Đảng cộng sản.

Hiến pháp mới không những cần ghi vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, là vấn đề trọng yếu của Hiến pháp, mà còn cần quy định vị trí của công đoàn và của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, là những điều mà Hiến pháp 1959 chưa ghi. Vì vậy tôi nghĩ rằng chương I của Hiến pháp mới không chỉ rập khuôn theo Hiến pháp 1959 mà phải có cách thể hiện tập trung hơn quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể.

Để kết luận, tôi hoàn toàn tán thành việc ghi vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản thành một điều của Hiến pháp và đề nghị bổ sung điều 4 và hoàn chỉnh chương I để làm nổi bật vai trò của Đảng cộng sản Việt-nam là hạt nhân lãnh đạo của Nhà nước và vị trí của các tổ chức xã hội, thông qua đó Đảng nắm được toàn bộ nhân dân và tổ chức các hoạt động của nhân dân có kế hoạch theo một hướng thống nhất trong tất cả các lĩnh vực sinh hoạt có tính chất quyết định đối với việc phát triển xã hội về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, làm cho các hoạt động đó có tác dụng có lợi cao nhất cho xã hội.

Digitized by Google

HIẾN PHÁP MỚI VÀ NGUYÊN TẮC ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÂN DÂN LÀM CHỦ TẬP THỂ, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ

NGHIÊM-XUÂN-YÊM
Tổng thư ký Đảng dân chủ Việt-nam

THÁNG 7-1976, khi Quốc hội quyết định thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam thì cũng quyết định ngay việc xây dựng Hiến pháp mới, trong giai đoạn mới của Cách mạng Việt-nam.

Đến nay, Hiến pháp mới đã được dự thảo xong và đưa ra cho cán bộ, rồi nhân dân nghiên cứu, thảo luận, góp ý kiến. Trong những tuần qua ở khắp nơi, cuộc sinh hoạt chính trị và vận động dân chủ sâu rộng này đương được tiến hành sôi nổi, làm nức lòng mọi người Việt-nam yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Hiến pháp mới lần này là Hiến pháp của nhân dân Việt-nam đã làm chủ hoàn toàn trên toàn bộ lãnh thổ đất nước Việt-nam, độc lập, thống nhất, hòa bình, và đương tiến hành sự nghiệp vĩ đại làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến thẳng lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, trên quy mô cả nước, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiền phong của giai cấp công nhân Việt-nam.

Nghiên cứu dự thảo Hiến pháp chúng tôi thấy rằng lần này, nhân dân Việt-nam ta khẳng định bằng Hiến pháp những thành quả diệu kỳ của cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, oanh liệt của dân tộc mình đồng thời cũng xác định bằng Hiến pháp ý chí kiên cường xây dựng thành công Tổ quốc yêu quý của mình. Điều này chắc chắn sẽ tăng cao niềm tự hào của mọi người công dân Việt-nam về truyền thống đoàn kết cách mạng của dân tộc Việt-nam anh hùng, trong quá trình lịch sử dựng nước, giữ nước, và đưa nước nhà đứng vào vị trí vẻ vang trên vũ đài quốc tế như ngày nay.

Chúng tôi lại thấy rằng lòng tin tưởng và quyết tâm của mọi người công dân Việt-nam chắc chắn sẽ được tăng lên nhiều, trong nỗ lực cách mạng xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, vì lần này, đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đường lối xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, và con người mới xã hội chủ nghĩa, do Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam vạch ra, tất cả những vấn đề cơ bản ấy đều được thể chế hóa đầy đủ trong Hiến pháp, với sức mạnh pháp lý cao nhất của đạo luật cơ bản của Nhà nước ta.

Chúng tôi còn phấn khởi thấy rằng Hiến pháp mới đặt rõ cơ sở pháp chế cao nhất cho công cuộc hoàn thành thống nhất nước nhà về mọi mặt; điều này đáp ứng nguyện vọng thiết tha của toàn dân.

Dưới đây, tôi xin nhấn mạnh về nguyên tắc: «Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý» được pháp luật hóa một cách khoa học trong Hiến pháp mới.

Xác định, phát huy và bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; quyền làm chủ tập thể đất

Digitized by Google

NGHIÊN CỨU

QUẢN LÝ XÃ HỘI MỘT CÁCH KHOA HỌC

THANH-LÊ

VẤN đề quản lý xã hội một cách khoa học được đặt ra một cách bức thiết đối với chúng ta. Trong mọi xã hội, như Mác đã nói, quản lý bao giờ cũng là « chức năng quan trọng nhất của sản xuất ». Trong xã hội xã hội chủ nghĩa lại càng như vậy. Bởi vì, đó là một xã hội mà những tư liệu sản xuất chủ yếu được xã hội hóa cao, đòi hỏi một sự quản lý chặt chẽ nhất để thực hiện đúng những nguyên tắc sản xuất và phân phối xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện nước ta, sản xuất nhỏ còn phổ biến, tính tự phát còn mạnh, chưa có nền nếp quản lý xã hội thật sự có tổ chức khoa học cao, vấn đề quản lý một cách khoa học càng có tầm quan trọng đặc biệt. « Đây là vấn đề hiệu lực của hệ thống quản lý, một chỗ yếu của chúng ta hiện nay, mà chúng ta phải suy nghĩ, nghiên cứu, từng bước có biện pháp tích cực để khắc phục, làm cho hệ thống quản lý ngày càng phát huy tác dụng của nó » (1). Thực tế trên thế giới cũng vậy, ở các nước xã hội chủ nghĩa vấn đề quản lý là một vấn đề sống còn bảo đảm xây dựng một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phát triển sản xuất và tăng năng suất lao động. Vì lẽ đó khi nói đến vấn đề quản lý ở các nước xã hội chủ nghĩa, trong một thời gian dài, do những điều kiện cụ thể nhất định của việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, *chủ yếu* là nói đến quản lý kinh tế (tất nhiên, trên những lĩnh vực khác của đời sống xã hội, cũng đã thực hiện quản lý ở những mức độ khác nhau). Hiện nay, tình hình đã khác hẳn. Vấn đề quản lý được đặt ra một cách tổng hợp trên phạm vi toàn xã hội, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, và trở thành vấn đề quản lý xã hội nói chung. Các kế hoạch kinh tế chung là một bộ phận của chương trình phát triển xã hội. Việc quản lý xã hội, kế hoạch hóa xã hội đang được thực hiện ngay ở từng xí nghiệp, từng tập thể lao động thể hiện quyền làm chủ tập thể xã hội của nhân dân lao động. Quản lý xã hội một cách khoa học

(1) Phạm-Văn-Đồng : *Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1976—1980)*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 119.

Digitized by Google

đang trở thành *một vấn đề quan trọng nhất trong toàn bộ các vấn đề lý luận về quản lý* cần nghiên cứu.

Có thể khẳng định rằng: lý luận về quản lý xã hội một cách khoa học là một trong những thành tựu quan trọng nhất của khoa học về xã hội của chủ nghĩa Mác—Lê-nin ngày nay. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là việc quản lý xã hội một cách khoa học chỉ mới được thực hiện gần đây. Xã hội xã hội chủ nghĩa, ngay từ khi nó ra đời không những đòi hỏi phải được quản lý một cách khoa học mà còn tạo ra những cơ sở khách quan cho điều đó. Bởi vì, nếu chúng ta hiểu rằng quản lý xã hội một cách khoa học chính là sự tác động của con người đối với cả hệ thống xã hội nói chung trên cơ sở nhận thức và sử dụng các quy luật và xu hướng khách quan của nó, thì chỉ có dưới chủ nghĩa xã hội, mới có thể làm được như vậy. Và trong thực tế, lịch sử quản lý xã hội một cách khoa học đã gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Vậy thì, quản lý xã hội một cách khoa học có nghĩa là gì? Đó là sự tác động có tổ chức của cả hệ thống chuyên chính vô sản đối với cả xã hội nói chung hoặc từng khâu riêng biệt của nó, trên cơ sở nhận thức khoa học và sử dụng tốt những quy luật khách quan vốn có của nó nhằm bảo đảm sự hoạt động và phát triển tối ưu của nó, đạt tới mục đích đặt ra.

Quản lý xã hội một cách khoa học còn có nghĩa là phát hiện những xu hướng tiến bộ của sự phát triển xã hội và điều khiển — thông qua công tác kế hoạch hóa, tổ chức, điều chỉnh và kiểm tra—quá trình vận động của sự phát triển xã hội phù hợp với những xu hướng ấy, là khám phá kịp thời để giải quyết những mâu thuẫn của sự phát triển xã hội, phát hiện và khắc phục những trở ngại trên con đường đi tới mục đích.

Sau cùng, quản lý xã hội một cách khoa học là duy trì, phát triển và hoàn thiện sự thống nhất cơ cấu và phối hợp chức năng của toàn bộ hệ thống quản lý, là giác ngộ, tổ chức, phát động quần chúng dấy lên phong trào quần chúng tích cực tham gia việc quản lý xã hội.

Cho đến nay, khoa học về quản lý xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa đã tiến một bước khá dài, nhưng cuộc sống, thực tiễn đang đặt ra ngày càng nhiều vấn đề phải giải quyết trong lĩnh vực quản lý xã hội. Hoàn thiện việc quản lý xã hội, do vậy, không phải là một việc làm nhất thời mà là một quá trình giải quyết hàng loạt vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Xã hội xã hội chủ nghĩa là một hệ thống hoàn chỉnh phát triển mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tinh thần. Quản lý một xã hội có sức năng động như vậy đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề gắn liền với những nhiệm vụ khác nhau, từ những nhiệm vụ kinh tế, khoa học — kỹ thuật đến những nhiệm vụ xã hội — chính trị, đạo đức — tâm lý, v.v... Điều đó có nghĩa là cần phải có những cố gắng chung về lý luận và thực tiễn của các ngành chuyên môn thuộc nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như: xã hội học, triết học, kinh tế học, tâm lý học, luật học, toán học, v.v... cũng như những người làm công tác thực tiễn quản lý xã hội.

Những yêu cầu phát triển bên trong của xã hội xã hội chủ nghĩa, sự phát triển kinh tế nhanh chóng và ngày càng phức tạp, sự phát triển của cách mạng khoa học — kỹ thuật, sự hoàn thiện những quan hệ xã hội và những bước tiến mới trong đời sống văn hóa — tinh thần của chủ nghĩa xã hội đang đặt ra cho lý luận quản lý xã hội những yêu cầu chung sau đây:

Thứ nhất: Để quản lý xã hội một cách khoa học, phải coi xã hội với

Digitized by Google

tư cách một hệ thống hoàn chỉnh. Điều đó giúp cho việc phân tích xã hội xã hội chủ nghĩa một cách toàn diện trong những mối quan hệ biện chứng giữa các bộ phận hợp thành của nó, cũng như giữa mỗi bộ phận ấy với toàn bộ hệ thống xã hội nói chung, nghiên cứu nắm được cơ chế tác động giữa cái riêng và cái chung, giữa cái riêng này và cái riêng khác và xây dựng thành « mô hình xã hội » hoàn chỉnh. Chính từ đó, các ngành khoa học xã hội mới có một quan niệm *tổng hợp* về quản lý xã hội.

Thứ hai: Đối tượng của quản lý xã hội là những quan hệ xã hội, mà quan hệ xã hội lại bao gồm nhiều mặt khác nhau, cho nên nội dung của quản lý xã hội không chỉ hạn chế ở một mặt quan hệ xã hội nào. Nội dung ấy mở rộng ra tất cả các lĩnh vực quan hệ xã hội, kinh tế – kỹ thuật, xã hội – chính trị, văn hóa – tinh thần. Mỗi lĩnh vực quản lý ấy có những yêu cầu và những nét đặc thù của nó. Nhưng tất cả đều có một tính chất chung. Đó là sự tác động tự giác của cả hệ thống chuyên chính vô sản đối với toàn bộ hệ thống xã hội xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm sự phát triển tối ưu của nó.

Thứ ba: Chức năng của quản lý xã hội phải phù hợp với đối tượng và nội dung quản lý xã hội. Một mặt, xã hội xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển phong phú; mặt khác, sự tác động qua lại giữa các lĩnh vực quan hệ xã hội mang những mâu thuẫn nhất định; điều đó đòi hỏi chức năng quản lý xã hội phải bảo đảm sự phù hợp giữa những nhân tố chủ quan với những yêu cầu khách quan của các quy luật phát triển xã hội, bảo đảm khắc phục những mâu thuẫn nảy ra trong sự phát triển của hệ thống xã hội, bảo đảm sự tự hoàn thiện không ngừng các nhân tố chủ quan.

Thứ tư: Xây dựng lực lượng quản lý xã hội. Đó là một hệ thống các cơ quan và các tổ chức Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng rộng rãi, trong đó hạt nhân lãnh đạo là Đảng cộng sản. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng không thể tách rời việc tăng cường vai trò và hiệu lực của chính quyền trong việc quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội » (2). Hệ thống ấy chính là hệ thống chuyên chính vô sản. Hoàn thiện vai trò lãnh đạo của Đảng, và vai trò quản lý của Nhà nước, vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, tăng cường chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động — đó là phương hướng cơ bản để xây dựng lực lượng quản lý xã hội.

Thứ năm: Những nguyên tắc chỉ đạo công tác quản lý xã hội kết hợp thành một hệ thống chặt chẽ. Trong đó, nổi bật nhất là các nguyên tắc: tập trung dân chủ và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động; kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ; kết hợp giáo dục tư tưởng với khuyến khích về vật chất, bảo đảm tính tối ưu, nắm chắc khâu chính của sự phát triển xã hội; v.v... Tất nhiên, các nguyên tắc ấy không phải được quy định một lần là xong. Nội dung của chúng phải phát triển cho phù hợp với sự phát triển không ngừng của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Thứ sáu: Những phương pháp quản lý xã hội được xây dựng thành một chu trình hoàn chỉnh, từ việc đưa ra các quyết định quản lý, qua việc tổ chức và điều chỉnh quá trình thực hiện các quyết định quản lý, đến việc kiểm tra thực hiện các quyết định quản lý. Những vấn đề

(2) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập, tự do vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 135.

Digitized by Google

như: thông tin xã hội, kế hoạch hóa xã hội, dự đoán xã hội, v.v... đòi hỏi phải được nghiên cứu rộng rãi, gắn liền với sự phát triển xã hội nói chung, với những thành tựu mới của cách mạng khoa học – kỹ thuật nói riêng, đặc biệt là những thành tựu của điều khiển học.

Khoa học về quản lý xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa đã tiến một bước khá dài. Bước tiến ấy chứng tỏ rằng các khoa học xã hội không tự hạn chế vào việc giải thích, bình luận những quyết định được đưa ra, vào việc ghi nhận những sự kiện thực tế và những thành công đã đạt được, mà còn tích cực và chủ động nghiên cứu đời sống xã hội trong sự phát triển ngày càng lớn của nó, và trên cơ sở ấy, đưa ra những kiến nghị có thể áp dụng có hiệu quả vào thực tiễn quản lý xã hội xã hội chủ nghĩa.

Nhưng cũng chính đời sống xã hội và thực tiễn quản lý cho thấy còn nhiều vấn đề phải giải quyết về mặt lý luận. Xã hội xã hội chủ nghĩa đang phát triển mạnh mẽ. Việc quản lý một xã hội đầy sức năng động như vậy đòi hỏi phải không ngừng hoàn thiện lý luận về quản lý xã hội.

★

Cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống thế giới (xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa) đang diễn ra gay gắt. Một mặt của cuộc đấu tranh này là đấu tranh trong lĩnh vực tổ chức kinh tế nói riêng và trong việc quản lý đời sống xã hội nói chung. Giai cấp tư sản lũng đoạn ở các nước tư bản chủ nghĩa đang có những cố gắng rất lớn về mặt quản lý để hạn chế những tật bệnh vốn có của xã hội tư bản chủ nghĩa và ngăn chặn ảnh hưởng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Chưa bao giờ vấn đề quản lý được giai cấp tư sản chú trọng như hiện nay. Trong cuốn: *Nội chiến thế giới*, xuất bản ở Pa-ri vào cuối năm 1976, các tác giả của nó đã nhấn mạnh rằng: «Để có thể ngẩng đầu lên trước mặt Liên-xô đứng bên cạnh và để có thể tồn tại... châu Âu chỉ có một giải pháp là xông vào cuộc chiến đấu với những vũ khí của phe mình, thứ vũ khí đáng gờm nhất chắc chắn là cái được coi là *quản lý* theo lối Mỹ mà rất lâu người ta mới thấy ra được tầm quan trọng của nó» (3).

Tất nhiên, chức năng quản lý dưới chế độ tư bản chủ nghĩa vẫn thuộc về giai cấp tư sản và mục đích quản lý vẫn là bóc lột giá trị thặng dư, là bảo vệ và phát triển chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa. Nhưng không thể vì thế mà coi thường khả năng quản lý của giai cấp tư sản. Chủ nghĩa xã hội muốn giành được thắng lợi triệt để trong phạm vi một nước cũng như trên phạm vi toàn thế giới, nhất thiết phải chiếm lĩnh được trận địa quản lý, đó là một trong những điều kiện then chốt để tự phát triển và phát triển vượt lên chủ nghĩa tư bản. Xét theo góc độ ấy, rõ ràng lĩnh vực quản lý đang nổi lên thành một trận địa đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Có thể nói rằng: phần thắng trong cuộc đấu tranh này nhất định sẽ thuộc về chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, so với chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội có những ưu thế căn bản trong lĩnh vực quản lý.

Cũng có thể nói như vậy trong tình hình quản lý ở miền Bắc dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và ở miền Nam dưới chế độ thuộc địa kiểu mới của Mỹ trước đây. Riêng trong lĩnh vực quản lý mà nói, không ai không thừa nhận một số xí nghiệp ở miền Nam trước đây đã có những thành tựu đáng kể do họ áp dụng phương

(3) Gia-cơ-lin Gơ-ra-panh, Giăng Béc-na Pi-na-ten: *Nội chiến thế giới*, Nhà xuất bản Can-man — Lê-vi, Pa-ri, 1976, trang 110.

Digitized by Google

thức quản lý hiện đại học được ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển (theo lối mơ-nit-giơ-mân của Mỹ, chẳng hạn). Nhưng xét trên phạm vi toàn xã hội, toàn bộ nền kinh tế quốc dân, rõ ràng chính quyền Mỹ — ngụy đã không quản lý được. Tình trạng thất nghiệp tràn lan, tệ tham nhũng thối nát, nạn lạm phát vô tội vạ, trật tự xã hội rối loạn, v.v... đó chẳng phải là những bằng chứng về sự bất lực của chế độ Mỹ — ngụy đó sao?

Trong khi đó, mặc dù còn nhiều hạn chế và nhược điểm lớn, việc quản lý xã hội dưới chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa đã ghi được những thành tựu căn bản. Không thể đánh thắng đế quốc Mỹ nếu không có sự thống nhất chính trị và tinh thần cao của nhân dân ta, nếu không có một nền sản xuất đứng vững được trước những tàn phá của chiến tranh, nếu không có một trật tự xã hội ổn định và một đời sống ổn định, v.v... Những cái đó là gì, nếu không phải là thành tựu của việc tổ chức và quản lý xã hội của Nhà nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta? Tất nhiên, nói như thế không phải là phủ nhận những chỗ yếu kém của ta trong việc quản lý xã hội. Nói như thế chỉ cốt để chứng minh rằng chế độ xã hội chủ nghĩa có những ưu thế căn bản, không thể chối cãi được về mặt quản lý xã hội.

Ở nước ta hiện nay, nghiên cứu những vấn đề về quản lý xã hội một cách khoa học đang trở nên một nhiệm vụ cấp bách. Từ khi miền Bắc nước ta bắt đầu chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong nhiều nghị quyết và văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước, những vấn đề về quản lý kinh tế đã được nhấn mạnh. Gần đây, đặc biệt là từ Đại hội lần thứ IV của Đảng, *vấn đề quản lý xã hội* đã được vạch ra trên một bình diện rộng lớn. Như vậy, Đảng ta đã đặt tương đối sớm vấn đề đó một cách khoa học và nhấn mạnh đầy đủ tầm quan trọng của nó.

Một điều cần thấy rõ là xã hội Việt-nam trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay có những đặc điểm khác hẳn so với nhiều nước xã hội chủ nghĩa anh em. Vì vậy, nhiệm vụ quản lý xã hội một cách khoa học ở nước ta cũng được đặt ra một cách khác.

Ở đây chúng tôi muốn nêu một số gợi ý về vấn đề quản lý xã hội một cách khoa học ở nước ta.

1 — Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu hiện nay là *đẩy mạnh những cuộc nghiên cứu xã hội để nắm vững đối tượng quản lý ở nước ta.* Cùng có một chế độ xã hội giống như các nước xã hội chủ nghĩa khác, xã hội Việt-nam có những đặc điểm riêng về mặt dân tộc cũng như về trình độ phát triển của xã hội. Về những đặc điểm ấy, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã phân tích một cách khoa học. Đó là một chỗ dựa vững chắc để phát triển việc nghiên cứu xã hội nước ta một cách cụ thể hơn nhằm hiểu biết thật chính xác đối tượng quản lý xã hội ở nước ta. Thiếu sự hiểu biết ấy thì không thể nói đến vấn đề quản lý xã hội một cách khoa học được.

Xã hội nào cũng là một hệ thống hoàn chỉnh, một cơ thể hoàn chỉnh. Nhưng cũng như mỗi cơ thể con người, một cơ thể xã hội ra đời và phát triển trong những điều kiện lịch sử nhất định. Ở Việt-nam, « cơ thể xã hội chủ nghĩa » có nhiều điểm đặc thù của nó. Nói một cách khái quát, trong xã hội Việt-nam hiện nay, sự tác động qua lại giữa các yếu tố kinh tế — kỹ thuật, xã hội — chính trị và văn hóa — tinh thần trong toàn bộ hệ thống xã hội diễn ra một cách rất phức tạp mà chưa ở đâu có. Nghiên cứu để nắm vững phép biện chứng của sự phát triển xã hội Việt-nam là một điều kiện không thể thiếu được để tiến hành ba cuộc cách mạng do Đảng đề ra: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách

Digitized by Google

mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Có thể khẳng định rằng: về thực chất, quản lý xã hội ở Việt-nam chính là quản lý một cách tổng hợp ba cuộc cách mạng ấy trong sự thống nhất biện chứng của chúng.

2— *Hoàn thiện tổ chức lực lượng quản lý* trong xã hội nước ta hiện nay đang nổi lên thành một nhiệm vụ hết sức cấp bách. Không tăng cường lực lượng quản lý xã hội, không thể nói đến quản lý xã hội một cách có hiệu quả. Cần phải hiểu cách đặt vấn đề về chế độ làm chủ tập thể trong những nghị quyết của Đảng theo tinh thần này. Cơ cấu: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ chính là cơ cấu tổ chức quản lý với tư cách một hệ thống quản lý xã hội. Ở nước ta, vấn đề đặt ra là vừa phải phân định chức năng cụ thể của các thành phần trong hệ thống quản lý, vừa phải nâng cao trình độ quản lý của toàn bộ hệ thống quản lý xã hội, trong đó vấn đề nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trên cơ sở nâng cao tính khoa học và tính cách mạng trong công tác xây dựng Đảng là vấn đề then chốt, như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ.

3— *Xác định đúng đắn những nguyên tắc quản lý xã hội* là một yêu cầu hết sức trọng yếu ở nước ta. Những nguyên tắc như bảo đảm chế độ tập trung dân chủ, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, kết hợp giáo dục tư tưởng với khuyến khích bằng lợi ích vật chất, v.v... đang được Đảng ta xác định một cách thích hợp với những điều kiện đặc thù của nước ta. Nhưng vẫn còn nhiều vấn đề đòi hỏi được nghiên cứu kỹ hơn. Một trong những vấn đề đó là vận dụng nguyên tắc khuyến khích để thúc đẩy sản xuất xã hội đến mức tối đa. Vấn đề đặt ra là nghiên cứu để nắm vững cơ chế tác động của nguyên tắc khuyến khích (về kinh tế, về vật chất và về tinh thần).

4— *Vấn đề kế hoạch hóa xã hội* cần được chú ý nghiên cứu đầy đủ đi đôi với vấn đề kế hoạch hóa kinh tế. Ngay từ bây giờ phải nắm, phải quản lý, quản lý từng người lao động và phải biết dùng lao động. Đó là chuyên chính vô sản, là làm chủ tập thể, là chủ nghĩa xã hội. Việc kế hoạch hóa xã hội còn phải kết hợp với các lĩnh vực kế hoạch hóa khác đối với đời sống xã hội. Muốn thế, phải xây dựng một mạng lưới *thông tin xã hội* vững chắc từ dưới lên và từ trên xuống, để bảo đảm phản ánh chính xác tình hình thực tế của xã hội và đưa ra chính xác các quyết định quản lý xã hội ở mỗi cấp.

★

Xây dựng một chế độ quản lý xã hội có hiệu quả không thể là công việc của một số ít người. Đó là sự nghiệp của cả một tập thể rộng lớn, bao gồm các nhà khoa học, các chuyên gia, các nhà hoạt động thực tiễn có nhiều kinh nghiệm thuộc những lĩnh vực hoạt động xã hội khác nhau. Đó là một sự nghiệp đầy khó khăn và phải làm đi làm lại nhiều lần. Nhưng chúng ta cũng có nhiều thuận lợi để hoàn thành sự nghiệp ấy: có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, có đội ngũ cán bộ đông đảo, có hàng triệu người lao động đầy nhiệt tình mà một số lớn đã có những hiểu biết nhất định về các lĩnh vực hoạt động xã hội, chúng ta có kinh nghiệm của hơn ba chục năm quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, chúng ta lại có kinh nghiệm của hơn nửa thế kỷ quản lý xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Điều đáng phấn khởi là Đảng ta đã đặt tương đối sớm vấn đề quản lý xã hội một cách khoa học và nhấn mạnh đầy đủ tầm quan trọng của nó ngay từ khi cách mạng

(Xem tiếp trang 80)

Digitized by Google

Sinh hoạt Đảng

DÂN CHỦ HÌNH THỨC

Mở hội nghị các cấp là để thực hiện sự lãnh đạo tập thể và nguyên tắc sinh hoạt dân chủ trong Đảng. Thế nhưng, nơi này, nơi khác và thường là ở các đảng bộ cơ sở, tuy **vẫn có hội nghị, có họp bàn đấy, mà vẫn cứ là thiếu dân chủ!**

Bởi vì khi đưa vấn đề ra bàn trong hội nghị, có đồng chí trong cấp ủy nghĩ rằng đảng viên là người chịu sự lãnh đạo của mình, trình độ thấp, tầm nhìn chính trị hẹp, mọi mặt đều kém mình, cho nên bàn thì cứ bàn cho phải phép, cho có vẻ dân chủ, cho trên khỏi chê, dưới khỏi trách, còn khi kết luận thì cứ ý mình mà theo! Thế rồi, trong hội nghị, họ tìm đủ mọi cách «lái» mọi người theo ý của họ, dù cho ý đó chưa đúng, chưa đủ. Họ cho kiểu «nhất hô bá ứng» là một thắng lợi lớn của hội nghị! Họ tỏ ra khó chịu khi có người nói khác ý họ, muốn thảo luận, tranh luận về những ý, về những vấn đề mà họ nêu ra. Sự khó chịu của họ còn tăng lên khi phải nghe lời nhận xét về những mặt chưa tốt, những mặt kém, yếu của tình hình và những lời phê phán những thiếu sót, sai lầm trong công việc của họ. Mượn lý do bảo vệ sự nhất trí trong đảng bộ, họ thường tìm cách gạt khéo những ý kiến đối lập đó, có khi còn giữ thành kiến dai dẳng đối với những người có ý kiến đối lập, mặc dù rất nhiều khi chân lý thuộc về những người này chứ không thuộc về họ. Kết quả thì như chúng ta đều đoán được là tự do tư tưởng bị hạn chế, hội nghị đảng bộ thiếu sự thảo luận, tranh luận sôi nổi, trở nên lẻ nhạt, xuôi chiều, những nhận định tuy nghiêm khắc nhưng sát đúng, sắc sảo về tình hình không được chấp nhận, những suy nghĩ sáng tạo không được ủng hộ. Các nghị quyết của hội nghị trở thành chung chung, thiếu cái mới cần thiết, thiếu tính cách mạng tiến công, không đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tình hình.

Những người cộng sản hằng ngày lăn lộn trong thực tiễn, bằng miệng nói, tay làm, trực tiếp đưa đường lối, chính sách của Đảng đến với quần chúng, họ có điều kiện nghe nhiều, thấy nhiều, có điều kiện hiểu kỹ tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, thấy rõ hiệu quả thực tế của các chủ trương, nghị quyết của đảng bộ. Vốn hiểu biết phong phú của từng đảng viên, nếu biết khai thác, biết phát huy và được tập hợp lại sẽ là nguồn sức mạnh vô tận tạo nên trí tuệ, sức sáng tạo chung của đảng bộ.

Mỗi lần mở hội nghị thì lẽ dĩ nhiên là cấp ủy phải có sự chuẩn bị trước, càng kỹ càng tốt. Cấp ủy phải điều tra, nghiên cứu kỹ tình hình, lắng nghe ý kiến những đảng viên (và cả những người ngoài Đảng) am hiểu vấn đề, và bàn bạc kỹ để có báo cáo, đề án thích hợp, sát đúng. Cấp ủy lại phải định trước hướng thảo luận để hội nghị đi đúng các vấn đề chính, không sa vào các vấn đề vụn vặt nhằm đạt chất lượng cao nhất. Trong thảo luận, phải biết kết luận đúng

Digitized by Google

lúc. Lối « buông trôi, thả nổi » trong hội nghị là biểu hiện của thái độ vô trách nhiệm, của sự buông lỏng lãnh đạo. Đối với những vấn đề cần có nghị quyết của đảng bộ thì phải qua thảo luận dân chủ, cởi mở, và khi cần thiết phải được tranh luận. Để giải quyết tốt những vấn đề phức tạp, gay cấn trong nội dung lãnh đạo của đảng bộ, phải có sự đóng góp chung, mỗi người mỗi ý và thông qua tranh luận để tìm ra cái đúng, cái hay. Những ý kiến khác nhau trước những vấn đề cụ thể là hiện tượng bình thường. Thông qua thảo luận một cách nghiêm túc trong đảng bộ về những ý kiến khác nhau để tìm ra những chủ trương, biện pháp và kết luận đúng, điều đó không có hại gì đến đoàn kết nhất trí. Lẽ phải bao giờ cũng có sức mạnh thuyết phục. Còn đối với đảng bộ nào đó mà càng thảo luận càng rối rắm, ý đúng, điều hay không còn sức mạnh lôi cuốn được số đông thì hãy xét lại tính đảng của mình, xem mình có còn xứng đáng là một tổ chức của Đảng nữa hay không!

Đương nhiên, trong các hội nghị Đảng, chúng ta không đồng tình, thậm chí nghiêm khắc phê phán những lời nói thiếu ý thức xây dựng, những nhận định lệch lạc, lối tranh luận vô nguyên tắc, lối bảo lưu ý kiến một cách cố chấp, mù quáng. Song, sự không đồng tình đó, sự phê phán đó phải thông qua thảo luận, tranh luận có lý, có tình, trong đó mọi đảng viên đều có quyền trình bày đầy đủ ý kiến của mình để tập thể tổ chức Đảng xem xét. Lối hạn chế phát biểu ý kiến, truy chụp tư tưởng một cách vội vàng, thiếu cơ sở lý luận và thực tế là hoàn toàn xa lạ trong sinh hoạt của Đảng ta. Nó **vi phạm điều lệ Đảng** vì đã tước đi của đảng viên quyền được bàn bạc và tham gia quyết định công việc của Đảng, quyền được trình bày trong tổ chức ý kiến của mình về những vấn đề thuộc nội dung lãnh đạo của Đảng.

Mở hội nghị mà vẫn cứ thiếu dân chủ là như vậy.

Lại có khi hội nghị thì theo đúng nguyên tắc dân chủ, **nhưng khi chỉ đạo thực hiện nghị quyết của hội nghị thì lại vẫn cứ thiếu dân chủ!** Ấy là vì có đồng chí trong cấp ủy thiếu tôn trọng nghị quyết, coi thường những kết luận của tập thể, lạm dụng quyền hành, buộc đảng viên và cấp dưới làm theo ý riêng của họ. Thế là bao nhiêu công sức, trí tuệ của đảng viên đóng góp cho hội nghị trở thành vô nghĩa, nghị quyết của hội nghị đảng bộ chỉ nằm trên giấy, không được thực hiện, hoặc nếu có được thực hiện thì lại bị bóp méo nhiều phần. Bằng cách làm ấy, họ đã phủ nhận vai trò của đảng bộ, tự mình định đoạt mọi việc, biến hội nghị đảng bộ thành một thứ « hội đồng tư vấn ». Phải nói thẳng ra rằng, tuy mức độ nặng, nhẹ có khác nhau, họ đã lợi dụng chức vụ, quyền hành để chống lại nghị quyết, phạm một trong những điều cấm trong sinh hoạt Đảng. Với những người lãnh đạo như vậy, thì, thử hỏi sức sáng tạo của đông đảo đảng viên làm sao mà phát huy được, sự phấn khởi chung làm sao mà có được. Tình trạng bàn một dàng mà làm một nẻo, « quyết » và « hành » mâu thuẫn với nhau sẽ khiến cho đông đảo đảng viên thắc mắc. Những rối rắm trong đảng bộ từ đó dễ phát sinh, sức mạnh của đảng bộ từ đó bị phân tán, và phong trào quần chúng do đảng bộ lãnh đạo không thể tránh khỏi những trì trệ.

Cho nên, đã họp thì phải bàn cho ra nhẽ. Bàn xong, phải kết luận dứt khoát, phân rõ đúng, sai. Nghị quyết phải được tập thể thông qua một cách thật sự dân chủ. Trong chỉ đạo thực hiện phải nói và làm theo nghị quyết. Trái những điều đó thì hội nghị dù có kéo dài vẫn cứ là dân chủ hình thức.

NGƯỜI XÂY DỰNG

Digitized by Google

Công nghiệp phải góp phần to lớn thúc đẩy nông nghiệp phát triển vượt bậc

ĐÒNG - THẢO

PHÁT triển vượt bậc nông nghiệp là một sự nghiệp cực kỳ quan trọng; có phát triển vượt bậc nông nghiệp mới có cơ sở để phát triển công nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và cải thiện từng bước đời sống của nhân dân. Do đó, phát triển nông nghiệp không chỉ là công việc riêng của ngành nông nghiệp mà là sự nghiệp chung của toàn Đảng và toàn dân ta, của tất cả các ngành kinh tế và văn hóa, đặc biệt là các ngành công nghiệp. Nông nghiệp không thể tự nó phát triển vượt bậc, nếu không có tác động của các ngành khác, trước hết là của các ngành công nghiệp. Nông nghiệp không thể tự nó chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nếu không được từng bước trang bị kỹ thuật theo hướng thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa và hóa học hóa. Nông nghiệp không thể tự nó chuyển từ nền kinh tế tự cấp tự túc sang kinh tế hàng hóa, nếu sản phẩm nông nghiệp không được chế biến để tiêu thụ khắp nơi, kể cả xuất khẩu. Nông nghiệp cũng không thể tự nó phát triển vượt bậc nếu đời sống vật chất và văn hóa của nông dân không được cải thiện. Vì vậy để phát triển vượt bậc nông nghiệp, ngoài sự cố gắng của bản thân nông nghiệp và tác động của tất cả các ngành kinh tế và văn hóa, các ngành công nghiệp phải ra sức phục vụ nông nghiệp, coi phục vụ nông nghiệp là sự nghiệp của chính bản thân mình.

Thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước, trong thời gian qua, nhất là trong 2 năm gần đây, các ngành công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản từ trung ương đến địa phương, từ quốc doanh đến hợp tác xã đã có những cố gắng đáng kể trong việc phục vụ nông nghiệp và đã đạt được những thành tích nhất định. Tuy nhiên, công tác phục vụ nông nghiệp vẫn còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm, trong đó đáng chú ý là: chưa bảo đảm được công cụ cầm tay cho lao động nông nghiệp; việc chế biến màu chưa được giải quyết tốt; việc cung cấp hàng tiêu dùng cho nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu v.v... Tình hình nói trên có phần do cơ sở vật chất — kỹ thuật của công nghiệp còn nhỏ bé, nhưng cũng có phần do nhận thức mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp chưa sâu sắc, cho nên chưa làm tốt nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp.

Digitized by Google

Công nghiệp phục vụ nông nghiệp bao gồm nhiều mặt, có thể khái quát lại trong 4 nhiệm vụ chính là: 1) Tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật và trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp; 2) Chế biến nông sản; 3) Cung cấp hàng tiêu dùng cho nông dân; 4) Góp phần xây dựng nông thôn mới.

TRANG BỊ KỸ THUẬT

Trong các nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp, tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật và trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng nhất, đó là nhân tố quyết định đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Nông nghiệp và nông thôn đang cần rất nhiều **vật liệu xây dựng** để xây dựng các công trình thủy lợi, xây dựng các công trình phục vụ sản xuất và sinh hoạt; nông dân cũng cần rất nhiều vật liệu xây dựng để xây dựng nhà ở. Để tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật cho nông nghiệp, nhiệm vụ quan trọng của công nghiệp là phải ra sức phát triển nhiều vật liệu xây dựng, chủ yếu là xi măng, đá, vôi, gạch, ngói để cung cấp cho nông nghiệp và nông thôn.

Theo tính toán sơ bộ, để bảo đảm yêu cầu của nông nghiệp và thủy lợi (chưa kể nhà ở) trong 3 năm từ 1978—1980, công nghiệp cần phấn đấu cung cấp cho được khoảng 3 — 4 tỷ viên gạch, ngói, 9 triệu m^3 đá, 5 triệu tấn vôi, 1 triệu tấn xi măng. Để bảo đảm yêu cầu này, cần phát triển các loại vật liệu xây dựng theo phương hướng như sau:

Vôi không những dùng cho xây dựng mà còn để cải tạo đất, chúng ta lại có nhiều đá vôi và đã có kinh nghiệm trong việc sản xuất vôi. Vì vậy, cần phát triển rộng rãi mạng lưới sản xuất vôi ở tất cả các nơi có điều kiện với quy mô nhỏ, vừa, lớn, với phương pháp thủ công, nửa cơ giới và cơ giới, bằng mọi nguồn nguyên liệu như đá vôi, đá san hô, vỏ sò hến v.v... Nói chung, nên phát triển các loại lò liên hoàn cỡ 4 — 6 tấn/ngày, đốt than cám theo phương pháp thủ công. Ở các nơi có điện, có thể phát triển loại lò cơ giới 10 tấn/ngày.

Để đáp ứng nhu cầu về **đá** cho xây dựng, sản xuất xi măng và nung vôi, một mặt cần củng cố, cải tạo để nâng cao công suất các cơ sở hiện có, mặt khác phát triển mạnh các cơ sở sản xuất đá loại vừa và nhỏ từ 2 — 3 vạn m^3 đến 10 vạn m^3/năm ở các nơi có điều kiện. Sản xuất đá nặng nề, vất vả, do đó cần đầu tư để cơ giới hóa sớm công nghiệp khai thác đá và tiến hành khai thác theo phương pháp công nghiệp để tiết kiệm tài nguyên.

Để tăng sản lượng **xi măng**, hướng chính là tập trung sức hoàn thành đúng kế hoạch việc mở rộng, cải tạo và xây dựng các nhà máy xi măng lớn như: Hải-phòng, Hoàng-thạch, Bỉm-sơn, Hà-tiên. Đồng thời phát triển rộng rãi các cơ sở xi măng nhỏ cỡ 3000 — 5000 tấn đến 2 vạn tấn ở các địa phương có nguyên liệu. Ngoài ra, cần tiếp tục đầu tư để xây dựng thêm một số cơ sở xi măng lò đứng với công suất 6 vạn tấn — 12 vạn tấn — 24 vạn tấn. Chú ý sản xuất xi măng Pu-dơ-lan và các loại chất kết dính cấp thấp để dùng vào các công trình thủy lợi và nông nghiệp. Để phát triển sản xuất xi măng, trước mắt cần nghiên cứu xác định công nghệ sản xuất hợp lý, tổ chức sản xuất và cung cấp thiết bị đồng bộ cho các địa phương.

Về **gạch ngói**, tiếp tục xây dựng các cơ sở quốc doanh trung ương và địa phương để cung cấp cho các công

Digitized by Google

trình kiên cố, yêu cầu cường độ cao; phát triển rộng rãi các cơ sở sản xuất gạch cỡ 2 – 3 triệu viên – 7 triệu viên/năm (do xí nghiệp quốc doanh huyện hoặc hợp tác xã chuyên nghiệp đảm nhiệm) để phục vụ cho yêu cầu thủy lợi. Hướng dẫn các hợp tác xã nông nghiệp kết hợp thủy lợi và cải tạo đồng ruộng để sản xuất gạch theo phương thức gia công, bán cho Nhà nước một phần, còn một phần dùng để xây dựng các công trình ở xã. Chú ý phát triển mạnh các loại gạch ngói không nung bằng các loại vật liệu sẵn có để tiết kiệm than và sử dụng một phần đá thay gạch.

Để phục vụ yêu cầu về **thủy lợi**, ngoài việc sản xuất và cung cấp đủ vật liệu xây dựng, các ngành công nghiệp còn phục vụ các mặt khác theo chức năng của mình. Ngành địa chất có trách nhiệm tham gia khảo sát địa chất và địa chất công trình phục vụ các công trình thủy lợi. Đồng thời, cần tìm kiếm thăm dò thêm nguồn nước ngầm để bổ sung cho nguồn nước mặt. Ngành xây dựng cần huy động một phần lực lượng thủ công để xây dựng dứt điểm một số công trình đã phân công cho mình làm. Ngành giao thông vận tải cần lập quy hoạch giao thông kết hợp với quy hoạch thủy lợi, tiến hành nạo vét các kênh rạch phục vụ cả 2 yêu cầu giao thông và thủy lợi, đồng thời bảo đảm vận chuyển kịp thời các vật tư, thiết bị về các công trường thủy lợi. Ngành cơ khí cần sản xuất hàng triệu công cụ cải tiến, hàng trăm tàu nạo vét và hàng vạn máy bơm các loại. Ngành điện cần mở rộng mạng lưới điện phục vụ nông nghiệp và bảo đảm điện cho yêu cầu tiêu, tưới.

Công nghiệp hóa chất cần vươn lên đáp ứng nhu cầu của nông nghiệp về các mặt **phân bón, nông dược**. Trước mắt, xuất phát từ tài nguyên và điều kiện cụ thể của ta, cần đẩy mạnh sản xuất vôi, phân lân, a-pa-tit nghiền và cố gắng tăng thêm phân đạm. Về phân lân, một mặt tiến hành mở rộng đợt hai nhà máy sup-pe phốt phát Lâm-thao để tăng thêm sản lượng, mặt khác phát triển mạnh phân lân nung chảy và a-pa-tit nghiền là hai dạng phân mà ta có thể làm nhanh và nhiều. Về phân đạm, tiến tới ổn định sản xuất và nghiên cứu mở rộng nhà máy phân đạm Hà-bắc, đồng thời chuẩn bị xây dựng nhà máy phân đạm mới với công suất lớn hơn. Về vôi, vừa đẩy mạnh sản xuất vôi nung, vừa phát triển bột đá vôi nghiền và bột đô-lô-mit nghiền để phục vụ yêu cầu khử chua, cải tạo đất. Ngoài ra, cần từng bước phát triển các dạng phân khác như phân rác, phân bùn, phân trộn v.v... để cung ứng thêm cho nông nghiệp.

Ngoài phân bón là chủ yếu, nông nghiệp còn cần nhiều loại nông dược để phòng chống sâu, bệnh, bảo vệ cây trồng và gia súc, các hóa chất cải tạo giống, các thức ăn bổ sung trong chăn nuôi. Mấy năm qua, ngành hóa chất đã nghiên cứu và sản xuất thành công một số sản phẩm như thuốc diệt cỏ, diệt nấm, diệt chuột, thuốc kích thích tăng lượng mủ cao su, thuốc bảo quản kho. Sắp tới, cần đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm đó và nghiên cứu sản xuất thêm các sản phẩm mới.

Để phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của ngành cơ khí là phải bảo đảm cung ứng đầy đủ **công cụ cầm tay** với chất lượng tốt và quy cách thích hợp cho lao động nông nghiệp, đồng thời sản xuất ngày càng nhiều máy móc trang bị cho nông nghiệp để từng bước thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp.

Về công cụ, vấn đề công cụ cho lao động nông nghiệp, đã được đặt ra từ lâu, nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết về cơ bản, tuy gần đây tình hình có tiến bộ hơn. Nguyên nhân chủ yếu không phải là thiếu vật tư, kỹ thuật mà do nhận thức

Digitized by Google

vấn đề chưa sâu sắc, tổ chức thực hiện còn thiếu sót.

Công cụ thường và công cụ cải tiến cho nông nghiệp không chỉ là yêu cầu cấp bách trước mắt mà còn có tác dụng lâu dài. Trước mắt, trong điều kiện trang bị cơ giới còn hạn chế, lao động thủ công còn là chủ yếu, việc cung ứng đủ công cụ thường và công cụ cải tiến cho nông nghiệp là một biện pháp quan trọng để sử dụng lao động xã hội và tăng năng suất lao động xã hội. Sau này, khi nông nghiệp được cơ giới hóa cao, vẫn còn những công việc, những nơi, những lúc cần phải dùng đến công cụ thường và công cụ cải tiến. Do đó, bảo đảm công cụ cầm tay cho lao động nông nghiệp không chỉ là một việc nhất thời mà còn là một việc lâu dài trong cả quá trình cơ giới hóa nông nghiệp.

Để bảo đảm công cụ thường và công cụ cải tiến cho nông nghiệp, cần giải quyết ba vấn đề cơ bản. *Một là*, tiến hành điều tra khảo sát để xác định nhu cầu cụ thể và số lượng, chủng loại, quy cách đối với từng loại công cụ; trên cơ sở đó, xây dựng tiêu chuẩn và lập quy hoạch, kế hoạch sản xuất cho phù hợp, tránh tình trạng lúc thừa, lúc thiếu, nơi thừa, nơi thiếu, loại này thừa, loại khác thiếu như đã diễn ra lâu nay. *Hai là*, có sự phân công sản xuất hợp lý giữa cơ khí trung ương và cơ khí địa phương, giữa cơ khí quốc doanh và cơ khí hợp tác xã, cũng như giữa các địa phương. Nói chung, việc sản xuất và bảo đảm công cụ cho nông nghiệp nên giao cho cơ khí địa phương phụ trách là chính. Mỗi địa phương cần phát triển rộng rãi mạng lưới cơ khí từ tỉnh đến hợp tác xã nông nghiệp để sản xuất và sửa chữa công cụ cầm tay. Cơ khí trung ương, ngoài việc tận dụng các xí nghiệp hiện có để sản xuất một số mặt hàng cần thiết như cuốc bàn, xẻng, chỉ nên làm nhiệm vụ chính là sản xuất phôi và các chi tiết với yêu cầu kỹ thuật cao để giao cho cơ khí địa phương lắp ráp và hoàn chỉnh. Mỗi địa phương không nhất thiết phải sản xuất để tự túc các loại công cụ cho địa phương mình mà nên có sự phân công hợp tác giữa các địa phương để sản xuất cung cấp cho nhau những loại công cụ thích hợp nhằm phát huy thế mạnh và truyền thống sản xuất của từng địa phương. *Ba là*, cần có chính sách thích hợp như chính sách ưu tiên cung cấp vật tư, nhiên liệu cho việc sản xuất công cụ cầm tay, không nên nghĩ rằng chỉ có sản xuất máy móc mới cần sắt thép tốt, còn sản xuất công cụ cầm tay thì vật tư nào cũng được. Cần nghiên cứu điều chỉnh lại giá cả cho hợp lý để có lợi cho cả nông nghiệp và công nghiệp, nhằm bảo đảm cho việc sản xuất và tiêu thụ công cụ cầm tay được thuận lợi, tránh vì giá cả mà gây ra tình trạng ứ đọng công cụ như hiện nay.

Cơ giới hóa nông nghiệp không những có tác dụng tăng năng suất lao động trong nông nghiệp mà còn góp phần phục vụ thâm canh, tăng vụ, khai hoang mở rộng diện tích, đó là những yêu cầu vừa cấp bách, vừa cơ bản của nông nghiệp nước ta. Cơ giới hóa nông nghiệp là biện pháp cơ bản để củng cố quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp và đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; do đó chúng ta phải quyết tâm làm tốt việc này. Tuy nhiên, cơ giới hóa nông nghiệp là một công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp và nông nghiệp, nếu không nghiên cứu kỹ và chuẩn bị tốt thì không thể nào thực hiện có hiệu quả được. Vừa qua, có nơi chưa chuẩn bị tốt địa bàn cho máy kéo hoạt động cho nên máy kéo đưa về không hoạt động được; có nơi có máy kéo nhưng thiếu máy công tác và phụ tùng sửa chữa cho nên hoạt động của máy kéo bị hạn chế; có nơi có đủ máy móc nhưng thiếu công

Digitized by Google

nhân cho nên máy chỉ hoạt động được 1 ca. Hiện nay số máy kéo của ta chưa nhiều, nhưng chỉ được sử dụng khoảng 50% công suất ; những nơi đã sử dụng máy kéo thì Nhà nước còn phải bù lỗ, và thu nhập của xã viên vẫn chưa tăng. Do đó, chúng ta phải ra sức khắc phục khó khăn, tạo điều kiện đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp một cách có hiệu quả và thiết thực.

Phương hướng cơ bản và lâu dài là sẽ tiến hành cơ giới hóa đồng bộ, toàn diện ở tất cả các vùng và các khâu canh tác trong nông nghiệp. Trước mắt, nông nghiệp còn đang ở tình trạng sản xuất nhỏ, công nghiệp nặng còn nhỏ bé, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm, việc cơ giới hóa cần tiến hành từng bước, có trọng tâm, trọng điểm. Cụ thể về trồng trọt sẽ thực hiện trước ở các vùng khai hoang, các vùng lúa trọng điểm, các khâu làm đất, làm thủy lợi, một phần khâu thu hoạch và chế biến. Đối với chăn nuôi, cơ giới hóa sẽ được thực hiện trước ở khâu chế biến thức ăn gia súc và vệ sinh chuồng trại.

Để thực hiện tốt cơ giới hóa, ngoài các công việc quan trọng như đẩy mạnh việc nghiên cứu cơ giới hóa ở tất cả các khâu canh tác, lập quy hoạch và kế hoạch, chuẩn bị địa bàn cho cơ giới hóa, ngành cơ khí cùng với ngành nông nghiệp cần nghiên cứu định hình trang bị cơ giới hóa đồng bộ cho nông nghiệp, trên cơ sở đó có kế hoạch sản xuất máy kéo, máy công tác, phụ tùng và xây dựng hệ thống xí nghiệp sửa chữa một cách cân đối, bảo đảm cho các máy kéo hoạt động bình thường với năng suất cao. Đi đôi với trang bị máy, cần có quy hoạch và kế hoạch đào tạo nhanh và tốt đội ngũ công nhân vận hành và sửa chữa máy nông nghiệp, bảo đảm sớm có đủ công nhân để làm 2 – 3 ca/ngày. Ngoài ra, cần tổ chức quản lý chặt chẽ và thực hiện hạch toán kinh tế ở các trạm máy kéo để dần dần hạ được giá thành, tiến tới chấm dứt việc bù lỗ của Nhà nước.

Điện khí hóa nông thôn là một mục tiêu quan trọng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đồng thời là một ước mơ tha thiết của nông dân. Chúng ta phấn đấu thực hiện mục tiêu và ước mơ đó càng sớm càng tốt. Nhưng trước mắt vì nguồn điện và khả năng vốn đầu tư có hạn, cho nên phải thực hiện từng bước theo hướng cố gắng bảo đảm điện cho sản xuất nông nghiệp, trước hết là phục vụ thủy lợi, còn điện phục vụ cho sinh hoạt chỉ làm thử ở một vài nơi để rút kinh nghiệm và sẽ mở rộng dần khi điều kiện cho phép.

Để thực hiện được nhiệm vụ nói trên, biện pháp quan trọng nhất là phấn đấu tăng nguồn điện bằng cách nâng cao công suất các nhà máy điện hiện có, hoàn chỉnh điện Uông-bi, khôi phục và mở rộng điện Vinh, tăng cường máy cho điện Lao-cai, xây dựng nhanh điện Phả-lại, tận dụng điện đi-ê-den, nhập thêm tuốc-bin khí, phát triển mạnh thủy điện nhỏ v.v... Mặt khác, cần đầu tư thích đáng để xây dựng đường dây tải điện, nhanh chóng mở rộng mạng lưới điện phục vụ nông nghiệp, bao gồm các lưới điện chuyền tải, phân phối, tiêu thụ, bảo đảm nhiều huyện có lưới điện đi qua và nhiều xã có trạm biến thế điện.

Nông nghiệp đang cần nhiều **than** để nung vôi, gạch ngói, rèn nông cụ, sấy nông sản và làm chất đốt. Riêng về than làm chất đốt, nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Trung ương Đảng đã chỉ rõ: "Cung ứng than đá cho nông thôn làm chất đốt để trả lại rạ cho đồng ruộng và dùng rơm làm thức ăn cho trâu bò". Như vậy đưa than về cho nông nghiệp không chỉ giải quyết vấn đề nhiên liệu mà còn góp phần thực hiện thâm canh trong trồng trọt và phát triển chăn nuôi. Nhu cầu về than cho nông nghiệp ngày càng

Digitized by Google

tăng, năm 1977 là hơn 1 triệu tấn và đến năm 1980 có thể đến 2 triệu tấn.

Than của ta chưa nhiều, nhưng có thể bảo đảm cung cấp cho nông nghiệp nếu chúng ta biết khai thác thêm các mỏ nhỏ, tận dụng than nhiệt lượng thấp và đẩy mạnh công tác chế biến than. Thực tiễn vừa qua cho thấy rằng sản xuất than cho nông nghiệp không chỉ đáp ứng được yêu cầu của nông nghiệp mà còn tạo điều kiện để tận dụng tài nguyên, lao động, tăng thêm sản phẩm mới cho các mỏ than.

Nông nghiệp càng phát triển, khối lượng vật tư, hàng tiêu dùng và nông sản cần được vận chuyển càng lớn. Hiện nay việc cung cấp vật tư cho nông nghiệp không đầy đủ, kịp thời một phần là do khâu vận tải. Trong sản xuất nông nghiệp, công vận chuyển thường chiếm từ 30 – 40% công lao động. Do đó, để phục vụ nông nghiệp, cùng với trang bị kỹ thuật, việc **phát triển giao thông vận tải** nói chung và giao thông vận tải nông thôn nói riêng có tầm quan trọng rất lớn.

Vận tải phục vụ nông nghiệp và nông thôn cần bảo đảm 3 yêu cầu chính là : 1) Vận chuyển hàng hóa giao lưu giữa thành thị và nông thôn bao gồm vận chuyển phân bón, a-pa-tit, nông dược, than, vôi, vật liệu xây dựng, máy móc về cho nông nghiệp, vận chuyển nông sản cung cấp cho công nghiệp và xuất khẩu ; 2) Vận chuyển trong nông nghiệp bao gồm vận chuyển phân, giống, công cụ sản xuất từ nhà kho, sân phơi ra đồng ruộng, vận chuyển lúa, màu và các nông sản khác từ đồng về nhà kho, sân phơi ; 3) Vận chuyển nhân dân đi lại nói chung và đi xây dựng vùng kinh tế mới nói riêng.

Cải tạo và mở rộng các cảng biển, cảng sông, gia cố và nâng cấp hệ thống đường sắt, củng cố và từng bước mở rộng hệ thống giao thông đường bộ. Đó là những công việc rất quan trọng để phục vụ vận tải nói chung và phục vụ nông nghiệp nói riêng.

Ra sức phát triển giao thông vận tải nông thôn theo hướng củng cố và mở rộng đường bộ, nhất là các đường lên vùng kinh tế mới, các đường trục huyện, đường liên xã, đường cho máy kéo, và đường từ nhà ra đồng, bảo đảm có các phương tiện vận tải cải tiến và cơ giới ; chú ý củng cố và nâng cao chất lượng mặt đường. Nhanh chóng thông xe đường ô tô ở các huyện miền núi và ở hầu hết các xã trong cả nước. Củng cố các cầu cống để xe có thể đi lại được cả 2 mùa. Khôi phục và sửa chữa các đường sá, cầu cống hiện có ở các tỉnh miền Nam và phát triển thêm đường mới ở những nơi cần thiết.

Vận tải đường thủy so với đường bộ, đầu tư ít hơn, giá thành vận tải rẻ hơn. Nước ta lại có nhiều hệ thống sông ngòi kênh lạch, hơn 300 huyện có đường sông đi qua và nhiều xã có kênh mương thủy lợi. Vì vậy, cần hết sức chú trọng phát triển giao thông vận tải đường thủy phục vụ nông nghiệp. Có kế hoạch từng bước nạo vét các luồng lạch, cải tạo các đoạn sông, xây dựng các bến cảng. Kết hợp giao thông với thủy lợi là biện pháp tốt nhất để phát triển vận tải đường thủy. Khi làm thủy lợi và hoàn chỉnh thủy nông, cần chú ý quy định tiêu chuẩn các loại kênh mương, cầu cống để vừa đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu, vừa bảo đảm cho thuyền bè nhỏ có thể đi lại được.

Điều hòa sử dụng tốt các phương tiện vận tải hiện có trong cả nước. Phát triển mạnh phương tiện vận tải thủy bộ các loại, nhất là xe cải tiến bánh lốp, xe súc vật kéo, thuyền nan v.v... Nghiên cứu sử dụng máy kéo vào vận tải bằng cách kéo thêm rơ-moóc. Đi đôi với việc đóng mới, cần đặc biệt chú ý sửa chữa phương tiện vận tải, tổ chức rộng rãi mạng lưới sửa chữa từ trung ương đến xã

Digitized by Google

Đi đôi với giao thông vận tải, cần nhanh chóng phát triển mạng lưới thông tin bưu điện từ trung ương đến xã và hợp tác xã nhằm phục vụ kịp thời việc lãnh đạo, chỉ đạo nông nghiệp và đời sống văn hóa của nông dân. Tiếp tục củng cố, phát triển hệ thống bưu cục và trang bị phương tiện kỹ thuật cho ngành bưu điện để làm tốt cả hai nhiệm vụ bưu chính và điện chính. Trang bị thêm máy điện thoại cho các huyện và xã, tiến tới xã nào cũng có máy điện thoại. Hoàn chỉnh tổ chức thông tin chuyên dùng phục vụ công tác thủy lợi, chỉ huy tưới tiêu, phòng chống bão lụt một cách vững chắc, an toàn trong mọi tình huống. Bảo đảm thông tin kinh tế kịp thời, chính xác từ trung ương đến xã và ngược lại; rút ngắn thời gian phát hành công văn, thư, báo chí từ trung ương đến xã.

Đưa chăn nuôi lên cân đối với trồng trọt và phát triển theo hướng sản xuất lớn là một phương hướng quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp toàn diện. Cũng như ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi không thể tự nó đi lên sản xuất lớn nếu không có sự tác động của công nghiệp. Vì vậy cùng với phục vụ trồng trọt, các ngành công nghiệp ra sức **phục vụ chăn nuôi** trên các mặt: xây dựng chuồng trại, trang bị kỹ thuật và chế biến thức ăn gia súc.

Ngành xây dựng cần nghiên cứu thiết kế định hình các loại chuồng trại (trại bò, trại lợn, trại gà) để ban hành và hướng dẫn xây dựng. Trong thiết kế, cần chú ý một số điểm như: mặt bằng công trình cần được bố trí theo yêu cầu vừa tiết kiệm đất trồng trọt, vừa bảo đảm khoảng cách phòng dịch giữa các chuồng nuôi; tổng mặt bằng của trại nên chia làm hai khu vực: khu chăn nuôi và khu phục vụ chăn nuôi. Thiết kế kiến trúc và xây dựng chuồng nuôi cần chú ý các yếu tố về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, các khâu thông gió, thoát nước, thoát phân, nhằm bảo đảm vệ sinh và tạo điều kiện cho gia súc, gia cầm sống thuận lợi và tăng trọng lượng nhanh. Ngoài ra, cần chú ý tận dụng vật liệu địa phương, dùng kết cấu gạch đá, hạn chế sử dụng bê tông và bê tông cốt thép để tiết kiệm vốn đầu tư.

Cùng với việc thiết kế xây dựng chuồng trại, công nghiệp cơ khí cần chế tạo, cung cấp các thiết bị lẻ và thiết bị toàn bộ cho các chuồng trại chăn nuôi theo hướng từng bước thực hiện cơ giới hóa chăn nuôi, trước hết là khâu cho ăn và vệ sinh chuồng trại.

Để chế biến thức ăn công nghiệp, trong những năm tới, cần củng cố và mở rộng các cơ sở chế biến thức ăn gia súc hiện có, chế tạo, cung cấp thêm các máy nghiền, thái, trộn cho các nơi cần thiết; xây dựng một nhà máy có đủ thiết bị chuyên dùng để sản xuất các loại prê-mic có chất lượng tốt. Các ngành hải sản, lương thực thực phẩm cần tận dụng các loại bã mắm, bã rượu, bã bia, khô dầu, các phụ phẩm của lò sát sinh để sản xuất thức ăn gia súc. Ngành hóa chất đẩy mạnh sản xuất thức ăn khoáng bổ sung cho gia súc, chất điều hòa sinh trưởng cho động vật, thuốc phòng bệnh và chữa bệnh cho gia súc. Ngoài ra, cần chuẩn bị điều kiện để xây dựng các nhà máy sản xuất men vi sinh vật, sản xuất a-xit a-min, sản xuất thuốc kháng sinh v.v..., để phục vụ cho việc sản xuất thức ăn gia súc.

CHẾ BIẾN NÔNG SẢN

Để phát triển vượt bậc nông nghiệp, không những phải đẩy mạnh sản xuất mà còn phải làm tốt khâu chế biến nông sản vì hai khâu này có quan hệ mật thiết với nhau. Chế biến nông sản làm tăng thêm giá trị kinh tế và mở

Digitized by Google

rộng giá trị sử dụng của nông sản, góp phần thúc đẩy nông nghiệp chuyển từ kinh tế tự túc sang kinh tế hàng hóa. Chế biến nông sản còn có tác dụng làm tăng thêm vật phẩm tiêu dùng để cải thiện đời sống nhân dân và mở rộng nguồn hàng xuất khẩu. Trong những năm trước mắt, việc chế biến nông sản cần chú ý một số vấn đề sau đây.

Về xay xát thóc gạo, một mặt, khôi phục cải tạo các nhà máy cũ, xây dựng thêm một số nhà máy mới cỡ 15 – 30 tấn/ca bằng thiết bị sản xuất trong nước, tận dụng và xây dựng thêm các cơ sở xay xát nhỏ ở các huyện để xay xát hết số thóc còn lại của khu vực Nhà nước ; mặt khác, hướng dẫn sử dụng tốt các máy xay xát và các cơ sở nhỏ sẵn có để xay xát hầu hết số thóc tiêu dùng trong nhân dân. Bảo quản lương thực là vấn đề hết sức quan trọng, vì bảo quản kém sẽ làm cho số lượng và chất lượng lương thực giảm sút. Theo số liệu của nhiều nước trên thế giới, tỷ lệ lương thực hao hụt trong quá trình bảo quản có thể lên đến 10% sản lượng thu hoạch. Vì vậy, cùng với đầu tư cho khâu sản xuất, cần đầu tư thích đáng cho khâu bảo quản để xây dựng thêm hệ thống kho tàng và từng bước cơ giới hóa việc xuất nhập, cào đảo, sàng quạt, phơi sấy nhằm bảo đảm phẩm chất và giảm bớt hao phí thóc gạo.

Chế biến màu là nhiệm vụ trọng tâm của công nghiệp chế biến nông sản trong kế hoạch 1976 – 1980. Nếu nói màu là cửa ải của vấn đề lương thực thì chế biến màu lại là cửa ải của việc phát triển màu. Chế biến màu không những có tác dụng góp phần giải quyết vấn đề lương thực cho xã hội mà còn tạo ra nguồn thức ăn gia súc, cung cấp một phần nguyên liệu cho công nghiệp và tăng thêm mặt hàng xuất khẩu. Hướng chung là chế biến màu thành bột và từ bột nghiên cứu chế biến thành nhiều món ăn phong phú như mì sợi, mì sợi thực phẩm, miến hoa màu, bánh đa, làm cho việc dùng màu trở thành tập quán của nhân dân. Ngô có thể được chế biến ra nhiều loại sản phẩm khác nhau dùng làm thực phẩm, nguyên liệu công nghiệp và thức ăn gia súc. Khoai lang có thể sản xuất thành bánh đa khoai, bột khoai hoặc dùng làm nguyên liệu phối hợp với bột mì chế biến ra các loại thực phẩm. Sắn có thể sản xuất tinh bột, ta-pi-ô-ca, bánh đa nem dùng cho xuất khẩu.

Nhanh chóng phát triển mạng lưới chế biến màu từ gia đình xã viên đến các hợp tác xã và xí nghiệp quốc doanh, từ sơ chế đến tinh chế, bằng kỹ thuật thủ công, nửa cơ giới và cơ giới. Phân công cho gia đình xã viên và hợp tác xã nông nghiệp làm khâu sơ chế tại chỗ để kịp thời vụ và sử dụng được lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp. Các cơ sở ở huyện và tỉnh làm nhiệm vụ tinh chế lại hoặc chế biến ra các mặt hàng có giá trị kinh tế cao hơn. Nhà nước sẽ xây dựng một số xí nghiệp chế biến màu ở các vùng tập trung. Ngành cơ khí bảo đảm cung cấp đủ công cụ thường, công cụ cải tiến và máy móc đơn giản cho việc chế biến màu ở các địa phương.

Việc chế biến các chất đường, đạm, béo có ý nghĩa lớn trong việc cải tiến cơ cấu bữa ăn và tăng thêm chất dinh dưỡng cho cơ thể. Phát triển đường mía theo hướng lợi dụng tổng hợp: đường, rượu, giấy, men ; cùng với việc xây dựng các nhà máy đường lớn ở các vùng mía tập trung, cần phát triển một số cơ sở đường nhỏ ở các vùng mía phân tán và tận dụng các cơ sở sản xuất đường thủ công ở các nơi chưa có nhà máy. Ngoài đường mía, chú ý sản xuất thêm đường tinh bột và nghiên cứu sản xuất bánh kẹo bằng đường nha từ khoai sắn sẵn có ở các địa phương. Có biện pháp thu mua nguyên liệu để đẩy mạnh sản xuất mì chính. Tận

Digitized by Google

dụng năng lực ép dầu hiện có, đồng thời tăng thêm thiết bị và tận thu các loại quả, hạt có dầu để sản xuất thêm dầu ăn và dầu công nghiệp.

Nước giải khát có tác dụng đưa một phần dinh dưỡng vào cơ thể và nhu cầu của nhân dân ta về nước giải khát rất lớn. Vì vậy, cần phát triển nhanh bằng cách vừa tăng thêm sản lượng bia, nước ngọt ở các xí nghiệp lớn, vừa lợi dụng tổng hợp nguyên liệu để sản xuất thêm nước giải khát ở các xí nghiệp rau quả hộp, đồng thời mở rộng việc chế biến nước giải khát từ các loại rau quả sẵn có ở các địa phương như: mơ, mận, dâu, chuối, dứa, cam, chanh, v.v...

Ngoài các mặt hàng nói trên, cần phát triển mạnh các ngành công nghiệp chế biến rau quả hộp, rau quả ướp đông, rượu, chè, thuốc lá, tinh dầu để phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Tinh dầu là một mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn, đất đai khí hậu của ta lại thích hợp với nhiều loại cây tinh dầu. Vì vậy, công nghiệp tinh dầu cần được phát triển đồng bộ và liên hợp các khâu sản xuất tinh dầu, sản xuất chất thơm đơn thể, sản xuất chất thơm hỗn hợp và công nghiệp mỹ phẩm nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao.

Coi trọng đúng mức việc chế biến các loại cây có sợi. Đẩy mạnh chế biến chiếu cói để tiến tới bán chiếu bình thường cho nhân dân và dành một số hàng cói cho xuất khẩu. Hoàn thành xây dựng nhà máy kéo sợi đay và mở rộng sản xuất thảm đay, bao đay. Tổ chức sơ chế bông và ươm tơ tằm ở các vùng trồng bông, trồng dâu nuôi tằm, nhằm tạo điều kiện phát triển mạnh các loại cây này.

Cùng với việc chế biến các sản phẩm trồng trọt, cần từng bước phát triển các ngành công nghiệp chế biến thịt, sữa, trứng, da, lông phù hợp với nhịp độ phát triển của đàn gia súc. Đặc biệt da thuộc và đồ dùng bằng da có công dụng nhiều trong đời sống, quốc phòng và xuất khẩu, vì vậy cần tìm mọi cách tận thu da lợn và một phần lớn da trâu bò để phát triển mạnh ngành công nghiệp thuộc da và làm đồ da.

Trong việc chế biến nông sản, ngoài các nguyên liệu chính, cần chú ý tận dụng các phụ phẩm trong nông nghiệp để chế biến thêm các sản phẩm cần thiết như tận dụng bã mía, rơm rạ để làm bột giấy, ép dầu cám trong các nhà máy xay, chế biến thảm bẹ ngô.

Công nghiệp chế biến nông sản cần được phát triển rộng rãi từ các cơ sở quốc doanh trung ương, địa phương, các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đến các cơ sở thủ công nghiệp trong nông nghiệp và nghề phụ gia đình ở nông thôn. Công nghiệp trung ương phụ trách các xí nghiệp lớn, kỹ thuật hiện đại ở các vùng nguyên liệu tập trung để phục vụ nhu cầu cả nước và xuất khẩu. Việc chế biến lương thực thực phẩm phục vụ nhu cầu thông thường của nhân dân địa phương do công nghiệp địa phương đảm nhiệm.

Phát triển công nghiệp chế biến nông sản là thực hiện một phần nhiệm vụ kết hợp công nghiệp với nông nghiệp ngay từ đầu. Do đó, cần kết hợp chặt chẽ quy hoạch phát triển nông nghiệp với quy hoạch phát triển công nghiệp, làm cho hai quy hoạch này cân đối, ăn khớp với nhau về không gian và thời gian, tránh tình trạng làm nhà máy mà chưa có nguyên liệu hoặc làm ở nơi xa nguyên liệu. Nghiên cứu dần các hình thức kết hợp chặt chẽ nông nghiệp sản xuất nguyên liệu với công nghiệp chế biến trong những tổ chức liên hợp sản xuất công — nông nghiệp để áp dụng khi cần thiết và có điều kiện.

Digitized by Google

CUNG CẤP HÀNG TIÊU DÙNG CHO NÔNG DÂN

Để phục vụ nông nghiệp, công nghiệp còn cần phấn đấu cung cấp ngày càng nhiều hàng tiêu dùng cho nông dân. Cung cấp hàng tiêu dùng cho nông dân không những để cải thiện đời sống, khuyến khích nông dân ra sức phát triển nông nghiệp mà còn góp phần cân đối tiền — hàng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp. Hiện nay, việc thu mua nông sản khó khăn do nhiều nguyên nhân, trong đó có một nguyên nhân quan trọng là thiếu hàng tiêu dùng.

Nông dân đang thiếu nhiều hàng tiêu dùng. Vì vậy chúng ta phải ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, dựa vào khả năng tiềm tàng to lớn của ta. Song phải giải quyết từng bước, có trọng điểm, trước hết là những loại hàng tiêu dùng mà nông dân không tự sản xuất được. Cụ thể trong những năm tới, các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng cần cố gắng cung cấp một số mặt hàng thông thường thiết yếu theo phương hướng như sau:

Về ăn, vừa cung cấp một số thực phẩm chủ yếu như muối, nước mắm, bột ngọt, dầu, đường, bánh kẹo, chè...; vừa cung cấp các phương tiện, dụng cụ liên quan đến bữa ăn như nồi, niêu, soong, chảo, bát dĩa, dao, thớt, chạn đựng thức ăn, chất đốt, diêm, lò, bếp nấu ăn, v.v...

Về mặc, chủ yếu là cung cấp đủ vải, quần áo may sẵn theo tiêu chuẩn, đồng thời giải quyết thêm các nhu cầu khác như: vải đi mưa, chăn, chiếu, màn, khăn, giầy, dép, mũ, nón...

Về ở, một mặt cung cấp các loại vật liệu xây dựng cần thiết như xi măng, vôi, gạch, ngói, gỗ, để nhân dân xây dựng, sửa chữa nhà ở; mặt khác cung ứng một số đồ dùng trong gia đình như bàn, ghế, giường, tủ, ấm chén, phích nước, đèn dầu hỏa, v.v...

Về học tập, không những phải cung cấp đủ học cụ, học phẩm cho từng học sinh như giấy, vở, sách giáo khoa, bút, mực, thước kẻ, cặp học sinh...; mà còn chú ý trang bị các phương tiện cần thiết cho các trường học như bàn, ghế, bảng, phấn, đồ dùng giảng dạy, dụng cụ thí nghiệm...

Về đi lại, hướng chính là đẩy mạnh sản xuất để cung cấp ngày càng nhiều xe đạp và phụ tùng xe đạp cho nhân dân.

Về bảo vệ sức khỏe, ngoài việc hướng dẫn nhân dân trồng các loại cây thuốc, lập tủ thuốc gia đình, ngành công nghiệp dược phẩm cần cung cấp một số tân dược, thuốc kháng sinh, cao đơn hoàn tán cần thiết mà nông dân không tự bào chế được để phục vụ cho việc phòng bệnh, chữa bệnh.

Ngoài những mặt hàng thiết yếu nói trên, sẽ dần dần cung cấp thêm một số hàng hóa khác như đồ chơi trẻ em, đồ dùng văn hóa, đồng hồ, máy thu thanh... nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Trong việc phục vụ tiêu dùng của nhân dân, cùng với đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, cần tổ chức tốt mạng lưới lưu thông — phân phối và sửa chữa hàng hóa nhằm làm cho việc mua sắm, sử dụng của nhân dân được thuận tiện.

GÓP PHẦN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa cũng có nghĩa là từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp, xây dựng một nông thôn mới văn minh, tiến bộ. Vì vậy ngành xây dựng và các

Digitized by Google

ngành khác, ngoài nhiệm vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp còn có trách nhiệm góp phần xây dựng nông thôn mới.

Lập quy hoạch xây dựng nông thôn là công việc trước tiên và cấp bách cần được tiến hành ngay từ bây giờ. Nội dung quy hoạch nông thôn gồm có quy hoạch tổng thể và các quy hoạch cụ thể như quy hoạch cải tạo và xây dựng đồng ruộng, quy hoạch phát triển giao thông, quy hoạch phát triển và hoàn chỉnh thủy lợi, quy hoạch bố trí các điểm dân cư và nhà ở... Các quy hoạch này được kết hợp chặt chẽ với nhau, đồng thời cần kết hợp với các quy hoạch khác như quy hoạch phát triển công nghiệp, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch củng cố quốc phòng. Quy hoạch xây dựng nông thôn phải được xây dựng trên từng xã, trên địa bàn huyện và trên từng vùng lãnh thổ dựa trên cơ sở phân bố lực lượng sản xuất, phân vùng quy hoạch kinh tế chung.

Thiết kế định hình các kiểu nhà ở, các công trình phục vụ sản xuất như sân phơi, nhà kho, chuồng trại chăn nuôi; các công trình phúc lợi văn hóa công cộng như nhà trẻ, trường học, nhà văn hóa, bệnh xá, cửa hàng, chợ cho phù hợp với từng vùng, từng miền để hướng dẫn nông dân và hợp tác xã xây dựng. Đó là những công việc cần được tiến hành càng sớm càng tốt. Trên cơ sở quy hoạch và thiết kế, ngành xây dựng còn có trách nhiệm làm thử ở một số nơi, rút kinh nghiệm để hướng dẫn các hợp tác xã, các xã, các huyện tổ chức lực lượng xây dựng và tiến hành xây dựng.

★

Công nghiệp phục vụ nông nghiệp là nhiệm vụ cần thiết để đưa nông nghiệp tiến lên xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại. Ở nước ta, công nghiệp và nông nghiệp phải quyện vào nhau và kết hợp chặt chẽ với nhau thành một cơ cấu. Theo phương hướng đó, phục vụ nông nghiệp là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa cơ bản của các ngành công nghiệp. Các ngành công nghiệp phải tập trung những cố gắng cao nhất của mình, góp phần tạo nên sự phát triển vượt bậc của nông nghiệp.

Quản lý xã hội...

(Tiếp theo trang 67)

Việt-nam ta bắt đầu đi vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Có thể tin tưởng vững chắc rằng: nhất định chúng ta có thể quản lý xã hội một cách khoa học, nhất định chúng ta sẽ giành thắng lợi trên mặt trận quản lý xã hội, một mặt trận quyết định trong công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Digitized by Google

PHÚ-LÂM VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

TÂN - MINH

PHÚ-LÂM là một xã trọng điểm lúa của huyện Phú-tân, tỉnh An-giang, có diện tích 8.328 ha (trong đó ruộng đất canh tác chiếm 7.344 ha), có 5.789 hộ gồm 34.247 dân với 15,800 người lao động. Trước đây Phú-lâm bị địch kìm kẹp lâu, cơ sở cách mạng bị địch đánh phá nhiều lần và thiệt hại nặng. Nhân dân Phú-lâm phần lớn có đạo, (trên 90% số dân theo đạo Hòa hảo). Trước ngày giải phóng, Phú-lâm chỉ có 3 đảng viên và một số ít cốt cán ngoài Đảng. Lực lượng cách mạng của xã hồi đó rất mỏng, còn uy thế của bọn phản động, của thần quyền thì rất mạnh. Quần chúng bị khống chế về các mặt chính trị, tư tưởng và kinh tế. Với tình hình khó khăn như vậy, chi bộ và chính quyền ở Phú-lâm đã làm như thế nào mà chỉ trong vòng vài năm, kể từ ngày giải phóng, có những tiến bộ lớn trong việc mở rộng diện tích, tăng vụ, tăng năng suất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đồng thời làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, và hiện nay đang vững bước tiến lên trên con đường làm ăn tập thể.

QUÁN TRIỆT ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, TIN QUẦN CHÚNG, DỰA VÁO QUẦN CHÚNG VÁ PHÁT ĐỘNG QUẦN CHÚNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Đây là một trong những bài học kinh nghiệm lớn của Phú-lâm. Làm được việc này thật không đơn giản, vì như đã nói ở trên, quần chúng ở đây phần lớn là người có đạo, trong nhiều năm bị địch mê hoặc, đầu độc bằng nhiều thủ đoạn nham hiểm. Kẻ thù cố tình bôi đen quần chúng lao động, dùng đủ cách tuyên truyền xuyên tạc để ly gián quần chúng với cách mạng. Cán bộ, đảng viên ở Phú-lâm là những người hiểu và thông cảm hơn ai hết hoàn cảnh phức tạp và éo le đó, cho nên sau ngày giải phóng chi bộ đã chủ trương *đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động để cùng nhau xây dựng cuộc sống mới.*

Digitized by Google

Chi bộ nhận thức rõ rằng, trừ bọn phản động ra, còn quần chúng nhân dân đều thiết tha với tự do, độc lập và thống nhất Tổ quốc. Trước chân lý sáng ngời của cách mạng, dù có đạo hay không có đạo, nhân dân nhất định ngày càng hiểu Đảng và cách mạng hơn, miễn là Đảng và cách mạng quyết tâm, kiên trì, tận tình giáo dục, giúp nhân dân nâng cao trình độ giác ngộ chính trị. Với quan điểm quần chúng đúng đắn, chi bộ và chính quyền cách mạng đã *thật sự tin, dựa vào quần chúng và mạnh dạn phát động quần chúng* đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất. Chủ trương ấy được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng, vì đó cũng là nguyện vọng bức thiết của họ. Đối với những người trước kia làm việc trong bộ máy ngụy quân, ngụy quyền, sau khi họ đã qua các lớp học tập, cải tạo, chính quyền cách mạng cũng huy động vào mặt trận lao động sản xuất để một mặt giải quyết vấn đề đời sống cho họ, mặt khác tiếp tục giáo dục, cải tạo và thử thách thêm nhằm tạo cho họ có bước tiến vững chắc. Thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển sản xuất, giải quyết vấn đề lương thực, chi bộ và chính quyền địa phương đã vận động quần chúng thâm canh, mở rộng diện tích và tăng vụ, đồng thời bước đầu phân vùng và tổ chức lại lao động. Nhờ nhân dân tích cực thực hiện chủ trương nói trên, đến nay diện tích trồng lúa của xã đã đạt khoảng 4.000 ha với năng suất 6 tấn/ha mỗi vụ, những nơi năng suất thấp cũng đạt 4 tấn/ha mỗi vụ. Hiện nay diện tích làm hai vụ đã tăng gấp 8 lần so với trước ngày giải phóng, một số nơi làm 3 vụ. Ngày nay Phú-lâm đã chấm dứt được nạn đói giáp hạt. Qua việc cứu đói của Nhà nước (năm 1975 Nhà nước còn phải cứu đói cho khoảng 60% số dân trong hơn ba tháng liền) và nhất là qua phong trào thi đua sản xuất, nhân dân lao động càng hiểu sâu sắc rằng chỉ có Đảng, chính quyền cách mạng mới thật sự quan tâm đến đời sống của quần chúng. Ngay đối với hàng nghìn Việt kiều trở về quê hương, Phú-lâm cũng đã có nhiều cố gắng trong việc sắp xếp công ăn việc làm và ổn định đời sống. Chi bộ và chính quyền địa phương không những dựa vào dân và các đoàn thể, để bố trí nơi ăn chốn ở mà còn vận động nhân dân giúp tiền, gạo, đồ dùng hoặc nhường một phần ruộng đất cho bà con theo tinh thần nhường cơm sẻ áo, lá lành đùm lá rách, đồng thời tạo điều kiện cho bà con tham gia phát triển các ngành, nghề (đan lát, chăm lá, vận tải...) ở địa phương. Một số khá đông cán bộ Việt kiều về nước có năng lực và tín nhiệm đã được bổ sung vào đội ngũ cán bộ xã, ấp, và hiện nay nói chung số anh chị em đó đang phát huy tác dụng tốt. Đối chiếu những việc làm của cách mạng với những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc và những hành động quấy phá, cướp của, giết người của bọn phản động, nhân dân càng phân biệt rõ đâu là thật, đâu là giả và càng tin tưởng vào chính quyền cách mạng. Họ không những hăng hái phát triển sản xuất mà còn tích cực tham gia phong trào làm thủy lợi và các việc công ích khác. Riêng trong năm 1976 Phú-lâm đã huy động 25.000 lượt người đào vét 246.000m^3 cho 43 con kênh cấp 3 dài 97.120m để chuyển 2.350 ha ruộng lúa một vụ thành hai vụ. Ngoài ra còn đào 22 đường nước nối mới với chiều dài 11000m.

Chi bộ và chính quyền cách mạng ở Phú-lâm còn biết dựa vào các đoàn thể quần chúng và lấy Nông hội làm nòng cốt để giải quyết một bước vấn đề ruộng đất theo tinh thần đoàn kết tương trợ, bằng biện pháp điều chỉnh trong nội bộ nhân dân (người nhiều ruộng nhường bớt cho người ít ruộng, hoặc người có nhiều ruộng tốt san sẻ một phần cho người không có ruộng hoặc có toàn ruộng xấu...). Toàn xã

Digitized by Google

có 1.724 hộ (khoảng 30% số dân) không có ruộng đất trồng trọt. Đến nay Phú-lâm đã chia cấp và trang trải được 527,7 ha cho 1.371 hộ. Hiện còn 353 hộ (chiếm hơn 7% số dân) không có ruộng đất, trong đó có nhiều hộ làm những ngành, nghề khác. Do sản xuất phát triển và đời sống được cải thiện rõ rệt, nhân dân lao động hăng hái làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Từ chỗ Nhà nước phải cung cấp gạo để cứu đói, năm 1976 Phú-lâm đã làm nghĩa vụ đối với Nhà nước gần 12.000 tấn thóc, năm 1977 tuy mùa màng có bị thất bát do thiên tai, Phú-lâm vẫn bảo đảm nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, Phú-lâm cũng đã tin và dựa vào sức dân để giải quyết tương đối tốt các vấn đề do thực tế cách mạng đề ra. Để bảo đảm yêu cầu học tập của con em trong xã, chính quyền địa phương đã vận động nhân dân góp công, góp của (tiền, gỗ, gạch ngói, nhà cửa, bàn ghế, tủ...) để xây dựng và trang bị trường sở, đồng thời biết sử dụng hợp lý số đông anh chị em giáo viên cũ. Hiện nay toàn xã có 8 trường cấp I và 2 trường cấp II với tổng số 96 giáo viên và 3.981 học sinh. Sau ngày giải phóng trong xã còn 1.154 người không biết chữ, đến nay Phú-lâm đã căn bản thanh toán nạn mù chữ (đạt 98%).

Về mặt y tế, cũng với tinh thần ấy, Phú-lâm đã tổ chức được mạng lưới y tế từ xã xuống ấp gồm các trạm y tế xã và ấp, nhà hộ sinh, tổ thú y, tổ cấp cứu, tổ tiêm thuốc, cửa hàng bán thuốc... Chính quyền cách mạng đã tập hợp được đông đảo những người có hiểu biết về chuyên môn, trong đó có trên 50 y tá và đã huy động sức dân đóng góp vào việc xây dựng cơ sở vật chất cho ngành y tế, tạo điều kiện cho ngành y tế phục vụ đắc lực sản xuất và đời sống của nhân dân. Ngày nay, nói chung nhân dân ở đây không còn phải mua thuốc hoặc tiêm thuốc của tư nhân với giá cắt cổ như trước kia. Được sự giúp đỡ của các ngành cấp trên, đến nay Phú-lâm đã thanh toán được phần lớn các bệnh truyền nhiễm.

Cuộc sống của Phú-lâm ngày càng đổi mới. Nhân dân ăn ở hợp vệ sinh hơn và đã quen dần với nền văn hóa, văn nghệ cách mạng. Các trạm văn hóa – thông tin, các tổ đọc báo, các đội văn nghệ không chuyên nghiệp, là những công cụ góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại như xì ke, ma túy, cao bồi, mãi dâm, cờ bạc, trộm cướp đã giảm rõ rệt và đang bị dư luận xã hội nghiêm khắc lên án.

Một trong những ưu điểm nổi bật của Phú-lâm là, sau ngày giải phóng, Phú-lâm đã bước đầu nhận thức được rằng cần phải từng bước tổ chức nông dân lại, đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Đến nay Phú-lâm đã tập hợp được đại bộ phận nông dân vào 24 tổ đoàn kết sản xuất với quy mô trung bình mỗi tổ từ 130 hộ đến 500 hộ và quản lý từ 120 ha đến trên 400 ha ruộng đất. Ngay từ đầu chi bộ đã chủ trương nắm chắc khâu quản lý, trước hết là quản lý thủy lợi, vì muốn đẩy mạnh việc tăng vụ, mở rộng diện tích và nâng cao năng suất cây trồng thì phải bảo đảm chủ động tưới và tiêu nước. Phú-lâm đã có những biện pháp cụ thể trong việc quản lý thủy lợi như phân vùng và quy định mức chi phí về xăng dầu, về giá cả.. Kinh nghiệm của Phú-lâm chỉ rõ rằng quản lý vật tư là vấn đề rất quan trọng; quản lý được vật tư thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý kế hoạch sản xuất, quản lý diện tích, quản lý máy móc và sức kéo, quản lý giá cả, quản lý lao động và phân phối, quản lý việc làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Chính nhờ quản lý tương đối tốt vật tư cho nên chỉ riêng vụ đông xuân 1976 – 1977 Phú-lâm đã tiết kiệm được trên 52 vạn lít

Digitized by Google

xăng dầu, hạ được chi phí sản xuất; tăng thêm thu nhập cho tổ viên và tăng vốn tích lũy cho tập thể. Đi đầu làm tốt các mặt công tác này là tổ đoàn kết sản xuất 18. Tổ này ngay từ đầu đã nắm khâu quản lý xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu và quản lý giá cả (riêng về giá cả đã giảm được khoảng 50% so với trước), nhờ đó đã chấm dứt được sự bóc lột của chủ máy cày, máy xới. Tổ đã biết coi kỹ thuật là khâu then chốt phải nắm vững, biết chú ý khâu thủy lợi, đồng thời biết tổ chức vần công ở các khâu khác, do đó đã mở rộng được diện tích và tăng vụ (diện tích đông—xuân 1976 — 1977 tăng hơn hai lần diện tích đông — xuân 1975 — 1976); nâng cao được đời sống (từ chỗ phải cứu đói cho một số hộ năm 1975 tiến lên đủ ăn và thừa thóc năm 1976) và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước (đông — xuân 1976 — 1977 đã bán cho Nhà nước 1.000 tấn thóc). Qua thực tế, quần chúng bước đầu tin tưởng vào lối làm ăn tập thể và ngày càng có nhiều người xin gia nhập tổ đoàn kết sản xuất. Đến nay, ngoài tổ đoàn kết sản xuất 18, lá cờ đầu về làm ăn tập thể của tỉnh An-giang, ở Phú-lâm còn có 5 tổ đang vươn lên mạnh, và về một số mặt đã vượt tổ 18. Nói chung, các tổ đoàn kết sản xuất của Phú-lâm đang có khí thế đi lên. Đó là hình thức làm ăn tập thể ở mức độ thấp, thích hợp trong bước quá độ lên hợp tác xã. Thông qua hình thức đó, Phú-lâm đã giáo dục ý thức làm chủ và bước đầu phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Song bên cạnh những ưu điểm, các tổ đoàn kết sản xuất cũng còn những nhược điểm và khó khăn. Do phần lớn tư liệu sản xuất còn thuộc sở hữu tư nhân cho nên chưa thể xóa bỏ triệt để sự bóc lột, những nông dân không có ruộng vẫn phải thuê mướn ruộng đất để làm; quản lý tài sản chưa thật tốt để máy móc hư hỏng nhiều; giá công chưa hợp lý, thường có lợi nhiều cho những người có nhiều ruộng đất và máy móc. Việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho bà con nông dân chưa được chú ý đầy đủ, một số gia đình chưa làm tròn nghĩa vụ đối với tập thể và đối với Nhà nước.

RA SỨC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CỐT CÁN CHO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

Một trong những nguyên nhân làm cho phong trào của Phú-lâm tiến bước khá nhanh là Phú-lâm đã quan tâm đến việc xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng. Từ chỗ chỉ có 3 đảng viên lúc mới giải phóng, trong hơn hai năm qua chi bộ Đảng đã có thêm 20 đảng viên mới. Phần lớn đảng viên mới đều có đủ tiêu chuẩn. Phần lớn đảng viên đều phát huy tác dụng tốt, tích cực công tác. Số đảng viên trẻ (chiếm 1/3 tổng số đảng viên) có nhiều triển vọng. Nhìn chung, với số đảng viên ít, công việc nhiều, xã rộng, nhưng chi bộ đã quán xuyến được công việc, lãnh đạo thực hiện khá tốt các mặt công tác. Việc xây dựng bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng cũng tương đối hoàn chỉnh. Đảng viên do nhiều nguồn hợp lại (2/3 là người tại chỗ), nhưng do thông cảm, thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau trên tinh đồng chí cho nên *nội bộ đoàn kết thống nhất*. Đại đa số *đảng viên gương mẫu* chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước với tinh thần «đảng viên đi trước làng nước theo sau». Ví dụ trong việc điều chỉnh ruộng đất ở địa phương hay làm nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ bán lương thực cho Nhà nước, trong

Digitized by Google

phong trào thủy lợi..., hầu hết đảng viên đều sốt sắng đăng ký bảo đảm chỉ tiêu và đã thật sự thực hiện đúng hoặc vượt chỉ tiêu, do đó có tác dụng lôi cuốn quần chúng làm theo. Chi bộ không chỉ chăm lo công tác phát triển Đảng mà còn chú ý củng cố tổ chức Đảng. Đối với một số đảng viên yếu kém, chi bộ đã tận tình giáo dục, giúp đỡ, do đó nhiều người bước đầu đã có chuyển biến tốt: có 4 người không đủ tư cách đảng viên, chi bộ đã đưa ra khỏi Đảng.

Bộ máy *chính quyền* ở Phú-lâm được hình thành từ xã tới ấp với đội ngũ cán bộ khá đông. Qua các lần thanh lọc, kiểm tra và nhân dân tố giác, những phần tử xấu, những phần tử thoái hóa biến chất đã được đưa ra khỏi bộ máy chính quyền. Đến nay các tổ chức chính quyền nói chung hoạt động tốt, nổi bật là về mặt chỉ đạo sản xuất và tổ chức đời sống. Về mặt giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, bộ máy chính quyền ở Phú-lâm cũng có những cố gắng lớn. Sau ngày giải phóng, ở Phú-lâm có trên 16.000 ngụy quân và nhân viên ngụy quyền tan rã tại chỗ; ta thu hơn 1.000 súng. Qua giáo dục, cải tạo, số đông đã được trả lại quyền công dân và đang được hướng dẫn đi vào con đường lao động sản xuất để dần dần trở thành những người lao động có ích cho xã hội. Song vẫn còn một số chưa chịu thật sự cải tạo. Họ câu kết với nhau và ngấm ngầm hoạt động chống phá cách mạng, phá rối trật tự xã hội. Tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đã kiên trì làm công tác giáo dục chính trị và tư tưởng trong quần chúng, giúp quần chúng hiểu rõ chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước, phân biệt bọn phản động đội lốt tôn giáo với quần chúng ngoan đạo, kịp thời vạch trần những luận điệu xuyên tạc của bọn phản động. Hiểu rõ chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, với ý thức làm chủ của mình, quần chúng lao động đã góp phần đắc lực vào việc trấn áp bọn phản cách mạng, bảo vệ chính quyền, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Trước sức mạnh của chính quyền cách mạng và của quần chúng, một số tên phản cách mạng đã phải nộp súng hoặc ra đầu hàng. Có tên ở nơi khác vừa mới lẻn về địa phương đã bị quần chúng phát hiện và bị tóm cổ ngay.

Cùng với việc kiện toàn và phát huy tác dụng của bộ máy chính quyền, chi bộ Phú-lâm ngay từ đầu đã quan tâm đến việc tập hợp các tầng lớp nhân dân vào các đoàn thể quần chúng với nhiều hình thức thích hợp, và coi đây là biện pháp quan trọng để đoàn kết, giáo dục nhân dân, đưa nhân dân vào hành động cách mạng. Hiện nay, toàn xã có 5.200 thanh niên, hầu hết đều có chân trong 402 tổ thanh niên, trong số đó có 200 người tham gia Hội liên hiệp thanh niên Việt-nam, 180 người tham gia thanh niên xung phong. Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh có 32 đoàn viên. Cùng với chi bộ, chi đoàn đã làm đầu tàu cho mọi phong trào cách mạng ở địa phương. Tổ chức Đoàn và Hội cần được phát triển mạnh mẽ hơn nữa vì hiện nay lực lượng Đoàn và Hội còn rất mỏng, phát triển chậm, chưa phản ánh đúng thực tế của phong trào.

Đông đảo phụ nữ Phú-lâm đã tham gia vào các tổ chức của giới mình. Hội phụ nữ đã thu hút 1.156 hội viên. Các tổ chức của phụ nữ có nhiều đóng góp tích cực đối với phong trào chung ở xã, nhất là trong công tác thu mua, công tác tuyển quân và công tác thương binh liệt sĩ.

Tổ chức Nông hội đã phát huy tác dụng trong việc trang trải ruộng đất trong nội bộ nông dân, trong phong trào xây dựng các tổ đoàn kết sản xuất. Nhưng, tổ chức Nông hội còn quá hẹp, chưa tương xứng với phong

Digitized by Google

trào ở địa phương (mới có 670 hội viên trong tổng số 17.387 nông dân), cốt cán của Nông hội đã thiếu lại yếu, hoạt động của nông hội chưa mạnh, nhiều tổ nông hội không sinh hoạt.

Thời gian qua, chi bộ Phú-lâm đã *xây dựng* được một đội ngũ cốt cán ngoài Đảng khá đông gồm trên 2.000 người kể từ các tổ trưởng, tổ phó của các ban, ngành và các đoàn thể trở lên. Chi bộ đã dựa vào số cốt cán nói trên để bảo đảm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của địa phương. Ví dụ trong lúc thời vụ, tổ chức Đảng và chính quyền đã dựa vào đội ngũ cốt cán ấy để nắm chắc tình hình, điều hành công việc và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện. Ngày mùa số cốt cán này cùng với đảng viên làm nòng cốt cho các tổ thanh niên xung phong và các tổ phụ nữ xung phong ra đồng giúp bà con nông dân thu hoạch nhanh và làm nghĩa vụ sớm gọn. Chi bộ đã biết thông qua các phong trào, các đợt công tác để lựa chọn, xây dựng đội ngũ cốt cán ngày càng đông, đồng thời đã biết dùng những hình thức thiết thực để bồi dưỡng anh chị em (phổ biến chủ trương, chính sách, sơ kết, tổng kết công tác, trao đổi kinh nghiệm, tập huấn từng khâu, từng việc). Ngoài ra, còn cử một số người đi học các lớp ở huyện, ở tỉnh hoặc đi tham gia học kinh nghiệm một số điển hình tiên tiến... Số đông cốt cán ngoài Đảng nói chung thực hiện được yêu cầu « bám tổ, bám đồng, bám việc công, bám ấp ». Vấn đề cấp bách hiện nay là quan tâm bồi dưỡng trình độ các mặt cho anh chị em một cách căn bản hơn để họ có thể phát huy tác dụng về lâu dài. Đội ngũ cốt cán ngoài Đảng là một nguồn rất phong phú để phát triển Đoàn, phát triển Đảng. Nếu tổ chức Đảng biết phát triển, củng cố và bồi dưỡng tốt đội ngũ đó về mọi mặt thì đó là một trong những bảo đảm chắc chắn cho bước tiến mạnh mẽ và vững chắc của phong trào cách mạng ở Phú-lâm.

PHƯƠNG HƯỚNG TIẾN LÊN CỦA PHÚ-LÂM

Những ưu điểm và những thành tích mà Phú-lâm đã đạt được là mặt chủ yếu, mặt cơ bản, song Phú-lâm cũng còn một số nhược điểm.

Phú-lâm có nhiều thuận lợi rất cơ bản: *đất đai màu mỡ*, khả năng chăn nuôi rất lớn (hiện có 6.000 lợn, 299 trâu, 1.056 bò, hàng chục vạn con vịt và hàng nghìn ao nuôi cá); *lao động dồi dào* lại có kinh nghiệm sản xuất và có khả năng tiếp thu nhanh cái mới, biết sử dụng máy móc; *lực lượng cơ giới tương đối mạnh* (gồm 884 máy các loại lớn nhỏ); các ngành *tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, vận tải, thương nghiệp* cũng có tiềm năng khá lớn và có thể phục vụ đắc lực cho nông nghiệp, nếu biết cải tạo và tổ chức quản lý tốt. Nhưng vừa qua, trên mặt trận *kinh tế*, Phú-lâm chưa chú ý toàn diện, chưa kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng: mới bước đầu mở rộng diện tích, thâm canh, tăng vụ lúa, chưa quan tâm đầy đủ đến màu, cây công nghiệp, chăn nuôi và các ngành nghề khác. Phú-lâm có phong trào làm ăn tập thể tương đối sớm, đã xây dựng được 24 tổ đoàn kết sản xuất, trong đó có 6 tổ hoạt động khá, tiêu biểu là tổ 18. Thời gian qua, chi bộ và Ủy ban nhân dân xã đã đi sát giúp đỡ một số tổ, nhưng chưa đi vào tổng kết, rút kinh nghiệm một cách toàn diện để chỉ đạo chung, do đó nhiều tổ còn lúng túng trong việc tổ chức quản lý, trong lề lối làm việc, một số ít tổ để xảy ra tình trạng tham

Digitized by Google

ô hoặc vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

Phương hướng công tác của Phú-lâm trong thời gian trước mắt là : đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, đi đôi với mở rộng diện tích và tận dụng các diện tích hiện có, ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện, cả trồng trọt (lúa, màu, cây công nghiệp) lẫn chăn nuôi (gia súc, gia cầm và cá) mà trọng tâm là giải quyết vấn đề lương thực, đồng thời cải tạo và tổ chức lại các ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và vận tải. Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, ngoài việc bảo đảm những biện pháp thâm canh, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật và lập vùng kinh tế mới, còn phải củng cố và phát triển các tổ đoàn kết sản xuất kết hợp với việc xóa bỏ triệt để tàn tích bóc lột phong kiến và những mặt tiêu cực gây trở ngại cho việc tiến lên con đường hợp tác hóa nông nghiệp. Đặc biệt coi trọng khâu quản lý, đưa các tổ đi vào hoạt động có nền nếp, có nội quy chặt chẽ, tăng quỹ tích lũy và quỹ công ích, tổ chức các đội chuyên, phát triển tốt các ngành nghề, thu hút những nông dân ít ruộng hoặc không có ruộng và chú ý thích đáng quyền lợi của họ. Đồng thời tích cực chuẩn bị mọi điều kiện để trong thời gian tới xây dựng thử 1 — 2 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, để rút kinh nghiệm và đào tạo cán bộ. Tiến hành khẩn trương công tác điều tra cơ bản và trên cơ sở quy hoạch của huyện tập trung lực lượng xây dựng quy hoạch, kế hoạch kinh tế của xã, đặc biệt chú ý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ để tiến lên hợp tác hóa nông nghiệp và sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Hoạt động văn hóa — xã hội đã có những tiến bộ nhưng chưa đi vào chiều sâu. Việc giáo dục nâng cao trình độ chính trị và tư tưởng của nhân dân chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục trong khi tình hình xã hội còn có những phức tạp, bọn phản động còn lén lút hoạt động. Do đó, Phú-lâm cần mở rộng và củng cố trận địa của chủ nghĩa xã hội. Tuy nhân dân lao động đã có bước chuyển biến khá nhanh, khá sâu sắc trong nhận thức và hành động, nhưng vẫn cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục trong các tầng lớp nhân dân cả về bề rộng lẫn bề sâu, trước hết là phát động phong trào học tập, đọc sách báo, nghe tin tức thời sự thật sâu rộng và thường xuyên. Công tác bồ túc văn hóa cần được coi trọng hơn, đặc biệt là đối với cán bộ, đảng viên và cốt cán ngoài Đảng. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh các phong trào bảo vệ trật tự an ninh, phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao, xây dựng nếp sống văn minh và xây dựng gia đình văn hóa mới.

Công tác xây dựng lực lượng cách mạng cần được xúc tiến mạnh mẽ hơn nữa. Tuy đã có bước phát triển khá nhanh, nhưng nhìn chung, các tổ chức cách mạng chưa thật mạnh, công tác phát triển Đảng, phát triển Đoàn còn chậm, chưa đi vào nền nếp thường xuyên. Việc bố trí, sắp xếp các tổ chức còn nặng về các ngành ở xã, chưa chú ý đúng mức đến các ấp. Nhiều chế độ, nguyên tắc sinh hoạt và công tác trong tổ chức Đảng, cơ quan chính quyền và các đoàn thể quần chúng chưa được thực hiện tốt. Hiện tượng tổ chức Đảng bao biện công việc của chính quyền còn khá phổ biến. Nhiều cốt cán ở cơ sở chưa biết cách làm việc... Phú-lâm cần thông qua phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương mà tích cực phát triển và củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, giáo dục, rèn luyện, kiểm tra, sàng lọc, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên và cốt cán ngoài Đảng. Trước hết, cần làm tốt công tác phát triển Đảng

(Xem tiếp trang 95)

Digitized by Google

Sự thật về cuộc xung đột biên giới Việt-nam — Cam-pu-chia

HOÀNG-NGUYỄN

MẤY năm qua, nhất là từ mấy tháng nay, mặc dù phía Việt-nam hết sức tự kiềm chế, kiên trì lẽ phải đến cùng, và làm hết sức mình để giải quyết hợp tình hợp lý vấn đề quan hệ giữa Việt-nam và Cam-pu-chia, phía Cam-pu-chia vẫn không ngừng khiêu khích vũ trang, liên tiếp xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt-nam, gây ra những tội ác cực kỳ dã man đối với nhân dân Việt-nam. Cùng với việc tiến công quân sự, nhà cầm quyền Cam-pu-chia không ngớt vu khống Việt-nam, xuyên tạc sự thật về cuộc xung đột biên giới do chính họ gây ra, thổi lên ngọn lửa hằn thù đối với dân tộc Việt-nam. Với việc gần như ngày nào cũng lặp đi lặp lại luận điệu: Việt-nam có tham vọng bành trướng và thôn tính đất đai, Việt-nam có âm mưu và cố gắng buộc Cam pu-chia vào Liên bang Đông-dương do Việt-nam thống trị, Việt-nam hoạt động lật đổ, Việt-nam xâm lược Cam-pu-chia, v.v...' nhà cầm quyền Cam-pu-chia tưởng có thể đổi trắng thay đen, che giấu được thực chất vấn đề, lừa bịp được nhân dân trong nước và dư luận thế giới. Nhưng chân tướng họ ngày càng lộ rõ. Càng ngày nhân dân trong nước họ càng phản đối hành động phiêu lưu quân sự của họ chống nhân dân Việt-nam, phản đối lập trường ngoan cố của họ khước từ những đề nghị thương lượng hợp lý hợp tình của Việt-nam; dư luận thế giới càng đánh nhiều dấu hỏi về chính sách đối nội, đối ngoại nguy hiểm của họ: bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế cũng không dám công khai biện hộ cho họ.

Vì sao nhà cầm quyền Cam-pu-chia điên cuồng nhen lên ngọn lửa chống Việt-nam, đẩy binh sĩ Cam-pu-chia sang tàn sát nhân dân Việt-nam, gieo rắc mối hận thù đối với dân tộc Việt-nam — một dân tộc đã từng cùng với nhân dân Cam-pu-chia gắn bó keo sơn trong sự nghiệp chống kẻ thù chung, vì độc lập tự do? *Không phải dễ dàng hiểu rõ vấn đề nếu không tìm hiểu nguyên nhân sâu xa của sự việc đó, nếu không thấy chính sách của nhà cầm quyền Cam-pu-chia chống Việt-nam hoàn toàn không phải là một chính sách riêng biệt mà có mối liên hệ chặt chẽ với toàn bộ đường lối chính trị của*

Digitized by Google

họ và việc họ gây ra cuộc xung đột biên giới và không ngớt tung ra những luận điệu vu khống Việt-nam rõ ràng nhằm phục vụ một mưu đồ chính trị trong một bối cảnh đặc biệt ở Cam-pu-chia.

★

Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia là ba nước nằm trên bán đảo Đông-dương, núi liền núi, sông liền sông; ba dân tộc anh em cùng có kẻ thù chung là thực dân đế quốc, cùng có sứ mệnh đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân. Hoàn cảnh địa lý và lịch sử đó khiến nhân dân ba nước phải nương tựa nhau và giúp đỡ lẫn nhau. Gần nửa thế kỷ qua, nhân dân ba nước đoàn kết với nhau, tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng vì độc lập tự do của mỗi dân tộc. Tình đoàn kết chiến đấu dựa trên nguyên tắc của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản đó là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước. Đó là một sự thật không ai có thể chối cãi. Sự thật đó hoàn toàn xa lạ với luận điệu xuyên tạc rằng: « Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam từ lâu có ý đồ chiến lược muốn biến nước Cam-pu-chia dân chủ trở thành một thành viên của Liên bang Đông-dương và làm nô lệ cho Việt-nam » (1) và Việt-nam « chủ trương một đảng, một nước, một nhân dân trong Liên bang Đông-dương » (2).

Vấn đề Liên bang Đông-dương là một vấn đề có bối cảnh lịch sử của nó. Cuối thế kỷ thứ 19, thực dân Pháp lần lượt xâm chiếm ba nước Đông-dương, xóa bỏ tính chất quốc gia của ba nước, ghép ba nước thành xứ Đông-dương thuộc Pháp đặt dưới quyền cai trị của một tên toàn quyền người Pháp. Đồng thời, thực hiện chính sách chia để trị, chúng chia Việt-nam thành ba xứ dưới ba hình thức cai trị khác nhau và gây hằn thù giữa nhân dân ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, dùng dân tộc này chống dân tộc kia, ngăn cản sự đoàn kết giữa ba dân tộc. Trong tình hình đó, để lãnh đạo cách mạng của toàn Đông-dương, năm 1930 Đảng cộng sản Đông-dương ra đời. Đảng chủ trương đánh đổ đế quốc và phong kiến, làm cho Đông-dương hoàn toàn độc lập, *tiến tới thành lập Liên bang Đông-dương theo nguyên tắc tự nguyện và hoàn toàn bình đẳng giữa các dân tộc, mỗi dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của mình.*

Những nguyên tắc làm cơ sở cho việc thành lập Liên bang Đông-dương được những nghị quyết của Đảng xác định rất rõ ràng: các dân tộc trong Liên bang được quyền tự do hoàn toàn, mỗi dân tộc có quyền vào hay ra khỏi Liên bang tùy ý, các dân tộc được hưởng quyền lợi và có nghĩa vụ như nhau. Sau khi đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp, các dân tộc có quyền tự quyết, muốn cùng nhau tổ chức thành Liên bang Đông-dương hoặc muốn lập Nhà nước riêng và muốn theo chính thể nào cũng được.

Khẩu hiệu: Làm cho Đông-dương hoàn toàn độc lập, tiến tới thành lập Liên bang Đông-dương, đã động viên mạnh mẽ nhân dân ba nước đoàn kết anh dũng đấu tranh, làm nên cuộc Cách mạng mùa thu năm 1945 lịch sử, lật đổ ách thống trị của phát-xít Nhật và tiến hành ngày càng thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược.

Đến tháng 2-1951, Đảng cộng sản Đông-dương tiến hành Đại hội lần thứ II trong tình hình phong trào cách mạng của ba nước đã phát triển, ba dân tộc đã trưởng thành trong ba quốc gia riêng biệt, nhiệm vụ cách mạng của ba dân tộc tuy là chống đế quốc nhưng có những điểm khác nhau.

---

(1) Tuyên bố ngày 31-12-1977 của Chính phủ nước Cam-pu-chia dân chủ.

(2) Diễn văn ngày 17-1-1978 của Bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Cam-pu-chia, Thủ tướng Chính phủ nước Cam-pu-chia dân chủ, Pôn Pốt.

Digitized by Google

Trong tình hình đó, sự tồn tại của một đảng duy nhất cho cả ba nước không còn thích hợp. Đại hội đã ra Nghị quyết nêu rõ: « Vì điều kiện mới của Đông-dương và thế giới, ở Việt-nam sẽ xây dựng Đảng lao động Việt-nam có chính cương và điều lệ thích hợp với hoàn cảnh Việt-nam. Ở Cao-miên và Ai-lao sẽ thành lập những tổ chức cách mạng thích hợp với hoàn cảnh hai nước đó » (3). Và như vậy, khái niệm Liên bang Đông-dương đã đi vào lịch sử cùng với sự sụp đổ của xứ Đông-dương thuộc Pháp.

Đại hội lần thứ II của Đảng cộng sản Đông-dương cũng nhấn mạnh sự đoàn kết và phối hợp đấu tranh giữa nhân dân ba nước trong mặt trận liên minh Việt – Miên – Lào nhằm chống kẻ thù chung là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ.

Từ sau khi mỗi nước trên bán đảo Đông-dương lập đảng tiên phong của mình, chính sách trước sau như một của Đảng và Chính phủ Việt-nam vẫn là: đoàn kết nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia chống kẻ thù chung trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân mỗi nước, làm cho Đông-dương trở thành một bán đảo hòa bình, gồm các quốc gia độc lập, có chủ quyền và tự do thật sự. Chính sách đó là nhất quán, được thấu suốt trong tất cả các văn kiện cơ bản, quy định các quan hệ đối ngoại và chỉ đạo mọi hành động thực tiễn của Đảng và Chính phủ Việt-nam có liên quan đến hai nước Lào và Cam-pu-chia.

Chín năm sau, để tỏ tình đoàn kết với sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân hai nước bạn đang chiến đấu, Đại hội lần thứ III của Đảng lao động Việt-nam (9-1960) đã ra Nghị quyết: « Hoan nghênh và ủng hộ đường lối hòa bình trung lập của Cam-pu-chia và sẽ tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị với Vương quốc Cam pu-chia », « ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Lào nhằm thực hiện đường lối hòa bình trung lập thật sự và hòa hợp dân tộc và mong muốn xây dựng quan hệ hữu nghị với Vương quốc Lào » (4).

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam (12-1976) cũng khẳng định chính sách của Chính phủ Việt-nam đối với hai nước Lào và Cam-pu-chia là: « Ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa nhân dân Việt-nam với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, lòng tin cậy, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt giữa nước ta với hai nước anh em trên nguyên tắc *hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau*, làm cho ba nước vốn đã gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, sẽ mãi mãi gắn bó với nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, *vì độc lập và phồn vinh của mỗi nước* » (5).

Đường lối trước sau như một của những người cộng sản Việt-nam đoàn kết với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia trên cơ sở nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp công việc nội bộ của nhau là một thực tế, không một thế lực phản động nào có thể xuyên tạc.

Luận điệu hiện nay của nhà cầm quyền Cam-pu-chia về cái gọi là « một đảng, một nước, một nhân dân trong Liên bang Đông-dương do Việt-nam khống chế » là hoàn toàn không có căn cứ, xuyên tạc lịch sử một cách thô bạo. Rõ ràng là với luận điệu đó,

(3) Văn kiện Đại hội, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng, Hà-nội, 1966, trang 48.

(4) *Văn kiện Đại hội*, Ban Chấp hành trung ương Đảng lao động Việt-nam, 1960, trang 195.

(5) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 81.

Digitized by Google

nhà cầm quyền Cam-pu-chia mưu toan phá hoại truyền thống đoàn kết giữa Việt-nam và Cam-pu-chia, đi ngược lại lợi ích trước mắt và lâu dài của nhân dân hai nước, nhằm phục vụ cho một mưu đồ chính trị đen tối của họ là: củng cố quyền lực, đẩy mạnh các cuộc đàn áp nội bộ, thanh trừng tất cả những người cách mạng và yêu nước không chịu theo đường lối sai lầm của họ, đồng thời đánh lạc hướng dư luận đang căm phẫn trước tội ác của họ đối với nhân dân Việt-nam và đối với chính nhân dân nước họ.

★

Cùng với việc kích động hằn thù dân tộc chống Việt-nam, vu khống Việt-nam ép Cam-pu-chia vào Liên bang Đông-dương, nhà cầm quyền Cam-pu-chia còn đưa ra luận điệu: Việt-nam có tham vọng về lãnh thổ, Việt-nam xâm lược Cam-pu-chia.

Đường biên giới chung giữa Việt-nam và Cam-pu-chia vốn có một số điểm phức tạp do lịch sử để lại. Vì lợi ích cách mạng của hai nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã nhiều lần đề nghị hai bên gặp nhau để giải quyết vấn đề biên giới theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau và trên tinh thần hữu nghị anh em. Trước tình hình nghiêm trọng do phía Cam-pu-chia nhiều lần đồng loạt tiến công vào hầu hết các vùng đất Việt-nam gần biên giới từ Hà-tiên đến Tây-ninh, gây những thiệt hại về người và của cho nhân dân Việt-nam, ngày 7-6-1977, Chính phủ Việt-nam đã gửi thư cho chính phủ Cam-pu-chia bày tỏ lòng mong muốn nhanh chóng giải quyết vấn đề biên giới, chấm dứt những va chạm đổ máu làm tổn thương tình đoàn kết giữa Việt-nam – Cam-pu-chia. Đồng thời phía Việt-nam đề nghị có cuộc gặp giữa lãnh đạo cấp cao của hai đảng và hai chính phủ ở Nông-pênh hoặc Hà-nội. Nhưng phía Cam-pu-chia một mặt khước từ đề nghị đàm phán của Việt-nam, tăng cường vũ trang tiến công trên toàn tuyến biên giới, gây nhiều tội ác dã man đối với nhân dân Việt-nam, mặt khác xuyên tạc sự thật, vu khống Việt-nam xâm lược Cam-pu-chia. Ngày 31-12-1977, trong tuyên bố của mình, Chính phủ Việt-nam đã nhấn mạnh: « Việt-nam kiên quyết bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mình, đồng thời luôn luôn tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Cam-pu-chia, làm hết sức mình để bảo vệ tình đoàn kết chiến đấu và hữu nghị vĩ đại Việt-nam – Cam-pu-chia ».

« Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đề nghị hai bên gặp nhau càng sớm càng tốt ở bất cứ cấp nào để cùng nhau trên tinh thần hữu nghị anh em, giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước ».

Ngày 5-2-1978, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam lại ra tuyên bố nói lên thiện chí của mình, mong muốn giải quyết bằng đàm phán các vấn đề trong quan hệ giữa Việt-nam và Cam-pu-chia, trong đó có đề nghị hai bên ký kết một hiệp ước về biên giới. Thái độ và lập trường của Việt-nam về vấn đề biên giới hết sức rõ ràng. Thiện chí và lập trường đúng đắn, hợp lý hợp tình của Việt-nam không ai có thể phủ nhận. Vừa tiếp tục dùng lực lượng vũ trang xâm lấn lãnh thổ Việt-nam và gây tội ác đối với nhân dân Việt-nam, vừa vu khống Việt-nam « xâm lược » và khước từ đàm phán, nhà cầm quyền Cam-pu-chia nhất định sẽ chuốc lấy thất bại và ngày càng bị cô lập ở trong nước họ và trên thế giới.

★

Chính sách thù địch với Việt-nam của nhà cầm quyền Cam-pu-chia còn

Digitized by Google

biểu hiện ở chỗ họ luôn lải nhải về cái gọi là « Việt-nam hoạt động lật đổ Cam-pu-chia ». Đây cũng là một sự vu cáo trắng trợn hòng gạt mũi nhọn đấu tranh của nhân dân Cam-pu-chia về phía Việt-nam.

Vì sao nhà cầm quyền Căm-pu-chia phải dựng lên chuyện « Việt-nam lật đổ », « Việt-nam xâm lược » Cam-pu-chia ? Vì sao họ phải nặn ra một nguy cơ giả tạo, một kẻ thù giả tạo là Việt-nam ? Trong tạp chí *Kinh tế Viễn đông* ngày 17-2-1978, nhà báo Mun-bốc đã viết : « Chính cố gắng của Khơ-me đỏ nhằm giành lại sự kiểm soát đối với hàng nghìn người Cam-pu-chia bỏ trốn vì những cuộc khủng bố ở Cam-pu-chia dân chủ đã dẫn đến các cuộc tiến công của họ vào Việt-nam chứ không phải vì sự có mặt của quân đội Việt-nam ở Cam-pu-chia ».

Vậy thì thực chất của vấn đề nội bộ của Cam-pu-chia như thế nào ? Mặc dù bị bưng bít, thế giới cũng dần dần biết được những gì xảy ra ở Cam-pu-chia từ sau khi đất nước này được giải phóng. Những cuộc thanh trừng nội bộ, những cuộc tàn sát đẫm máu liên tiếp diễn ra ở Cam-pu-chia. Dư luận và báo chí thế giới không ngày nào không đưa tin về một chính sách đối nội bắn giết liên miên, về những người dân Cam-pu-chia bị chết do sự tàn bạo không sao tả xiết của những kẻ thi hành mệnh lệnh của những người cầm quyền hiện nay ở Nông-pênh. Nhân dân bị đày ải bằng lao động khổ sai, họ ăn uống quá thiếu thốn, ốm đau bệnh tật không có thuốc, bị hành quyết hàng loạt không xét xử. Đó là những điều được báo chí thế giới nhắc đến hằng ngày.

Dư luận thế giới hết sức kinh ngạc trước chính sách, biện pháp và mức độ « cải tạo » của nhà cầm quyền Cam-pu-chia : nhân dân thủ đô Nông-pênh và các thành thị khác bị dồn ổ ạt về nông thôn ; quyền sở hữu cá nhân bị thủ tiêu ; không có tiền tệ, buôn bán ; toàn bộ tổ chức sản xuất được quân sự hóa cao độ ; xã hội không có cơ sở gia đình, tình cảm gia đình bị xúc phạm nghiêm trọng ; chùa chiền, nhà thờ bị phá hoại, hoặc trở thành nhà kho, nơi nuôi súc vật ; không có hệ thống trường học các cấp ; trí thức bị miệt thị ; nhân dân không có quyền tự do dân chủ ; ngoại kiều, nhất là Việt kiều bị ngược đãi, bắn giết, cướp bóc và bị đẩy về nước ; các dân tộc thiểu số bị phân biệt đối xử. Các tổ chức Đảng, Mặt trận, chính quyền, quân đội, bị đảo lộn ghê gớm.

Về chính sách đối ngoại, nhà cầm quyền Cam-pu-chia đóng cửa biên giới, dồn dân cách xa biên giới, ngăn chặn quan hệ bình thường giữa nhân dân họ ở vùng biên giới với nhân dân vùng biên giới các nước láng giềng. Họ chỉ cho đặt một số ít sứ quán ở Nông-pênh và hạn chế quyền đi lại, trên thực tế là giam lỏng các đoàn ngoại giao. Dưới chiêu bài tự lực cánh sinh, họ khước từ mọi đề nghị viện trợ, kể cả viện trợ có tính chất nhân đạo của nhiều nước. Về thực chất, đó là một chính sách đóng cửa đối với thế giới bên ngoài, tách nhân dân Cam-pu-chia khỏi nhân dân các nước khác nhằm ngăn chặn những ảnh hưởng của thế giới bên ngoài không có lợi cho họ để dễ bề áp đặt và duy trì quyền lực khống chế của họ đối với toàn thể nhân dân và toàn bộ đời sống xã hội ở Cam-pu-chia.

Tình hình trên đây cho thấy những người cầm quyền Cam-pu-chia đã và đang bị cô lập, chẳng những họ không tin mà còn rất sợ nhân dân nước họ. Nhưng để củng cố địa vị thống trị của họ, những người cầm quyền Cam-pu-chia áp đặt quyền lực của họ lên trên mọi tổ chức đảng, quân đội, chính quyền, Mặt trận, thẳng tay đàn áp bất cứ người Cam-pu-chia nào không tán thành đường lối, chính sách sai lầm của họ.

Đối tượng họ đàn áp kịch liệt nhất là những cán bộ, đảng viên có nhiều

Digitized by Google

cống hiến trong quá trình cách mạng của Cam-pu-chia, những người trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đã từng lãnh đạo nhân dân Cam-pu-chia chống đế quốc và phong kiến, những cán bộ quân đội trung kiên từ trung ương đến địa phương, các tầng lớp nhân dân cơ bản. Đó là những đảng viên cộng sản, cán bộ và chiến sĩ, những người Cam-pu-chia yêu nước, yêu tự do đã từng kề vai sát cánh với nhân dân Việt-nam và nhân dân Lào trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, tạo nên chiến thắng ngày 17-4-1975 lịch sử ở Cam-pu-chia, những người thật sự chiến đấu cho lợi ích trước mắt và lâu dài của nhân dân và đất nước Cam-pu-chia, kiên quyết bảo vệ truyền thống đoàn kết giữa nhân dân hai nước Cam-pu-chia và Việt-nam láng giềng anh em. Để có cớ đàn áp những người này, nhà cầm quyền Cam-pu-chia dựng lên chuyện Việt-nam hoạt động lật đổ, khơi dậy mối hằn thù dân tộc cũ rích từ thời phong kiến hàng trăm năm trước đây, và ghép cho họ tội « thân Việt-nam » để thẳng tay tàn sát họ.

Đoàn kết với Việt-nam và quý trọng tình đoàn kết đó là tình cảm sẵn có trong mỗi người dân yêu nước Cam-pu-chia. Nhân dân, cán bộ, đảng viên và ngay chính bản thân những người cầm quyền Cam-pu-chia cũng thừa hiểu rằng quan hệ gắn bó, tình đoàn kết chiến đấu, giúp đỡ lẫn nhau giữa Việt-nam và Cam-pu-chia là một nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước. Tình đoàn kết chiến đấu đó là một đòi hỏi của cách mạng, một quy luật phát triển và thắng lợi của cách mạng mỗi nước. Phá hoại tình đoàn kết với Việt-nam, nhà cầm quyền Cam-pu-chia đã phản bội người bạn chiến đấu của nhân dân họ, đi ngược lại tình cảm thiêng liêng và lợi ích của nhân dân nước họ. Phá hoại tình đoàn kết với Việt-nam, chính là họ đang gây một tội ác phù hợp với âm mưu đen tối của bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế có tham vọng lớn ở Đông Nam châu Á. Nhen lên và thổi bùng ngọn lửa chống Việt-nam, rõ ràng các nhà cầm quyền Cam-pu-chia mưu toan đánh lạc hướng nhân dân Cam-pu-chia trước những vấn đề thật sự phải giải quyết ở trong nước, đánh lạc hướng dư luận thế giới trước chế độ thống trị cực kỳ tàn bạo ở Cam-pu-chia.

Việt-nam có hàng nghìn năm lịch sử chống sự nô dịch của các nước lớn mà gần đây nhất là đế quốc Mỹ, vì độc lập tự do của dân tộc mình, vì hòa bình và an ninh của Đông Nam châu Á và thế giới. Càng quý trọng nền độc lập tự do của nước mình được đổi bằng biết bao xương máu, nhân dân Việt-nam càng quý trọng độc lập tự do của nước khác. Càng căm thù những thế lực đã từng nô dịch, áp bức, bóc lột mình, nhân dân Việt-nam càng triệt để tôn trọng mối quan hệ bình đẳng, hữu nghị, hợp tác với các nước anh em. Hành động lật đổ, chủ nghĩa nước lớn, chính sách bá quyền khu vực là hoàn toàn xa lạ với Việt-nam vì nhân dân Việt-nam hiểu rất rõ rằng: một dân tộc đi áp bức dân tộc khác thì không thể có tự do. Sau bao nhiêu năm chiến đấu gian khổ, nhân dân Việt-nam chỉ có một nguyện vọng là xây dựng đất nước mình ngày càng tốt đẹp bằng nguồn lao động và tài nguyên phong phú của đất nước mình. Cái gọi là « Việt-nam xâm lược » là một chuyện bịa đặt hoàn toàn.

Chính sách đối ngoại sáng ngời chính nghĩa của Việt-nam, thực tiễn về mối quan hệ hợp tác, hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau giữa Việt-nam và các nước khác, sự liên minh anh em giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân nhiều nước trên thế giới dựa trên nguyên tắc tự nguyện, hoàn toàn bình đẳng đã làm cho nhiều nước và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới trở thành bè bạn của Việt-nam.

Digitized by Google

Như vậy, sự thật là gì nếu không phải là do bị chống đối ở trong nước, lo sợ nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh sẽ có ảnh hưởng đối với nhân dân Cam-pu-chia, nhà cầm quyền Cam-pu-chia đã trắng trợn đưa quân xâm phạm lãnh thổ Việt-nam để có cớ vu khống Việt-nam, hòng gạt mũi nhọn đấu tranh của nhân dân Cam-pu-chia sang phía Việt-nam, phá hoại công cuộc hòa bình xây dựng của Việt-nam ở vùng biên giới, làm giảm uy tín quốc tế của Việt-nam? Xuyên tạc vấn đề Liên bang Đông-dương, dựng lên bóng ma Việt-nam lật đổ, tấu lên bản nhạc chủ nghĩa dân tộc lạc điệu, nhà cầm quyền Cam-pu-chia không thể đánh lạc hướng căm thù của nhân dân Cam-pu-chia và không thể tránh được sự lên án của dư luận thế giới.

Tổ chức và quản lý xã hội Cam-pu-chia là công việc nội bộ của Cam-pu-chia. Chính sách trước sau như một của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác. Nhưng Việt-nam buộc phải làm rõ vấn đề trước dư luận thế giới, vạch trần ý đồ đen tối của nhà cầm quyền Cam-pu-chia núp dưới chiêu bài «độc lập tự chủ, tự lực, tự cường», vu khống Việt-nam để dễ bề thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại đầy nguy hiểm của họ.

Ngay từ năm 1916, Lê-nin đã dự kiến đến sự xuất hiện của các dân tộc xã hội chủ nghĩa, đến sự hợp tác, hữu nghị và tự nguyện gần gũi nhau giữa các dân tộc.

Trong thời đại ngày nay, đại đa số các dân tộc đã thoát khỏi ách thống trị và ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc, đang đoàn kết và hợp tác với nhau xây dựng đất nước. Thiết lập và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhau giữa các nước là đòi hỏi của tình hình thế giới ngày nay vì lợi ích của mỗi nước cũng như vì lợi ích của các nước. Gây hằn thù dân tộc, phá hoại tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc là trái với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đi ngược lại quy luật tiến hóa của lịch sử. Chủ nghĩa sô-vanh địa phương, khuynh hướng chủ nghĩa dân tộc lệch kỷ thống trị ở nơi nào thì gây tác hại cho sự phát triển của dân tộc ở nơi đó, làm cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc ở nơi đó bị tổn thất. Lấy tư tưởng và chính sách hằn thù dân tộc làm vũ khí hộ thân, những người cầm quyền Cam-pu-chia đang gây tổn thất cho cách mạng Cam-pu-chia; bản thân họ không thể không chịu trách nhiệm về những hậu quả của chính sách sai lầm của họ.

Nhân dân Việt-nam kiên quyết bảo vệ chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của mình, bảo vệ tính mạng và tài sản của mình, nhưng trước sau vẫn khẳng định: tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, và Cam-pu-chia là một nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng ba nước. Tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nhân dân ba nước hết sức cần thiết đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới của nhân dân mỗi nước.

Vì lợi ích trước mắt và lâu dài của nhân dân mỗi nước, để duy trì truyền thống đoàn kết giữa nhân dân hai nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã đưa ra đề nghị ba điểm ngày 5-2-1978. Đề nghị ba điểm đó rất cụ thể. Nếu những người cầm quyền Cam-pu-chia thật sự mong muốn giải quyết vấn đề xung đột biên giới, nếu họ không âm mưu dùng vấn đề biên giới để thực hiện ý đồ đen tối của họ, thì họ không có lý do gì để khước từ đề nghị của Việt-nam.

Họ vu cáo Việt-nam xâm nhập lãnh thổ của họ. Phía Việt-nam sẵn sàng thỏa thuận với họ để lực lượng vũ trang của mỗi bên đóng sâu trong lãnh

Digitized by Google

thổ của mình cách đường biên giới 5 km. Họ vu cáo Việt-nam âm mưu lật đổ, ép Cam-pu-chia vào Liên bang Đông dương. Chính phủ Việt-nam đề nghị hai bên gặp nhau ngay để bàn bạc và ký một hiệp ước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ với nhau, không can thiệp nội bộ của nhau, không hoạt động lật đổ chống nhau... Phía Việt-nam cũng đề nghị cùng với Cam-pu-chia ký một hiệp ước về biên giới trên cơ sở tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của nhau trong đường biên giới hiện tại. Đồng thời, phía Việt-nam sẵn sàng thỏa thuận với phía Cam-pu-chia chấp nhận một hình thức thích hợp bảo đảm quốc tế và giám sát quốc tế. Những đề nghị mà Chính phủ Việt-nam đưa ra là hết sức công bằng, hoàn toàn có thể làm cơ sở để giải quyết tốt vấn đề quan hệ giữa hai nước. Bác bỏ mọi đề nghị hợp lý hợp tình của Việt-nam, khước từ đàm phán, đẩy mạnh việc xâm phạm biên giới, rõ ràng những người cầm quyền Cam-pu-chia cố tình làm cho tình hình biên giới ngày càng căng thẳng, quan hệ Việt-nam — Cam-pu-chia ngày càng xấu thêm, việc giải quyết những vấn đề có liên quan đến hai nước ngày càng khó khăn, phức tạp, và họ phải gánh lấy hậu quả do chính sách phiêu lưu đó của họ gây ra.

Nhân dân Việt-nam tin tưởng rằng, « bằng con đường thương lượng trên tinh thần đoàn kết chống đế quốc của phong trào các nước không liên kết và trên tinh thần của Hiến chương Liên hợp quốc, những vấn đề trong quan hệ giữa Việt-nam và Cam-pu-chia sẽ được giải quyết đúng đắn, vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì lợi ích của hòa bình và an ninh ở Đông Nam châu Á và trên thế giới (6).

(6) Tuyên bố ngày 5-2-1978 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam về quan hệ giữa Việt-nam và Cam-pu-chia

Phú-lâm vững bước tiến lên...

(Tiếp theo trang 87)

và Đoàn, coi đó là một nhiệm vụ chính trị và tổ chức cấp bách hiện nay. Đi đôi với việc phát triển lực lượng trên cơ sở nhiệm vụ chính trị đã được đề ra, cần sắp xếp lại tổ chức và không ngừng cải tiến công tác để bảo đảm cán bộ, đảng viên bám sát dân, bám sát ấp và các tổ đoàn kết sản xuất. Cần chú ý hơn đến việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và chất lượng hội nghị nói chung, vì đây là một khâu quan trọng trong công tác củng cố chi bộ cũng như các tổ chức khác ở cơ sở. Qua các kỳ sinh hoạt, đặc biệt là sinh hoạt Đảng, sinh hoạt Đoàn, thực hiện chặt chẽ việc phân công và kiểm tra công tác, kiểm tra việc học tập, kiểm tra tư cách đảng viên, đoàn viên, bảo đảm cho mọi thành viên trong tổ chức đều có công tác, có chương trình học tập và rèn luyện phù hợp với hoàn cảnh, trình độ của từng người. Một biện pháp quan trọng nữa là vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Có các nghị quyết của Đảng soi sáng, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của huyện ủy Phú-tân, Phú-lâm nhất định sẽ phát huy được những thành tích đã đạt được, vững bước tiến lên, xứng đáng là một đơn vị tiên tiến của tỉnh An-giang.

Digitized by Google

ĐỌC SÁCH

Bản tường trình của một viên đại... bại tướng

THÀNH - TÍN

THỊ trường sách quốc tế đã nhận được một cuốn sách tiếng Anh với đầu đề : **« Tường trình của một người lính »**, sách dày 416 trang, khổ lớn, kèm theo 46 bức ảnh và 8 tấm bản đồ quân sự, do nhà xuất bản Đớp-bơn-đê ở Niu-oóc (Mỹ) ấn hành.

Tác giả cuốn sách là Uy-liêm Oét-mo-len, đại tướng Mỹ, từng một thời là Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Mỹ ở Việt-nam, (khi nỗ lực quân sự của Mỹ lên đến mức cao nhất), sau đó là thâm mưu trưởng lục quân Mỹ, về hưu ngày 30 tháng 6 năm 1972.

Đây là một tập hồi ký gồm 23 chương, thuật lại cuộc đời nhà binh hơn 36 năm của Oét-mo-len. Trong 23 chương, Oét-mo-len đề 18 chương nói đến cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam. Chỉ riêng điều này cũng đủ cho thấy Oét-mo-len từng nuôi giấc mộng làm nên sự nghiệp lớn, xây dựng cơ đồ trên chiến trường Việt-nam. (Thế nhưng bãi lầy Việt-nam đã chôn vùi tên tuổi và sự nghiệp của viên danh tướng Mỹ này !)

Bằng tập hồi ký đồ sộ, có nhiều tư liệu độc đáo rút ra từ các tập biên bản, báo cáo, điện, nhật ký, hồ sơ quân sự tối mật, Oét-mo-len mưu toan thanh minh về trách nhiệm của bản thân, chống chế trước dư luận Mỹ về năng lực cầm quân tồi tệ của mình, đồng thời đổ vấy trách nhiệm cho những người khác trong bộ máy chính quyền Mỹ.

Oét-mo-len là ai ?

Ai nấy đều biết trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, giới cầm quyền Mỹ đã xuất tất cả những viên tướng được coi là tài giỏi nhất của nước Mỹ. Báo chí Mỹ cho rằng ngoài 200 viên tướng và đô đốc Mỹ trực tiếp tham gia chiến tranh ở Việt-nam, trên đất Mỹ còn có hơn hai trăm nhà nghiên cứu chiến lược, nhà quản lý quân sự và cả bộ máy của Lầu năm góc gồm hơn 3 vạn người đã tham gia cuộc chiến tranh này từ xa. Trong bộ máy chiến tranh đồ sộ ấy nổi lên bộ ba được coi là kiệt xuất nhất, tinh tuý

Digitized by Google

của nền quân sự Hoa-kỳ gồm: *Mắc-xoen Tay-lơ*, đại tướng Mỹ, **«nhà tư tưởng chiến lược số một»** của nước Mỹ trong thời kỳ hiện đại, cha đẻ của chiến lược phản ứng linh hoạt; *Mác Na-ma-ra*, bộ óc điện tử sống, **«nhà quản lý quân sự tài giỏi nhất»**, và *Uy-liêm Oét-mo-len*, đại tướng, **«viên tướng chiến trường tài ba nhất»** của nước Mỹ từ sau cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.

Cuối năm 1963, sau khi Diệm chết, tổng thống Mỹ Ken-nơ-đi bị ám sát, Giôn-xơn lên thay Ken-nơ-đi và tỏ rõ quyết tâm giành chiến thắng quân sự ở Việt-nam. Việc chọn một viên tư lệnh chiến trường mới được coi là có ý nghĩa quyết định. Lầu năm góc đưa sang Nhà trắng 40 tập hồ sơ lý lịch của 40 viên tướng được đánh giá là tài giỏi nhất để lựa chọn viên tướng giỏi nhất. Những cố vấn thân cận nhất của Giôn-xơn đã chọn trong số đó được 4 người để đưa lên tổng thống Mỹ cân nhắc. Đó là: trung tướng Ha-rôn Giôn-xơn, tham mưu phó lục quân đặc trách về hành quân; trung tướng Crây-tơn A-bram thuộc binh chủng xe tăng, tư lệnh quân đoàn 5; thiếu tướng Bru-xơ Pan-mơ phụ trách công tác kế hoạch và hành quân ở Lầu năm góc và Oét-mo-len. Oét-mo-len được Giôn-xơn đích thân tuyển chọn với lý do: có nhiều kinh nghiệm, từng trải qua đủ các chiến trường: bãi biển Pháp, sa mạc Bắc Phi, rừng rậm nước Đức, ruộng lúa Triều-tiên; đã qua học viện; từng công tác tại Lầu năm góc; có trình độ lý luận cao, lại có nhiều kinh nghiệm thực tiễn; xông xáo.

Trong cuốn sách **«Viên tướng tất yếu»**, Éc-nét Phước-gơn-xơn viết rằng: *«Khi nước Mỹ cần xuất sang Việt-nam viên tướng chiến trường tài giỏi nhất để quyết giành toàn thắng trong một cuộc chiến tranh tổng lực, thì viên tướng ấy tất yếu phải là Oét-mo-len»*. (Xem cuốn **«Viên tướng tất yếu»**, nhà xuất bản Li-tơn Brao, Niu-Oóc, 1968).

Một trong những sai lầm bi thảm nhất của Mỹ trong cuộc chiến tranh

Trong cuốn «Tường trình của một người lính», Oét-mo-len đề hẳn một chương lớn nói về cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc Việt-nam.

Oét kể lại rằng từ tháng 2 năm 1964, theo lệnh Lầu năm góc, bộ chỉ huy quân sự Mỹ MACVI ở Sài-gòn đã tổ chức ra một nhóm nghiên cứu và quan sát SOG (Studies and observation Group) có trách nhiệm chỉ huy các hoạt động không chính quy của những lực lượng đặc biệt trên lãnh thổ miền Bắc Việt-nam. Công việc của SOG được sự chỉ đạo của Bộ quốc phòng, Bộ ngoại giao và Nhà trắng, nhằm mục đích buộc miền Bắc Việt-nam phải để lại lực lượng tự phòng thủ ở miền Bắc.

Lực lượng do SOG chỉ huy gồm 2.500 người Mỹ lấy từ lực lượng đặc biệt của nước Mỹ và 7.000 người Việt-nam.

Những chuyến thả biệt kích từng 5 — 6 tên có nhiệm vụ phá hoại các kho tàng, cầu cống, đường sá, gây tiếng nổ, làm trở ngại các đoàn xe vận chuyển xuống phía Nam. Đó là những nấc thang đầu tiên của cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt-nam.

Về sau SOG tổ chức hẳn 2 tiểu đoàn biệt kích, được máy bay chiến đấu và máy bay lên thẳng yểm hộ, thả xuống vùng sát giới tuyến và dọc đường hành lang Hồ-Chí-Minh, những tổ biệt kích lấy tên là tổ Phượng hoàng. Đầu năm 1964, SOG dùng thuyền máy bắt cóc trong nhiều lần đến 1.200 ngư dân miền Bắc Việt-nam ở những vùng ven biển, đưa đến một số đảo ở miền Nam, khai thác tin tức và nhồi sọ về chiến tranh tâm lý rồi lại thả họ trở về, mang theo «quà

Digitized by Google

của nước Mỹ »: máy thu thanh, áo quần, kẹo, đồ chơi cho trẻ em.

Sau đó là vụ Vịnh Bắc-bộ và những nấc thang lớn tiếp theo.

Nhìn lại cả quá trình leo thang ấy, Oét-mo-len ngậm ngùi nhận xét: « *Chủ trương của tướng Tay-lơ và tổng thống Giôn-xơn là mở chiến dịch leo thang theo từng nấc một, vặn trái cổ tay đối phương với sức mạnh tăng dần, tăng dần cho đến khi Bắc Việt-nam đau quá phải kêu trời lên, cái chủ trương ấy tôi cho là một trong những sai lầm bi thảm nhất trong cuộc chiến tranh này* ». Oét-mo-len giải thích tiếp: « *Đó là vì để đối phó với sức ép của leo thang từng nấc, Bắc Việt-nam có thể thích ứng với mỗi nấc thang mới và chịu đựng những tổn thất, điều ấy làm cho niềm hy vọng của chúng ta rằng họ sẽ cảm thấy không thể chịu đựng nổi nấc thang tiếp theo và phải chịu bỏ cuộc, là một niềm hy vọng hão huyền* ».

Cố làm ra vẻ thức thời, Oét-mo-len kể lại rằng khi Giôn-xơn bấm nút ra lệnh thực hiện kế hoạch « **Sấm rền** » khởi đầu từ ngày 2-3-1965 bắn phá miền Bắc Việt-nam với quy mô lớn thì chính Oét đã rất lo: « *Tôi nghĩ rằng thế là chúng ta đã hành động; và đây là một bước ngoặt quan trọng. Lạy chúa! Tôi rất băn khoăn và hoài nghi rằng hành động mới này không chắc có tác động được chút nào đối với tinh thần và ý chí của Bắc Việt-nam* ». Kể ra nói vuốt đuôi thì chẳng khó khăn gì. Ai nấy đều biết trong quá trình leo thang tội ác của Mỹ từ cuối 1964 đến 1968, Oét-mo-len, trên cương vị là Tổng tư lệnh quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu, đã công khai nô hết và gắn chặt bản thân mình với từng nấc thang của Nhà trắng như thế nào rồi. Cái sai lầm bi thảm của Oa-sinh-tơn mà Oét lên giọng phê phán rõ ràng cũng chính là sai lầm của bản thân Oét-mo-len lúc ấy.

Quyết định khó khăn nhất của Oa-sinh-tơn

Tiếp đó Oét lại làm ra vẻ sáng suốt và phê phán sự chỉ đạo leo thang chiến tranh của tổng thống Giôn-xơn. Oét viết: « *Các cuộc ném bom của Mỹ rõ ràng là không có tác dụng gì rõ rệt đối với ý chí của những nhà lãnh đạo Bắc Việt-nam. Đã thế, đến tháng 5 năm 1965 tổng thống Giôn-xơn lại ra lệnh thực hiện cuộc tạm ngừng ném bom đầu tiên, và lúc ấy nhiều nhà lý luận tin rằng cuộc tạm ngừng này ắt sẽ thúc đẩy Hà-nội sớm đến ngay bàn thương lượng. Thật là điên rồ! Cái tín hiệu mà chúng ta gửi đến đối phương lại là tín hiệu của sự khốn cùng của chính chúng ta!* ».

Oét kể lại rằng chính do những nấc thang đầu tiên đánh miền Bắc Việt-nam bị thất bại, tình hình quân sự ở miền Nam vẫn xấu đi cho nên Giôn-xơn buộc phải quyết định đưa một số lớn quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt-nam.

Oét kể lại tỉ mỉ cuộc họp lớn ở Hô-nô-lu-lu ngày 20 tháng 4 năm 1965, Giôn-xơn quyết định đưa số quân Mỹ ở miền Nam Việt-nam tăng vọt lên đến 82.000 tên, đưa gấp sang Việt-nam 9 tiểu đoàn Mỹ và quy định: lữ đoàn 173 đóng ở khu vực Biên-hòa – Vũng-tàu, một lữ đoàn nữa đóng ở vùng Quy-nhơn – Nha-trang và một lữ đoàn thủy quân lục chiến ở căn cứ Chu-lai.

Oét còn tiết lộ rằng ngày 8-5-1965 Oét điện về Oa-sinh-tơn báo cáo quan điểm quân sự của mình về 3 thời kỳ dùng quân Mỹ:

– Thời kỳ thứ nhất: đóng chốt an toàn ở các khu vực ven biển;

Thời kỳ thứ hai: tiến hành những cuộc tiến công, phối hợp với quân ngụy;

Thời kỳ thứ ba: quay về làm lực lượng dự trữ cho quân ngụy mở những cuộc hành quân tảo thanh.

Digitized by Google

Đến ngày 7-6-1965 Oét lại gửi đơn xin tăng thêm gấp: sư đoàn kỵ binh bay số 1, sư đoàn thủy quân lục chiến; 3 tiểu đoàn bộ binh Mỹ, 9 tiểu đoàn quân Nam Triều-tiên, một số đơn vị không quân và hậu cần, tổng cộng là 44 tiểu đoàn. Hồi ấy đơn xin tăng quân bí mật này bị tiết lộ và các báo Mỹ gọi là **« đơn xin thêm 44 tiểu đoàn »**.

Đề nghị này lại được Giôn-xơn phê chuẩn, số quân Mỹ được đưa vào miền Nam Việt-nam lên đến 125.000 tên.

Cho đến tháng 2-1966, Oét lại xin tăng số quân rất lớn: thêm 102 tiểu đoàn nữa gồm 79 tiểu đoàn Mỹ và 23 tiểu đoàn chư hầu, đưa số quân Mỹ ở Nam Việt-nam tăng vọt lên 429.000 tên.

Oét kể lại rằng trước những cơn khát nước xin tăng quân ấy, Mác Na-ma-ra rất băn khoăn và hỏi liên tiếp: « Bao nhiêu cho vừa? Bao nhiêu là đủ? Giai đoạn toàn thắng đến bao giờ có thể bắt đầu?, Bao giờ kết thúc?» Tại cuộc họp lớn tháng 2-1966 cũng ở Hô-nô-lu-lu, có mặt đủ cả: Giôn-xơn, Mác Na-ma-ra, Đin Ra-xcơ, Lốt, Oét-mo-len, Sắc-pơ, Thiệu, Kỳ, Cô... Giôn-xơn cũng rất băn khoăn, hỏi hoài: định bao nhiêu quân là đủ? Bao nhiêu thời gian để giành thắng lợi? Không một ai trả lời được cả. Cuối cùng chỉ biết là: cần thêm nhiều năm, cần thêm nhiều chiến dịch, cần thêm nhiều lực lượng, thế thôi.

Oét đã tự vén lên bức màn bí mật về yêu cầu tăng quân lớn vào đầu năm 1967. Giữa tháng 4-1967, Oét gửi về Mỹ đơn xin tăng quân gồm có hai yêu cầu: một yêu cầu tối thiểu và một yêu cầu tối đa. Yêu cầu tối thiểu là 2 sư đoàn và một số đơn vị yểm trợ gồm 80.500 quân, đưa tổng số quân Mỹ ở miền Nam Việt-nam lên 550.500 tên; yêu cầu tối đa là hơn 4 sư đoàn bộ binh và 10 phi đoàn máy bay chiến thuật, gồm 200.000 quân, đưa tổng số quân Mỹ ở miền Nam Việt-nam lên 670.000 tên. Mác Na-ma-ra hỏi lại Oét là xin chừng ấy quân thì cần bao nhiêu thời gian để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh ở bên đó? Oét trả lời: nếu chính phủ Mỹ đáp ứng yêu cầu tối thiểu thì sẽ cần chừng 5 năm, nếu thỏa mãn được yêu cầu cao nhất thì sẽ cần 3 năm. Mác Na-ma-ra rất khó chịu và buồn phiền về những con số ấy...

Tháng 6-1967 mẹ Oét mất. Oét về Mỹ đưa đám mẹ. Giôn-xơn biết tin điện cho Oét lời chia buồn và dặn rằng trước khi trở sang Sài-gòn hãy ghé qua Nhà trắng. Trong cuộc gặp này, Giôn-xơn trả lời trực tiếp cho Oét-mo-len rằng ngay cả cái gọi là yêu cầu tối thiểu của Oét, nước Mỹ cũng không thể đáp ứng nổi nữa. Giôn-xơn báo cho Oét biết chỉ có thể cho khoảng một nửa yêu cầu tăng quân tối thiểu, cụ thể là 47.000 quân, và quy định rõ rằng số quân Mỹ ở Nam Việt-nam không được vượt quá con số 525.000. Oét kể lại rằng lúc ấy Oét cảm thấy vô cùng thất vọng. Thì ra viên tướng được coi là tài ba nhất, xông xáo nhất của nước Mỹ chỉ có mỗi một môn võ là xin tăng quân, và không hề tính rằng sức người, sức của của nước Mỹ dù sao cũng chỉ là có giới hạn, và cái giới hạn ấy đến đây là không thể vượt qua được nữa! Đúng như Oét nhận xét: *« việc đưa quân chiến đấu Mỹ sang tham chiến ở Việt-nam là quyết định khó khăn nhất trong cuộc chiến tranh này »*.

Oét kể lại rằng cuối năm 1967 Giôn-xơn rất buồn phiền vì cuộc chiến tranh kéo dài mà chưa thấy kết thúc ra sao. Chiều 20-11-1967 Oét-mo-len đến Nhà trắng; Giôn-xơn và Oét trò chuyện đến quá nửa đêm. Khi sắp chia tay, trong không khí thân thiết pha lẫn buồn nản, Giôn xơn tiết lộ nhiều điều cơ mật cho Oét: Mác Na-ma-ra sắp thôi chức Bộ trưởng quốc phòng, Clác Clip-phót sẽ thay; và Giôn-xơn nghiêm hẳn nét mặt hỏi Oét: « *Linh Mỹ của ta ở bên ấy sẽ nghĩ*

Digitized by Google

thế nào về ta nếu ta thất bại trong cuộc tranh cử tổng thống năm 1968 sắp tới? Họ có cho rằng Tổng tư lệnh của họ đã dẫn họ đến chỗ thất bại không?». Oét nói thêm rằng lúc ấy Giôn-xơn trông già sọm đi, vẻ hết sức mệt nhọc. Thế là rõ. Tâm lý thất bại chủ nghĩa của giới cầm quyền Mỹ đã trở nên rất nặng nề ngay từ năm 1967, đến cuối năm càng phát triển sâu đậm. Và cuộc tổng tiến công của quân và dân miền Nam nước ta Tết Mậu thân (đầu năm 1968) đã nổ ra thật đúng lúc, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược đã lung lay của Nhà trắng và buộc chúng phải bắt đầu quá trình xuống thang chiến tranh, rút dần quân Mỹ về nước, chịu một bước ngoặt đi xuống về chiến lược không sao gượng lại được.

Trận chiến ở Khe-sanh, và bộ mặt hung hãn đến mất trí của tướng Oét

Oét đề hẳn một chương dài nói về trận Khe-sanh, bởi vì *« không có sự kiện quân sự nào đã gây nên sự phê phán công khai đối với việc chỉ đạo cuộc chiến tranh của tôi bằng cái quyết định của tôi hồi đầu năm 1968 là đóng chốt và chiến đấu ở Khe-sanh »*.

Oét kể lại chuyện hồi ấy Ac-tơ Sơ-le-xinh-gơ, giáo sư trường đại học Ha-vớt, đã lên án Oét trên báo **Bưu điện Oa-sinh-tơn** số ra ngày 22-3-1968 rằng: *« Cái kiểu chiến tranh tiêu hao của Oét-mo-len là một thất bại bi thảm và hiển nhiên; đó là sự phá sản của chiến lược quân sự của Oét-mo-len. Đáng lẽ tổng thống phải phế truất ngay viên tướng này ngay khi ông ta đã tỏ rõ là không biết làm cách nào để giành thắng lợi trong chiến tranh. Tổng thống không thể chịu đựng một viên tướng tồi như thế đến 3 tháng! »*

Oét thuật lại rằng ở chiến trường Khe-sanh, trong gần 2 tháng, từ giữa tháng 2 đến đầu tháng 4-1968, máy bay chiến thuật Mỹ đã bay một ngày 300 phi vụ, cứ 5 phút lại có một phi vụ; 35.000 tấn bom và tên lửa đã được trút xuống đây; pháo đài bay B-52 đã tiến hành 2.602 lượt ném tất cả là 75.000 tấn bom; pháo tầm xa bắn hơn 10 vạn quả, cứ 1.500 quả một ngày... Oét nhận xét đây là sự tập trung hỏa lực cao nhất, chưa từng có trong lịch sử chiến tranh.

Oét kể lại ngày 7-2-1968, Oét ra Đà-nẵng gặp tướng Cơ-sơ-man, tư lệnh lính thủy đánh bộ Mỹ tại đó để bàn việc huy động không quân của thủy quân lục chiến lên hoạt động ở Khe-sanh, yểm hộ cho bộ binh Mỹ. Chủ trương này được đô đốc Sác-pơ, tư lệnh quân Mỹ ở Thái-bình-dương đồng ý, nhưng lại bị các tướng tá ở Lầu năm góc phản đối và phê phán kịch liệt. Họ kiên quyết chống lại việc sử dụng bừa bãi và trái khoáy lực lượng thủy quân lục chiến ở vùng rừng núi. Oét nhớ lại khi ấy có lúc đã bực bội, chán nản, nghĩ đến chuyện xin về vườn.

Vì sợ bị tiến công ở Khe-sanh, Oét thành lập Bộ chỉ huy tiền phương đóng ở Phú-bài và giao cho A-bram, phó tướng của Oét-mo-len làm tư lệnh. Thế nhưng do mâu thuẫn sâu sắc giữa lính thủy đánh bộ với lục quân Mỹ, mâu thuẫn gay gắt giữa Cơ-sơ-man với Oét-mo-len và A-bram, nên cái bộ chỉ huy tiền phương ấy chỉ tồn tại vẻn vẹn có một tháng đã phải giải tán.

Oét còn thú nhận khi rút quân khỏi Khe-sanh, trong cuộc hành quân Pê-ga-dớt của sư đoàn kỵ binh bay số 1 của Mỹ, quân Mỹ đã bị diệt 205 tên, chưa kể số bị thương.

Thế mà khi được lệnh của Lầu năm góc rút quân Mỹ khỏi Khe-sanh, Oét-mo-len vẫn còn tiếc rẻ. Oét than thở rằng *« Chủ trương bỏ Khe-sanh là một sai lầm của chúng ta. Chính vì do chúng ta rút bỏ khu vực quan trọng ấy mà bốn năm sau Việt cộng đã dễ dàng đánh chiếm Quảng-trị! »*

Digitized by Google

Nhưng điều Oét cay cú nhất là Mỹ đã không dùng vũ khí nguyên tử ở vùng này. Thật là hung hăng đến mù quáng và phản động đến mất trí! Oét viết: *« Khi cuộc chiến đấu ở Khe-sanh mới bắt đầu, tổng thống Giôn-xơn đã gọi điện thoại cho tướng Uy-lơ, chủ tịch các tham mưu trưởng liên quân, để hỏi rằng: có khả năng cần xét đến một quyết định hệ trọng là sử dụng vũ khí nguyên tử chiến thuật không, một vấn đề mà trước đây ông ta không muốn gặp phải. Ai cũng biết đây là một vấn đề chính trị lớn. Uy-lơ liền hỏi ý kiến tôi. Xưa nay tôi vẫn thường suy nghĩ rằng nếu có một thứ « công hàm » nào đó cần gửi cho Hà-nội mà Hà-nội có thể hiểu được thì đó là những vũ khí nguyên tử. Tôi đã biết rõ tác dụng của hai quả bom nguyên tử của ta trên đất Nhật hồi 1945. Vì thế tôi liền tổ chức ra một nhóm chuyên viên nghiên cứu một cách rất bí mật về việc sử dụng vũ khí nguyên tử chiến thuật ở khu vực Khe-sanh. Thế nhưng sau đó, Ơu-sinh-tơn sợ dư luận biết việc này và không dả động đến nữa. Tôi dành phải giải tán nhóm nghiên cứu được lập ra. Thế nhưng, lúc ấy và cho đến tận bây giờ, tôi càng ngày càng cho rằng việc bãi bỏ sự lựa chọn dùng vũ khí nguyên tử ở Việt-nam là một sai lầm của chúng ta! ».* Oét tự trưng ra một bộ mặt gian ác và ngu xuẩn. Ai cũng biết dù cho Mỹ có dùng vũ khí nguyên tử ở Khe-sanh thì cũng không thể xoay chuyển được tình thế, mà chỉ chuốc thêm một thất bại « kép » cả về quân sự và chính trị mà thôi.

Cú đá hất lên

Sau khi bị đòn chiến lược xuân 1968, Oét-mo-len lại giở món võ tăng quân. Đơn xin tăng quân của Oét gửi về Nhà trắng và Lầu năm góc lần này ghi con số 206.756, rải ra làm 3 thời kỳ từ tháng 2 đến cuối năm. Riêng đợt đầu từ tháng 2 đến tháng 5: tăng 108.000 quân gồm các đơn vị kỵ binh bay, thiết giáp, thủy quân lục chiến và không quân.

Thế nhưng tình hình nước Mỹ không cho phép tăng quân quá lớn đến như vậy vì điều đó đòi hỏi phải gọi quân dự bị, phải rút quân từ các khu vực khác của thế giới, làm đảo lộn việc bố trí quân của nước Mỹ theo chiến lược toàn cầu.

Giữa tháng 3-1968, Giôn-xơn giao cho Uy-lơ đến căn cứ Clác (Phi-lip-pin) và gọi Oét-mo-len đến đó để trả lời rõ ràng rằng: trong tình trạng vô cùng khẩn trương của chiến trường, tổng thống cũng chỉ có thể cho phép gửi sang Việt-nam 23.000 quân Mỹ thôi (tức là chỉ đáp ứng 1 phần 9 yêu cầu của Oét-mo-len), gồm một lữ đoàn của sư đoàn 82 và một lữ đoàn cơ giới hóa. Thêm vào đó, tổng thống cho Oét-mo-len một khoản ngân sách để tuyển mộ thêm 13.500 người Việt-nam làm một số công việc trong các đơn vị quân đội Mỹ. Đó là tất cả những gì tổng thống có thể làm được.

Trên đường trở về, vượt qua biển đông, Oét-mo-len lặng người đi vì thất vọng. Và chỉ hai tuần sau, Nhà trắng loan báo tin giật gân: Oét-mo-len được cử « lên chức » tham mưu trưởng lục quân Mỹ; A-bram, phó tướng của Oét, lên thay Oét.

Báo chí Mỹ và thế giới hồi ấy đều nhất trí cho rằng đây là « một cú đá hất lên » khá ngoạn mục của tổng thống Giôn-xơn trong cơn tuyệt vọng. Ai cũng biết Giôn-xơn đặt tất cả lòng tin ở Oét-mo-len. Ngày 1-8-1964, Giôn-xơn đã đề bạt Oét-mo-len vượt thời hạn, từ cấp trung tướng lên cấp đại tướng có 366 ngày — 1 năm và 1 ngày —; Giôn-xơn những tưởng thưởng công trước cho Oét-mo-len sẽ khích lệ Oét làm nên sự nghiệp, thế nhưng sự nghiệp của Oét đã đi đứt trên giải đất Việt-nam nóng bỏng.

Oét lủi thủi về Mỹ, giữa lúc tổng thống Giôn-xơn càng buồn thảm hơn

Digitized by Google

vì vừa buộc phải tuyên bố không ra ứng cử tổng thống nữa, kết thúc một cách bi đát cuộc đời chính trị đầy tham vọng. Và vài năm sau Giôn-xơn chết thật trong một cơn đau tim dữ dội, đúng vào lúc Hiệp định Pa-ri được ký kết tháng 1-1973, buộc Mỹ phải rút hết quân Mỹ khỏi Việt-nam.

Trên cương vị mới, Oét vẫn ngấm đòn

Oét kể rằng trên cương vị mới là tham mưu trưởng lục quân Mỹ, Oét lại vấp phải khó khăn cực lớn là củng cố lục quân Mỹ bị cuộc chiến tranh xa xôi, kéo dài, không thắng lợi làm cho điêu đứng. Vấn đề kỷ luật trở thành vấn đề rất nghiêm trọng; tệ không tuân lệnh tràn lan ở mọi cấp. Nạn nghiện ngập ma túy bột phát không sao ngăn chặn được. Xung đột chủng tộc trong lục quân phát triển đến mức báo động. Hơn 2.400 sĩ quan và lính lục quân Mỹ đang tại ngũ bỏ ra nước ngoài. Vụ tàn sát Mỹ-lai bị dư luận thế giới và dư luận Mỹ lên án, không có cách gì chống đỡ nổi... Oét càng cảm thấy đòn Việt-nam ngấm quá sâu.

Thế là Oét phải tập trung sức để củng cố một đội quân bệnh hoạn, mất lòng tin vào những kẻ cầm quyền và mất cả tự tin. Công việc củng cố ấy là một gánh nặng kinh khủng vượt quá xa năng lực của Oét-mo-len. Tháng 6-1972, Oét-mo-len được lệnh về hưu, kết thúc cuộc đời binh nghiệp 36 năm một cách lặng lẽ và u buồn.

Khi về hưu, Oét ngẫm nghĩ rất lung về câu nói của tướng Mắc A-tơ: *« Không có gì có thể thay thế cho chiến thắng »*, nghĩa là dã cầm quân là phải tìm mọi biện pháp để giành cho kỳ được chiến thắng.

Thế là Oét tiếc đủ thứ. Oét viết: *« Chúng ta đã phạm nhiều sai lầm chiến lược ở Việt-nam và ở Đông Nam Á. Chúng ta đã đưa quân vào Lào và vào Cam-pu-chia quá chậm trễ, lại kèm theo những điều ngăn cấm và hạn chế; chúng ta đã sai lầm không đổ bộ lên phía bắc khu phi quân sự; chúng ta đã sai lầm khi thực hiện công cuộc bình định quá chậm và không có chất lượng; chúng ta đã chậm cung cấp vũ khí tốt cho quân đội Nam Việt-nam (tức quân ngụy), nhất là loại súng M.16; chúng ta đã thất bại trong ý định tổ chức một đội quân quốc tế đóng dọc khu phi quân sự; chúng ta đã sai lầm khi ngừng ném bom miền Bắc Việt-nam ».*

Oét còn lên mặt dạy khôn cho cả Nhà trắng khi hắn ta phê phán rằng sự lãnh đạo chiến tranh của Nhà trắng là quá yếu đuối, nhu nhược. Về lề lối chỉ huy, Oét than vãn rằng trong khi cần một sự chỉ huy thống nhất, quy về một mối duy nhất, thì trên thực tế đã có đến 5 bộ tư lệnh Mỹ ở Đông Nam Á; đó là Bộ tư lệnh CINCPAC (Thái-bình-dương), Bộ tư lệnh MACVI ở Sài-gòn, và ba đại sứ quán Mỹ ở miền Nam Việt-nam, Lào và Thái-lan cũng là ba bộ tư lệnh có quyền chỉ huy cả! Oét phàn nàn rằng ở chiến trường Việt-nam, đáng lẽ sự chỉ huy trên mặt đất và trên không phải thống nhất lại một mối, thì trên thực tế Bộ tư lệnh MACVI ở Sài-gòn chỉ huy cuộc chiến tranh trên mặt đất còn Bộ tư lệnh CINCPAC (Thái-bình-dương) chỉ huy cuộc chiến tranh trên không, đâm ra lủng củng, không sao phối hợp được chặt chẽ.

Cứ theo cái đà cay cú như thế, Oét-mo-len chửi bới cục cằn đủ mọi người, mọi giới trên đất Mỹ. Oét chửi Kít-xinh-giơ là *« đã thương lượng và đi đến ký kết những hiệp nghị sai lầm, đẩy Nam Việt-nam vào tình thế không lợi, bó chân bó tay Mỹ để không thể có phản ứng thích hợp »*... Oét chửi Giê-rôn Pho, khi nhậm chức tổng thống sau vụ bê bối Oa-tơ-ghết, đã *« quá nhu nhược, không cố thử giật lấy từ tay Quốc hội Mỹ cái quyền được hành động quân sự trở lại ở Việt-nam »*. Oét chửi luôn cả Quốc hội Mỹ và cho rằng chính *« Quốc hội Mỹ là kẻ phải*

Digitized by Google

chịu trách nhiệm chính về thất bại vì đã buông tay bỏ rơi miền Nam Việt-nam». Oét chửi giới báo chí, vô tuyến truyền hình, nhất là báo chí và vô tuyến truyền hình Mỹ, đã «*tạo nên tâm lý tuyệt vọng, thất bại chủ nghĩa trong dư luận Mỹ và còn tác động cả đến một bộ phận nhu nhược trong giới cầm quyền ở Oa-sinh-tơn, đúng như Na-pô-lê-ông từng nói : những tờ báo chống đối còn nguy hiểm hơn là một nghìn lưỡi lê*». Và cuối cùng Oét dồn tất cả sự phẫn nộ và căm uất lên lương tâm và danh dự của nước Mỹ là phong trào chống chiến tranh ở Mỹ : «*Những kẻ đốt thẻ quân dịch và đốt cả cờ của đất nước chúng ta, những kẻ kéo đến bao vây Lầu năm góc, những kẻ đi diễu hành giương cao những lá cờ của đối phương, chính họ phải chịu trách nhiệm về chiến tranh kéo dài và thất bại...*».

Đó là hình ảnh tự vẽ của một viên tướng bại trận, phô trương tất cả sự hằn học, lỗ mãng, bất chấp lẽ phải, không thấy được rằng ý chí và sức mạnh của Việt-nam là nguyên nhân mọi thất bại của Mỹ ở Việt-nam. Xét cho cùng, đó cũng là điều tất yếu đối với một viên tướng đế quốc cực kỳ phản động vậy.

Cuộc hội ngộ không dự định trên đất Mỹ

Có lẽ cái phần lý thú nhất đối với chúng ta trong tập hồi ký của Oét-mo-len là đoạn Oét kể lại cuộc hội ngộ giữa Oét và bọn tướng ngụy chóp bu trên đất Mỹ, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 lịch sử.

Oét kể rằng: «*Tôi đã hình dung được cụ thể những ngày đen tối cuối cùng ấy qua cuộc hội chuyện những quan chức Mỹ và Nam Việt-nam đã từng sống những ngày cuối cùng ở bên đó, trong đó có đại tướng Cao-Văn-Viên, tham mưu trưởng quân đội Cộng hòa Việt-nam.. Sự kết thúc của Nam Việt-nam vào tháng 4-1975 đã diễn ra đột ngột đến không ngờ! Đó là những bức tranh về thất bại, hoảng loạn, mất tinh thần, một bức tranh hết sức đau buồn!*».

Theo Oét đánh giá, những nguyên nhân thất bại triệt để của bọn chúng là : — đánh giá đối phương quá thấp về lực lượng, trang bị, ý đồ... do tình báo tồi ; — Mỹ để cho quân ngụy quá thiếu thốn về phụ tùng thay thế và súng đạn ; — tâm lý hoang mang của quân ngụy khi thấy viện trợ của Mỹ giảm hẳn và có thể đi đến chấm dứt : — đặc biệt là thiếu hẳn một kế hoạch tỉ mỉ trong một loại hành động quân sự khó khăn nhất là : rút lui trước một đối phương mạnh ; sự chậm chạp, bối rối và thiếu quyết đoán của Nguyễn-Văn-Thiệu, khi Thiệu đứng ra trực tiếp cầm quân, làm người tư lệnh chiến trường ; — sự hoảng loạn đẻ thêm mãi ra hoảng loạn không dứt..

Oét-mo-len cay cú phàn nàn rằng vụ bê bối Oa-tơ-ghết, qua đó lồng thống Mỹ Nich-xơn về vườn, và quyết định của Quốc hội Mỹ cắt giảm viện trợ cho ngụy quyền xuống còn một nửa (700 triệu đô-la) so với đề nghị của chính phủ Mỹ, là hai sự kiện bi đát, có tác động lớn đến tình hình chiến trường vốn đã rất gay go cho Mỹ ngụy.

Dựa theo lời Viên kể, Oét tiết lộ rằng ngay từ những ngày cuối năm 1974, bọn Thiệu — Khiêm — Viên đã vạch ra một kế hoạch chiến lược mà Oét gọi là «*Kế hoạch để sống sót*» khi «*Thiệu và những quan chức cao cấp ở Sài-gòn bắt đầu đứng trước sự thật là Nam Việt-nam không còn khả năng ôm giữ được mọi thứ nữa*».

Kế hoạch chiến lược này dự tính : bỏ toàn bộ vùng cao nguyên Trung-bộ và nhiều vùng rộng lớn ven biển Trung-bộ, nhưng cố thủ ở hai khu vực nhỏ : Huế, vì lý do danh dự (!) — Huế vốn là thủ đô của triều đình cũ ; Đà-nẵng, vì lý do chiến lược — Đà-nẵng là căn cứ cho một cuộc phản công được dự kiến.

Digitized by Google

Trận tuyến cố thủ được vạch ra kéo dài từ thị xã Tây-ninh ở gần biên giới Việt-nam — Cam-pu-chia đi theo hướng đông bắc lên đến thị xã Nha-trang ở ven biển.

Thế nhưng sau khi thị xã Phước-long thất thủ vào những ngày đầu năm 1975, Thiệu và bọn Mỹ lưỡng lự không thực hiện ngay cái kế hoạch chiến lược này, vì tiếc rẻ, không muốn bỏ đất nhiều quá, vì lo sợ trước số dân phải di tản quá lớn và số trang bị, vũ khí phải di chuyển quá đồ sộ.

Oét thuật lại những lời than thở của Cao Văn-Viên về một loạt sự kiện rủi ro khi trận Buôn-mê-thuột diễn ra. Đó là vụ máy bay Sài-gòn ném bom cả vào sở chỉ huy sư đoàn quân ngụy, giết viên tỉnh trưởng và làm đứt liên lạc với Sài-gòn, sau khi Buôn-mê-thuột thất thủ ngày 14-3, Thiệu đáp máy bay ra Nha-trang gặp Phạm-Văn-Phú, tư lệnh quân khu 2. Thiệu ra lệnh cho Phú đưa ngay 2 trung đoàn ở Công-tum và Plây-cu phản công chiếm lại Buôn-mê-thuột; cuộc phản công này hoàn toàn thất bại. Theo lệnh Thiệu, cuộc rút quân có trật tự khỏi Tây-nguyên chỉ được bắt đầu **sau** (Oét nhấn mạnh chữ sau) khi kế hoạch di tản nhân dân Tây-nguyên được hoàn thành. Thế nhưng cuộc di tản cùng với cuộc rút quân đã diễn ra trong sự rối loạn và khủng khiếp ngay từ ngày 15-3-1975.

Kiến nghị tuyệt vọng của Oét-mo-len

Oét-mo-len kể rằng đúng vào cái **« ngày thứ bảy đen »** 15-3-1975 ấy, Oét đang ở Y viện lục quân Oan-tơ Rit gần thủ đô Oa-sinh-tơn thì gặp Trần-Kim-Phượng, đại sứ ngụy quyền Sài-gòn ở Mỹ. Phượng hốt hoảng báo tin Tây-nguyên thất thủ đến nơi rồi, tình hình vô cùng nguy ngập, hầu như không phương cứu vãn. Oét liền nói với Phượng về một kiến nghị hành động như sau để Phượng điện về cho Thiệu ở Sài-gòn. Oét viết:

« Tình hình thật sự là nguy ngập. Tôi kiến nghị: nếu quân đội Nam Việt-nam cố bám giữ từng mảnh đất, thì họ sẽ không tránh khỏi lần lượt bị tiêu diệt hết đơn vị này đến đơn vị khác. Do đó phải biết rút lui có phương pháp. Trong quá trình rút lui, phải cố gây cho đối phương những tổn thất lớn nhất trong phạm vi khả năng của quân đội Nam Việt-nam. Địa bàn của cuộc rút lui chiến lược phải là khu vực sống còn của vùng đồng bằng sông Cửu-long đông dân và có nhiều của cải. Tại khu vực này, Nam Việt-nam có thể cầm cự, dè xẻn đạn dược và nuôi hy vọng rằng cuộc khủng hoảng nghiêm trọng này có thể làm cho nước Mỹ quyết định viện trợ ồ ạt trở lại để làm chuyển biến tình hình.

« Ngay trưa ấy tôi đến thẳng Nhà trắng để gặp tổng thống Giê-rôn Pho. Tôi tỏ ý tiếc rằng quốc hội Mỹ đã tước mất của tổng thống cái phương tiện duy nhất để có thể tác động đến tình hình ở Việt-nam: những máy bay ném bom của nước Mỹ; lúc ấy tôi hiểu rằng tổng thống chẳng thể thuyết phục nổi quốc hội hủy bỏ cái quyết định buộc tổng thống phải phục tùng quốc hội khi định ném bom, nên tôi cũng không khuyên tổng thống thử làm cái việc đó ».

Thế là rõ. Trong cơn quẫn bách, viên tướng sừng sỏ bậc nhất của Mỹ chỉ có thể kiến nghị một kế hoạch tuyệt vọng đến ngờ ngẩn, kèm theo những lời than vãn thở dài.

Bức chân dung đầy đủ của Oét-mo-len

Tập hồi ký của Oét-mo-len **« Tường trình của một người lính »** làm cho mọi người thấy rõ thêm chiều sâu thất bại của đế quốc Mỹ, tầm cao thắng lợi lịch sử của quân và dân ta.

Digitized by Google

Riêng đối với Oét-mo-len, chúng ta có điều kiện để đánh giá đúng đắn và đầy đủ hơn cái « tài thao lược » của viên tướng chiến trường số 1 của nước Mỹ, nhận rõ bức chân dung đầy đủ của Oét-mo-len.

Oét-mo-len mưu toan thanh minh rằng hắn không phải là kém cỏi. Thế nhưng từ đầu đến cuối cuốn sách, chúng ta thấy nổi lên cái quan điểm quân sự đơn thuần rõ nét. Những bài học Oét rút ra từ thất bại vẫn chỉ là những kinh nghiệm rất phiến diện, lỗi thời.

Chiến tranh là một hiện tượng xã hội rất phức tạp về nhiều mặt. Chiến tranh là thử thách nghiêm trọng nhất đối với một chế độ, một đất nước. Những nhân tố quyết định trong chiến tranh là: tính chất chính nghĩa hay phi nghĩa của cuộc chiến tranh; đường lối lãnh đạo chiến tranh đúng đắn hay sai lầm; sự vững mạnh về vật chất và tinh thần của hậu phương; số lượng và chất lượng của quân đội, bao gồm cả bản lĩnh chiến đấu và tinh thần chiến đấu; khoa học quân sự tiên tiến hay phản động, nghệ thuật quân sự đúng đắn, sáng tạo hay kém cỏi, lỗi thời; nhân tố thời đại, thuận theo sự phát triển của lịch sử hay ngược lại; tác động qua lại của đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao.

Tất cả những điều cơ bản ấy, xem ra viên tướng được coi là kiệt xuất nhất của quân đội Mỹ chưa hiểu rõ, không bàn đến, và cũng không tài nào hiểu nổi.

Và một lỗ hổng lớn nữa trong đầu óc của viên tướng sừng sỏ ấy của nước Mỹ là vẫn chưa hiểu gì sâu sắc, đầy đủ về đối phương. Đó là cả dân tộc Việt-nam, được sự lãnh đạo tài giỏi của một đảng mác-xít — lê-nin-nít kiên cường, có đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng đắn, có khoa học quân sự tiên tiến, nghệ thuật quân sự sáng tạo, khai thác được những thuận lợi cơ bản của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp tất thắng trong một cuộc chiến tranh nhân dân đầy tính sáng tạo, đủ sức đánh bại mọi hình thức chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Trong trang cuối cùng của tập hồi ký, Oét-mo-len trơ trẽn kết luận rằng: *« Dù sao cái kỷ lục của quân đội Mỹ là chưa hề thua trận vẫn còn nguyên vẹn »*. Oét cãi chày cãi cối rằng nước Mỹ không thua trận, quân đội Mỹ không thua, chỉ có quân đội Nam Việt-nam tức quân ngụy do Mỹ tổ chức, huấn luyện và chỉ huy thua thôi!

Chẳng phải chứng minh gì nhiều, mỗi người có lương tri và có đầu óc khoa học, khách quan đều hiểu rất rõ rằng trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã thua trận hoàn toàn; rằng quân đội Mỹ — mà chính Oét-mo-len đã đưa ra con số là có đến 2.594.000 sĩ quan và lính Mỹ từng thay phiên nhau sang chiến đấu ở Việt-nam — đã hoàn toàn thua trận, phải rút về sau khi thất bại; rằng thất bại của quân ngụy chính là thất bại của Mỹ. Chính Pho, Kít-xinh-giơ và nhiều người trong giới cầm quyền Mỹ cũng đã phải thú nhận điều này.

Một viên tướng rành rành đại bại trận mà vẫn khăng khăng không chịu là thua. Chỉ riêng điều đó cũng đã chứng minh rằng Oét thật « xứng đáng » là một viên đại... bại tướng.

Dù sao tập hồi ký đồ sộ dày 446 trang khổ lớn của Oét-mo-len cung cấp cho ta khá nhiều tư liệu lịch sử để nhìn thấy dầy đủ hơn tác dụng kỳ diệu của cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại mà quân và dân ta đã tiến hành đến toàn thắng, dưới sự lãnh đạo tuyệt vời của Đảng tiên phong.

Digitized by Google

Коммунистический журнал

№ 4 — 1978 г

ПЕРЕДОВАЯ. Хорошо организовать обсуждение проекта новой Конституции среди кадровых работников и народных масс.

ЛЕ ЗУАН. Мобилизовать массы на строительство права коллективного хозяйствования.

НГУЕН ТЯН. Родине — больше угля.

ХОАНГ ВАН КНЕУ. Динамично развивать лесное хозяйство.

ФУК КЫОНГ. Кризис глобальной стратегии американского империализма.

Трибуна обсуждения проекта новой Конституции:

Нгуен Сиен, Нгием Суан Нем, Фан Ань, Нгуен Лан, Кхоа Минь.

ИССЛЕДОВАНИЕ + ТХАНЬ ЛЕ. Научное управление обществом.

ЛАРТИЙНАЯ ЖИЗНЬ + Строитель. Формальная демократия.

КУ ХЮИ КАН. Культура и информация на службе развитию сельского хозяйства и строительства новой деревни.

ДОНГ ТХАО. Как промышленность должна внести вклад в ускоренное развитие сельского хозяйства.

ТАН МИНЬ. Фулам твердо шагает вперед на новом этапе революции.

ХОАНГ НГУЕН. Правда о конфликтах на вьетнамо — кампучийской границе.

КОММЕНТАРИЙ + Справедливоедело палестинского народа восторжествует.

В МИРЕ КНИГ + ТХАНЬ ТИН. Отчет тяжело побеждённого генарала.

共产主义杂志
一九七八年第四期

討　論：组织好在干部和人民中新宪法草案讨论
黎　筍：发动群众建立集体作主权
阮　振：为祖国生产大量煤炭
黃文藎：大力发展林业
鎮　崗：美帝国主义全球战略的危机
討論新宪法草案☆阮闡、严春奄、潘　英、阮　麟、科　明
研　究☆青　黎：科学地管理社会
党的生活☆建設者：形式主义的民主
瞿揮近：文化和通讯为发展农业和建设新农村事业服务
童　草：工业必须为促进农业的飞跃发展作出巨大贡献
新　明：富林在新革命阶段中稳步前进
黃　阮：越柬边界冲突真相
評　論：巴勒斯坦人民的正义事业必胜
讀者筆記☆成信：一位大……败将的叙述

Digitized by Google

REVUE DU COMMUNISME
N° 4 — 1978

Éditorial — Bien organiser les discussions du projet de la nouvelle Constitution parmi les cadres et le peuple

LÊ-DUẨN — Mobilisation des masses pour la promotion du droit de maître collectif

HOÀNG-VĂN-KIỀU — Développer vigoureusement l'exploitation forestière et le reboisement

PHÚC-CƯƠNG — Crise de la stratégie globale de l'impérialisme américain

Discussions du projet de la nouvelle Constitution + *NGUYỄN-XIỂN* + *NGHIÊM-XUÂN-YÊM* + *PHAN-ANH* + *NGUYỄN-LÂN* + *KHOA-MINH*

Études ★ *THANH-LÊ* — Gestion scientifique de la société

La vie du Parti ★ Le censeur — Démocratie formelle

ĐỒNG-THẢO — L'industrie doit contribuer fortement à un développement sans précédent de la production agricole

TÂN-MINH — Phú-lâm va de l'avant à pas surs dans la nouvelle étape révolutionnaire

HOÀNG-NGUYỄN — La vérité sur le problème frontalier du Viet-nam et du Kampuchéa

Revue de livres ★ *THÀNH-TÍN* — Le rapport d'un grand général... vaincu

---

REVIEW OF COMMUNISM
N° 4 — 1978

Editorial — To organize well the discussion of the new draft Constitution among our cadres and people

LÊ-DUẨN — To mobilize the people to establish their right to collective mastery

HOÀNG-VĂN-KIỀU — Develop our forestry resources

PHÚC-CƯƠNG — The crisis of the global strategy of American imperialism

Discussion of the new draft Constitution — *NGUYỄN-XIỂN* — *NGHIÊM-XUÂN-YÊM* — *PHAN-ANH* — *NGUYỄN-LÂN* — *KHOA-MINH*

Study ★ *THANH-LÊ* — Scientific management of society

Party Life ★ Critic — Formal democracy

ĐỒNG-THẢO — Industry must greatly contribute to a development of agriculture by leaps and bounds

TÂN-MINH — Phú-lâm advances steadily in the new revolutionary stage

HOÀNG-NGUYỄN — The truth about the clashes on the Viet-nam — Kampuchea border

Books ★ *THÀNH-TÍN* — Report of a defeated general

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 4
1978
NĂM THỨ XXIV (268)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRỰ TẠI MIỀN NAM :
40, Trần-Cao-Vân, TP Hồ-Chí-Minh
Dây nói : 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Hãy làm thật tốt việc tổ chức thảo luận dự thảo Hiến pháp mới trong cán bộ và nhân dân 1

LÊ-DUẨN — Phát động quần chúng xây dựng quyền làm chủ tập thể 7

HOÀNG-VĂN-KIỀU — Phát triển mạnh nghề rừng 19

PHÚC-CƯƠNG — Khủng hoảng chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ 30

Thảo luận dự thảo Hiến pháp mới + *NGUYỄN-XIỂN* — Về việc ghi vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam trong Hiến pháp mới + *NGHIÊM-XUÂN-YÈM* — Hiến pháp mới và nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý + *PHAN-ANH* — Về một số ý kiến được nêu lên trong các cuộc họp thảo luận dự thảo Hiến pháp mới + *NGUYỄN-LÂN* — Vấn đề « giáo dục » trong dự thảo Hiến pháp mới + *KHOA-MINH* — Chuyên chính vô sản và làm chủ tập thể 51

Nghiên cứu ★ *THANH-LÊ* — Quản lý xã hội một cách khoa học 62

Sinh hoạt Đảng ★ *NGƯỜI XÂY DỰNG* — Dân chủ hình thức 68

ĐỒNG-THẢO — Công nghiệp phải góp phần to lớn thúc đẩy nông nghiệp phát triển vượt bậc 70

TÂN-MINH — Phú-lâm vững bước tiến lên trong giai đoạn cách mạng mới 81

HOÀNG-NGUYỄN — Sự thật về cuộc xung đột biên giới Việt-nam — Cam-pu-chia 88

Đọc sách + *THÀNH-TÍN* — Bản tường trình của một viên đại... bại tướng 96

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 0đ40

Digitized by Google

15-001
H-1980
P
HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

JUL 26 1978

The University of Michigan Periodical Reading Room

5

5.1978

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

PHÁT HUY VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT-NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

NHỮNG thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt-nam trong nửa thế kỷ nay đã chứng minh vai trò lãnh đạo và năng lực sáng tạo to lớn của giai cấp công nhân Việt-nam.

Mặc dù sinh ra và lớn lên trong một nước vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, số lượng ban đầu còn nhỏ bé, giai cấp công nhân Việt-nam, với đội tiên phong mác-xít lê-ni-nít của mình, đã phát huy bản chất cách mạng triệt để, không ngừng vươn lên hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ mà lịch sử đã giao phó.

Đứng trước những nhiệm vụ mới mẻ, nặng nề của giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, Đảng ta cần tiếp tục chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, bảo đảm cho giai cấp công nhân luôn luôn xứng đáng là lực lượng lãnh đạo cách mạng của cả nước trong giai đoạn mới.

★

VAI trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân là một vấn đề có tính tất yếu lịch sử. Từ giữa thế kỷ trước, Mác và Ăng-ghen, những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, qua hoạt động thực tiễn của mình, đã đi tới kết luận: lực lượng xã hội duy nhất có năng lực xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là giai cấp vô sản. Mác và Ăng-ghen khẳng định: « Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp

Digitized by Google

vô sản là giai cấp thật sự cách mạng. Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong với sự phát triển của đại công nghiệp; giai cấp vô sản, trái lại, là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp» (1). *Thực tiễn cách mạng của thế giới hơn một trăm năm nay đã chứng minh luận điểm ấy của Mác và Ăng-ghen là hoàn toàn đúng.*

Điều quyết định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân chính là ở chỗ nó đại biểu cho phương thức sản xuất mới, tiến bộ nhất, phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội. Gắn liền với sản xuất đại công nghiệp và là sản phẩm của đại công nghiệp, giai cấp công nhân tiêu biểu cho lực lượng sản xuất mới ngày càng xã hội hóa, là giai cấp đứng ở trung tâm của thời đại ngày nay, giai cấp đại biểu cho tương lai của xã hội loài người.

Chỉ có hai bàn tay trắng, bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để nhất trong việc xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và mọi chế độ tư hữu, nguồn gốc đẻ ra bóc lột, nghèo khổ, và cũng là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất trong việc xây dựng chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Quyền lợi của giai cấp công nhân phù hợp và gắn liền với quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động. Giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất trong xã hội có khả năng lãnh đạo, lôi cuốn toàn thể nhân dân lao động đi theo mình trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

Những đặc điểm chủ yếu ấy quy định vai trò lãnh đạo và bản chất cách mạng triệt để của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân không những có sứ mệnh, có khả năng «đào mồ chôn» chủ nghĩa tư bản mà còn là lực lượng vĩ đại có khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải có đảng tiên phong được vũ trang bằng lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đó là quy luật phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Mác đã chỉ rõ: «Trong cuộc đấu tranh của mình chống lại quyền lực liên hợp của các giai cấp hữu sản, chỉ có khi nào giai cấp vô sản tự mình tổ chức được thành một chính đảng độc lập để đối lập với tất cả mọi chính đảng cũ do các giai cấp hữu sản lập ra, thì mới có thể hành động với tư cách giai cấp được» (2). *Phải có Đảng, giai cấp công nhân mới có ý thức về sứ mệnh lịch sử của mình, mới có đường*

---

(1) C. Mác — F. Ăng-ghen: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 60.

(2) C. Mác — F. Ăng-ghen: *Tuyển tập*, tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 470.

Digitized by Google

lối cách mạng và phương pháp cách mạng đúng đắn để đưa cách mạng đến thắng lợi

★

NGOÀI những phẩm chất cách mạng tốt đẹp của giai cấp công nhân nói chung, giai cấp công nhân Việt-nam còn có những đặc điểm riêng làm tăng thêm vai trò và sức mạnh của mình trong phong trào đấu tranh cách mạng ở nước ta.

Sinh ra cùng với sự khai thác thuộc địa của tư bản Pháp ở nước ta, giai cấp công nhân Việt-nam ra đời trước giai cấp tư sản trong nước. Tuy số lượng không nhiều, nhưng giai cấp công nhân Việt-nam có tỷ lệ tập trung tương đối cao và là một giai cấp thuần nhất, không có tầng lớp công nhân quý tộc, không chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cải lương. Giai cấp công nhân Việt-nam lại có người bạn đồng minh gần gũi, đông đảo nhất, đáng tin cậy nhất và có tinh thần yêu nước cao là nông dân; đó là một yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh to lớn của giai cấp công nhân. Ra đời và lớn lên trong hoàn cảnh Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga đã giành được thắng lợi, giai cấp công nhân nước ta đã tiếp thụ được ảnh hưởng tốt đẹp của Cách mạng tháng Mười và không chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội quốc tế. Nhờ có sự chăm lo giáo dục và những hoạt động tích cực của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc (tức Hồ Chủ tịch kính mến), giai cấp công nhân Việt-nam đã sớm tiếp thụ được lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin, mau chóng trưởng thành về chính trị. Đặc biệt, sự ra đời của Đảng ta (sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt-nam) đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt-nam nói chung và của phong trào công nhân Việt-nam nói riêng. Đảng đã đem lại cho giai cấp công nhân một chất lượng hoàn toàn mới. Có Đảng trực tiếp hướng dẫn, chỉ đường, soi sáng bằng lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin, giai cấp công nhân Việt-nam đã nhanh chóng phát huy vai trò tiên phong lãnh đạo của mình, trở thành giai cấp nắm độc quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân Việt-nam đã kế thừa và phát huy đến cao độ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, học tập một cách có chọn lọc những kinh nghiệm đấu tranh của phong trào công nhân quốc tế, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đưa cách mạng Việt-nam tiến lên liên tiếp giành những thắng lợi vô cùng rực rỡ. Với đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và thông qua Đảng, giai cấp công nhân đã lãnh đạo nhân dân ta liên tiếp dấy lên ba cao

Digitized by Google

trào cách mạng (*) dẫn tới thắng lợi Cách mạng tháng Tám, lãnh đạo nhân dân ta tiến hành hai cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn đất nước, giành độc lập, thống nhất cho Tổ quốc. Với thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt-nam, giai cấp công nhân Việt-nam đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ, góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.

Phát huy vai trò lãnh đạo và bản chất cách mạng triệt để của mình, trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, giai cấp công nhân đang đi đầu trong việc tiến hành ba cuộc cách mạng, quyết tâm cùng với toàn thể nhân dân ta đấu tranh xóa bỏ bóc lột, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Suốt trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài chống kẻ thù của dân tộc và của giai cấp, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua, giai cấp công nhân Việt-nam đã biểu hiện rất rõ những phẩm chất cách mạng tốt đẹp của mình.

— Đặc điểm nổi bật của những phẩm chất ấy là giai cấp công nhân Việt-nam luôn luôn nêu cao truyền thống yêu nước, chí quật cường của dân tộc, bản chất cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, chiến đấu rất ngoan cường, dũng cảm, luôn luôn xứng đáng là lực lượng tiên phong của dân tộc, là đội quân chủ lực của cách mạng.

Ở miền Bắc, trong những năm kháng chiến chống chiến tranh phá hoại hết sức ác liệt của giặc Mỹ, giai cấp công nhân đã nêu cao vai trò tiên phong cách mạng, cùng toàn dân phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa vững mạnh về mọi mặt, đồng thời chi viện đắc lực và kịp thời cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, giai cấp công nhân đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh, cùng các tầng lớp lao động khác, vừa sản xuất vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, lập nên những thành tích rất xuất sắc trong sản xuất và bảo vệ sản xuất, trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, xây dựng và bảo vệ cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, giữ vững giao thông liên lạc và mọi hoạt động kinh tế và văn hóa trong mọi tình huống, xây dựng và bảo vệ chính quyền chuyên chính vô sản, bảo đảm an ninh chính trị và trật

---

(*) Ba cao trào cách mạng là: cao trào Xô viết Nghệ-tĩnh 1930 — 1931; cao trào Mặt trận dân chủ 1936 — 1939 và cao trào Mặt trận Việt minh cứu nước, khởi nghĩa 1941 — 1945.

Digitized by Google

tự xã hội. Không kể những thành tích trực tiếp tham gia chiến đấu ở miền Bắc, hàng chục vạn công nhân, cán bộ kỹ thuật đã hăng hái gia nhập quân đội, góp phần tích cực vào việc xây dựng các binh chủng kỹ thuật, sử dụng vũ khí, khí tài hiện đại, chiến đấu trên khắp các chiến trường của Tổ quốc. Rất nhiều chiến sĩ là công nhân đã trở thành dũng sĩ diệt Mỹ, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân... Tinh thần quyết chiến quyết thắng của đội ngũ công nhân với những thành tích xuất sắc trên mọi mặt đã góp phần hết sức quan trọng vào việc xây dựng và bảo vệ miền Bắc, làm cho miền Bắc xã hội chủ nghĩa trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc của cả nước và là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam.

Ở miền Nam, suốt hai mươi năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, anh chị em công nhân, lao động đã nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng kiên cường, bất khuất, liên tục đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, thống nhất nước nhà. Bằng mọi hình thức phong phú, khi công khai, khi bí mật, kết hợp đấu tranh hợp pháp với đấu tranh nửa hợp pháp và không hợp pháp, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, công nhân, lao động miền Nam luôn luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh lâu dài và ác liệt của nhân dân các đô thị tạm thời bị địch chiếm.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy vĩ đại mùa xuân 1975, công nhân, lao động các đô thị miền Nam đã nổi dậy với khí thế mạnh mẽ, đứng lên làm chủ xưởng máy, đồn điền, công sở, bến xe, bến cảng, chống địch di tản và cướp phá xí nghiệp, bảo vệ máy móc, tài sản, hợp lực với quân đội giải phóng thành thị, giành và bảo vệ gần như nguyên vẹn các nhà máy, đồn điền, công sở, kho tàng, bến cảng, tạo nên sức mạnh vĩ đại của sự kết hợp đấu tranh chính trị và nổi dậy với đấu tranh vũ trang.

Sau khi miền Nam được giải phóng, công nhân, lao động đã luôn luôn xứng đáng là chỗ dựa vững chắc nhất của Đảng và Nhà nước trong phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh cũng như trong công tác xây dựng chính quyền cách mạng, bài trừ văn hóa nô dịch, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội và xây dựng cuộc sống mới ở các thành thị miền Nam.

– Giai cấp công nhân Việt-nam không những có tinh thần chiến đấu cách mạng kiên cường mà còn rất thông minh, sáng tạo. Phẩm chất này thể hiện rất rõ trên mọi mặt hoạt động trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua cũng như trong phong trào thi đua

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

SỐ 4
1978
NĂM THỨ XXIV (268)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :
1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :
40, Trần-Cao-Vân, TP Hồ-Chí-Minh
Dây nói : 20060, 25768

MỤC LỤC

[illegible] 1

[illegible] 7

[illegible] 19

[illegible] 30

[illegible] 31

[illegible] 62

[illegible] 78

[illegible] –

[illegible] 82

[illegible] 88

[illegible] 96

Digitized by Google

Digitized by Google

Коммунистический журнал

N° 4 — 1978 г

ПЕРЕДОВАЯ. Хорошо организовать обсуждение проекта новой Конституции среди кадровых работников и народных масс.

ЛЕ ЗУАН. Мовилизовать массы на строительство права коллективного ховяйствования.

НГУЕН ТЯН. Родине — больше угля.

ХОАНГ ВАН КИЕУ. Динамично развивать лесное хозяйство.

ФУК КЫОНГ. Кризис глобальной стратегии американского империализма.

Трибуна обсуждения проекта новой Конституции:

Нгуен Сиен, Нгием Суан Ием, Фан Ань, Нгуен Лан, Кхоа Минь.

ИССЛЕДОВАНИЕ + ТХАНЬ ЛЕ. Научное управление обществом.

ЛАРТИЙНАЯ ЖИЗНЬ + Строитель. Формальная демократия.

КУ ХЮИ КАН. Культура и информация на службе развитию сельского хозяйства и строительства новой деревни.

ДОНГ ТХАО. Как промышленность должна внести вклад в ускоренное развитие сельского хозяйства.

ТАН МИНЬ. Фулам твердо шагает вперед на новом этапе революции.

ХОАНГ НГУЕН. Правда о конфликтах на вьетнамо — кампучийской границе.

КОММЕНТАРИЙ + Справедливоедело палестинского народа восторжествует.

В МИРЕ КНИГ + ТХАНЬ ТИН. Отчет тяжело побеждённого генарала.

共产主义杂志
一九七八年第四期

社　論：组织好在干部和人民中新宪法草案讨论
黎　筍：发动群众建立集体作主权
阮　振：为祖国生产大量煤炭
黃文藍：大力发展林业
福　崗：美帝国主义全球战略的危机
討論新宪法草案☆阮聞、严春奄、潘　英、阮　麟、科　明
研　究☆青　黎：科学地管理社会
党的生活☆建設者：形式主义的民主
瞿輝近：文化和通讯为发展农业和建设新农村事业服务
童　草：工业必须为促进农业的飞跃发展作出巨大贡献
新　明：富林在新革命阶段中稳步前进
黃　阮：越柬边界冲突真相
評　論：巴勒斯坦人民的正义事业必胜
讀者笔記☆成信：一位大……败将的叙述

Digitized by Google

REVUE DU COMMUNISME
N° 4 – 1978

Éditorial – Bien organiser les discussions du projet de la nouvelle Constitution parmi les cadres et le peuple

LÊ-DUẨN – Mobilisation des masses pour la promotion du droit de maître collectif

HOÀNG-VĂN-KIỀU – Développer vigoureusement l'exploitation forestière et le reboisement

PHÚC-CƯƠNG – Crise de la stratégie globale de l'impérialisme américain

Discussions du projet de la nouvelle Constitution + *NGUYỄN-XIỂN* + *NGHIÊM-XUÂN-YÊM* + *PHAN-ANH* + *NGUYỄN-LÂN* + *KHOA-MINH*

Études ★ *THANH-LÊ* – Gestion scientifique de la société

La vie du Parti ★ Le censeur – Démocratie formelle

ĐỒNG-THẢO – L'industrie doit contribuer fortement à un développement sans précédent de la production agricole

TÂN-MINH – Phú-lâm va de l'avant à pas surs dans la nouvelle étape révolutionnaire

HOÀNG-NGUYỄN – La vérité sur le problème frontalier du Viet-nam et du Kampuchéa

Revue de livres ★ *THÀNH-TÍN* – Le rapport d'un grand général... vaincu

---

REVIEW OF COMMUNISM
N° 4 – 1978

Editorial – To organize well the discussion of the new draft Constitution among our cadres and people

LÊ-DUẨN – To mobilize the people to establish their right to collective mastery

HOÀNG-VĂN-KIỀU – Develop our forestry resources

PHÚC-CƯƠNG – The crisis of the global strategy of American imperialism

Discussion of the new draft Constitution – *NGUYỄN-XIỂN* – *NGHIÊM-XUÂN-YÊM* – *PHAN-ANH* – *NGUYỄN-LÂN* – *KHOA-MINH*

Study ★ *THANH-LÊ* – Scientific management of society

Party Life ★ Critic – Formal democracy

ĐỒNG-THẢO – Industry must greatly contribute to a development of agriculture by leaps and bounds

TÂN-MINH – Phú-lâm advances steadily in the new revolutionary stage

HOÀNG-NGUYỄN – The truth about the clashes on the Viet-nam – Kampuchea border

Books ★ *THÀNH-TÍN* – Report of a defeated general

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 0đ4

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 0đ40

Digitized by Google

H-1980
HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

JUL 26 1978

The University of Michigan Periodical Reading Room

5

5.1978

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

PHÁT HUY VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT-NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

NHỮNG thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt-nam trong nửa thế kỷ nay đã chứng minh vai trò lãnh đạo và năng lực sáng tạo to lớn của giai cấp công nhân Việt-nam.

Mặc dù sinh ra và lớn lên trong một nước vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, số lượng ban đầu còn nhỏ bé, giai cấp công nhân Việt-nam, với đội tiên phong mác-xít lê-ni-nít của mình, đã phát huy bản chất cách mạng triệt để, không ngừng vươn lên hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ mà lịch sử đã giao phó.

Đứng trước những nhiệm vụ mới mẻ, nặng nề của giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, Đảng ta cần tiếp tục chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, *bảo đảm cho* giai cấp công nhân luôn luôn xứng đáng là lực lượng lãnh đạo cách mạng của cả nước trong giai đoạn mới.

★

VAI trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân là một vấn đề có tính tất yếu lịch sử. Từ giữa thế kỷ trước, Mác và Ăng-ghen, những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, qua hoạt động thực tiễn của mình, đã đi tới kết luận: lực lượng xã hội duy nhất có năng lực xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là giai cấp vô sản. Mác và Ăng-ghen khẳng định: « Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp

Digitized by Google

vô sản là giai cấp thật sự cách mạng. Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong với sự phát triển của đại công nghiệp; giai cấp vô sản, trái lại, là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp» (1). *Thực tiễn cách mạng của thế giới hơn một trăm năm nay đã chứng minh luận điểm ấy của Mác và Ăng-ghen là hoàn toàn đúng.*

Điều quyết định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân chính là ở chỗ nó đại biểu cho phương thức sản xuất mới, tiến bộ nhất, phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội. Gắn liền với sản xuất đại công nghiệp và là sản phẩm của đại công nghiệp, giai cấp công nhân tiêu biểu cho lực lượng sản xuất mới ngày càng xã hội hóa, là giai cấp đứng ở trung tâm của thời đại ngày nay, giai cấp đại biểu cho tương lai của xã hội loài người.

Chỉ có hai bàn tay trắng, bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để nhất trong việc xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và mọi chế độ tư hữu, nguồn gốc đẻ ra bóc lột, nghèo khổ, và cũng là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất trong việc xây dựng chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Quyền lợi của giai cấp công nhân phù hợp và gắn liền với quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động. Giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất trong xã hội có khả năng lãnh đạo, lôi cuốn toàn thể nhân dân lao động đi theo mình trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

Những đặc điểm chủ yếu ấy quy định vai trò lãnh đạo và bản chất cách mạng triệt để của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân không những có sứ mệnh, có khả năng «đào mồ chôn» chủ nghĩa tư bản mà còn là lực lượng vĩ đại có khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải có đảng tiên phong được vũ trang bằng lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đó là quy luật phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Mác đã chỉ rõ: «Trong cuộc đấu tranh của mình chống lại quyền lực liên hợp của các giai cấp hữu sản, chỉ có khi nào giai cấp vô sản tự mình tổ chức được thành một chính đảng độc lập để đối lập với tất cả mọi chính đảng cũ do các giai cấp hữu sản lập ra, thì mới có thể hành động với tư cách giai cấp được» (2). *Phải có Đảng, giai cấp công nhân mới có ý thức về sứ mệnh lịch sử của mình, mới có đường*

---

(1) C. Mác — F. Ăng-ghen: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 60.

(2) C. Mác — F. Ăng-ghen: *Tuyển tập*, tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 470.

Digitized by Google

lối cách mạng và phương pháp cách mạng đúng đắn để đưa cách mạng đến thắng lợi

★

NGOÀI những phẩm chất cách mạng tốt đẹp của giai cấp công nhân nói chung, **giai cấp công nhân Việt-nam** *còn có những đặc điểm riêng làm tăng thêm vai trò và sức mạnh của mình trong phong trào đấu tranh cách mạng ở nước ta.*

Sinh ra cùng với sự khai thác thuộc địa của tư bản Pháp ở nước ta, giai cấp công nhân Việt-nam ra đời trước giai cấp tư sản trong nước. Tuy số lượng không nhiều, nhưng giai cấp công nhân Việt-nam có tỷ lệ tập trung tương đối cao và là một giai cấp thuần nhất, không có tầng lớp công nhân quý tộc, không chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cải lương. Giai cấp công nhân Việt-nam lại có người bạn đồng minh gần gũi, đông đảo nhất, đáng tin cậy nhất và có tinh thần yêu nước cao là nông dân; đó là một yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh to lớn của giai cấp công nhân. Ra đời và lớn lên trong hoàn cảnh Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga đã giành được thắng lợi, giai cấp công nhân nước ta đã tiếp thụ được ảnh hưởng tốt đẹp của Cách mạng tháng Mười và không chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội quốc tế. Nhờ có sự chăm lo giáo dục và những hoạt động tích cực của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc (tức Hồ Chủ tịch kính mến), giai cấp công nhân Việt-nam đã sớm tiếp thụ được lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin, mau chóng trưởng thành về chính trị. Đặc biệt, sự ra đời của Đảng ta (sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt-nam) đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt-nam nói chung và của phong trào công nhân Việt-nam nói riêng. Đảng đã đem lại cho giai cấp công nhân một chất lượng hoàn toàn mới. Có Đảng trực tiếp hướng dẫn, chỉ đường, soi sáng bằng lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin, giai cấp công nhân Việt-nam đã nhanh chóng phát huy vai trò tiên phong lãnh đạo của mình, trở thành giai cấp nắm độc quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân Việt-nam đã kế thừa và phát huy đến cao độ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, học tập một cách có chọn lọc những kinh nghiệm đấu tranh của phong trào công nhân quốc tế, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đưa cách mạng Việt-nam tiến lên liên tiếp giành những thắng lợi vô cùng rực rỡ. Với đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và thông qua Đảng, giai cấp công nhân đã lãnh đạo nhân dân ta liên tiếp dấy lên ba cao

Digitized by Google

trào cách mạng (*) dẫn tới thắng lợi Cách mạng tháng Tám; lãnh đạo nhân dân ta tiến hành hai cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn đất nước, giành độc lập, thống nhất cho Tổ quốc. Với thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt-nam, giai cấp công nhân Việt-nam đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ, góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.

Phát huy vai trò lãnh đạo và bản chất cách mạng triệt để của mình, trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, giai cấp công nhân đang đi đầu trong việc tiến hành ba cuộc cách mạng, quyết tâm cùng với toàn thể nhân dân ta đấu tranh xóa bỏ bóc lột, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Suốt trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài chống kẻ thù của dân tộc và của giai cấp, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua, giai cấp công nhân Việt-nam đã biểu hiện rất rõ những phẩm chất cách mạng tốt đẹp của mình.

— Đặc điểm nổi bật của những phẩm chất ấy là giai cấp công nhân Việt-nam luôn luôn nêu cao truyền thống yêu nước, chí quật cường của dân tộc, bản chất cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, chiến đấu rất ngoan cường, dũng cảm, luôn luôn xứng đáng là lực lượng tiên phong của dân tộc, là đội quân chủ lực của cách mạng.

Ở miền Bắc, trong những năm kháng chiến chống chiến tranh phá hoại hết sức ác liệt của giặc Mỹ, giai cấp công nhân đã nêu cao vai trò tiên phong cách mạng, cùng toàn dân phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa vững mạnh về mọi mặt, đồng thời chi viện đắc lực và kịp thời cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, giai cấp công nhân đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh, cùng các tầng lớp lao động khác, vừa sản xuất vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, lập nên những thành tích rất xuất sắc trong sản xuất và bảo vệ sản xuất, trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, xây dựng và bảo vệ cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, giữ vững giao thông liên lạc và mọi hoạt động kinh tế và văn hóa trong mọi tình huống, xây dựng và bảo vệ chính quyền chuyên chính vô sản, bảo đảm an ninh chính trị và trật

---

(*) Ba cao trào cách mạng là: cao trào Xô viết Nghệ-tĩnh 1930 — 1931; cao trào Mặt trận dân chủ 1936 — 1939 và cao trào Mặt trận Việt minh cứu nước, khởi nghĩa 1941 — 1945.

Digitized by Google

tự xã hội. Không kể những thành tích trực tiếp tham gia chiến đấu ở miền Bắc, hàng chục vạn công nhân, cán bộ kỹ thuật đã hăng hái gia nhập quân đội, góp phần tích cực vào việc xây dựng các binh chủng kỹ thuật, sử dụng vũ khí, khí tài hiện đại, chiến đấu trên khắp các chiến trường của Tổ quốc. Rất nhiều chiến sĩ là công nhân đã trở thành dũng sĩ diệt Mỹ, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân... Tinh thần quyết chiến quyết thắng của đội ngũ công nhân với những thành tích xuất sắc trên mọi mặt đã góp phần hết sức quan trọng vào việc xây dựng và bảo vệ miền Bắc, làm cho miền Bắc xã hội chủ nghĩa trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc của cả nước và là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam.

Ở miền Nam, suốt hai mươi năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, anh chị em công nhân, lao động đã nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng kiên cường, bất khuất, liên tục đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, thống nhất nước nhà. Bằng mọi hình thức phong phú, khi công khai, khi bí mật, kết hợp đấu tranh hợp pháp với đấu tranh nửa hợp pháp và không hợp pháp, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, công nhân, lao động miền Nam luôn luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh lâu dài và ác liệt của nhân dân các đô thị tạm thời bị địch chiếm.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy vĩ đại mùa xuân 1975, công nhân, lao động các đô thị miền Nam đã nổi dậy với khí thế mạnh mẽ, đứng lên làm chủ xưởng máy, đồn điền, công sở, bến xe, bến cảng, chống địch di tản và cướp phá xí nghiệp, bảo vệ máy móc, tài sản, hợp lực với quân đội giải phóng thành thị, giành và bảo vệ gần như nguyên vẹn các nhà máy, đồn điền, công sở, kho tàng, bến cảng, tạo nên sức mạnh vĩ đại của sự kết hợp đấu tranh chính trị và nổi dậy với đấu tranh vũ trang.

Sau khi miền Nam được giải phóng, công nhân, lao động đã luôn luôn xứng đáng là chỗ dựa vững chắc nhất của Đảng và Nhà nước trong phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh cũng như trong công tác xây dựng chính quyền cách mạng, bài trừ văn hóa nô dịch, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội và xây dựng cuộc sống mới ở các thành thị miền Nam.

– Giai cấp công nhân Việt-nam không những có tinh thần chiến đấu cách mạng kiên cường mà còn rất thông minh, sáng tạo. Phẩm chất này thể hiện rất rõ trên mọi mặt hoạt động trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua cũng như trong phong trào thi đua

Digitized by Google

phát huy sáng kiến, khắc phục những khó khăn về thiết bị, nguyên liệu, vật liệu, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, đội ngũ công nhân miền Bắc vừa nêu cao tinh thần chiến đấu kiên cường, vừa tỏ rõ trí thông minh, sáng tạo của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu, vừa sản xuất vừa bảo vệ sản xuất và bảo đảm mọi nhiệm vụ công tác trong những điều kiện khó khăn nhất. Chỉ riêng việc sơ tán, phân tán, bảo vệ các xí nghiệp, kho tàng, bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu, v.v... đã nói lên điều đó. Anh chị em đã có sáng kiến đào đắp hàng vạn công sự chiến đấu và che chắn máy móc, hàng nghìn ki-lô-mét đường giao thông hào, bảo đảm an toàn cho người, cho máy, cho hàng hóa. Các cơ sở công nghiệp trung ương được bảo vệ; hơn 500 xí nghiệp công nghiệp địa phương mới được xây dựng và phát triển mau chóng nhằm phục vụ kịp thời và tại chỗ cho sản xuất, chiến đấu và đời sống của nhân dân. Hầu hết các nhà máy điện bị địch đánh phá, nhưng dòng điện cho sản xuất, cho chiến đấu vẫn phát ra liên tục. Từng mét cầu, từng quãng đường đều mang dấu vết bom đạn Mỹ, nhưng mạch máu giao thông vẫn thông suốt từ hậu phương ra tiền tuyến...

Chính nhờ có trí thông minh, sáng tạo của đội ngũ công nhân trong chiến tranh cũng như trong hòa bình xây dựng, các phong trào thi đua mới tiếp tục được đẩy mạnh và nâng cao. Ngay trong chiến tranh, rất nhiều công nhân đã trở thành chiến sĩ thi đua và anh hùng lao động. Ở các tỉnh, thành phố miền Bắc, từ 1974 đến 1977, công nhân, viên chức đã áp dụng hơn 80.000 sáng kiến, làm lợi cho Nhà nước gần 80 triệu đồng. Ở miền Nam, từ ngày giải phóng, các sáng kiến và hoạt động tiết kiệm của công nhân, viên chức đã làm lợi cho Nhà nước nhiều triệu đồng.

— *Giai cấp công nhân Việt-nam* **có tinh thần chịu đựng khó khăn, gian khổ** *và* **tinh thần thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau khắc phục khó khăn trong đời sống.**

Trong những năm chiến tranh cũng như trong những năm gần đây, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn trong đời sống do phải sơ tán, phân tán, tình hình lương thực, thực phẩm khó khăn, đắt đỏ, nhiều mặt hàng tiêu dùng không đáp ứng được nhu cầu, nhưng tuyệt đại bộ phận công nhân vẫn cố sức chịu đựng, vẫn vững vàng. Họ hiểu rõ hoàn cảnh khó khăn của đất nước, hiểu rõ Đảng và Nhà nước luôn luôn quan tâm đến đời sống của công nhân cũng như mọi tầng lớp nhân dân khác, nhưng do nền kinh tế của nước nhà vốn thấp kém, lại trải qua nhiều năm chiến tranh liên tiếp và thời gian hòa bình xây dựng chưa được bao lâu, trước mắt chưa thể khắc phục mọi khó khăn.

Digitized by Google

chưa thể đáp ứng mọi nhu cầu của đời sống. Họ không đòi hỏi phải có mức sống cao trong điều kiện của đất nước hiện nay mà chỉ đòi hỏi việc phân phối phải công bằng, hợp lý, thuận tiện, chống những hiện tượng tiêu cực, nhất là thói quan liêu, cửa quyền, vô trách nhiệm, gây phiền hà; đồng thời mong muốn có sự quan tâm chăm sóc thích đáng đối với những người làm ra của cải vật chất cho xã hội, những người luôn luôn một lòng một dạ vì lợi ích chung của cách mạng.

Không những có tinh thần chịu đựng khó khăn, gian khổ, đội ngũ công nhân còn có tinh thần thương yêu, đùm bọc, nhường nhịn, giúp đỡ lẫn nhau khắc phục khó khăn trong đời sống để cùng nhau bảo đảm mọi nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và công tác.

Đó cũng là một phẩm chất tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt-nam trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

— Một đặc điểm nữa nói lên phẩm chất cách mạng tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt-nam là **tuyệt đối tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, triệt để chấp hành mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.**

Thực tiễn cách mạng của nước ta, ngay từ buổi bình minh của cách mạng, đã cho giai cấp công nhân thấy rõ Đảng cộng sản Việt-nam là đảng của mình, đường lối lãnh đạo của Đảng là đúng đắn, năng lực lãnh đạo của Đảng là to lớn; phải có sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân mới hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến lên xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Những thắng lợi của cách mạng lại từng bước củng cố và nâng cao thêm nhận thức của giai cấp công nhân. Vì vậy, suốt trong mấy chục năm nay, giai cấp công nhân luôn luôn có lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, — đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của mình.

Được Đảng giáo dục và được rèn luyện, thử thách trong bão táp cách mạng, giai cấp công nhân Việt-nam có sự nhạy bén về chính trị, biết suy nghĩ và hành động theo đường lối, quan điểm của Đảng, luôn luôn đoàn kết, thống nhất về chính trị và tổ chức. Ở miền Nam, trong những năm Mỹ — ngụy thống trị, đế quốc Mỹ và tay sai đã dùng chính sách thâm độc, lập ra các loại công đoàn phản động để mua chuộc và chia rẽ công nhân, nhưng công nhân, lao động miền Nam đã kịp thời vạch trần và kiên quyết đánh bại chính sách chia rẽ, mị dân, phản động của chúng.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng, đứng trước những khó khăn và diễn biến phức tạp của tình hình trong nước cũng như trên thế giới, giai cấp công nhân Việt-nam luôn luôn tỏ ra có bản lĩnh chính trị vững vàng, và càng gặp khó khăn phức tạp, càng xiết chặt hàng ngũ, đoàn kết chiến đấu một lòng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Digitized by Google

Đảng ta, nhân dân ta rất tự hào về những phẩm chất cách mạng tốt đẹp ấy của giai cấp công nhân nước ta.

Bên cạnh những phẩm chất tốt đẹp rất đáng tự hào nói trên, giai cấp công nhân Việt-nam cũng còn những mặt yếu cần khắc phục.

Nhược điểm và cũng là khuyết điểm lớn nhất của đội ngũ công nhân hiện nay là còn chịu ảnh hưởng nặng nề về **ý thức tư tưởng, nếp nghĩ, nếp sống, tác phong tự do tản mạn của người sản xuất nhỏ,** *mà những cái đó là hoàn toàn trái ngược với tác phong đại công nghiệp. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp đòi hỏi phải có tính khoa học, tinh thần tự giác, tính tổ chức và kỷ luật; sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các hoạt động từ một tập thể nhỏ cho đến toàn xã hội, nói một cách bao trùm nhất là* **tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.** *Hồ Chủ tịch đã dạy: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa » (3). Đó là chưa nói đến yếu tố quan trọng quyết định khác, tức là chúng ta phải có kiến thức sâu rộng về tất cả các mặt văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, những kiến thức về quản lý kinh tế, về tâm lý con người..., đặc biệt là phải nắm được những quy luật của chủ nghĩa xã hội. Sẽ không bao giờ có chủ nghĩa xã hội đầy đủ chừng nào chúng ta còn thiếu những cái ấy. Song, hiện nay, trên mức độ khác nhau, số rất đông công nhân còn thiếu những đức tính cần thiết ấy. Chính vì vậy, đã xảy ra những hiện tượng tiêu cực trong lao động, sản xuất như: ý thức chấp hành kỷ luật lao động chưa cao, đi muộn về sớm, làm việc cầm chừng, làm việc riêng trong giờ sản xuất, giờ làm việc; năng suất lao động rất thấp; không tôn trọng quy tắc kỹ thuật, quy trình công nghệ, gây ra tình trạng hư hỏng máy móc, thiết bị, chất lượng sản phẩm kém; chưa có ý thức tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu; lợi dụng, xoay xở, xâm phạm tài sản của xí nghiệp, của Nhà nước; v.v...*

Càng tự hào về những phẩm chất tốt đẹp của mình, đội ngũ công nhân chúng ta càng phải nghiêm khắc với những mặt yếu và kém ấy để kiên quyết khắc phục.

★

TRONG điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, những mặt mạnh, mặt yếu của giai cấp công nhân gắn liền với vai trò lãnh đạo của

(3) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 113.

Digitized by Google

Đảng, với hiệu lực quản lý của Nhà nước và đặc biệt là với những hoạt động của tổ chức công đoàn.

Công đoàn *là tổ chức quần chúng rộng lớn nhất của giai cấp công nhân, là trường học của chủ nghĩa cộng sản, trường học quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước đối với công nhân. Tổ chức công đoàn các cấp có hoạt động tốt mới phát huy được những mặt mạnh, khắc phục được những mặt yếu của đội ngũ công nhân, tạo điều kiện cho đội ngũ ấy thực hiện vai trò là lực lượng tiên phong trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ vị trí, vai trò và những nhiệm vụ của công đoàn trong giai đoạn cách mạng hiện nay, chúng ta cần thấu suốt tinh thần nghị quyết Đại hội trong mọi mặt hoạt động thực tiễn của công đoàn.*

Vấn đề then chốt nhất trong việc giáo dục công nhân, viên chức hiện nay là **giáo dục tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa**. *Bằng mọi hình thức tuyên truyền, giáo dục thích hợp và sinh động, các tổ chức công đoàn cần phát động, xây dựng và không ngừng nâng cao tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức, làm cho tư tưởng làm chủ tập thể trở thành* **động lực mạnh mẽ thúc đẩy** *phong trào cách mạng của công nhân, viên chức hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ.*

Tư tưởng làm chủ tập thể của công nhân, viên chức phải được biểu hiện cụ thể ở thái độ lao động đúng đắn, ý thức tự nguyện tự giác chấp hành kỷ luật lao động, ý thức tiết kiệm nghiêm ngặt vật tư, tận dụng công suất máy móc, thiết bị; ở thái độ tôn trọng và bảo vệ vật tư, tài sản của cơ quan, xí nghiệp; kiên quyết đấu tranh chống mọi hiện tượng sai trái trong lao động, sản xuất. Mặt khác, tư tưởng làm chủ tập thể phải biểu hiện ở thái độ tích cực tham gia xây dựng và cải tiến công tác quản lý của cơ quan, xí nghiệp; gương mẫu chấp hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào cách mạng chung của nhân dân ở địa phương. Cần phát động một phong trào có tính chất quần chúng đấu tranh chống các hiện tượng hư hỏng, tiêu cực trong lao động sản xuất, trong quản lý, trong đời sống.

Để phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, không những phải coi trọng việc giáo dục, xây dựng tư tưởng làm chủ mà còn phải **bồi dưỡng năng lực làm chủ**. *Công đoàn cần chăm lo giáo dục và tạo mọi điều kiện cho công nhân, viên chức nâng cao mọi mặt trình độ chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, nắm được những kiến thức cơ bản về quản lý, rèn luyện tư tưởng, tác phong đại công nghiệp.* ***Một*** *mặt rất quan trọng nữa là công đoàn cần phối hợp với cơ quan Nhà nước, có những biện pháp tổ chức* **bảo đảm** cho công nhân, viên

Digitized by Google

chức thật sự có quyền làm chủ tập thể *trong sản xuất, trong quản lý cũng như trong phân phối.*

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa *là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Giai cấp công nhân vừa là lực lượng lãnh đạo vừa là lực lượng quyết định đối với việc thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.* Hợp tác hóa nông nghiệp, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa *là nhiệm vụ to lớn của cả hai giai cấp công nhân và nông dân. Trong những năm trước mắt,* phát triển sản xuất nông nghiệp *lại là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vì vậy,* nhiệm vụ quan trọng nhất, nhiệm vụ thường xuyên của giai cấp công nhân hiện nay là dấy lên một phong trào cách mạng sâu rộng, sôi nổi, đều khắp, thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, tăng năng suất lao động, phục vụ đắc lực nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp. *Làm tốt những nhiệm vụ ấy không những để đáp ứng những yêu cầu bức thiết của cách mạng hiện nay mà còn để thiết thực củng cố và tăng cường liên minh công nông, phát huy quyền làm chủ tập thể của công nông. Tổ chức công đoàn các cấp cần làm cho đội ngũ công nhân, viên chức nhận thức sâu sắc về những nhiệm vụ ấy để mỗi đơn vị, mỗi người có kế hoạch, biện pháp phục vụ tích cực nhất tùy theo nhiệm vụ sản xuất và công tác cụ thể của mình.*

Mặt khác, cần nhận rõ phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa là phong trào cách mạng rộng lớn nhất, tập trung nhất của giai cấp công nhân trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thi đua là quy luật phát triển của chủ nghĩa xã hội, là biện pháp có tính tổng hợp để tiến hành ba cuộc cách mạng, nhằm đưa nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thi đua còn là tình cảm cách mạng, là hành động biểu hiện cụ thể của tư tưởng làm chủ tập thể của những người lao động và cũng là điều kiện để giai cấp công nhân phát huy vai trò tiên phong lãnh đạo và bản chất cách mạng của mình. Vì vậy tổ chức công đoàn các cấp cần thường xuyên chăm lo tổ chức, động viên công nhân, viên chức ra sức thi đua lao động xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu của phong trào thi đua trong công nhân, viên chức là: «năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều» nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất và kế hoạch công tác.

Muốn có phong trào thi đua sôi nổi, mạnh mẽ, liên tục, công đoàn không những phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng *trong công nhân, viên chức, mà còn phải phối hợp với cơ quan chính quyền cố gắng* chuẩn bị đến mức cao nhất những điều kiện vật chất, kỹ thuật cần thiết cho lao động, sản xuất; tổ chức tốt đời sống, bảo đảm những

Digitized by Google

quyền lợi chính đáng của người lao động và cải thiện điều kiện lao động *cho công nhân, viên chức, phải* khéo kết hợp các biện pháp chính trị và kinh tế, giáo dục và hành chính, tư tưởng và tổ chức, *đồng thời* gắn liền việc vận động thi đua với việc vận động công nhân, viên chức tham gia xây dựng và cải tiến quản lý xí nghiệp, cơ quan.

Cùng với những nhiệm vụ nói trên, các tổ chức công đoàn còn có nhiệm vụ động viên, tổ chức mọi người lao động tích cực tham gia công cuộc hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, triệt để chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Mọi phong trào thi đua đều là kết quả tổng hợp của những hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản. *Đó không chỉ là trách nhiệm của tổ chức công đoàn mà là trách nhiệm chung của tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền và các tổ chức quần chúng khác. Dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, các tổ chức chính quyền và các tổ chức quần chúng khác cần phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn, có những biện pháp cụ thể, hướng mọi cố gắng của mình vào việc thúc đẩy phong trào.*

★

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, suốt trong mấy chục năm nay, giai cấp công nhân Việt-nam đã luôn luôn xứng đáng là giai cấp tiên phong lãnh đạo, đi đầu trong việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, giai cấp công nhân Việt-nam cần tiếp tục nêu cao vai trò tiên phong lãnh đạo và bản chất cách mạng tốt đẹp của mình, cùng toàn dân phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, *trước mắt là phấn đấu* thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1978 và kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980, *tạo điều kiện đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.*

Digitized by Google

LÀM CHỦ TẬP THỂ LÀ BẢN CHẤT VÀ BẢN LĨNH CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN (*)

LÊ-DUẨN

Thưa các đồng chí thân mến,

THAY mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu từ khắp các địa phương, các ngành về dự Đại hội lần thứ IV của Công đoàn Việt-nam, và nhờ các đồng chí chuyển đến giai cấp công nhân và toàn thể anh chị em lao động trong nước lời thăm hỏi ân cần và thân thiết của Trung ương Đảng.

Tôi xin gửi tới các đại biểu quốc tế lời chào anh em nồng nhiệt, lời chào đoàn kết chiến đấu của Đảng cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam.

Đại hội Công đoàn chúng ta là hình ảnh đẹp đẽ của đội ngũ giai cấp công nhân thống nhất, của tổ chức Công đoàn thống nhất trong một nước Việt-nam thống nhất, thành quả của ngót nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân ta.

Ngót nửa thế kỷ qua là một thời kỳ vô cùng sôi động và hào hùng của cách mạng Việt-nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam và của Hồ Chủ tịch. Đó là một quá trình chiến đấu liên tục, với những cao trào cách mạng, những cuộc khởi nghĩa từng phần nối tiếp nhau, dẫn đến thắng lợi huy hoàng của Cách mạng tháng Tám, với hai cuộc kháng chiến thần kỳ, hết chống thực dân

(*) Bài nói tại Đại hội lần thứ IV của Công đoàn Việt-nam.

Digitized by Google

Pháp đến chống đế quốc Mỹ, ròng rã ba mươi năm, kết thúc vẻ vang bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Thắng lợi lịch sử này đã quét sạch quân xâm lược Mỹ, dập tan chế độ phản động tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, đưa tới việc thống nhất nước nhà và cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, mở ra một kỷ nguyên mới rạng rỡ nhất trong lịch sử dân tộc ta. Đồng thời nó giáng một đòn hết sức nghiêm trọng vào tên đế quốc đầu sỏ, phá vỡ một chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần tạo ra một thay đổi mới trong lực lượng so sánh trên thế giới, tác động sâu sắc đến xu thế và tiến trình cách mạng của thời đại.

Chúng ta giành được thắng lợi vĩ đại như ngày nay là nhờ có một dân tộc anh hùng, một Đảng anh hùng và một giai cấp công nhân anh hùng.

Nhìn lại chặng đường đã đi qua, chúng ta vô cùng tự hào về giai cấp công nhân nước ta, một giai cấp luôn luôn đứng ở mũi nhọn của cuộc chiến đấu trong tất cả các thời kỳ, một giai cấp mà bản chất cách mạng càng tỏ rõ hơn bao giờ hết khi con thuyền cách mạng gặp bước hiểm nghèo, hoặc khi đất nước đương đầu với những thử thách nghiêm trọng, phải vật lộn với những khó khăn chưa từng thấy.

Chúng ta tự hào về giai cấp công nhân Việt-nam, một đội ngũ tương đối nhỏ bé buổi đầu, đã lớn lên cùng với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, trước sau vẫn đứng ở trung tâm các sự kiện lịch sử của đất nước, và có vinh dự lớn lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai đế quốc to, cả đế quốc thực dân cũ và đế quốc thực dân mới.

Ba năm nay, một trang sử mới của Tổ quốc ta đã bắt đầu với quy mô ngày càng mở rộng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, với cao trào đấu tranh cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh, từng bước hợp tác hóa nông nghiệp và cải tạo các thành phần kinh tế khác ở miền Nam.

Với niềm phấn khởi và quyết tâm lớn, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta đã biểu thị ý chí cách mạng rất cao, tiếp tục chịu đựng những khó khăn thiếu thốn sau chiến tranh, dấy lên phong trào thi đua rộng lớn, nhằm nhanh chóng hàn gắn các vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước, làm nảy nở nhiều nhân tố mới trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, trong xây dựng và cải tạo kinh tế. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân,

Digitized by Google

đội ngũ giai cấp công nhân, cũng như tổ chức Công đoàn không ngừng lớn lên về mọi mặt.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giai cấp công nhân Việt-nam đã làm tròn một cách xuất sắc sứ mệnh trọng đại đối với đất nước là nhờ đã tạo được một sức mạnh chiến đấu tổng hợp cực kỳ to lớn. Dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối đúng đắn của Đảng, giai cấp công nhân Việt-nam đã phát huy bản chất cách mạng của mình, kế thừa truyền thống quật cường rất mãnh liệt của dân tộc và xây dựng được khối liên minh chiến đấu vững chắc với nông dân lao động, kết hợp tinh hoa của dân tộc với tư tưởng của thời đại, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế chân chính, gắn liền sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp cách mạng vô sản, và trở thành người tiêu biểu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Vận dụng bài học thắng lợi đó, phát huy truyền thống vẻ vang của giai cấp, nhận thức sâu sắc vai trò của người làm chủ nước nhà, nhất định giai cấp công nhân nước ta sẽ nâng mình lên ngang tầm của nhiệm vụ mới, làm tròn nghĩa vụ lịch sử trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thưa các đồng chí thân mến,

DƯỚI ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tổng kết thực tiễn cách mạng nước ta và tham khảo kinh nghiệm các nước anh em, Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là:

« Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, xây dựng thành công Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của

Digitized by Google

nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội».

Điều quan trọng nhất trong đường lối của Đảng, sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là xây dựng và phát huy chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện bước nhảy vọt vĩ đại nhất của lịch sử dân tộc, sự đổi mới sâu xa nhất của chế độ xã hội, của nền kinh tế xã hội, và sự vươn lên cao đẹp nhất của mỗi con người.

Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là bản chất chung, nhất quán của chế độ mới, nằm trong cơ chế của xã hội mới. Trong chế độ làm chủ tập thể, mọi người lao động không thụ động tiếp nhận và hưởng thụ các quyền dân chủ từ một quyền lực bên ngoài nào mang đến, mà tự giác và chủ động đóng vai người làm chủ thật sự về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhân dân lao động tự mình thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình bằng một cơ cấu tổ chức hợp lý, bằng một chế độ sản xuất và phân phối hợp lý, bằng những phong trào cách mạng liên tục, sôi nổi của hàng chục triệu người. Chế độ làm chủ tập thể thực hiện trong cả nước, trong từng địa phương, từng cơ sở, gắn chặt làm một lợi ích của cá nhân với lợi ích của tập thể và của toàn xã hội. Đối với mỗi con người, chế độ làm chủ tập thể bảo đảm sự phát triển toàn diện nhất, những quyền lợi đầy đủ nhất đi đôi với những nghĩa vụ cao cả mà mọi người phải làm tròn.

Là mục đích đồng thời là động lực của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, chế độ làm chủ tập thể được xác lập ngay từ đầu và không ngừng hoàn chỉnh, ngày càng thấm vào mọi lĩnh vực hoạt động, ngày càng thể hiện trong mọi quan hệ xã hội, dần dần trở thành ý thức tự nhiên thường trực và lối sống hằng ngày của mỗi con người.

Làm chủ tập thể là bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân, người tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến và cho chế độ xã hội mới. Tuy nhiên, giai cấp công nhân mà đội ngũ đã và đang phát triển nhanh chóng, cũng bị nhiễm những tư tưởng không vô sản mà phổ biến là nếp nghĩ, lề thói, tác phong của người sản xuất nhỏ. Quá trình xây dựng chế độ làm chủ tập thể là quá trình giai cấp công nhân tự cải tạo mình, gột rửa những biểu hiện trái với đạo đức, tác phong của giai cấp, trau dồi, phát huy bản chất cách mạng vốn có của mình và không ngừng rèn luyện, nâng cao và phát triển phẩm chất tốt đẹp của con người trong xã hội mới. Đó cũng là quá trình giai cấp công nhân cải tạo và bồi dưỡng các giai cấp, các tầng lớp lao động khác theo hình ảnh của mình. Vai trò

Digitized by Google

lãnh đạo và sứ mệnh tiên phong của giai cấp công nhân được tỏ rõ ở chỗ giai cấp công nhân phải là mẫu mực về ý thức và năng lực làm chủ tập thể, tự mình làm chủ tập thể trước nhất và tốt nhất, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các giai cấp, các tầng lớp lao động khác xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ **quyền làm chủ tập thể của nhân dân thực hiện chủ yếu bằng Nhà nước, đồng thời bằng các đoàn thể quần chúng.** Làm chủ bằng Nhà nước, giai cấp công nhân cũng như nhân dân lao động nói chung có trong tay mình toàn bộ lực lượng lao động xã hội, tất cả tài nguyên của đất nước, các công cụ lao động, vật tư, tiền vốn... và có một cơ quan quyền lực đầy đủ nhất để tổ chức sản xuất, quản lý nền kinh tế quốc dân, phân phối của cải vật chất và văn hóa. Làm chủ bằng Nhà nước thì quyền lợi, nghĩa vụ của công dân, phương thức và trách nhiệm quản lý xã hội đều được pháp luật hóa. Giai cấp công nhân phải ra sức xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một Nhà nước vừa thể hiện sự lãnh đạo của Đảng, vừa thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân, là công cụ làm chủ tập thể của người lao động. Chỉ có bằng một Nhà nước do chính nhân dân tổ chức nên, thì ý chí của nhân dân mới hóa thành sức mạnh có tổ chức và có hiệu lực trên quy mô toàn xã hội.

Giai cấp công nhân làm chủ bằng Nhà nước đồng thời làm chủ bằng công đoàn. Nhà nước và công đoàn đều là tổ chức của giai cấp công nhân, đều nhằm mục đích chung là xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động; nhưng mỗi tổ chức thực hiện mục đích đó theo chức năng riêng của mình.

Nhà nước và công đoàn quan hệ chặt chẽ với nhau, phối hợp ăn khớp với nhau trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới. Công đoàn phải nói tiếng nói của công nhân và tiêu biểu sự nhất trí giữa công nhân với Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước phải thật sự tôn trọng tiếng nói của công đoàn, coi đó là tiếng nói của quần chúng công nhân. Đối với những vấn đề kinh tế, kỹ thuật, kỷ luật trong sản xuất, những vấn đề về chính trị, xã hội và đời sống của công nhân, Nhà nước cần quy định chế độ quan hệ giữa các cấp công đoàn và các cấp chính quyền, bảo đảm cho công đoàn nói được tiếng nói của công nhân, đồng thời thể hiện được công đoàn là người nối liền công nhân với Nhà nước. Cần nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi Luật công đoàn, để bảo đảm phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, lao động.

Ý thức và năng lực làm chủ tập thể của giai cấp công nhân được thể hiện đầy đủ nhất và có tác dụng quyết định trong **cao trào**

Digitized by Google

lao động sản xuất để xây dựng nền kinh tế mới, cải tiến quan hệ sản xuất, tổ chức lại nền sản xuất, phát triển lực lượng sản xuất. Giai cấp công nhân phải nêu cao trước toàn dân một tấm gương lao động làm nức lòng người, có sức hấp dẫn, lôi cuốn toàn thể nhân dân lao động sôi nổi, hăng hái tiến quân vào mặt trận sản xuất.

Lao động là lẽ sống, lương tri và phẩm giá con người, là tiêu chuẩn số một của người làm chủ tập thể. Lao động là nguồn gốc, là cơ sở để cải thiện từng bước đời sống của nhân dân, để tạo tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Kết quả lao động được tính từng phút. Lãng phí lao động, chây lười và dối trá trong lao động là phản lại lợi ích của giai cấp và dân tộc. Bất cứ thái độ, việc làm của kẻ nào thiếu nhiệt tình với lao động đều phải được phê phán nghiêm khắc. Bất cứ chính sách, thủ tục nào hạn chế phong trào lao động đều phải được sửa đổi kịp thời. Mọi sáng kiến trong lao động, sản xuất đều phải được trân trọng và cổ vũ.

Mọi người đều có quyền lao động và phải lao động, đồng thời đều có quyền hưởng thụ theo khả năng lao động, đó là khẩu hiệu của chúng ta.

Siết chặt kỷ luật, nắm vững kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một. Kỷ luật lao động chặt chẽ là đạo đức và lương tâm của người thợ. Kỹ thuật là vũ khí, là tài năng của người thợ. Năng suất lao động cao là nguyện vọng, là lý tưởng của người thợ. Nêu cao kỷ luật, nắm vững kỹ thuật, để đạt các tiêu chuẩn, định mức tiên tiến, để có năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều, đó là sự nghiệp của người thợ.

Cùng với kỷ luật lao động, phải rèn luyện tác phong công nghiệp, chính xác, khẩn trương, dứt khoát. Giai cấp công nhân và công đoàn phải tiến hành một cuộc đấu tranh bền bỉ và kiên quyết từng ngày, từng giờ, chống tư tưởng và thói quen sản xuất nhỏ: lơi lỏng kỷ luật, tùy tiện, tản mạn, gặp dâu hay dó, đại khái qua loa, chậm chạp lề mề, lơ là tắc trách...

Là người làm chủ tập thể toàn xã hội, gắn bó suốt đời với xí nghiệp, công nhân phải coi «xí nghiệp là nhà, công nhân là chủ». Lợi ích trước mắt cũng như lâu dài của người công nhân hòa hợp làm một với lợi ích chung và tiền đồ của xí nghiệp. Công nhân có nghĩa vụ cùng với Nhà nước trực tiếp quản lý xí nghiệp, cùng với Nhà nước chịu trách nhiệm về các mặt sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp. Công nhân phải sử dụng tiết kiệm vật tư, nguyên liệu, bảo quản tốt máy móc, phương tiện, tận dụng công suất thiết bị, làm ra nhiều giá trị sử

Digitized by Google

dụng, đáp ứng đúng nhu cầu xã hội và đạt hiệu quả kinh tế cao. Tiếng nói của công nhân và công đoàn phải được tôn trọng, được phản ánh trong kế hoạch sản xuất, trong các hoạt động kinh tế tài chính của xí nghiệp, làm cho mỗi xí nghiệp thật sự trở thành một pháo đài của chủ nghĩa xã hội, trong đó chiến sĩ xung kích là người công nhân làm chủ tập thể.

Đi đôi với các hoạt động sản xuất, giai cấp công nhân cùng với Nhà nước và công đoàn phải tổ chức một kiểu phân phối mới tiêu biểu cho đời sống của chế độ làm chủ tập thể. Ngoài tiền lương, tiền thưởng dựa trên nguyên tắc «phân phối theo lao động», phải coi trọng mở rộng phúc lợi tập thể và phúc lợi xã hội trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm săn sóc, giúp đỡ tận tình những người đau yếu, già cả, nuôi dạy chu đáo các trẻ em. Đời sống của từng gia đình công nhân, từng xí nghiệp phải gắn liền với đời sống chung của tỉnh, thành, quận, huyện, phường, xã, làm cho đời sống riêng và đời sống chung, cá nhân và tập thể, tập thể và xã hội kết hợp hài hòa với nhau.

Đồng thời với việc ra sức hoàn thành nhiệm vụ trực tiếp của mình trong công nghiệp, giai cấp công nhân cần có những cố gắng rất lớn phối hợp cùng giai cấp nông dân tập thể và nông dân lao động cả nước tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trên mặt trận nông nghiệp, mặt trận sản xuất quan trọng hàng đầu hiện nay của nước ta, nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đi đôi với xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật cho nông nghiệp, đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân cần phát triển các quan hệ kinh tế với nông dân và những người lao động khác, nêu ra những mẫu mực về tổ chức sản xuất, về kỹ thuật và quản lý, về kỷ luật và phong cách lao động. Thông qua Đảng của mình, giai cấp công nhân hướng dẫn, giúp đỡ nông dân xây dựng nền kinh tế mới, từng bước nâng ý thức và trình độ làm chủ của nông dân lên lập trường và trình độ làm chủ của giai cấp công nhân, làm cho hai giai cấp thật sự là nòng cốt của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, nước ta phải coi **cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm.** Điều có ý nghĩa quyết định ở đây là phải bằng mọi cách tạo ra cho được một nguồn tích lũy tới mức cần thiết, đào tạo cho được một đội ngũ công nhân và cán bộ kỹ thuật đồng bộ về ngành, nghề, thành thạo trong sản xuất, nhiệt tình trong lao động.

Digitized by Google

Là quân chủ lực của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân phải đi tiên phong thực hiện cách mạng khoa học – kỹ thuật trong từng nhà máy và trong các ngành công nghiệp, bắt đầu từ việc nghiêm chỉnh tôn trọng các tiêu chuẩn, định mức kinh tế, các quy trình, quy phạm kỹ thuật, đến việc vận dụng thành quả khoa học và tiến bộ kỹ thuật hiện đại. Từ đó giai cấp công nhân tỏa rộng tác dụng của cách mạng khoa học – kỹ thuật trên quy mô rộng lớn của cả nền kinh tế quốc dân.

Mỗi người thợ phải tự hào về nghề nghiệp của mình, phấn đấu trở thành thợ giỏi, tiến đến đạt trình độ diêu luyện, sáng tạo những phương pháp mới, lập những kỷ lục mới, vươn lên đạt những tiêu chuẩn quốc tế trong từng ngành, nghề, làm cho sản phẩm của nước ta ngày càng nhiều để đáp ứng nhu cầu trong nước và ngày càng có uy tín trên thị trường thế giới.

Thiết bị, vật tư còn có thể nhập từ nước ngoài, nhưng thợ thì phải hoàn toàn là người của chúng ta, là người thợ Việt-nam. Mỗi người thợ giỏi phải dìu dắt, kèm cặp, đào tạo thêm nhiều thợ giỏi khác. Công đoàn đảm nhận trọng trách trong việc bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ công nhân cần cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Cuộc sống, nghề nghiệp và sự trưởng thành của người công nhân suốt đời gắn bó với nhà máy. Công đoàn phải theo dõi, chăm lo cho sự trưởng thành đó. Công đoàn phải phát động trong giai cấp công nhân và anh chị em lao động phong trào học văn hóa, học khoa học – kỹ thuật, rèn luyện tay nghề, vươn lên làm chủ các ngành kinh tế – kỹ thuật, chiếm lĩnh những đỉnh cao của khoa học – kỹ thuật hiện đại, nhất là dày công đi sâu vào những ngành công nghiệp mới mà nước ta đã và sẽ xây dựng.

Xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới là ngày hội cách mạng của quần chúng, là quá trình nảy nở và trưởng thành của *con người mới, xã hội chủ nghĩa*. Giai cấp công nhân phải nỗ lực rèn luyện mình để sớm trở thành điển hình đẹp đẽ của con người mới.

Người công nhân Việt-nam phải là người lao động có đầy đủ ý thức và năng lực làm chủ tập thể. Người công nhân phải lao động với tất cả nhiệt tình cách mạng, với tất cả lương tâm nghề nghiệp, với thái độ luôn luôn nghiêm túc giữ vững kỷ luật trong lao động, bảo đảm kỹ thuật trong sản xuất, với ý thức không ngừng vươn lên phía trước, ra sức học hỏi nâng cao trình độ hiểu biết về kỹ thuật, khoa học để làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội. Bằng lao động sáng tạo của mình, cùng với bàn tay khéo léo, khối óc thông minh của nhân dân ta, với tài nguyên phong phú của đất nước, giai cấp

Digitized by Google

công nhân và nhân dân lao động nước ta phải tạo nên và nhất định sẽ tạo nên những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xứng đáng với truyền thống quật cường của dân tộc anh hùng.

Người công nhân Việt-nam là người có tình thương thắm thiết đối với những anh chị em cùng giai cấp và đối với đồng bào lao động cùng chung sự nghiệp xây dựng đất nước. Tình thương đó là kết tinh của lý tưởng cao cả, lý trí sáng suốt, tình cảm trong trẻo của giai cấp tiên phong. Tình thương đó tạo ra sự cảm thông với tập thể rộng lớn, giúp xác lập quan điểm toàn cục và tinh thần trách nhiệm chung, khiến cho người công nhân không chỉ làm việc vì đồng lương và cuộc sống của bản thân và gia đình, mà biết đem thành quả lao động hiến dâng cho sự nghiệp cách mạng, cho thế hệ ngày nay và các thế hệ mai sau. Tình thương đó nâng cao ý nghĩa và hạnh phúc của cuộc sống, khiến cho người công nhân được vui những niềm vui lớn của đất nước, và biết lo trước những khó khăn chung của giai cấp và dân tộc.

Người công nhân Việt-nam là người biết xây dựng những quan hệ xã hội mới, dựa trên cơ sở lao động và tình thương giữa người với người, trên mọi lĩnh vực hoạt động và ở khắp mọi nơi, khi sản xuất, học tập và khi vui chơi, giải trí, tại xí nghiệp, ở nơi công cộng, cũng như trong gia đình.

Người công nhân Việt-nam có lòng yêu nước nồng nàn, đồng thời có tinh thần quốc tế vô sản cao cả, xóa bỏ mọi kỳ thị dân tộc, mọi biểu hiện của đầu óc dân tộc hẹp hòi, «sô vanh» nước lớn. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa chúng ta càng phải giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phải nêu cao ý chí tự lực, tự cường và lòng tự hào dân tộc, ra sức xây dựng nền kinh tế nước nhà thành một nền kinh tế độc lập, tự chủ, phồn vinh, đồng thời trên cơ sở đó tham gia thực hiện phân công, hợp tác quốc tế ngày càng rộng rãi, làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình.

Thưa các đồng chí thân mến,

MUỐN cho giai cấp công nhân làm tròn sứ mệnh đội quân tiên phong trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng chế độ làm chủ tập thể thì công đoàn phải thực hiện chức năng là **trường học về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, trường học làm chủ tập thể của giai cấp công nhân.**

Digitized by Google

Công đoàn phải tập trung cố gắng làm tốt những nhiệm vụ sau đây:

Nhiệm vụ hàng đầu và thường xuyên của công đoàn là giáo dục nâng cao ý thức, năng lực và trách nhiệm làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa cho công nhân, làm cho tư tưởng làm chủ tập thể trở thành động lực thúc đẩy phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và anh chị em lao động.

Nhiệm vụ quan trọng nhất của công đoàn là tổ chức, động viên công nhân, viên chức ra sức thi đua lao động, sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm mục tiêu: nâng cao năng suất lao động, bảo đảm chất lượng sản phẩm, thực hành tiết kiệm, nhất là tiết kiệm nguyên, vật liệu, hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước và góp phần thúc đẩy việc cải tiến quản lý. Thi đua lao động là một vấn đề nằm trong quy luật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công nhân phải nêu cao ngọn cờ thi đua xã hội chủ nghĩa, coi thi đua là nhiệm vụ thường xuyên của mình, lấy đó làm thước đo trình độ giác ngộ, năng lực, trách nhiệm làm chủ tập thể của mỗi người.

Công đoàn phải cùng với Nhà nước xây dựng và hoàn thiện các chính sách, chế độ quản lý và điều quan trọng hơn là phải kiểm tra, giám sát các cơ quan Nhà nước thi hành các chính sách, chế độ ấy để bảo đảm quyền làm chủ tập thể của người lao động đã được pháp luật quy định, để giúp cơ quan Nhà nước, cán bộ Nhà nước thi hành đúng đắn pháp luật, để ngăn ngừa và loại trừ các hành vi xâm phạm đến lợi ích và quyền làm chủ của công nhân, lao động.

Công đoàn có trách nhiệm chăm lo tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của công nhân, lao động. Trong tình hình đời sống trước mắt có khó khăn, công đoàn phải cùng với Nhà nước có những cố gắng rất cao để lo cho bữa ăn, chỗ ở của công nhân, làm tốt việc bảo hộ lao động, và đáp ứng từng bước những nhu cầu khác về điều kiện sinh hoạt và lao động của công nhân.

Để làm cho công đoàn thật sự trở thành trường học làm chủ tập thể của công nhân, lao động, góp phần làm cho giai cấp công nhân trưởng thành về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì vấn đề cơ bản nhất hiện nay là phải ra sức xây dựng công đoàn vững mạnh.

Công đoàn phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ đông đảo, lớn lên từ phong trào cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa, từ những công nhân trực tiếp sản xuất, từ những cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật ở cơ sở. Cán bộ công đoàn phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, phải hiểu sản xuất, hiểu kỹ thuật, hiểu quản lý kinh tế.

Digitized by Google

Công đoàn phải kiên quyết bài trừ chủ nghĩa quan liêu, phản đối cách làm việc theo lối công chức. Cán bộ công đoàn không phải là cán bộ bàn giấy mà phải là những cán bộ hoạt động quần chúng, những nhà tổ chức thực tiễn. Phải thông qua hoạt động thực tiễn trong sản xuất và đời sống mà sáng tạo ra nhiều hình thức tổ chức và hoạt động phong phú để công nhân trực tiếp làm chủ ở cơ sở sản xuất và ở từng địa phương. Phải xuống cơ sở, phải đến tận nơi sản xuất, đến công trường, nông trường, nhà máy, hầm mỏ, tiếp xúc với anh chị em công nhân, lao động để hiểu công tác và đời sống, nguyện vọng và nhu cầu của anh chị em, để cùng với công nhân, với công đoàn cơ sở, với các ngành tìm biện pháp giải quyết.

Phải gắp nút nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động của cả hệ thống tổ chức công đoàn, trước hết là các công đoàn cơ sở. Cuộc sống là ở cơ sở, cách mạng là ở cơ sở, của cải vật chất và của cải tinh thần sáng tạo ra là ở cơ sở. Công nhân và công đoàn xây dựng kế hoạch và tổ chức phong trào cách mạng, phong trào thi đua thực hiện kế hoạch cũng là ở cơ sở. Nếu phong trào ở cơ sở vững vàng thì nhất định sẽ loại trừ được các biểu hiện tiêu cực. Phải dựa vào phong trào công nhân ở cơ sở mà tăng cường tổ chức Đảng, củng cố chính quyền, phát hiện nhân tài, bồi dưỡng cán bộ chẳng những cho cơ sở mà cho phong trào công đoàn, cho cả nước. Vì vậy, xây dựng công đoàn cơ sở là điều rất quan trọng. Việc xây dựng các công đoàn cấp trên, công đoàn ngành cũng như Liên hiệp công đoàn địa phương phải nhằm phục vụ cho hoạt động của công đoàn cơ sở.

Thưa các đồng chí thân mến,

Từ khi ra đời đến nay, nhận lãnh sứ mệnh của giai cấp và dân tộc giao phó, Đảng cộng sản Việt-nam đã lãnh đạo nhân dân hoàn thành sự nghiệp thiêng liêng giải phóng dân tộc, đưa đất nước tiến lên con đường văn minh, hạnh phúc. Đảng lãnh đạo tức là giai cấp công nhân lãnh đạo, bởi vì Đảng là bộ não, là linh hồn, là bộ tham mưu của giai cấp công nhân. Quan hệ giữa Đảng và giai cấp công nhân là quan hệ máu thịt ; và cả Đảng và giai cấp lại gắn bó hữu cơ với nhân dân, với dân tộc, tất cả là một cơ thể thống nhất, vững mạnh.

Trong chặng đường cách mạng đã qua, Đảng rất tin yêu và tự hào về giai cấp công nhân Việt-nam và giai cấp công nhân cũng rất tự hào và yêu mến Đảng tiên phong của mình. Trong giai đoạn mới

Digitized by Google

của cách mạng, Đảng quyết nâng cao sức chiến đấu, giữ vững bản chất cách mạng và khoa học để làm tròn nghĩa vụ trọng đại trước lịch sử, luôn luôn xứng đáng với lòng tin yêu của giai cấp, của dân tộc. Đảng lớn mạnh thì giai cấp công nhân sẽ không ngừng lớn mạnh; ngược lại, giai cấp càng trưởng thành, càng được tôi luyện thì Đảng càng cường tráng, vững vàng. Cùng với sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà, giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn sẽ trở thành một đội ngũ đông đảo, khỏe mạnh và sẽ bổ sung cho Đảng những nguồn sinh lực mới. Giai cấp công nhân hãy coi đó là một vinh dự; hãy xứng đáng hơn nữa với niềm tin yêu của Đảng và của nhân dân!

Đại hội này là sự biểu dương ý chí và lực lượng của giai cấp công nhân tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kết quả của Đại hội phải trở thành một động lực thúc đẩy phong trào thi đua của giai cấp công nhân, phát huy những nhân tố mới, khai thác những tiềm năng to lớn, khắc phục các khó khăn, xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ quan trọng đã được vạch ra trong nghị quyết lịch sử của Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết hội nghị lần thứ hai, lần thứ ba của Trung ương Đảng, thi hành đầy đủ nhất Hiến pháp mới. Hiến pháp xã hội chủ nghĩa của cả nước mà Nhà nước ta sẽ ban bố.

Trung ương Đảng tin chắc giai cấp công nhân sẽ luôn luôn đi đầu trong mọi phong trào cách mạng, góp phần quan trọng nhất hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 – 1980).

Toàn thể anh chị em công nhân, lao động hãy hăng hái tiến lên lập thành tích xuất sắc nhất chào mừng Đảng ta tròn 50 tuổi vào năm 1980!

Với niềm tin đó, tôi chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC — KỸ THUẬT TRONG NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA

VÕ - NGUYÊN - GIÁP

Lời Bộ biên tập : *Ngày 29-3-1978, tại Hội nghị khoa học — kỹ thuật toàn quốc lần thứ II phục vụ nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, đồng chí Võ-Nguyên-Giáp, Ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, đã phát biểu một số ý kiến quan trọng. Bài viết này thể hiện nội dung chủ yếu những ý kiến đồng chí Võ-Nguyên-Giáp đã phát biểu tại Hội nghị nói trên.*

ĐẠI hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra nhiệm vụ *tập trung cao độ lực lượng của cả nước, của các ngành, các cấp, tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp.* Nhiệm vụ đó đã được cụ thể hóa trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng. Đại hội Đảng cũng đã đề ra nhiệm vụ phát triển khoa học và kỹ thuật nhằm phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng; khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật phải phấn đấu để sau ba — bốn kế hoạch 5 năm tạo được một nền khoa học kỹ — thuật hiện đại cho đất nước, trước mắt phải giải quyết những vấn đề đặt ra trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp...

Rõ ràng, đối với khoa học — kỹ thuật, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp đặt ra những yêu cầu hết sức to lớn và khẩn trương. Do đó, đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta là một đòi hỏi tất yếu.

I

MẤY VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC — KỸ THUẬT TRÊN MẶT TRẬN NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA

Cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp ở nước ta phải *xuất phát từ đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa* do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra.

Digitized by Google

từ những mục tiêu và nhiệm vụ mà Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã nêu lên cho nông nghiệp. Cuộc cách mạng ấy còn phải xuất phát từ những điều kiện cụ thể của nền nông nghiệp nước ta về kinh tế — xã hội cũng như về tiền đề khoa học — kỹ thuật.

Hiện nay, trong khi làm cách mạng khoa học — kỹ thuật, tiến hành công tác khoa học — kỹ thuật, chưa phải chúng ta đã quán triệt đường lối và Nghị quyết của Đảng, chưa phải đã xuất phát đầy đủ từ những mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế do Đảng đề ra.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra *đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa* trong giai đoạn mới ở nước ta là: « *Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội* ».

Về *đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa*, Đại hội lại nhấn mạnh: « *Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa* ». Ở đây, chúng ta cần đặc biệt chú ý đến nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ là đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, bởi vì làm cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, phát triển vượt bậc nông nghiệp cũng là làm cho nông nghiệp trở thành cơ sở để phát triển công nghiệp, tạo điều kiện để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta chủ trương thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nhưng không phải chúng ta chỉ coi trọng phát triển công nghiệp, hoặc trong bước đi ban đầu thì tập trung phát triển công nghiệp nặng, rồi mới từng bước phát triển nông nghiệp. Đường lối kinh tế của Đảng nêu rõ « *ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công — nông nghiệp; ... làm cho nước Việt-nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc* ». Như vậy, rõ ràng Đảng ta coi công nghiệp và nông nghiệp là hai ngành sản xuất cơ bản trong nền kinh tế xã hội, không tách rời nhau mà kết hợp chặt chẽ với nhau thành một thể thống nhất, thúc đẩy lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển nhịp nhàng. Đây là đường lối kinh tế hết sức đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với quy luật phát triển nội tại của nền sản xuất xã hội nước ta.

Để thực hiện Nghị quyết của Đại hội, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng nêu rõ: « Trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế phải nắm vững *nhiệm vụ hàng đầu* là phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, *giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm*, tạo ra những điều kiện vật

Digitized by Google

chất thuận lợi để thực hiện cùng một lúc *hai yêu cầu cơ bản và cấp bách* là xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân». Hội nghị lần thứ 3 của Trung ương một lần nữa, lại nhấn mạnh: phải nêu cao tinh thần tích cực, chủ động, tự lực tự cường, tập trung lực lượng «thực hiện cho kỳ được nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, trước hết là vấn đề lương thực thực phẩm trong những năm tới của kế hoạch 5 năm».

Đường lối hết sức đúng đắn của Đảng ta đang chỉ đạo có hiệu quả mọi hoạt động của nhân dân ta trên mặt trận nông nghiệp.

Đường lối chung cũng như đường lối kinh tế, phương hướng và nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, những đặc điểm cụ thể và những điều kiện kinh tế — xã hội nước ta... — đó chính là những điều cơ bản quyết định quy luật, vị trí, nhiệm vụ và nội dung của cách mạng khoa học — kỹ thuật mà chúng ta đang ra sức đẩy mạnh trên mặt trận nông nghiệp.

Khác hẳn với các nước có nền kinh tế phát triển, chúng ta tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật trong điều kiện *nền kinh tế nước ta đang từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, điểm xuất phát về kinh tế — xã hội của chúng ta còn thấp; chúng ta còn thiếu sự chi viện của một nền đại công nghiệp cơ khí để thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp; những tiền đề khoa học—kỹ thuật cũng còn ở trong tình trạng mới phát triển bước đầu. Không những thế, chúng ta không đi theo con đường thông thường là phát triển cách mạng khoa học—kỹ thuật trong công nghiệp trước, rồi từ đó mới mở rộng đến nông nghiệp, mà chúng ta lại tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật đồng thời trong công nghiệp và trong nông nghiệp, hiện nay lại tập trung đẩy mạnh cuộc cách mạng ấy trên mặt trận nông nghiệp. Do vậy, chúng ta phải có nghị lực sáng tạo rất lớn, phải nêu cao tinh thần cách mạng tiến công kết hợp với tri thức khoa học, mới có thể khắc phục được những khó khăn, vượt qua được những trở ngại, làm cho cách mạng khoa học — kỹ thuật phát triển đúng hướng, với nhịp độ ngày càng cao, từng bước thực hiện vai trò then chốt của nó trong ba cuộc cách mạng, góp phần đưa nền sản xuất nông nghiệp nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với cơ cấu công — nông nghiệp ngày càng hiện đại.

Chúng ta hoàn toàn có đủ điều kiện để tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng khoa học—kỹ thuật trong nông nghiệp, bởi vì chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản, mà trước hết là chúng ta có đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta. Chúng ta có chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, có nền chuyên chính vô sản, có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa — những cái đó tạo nên sức mạnh tổng hợp vô cùng to lớn và là động lực mạnh mẽ nhất bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung cũng như cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật nói riêng đi đến thắng lợi. Như đồng chí Lê-Duẩn đã nói: «Trong lĩnh vực nông nghiệp, những cái tiến bộ nhất của thời đại là gì?... đó là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, là khoa học về tổ chức lao động và quản lý kinh tế, khoa học thủy lợi, phân bón, giống, công cụ...». Nếu chúng ta biết «đi sâu vào những đỉnh cao đó để từng bước nắm vững và vận dụng», thì nhất định chúng ta có thể đưa nền nông nghiệp lạc hậu của nước ta tiến lên nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta tiến hành cách mạng khoa học—kỹ thuật trong nông nghiệp trong hoàn cảnh *cả nước ta đã hoàn toàn giải phóng và đang tiến lên chủ nghĩa*

Digitized by Google

xã hội. Cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ấy khác hẳn về bản chất xã hội với cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện đang phát triển hết sức mạnh mẽ trong các nước tư bản chủ nghĩa. Ở đó, mọi hoạt động sản xuất xã hội cũng như hoạt động khoa học — kỹ thuật đều phục vụ mục tiêu lợi nhuận ích kỷ và chính sách bành trướng của số ít bọn tư bản lũng đoạn. Ở nước ta, do tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, các mục tiêu của cách mạng khoa học — kỹ thuật đều xuất phát từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, đều nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân lao động, mang lại ấm no và hạnh phúc trước mắt và lâu dài cho nhân dân.

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, cũng như mục tiêu của cách mạng khoa học — kỹ thuật đều rất phù hợp với nguyện vọng sâu xa nhất của nhân dân lao động, phù hợp với yêu cầu cơ bản nhất của nền kinh tế quốc dân. Do đó, chúng ta có những khả năng to lớn để phát huy tài năng, trí tuệ của lực lượng cán bộ khoa học — kỹ thuật, động viên nghị lực sáng tạo của đông đảo quần chúng nông dân lao động và công nhân trong nông nghiệp, làm cho cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trên mặt trận nông nghiệp có điều kiện để phát triển mạnh mẽ và đúng hướng, góp phần xứng đáng đưa nông nghiệp nước ta tiến lên những bước mới.

Cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta phải xuất phát từ những *điều kiện đất nước và con người Việt-nam*, và từ *đặc điểm sản xuất nông nghiệp khác sản xuất công nghiệp*. Nhân dân lao động nước ta vốn có truyền thống lao động cần cù, dũng cảm, bất khuất, thông minh và sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp được tích lũy lâu đời. Nước ta lại được thiên nhiên ưu đãi, có ánh sáng mặt trời quanh năm, cây cỏ xanh tươi bốn mùa, đất đai màu mỡ, biển cả bao la, có nhiều tài nguyên phong phú cả trên mặt đất và trong lòng đất. Mặt khác, thiên nhiên nước ta cũng có mặt khắc nghiệt, đặt ra trước chúng ta nhiều khó khăn cần phải khắc phục. Đó là những đặc điểm về con người, về đất nước, về hệ sinh thái, mà khoa học — kỹ thuật phải đi sâu nghiên cứu nắm cho được quy luật phát sinh và phát triển để xác định phương hướng hành động đúng đắn, nhằm phục vụ công cuộc *xây dựng một nền nông nghiệp nhiệt đới ngày càng hiện đại* trong cả nước nói chung, và trên từng vùng lãnh thổ nói riêng. Chúng ta sẽ đi sâu vào các vấn đề này ở các phần sau.

Sản xuất nông nghiệp với những nét riêng biệt của nó, đòi hỏi cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta, cũng như các nước khác trên thế giới phải quan tâm nghiên cứu. Khác với sản xuất công nghiệp, *sản xuất nông nghiệp diễn ra trong không gian rộng lớn*, rải ra trên đất đai có điều kiện trồng trọt và chăn nuôi khác nhau ở từng vùng, từng địa phương. Đặc điểm này có ảnh hưởng lớn đến việc bố trí sản xuất, phân bố dân cư và phân công lao động trong nông nghiệp, đòi hỏi phải được nghiên cứu để định ra các biện pháp kinh tế — kỹ thuật đối với sản xuất ở từng vùng, từng địa phương.

Trong sản xuất nông nghiệp, *quá trình tái sản xuất kinh tế và quá trình tái sản xuất tự nhiên kết hợp chặt chẽ với nhau, thời gian lao động xen kẽ với thời gian sản xuất*. Như Mác đã từng nói: «...trong lĩnh vực nông nghiệp, quá trình tái sản xuất kinh tế, dù tính chất đặc thù của nó như thế nào chăng nữa, luôn luôn chắng chịt với quá trình tái sản xuất tự nhiên...» (1). Do đó mà sinh ra tính

(1) C. Mác: *Tư bản*, quyển II, tập II, trang 17.

Digitized by Google

thời vụ trong sản xuất nông nghiệp và cả một loạt vấn đề mà khoa học và kỹ thuật phải nghiên cứu và giải quyết như: kết hợp sản xuất chuyên môn hóa với phát triển tổng hợp, phát triển các ngành nghề ở nông thôn, áp dụng những biện pháp khoa học — kỹ thuật để hạn chế đến mức tối thiểu ảnh hưởng của tính thời vụ.

Một đặc điểm nữa trong nông nghiệp là *sử dụng các cây trồng và vật nuôi có quá trình sinh trưởng theo quy luật riêng của chúng, với tư cách là những tư liệu sản xuất đặc biệt.* Các tư liệu sản xuất này được tái sản xuất ra trong bản thân nông nghiệp bằng cách sử dụng trực tiếp sản phẩm thu được (hạt giống, trứng...) ở chu trình sản xuất trước, để làm tư liệu sản xuất ở chu trình sau. Như vậy, việc hoàn thiện một bộ phận quan trọng tư liệu sản xuất được thực hiện trong bản thân nông nghiệp cũng đặt ra hàng loạt vấn đề mà khoa học, kỹ thuật phải tìm hiểu, nghiên cứu, như chọn lựa, lai tạo các giống cây, giống con, v.v...

Từ những đặc điểm trên, chúng ta thấy, sản xuất nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp và ngư nghiệp có liên quan mật thiết với đất đai và các điều kiện thiên nhiên, khí hậu ở từng vùng, từng địa phương. Trong sản xuất nông nghiệp, quá trình lao động của con người liên quan chặt chẽ với quá trình sinh trưởng tự nhiên của các sinh vật, các cây và các con. Trong đó, lao động của con người là hoạt động có ý thức nhằm chủ động tạo ra những điều kiện tốt nhất cho quá trình sinh trưởng của cây trồng và vật nuôi — quá trình tạo ra sản phẩm nông nghiệp. Như vậy, con người, bằng sức lao động của mình, không thể thay thế quá trình phát triển của bản thân giới tự nhiên, mà *kết quả của quá trình lao động phải thông qua quá trình phát triển của sinh vật mới có thể kết tinh lại thành sản phẩm của nông nghiệp.* Nói về vấn đề này, Lê-nin viết: « ...Nói chung, thay thế các lực lượng tự nhiên bằng lao động của con người là không thể được, cũng như không thể thay thế ac-sin bằng put. Và trong nông nghiệp, con người chỉ có thể sử dụng tác động của các lực lượng tự nhiên, nếu nhận thức được tác động của chúng... » (2). Vì vậy trong khi tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, chúng ta phải hết sức coi trọng những đặc điểm nói trên.

Chúng ta tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp *trong lúc trên thế giới cuộc cách mạng ấy đang phát triển rất mạnh mẽ ở* các nước tư bản chủ nghĩa cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa, và cả các nước ở Đông—Nam châu Á. Ngày nay, người ta thường nói đến « cách mạng xanh », « cách mạng trắng », đến nhiều loại cách mạng khác nữa trong nông nghiệp. Những tri thức khoa học — kỹ thuật và những tiến bộ khoa học — kỹ thuật được vận dụng trong nông nghiệp đang có những phát triển rất mới. Các khoa học cơ bản có liên quan đến nông nghiệp như sinh học, di truyền học, sinh thái học, v.v... đang trải qua những bước phát triển nhảy vọt. Chúng ta *phải hết sức chú ý theo dõi và nhanh chóng tiếp thu, nhanh chóng làm chủ những tri thức khoa học, những tiến bộ khoa học — kỹ thuật mới nhất trong nông nghiệp của các nước* để vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thiên nhiên nước ta, thúc đẩy nông nghiệp nước ta phát triển. Đồng thời, chúng ta cũng phải theo dõi các mặt tiêu cực đã xảy ra bởi sự theo đuổi lợi ích trước mắt, bởi những phương hướng không đúng đắn của cách mạng khoa học — kỹ thuật ở một số nước tư bản chủ nghĩa. Hiện nay, người ta ngày càng nói nhiều đến nguy cơ phá hoại sinh thái, ô nhiễm môi trường, đến nạn thiếu nước ngọt sau này, đến những vùng đất đai đang

(2) V. Lê-nin: *Tuyển tập*, bản tiếng Nga, tập 5, trang 103.

Digitized by Google

biến thành sa mạc làm tổn thất trên quy mô lớn đến tiềm năng của các nước và của nhân loại. Trước đây, trong khi nghiên cứu nền văn minh Hy-lạp, Lưỡng-hà và Ba-tư, Mác cũng đã từng nói : « Một nền văn minh nếu phát triển tự phát mà không được hướng dẫn một cách có ý thức sẽ để lại sau mình cả một bãi sa mạc » (3). Với tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, với mục tiêu cao cả phục vụ văn minh và hạnh phúc của con người, cách mạng khoa học — kỹ thuật ở các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có nước ta, đi theo những phương hướng đúng đắn, nhất định tránh được những mặt tiêu cực và nguy hại nói trên.

★

Chúng ta chủ trương phát triển vượt bậc nông nghiệp, đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp với sức mạnh vô cùng to lớn của đông đảo quần chúng nhân dân dưới ánh sáng đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Nhân dân ta hết sức tin tưởng vào đường lối của Đảng, nhận rõ đường lối ấy là rất đúng, rất hay, nhưng về mặt tổ chức thực hiện đường lối đó, thì phần nào còn chưa tin tưởng lắm. Trên thực tế, trong việc tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chúng ta đã làm được nhiều, nhưng chưa tốt lắm, còn có những hiện tượng trì trệ cần được nhanh chóng khắc phục. Chúng ta phải thấy rằng đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng là nhân tố bảo đảm chắc chắn nhất cho thắng lợi của cách mạng. Đường lối đó khi đã thấm sâu vào đông đảo quần chúng sẽ biến thành sức mạnh hành động của mỗi người, của tập thể 50 triệu nhân dân ta, và trên cơ sở đó vấn đề tổ chức thực hiện sẽ được giải quyết tốt. Chính đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng luôn luôn mang sẵn trong mình phương pháp hành động đúng đắn, mang sẵn sức mạnh để giải quyết từng bước các vấn đề tổ chức thực tiễn. Cho nên, sức mạnh to lớn nhất, sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của cách mạng là sức mạnh đường lối của Đảng.

Do bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, theo đường lối của Đảng, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta, như trên đã nói, phải xuất phát từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, phục vụ những yêu cầu của quy luật đó một cách tích cực, chủ động, có hiệu quả. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng vạch rõ : « Việc xây dựng và phát triển nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm mục đích thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và một nền khoa học kỹ thuật hiện đại ».

Trong khi đề ra nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng cũng lại xuất phát từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà đề ra ba mục tiêu là :

1 — Bảo đảm lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội và có lương thực dự trữ.

2 — Cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp...

3 — Tăng nhanh hàng xuất khẩu...

Mục tiêu và nhiệm vụ của cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp hoàn toàn nhất trí với những mục tiêu và nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra cho nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp. Hiện nay, chúng ta đang tập trung lực lượng khoa học — kỹ thuật cả nước để đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật nhằm góp phần tạo ra một bước phát triển vượt bậc trong nông nghiệp, mà trước hết

(3) C. Mác và F. Ăng-ghen : *Toàn tập*, tập 32, trang 45.

Digitized by Google

là giải quyết cho được vấn đề *lương thực, thực phẩm trước mắt và lâu dài*, thực hiện các mục tiêu do Đảng và Nhà nước đề ra.

Nói đến lương thực, thực phẩm là nói đến *vấn đề ăn* của nhân dân ta. Đây là một vấn đề quan trọng hàng đầu mà cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta phải góp phần giải quyết; đây là vấn đề cấp bách đối với chúng ta hiện nay và là vấn đề lâu dài đối với các thế hệ mai sau.

Ăng-ghen đã từng nói: « Mác đã tìm ra cái sự thật giản đơn mà trước kia đã bị một đống tư tưởng che kín mất, là: trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, trước khi có thể lo đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo,... » (4). Như vậy đối với Mác hoạt động cơ bản của con người trước tiên là sản xuất ra của cải vật chất, có cái đó rồi mới nói đến hoạt động văn hóa, khoa học, nghệ thuật... Cho nên, trong suốt quá trình phát triển của lịch sử loài người, từ lúc còn đang sống trong chế độ cộng sản nguyên thủy, mối quan tâm đầu tiên của con người là lo kiếm tất cả những gì có thể ăn được để nuôi sống mình, còn nên ăn cái gì và ăn như thế nào, thì con người lúc đó hầu như chưa nghĩ đến. Cho đến lúc xã hội phân chia thành giai cấp, những kẻ thống trị thì ngày càng thừa ăn, còn nhân dân lao động bị bóc lột thì ngày càng thiếu ăn. Bởi vậy, giai cấp bóc lột không hề quan tâm đến vấn đề ăn của nhân dân lao động.

Đảng ta ngay từ khi ra đời, đã đề ra khẩu hiệu cơm áo và ruộng đất, đã nghĩ tới vấn đề ăn no mặc ấm, vấn đề nhà ở của nhân dân. Bác Hồ thường nhắc nhở chúng ta phải luôn luôn quan tâm đến bữa ăn, đến « tương cà, mắm muối cần thiết cho đời sống hằng ngày của nhân dân ». Hiện nay, trong Nghị quyết của Đại hội và của các Hội nghị Trung ương, Đảng ta lại nhấn mạnh phải giải quyết vấn đề ăn cho nhân dân. Đó là một biểu hiện cực kỳ cao quý, chỉ có trong chế độ xã hội chủ nghĩa mới có được. Đảng ta hết sức chăm lo cho vấn đề ăn của nhân dân, nhưng chúng ta còn làm chưa được tốt lắm.

Bữa ăn, theo những kết luận mới đây của khoa học (khoa học về ăn đến thế kỷ 20 mới ra đời), phải có số lượng và chất lượng. Còn đi vào cơ cấu, thành phần như thế nào, thì ít nhất phải có 5 nhóm: chất đường, chất đạm, chất béo, vi-ta-min, chất khoáng. Khoa học phải đi sâu nghiên cứu vấn đề ăn của nhân dân ta, không những để giải quyết được vấn đề số lượng, mà phải giải quyết cả vấn đề chất lượng, không những giải quyết cho hiện nay mà cho cả mai sau. Chúng ta phải suy nghĩ như vậy và phải làm được như vậy, phải thật sự bắt tay vào làm một cách tích cực để nhanh chóng giải quyết vấn đề ăn cho nhân dân.

Chúng ta giải quyết vấn đề ăn, kể cả cơ cấu bữa ăn như thế nào đây? Trước hết là ăn cho no và phải nghĩ đến ăn cho có chất. Đó là nói về nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể con người. Chúng ta lại phải xuất phát từ khả năng kinh tế và điều kiện tự nhiên của nước ta, của cả nước và phần nào của từng địa phương. Hiện nay trong bữa ăn hàng ngày của chúng ta theo tập quán lâu đời thì gạo phải chiếm một tỷ lệ rất lớn. Nhưng chỉ tính sơ qua thì ai cũng biết rằng với diện tích trồng lúa có hạn, với số dân ngày càng tăng, chúng ta không thể nào bảo đảm có được một tỷ lệ gạo cao như vậy. Trong lúc đó thì khả năng đất đai nước ta về trồng màu rất lớn; mà các loại màu như ngô, khoai, sắn... đều có hàm lượng các chất dinh dưỡng nhất định. Như vậy, một

(4) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 2, trang 198.

Digitized by Google

phương hướng lớn của khoa học và kỹ thuật là phải nghiên cứu để tăng tỷ lệ trồng màu, làm tốt việc chế biến màu. Đương nhiên cũng có khi giải quyết vấn đề bữa ăn bằng cách tăng thêm hàng xuất khẩu để đổi lấy lương thực, thực phẩm; nhưng tốt nhất là chúng ta tự sản xuất được lương thực, thực phẩm, nhất là trong khi tiềm năng tự nhiên của nước ta có đầy đủ điều kiện để làm như vậy.

Giảm bớt tỷ lệ gạo, tăng thêm tỷ lệ các loại màu, là phương hướng quan trọng để giải quyết chất đường trong bữa ăn hằng ngày. Hiện nay do sản xuất lúa gạo gặp khó khăn mấy năm liền, nên bữa ăn của nhân dân ta đã có một tỷ lệ màu khá lớn, có nơi có cả khoai tây, cao lương, ở thành thị và các khu công nghiệp thì có bột mì. Thực hiện tốt chủ trương đẩy mạnh trồng màu, chúng ta càng phải nghiên cứu chế biến màu thật tốt làm cho các loại màu trở thành một thành phần quan trọng của bữa ăn, vừa cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng, vừa ngon hơn, hợp khẩu vị hơn. Đối với các vùng đồng bằng có khả năng trồng màu, cần phải làm như vậy; đối với vùng trung du, vùng núi và vùng cao nguyên, càng phải làm như vậy: bởi vì ở đây đất trồng các loại màu thì có nhiều, mà đất trồng lúa lại có hạn. Chúng ta thấy rõ vấn đề cơ cấu bữa ăn không những có quan hệ đến chất lượng dinh dưỡng, mà còn có quan hệ đến khả năng giải quyết số lượng.

Nói đến chất đạm thì có đạm động vật, có đạm thực vật. Về động vật, có những động vật ăn bột như lợn chẳng hạn, nhưng cũng có những động vật ăn cỏ như trâu, bò, dê... rồi đến cá, tôm... là những nguồn cung cấp chất đạm rất quan trọng. Về thực vật, có nhiều loại: đậu tương, đậu xanh... Nước mắm, tương rất giàu chất đạm, là những thức ăn quen thuộc không thể thiếu của nhân dân ta. Ngoài ra, trứng, sữa và các sản phẩm của sữa là nguồn cung cấp nhiều chất dinh dưỡng. Ở các nước, người ta đã dùng phổ biến sữa bò, sữa trâu, có nước thì dùng cả sữa dê, sữa ngựa. Khả năng sữa các loại của nước ta rất lớn. Khoa học và kỹ thuật cần được đầu tư vào để giải quyết nhu cầu về sữa cho nhân dân.

Về chất béo thì có nguồn động vật và nguồn thực vật (các chất dầu lấy từ lạc, vừng, dừa...). Khoa học và kỹ thuật cần phải nghiên cứu chế biến tốt các loại dầu và mỡ để cung cấp năng lượng cho cơ thể con người.

Về vi-ta-min và chất khoáng thì chúng ta có nhiều loại hoa quả, nhiều loại rau, đậu, có khả năng rất lớn để giải quyết tốt, nhưng cũng phải nghiên cứu giải quyết như thế nào cho khoa học và phù hợp với hoàn cảnh của chúng ta, trong cả nước và từng địa phương. Vấn đề nước chè, nước ngọt, các loại nước giải khát cũng là vấn đề lớn, nhất là đối với nhân dân ta, sống và lao động trong điều kiện khí hậu nhiệt đới. Nước ta có thể phát triển trồng chè nhiều hơn nữa; các loại hoa quả của ta rất phong phú; cho nên giải quyết tốt nhu cầu nước chè, nước ngọt là một khả năng hiện thực.

Hiện nay, nhiều địa phương thường chú ý đến tình hình đất đai như thế nào, trồng trọt những gì, chăn nuôi những gì, máy kéo có bao nhiêu, phân hóa học, nhất là phân lân và phân đạm ra sao v.v... như vậy là đúng; nhưng lại rất ít nơi chú ý đến bữa ăn của nhân dân nên như thế nào. Trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật thì chúng ta cũng chỉ mới bắt đầu nghiên cứu về phương hướng giải quyết vấn đề ăn và cơ cấu bữa ăn của nhân dân. Cần phải đi vào nghiên cứu cụ thể đối với từng địa phương. Ví dụ ở đồng bằng sông Hồng, bữa ăn có gạo lại có thể có khoai tây, đậu phụ nhiều hơn. Ở đồng bằng

Digitized by Google

sông Cửu-long thì ngoài gạo ra, có nhiều tôm cá, nhiều loại trái cây. Một số tỉnh ở ven biển đã nghĩ đến thành phần bữa ăn của nhân dân cho đến năm 1980 hoặc 1985, nhưng tỷ lệ cá biển lẽ ra phải tăng lên nhiều thì lại chỉ để ra như hiện nay. Nếu trong cơ cấu bữa ăn, khoai tây, cao lương, các loại đậu, tôm, cá, hoa quả tăng thêm thì tỷ lệ gạo có thể giảm bớt như thế nào cho hợp lý?

Bữa ăn ở các thành thị và các khu công nghiệp trước mắt là phải bảo đảm số lượng nhưng cũng phải nghĩ đến chất lượng nên như thế nào. Ở đây phần lớn là anh chị em công nhân, là những người lao động trí óc, là các em học sinh. Cơ cấu bữa ăn phải từng bước đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của từng loại lao động: lao động thường khác với lao động nặng nhọc, lao động trong điều kiện có độc hại; lao động chân tay khác với lao động trí óc. Vấn đề tổ chức bữa ăn là vấn đề chung của cả nước, nhưng cấp thiết nhất là ở các thành thị và khu công nghiệp. Hiện nay, mới tính sơ bộ trong cả nước có đến khoảng một triệu người lo việc nấu ăn, các chị em phụ nữ rất vất vả. Thế thì phải tổ chức bữa ăn như thế nào cho hợp lý hơn, khoa học hơn, tiết kiệm lao động hơn, bớt nặng nhọc cho chị em phụ nữ? Tổ chức ăn ở gia đình như thế nào, ở tập thể nhỏ như thế nào, ở các cơ quan, xí nghiệp lớn như thế nào? Đây là một vấn đề khá phức tạp mà khoa học và kỹ thuật cần đi sâu nghiên cứu và tổ chức một số điểm thí nghiệm để phổ biến dần.

Ở nhiều địa phương vùng Tây-bắc và Việt-bắc, mặc dù màu thì đủ, hoa quả thì nhiều, thịt thì cũng không phải quá ít nhưng đồng bào vẫn cho là thiếu ăn. Chỉ vì một lý do là ở đây thiếu gạo. Hơn thế nữa, chăn nuôi là thế mạnh của miền núi, như ba tỉnh ở Tây-bắc có đến mấy chục vạn trâu bò, nhưng sử dụng như thế nào thì chưa có phương hướng cụ thể. Các đồng chí ở địa phương xác định đây là thế mạnh, nhưng thế mạnh này cần được phát huy như thế nào cho có lợi, vì trâu bò hiện nay chỉ dùng một phần nhỏ để làm sức kéo. Chưa mấy ai nghĩ rằng, bữa ăn của nhân dân ở Tây-bắc có thể có nhiều thịt hơn các nơi khác, và còn có sữa nữa. Hiện nay, ở Hoàng-liên-sơn có một trạm nuôi trâu sữa. Chúng ta có thể xây dựng nhiều trại giống như thế, không những chỉ có mấy chục con trâu sữa như hiện nay, mà phải nhiều hơn nữa, gấp trăm, gấp nghìn lần, để cung cấp sữa cho đồng bào. Vấn đề này ít nơi nghĩ đến, vì trước kia chỉ có «ông tây», «bà đầm» mới uống sữa, còn đồng bào miền núi thì làm sao có sữa mà uống.

Nhiều nơi ở Cao-bằng đồng bào ăn ngô là chủ yếu, nhưng vóc người rất to, cao và rất khỏe; đồng bào Mèo ăn bẹ, tán bẹ ra để nấu cháo bột; nếu chúng ta đưa khoa học và kỹ thuật vào để nghiên cứu chế biến và cải tiến thì đây có thể là một cách ăn ngon và văn minh. Bữa ăn của đồng bào Việt-bắc và Tây-bắc rồi đây có thể phong phú và đầy đủ hơn bây giờ nhiều, nếu biết nghiên cứu cơ cấu và chế biến tốt.

Ở Tây-nguyên, đồng bào ăn uống còn rất khan khổ. Bây giờ đồng bào còn thiếu ăn, chúng ta phải làm thế nào để đồng bào có ăn cho no. Và muốn ăn no thì phải thâm canh lúa, phải phát triển màu; phải nghĩ đến nhu cầu trước mắt và phải nhìn xa hơn một chút. Khi đồng bào đã đủ ăn thì cơ cấu bữa ăn nên như thế nào cho phù hợp với địa phương, cho khoa học và có chất lượng. Không thể để đồng bào Tây-nguyên chúng ta ăn uống thiếu thốn như thế này mãi được.

Trên thế giới, mỗi dân tộc thường có những hoàn cảnh tự nhiên khác nhau, sản xuất những loại lương thực khác nhau, phong tục, tập quán cũng khác nhau. Ở châu Á thì dùng

Digitized by Google

gạo, ở châu Âu và Bắc Mỹ thì dùng lúa mì, nhiều nước ở châu Phi coi sắn, khoai sọ, chuối là lương thực chủ yếu. Ở Mỹ la-tinh thì coi ngô là loại hạt thiêng liêng và đầy dinh dưỡng. Nhiều dân tộc ở phía bắc châu Á lại phát triển cây cao lương, cây đậu tương làm lương thực, thực phẩm. Dân Pô-li-nê-gi thì lấy xa-kê tức là một thứ bột làm từ hạt mít và khoai sọ, làm thức ăn chính. Ở nhiều nước châu Âu người ta ăn khoai tây trong bữa ăn chính, mặc dù khoai tây mới được nhập vào mấy thế kỷ gần đây. Như vậy, tập quán tuy có sức ỳ nhưng không phải là một cái gì không thể thay đổi.

Cho nên, chúng ta phải nghiên cứu trên đất nước ta có những thứ cây gì, những con vật gì, có những quần thể động vật, thực vật gì và ở các nước khác có những loại gì phù hợp với nước ta, có thể nhập vào để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, giải quyết tốt nhất vấn đề ăn cho nhân dân. Khoa học và kỹ thuật của chúng ta phải đi sâu nghiên cứu và giải quyết các vấn đề đó. Có đồng chí chủ trương giải quyết vấn đề đạm hiện nay bằng tăng thêm thành phần đậu tương. Rất đúng, vì đậu tương là một cây rất quý, vừa giải quyết vấn đề đạm cho người, vừa làm cho đất màu mỡ thêm. Những ý kiến như vậy cần được nghiên cứu và nghiên cứu tập trung hơn. Trong những năm kháng chiến bộ đội đóng quân trong rừng, lúc thiếu lương thực thường ăn củ mài, củ từ, ăn rau tàu bay ; ở Tây-nguyên ngoài sắn củ ra còn có lá bép, lá sắn muối, có nhiều chất đạm. Chúng ta phải đi sâu nghiên cứu hơn nữa để tìm ra những thứ có thể dùng làm lương thực, thực phẩm không những cho bây giờ mà cả sau này.

Đầm ao, sông, biển của chúng ta có trữ lượng tôm cá rất lớn, đó là một nguồn thực phẩm rất quan trọng của nước ta, biển của ta có nhiều loại tảo giàu đạm. Vì vậy, vấn đề nuôi, khai thác và chế biến cá tôm và các loại thủy sản khác nhằm cung cấp một nguồn đạm lớn cho bữa ăn của nhân dân ta là một trong những phương hướng nghiên cứu quan trọng của khoa học và kỹ thuật. Nói đến các loại tảo thì tảo cờ-lô-ren-la, xpi-ru-lin có tỷ lệ đạm rất cao ; bây giờ chúng ta đang nghiên cứu để làm thức ăn cho gia súc ; phải tiến tới nghiên cứu và chế biến một số loại tảo mà ở vùng biển của ta có nhiều để làm thức ăn cho người như một số nước đã làm.

Chúng ta đều biết, trên thực tế không có một loại thức ăn nào có đủ tất cả các chất dinh dưỡng cơ bản. Khoa học hiện nay mới phát hiện ra khoảng 45 chất. Các chất này có thể có sẵn trong lương thực, thực phẩm, hoặc có thể sẽ được tạo ra trong quá trình chế biến thức ăn. Cho nên, một trong những nhiệm vụ của khoa học — kỹ thuật, để giải quyết vấn đề ăn, là phải xác định thành phần cân bằng của các loại thức ăn trong cơ cấu tổng hợp của bữa ăn ; phải nghiên cứu chế biến lương thực thực phẩm, chế biến thức ăn như thế nào nhằm bảo đảm cho bữa ăn của nhân dân ngày càng thỏa mãn đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng cả về số lượng và chất lượng.

Từ thực tế nói trên, chúng ta thấy rõ *vấn đề ăn là một vấn đề chiến lược trước mắt cũng như lâu dài ; nó chi phối một phần quan trọng phương hướng phát triển của nông nghiệp nước ta, chi phối những phương hướng lớn về nghiên cứu khoa học — kỹ thuật của chúng ta.* Cho nên cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp phải góp phần tích cực nhất vào việc giải quyết lương thực và thực phẩm, giải quyết vấn đề ăn. Chúng ta phải căn cứ vào điều kiện thiên nhiên và khả năng kinh tế của nước ta, phải phát huy tinh thần sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, chúng ta lại phải đi sâu nghiên cứu tập quán về ăn

Digitized by Google

uống và nhu cầu về dinh dưỡng của nhân dân trong cả nước và trong từng địa phương — những tập quán và những nhu cầu do điều kiện lao động và hoàn cảnh tự nhiên đặt ra. Đây là một biểu hiện của mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong sản xuất và trong đời sống.

Xuất phát từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, sau khi đã nhấn mạnh nhiệm vụ hàng đầu hiện nay là giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng còn nêu rõ: việc phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phải nhằm thực hiện cho được mục tiêu: « *Cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp*, trước hết là nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, công nghiệp dệt và giấy, công nghiệp chế biến cao su, chế biến gỗ, và công nghiệp sản xuất một số hàng tiêu dùng thiết yếu ». Mục tiêu ấy không những đã xác định tầm quan trọng của nông, lâm, ngư nghiệp trong việc cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp mà còn nói lên ý nghĩa quan trọng của việc phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đối với vấn đề mặc, ở, bảo vệ sức khỏe, học hành... của nhân dân ta.

Vấn đề mặc. Trước đây, nói đến mặc, chúng ta thường nghĩ ngay đến bông, vải, lụa, lĩnh, đến các loại hàng tơ lụa khác... Ngày nay, cách ăn mặc và hàng để may mặc đã khác trước rất nhiều. Do sự xuất hiện của công nghiệp hóa chất, con người đã tạo ra cho mình nhiều loại hàng mới và cách ăn mặc ngày càng phong phú hơn. Nhưng, nguồn nguyên liệu để giải quyết vấn đề mặc, hiện nay và lâu dài sau này nữa, chủ yếu vẫn phải do nông nghiệp và lâm nghiệp cung cấp.

Ở nước ta, có nhiều vùng trồng bông được, cây bông có thể phát triển tốt, như ở Thuận-hải, Phú-khánh, Cheo-reo... Để phát triển trồng bông, cán bộ khoa học — kỹ thuật chúng ta cần phải nghiên cứu để giải quyết vấn đề nước và tìm cách phòng, trừ sâu bệnh; làm thế nào để vùng trồng bông đạt năng suất cao, hiệu quả kinh tế lớn, cung cấp được nhiều nguyên liệu có chất lượng tốt cho công nghiệp dệt ở nước ta.

Nguyên liệu may mặc còn có tơ lụa. Ở nước ta, có nhiều địa phương có truyền thống về trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt lụa, như Hà-đông (lụa), Tân-châu (lĩnh)... Có nơi thì đang phát triển lên, nhưng cũng có nơi lại để mai một đi. Tơ lụa là những loại hàng quý hiện nay, không những có giá trị lớn đối với việc may mặc của nhân dân, mà còn có giá trị xuất khẩu rất cao. Chúng ta cần phát triển mạnh mẽ việc trồng dâu nuôi tằm, phát triển trồng dâu trên vùng đồi, ở các bãi ven sông, trên bờ kênh, rạch, trên bờ vùng, bờ thửa...

Trước đây, đồng bào miền núi của ta đã từng tự giải quyết vấn đề mặc. Đồng bào Mán, đồng bào Mèo ở Việt-bắc và Tây-bắc thường trồng lanh. Ở các vùng đó, cây lanh phát triển tốt. Còn ở Tây-nguyên thì có cây bông địa phương và « cây bông dài ngày »: Đồng bào các dân tộc đã từng dùng nguyên liệu địa phương để kéo sợi, dệt vải và đã dệt được những loại khăn, những hàng thổ cẩm, những loại váy khá đẹp.

Nói đến mặc không thể không nghĩ đến màu sắc, đến thuốc nhuộm. Đương nhiên là có hóa chất. Nhưng cũng có những loại thực vật, có thể dùng để chế thuốc nhuộm. Hóa chất của chúng ta hiện nay còn chưa đủ, mà nhu cầu của nhân dân lại rất lớn. Cho nên, chúng ta phải nghiên cứu trồng các loại cây có thể làm thuốc nhuộm, để các địa phương có thể tự giải quyết vấn đề nhuộm.

Chúng ta phải phát huy khả năng của các địa phương kết hợp với việc cung cấp của trung ương để giải quyết vấn đề mặc cho nhân dân.

Digitized by Google

Vấn đề ở. Đây là một vấn đề hết sức khẩn trương hiện nay. Ở biểu hiện mối quan hệ lâu đời giữa con người với không gian cư trú, với ngoại cảnh. Đó là một điều kiện không thể thiếu «để bảo đảm tự do của mỗi một gia đình». Chúng ta phải giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào. Nhà ở nông thôn và ở thành phố, ở đồng bằng và ở miền núi, cả trước mắt và về lâu dài, làm theo kiểu gì, làm bằng vật liệu gì. Ví dụ ở miền núi nên làm kiểu nhà gì cho thích hợp với địa hình và khí hậu ở đây. Nhà sàn có lịch sử của nó, có vẻ đẹp riêng của nó, phản ánh một nét đặc sắc của văn hóa miền núi, lại tránh được ẩm ướt, mưa lũ, nhất là trên đất dốc. Vậy có nên thay thế nhà sàn bằng nhà đất như một số nơi đã làm hay là chỉ nên cải tiến cho nó đẹp hơn, văn minh hơn.

Về vật liệu xây dựng, có gỗ, gạch, ngói, vôi, xi măng, đá... Ở địa phương nào nên dùng loại vật liệu gì là chủ yếu vì những thứ đó đều có liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp. Lấy đất ở đâu để làm gạch, làm ngói; lấy gỗ ở đâu... Phải có kế hoạch trồng những loại cây gì để ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu-long có thể giải quyết được một phần gỗ làm nhà. Chúng ta phải nghiên cứu trồng cây gì để vừa chắn gió, vừa bảo vệ đất, làm màu mỡ đất, vừa cho gỗ, vừa làm đẹp xóm làng.

Vấn đề bảo vệ sức khỏe. Ở đây, chỉ nói đến vấn đề dược liệu. Nước ta có nhiều ưu thế về nguồn dược liệu, có nhiều loại cây thuốc rất quý như tam thất, đẳng sâm, các loại sâm khác, ba kích, xuyên khung, thảo quả và nhiều thứ khác nữa. Vừa qua trong vấn đề phát triển nguồn dược liệu, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược, chúng ta đã có tiến bộ. Chúng ta đã xây dựng những cơ sở trồng cây thuốc của trung ương cũng như của địa phương, đã di thực được một số cây thuốc quý từ nước ngoài vào. Nhiều địa phương, hợp tác xã, đơn vị bộ đội đã phát triển những vườn dược liệu khá phong phú. Nhưng đó mới chỉ là tiến bộ bước đầu.

Nhân dân ta từ lâu đời đã có truyền thống dùng cây cỏ để làm thuốc chữa bệnh, đã có nhiều kinh nghiệm quý báu. Chúng ta còn có rất nhiều thực vật và động vật hoang dại có thể dùng làm thuốc, nhưng chưa được bảo vệ và phát triển tốt. Nhiều loại có nguy cơ bị tiêu diệt như ba kích chẳng hạn. Như vậy, chúng ta phải đặt vấn đề khai thác đi đôi với trồng thêm. Đặt vấn đề trồng rừng cây thuốc như thế nào? Có thể có những rừng tô mộc, rừng sa nhân, rừng thảo quả... hay không? Phải bảo vệ và phát triển những cây thuốc và con vật làm thuốc, cũng như phải tiếp tục thuần hóa các nguồn dược liệu hoang dại, khai thác những khả năng rất lớn về cây thuốc trong rừng nhiệt đới của nước ta.

Ở miền xuôi cũng như ở miền ngược, nhu cầu và khả năng về cây thuốc chữa bệnh của nhân dân ta rất lớn.

Phát triển dược liệu là một vấn đề rất lớn, không những có liên quan đến sức khỏe của đồng bào, mà còn tạo ra một nguồn xuất khẩu có giá trị kinh tế rất cao. Khoa học và kỹ thuật phải có nhiệm vụ nghiên cứu, phải đặt thành một chương trình lớn, xúc tiến tích cực để trong một số năm nhất định, chúng ta đạt mục tiêu cung cấp được những nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp dược, cung cấp được nhiều thứ thuốc cần thiết cho nhân dân và cho xuất khẩu.

Vấn đề học hành. Trước hết nông nghiệp có nhiệm vụ cung cấp nguyên liệu để làm giấy và gỗ để làm bàn, ghế cho trường học. Cho nên, khoa học và kỹ thuật phải nghiên cứu để giải quyết vấn đề này. Nguyên liệu làm giấy không phải chỉ có cây

Digitized by Google

bồ đề, hay tre nứa; cần nghiên cứu cả cây lau, cây dước... Còn cây gì nữa có thể dùng làm bột giấy? Bã mía có thể dùng để làm bột giấy. Vấn đề tận dụng các chất thải có khả năng dùng để chế biến bột giấy như thế nào, cũng cần phải suy nghĩ... Hiện nay chúng ta chưa nghiên cứu đầy đủ các vấn đề cần phải giải quyết và có thể giải quyết mà thực tiễn đặt ra.

Theo một tài liệu thống kê ở Liên-xô, 80% tư liệu tiêu dùng của nhân dân (có nơi đến 90%) là do nông nghiệp cung cấp. Ở nước ta, có tài liệu nói tỷ lệ đó là 75%. Nước ta là một nước nông nghiệp, không có lý gì mà tỷ lệ tư liệu tiêu dùng của nhân dân ta do nông nghiệp cung cấp lại ít hơn ở Liên-xô. Như vậy chúng ta thấy nông nghiệp là nguồn cung cấp hết sức quan trọng về tư liệu tiêu dùng cho nhân dân, chưa nói đến cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu.

Từ những vấn đề trình bày ở trên, chúng ta khẳng định lại một lần nữa, cách mạng khoa học — kỹ thuật nói chung và cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp nói riêng phải xuất phát từ những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, từ yêu cầu và nhiệm vụ mà Đảng ta đã đề ra.

Từ yêu cầu phát triển của bản thân nền nông nghiệp nước ta, đồng thời để làm cho nông nghiệp thật sự trở thành cơ sở để phát triển công nghiệp, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã đề ra một trong những mục tiêu của nông nghiệp nước ta là phải: «*Tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu* để đổi lấy thiết bị vật tư nhằm trang bị kỹ thuật mới cho nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển công nghiệp».

Tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu là một phương hướng chiến lược cực kỳ quan trọng. Chúng ta thực hiện công nghiệp hóa, không phải chỉ từ nền công nghiệp sẵn có hiện nay, với những xưởng cơ khí hiện có và được tổ chức lại, từng bước mở rộng thêm. Con đường tự bản thân ngành cơ khí phát triển tiến lên như vậy là cần thiết, là rất đúng, rất tốt; nhưng nếu chỉ làm như vậy thì không thể tiến lên nhanh được. Một biện pháp cực kỳ quan trọng là xuất khẩu nhiều hàng hóa để đổi lấy máy móc, thiết bị kỹ thuật. Cho nên, làm nông nghiệp mà không nghĩ đến vấn đề ăn của nhân dân là sai, không nghĩ đến nguyên liệu cho công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong nước là sai, nhưng nếu không nghĩ đến hàng xuất khẩu thì cũng sai.

Kim ngạch xuất khẩu của chúng ta hiện nay còn thấp rất nhiều so với tiềm năng của đất nước. Chúng ta có khả năng làm được hơn hay không? Vừa qua, một số tỉnh, thành như Hà-sơn-bình, Hà-nam-ninh, Hải-phòng, thành phố Hồ-Chí-Minh... kim ngạch xuất khẩu đã tăng lên, tính theo đầu người thì có nơi trước còn kém nhưng nay đã đứng hàng thứ nhất, thứ hai trong cả nước. Tuy nhiên, chỉ số tuyệt đối kim ngạch xuất khẩu vẫn còn rất thấp, cho nên chúng ta không nên thỏa mãn. Nước ta là một nước xã hội chủ nghĩa có nhiều tài nguyên, có nhiều đặc sản của vùng nhiệt đới. Nhiều thứ hết sức quý, như cao su, chè, cà phê, dầu, hoa quả các loại, hải sản, gỗ, dược liệu, hương liệu v.v... Hiện nay chúng ta xuất khẩu hàng hóa phần lớn còn ở dạng nguyên liệu chưa chế biến, như vậy giá trị thấp, rất lãng phí, không kinh tế.

Mỗi cán bộ khoa học — kỹ thuật, cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chúng ta đều phải chú trọng hướng mạnh công tác nghiên cứu vào những mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao, phải hiểu thị trường thế giới cần những thứ gì. Nếu chúng ta không chú trọng đến những sản phẩm xuất khẩu thì không thể góp phần tích cực vào việc

Digitized by Google

công nghiệp hóa nước nhà. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ « Tăng nhanh nguồn hàng *xuất khẩu*, trước hết là sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, mở rộng *quan hệ kinh tế* với nước ngoài ». Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng lại nhấn mạnh: « Phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể phát triển rất mạnh sản xuất cho xuất khẩu, phải tạo ra những vùng chuyên sản xuất cho xuất khẩu trong cả nước, của từng tỉnh, từng huyện. Phát triển mạnh các loại sản phẩm xuất khẩu có giá trị như rau quả, dứa, chuối, cao su, cà phê, chè, thuốc lá, hồ tiêu, quế, đậu tương, các dược liệu, hương liệu, một số sản phẩm chăn nuôi, tôm, cá, đồ mộc, đồ mây tre, mỹ nghệ, gỗ dán, gỗ lạng. Phải đầu tư kỹ thuật và áp dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến để phát triển sản xuất và chế biến sản phẩm xuất khẩu với chất lượng cao ». Các mặt hàng xuất khẩu cần phải có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Muốn đẩy mạnh công nghiệp hóa nước nhà, một trong những nhiệm vụ to lớn của nông nghiệp là phải sản xuất ra nhiều hàng xuất khẩu. Ở nhiều nước, những mặt hàng xuất khẩu được dều dành để xuất khẩu, trong nước không dùng, hoặc chỉ dùng rất hạn chế, có như vậy mới có thể làm cho dân giàu nước mạnh được.

Tất nhiên, phát triển nông nghiệp còn có *mục tiêu phục vụ quốc phòng*. Có lương thực đầy đủ, kể cả lương thực dự trữ của cả nước nói chung và trên các vùng chiến lược quan trọng nói riêng, là một điều kiện cực kỳ quan trọng để xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp ở những vùng xung yếu, biên giới, hải đảo... cũng là một chủ trương quan trọng nhằm kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.

Trong lúc đẩy mạnh cách mạng khoa học – kỹ thuật trong nông nghiệp chúng ta phải thấm nhuần đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng. Phải xuất phát đầy đủ từ đường lối ấy, góp phần tích cực làm cho nông nghiệp thật sự là cơ sở để phát triển công nghiệp. Đảng ta lấy *công nghiệp hóa* làm nhiệm vụ trung tâm trong cả thời kỳ quá độ và coi công nghiệp hóa là cả một quá trình *xây dựng nền kinh tế sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với cơ cấu công – nông nghiệp ngày càng hiện đại trong phạm vi cả nước*. Nếu như chủ nghĩa tư bản đã làm cho thủ công nghiệp tách rời nông nghiệp lúc đầu thì chúng ta phải làm cho thủ công nghiệp và công nghiệp hiện nay cũng như về sau luôn luôn kết hợp chặt chẽ với nông nghiệp, trong một mối quan hệ hữu cơ. Vấn đề ấy Mác đã thấy từ trước, và trong bút ký để lại đã từng nói: « Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hoàn toàn cắt đứt mối liên hệ cũ gắn bó nông nghiệp với công trường thủ công, khi hai ngành ấy còn ở trong thời kỳ ấu trĩ; nhưng đồng thời nó lại tạo ra những điều kiện vật chất cho một sự tổng hợp mới cao hơn, nghĩa là một sự kết hợp nông nghiệp với công nghiệp trên cơ sở sự phát triển mà mỗi ngành đã đạt được trong thời kỳ hai ngành còn hoàn toàn tách rời nhau » (5).

Trong khi đề ra chủ trương phát triển vượt bậc nông nghiệp, coi đó là nhiệm vụ hàng đầu trong những năm trước mắt, Đảng ta chủ trương *đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với những đơn vị kinh tế có cơ cấu nông – công nghiệp ngày càng hiện đại trên địa bàn huyện*. Có đi đúng phương hướng ấy thì nền nông nghiệp nước ta mới tiến lên mạnh mẽ với những bước phát triển vượt bậc, mới từng bước trở thành *cơ sở để phát triển công nghiệp*.

Những vấn đề nói trên chưa phải đã được quán triệt đầy đủ trong một

(5) C. Mác: *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển I, tập II, trang 257.

Digitized by Google

số đông chí chúng ta ở các địa phương cũng như trong đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật. Các đồng chí thường quan niệm công nghiệp phải là cái gì to lớn, hiện đại ngay từ ban đầu; mà đó lại là cái mà chúng ta còn thiếu, nhất là ở nông thôn. Còn các cơ sở thủ công nghiệp ở địa phương, kể cả các ngành thủ công nghiệp truyền thống, các xí nghiệp chế biến quy mô vừa hoặc nhỏ... thì có nơi lại chưa chú ý đầy đủ, càng chưa tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thêm. Ở nhiều địa phương, hiện đã có những hợp tác xã thủ công nghiệp làm ăn tốt, có nơi đã thực hiện cơ khí hóa từng bước; trong nhiều hợp tác xã nông nghiệp đã có những ngành thủ công nghiệp khá phát triển; đó là chưa nói đến những xí nghiệp cơ khí sửa chữa hoặc sản xuất công cụ cải tiến quy mô nhỏ và vừa. Trong tình hình hiện nay, các cơ sở thủ công nghiệp và công nghiệp ấy chính là thành phần quan trọng của cơ cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện, là những ngành sản xuất mà chúng ta phải ra sức phát triển. Đồng thời căn cứ vào khả năng của kinh tế địa phương và sự chi viện của Nhà nước mà mở mang những xí nghiệp quy mô lớn hơn, trình độ hiện đại hơn.

Cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp phải tập trung những cố gắng của mình vào những phương hướng có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề phát triển nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp ngày càng hiện đại.

Công cuộc xây dựng nền nông nghiệp hiện đại ở nước ta là cả *một quá trình tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.*

Hiện nay, đất nước ta đã hoàn toàn độc lập, thống nhất, nhưng quan hệ sản xuất giữa hai miền thì còn chưa đồng đều. Ở miền Nam, hiện nay nền kinh tế nông nghiệp mới bắt đầu đi vào con đường làm ăn tập thể, với trình độ từ thấp đến cao. Cách mạng khoa học — kỹ thuật nhất thiết phải kết hợp với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa, góp phần đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, mở đường cho cách mạng khoa học — kỹ thuật phát triển. Ở miền Bắc, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được xác lập, tính ưu việt của nó đã thể hiện rõ rệt trong sản xuất, đời sống, đã phát huy tác dụng to lớn trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vừa qua. Cách mạng khoa học — kỹ thuật càng phải phát huy vai trò then chốt của mình, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, góp phần tích cực nhất vào việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, mục tiêu và nội dung của cách mạng khoa học — kỹ thuật là thống nhất trên mặt trận nông nghiệp trong cả nước. Tuy nhiên, phương pháp và bước đi thì có khác, tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương. Chúng ta phải nghiên cứu cách làm cho phù hợp để cách mạng khoa học — kỹ thuật có thể phát huy tác dụng tích cực của nó. Nhưng, bất kỳ trong điều kiện cụ thể nào cách mạng khoa học — kỹ thuật cũng nhất thiết phải kết hợp thật chặt chẽ và tiến hành đồng thời với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa. Có như vậy cách mạng khoa học — kỹ thuật mới thực hiện được vai trò then chốt của mình, tạo nên được sức mạnh tổng hợp của cả ba cuộc cách mạng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới ở nông thôn nước ta.

Digitized by Google

Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, «*điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết tập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*». Trên mặt trận nông nghiệp cũng vậy, trên cơ sở không ngừng củng cố hệ thống chuyên chính vô sản ở nông thôn, chúng ta cần nắm vững cái tiến bộ nhất của thời đại là *chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa*. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa sản sinh ra những con người mới xã hội chủ nghĩa, những người lao động kiểu mới trong nông nghiệp.

Dân tộc Việt-nam, con người Việt-nam, người nông dân lao động Việt-nam vốn có truyền thống độc lập tự chủ, tự lập tự cường trong cuộc đấu tranh lâu dài và bền bỉ chống thiên tai và địch họa. Từ lúc có Đảng, truyền thống đó đã được phát huy mạnh mẽ và đã biểu hiện ở sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa xã hội. Bước vào kỷ nguyên mới, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhân dân lao động nước ta, trong đó có đông đảo quần chúng nông dân lao động, đã tiến lên một bước mới, một bước nhảy vọt, làm chủ đất nước ở trình độ cao nhất từ trước đến nay. Đó là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. *Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là động lực mạnh mẽ nhất bảo đảm cho sự tất thắng của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; cho sự tất thắng của ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật nói chung, cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp nói riêng, giữ vai trò then chốt.*

II

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT ĐỐI VỚI CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG NÔNG NGHIỆP

Cách mạng khoa học – kỹ thuật là một cuộc cách mạng sâu sắc và rộng lớn, tác động vào toàn bộ lực lượng sản xuất trong xã hội, phát triển và tổ chức lại lực lượng sản xuất, tạo nên những biến đổi cơ bản, đưa lực lượng sản xuất tiến lên trình độ ngày càng hiện đại, nhằm phục vụ mục tiêu kinh tế, phục vụ mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và đời sống của con người.

Nước Việt-nam ta vốn là một trong những cái nôi của loài người. Trong quá trình đấu tranh lâu dài và quyết liệt chống thiên tai và địch họa, dân tộc Việt-nam ta đã sớm tiến lên từng bước làm chủ thiên nhiên, xây dựng nên *một trong những nền văn minh cổ xưa nhất, bền vững nhất, có sức sống mãnh liệt nhất* của loài người, ở Đông – Nam châu Á, trên bờ biển Thái-bình-dương.

Ở nước ta, nói đến nông nghiệp, đương nhiên không thể tách rời lâm nghiệp, ngư nghiệp, bởi vì từ khi chưa có nông nghiệp thì cuộc sống của của con người Việt-nam đã gắn liền với nghề rừng, với nghề cá. Từ khi tổ tiên của chúng ta biết làm ruộng với một kỹ thuật thâm canh ngày càng cao, thì đồng thời vẫn tiếp tục đánh bắt cá. Theo quan điểm lịch sử và căn cứ vào thực tiễn sản xuất xã hội, thì ở nước ta, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp luôn luôn cùng tồn tại và phát triển, có quan hệ với nhau rất mật thiết.

Chế độ áp bức và bóc lột của giai cấp phong kiến, và sau này của bọn đế quốc thực dân là những trở ngại chủ yếu làm cho nền nông nghiệp lâu đời của nước ta ngày càng lâm vào tình trạng trì trệ và lạc hậu. Mãi đến

Digitized by Google

khi Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân lao động nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, mới có điều kiện để từng bước đưa nông nghiệp tiến lên. Trong mấy chục năm kháng chiến oanh liệt, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, nhân dân ta đã tích lũy được những kinh nghiệm quý báu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giữ vững đời sống và mọi hoạt động chiến đấu trong các vùng giải phóng miền Nam. Tuy vậy, nhìn toàn cục mà nói thì nền nông nghiệp nước ta về cơ bản vẫn ở trong tình trạng một nền sản xuất nhỏ phân tán và chậm phát triển.

Bước sang giai đoạn mới, Tổ quốc ta đã độc lập và thống nhất, cả nước đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Vấn đề đặt ra đối với chúng ta là, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, *cách mạng khoa học — kỹ thuật phải kết hợp với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa, phát huy tác dụng như thế nào đối với các yếu tố của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nhằm đưa nông nghiệp nước ta tiến lên những bước vượt bậc.*

Như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Trung ương Đảng đã đề ra, trong cách mạng khoa học — kỹ thuật, chúng ta cũng « phải thể hiện tinh thần chủ động và tích cực, dựa vào nguồn vốn dồi dào và quý nhất của chúng ta là lực lượng lao động, kết hợp với khai thác nhanh nhất, tốt nhất đất, rừng, biển, các tài nguyên khác cùng với cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có và sắp có, ra sức phấn đấu tăng năng suất lao động, để tạo ra nhiều giá trị sử dụng theo yêu cầu phát triển kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu và cải thiện đời sống của nhân dân ». Như vậy, trong khi nắm vững « khâu trung tâm là cơ khí hóa », « thủy lợi hóa là biện pháp hàng đầu », cách mạng khoa học — kỹ thuật cần phát huy tác dụng tích cực và sáng tạo của mình đối với *con người lao động ở nông thôn, đối với đất đai,* với các tập đoàn cây trồng và vật nuôi, cũng tức là các *tư liệu sản xuất sinh vật và các biện pháp sinh học,* các *công cụ lao động và các tư liệu sản xuất nông nghiệp khác.*

1 — Cách mạng khoa học — kỹ thuật với con người lao động trong nông nghiệp.

Yếu tố cơ bản nhất, « nguồn vốn dồi dào và quý nhất của chúng ta » là con người lao động với tính cách là lực lượng sản xuất. Ở nông thôn nước ta hiện nay, lực lượng lao động bao gồm không những *người nông dân lao động* mà *cả đội ngũ công nhân, đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật* làm việc trong nông nghiệp. Lực lượng lao động ấy vừa là *lực lượng sản xuất chủ yếu, vừa là người làm chủ* trong nền sản xuất xã hội, là sản phẩm của cả một quá trình lịch sử nói chung và của sự phát triển lực lượng sản xuất nói riêng.

Trải qua quá trình lâu dài dựng nước và giữ nước, người nông dân lao động Việt-nam đã tích lũy nhiều kinh nghiệm quý báu, xây dựng nên truyền thống độc lập tự chủ, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm, tỏ rõ những khả năng to lớn trong công cuộc chinh phục thiên nhiên, cũng như trong sự nghiệp bảo vệ đất nước thân yêu.

Từ khi Đảng ta ra đời đến nay quần chúng nông dân lao động đông đảo ở nước ta đã đi theo ngọn cờ của Đảng. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trong chiến đấu cũng như trong xây dựng, người nông dân Việt-nam đã nêu cao và tôi luyện phẩm chất cao đẹp vốn có của mình. Trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, người nông dân lao động đã đi vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, kỹ năng lao động ngày càng được nâng cao. Ở miền Nam, trong hoàn cảnh

Digitized by Google

chiến đấu cực kỳ ác liệt, người nông dân lao động đã luôn luôn tỏ rõ ý chí kiên cường trong đấu tranh, lại có khả năng tiếp thụ kỹ thuật mới trong sản xuất khá nhạy bén, hiện nay đang từng bước đi vào con đường làm ăn tập thể.

Bên cạnh những đức tính nói trên, người nông dân lao động nước ta còn có nhiều nhược điểm, còn mang nặng những lề thói của nền sản xuất nhỏ. Những ảnh hưởng của lối làm ăn cá thể lâu đời, đầu óc tập thể theo kiểu phường hội, tác phong tùy tiện và kỷ luật lỏng lẻo, xu hướng bảo thủ và kinh nghiệm chủ nghĩa, tri thức văn hóa và khoa học—kỹ thuật còn kém, v.v..., những nhược điểm đó hiện đang là những trở ngại cần được kiên quyết khắc phục trên con đường trở thành người làm chủ thật sự một nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Bước vào giai đoạn mới, *cách mạng khoa học — kỹ thuật có nhiệm vụ lớn lao là cùng với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa phát huy tác dụng tích cực và sáng tạo của mình đối với người nông dân lao động và người công nhân trong nông nghiệp*, theo phương hướng phù hợp nhất với yêu cầu của công cuộc xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trước hết, cần phải ra sức phát huy *tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa và yêu lao động*. Trên cơ sở đó, nâng cao từng bước trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nâng cao kỹ năng lao động, làm cho lực lượng lao động ở nông thôn nước ta ngày càng có chất lượng cao hơn về mọi mặt, trở thành một *lực lượng lao động có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao*. Ở đây, cần nhấn mạnh sự cần thiết phải phát huy đến cao độ tinh thần tự lực tự cường của *con người làm chủ sản xuất, làm chủ xã hội*. Phát huy truyền thống chiến đấu kiên cường, trí thông minh và sáng tạo của con người Việt-nam, một lòng đi theo đường lối của Đảng, không ngại khó khăn gian khổ, luôn luôn tin tưởng tiến lên. Chúng ta tin tưởng rằng, nhân dân lao động ở nông thôn nước ta nhất định sẽ cùng giai cấp công nhân và nhân dân ta trong cả nước, ra sức phấn đấu, lao động quên mình, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác trên mặt trận đấu tranh cách mạng nhằm xóa bỏ áp bức bóc lột, chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng nông thôn mới, xây dựng cuộc sống mới ấm no hạnh phúc cho bản thân mình và cho toàn thể nhân dân.

Khi nói đến nền nông nghiệp lâu đời của nước ta, chúng ta cũng đã nói lên những *kinh nghiệm phong phú và quý báu của người nông dân nước ta*. « Nước, phân, cần, giống », « nhất thì, nhì thục »... là những kinh nghiệm đã được tổng kết và ngày nay vẫn giữ hoàn toàn giá trị thực tiễn của nó. Mấy chục năm lại đây, những kinh nghiệm ấy lại được nâng cao một bước, kết hợp với những tri thức khoa học và kỹ thuật hiện đại ngày càng được vận dụng vào trong sản xuất nông nghiệp. Cũng phải nói rằng, kinh nghiệm canh tác cũng như tri thức khoa học của người nông dân lao động đã phát triển không đồng đều giữa các vùng lãnh thổ của đất nước. Ở đồng bằng sông Hồng, trình độ thâm canh và kỹ thuật canh tác phát triển tương đối cao; trong lúc đó thì ở đồng bằng sông Cửu-long do thiên nhiên ưu đãi, hoặc do những điều kiện cụ thể về kinh tế và xã hội nên trình độ thâm canh phát triển chậm. Ở miền núi, thì kỹ năng của người nông dân lao động ở vùng thấp và ở trên rẻo cao cũng rất khác nhau. Ở Tây-nguyên, đất đai phì nhiêu như vậy, thiên nhiên hào phóng như vậy nhưng đời sống của đồng bào dân tộc ít người còn rất khổ cực, kỹ thuật canh tác còn đang ở trình độ thô sơ

Digitized by Google

Để đáp ứng yêu cầu của một nền sản xuất nông nghiệp ngày càng hiện đại, *cách mạng khoa học – kỹ thuật cần tìm mọi biện pháp đưa tri thức văn hóa và kiến thức khoa học – kỹ thuật vào lực lượng lao động đông đảo trong nông nghiệp*. Người nông dân tập thể, người công nhân trong nông nghiệp phải được bồi dưỡng từng bước để nắm được những quy luật của sản xuất nông nghiệp, những quy luật của đất đai, thời tiết, cây trồng, vật nuôi v.v... trong từng vùng lãnh thổ của nước ta, nắm được kỹ thuật canh tác với việc sử dụng công cụ lao động từ thô sơ đến hiện đại ngày càng thành thạo. Như vậy người nông dân lao động, người công nhân trong nông nghiệp sẽ từng bước nắm được quy luật tự nhiên, kết hợp với quy luật của xã hội, hành động theo đúng quy luật, biết vận dụng những tiến bộ khoa học – kỹ thuật mới nhất vào sản xuất, xây dựng được lề lối làm ăn của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và nhất định sẽ làm ra được một khối lượng của cải vật chất ngày càng lớn.

Nếu *phân công lao động* là thước đo trình độ phát triển của nền kinh tế – xã hội trong một nước thì tình hình phân công lao động ở nước ta hiện nay như thế nào? Lao động ở nông thôn hiện chiếm gần 80% lực lượng lao động cả nước; trong đó lao động nông nghiệp có trên 78%, lao động lâm nghiệp có khoảng 2,5%, lao động ngư nghiệp có 2,3%, lao động tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp 5%... Trong lao động nông nghiệp thì trồng trọt chiếm 66,5%, chăn nuôi chỉ có 4,5%. Tình hình phân công lao động như vậy, rõ ràng phản ánh trình độ phát triển còn thấp của nền kinh tế nông nghiệp nước ta.

Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp toàn diện, cách mạng khoa học – kỹ thuật cần phải phát huy tác dụng như thế nào trong lĩnh vực này. Khoa học và kỹ thuật *cần đi trước một bước, kết hợp với khoa học xã hội điều tra và nghiên cứu*, từng bước *xác định những phương hướng và khả năng phát triển của nền kinh tế – xã hội ở mỗi địa phương, mỗi vùng lãnh thổ cũng như trong cả nước. Trên cơ sở đó, mà từng bước đề xuất và xác định phương hướng phát triển của cơ cấu ngành nghề* hợp lý nhất, thúc đẩy sự phân công lại lao động ở nông thôn, ngày càng đi sâu vào chuyên môn hóa, hợp tác hóa, tăng năng suất lao động trong nông nghiệp. Hiện nay theo Nghị quyết của Trung ương Đảng, các địa phương đều đang xúc tiến công việc quan trọng này; khoa học, kỹ thuật cần góp phần của mình tích cực hơn nữa. Có như vậy, mới tạo nên những biến chuyển nhanh chóng hơn trong việc phân công ngành nghề, làm cho tỷ lệ lao động chăn nuôi tăng lên mạnh hơn nữa so với lao động trồng trọt, nói rộng hơn nữa là làm cho tỷ lệ lao động trong các ngành thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp ở nông thôn tăng lên mạnh mẽ. Đồng thời tăng cường lao động cho các ngành lâm nghiệp và ngư nghiệp, làm cho nông, lâm, ngư nghiệp phát triển cân đối, phát huy các thế mạnh của nền kinh tế nước ta. Đó là quy luật và xu thế phát triển về phân công lao động, phân công ngành nghề ở nước ta trong một thời gian tương đối dài. Còn trước mắt, thì trong lúc giảm bớt tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng thêm tỷ lệ lao động thủ công nghiệp và công nghiệp trong từng vùng lãnh thổ, từng địa phương, chúng ta phải thấy rằng, hiện nay lực lượng lao động được đưa vào lĩnh vực nông nghiệp trên phạm vi cả nước vẫn còn tăng thêm do yêu cầu mở mang những vùng kinh tế mới.

Vấn đề *phân bố lại lực lượng lao động* trên phạm vi cả nước, trước hết là trong nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, nhằm tạo nên một cơ cấu kinh tế hợp lý hơn, là một vấn đề rất

Digitized by Google

lớn và bức thiết. Hiện nay, ở những vùng châu thổ giàu có của nước ta, diện tích chỉ có khoảng 13% mà số dân lại tập trung trên 40% của cả nước, có nơi mật độ lên tới 1.000 người/1km^2. Còn ở các vùng núi và vùng cao nguyên có tiềm năng đất đai và tài nguyên rất lớn thì dân cư lại thưa thớt, mật độ chỉ khoảng 25 — 50 người/1km^2, có nơi còn ít hơn nhiều. Ở các vùng ven biển, tiềm lực kinh tế rất to lớn, nhưng tỷ lệ số dân cũng rất thấp. Có người nói, chúng ta phần nào đang sống quay lưng lại với biển cả; câu nói đó không có gì là quá đáng. Đảng ta hiện đang thực hiện chủ trương phân bố lại lực lượng lao động trên quy mô lớn, mở mang những vùng kinh tế mới, kể cả việc đưa một bộ phận dân cư bị dồn về các đô thị trong chiến tranh trở về làm ăn ở nông thôn.

Khoa học và kỹ thuật cần kết hợp với khoa học xã hội *xúc tiến mạnh mẽ hơn công tác điều tra nghiên cứu các vùng đất đai và tài nguyên giàu có ở miền núi, miền cao nguyên và miền biển, nhằm đề ra những căn cứ khoa học và kỹ thuật phục vụ công cuộc mở mang và xây dựng những vùng kinh tế mới*, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, vừa đáp ứng yêu cầu củng cố quốc phòng. Đây không chỉ là vấn đề điều tra nghiên cứu điều kiện thiên nhiên, xác định phương hướng sản xuất, mà còn là vấn đề điều tra tình hình dân cư, tình hình xã hội, vấn đề tổ chức lực lượng lao động, vấn đề quan hệ sản xuất. Lực lượng lao động được đưa đi các vùng kinh tế mới, về chất lượng mọi mặt, về tỷ lệ ngành nghề, về hình thức tổ chức nên như thế nào để phát huy được khả năng lớn nhất, đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất và ổn định đời sống tốt nhất. Vấn đề này cần được nghiên cứu trong mối liên quan mật thiết với lực lượng lao động ở lại địa phương, với chất lượng, tỷ lệ ngành nghề, tỷ lệ nam, nữ v.v... trong lực lượng ấy, để vừa đáp ứng tốt nhất yêu cầu đưa dân đi lập quê hương mới, vừa bảo đảm tốt nhất yêu cầu về kinh tế — xã hội tại địa phương, theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, với năng suất lao động ngày càng cao, đời sống ngày càng được cải thiện. Nhiệm vụ của khoa học và kỹ thuật đối với công cuộc phân bố lại lực lượng lao động, rõ ràng là hết sức nặng nề.

Một vấn đề mà Đảng ta đang hết sức quan tâm là vấn đề *lực lượng lao động trong các vùng đồng bào dân tộc ít người*. Hiện nay, trên các vùng ở miền núi và cao nguyên nước ta, có trên 60 dân tộc ít người với số dân khoảng 5 triệu người. Đồng bào dân tộc ít người ở nước ta vốn giàu tinh thần yêu nước, đã có cống hiến cực kỳ to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Chúng ta đều biết nhiều vùng dân tộc ít người có lịch sử chiến đấu rất vẻ vang, là những căn cứ địa cách mạng quan trọng. Hiện nay, có những địa phương, trình độ văn hóa cũng như trình độ kỹ thuật canh tác của đồng bào còn rất thấp, đời sống còn hết sức khó khăn. Chính vì vậy mà trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung cũng như trong việc mở mang nông nghiệp, làm nghiệp nói riêng, chúng ta cần có quyết tâm thực hiện đúng chính sách của Đảng đối với đồng bào các dân tộc, tăng cường đoàn kết, thực hiện bình đẳng cả về chính trị và về kinh tế, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào. Nhiều địa phương đã có cố gắng lớn, nhưng chúng ta chưa thể thỏa mãn với những cố gắng đó. *Cách mạng khoa học — kỹ thuật, đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật có trách nhiệm đối với vấn đề thực hiện chính sách dân tộc của Đảng.* Chúng ta cần có chủ trương rõ ràng, kế hoạch cụ thể, biện pháp thích hợp kết hợp với việc nâng cao trình độ giác ngộ chính trị mà nâng cao nhanh chóng, vượt bậc, trình độ văn hóa và

Digitized by Google

kiến thức khoa học – kỹ thuật của đồng bào các dân tộc ít người. Chúng ta phải làm sao cho những người nông dân lao động, những người thợ thủ công và công nhân thuộc các dân tộc ít người từng bước tiến kịp đồng bào miền xuôi. Vấn đề này càng trở nên bức thiết khi chúng ta mở mang nhiều vùng kinh tế mới với trình độ kỹ thuật hiện đại ở các vùng miền núi và cao nguyên.

Rõ ràng, con người lao động trong nông nghiệp – bao gồm cả người nông dân xã viên, người công nhân trong nông nghiệp, đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật đang ngày càng tăng thêm – là yếu tố cơ bản nhất của lực lượng sản xuất trong nền nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp của nước ta. Đó là vì lực lượng lao động ấy, *với tính cách là một lực lượng sản xuất*, tác động vào nền sản xuất nông nghiệp như một « lực lượng tự nhiên » có khả năng to lớn cải tạo thiên nhiên, sáng tạo ra của cải vật chất. Quan trọng hơn thế nữa, đó là vì lực lượng lao động ấy *chính là người làm chủ* nền sản xuất xã hội, làm chủ cả sức lao động của bản thân mình, có nhiệm vụ tổ chức lại các yếu tố cơ bản của sản xuất, quản lý sản xuất, đưa nền nông nghiệp nước ta tiến lên những bước mới. Vì vậy mà khi nói nhiệm vụ của cách mạng khoa học – kỹ thuật là làm biến đổi sâu sắc lực lượng sản xuất, thì *nhiệm vụ chủ yếu, phương hướng chủ yếu, có ý nghĩa quyết định là kết hợp với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa làm biến đổi sâu sắc nhất chất lượng của con người lao động*, làm cho lực lượng ấy không ngừng phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao trình độ làm chủ, cả về kỹ thuật và về tổ chức, đóng vai trò chủ động, tự giác và sáng tạo trong công cuộc đưa nền nông nghiệp nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ngày càng hiện đại.

2 – Cách mạng khoa học – kỹ thuật với đất đai:

Một yếu tố cơ bản khác của lực lượng sản xuất, một tư liệu sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp, là *đất đai*. Mác đã từng nói: « *Đất đai là tư liệu sản xuất quan trọng bậc nhất* và nếu không kể con người lao động thì đó là *tư liệu sản xuất đặc biệt* ». Theo nghĩa rộng, đất đai bao gồm cả nước, các tập đoàn sinh vật sống trên mặt đất và các của cải ẩn náu trong lòng đất. Người ta đã tổng kết khoảng 75 đến 80% của cải vật chất trong xã hội là lấy từ đất mà ra. Không có đất đai thì không có chỗ đứng để tiến hành sản xuất xã hội, không có không gian cần thiết để phát triển nông nghiệp, do đó mà không có rất nhiều thứ. Hiện nay, đã có ai suy nghĩ ra vật gì để thay thế hẳn cho đất hay chưa? Chưa có mà sau này cũng sẽ không có, cho nên đất là một tư liệu sản xuất không thể thay thế.

Đất đai nước ta về diện tích tự nhiên có 32,8 triệu héc-ta, nằm trong vành đai nhiệt đới ẩm, có gió mùa, ở phía đông lại có vùng biển với thềm lục địa rộng lớn. Về mặt thổ nhưỡng, theo kết quả điều tra hiện nay thì có khoảng 30 loại đất, phân bố trên 50 vùng địa lý thổ nhưỡng, và hiện nay chúng ta đã phân ra 7 vùng kinh tế lớn. Chúng ta có những vùng châu thổ lớn nhỏ từ Bắc đến Nam, trong đó có những châu thổ nổi tiếng giàu có ở châu Á, như đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu-long. Chúng ta có những vùng rừng núi trùng điệp với những thảm thực vật rất phong phú và chứa đựng nhiều tiềm năng to lớn chưa được khai thác. Chúng ta có những vùng cao nguyên rộng lớn, đặc biệt là ở Tây-nguyên, ở đó còn nhiều khả năng mở rộng diện tích canh tác, nhất là để phát triển cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, có tiềm năng to lớn về nông sản nhiệt đới.

Digitized by Google

Điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, có gió mùa mang lại cho đất đai nước ta nhiều thuận lợi lớn, như quanh năm nhận được nhiệt lượng rất lớn của mặt trời, với một lượng mưa khá lớn, do đó mà màu xanh bao phủ quanh năm, sinh vật sinh sôi nảy nở nhanh chóng và đa dạng. Nhờ có bức xạ mặt trời và độ ẩm lớn như vậy, cho nên ruộng đồng mỗi năm làm được 2 — 3 vụ, rừng nhiệt đới tăng trưởng nhanh và thường có nhiều tầng. Tuy nhiên, khí hậu nhiệt đới cũng gây cho ta không ít khó khăn như hạn, lụt, xói mòn... Thông thường, ở những vùng trơ trọi, chỉ một trận mưa lớn là có thể cuốn trôi cả một lớp đất dày đòi hỏi hàng chục năm, thậm chí hàng trăm năm mới hình thành được.

Với đặc điểm đất đai như vậy của Tổ quốc, trong quá trình phát triển nông nghiệp, *con người Việt-nam đã làm chủ đất đai và tác động đến đất đai như thế nào?*

Nhìn chung, với biết bao công sức từ thế hệ này qua thế hệ khác, nhân dân lao động nước ta đã tạo nên những vùng thâm canh trù phú, đặc biệt là ở các vùng châu thổ phì nhiêu. Ở đây, người nông dân Việt-nam đã đấu tranh với thiên nhiên, cải tạo thiên nhiên, đắp đê chống lụt, ngăn mặn, lấn biển, mở mang diện tích, làm ra một khối lượng của cải ngày càng lớn. Tuy nhiên, phải nói rằng 3 phần 4 đất liền là đồi núi vẫn chưa được khai thác bao nhiêu. Phương thức làm ăn du canh, du cư, tệ nạn phá rừng đã gây nên nhiều hậu quả tiêu cực cho đất đai và tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

Chính trên dải đất đai nói trên, trên đất liền và trên miền biển, nhờ thiên nhiên nuôi dưỡng, dân tộc ta đã tồn tại và phát triển qua mấy nghìn năm lịch sử cho đến ngày nay. Cũng *chính trên dải đất đai đó, hiện nay nhân dân lao động nước ta đang tiến hành cuộc cách mạng sâu rộng nhất trong lịch sử của dân tộc*, xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, phát triển nền nông nghiệp nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, một vấn đề đặt ra là đối với đất đai, đất liền và vùng biển, cách mạng khoa học — kỹ thuật phải phát huy tác dụng tích cực và sáng tạo của mình như thế nào. *Cách mạng khoa học — kỹ thuật có nhiệm vụ rất lớn là đi sâu điều tra nghiên cứu, tìm hiểu quy luật của các quá trình diễn biến của đất đai, đất liền và vùng biển.* Trên cơ sở đó, chúng ta phải đề ra cho được những biện pháp khoa học và kỹ thuật cần thiết nhằm *sử dụng, cải tạo, bồi dưỡng tốt nhất, làm cho đất đai của chúng ta nói chung ngày càng trở nên màu mỡ và mãi mãi là nguồn cung cấp của cải vô tận cho dân tộc ta.*

Một vấn đề hết sức quan trọng đòi hỏi khoa học phải trả lời là: nói chung, dưới bàn tay lao động của con người, *quy luật diễn biến của đất đai* là ngày càng thoái hóa hay ngược lại có thể trở nên ngày càng màu mỡ? Dưới chế độ phong kiến và chế độ tư bản, mỗi một bước phát triển của nông nghiệp là một bước tiến mới trong nghệ thuật bóc lột người dân lao động và cũng là một bước tiến mới làm cho đất đai kiệt quệ, hao mòn. Dựa vào thực tiễn đó, nhiều nhà khoa học của chủ nghĩa tư bản đã từng đề ra cái gọi là quy luật tất yếu ngày càng giảm bớt màu mỡ của đất đai. Lần đầu tiên, chính Mác là người đã bác bỏ luận điểm sai trái đó. Đất đai vừa là một phạm trù tự nhiên vừa là một phạm trù xã hội. Đất là sản phẩm của bản thân tự nhiên, là điều kiện tự nhiên của lao động. Nhưng, chỉ khi có tác động của con người với tính cách là lực lượng sản xuất, đồng thời với tính cách là người làm chủ từ thấp đến cao qua các thời kỳ lịch sử khác nhau từ tự phát đến tự giác, thì đất đai mới trở thành tư

Digitized by Google

liệu sản xuất. Cũng vì vậy, tùy theo phương hướng tác động của người lao động, đất đai có thể chuyển biến hoặc theo quy luật ngày càng nghèo đi, hoặc ngược lại theo quy luật ngày càng trở nên màu mỡ. Đó là một điều rất cơ bản có liên quan mật thiết đến bản chất của từng chế độ xã hội.

Hiện nay, nhân dân ta đã bước vào giai đoạn mới, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta có đủ điều kiện để đầu tư khoa học và kỹ thuật làm cho sự hiểu biết của chúng ta về đất liền và vùng biển, hiện còn đơn giản và nông cạn, ngày càng có cơ sở khoa học giúp cho chúng ta ngày càng đi sâu nắm được các quy luật diễn biến của đất đai trong cả nước, cũng như trong từng vùng lãnh thổ. Trên cơ sở khoa học ấy, chúng ta cần *đề ra cho được phương hướng tác động cụ thể và có hiệu lực để làm cho quy luật đất đai ngày càng màu mỡ trở thành hiện thực*, không những trên từng địa phương mà trên toàn bộ lãnh thổ của chúng ta, kể cả trên hàng triệu héc-ta hiện đang ở trên xu thế thoái hóa. Điều đó có ý nghĩa quyết định đối với tương lai của nền nông nghiệp nước ta. Không những thế, về lâu dài mà nói, điều đó có ý nghĩa quyết định đối với tiền đồ hưng thịnh của dân tộc.

Về vấn đề sử dụng đất đai, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã đề ra *« thâm canh, tăng vụ và bảo vệ, bồi dưỡng, cải tạo đất* trên toàn bộ diện tích canh tác ». Hiện nay ở hầu hết các nước, nông nghiệp đều đi vào thâm canh.

Đối với chúng ta, về diện tích nói chung, nước ta không phải là một nước nhỏ. Tuy nhiên, với số dân 50 triệu hiện nay và sắp tới còn tăng thêm thì bình quân đất đai tự nhiên của mỗi người không phải là nhiều. Vì vậy, *đối với nông nghiệp nước ta, thâm canh rõ ràng là một quy luật tất yếu.* Chúng ta đã có những tỉnh năng suất lúa đạt 6 tấn trên một héc-ta, những huyện đạt 8 đến 9 tấn, những hợp tác xã đạt 10 tấn trên một héc-ta. Khoa học và kỹ thuật cần đi sâu xác định những cơ sở và biện pháp khoa học — kỹ thuật để mở rộng diện tích thâm canh và tăng vụ, nhằm tăng hơn nữa năng suất của đất, cũng như hiệu quả kinh tế của nông nghiệp. Khoa học và kỹ thuật cần đi sâu *nghiên cứu những điển hình tốt về cải tạo và bồi dưỡng đất đai*. Ví dụ như hợp tác xã Vũ-thắng đã dùng hàng triệu ngày công đưa đất phù sa từ ven sông Hồng về, kết hợp với các biện pháp kỹ thuật khác, làm cho đất của một vùng trũng chua mặn trở thành màu mỡ hẳn lên. Lại như các điển hình tiên tiến cải tạo thành công đất bạc màu vùng trung du Bắc-bộ, tạo nên biến chuyển lớn về độ màu mỡ đưa lại năng suất 8 tấn trên một héc-ta...

Ở đây, chúng ta cần nhấn mạnh *sự cần thiết phải tiết kiệm đất đai*, nhất là đất trồng trọt, chấm dứt mọi sự lãng phí đất đai. Trong lúc phải bỏ ra biết bao công sức mới khai hoang chưa được 20 vạn héc-ta, thì hiện nay ở ngay một số tỉnh vùng đồng bằng Bắc-bộ đã có đến 8 vạn héc-ta đất thuộc bị bỏ hóa. Chúng ta cũng đã sử dụng hàng chục vạn héc-ta đất tốt vùng đồng bằng vào việc xây dựng cơ bản; vấn đề này cần được quy định chặt chẽ hơn nữa. Các mương máng, các hệ thống thủy lợi hiện nay cũng đã chiếm đến 10% đất đai. Làm thủy lợi bằng mương máng như hiện nay là rất cần thiết, nhưng ngay bây giờ cũng nên nghĩ tới và làm thí nghiệm những hệ thống thủy lợi bằng ống ngầm hay máng nổi để tiết kiệm đất hơn. Chúng ta phải biết quý từng tấc đất, vì làm ra và gìn giữ mỗi tấc đất tươi tốt như ngày nay đòi hỏi phải mất biết bao mồ hôi, công sức và xương máu. Chính vì vậy, mà nhân dân ta đã tổng kết một cách hết sức sâu sắc: « Tấc đất — tấc vàng ».

Digitized by Google

Một vấn đề rất quan trọng nữa là *mở mang đất đai nông nghiệp, khai hoang để mở rộng diện tích, xây dựng những vùng kinh tế mới*. Chúng ta cần khẳng định đây là một chủ trương đúng đắn và sáng suốt nhằm kết hợp đất đai với lao động, phát huy những tiềm năng to lớn của đất nước, làm ra của cải vật chất ngày càng nhiều. Cần nhấn mạnh rằng, muốn đạt đến mục đích ấy thì khai hoang nhất thiết phải đi đôi với bảo vệ và cải tạo đất đai, làm cho đất đai không những trước mắt cho thêm sản phẩm, mà về lâu dài ngày càng trở nên màu mỡ. *Khai hoang đến đâu phải đưa vào sản xuất, phải thực hiện thâm canh đến đấy*. Hiện nay ở nhiều địa phương có phong trào khai hoang, mở rộng diện tích để trồng màu. Có tỉnh như Bình-trị-thiên đã đưa tỷ lệ trồng màu lên đến 40% và sắp tới có thể cao hơn nữa, nhờ vậy không những đã giải quyết được vấn đề lương thực mà còn giữ vững và phát triển được chăn nuôi. Có huyện như Đắc-tô, thuộc tỉnh Gia-lai — Công-tum đồng bào rất phấn khởi vì nhờ vỡ hoang trồng sắn mà năm nay không thiếu ăn vào lúc giáp hạt, một điều chưa từng có từ trước đến nay. Tuy nhiên, đi sâu vào tìm hiểu biện pháp mở rộng diện tích thì chưa nơi nào thực hiện thâm canh cả. Nếu cứ tiếp tục khai hoang trồng sắn theo kiểu ấy thì chỉ vài ba năm sau đất đai sẽ bị nghèo kiệt. Cần tiếp tục trồng sắn nhiều hơn nữa ở những nơi thích hợp, nhưng nhất thiết phải đi vào thâm canh. Không nên thỏa mãn với những kết quả trước mắt, mà phải biết nhìn lâu dài và toàn diện. Nếu chúng ta làm ăn không theo đúng quy luật của thiên nhiên, thì như Ăng-ghen đã từng nói: Thiên nhiên sẽ trả thù những hành động khinh suất của chúng ta.

Càng mở mang những vùng kinh tế mới trên quy mô lớn, thì càng phải *đầu tư khoa học và kỹ thuật, điều tra nghiên cứu rất nghiêm túc để xây dựng những quy hoạch tổng thể có chất lượng*. Khoa học và kỹ thuật không những phải xác định đúng đắn phương hướng sản xuất mà còn phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nông nghiệp, lâm nghiệp và vấn đề nước. Vì đây là vấn đề rất cơ bản, có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc giữ gìn, cải tạo và làm giàu đất đai, ngăn chặn mọi khả năng thoái hóa, tạo nên cơ sở vững chắc để bảo vệ môi trường sinh thái, xây dựng thành công các vùng kinh tế mới rộng lớn của chúng ta. Nghị quyết của Đảng đề ra chỉ tiêu mở mang hàng triệu héc-ta, về lâu dài phải đưa diện tích đất nông nghiệp từ 5 triệu héc-ta hiện nay lên 10 – 11 triệu héc-ta. Nhiệm vụ ấy đặt ra yêu cầu cực kỳ quan trọng cho khoa học trong vấn đề điều tra và nghiên cứu đất đai. Yêu cầu đó càng trở nên bức thiết hơn nữa, bởi vì phần lớn những vùng sẽ mở ra là những địa bàn đất đai hiện nay còn tốt, nhưng rất dễ bị xói mòn, thoái hóa, nếu không có những biện pháp kỹ thuật nghiêm cách và đúng đắn.

Nói đến đất, không thể không nói đến *nước*, đến *rừng*, ở nước ta thì đồng thời không thể không nói đến *biển*. Là vì có đất lại phải có nước thì mới có sự sống, mới có nông nghiệp. Rừng lại là một điều kiện thiên nhiên có mối liên hệ rất mật thiết với trữ lượng nước. Nước ta lại nằm trên bờ biển Thái-bình-dương. Cho nên, *đất, nước, rừng, biển có mối liên hệ qua lại và tác động lẫn nhau*. Có thể nói rằng, *rừng và biển có tầm quan trọng rất to lớn không những về mặt tiềm năng các sản phẩm quý giá có thể cung cấp cho xã hội, mà còn về vai trò giữ gìn môi trường và cân bằng sinh thái tốt nhất đối với toàn bộ đất đai nước ta, đối với việc phát triển các ngành kinh tế quốc dân trong cả nước*.

Nghị quyết của Đảng rất coi trọng vấn đề nước, khi đề ra nhiệm vụ

Digitized by Google

phát triển vượt bậc nông nghiệp. Để làm thủy lợi, chúng ta đã điều tra một bước trữ lượng nước ở lưu vực nhiều con sông lớn. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là đẩy mạnh công tác điều tra nghiên cứu sâu hơn nữa, bao quát hơn nữa để đánh giá được không những tổng trữ lượng nước mưa trút xuống nước ta hằng năm, mà quan trọng hơn là đánh giá được tổng trữ lượng nước trong từng vùng lãnh thổ và trên phạm vi toàn quốc, kể cả nước trên mặt đất và nước ngầm trong lòng đất, tiến tới tìm hiểu quy luật diễn biến của nước đang theo chiều hướng tăng thêm hay giảm bớt đi. Chính đó là cơ sở cho một chính sách về nước, cho chế độ sử dụng nước không những để phục vụ nông nghiệp, mà còn để phục vụ công nghiệp, phục vụ mọi hoạt động kinh tế và đời sống của xã hội, trước mắt và lâu dài về sau.

Ở nước ta, đất liền tiếp giáp với vùng biển trên một chiều dài khoảng 3.200km. Vì vậy, khi nói đến các nguồn nước ngọt thì không thể không nói đến các quy luật thủy triều của nước biển, đến sự tác động qua lại giữa nước ngọt và nước mặn, đến khả năng đẩy lùi nước mặn, cũng như ngăn chặn sự thâm nhập của nước mặn vào đất liền. Những hiện tượng nước mặn xâm nhập vào đất liền sâu hơn trước ở một số nơi cần được theo dõi và nghiên cứu. Vấn đề nước quan trọng như vậy, cho nên, chỉ có trên cơ sở những hiểu biết tương đối toàn diện và chính xác về các nguồn nước, chúng ta mới có thể sử dụng nước một cách khoa học và có hiệu quả, *làm cho nước ta mãi mãi có những tiềm năng to lớn về nước*, làm cho nước thật sự và mãi mãi là tài nguyên phong phú của ta. Đồng thời vì ở bên cạnh biển, cho nên chúng ta, từ bây giờ, cần chú ý tới khả năng lọc nước ngọt từ nước biển. Tuy vấn đề này đối với chúng ta hiện nay chưa phải là bức thiết, nhưng cần phải thấy trước rằng cùng với nhịp độ và quy mô phát triển ngày càng lớn của các ngành kinh tế quốc dân, đặc biệt là của công nghiệp, thì nhu cầu về nước ngọt ngày càng tăng lên gấp bội. Cũng vì vậy, mà trên thế giới hiện nay, lọc nước ngọt từ nước biển là một phương hướng lớn của khoa học. Và cũng đã có nước xây dựng cả một thành phố trên bờ biển, ở đó mọi nhu cầu về nước ngọt đều được giải quyết bằng nước biển lọc ra.

Một vấn đề quan trọng và cấp bách khác mà các Nghị quyết của Đảng đều nói đến là *vấn đề « trồng rừng, tu bổ, bảo vệ rừng và khai thác rừng »*. Rừng từ xa xưa đã bao phủ phần lớn đất đai của nước ta. Rừng nhiệt đới của ta có nhiều tầng, nhịp độ tăng trưởng khá nhanh, không những là một nguồn của cải to lớn về gỗ quý, về các loại thực vật khác, về động vật hoang dại, về các đặc sản nhiệt đới, mà còn là một điều kiện không thể thiếu và không có gì thay thế được để bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước và giữ gìn độ màu mỡ cho đất đai như trên đã nói. Tuy vậy, phần nào do yêu cầu làm ăn của đồng bào ta ở vùng núi, phần nào do một số người thiếu ý thức về tầm quan trọng của rừng, cho nên nạn phá rừng kéo dài từ lâu, đến nay vẫn chưa chấm dứt. Trong những năm chiến tranh, đế quốc Mỹ lại dùng chất độc phá hoại hàng triệu héc-ta rừng quý của ta, nhất là trong các vùng căn cứ kháng chiến và dọc các con đường chiến lược. Trong công tác khai hoang vừa qua, có nơi đã không tuân thủ những quy định về bảo vệ rừng, giữ gìn những dải rừng cần thiết. Do đó, mà diện tích rừng đã bị thu hẹp nhiều và hiện đang tiếp tục bị thu hẹp, đến một giới hạn không thể chấp nhận. Vì vậy, khoa học và kỹ thuật phải đi sâu xác định tầm quan trọng và quy luật sinh trưởng của từng loại rừng, để ra cho được những *biện pháp khai thác* vừa có hiệu quả kinh

Digitized by Google

tế vừa bảo đảm cho sự tái sinh của rừng. Một vấn đề hết sức cấp bách hiện nay là phải bằng mọi cách chấm dứt hẳn những hành động phá rừng. Phải tôn trọng triệt để pháp lệnh bảo vệ rừng của Nhà nước. Trước hết, phải bảo vệ những khu rừng đầu nguồn, những rừng gỗ quý ở Việt-bắc và miền Trung, ở Tây-nguyên và Nam-bộ. Rừng khộp không nên phá, vì nếu phá đi thì càng làm cho đất đai ở đó thoái hóa nhanh hơn. Rừng sú-vẹt, rừng sặt, rừng đước, rừng tràm đều cần được bảo vệ, không những để làm giảm sự thâm nhập của nước mặn, mà còn để phát huy tác dụng giữ lại phù sa, thúc đẩy quá trình lấn biển, đồng thời tạo nên môi trường sinh thái cho nhiều nguồn lợi rất lớn về hải sản.

Vấn đề *phủ xanh hàng triệu héc-ta đồi trọc, trồng lại rừng trên quy mô lớn*, là một nhiệm vụ rất quan trọng và cấp bách đòi hỏi các cơ quan kinh tế, khoa học và kỹ thuật phải tập trung giải quyết. Đứng về khả năng của ngành lâm nghiệp mà nói thì hiện nay chỉ tiêu trồng lại 1, 2 triệu héc-ta được coi là một chỉ tiêu tương đối cao. Nhưng, đứng về yêu cầu nhanh chóng chấm dứt quá trình thoái hóa của đất đai, nhanh chóng làm cho hàng triệu héc-ta khôi phục trở lại độ màu mỡ, thì chỉ tiêu đó rõ ràng là còn quá thấp. Khi nói rằng đất đai là một tư liệu sản xuất đặc biệt hết sức quý giá, chúng ta muốn nói đến cả từng tấc đất trên các đồi trọc. Đất đai trong chừng mực nào đó là một vật thể sống, tuy không mất đi hẳn, không phải thay thế cái mới như các máy móc trong công nghiệp sau một thời gian sử dụng; nhưng đất đai có quy luật diễn biến của nó, có thể thoái hóa đến mức độ không còn là một tư liệu sản xuất nữa. Vì vậy, chúng ta cần có ý thức đầy đủ đối với nhiệm vụ phủ xanh trở lại các đồi trọc, làm cho đất ở đây ngày càng tăng thêm tiềm năng đối với hoạt động sản xuất. Cần đầu tư khoa học và kỹ thuật, đề xuất những biện pháp tích cực nhất, sáng tạo nhất để hoàn thành kỳ được và hoàn thành vượt mức những chỉ tiêu đã đề ra, tạo nên những thảm xanh thực vật mới.

Chúng ta không thể không nghĩ tới vấn đề tạo nên thảm xanh thực vật phong phú và đa dạng, với những đặc sản trên khoảng gần 60 vạn héc-ta *đất cát chạy dài dọc ven biển* của nước ta. Điều đó ngày nay đang trở thành hiện thực. Cát không những là nguyên liệu cho công nghiệp, mà còn là một loại đất đai có thể phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp. Chúng ta đã thành công trong việc phát triển các rừng phi lao ở ven biển, các rừng này vừa chắn gió, vừa cho gỗ, lại làm đẹp thêm phong cảnh các bãi biển. Nhưng có phải chỉ cây phi lao mới thích hợp với đất cát hay không ? Cây dừa, một số cây lương thực, thực phẩm, các loại hành, tỏi, hương lau trồng ở vùng đất cát hiện nay cũng đã đưa đến hiệu quả kinh tế khá cao. Trên các bãi cát dọc ven biển đã có một số làng mạc, với cây cối xanh tươi. Chúng ta cần đầu tư khoa học và kỹ thuật tìm hiểu những khả năng tự nhiên và kinh tế của đất cát, phát hiện ra những khả năng mới, kết hợp ở đây nông nghiệp với lâm nghiệp và ngư nghiệp để đưa dần ra ven biển, thực hiện một hướng quan trọng về phân bố lại lao động, góp phần xây dựng nên kinh tế miền biển ngày càng giàu có, kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Chủ trương về vấn đề *xâm nhập giữa lâm nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp* là một chủ trương rất đúng đắn mà cán bộ khoa học — kỹ thuật của chúng ta phải quán triệt và thực hiện với tinh thần tích cực, sáng tạo. Cần xúc tiến công tác nghiên cứu khoa học — kỹ thuật để phục vụ việc xây dựng một nền kinh tế toàn diện ở miền núi, kể cả những nơi có rừng. Rừng không chỉ cung cấp gỗ, mà còn

Digitized by Google

cung cấp các thứ lương thực, thực phẩm nữa. « Rừng là vườn », đó là một câu nói đầy ý nghĩa. Phải xây dựng tư tưởng quý trọng rừng, chăm sóc rừng như chăm sóc vườn tược, kết hợp từng bước việc bảo vệ và kinh doanh rừng với việc phát triển trồng trọt và chăn nuôi. Ngược lại, trên những vùng đất đai nông nghiệp hiện nay, thì cần nghiên cứu và xác định những thứ cây lâu năm thích hợp nhất để trồng phổ biến, như chúng ta đang làm ở miền Bắc, từ khi có lời kêu gọi « Tết trồng cây » của Bác Hồ. Ở những nơi cần thiết thì tạo nên những dải rừng để giữ độ ẩm của đất và để chắn gió. Để đẩy mạnh công tác phủ xanh đồi trọc, một phương hướng lớn là kết hợp trồng cây lâm nghiệp với trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và trồng cỏ... Làm như vậy vừa có gỗ, vừa có thức ăn cho người và gia súc, vừa phát triển được chăn nuôi, vừa từng bước cải tạo được đất đai. Một ví dụ cần nêu lên là có nhiều địa phương đã phủ xanh đồi trọc thành công bằng chủ trương trồng mít, có nơi đã trồng thành rừng trên mấy trăm héc-ta. Cây mít vừa cung cấp thức ăn cho người và gia súc, vừa cho gỗ quý. Ở dưới tán, lại có thể trồng dứa hoặc trồng cỏ để chăn nuôi. Cần theo dõi để xác định ảnh hưởng của cây mít đối với đất đai như thế nào. Khoa học lâm nghiệp và nông nghiệp phải tìm ra cho được nhiều loại cây như vậy phù hợp với từng vùng của lãnh thổ nước ta.

Nông nghiệp không những phải thâm nhập vào rừng mà còn phải thâm nhập vào môi trường nước sông, nước biển. Diện tích mặt nước ngọt trên đất đai nước ta rất lớn. Đồng bằng sông Cửu-long có nhiều sông ngòi, kênh rạch. Ở đồng bằng sông Hồng có địa phương mặt nước ngọt chiếm tới 20% diện tích tự nhiên. Diện tích mặt nước đó chứa đựng nhiều khả năng về nuôi cá nước ngọt và trồng một số loại thực vật có ích. Nếu chúng ta biết rằng, mỗi một héc-ta mặt nước có thể cung cấp đến 5 tấn cá nước ngọt, thì chúng ta không còn coi thường việc đầu tư khoa học, kỹ thuật vào môi trường này để phát triển các nguồn lợi thiên nhiên.

Ngày nay, trên thế giới khái niệm nông nghiệp không còn hạn chế ở trên đất liền, mà đã mở rộng đến môi trường nước, kể cả nước biển, hình thành từng bước ngành *« nông nghiệp ở môi trường nước »*. Ở đây, chúng ta không nói đến khoa học về biển, bởi vì đó là một vấn đề hết sức rộng lớn, mà chỉ đề cập đến sự phát triển ngành trồng trọt và chăn nuôi ở vùng biển của nước ta, kể cả trên 40 vạn héc-ta vịnh, eo biển, đầm phá, trên vùng nước lợ ở ven bờ, cũng như trên vùng biển ngoài khơi, nhất là ở gần các hải đảo. Hiện nay, người ta đã thấy rằng, với lối khai thác hải sản ồ ạt trên quy mô lớn bằng phương tiện cơ giới ngày càng hiện đại, ở nhiều vùng biển trên thế giới đã xuất hiện hiện tượng nguồn hải sản cạn dần. Ở nước ta, tuy nghề đánh cá chưa phát triển lắm, nhưng do việc khai thác trái phép và bừa bãi của các tàu đánh cá nước ngoài, cho nên có hiện tượng một số bãi cá đã nghèo dần, một số loại hải sản quý giảm đi trông thấy. Vùng biển của nước ta có thể là một trong những vùng biển giàu có nhất, nhất là về các hải sản đặc biệt, nhưng nguồn lợi to lớn đó hiện ta chưa khai thác được bao nhiêu. Vì vậy, khoa học và kỹ thuật cần được đầu tư mạnh hơn nữa vào vấn đề điều tra nghiên cứu việc đánh bắt và nuôi, trồng ở vùng biển, chú trọng các loại tôm cá, các loại thực vật biển, các đặc sản quý. Có như vậy, mới thực hiện được chỉ tiêu về hải sản do Trung ương đề ra, vừa góp phần giải quyết vấn đề ăn cho nhân dân, vừa tăng thêm mặt hàng xuất khẩu có giá trị lớn.

Digitized by Google

Đất đai với nghĩa rộng của nó là một tư liệu sản xuất vô giá. Đất, nước, rừng và biển đều có tầm quan trọng rất lớn đối với nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Bởi vậy, chúng ta phải biết quý trọng, sử dụng, bảo vệ các tài nguyên quý báu ấy. « Chúng ta không thể đối xử với thiên nhiên, thống trị thiên nhiên như kẻ xâm lược thống trị dân tộc khác, như một kẻ đứng ngoài thiên nhiên. Trái lại, chúng ta thuộc về nó cả xương, thịt, máu và trí tuệ, và chúng ta ở bên trong nó. Khác với những sinh vật khác, toàn bộ sự thống trị của chúng ta đối với thiên nhiên là ở chỗ chúng ta có thể nhận biết được các quy luật của nó và ứng dụng các quy luật đó một cách đúng đắn » (6). *Nhiệm vụ của cách mạng khoa học - kỹ thuật là phải phát hiện ra các quy luật của thiên nhiên nước ta*, của đất, nước, rừng, biển của ta, trên cơ sở đó mà làm cho người lao động nói chung, người nông dân và công nhân trong nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp nói riêng, trở thành *những người làm chủ thông minh, sáng tạo, biết quý từng tấc đất của Tổ quốc, biết sử dụng tốt nhất đất, nước, rừng, biển của ta một cách đúng quy luật nhất, vì lợi ích trước mắt và lâu dài của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân.*

(còn nữa)

---

(6) C. Mác — F. Ăng-ghen : *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 20, trang 496.

Digitized by Google

Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam

ĐỖ-MƯỜI

SAU thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng miền Nam nước ta chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở thiết lập nền chuyên chính vô sản, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, Đảng ta đã lãnh đạo các ngành các cấp tiến hành đồng thời nhiều công tác rất quan trọng và đã đạt được những thắng lợi to lớn trên các mặt: khôi phục và phát triển kinh tế, giữ vững sản xuất và đời sống, thu xếp công ăn việc làm cho công nhân, lao động; chuyển dần nền kinh tế lệ thuộc đi theo hướng độc lập, tự chủ và xã hội chủ nghĩa; quét các tàn tích văn hóa thực dân mới, khôi phục phẩm chất con người, xây dựng đời sống văn hóa mới, con người mới, bước đầu đổi mới quan hệ giữa người với người; trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, củng cố quốc phòng... Những thắng lợi to lớn nói trên là thắng lợi của công cuộc cải tạo và xây dựng miền Nam về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

Trong thắng lợi chung to lớn ấy, riêng về mặt cải tạo và xây dựng kinh tế, chúng ta cũng đã đạt được những kết quả rất quan trọng. Chúng ta đã tập trung sức cải tạo, khôi phục và phát triển nông nghiệp, nhanh chóng cải tạo, khôi phục và đưa vào sản xuất hàng nghìn xí nghiệp, giải phóng hàng chục vạn công nhân khỏi ách bóc lột của giai cấp tư sản. Nhà nước đã nắm và trực tiếp quản lý những ngành kinh tế then chốt. Hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa được thiết lập, dần dần củng cố, phát triển và đang chiếm ưu thế trong nền kinh tế miền Nam. Sản phẩm của **công nghiệp** quốc doanh và công tư hợp doanh chiếm gần 60% giá trị sản lượng của công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp miền Nam, và đều là những mặt hàng rất thiết yếu đối với sản xuất và đời sống hằng ngày của nhân dân. **Vận tải** quốc doanh đường sắt, đường biển, đường hàng không và

Digitized by Google

quốc doanh ô-tô đang bảo đảm lưu thông Bắc-Nam, liên tỉnh, giữa thành thị và nông thôn, giữa nước ta và nước ngoài. Ngành vật tư của Nhà nước đang bảo đảm cung cấp phần lớn vật tư cơ bản cho các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, cho xây dựng cơ bản và cho tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Thương nghiệp quốc doanh tuy mới nắm được 50% nguồn hàng chủ yếu, chiếm lĩnh 40% thị trường bán lẻ, nhưng đang đảm nhiệm và ngày càng mở rộng cung cấp các mặt hàng thiết yếu nhất cho nhân dân như lương thực, muối, vải, rau, cá, thịt, bột ngọt, đường, sữa, chất đốt, thuốc chữa bệnh, giấy... Các ngành kinh doanh hàng thuộc lĩnh vực văn hóa, y tế của Nhà nước đã bảo đảm phục vụ những yêu cầu cơ bản nhất của cuộc sống văn hóa, tư tưởng, chính trị, những yêu cầu cơ bản về bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Trong cơ cấu các ngành kinh tế, bên cạnh thành phần kinh tế quốc doanh, đã hình thành thành phần công tư hợp doanh và thành phần kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa ở miền Nam đã bị phá vỡ nhiều mảng lớn có tính chất cơ bản. Các tổ chức kinh tế tư bản lũng đoạn đã sớm bị xóa bỏ. Bọn đầu sỏ trong giai cấp tư sản đã bị loại trừ khỏi kinh doanh lũng đoạn. Số tư sản còn lại hiện nay phần nhiều là loại vừa và nhỏ. Giai cấp tư sản công thương nghiệp miền Nam đã bị suy yếu và đang đi vào thế tan rã. Hiện nay họ không thể thao túng nền kinh tế miền Nam như trước được nữa, mà chỉ còn khả năng gây tác động xấu trong một số lĩnh vực và trên một phạm vi nào đó thôi.

Cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh miền Nam đang được tiến hành khẩn trương để có thể căn bản hoàn thành trong năm 1978.

Đấu tranh cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, chuyển các nhà tư sản thương nghiệp (đồng thời chuyển cả phần lớn tiểu thương) sang sản xuất, mở rộng và phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong lĩnh vực lưu thông, phân phối, đang là vấn đề nóng bỏng trước mắt. Qua cuộc đấu tranh này, cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa tiếp tục bị phá vỡ. Đây là một bước có tính chất quyết định trong việc xóa bỏ giai cấp tư sản ở miền Nam. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh sẽ góp phần to lớn, cùng với công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp đang được triển khai làm cho cơ cấu kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Nam được củng cố và tăng cường để cùng với cơ cấu kinh tế miền Bắc hợp thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thuần nhất trong cả nước, tạo điều kiện vật chất cho việc mở rộng và nâng cao quyền làm chủ tập thể của công nhân, nông dân lao động và trí thức xã hội chủ nghĩa nước ta.

Thắng lợi của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam trong thời gian vừa qua là to lớn. Nhưng chúng ta cũng có nhiều thiếu sót. Chúng ta chưa quán triệt mục đích cải tạo, chưa gắn chặt cải tạo với xây dựng; khi nói cải tạo công nghiệp thường chỉ nhấn mạnh hình thức cải tạo, không thấy vấn đề bao quát hơn là tổ chức lại để phát triển sản xuất; khi nói cải tạo thương nghiệp thường chỉ nói thu mua, trưng mua mà không thấy phải tổ chức lại nền thương nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa để phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân; không thấy hết mặt tiêu cực của thương nghiệp tư bản chủ nghĩa. Vì vậy cải tạo ngành

Digitized by Google

lưu thông phân phối làm chậm và không triệt để, nghiêm trọng nhất là không tiến hành kiểm kê và trưng mua hàng hóa tồn kho của tư thương ngay sau ngày giải phóng và từ đó đến nay chưa có biện pháp quản lý chặt chẽ những hàng hóa đó, để cho tư sản thương nghiệp đầu cơ, lũng đoạn giá cả, bóc lột nhân dân, gây khó khăn cho Nhà nước. Nếu vận dụng tốt đường lối kinh tế của Đảng, vận dụng tốt quy luật tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nắm vững mục đích, yêu cầu, nội dung và bước đi của việc cải tạo kết hợp với xây dựng, nếu quán triệt đầy đủ và tổ chức thực hiện tốt hơn nữa đường lối chung của Đảng là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, thì kết quả của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở các tỉnh, thành phố miền Nam còn lớn hơn và triệt để hơn.

★

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, của Bộ chính trị và Ban bí thư đã chỉ rõ rằng, trong việc đưa miền Nam cùng cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, công tác cải tạo và xây dựng kinh tế phải nhằm mục đích cơ bản và lâu dài là tạo lập một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa độc lập, tự chủ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cơ sở, trong từng địa phương và trong cả nước – làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ lực lượng lao động, làm chủ trong quản lý sản xuất và công tác lưu thông phân phối. Cải tạo và xây dựng về kinh tế phải gắn chặt với nhau: xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ phải đi liền với thiết lập quan hệ sản xuất mới, giải phóng lực lượng sản xuất trước đây bị kìm hãm, phải đi liền với phát triển lực lượng sản xuất mới. Cải tạo không phải chỉ là xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, mặc dù đây là điều tất yếu và bức thiết của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cải tạo chủ yếu là để sử dụng tốt lực lượng sản xuất hiện có, phát triển sản xuất, tổ chức lại sản xuất xã hội trên cơ sở quan hệ sản xuất mới, làm cho lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, xây dựng từng bước cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý, để đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Sau khi thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về chính trị, đánh đổ chính quyền phản động, xây dựng chính quyền cách mạng, thực hiện quyền làm chủ tập thể về chính trị của nhân dân lao động, thiết lập kiến trúc thượng tầng của xã hội mới, thì phải tiến hành ngay, không do dự, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế sớm xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, cải tạo quan hệ sản xuất cá thể của nông dân và thợ thủ công, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, xây dựng và củng cố cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta có đủ thế và lực để sớm làm việc này. Nhưng có nhiều việc chúng ta làm chậm và bỏ lỡ thời cơ.

Ba năm qua, dưới chính quyền chuyên chính vô sản, lực lượng của giai cấp tư sản ở miền Nam đã từng bước bị hạn chế và thu hẹp. Một số nhà tư sản đã tiếp thu chính sách cải tạo của Đảng và Chính phủ, góp phần vào việc khôi phục kinh tế. Nhưng nhiều người trong giai cấp tư sản, nhất là tư sản thương nghiệp, vẫn bám giữ lối kinh doanh bóc lột như cũ, thậm chí còn lợi dụng thời cơ để tác oai, tác quái, gây khó khăn cho Nhà nước và đời sống của nhân dân.

Digitized by Google

Đẩy mạnh cải tạo đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, một bộ phận của công tác cải tạo kinh tế nói chung, đang là một vấn đề cấp bách. Đành rằng đây là một công tác khó khăn và phức tạp, đòi hỏi phải tiến hành một cách thận trọng nhưng không vì thế mà không tiến hành một cách rất **khẩn trương**, vì cải tạo càng chậm thì các yếu tố tiêu cực của chủ nghĩa tư bản càng phát triển và gây tác hại càng nhiều đối với sự nghiệp chung của chúng ta.

« Phương hướng chính sách chung để cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh là sử dụng có lợi cho quốc kế dân sinh, hạn chế bóc lột, từng bước đẩy lùi và xóa bỏ giai cấp tư sản, trước hết là tư sản thương nghiệp. Nội dung cụ thể là : sử dụng tốt nhất khả năng quản lý và kỹ thuật của những người tư sản, khuyến khích họ đem vốn, thiết bị, vật tư ra kinh doanh các ngành nghề thích hợp theo quy hoạch và sự hướng dẫn của Nhà nước, đồng thời hạn chế và ngăn ngừa mặt tiêu cực của họ; xóa bỏ dần các ngành nghề kinh doanh không phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế của Nhà nước ; đưa họ đi vào chế độ quản lý và kinh doanh theo kế hoạch Nhà nước bằng các hình thức tư bản Nhà nước mà hình thức cao là công tư hợp doanh. Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh phải nhằm yêu cầu mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng quan hệ sản xuất mới, mở đường cho sức sản xuất phát triển » (1).

Đối với các xí nghiệp **công nghiệp tư bản tư doanh**, chúng ta đưa vào hình thức tư bản Nhà nước và các hình thức khác từ thấp đến cao và vận dụng một cách linh hoạt các hình thức đó vào từng ngành, từng nghề, từng cơ sở, phấn đấu dần, song song với sự biến đổi về quan hệ sản xuất, các mặt năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh đều được nâng lên rõ rệt. Chúng ta cần sớm chuyển các xí nghiệp tư bản tư doanh thành xí nghiệp công tư hợp doanh hoặc xí nghiệp hợp tác. Chúng ta sắp xếp ngay các cơ sở công nghiệp được cải tạo vào trong cơ cấu kinh tế của các ngành ; cơ cấu này được hình thành trên cơ sở tổ chức lại sản xuất của toàn ngành theo quy hoạch chung, và trên cơ sở phân công, phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương. Trong cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh, chúng ta chủ trương chuộc lại tư liệu sản xuất của các nhà tư sản. Đối với bản thân họ, ta giúp họ cải tạo để trở thành người lao động. Đối với những nhà tư sản chủ xưởng có kinh nghiệm quản lý sản xuất, có hiểu biết về chuyên môn, nghiệp vụ và tiếp thu tốt chính sách cải tạo hợp tình hợp lý của Đảng và Chính phủ, cũng như đối với những nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ giỏi của xí nghiệp cũ, ta phải biết sử dụng họ, phát huy tài năng của họ, để tạo ra nhiều của cải cho đất nước.

Đối với **tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp** thì tùy theo đặc điểm cụ thể của từng ngành, nghề mà tổ chức họ đi vào làm ăn tập thể từ hình thức thấp đến hình thức cao để cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, phát triển sản xuất, góp phần thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước. Đối với một số cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở những nơi phân tán và những ngành nghề không quan trọng, có thể còn duy trì hình thức kinh doanh cá thể nhưng Nhà nước quản lý, giúp đỡ sản xuất và thu mua sản phẩm. Bất kể dưới hình thức nào, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cũng phải đưa đến kết quả là phát triển sản xuất, giữ gìn và nâng cao

(1) Nghị quyết số 254 NQ/TƯ ngày 15-7-1976 của Bộ chính trị.

Digitized by Google

kỹ thuật sản xuất, làm phong phú mặt hàng và bảo đảm chất lượng sản phẩm, tuyệt đối không được vì cải tạo mà làm cho sản xuất bị đình trệ, ngành nghề bị thu hẹp hoặc mai một đi, và những cơ sở sản xuất này phải đặt dưới sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước.

Ở miền Nam, xí nghiệp công nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa không nhiều, trái lại cơ sở sản xuất nhỏ của tiểu chủ và thợ thủ công lại rất phát triển. Những cơ sở này sản xuất ra nhiều loại hàng và có những mặt hàng rất tốt và đẹp, có khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cả nước và cung cấp một khối lượng hàng xuất khẩu có giá trị. Vì vậy, phát triển sản xuất của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở miền Nam, đặc biệt là ở thành phố Hồ-Chí-Minh, phải được coi là một vấn đề quan trọng.

Đối với thương nghiệp, Đảng và Chính phủ đã quyết định nhanh chóng xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, ra sức phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, để Nhà nước cùng nhân dân làm chủ phân phối và thị trường, làm cho công tác lưu thông phân phối tác động có hiệu quả vào sản xuất, phục vụ tốt đời sống nhân dân.

Trong điều kiện công nghiệp nước nhà chưa phát triển, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có vai trò đặc biệt quan trọng. Nó góp phần thúc đẩy công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp cũng như đối với việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, một điều rất quan trọng là phải tổ chức ngay mạng lưới cung cấp vật tư, hàng hóa, thu mua lương thực, thực phẩm và các nông sản khác trên địa bàn huyện; Thông qua đó Nhà nước thực hiện mua bán hai chiều với nông dân, bảo đảm nắm chắc lương thực, thực phẩm và những nông sản hàng hóa thiết yếu, quan trọng khác đặng cung cấp một cách ổn định cho thành phố và nhân khẩu phi nông nghiệp; mặt khác Nhà nước cung cấp kịp thời vật tư cho sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng thiết yếu cho đời sống của nông dân.

Ở thành thị, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải phát huy được tác dụng tích cực thúc đẩy sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ, quản lý được mọi hàng hóa do các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh và các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, thủ công gia đình sản xuất ra, không để hàng hóa đó lọt vào tay bọn buôn bán đầu cơ, nhờ đó mà có thể thực hiện tốt kế hoạch phân phối hàng hóa.

Chúng ta không những phải xóa bỏ nền thương nghiệp tư bản chủ nghĩa mà còn phải xây dựng cho được mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vững mạnh với nhiều hình thức thích hợp. Cần nhanh chóng mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (bao gồm thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiêu thụ) đặc biệt là thương nghiệp quốc doanh, ra khắp các thành thị và nông thôn theo một quy hoạch chung và có sự phân công, phân cấp hợp lý. Có như vậy mới bảo đảm tốt việc thu mua, nắm nguồn hàng nông sản, lâm sản, thổ sản, hải sản và công nghệ phẩm, bảo đảm phân phối đến tận tay người tiêu dùng, bảo đảm tiện mua, tiện bán cho nhân dân, góp phần ổn định thị trường, vật giá, tài chính, tiền tệ và tiền lương thực tế của cán bộ, công nhân, viên chức. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải nhanh chóng nắm được nguồn hàng, cắt đứt quan hệ buôn bán của giai cấp tư sản với người sản xuất nhỏ ở thành thị và với nông dân ở nông thôn. Việc tích cực nắm nguồn hàng phải đi đôi với tăng cường quản lý, chống ăn cắp và móc ngoặc, không để hàng hóa lọt ra

Digitized by Google

ngoại, trở thành đối tượng mua đi bán lại.

Tư sản thương nghiệp miền Nam khá đông, bộ phận lớn nằm ở thành phố Hồ-Chí-Minh. Họ có nhiều mặt tiêu cực, đang gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống nhân dân. Vì vậy đi đôi với việc xóa bỏ triệt để thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, phải chuyển các nhà tư sản thương nghiệp sang sản xuất. Đó là cách làm tốt nhất giúp nhà tư sản từ bỏ bóc lột, từng bước cải tạo thành con người lao động. Khi chuyển nhà tư sản sang sản xuất, chú ý hướng họ vào quỹ đạo của kinh tế xã hội chủ nghĩa, đưa họ vào các cơ sở công tư hợp doanh, các hợp tác xã sẵn có trong công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, hoặc xây dựng mới những xí nghiệp công tư hợp doanh, những hợp tác xã để tận dụng vốn liếng, thiết bị kỹ thuật của họ. Nếu vì lý do chính đáng nào đó mà họ chưa tham gia các cơ sở nói trên thì cũng có thể cho họ sản xuất riêng lẻ, nhưng họ phải làm theo hướng của kế hoạch Nhà nước, chịu sự quản lý của Nhà nước và bán sản phẩm cho Nhà nước.

Dưới thời Mỹ — ngụy, thương nghiệp miền Nam phát triển quá mức. Ngoài số tư sản thương nghiệp, số **người buôn bán nhỏ** rất đông. Họ tập trung chủ yếu ở các đô thị, đông nhất là ở thành phố Hồ-Chí-Minh. Sau ngày giải phóng, số người buôn bán nhỏ lại phát triển thêm. Họ kinh doanh nhiều ngành, nhiều nghề, nhiều mặt hàng, cả những mặt hàng Nhà nước kinh doanh và những mặt hàng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa kinh doanh. Họ phục vụ nhiều mặt nhu cầu, nhiều thị hiếu khác nhau trong đời sống hằng ngày của xã hội. Họ là những người lao động ít vốn, lo làm ăn sinh sống, đại đa số ủng hộ và theo cách mạng; nhưng tiểu thương nằm trong cơ cấu thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, thế lực tư phát tư bản chủ nghĩa trong tiểu thương cũng khá mạnh. Từ ngày giải phóng đến nay, một số người đã tham gia đầu cơ, nâng giá, tranh nắm nguồn hàng với thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Một số người đã tiếp tay cho tư sản phá rối thị trường... Trước yêu cầu của sự nghiệp cải tạo và xây dựng lại toàn bộ nền kinh tế quốc dân, Đảng ta chủ trương «xóa bỏ ngay thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất». Tích cực chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất cũng là một vấn đề cấp bách, góp phần phân bố lại lao động xã hội một cách hợp lý để phát triển sản xuất và tổ chức lại công tác lưu thông phân phối theo một quy hoạch hợp lý và thống nhất. Việc cải tạo tiểu thương phải được tiến hành một cách thận trọng; chúng ta phải quan tâm sắp xếp công ăn việc làm cho họ, cố tránh tăng thêm số người thất nghiệp vốn đang quá đông ở các thành thị miền Nam. Đi đôi với việc chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp, chúng ta phải nghiên cứu sử dụng có chọn lọc một số tiểu thương tốt, có kỹ thuật, có nghiệp vụ mua bán hàng vào mạng lưới lưu thông phân phối xã hội chủ nghĩa. Khi sử dụng họ, phải chú ý người làm nghề nào thì dùng vào nghề ấy để phát huy khả năng kỹ thuật, nghiệp vụ của họ. Còn những ngành mà thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa kinh doanh, thì vấn đề cho tiểu thương làm, nhưng phải tổ chức sắp xếp họ lại và quản lý chặt chẽ. Chúng ta bảo đảm cho họ có thu nhập cần thiết để nuôi sống bản thân và gia đình; mặt khác chú ý giáo dục chính trị cho họ, giúp họ tự giác chấp hành đúng chính sách, làm tròn nghĩa vụ đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đi liền và gắn chặt với thương nghiệp là vấn đề **vận tải**. Xã hội miền Nam nguyên là xã hội buôn

Digitized by Google

bản cho nên vận tải là một vấn đề lớn. Nhà nước phải kịp thời nắm lấy và cải tạo tốt ngành vận tải để nó phục vụ cho việc tổ chức lại và phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, cải tạo thương nghiệp tư nhân, tăng cường quản lý thị trường, ổn định giá cả, chống đầu cơ, buôn lậu của gian thương, phục vụ tốt sinh hoạt của nhân dân trong từng địa phương, từng vùng và mở rộng việc giao lưu giữa hai miền Nam Bắc, đồng thời góp phần tích cực đấu tranh chống hoạt động của bọn phản động, tăng cường giữ gìn an ninh trật tự và củng cố quốc phòng.

Việc cải tạo các ngành văn hóa, giáo dục, y tế và các ngành dịch vụ khác cũng phải được đẩy mạnh để các ngành đó chuyển từ kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa sang phục vụ đời sống của nhân dân lao động.

★

Cuộc đấu tranh cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở các tỉnh, thành phố miềnNam đang diễn ra hằng ngày, hằng giờ hết sức phức tạp. Bởi vậy, các cấp bộ Đảng và chính quyền cần nhận thức đầy đủ tính chất cấp bách và tác dụng to lớn của cuộc đấu tranh này đối với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta, nhất là trong giai đoạn trước mắt, trên cơ sở đó, trực tiếp nắm lấy vấn đề này và tổ chức thực hiện một cách chu đáo. Các cơ quan có trách nhiệm không được buông lơi công tác cải tạo hoặc khoán trắng cho một số cán bộ tự xoay xở. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh có quan hệ rất chặt với các công tác khác. Công tác cải tạo làm tốt sẽ góp phần thúc đẩy các mặt công tác khác phát triển thuận lợi. Trái lại, chừng nào công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, nhất là thương nghiệp tư bản chủ nghĩa còn tồn tại thì những hiện tượng tiêu cực của chủ nghĩa tư bản còn diễn ra, gây tác hại đến sản xuất và đời sống nhân dân, gây khó khăn cho việc hợp tác hóa nông nghiệp, cho việc tổ chức lại những người sản xuất nhỏ ở thành thị, cho việc mở rộng mạng lưới lưu thông phân phối, cho việc thực hiện rộng rãi quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, và ảnh hưởng xấu đến việc xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh.

Công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa vì vậy không những là một trong những công tác trọng tâm trước mắt của các đảng bộ thành phố và thị xã ở miền Nam, mà còn phải được coi là một trong những công tác quan trọng của cả nước, đòi hỏi phải huy động lực lượng của cả nước cùng làm. Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, các Bộ, Tổng cục phối hợp với ủy ban nhân dân địa phương thật sự bắt tay vào công tác cải tạo, không coi nhẹ và khoán trắng cho cán bộ chuyên trách công tác cải tạo như vừa qua. Đây là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, nhưng các ban, ngành của Trung ương Đảng và Chính phủ chưa dồn sức vào đây được bao nhiêu; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của ngành không kết hợp chặt chẽ với cán bộ địa phương thì làm sao công tác cải tạo tiến hành nhanh, gọn, tốt được! Ở đây mọi tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, cũng như mọi hành động vô tổ chức, vô kỷ luật đều phải bị nghiêm khắc lên án và mau chóng khắc phục.

Tư tưởng có thông suốt thì hành động mới có thể có sáng tạo. Hiện nay, trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, còn nhiều người chưa thật nắm vững đường lối, chính sách cải tạo xã hội

Digitized by Google

chủ nghĩa của Đảng và Chính phủ đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, còn nhận thức mơ hồ đối với giai cấp tư sản miền Nam. Từ mơ hồ về nhận thức, dẫn đến lệch lạc đáng tiếc trong hành động. Các cấp ủy Đảng cần mở rộng hơn nữa việc tuyên truyền, giáo dục về chính sách cải tạo của Đảng và Chính phủ trong cán bộ và nhân dân, giúp họ tăng thêm niềm tin, phấn khởi, quyết tâm tham gia công tác cải tạo. Tất nhiên việc này không phải làm một lần là xong, mà phải làm bền bỉ suốt quá trình cải tạo.

Trong cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, một vấn đề hết sức quan trọng, đòi hỏi sự quan tâm đầy đủ của đảng bộ các cấp, đó là việc *chăm lo xây dựng thật tốt đội ngũ cán bộ* vì « cán bộ là cái gốc của mọi công việc » (2). Chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ đúng, nhưng nếu không có cán bộ tốt đem chính sách đó giải thích cho dân hiểu, tổ chức nhân dân cùng thực hiện thì công việc cải tạo cũng không thể có kết quả tốt được. Trong cuộc vận động này chúng ta cần một số lớn cán bộ. Vậy lấy đâu ra đủ cán bộ để đáp ứng yêu cầu của phong trào ?

Trước hết kiên quyết điều động số cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, nắm được đường lối, chính sách của Đảng, có quan điểm, lập trường vững vàng, có ý thức tổ chức, kỷ luật, biết cách phát động quần chúng, có hiểu biết về quản lý kinh tế, kỹ thuật đi làm công tác cải tạo, vì cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam là một nhiệm vụ có ý nghĩa toàn quốc, cần được thực hiện với sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản trong cả nước.

Đội ngũ cán bộ phải được mở rộng không ngừng bằng cách thu nạp những người ưu tú trong phong trào cách mạng của quần chúng. Đáng tiếc là trong thời gian vừa qua, nhiều người tích cực xuất thân từ công nhân, lao động nảy nở trong phong trào cải tạo chưa được thu hút vào các đoàn thể và những người ưu tú nhất trong họ cũng chưa được quan tâm bồi dưỡng đúng mức để kết nạp vào Đảng, bố trí vào những cương vị lãnh đạo thích đáng trong các xí nghiệp, tương xứng với tài, đức của họ. Cần nhận rõ rằng việc tuyển lựa đảng viên, cán bộ từ trong phong trào cách mạng của quần chúng là một mặt rất quan trọng của công tác tổ chức cán bộ trong công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở miền Nam. Mặt khác, qua thực tiễn của phong trào, chúng ta phải kiên quyết thanh lọc những phần tử xấu, thoái hóa ra khỏi đội ngũ cán bộ của Đảng, của Nhà nước và của các đoàn thể quần chúng. Đây cũng là vấn đề có tính quy luật. Trong khi tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư doanh, cán bộ làm công tác cải tạo thường dính tới vật tư hàng hóa, thường phải tiếp xúc với nhà tư sản, nếu cán bộ không tự rèn luyện, nếu không có sự giám sát của quần chúng, và nếu cấp trên không thường xuyên kiểm tra, giáo dục, kịp thời uốn nắn những lệch lạc mới chớm nở thì những cán bộ thiếu bản lĩnh thường dễ bị cái « bả vật chất » cám dỗ. Chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm đau xót về mặt này qua việc đấu tranh xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, trừng trị bọn gian thương, cũng như qua việc thu thuế siêu ngạch, đăng ký kinh doanh, v.v... Vì vậy các cấp ủy Đảng cần có biện pháp kiểm tra cụ thể để giữ gìn, bảo vệ cán bộ trong cuộc cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Chúng ta hết sức chú ý bồi dưỡng cán bộ, khen thưởng, đề bạt những người tốt ; nhưng cũng cần thi hành kỷ luật một cách nghiêm khắc đối với những

(2) Hồ-Chí-Minh : *Về vấn đề cán bộ*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 25.

Digitized by Google

người bị thoái hóa, biến chất, làm hại đến thanh danh của Đảng, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, xâm phạm tới lợi ích của nhân dân.

Phát động phong trào quần chúng tự giác tham gia cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa là cái « chìa khóa » giúp ta đi tới thắng lợi nhanh chóng, triệt để. Đúng như Lê-nin đã nói « Chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân » (3) và « một cuộc cách mạng như thế chỉ có thể được hoàn thành thắng lợi, nếu bản thân đa số nhân dân, và trước hết là đa số những người lao động, phải tỏ ra là có khả năng chủ động tiến hành một hoạt động sáng tạo có ý nghĩa lịch sử » (4).

Qua « chiến dịch » đấu tranh xóa bỏ kinh doanh thương nghiệp của các nhà tư sản và chuyển các nhà tư sản sang sản xuất mở ra từ ngày 23-3-1978, nhiều ban cải tạo tỉnh, thành phố đã nhận định rằng hàng hóa do các nhà tư sản tự kê khai nói chung chỉ bằng một phần năm khối lượng hàng hóa đã phát hiện. Chính anh chị em công nhân, lao động trước đây làm thuê cho tư sản thương nghiệp như người lái xe, tải hàng, bốc vác, xếp hàng, thợ nề, thợ mộc, thợ điện, v.v... đã tích cực giúp các tổ công tác tìm ra nhiều hàng hóa mà nhà tư sản không chịu kê khai. Nhiều bà con lao động trong các phường, khóm đã kiến nghị với các tổ công tác đến kiểm tra các hộ tư sản có nhiều hàng mà cán bộ ta chưa biết hết. Chín mươi phần trăm những điều phát hiện là chính xác. Các tầng lớp nhân dân lao động đều tỏ ra phấn khởi, nhiệt liệt đồng tình, ủng hộ chủ trương, chính sách hết sức hợp lòng dân, rất đúng đắn của Đảng và Chính phủ. Chính việc khơi dậy được ý thức làm chủ tập thể sâu xa này của nhân dân lao động, là một thắng lợi to lớn bảo đảm cho cuộc cải tạo tiến tới không gì cản nổi. Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh rõ ràng là một việc lớn, có quan hệ mật thiết đến đời sống trước mắt và lâu dài của hàng chục triệu người, không thể là việc riêng của một số cán bộ được giao trách nhiệm làm « công tác cải tạo ».

Tại các cơ sở công nghiệp, phải dựa vào công nhân tại chỗ để tiến hành công tác cải tạo, làm cho công nhân hiểu trách nhiệm mới của mình, phát huy được vai trò làm chủ tập thể trong việc cải tạo xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, xây dựng xí nghiệp công tư hợp doanh, xí nghiệp hợp tác; đồng thời giúp cho nhà tư sản thấy được bóc lột là xấu và họ phải tự phấn đấu để tự cải tạo thành người lao động. Vì vậy, phát động quần chúng, xây dựng và tổ chức lực lượng công nhân, lao động thành chỗ dựa vững chắc, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Đảng ở cơ sở, là điều có ý nghĩa quyết định trong việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cải tạo xí nghiệp tư bản chủ nghĩa và cải tạo nhà tư sản kinh doanh công nghiệp.

Đi đôi với việc phát động phong trào cách mạng của quần chúng công nhân, phải rất coi trọng phát động tư tưởng người tiểu chủ, thợ thủ công và tiểu thương. Trước và một phần sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, số người này chịu sự chi phối sâu sắc của giai cấp tư sản, nhất là tư sản thương nghiệp. Nhà nước chuyên chính vô sản phải bằng mọi biện pháp giáo dục và tổ chức, kinh tế và hành chính, tách đông đảo quần chúng lao động này khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản, đưa họ từ quỹ đạo chủ nghĩa tư bản sang quỹ

(3) V.Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, trang 327.

(4) V.Lê-nin : Sách đã dẫn, 1971, tập 27, trang 301.

Digitized by Google

đạo của chủ nghĩa xã hội, thì mới tạo điều kiện cho cuộc cải tạo tiến hành được thuận lợi.

Ngay đối với những người trong gia đình tư sản, từ bản thân nhà tư sản đến con cái họ, nếu ta biết phát động tư tưởng họ, nói cho họ hiểu rõ đường lối và chính sách của Đảng và Chính phủ, thì công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang mở rộng chắc chắn sẽ được tiến hành thuận lợi hơn.

Nội dung quan trọng nhất của công tác giáo dục tư tưởng cho quần chúng là bồi dưỡng cho họ tinh thần làm chủ tập thể. Trước ngày giải phóng, Đảng ta giáo dục họ lòng căm thù đối với bọn đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai, nhằm động viên và tổ chức họ đứng lên đánh đổ bọn thống trị phản động. Ngày nay Nhà nước chuyên chính vô sản đã được thiết lập, Đảng ta phải chỉ cho công nhân và quần chúng lao động thấy rõ họ đã từ địa vị người làm thuê chuyển thành người làm chủ, để họ tự giác gánh lấy trách nhiệm cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Bằng phương pháp so sánh, lấy người thật, việc thật để giáo dục cho công nhân và người lao động thấy bộ mặt xấu xa của giai cấp tư sản, thấy rõ trong xã hội tư bản chủ nghĩa anh chị em bị bóc lột, bị khinh miệt, là một cách làm có hiệu quả nâng cao giác ngộ giai cấp cho công nhân và người lao động, để họ kiên quyết đứng lên góp phần cải tạo triệt để xã hội cũ theo quan điểm của Đảng. Cần làm cho anh chị em hiểu rằng người lao động chỉ được hoàn toàn giải phóng khi không còn giai cấp tư sản. Muốn làm chủ xã hội, điều đầu tiên và quan trọng nhất là công nhân và người lao động phải làm cho sản xuất của xí nghiệp mình ngày càng phát triển, sản phẩm làm ra ngày càng nhiều, chất lượng sản phẩm ngày càng tốt, giá thành sản phẩm ngày càng hạ, phân phối ngày càng hợp lý, đời sống ngày càng được cải thiện. Với tư cách là người chủ tập thể, công nhân trong các xí nghiệp một mặt phải thuyết phục nhà tư sản đem sự hiểu biết về quản lý và kỹ thuật của họ đóng góp vào sự tiến bộ hằng ngày của xí nghiệp, mặt khác phải giám sát, đấu tranh với những mặt tiêu cực của nhà tư sản, chân thành giúp họ cải tạo thành người lao động. Đối với những nhà tư sản đã chấp nhận chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhiệt tình xây dựng xí nghiệp công tư hợp doanh; chúng ta cần mạnh dạn sử dụng họ, và có chính sách đãi ngộ thích đáng đối với họ. Làm như thế chính là vì lợi ích trước mắt và lâu dài của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Hiểu và làm được như trên thì qua cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể của công nhân và quần chúng lao động sẽ được nâng cao thêm, các tổ chức Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng sẽ được củng cố. Và điều đó phải được coi là một trong những kết quả quan trọng nhất của quá trình cải tạo này.

★

Cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa đang được triển khai rộng khắp ở miền Nam là sự thể hiện quy luật phát triển không ngừng của cách mạng nước ta. Việc chúng ta đang làm là đúng hướng, đáp ứng yêu cầu bức thiết của cách mạng nước ta. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, với sức mạnh của Nhà nước chuyên chính vô sản, với đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm và ngày một trưởng thành cùng với đông đảo nhân dân ngày càng giác ngộ về vai trò làm chủ tập thể của mình trong

(Xem tiếp trang 74)

Digitized by Google

PHÁT HUY CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CÁCH MẠNG CỦA QUÂN ĐỘI TA TRONG SỰ NGHIỆP BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG TỔ QUỐC VIỆT-NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trung tướng LÊ-QUANG-ĐẠO

CÁCH đây ba năm, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc oanh liệt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta. Quân và dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đánh thắng hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam thân yêu, hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

«Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người» (1).

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã trở thành *một động lực tinh thần mạnh mẽ trong sức mạnh vô địch* của lực lượng vũ trang nhân dân ta trong suốt 30 năm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Đại hội lần thứ IV của Đảng khen ngợi các lực lượng vũ trang nhân dân ta «suốt mấy chục năm ròng đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập được những chiến công oanh liệt từ trận Điện-biên-phủ đến chiến dịch Hồ-Chí-Minh, làm rạng rỡ truyền thống vẻ vang của quân đội ta, cùng với toàn dân viết nên bản anh hùng ca kỳ diệu của chiến tranh cách mạng Việt-nam» (2).

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân đội ta trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng, nhất là trong chiến tranh giải phóng, chiến tranh giữ nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiền phong, là sự kế thừa và phát triển truyền thống anh hùng của dân tộc ta lên một chất lượng mới, nội dung mới, trên lập trường của giai cấp công nhân. Đó là *sự kết tinh của ý chí quật cường bất khuất của dân tộc với tinh thần cách mạng triệt để, tinh thần cách mạng tiến công của giai cấp công nhân, của sự giác ngộ dân tộc với giác*

(1) *Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 5.

(2) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 9.

Digitized by Google

ngộ giai cấp, của tinh thần yêu nước với yêu chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả.

Đây là chủ nghĩa anh hùng cách mạng của một quân đội nhân dân chiến đấu cho một *mục tiêu cách mạng* rất kiên quyết và triệt để, một sự nghiệp rất vĩ đại và cao quý dưới ánh sáng đường lối kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Không những chiến đấu để giải phóng dân tộc giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc mà còn để giải phóng giai cấp, giải phóng nhân dân lao động, xây dựng chế độ xã hội mới, xã hội không còn người bóc lột người. Không chỉ giải phóng dân tộc, giải phóng lao động mà còn tiến lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước giàu mạnh. Không những chiến đấu vì lợi ích của dân tộc mình mà còn vì lợi ích của nhân dân cách mạng trên toàn thế giới. Vì vậy, trong những năm kháng chiến cứu nước, mỗi công dân Việt-nam, mỗi chiến sĩ Việt-nam đều coi sự nghiệp chiến đấu giải phóng dân tộc là nghĩa vụ thiêng liêng nhất, cao cả nhất của toàn dân tộc Việt-nam, của mỗi người Việt-nam yêu nước. Toàn dân và toàn quân ta hiểu rằng mất nước là mất tất cả, nước mất thì nhà tan, cứu nước là cứu nhà, cứu cả bản thân mình ; dân tộc có được hoàn toàn giải phóng Tổ quốc có hoàn toàn độc lập, thống nhất thì mới xây dựng được chủ nghĩa xã hội, xây dựng được đất nước hùng cường, mới đem lại cho nhân dân cuộc sống ấm no và hạnh phúc. Cho nên, ai ai cũng quyết tâm chiến đấu để đền nợ nước, trả thù nhà, gạt bỏ bằng được trở ngại lớn nhất của cả dân tộc và của mỗi gia đình là họa xâm lược, mở đường đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Dưới sự lãnh đạo, giáo dục của Đảng, được sự thương yêu, đùm bọc của nhân dân, nắm vững mục tiêu của cách mạng, quân đội ta qua hơn 30 năm chiến đấu và xây dựng đã có hàng ngàn, hàng vạn, hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ luôn luôn nêu cao ý *chí quyết chiến quyết thắng*, tự nguyện chiến đấu *sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội*. Biết bao cán bộ, chiến sĩ ta đã hy sinh oanh liệt trước quân thù hoặc hy sinh thầm lặng trước khó khăn, gian khổ. Hy sinh từ những điều bình thường trong cuộc sống hằng ngày như phải chịu nhiều gian khổ, thiếu thốn, xa quê hương, xa gia đình để chiến đấu... đến những hy sinh lớn lao như xông pha vào nơi bom đạn nguy hiểm, hiến dâng cả thân mình cho cách mạng khi Tổ quốc yêu cầu. Những khó khăn, thử thách đó không phải ít, không phải trong thời gian ngắn, mà là *thường xuyên, liên tục, lâu dài suốt 30 năm chiến tranh giải phóng*. Điều đó nói lên chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta, quân đội ta cao cả biết bao. Những hy sinh của nhân dân ta, quân đội ta trong những năm kháng chiến cứu nước vô cùng to lớn. Cuộc chiến đấu một mất một còn giữa ta và địch, nhất là cuộc đương đầu lịch sử giữa dân tộc Việt-nam và đế quốc Mỹ, đòi hỏi chiến sĩ, đồng bào ta phải có tinh thần hy sinh rất cao. Đồng bào và chiến sĩ ta đã thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh : *« Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ »*, *« Không có gì quý hơn độc lập, tự do »*.

Luôn luôn gắn vận mệnh dân tộc mình với vận mệnh các dân tộc trên thế giới, kết hợp lòng yêu nước chân chính với tinh thần quốc tế vô sản cao cả, *kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ dân tộc với nghĩa vụ quốc tế*, chiến sĩ và đồng bào ta kiên quyết chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc mình và sự nghiệp giải phóng các dân tộc còn bị áp bức, bóc lột trên thế giới, kiên quyết bảo vệ thành quả cách mạng nước ta và thành quả của phong trào

Digitized by Google

cách mạng thế giới «Nhân dân ta chiến đấu hy sinh chẳng những vì tự do, độc lập riêng của mình, mà còn vì tự do, độc lập chung của các dân tộc và hòa bình trên thế giới» (3). Đó là tình cảm cách mạng nồng thắm, tinh thần quốc tế cao cả của chiến sĩ, đồng bào ta. Đó là một biểu hiện hoàn toàn mới của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt-nam ta khi nhân dân ta chiến đấu dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng.

Trên cơ sở giác ngộ dân tộc, giác ngộ giai cấp và lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, để phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, cán bộ và chiến sĩ ta còn không ngừng *học tập, rèn luyện phẩm chất và đạo đức cách mạng, bồi dưỡng và phát triển tư tưởng tiến tiến của giai cấp công nhân*, đấu tranh ngăn ngừa, khắc phục tư tưởng không vô sản, những hiện tượng lạc hậu, tiêu cực, kiên quyết phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân: địa vị, danh vọng, công thần, kiêu ngạo, thỏa mãn, dừng lại... Những tấm gương không ngại khó khăn, gian khổ, không sợ hy sinh, không sợ chiến đấu lâu dài, không khuất phục trước bất cứ kẻ thù nào, không tính toán thiệt, hơn, được, mất cho riêng mình, luôn luôn cùng toàn dân tiến lên phía trước, đạp bằng mọi trở ngại để chiến thắng trong suốt cuộc đấu tranh một mất một còn với quân thù... vừa nói lên bản chất, truyền thống tốt đẹp của quân đội ta, vừa chứng minh sự đúng đắn của việc gắn liền giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng với giáo dục nhân sinh quan cách mạng, đạo đức cách mạng cho mỗi cán bộ, chiến sĩ ta.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt-nam trong nhân dân ta, quân đội ta hình thành và phát triển dựa vào *khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vô địch, vào đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ của Đảng ta*, dựa vào *ý chí cách mạng rất cao*, đồng thời dựa trên cơ sở *tổ chức lực lượng cách mạng hùng hậu và vững chắc, năng lực hành động cách mạng thông minh và sáng tạo, cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng được tăng cường và cải tiến...* của nhân dân ta, quân đội ta. Đó là sự kết hợp biện chứng giữa *tính cách mạng triệt để và tính khoa học sâu sắc*, giữa quyết tâm cách mạng gang thép, tinh thần chiến đấu kiên cường và năng lực hành động giỏi, bản lĩnh chiến đấu cao, tổ chức khoa học, hợp lý, vừa quyết đánh, quyết thắng, vừa biết đánh, biết thắng.

Đường lối cách mạng của Đảng không những chỉ ra *mục tiêu cách mạng* đúng đắn, đáp ứng quyền lợi cơ bản và nguyện vọng thiết tha của nhân dân ta, phù hợp với mục tiêu cách mạng của thời đại, phản ánh đúng quy luật phát triển của cách mạng nước ta và cách mạng thế giới, mà còn tạo ra *lực lượng cách mạng hùng hậu*, chỉ ra *phương pháp cách mạng sáng tạo* để có thể đánh thắng mọi kẻ thù, dù chúng mạnh đến đâu, có thể giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Đảng ta, bộ tham mưu kiên cường và tài giỏi của cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt-nam, đã bồi dưỡng, rèn luyện nhân dân ta, quân đội ta tinh thần quyết đánh, quyết thắng và khả năng biết đánh, biết thắng. Đảng luôn luôn gắn liền việc giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng với việc nâng cao năng lực hành động cách mạng của quần chúng; gắn liền việc bồi dưỡng chủ nghĩa anh hùng cách mạng với toàn bộ công cuộc xây dựng, phát huy sức mạnh tổng hợp của quân và dân ta. Đường lối cách mạng, phương pháp cách mạng, đường lối quân sự, khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự mà Đảng

(3) Lời phát biểu của Hồ Chủ tịch tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa III, ngày 10-4-1965.

Digitized by Google

đề ra đã phát huy đến mức cao nhất nghị lực cách mạng, tinh thần chiến đấu, năng lực hành động, bản lĩnh chiến đấu của đồng bào và chiến sĩ ta, phát huy sức mạnh của các tổ chức, các lực lượng cách mạng.

Thấm nhuần sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, toàn quân ta, mỗi cán bộ, chiến sĩ ta không ngừng học tập, rèn luyện, vừa chiến đấu, vừa xây dựng, luôn luôn chăm lo củng cố và kiện toàn tổ chức, tăng cường kỷ luật, không ngừng nâng cao năng lực chiến đấu, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

Quân đội ta đã biết tận dụng những trang bị, vũ khí có trong tay, thực hiện có gì đánh nấy, ra sức hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu của địch, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp và khả năng, sở trường của mình để đánh địch. Từ những trận đầu Phai-khắt, Nà-ngần đến những chiến dịch tiến công có ý nghĩa quyết chiến chiến lược kết thúc chiến tranh như chiến dịch Điện-biên-phủ, chiến dịch Hồ-Chí-Minh lịch sử, quân đội ta đã cùng với nhân dân sáng tạo nên nhiều cách đánh rất anh dũng, gan dạ và rất thông minh, tài trí, lập nên những chiến công vô cùng oanh liệt.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong quân đội ta là *chủ nghĩa anh hùng tập thể*. Nó là sản phẩm cao quý của cuộc đấu tranh cách mạng cực kỳ anh dũng và sáng tạo của nhân dân cả nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, là kết quả tất yếu của mối quan hệ gắn bó khăng khít giữa cá nhân với tập thể, giữa con người với tổ chức, giữa cán bộ, chiến sĩ với toàn quân, giữa quân đội với nhân dân. Đó là một đặc trưng của chủ nghĩa anh hùng của giai cấp vô sản, của quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của đảng Mác — Lê-nin.

Trong những năm kháng chiến cứu nước, nhân dân ta, quân đội ta đã có biết bao hành động anh hùng và có nhiều người đã được tuyên dương là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động. Những Anh hùng đó là những người tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng tập thể của toàn dân và toàn quân ta, là những người luôn luôn đặt lợi ích chung của cách mạng lên trên lợi ích riêng của cá nhân, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, ác liệt để hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ. Những phẩm chất cao quý và cống hiến xuất sắc của mỗi Anh hùng gắn liền với công lao và sức mạnh của tập thể, với phong trào sâu rộng và mạnh mẽ của đông đảo quần chúng, hăng hái thi đua giết giặc lập công, thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng.

Bác Hồ đã nói: « Tách rời tập thể thì dù tài giỏi mấy, một cá nhân cũng không làm được gì. Cho nên càng có thành tích, thì *càng phải cố gắng, càng phải khiêm tốn* » (4). Người còn dạy: *« Có anh hùng là vì có tập thể anh hùng. Có tập thể anh hùng là vì có nhân dân anh hùng, dân tộc anh hùng, Đảng anh hùng* » (5). Lời dạy đó đã nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ ta luôn luôn ghi nhớ cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân và chính quần chúng nhân dân mới là người làm nên lịch sử. Cuộc chiến đấu đầy khí phách anh hùng của toàn dân và toàn quân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nảy nở ngày càng nhiều những hành động anh hùng tiêu biểu và đã đào tạo, bồi dưỡng nên ngày càng nhiều cán bộ, chiến sĩ anh hùng, nhiều đơn vị anh hùng tiêu biểu, làm rạng rỡ đất nước ta, dân tộc ta và quân đội ta.

Với chủ nghĩa anh hùng tập thể, mỗi cán bộ, chiến sĩ ta luôn luôn gắn bó với tổ chức. Mọi người đều thấy

---

(4) Lời chào mừng các Anh hùng và chiến sĩ thi đua ngày 7-7-1958.

(5) Lời Hồ Chủ tịch trong buổi tiếp đại biểu các Đơn vị anh hùng và các Anh hùng dự Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua chống Mỹ, cứu nước năm 1966.

Digitized by Google

rõ chỉ có *đặt mình trong tổ chức với ý thức kỷ luật cao, biết tuân theo mọi điều quy định của tổ chức, của tập thể*, được tập thể bồi dưỡng, tiếp sức, với tinh thần « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », thì cán bộ, chiến sĩ ta mới có sức mạnh và phát huy được cao nhất sức mạnh đó, mới có thể có hành động anh hùng và trở thành anh hùng. Quân đội ta được Đảng giáo dục, rèn luyện thường xuyên về chủ nghĩa anh hùng tập thể, về tinh thần làm chủ tập thể, về tính tổ chức, kỷ luật, cho nên cán bộ, chiến sĩ ta đã lập được nhiều thành tích vẻ vang, tạo nên ngày càng nhiều tập thể anh hùng rất đáng tự hào. Không chỉ có những tập thể nhỏ anh hùng như tiểu đội, đại đội anh hùng, mà còn có những tập thể lớn anh hùng như trung đoàn, sư đoàn anh hùng, binh chủng anh hùng và cả quân đội ta, các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân tuyên dương là một tập thể anh hùng, xứng đáng với lời khen của Bác Hồ kính yêu « *Quân đội ta là một quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng* ».

Hơn 30 năm qua, từ những ngày mới ra đời còn là một đội quân cách mạng non trẻ, đến lúc trở thành một quân đội nhân dân chính quy, hiện đại lớn mạnh như ngày nay..., chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong quân đội ta ngày càng phát huy mạnh mẽ, ngày càng thể hiện rõ là một sức mạnh tinh thần vô địch của quân đội ta.

Với sức mạnh kỳ diệu của chủ nghĩa anh hùng cách mạng đó, dân tộc ta, một dân tộc đất không rộng lắm, người không đông lắm, kinh tế chưa phát triển, quân đội ta, một quân đội kém địch về số quân, về trang bị, vũ khí, kỹ thuật hiện đại... đã quyết tâm chiến đấu anh dũng và mưu trí, *lấy nhỏ thắng lớn*, lập nên những chiến công lừng lẫy, *đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ*, đánh thắng những đội quân hiện đại bậc nhất của chúng, hoàn thành vẻ vang sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc.

★

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng là sản phẩm tất yếu của cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Thực tiễn tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng như thực tiễn tiến hành chiến tranh cách mạng chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta mấy chục năm qua đã cho thấy phong trào cách mạng càng sâu rộng và mạnh mẽ, càng trải qua những khó khăn, thử thách.. thì chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân và dân ta càng phát triển với chất lượng ngày càng cao và biểu hiện ngày thêm phong phú. Nội dung chủ nghĩa anh hùng cách mạng không ngừng phát triển gắn liền với những bước phát triển của cách mạng, và giai đoạn sau thường cao hơn giai đoạn trước. Những bước ngoặt có ý nghĩa chiến lược của cách mạng vừa đòi hỏi, vừa tạo điều kiện cho quân và dân ta phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa anh hùng cách mạng nhằm đáp ứng những yêu cầu mới ngày càng cao hơn của cách mạng và chiến tranh cách mạng.

Ngày nay, bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc, trước những yêu cầu mới rất cao của nhiệm vụ cách mạng, quân và dân ta nhất định đưa chủ nghĩa anh hùng cách mạng lên *một trình độ mới, một chất lượng mới, với nội dung toàn diện hơn, phong phú hơn*, nhằm thực hiện thắng lợi *mục tiêu cách mạng mới*, hoàn thành xuất sắc những *nhiệm vụ mới* của cách mạng mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra.

Mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là đưa cả nước « *tiến nhanh, tiến mạnh, tiến*

Digitized by Google

vững chắc lên chủ nghĩa xã hội», «biến đất nước ta thành một nước có nền kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, có quốc phòng vững mạnh, có văn hóa, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, có cuộc sống văn minh và hạnh phúc, có vị trí xứng đáng trên thế giới» (6).

Đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng ta, đã chỉ rõ: «Đây là giai đoạn mà nhân dân ta bắt tay vào sự nghiệp xây dựng trên Tổ quốc Việt-nam yêu dấu của chúng ta một xã hội đẹp nhất trong lịch sử của dân tộc, đưa Tổ quốc ta tiến lên từng bước để cuối cùng đạt tới đỉnh cao chói lọi của nền văn minh, thực hiện trọn vẹn Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch: Xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới» (7).

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một cuộc cách mạng vĩ đại nhất, sâu sắc nhất, triệt để nhất trong lịch sử dân tộc. Cuộc cách mạng đó vừa xóa bỏ hoàn toàn chế độ người bóc lột người, vừa phải chiến thắng hoàn toàn nghèo nàn, lạc hậu. Vừa xóa bỏ triệt để cả nền móng của chế độ xã hội cũ, cùng với toàn bộ tàn tích của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, vừa phải xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Vừa đấu tranh xóa bỏ các giai cấp bóc lột và cả nguồn gốc sinh ra sự phân chia giai cấp, vừa phải đấu tranh với thiên nhiên để chinh phục thiên nhiên, làm chủ thiên nhiên. Vừa xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên cả nước ta, vừa phải bảo vệ Tổ quốc ta đời đời bền vững. Vừa làm tròn nhiệm vụ cách mạng của dân tộc, vừa phải làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Tiến hành một sự nghiệp cách mạng có tầm vóc lớn lao như thế nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng mà Đảng đã đề ra, không thể là một việc dễ dàng, đơn giản, mà là cả một quá trình phấn đấu kiên cường và sáng tạo với khí phách anh hùng rất cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy mọi thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, chịu đựng những thiếu thốn tạm thời, tập trung cao độ cả tinh thần và lực lượng, ra sức phấn đấu thì chắc chắn chúng ta sẽ giành toàn thắng cho chủ nghĩa xã hội.

Nhằm thực hiện mục tiêu của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, các lực lượng vũ trang nhân dân ta, quân đội ta phải nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, trong lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước, trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, làm tròn nghĩa vụ đối với dân tộc, cùng toàn dân góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Trước hết, chúng ta phải cùng toàn dân *sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc*, kịp thời đánh bại mọi âm mưu và hành động của bọn đế quốc và các thế lực phản động khác xâm phạm chủ quyền và lãnh thổ nước ta, đập tan tức khắc mọi mưu đồ của bọn phản động trong nước chống phá cách mạng, để nhân dân ta yên ổn làm ăn, đẩy nhanh nhịp độ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta phải bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc, chủ quyền thiêng liêng của dân tộc, bảo vệ toàn vẹn vùng đất, vùng trời, vùng biển, biên giới, hải đảo của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Phải bảo vệ Nhà nước chuyên chính vô sản, bảo vệ

(6) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 93.

(7) Báo cáo đọc tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI.

Digitized by Google

sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước ta, bảo vệ công cuộc hòa bình xây dựng Tổ quốc của nhân dân. Đó là *nhiệm vụ quan trọng bậc nhất, nhiệm vụ thiêng liêng hàng đầu* của các lực lượng vũ trang nhân dân ta, quân đội ta.

Nhiệm vụ rất to lớn và vẻ vang đó đòi hỏi các lực lượng vũ trang nhân dân ta, quân đội ta phải chuẩn bị về mọi mặt, chuẩn bị cao nhất để bảo đảm đánh thắng bất cứ cuộc chiến tranh xâm lược nào đối với Tổ quốc ta, dù quy mô nhỏ hay lớn, dù kẻ địch dùng bất cứ thủ đoạn gì, vũ khí gì. Ta đã có truyền thống và kinh nghiệm đánh thắng « hai đế quốc to » thì ngày nay cần phát huy truyền thống oanh liệt đó, vận dụng kinh nghiệm đó cho phù hợp với điều kiện mới, đánh giỏi hơn, đạt hiệu suất chiến đấu lớn hơn. Muốn thế, phải ra sức xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước, củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân thật mạnh và phải phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng cao hơn cả thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua.

Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới tây nam Tổ quốc hiện nay của một bộ phận chiến sĩ, đồng bào nước ta là một biểu hiện mới rất cao quý của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời kỳ làm nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Đó là cuộc chiến đấu gian khổ, hy sinh và đầy khí phách anh hùng nhằm bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, để nhân dân cả nước tập trung sức lực đẩy nhanh nhịp độ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Song song với nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, quân đội ta phải làm tốt nhiệm vụ *xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước*. Trong giai đoạn mới, Đảng ta giao nhiệm vụ làm kinh tế cho quân đội ta là nhằm phát huy thế mạnh và sức mạnh của tổ chức quân sự của cách mạng nước ta để xây dựng đất nước, củng cố quốc phòng, góp phần đẩy nhanh quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Quân đội ta phải đảm đương những nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế với yêu cầu ngày càng cao, quy mô ngày càng lớn, những việc, những ngành, những khâu quan trọng, then chốt ở những nơi khó khăn, xung yếu mà Đảng và Nhà nước giao cho. Vì thế, không chỉ mặt trận sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, mà cả mặt trận lao động sản xuất, xây dựng kinh tế cũng là một cuộc chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ, phức tạp, lâu dài.

Quân đội ta phải nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc « chiến tranh không đổ máu » này để cùng toàn dân nhanh chóng chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu. Trước hết, phải thể hiện khí phách anh hùng trong quyết tâm làm kinh tế và làm kinh tế tốt nhất ở bất cứ nơi nào Tổ quốc cần đến, kể cả nơi có nhiều khó khăn, gian khổ nhất. Dù là nơi xa xôi, hẻo lánh, cơ sở vật chất, kỹ thuật còn hạn chế, thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, đời sống thiếu thốn, chúng ta cũng quyết tâm làm và làm tốt nhất, không dao động, lùi bước trước bất cứ trở ngại, thử thách nào. Đó chính là dũng khí cách mạng của quân đội ta, một quân đội vừa có truyền thống đánh giặc, lại vừa có truyền thống lao động sản xuất rất vẻ vang. Đó cũng là biểu thị lòng thiết tha của toàn quân đối với sự giàu mạnh của đất nước, đối với cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Trong khó khăn, gian khổ và bỡ ngỡ bước đầu, chúng ta phải vừa làm vừa học, vừa học vừa làm, nhanh chóng vươn lên làm chủ khoa học — kỹ thuật ; tích cực rút kinh nghiệm, nâng cao không ngừng trình độ tổ chức sản xuất,

Digitized by Google

quản lý kinh tế. Làm sao trong một thời gian ngắn nhất, đạt được những tiến bộ rõ rệt về quản lý kinh tế, về tổ chức và kỹ năng sản xuất nhằm không ngừng nâng cao năng suất lao động, giành cho được những chỉ tiêu tiến tiến cả về số lượng, chất lượng và giá thành sản phẩm.

Để hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước, điều then chốt có ý nghĩa quyết định là các lực lượng vũ trang nhân dân ta, quân đội ta phải được *xây dựng thật sự hùng mạnh, có chất lượng toàn diện, có trình độ giác ngộ cách mạng, có trình độ chính quy, hiện đại, có sức chiến đấu cao hơn hẳn trước đây*. Xây dựng quân đội đạt tới mục tiêu như vậy trong điều kiện đất nước ta vừa trải qua mấy chục năm chiến tranh, nền kinh tế vốn nghèo nàn, lạc hậu lại bị tàn phá nặng nề, quân đội cũng vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu vừa làm kinh tế, vừa xây dựng... rõ ràng phải là một quá trình phấn đấu nỗ lực vượt bậc của toàn quân ta.

Trong nhiệm vụ xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh, phải có *quyết tâm rất lớn nhanh chóng đưa trình độ mọi mặt của quân đội ta lên một bước mới cao hơn*, đáp ứng kịp những yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ của quân đội ta. Phải tiếp tục xây dựng và phát huy bản chất cách mạng, truyền thống tốt đẹp của quân đội ta, truyền thống trung hiếu với Đảng, với nước, với dân, truyền thống chiến đấu anh dũng và sáng tạo, quyết chiến quyết thắng, truyền thống kỷ luật tự giác và nghiêm minh, truyền thống đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế, truyền thống cần kiệm xây dựng đất nước, xây dựng quân đội,... Phải mau chóng đưa quân đội ta tiến lên *chiếm lĩnh đỉnh cao của khoa học quân sự hiện đại*, làm cho quân đội ta có sức chiến đấu mạnh nhất, bản lĩnh chiến đấu vững nhất, trình độ sẵn sàng chiến đấu cao nhất, bảo đảm đánh thắng oanh liệt, đánh thắng giòn giã bất cứ cuộc tiến công xâm lược nào vào Tổ quốc ta, biến khí phách anh hùng thành thắng lợi mới trong mọi hoạt động thực tiễn.

Những nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang nói trên mà Đảng giao cho quân đội ta đang đòi hỏi toàn quân ta, mỗi cán bộ, chiến sĩ ta *những nỗ lực phi thường, những cố gắng vượt bậc về mọi mặt*. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong quân đội ta ngày nay phải được *phát huy mạnh mẽ hơn nữa, trên mọi mặt hoạt động chiến đấu, sản xuất, học tập, công tác* của cán bộ, chiến sĩ ta, ở bất cứ nơi nào, nhằm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng giao cho.

Tính chất và đặc điểm của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng ở nước ta cũng như tầm quan trọng có ý nghĩa chiến lược của những nhiệm vụ lớn của quân đội ta trong giai đoạn mới rõ ràng đòi hỏi không thể chỉ dừng lại ở những biểu hiện của chủ nghĩa anh hùng cách mạng như trước. Toàn quân ta, mỗi cán bộ, chiến sĩ ta ngày nay phải có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có tinh thần làm chủ tập thể, phẩm chất cách mạng cao hơn ; có tinh thần cách mạng tiến công, quyết tâm chiến đấu hy sinh lớn hơn, có trình độ khoa học — kỹ thuật cao hơn, có năng lực hành động, năng lực tổ chức giỏi hơn, có ý thức tổ chức kỷ luật chặt chẽ hơn... Quân đội ta phải có những hành động anh hùng ngày càng cao và toàn diện hơn ; có nhiều cán bộ, chiến sĩ anh hùng, đơn vị anh hùng, tập thể anh hùng ngày càng dồng đảo và phổ biến hơn. Có như vậy mới nâng chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong quân đội ta phát triển lên một trình độ mới, một chất lượng mới, bảo đảm cho quân đội ta có thể hoàn thành và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng giao cho. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong quân đội ta với sự

Digitized by Google

phát triển hơn trước như vậy sẽ làm cho quân đội ta mãi mãi xứng đáng là quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng trong công cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.

★

Để phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta phải xuất phát từ Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, từ tính chất, đặc điểm của giai đoạn mới, từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân đội, từ bản chất, truyền thống tốt đẹp của quân đội ta... để tiến hành thường xuyên, liên tục cả *công tác tư tưởng* và *công tác tổ chức*, làm cho các lực lượng vũ trang nhân dân ta thật sự chuyển biến mạnh mẽ cả trong sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, cả trong lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước, cả trong xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại.

Trước hết, phải kiên trì giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ *thấu suốt hơn nữa Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, giác ngộ sâu sắc hơn nữa mục tiêu của cách mạng nước ta, mục tiêu chiến đấu của quân đội ta* trong giai đoạn mới, *có ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thật cao*, coi việc phấn đấu thực hiện thắng lợi đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng mà Đảng đề ra là lý tưởng cao cả, nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người. Phải làm cho cán bộ, chiến sĩ *thấm nhuần đường lối kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* của Đảng trong giai đoạn mới để thấy rõ mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân đội, trên cơ sở đó nâng cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần cách mạng tiến công, quyết tâm phấn đấu cho sự toàn thắng của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Chúng ta phải phát huy cao độ mọi nhân tố tích cực, tiên tiến, ra sức bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ ta thành những *con người mới* xã hội chủ nghĩa trong quân đội, những quân nhân cách mạng ưu tú, tận trung với Đảng, với nước, tận hiếu với dân, đem hết tinh thần và nghị lực, trí tuệ và tài năng cống hiến nhiều nhất cho Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Phải không ngừng bồi dưỡng trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, củng cố lập trường, nâng cao tư tưởng của giai cấp công nhân, đấu tranh kiên quyết khắc phục những tư tưởng không vô sản, những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, trái với bản chất, truyền thống của quân đội ta, không phù hợp với phẩm chất, đạo đức của người quân nhân cách mạng, không xứng đáng với công lao dạy dỗ và lòng tin cậy của Đảng, của nhân dân. Bất luận trên mặt trận sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, mặt trận lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước, hay trong nhiệm vụ huấn luyện, xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, chúng ta đều phải phát động mọi cán bộ, chiến sĩ, kiên quyết hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao trong thời gian ngắn nhất, tốn ít công của nhất mà lại giành được kết quả cao nhất, thắng lợi lớn nhất. Không sợ khó, không sợ khổ, không sợ bất kỳ kẻ thù nào, sẵn sàng hy sinh khi cách mạng yêu cầu để bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục chiến đấu hy sinh trong hoàn cảnh cả nước có hòa bình trong độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội để chống lại kẻ thù xâm lăn bờ cõi, chống lại bọn phản động ngoan cố phá hoại cách mạng nước ta cũng như lao động quên mình khai phá những vùng kinh tế mới, xây dựng cơ bản, mở mang

Digitized by Google

đường sá, xây dựng công nghiệp quốc phòng... trên những địa bàn khác nhau của Tổ quốc ở những vùng xung yếu có nhiều khó khăn, làm nhiệm vụ phòng thủ sẵn sàng chiến đấu ở những nơi biên giới, hẻo lánh, hải đảo xa xôi, là những biểu hiện mới rất cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân đội ta trong giai đoạn mới. Cần nhận rõ những nhân tố mới, những yêu cầu mới đó, thấy rõ ý nghĩa rất cao quý của những hành động anh hùng mới ấy để bồi dưỡng, phát triển trong toàn quân, tạo thành cao trào hành động cách mạng sâu rộng, mạnh mẽ và liên tục, kiên quyết hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Đảng giao cho.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân đội ta trong giai đoạn mới là chủ nghĩa anh hùng của tập thể những con người mới, những quân nhân cách mạng ưu tú vừa có tinh thần làm chủ thật cao, vừa *phải có năng lực làm chủ thật giỏi*. Do đó, đi đôi với việc nâng cao giác ngộ cách mạng, cần hết sức *coi trọng nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt cho mọi cán bộ, chiến sĩ*, trước hết là cán bộ đảng viên, đoàn viên, lực lượng nòng cốt, xung kích trong quân đội, qua quá trình tiến hành đồng thời *ba cuộc cách mạng* ở trong và ngoài quân đội. Có sự hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa Mác – Lê-nin, về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, có phương pháp xem xét đúng đắn, khoa học thì mới củng cố được lập trường giai cấp công nhân, bồi dưỡng được nhiệt tình cách mạng, và biến nhiệt tình thành hành động cách mạng có hiệu quả trong thực tế, mới biến ý chí anh hùng thành hành động anh hùng trong chiến đấu, sản xuất cũng như trong công tác, học tập.

Phải qua học tập lý luận, học tập trong thực tế một cách tích cực, chủ động, kiên trì, bền bỉ thì cán bộ, chiến sĩ ta mới có thể nắm vững đường lối, nhiệm vụ chính trị, đường lối nhiệm vụ quân sự, đường lối nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng, mới có thể đạt tới trình độ hiểu biết ngày càng cao cả về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, khoa học quân sự và khoa học kinh tế, khoa học kỹ thuật hiện đại, mới có thể tiến bộ rõ rệt, mạnh mẽ và vững chắc cả về trình độ tổ chức, kỷ luật, quản lý bộ đội, quản lý kinh tế, không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện của bộ đội, bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ với chất lượng cao nhất. Quyết tâm học tập, rèn luyện, vượt mọi khó khăn, gian khổ để nhanh chóng chiếm lĩnh được những đỉnh cao về tri thức, về khoa học kỹ thuật hiện đại cũng là một biểu hiện quan trọng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong giai đoạn mới.

Về *quân sự*, chúng ta cần có hiểu biết một cách cơ bản, toàn diện, có hệ thống về đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng, khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự Việt-nam, kỹ thuật quân sự hiện đại, quy luật xây dựng nền quốc phòng toàn dân, quy luật xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, quy luật chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Phải biết vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng quân sự của Đảng, tư tưởng chỉ đạo tác chiến của quân đội ta phù hợp với tính chất và đặc điểm của từng cuộc chiến tranh, từng đối tượng tác chiến cụ thể, bảo đảm đã đánh là thắng, càng đánh càng mạnh, càng thắng to, càng phát triển nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân ở nước ta.

Về *kinh tế*, cũng phải có những hiểu biết cơ bản và toàn diện về đường lối, quan điểm xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng, nắm được quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, khoa học và nghệ thuật tổ chức quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật sản xuất. Làm nhiệm vụ lao động sản xuất ở ngành nào, cán bộ, chiến sĩ ta phải đi sâu

Digitized by Google

vào ngành đó, có hiểu biết sâu và kỹ năng giỏi về ngành đó, bảo đảm lao động có năng suất ngày càng cao, hiệu quả kinh tế ngày càng lớn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước giàu mạnh.

Chúng ta còn phải không ngừng nâng cao trình độ *tổ chức kỷ luật* của bộ đội, nâng cao sự hiểu biết toàn diện và sâu sắc của cán bộ, chiến sĩ về pháp luật của Nhà nước, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội, làm cho mọi quân nhân đều trở thành con người mới có kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác, nghiêm minh trên tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa cao.

Có như vậy, mới thật sự nâng cao chất lượng toàn diện của bộ đội, mới tạo điều kiện để cán bộ, chiến sĩ ta biến khí phách anh hùng thành hành động anh hùng trong thực tiễn: quân đội ta mới trở thành một quân đội xã hội chủ nghĩa có trình độ chính quy, hiện đại cao, một quân đội nhân dân hùng mạnh, vừa chiến đấu giỏi, lao động giỏi, công tác vận động quần chúng giỏi và học tập giỏi, vừa xứng đáng là trường học lớn đào luyện thanh niên thành những con người mới xã hội chủ nghĩa, những quân nhân cách mạng ưu tú, những công dân ưu tú.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng chỉ có thể hình thành và phát huy trong phong trào cách mạng của quần chúng và cũng chỉ có trong phong trào cách mạng sâu rộng, sôi nổi, liên tục của quần chúng mới phát triển mạnh mẽ chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Thực tiễn chiến đấu, lao động, công tác, học tập phong phú, sôi động, đầy khó khăn, thử thách của quân đội ta trong giai đoạn mới chính là mảnh đất tốt để nảy nở những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, những tập thể anh hùng, những cán bộ và chiến sĩ anh hùng của quân đội ta. Cho nên, phải ra sức *đẩy mạnh phong trào thi đua Quyết thắng trong toàn quân*. Hướng mọi suy nghĩ và hành động của cán bộ, chiến sĩ ta vào việc hoàn thành tốt nhất mọi nhiệm vụ, theo yêu cầu: huấn luyện đạt chất lượng cao nhất, đỡ tốn công của nhất; chiến đấu phải đạt hiệu suất cao nhất, tiêu phí đạn dược và thương vong ít nhất; lao động sản xuất đạt hiệu quả kinh tế lớn nhất với chi phí thấp nhất. Phát huy những truyền thống tốt đẹp, những kinh nghiệm tiên tiến của từng cán bộ và chiến sĩ, của từng địa phương, từng đơn vị, làm cho nhân tố tích cực được nhân lên gấp bội, đưa phong trào học tập, đuổi, vượt các điển hình tiên tiến ngày thêm sôi nổi, với khí thế cách mạng ngày càng cao. Có như vậy mới động viên được cao độ tinh thần tích cực và năng lực sáng tạo của đông đảo cán bộ, chiến sĩ, mới tạo nên những bước phát triển mới trong tư tưởng, hành động cách mạng của bộ đội, mới có thể xuất hiện ngày càng nhiều những điển hình tiên tiến, những tấm gương dũng cảm, kiên cường và thông minh, sáng tạo trong sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc cũng như trong xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước, xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại.

Nâng cao trách nhiệm và năng lực của cán bộ, đảng viên làm cho cán bộ, đảng viên thật sự là con người mới tiêu biểu là một vấn đề quan trọng có ý nghĩa quyết định để phát động được phong trào cách mạng cũng như để phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Sức mạnh của năng lực lãnh đạo, chỉ huy, tổ chức thực hiện, cũng như sức mạnh nêu gương của cán bộ, đảng viên là rất to lớn. Cán bộ, nhất là cán bộ phụ trách, có *phẩm chất chính trị cao* là một trong những điều kiện cơ bản để xây dựng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của toàn đơn vị, cơ quan. Cán bộ có *năng lực lãnh đạo chỉ huy, tổ chức thực hiện giỏi* cũng là một trong những điều

Digitized by Google

kiện cơ bản để biến quyết tâm của bản thân, của toàn đơn vị, cơ quan thành thắng lợi hiện thực, thành chiến công trong chiến đấu, thành sản phẩm trong lao động, thành kết quả trong học tập, công tác. Muốn phát động được phong trào quần chúng, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong đơn vị, cơ quan thì đương nhiên cán bộ, đảng viên trước hết là cán bộ phụ trách phải *gương mẫu về mọi mặt*, nêu gương cả về tinh thần cách mạng tiến công, về trách nhiệm chính trị, về tinh thần tận tụy trong công tác, dũng cảm trong chiến đấu, quên mình trong lao động, hăng say trong học tập và trong sạch trong đời sống... Đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Đảng ta đã chỉ rõ: «trong nhiệm vụ xây dựng quân đội, cán bộ giữ vai trò quyết định. Cán bộ phải tiến kịp yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng, phải nâng cao trình độ mọi mặt, phải đi sát quần chúng, đi sát đơn vị cơ sở, không được quan liêu» (8). Tư chất và bản lĩnh của người chỉ huy, người cầm quân là phải chăm lo xây dựng cho đơn vị mình thật mạnh, thật vững, thật tinh, thật giỏi để hoàn thành thật tốt mọi nhiệm vụ. Có như vậy mới lôi cuốn được toàn đơn vị, cơ quan hăng hái tiến công vào mọi khó khăn, vượt qua mọi trở ngại, phát triển được ngày càng nhiều nhân tố tích cực, nhiều điển hình tiên tiến, nhiều tấm gương anh hùng trong chiến đấu, lao động, công tác, học tập.

Để đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng, phong trào thi đua Quyết thắng, một điều rất quan trọng là các tổ chức Đảng, các cán bộ phụ trách, các đảng viên phải thường xuyên chăm lo bồi dưỡng, dìu dắt thanh niên, làm tốt công tác xây dựng Đoàn nhằm phát huy đến mức cao nhất tinh thần, tài năng và sức lực của tất cả thanh niên trong quân đội ta. *Đoàn viên* và *thanh niên* là lực lượng đông đảo nhất trong quân đội, có ước mơ cao đẹp và sức mạnh to lớn của tuổi trẻ, có ý thức làm chủ và khả năng làm chủ tập thể đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước. Phải làm cho đoàn viên và thanh niên trong quân đội thật sự là lực lượng xung kích mạnh mẽ trong mọi nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, lao động xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước, cũng như huấn luyện, xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, cùng với đoàn viên và thanh niên cả nước xứng đáng là cánh tay đắc lực, lực lượng hậu bị tin cậy của Đảng, là lớp người kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc.

★

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng là một yếu tố tạo nên sức mạnh vô địch của lực lượng vũ trang nhân dân ta và đã trở thành một truyền thống hết sức quý báu của quân đội ta trong suốt 30 năm làm nhiệm vụ chiến đấu giải phóng dân tộc cũng như trong ba năm đầu làm nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Cả nước ta đang trải qua những ngày tháng đầy khí thế cách mạng tiến công mạnh mẽ và sôi nổi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam đang trên đà phát triển và bước đầu giành được những thắng lợi quan trọng. Sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên cả nước ta đang thu được thắng lợi ngày càng lớn. Cuộc chiến đấu dập

(8) Bài nói tại Học viện quân sự cao cấp ngày 5-1-1978.

Digitized by Google

tan những hành động phá hoại của bọn phản cách mạng cũng như cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía tây nam tiếp tục thu được những thắng lợi mới. Cả nước ta đang thật sự trở thành một công trường vĩ đại nô nức xây dựng chủ nghĩa xã hội, một trận địa bao la bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Bác Hồ kính yêu đã nói: «Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng». Đó chính là biểu hiện tập trung nhất chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân đội ta. Lời khen đó đang động viên, cổ vũ toàn quân ta ra sức vun đắp và phát huy truyền thống anh hùng, kiên quyết hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng giao cho, viết tiếp những trang sử huy hoàng đầy chiến công chói lọi của Quân đội nhân dân trong giai đoạn mới của cách mạng, xứng đáng với lòng tin yêu của Đảng, của nhân dân.

Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa...

(Tiếp theo trang 61)

xã hội mới, cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở các tỉnh thành miền Nam đang tiến tới không gì cản nổi. Với tinh thần cách mạng tiến công, chúng ta quyết hoàn thành cơ bản nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa trong năm 1978 này, như nghị quyết của Đảng và Chính phủ đã đề ra.

Digitized by Google

SẢN XUẤT THẬT NHIỀU THAN CHO TỔ QUỐC

NGUYỄN-CHẤN

THAN có một vị trí to lớn trong nền kinh tế quốc dân. Nó là nguyên liệu, là nguồn năng lượng của nhiều ngành sản xuất; đồng thời là sản phẩm xuất khẩu có giá trị kinh tế cao và là một chất đốt quan trọng mà nhân dân dùng trong đời sống hàng ngày.

Nước ta đang cần nhiều than cho sản xuất, xuất khẩu và tiêu dùng. Chính vì vậy mà Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Triệt để phát huy các mỏ than cũ, xây dựng nhanh nhiều mỏ mới. Bảo đảm các khâu vận chuyển, sàng rửa, bến cảng cân đối với nhịp độ khai thác. Phát triển công nghiệp chế biến than ». Con số 10 triệu tấn than sạch được coi là một trong những chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai của nước ta; đó cũng là sản lượng mà đến năm 1980 ngành than phải đạt bằng được.

I — TỔ CHỨC KHAI THÁC THAN MỘT CÁCH HỢP LÝ

Sau nhiều năm bị động, lúng túng, không đưa sản lượng than hàng năm lên được, trong vài năm gần đây ngành than đã vươn lên trong sản xuất, tổ chức khai thác than một cách hợp lý, tìm ra được cách đi và phương pháp làm mới.

Trước hết, ngành than đã chủ động làm nhiều mỏ một lúc: kết hợp chặt chẽ việc xây dựng và khai thác các mỏ lớn với xây dựng và khai thác các mỏ mới; mỏ vừa và mỏ nhỏ. Trước đây, trong việc thiết kế, xây dựng các mỏ, ta phải dựa nhiều vào nước ngoài, cho nên việc khai thác than thường chậm, sản lượng than đạt thấp, việc thiết kế, xây dựng các mỏ thường bị gián đoạn, kéo dài. Nhận thấy tình hình đó không có lợi cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất của ngành, những năm gần đây, bên cạnh việc cải tạo, mở rộng các mỏ cũ, tập trung sức xây dựng dứt điểm các mỏ lớn, chúng ta đã tiến hành xây dựng nhiều mỏ mới, đặc biệt là các mỏ vừa và mỏ nhỏ. Đương nhiên, tập trung xây dựng các mỏ lớn sẽ mang lại khối lượng sản phẩm lớn, hiệu quả kinh tế cao, song lại đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian xây dựng kéo dài, do đó, chậm được khai thác. Việc xây dựng mỏ nhỏ tuy còn có những bất lợi như không cơ giới hóa được cao, song số vốn đầu tư, cho nó không lớn, việc

Digitized by Google

thiết kế, xây dựng nó lại phù hợp với trình độ của cán bộ và công nhân ta. Hơn nữa, khi xây dựng mỏ nhỏ, ta có thể dựa vào một số cơ sở vật chất của mỏ lớn như đường sá, điện nước, v.v... do đó có thể khai thác than nhanh.

Cùng với việc kết hợp xây dựng mỏ lớn, mỏ vừa và mỏ nhỏ, trong thời gian qua, chúng ta cũng chú ý xây dựng nhiều mỏ cùng một lúc để khắc phục tình trạng chậm ra sản phẩm do chu kỳ xây dựng, công tác thiết kế, công tác chuẩn bị (bao gồm các mặt xây dựng, đường sá, mặt bằng, điện nước, cơ khí, bến cảng, sàng tuyển) thường kéo dài. Điều kiện địa chất, khả năng thiết kế, xây dựng và lực lượng lao động của ta cho phép ta có thể làm nhiều mỏ cùng một lúc để đáp ứng yêu cầu tăng nhanh sản lượng than.

Như vậy, làm nhiều mỏ một lúc, kết hợp mỏ lớn, mỏ vừa và mỏ nhỏ, chú ý đúng mức mỏ nhỏ nhưng không hạn chế làm mỏ lớn, đó là cách làm có hiệu quả kinh tế cao nhất, đồng thời cũng là cách kết hợp tốt yêu cầu trước mắt và yêu cầu lâu dài. Các mỏ Mạo-khê, Vàng-danh vốn gặp nhiều khó khăn do tình hình tài nguyên bị thu hẹp nhưng đã phát huy tinh thần tự lực tự cường, vừa mở mỏ mới vừa khai thác mỏ cũ để tìm tài nguyên, chuẩn bị cho việc khai thác than trước mắt và sau này. Công ty than Hồng-gai cũng mở được nhiều công trường bên cạnh các mỏ lớn, đã đưa công suất của mỏ vượt thiết kế nhiều lần: mỏ than Hà-tu với công suất thiết kế lúc đầu là từ 1 triệu đến 1,2 triệu tấn/năm, nay đưa lên 2,1 triệu tấn/năm; mỏ than Cọc-sáu, công suất thiết kế 1,5 triệu tấn/năm, đưa lên 2,5 triệu tấn/năm; mỏ than Đèo-nai công suất thiết kế 1 triệu tấn/năm, đưa lên 1,5 triệu tấn/năm... Tốc độ và kết quả phát triển mỏ như trên đây, từ xưa đến nay chưa từng có. Trong hai năm 1976—1977, chúng ta đã xây dựng 5 mỏ nhỏ với công suất chung là 1 triệu tấn/năm. Hiện nay ta đang xây dựng 12 mỏ nữa để đến năm 1980 có thể đi vào sản xuất với công suất 3 triệu tấn/năm. Trong khi đó ta tiếp tục xây dựng 4 mỏ lớn và cải tạo 3 mỏ lớn khác theo kế hoạch. Do chủ động làm nhiều mỏ cùng một lúc, kết hợp chặt chẽ việc xây dựng và khai thác mỏ lớn với xây dựng và khai thác mỏ vừa và mỏ nhỏ, cho nên, năm 1977 toàn ngành than đã bóc được 22,2 triệu mét khối đất đá, đạt 102% so với kế hoạch đào 28,985m đường hầm lò và khai thác được 6.115 triệu tấn than sạch, đạt 102,3% so với kế hoạch. Hầu hết các mỏ đều hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1977, trong đó các mỏ Hà-lầm, Đèo-nai là những đơn vị hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1977 sớm nhất trong toàn Công ty than.

Đẩy mạnh công tác khai thác và chế biến than có nhiệt lượng thấp nhằm nhanh chóng đáp ứng nhu cầu về than cũng là một cách làm mới. Than có nhiệt lượng thấp là loại than thường có lẫn tạp chất (loại này ở ta thường có nhiệt năng từ 3.000kcalo/kg đến 4.000kcalo/kg). Nhiều năm trước đây, do chúng ta chưa nhận thức đúng, chưa hiểu rõ tác dụng và nhu cầu về loại than này cho nên đã không chú ý chọn lọc, sử dụng và đã để lãng phí một khối lượng tài nguyên đáng kể. Để khắc phục khuyết điểm này, Công ty than và các mỏ than đã tập trung vào khâu khai thác than có nhiệt lượng thấp. Do chú ý tận thu và nghiên cứu sàng trộn, dùng nó vào việc nung vôi, nung gạch, ngói ở Hải-phòng, Hải-hưng, Hà-bắc, v.v... cho nên từ 1975 đến 1977 ta đã thu được hơn 2 triệu tấn than. Khai thác than nhiệt lượng thấp rõ ràng là một việc làm cần thiết, đáp ứng được một phần yêu cầu về than khi ta chưa kịp xây dựng các mỏ mới. Hiện nay loại than này còn nhiều. Các mỏ than đang tích cực tận thu than nhiệt

Digitized by Google

lượng thấp và tổ chức chế biến để dùng vào việc nung gạch, ngói, vôi và đun nấu; đồng thời phối hợp với các địa phương huy động lực lượng lao động sử dụng phương tiện cơ giới kết hợp với công cụ thủ công để tận thu, sử dụng nguồn than này.

Ngoài ra, trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, cần quan tâm tổ chức khai thác than ở các mỏ nằm rải rác ở các địa phương từ các vùng rừng núi Vĩnh-phú, Sơn-la, Lai-châu đến phía Nam Thanh-hóa, Nghệ-tĩnh, Bình-trị-thiên, Quảng-nam – Đà-nẵng, Lâm-đồng, Biên-hòa, U-minh, v.v... Đây là điều rất cần thiết để giải quyết được nhu cầu than tại chỗ vừa giảm được chi phí vận chuyển, vừa tận dụng được tài nguyên và lực lượng lao động địa phương để phát triển công nghiệp.

Chúng ta còn chú ý nâng cao giá trị kinh tế của than, tăng tích lũy cho Nhà nước thông qua việc đẩy mạnh công tác chế biến than. Than của ta hiện nay chủ yếu là than Ăng-tơ-ra-xít ở vùng Hồng-gai, Cẩm phả. Than Ăng-tơ-ra-xít của ta nhiệt lượng cao, hàm lượng lưu huỳnh phốt-pho lại rất thấp. Than Ăng-tơ-ra-xít không chỉ dùng để làm nhiên liệu mà còn có thể chế biến thành nhiều sản phẩm hóa học có giá trị kinh tế cao như: làm than cốc, làm điện cực, đất đèn, v.v... Để có nhiều chủng loại than và nâng cao giá trị kinh tế của than, bước đầu chúng ta đã chú ý phát triển công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật chế biến than, đã nghiên cứu thị trường thế giới, nắm yêu cầu của khách hàng; mặt khác từng bước xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật như nghiên cứu, xây dựng nhà máy cốc hóa than gầy, sản xuất điện cực, đất đèn và làm các loại sản phẩm khác từ than, đồng thời tiến hành ngay những việc đơn giản như đập, nghiền, tròn để tăng thêm giá trị kinh tế, nâng cao kỹ thuật sử dụng. Đối với nhu cầu trong nước, ta đã tiến hành điều tra nắm yêu cầu sử dụng than, xây dựng tiêu chuẩn sử dụng cho từng loại nhu cầu để chế biến cho phù hợp.

II — NÂNG CAO Ý THỨC CHỦ ĐỘNG SÁNG TẠO, TINH THẦN TỰ LỰC TỰ CƯỜNG, TẠO NÊN BƯỚC CHUYỂN BIẾN MỚI TRONG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

Thăm dò tài nguyên và thiết kế mỏ là vấn đề quan trọng đầu tiên được đặt ra đối với cán bộ, kỹ sư và công nhân ngành than. Thăm dò tài nguyên và thiết kế mỏ là công việc khởi đầu có tính chất quyết định trong việc xây dựng mỏ và khai thác than sau này, song lại là khâu đòi hỏi phải có trình độ khoa học và nhiều kinh nghiệm. Để chủ động sản xuất được nhiều than, trước tiên cần thăm dò phát hiện được nhiều mỏ. Công việc này cần được tiến hành một cách chính xác. Muốn vậy, phải tổ chức lại công tác thăm dò địa chất than, đưa công tác này đi trước vài ba bước; tích cực xây dựng lực lượng cơ khí sửa chữa, chế tạo phụ tùng, thiết bị khoan, tăng cường quản lý kỹ thuật.

Thiết kế mỏ là khâu quyết định đối với tốc độ xây dựng mỏ và hiệu quả vốn đầu tư. Trong công việc này, trước đây ta thường dựa nhiều vào các nước bạn, vì vậy bên cạnh những thuận lợi do có sự giúp đỡ của bạn, ta thường hay bị động; mặt khác nhiều đề án thiết kế của bạn chưa phù hợp với tình hình địa chất, kinh tế và lao động của nước ta, do vậy làm chậm quá trình khai thác than.

Để có thể làm chủ trong khai thác, ngay từ đầu phải làm chủ trong thăm dò và thiết kế, làm sao rút ngắn được thời gian, có số liệu chính xác về nguồn tài nguyên, có thiết kế phù hợp nhất với hoàn cảnh nước ta. Với ý thức làm chủ cao, các cán bộ thăm dò nước ta trong những năm gần đây

Digitized by Google

đã đẩy mạnh công tác sửa chữa phục hồi các máy, chủ động thăm dò, tìm được nhiều mỏ than, cung cấp kịp thời tài liệu đánh giá chính xác tài nguyên. Chúng ta đã đánh giá được trữ lượng than vùng Quảng-ninh và một số vùng khác, đã thăm dò tỉ mỉ để bảo đảm thiết kế một số mỏ, thực hiện được 5.200m khoan thăm dò, 6.200m khoan địa chất công trình, đo vẽ được 5.700 ha địa hình và xây dựng được 390km đường dây. Ta đã tự lực thiết kế được các loại hầm lò gồm lò bằng, lò giếng, lò nghiêng, mỏ lộ thiên. Ta cũng đã tự lực thiết kế được nhà sàng với công suất 2 triệu tấn/năm, thiết kế được đường sắt, bến cảng, nhà máy cơ khí.

Nhờ tự lực thiết kế được 17 mỏ và nhiều công trình phục vụ mỏ, ta đã xây dựng kịp thời một số mỏ để có thể đưa vào sản xuất 4 triệu tấn than năm 1980, đồng thời tạo ra những khả năng mới để thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng về sản xuất than. Trong thời gian tới, chúng ta còn phấn đấu để tự lực thiết kế những mỏ hầm lò, mỏ lộ thiên có công suất lớn, các cơ sở tuyển khoáng, chế biến than, đường bộ, đường sắt, bến cảng, mặt khác nâng cao chất lượng công trình thiết kế và trình độ đội ngũ cán bộ thiết kế ở các Viện, Công ty và các mỏ, cải tiến công tác thiết kế, nâng cao tính kinh tế, kỹ thuật và tiên tiến của nó, thực hiện yêu cầu thiết kế đi trước một bước.

Phát triển cơ khí, tự lực sản xuất thiết bị và phụ tùng cho mỏ cũng là một vấn đề cấp bách có tính chất quyết định sự phát triển của ngành than. Nhiều năm qua ngành than phát triển chậm, một phần là do bị động về thiết bị, hầu hết thiết bị phải nhập của nước ngoài, đưa về chậm và thiếu đồng bộ. Bản thân cơ khí ngành than chỉ có các cơ sở sửa chữa. Những năm gần đây, do thấy hậu quả của việc này, ngành than đã hợp tác chặt chẽ với các ngành kinh tế khác để sản xuất lấy thiết bị ở trong nước. Năm 1977, cơ khí ngành than bước đầu đáp ứng được một số yêu cầu về sản xuất thiết bị, đạt 108,2% so với kế hoạch; đã tự lực sửa chữa được 520 xe ô-tô, 24 đầu tàu; 24 toa xe 30 tấn, 210 toa xe 10 tấn; đã chế tạo 752,5 tấn và phục hồi 124 tấn phụ tùng, trong đó có 70 mũi khoan xoay cầu, 20 bộ giảm xóc xe ben-la. Cơ khí ngành than cũng đã chế tạo được 10 loại thiết bị, gồm 19 máy khoan dập cáp, 6 máy sàng, 100 toa xe, 75 goòng các loại, và chế tạo thử nhiều loại thiết bị như máng cào MC – 8, búa khoan, búa chèn quạt gió mỏ, khoan tay thăm dò.

Chất lượng chế tạo và sửa chữa cơ khí bước đầu có tiến bộ. Nhìn chung, các nhà máy cơ khí của ta đã đi vào khai thác và phát huy năng lực hiện có của mình, thực hiện dần việc phân công sản xuất các mặt hàng phù hợp. Trước mắt cơ khí ngành than cùng với các ngành cơ khí trong nước phấn đấu chế tạo được một số thiết bị công nghệ cơ bản cho hầm lò phù hợp với công nghệ khai thác hiện nay, tiến tới sản xuất các thiết bị chuyên dùng ở mỏ lộ thiên, thiết bị nhà sàng 2 triệu tấn/năm, đóng các loại toa xe 30 tấn, chế tạo các thiết bị bốc rót ở bến cảng, đồng thời bảo đảm phần lớn phụ tùng thay thế, v.v... Chúng ta đã chủ động hơn trong sản xuất và có bước tiến bộ đáng kể, tiến tới thỏa mãn yêu cầu của nền kinh tế quốc dân và của xuất khẩu.

Chúng ta còn tự lực xây dựng nhanh các mỏ và các công trình. Năm qua chúng ta đã đạt 104,8% kế hoạch xây dựng cơ bản các mỏ và các công trình phụ, công trình đi theo; đã hoàn chỉnh và đưa vào sản xuất mỏ Tây-khe-sim; hoàn thành về cơ bản việc cải tạo 3 mỏ lộ thiên: Hà-tu, Đèo-nai, Cọc 6; hoàn thành và đưa vào sản xuất công trình Bắc Bàng-danh, phân khu I, II công trình Hữu nghị Hà-lầy, hoàn chỉnh

Digitized by Google

mỏ than Phấn-mễ. Nhiều Công ty và đơn vị đã phát huy tính chủ động, khắc phục khó khăn về vật tư, thiết bị, thi công nhanh một số công trình như mỏ than Cao-sơn, mỏ than Tràng-bạch, mỏ Vàng-danh, mỏ Mông-dương và đã tích cực chuẩn bị để khởi công một số công trình mỏ nhỏ: 2K, Quyết-thắng v.v...

Điểm nổi bật trong công tác xây dựng ở các mỏ là tập trung giải quyết tốt hai vấn đề: một mặt nêu cao tinh thần tự lực tự cường trong kỹ thuật, tự lực thi công được các công trình, các lò giếng phức tạp; chú ý xây dựng các lực lượng thi công chuyên môn về cầu đường, băng chuyền, phấn đấu vươn lên làm chủ kỹ thuật trong các khâu khoan nổ mìn, xây dựng nhanh và đồng bộ các cơ sở khai thác, sàng tuyển, chế biến than, đường sắt, đường bộ, bến cảng và xí nghiệp cơ khí, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tìm cách xây dựng mỏ nhanh nhất, chống những khuôn sáo cũ, xây dựng mỏ thích hợp với điều kiện, thiết bị, vỉa than của Việt-nam. Mặt khác, cần chú ý chủ động, tích cực sửa chữa và sản xuất các thiết bị thi công, đẩy mạnh việc sản xuất vật liệu xây dựng như cát, đá, sỏi, gạch và một phần xi-măng.

III — TẠO NÊN PHONG TRÀO LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, SÔI NỔI SÁNG TẠO, MANG LẠI HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO, XÂY DỰNG NHỮNG ĐIỂN HÌNH TỐT CÓ TÁC DỤNG THÚC ĐẨY PHONG TRÀO THI ĐUA

Năm 1977, chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao cho ngành than cao hơn năm 1976, nhưng cơ sở vật chất — kỹ thuật tăng không tương ứng, có những thiết bị vật tư đến cuối năm mới về. Một số xí nghiệp bước vào thực hiện kế hoạch trong tình hình sản xuất chưa ổn định, tài nguyên, thiết bị chưa nắm chắc, thiếu cân đối, không hoàn chỉnh. Lương thực, thực phẩm và một số mặt hàng tiêu dùng còn thiếu, có lúc rất căng thẳng. Thời tiết diễn biến phức tạp (nắng nóng nhiều, thiếu nước cho sản xuất và tiêu dùng) đã ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện kế hoạch Nhà nước. Song ngành than vẫn vươn lên đạt sản lượng 6,115 triệu tấn, bằng 102% kế hoạch là do cán bộ, công nhân, nhân viên các mỏ đã nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, phát huy ý thức tự lực tự cường, ra sức khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

Các mỏ đã tạo được một phong trào quần chúng phát triển liên tục, bảo đảm tháng nào, quý nào cũng hoàn thành kế hoạch bốc đất đá, tạo điều kiện để việc sản xuất than tiến hành có kỹ thuật. Nhiều xí nghiệp đã tổ chức lại sản xuất, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch năm. Phong trào thi đua đã tạo ra những điển hình năng suất cao như: các máy xúc EKG số 2, số 9, số 12 (mỏ Hà-tu, Cọc 6 đạt 1 triệu mét khối/năm; có 20 máy khoan động đạt từ 7 nghìn đến 8 nghìn mét; tổ đào lò chợ mỏ Hà-lầm đã đưa công suất khai thác lên 100.000 tấn than một năm, v.v... Xí nghiệp tuyển than Hòng-gai duy trì 10 chuyền/ca cũng là một việc trước đây chưa từng có. Các nhà máy cơ khí Hòng-gai, cơ khí Cẩm-phả, cơ khí trung tâm, với khẩu hiệu "Tất cả cho hòn đất, hòn than", đã chủ động tự lực chế tạo máy khoan động, toàn bộ thiết bị của máy sàng, máy nghiền, đầu tàu và toa xe, trang bị cho các mỏ 35% phụ tùng cho ô tô tính theo chi tiết, 30% phụ tùng cho máy khai thác, v.v...

Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được đẩy mạnh. Để đáp ứng yêu cầu khẩn trương về than, Bộ đã phát động phong trào mỗi công nhân một sáng kiến, mỗi cán bộ kỹ thuật một đề tài. Phong trào này đã có bước chuyển biến mới

Digitized by Google

trong việc phục vụ kịp thời cho sản xuất như: nghiên cứu phương pháp khai thác vỉa dày trên 45°; cải tiến quy trình khai thác than, điều phối xe ô-tô ở mỏ Hà-tu; cải tiến dây chuyền sản xuất than luyện của nhà máy than luyện Hồng-gai; hợp lý hóa cung độ vận chuyển đất của Đèo-nai; nghiên cứu sản xuất điện cực từ than ăng-tơ-ra-xit, nghiên cứu tái sinh hợp kim cứng BK8 để chế tạo mũi khoan xoay cầu... Riêng 10 tháng đầu năm 1977, ở 21 trong số 30 cơ sở của Công ty than Hồng-gai đã có 2.846 sáng kiến. Nhà máy cơ khí Hồng-gai dẫn đầu toàn Công ty với 700 sáng kiến, số công nhân có sáng kiến chiếm 51% tổng số công nhân của nhà máy, mỏ than Hà-tu có 355 sáng kiến; mỏ than Đèo-nai có 205 sáng kiến. Một số sáng kiến có giá trị kinh tế và kỹ thuật cao như sáng kiến cải tiến tay lái xe bò tót và xe ben la tăng năng suất 30%, sáng kiến cải tiến trục hơi thành trục điện, lắp băng thành phẩm của nhà máy luyện than đã giải phóng gần 30 công nhân không phải làm việc nặng nhọc, độc hại...

Năm 1977 phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật phát triển sâu rộng hơn. Toàn ngành đã có 9.692 sáng kiến (70 sáng kiến có mức thưởng từ bậc 4 trở lên); đã áp dụng 5.300 sáng kiến, làm lợi 16,8 triệu đồng cho Nhà nước.

Để đẩy mạnh phong trào lao động sôi nổi, sáng tạo của quần chúng, các mỏ đã có bước chuyển biến mới về công tác quản lý lao động. Thông qua việc tổ chức lại lao động, các mỏ thực hiện trả lương theo sản phẩm một cách rộng khắp, thực hiện tốt việc phân phối theo lao động, và kết hợp với động viên tinh thần, có sự khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với những người lao động tốt, có năng suất cao. Trong sản xuất ở hầm lò, các mỏ đã thực hiện chế độ làm việc 4 ca gối đầu, đưa được số giờ lao động có ích trong ngày từ 4 giờ 30 phút lên 5 giờ 30 phút, do vậy đã tăng được sản lượng than hơn trước. Công ty than Hồng-gai cũng đã tổ chức cho công nhân ở 3 mỏ lộ thiên: Hà-tu, Đèo-nai, Cọc 6, ở hai xí nghiệp tuyển than: Hồng-gai, Cửa Ông, và ở xí nghiệp vận tải ô tô Cẩm-phả làm liên tục suốt tuần, suốt tháng bằng cách cho công nhân luân phiên nghỉ một ngày trong tuần để tận dụng nguồn điện, nước, do đó số ngày công sản xuất thực tế trong một năm đã tăng từ 278 ngày lên 305 ngày (tương đương với việc trang bị thêm 6 máy xúc cho các mỏ).

Để nâng cao năng suất lao động, các mỏ, các xí nghiệp hết sức chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ và công nhân. Trong điều kiện đất nước ta hiện nay còn nhiều khó khăn, ngoài các nhu cầu về ăn, mặc, ở... do các ngành nội thương, lương thực thực phẩm, xây dựng... có trách nhiệm giải quyết, các đơn vị trong ngành than đã cố gắng tổ chức tốt công tác đời sống. Các đơn vị thực hiện phân phối công bằng, hợp lý, chống tham ô, bớt xén, tổ chức tốt khâu chế biến, giải quyết tốt bữa ăn giữa ca. Từng người, từng mỏ cố gắng tăng gia sản xuất: trồng rau, chăn nuôi. Trên cơ sở sử dụng tổng hợp trong sản xuất than các mỏ còn hết sức tận dụng nguyên liệu, lao động, tổ chức nung vôi, làm xi măng, gạch từ đất đá bóc ra khi khai thác than và đã xây dựng được một số nhà cao tầng, và một tầng đáp ứng một phần nhu cầu về nhà ở cho công nhân.

Nhờ có phong trào thi đua lao động sản xuất, có sự tiến bộ trong công tác quản lý lao động và chăm lo đời sống của các mỏ, các xí nghiệp năng suất lao động tính bằng tiền của một công nhân trong năm 1977 đã vượt 1,1% so với kế hoạch, tăng 10,1% so với năm 1976. Đó là thước đo, là sự thể hiện cụ thể lòng yêu nước,

(Xem tiếp trang 87)

Digitized by Google

ÔN LẠI BÀI HỌC «CẦN, KIỆM, LIÊM, CHÍNH, CHÍ CÔNG VÔ TƯ» CỦA BÁC HỒ VĨ ĐẠI

HÀ-HUY-GIÁP

BÁC quan niệm người cách mạng rèn luyện đạo đức cách mạng cũng cần thiết như ta muốn sống phải ăn, uống và hít thở khi trời, và công việc ấy không bao giờ cũ cả. Người nói: «Hằng ngày ta phải ăn cơm, uống nước, phải thở khi trời để mà sống. Những việc đó, ngày xưa ông cha ta phải làm, bây giờ chúng ta phải làm, con cháu ta sau này cũng phải làm. Vậy ăn cơm, uống nước và thở khi trời để đem lại cuộc sống cho con người thì đó là những việc không khi nào trở thành cũ cả. «Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư» đối với Đời sống mới cũng vậy» (1).

Sinh thời, bất cứ thăm đơn vị quân đội hay thăm hợp tác xã nông nghiệp, thăm xí nghiệp hay công trường, thăm trường học hay thăm lớp nghiên cứu chính trị của nhân sĩ, trí thức, v.v... Bác thường dễ cập đến việc trau dồi đạo đức cách mạng.

Và mặc dù bận nhiều công việc quan trọng khác, Bác vẫn dành thì giờ viết báo, viết sách về đạo đức cách mạng để mọi người theo đó mà học tập. Người nói: «cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân» (2).

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nguyên tắc cơ bản trước tiên của xã hội xã hội chủ nghĩa, không có đức tính đó thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Đó là tiêu chuẩn đạo đức của mọi người trong chế độ ta.

Từ xưa đến nay, lao động vẫn là bí quyết của sự sống, là điều kiện không thể thiếu để loài người sinh tồn và duy trì nòi giống. Ngày nay, muốn dân giàu, nước mạnh, muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, không thể không nói đến lao động sản xuất. Vì lẽ ấy, không phải ngẫu nhiên trong tám chữ vàng trên kia thì chữ *cần* đứng hàng đầu.

Nhân dân ta có truyền thống cần cù lao động đã tạo lập nên một đất nước đẹp, giàu, đã chiến thắng thiên tai, địch họa để tồn tại đến ngày nay.

---

(1) Theo Võ-Nguyên-Giáp: *Những năm tháng không thể nào quên*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1974, trang 271.

(2) X.Y.Z: *Sửa đổi lối làm việc*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1954, trang 30 — 31.

Digitized by Google

Cách đây hai thế kỷ, một người Tiệp-khắc đã lưu trú ở nước ta, khi về nước viết hồi ký về con người Việt-nam, có đoạn: «...Người Việt-nam dễ ra là để lao động và họ chạy trốn sự lười nhác như trốn bệnh dịch hạch» (3). Một dân tộc không những đánh giặc giỏi mà lao động sản xuất cũng hăng, dân tộc đó không thể diệt vong.

Nhân dân ta lên án những kẻ «làm không dụng xác, xác không dụng vai», «học chẳng hay, cày chẳng biết». Lao động là tiêu chuẩn đánh giá trình độ giác ngộ của người cách mạng. Bác nói: «Muốn thật thà yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội thì phải yêu lao động, vì không lao động thì chỉ là nói suông» (4).

Bác của chúng ta là một người lao động, là gương sáng về tinh thần hăng say lao động. Thời thanh niên, ở nước ngoài, Bác làm nhiều nghề để sinh sống và hoạt động cách mạng. Trong thời gian ở chiến khu Việt-bắc, Bác thường nói: «Làm vừa khéo người vừa để cải thiện sinh hoạt» để động viên cán bộ, bộ đội tăng gia sản xuất. Về phần mình, Bác đã gương mẫu trong việc ấy. Đồng chí Lê-ô Phi-ghe sang thăm nước ta trong lúc ngọn lửa chiến tranh còn bùng cháy khắp Việt-nam, khi về Pháp đã viết về Bác: «Ở Việt-bắc, ai nấy đều tự sản xuất lấy lương thực và tất cả mọi người, bộ đội cũng như thường dân, đều cày cuốc những mảnh đất nhỏ ở gần các bờ mương, bờ suối để trồng rau. Đồng chí Hồ-Chí-Minh đã làm gương trong việc này. Đồng chí có một vườn rau rất tốt, mỗi ngày đồng chí dành hơn một tiếng đồng hồ để chăm bón cho cái vườn đó».

Đối với Bác, lao động không những là nghĩa vụ thiêng liêng, mà còn là nguồn vui, nguồn hạnh phúc của con người. Bác quan niệm trong lao động có lao động trí óc và lao động chân tay, nhưng Bác không đánh giá cái nào cao hơn cái nào. Bác nói: «Người nấu bếp, người quét rác cũng như thầy giáo, kỹ sư, nếu làm tròn trách nhiệm thì đều vẻ vang như nhau» (5). Tuy vậy, «làm tròn trách nhiệm» của mình — theo Bác — cũng chưa phải là *cần*. Một người được gọi là *cần* khi nào người đó có tinh thần làm chủ tập thể cao, biết động viên, lôi cuốn mọi người cùng tham gia hoàn thành mọi công việc của Nhà nước, của tập thể giao phó. Bác nói: «Nếu cả ngày các chú chỉ hùng hục làm việc của mình, không dạy cho bộ đội chăm chỉ học tập chính trị, quân sự để giết được nhiều giặc, không khuyến khích và giúp đỡ nhân dân tăng gia sản xuất, phục vụ tiền tuyến thì cũng chưa thực hiện được chữ Cần» (6). Bác lại nói: «Cần tức là tăng năng suất trong công tác, bất kỳ công tác gì». Như vậy, xét cho cùng, *cần cù trong lao động, biết động viên, lôi cuốn người khác cùng lao động và lao động có năng suất cao* là định nghĩa xác đáng nhất của chữ *cần*. *Cần* là một tiêu chuẩn của con người mới xã hội chủ nghĩa. Những kẻ vô công rồi nghề, không muốn lao động để nuôi sống bản thân và làm tăng của cải vật chất cho xã hội, nhưng lại muốn ăn sang, mặc đẹp... đều trái với đạo đức xã hội chủ nghĩa. Bác dạy rằng: «Mức sống với sản xuất như thuyền với nước. Nước cao thì thuyền mới lên cao. Sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ thì đời sống mới được cải thiện, không có cách nào khác» (7).

---

(3) Theo Trần-Quốc-Vượng: «Suy nghĩ nhỏ về con người Việt-nam», *Tạp chí Tổ quốc*, số Tân Hợi, 1971.

(4) *Hồ Chủ tịch bàn về giáo dục*, Nhà xuất bản Giáo dục Hà-nội, 1962, trang 194.

(5) Hồ-Chí-Minh: «Bài nói tại Hội nghị chỉnh huấn mùa xuân 1961», tạp chí *Học tập*, số 4-1961, trang 7.

(6) Hồ-Chí-Minh: *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1970, trang 91 — 92.

(7) Hồ-Chí-Minh: *Bảo vệ của công, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, trang 62.

Digitized by Google

Cần và *kiệm* phải đi đôi với nhau như hình với bóng, Bác nói: « *Cần* để nâng cao không ngừng năng suất lao động. *Kiệm* để tích trữ thêm vốn, mở rộng sản xuất, kiệm mà không cần thì cũng vô ích. Cần mà không kiệm thì tay không lại hoàn tay không. » (8). Bác nêu một ví dụ: « cần mà không kiệm khác nào như bỏ của vào cái túi lủng đáy ».

Hiện nay, có người còn quan niệm chưa đúng mức mối quan hệ hữu cơ đó. Họ cho rằng vì nước ta nghèo, cho nên phải kêu gọi tiết kiệm, « thắt lưng buộc bụng » để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nói như vậy là chưa hiểu sâu sắc ý nghĩa của vấn đề tiết kiệm đối với việc phát triển nền kinh tế quốc dân. Trong thực tế, nhiều nước có nền công nghiệp hiện đại, có khoa học — kỹ thuật tiên tiến, có tiềm năng kinh tế hơn ta gấp nhiều lần, chẳng hạn như Liên-xô, Cộng hòa dân chủ Đức, v.v... vẫn đặt vấn đề tiết kiệm thành chế độ, thành nguyên tắc trong nền kinh tế quốc dân. Họ xem vấn đề tiết kiệm là quy luật, là phương pháp tiến bộ của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XXV Đảng cộng sản Liên-xô, nêu rõ: « Dù cho tài nguyên của xã hội chúng ta có bao nhiêu đi nữa nhưng chế độ tiết kiệm nghiêm khắc nhất vẫn là điều kiện quan trọng nhất để phát triển nền kinh tế quốc dân, nâng cao phúc lợi nhân dân ». Liên-xô đã đề ra khẩu hiệu: « Tiết kiệm cho xã hội tức là tiết kiệm cho mình », « tiết kiệm từng phút lao động ». Ở nhà máy sản xuất dụng cụ điện Mát-xcơ-va, một phong trào quần chúng đang nổi lên với khẩu hiệu « mỗi tuần một giờ sản xuất bằng những nguyên liệu tiết kiệm được ». Người ta tính toán rằng nếu toàn ngành công nghiệp Liên-xô hưởng ứng phong trào này thì ngành kinh tế quốc dân Liên-xô sẽ thu được một khối lượng sản phẩm trị giá 60 — 70 tỉ rúp. Trong kế hoạch 5 năm vừa qua, Liên-xô sử dụng những nguyên liệu mà người ta cho là « bỏ đi », là « kém phẩm chất » đã sản xuất được một khối lượng hàng hóa trị giá gần 5 tỉ rúp. Và như vậy là tiết kiệm được 36 triệu mét khối gỗ, hai triệu tấn bông, hàng vạn tấn cao-su và nhiều nguyên liệu khác.

Ở Cộng hòa dân chủ Đức có khẩu hiệu « Tiết kiệm từng gam, từng mi-li-mét », « giấy và kim loại cũ là một thứ nguyên liệu quý ». Trong sách giáo khoa của học sinh có in câu: « Nếu không biết quý từng xu thì đồng mác cũng thành đồ bỏ đi », v.v... Nhà máy xe đạp Mi-pha ở Đăng-nghe-hao-den, do cải tiến một số chi tiết, đã giảm mức chi phí về kim loại ở từng chiếc xe đạp khoảng 78 gam, tổng cộng hàng năm có thể sản xuất thêm một ngàn xe.

Nước ta còn quá nghèo, càng phải tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Bác khẳng định: « Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách *tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm*. Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống » (9). Tuy nhiên, Bác quan niệm « tiết kiệm không phải là bủn xỉn » « xem đồng tiền bằng cái trống ». Bác nói: « khi nào không nên tiêu xài thì một hạt gạo, một đồng xu cũng không tiêu. Khi có việc đáng làm, việc ích lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của cũng vui lòng. Như thế mới đúng là kiệm. Việc đáng tiêu mà không tiêu là bủn xỉn, dại dột, chứ không phải là kiệm » (10).

Bác quan niệm *kiệm* một cách toàn diện: tiết kiệm sức người, tiết kiệm tiền bạc, vật tư của Nhà nước, tiết

(8) Trần-Lực: *Người quyết tâm thì lúa được mùa*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, trang 12.

(9) Hồ-Chí-Minh: Bài nói tại Hội nghị chỉnh huấn mùa xuân 1961. Tạp chí *Học tập*, số 4 — 1961, trang 8.

(10) Theo Lê-Quyết-thắng: *Cần kiệm liêm chính*, Nhà in Hồng-lĩnh, Hà-tĩnh, 1949.

Digitized by Google

kiệm thời gian. Đối với sức người, Bác nói: « Phải biết quý trọng sức người là vốn quý nhất của ta. Chúng ta cần hết lòng chăm sóc sức khỏe và sử dụng thật hợp lý sức lao động của nhân dân ta » (11).

Trong lao động sản xuất, công tác, học tập, nghiên cứu, nhất là trong nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì yếu tố thời gian rất quan trọng. Bác nhiều lần nhắc đến câu tục ngữ: « Một phút đáng giá ngàn vàng », « thì giờ là vàng bạc » (xem « Thuốc đắng dã tật »). Tại Hội nghị bàn về cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân 1961, Bác lại nhắc lại vấn đề tiết kiệm thời gian. Bác nói: « Trong mọi công việc, phải tính toán, cân nhắc cẩn thận. « Thì giờ là vàng bạc ». *Phải kiên quyết chống thói hội họp lu bù, mất thì giờ, hại sức khỏe mà không kết quả thiết thực* ». (chúng tôi gạch dưới). Bởi vì mọi sự tăng năng suất, tăng hiệu quả lao động chung quy do tiết kiệm thì giờ. Mác và Ăng-ghen đã nói tiết kiệm thì giờ là nguyên tắc quan trọng nhất của xã hội xã hội chủ nghĩa. Nếu không tiết kiệm được thì giờ lao động tất yếu thì con người vẫn chưa được giải phóng hoàn toàn.

Đối với tài sản của Nhà nước, của nhân dân, Bác nói: « Cán bộ và đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách, nêu gương « cần kiệm liêm chính », không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân » (12).

Thực hành tiết kiệm một cách khoa học và tích cực nhất không phải ở chỗ dè xẻn trong chi tiêu, cắn cỏ làm việc suốt ngày, mà ở chỗ bằng mọi cách nâng cao hiệu quả sức người, tiền của và thời gian. Bác nói: « Chúng ta phải tìm cách sắp xếp tổ chức cho hợp lý để một người có thể làm việc như hai người, một ngày có thể làm việc của hai ngày, một đồng có thể dùng bằng hai đồng » (13).

Chỉ có tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm một cách tích cực như trên mới có thể giải quyết một cách cơ bản nạn khan hiếm lương thực, thực phẩm và nguyên liệu vật liệu, v.v... như tình trạng hiện nay.

Bác quan niệm *kiệm* một cách hoàn chỉnh: tiết kiệm của riêng và tiết kiệm của công. Nếu chỉ biết tiết kiệm của riêng còn của công thì bỏ hư hỏng hoặc tiêu xài hoang phí thì cũng chưa phải là kiệm. Bác nói: « Không tiêu hoang phí tiền riêng của các chú cũng chưa phải là Kiệm. Các chú còn phải biết tiết kiệm của công, dạy cho bộ đội biết tiết kiệm của công thì mới thật là Kiệm » (14).

Muốn thực hành tiết kiệm và chống tham ô một cách nghiêm chỉnh và đạt được kết quả tốt thì trước hết phải chống bệnh quan liêu. Bởi vì nạn quan liêu là mẹ đẻ ra nạn tham ô, lãng phí. Về mức độ tai hại của hai căn bệnh ấy, Bác viết: « Lãng phí tuy không lấy của công đút túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ, có khi tai hại hơn nạn tham ô » (15).

Vào thăm Viện bảo tàng Hồ-Chí-Minh, khách đều chăm chú xem các hiện vật, như chiếc hộp đựng xà phòng, đôi guốc mộc, đôi dép lốp, chiếc áo ka-ki, tờ giấy viết thư, v.v... Những hiện vật ấy nói lên đức tính tiết kiệm của Bác — một vị lãnh tụ thiên tài suốt đời đấu tranh cho hạnh phúc của mọi người còn bản thân thì « mong manh áo vải ». Lúc Bác còn

(11) Hồ-Chí-Minh: « Bài nói tại Hội nghị chỉnh huấn mùa xuân 1961 », tạp chí *Học tập* số 4-1961, trang 8.

(12) Hồ-Chí-Minh: *Bảo vệ của công, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, trang 35.

(13) Hồ-Chí-Minh: Sách đã dẫn, trang 14.

(14) Hồ-Chí-Minh: *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 139.

(15) Hồ-Chí-Minh: *Bảo vệ của công, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, trang 22.

Digitized by Google

sống, một hôm đồng chí cần vụ thấy Bác nóng mới se sẽ mở quạt máy trong phòng của Bác. Nhưng đồng chí cần vụ vừa đi ra thì Bác tắt quạt máy và dùng quạt giấy. Bác nói:

— Bây giờ nhân dân ta còn thiếu thốn, ta tiết kiệm được chút nào hay chút ấy.

Nhân dân ta không khỏi ngậm ngùi thương nhớ Bác khi mở Di chúc của Bác đọc đoạn văn: «Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân».

Đức tiết kiệm và giản dị của Bác trở thành đề tài lớn của các nhà báo phương Tây khi viết về Người. Dưới đầu đề: «Một người cùng khổ chống lại những kẻ khổng lồ», báo *Bằng chứng đạo Thiên chúa* (Témoignages chrétiens) viết: «... lên đến tột đỉnh quang vinh, Người vẫn như trước kia, ghét xa hoa hào nhoáng, vẫn giản dị trong cả cách ăn mặc lẫn phong thái. Khi Người đề cho các em học sinh vuốt râu, lúc Người đến thăm trường, hoặc khi Người đi dép cắt ở những chiếc lốp cũ ra, thì không có chút gì là mị dân, không có chút gì giả tạo cả».

Đã cần kiệm thì phải liêm chính. Bác quan niệm liêm là không tham ô và luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công, của nhân dân. Mặt khác, mình chỉ biết *liêm* mà không lòi cuốn người khác cùng *liêm* với mình thì «mới chỉ là liêm một nửa». Bác nói: «Các chú không lấy của công làm của tư, không lấy chiến lợi phẩm về cho gia đình bè bạn mới chỉ là Liêm một nửa. Các chú còn phải dạy cho bộ đội và khuyến khích nhân dân không lấy của công, không lấy chiến lợi phẩm làm của riêng mới thật là Liêm» (16).

Nghiên cứu nhiều bài viết của Bác về đạo đức cách mạng, chúng ta thấy Bác mở rộng khái niệm chữ liêm rất nhiều. Liêm là không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng, không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa.

Người cách mạng, người cộng sản là người giàu tình cảm nhất. Họ đau khổ trước khi nhân dân đau khổ, họ vui sướng sau khi nhân dân vui sướng, vì vậy họ sẵn sàng xả thân vì đại nghĩa, sẵn sàng xông pha nguy hiểm, chịu đựng gian khổ để cứu đồng bào, giành lại độc lập và tự do cho Tổ quốc. Đó là hành động của con người có đức tính *chính*. Bác nói: «Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh». Suốt đời, Người đã thực hiện trọn vẹn câu nói ấy. Lòng của Bác luôn luôn hướng đến nhân dân, hướng về Tổ quốc, hướng về chính nghĩa. Đọc đoạn đối thoại sau đây giữa Bác và An-he Xa-rô, thượng thư bộ thuộc địa của chính phủ Pháp, chúng ta thấy rõ điều đó, thượng thư bộ thuộc địa nói:

— «Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn phải «thức thời» mới ngoan. Ô này! Khi nào ông có cần gì, tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay, chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo...».

Bác nói: «Cảm ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập...» (17).

Chính còn biểu hiện ở tính công bằng, không thiên vị, không kéo bè kéo cánh. Ai hợp với mình thì đề bạt, cất nhắc. Ai không hợp thì tìm cách đèm pha, nói xấu, tìm cách vùi dập. Con người *chính* là người dám gạt bỏ tư ân, tư huệ, tư oán, tư thù để trong lòng thanh thản mà lo công việc ích nước lợi dân.

Đã *cần, kiệm, liêm, chính* thì phải *chí công vô tư*. Nếu không «chí công

(16) Hồ-Chí-Minh: *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970 trang 92.

(17) T. Lan. *Vừa đi đường vừa kể chuyện*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 15.

Digitized by Google

vô tư» thì không thể có «cần kiệm, liêm, chính» được. Người cách mạng, người cộng sản không «chí công vô tư» thì *chủ nghĩa cá nhân* sẽ trỗi dậy.

Chủ nghĩa cá nhân như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm, như *bệnh lười biếng*: lười lao động, lười công tác, lười học tập, lười suy nghĩ, v.v... tức là không *cần*; *bệnh lãng phí*: lãng phí tiền bạc, thời gian, vật tư của Nhà nước, của hợp tác xã, v.v... tức là không *kiệm*; *bệnh tham lam*: sinh ra tự tư tự lợi, dùng của công làm việc tư, dựa vào thế lực của đoàn thể để theo đuổi mục đích riêng của mình, v.v... tức là không *liêm*; *bệnh kéo bè kéo cánh*: gây ra bè phái, gây nên mất thân ái đoàn kết trong nội bộ nhằm thực hiện mưu đồ cá nhân, tức là không *chính*.

Như vậy, lòng *chí công vô tư* là mẹ đẻ của *cần, kiệm, liêm, chính*. Tuy vậy, ở người cá nhân chủ nghĩa cũng có cần, kiệm nhưng cần kiệm cho cá nhân mình mà bóc lột người khác. Anh ta sẽ siêng năng trong việc riêng để kiếm chác, còn đối với việc cơ quan thì lười biếng. Anh ta rất tiết kiệm tiền và của cải của anh ta nhưng lại tiêu xài phung phí tiền và lãng phí vật tư của Nhà nước.

Người cán bộ cách mạng, người cộng sản phải học và thực hiện *chí công vô tư* để xứng đáng là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Chí công vô tư không có nghĩa là gạt bỏ quyền lợi cá nhân, không có nghĩa là người cách mạng không có cái gì riêng tư. Bác nói: «Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, mà phải nghĩ đến đồng bào, đến toàn dân đã...» (18). «Đừng nghĩ đến mình trước, mà phải nghĩ đến đồng bào, đến toàn dân đã», có nghĩa là «cái cá nhân» đặt sau «cái toàn thể», chứ không phải loại trừ «cái cá nhân». Bác thường nói «mình vì mọi người, mọi người vì mình» cũng với ý nghĩa đặt cái chung trên cái riêng, chứ không phải thủ tiêu cái riêng.

Đồng chí Lê-Duẩn phân tích: «Một đồng chí học kỹ thuật trung cấp muốn tiến lên kỹ thuật cao cấp, trong việc tiến lên đó có cả quyền lợi chung và quyền lợi riêng, nếu phê phán cái riêng không khéo thì sẽ không khách quan, đi ngược lại sự sống tự nhiên của con người» (19).

Chí công vô tư — theo Bác — có hai loại: chí công vô tư đối với người và chí công vô tư đối với việc. Đối với người nên thực hành năm điều tốt là nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm và trước hết «mình vì mọi người» rồi sau đó tự nhiên mới có «mọi người vì mình». Đối với việc là khi gặp lợi ích chung của Đảng, của cách mạng, của giai cấp mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp.

Đức tính *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư* không phải do bẩm sinh, tự nhiên mà có, mà do rèn luyện mà nên. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Bác nói: «Người hội viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết đoàn thể, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ *chí công vô tư*. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt ngày càng thêm» (20).

Tóm lại, phẩm chất, đạo đức của Hồ Chủ tịch là tấm gương sáng ngời về *cần, kiệm, liêm, chính, chí công*

(18) Lời Hồ Chủ tịch, Báo *Nhân dân*, ngày 19-5-1968.

(19) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập 1, trang 152.

(20) X.Y.Z. *Sửa đổi lối làm việc*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1954, trang 29.

Digitized by Google

vô tư. Người là mẫu mực về đạo đức cộng sản chủ nghĩa, là mẫu mực của con người mới cộng sản chủ nghĩa Việt-nam. Đạo đức cách mạng của Người đã tỏa sáng khắp năm châu, làm cho nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới khâm phục và khiến cho quân thù phải kinh nể. Đồng chí Lê-Duẩn nói : « Cuộc đời của Hồ Chủ tịch trong như ánh sáng. Đó là một tấm gương tuyệt vời về chí khí cách mạng, kiên cường, tinh thần độc lập tự chủ, lòng nhân đạo và yêu mến nhân dân thắm thiết, đạo đức chí công vô tư, tác phong khiêm tốn, giản dị » (21).

Đồng chí Bơ-rê-giơ-nép, Tổng bí thư Đảng cộng sản Liên-xô nói về Bác : « Đồng chí Hồ-Chi-Minh đã sống một cuộc đời trong suốt như pha lê ».

Ôn lại bài học *Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư* của Hồ Chủ tịch, chúng ta kiên quyết đấu tranh quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng để xứng đáng là người tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của Người và xứng đáng là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

(21) Lê-Duẩn : *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 14.

SẢN XUẤT THẬT NHIỀU THAN...

(Tiếp theo trang 80)

yêu chủ nghĩa xã hội của những người công nhân mỏ Việt-nam.

★

Hiểu rõ ý nghĩa cách mạng của công việc mình làm, những công nhân đang sản xuất than trong các hầm lò, ở các mỏ lộ thiên trên các vùng than của Tổ quốc đang vươn lên hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất 10 triệu tấn than sạch vào năm 1980. Truyền thống yêu nước nồng nàn và lao động dũng cảm, sáng tạo của những người công nhân mỏ Việt-nam, cho phép chúng ta tin tưởng rằng chỉ tiêu về sản xuất than trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai sẽ được thực hiện vượt mức.

Digitized by Google

Thảo luận

DỰ THẢO HIẾN PHÁP MỚI

NHỮNG NÉT ĐỘC ĐÁO CỦA BẢN DỰ THẢO HIẾN PHÁP MỚI

ĐỖ-XUÂN-SẢNG
Luật sư

HIẾN pháp mới của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam kế thừa Hiến pháp năm 1959 của Việt-nam dân chủ cộng hòa. Nó có những nét độc đáo so với Hiến pháp xã hội chủ nghĩa năm 1959 vì nó là Hiến pháp của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa trên cả nước.

Nó thể hiện yêu cầu của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam về xây dựng Hiến pháp: « thể chế hóa bằng đạo luật cơ bản của Nhà nước, quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân ». (1)

Việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải đặt đúng vị trí của Đảng, Nhà nước và nhân dân và bảo đảm các quan hệ đúng đắn trong cơ chế làm chủ tập thể ấy.

— Vị trí của Đảng, Nhà nước và nhân dân trong Hiến pháp mới.

a) *Đảng lãnh đạo :*

Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt-nam từ Cách mạng tháng Tám đến nay trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ đúng đắn và sáng tạo của đảng của giai cấp công nhân Việt-nam do Chủ tịch Hồ-Chí-Minh sáng lập và rèn luyện. Sự lãnh đạo

(1) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 67 — 68.

Digitized by Google

của Đảng đã phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù và đấu tranh dũng cảm chống ngoại xâm của dân tộc ta từ mấy nghìn năm nay, huy động mọi khả năng tiềm tàng của cả nước và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng của thời đại, kết hợp thành một sức mạnh tổng hợp vô địch cho phép nhân dân ta lần lượt đánh bại đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ.

Nhưng Hiến pháp 1946 chưa nói đến Đảng: từ cuối năm 1945, Đảng đã tuyên bố tự giải tán, tức là rút vào bí mật để phục vụ yêu cầu tối cao của dân tộc lúc bấy giờ.

Hiến pháp 1959 có nói đến sự lãnh đạo của Đảng ở Lời nói đầu.

Ngày nay dự thảo Hiến pháp mới nói đến vai trò của Đảng không những ở Lời nói đầu mà còn ở chương I là chương tập trung nêu những vấn đề cơ bản và chung nhất của Hiến pháp. Không những thế, tính cách mạng và tính khoa học của Đảng được thấu suốt trong toàn bộ dự thảo Hiến pháp mới.

Đảng lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta – đó là một tất yếu lịch sử, một yêu cầu của toàn dân tộc trong thời đại ngày nay.

Đảng lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện nhưng không bao biện, không làm thay chính quyền. Điều này đã được đồng chí Le-Duẩn phân tích rõ trong tác phẩm « Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới » (2). Cho nên trong dự thảo Hiến pháp mới, không hề có sự lẫn lộn giữa chức năng của Đảng và chức năng của Nhà nước.

Sự lãnh đạo của Đảng được ghi trong Hiến pháp cho phép quần chúng nhân dân coi Đảng của giai cấp công nhân cũng đồng thời là đảng của họ. Về vấn đề này, đồng chí Lê-Duẩn đã phân tích: « Hiến pháp nước ta cũng nêu rõ Nhà nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Điều đó có nghĩa là quần chúng nhân dân thừa nhận Đảng ta cũng đồng thời là Đảng của họ » (3).

Chính vì thế cho nên Đảng có trách nhiệm lớn đối với dân tộc, và từng người đảng viên « phải ra sức xây dựng chính quyền và các tổ chức quần chúng, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật Nhà nước, kỷ luật của các đoàn thể cách mạng mà mình tham gia » (4).

b) *Nhân dân làm chủ:*

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân thể hiện ngay trong chương I của bản dự thảo Hiến pháp: Nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo, là người chủ tập thể. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, không có một người nào ở dân cử mà không thể bị bãi miễn trước khi hết nhiệm kỳ nếu không xứng đáng nữa với sự tín nhiệm của nhân dân.

Mỗi công dân có thể sử dụng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của mình được ghi trong Hiến pháp, nhất là quyền kiến nghị, quyền khiếu nại và tố cáo « để đấu tranh với những hành động sai trái của các cơ quan Nhà nước, buộc các cơ quan Nhà nước thực hiện đúng và tốt quyền làm chủ tập thể của nhân dân » (5).

Nhân dân còn sử dụng quyền làm chủ tập thể bằng các đoàn thể quần chúng; các đoàn thể quần chúng có

(2) Tạp chí *Học tập* số 2 — 1970, trang 94 — 95.

(3) Lê-Duẩn: « Nắm vững đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến lên xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh », tạp chí *Học tập*, số 8 — 1968, trang 23.

(4) Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam, điều 2, khoản 3.

(5) Lê-Duẩn: « Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt-nam thống nhất xã hội chủ nghĩa », tạp chí *Học tập*, số 7-1976, trang 38.

Digitized by Google

nhiệm vụ chung bảo đảm cho quần chúng tham gia quản lý và kiểm tra công việc của Nhà nước. Bản dự thảo Hiến pháp mới có khá nhiều điều khoản nói về Công đoàn, Mặt trận Tổ quốc Việt-nam và các thành viên của Mặt trận. Đặc biệt có điều ghi rằng Chủ tịch Tổng công đoàn Việt-nam, Chủ tịch Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt-nam, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam có quyền tham dự hội nghị Hội đồng bộ trưởng; đại diện các đoàn thể nhân dân khác trong Mặt trận Tổ quốc Việt-nam có thể được mời khi cần thiết. Chương về Hội đồng bộ trưởng đặt cho Hội đồng bộ trưởng nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận Tổ quốc Việt-nam và các đoàn thể nhân dân thành viên của Mặt trận, hoạt động. Nhân dân còn sử dụng quyền làm chủ tập thể của mình trong trường hợp Hội đồng Nhà nước quyết định trưng cầu ý kiến nhân dân.

c) *Nhà nước quản lý:*

Điều 2 của dự thảo Hiến pháp mới ghi rõ Nhà nước của ta là Nhà nước chuyên chính vô sản. Chức năng của nó không phải chỉ là dập tan mọi sự phản kháng và mọi hành động xâm lược của kẻ thù mà còn là động viên và tổ chức nhân dân tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo dự thảo Hiến pháp, Hội đồng bộ trưởng thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v... Là người quản lý, Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm đối với Quốc hội, đối với nhân dân. Mọi hành động xâm phạm quyền lợi chính đáng của nhân dân phải được kịp thời sửa chữa. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường.

— Dấu ấn của Hồ Chủ tịch.

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh là Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp 1946 và là Trưởng ban sửa đổi Hiến pháp, đã soạn thảo ra Hiến pháp 1959. Dự thảo Hiến pháp mới ra đời chín năm sau khi Bác mất, nhưng tư tưởng của Bác, tinh nguyên tắc và nhiệt tình cách mạng của Bác thể hiện rõ nét trong toàn bộ Hiến pháp mới.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, không có mục đích nào khác là phục vụ lợi ích của nhân dân lao động. Trong Nhà nước mới, người chủ tập thể là nhân dân và cán bộ các cấp đều là đầy tớ của nhân dân. Các nguyên tắc lê-ni-nít này được Người giảng dạy, bảo vệ và thực hiện suốt đời, từ khi hoạt động ở nước ngoài đến 24 năm giữ cương vị tối cao đứng đầu Nhà nước ta.

Về Nhà nước, tháng 10-1945, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Người gửi thư cho Ủy ban nhân dân các cấp căn dặn: « Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp — Nhật » (6).

Trong diễn văn bế mạc kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa I ngày 28-3-1955, Người khẳng định: « Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân » (7). Nói về chính sách của Đảng và Chính phủ tại Hội nghị sản xuất cứu đói 1955, Hồ Chủ tịch phân tích: « Chính sách của Đảng và Chính phủ *là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân đốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi.

(6) Hồ-Chí-Minh: *Những lời kêu gọi*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, trang 28.

(7) Sách đã dẫn, tập III, trang 126.

Digitized by Google

Vì vậy cán bộ Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới, đều *phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân* » (8).

Người luôn luôn dạy cán bộ trong và ngoài Đảng phải học tập trau dồi đạo đức, trở thành những con người mới xã hội chủ nghĩa.

Trên tinh thần tôn trọng, bảo vệ các quyền cơ bản của nhân dân, tôi đề nghị trong bản dự thảo Hiến pháp mới cần chỉnh lý và bổ sung những điểm về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và nhà ở của nhân dân, cần khẳng định độc quyền xét xử của Tòa án, đưa tổ chức trọng tài và tổ chức người bào chữa chuyên nghiệp vào chương về Tòa án, và vạch rõ hiệu lực pháp lý cao nhất của Hiến pháp, v.v...

Xây dựng Hiến pháp là một cách thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch.

Cái độc đáo của bản dự thảo Hiến pháp mới của ta là nó thể hiện được tư tưởng vĩ đại của Hồ Chủ tịch là người suốt đời trung thành với chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt-nam, đã cùng với toàn Đảng và toàn dân ta phát triển chủ nghĩa Mác – Lê-nin ở nhiều điểm cụ thể, làm cho nó trở thành kim chỉ nam cho hành động của nhân dân ta – nhân dân một nước thuộc địa cũ của đế quốc, dám vùng lên vũ trang tự giải phóng và tự lực tự cường xây dựng đất nước, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

(8) Sách đã dẫn, tập III, trang 185.

ĐỐI CHIẾU HAI NỀN DÂN CHỦ: TƯ SẢN VÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NHÂN DỊP THẢO LUẬN DỰ THẢO HIẾN PHÁP MỚI

Bà NGÔ-BÁ-THÀNH

TRONG thực tiễn, không có « dân chủ chung chung », chỉ có dân chủ mang tính chất giai cấp: dân chủ tư sản hay là dân chủ xã hội chủ nghĩa, còn có nghĩa là chuyên chính tư sản hay là chuyên chính vô sản.

Người ta thường tán tụng những hiến pháp đầu tiên ra đời cùng với cách mạng tư sản như hiến pháp Hoa-kỳ năm 1787, hiến pháp Pháp năm 1791. Những hiến pháp ấy chỉ nhằm thiết lập và củng cố trật tự xã hội có lợi

Digitized by Google

cho giai cấp tư sản, bảo vệ quyền tự do kinh doanh, bảo vệ « quyền tư hữu thiêng liêng » về tư liệu sản xuất, bảo vệ nền chuyên chính của giai cấp tư sản ; « ... một thiên đường cho bọn giàu có, một cái cạm bẫy và một cái mồi giả dối đối với những người bị bóc lột, đối với những người nghèo khổ » (1).

Hiến pháp của chế độ Sài-gòn trước đây với những khẩu hiệu mị dân như « chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân », « ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp phải được phân nhiệm và phân quyền rõ rệt », v.v... mà bọn Mỹ — ngụy dùng để ngụy trang cho chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam trước đây lại tồi tệ hơn, thực chất chỉ là để củng cố nền độc tài quân phiệt của bọn tay sai của đế quốc Mỹ.

Qua kinh nghiệm đấu tranh xương máu, những người đã sống dưới ách thống trị thực dân mới của Mỹ đã hiểu sâu sắc « Nhà nước Việt-nam cộng hòa » biểu hiện ý chí của giai cấp phong kiến, quân phiệt, tài phiệt, tư sản mại bản, tay sai đế quốc Mỹ nhằm chống lại lợi ích của Tổ quốc, của đại đa số nhân dân lao động.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc ta đã thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, Hiến pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã được soạn thảo. Đối với miền Nam, có thể nói rằng đây là bước nhảy vọt lên chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Chỗ khác nhau chủ yếu giữa Nhà nước tư sản và Nhà nước vô sản là : Nhà nước tư sản là công cụ chuyên chính của một số ít những kẻ bóc lột đối với đa số những người trong xã hội, nhằm duy trì chế độ bóc lột. Còn Nhà nước vô sản là Nhà nước của tuyệt đại đa số người trong xã hội, tức là công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác, có sứ mệnh xóa bỏ chế độ bóc lột và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, dân chủ và chuyên chính không tách rời nhau.

Hiến pháp xã hội chủ nghĩa thể hiện rõ *nội dung của chuyên chính vô sản là dân chủ đối với nhân dân và chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Hai mặt đó quan hệ mật thiết với nhau và làm điều kiện cho nhau.* Hồ Chủ tịch đã nói : « *Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân, *chuyên chính* là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại » (2).

Dự thảo Hiến pháp mới định rõ tính chất, nhiệm vụ và chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam — Nhà nước chuyên chính vô sản (điều 2), xác định quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông, khẳng định sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng tiên phong của nó. Ba mặt Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, là một thể thống nhất trong hệ thống chuyên chính vô sản được ghi rõ trong những điều đầu tiên của dự thảo Hiến pháp mới.

Chế độ làm chủ tập thể ghi trong dự thảo Hiến pháp bao gồm làm chủ về chính trị, về kinh tế, về văn hóa và xã hội ; làm chủ trong phạm vi cả nước, mỗi địa phương, mỗi cơ sở ; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Nó không ngừng được hoàn thiện dựa trên quan hệ sản xuất và nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa (điều 3). Vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt-nam được nêu rõ thành một điều trong Hiến pháp mới (điều 4).

---

(1) V. Lê-nin : *Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, trang 23.

(2) *Những lời kêu gọi* của Hồ Chủ tịch, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập IV, trang 29.

Digitized by Google

Vì dưới chế độ ta « tất cả quyền lực thuộc về nhân dân » và Quốc hội là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, cho nên Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, những mục tiêu phát triển kinh tế và văn hóa, những quy tắc chủ yếu của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước. Quốc hội thực hiện sự giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, Quốc hội bầu ra và bãi miễn các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước (điều 77, 78, 79).

Nhà nước chuyên chính vô sản của ta được tổ chức theo *chế độ tập quyền, thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ*, khác với chế độ ba quyền phân lập của Nhà nước tư sản. Nhưng nói tập quyền không có nghĩa là không có sự phân công, phân nhiệm. Trái lại : « *Sự phân công, phân nhiệm khoa học, rành mạch là một điều kiện tất yếu để thực hiện có hiệu quả cao nhất quyền làm chủ tập thể của nhân dân, là vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ vào việc tổ chức Nhà nước* (3).

Nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi : các cơ quan quản lý phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định của cơ quan đại diện cho nhân dân. Cơ quan cấp dưới phải phục tùng cơ quan cấp trên. Địa phương phải phục tùng trung ương. Chỉ có tập trung mới bảo đảm được sự lãnh đạo thống nhất từ trung ương, nhằm bảo đảm lợi ích chung của cả nước, của toàn xã hội, cũng như của từng địa phương. Nhưng tập trung là trên nền tảng dân chủ, chứ không phải là tập trung quan liêu. Nói như vậy có nghĩa là tất cả các cơ quan quyền lực từ trung ương đến địa phương, đều do nhân dân trực tiếp bầu ra, phải chịu trách nhiệm trước nhân dân và có thể bị nhân dân bãi miễn nếu không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Là công cụ thực hiện ý chí của nhân dân, các cơ quan quyền lực Nhà nước phải chịu sự giám sát của nhân dân. Cơ quan cấp trên phát huy dân chủ, phát huy sáng kiến của các cơ quan cấp dưới. Có như vậy mới bảo đảm được sự hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ của cả bộ máy Nhà nước chuyên chính vô sản, từ trung ương đến địa phương.

Nhà nước tư sản vì bản chất của nó là chống lại nhân dân, cho nên rất sợ quần chúng giác ngộ và đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ. Trái lại, Nhà nước xã hội chủ nghĩa thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động coi việc không ngừng phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, là một nguyên tắc có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của bản thân Nhà nước.

Hiến pháp xã hội chủ nghĩa quy định *quyền lợi và nghĩa vụ của công dân xuất phát từ quan điểm làm chủ tập thể của nhân dân lao động*, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân là nhất trí.

Hiến pháp mới của nước ta không chỉ xác nhận quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, mà còn bảo đảm và tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Sức mạnh của Hiến pháp chúng ta thể hiện ở chỗ nó gắn liền với cuộc sống của nhân dân lao động, phục vụ cho cuộc sống đó về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Bắt nguồn từ sức sống của nhân dân, nó gắn bó với bát cơm, tấm áo, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, với hiện tại và tương lai của dân tộc.

(3) Trường-Chinh : Báo cáo tại Hội nghị cán bộ cao, trung cấp toàn quốc ngày 23 tháng 2 năm 1978, trang 22.

Digitized by Google

TẠI SAO MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT-NAM LÀ MỘT CHỖ DỰA CỦA NHÀ NƯỚC ?

LÊ-NGỌC-TIẾN

HIẾN pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, bảo đảm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhiều đồng chí đã phát biểu nhiều ý kiến chung quanh các chương về chế độ chính trị, chế độ kinh tế và xã hội, văn hóa và giáo dục, quyền lợi và nghĩa vụ công dân, cơ cấu tổ chức Nhà nước. Tôi chỉ xin có ý kiến về khái niệm « chỗ dựa » mà điều 10 của dự thảo Hiến pháp ghi rõ « Mặt trận Tổ quốc Việt-nam là một chỗ dựa của Nhà nước ».

Tháng 2 năm 1977, tại Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam họp tại Thành phố Hồ-Chí-Minh, đoàn đại biểu Đảng xã hội Việt-nam chúng tôi đã đặt vấn đề với Đại hội mong rằng vị trí, chức năng của Mặt trận sẽ được nêu lên trong Hiến pháp mới.

Kiến nghị đó ngày nay đã thành hiện thực trong dự thảo Hiến pháp mới. Vị trí, vai trò, trách nhiệm của Mặt trận được nêu lên thành thể chế trong Hiến pháp. Tất nhiên, Đảng xã hội Việt-nam chúng tôi — và tất cả các thành viên khác của Mặt trận đều rất hoan nghênh, rất vui mừng.

Riêng tôi, tôi cũng tự hỏi và tự giải đáp mấy điểm sau đây :

a) — Tại sao Mặt trận Tổ quốc Việt-nam lại *là một chỗ dựa của Nhà nước?* Khái niệm này có gì khác với khái niệm « *Mặt trận là cơ sở của chính quyền* » như nói trong một văn bản trình bày trước Đại hội thống nhất Mặt trận Việt-minh – Liên Việt hồi tháng ba năm 1951 ?

b) — Trên cơ sở nào mà xác nhận Mặt trận Tổ quốc Việt-nam là một *chỗ dựa ?*

Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa được thành lập. Chính quyền nhân dân hồi đó đâu có được vững vàng và có uy tín trên trường quốc tế như ngày nay. Một mặt, chính quyền non trẻ đó phải đối phó với thù trong (bọn Quốc dân đảng phản động và bọn phản quốc) câu kết với giặc ngoài (thực dân Pháp xâm lược miền Nam, mở rộng chiến tranh ra toàn quốc); mặt khác phải thanh toán giặc đói, tiêu diệt giặc dốt. Lợi ích của cách mạng đòi hỏi toàn dân phải triệt để ủng hộ Chính phủ Hồ-Chí-Minh, kiên quyết bảo vệ chính quyền nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo mà bộ tham mưu của nó là Đảng cộng sản. Nói một cách khác, chính quyền nhân dân phải có một cơ sở vững chắc làm chỗ dựa để bảo đảm thắng lợi cho mọi hành động cách mạng, — chỗ dựa đó phải là Mặt trận dân tộc thống nhất.

Từ khi ra đời, Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa đã gặp biết bao khó khăn gian nguy, có lúc như

Digitized by Google

ngàn cân treo sợi tóc, nhưng đều vượt qua, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác trong công cuộc kháng chiến chống xâm lược cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Đó là nhờ sự lãnh đạo tài tình của Đảng tiền phong và Hồ Chủ tịch vĩ đại. Đóng góp vào những thắng lợi kỳ diệu này, Mặt trận, lực lượng thống nhất hành động của các chính đảng, các đoàn thể và các thành viên khác, mà nòng cốt là khối liên minh công nông, đã có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền, vận động, thuyết phục mọi tầng lớp nhân dân phát huy lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, siết chặt hàng ngũ trong khối đại đoàn kết dân tộc, hăng hái thực hiện các chủ trương, chính sách, các công tác mà Đảng lãnh đạo và Nhà nước đã đề ra.

Thực tế chứng minh: dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, Mặt trận Việt minh trong Cách mạng Tháng Tám; Mặt trận Việt minh — Liên Việt trong cuộc kháng chiến chống Pháp; Mặt trận Tổ quốc Việt-nam trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong 20 năm qua, và cùng với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đã có những đóng góp xứng đáng.

Ngày nay, Mặt trận dân tộc thống nhất của cả nước, tức Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, đang phát huy vai trò của mình trong giai đoạn mới của cách mạng. Hồ Chủ tịch đã nói: « Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của Cách mạng Việt-nam » (1).

Rõ ràng Mặt trận xứng đáng là chỗ dựa của Nhà nước, như dự thảo Hiến pháp đã ghi.

Về chức năng của Mặt trận, chúng tôi nghĩ cần bổ sung mấy điểm sau đây vào dự thảo Hiến pháp:

1— Mặt trận giới thiệu đại diện các tầng lớp nhân dân ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, đặt quan hệ hợp tác với các cơ quan quản lý của Nhà nước nhằm chăm lo đời sống nhân dân, ngăn chặn các vi phạm chính sách, pháp luật, vi phạm các quyền cơ bản của công dân.

2— Mặt trận quan tâm xây dựng, củng cố đoàn kết công nhân, nông dân và trí thức — những lực lượng lao động chủ yếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Dù sao, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam lần đầu tiên được nêu lên thành thể chế trong Hiến pháp Nhà nước vẫn là một nguồn cổ vũ, động viên đối với đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận. Điều đó thể hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch: « Công tác Mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng » (2).

---

(1), (2) Hồ-Chí-Minh: Về *Mặt trận dân tộc thống nhất*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1972, trang 94.

Digitized by Google

SỰ THỐNG NHẤT GIỮA QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN

VŨ-KHIÊU

Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt-nam

NHỮNG điều nói về *quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản* của công dân trong dự thảo Hiến pháp mới gắn bó trực tiếp và thiết thực đối với mỗi người chúng ta. Nói tới quyền lợi và nghĩa vụ của công dân là nói một cách cụ thể về bản chất tốt đẹp của chế độ ta, bởi « Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân biểu hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động » (điều 50).

Sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ là một trong những đặc điểm nổi bật của Hiến pháp ta. Đó là điều không thể có được trong bất cứ Hiến pháp nào dưới chế độ thống trị của giai cấp bóc lột. Sự thống nhất ấy là sản phẩm tất yếu của một chế độ xã hội xây dựng trên sự thống nhất giữa cá nhân và tập thể, giữa công dân và Nhà nước.

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ chứa đầy mâu thuẫn, thể hiện sự đấu tranh không thể điều hòa giữa một bên là quần chúng bị áp bức và bên kia là Nhà nước của giai cấp bóc lột. Trong hoàn cảnh ấy, Nhà nước tìm mọi cách để cưỡng bức nhân dân thi hành « nghĩa vụ », còn bản thân Nhà nước lại thường xâm phạm hoặc làm lơ trước quyền lợi chính đáng của nhân dân. Ngược lại, nhân dân phải luôn luôn vùng dậy đấu tranh để đòi và bảo vệ quyền lợi của mình, còn đối với những cái gọi là « nghĩa vụ » đối với Nhà nước thì nhân dân lại tìm cách lẩn tránh không muốn thực hiện.

Dưới chế độ ta, có sự nhất trí giữa nghĩa vụ và quyền lợi của công dân. Hiến pháp mới thể hiện thành quả lớn nhất của nhân dân ta là chế độ làm chủ tập thể bao gồm làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, làm chủ trong phạm vi cả nước, từng địa phương, từng cơ sở, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Bảo vệ thành quả vĩ đại đó vừa là nghĩa vụ thiêng liêng, vừa là quyền lợi lớn nhất của mỗi người.

Lần đầu tiên trong lịch sử, chế độ xã hội chủ nghĩa đem lại sự thống nhất giữa cá nhân và tập thể theo tinh thần: « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người ». Tinh thần đó phản ảnh nhu cầu của xã hội ta ngày nay.

Vì lợi ích sống còn của cả xã hội, mỗi người công dân phải luôn luôn đặt quyền lợi của cả xã hội lên trên quyền lợi riêng tư, bởi vì có giải phóng cho cả xã hội thì mới giải phóng được cho mỗi con người. Mặt

Digitized by Google

khác, xã hội phải đặc biệt quan tâm tới sự phát triển phong phú về trí tuệ, tài năng và phẩm chất của mỗi con người. Có như thế mới đẩy mạnh sự phát triển về mọi mặt của xã hội.

Mác và Ăng-ghen từ lâu đã giải thích sâu sắc về cả hai mặt đó. «Chỉ có trong sự cộng đồng với các cá nhân khác mà mỗi cá nhân có thủ đoạn để phát triển mọi năng khiếu của mình theo mọi hướng; chỉ có trong thể cộng đồng mới có thể có tự do cá nhân» (1). Và ngược lại, để đẩy mạnh sự phát triển của xã hội, phải có sự phát triển tự do của mỗi người. «Sự phát triển của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người» (2)

★

Người công dân Việt-nam thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình đều vì lợi ích thống nhất của cả Nhà nước và bản thân. Nhà nước cũng chính vì lợi ích của mình mà bảo đảm cho công dân được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi. Nhà nước cũng vì lợi ích của chính công dân mà đòi hỏi công dân làm tròn nghĩa vụ.

Bảo đảm cho công dân quyền ứng cử, bầu cử, quyền có việc làm, quyền nghỉ ngơi, quyền học tập, quyền tự do nghiên cứu và phát minh, chính là để phát huy năng lực, bồi dưỡng sở trường và năng khiếu cá nhân, tạo điều kiện cho mỗi người đóng góp nhiều nhất cho sự nghiệp chung. Bảo đảm cho mỗi người chế độ nghỉ ngơi, được ăn tốt, ở tốt cũng chính là tái sản xuất mở rộng sức lao động của mỗi người, để sản xuất ngày một tốt hơn, để thỏa mãn nhiều hơn nữa nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân.

Nhà nước chăm sóc điều kiện lao động, sức khỏe và đời sống của phụ nữ, đó là vì lợi ích của bản thân phụ nữ, nhưng cũng vì lợi ích chung của cả xã hội mà phát huy vai trò to lớn của một nửa số dân. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình tạo điều kiện cho công dân xây dựng gia đình mới, đó là vì hạnh phúc của mỗi công dân, nhưng cũng vì sự bền vững và phát triển của cả xã hội.

Tôn trọng quyền tự do của mọi công dân là tôn trọng nhân cách của mỗi con người, nhằm phát huy cao nhất lòng tự tôn và tính năng động chủ quan của mỗi người trước trách nhiệm công dân.

Những nghĩa vụ của công dân chính cũng nhằm bảo vệ lợi ích thiêng liêng nhất của mỗi người là bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và tiến hành những việc công ích khác, cũng có nghĩa là bảo vệ những điều kiện đầu tiên của mỗi người để tồn tại và phát triển.

★

Làm cho mọi người thấy rõ sự thống nhất hoàn chỉnh đó là góp phần phát huy trí tuệ và tài năng ở mỗi con người nhằm đấu tranh cho lợi ích của cả xã hội, lợi ích của mỗi cá nhân, lợi ích của chính bản thân mình. Đó cũng là động viên sức mạnh vô tận của nhân dân, tạo ra sự giàu mạnh của Tổ quốc và hạnh phúc của mỗi người.

---

(1) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Hệ tư tưởng Đức*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, trang 89.

(2) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, trang 54.

Digitized by Google

HIẾN PHÁP XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ SỰ THỂ HIỆN TỰ GIÁC VÀ CÓ TỔ CHỨC Ý CHÍ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

PHẠM-THÀNH

Một vài quan điểm lý luận.

Nói về pháp quyền của giai cấp tư sản, Mác viết : « Chính những tư tưởng của các ông cũng là con đẻ của chế độ sản xuất và sở hữu tư sản, cũng như pháp quyền của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành pháp luật, cái ý chí mà nội dung là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định » (1). Như vậy, pháp luật là biểu hiện ý chí của giai cấp cầm quyền. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa pháp luật cũng thể hiện ý chí của những người cầm quyền là tập thể nhân dân lao động được tổ chức lại dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân.

Đến đây một vấn đề được đặt ra : ý chí đó, mà nội dung là do điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp cầm quyền quyết định, được hình thành như thế nào. Theo Ăng-ghen, dưới chế độ xã hội có giai cấp dựa trên cơ sở chế độ tư hữu, ý chí đó chỉ là « ý chí trung bình chung » do « sự xung đột giữa nhiều ý chí cá nhân, mỗi ý chí cá nhân này lại do nhiều điều kiện sinh sống đặc biệt tạo ra » : « do chỗ những ý chí cá nhân – mỗi ý chí lại có một yêu cầu riêng tùy theo sự thúc đẩy của cơ thể và của hoàn cảnh bên ngoài, xét tới cùng là của hoàn cảnh kinh tế, (hoặc là hoàn cảnh riêng của mỗi người, hoặc là hoàn cảnh xã hội chung) – không đạt được điều chúng ta mong muốn » (2).

Trái lại dưới chế độ xã hội chủ nghĩa mà thực chất là chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thì ý chí chung được thể hiện thành pháp luật là « *ý chí tập thể* » của cộng đồng xã hội, của tập thể nhân dân lao động được tổ chức lại để hoạt động vì lợi ích chung, theo một kế hoạch chung. Ăng-ghen đã ám chỉ điều đó khi Người đem xã hội cũ đối lập với xã hội cộng sản tương lai : « Con người tự sáng tạo ra lịch sử của mình, nhưng từ trước đến nay *họ chưa tuân theo một ý chí tập thể* (do tôi gạch dưới P. T.), theo một kế hoạch chung, mà cũng chưa phải là trong khuôn khổ một xã hội nhất định và có tổ chức » (3).

Từ sự khác nhau giữa hai cách hình thành ý chí chung dưới chế độ xã hội có giai cấp và dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, chúng ta có thể rút ra những nét độc đáo của Hiến pháp xã hội chủ nghĩa so với Hiến pháp tư sản cả về nội dung và hình thức.

1 – Hiến pháp tư sản chỉ là bản giao kèo, thỏa thuận chủ yếu là giữa những nhà tư sản hoạt động riêng rẽ, có nguyện vọng riêng muốn thu lợi nhuận tối đa trên cơ sở nền kinh doanh riêng rẽ của mình. Nó phản ánh ý chí trung bình chung hình thành chẳng khác gì mấy so với sự hình

(1) Mác và Ăng-ghen : *Tuyển tập* (Tuyển ngôn của Đảng cộng sản), Nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1970, tập I, trang 46.

(2) Sách đã dẫn, tập II, trang 595—596.

(3) Sách đã dẫn, trang 615.

Digitized by Google

thành của tỷ suất lợi nhuận trung bình trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Trái lại Hiến pháp xã hội chủ nghĩa phản ánh *một cách trung thành ý chí tập thể* của nhân dân lao động mà lợi ích của từng thành viên là nhất trí với lợi ích chung của tập thể, do đó ý chí riêng của từng thành viên cũng là bộ phận khăng khít không thể tách rời của ý chí chung và nhất trí với ý chí chung. Ý chí chung đó là: *« Thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội, bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền khoa học kỹ thuật hiện đại »* (4).

2 — Nếu ý chí trung bình chung hình thành một cách tự phát thông qua tác động qua lại tự phát của các ý chí cá nhân thì *ý chí tập thể chỉ có thể hình thành một cách tự giác và có tổ chức*. Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, ý chí tập thể đó không thể hình thành bằng cách nào khác hơn là *thông qua sự lãnh đạo của đảng tiên phong của giai cấp công nhân*, người tiêu biểu đầy đủ nhất, trung thành nhất cho lợi ích làm chủ tập thể của nhân dân lao động, do đó cũng tiêu biểu nhất cho ý chí tập thể. Điều này hoàn toàn khác với Hiến pháp tư sản, sản phẩm của tình hình so sánh lực lượng giai cấp, chủ yếu là tình hình so sánh lực lượng của các tập đoàn trong giai cấp thống trị, tức sản phẩm của ý chí trung bình chung trong xã hội tư sản.

3 — Phản ánh ý chí trung bình chung, chủ yếu là ý chí trung bình chung của giai cấp thống trị, Hiến pháp tư sản thể chế hóa quyền lực của giai cấp tư sản thành Nhà nước tư sản để cai trị xã hội. Trái lại, Hiến pháp xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí tập thể của nhân dân lao động, thể chế hóa chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, hiện thân của ý chí tập thể đó. Vì vậy Nhà nước xã hội chủ nghĩa, người tiêu biểu chính thức cho ý chí tập thể, phải được Hiến pháp quy định sao cho Nhà nước thể hiện được thật sự là bản thân nhân dân lao động tự tổ chức lại từ dưới lên thành một cơ cấu quyền lực có mặt ở khắp nơi: ở mọi cấp, mọi ngành, mọi lĩnh vực của sinh hoạt xã hội. Nhà nước đó phải là nhà nước thật sự « của dân, do dân và vì dân ».

4 — Thể hiện ý chí trung bình chung, Hiến pháp tư sản không thể phản ánh đúng đắn, mà chỉ phản ánh một cách tự phát quanh co và mâu thuẫn quy luật kinh tế khách quan của xã hội tư sản. Trên thực tế nó chỉ bảo đảm những điều kiện bên ngoài cho hoạt động tư nhân được tiến hành trên cơ sở chế độ tư hữu. Thể hiện ý chí tập thể của nhân dân lao động do Đảng lãnh đạo, với nhận thức ngày càng sâu sắc quy luật khách quan của xã hội xã hội chủ nghĩa, Hiến pháp xã hội chủ nghĩa cũng phản ánh trung thành quy luật phát triển khách quan của xã hội. Trong giai đoạn mới của cách mạng, quy luật đó thể hiện trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng. Cơ cấu Nhà nước do Hiến pháp định ra, phản ánh về mặt tổ chức quy luật đó, phải « vừa là một tổ chức hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức kinh tế và văn hóa. Nó nằm ngay trong tổ chức kinh tế — xã hội, thâm nhập vào toàn bộ tổ chức kinh tế — xã hội chứ không phải nằm trên hoặc bên lề tổ chức kinh tế — xã hội. Nó vận dụng mọi phương tiện hành chính và kinh tế, giáo dục và pháp chế, cưỡng bức và thuyết phục, tổ chức và tư tưởng để quản lý kinh tế, quản lý xã hội về mọi mặt » (5).

(4) *Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 24.

(5) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 729.

Digitized by Google

Hiến pháp của chúng ta: luật cơ bản về quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

1 — Không chỉ quy định tổ chức Nhà nước, Hiến pháp mới phải thể chế hóa chế độ làm chủ tập thể, mà cơ chế là Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Việc nêu bật vai trò lãnh đạo của Đảng trong Hiến pháp vừa là khoa học vừa là phù hợp với nguyện vọng tập thể của nhân dân. Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng mới thể hiện được một cách tập trung ý chí tập thể của nhân dân lao động, đồng thời làm cho ý chí đó phản ánh đúng quy luật khách quan của xã hội. Việc nêu rõ vị trí và vai trò của các đoàn thể quần chúng do Đảng lãnh đạo cũng là một điều hết sức cần thiết.

2 — Cơ cấu Nhà nước trong Hiến pháp, về cơ bản, thể hiện được về mặt tổ chức, quyền lực thuộc về nhân dân lao động. Việc cụ thể hóa nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan dân cử, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân tương đối rõ, như dự thảo Hiến pháp đã làm, là hoàn toàn cần thiết để bảo đảm toàn bộ quyền lực thật sự thuộc về nhân dân lao động, quyền lực mà thực chất là ý chí tập thể được nâng lên thành pháp luật.

3 — Cơ cấu làm chủ tập thể trong Hiến pháp không chỉ hạn chế ở chế độ chính trị mà còn bao gồm các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Đó là điều hoàn toàn phù hợp với bản chất của chế độ làm chủ tập thể là « nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thật sự làm chủ bằng một cơ cấu xã hội, một hệ thống các quan hệ tổ chức về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa » (6).

4 — Hiến pháp không chỉ ghi lại những thành tựu đã đạt được mà còn phản ánh được phương hướng phát triển tương lai của đất nước, phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội nước ta. Việc ghi vào Hiến pháp những vấn đề cơ bản trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đại hội IV của Đảng không chỉ có tác dụng động viên, cổ vũ, mà chủ yếu là làm cho đường lối của Đảng trở thành ý chí tập thể của nhân dân có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ, để tổ chức nhân dân ta nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên tôi nghĩ rằng chúng ta cần nhận thức sâu sắc hơn nữa *bản chất sâu xa* của chế độ xã hội chủ nghĩa và *sự khác nhau về bản chất* giữa Hiến pháp của xã hội xã hội chủ nghĩa và Hiến pháp của xã hội có giai cấp đối kháng để cụ thể hóa hơn nữa những điểm cơ bản nói trên, nhằm đem lại cho Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam một nội dung và một hình thức thích hợp hơn nữa, phản ánh sâu sắc đường lối cách mạng của Đảng tiên phong, cũng tức là phản ánh đầy đủ hơn ý chí tập thể của nhân dân lao động, do đó mà thể chế hóa được rõ nét hơn chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thành một cơ chế có hiệu lực, bảo đảm: Đảng lãnh đạo để nhân dân thật sự làm chủ; nhân dân làm chủ bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng là cách làm chủ cao nhất, đầy đủ nhất; Nhà nước, với một cơ cấu thích hợp, phản ánh và đảm bảo một cách có hiệu lực hơn quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được tổ chức lại dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tôi tin tưởng chắc chắn rằng qua cuộc vận động thảo luận sâu rộng bản dự thảo Hiến pháp mới lần này, trí tuệ tập thể của toàn Đảng, toàn dân được soi sáng bằng đường lối quan điểm của Đại hội IV sẽ giải quyết được một cách mỹ mãn nguyện vọng chung này của toàn thể nhân dân ta.

(6) Lê-Duẩn: *Cách mạng tháng Mười với độc lập và chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1978, trang 16.

Digitized by Google

Sau cuộc bầu cử Quốc hội Pháp những vấn đề của nước Pháp vẫn còn nguyên vẹn

HUY-ƯU

SAU 5 năm (1973 — 1978), tháng 3 vừa qua, sinh hoạt chính trị nước Pháp lại nổi lên một sự kiện quan trọng: bầu cử Quốc hội Pháp. Theo kết quả cuối cùng của cuộc bầu cử (cả hai vòng bỏ phiếu) được công bố tại Pa-ri ngày 20-3, các đảng trong Liên minh cầm quyền giữ được đa số ghế trong Quốc hội: 291 trong tổng số 491 ghế. Trong đó, Đảng tập hợp vì nền cộng hòa được 148 ghế, mất 36 ghế so với cuộc bầu cử Quốc hội năm 1973, Liên minh cánh tả giành được 199 ghế, trong đó Đảng cộng sản được 86 ghế (tăng 14 ghế so với cuộc bầu cử Quốc hội năm 1973), Đảng xã hội: 103 ghế (tăng 15 ghế). Phong trào cấp tiến cánh tả: 10 ghế.

Kết quả của cuộc bầu cử Quốc hội Pháp trên đây nói lên điều gì? Nếu những thắng lợi của lực lượng cánh tả trong cuộc bầu cử Quốc hội vừa qua chưa được thỏa đáng, chính là vì lực lượng cánh tả thiếu đoàn kết chặt chẽ trong vấn đề lựa chọn và phối hợp đấu tranh để thực hiện những đề nghị cụ thể trong Cương lĩnh chung. Trong mấy năm qua, Đảng cộng sản Pháp đã tập trung sức để ký kết và « thời sự hóa » Cương lĩnh chung. Đảng xã hội đã không tán thành việc « thời sự hóa » Cương lĩnh chung mà ba đảng chủ yếu của cánh tả đã thỏa thuận với nhau trong năm 1972, bằng cách bổ sung vào Cương lĩnh những điều cụ thể và dứt khoát do Đảng cộng sản nhiều lần đề nghị. Một số thủ lĩnh Đảng xã hội muốn lợi dụng một « Cương lĩnh chung » mơ hồ mong biến Đảng xã hội thành « đảng đứng đầu nước Pháp » để giành lấy ghế thủ tướng. Việc Đảng xã hội lẩn tránh đưa ra những đề nghị cụ thể về chính sách và khăng khăng cự tuyệt mọi hành động phối hợp thật sự có hiệu quả với Đảng cộng sản đã làm cho một số cử tri trong các tầng lớp trung gian do dự không bỏ phiếu cho lực lượng cánh tả. Song **nguyên nhân chủ yếu** khiến cho các đảng trong Liên minh cầm quyền vẫn giữ được đa số ghế trong Quốc hội Pháp lần này do chế độ bầu cử bất công hiện hành ở Pháp có lợi cho cánh hữu, cộng thêm những luận điệu đe dọa của bộ máy tuyên truyền của các đảng phái hữu trong Liên minh cầm quyền: « những tai họa kinh tế, tài chính sẽ

Digitized by Google

dồn dập đến, nếu cánh tả giành được đa số trong Quốc hội », và thậm chí cả những hành động ngăn cản các cử tri dồn phiếu cho Đảng cộng sản. Một bằng chứng rõ rệt về chế độ bầu cử bất công này là : Liên minh các đảng đang cầm quyền gồm Đảng tập hợp vì nền cộng hòa (của Giắc-cơ Si-rắc), Liên minh vì nền dân chủ Pháp (của tổng thống Gi-xca Đe-xtanh, gồm ba đảng Cộng hòa độc lập, Xã hội cấp tiến và Trung tâm dân chủ xã hội) không chiếm được đa số phiếu ở vòng một, nhưng lại chiếm được đa số ghế trong Quốc hội. Theo sự tiết lộ của các tổ chức bầu cử ở Pháp thì trung bình một đại biểu của Liên minh cầm quyền chỉ cần 45.000 phiếu là được trúng cử, còn một ứng cử viên cộng sản không thể trúng cử nếu không có được 55.000 phiếu.

Kết quả của cuộc bầu cử Quốc hội Pháp vừa rồi chưa phản ánh đúng thực trạng nước Pháp, lực lượng chính trị đối sánh đang chuyển biến ở Pháp không có lợi cho lực lượng cánh hữu : tuy các đảng trong Liên minh cầm quyền giành được đa số ghế trong Quốc hội nhưng 13 triệu cử tri Pháp phản đối chính sách của các đảng phái hữu cầm quyền ; báo Ô-ro (thuộc phái hữu) đã phải thú nhận : « với số phiếu thu được nhiều hơn phe đối lập (tức là lực lượng cánh tả) là 37 vạn (so với 35 triệu cử tri đăng ký), thắng lợi mà Liên minh cầm quyền giành được là mỏng manh ! ».

Lực lượng cánh tả tuy chưa chiếm được số ghế trội hơn so với lực lượng cánh hữu cầm quyền nói chung, nhưng số ghế của Đảng cộng sản vừa rồi tăng 11, và số ghế của Đảng xã hội tăng 15, so với cuộc bầu cử Quốc hội năm 1973 ; trong khi đó Đảng tập hợp vì nền cộng hòa (đảng của phe Đờ-gôn trước đây) mất đi 36 ghế. Điều đó cũng nói lên rằng lực lượng cánh hữu (phe đa số cầm quyền) không thể làm mưa làm gió như trước, ngày càng vấp phải sự chống đối của lực lượng cánh tả trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của nước Pháp không có lợi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp.

Liên minh cầm quyền tuy đã giành được « thắng lợi » trong cuộc bầu cử Quốc hội lần này, nhưng, như nhiều báo chí ở Pháp và trên thế giới đã khẳng định, những vấn đề gay gắt đặt ra cho nước Pháp vẫn còn nguyên vẹn. Vậy những vấn đề gay gắt ấy đã diễn ra như thế nào ở Pháp trong những năm qua ?

Về *kinh tế*, trong 4 năm qua, sản xuất công nghiệp ở Pháp trên thực tế không tăng. Theo Viện thống kê toàn quốc của Pháp, sản xuất công nghiệp của nước Pháp năm 1977 so với năm 1974 hầu như không tăng. Trong một số lớn ngành công nghiệp như : luyện kim đen, chế biến kim loại, hóa học, giấy, dệt, v.v... những mức sản xuất đạt được năm 1974, đến năm 1977 chưa phục hồi lại được. Tình trạng sản xuất công nghiệp bị đình trệ dẫn đến hai hậu quả : không đáp ứng được những nhu cầu quan trọng của nước Pháp ; việc thường xuyên sử dụng không hết năng lực sản xuất (từ 20 đến 30%) dẫn đến sa thải người làm trong công nghiệp, gây ra lãng phí lớn về nhân lực. Khoảng giữa những năm 1974 và 1977, số dân hoạt động được sử dụng trong công nghiệp nói chung đã giảm xuống 200.000 người, riêng trong ngành xây dựng giảm 150.000 người ; như vậy, số người thất nghiệp tăng từ 600.000 cuối năm 1973 lên 1.600.000 cuối năm 1977. Chỉ tính trong gần 3 năm, số người lao động đi tìm việc làm tăng gấp ba lần. Trong tất cả các loại người làm thuê, trước hết là công nhân, đều có những người thất nghiệp. Số người thất nghiệp trong đội ngũ cán bộ, kỹ sư, nhân viên kỹ thuật tăng 20% trong một năm ; 40% thanh niên có bằng đại học không tìm được việc làm tương xứng với trình độ chuyên

Digitized by Google

môn của họ. Phụ nữ, thanh niên chiếm một tỷ lệ không ngừng tăng trong đội quân thất nghiệp.

Trong 5 năm qua, mức lạm phát chưa khi nào giảm xuống dưới hai con số. Đồng phơ-răng ốm yếu. Cán cân thương mại bị thâm hụt nặng nề (số tiền bị thâm hụt năm 1976 đạt kỷ lục là 43 tỉ phơ-răng). Trong suốt thời kỳ từ tháng 7-1974 đến tháng 10-1977, sức mua giảm xuống từ 5% đến 6%. Đời sống của công nhân, viên chức và các tầng lớp nhân dân lao động ngày càng khó khăn. Trong năm 1977, trung bình 1 phần 10 gia đình không có được 900 phơ-răng để sống, 1 phần 5 gia đình không có được 1.400 phơ-răng, 1 phần 2 gia đình lĩnh hằng tháng dưới 2.500 phơ-răng.

Tai nạn lao động trong công nhân ngày càng tăng: mỗi năm có 4.000 người chết; cứ 7 phút có một người bị thương tật.

Về nông nghiệp, nước Pháp năm 1977 không còn là nước Pháp năm 1972. Bọn tư bản tài chính tăng cường cướp bóc nông dân. Cuộc khủng hoảng trong nông nghiệp ngày càng sâu sắc. Thu nhập của nông dân bị giảm liên tục. Sức mua của nông dân cũng giảm đi nhanh chóng. Nhiều người đã phải rời bỏ quê hương, ra thành thị để kiếm sống. Chính sách chống nông dân này dẫn đến hậu quả tai hại: sự giảm sút tuyệt đối về khối lượng sản xuất nông nghiệp; đây là một sự kiện đặc biệt nghiêm trọng đối với tương lai nước Pháp.

Sự bần cùng hóa của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác ngày càng sâu sắc và khoảng cách giữa những người giàu nhất và những người nghèo nhất ở Pháp ngày càng lớn: những người giàu nhất trong số những người giàu là bọn tư bản, chủ ngân hàng, giám đốc và quản lý các công ty, v.v... chỉ chiếm 1% số hộ ở Pháp mà nắm gần 10% toàn bộ lợi nhuận. Sau khi trả tiền thuế, lợi nhuận của họ theo số liệu công bố năm 1977 (những số liệu này còn xa sự thật) trung bình là 610.000 phơ-răng, nói một cách khác lợi nhuận hằng tháng trung bình của họ sau khi trả tiền thuế là 51.000 phơ-răng, trong khi đó người nghèo nhất chỉ thu nhập hằng tháng khoảng 900 phơ-răng. Như vậy về mức thu nhập mà nói, khoảng cách giữa 1% người giàu nhất và 10% người nghèo nhất trong tổng số dân Pháp là từ 1 đến 56,5 (1). Ngoài số lợi nhuận đó ra, bọn tư bản lũng đoạn còn kiếm được những món lợi kếch sù trong việc bòn rút, đầu cơ, tích trữ, buôn bán vàng và kim cương của nhân dân Nam Phi. Sự bất bình đẳng về tài sản còn lớn hơn nữa: 100.000 hộ (tức 0,6% tổng số hộ) chiếm 15% của cải của nước Pháp (2); trung bình mỗi hộ nắm khoảng 9 triệu phơ-răng, bằng tài sản của khoảng 200 gia đình công nhân. Giữa lúc giai cấp công nhân và nhân dân lao động sống thiếu thốn ở những căn nhà chật hẹp và phải trả giá thuê nhà «cắt cổ» thì bọn giàu có này sống xa hoa, lãng phí ở những biệt thự tráng lệ trị giá tới hàng chục triệu phơ-răng.

Về *Văn hóa giáo dục*, trong 1.000 thanh niên bỏ học, chỉ có 368 thật sự có giấy chứng nhận trình độ học lực; hàng triệu thanh niên khác đi tìm việc làm đầu tiên không qua sự đào tạo chung nào hay đào tạo về một nghề nào. Trong 10 năm, 2 triệu rưỡi thanh niên xuất hiện như vậy trên thị trường lao động Pháp. Tình trạng này còn đè nặng lên những lớp người nghèo khổ trong xã hội nữa. Trước hết trẻ em thuộc loại nghèo nhất gặp nhiều khó khăn nhất trong học tập. Ngay từ lớp dự bị, 8 phần 10 các em bị lưu ban đều là con em công nhân. Trong 100 em học lớp 6 trường trung

(1) Tạp chí Pháp: *Kinh tế — chính trị* số 1-1978, trang 61.

(2) R. Lát-tét: *Của cải của nước Pháp* xuất bản tại Pháp năm 1977.

Digitized by Google

học. 40 em cũng thuộc thành phần gia đình là công nhân ; đến lớp bốn trường trung học số em đó chỉ chiếm 35% và đến lớp nhì trường trung học số đó giảm còn 22%, và vào trường đại học số này chỉ chiếm gần 12,6% mà thôi. Đây là kết quả của một chính sách thi hành ở ngoài nhà trường và trong nhà trường. Ngày nay, 17 triệu người Pháp bị nghèo túng. Tiền lương, sức mua, các nguồn cung cấp của xã hội đều giảm sút đã gây cho các gia đình nghèo túng nhiều khó khăn, điều đó ảnh hưởng lớn đến việc học tập của con em họ.

Vấn đề *độc lập dân tộc* đang là một vấn đề thật sự sống còn đối với nhân dân Pháp. Sự thống trị của các tập đoàn tư bản lũng đoạn Pháp với bộ máy chính quyền của nó làm cho độc lập, chủ quyền của dân tộc ngày càng lâm nguy.

Về nhiều ngành kinh tế, khoa học — kỹ thuật, Pháp đang bị lép vế trước các công ty tư bản Mỹ. Trên nhiều lĩnh vực, nước Pháp ngày nay phải lệ thuộc vào bên ngoài để giải quyết một nửa nhu cầu của nó. Nhiều công ty nhiều nước được thành lập, mọi hoạt động của các công ty lũng đoạn được Nhà nước khuyến khích và bảo đảm. Nhiều tài nguyên, trung tâm nghiên cứu của Pháp bị cướp đoạt và di chuyển ra nước ngoài, những cơ sở của sức mạnh công nghiệp Pháp bị xói mòn nhanh chóng, đặc biệt có lợi cho Mỹ và Tây Đức.

Về chính trị và quân sự, khuynh hướng lệ thuộc bên ngoài của Pháp cũng đã lộ rõ trên ba mặt sau đây : một là, chính phủ Pháp hăng hái biến Khối cộng đồng kinh tế châu Âu thành một « liên minh chính trị » có nhiều tổ chức siêu quốc gia, có nghĩa là một liên minh thần thánh mới trong đó Tây Đức chiếm ưu thế. Cái gọi là « liên minh chính trị » ấy như người ta mong muốn có thể biến thành một cực chống đối những ý đồ bành trướng và bá chủ của Mỹ chăng ? Không ! Nó sẽ chỉ là cái « cột thứ hai » của khối Bắc Đại-tây-dương như ý định của Mỹ. Hai là, việc khôi phục lên lút vai trò của Pháp trong khối Bắc Đại-tây-dương — như báo chí Mỹ đã nói — không loại trừ « một sự hợp tác thầm lặng về chiến lược » giữa khối này với Pháp. Ba là, vai trò của Pháp trong các cuộc đàm phán quốc tế lớn bị lu mờ chưa từng thấy. Thường thường, Pháp bỏ ghế trống, dựa vào khối Bắc Đại-tây-dương hoặc Tây Âu để khối này lên tiếng thay cho Pháp.

Tình hình về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của nước Pháp trong 5 năm qua đã được báo chí Pháp khái quát hóa bằng 4 đặc điểm lớn : **khắc khổ, đình trệ, thất nghiệp, lệ thuộc.** Nguyên nhân nào khiến cho tiềm lực kinh tế và tài nguyên phong phú của nước Pháp bị xói mòn và lãng phí, xí nghiệp bị đóng cửa, giếng mỏ bị chìm ngập, lò cao bị dập phá, nhiều người lao động bị thất nghiệp, đời sống của hàng triệu người Pháp ngày càng khó khăn, độc lập dân tộc bị đe dọa ? Đó chính là do các tập đoàn tư bản lũng đoạn nhà nước Pháp, để vơ vét được nhiều lợi nhuận, đã tăng cường bóc lột lao động chân tay và lao động trí óc Pháp một cách thâm hiểm hơn trước, đã lạm phát tiền tệ, đầu cơ tài chính, cướp đoạt của cải công cộng, xào trộn một số vốn đầu tư, mở rộng nạn thất nghiệp bằng cách bỏ đi hoàn toàn những khu vực của nền kinh tế xét thấy không còn đưa lại nhiều lợi nhuận nữa, và tăng cường xuất khẩu tư bản. Nói một cách khác, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Pháp, vì lợi ích giai cấp, *ngày càng tập trung sản xuất, tích tụ tư bản cao*, đưa nước Pháp vào cuộc tổng khủng hoảng kéo dài, ngày càng trầm trọng, gieo thêm nhiều tai họa cho hàng triệu người lao động Pháp.

Digitized by Google

Để đối phó với cuộc tổng khủng hoảng này, từ năm 1973 đến nay Nhà nước Pháp đã làm gì? 5 kế hoạch, trong đó có kế hoạch « đỏ sộ » mang tên các thủ tướng như Si-rắc, Ba-rơ, đã được thực hiện. Nhưng kết quả là nạn lạm phát vẫn tiếp diễn ở mức cao, sản xuất lại đình trệ sau khi đạt được mức của 3 năm về trước một cách trầy trật. Đồng thời nạn thất nghiệp tăng lên gấp đôi và đến tháng 3 năm 1977 đạt tới mức cao nhất từ 40 năm nay. Nợ nần của nước Pháp vẫn tăng lên; ngân sách nhà nước vẫn bị thâm hụt nặng nề. Không một vấn đề mấu chốt nào tìm được giải pháp. Trái lại, những vấn đề ấy càng trở nên gay gắt thêm. Cuộc tổng khủng hoảng vẫn tồn tại, dai dẳng.

Tình hình này đã gây nên một sự bất bình rộng lớn và sâu sắc trong tất cả các tầng lớp nhân dân lao động Pháp. Hàng triệu người Pháp, nạn nhân của chế độ áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Pháp tha thiết mong muốn « **đổi đời** ». Họ mong muốn « dập tan cái vòng địa ngục » hiện nay đang tạo ra lợi nhuận cho tư bản là khắc khổ, đình trệ, thất nghiệp, lệ thuộc, bằng cách thay vào đó bốn yêu cầu lớn cấp bách và chính đáng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp: **sức mua, sản xuất, việc làm, độc lập.**

Giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động Pháp đã tiến hành các cuộc đấu tranh trên quy mô rộng lớn chống lại chính sách khắc khổ của chính quyền và giới chủ, chống sa thải, bòn rút tiềm lực kinh tế của nước Pháp để đưa ra nước ngoài phục vụ cho lợi ích của các công ty tư bản lũng đoạn, chống mọi hiện tượng bất bình đẳng trên tất cả các lĩnh vực, đòi cải thiện đời sống và điều kiện làm việc, đòi các quyền tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chính vì những lẽ trên đây mà trong các cuộc bầu cử hàng tổng, thành phố và tỉnh ở Pháp trong năm qua, lực lượng cánh tả mà Đảng cộng sản là nòng cốt tranh thủ được cảm tình của nhiều cử tri, đã giành được một số phiếu đáng kể, so với số phiếu của lực lượng cánh hữu. Trong cuộc bầu cử Quốc hội vừa rồi, các lực lượng cánh tả không giành được thắng lợi thỏa đáng chủ yếu là do chế độ bầu cử bất công hiện hành ở Pháp, do sự thiếu đoàn kết của các lực lượng cánh tả, đặc biệt là do thái độ của những người cầm đầu Đảng xã hội Pháp, do những luận điệu xuyên tạc của những đảng thuộc cánh hữu về lực lượng cánh tả và do sức ép của Mỹ.

Sau cuộc bầu cử Quốc hội vừa qua, các đảng trong Liên minh cầm quyền đã giành được đa số ghế trong Quốc hội. Song tình hình kinh tế, chính trị và xã hội nước Pháp chưa ổn định. Cuộc đấu tranh của lực lượng tiến bộ và dân chủ Pháp vẫn tiếp tục.

Những vấn đề của nước Pháp vẫn còn nguyên vẹn, thậm chí có nhiều mặt còn gay gắt thêm.

Digitized by Google

Коммунистический журнал
№ 5 — 1978 г

ПЕРЕДОВАЯ. Повысить руководящую роль вьетнамского рабочего класса на новом этапе

ЛЕ ЗУАН. Коллективное хозяйствование — природа и умение рабочего класса

ВО НГУЕН ЗИАП. Ускорить научно-техническую революцию в сельском хозяйстве Вьетнама

ДО МЫОЙ. Усилить социалистические преобразования в частнокапиталистической промышленности и торговле на Юге

ЛЕ КУАНГ ДАО. Развивать революционный героизм нашей армии в деле защиты и строительства социалистической родины

НГУЕН ТЯН. Родине больше угля

ХА ХЮИ ЗИАП. Уроки трудолюбия, бережливости, честности, справедливости, бескорыстия Великого Хо Ши Мина

ТРИБУНА ОБСУЖДЕНИЯ ПРОЕКТА НОВОЙ КОНСТИТУЦИИ До Суан Шанг, Мадам Нго Ба Тхань, Ле Нгок Тиен, Фам Тхань

ХЮН ЫУ. Франция после парламентских выборов: проблемы остаются нерешенными

共产主义杂志
一九七八年第五期

討　論：发挥越南工人阶级在新阶段中的领导作用

黎　笋：集体作主是工人阶级的本质和本领

武元甲：大力促进我国农业科学技术革命

杜　梅：大力促进南方私营资本主义工商业的社会主义改造

黎光道：在保卫和建设社会主义越南祖国中，发扬我军的革命英雄主义

阮　振：为祖国生产大量的煤炭

何輝甲：重温伟大的胡伯伯的“勤俭廉正、大公无私”的教导

討論新宪法草案。杜春爽、吴伯誠（女）、黎玉进、武挑、范成

輝　优：法国国会选举后，法国的问题依然如故

Digitized by Google

REVUE DU COMMUNISME
N° 5 — 1978

Éditorial — Faire valoir le rôle dirigeant de la classe ouvrière vietnamienne dans l'étape nouvelle

LÊ-DUẨN — L'exercice du droit de maître collectif : nature et apanage de la classe ouvrière

VÕ-NGUYÊN-GIÁP — Donner une impulsion vigoureuse à la révolution scientifique et technique dans notre agriculture

ĐỖ-MƯỜI — Activer la transformation socialiste de l'industrie et du commerce capitalistes privés dans les provinces méridionales du pays

LÊ-QUANG-ĐẠO — Exalter l'héroïsme révolutionnaire de notre armée pour la défense et l'édification de la Patrie vietnamienne socialiste

NGUYỄN-CHẤN — Produire du charbon en grandes quantités pour la Patrie

HÀ-HUY-GIÁP — Rappelons-nous les enseignements de notre grand Oncle Hồ : « labeur, économie, intégrité, droiture, dévouement aux affaires publiques et abnégation de soi »

Discussions du projet de la nouvelle Constitution — *ĐỖ-XUÂN-SẢNG* — Mme *NGÔ-BÁ-THÀNH* — *LÊ-NGỌC-TIỄN* — *VŨ-KHIÊU* — *PHẠM-THÀNH*

HUY-ƯU — Les problèmes de la France restent entiers après les dernières élections générales

---

REVIEW OF COMMUNISM
N° 5 — 1978

Editorial — Bring into full play the leading role of the Vietnamese working class in the new stage

LÊ-DUẨN — Collective mastery is the nature and the aptitude of the working class

VÕ-NGUYÊN-GIÁP — Give a big impulse to the scientific and technical revolution in our agriculture

ĐỖ-MƯỜI — Push forward the socialist transformation of private capitalist industry and trade in the South

LÊ-QUANG-ĐẠO — Bring into full play the revolutionary heroism of our army in the defence and construction of our socialist fatherland

NGUYỄN-CHẤN — Produce large quantities of coal for the country

HÀ-HUY-GIÁP — Recalling the behest of our great Uncle Hồ : « diligence, economy, integrity, uprightness ; total devotion to the public interest, complete selflessness »

Discussion of the new draft Constitution — *ĐỖ-XUÂN-SẢNG* — Mrs *NGÔ-BÁ-THÀNH* — *LÊ-NGỌC-TIỄN* — *VŨ-KHIÊU* — *PHẠM-THÀNH*

HUY-ƯU — After the elections to the French National Assembly, the problems facing France remain unchanged

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 5

1978

NĂM THỨ XXIV (269)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Dây nói : 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Phát huy vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt-nam trong giai đoạn mới 1

LÊ-DUẨN — Làm chủ tập thể là bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân 12

VÕ-NGUYÊN-GIÁP — Đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta 24

ĐỖ-MƯỜI — Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam 52

LÊ-QUANG-ĐẠO — Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân đội ta trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa 62

NGUYỄN-CHẤN — Sản xuất thật nhiều than cho Tổ quốc 75

HÀ-HUY-GIÁP — Ôn lại bài học « cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư » của Bác Hồ vĩ đại 81

Thảo luận dự thảo Hiến pháp mới ★ *ĐỖ-XUÂN-SẢNG* — Những nét độc đáo của bản dự thảo Hiến pháp mới ★ Bà *NGÔ-BÁ-THÀNH* — Đối chiếu hai nền dân chủ : tư sản và xã hội chủ nghĩa nhân dịp thảo luận dự thảo Hiến pháp mới ★ *LÊ-NGỌC-TIẾN* — Tại sao Mặt trận Tổ quốc Việt-nam là một chỗ dựa của Nhà nước ? ★ *VŨ-KHIÊU* — Sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của công dân ★ *PHẠM-THÀNH* — Hiến pháp xã hội chủ nghĩa là sự thể hiện tự giác và có tổ chức ý chí tập thể của nhân dân lao động 88

HUY-ƯU — Sau cuộc bầu cử Quốc hội Pháp, những vấn đề của nước Pháp vẫn còn nguyên vẹn 101

Digitized by Google

Digitized by Google

Tìm đọc:

LÊ-DUẨN:

— **Phát huy quyền làm chủ tập thể xây dựng Nhà nước vững mạnh**

— **Phát động quần chúng xây dựng quyền làm chủ tập thể**

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 0đ

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

SEP 6 1978

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

The University of Michigan
Periodical
Reading Room

H-1980

6

6.1978

Digitized by Google

Digitized by Google

XÃ LUẬN

BỒI DƯỠNG VÀ PHÁT HUY NHỮNG NHÂN TỐ MỚI

Từ 3 năm nay, nhân dân ta bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng soi sáng con đường tiến lên của nhân dân ta trong giai đoạn mới. Với khí thế cách mạng sôi nổi, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang ra sức thực hiện những Nghị quyết của Đại hội Đảng.

Đất nước vừa ra khỏi chiến tranh. Nền kinh tế nước ta lạc hậu, mất cân đối. Nhân dân ta đứng trước những khó khăn rất lớn về nhiều mặt. Tình hình đó làm cho nhiều người có tâm trạng lo lắng, băn khoăn. Song cũng chính trong hoàn cảnh khó khăn đó, nhân dân ta đã vươn lên sáng tạo ra những thành tích mới, bước đầu làm chuyển biến tình hình. Nhiều nhân tố mới đã và đang xuất hiện.

Việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động và điều hành lao động trên địa bàn huyện đã mở ra một khả năng mới cho sự phát triển của nông nghiệp. Với tinh thần tự lực tự cường, một số huyện và hợp tác xã đã chủ động vươn lên, khai thác những tiềm lực về lao động và đất đai để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật mới, cơ cấu kinh tế mới và xây dựng đời sống mới. Những việc làm sáng tạo của các huyện Quỳnh-lưu, Hải-hậu, của các hợp tác xã Định-công, Vũ-thắng, cũng như của nhiều huyện và hợp tác xã tiên tiến khác đã cho chúng ta những bài học quý về tổ chức lại sản xuất từ cơ sở và xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện. Vai trò của cấp huyện bước đầu được phát huy. Sở dĩ các đơn vị tiên tiến trong nông nghiệp đạt được những thành tích bước đầu đáng phấn khởi là do các đơn vị đó đã thực hiện đúng đường lối của Đảng, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng

Digitized by Google

tạo, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, gắn nông nghiệp với công nghiệp, kinh tế tập thể với kinh tế toàn dân, tạo điều kiện đưa nông nghiệp tiến dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và xây dựng nông thôn mới, xã hội chủ nghĩa.

Việc tổ chức các công trường thủ công quy mô lớn làm thủy lợi, kết hợp lực lượng của nhân dân với lực lượng của Nhà nước, kết hợp thủ công với một phần cơ khí đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, xây dựng nhanh các công trình thủy lợi để thâm canh, tăng vụ, tăng diện tích. Kinh nghiệm xây dựng các công trình Kẻ-gỗ (Nghệ-tĩnh), sông Lý, Lạch-bạng (Thanh-hóa), v.v... có tác dụng tốt đối với việc tổ chức các công trường thủ công quy mô lớn làm thủy lợi trong cả nước. Kinh nghiệm tổ chức công trường thủ công quy mô lớn còn được áp dụng rộng rãi trong việc trồng màu, trồng rừng, khai hoang, xây dựng đồng ruộng, xây dựng khu dân cư và xây dựng các công trình văn hóa, xã hội. Thực tiễn cho thấy: trong điều kiện lao động chủ yếu là thủ công kết hợp một phần với cơ khí, bằng tổ chức lao động quy mô lớn, áp dụng những thành tựu của khoa học, kỹ thuật, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, chúng ta có thể phát huy sức mạnh của cả nước, của từng địa phương để xây dựng các công trình có quy mô lớn và vừa, và rút ngắn được thời gian xây dựng các công trình đó.

Việc phân bố lại lao động giữa các vùng bước đầu đã thu hút 50 vạn lao động ở các vùng đông dân, chủ yếu là ở các thành thị miền Nam và ở vùng đồng bằng Bắc-bộ, đi xây dựng các vùng kinh tế mới, chủ yếu là ở đồng bằng sông Cửu-long, miền đông Nam-bộ và Tây-nguyên. Với kinh nghiệm bước đầu về tổ chức lực lượng lao động, khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới, các vùng chuyên canh quy mô lớn dưới hình thức nông trường và hợp tác xã, chúng ta có khả năng tiến lên khai phá thêm 5 triệu héc-ta, đưa diện tích đất nông nghiệp lên gấp đôi so với hiện nay và thực hiện sự phân bố lại dân cư trong cả nước.

Đi đôi với khai hoang, phong trào thâm canh, tăng vụ phát triển mạnh mẽ ở đồng bằng, trung du, miền núi, ở miền Bắc và miền Nam. Diện tích trồng màu được mở rộng nhanh chóng ở các vùng, có nơi chiếm tới 50 — 60% diện tích cây lương thực. Vụ đông ở nhiều nơi thuộc đồng bằng Bắc-bộ đang trở thành vụ chính. Các ngành nghề thủ công đang phát triển ở nông thôn. Tình hình trên đây mở ra khả năng mới để giải quyết vấn đề lương thực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lại lao động, đưa nông nghiệp tiến lên một bước mới.

Sự chuyển biến của nông nghiệp gắn liền với những tiến bộ của công nghiệp. Nền công nghiệp cơ khí non trẻ của ta đã vươn lên tự thiết kế và chế tạo thiết bị cho các xí nghiệp gạch ngói, nhà máy xi-

Digitized by Google

măng, các nhà máy đường, xay xát gạo, bột ngọt, nhà máy đồ sứ..., chế tạo một số máy mới như bơm nước cỡ lớn, tàu đánh cá (400 sức ngựa), máy biến thế điện, động cơ điện, máy khâu, một số máy nông nghiệp, máy chế biến hoa màu v.v... Một số vật liệu trước phải nhập khẩu, nay ta đã tự sản xuất được như thép lõi que hàn, tanh xe đạp, một số hóa chất... Những nhân tố mới trên đây đánh dấu một bước trưởng thành của công nghiệp cơ khí, cho thấy khả năng mới để đẩy mạnh công nghiệp hóa và sớm tạo ra cơ sở độc lập tự chủ của nền kinh tế nước ta.

Trong ngành công nghiệp khai thác than, nhiều nhân tố mới đang nảy nở. Trên cơ sở phát huy những tiềm lực sẵn có, ngành than đã vươn lên chủ động chế tạo một số thiết bị, máy móc, tự lực thăm dò tài nguyên, thiết kế và xây dựng mỏ (quy mô vừa và quy mô nhỏ), vừa cải tạo các mỏ cũ, vừa xây dựng các mỏ mới, tự lực xây dựng các mỏ nhỏ, do đó đã mở ra khả năng mới tăng nhanh sản lượng than.

Trong các ngành công nghiệp, cả ở miền Bắc và miền Nam, công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương, đang dấy lên một phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm. Khẩu hiệu « mỗi công nhân một sáng kiến, mỗi cán bộ khoa học, kỹ thuật một đề tài » do thành phố Hải-phòng đề ra đã trở thành khẩu hiệu hành động của nhiều nơi. Phong trào thi đua lao động đang hướng vào việc khai thác những khả năng tiềm tàng về lao động, vật tư, thiết bị máy móc, đem lại những hiệu quả kinh tế thiết thực và đạt năng suất lao động cao.

Trên mặt trận lao động xây dựng Tổ quốc, có thêm một lực lượng lao động mới là bộ đội làm nhiệm vụ kinh tế. Bước vào giai đoạn mới, quân đội ta đã triển khai một lực lượng bộ đội làm kinh tế, đảm nhận việc xây dựng một số công trình thủy lợi, giao thông, khai hoang, chuẩn bị địa bàn cho dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, xây dựng và quản lý một số vùng kinh tế nông nghiệp và lâm nghiệp, khai thác hải sản, sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng các công trình công nghiệp... Với những thành tựu và kinh nghiệm bước đầu, lực lượng bộ đội làm kinh tế đang vươn lên đóng vai trò một lực lượng xung kích trên mặt trận kinh tế, đặc biệt là trên các địa bàn xung yếu.

Trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, nhiều nhân tố tích cực đang xuất hiện. Ở thành thị, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác có tác dụng to lớn trong việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh. Ở nông thôn, các hình thức hiệp tác lao động sản xuất có tính chất quá độ đã xuất hiện và phát triển như tổ đoàn kết sản xuất, tổ đổi công ở Nam-bộ. Các hợp tác xã nông nghiệp đã được xây dựng và bước đầu phát triển ở Bình-trị-thiên, khu 5, Tây-nguyên.

Digitized by Google

Với các hình thức đó, nông dân miền Nam đang được tổ chức lại, bước đầu đi vào con đường làm ăn tập thể và phát triển sản xuất theo kế hoạch. Gần đây, việc xóa bỏ hệ thống thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, xây dựng hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, việc phát hành tiền Ngân hàng mới, thu đổi tiền cũ, thống nhất tiền tệ trong cả nước là những thắng lợi mới, có ý nghĩa to lớn, không những về kinh tế mà cả về chính trị. Những thắng lợi đó góp phần quan trọng bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức lại sản xuất trong cả nước và tổ chức đời sống của nhân dân.

Ở miền Bắc, qua các cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý, thực hiện hạch toán kinh tế, đề cao kỷ luật lao động, quản lý chặt chẽ định mức và tiêu chuẩn lao động, đấu tranh chống những hành động phi pháp... quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở cả thành thị và nông thôn được củng cố thêm một bước. Những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế và trong đời sống xã hội đang bị đẩy lùi. Nếp sống mới, phong cách lao động mới của con người mới xã hội chủ nghĩa đang nảy nở và phát triển.

★

Sự ra đời và phát triển của những nhân tố mới trên đây đánh dấu sự chuyển biến bước đầu của phong trào cách mạng của nhân dân ta. Những kết quả và tiến bộ còn thấp so với yêu cầu và so với tiềm lực mà chúng ta có, song trong phạm vi từng địa phương, từng đơn vị, đã đem lại những hiệu quả rõ rệt: tăng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật, tăng thêm sản phẩm, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống của quần chúng. Những kết quả đó, gắn liền với sự nảy sinh những quan hệ mới giữa người với người, đã đem lại sự phấn khởi cùng những sự đổi mới trong nếp nghĩ và nếp sống của quần chúng. Sự xuất hiện của những nhân tố mới như vậy mang một ý nghĩa cách mạng sâu sắc, nó là kết quả của việc xóa bỏ cái cũ, sáng tạo cái mới, là kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng. Tạo được một sự cải biến như vậy trong hoàn cảnh sản xuất khó khăn, tình hình xã hội còn có những hiện tượng tiêu cực, là một việc làm đầy sức sáng tạo. Đương nhiên đó không phải là những nhân tố tự phát mà là kết quả của phong trào cách mạng của quần chúng phát huy quyền làm chủ tập thể. Những nhân tố mới đó thể hiện một cách sinh động đường lối của Đảng trong

Digitized by Google

thực tiễn. Vì vậy, ý nghĩa quan trọng của những nhân tố mới chính là ở chỗ nó tiêu biểu cho xu thế phát triển của cách mạng, mở ra triển vọng mới để đưa phong trào tiến lên mạnh mẽ.

Chúng ta đang đứng trước tình hình có nhiều khó khăn và phải giải quyết những yêu cầu rất to lớn và cấp bách của sự nghiệp cách mạng. Những nhân tố mới ra đời là những mô hình cụ thể chỉ cho ta thấy khả năng khắc phục khó khăn để đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên. Nó chứng minh rằng con đường đi lên của chúng ta tuy còn nhiều khó khăn, song cũng có rất nhiều thuận lợi. Chúng ta chẳng những có tiềm lực to lớn về lao động và tài nguyên mà còn có sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh đó là động lực thúc đẩy các nhân tố mới ra đời, cho phép chúng ta vươn lên khai thác thuận lợi, khắc phục khó khăn, làm xoay chuyển tình hình, tạo ra thế đi lên của nền kinh tế.

Đó là sức mạnh của đường lối cách mạng sáng tạo do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra, đường lối đó đã đi vào quần chúng và đang biến thành hành động sáng tạo của quần chúng.

Đó là sức mạnh của Nhà nước của chúng ta, của các ngành và các địa phương ngày càng tích lũy được kinh nghiệm và tác động đến cơ sở một cách có hiệu lực bằng cách nêu cao tinh thần tự lực tự cường và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

Đó là sức mạnh của nhân dân lao động làm chủ tập thể, có sức sáng tạo vĩ đại và hoạt động có tổ chức trên quy mô lớn. Những điển hình nhân tố mới xuất hiện trên khắp các vùng của đất nước chứng tỏ rằng quần chúng không kể ở đâu đều có sức vươn dậy mạnh mẽ. Sự vươn dậy đó của quần chúng mở ra triển vọng to lớn cho toàn bộ sự nghiệp cách mạng của chúng ta.

Sự kết hợp giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và quần chúng làm chủ tập thể tạo thành sức mạnh tổng hợp và phát huy những tiềm lực to lớn ở các ngành, các địa phương và từng đơn vị. Nếu các ngành, các địa phương, các đơn vị biết phát huy những tiềm lực sẵn có thì dù điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp cũng có thể tạo nên được sức mạnh mới để tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc.

Đương nhiên, muốn biến tiềm lực thành sức mạnh, chúng ta phải nêu cao tinh thần tự lực tự cường. Chúng ta phải có ý thức trách nhiệm đầy đủ trong việc chấp hành đường lối của Đảng và tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân, không ỷ lại bị động, không tiêu cực bó tay trước những khó khăn trước mắt. Những nhân tố mới xuất hiện là do nhân dân ta có tinh thần tự lực tự cường, có ý chí cách mạng tiến

Digitized by Google

công, dám nghĩ, dám làm, có ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Hội nghị lần thứ 3 của Ban chấp hành trung ương Đảng ta «đặc biệt tỏ thái độ trân trọng đối với những nhân tố tích cực và những tấm gương sáng về tinh thần tự lực tự cường, dám nghĩ, dám làm theo đường lối của Đảng, về ý thức tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động» (1).

Nhân tố mới ra đời trong quá trình đấu tranh giữa cái mới và cái cũ. Nó phải vượt qua rất nhiều khó khăn, trở ngại. Quá trình xuất hiện của nó là quá trình tìm tòi, thí nghiệm, sửa chữa, đi đến hoàn thiện từng bước. Bởi vậy chúng ta không nên coi những nhân tố mới như là những điển hình hoàn chỉnh, toàn thiện, toàn mỹ. Chúng ta phải biết nhìn sự vật trong sự phát triển, kịp thời phát hiện những nhân tố mới khi nó đang còn trong trứng nước để rút kinh nghiệm, bồi dưỡng và phát huy mặt tích cực, sửa chữa những thiếu sót, tạo điều kiện cho nó mau chóng trưởng thành và trở thành phổ biến.

Chúng ta hãy ghi nhớ lời dạy của Lê-nin: «Chúng ta nên nghiên cứu cẩn thận những mầm non đó (mầm non của cái mới — BT), dùng mọi cách làm cho nó trưởng thành được thuận lợi và «chăm sóc» đến những mầm còn non yếu đó» (2). *Chính từ việc nghiên cứu những mầm non đó, bồi dưỡng và phát huy những mầm non đó, chúng ta sẽ thấy được xu thế phát triển chủ yếu của tình hình, khắc phục tâm trạng bi quan tiêu cực, tìm ra hướng tiến lên phù hợp với quy luật phát triển của phong trào cách mạng. Đó là thái độ cách mạng và khoa học của chúng ta.*

---

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 (khóa IV) của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam.

(2) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, năm 1959, quyển II, phần 2, trang 211.

Digitized by Google

BÌNH LUẬN

Tình hữu nghị quý báu giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung quốc nhất định sẽ được bảo vệ

Dư luận rộng rãi trên thế giới đang chăm chú theo dõi vở bi hài kịch do phía Trung quốc dựng lên, vu khống Việt-nam « bài xích, khủng bố và xua đuổi » người Hoa về Trung quốc. Bằng thủ đoạn tuyên truyền kích động, kết hợp lừa gạt với đọa dẫm, thông qua những phần tử xấu trong người Hoa, họ đã đẩy hàng vạn người Hoa đang an cư lạc nghiệp phải rời khỏi Việt-nam, đồng thời đổ vấy cho phía Việt-nam phải chịu trách nhiệm về cái gọi là số phận bi thảm của những người gọi là « nạn kiều » ấy. Họ rêu rao rằng: Việt-nam « lấy oán trả ơn », « Việt-nam đã từ bỏ chính sách hữu nghị với Trung quốc », v.v... Tiếp đó là sự khước từ đề nghị hợp tình hợp lý của Việt-nam về việc chấm dứt tuyên truyền kích động, hai bên gặp nhau để giải quyết những bất đồng về vấn đề người Hoa trên tinh thần hữu nghị và vì lợi ích của nhân dân hai nước; là sự đơn phương quyết định của phía Trung quốc đưa tàu vào Việt-nam để đón người Hoa về nước, bất chấp mọi pháp luật và tập quán quốc tế thông thường.

Vở kịch mới chỉ diễn ra không lâu mà sự thật đã sáng tỏ đến mức mọi người đều có thể thấy rõ ai là người cố ý gây chuyện vì mục đích xấu xa, ai là người có thái độ đúng đắn, dây thiện chí.

Những « bằng chứng » mà phía Trung quốc đưa ra để tố cáo Việt-nam « ngược đãi » người Hoa vô lý đến nỗi không một người nào có lương tri trên trái đất lại có thể đồng tình với sự vu khống của họ. Bởi vì những người gọi là « nạn kiều đau khổ » từ Việt-nam

Digitized by Google

về, được chiếu trên vô tuyến truyền hình Trung quốc, ngoài đôi lời « tố cáo » gượng gạo ra, lại thể hiện dưới hình ảnh thật là những con người béo tốt, ngồi trên những chiếc thuyền đầy ắp của cải, kể cả những con gà mà họ đang nuôi ! Trái lại, cuộc sống yên vui, đầm ấm của đông đảo người Hoa trong cộng đồng dân tộc Việt-nam đã được hàng trăm đại biểu chân chính của người Hoa nói lên hùng hồn trong các cuộc họp gần đây ở Hà-nội, thành phố Hồ-Chí-Minh và nhiều nơi khác ! Sự thật bao giờ cũng có sức mạnh gấp nghìn lần lời nói, dù đó là lời nói hoa mỹ, huống chi đây lại là những lời bịa đặt và vu khống thô bỉ.

Những lời rêu rao về cái gọi là Việt-nam « vong ân bội nghĩa » hoặc « lấy oán trả ơn », « Việt-nam từ bỏ chính sách hữu nghị với Trung quốc »... cũng chẳng đổi trắng thay đen được chút nào, mà chỉ càng làm nổi bật khoảng cách rất xa giữa lời nói của phía Trung quốc và sự thật khách quan. Kể lể làm ơn đối với một dân tộc đã chiến đấu và hy sinh cho lợi ích của toàn nhân loại, đã đổ máu để góp phần bảo vệ Trung quốc, để cho Trung quốc có được hoàn cảnh hòa bình xây dựng đất nước, như các nhà lãnh đạo Trung quốc trước đây đã từng thừa nhận, kể lể như thế phải chăng là đã suy nghĩ chín chắn ? Kể lể như thế phải chăng là thái độ nên có của những người cách mạng có ý thức đầy đủ về nghĩa vụ quốc tế của mình ? Vô cớ gây sự với người bạn vốn có tình nghĩa thủy chung với nhân dân Trung quốc, sao gọi là thái độ hữu nghị được ? Một tình hữu nghị thật sự đòi hỏi phải có sự chân thành của hai bên ; nó tuyệt đối không dung nhận sự vu khống, càng không thể dựa trên cơ sở của chủ nghĩa dân tộc, dù đó là chủ nghĩa sô-vanh nước lớn hay chủ nghĩa dân tộc nước nhỏ, vì đó là những tàn tích cực kỳ xấu xa, tệ hại của xã hội cũ để lại, mà những người cộng sản chân chính phải kiên quyết trừ bỏ.

Cũng như mọi vấn đề khác, vấn đề người Hoa ở Việt-nam cần phải được giải quyết trên cơ sở của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nếu xa rời lập trường giai cấp vô sản thì không thể giải quyết đúng đắn vấn đề được. Chính sách của Đảng và Chính phủ ta đối với người Hoa ở Việt-nam, chính là được đặt trên cơ sở của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, theo đúng sự thỏa thuận trước đây giữa hai đảng Việt-nam và Trung quốc, phù hợp với lợi ích cơ bản và lâu dài của người Hoa ở Việt-nam. Không đứng trên quan điểm giai cấp vô sản, không phân biệt người lao động với người tư sản, thậm chí ưu ái người tư sản, bỏ rơi người lao động đi đến bác bỏ chính sách và giải pháp đúng đắn của Đảng và Chính phủ Việt-nam đối với người Hoa ở Việt-nam, chẳng

Digitized by Google

những có hại cho tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước mà còn có hại cho lợi ích của chính những người Hoa mà phía Trung quốc làm ra vẻ quan tâm bảo vệ. Đó chẳng phải là điều rõ ràng hay sao ?

Không phải ngẫu nhiên mà các nhà đương cục Trung quốc, trong khi phớt lờ những lời kêu cứu thảm thiết của nửa triệu người Hoa bị những nhà cầm quyền Cam-pu-chia khủng bố và giết hại, lại làm rùm beng đến như vậy về vấn đề người Hoa đang sinh sống yên vui ở Việt-nam. Họ trả lời như thế nào về câu hỏi sau đây của những người Hoa bị nạn ở Cam-pu-chia: « Điều làm chúng tôi đau lòng là không hề có một lời nào về những tội ác vô nhân đạo do chính quyền Khơ-me mới chống lại nửa triệu đồng bào chúng ta tại Cam-pu-chia. Họ đã bị bắn một cách bừa bãi và bị dồn vào rừng rậm, trong khi các thiếu nữ Hoa kiều bị buộc phải đi phục vụ cho những thương binh để làm đồ chơi cho chúng... Điều đó làm cho chúng tôi tự hỏi liệu Tổ quốc, trong khi thực hiện chính sách Hoa kiều, có phải đang cố tình loại trừ những đồng bào của chúng ta tại Cam-pu-chia đang bị hành hạ trong các lò lửa của địa ngục hay không ? » (Bức thư ngày 18-4-1978 của « những người tị nạn Cam-pu-chia gốc Trung quốc ở Thái-lan và các nơi khác trên thế giới » gửi cho ông Liêu-Thừa-Chí tại Bắc-kinh). Họ trả lời như thế nào về câu hỏi sau đây của những người Hoa chạy trốn từ Cam-pu-chia sang Việt-nam: « Tại sao phía Cam-pu-chia tàn sát Hoa kiều một cách dã man thì Chính phủ bên Tổ quốc tôi lại không lên tiếng. Còn chính quyền Việt-nam cứu sống chúng tôi, cho chúng tôi từ bữa ăn đến chỗ ở, thì lại bị vu cáo là ngược đãi Hoa kiều (câu hỏi của những người Hoa bị nạn ở Cam-pu-chia, nêu trong cuộc họp của hơn hai trăm người Hoa tại thành phố Hồ-Chí-Minh ngày 27-5-1978). Trước thái độ mâu thuẫn lạ lùng như vậy của các nhà đương cục Trung quốc đối với Hoa kiều ở Cam-pu-chia và người Hoa ở Việt-nam, những người chính trực trên thế giới có lý do chính đáng để nghĩ rằng: việc Trung quốc dựng lên câu chuyện « Việt-nam ngược đãi người Hoa » hẳn phải có mục đích chính trị nào khác chứ tuyệt nhiên không có liên quan gì đến lợi ích chân chính của những người Hoa ở Việt-nam. Về phía chúng ta, chúng ta khẳng định rằng: đó là một việc làm có tính toán nhằm gây khó khăn cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam, chia rẽ người Việt với người Hoa, phá hoại tình hữu nghị giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung quốc.

Cũng không phải ngẫu nhiên mà chiến dịch tuyên truyền kích động, cưỡng ép người Hoa ở Việt-nam về Trung quốc diễn ra cùng một lúc với việc các nhà cầm quyền Cam-pu-chia đẩy mạnh những hành động chiến tranh đối với Việt-nam. Chính tên Trần-Hoạt, một

Digitized by Google

phần tử xấu người Hoa hiện bị chính quyền ta bắt giữ, đã thú nhận rằng: trong khi thi hành chính sách cưỡng ép người Hoa di cư, y đã rỉ tai mọi người: « Trung quốc giúp Cam-pu-chia đánh Việt-nam, người Hoa ở lại Việt-nam sẽ bị cắt cổ ». Gạt bỏ ý đồ xấu xa của y sang một bên, lời thú nhận của y về nguồn gốc hành động gây chiến của Cam-pu-chia đối với Việt-nam rất đáng để mọi người quan tâm.

Chúng ta cho rằng sự thay đổi lập trường của Trung quốc trong mối quan hệ Trung — Việt là một việc làm có hại cho lợi ích căn bản của nhân dân hai nước. Việc làm đó chỉ có lợi cho bọn đế quốc và bọn phản động trên toàn thế giới. Song trước hành động thiếu xây dựng của phía Trung quốc, nhân dân Việt-nam tuân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính yêu, vẫn kiên trì giữ vững tình hữu nghị với nhân dân Trung quốc. Chúng ta lấy làm tiếc về sự khước từ của phía Trung quốc đối với đề nghị hợp tình hợp lý của Chính phủ ta; chúng ta cũng rất bất bình trước hành vi của phía Trung quốc đơn phương quyết định đưa tàu sang Việt-nam đón người Hoa về nước. Hành vi này rõ ràng là một biểu hiện của chủ nghĩa bá quyền nước lớn. Mặc dù vậy, nhân dân và Chính phủ ta vẫn tỏ rõ thiện chí của mình, *lấy tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước làm trọng*, đưa ra những cách giải quyết đúng đắn (như đã nêu trong tuyên bố của Bộ ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam về vấn đề người Hoa ở Việt-nam, ngày 5-6-1978) để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết những bất đồng giữa Trung quốc và Việt-nam về vấn đề người Hoa ở Việt-nam.

Nhân dân Việt-nam tin chắc rằng, mặc dù những khó khăn phức tạp do phía Trung quốc gây ra, chính nghĩa nhất định sáng tỏ, âm mưu quỷ kế nhất định sẽ thất bại, tình hữu nghị quý báu giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung quốc nhất định sẽ được bảo vệ.

Với sức mạnh vĩ đại của mình, với sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, nhân dân Việt-nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh, nhất định sẽ xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa yêu quý của mình. Chúng ta vững vàng đi tới tương lai tươi sáng của đất nước, lòng đầy tin tưởng và lạc quan đối với thắng lợi của lý tưởng xã hội chủ nghĩa cao đẹp.

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC — KỸ THUẬT TRONG NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA (*)

VÕ - NGUYÊN - GIÁP

3 — CÁCH MẠNG KHOA HỌC — KỸ THUẬT VỚI CÁC TƯ LIỆU SẢN XUẤT SINH VẬT

MỘT yếu tố cực kỳ quan trọng của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp là các tập đoàn *cây trồng* và *vật nuôi*, hay nói rộng hơn là các loài thực vật, động vật và vi sinh vật được sử dụng trong nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp với tính cách là những tư liệu sản xuất — những tư liệu mà các nhà khoa học thường gọi là *tư liệu sản xuất sinh vật*.

Các cây trồng và vật nuôi hay nói chung các tư liệu sản xuất sinh vật có chức năng quan trọng là trực tiếp tạo nên sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp. Nếu không có các tư liệu sản xuất ấy thì đương nhiên là không thể có nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp. Điều đó nói lên tầm quan trọng đặc biệt của các tư liệu sản xuất này.

Trải qua cả một quá trình lâu dài lao động cần cù, thông minh và sáng tạo trong cuộc đấu tranh để làm chủ và cải tạo thiên nhiên, nhân dân lao động nước ta từ thế hệ này sang thế hệ khác, đã từng lựa chọn, thuần hóa và xây dựng nên những tập đoàn cây trồng và vật nuôi phong phú và đa dạng, vừa có tiềm năng sinh học khá cao, vừa thích hợp với điều kiện tự nhiên của nước ta và của từng vùng trong nước. Từ đời này sang đời khác, nhiều kinh nghiệm quý báu về trồng trọt và chăn nuôi đã được đúc kết lại; các biện pháp canh tác và nuôi dưỡng đối với từng loại cây trồng và vật nuôi cũng đã không ngừng được cải tiến và ngày càng đem lại hiệu quả kinh tế lớn hơn.

Nền nông nghiệp nước ta đã hình thành và phát triển với cây lúa nước là cây trồng tiêu biểu ở các vùng đồng bằng, với các loại màu như ngô, khoai, sắn, các cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày và nhiều loại cây ăn quả, các loại rau, đậu, v.v... thích hợp với từng vùng của đất nước. Ngành chăn nuôi cũng đã

(*) Xem Tạp chí Cộng sản từ số 5—1978.

Digitized by Google

phát triển với các giống lợn, trâu, bò, gia cầm, các loài thủy sản và hải sản. Trong những năm gần đây, những tiến bộ khoa học — kỹ thuật đã bắt đầu được áp dụng rộng rãi ở nhiều địa phương; kinh nghiệm về trồng trọt và chăn nuôi đã được nâng lên một bước. Kết quả là trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, các cánh đồng cao sản đã xuất hiện và ngày càng mở rộng với các giống lúa mới; trình độ thâm canh ngày một nâng cao và khả năng tăng vụ cũng ngày càng được mở rộng, từ một vụ đến hai vụ, từ hai vụ thành ba vụ với cơ cấu cây trồng ngày càng thích hợp hơn. Ngành chăn nuôi đã có nhiều tiến bộ; bên cạnh các tập đoàn vật nuôi truyền thống còn có thêm những giống vật nuôi mới. Còn tại các tỉnh miền Nam thì ngoài vụ lúa mùa phổ biến từ trước, đã xuất hiện khả năng phát triển hai vụ lúa ngắn ngày: vụ lúa mùa khô (đông xuân) và vụ lúa hè thu. Các vùng chuyên canh cây công nghiệp như cao su, chè, cà phê, v.v... cũng được mở rộng. Như vậy, dưới ánh sáng đường lối của Đảng, nền nông nghiệp nước ta hiện nay, về mặt các tư liệu sản xuất sinh vật mà nói, đang trên đà phát triển.

Tuy nhiên, nhìn chung chúng ta chưa tận dụng được tiềm năng to lớn của thiên nhiên nhiệt đới nước ta về cây trồng và vật nuôi, hay nói rộng ra là về các nguồn tài nguyên sinh vật. Chúng ta còn chưa sử dụng và khai thác được đầy đủ các nguồn lợi về thực vật và động vật muôn hình muôn vẻ ở miền núi, cao nguyên, ở vùng biển và thềm lục địa để phục vụ mục tiêu kinh tế, phục vụ đời sống của nhân dân. Nền nông nghiệp nước ta còn chưa kết hợp chặt chẽ với lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Vấn đề đặt ra là, trong khi tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, chúng ta phải làm gì và làm như thế nào để khai thác và sử dụng được tốt nhất tiềm năng to lớn của thiên nhiên nhiệt đới và các tài nguyên sinh vật để phục vụ có hiệu quả cho nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp của ta hiện nay và mãi mãi về sau.

Vì các tư liệu sản xuất sinh vật có quan hệ mật thiết với nhau và với các điều kiện tự nhiên, cho nên trước khi bàn về nhiệm vụ của cách mạng khoa học — kỹ thuật trong lĩnh vực này, hãy đề cập đến *một số vấn đề từ một giác độ tương đối tổng hợp.*

Những *điều kiện thiên nhiên nhiệt đới* với những tiềm năng to lớn về các *nguồn tài nguyên thực vật và động vật đặc biệt phong phú và đa dạng* chính là những cơ sở tự nhiên vô cùng quý báu đối với sự phát triển của nền kinh tế nông nghiệp nhiệt đới nước ta.

Ngày nay, lần đầu tiên trong lịch sử của dân tộc, nhân dân lao động nước ta đã thật sự trở thành người làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ mọi nguồn tài nguyên của đất nước. *Vấn đề đặt ra cho chúng ta là: trên cơ sở tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phải kết hợp tri thức thông minh, tri thức khoa học với lao động cần cù và sáng tạo như thế nào để sử dụng tốt nhất các nguồn tài nguyên của đất nước, phát huy đến cao độ những thế mạnh của điều kiện thiên nhiên nhiệt đới, hạn chế đến mức thấp nhất các mặt bất lợi và khắc nghiệt, làm cho nền nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp của nước ta không ngừng phát triển với nhịp độ ngày càng nhanh, khối lượng sản phẩm ngày càng lớn, và đem lại ngày càng nhiều đặc sản có giá trị sử dụng và giá trị kinh tế cao.*

Điều kiện thuận lợi rất lớn mà cũng là nguồn tài nguyên vô tận của chúng ta là *năng lượng dồi dào do mặt trời đưa lại.* Trí thông minh và lao động sáng tạo của con người Việt-nam phải biểu hiện ở chỗ biết quý nguồn năng lượng ấy, biết sử dụng triệt để nguồn

Digitized by Google

năng lượng ấy vào mục tiêu phục vụ đời sống của con người. Ở đây, chúng ta cần nhấn mạnh vai trò cực kỳ quan trọng của các loài thực vật, của các loại cây trồng và nói chung là các loại cây xanh ở khắp mọi miền đất nước, kể cả các loại thực vật trong môi trường nước. Bởi vì, các loại cây xanh ấy là những sinh vật duy nhất có «khả năng vĩ đại hấp thu và tàng trữ nguồn năng lượng của mặt trời» (7) để biến các chất vô cơ thành các chất hữu cơ tạo nên nguồn thức ăn cơ bản cho con người và cho muôn loài sinh vật khác. Với ý nghĩa đó màu xanh là biểu hiện của sự sống. Giữ gìn và phát triển màu xanh của cây cối cũng tức là giữ gìn và phát triển sự sống.

Một điều kiện thuận lợi rất lớn nữa, mà cũng là nguồn tài nguyên vô giá của đất nước ta là *lượng mưa rất lớn do thiên nhiên nhiệt đới đưa lại.* Trí thông minh và lao động sáng tạo của con người Việt-nam phải biểu hiện ở chỗ biết quý nguồn nước thiên nhiên ấy, biết tạo nên một trữ lượng nước hết sức dồi dào gồm cả nước mặt và nước ngầm nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của kinh tế và của đời sống. Ở đây, lại cần phải nhấn mạnh một lần nữa đến vai trò có ý nghĩa quyết định của thảm thực vật các loại, từ các khu rừng, các thảm cỏ cho đến các thảm cây trồng trên mọi miền của đất nước. Rừng đầu nguồn, rừng nhiều tầng hay rừng nhiệt đới nói chung có vị trí rất quan trọng trong việc điều hòa khí hậu, điều tiết chu trình nước trong thiên nhiên, giữ độ ẩm cho đất đai, ngăn chặn gió bão, hạn chế xói mòn và lũ lụt. Các thảm thực vật ấy còn có tác dụng góp phần quan trọng làm cho bầu không khí trong lành, giữ vững cân bằng sinh thái, tạo nên một môi trường sinh sống có lợi cho sức khỏe của con người.

Có đất đai màu mỡ, có nhiều ánh nắng mặt trời, lại có nước dồi dào thì thực vật và động vật tồn tại và phát triển tốt. Chính vì vậy, mà đất nước ta từ thời xa xưa đã là nơi *bốn mùa cây cối xanh tươi, muôn giống muôn loài sinh sôi nảy nở.* Đất nước ta lại là nơi giao hội của nhiều luồng thực vật từ nhiều hướng chuyển đến. Trên nền thực vật nhiệt đới đặc biệt phong phú và đa dạng ấy, đã phát sinh và phát triển biết bao loài động vật khác nhau, từ các loài chim thú trên rừng cho đến các loài động vật ở môi trường nước. Đó là chưa nói đến các loài thực vật và động vật bậc thấp, các loài vi sinh vật ở khắp mọi nơi. *Các nguồn thực vật và động vật của nước ta* có đặc điểm nổi bật là gồm rất nhiều chủng loại, trong đó có những loại điển hình nhiệt đới, cũng có những loại thích hợp với khí hậu á nhiệt đới và ôn đới; nhìn chung, thì phần lớn đã sinh trưởng trong điều kiện thiên nhiên của nước ta, do đó nhiều loại có những đặc tính quý và có khả năng chống, chịu cao. Đây là một kho tàng thiên nhiên hết sức quý giá, bao gồm nhiều loài thực vật và động vật hiếm thấy ở các nơi, đòi hỏi chúng ta phải ra sức bảo vệ, phát triển để sử dụng tốt và bảo đảm sự tái sản xuất về lâu dài. Qua các thế hệ, nhân dân lao động nước ta đã biết sử dụng một phần những nguồn thực vật và động vật ấy để phát triển trồng trọt và chăn nuôi, đạt được những thành tựu lớn, phục vụ kinh tế, phục vụ đời sống. Ngày nay, trí thông minh và lao động sáng tạo của con người Việt-nam cần được phát huy đến một trình độ cao hơn nữa, biết sử dụng tốt hơn nữa những tiềm năng sinh vật rất lớn của đất nước nhằm tạo nên những bước phát triển mới trong sản xuất nông nghiệp lâm nghiệp và ngư nghiệp ở nước ta.

---

(7) V.I. Lê-nin—Tóm tắt những bức thư của C. Mác và F. Ăng-ghen gửi cho nhau trong những năm 1844 — 1883, trang 187, M. 1968 (Nga).

Digitized by Google

Các điều kiện thiên nhiên nhiệt đới đưa lại cho ta nhiều thuận lợi lớn, nhưng đồng thời cũng gây ra nhiều khó khăn cần phải khắc phục như bão lụt, hạn hán, thời tiết thay đổi thất thường... Đối với các nguồn tài nguyên thực vật, động vật cũng vậy; chúng ta cần thấy hết những tiềm năng to lớn và phong phú; đồng thời cũng phải thấy hết những mặt hạn chế. Cây cối tăng trưởng mạnh, gia súc gia cầm sinh sản nhanh thì các loài cỏ dại cũng phát triển, các loại sâu bệnh và dịch bệnh càng dễ phát sinh.

Cần nói thêm rằng, trong mấy chục năm qua, đế quốc Mỹ đã dùng chiến tranh hóa học để hủy diệt hàng triệu héc-ta rừng và đất đai trồng trọt của nước ta, gây tổn thất nặng nề cho nhiều loài thực vật và động vật. Chúng ta cần phải đi sâu nghiên cứu những tác hại của chất độc hóa học, đề ra những biện pháp có hiệu lực để kịp thời khắc phục những hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển các nguồn tài nguyên sinh vật của nước ta.

Như trên đã nói, nhân dân ta từ lâu đã biết chọn lọc và *thuần hóa nhiều loại thực vật để phát triển ngành trồng trọt*, nhất là trên các vùng châu thổ. Tuy nhiên, đứng về sự hiểu biết khoa học thì phải nói rằng, ngoài việc nghiên cứu các giống lúa, chúng ta chưa đi sâu vào tìm hiểu ngay cả những giống màu đã tồn tại trong dân gian. Chúng ta hiểu biết chưa nhiều lắm về cây sắn, cây ngô; ngay đến cây khoai lang ba tháng ở một số tỉnh miền Bắc, cây cao lương ở một số tỉnh miền Nam thì cũng gần đây mới được chú ý. Cây khoai tây đã nhập nội khá lâu, nhưng cũng mãi đến gần đây mới thấy khả năng phát triển rộng. Chúng ta đã có những công trình khoa học về một số cây công nghiệp như cao-su, chè, cà-phê nhưng còn nhiều loại cây công nghiệp khác, dài ngày và ngắn ngày, những cây có đường, có dầu, có sợi,... thì chúng ta cũng mới nghiên cứu sử dụng được phần nào. Nói đến tập đoàn các cây dược liệu rất phong phú và có những loại rất quý thì công tác nghiên cứu và đưa vào trồng trọt tuy có tiến bộ nhưng cũng chỉ mới ở bước đầu.

Từ khi vấn đề nhu cầu về lương thực, về nguyên liệu trở nên khẩn trương, nhân dân ta cùng với cán bộ khoa học kỹ thuật gần đây mới phát hiện ngày càng nhiều những chủng loại cây trồng, không những cho sản phẩm có giá trị, mà còn có thể phát triển trên nhiều loại đất, kể cả đất cát, đất chua mặn..., trên nhiều địa hình khác nhau, kể cả vùng đồi núi có độ dốc khá cao. Khoa học kỹ thuật cần phát huy tinh thần tích cực và sáng tạo để tìm hiểu đầy đủ hơn nữa, sâu sắc hơn nữa các chủng loại thực vật ở nước ta, kể cả các loại thực vật hoang dại. Ra sức phát hiện nhiều loại cây có khả năng cung cấp lương thực và thực phẩm cho con người, thức ăn cho chăn nuôi, nguyên liệu cho công nghiệp. Khoa học kỹ thuật lại phải đi sâu nghiên cứu quy luật sinh trưởng và phát triển của từng loại, của từng quần thể, phát hiện ra những loại có giá trị kinh tế, có khả năng cho năng suất cao, nghiên cứu và đề xuất những biện pháp sinh học có hiệu lực như cơ cấu cây trồng và mùa vụ, chế độ luân canh, xen canh nhằm quanh năm tận dụng ánh nắng của mặt trời, phát triển được trồng trọt trên mọi loại đất, làm ra một khối lượng của cải vật chất ngày càng dồi dào cho xã hội.

Nhân dân ta từ lâu đã biết chọn lọc và *thuần hóa nhiều loại động vật* như: lợn, gà, vịt, trâu, bò, dê, ngựa, v.v... để *phát triển ngành chăn nuôi*. Tuy nhiên, phải nói rằng, mãi cho đến nay ngành chăn nuôi vẫn chưa trở thành một ngành chính trong nông nghiệp. Chúng ta có thể

Digitized by Google

khẳng định rằng, đứng về tư liệu sinh vật cũng như về các điều kiện thiên nhiên khác mà nói thì ngành chăn nuôi ở nước ta có những tiềm năng to lớn. Bởi vì, không những chúng ta có sẵn một nguồn động vật phong phú, mà chúng ta lại có thế mạnh về chủng loại thực vật trong đó có rất nhiều loại có thể cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. Theo quy luật và kinh nghiệm phát triển của trồng trọt và chăn nuôi trong nền nông nghiệp của nhiều nước thì thế mạnh về thực vật, về thức ăn cho chăn nuôi thường tạo nên khả năng xây dựng một ngành chăn nuôi mạnh.

Khi đề cập đến quan hệ giữa trồng trọt và chăn nuôi, Ăng-ghen đã từng chỉ rõ: Trí thông minh của con người là ở chỗ, biết kết hợp chức năng tự nhiên tích lũy năng lượng của giới thực vật với chức năng sử dụng năng lượng của giới động vật. Ở đây, trí thông minh, trí thức khoa học và lao động sáng tạo của con người Việt-nam phải biểu hiện ở chỗ, vừa biết dựa vào nguồn tài nguyên thực vật nhiệt đới, chọn ra nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế để phát triển ngành trồng trọt, vừa biết dựa vào nguồn thức ăn mà nhiều loại thực vật có thể đưa lại để phát triển ngành chăn nuôi. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng, là vì chỉ có phát triển chăn nuôi mới có thể biến những nguồn thực vật có ít giá trị thành những sản phẩm có giá trị sử dụng và giá trị kinh tế cao. Qua chăn nuôi, đồng cỏ cho ta thịt, sữa, len; qua con tằm, lá dâu, lá sắn biến thành tơ lụa,... Chăn nuôi không những góp phần quan trọng giải quyết vấn đề thực phẩm, cung cấp những thức ăn có nhiều chất dinh dưỡng cho con người, cung cấp nhiều nguyên liệu cho công nghiệp, nhiều loại hàng xuất khẩu, mà còn cho một nguồn phân bón quan trọng không thể thiếu để nâng cao độ phì nhiêu của đất và năng suất của các loại cây trồng.

Khoa học — kỹ thuật phải tích cực và sáng tạo đi sâu nghiên cứu những loại cây trồng có thể làm thức ăn cho gia súc, từ việc chế biến tốt hơn những loại thức ăn hiện có cho đến việc phát hiện ra những nguồn thức ăn mới, kể cả trong các loại thực vật hoang dại ở rừng, các loại rong tảo ở biển. Đương nhiên, để phục vụ nhiệm vụ phát triển chăn nuôi thành ngành chính, khoa học — kỹ thuật lại phải cố gắng đi sâu nghiên cứu để phát hiện thêm và chọn lựa được các loại vật nuôi tốt trong nguồn động vật phong phú của ta.

Chúng ta còn có một nguồn tài nguyên sinh vật rất lớn nữa: đó là *các loại thực vật và động vật, các loại cây trồng và vật nuôi trong môi trường nước* — nước ngọt ở các sông ngòi, ao hồ; nước lợ ở các đầm phá, các cửa sông, các bãi triều, nhất là nước mặn ở vùng biển Đông với thềm lục địa rộng lớn. Hiện nay, việc khai thác nguồn tài nguyên này cũng mới ở bước đầu; sự hiểu biết khoa học của ta còn rất có hạn. Theo thống kê rất sơ bộ thì trong môi trường nước của ta có một thành phần sinh vật có thể tới hàng chục nghìn loài bao gồm các loại cá, tôm, cua, ốc, sò, và các động vật thủy sinh khác, các loại thực vật trong đó rong tảo chiếm một tỷ lệ lớn. Ngoài ra còn rất nhiều đặc sản có giá trị dinh dưỡng và giá trị kinh tế cao. Phát triển việc nuôi, trồng và khai thác các loại thực vật và động vật này là một phương hướng kinh tế có tầm quan trọng chiến lược. Ở đây không đi sâu vào các vấn đề trên, mà chỉ đề cập đến một vấn đề hết sức quan trọng là sự cần thiết phải mở rộng hoạt động sản xuất (trồng trọt và chăn nuôi) trong môi trường nước. Sắp tới, khoa học và kỹ thuật nhất thiết phải đặt vấn đề nghiên cứu các tài nguyên sinh

Digitized by Google

vật ở trong môi trường nước thành một trong những hướng chính.

Nói đến tài nguyên sinh vật, chúng ta không thể không nêu lên vai trò quan trọng của *các tập đoàn vi sinh vật*, của *các sinh vật bậc thấp* như nấm, men, tảo, *v.v...* Có tài liệu khoa học đã xác định là phần lớn các côn trùng và vi sinh vật là những loài có ích cho sản xuất nông nghiệp, cho sự duy trì cân bằng sinh thái trong thiên nhiên; nhưng cho tới nay người ta cũng chỉ mới nghiên cứu và hiểu biết được rất ít các loài đã thu thập được. Trên đất nước ta vi sinh vật và sinh vật bậc thấp có những chủng loại hết sức phong phú và có nhịp độ tăng trưởng rất nhanh trong điều kiện khí hậu nóng và ẩm. Khoa học kỹ thuật cần hết sức coi trọng việc nghiên cứu các quần thể vi sinh vật và sinh vật bậc thấp ở các vùng đất đai và khí hậu khác nhau nhằm phục vụ cho sự phát triển của trồng trọt và chăn nuôi. Nghiên cứu vi sinh vật và các sinh vật bậc thấp là một trong những hướng quan trọng của công tác khoa học — kỹ thuật trong tương lai, không những để phục vụ nông nghiệp mà còn để phục vụ các ngành kinh tế khác.

Như vậy, hiện nay, với nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phát triển nông nghiệp vượt bậc, thì trong lĩnh vực các tư liệu sản xuất sinh vật, *phương hướng của cách mạng khoa học — kỹ thuật là :*

Đẩy mạnh hơn nữa công tác điều tra cơ bản, tiến hành toàn diện và có trọng điểm việc điều tra nghiên cứu các điều kiện thiên nhiên và các nguồn tài nguyên cực kỳ phong phú về thực vật, động vật và vi sinh vật của nước ta; đi sâu phát hiện và nắm vững hơn nữa hệ thống các quy luật phát sinh và phát triển của các vật thể sống ấy; phát hiện và nắm vững hơn nữa hệ thống quy luật và mối quan hệ giữa các quần thể sinh vật với nhau cũng như về mối quan hệ giữa các quần thể ấy với các điều kiện tự nhiên của vùng nhiệt đới như đất đai, khí hậu và thời tiết, v.v... ở từng địa phương và trên phạm vi cả nước.

Trên cơ sở các tri thức khoa học ngày càng được mở rộng và nâng cao, cần đề ra cho được những phương hướng đúng đắn để khai thác, bảo vệ, sử dụng ngày càng tốt hơn, bảo đảm sự tái sinh không ngừng của các nguồn tài nguyên sinh vật ở nước ta, đi đôi với việc nhập một số giống cây trồng và vật nuôi cần thiết từ nước ngoài.

Xây dựng ngày càng tốt hơn các tập đoàn cây trồng và vật nuôi có năng suất sinh học, năng suất kinh tế cao và ổn định cũng như xác định các biện pháp sinh học và các biện pháp kỹ thuật cần thiết, thích hợp với từng cây trồng và vật nuôi, vừa bảo đảm các mục tiêu kinh tế, vừa phù hợp với sự phát triển hài hòa của các hệ sinh thái nông, lâm, ngư nghiệp và hệ sinh thái tự nhiên.

Tất cả những phương hướng nghiên cứu và áp dụng khoa học và kỹ thuật nói trên đều nhằm mục đích phục vụ tốt nhất cho công cuộc *xây dựng nền sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tiên tiến của nước ta trong từng vùng lãnh thổ cũng như trên phạm vi cả nước*. Đó cũng là những nội dung quan trọng của « *cách mạng sinh học* » trong nông nghiệp mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương đã nói đến.

★

Muốn đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật, muốn có được những phương hướng tác động ngày càng đúng đắn, chúng ta cần tìm hiểu cho được các quy luật của hệ sinh thái tự nhiên ở nước ta, từ rừng núi đến đồng bằng, từ đất liền đến vùng biển. Đó là cơ sở khoa học để tiến lên xây dựng nền nông nghiệp, lâm

Digitized by Google

nghiệp và ngư nghiệp có năng suất cao, đưa lại hiệu quả kinh tế lớn, đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế trong giai đoạn mới.

Xuất phát từ mục tiêu và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, từ những cơ sở khoa học tương đối phổ biến và hầu như đã được kết luận, chúng ta đi vào một vài vấn đề cụ thể: giống, cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Muốn tạo nên những biến đổi sâu sắc trong tư liệu sản xuất sinh vật, cách mạng khoa học — kỹ thuật phải coi trọng *vấn đề giống*. Bởi vì, có giống tốt mới có được cây trồng và vật nuôi có năng suất sinh học cao, năng suất kinh tế cao, tạo ra được nhiều sản phẩm.

Giống có đặc điểm tự nhiên là có khả năng tái sản xuất ra bản thân mình, tái sản xuất ra sự sống theo quy luật tiến hóa, quy luật di truyền và biến đổi. Trải qua chọn lọc tự nhiên và chọn lọc có ý thức của con người, người ta đã có được những loại giống ngày càng tốt lên, trong lúc đó cũng có những loại ngày càng thoái hóa. Bởi vậy, việc chọn giống, nhân giống và sản xuất giống, quản lý giống, tạo ra những giống mới ngày càng tốt hơn và ổn định hơn là những vấn đề phải được đặt ra trước tiên nhằm khai thác có hiệu quả các tư liệu sản xuất sinh vật và các nguồn tài nguyên sinh vật.

Trong công tác chọn giống và tạo giống tốt, về cây trồng chúng ta đã coi trọng các giống lúa; còn đối với các loại màu thì việc nghiên cứu chỉ mới bắt đầu, chúng ta cần phải chú ý nhiều hơn nữa. Về vật nuôi, công tác giống chỉ mới tập trung vào các giống lợn, còn đối với các giống gia súc, gia cầm khác, các loại thủy sản và hải sản thì chúng ta còn phải đi sâu nghiên cứu thêm. Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp hiện nay và sau này, công tác giống phải củng cố và phát huy những kinh nghiệm và thành tựu đã có và khắc phục những nhược điểm còn tồn tại như việc quản lý và sử dụng giống còn thiếu chặt chẽ, nhiều loại giống chưa được nghiên cứu, năng suất các loại giống nói chung còn thấp...

Một loại giống tốt, trước hết phải cho năng suất cao. Chúng ta đã đi theo phương hướng ấy, như vậy là đúng. Nhưng một giống tốt lại phải có năng suất ổn định. Muốn có được năng suất ổn định thì cần phải nghiên cứu và tạo nên những loại giống có khả năng chống chịu đối với điều kiện ngoại cảnh của thiên nhiên nhiệt đới, chống chịu tốt với sâu bệnh và dịch bệnh, lại thích hợp với các nguồn thức ăn dễ giải quyết ở nước ta (đối với vật nuôi). Một giống tốt lại cần phải có chất lượng tốt, có hàm lượng cao về các chất mong muốn như hàm lượng đường, bột và đạm trong các cây lương thực, thực phẩm, chiều dài của sợi trong các cây có sợi, thành phần hóa học của dầu trong các cây có dầu...

Trên đất nước ta, sẵn có rất nhiều loại giống cây trồng và vật nuôi, trải qua hàng nghìn năm được thử thách đã trở nên thích ứng với điều kiện sinh thái cụ thể của từng địa phương, từng vùng. Chúng ta cần coi trọng và bảo vệ các loại giống trong nước, các giống đặc sản địa phương, kể cả các loại giống hoang dại hiếm và quý; cần đi sâu nghiên cứu và giữ lấy những «bộ gien» quý của các giống ấy để làm nền cho việc lai tạo các giống mới về sau. Chúng ta đã có một số điển hình thành công về bồi dưỡng các giống địa phương trở thành giống tốt, vừa có chất lượng tốt hơn, vừa thích hợp với điều kiện thiên nhiên nước ta. Cần tạo nên những giống cây trồng, giống vật nuôi có thể phát triển tốt trên các vùng đồi núi, cao nguyên và trên các vùng đất đai đặc biệt khác.

Digitized by Google

Chúng ta lại phải coi trọng việc nhập nội các loại giống tốt. Ở các nước, đã từng có những loại giống từ ngoài đưa vào, thích ứng rất nhanh chóng với môi trường và phát triển rất tốt; cây khoai tây ở các nước châu Âu là một ví dụ. Chúng ta đã thành công trong việc nhập nội và thuần hóa một số giống cây và vật nuôi. Trong khi tiếp tục nhập nội một cách có chọn lọc, cần chú ý đến những giống có năng suất cao ở những nước có điều kiện khí hậu, thời tiết tương tự với ta, đặc biệt là các loại hình sinh vật nhiệt đới để dễ thích ứng và dễ lai tạo với các giống ở nước ta.

Một vấn đề hết sức quan trọng là phải chỉ đạo tốt việc sử dụng giống, kể cả các giống mới được tạo ra hoặc nhập từ nước ngoài. Các giống đó cần được kiểm tra về năng suất, chất lượng và mọi đặc tính khác để có được những kết luận khoa học do các cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Đối với mỗi loại giống, cũng cần xác định những biện pháp và quy trình kỹ thuật thích hợp; cần quản lý và theo dõi chặt chẽ để ngăn ngừa các hiện tượng lẫn giống, thoái hóa giống. Cần hết sức chú trọng xây dựng các trạm, trại thí nghiệm về giống, các vườn ươm, các trại giống vật nuôi và các cơ sở nhân giống nhằm bảo đảm giống tốt và cung cấp đủ cho sản xuất.

Chính vì vậy mà Nghị quyết của Trung ương đã nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng cho được « hệ thống giống quốc gia từ trung ương cho tới cơ sở », lại chỉ rõ nhiệm vụ của « Nhà nước phải chỉ đạo công tác giống, kết luận các loại giống thích hợp cho từng vùng ». Các cơ quan khoa học, các địa phương phải ra sức phấn đấu thực hiện cho kỳ được.

Cách mạng khoa học — kỹ thuật không những phải tác động vào từng loại giống cây trồng và vật nuôi mà còn phải tác động vào toàn bộ *cơ cấu sản xuất nông nghiệp của từng vùng và trên cả nước*. Đây là một phương hướng có ý nghĩa quan trọng; bởi vì, với các loại giống cây trồng và vật nuôi tốt, chỉ có bố trí thành cơ cấu thích hợp thì mới tạo nên được những biến đổi sâu sắc và rộng lớn trong toàn bộ nền nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp của nước ta. Trong việc hình thành và tạo nên cơ cấu trồng trọt và chăn nuôi tối ưu, cách mạng khoa học — kỹ thuật phải xuất phát từ mục tiêu kinh tế, từ nhiệm vụ phát triển một nền nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đồng thời phải xuất phát từ những thế mạnh về tài nguyên và điều kiện thiên nhiên nhiệt đới của ta.

Chúng ta đều biết, trong quá trình phát triển nông nghiệp của nhiều nước tư bản chủ nghĩa trên thế giới, đã từng diễn ra cuộc cách mạng về cơ cấu trồng trọt ở Tây Âu, một sự kiện mà nhiều nhà kinh tế học đã từng gọi là « cuộc cách mạng về thức ăn gia súc ». Những thay đổi trong chế độ canh tác lúc bấy giờ mà đặc điểm là coi trọng hơn trước việc phát triển các loại cây làm thức ăn cho gia súc trong chế độ luân canh, đã tạo ra những tiền đề để tăng nhanh năng suất lúa mì, phát triển mạnh mẽ ngành chăn nuôi, tăng nhanh sản lượng về thịt, sữa và len... Sự kiện ấy không những đã đáp ứng những yêu cầu cần thiết của sự phát triển nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa mà còn tạo điều kiện cho sự phát triển của nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa. Gần đây, những thay đổi trong cơ cấu cây trồng ở Liên-xô và các nước Đông Âu, mà đặc điểm nổi bật là tỷ lệ diện tích các loại cây thức ăn cho chăn nuôi tăng lên rõ rệt, cũng đã đánh dấu những bước phát triển mới của nông nghiệp ở các nước này.

Ở nước ta, có một sự chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu cây trồng và

Digitized by Google

chỉ có một sự chuyển biến mạnh mẽ như vậy, bắt đầu ở từng địa phương, từng vùng, rồi mở rộng ra cả nước, mới khắc phục được tình hình trồng trọt phần lớn tập trung vào các cây lương thực ở các vùng đất châu thổ như hiện nay, còn các loại hoa màu, các cây công nghiệp thì bị coi nhẹ, các loại đất cao, đất dốc thì chưa được sử dụng tốt; mới hình thành được một cơ cấu cây trồng phong phú và đa dạng được phân bố hợp lý ở đồng bằng, ở miền núi cũng như ở ven biển.

Sự chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu cây trồng ấy là một tiền đề có ý nghĩa quyết định để tạo nên một sự chuyển biến sâu rộng trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp nói chung với ngành chăn nuôi trở thành ngành chính; đồng thời, để phát triển mạnh các ngành lâm nghiệp, ngư nghiệp. Chúng ta càng có điều kiện để mở rộng các vùng chuyên canh về lúa, về màu, về cây công nghiệp, các vùng chăn nuôi lớn. Như vậy, vấn đề lương thực thực phẩm càng có nhiều khả năng mới để giải quyết các nguyên liệu cho công nghiệp cũng như các nguồn hàng xuất khẩu nhất định cũng sẽ nhanh chóng tăng lên.

Một vấn đề rất cơ bản, trong điều kiện khí hậu nhiệt đới của nước ta là vấn đề giữ gìn, bồi dưỡng và tăng thêm độ phì nhiêu của đất đai. Ở đây, các biện pháp sinh học có một tầm quan trọng rất lớn. Phát triển chăn nuôi sẽ cung cấp một lượng phân bón hữu cơ ngày càng nhiều. Phải nhanh chóng xác định và phổ biến các loại cây phân xanh, các loại cây họ đậu, bèo hoa dâu, các loại cây có tác dụng giữ độ ẩm cho đất. Để bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe của con người, bảo vệ tốt các cây trồng và vật nuôi, khoa học và kỹ thuật cần nhanh chóng nghiên cứu và phổ biến các biện pháp sinh học để diệt trừ sâu bệnh, dịch bệnh, kết hợp với việc sử dụng các thuốc hóa học một cách hợp lý.

Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới của nước ta, không những trong giai đoạn công nghiệp mới bước đầu phát triển mà cả về sau nữa, chúng ta cần biết vận dụng một cách có hiệu quả hàng loạt biện pháp sinh học. Ngay trong điều kiện cơ sở vật chất và kỹ thuật chưa được đầy đủ lắm, các biện pháp sinh học có thể kết hợp với các biện pháp công nghiệp hiện còn hạn chế để tạo ra những bước tiến bộ nhảy vọt trong sản xuất, như tình hình nông nghiệp của một số nước và những kinh nghiệm bước đầu mới đây của chúng ta đã chứng minh khá cụ thể. Với cơ sở vật chất và kỹ thuật được tăng cường mà nền công nghiệp cơ khí lớn sẽ cho phép xây dựng trong tương lai, các biện pháp sinh học càng có thêm giá trị và có thể đem lại những hiệu quả gấp bội.

4 — CÁCH MẠNG KHOA HỌC — KỸ THUẬT VỚI CÔNG CỤ LAO ĐỘNG VÀ CÁC TƯ LIỆU LAO ĐỘNG KHÁC

Công cụ lao động và các tư liệu lao động khác do công nghiệp cung cấp là một yếu tố cực kỳ quan trọng của lực lượng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp ngư nghiệp. Quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp luôn luôn gắn liền với sự phát triển của tư liệu lao động, mà trước hết là của công cụ sản xuất. Do những nguyên nhân về lịch sử, kinh tế, xã hội trình độ

Digitized by Google

phát triển sản xuất nông nghiệp của các nước nói chung thường là lạc hậu rất nhiều so với sản xuất công nghiệp. Ở nước ta, tuy công nghiệp mới có những cơ sở ban đầu, nhưng sự tác động của công nghiệp đối với nông nghiệp và nói rộng ra là đối với cả lâm nghiệp, ngư nghiệp để tạo ra những cơ sở vật chất — kỹ thuật cần thiết là một tất yếu khách quan, là một vấn đề hết sức cấp bách.

Xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật trong nông nghiệp chính là nhằm đưa nền sản xuất nhỏ, lao động chủ yếu còn là thủ công, lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ngày càng hiện đại, từng bước nâng cao năng suất lao động, làm cho sản phẩm nông nghiệp ngày càng dồi dào, chất lượng sản phẩm ngày càng cao, giá thành sản phẩm ngày càng hạ. Muốn vậy, ở nước ta, dựa vào sự chi viện tuy còn có hạn nhưng sẽ ngày một tăng của công nghiệp, dựa vào khả năng của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, nông nghiệp phải tiến hành thủy lợi hóa, cơ khí hóa, điện khí hóa, hóa học hóa và xây dựng các cơ sở vật chất — kỹ thuật khác, mà trong đó, như các nghị quyết của Đảng đã chỉ rõ, phải nắm vững thủy lợi là biện pháp quan trọng hàng đầu và cơ khí hóa là khâu trung tâm. Có làm được như vậy, chúng ta mới đưa nền sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp nước ta phát triển lên một bước mới với những công cụ có trình độ kỹ thuật ngày càng cao, với những phương pháp sản xuất ngày càng hiện đại.

Trong quá trình phát triển, công cụ lao động đã tạo ra những tiến bộ lớn trong nông nghiệp nước ta qua các thời kỳ lịch sử. Nhân dân lao động nước ta đã sáng tạo ra các loại công cụ khá phong phú và không ngừng cải tiến cho phù hợp với từng loại lao động, từng vùng đất đai, từng khâu canh tác... Tuy nhiên, sự phát triển đó cũng không đồng đều, trong khi ở vùng châu thổ, công cụ ngày một cải tiến với nhiều kiểu, nhiều loại, thì ở rừng núi có nơi đồng bào các dân tộc vẫn chỉ sử dụng có một công cụ chủ yếu là con dao và còn canh tác với những công cụ nguyên thủy. Cùng với sự phát triển về công cụ, người lao động Việt-nam đã sớm thuần dưỡng con trâu để làm sức kéo cho nghề làm lúa nước, thuần hóa con voi làm sức kéo cho nghề rừng... Trong suốt cả một thời gian dài của lịch sử cho đến Cách mạng tháng Tám, những công cụ thủ công đó về cơ bản không có gì thay đổi lớn, cơ sở vật chất — kỹ thuật trong nông nghiệp vẫn ở trong tình trạng hết sức lạc hậu.

Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, ở miền Bắc, cùng với việc xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trong nông thôn đã xây dựng được một số cơ sở vật chất — kỹ thuật ban đầu như các hệ thống thủy lợi, các trạm máy kéo nông nghiệp, một số mạng lưới điện, phân bón, cơ sở chuồng trại... Ở miền Nam, với chính sách thực dân mới, đế quốc Mỹ đã đưa vào một số máy móc, phân bón và những phương tiện kỹ thuật khác để xây dựng một nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa hoàn toàn phụ thuộc vào chúng. Tuy nhiên, nhìn chung, cơ sở vật chất — kỹ thuật của nông nghiệp nước ta hiện nay vẫn còn ở trong tình trạng nhỏ bé, thiếu thốn, hiệu quả sử dụng còn thấp, nhất là về công cụ sản xuất.

Bước vào giai đoạn mới, với nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, *cách mạng khoa học — kỹ thuật phải bằng mọi cách phát huy những khả năng hiện có, thực hiện tốt các nhiệm vụ do Đảng đề ra về thủy lợi hóa, cơ khí hóa, hóa học hóa, điện khí hóa, v.v... nhằm góp phần thực hiện yêu cầu cơ bản và cấp bách là xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở nông thôn nước ta*

Digitized by Google

« Trong cách mạng khoa học – kỹ thuật, cần nắm vững khâu trung tâm là cơ khí hóa » (8). *Cơ khí hóa* chính là quá trình thay thế lao động thủ công với công cụ đơn giản bằng lao động sử dụng máy móc nhằm nâng cao không ngừng năng suất lao động. Đây là một vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi vì nhân tố quyết định thắng lợi của quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa chính là năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm tốt, hiệu quả kinh tế lớn.

Là quá trình từng bước hiện đại hóa công cụ sản xuất, cơ khí hóa ở đây không chỉ giới hạn ở khâu làm đất và thu hoạch, mà bao gồm cả các khâu sản xuất khác như chăm bón, chế biến...; không chỉ giới hạn ở ngành trồng trọt mà bao gồm cả các ngành khác như chăn nuôi, thủy lợi, giao thông, xây dựng cơ bản, đánh bắt hải sản, khai thác lâm sản...; từ cơ khí hóa từng phần tiến lên cơ khí hóa toàn bộ, tiến tới từng bước tự động hóa các hoạt động sản xuất trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp của ta.

Do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp là tiến hành trên một không gian rộng lớn, gắn liền với đất đai, sinh vật, các quá trình sinh học diễn ra trong các cơ thể sống và mang tính thời vụ chặt chẽ, cho nên cơ khí hóa trong nông nghiệp không những là để tăng năng suất lao động mà còn là để tạo điều kiện áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến nhằm tăng năng suất cây trồng và vật nuôi. Bởi vậy các máy móc, các công cụ sản xuất không những có tác dụng giảm nhẹ sức lao động của con người, mà trong khi tác động vào các đối tượng, còn phải tạo nên những điều kiện tốt nhất cho việc thực hiện các quá trình sinh học xảy ra trong đất, trong cây trồng, vật nuôi. Muốn vậy, một điều đòi hỏi không thể thiếu là các máy móc, các công cụ sản xuất phải thích hợp với từng cây trồng, vật nuôi, với kỹ thuật canh tác của ta, với đất đai và khí hậu của từng vùng lãnh thổ.

Chúng ta tiến hành cơ khí hóa trong điều kiện nước ta còn thiếu một nền công nghiệp nặng đủ sức chi viện cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Lực lượng công nghiệp cơ khí của ta hiện mới có những cơ sở ban đầu. Ở miền Bắc, trước đây, ngay trong hoàn cảnh có chiến tranh, do yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, chúng ta đã nhập một số phương tiện và máy móc, bước đầu xây dựng mạng lưới cơ khí ở nông thôn. Tỷ lệ làm đất bằng máy hiện chiếm trên 10% diện tích gieo trồng; trong thủy lợi công suất các trạm bơm và máy bơm có khả năng bảo đảm tưới nước cho 80 vạn héc-ta ruộng hai vụ lúa. Ở miền Nam, các máy móc dùng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp số lượng khá nhiều, nhưng vì nhập từ trên 10 nước tư bản chủ nghĩa, cho nên gồm rất nhiều kiểu, nhiều loại, riêng máy kéo đã có trên 55 loại, trên 200 kiểu, làm cho việc thay thế phụ tùng gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, chúng ta đã bước đầu sản xuất các máy móc nông nghiệp, hết sức coi trọng việc sản xuất phụ tùng thay thế, nhưng về số lượng cũng như về chất lượng còn phải cố gắng rất nhiều mới đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.

Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong nông nghiệp cũng như trong nền kinh tế quốc dân nói chung, vấn đề là cần có những *bước đi* tốt nhất, khoa học nhất, không những phù hợp với tình hình trước mắt, mà còn đáp ứng được phương hướng phát triển cơ bản về lâu dài. Chúng ta phải *kết hợp một cách phổ biến các công cụ thô sơ, công cụ cải tiến với công cụ nửa hiện đại và hiện đại, lấy công cụ hiện đại làm phương hướng chính để tiến lên*; kết hợp lao động thủ

(8) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976.

Digitized by Google

công với lao động nửa cơ khí và cơ khí, lấy lao động cơ khí làm phương hướng chính. Đồng thời *đi thẳng vào cơ khí hiện đại ở những khâu quan trọng và những nơi có điều kiện* như các khâu làm đất, thủy lợi, khai hoang, vận chuyển, chế biến..., đặc biệt là ở các vùng chuyên canh lớn.

Với những bước đi như vậy, nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nước ta sẽ hình thành dần trên cơ sở phát huy tinh ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, phát huy thế mạnh của cả nước để xây dựng *những cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại có quy mô to*. Đồng thời chúng ta phải biết sử dụng thế mạnh về lao động và tài nguyên ở các địa phương để xây dựng *những cơ sở vật chất – kỹ thuật với những quy mô to, vừa và nhỏ*. Các quy mô ấy cần được kết hợp chặt chẽ với nhau theo những quy hoạch có căn cứ khoa học, trong một hệ thống thống nhất theo hướng tích cực xây dựng những quy mô to, lấy quy mô to làm nòng cốt, do đó mà tạo nên hiệu quả kinh tế lớn nhất.

Trong khi phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp dù ở trình độ kỹ thuật nào, với những tổ chức kinh tế quy mô nào, khoa học và kỹ thuật đều phải luôn luôn quan tâm và *coi trọng giá trị sử dụng của các sản phẩm* làm ra nhằm thỏa mãn tốt những nhu cầu của nhân dân lao động. Hiện nay, các sản phẩm làm ra còn chưa được bảo quản tốt, vận chuyển chưa kịp thời, cho nên bị hư hỏng khá nhiều ; phần lớn lại chưa qua chế biến cho nên chất lượng còn thấp. Chúng ta cần phải biết vận dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật, tăng cường các phương tiện và thiết bị cần thiết, bằng mọi cách làm cho sản phẩm có giá trị sử dụng ngày càng lớn, có chất lượng ngày càng cao, bảo đảm tốt nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Trên bước đường tiến lên với sự chi viện còn hạn chế của công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp nước ta phải biết phát huy thế mạnh của mình về nguồn sản phẩm nhiệt đới dồi dào để phục vụ mục tiêu xuất khẩu. Đây là một phương hướng hết sức quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, thông qua *xuất khẩu sản phẩm nhiệt đới để tự trang bị một phần kỹ thuật mới* và đóng góp được nhiều cho sự nghiệp công nghiệp hóa.

Để thực hiện những bước đi như trên đã nói, trước mắt *ngành cơ khí* cần tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật, thực hiện một số biện pháp cần thiết nhằm phục vụ tốt hơn nữa cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp ở nước ta.

Một là, phải tập trung giải quyết tốt vấn đề công cụ, nhằm góp phần phát huy thế mạnh của chúng ta hiện nay là lực lượng lao động nông nghiệp dồi dào, tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp. Trong tình hình hiện nay, lao động phần lớn còn là thủ công thì vấn đề *số lượng và chất lượng công cụ thường và công cụ cải tiến* là một vấn đề cấp thiết. Cần phải bảo đảm đầy đủ dụng cụ cầm tay thật tốt cho các ngành, trước hết là cho lao động làm thủy lợi, khai hoang, làm đất, vận chuyển, thu hoạch, chế biến. Nhu cầu mỗi năm hàng chục triệu công cụ lao động phổ thông phải được đáp ứng.

Hai là, để đánh giá trình độ tiến bộ trong cơ khí hóa, một tiêu chuẩn là số lượng máy đã được trang bị, nhưng còn một tiêu chuẩn quan trọng nữa mà chúng ta nhất thiết phải chú ý đến là *hiệu suất sử dụng máy móc, hiệu quả kinh tế trong sản xuất*. Hiện nay, ở nhiều địa phương việc sử dụng các máy móc nông nghiệp đã đem lại kết quả rõ rệt như giải quyết được vấn đề lao động khẩn trương, mở ra khả năng làm nhiều mùa, vụ, nhưng nhìn chung thì hiệu suất sử dụng máy móc còn thấp và quản lý còn kém. Theo báo cáo của Bộ nông nghiệp thì

Digitized by Google

tỷ lệ máy được sử dụng còn thấp, hiệu suất sử dụng lại càng thấp, thậm chí có nơi chỉ mới sử dụng khoảng 25% công suất những máy móc hiện có. Chúng ta không thể để tình trạng ấy kéo dài; số lượng máy móc còn có hạn thì chúng ta càng phải sử dụng cho thật tốt, phải nâng hiệu suất sử dụng máy móc lên đến 40 – 50%, rồi đến 60 — 70%. Nếu làm được như vậy, thì hiệu quả cũng đã tương đương với hiệu quả sử dụng thêm hàng vạn máy mới theo mức công suất như hiện nay; không những thế, điều rất quan trọng nữa là tạo nên cơ sở tốt để phát triển cơ khí hóa, để sử dụng tốt các máy móc mới sẽ được đưa vào sản xuất.

Để nâng cao hiệu suất sử dụng máy, một vấn đề quan trọng đòi hỏi chúng ta phải tập trung giải quyết là vấn đề phụ tùng thay thế. Hiện nay, phổ biến là tình trạng mất cân đối giữa máy móc hiện có và phụ tùng thay thế, giữa cơ khí chế tạo và cơ khí sửa chữa. Ở Liên-xô, trong chi phí cho cơ khí hóa thì chi phí để sắm máy mới chỉ chiếm 25%, còn chi phí cho bảo dưỡng sửa chữa chiếm 75%, trong đó chi phí cho phụ tùng chiếm một nửa; đó là trong điều kiện của một nước đã sử dụng tốt các máy móc, thiết bị và có cơ sở công nghiệp mạnh để bảo đảm kỹ thuật tốt. Ở nước ta, máy móc nông nghiệp hoạt động trong điều kiện khí hậu nhiệt đới, lại sử dụng, bảo quản chưa tốt, cho nên hư hỏng rất nhanh. Do đó, trước mắt, chúng ta phải đặt vấn đề phụ tùng thay thế lên hàng đầu và tập trung giải quyết cho bằng được.

Đồng thời, chúng ta cần đẩy mạnh việc đào tạo công nhân lái máy và sửa chữa cũng như cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý.

Ba là, vấn đề tạo nên những *điển hình tiên tiến ở những địa bàn trọng điểm cơ khí hóa* để góp phần đẩy mạnh cơ khí hóa trong mọi hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Hiện nay, đi đôi với việc kết hợp lao động thủ công với lao động máy móc một cách phổ biến, chúng ta đang dẫy mạnh cơ khí hóa ở một số nông trường, lâm trường, xí nghiệp đánh cá quốc doanh, ở một số vùng chuyên canh, một số huyện trọng điểm. Chúng ta phải đầu tư khoa học và kỹ thuật, kết hợp với cải tiến quản lý, thực hiện thật tốt việc cơ khí hóa ở những trọng điểm ấy để rút kinh nghiệm và thúc đẩy quá trình cơ khí hóa nói chung.

Muốn làm được như vậy, khoa học và kỹ thuật phải nghiên cứu cụ thể và góp phần chuẩn bị tốt kế hoạch thực hiện cơ khí hóa, từ việc chọn địa bàn đến việc tạo ra những điều kiện vật chất – kỹ thuật đồng bộ, bố trí cán bộ và công nhân kỹ thuật, vật tư và phụ tùng thay thế... Đưa vào nơi nào, đưa vào những khâu nào, làm thế nào để bảo đảm chế độ sử dụng, quy tắc bảo quản, phát huy hết công suất máy móc, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế – đây cũng là những vấn đề có quan hệ đến việc tăng hiệu suất của máy móc, tăng năng suất lao động. Hiện nay, có những trọng điểm thực hiện cơ khí hóa tương đối tốt, nhưng cũng có những nơi do việc chuẩn bị không đầy đủ, máy móc và thiết bị không đồng bộ, nhiều điều kiện khác còn thiếu, cho nên đưa máy vào mà không phát huy được hiệu quả của máy. Cần nhanh chóng rút ra những kinh nghiệm cần thiết để thực hiện tốt việc cơ khí hóa không những ở các trọng điểm mà cả ở trên các địa bàn khác nữa.

Bốn là, ngay trong giai đoạn hiện nay, trong khi còn sử dụng tương đối phổ biến lao động thủ công kết hợp với cơ khí hóa từng khâu, từng bộ phận, chúng ta cần có *kế hoạch chuẩn bị về mọi mặt để tiến lên thực hiện cơ khí hóa ở trình độ cao trong các hoạt*

Digitized by Google

động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

Nền nông nghiệp của nước ta có những đặc điểm về đất đai, khí hậu, về trồng trọt, về chăn nuôi. Những đặc điểm đó đòi hỏi một hệ thống máy móc thật thích hợp mới phát huy được hiệu quả trong sản xuất. Đó là nói chung. Đi vào từng vùng lãnh thổ khác nhau như đồng bằng, rừng núi, cao nguyên..., chúng ta cũng cần có những máy móc thiết bị kỹ thuật thích hợp, khác nhau về công suất, về tính vận hành, về các tính năng khác.

Vì vậy, trong khi ta còn nhập phần lớn máy móc từ nước ngoài thì khoa học và kỹ thuật cần phải coi trọng việc lựa chọn những kiểu máy móc phù hợp với điều kiện canh tác của từng địa bàn của đất nước, coi trọng việc cải tiến những bộ phận cần thiết để có thể làm cho máy móc thích ứng hơn với yêu cầu của sản xuất. Đồng thời, chúng ta phải nêu cao tinh thần tự lực tự cường, tập trung cao độ mọi khả năng hiện có của các ngành công nghiệp, nhất là ngành cơ khí để phục vụ cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Đi đôi với việc củng cố và mở rộng các xí nghiệp chế tạo máy nông nghiệp hiện có, xây dựng những xí nghiệp mới quy mô ngày càng lớn, xây dựng các xí nghiệp sửa chữa lớn, chế tạo và phục hồi các phụ tùng thay thế ở trung ương, chúng ta cần nhanh chóng xây dựng một mạng lưới xưởng cơ khí đến tận cấp huyện, cho đến các đơn vị sản xuất cơ sở để sản xuất và sửa chữa các công cụ thường và cải tiến, để bảo dưỡng và sửa chữa các công cụ cơ khí.

Khoa học và kỹ thuật còn phải góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị mọi mặt các địa bàn sẽ được cơ khí hóa như quy hoạch sản xuất, xây dựng công trình thủy lợi, cải tạo đồng ruộng, mở mang hệ thống giao thông, bố trí lại các khu dân cư... Cần có kế hoạch hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi thêm một bước nhằm đáp ứng yêu cầu của sản xuất lớn cơ khí hóa.

Những công việc chuẩn bị ấy cần được tiến hành đồng bộ và có kế hoạch, song song với quá trình thực hiện công nghiệp hóa nền kinh tế quốc dân. Chúng ta cần tiến tới từng bước xây dựng một nền công nghiệp cơ khí mạnh, đủ sức để trang bị lại các ngành kinh tế trên cơ sở kỹ thuật hiện đại, cung cấp cho nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp những *hệ thống máy móc và phương tiện cần thiết ngày càng hiện đại* và phù hợp với điều kiện cụ thể của hoạt động sản xuất ở nước ta.

Cơ khí hóa luôn luôn gắn liền với *điện khí hóa*. Bởi vì năng lượng điện là cơ sở của việc cơ khí hóa lao động trong một số ngành sản xuất nông nghiệp như thủy lợi, chế biến, chăn nuôi... và tạo điều kiện để đưa nền sản xuất nông nghiệp lên một trình độ kỹ thuật mới. Cơ khí hóa cùng với điện khí hóa sẽ góp phần quan trọng hình thành từng bước ở nông thôn nước ta những đơn vị kinh tế nông – công nghiệp hiện đại ở cấp huyện, đồng thời góp phần tạo nên ở đây một đời sống văn hóa và tinh thần ngày càng cao, dần dần xóa bỏ sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị. Do vai trò quan trọng của điện khí hóa, khoa học và kỹ thuật ngay từ bây giờ cần tích cực tham gia xây dựng *kế hoạch điện khí hóa toàn bộ nông thôn* nước ta.

Điện năng là nguồn động lực chủ yếu của các xưởng cơ khí, xưởng chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản, trạm bơm và các trại chăn nuôi tập trung quy mô ngày càng lớn, đang dần dần mọc lên trên địa bàn tỉnh và huyện. Do đó khoa học và kỹ thuật phải góp phần làm cho điện đi trước một bước, từ việc quy hoạch mạng lưới điện phục vụ nông nghiệp, thiết kế, thi công đến việc chuẩn bị

Digitized by Google

công nhân kỹ thuật để vận hành, sử dụng, chăm sóc trang bị và thiết bị điện và mạng lưới điện. Việc cung cấp điện năng kịp thời và có chất lượng phục vụ cho chống hạn, tiêu úng phải được coi là công tác cấp thiết trước mắt để phục vụ cho nông nghiệp.

Trong quá trình điện khí hóa đất nước, lưới điện chung sẽ phát triển mạnh mẽ, nhưng chưa thể một lúc mà thỏa mãn được các nhu cầu về điện của nông nghiệp, do đó cần phải tận dụng tiềm năng của từng vùng, từng địa phương để sản xuất ra điện năng. Đất nước ta có nguồn thủy năng rất lớn, cần tận dụng để tạo ra điện năng phục vụ cho sản xuất và đời sống. Bên cạnh những công trình thủy điện lớn do Nhà nước tập trung đầu tư, chúng ta cần coi trọng việc xây dựng các trạm thủy điện nhỏ và vừa là những công trình thích hợp với khả năng của từng địa phương. Với sức lao động tại chỗ, nguyên liệu, vật liệu địa phương, với các trang bị, thiết bị mà nền công nghiệp nước ta có thể tự thiết kế và chế tạo, với vốn đầu tư không lớn, chúng ta có thể tạo ra nguồn điện năng làm cơ sở cho việc xây dựng các đơn vị kinh tế nông — lâm — công nghiệp và một cuộc sống văn hóa và tinh thần ngày càng cao ở các huyện trung du, miền núi, kể cả những vùng xa xôi hẻo lánh của Tổ quốc.

Khoa học và kỹ thuật cần sớm triển khai nghiên cứu việc sử dụng các nguồn năng lượng khác, như khí mê-tan, năng lượng mặt trời, năng lượng của gió phục vụ nông nghiệp.

Về *thủy lợi hóa*, ở các phần trên đã nói về vấn đề nước, ở đây chỉ đề cập đến công tác thủy lợi.

Tiến hành thủy lợi hóa là một yêu cầu cấp bách mà ta có thể thực hiện được bằng lực lượng lao động thủ công được tổ chức lại với quy mô thích hợp, kể cả quy mô lớn và tương đối lớn. Cho nên, trong khi phải luôn luôn quán triệt cơ khí hóa là khâu trung tâm trong cách mạng khoa học — kỹ thuật, «trong điều kiện nông nghiệp chưa cơ giới hóa thì thủy lợi là biện pháp quan trọng nhất để phát triển sản xuất nông nghiệp» (9).

Chúng ta đã và đang xây dựng những hệ thống thủy lợi lớn, vừa và nhỏ ở những vùng đồng bằng và trung du. Ngày nay, với nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, đi đôi với vấn đề mở rộng diện tích canh tác trên quy mô lớn, một vấn đề đặt ra đòi hỏi khoa học và kỹ thuật phải nghiên cứu và giải quyết là tiến hành thủy lợi hóa như thế nào ở các vùng khác nhau của đất nước. Kỹ thuật làm đập nước trên nền đất ba-dan, khai thác nguồn nước ngầm ở vùng cao nguyên như thế nào? Phát triển thủy lợi ở miền núi và nói chung là ở các vùng đất đai có độ dốc lớn như thế nào?... Khoa học và kỹ thuật cần đi sát yêu cầu của thực tiễn sản xuất, giải quyết những vấn đề cấp thiết của thủy lợi hóa do thực tiễn sản xuất đặt ra. Có như vậy, trên bước đường tiến lên chúng ta mới xây dựng được một hệ thống các công trình thủy lợi với các quy mô lớn, vừa và nhỏ kết hợp với nhau một cách hợp lý trong một quy hoạch chung, bằng sức mạnh của toàn dân, với mọi phương tiện từ thô sơ đến hiện đại, với mọi loại vật liệu, từ các vật liệu địa phương đến các vật tư kỹ thuật do Nhà nước cung cấp.

Một điều rất quan trọng là muốn giải quyết tốt vấn đề nước thì phải xuất phát từ một quan điểm tổng hợp, biết kết hợp chặt chẽ các biện pháp công nghiệp với các biện pháp sinh học. Trong khi ra sức xây dựng các hệ thống thủy lợi thì đồng thời phải hết sức coi trọng việc bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, việc trồng

(9) Lê-Duẩn, *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập I, trang 107.

Digitized by Google

rừng, phủ xanh mặt đất, vừa để bồi dưỡng và cải tạo đất, vừa để giữ lại nước mưa, giữ lại độ ẩm của đất, đặc biệt là ở những vùng thiếu nước.

Cùng với cơ khí hóa, điện khí hóa và thủy lợi hóa, *hóa học hóa* trong nông nghiệp có vị trí rất quan trọng. Một trong những phương hướng chủ yếu của hóa học hóa là nâng cao độ phì nhiêu của ruộng đất bằng các biện pháp sử dụng phân hóa học và phân hữu cơ.

Phân hóa học có vai trò rất lớn góp phần nâng cao năng suất cây trồng. Hiện nay, do công nghiệp phân bón của ta chưa phát triển, cho nên lượng phân hóa học được sử dụng còn rất thấp so với yêu cầu của sản xuất. Để tạo thêm nguồn phân hóa học, khoa học và kỹ thuật cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu nhằm cải tiến thiết bị, cải tiến công nghệ sản xuất, mở rộng các xí nghiệp phân bón ở trung ương; tự lực thiết kế và chế tạo thiết bị xây dựng các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ ở địa phương; nghiên cứu các quy trình công nghệ mới nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu trong nước sản xuất ra các loại phân bón. Đồng thời, cần xúc tiến việc nghiên cứu cách sử dụng phân khoáng hợp lý hơn, chú trọng làm tốt khâu vận chuyển và bảo quản, nâng cao hiệu quả sử dụng của số phân hiện có. Về lâu dài, với nguồn tài nguyên phong phú mà ta đã phát hiện và sẽ phát hiện thêm, chúng ta phải phấn đấu để từng bước xây dựng một nền công nghiệp phân bón đủ mạnh để bảo đảm nhu cầu của sản xuất.

Hiện nay, ta chưa có điều kiện để cung cấp đủ phân hóa học cho sản xuất; do đó, các loại phân hữu cơ — phân chuồng, phân xanh — là một nguồn dinh dưỡng chủ yếu, rất quan trọng, sẵn có lại dễ làm, ta phải biết tận dụng. Sau này, khi công nghiệp phân bón đã phát triển, phân hữu cơ vẫn có vai trò rất lớn, bởi vì phân hữu cơ không những có đủ chất dinh dưỡng cần thiết để nuôi cây trồng mà còn là một loại phân bón cơ bản làm ổn định tính chất của đất và tăng hiệu lực của phân hóa học. Ở Liên-xô và các nước khác, gần đây người ta cũng chú trọng dùng phân hữu cơ kết hợp với phân vô cơ; bởi vì nếu chỉ dùng phân hóa học, năng suất sẽ dần dần giảm sút, chất đất dần dần bị biến đổi theo chiều hướng xấu, môi trường có thể bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Nhân dân ta từ lâu có nhiều kinh nghiệm sử dụng phân hữu cơ. Trong thực tế, phân hữu cơ đã góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao năng suất cây trồng ở miền Bắc, nhất là ở vùng đồng bằng sông Hồng trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, tập quán sử dụng phân hữu cơ hiện chưa phổ biến ở khắp các địa phương, nhất là ở các tỉnh miền Nam. Vì vậy, chúng ta phải coi trọng công tác vận động và hướng dẫn kỹ thuật làm phân hữu cơ. Đồng thời, cần xúc tiến việc nghiên cứu để cải tiến các quy trình sản xuất nhằm tăng nhanh khối lượng và chất lượng, ít tốn lao động, lại hợp vệ sinh.

Chúng ta còn phải phát triển sản xuất các loại hóa chất bảo vệ thực vật, các chất kích thích sinh trưởng, các thức ăn tổng hợp cho chăn nuôi, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

Công nghiệp chế biến là ngành công nghiệp rất quan trọng làm tăng giá trị sử dụng và giá trị xuất khẩu của nông sản, lâm sản, hải sản. Ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, khi nói đến tổ hợp nông—công nghiệp thì trước hết là nói đến sự kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

Ở nước ta, công nghiệp chế biến nông sản hiện đã trở thành một vấn đề rất cấp bách. Đặc điểm của nông

Digitized by Google

sản là dễ hư hỏng, khó để lâu, nhất là trong điều kiện nhiệt đới. Nông sản của ta giá trị sử dụng còn thấp vì chưa qua chế biến, tỷ lệ hư hỏng cao, không tận dụng được phụ phẩm. Với việc đẩy mạnh sản xuất màu và đưa màu vào cơ cấu lương thực chính của người, thì công nghiệp chế biến màu lại càng trở nên quan trọng. Qua chế biến, sắn, khoai tây, khoai lang..., không những trở thành các sản phẩm để lâu được, mà còn là những thức ăn có chất lượng phục vụ đời sống hằng ngày của nhân dân và có giá trị xuất khẩu cao.

Chúng ta có nhiều loại nông sản có giá trị xuất khẩu cao, nhưng phần lớn hiện còn xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô, chưa qua tinh chế, cho nên giá trị xuất khẩu rất thấp, không kinh tế. Vì vậy, công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến màu và nông sản xuất khẩu phải được chú ý thích đáng. Việc chế biến nông sản phải được đẩy mạnh và được coi là một biện pháp quan trọng nhằm khuyến khích phát triển mạnh hoa màu, cây công nghiệp và cải thiện đời sống nhân dân, tăng nguồn hàng xuất khẩu.

Chúng ta cần xây dựng một cơ cấu chế biến nông sản phù hợp với phương hướng phát triển nông nghiệp của ta. Đó là những nhà máy chế biến nông sản quy mô lớn, hiện đại ở những vùng chuyên canh lớn, bảo đảm phục vụ cho các nhu cầu tiêu dùng trong cả nước và cho xuất khẩu; những nhà máy quy mô vừa phù hợp với các vùng chuyên canh của các tỉnh; những cơ sở chế biến nông sản, sản xuất thức ăn gia súc ở các huyện với trang bị nửa cơ khí và cơ khí; các trạm sơ chế nông sản ở các đơn vị cơ sở để cung cấp nông sản sơ chế cho các nhà máy và chế biến lương thực, thực phẩm cho nhân dân. Khoa học và kỹ thuật cần coi trọng việc nghiên cứu các quy trình và các thiết bị chế biến từ thô sơ đến nửa hiện đại và hiện đại, cho các loại nông sản, lâm sản và hải sản, nhất là các loại hoa màu.

Giao thông nông thôn, cũng như giao thông nói chung, có vai trò quan trọng trong việc thỏa mãn nhu cầu đi lại và vận chuyển ngày càng tăng ở nông thôn, phục vụ sản xuất kịp thời, góp phần nâng cao năng suất lao động và phát huy giá trị sử dụng của nông sản. Ngay ở các nước tiên tiến, trong giá thành của sản phẩm, chi phí vận chuyển cũng thường chiếm tới 30 — 40%. Ở nước ta, nếu kết hợp tốt kinh tế trung ương với kinh tế địa phương thì có thể giảm chi phí vận chuyển đến mức thấp nhất, đặc biệt là đối với các tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên, với sự phát triển của cơ cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện với sự hình thành các vùng chuyên canh lớn, thì nhu cầu vận chuyển vẫn ngày càng tăng đối với ngành giao thông nói chung cũng như đối với giao thông nông thôn.

Nhiệm vụ phát triển nông nghiệp đòi hỏi chúng ta phải xây dựng một mạng lưới đường sá hoàn chỉnh, hợp lý ở từng địa phương, cũng như trên phạm vi cả nước. Phải coi trọng các phương tiện vận tải thô sơ và cải tiến thích hợp với từng vùng, đồng thời với việc phát triển các phương tiện cơ giới. Phải ứng dụng các phương pháp của vận trù học để tổ chức vận chuyển cho hợp lý, vừa tiết kiệm thời gian, vừa tận dụng các phương tiện để vận chuyển được nhanh chóng, kịp thời, lại giảm tỷ lệ hao hụt, nâng cao giá trị sử dụng của sản phẩm nông nghiệp, phục vụ tốt cho sản xuất và tiêu dùng.

Công tác *xây dựng cơ bản* có một vị trí rất lớn trong việc xây dựng cơ sở vật chất—kỹ thuật của nông nghiệp. Các công trình thủy lợi, các chuồng trại chăn nuôi, sân phơi, kho tàng, các cơ sở sản xuất công nghiệp, các

Digitized by Google

hệ thống đường sá, các công trình dân dụng chiếm một phần rất quan trọng trong cơ sở vật chất – kỹ thuật ở nông thôn. Chính nhờ những công trình này mà công cụ lao động, các tư liệu sản xuất như đất đai, cây trồng, vật nuôi... mới phát huy được tác dụng, tạo điều kiện thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng năng suất lao động, sản xuất ra nhiều của cải với chất lượng cao; đồng thời lại bảo quản, giữ gìn được tốt, bảo đảm giá trị sử dụng của sản phẩm và hiệu quả kinh tế của sản xuất nói chung.

Trong tình hình hiện nay, để có thể tăng nhanh việc xây dựng các cơ sở vật chất—kỹ thuật, phải phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của các địa phương và các ngành, kết hợp sử dụng lao động thủ công với lao động máy móc, khai thác nguồn nguyên liệu, vật liệu sẵn có của địa phương kết hợp với các vật tư kỹ thuật do Nhà nước cung cấp, xây dựng những công trình với quy mô thích hợp. Với phương hướng như vậy, chúng ta có thể nhanh chóng xây dựng được một phần quan trọng các cơ sở vật chất – kỹ thuật cần thiết phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, như trên thực tế nhiều nơi đã làm.

III

CÁCH MẠNG KHOA HỌC—KỸ THUẬT VỚI VẤN ĐỀ TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT VÀ CẢI TIẾN QUẢN LÝ NỀN NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA

Đây là vấn đề của cách mạng về quan hệ sản xuất, đồng thời cũng là vấn đề của cách mạng khoa học – kỹ thuật.

Hiểu theo nghĩa rộng, *công tác quản lý* bao gồm toàn bộ lĩnh vực rộng lớn của tổ chức thực tiễn, kể cả vấn đề xây dựng cơ cấu tổ chức. Chỉ trên cơ sở một cơ cấu tổ chức khoa học mới có thể có sự quản lý có hiệu quả cao; ngược lại, cơ cấu tổ chức có phát huy được sức mạnh hay không còn phụ thuộc vào trình độ quản lý và điều khiển của lãnh đạo và chỉ huy.

Thực chất của việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong nông nghiệp là sự kết hợp một cách hợp lý các yếu tố của lực lượng sản xuất, trước tiên là con người lao động trong nông nghiệp với tư cách là người làm chủ tập thể xã hội cũng như là lực lượng sản xuất chủ yếu, với đất đai, biển, rừng, với các tư liệu sinh vật và với công cụ lao động, trong một cơ cấu kinh tế và tổ chức sản xuất khoa học. Trên cơ sở đó, mà thực hiện chức năng của quản lý là chỉ đạo và điều khiển cả hệ thống kinh tế nông nghiệp, làm cho mọi hoạt động sáng tạo của hàng chục triệu quần chúng nông dân lao động, công nhân nông nghiệp, cán bộ khoa học, kỹ thuật trong nông nghiệp, cán bộ lãnh đạo và quản lý nông nghiệp phối hợp nhịp nhàng, hành động thống nhất, phát huy sức mạnh tổng hợp, làm cho mọi chỉ tiêu, kế hoạch phát triển nông nghiệp của Đảng và Nhà nước đề ra trở thành hiện thực trong đời sống ở nông thôn.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra: "Phải tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế, nhằm vào

Digitized by Google

những vấn đề quan trọng nhất là tổ chức lại nền sản xuất xã hội trong phạm vi cả nước; cải tiến phương thức quản lý kinh tế, lấy kế hoạch hóa làm chính, kiện toàn bộ máy quản lý kinh tế.

Tổ chức lại tất cả các ngành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng... trong cả nước theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ tình trạng phân tán, cục bộ, hình thành *những ngành kinh tế — kỹ thuật thống nhất* và phát triển trên phạm vi cả nước, *những vùng kinh tế và những cơ cấu kinh tế địa phương* thích hợp với điều kiện tự nhiên ở địa phương và yêu cầu của cả nước».

Chúng ta đang tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý một nền nông nghiệp từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, lần đầu tiên trong lịch sử chúng ta có điều kiện để tổ chức và quản lý hệ thống kinh tế nông nghiệp thống nhất trên phạm vi cả nước. Vấn đề tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý phải nhằm thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng các quá trình ấy và sớm tạo ra được cơ cấu sản xuất nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa. Muốn làm được như thế, trước hết chúng ta phải nắm được và giải quyết đúng đắn những vấn đề có tính quy luật của quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, của quá trình tạo nên hệ thống tổ chức và quản lý thống nhất trên cả nước, trong từng địa phương, trong từng vùng lãnh thổ, của quá trình phát triển của hệ sinh thái nông nghiệp ở nước ta và phải thể hiện những quy luật ấy thành những chính sách, tổ chức, chế độ, thể lệ thích hợp của Nhà nước. Đồng thời, phải phát động một phong trào mạnh mẽ và liên tục của đông đảo quần chúng nhân dân ở nông thôn, tiến lên làm chủ việc tổ chức và quản lý nông nghiệp. Điều quan trọng là trong từng khâu tổ chức và quản lý phải thể hiện đầy đủ chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và sức mạnh tổng hợp của ba cuộc cách mạng. Có làm được như vậy, mới đẩy mạnh được nền nông nghiệp nước ta phát triển vượt bậc, đạt năng suất cao, chất lượng tốt, hiệu quả kinh tế ngày càng tăng.

Trong mấy chục năm qua, ở miền Bắc đã sớm thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, đã xây dựng được một cơ sở vật chất — kỹ thuật ban đầu cho nông nghiệp, giải quyết được một số vấn đề khoa học, kỹ thuật nông nghiệp, và đã có tiến bộ trong việc tổ chức và quản lý nền nông nghiệp theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ở nông thôn miền Nam, sau mấy năm được giải phóng, đã có những biến đổi quan trọng, nhiều nơi đang đi vào làm ăn tập thể, nông dân lao động đang tập hợp nhau lại trong những tổ chức lao động tập thể với những hình thức giản đơn; phong trào quần chúng làm thủy lợi, phục hóa, khai hoang, tăng vụ, thâm canh đang có khi thế sôi nổi. Tuy nhiên «nhìn chung, tiềm lực kinh tế cả nước khá lớn, số dân tăng nhanh, nhưng sản phẩm xã hội tăng chậm. Điều đáng quan tâm nhất là: *năng suất lao động xã hội rất thấp*, lực lượng lao động dồi dào của xã hội chưa được dùng hết, trong khi đất, rừng, biển và các tài nguyên khác chưa được khai thác tốt, cơ sở vật chất — kỹ thuật đã có chưa được tận dụng có hiệu quả. Những khuyết điểm kéo dài trong khâu tổ chức quản lý kinh tế và chỉ đạo thực hiện, từ các cơ quan ở trung ương, các địa phương đến các đơn vị cơ sở vẫn chậm được sửa chữa» (10).

(10) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) trang 5, 6.

Digitized by Google

Như vậy, những yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp hiện có trong tay chúng ta, có những cái là thế mạnh của chúng ta vẫn chưa được phát huy đầy đủ. Lao động dồi dào là thế mạnh cơ bản, là vốn quý của chúng ta. Mác đã từng đánh giá cao vốn dự trữ lao động trong nông thôn, cho rằng nguồn lao động đó có thể làm thay đổi bộ mặt của xã hội, có thể tạo nên những khả năng mới. Lẽ dĩ nhiên, nguồn lao động ấy chỉ trở thành thế mạnh thật sự khi nó được tổ chức và quản lý một cách khoa học, khi nó được kết hợp chặt chẽ với đất, rừng, biển và các tài nguyên khác. Thiên nhiên nhiệt đới của nước ta, tuy có những khó khăn, nhưng nhìn chung là thuận lợi, là thế mạnh của ta. Những cơ sở vật chất – kỹ thuật của ta tuy còn yếu kém, nhưng cũng đã có cơ sở ban đầu. Những yếu tố của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp hiện có nếu được tổ chức và quản lý tốt thì sức mạnh của chúng ta có thể tăng lên gấp nhiều lần.

Đường lối của Đảng ta đúng đắn, sáng tạo, nhưng trên một số mặt, việc tổ chức thực hiện của chúng ta còn kém. Đó là một thực tế. Nhưng, cần phải thấy rằng một đường lối đúng đắn và sáng tạo luôn luôn mang sẵn trong mình đầy đủ tính cách mạng, tính khoa học và chứa đựng phương hướng chỉ đạo hành động để bảo đảm tổ chức thực hiện thắng lợi. Vả lại, tổ chức thực hiện là nhiệm vụ của các ngành, các cấp, của toàn Đảng, toàn dân, trong đó có đội ngũ khoa học – kỹ thuật của chúng ta. Mỗi cơ quan khoa học – kỹ thuật, mỗi cán bộ khoa học – kỹ thuật phải thấy hết trách nhiệm của mình để góp phần tích cực khắc phục các mặt trì trệ, yếu kém trong tổ chức thực tiễn.

Trong tình hình hiện nay, muốn phát triển vượt bậc nền nông nghiệp, phải tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế nông nghiệp, nhằm vào những vấn đề quan trọng nhất là tổ chức lại sản xuất và cải tiến phương thức quản lý, lấy kế hoạch làm chính và kiện toàn bộ máy quản lý. Để làm được việc đó, chúng ta phải phát huy toàn bộ sức mạnh của chúng ta, sức mạnh của hệ thống chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, sức mạnh tổng hợp của ba cuộc cách mạng.

Công tác khoa học kỹ thuật phải góp phần tích cực làm cho việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý được tiến hành trên một cơ sở khoa học ngày càng vững chắc, tạo ra những tiền đề và căn cứ khoa học có chất lượng ngày càng cao cho công tác phân vùng quy hoạch, công tác kế hoạch hóa, phục vụ việc xây dựng nên một cơ cấu tổ chức về sản xuất nông nghiệp, vừa đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu kinh tế, vừa phù hợp với các quy luật của hệ sinh thái; phục vụ việc xây dựng nên một hệ thống bộ máy quản lý ngày càng có hiệu lực trong nông nghiệp.

Trước hết, chúng ta bàn về công tác *điều tra cơ bản* trong nông nghiệp. Đây là một công tác hết sức quan trọng và cấp bách hiện nay, là một công tác thể hiện rất rõ vai trò và trách nhiệm của khoa học, kỹ thuật đối với việc tổ chức lại sản xuất, đối với công tác kế hoạch hóa và việc xây dựng hệ thống quản lý trong nông nghiệp. Chúng ta phải khẩn trương làm tốt công tác điều tra cơ bản để làm căn cứ khoa học cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp, góp phần tích cực vào việc phân vùng quy hoạch sản xuất trong phạm vi cả nước, cũng như trong từng địa phương, từng vùng, từng huyện, đến từng cơ sở sản xuất. Nói đến điều tra cơ bản trong nông nghiệp mà mục đích là nhằm xác định được căn cứ khoa học, đề ra phương án phân vùng quy hoạch sản xuất hợp

Digitized by Google

lý và có hiệu quả, thì đó không chỉ là nhiệm vụ của khoa học – kỹ thuật, mà là nhiệm vụ của cả khoa học xã hội, trong đó khoa học kinh tế có vị trí quan trọng, bởi vì đối tượng của điều tra cơ bản trong nông nghiệp không chỉ bao gồm lực lượng lao động ở nông thôn, đất đai, biển, rừng, hệ sinh thái nông nghiệp, máy móc, thiết bị vật tư phục vụ nông nghiệp, mà cả các vấn đề kinh tế – xã hội rất rộng lớn.

Chúng ta đã tiến hành một bước điều tra cơ bản, và đã thu được những kết quả nhất định với những tài liệu đáng kể. Chính trên cơ sở đó, mà bước đầu đã xác định được việc phân vùng quy hoạch và kế hoạch sản xuất trong cả nước cũng như ở các địa phương, các vùng lãnh thổ, các huyện, các cơ sở, góp phần triển khai một bước công tác tổ chức lại sản xuất, phân bố lại sức lao động xã hội.

Nhưng phải thấy rằng, kết quả điều tra cơ bản và phân vùng quy hoạch vừa qua chỉ mới là bước đầu, những tài liệu thu thập được chưa thật đầy đủ, phần nào chưa có hệ thống. Đúng như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương đã nhận xét, chúng ta «chậm tổ chức điều tra cơ bản để quy hoạch, phân vùng sản xuất và phân công lại lao động theo hướng tập trung, chuyên môn hóa, thực hiện thâm canh, tăng vụ, đồng thời mở rộng diện tích canh tác trên địa bàn từng huyện, từng tỉnh, từng vùng và trong phạm vi cả nước».

Cho đến nay, các ngành đang tích cực tổ chức công tác điều tra trong phạm vi mình phụ trách, như vậy là cần thiết. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh rằng, công tác điều tra cơ bản và phân vùng quy hoạch không những có nội dung về từng mặt, từng ngành mà còn có một nội dung tổng hợp phức tạp hơn. Vì vậy công tác điều tra cơ bản cần được tiến hành theo một chương trình tổng hợp, kết hợp lực lượng thuộc nhiều ngành, có phân công phân cấp rõ ràng, nhưng hoạt động với sự phối hợp chặt chẽ trên một địa phương, một vùng đã được xác định dưới một sự chỉ đạo thống nhất. Phải kết hợp công tác điều tra để phát hiện các quy luật của tự nhiên với việc điều tra để phát hiện các quy luật của kinh tế và xã hội trong nông nghiệp; kết hợp chặt chẽ điều tra nông nghiệp với điều tra lâm nghiệp và ngư nghiệp. Vì con người, đất, nước, rừng, biển... không bao giờ tách rời nhau, mà tồn tại và phát triển trong mối quan hệ tác động lẫn nhau trong hình thái kinh tế xã hội nhất định, trong hệ thống các quy luật của sinh thái tự nhiên và của sinh thái nông nghiệp. Ngay trong phạm vi của nông nghiệp, điều tra cơ bản cũng có nội dung tổng hợp, như thổ nhưỡng, khí tượng, thủy văn, thực vật, động vật, vi sinh vật...

Kế hoạch là công cụ chủ yếu để quản lý nền kinh tế nông nghiệp. Thế thì *nhiệm vụ của cách mạng khoa học – kỹ thuật đối với công tác kế hoạch hóa* sự phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp là như thế nào? Công tác kế hoạch hóa là sự vận dụng tổng hợp các quy luật khách quan của kinh tế và của khoa học kỹ thuật, là sự vận dụng các kết quả của điều tra cơ bản; làm cho nền kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp phát triển cân đối, nhịp nhàng, nghĩa là giữ được thường xuyên và một cách có ý thức những quan hệ tỷ lệ phù hợp, tương xứng giữa các khâu, các mặt, các ngành...

Trong những năm vừa qua chúng ta đã có những tiến bộ nhất định trong công tác kế hoạch hóa, đã ngày càng nắm vững hơn những quy luật chi phối đời sống kinh tế của đất nước; do đó các kế hoạch kinh tế trong đó có kế hoạch kinh tế nông nghiệp đã phản ánh tốt hơn yêu cầu và khả năng của nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên,

Digitized by Google

như Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương đã chỉ rõ, chúng ta phải nâng cao chất lượng và cải tiến công tác kế hoạch hóa lên một bước mới. Vấn đề là phải xuất phát đầy đủ hơn nữa từ nhu cầu về đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động, xuất phát đầy đủ và cụ thể hơn nữa từ tiềm năng mọi mặt của từng địa phương cũng như của cả nước. Muốn vậy thì công tác kế hoạch hóa phải kết hợp chặt chẽ hơn nữa sự chỉ đạo về phương hướng từ trên xuống với tính chủ động sáng tạo từ cơ sở, coi nhu cầu và khả năng của cơ sở là chỗ dựa để thực hiện kế hoạch hóa.

Ở đây các cơ quan khoa học kỹ thuật và đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật có trách nhiệm góp phần làm cho các kế hoạch kinh tế thật sự dựa trên những căn cứ khoa học vững chắc.

Muốn lập kế hoạch phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp, nhất là lập những kế hoạch dài hạn, thì công tác *dự báo khoa học* có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Dự báo đúng hay dự báo sai, điều đó có ảnh hưởng lớn đến chất lượng của việc lập kế hoạch, cũng như đến quá trình thực hiện kế hoạch. Và muốn làm dự báo đúng, rõ ràng phải triển khai một cách có hệ thống cả một loạt công tác khoa học kỹ thuật. Trên cơ sở kết quả của điều tra cơ bản, của sự hiểu biết tình hình hiện tại về mọi mặt của đất nước, chúng ta phải phát hiện cho được những tiềm năng còn ẩn giấu, đánh giá những khả năng, dự đoán những xu hướng, tính toán những triển vọng phát triển lâu dài của đất nước; đồng thời cần phải theo dõi một cách toàn diện và kịp thời sự phát triển về kinh tế, về khoa học và kỹ thuật của thế giới.

Rõ ràng công tác dự báo khoa học về sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp cũng như ngư nghiệp không thể do một người nào, một cơ quan nào riêng rẽ làm được, mà phải là một công trình lao động khoa học tập thể được tổ chức và phối hợp hết sức chặt chẽ, được chỉ đạo hết sức tập trung. Công tác ấy lại phải kết hợp chặt chẽ với vốn kinh nghiệm hết sức phong phú và khả năng sáng tạo của nhân dân lao động. Hiện nay, đối với chúng ta, công tác dự báo khoa học đang còn hết sức mới mẻ, trong công tác điều tra cơ bản chúng ta còn có ít nhiều kinh nghiệm, nhưng trong công tác dự báo chúng ta lại chưa có kinh nghiệm. Chúng ta không thể chần chừ, mà phải mạnh bạo đi vào làm công tác dự báo, chuẩn bị ngay từ bây giờ để phục vụ cho kế hoạch phát triển nông nghiệp về lâu dài, nhất là cho kế hoạch 5 năm 1981 – 1985. Trong khi tập trung vào giải quyết những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện có hiệu quả những mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1976 – 1980, các cơ quan khoa học cần phải dành ra một số bộ phận lực lượng thích đáng để làm công tác dự báo khoa học phục vụ cho kế hoạch phát triển nông nghiệp tiếp theo.

Muốn làm được như vậy, chúng ta phải tăng cường quan hệ phối hợp giữa cơ quan lập kế hoạch kinh tế và các cơ quan khoa học kỹ thuật.

Điều tra cơ bản và dự báo khoa học là những nội dung quan trọng của *kế hoạch khoa học kỹ thuật*. Kế hoạch ấy phải đề ra *nhiệm vụ và phương hướng phát triển của bản thân các ngành khoa học kỹ thuật*, xác định những tiến bộ khoa học kỹ thuật cần đưa vào sản xuất theo yêu cầu phát triển kinh tế. Kế hoạch khoa học kỹ thuật phải trở thành một bộ phận không thể thiếu của kế hoạch kinh tế. Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước cũng như một số bộ đã có cố gắng trong việc lập kế hoạch này, nhưng nói chung thì làm chưa tốt lắm. Ở các tỉnh lại càng chưa có nền

Digitized by Google

nếp; ở phần lớn các huyện thì hiện nay hầu như chưa đặt thành vấn đề. Tình hình đó đang là một trong những trở ngại lớn cho việc đưa tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất trong nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp ở nước ta.

Chúng ta cần phải nhanh chóng khắc phục những thiếu sót nói trên, nhanh chóng thực hiện cho kỳ được Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng về nhiệm vụ của khoa học và kỹ thuật đối với công tác kế hoạch hóa: « *Phải làm cho khoa học, kỹ thuật trở thành căn cứ của kế hoạch và hoạt động kinh tế. Kế hoạch phát triển và ứng dụng khoa học kỹ thuật là một bộ phận hợp thành của kế hoạch Nhà nước* » (11).

Hiện nay, chúng ta đang tổ chức lại sản xuất, phân bố lại lao động trên phạm vi cả nước, làm cho lao động kết hợp chặt chẽ với tài nguyên của đất nước, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Chúng ta đang ra sức phấn đấu xây dựng một nền kinh tế với cơ cấu công – nông nghiệp ngày càng hiện đại và những đơn vị kinh tế nông – công nghiệp trên địa bàn huyện. Đây là một vấn đề rất lớn đòi hỏi khoa học phải tìm ra những *hình thức cơ cấu, những quy mô tổ chức* thích hợp nhằm làm cho sản xuất phát triển mạnh mẽ. Ví dụ: nói về tổ chức lại lao động thì điều lao động ở đâu, đưa đến đâu, số lượng và chất lượng lao động như thế nào, cơ cấu ngành nghề ra sao, và phải có những chính sách cụ thể, có những sự chuẩn bị như thế nào để phát huy được sức mạnh của lực lượng lao động đó? Hoặc trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp ở tỉnh và đơn vị kinh tế nông – công nghiệp ở huyện thì tổ chức lao động và phân công lao động xã hội cụ thể như thế nào ở những địa phương và những vùng lãnh thổ khác nhau? Đó là một loạt vấn đề mà khoa học kỹ thuật phải cùng với khoa học về tổ chức và các khoa học khác có liên quan nghiên cứu và đề xuất ý kiến về những phương hướng giải quyết để giúp cho cơ quan lãnh đạo có cơ sở để quyết định một cách đúng đắn.

Về quy mô tổ chức sản xuất thì quy mô hợp tác xã hiện nay và sau này, ở miền xuôi và ở miền núi nên như thế nào; quy mô các xí nghiệp và liên hiệp xí nghiệp nên như thế nào; quy mô các công trường thủ công trong những điều kiện nhất định nên như thế nào cho hợp lý và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Ở đây có mối quan hệ có tính chất quy luật giữa quy mô tổ chức sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất: trình độ trang bị công cụ, trình độ kiến thức và kỹ năng của người lao động, trình độ chỉ huy và quản lý, v.v...

Nói đến cơ cấu tổ chức sản xuất, đến hệ thống các lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thì không thể không nói đến các *cơ sở vật chất – kỹ thuật* hiện có và ngày càng được tăng thêm, đến đặc tính của từng yếu tố cũng như của toàn bộ các cơ sở vật chất – kỹ thuật ấy, đến sự kết hợp các cơ sở ấy với sức lao động của con người. Trong công nghiệp thì khái niệm cơ sở vật chất – kỹ thuật đã khá rõ, nhưng trong nông nghiệp thì cơ sở vật chất – kỹ thuật bao gồm những gì, khoa học kỹ thuật cũng cần đi sâu nghiên cứu.

Do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp, cơ sở vật chất – kỹ thuật có thể bao gồm những nhóm khác nhau có liên quan mật thiết với nhau. Trước hết, phải nói đến đất đai và các hệ thống kỹ thuật cải tạo đất, các tư liệu sinh vật, như các bộ giống cây và vật nuôi, kể cả các bộ giống vi sinh

(11) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 49.

Digitized by Google

vật, đến các cánh rừng bảo vệ và các rừng cây khác; đó là những yếu tố của hệ thống tự nhiên với tính cách là lực lượng sản xuất. Phải nói đến các yếu tố thiết bị kỹ thuật và các tư liệu khác do công nghiệp cung cấp như các loại máy nông nghiệp, các cơ sở sửa chữa và chế biến, phương tiện vận tải, các loại phân bón, thuốc trừ sâu, điện và các năng lượng khác, vật liệu phụ. Phải nói đến các hệ thống thủy lợi, giao thông, kho tàng, trạm trại, sân phơi, hệ thống cung ứng vật tư kỹ thuật cho nông nghiệp và các yếu tố vật chất khác nữa. Ở nước ta hiện nay còn phải chú trọng các công cụ thủ công và công cụ cải tiến, vì các loại công cụ này còn có vai trò quan trọng. Tất cả các yếu tố nói trên với những đặc tính khác nhau hợp thành một hệ thống, đòi hỏi một sự quản lý thống nhất.

Muốn phát huy được hiệu lực của cơ sở vật chất và kỹ thuật, muốn có được một sự quản lý đúng đắn và khoa học thì cần phải nắm được những quy luật khác nhau chi phối từng yếu tố của cơ sở vật chất - kỹ thuật cũng như những mối quan hệ mật thiết giữa các yếu tố với nhau, giữa cơ sở vật chất với con người lao động. Bởi vì, quản lý những hệ thống máy móc đương nhiên có những điểm không giống với quản lý các cơ thể sống, quản lý hệ thống sinh thái tự nhiên...

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã đề ra nội dung tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật cho nông nghiệp là «giải quyết tốt vấn đề nước, phân, giống, công cụ, phòng trừ sâu bệnh cho trồng trọt; vấn đề thức ăn, giống, phòng, chống dịch bệnh, và cơ sở chuồng trại cho chăn nuôi». Đó là những yếu tố quan trọng nhất của cơ sở vật chất – kỹ thuật trong điều kiện hiện nay để đưa nông nghiệp nước ta tiến lên. Chúng ta cần nghiên cứu những hình thức tổ chức như thế nào để kết hợp tốt nhất lao động với cơ sở vật chất – kỹ thuật đó.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: cần phải «áp dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật mới vào công tác quản lý». Vậy khoa học và kỹ thuật phải làm gì để phát huy hiệu lực của quản lý và chỉ đạo sản xuất nông nghiệp.

Quá trình phát triển của nền nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, là một quá trình đa dạng và luôn luôn biến động. *Quản lý* một nền sản xuất như vậy về thực chất là điều khiển sự hoạt động của hàng chục triệu người trong những tổ chức sản xuất nhất định bao gồm khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa với hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, và trên một phạm vi khá lớn, kinh tế cá thể đang được cải tạo và tổ chức lại. Vì vậy, chúng ta phải thiết lập, duy trì và điều tiết các mối liên hệ giữa các ngành, các lĩnh vực sản xuất, giữa các tập thể và giữa những con người với nhau trong sản xuất, giữa quá trình lao động của con người với quá trình phát triển của giới tự nhiên. Cho nên muốn chỉ đạo tốt sản xuất nông nghiệp thì phải có cách nhìn toàn diện và có hệ thống, phải tính toán đến tác động của tất cả mọi yếu tố kinh tế, tự nhiên, tâm lý, xã hội, kỹ thuật, v.v...

Do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp là rải ra trên một không gian rộng lớn, phụ thuộc trực tiếp vào các điều kiện tự nhiên, khí hậu trong từng khu vực, cho nên chúng ta càng phải hết sức chú trọng «*kết hợp quản lý theo ngành, với quản lý theo địa phương và theo vùng lãnh thổ*». Có làm được như vậy mới bảo đảm hình thành các ngành kinh tế kỹ thuật, các tổ chức kinh tế liên hiệp, các vùng kinh tế và các cơ cấu kinh tế địa phương.

Digitized by Google

Quản lý theo ngành là để tăng cường chỉ đạo về kinh tế kỹ thuật, đẩy mạnh quá trình chuyên môn hóa, áp dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất. Quản lý theo địa phương và theo vùng lãnh thổ là quản lý một cách tổng hợp các ngành nghề nhằm bảo đảm sự phát triển tổng hợp của nền kinh tế, khai thác tốt mọi tiềm lực và bảo đảm tốt đời sống của nhân dân ở từng địa phương, từng vùng. Trong nền kinh tế nông nghiệp nước ta những đặc điểm kinh tế theo vùng lãnh thổ tồn tại một cách khách quan. Có những đặc điểm của một vùng rộng lớn trùng hợp với đặc điểm của một tỉnh, một huyện, nhưng cũng có khi không phải như vậy. Tây-nguyên là một vùng lãnh thổ. Mỗi tỉnh ở vùng này có vấn đề riêng biệt của mình, nhưng các tỉnh trong vùng có những vấn đề giống nhau và nếu cùng phối hợp với nhau để giải quyết thì sẽ hợp lý hơn và có hiệu quả hơn. Đồng bằng sông Cửu-long, đồng bằng sông Hồng, Việt-bắc, Tây-bắc cũng vậy.

Như thế, nhiệm vụ của khoa học, kể cả khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, đặc biệt là khoa học quản lý phải cùng với các ngành điều khiển học, toán kinh tế... đi sâu vào thực tiễn của công tác quản lý, góp phần vào việc tìm ra và xây dựng nên những mô hình và những cơ chế quản lý có hiệu lực phù hợp với tình hình của nền nông nghiệp nước ta.

Muốn chỉ đạo được kịp thời, nâng cao hiệu lực và tính chính xác của các quyết định về quản lý thì khoa học và kỹ thuật phải tác động đến *phương pháp và phương tiện thông tin*. Thông tin là tai mắt của điều khiển, thông tin sai thì sẽ điều khiển sai. Phải góp phần cải tiến và xây dựng hệ thống báo cáo, cũng như hệ thống truyền đạt, hướng dẫn các quyết định của quản lý. Cần nghiên cứu tăng cường từng bước các phương tiện xử lý thông tin, kể cả những phương tiện nửa hiện đại và hiện đại, như hệ thống thông tin bằng điện thoại, máy tính điện tử ở những nơi cần thiết và có điều kiện. Trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay có hàng nghìn định mức, chỉ tiêu, việc tính toán trong quản lý ở cơ sở ngày càng phức tạp. Khoa học kỹ thuật cần nghiên cứu để từng bước áp dụng những phương tiện tính toán đơn giản vào công tác quản lý ở ngay các cơ sở sản xuất.

Trong bộ máy quản lý, cán bộ là khâu quyết định, vì vậy cần phải kiên quyết thực hiện nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ, trước hết là ở những khâu quan trọng; đó là điều kiện không thể thiếu để tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện, trong chỉ đạo và quản lý. Cán bộ quản lý phải học tập khoa học, kỹ thuật, cán bộ khoa học kỹ thuật phải học tập quản lý, làm cho sự kết hợp giữa cách mạng và khoa học, khoa học và cách mạng được thể hiện rõ trong đội ngũ cán bộ của chúng ta trên mặt trận nông nghiệp.

Chủ trương *tăng cường xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện* là một chủ trương hết sức đúng đắn và sáng tạo. Trải qua hàng chục năm nghiên cứu và tổng kết những kinh nghiệm tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, Đảng ta mới đi đến chủ trương xây dựng huyện như một trong những khâu chủ yếu trong toàn bộ hệ thống kinh tế hiện nay, để đưa nền kinh tế nước ta tiến lên. Chủ trương đó nhất định sẽ đem lại những kết quả to lớn, là vì một khi đã chọn đúng khâu tổ chức chủ yếu, tìm ra hình thức tổ chức thích hợp, thì công tác tổ chức thực tiễn sẽ phát huy tác dụng hết sức mạnh mẽ.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ: «Xây dựng huyện vững mạnh, trở thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp, lấy huyện làm địa bàn

Digitized by Google

tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động một cách cụ thể và kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, kinh tế toàn dân và kinh tế tập thể, công nhân và nông dân».

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã cụ thể thêm: «Xây dựng chính quyền cấp huyện thành một cấp Nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện, mỗi huyện là một tiểu vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp trong một tỉnh; có thể tự cân đối được trồng trọt và chăn nuôi, kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp, ngư nghiệp; kết hợp sản xuất với chế biến, mở mang nhiều ngành, nghề thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp, nhiều xí nghiệp công nghiệp chế biến nông, lâm, hải, thủy sản với quy mô thích hợp, sử dụng có hiệu quả máy móc nông nghiệp. Huyện là địa bàn kết hợp sản xuất với lưu thông phân phối, phát triển văn hóa và xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn. Huyện cũng là địa bàn tăng cường an ninh chính trị và củng cố quốc phòng...».

Tiếp đó, Bộ chính trị đã ra chỉ thị về xây dựng và tăng cường cấp huyện. Nội dung xây dựng cấp huyện bao gồm nhiều mặt, trong đó việc xây dựng lực lượng khoa học và kỹ thuật vững mạnh ở cấp huyện là một vấn đề hết sức quan trọng và cấp bách. Huyện là cứ điểm tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt, cho nên phải làm cho cuộc cách mạng ấy triển khai mạnh mẽ ở cấp huyện, làm cho hoạt động khoa học và kỹ thuật trở thành một trong những hoạt động chủ yếu trong từng huyện, từng hợp tác xã, từng nông trường, lâm trường. Hiện nay, ở một số huyện và hợp tác xã tiên tiến, hoạt động khoa học và kỹ thuật ít nhiều đã được tiến hành và chính đó là một trong những nguyên nhân làm cho các đơn vị đó trở thành tiên tiến. Tuy nhiên, ngay cả ở các đơn vị tiên tiến khoa học kỹ thuật cũng chưa được đặt ra đúng với tầm quan trọng của nó. Nói chung hiện nay ở huyện và cơ sở hoạt động khoa học và kỹ thuật còn rất yếu, cả về tổ chức, về chỉ đạo và quản lý.

Huyện là cứ điểm để kết hợp kinh tế với quốc phòng, do đó cần phải dựa trên kế hoạch xây dựng kinh tế mà đẩy mạnh công cuộc củng cố quốc phòng, ra sức tăng cường các lực lượng vũ trang nhân dân, nhất là dân quân tự vệ, nhằm làm cho mấy trăm huyện trở thành những pháo đài bất khả xâm phạm trong thế chiến lược chung của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là ở các vùng xung yếu.

Những kết quả bước đầu rất đáng phấn khởi trong việc xây dựng huyện chứng tỏ đường lối của Đảng là hết sức đúng đắn.

Hiện nay vấn đề đặt ra là: cơ cấu kinh tế của mỗi huyện như thế nào: nông – công nghiệp hay nông – lâm – công nghiệp, nông – ngư – công nghiệp; kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa gồm những nội dung gì là chủ yếu, những phương hướng gì là chính; tổ chức lại lao động và phân lại các ngành nghề; phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, các xí nghiệp chế biến, các mặt hàng xuất khẩu; từng bước đưa cơ khí vào, phát triển thủy lợi, giao thông, xây dựng cơ bản, quy hoạch lại các khu dân cư; từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, v.v... những vấn đề đó nên giải quyết như thế nào? Khoa học và kỹ thuật phải góp phần giải quyết để nhanh chóng phát huy vai trò của cấp huyện trong hệ thống tổ chức và quản lý nền kinh tế nước ta.

Rõ ràng, công tác xây dựng cấp huyện, phát triển sản xuất, tổ chức đời sống cũng như củng cố quốc phòng đặt ra yêu cầu ngày càng lớn đối với khoa học và kỹ thuật. Chúng ta cần phải tăng cường nhanh chóng

Digitized by Google

cán bộ khoa học, kỹ thuật cho huyện, cho cơ sở, hợp tác xã, nông trường, lâm trường. Hiện nay ở cấp huyện, cán bộ khoa học và kỹ thuật rất ít, ở hợp tác xã lại càng ít hơn. Ngay ở hợp tác xã Vũ-thắng, một hợp tác xã tiên tiến cũng chỉ có một cán bộ trung cấp. Hiện nay chúng ta có mấy vạn cán bộ khoa học và kỹ thuật nông nghiệp, nhưng đội ngũ ấy cũng chưa được sử dụng thật đúng hướng, thật hợp lý. Hướng bố trí những cán bộ này là đưa thật mạnh xuống huyện, xuống cơ sở, và các cán bộ bố trí ở huyện, ở cơ sở cần được sử dụng tốt hơn

Bản thân huyện nhất thiết phải có tổ chức khoa học và kỹ thuật của mình. Bộ Chính trị đã đề ra sự cần thiết phải xây dựng các trạm máy nông nghiệp, sửa chữa cơ khí, các trại giống cây trồng, giống vật nuôi, trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y, các trạm kỹ thuật cần thiết cho sản xuất của huyện theo quy hoạch chung của tỉnh. Tổ chức khoa học và kỹ thuật ở mỗi huyện phải phù hợp với cơ cấu kinh tế của huyện. Phương hướng phát triển khoa học và kỹ thuật ở huyện chủ yếu là nhằm giải quyết những vấn đề do thực tiễn sản xuất đặt ra và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được xác định.

Chúng ta cần nhanh chóng giải quyết vấn đề hình thức tổ chức của các lực lượng khoa học kỹ thuật ở huyện. Các lực lượng ấy phải kết hợp chặt chẽ với các cơ quan khoa học kỹ thuật, các trạm, trại của Nhà nước đặt ở trong huyện, lại phải kết hợp với các lực lượng kỹ thuật của quần chúng trong các cơ sở sản xuất. Có làm được như vậy, mới phát động và đẩy mạnh được phong trào quần chúng làm cách mạng khoa học – kỹ thuật ở trong huyện. Phải phát triển rộng rãi các tổ kỹ thuật của thanh niên ở hợp tác xã, biến các tổ đó thành những chân rết của các trạm, trại của huyện. Trong ban quản trị hợp tác xã, cần phân công người chuyên phụ trách về kỹ thuật. Ở huyện cũng vậy, cần có đồng chí trong ủy ban phụ trách công tác khoa học kỹ thuật.

Hiện nay, cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới đã sản sinh ra những liên hiệp khoa học – sản xuất, những tổ chức đó đã đóng vai trò khá quan trọng trong việc làm cho sản xuất phát triển mạnh mẽ. Thực chất của vấn đề là kết hợp hữu cơ khoa học và kỹ thuật với sản xuất, làm cho khoa học thật sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Ở nước ta hiện nay, tiền đề kinh tế – xã hội cũng như tiền đề khoa học kỹ thuật đều còn yếu kém. Nhưng chúng ta hoàn toàn có khả năng kết hợp chặt chẽ khoa học và kỹ thuật với sản xuất, bằng hình thức này hay hình thức khác từ thấp đến cao. Trong lĩnh vực nông nghiệp, chúng ta phải mạnh dạn đưa khoa học, kỹ thuật đến tận cấp huyện, tận cơ sở ; chủ động và sáng tạo đưa nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất ; qua thực tiễn sản xuất mà đề xuất phương hướng giải quyết những vấn đề khoa học kỹ thuật mới. Chúng ta phải có cách làm của ta, phải làm cho cách mạng khoa học – kỹ thuật thật sự đóng vai trò then chốt trong việc phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động ngay ở cấp huyện, ở cơ sở.

Trong vấn đề tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong nông nghiệp phương hướng tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật là nhằm mục tiêu chuyển nền nông nghiệp nước ta *từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, và nhằm nâng cao không ngừng năng suất lao động của nền nông nghiệp nước ta.

Thế nào là một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ? Nghị quyết Hội nghị lần thứ 20 của Trung ương (khóa III) đã chỉ rõ : một nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một nền nông nghiệp xã

Digitized by Google

hội chủ nghĩa có năng suất lao động cao và nông sản hàng hóa nhiều; có phương pháp sản xuất và kỹ thuật sản xuất tiên bộ; có quy mô sản xuất lớn; trồng trọt và chăn nuôi đều là những ngành sản xuất chính; phát triển toàn diện ở cả đồng bằng, trung du và miền núi.

Nền nông nghiệp sản xuất lớn của nước ta, trước hết phải là một nền sản xuất xã hội chủ nghĩa. Bản chất kinh tế của nó phải là xã hội chủ nghĩa, chế độ tư hữu cùng với các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp phải được xóa bỏ. Nền nông nghiệp ấy chủ yếu phải dựa trên quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức sở hữu, với sự tác động ngày càng mạnh mẽ của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, đem lại năng suất lao động cao và nông sản hàng hóa nhiều.

Sản xuất lớn có những đặc điểm khác với sản xuất nhỏ. Trong nông nghiệp, sản xuất lớn phải là một nền sản xuất có sự phát triển cao về trình độ phân công lao động xã hội, về trình độ chuyên môn hóa, về hợp tác và liên hiệp sản xuất, tình trạng sản xuất tự cung tự cấp phải được loại trừ dần. « Lao động xã hội hóa » (12), đó là tóm tắt chỗ khác nhau giữa sản xuất lớn và sản xuất nhỏ

Trong một nền sản xuất lớn, tất nhiên sẽ có « bước phát triển vĩ đại về kỹ thuật » và « việc tập trung sản xuất và nhân khẩu trong những xí nghiệp cực kỳ to lớn » (13). Sản xuất lớn trong nông nghiệp nước ta nhất định phải có những cơ sở sản xuất quy mô ngày càng lớn làm nòng cốt, tuy nhiên sản xuất lớn không loại trừ các cơ sở quy mô vừa và nhỏ, mà chính là bao gồm cả các cơ sở đó. Nhưng nó phải là một nền sản xuất có trình độ kỹ thuật hiện đại, thể hiện ở các công cụ sản xuất hiện đại và phương pháp sản xuất tiên tiến. Chúng ta muốn có sản xuất lớn trong nông nghiệp thì phải ra sức hiện đại hóa kỹ thuật sản xuất, mà khâu trung tâm hiện nay là cơ khí hóa.

Với đường lối xây dựng kinh tế của Đảng ta, nông nghiệp sản xuất lớn ở nước ta còn phải gắn bó một cách hữu cơ với công nghiệp thành một cơ cấu công — nông nghiệp. Trong nền nông nghiệp ấy, trồng trọt và chăn nuôi đều phải là ngành sản xuất chính, hệ thống kinh tế xã hội phải kết hợp với hệ thống sinh thái tự nhiên làm cho sự phát triển của xã hội và của tự nhiên được cân đối, hài hòa, phục vụ tốt nhất cho những lợi ích trước mắt và lâu dài của đất nước.

Muốn có một hệ thống sản xuất lớn trong nông nghiệp như vậy, không thể thiếu được vai trò to lớn của khoa học và kỹ thuật.

Nếu nền nông nghiệp nước ta thể hiện được đầy đủ tất cả các yếu tố của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thì nền nông nghiệp ấy sẽ có *năng suất lao động cao*. Về ý nghĩa quan trọng của năng suất lao động, Lê-nin nói: « ... Xét đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, căn bản nhất cho thắng lợi của trật tự xã hội mới (14). Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu yêu cầu: « Nâng cao không ngừng năng suất lao động xã hội, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất và kinh doanh ». Hội nghị lần thứ 3 của Trung ương Đảng lại nhấn mạnh: « Phát động phong trào cách mạng của quần chúng, tiến hành cuộc vận động tăng năng suất lao động kết hợp với thực hành tiết kiệm... ».

Hiện nay, ở những nước mà khoa học và kỹ thuật phát triển cao, người ta hết sức coi trọng việc đầu tư khoa học và kỹ thuật vào nông nghiệp

(12), (13) V.I. Lê-nin. *Về cách mạng kỹ thuật*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 153.

(14) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 29, trang 478.

Digitized by Google

để tăng năng suất lao động. Như ở Cộng hòa dân chủ Đức chẳng hạn, trong những nguyên nhân dẫn đến tăng năng suất lao động, thì việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật chiếm tỷ trọng 60% hay hơn nữa. Trong khi đó, vấn đề này ở nước ta còn rất ít được chú ý ngay cả trong hoạt động khoa học kỹ thuật. Nói chung, năng suất lao động trong nông nghiệp nước ta hiện nay còn rất thấp. Một lao động trong nông nghiệp mới làm được khoảng 0,6 héc-ta gieo trồng, mới sản xuất ra một lượng sản phẩm nuôi được khoảng bốn năm người với mức sống thấp, trong khi đó ở các nước có nền nông nghiệp hiện đại, một lao động đã có thể làm được hàng chục héc-ta và nuôi hàng chục người ở mức sống cao.

Cách mạng khoa học — kỹ thuật, trong khi tác động vào toàn bộ lực lượng sản xuất nông nghiệp, vào việc tổ chức lại và cải tiến quản lý nông nghiệp, luôn luôn lấy việc nâng cao năng suất lao động làm mục tiêu chủ yếu để đánh giá kết quả hoạt động của mình. Theo cách phân tích ở một số nước thì những nhân tố có ảnh hưởng đến việc nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp là hết sức phức tạp: những tiến bộ khoa học kỹ thuật, mức độ hoàn thiện quy trình kỹ thuật của sản xuất, sự phân bố sản xuất, trình độ chuyên môn hóa, tập trung hóa và hợp tác hóa khả năng khắc phục tính thời vụ trong lao động nông nghiệp, vấn đề định mức lao động trong nông nghiệp, tình hình vận tải và giao thông, và nhiều vấn đề khác như nâng cao tinh thần lao động và lợi ích vật chất, chế độ trả công lao động cùng những điều kiện tự nhiên khác. Trong tình hình nước ta hiện nay những nhân tố nào là những nhân tố quan trọng tạo nên năng suất lao động cao trong nông nghiệp và thứ tự ưu tiên của các nhân tố đó như thế nào, các tiêu chuẩn tính toán ra sao? Đó là những vấn đề đòi hỏi phải được nghiên cứu một cách nghiêm túc; có làm rõ những vấn đề đó thì mới tìm ra những biện pháp có hiệu lực để tăng năng suất lao động, khoa học kỹ thuật mới có thể góp phần tác động đúng đắn và có hiệu quả.

Trong nông nghiệp, do quá trình lao động gắn liền với quá trình tăng trưởng tự nhiên của sinh vật, cho nên năng suất lao động nông nghiệp biểu hiện ở kết quả cuối cùng là một lao động làm ra bao nhiêu sản phẩm về mặt hiện vật, cũng như về mặt giá trị, trong đó có vai trò của cái mà Mác gọi là những «ân huệ của tự nhiên». Bởi vì «năng suất lao động trong nông nghiệp gắn liền với những điều kiện tự nhiên nhất định và tùy thuộc năng suất của những điều kiện tự nhiên ấy» (15).

Như vậy, khi phân tích năng suất lao động trong nông nghiệp chúng ta không thể chỉ xét đến một nhân tố nào một cách riêng rẽ. Ví dụ như thay thế lao động thủ công bằng lao động máy móc trong khâu làm đất thì một lao động sẽ cày bừa được một diện tích lớn hơn trước, nhưng năng suất lao động tổng quát thì có khi tăng lên khá nhiều, nhưng cũng có khi không nhất định đã tăng lên. Sự thay đổi năng suất lao động phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có: «trình độ thành thạo trung bình của những người lao động; sự phát triển của khoa học và trình độ áp dụng khoa học về mặt kỹ thuật; các sự kết hợp xã hội của quá trình sản xuất; phạm vi và tác dụng của các tư liệu sản xuất và các điều kiện hoàn toàn tự nhiên» (16). Điều đó chứng tỏ rằng, năng suất lao động trong nông nghiệp chỉ có thể là một kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố. Ở đây, có vai trò của

(15) C. Mác: *Tư bản*, quyển 3, tập 3, trang 280.

(16) Mác: *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, 1960, tập 1, quyển 1, trang 62.

Digitized by Google

trình độ trang bị, công cụ, của việc hiểu biết những quy luật của tự nhiên, của trình độ khoa học kỹ thuật, của trình độ tổ chức và quản lý, của chế độ xã hội, của nhân tố tư tưởng, tâm lý xã hội và các nhân tố khác. Hiện nay có những hợp tác xã tiên tiến đạt năng suất lúa khá cao trên một diện tích canh tác nhất định; trong đó có hợp tác xã năng suất lao động khá cao, nhưng cũng có hợp tác xã năng suất lao động chưa cao lắm. Nếu chúng ta đi sâu nghiên cứu phân tích tình hình và kết quả sản xuất ở các hợp tác xã ấy thì không những có thể thấy được những nhân tố tác động đến năng suất cây trồng trên một diện tích canh tác, mà còn có thể thấy được những nhân tố có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đối với vấn đề tăng năng suất lao động. Ở miền Bắc có những hợp tác xã đạt hai vụ xấp xỉ 10 tấn/ha/năm. Hợp tác xã Vũ-thắng, huyện Kiến-xương, tỉnh Thái-bình hai năm liền 1976 và 1977 đạt gần 10 tấn/ha/năm. Đáng chú ý là năm 1977 là năm hạn, nhiều nơi mất mùa, nhưng năng suất của Vũ-thắng vẫn cao. hợp tác xã Định-công (Thanh-hóa) năm 1976 đạt 8,5 tấn/ha/năm. Hợp tác xã Hải-quang (Hải-hậu) Hà-nam-ninh trong điều kiện đất úng, chua, mặn nhất huyện, cũng đạt gần 8 tấn/ha/năm.

Vì sao các hợp tác xã đó có năng suất cao như vậy? Có nhiều nguyên nhân, nhưng trong phạm vi những vấn đề chúng ta đang quan tâm có thể rút ra những kết luận bổ ích. Những nguyên nhân có ý nghĩa phổ biến ở các hợp tác xã đó là việc tổ chức lại lao động và cải tiến phương thức quản lý, trên cơ sở phát động được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; nâng cao kỷ luật lao động, phát triển ngành nghề, cải tiến công tác điều hành sản xuất, tích cực áp dụng các biện pháp kỹ thuật, giải quyết được một bước các vấn đề công cụ, nước, cải tạo đất, phân, giống, thời vụ...

Về vấn đề cải tiến công cụ, thì hợp tác xã Định-công đã sắm được máy bơm, máy phát điện, máy kéo loại nhỏ, nhiều xe cải tiến. Hợp tác xã Hải-quang đã 17 năm làm thủy lợi, đào đắp 800.000m^3 đất, chủ động được tưới tiêu. Nhiều hợp tác xã đã hết sức chú trọng giải quyết vấn đề phân bón, đặc biệt là đã tự tạo ra nguồn phân hữu cơ mà không ỷ lại phân hóa học. Do đẩy mạnh chăn nuôi cho nên hợp tác xã Vũ-thắng đã có thể bón 20 tấn phân hữu cơ/héc-ta. Hợp tác xã Hải-quang đã có phong trào "biển bèo dâu, rừng điền thanh" làm cho tất cả diện tích đầm và ải đều phủ kín bèo dâu. Ở các hợp tác xã đó, đã có một cuộc cách mạng trong khâu giống. Hầu như toàn bộ các giống cũ đã được thay bằng giống mới có năng suất cao hơn. Các hợp tác xã nói trên cũng hết sức chú trọng điều hành sản xuất theo lịch canh tác một cách nghiêm ngặt, triệt để bảo đảm thời vụ, v.v...

Những cái mới về khoa học và kỹ thuật xuất hiện trong nông thôn là mầm mống của một cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hết sức rộng lớn và độc đáo trong nền nông nghiệp nước ta. Dựa vào chế độ xã hội ưu việt, vào con người thông minh và dũng cảm được tổ chức lại, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật nhất định sẽ khắc phục được những sự yếu kém về trình độ trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý, để đưa nền nông nghiệp nước ta tiến lên một bước mới.

★

Trong phần IV tác giả nêu lên ý nghĩa quan trọng của phương thức hoạt động khoa học — kỹ thuật theo chương trình và đề cập đến vấn đề xây dựng nền khoa học — kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến ở nước ta. Chúng tôi lược bớt phần này. BBT.

★

Digitized by Google

KẾT LUẬN

Bước sang kỷ nguyên mới, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta đang hăng hái thi đua, thực hiện cuộc tiến quân vĩ đại vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, đồng thời nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu kiên quyết, bảo vệ sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh, bảo vệ Tổ quốc thân yêu.

Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là cả một quá trình phát triển tổng hợp của ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Quá trình ấy cũng là quá trình xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; là quá trình hình thành và xây dựng từng bước chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Trong những năm trước mắt, Nghị quyết của Đảng lại đề ra nhiệm vụ hàng đầu là tập trung lực lượng cả nước, phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Chính để phục vụ nhiệm vụ hàng đầu ấy mà hiện nay, chúng ta đang *tập trung lực lượng tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp*

Là một bộ phận rất quan trọng của cách mạng khoa học — kỹ thuật nói chung, cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp phải kết hợp chặt chẽ với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa, tạo nên những biến đổi sâu sắc trong toàn bộ lực lượng sản xuất ở nông thôn nước ta, trong cơ cấu tổ chức sản xuất và trong quản lý nền kinh tế nông nghiệp. Đó là con đường *đưa nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa* ngày càng hiện đại với năng suất lao động cao, sản phẩm hàng hóa nhiều, thỏa mãn ngày càng đầy đủ hơn những nhu cầu về lương thực, thực phẩm, về nguyên liệu cho công nghiệp, về nguồn hàng xuất khẩu, đồng thời đáp ứng yêu cầu xây dựng quốc phòng vững mạnh. Đó là con đường làm cho *nông nghiệp ngày càng thật sự trở thành cơ sở để phát triển công nghiệp*, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng nền kinh tế công — nông nghiệp ngày càng hiện đại của nước ta.

Như đã trình bày trong các phần trên, cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp ở nước ta, do đặc điểm cụ thể về nhiều mặt, cho nên có nhiều thuận lợi rất cơ bản, đồng thời có nhiều khó khăn phải vượt qua, nhiều trở ngại phải khắc phục. Cũng như trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, *sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất quyết định mọi thắng lợi* của cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp. Bởi vậy, để tạo nên một *sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và về tổ chức thực tiễn*, chúng ta phải làm cho cách mạng khoa học - kỹ thuật thật sự trở thành một trong những nội dung chủ yếu của sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, của sự quản lý của chính quyền các cấp, làm cho công tác lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước thể hiện sâu sắc *sự thống nhất giữa tính cách mạng và tính khoa học*. Đi theo đường lối của Đảng, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa, toàn thể nhân dân lao động nước ta sẽ dấy lên một phong trào cách mạng sâu rộng, đẩy mạnh hoạt động sản xuất trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, tạo nên

Digitized by Google

những bước phát triển vượt bậc trong nông nghiệp; đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật nói chung, tạo nên những thành tựu vượt bậc của cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp. Chỉ trên cơ sở một *phong trào cách mạng* của đông đảo quần chúng, trên cơ sở động viên và tổ chức được hàng chục triệu nông dân lao động, công nhân trong nông nghiệp hăng hái vươn lên, tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận khoa học — kỹ thuật, chúng ta mới có thể tạo nên và phát huy được sức mạnh tổng hợp to lớn, đưa cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp đến thắng lợi.

Ở đây, cần nhấn mạnh *trách nhiệm nặng nề và vẻ vang của đội ngũ các cán bộ khoa học và kỹ thuật, các cán bộ lãnh đạo và quản lý trên mặt trận nông nghiệp.* Mỗi cán bộ chúng ta phải không ngừng nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, nhiệt tình và quyết tâm cách mạng; nhưng chỉ như thế chưa đủ, vì cách mạng là hành động tự giác, đòi hỏi chúng ta phải có tri thức khoa học, phải nắm được quy luật phát triển của tự nhiên, của xã hội, quy luật phát triển của nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp ở nước ta. *Cách mạng, khoa học, trung thực, đoàn kết*, nghiên cứu hăng say, học tập và công tác không mệt mỏi, mỗi cán bộ chúng ta phải phấn đấu trở thành một chiến sĩ cách mạng trên mặt trận khoa học và kỹ thuật. Các cơ sở nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, từ các viện đến các trạm, trại, các phòng thí nghiệm trong các trường, cần nhận rõ nhiệm vụ, xác định phương hướng, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt nhất các chương trình và đề tài nghiên cứu đã đề ra.

Chúng ta tin tưởng rằng, trong thời gian tới, ở các đơn vị sản xuất cơ sở, các hợp tác xã, các nông trường, cho đến các huyện, các tỉnh trên khắp mọi miền của đất nước, sẽ xuất hiện ngày càng nhiều những điển hình tốt, những lá cờ đầu về lao động sản xuất, về áp dụng tiến bộ khoa học — kỹ thuật. Trong đội ngũ các cán bộ khoa học — kỹ thuật sẽ xuất hiện nhiều công trình khoa học và kỹ thuật có ý nghĩa lớn về lý luận cũng như về thực tiễn. Trong đông đảo quần chúng nông dân lao động sẽ xuất hiện nhiều thành tích mới về sáng kiến phát minh, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, tăng thêm hiệu quả kinh tế. Đó là những nhân tố quan trọng góp phần tạo nên những biến đổi cách mạng trên mọi mặt của đời sống kinh tế — xã hội ở nông thôn nước ta.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và tinh thần tự lực tự cường, nhân dân lao động nước ta nhất định *hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, góp phần phát triển vượt bậc nông nghiệp, đưa nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, đồng thời *xây dựng thành công nền khoa học — kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến ở nước ta.* Làm được như vậy cũng tức là làm đúng lời dạy của Hồ Chủ tịch kính yêu: « ...Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng nhằm nâng cao năng suất lao động, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi » (17).

---

(17) « Bài nói của Hồ Chủ tịch tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội nghị phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt-nam », *Học tập và làm theo lời Bác dạy*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, trang 59 — 60.

Digitized by Google

Công tác giá cả trong tình hình mới

HOÀNG-ANH

NHỮNG QUAN ĐIỂM CẦN NẮM VỮNG VỀ CÔNG TÁC GIÁ CẢ

CHÚNG ta đều biết, *giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa*, và giá trị của mỗi hàng hóa là do lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa ấy quyết định. Chúng ta nói lượng lao động xã hội cần thiết để làm ra một sản phẩm tức là nói năng suất lao động trung bình của xã hội trong khoảng thời gian làm ra sản phẩm đó. Chính lượng lao động xã hội cần thiết ấy (bao gồm cả lao động sống và lao động quá khứ) là cái thước đo giá trị của hàng hóa này hay hàng hóa khác; và giá trị hàng hóa được biểu hiện bằng tiền gọi là giá cả.

Về nguyên tắc, giá cả ít nhất phải bù đắp được sự tiêu hao sức lao động trong sản xuất. Với số tiền thu được do bán sản phẩm, người ta có thể mua sắm những thứ cần thiết cho nhu cầu sản xuất và đời sống của cá nhân và gia đình. Một chính sách giá cả đúng đắn có tác động thúc đẩy phân công lao động xã hội, nhằm tạo ra năng suất lao động ngày càng cao.

Kinh tế càng phát triển, năng suất lao động ngày càng cao, chi phí vật chất và tiêu hao lao động sống trong sản xuất ngày càng giảm. Phần sản phẩm và giá trị dôi ra gọi là sản phẩm thặng dư, giá trị thặng dư. Do trình độ sản xuất của xã hội ngày càng cao, khả năng tạo ra sản phẩm thặng dư và giá trị thặng dư ngày càng nhiều. Lẽ ra, những sản phẩm thặng dư và giá trị thặng dư ấy phải được sử dụng cho lợi ích sản xuất và đời sống của nhân dân lao động, nhưng giai cấp tư sản nắm tư liệu sản xuất trong tay, đã tước đoạt những giá trị thặng dư ấy. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giá cả là công cụ trong tay giai cấp bóc lột để tước đoạt giá trị thặng dư mà nhân dân lao động sáng tạo ra. Cái gọi là "tự do trao đổi", "thuận mua vừa bán" trong xã hội tư bản chủ nghĩa về thực chất chỉ là "tự do bóc lột, tự do làm giàu, tự do tiêu xài" về phía giai cấp tư sản, và "tự do bị bóc lột, tự do đói rét, nghèo nàn" về phía nhân dân lao động. Điều đó, chúng ta đã thấy khi đất nước ta còn ở dưới ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, tình trạng ấy diễn ra một cách phổ biến, muôn hình muôn vẻ. Nhìn bên ngoài xã hội tư bản chủ nghĩa thì cuộc sống có vẻ phong phú lắm, "có tiền

Digitized by Google

mua tiên cũng được», nhưng sự phong phú ấy chỉ dành riêng cho giai cấp bóc lột mà thôi.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, vì còn sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa, Nhà nước sử dụng hệ thống giá cả làm *phương tiện phục vụ sản xuất, thúc đẩy việc phân công lao động xã hội; khuyến khích tăng năng suất lao động, cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật* để làm ra giá trị sử dụng nhiều nhất với chi phí sản xuất thấp nhất, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trên cơ sở trình độ sản xuất và kỹ thuật ngày càng cao. Hiện nay, sau khi nước ta được hoàn toàn giải phóng dân tộc ta được độc lập tự do, nhân dân ta tập trung sức vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, quyết tâm đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ là phổ biến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết của Bộ chính trị về công tác giá cả trong tình hình mới ra ngày 4-1-1978 đã nêu rõ yêu cầu đối với giá cả là:

«Hệ thống giá phải thể hiện đầy đủ các quy luật kinh tế, lấy kế hoạch làm khâu trung tâm, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phục vụ công cuộc phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hóa, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, nhằm bảo đảm tận dụng lực lượng lao động, tài nguyên, đất, rừng, biển và mọi tư liệu sản xuất khác, làm ra nhiều giá trị sử dụng với hiệu quả kinh tế ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Trên quy mô cả nước, giá phải phục vụ và thúc đẩy việc tổ chức lại nền sản xuất xã hội, phân công mới lao động, hình thành cơ cấu kinh tế mới gắn bó công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, đẩy mạnh xuất khẩu để có thể tăng cường nhập khẩu kỹ thuật hiện đại.

Giá phải phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển với tốc độ nhanh, đẩy mạnh cách mạng khoa học-kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động xã hội, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

Giá phải kết hợp chặt chẽ với các công cụ phân phối thu nhập quốc dân như tiền lương, lợi nhuận, với việc phân phối hàng hóa hợp lý, nhằm bảo đảm quan hệ đúng đắn giữa tích lũy và tiêu dùng, bảo đảm thu nhập thực tế của người lao động, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, đồng thời mở rộng phúc lợi công cộng và bảo hiểm xã hội trên cơ sở phát triển sản xuất.

Giá phải phục vụ và thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ hàng đầu hiện nay là ra sức phát triển nông nghiệp, mở rộng diện tích canh tác, chuyên canh và thâm canh trên đất thục cũng như đất mới, phát triển mạnh chăn nuôi, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, tăng cường và cải tiến quản lý, tăng năng suất lao động trong nông nghiệp.

Giá phải phục vụ và thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam đối với thương nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp tư nhân và nông nghiệp cá thể, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước, mở rộng trận địa kinh tế xã hội chủ nghĩa, thu hẹp thị trường không có tổ chức».

Từ một nền nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta phải nhìn thấy rõ những chỗ yếu trong nền kinh tế nước ta để ra sức khắc phục. Đó là cơ sở vật chất và kỹ thuật còn rất yếu, nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá nặng nề, trình độ sản xuất và năng suất lao động rất thấp. Cũng như các chính sách lớn khác của Đảng và Nhà nước, chính sách giá cả phải chú ý đầy đủ tình hình ấy và phải có tác dụng làm biến đổi tình hình ấy, chứ

Digitized by Google

không phải là thừa nhận và duy trì tình hình ấy. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ: « Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, sâu sắc và triệt để. Đó là quá trình kết hợp cải tạo với xây dựng mà xây dựng là chủ yếu. Đó là quá trình xóa bỏ cái lạc hậu, phát huy cái tiến bộ, cải tạo cái cũ, xây dựng cái mới. » Chính sách giá cả và công tác giá cả phải phục vụ và thúc đẩy mạnh mẽ quá trình biến đổi cách mạng ấy.

Để phát huy tác dụng của giá cả phục vụ nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước, Nghị quyết của Bộ chính trị đã nêu rõ: « Giá phải bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất theo những định mức kinh tế — kỹ thuật trung bình tiên tiến và có lợi nhuận thỏa đáng, thể hiện cả hai mặt nghĩa vụ và quyền lợi đối với đơn vị kinh tế và người sản xuất ».

Dưới chế độ ta, Đảng và Nhà nước hết sức chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, đồng thời đòi hỏi mọi người phải nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, đem hết sức lực khai thác mọi khả năng đất đai và tài nguyên, làm ra khối lượng sản phẩm ngày càng lớn nhằm thỏa mãn nhu cầu về đời sống của nhân dân, không ngừng mở rộng sản xuất và tăng cường quốc phòng. Nhiệm vụ to lớn ấy chỉ có thể được thực hiện khi mọi người hiểu rõ nhiệm vụ của mình, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, không ngừng tăng năng suất lao động, lao động cho xã hội và cho bản thân mình, lao động cho hôm nay và cho cả ngày mai. Có như vậy, chúng ta mới có thể đuổi kịp những nước đã phát triển trước nước ta hàng trăm năm.

Mặt khác, với sản phẩm làm ra, ngoài phần tiêu dùng của những người lao động và gia đình họ, Nhà nước phải nắm được phần lớn sản phẩm hàng hóa để bảo đảm cung cấp một cách vững chắc cho nhu cầu sản xuất chung của xã hội và cho đời sống nhân dân, bảo đảm thu nhập thực tế của người lao động. Nhà nước có thu mua được khối lượng nông sản hàng hóa ngày càng lớn, thì mới có nông sản để cung cấp cho công nhân viên chức, cán bộ, cho những người làm ở các ngành nghề khác, mới có thể thúc đẩy được các ngành khác sản xuất ngày càng nhiều tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng, xây dựng thủy lợi... phục vụ nông nghiệp. Đó là con đường bảo đảm vững chắc nhiệm vụ đưa nông nghiệp nước ta từ sản xuất nhỏ, lạc hậu, lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Mọi hành động đi theo sự quyến rũ của thị trường vô tổ chức; chạy theo việc nâng giá, phá giá của bọn đầu cơ lũng đoạn thị trường, đều làm rối loạn kế hoạch sản xuất, làm rối loạn sự phân công lao động xã hội, gây khó khăn cho việc quản lý hợp tác xã, quản lý Nhà nước.

Giá cả biểu hiện các mối quan hệ lớn trong xã hội: quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa đời sống thành thị và đời sống nông thôn, giữa tích lũy và tiêu dùng... Giá cả có quan hệ mật thiết đến tiền lương. Mọi sơ hở về chính sách giá cả, về quản lý giá cả không những tác động tiêu cực trong từng ngành, từng địa phương, mà còn ảnh hưởng không tốt đến các ngành, các địa phương khác. Vì vậy, Nhà nước phải quản lý thống nhất giá cả đối với những sản phẩm có quan hệ đến quốc kế dân sinh, đề cao kỷ luật về giá cả. Mặt khác, trong thực tế sản xuất và đời sống, còn có nhiều loại sản phẩm chỉ sử dụng trong phạm vi từng ngành, chỉ tiêu dùng trong từng địa phương..., nếu thiếu sự quản lý tại chỗ, hoặc quản lý không sát, sẽ gây những sơ hở không có lợi cho sản xuất và đời sống nhân dân. Vì vậy, đi đôi với việc Chính phủ trung ương quản lý thống nhất giá cả, lại cần phải có sự phân cấp quản lý giá cả cho các ngành, các địa phương theo danh mục do Chính phủ quy

Digitized by Google

định. Có làm được như vậy, chúng ta mới phát huy được tác dụng tích cực của giá cả phục vụ sản xuất, thúc đẩy sản xuất phát triển đúng hướng, bảo đảm tốt các mối quan hệ trong xã hội.

NHỮNG NÉT LỚN VỀ TÌNH HÌNH GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC GIÁ CẢ TRONG THỜI GIAN TỚI

Ở miền Bắc nước ta, hệ thống giá cả được bắt đầu xây dựng từ những năm 1950 – 1951, và được thực hiện trong vùng kháng chiến. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giành được thắng lợi, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, căn cứ vào yêu cầu khôi phục và phát triển kinh tế, căn cứ vào tình hình giá cả ở vùng kháng chiến cũ và vùng mới giải phóng lúc bấy giờ, Nhà nước ta đã điều chỉnh giá cả ở hai vùng thành một hệ thống giá cả thống nhất, theo hướng nâng giá thu mua nông sản ở vùng mới giải phóng lên ngang với giá thu mua nông sản ở vùng kháng chiến cũ, điều chỉnh giá bán hàng công nghiệp phù hợp với yêu cầu sản xuất, kỹ thuật trong tình hình mới.

Việc thực hiện chính sách giá cả trên đây đã góp phần vào sự nghiệp khôi phục, phát triển kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh lúc bấy giờ.

Bước vào *thời kỳ kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ nhất*, trên cơ sở hệ thống giá cả đã hình thành từ sau ngày miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Nhà nước ta đã xây dựng từng bước hệ thống giá thu mua nông sản và giá bán hàng công nghiệp (tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng), nhằm bảo đảm tốt những mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa đời sống công nhân và nông dân trong bước đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Cùng với các biện pháp đầu tư, tín dụng, trên cơ sở điều tra giá trị hình thành trong thời kỳ mới, Nhà nước đã nâng giá thu mua nhiều loại nông sản lên: giá thóc từ 200đ — 225đ/1 tấn lên 270đ/1 tấn, giá các nông sản khác tăng từ 10% đến 25%. Giá nhiều loại tư liệu sản xuất như than, điện, kim khí, hóa chất, gỗ, xi-măng, một số loại máy công cụ, động cơ điện, máy kéo, máy thi công xây dựng, phương tiện vận tải đều lấy giá trị hàng hóa sản xuất trong nước làm cơ sở. Hệ thống giá bán lẻ hàng tiêu dùng về cơ bản vẫn tiếp tục ổn định; giá một số hàng công nghiệp do sản xuất trong nước phát triển, thay thế được hàng nhập khẩu như đồ sắt tráng men, giấy viết, thuốc chữa bệnh..., có giảm xuống một mức. Từ những năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Nhà nước đã áp dụng giá điều động nội bộ trong các ngành kinh tế quốc doanh.

Trong thời kỳ từ năm 1965 đến năm 1972, thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa III) «chuyển nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến», Nhà nước ta đã áp dụng nhiều biện pháp và chính sách kinh tế, trong đó có điều chỉnh chính sách giá cả, cho phù hợp với tình hình mới.

a) *Đối với nông nghiệp*, đi đôi với các biện pháp tăng cường đầu tư về thủy lợi, cung cấp vật tư kỹ thuật, trang bị cơ khí nhỏ, cung cấp những giống cây trồng và vật nuôi có năng suất cao... cho nông nghiệp, Nhà nước đã áp dụng chính sách giá thu mua thóc trong nghĩa vụ (0đ27/1kg) và giá

Digitized by Google

khuyến khích đối với số thóc ngoài nghĩa vụ (giá này cao hơn giá mua thóc trong nghĩa vụ từ 30% đến 50%). Đến năm 1970, Nhà nước điều chỉnh giá thóc trong nghĩa vụ lên 0đ30/1kg và giá thóc ngoài nghĩa vụ lên 0đ90/1kg. Giá nhiều loại nông sản khác cũng được Nhà nước điều chỉnh lên khoảng 10%, riêng về thịt lợn, Nhà nước tăng giá từ 1,45đ/1kg lên 1,75đ/1kg, đồng thời áp dụng chính sách thưởng ngoài kế hoạch 50% trên giá chỉ đạo, áp dụng chính sách khuyến khích lợn xuất chuồng có trọng lượng trên 50kg (cứ thêm 10kg/1 con thì được tăng giá mua lên 0đ10/1kg), và nâng giá mua lợn chăn nuôi tập thể lên 2đ30/1kg.

b) *Đối với hàng tiêu dùng*, Nhà nước đã phân làm 4 loại hàng và đối mới loại hàng Nhà nước có chính sách khác nhau để bảo đảm đời sống của nhân dân, khuyến khích công nghiệp địa phương phát triển và tiết kiệm tiêu dùng:

— Đối với những loại hàng thiết yếu trong đời sống nhân dân như: lương thực, muối, thịt, vải, dầu hỏa..., Nhà nước giữ giá ổn định.

— Đối với những loại hàng quan trọng như: chiếu, bát ăn cơm... do công nghiệp địa phương sản xuất, nếu bị lỗ vốn, thì các ngành sản xuất phải phấn đấu hạ giá thành xuống, và Nhà nước có thể điều chỉnh giá bán lẻ lên để khỏi bị lỗ.

— Đối với những loại hàng sản xuất và tiêu dùng tại chỗ như: cán bút, thước kẻ, đồ dùng lặt vặt trong nhà, thì Nhà nước giao cho chính quyền địa phương chỉ đạo giá một cách linh hoạt.

— Đối với những loại hàng ngoài định lượng hoặc phải nhập khẩu như: vải cao cấp, máy thu thanh, xe đạp..., thì Nhà nước cho áp dụng chính sách hai giá và giá cao.

c) *Đối với công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp và giao thông vận tải*, Nhà nước thi hành chính sách bán máy móc, vật tư kỹ thuật theo giá cung cấp cho công nghiệp trung ương, trợ giá đối với những xí nghiệp và cơ sở thủ công nghiệp sơ tán; tăng giá cước vận tải sông và tàu chạy ven biển...

Trong điều kiện miền Bắc phải gánh chịu những tổn thất rất nặng nề của chiến tranh phá hoại, sự bao vây của đế quốc Mỹ và những thiên tai lớn, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, lại phải dành sức người, sức của để chi viện tiền tuyến..., Nhà nước ta vận dụng được những *chính sách giá cả* như trên, một phần rất quan trọng là nhờ có nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Dựa vào sản xuất, thu mua và hàng viện trợ, thị trường xã hội chủ nghĩa chiếm khoảng 80% doanh số bán lẻ của xã hội; nhờ vậy, mặc dù giá cả thị trường tự do tăng đột biến, sản xuất và đời sống nhân dân vẫn được giữ vững.

Tuy nhiên, tác dụng của hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước bị hạn chế trong việc giữ giá hàng cung cấp. Nhiều mặt quản lý của Nhà nước bị buông lỏng. Nhiều chính sách, chế độ quản lý của Nhà nước, nhiều định mức kinh tế — kỹ thuật không được tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh. Trong khi đi sơ tán, các cơ quan Nhà nước, các xí nghiệp cần người đến đâu, lấy thêm đến đó, biên chế Nhà nước trong mấy năm đã tăng vọt lên; mặt khác, nhiều cơ quan xí nghiệp đã thuê mượn nhân công, trả tiền vận chuyển bốc vác, mua vật liệu... với giá cao, có lúc cao gấp 5, gấp 7 lần giá trước đây.

Tình hình trên đây dẫn đến năng suất lao động, công suất máy móc, thiết bị trong các ngành giảm xuống rất mạnh, nhiều sản phẩm từ chỗ có lãi đi đến bị lỗ vốn; trên thị trường tự do, hầu hết các loại hàng và vật tư kỹ thuật Nhà nước đều bị đem ra buôn bán với giá cao gấp 5, gấp 7

Digitized by Google

lần. Tình hình ấy gây tác động tiêu cực đến các ngành sản xuất và kinh doanh, gây khó khăn cho việc quản lý tài sản, quản lý vốn, thu mua nông sản...

Trong thời kỳ này, công tác giá cả có những khuyết điểm như: chậm điều chỉnh giá chăn nuôi, định giá thu mua thóc ngoài nghĩa vụ quá cao, gây ra những quan hệ không hợp lý giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa các hợp tác xã và các vùng với nhau; sự quản lý và kiểm tra việc chấp hành chính sách giá cả, kết hợp chính sách giá cả với các chính sách khác thiếu chặt chẽ, không ngăn chặn được tình trạng vi phạm nguyên tắc và chính sách giá cả trong các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước.

Từ sau chiến tranh phá hoại (1973) đến nay, để phát huy tác dụng của chính sách giá cả phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hóa trong tình hình mới, Hội đồng Chính phủ đã quyết định điều chỉnh giá một số mặt hàng chủ yếu như sau:

a) Tăng giá thu mua thóc trong nghĩa vụ cho những vùng sản xuất khó khăn: giá thóc vùng chiêm trũng được tăng từ 0đ30/1kg lên 0đ33/1kg; giá thóc một số vùng thuộc Nghệ-tĩnh, Quảng-bình, Vĩnh-linh được nâng lên 0đ36, 0đ38/1kg; giá ngô ở miền núi được tăng từ 0,33/1kg lên 0đ36/1kg; giá khoai lang khô được tăng từ 0đ34 lên 0đ37/1kg, riêng ở miền núi và khu IV giá khoai lang khô được nâng lên 0đ42/1kg; giá sắn lát khô được tăng từ 0,48/1kg lên 0đ52/1kg.

Giá mua màu ngoài nghĩa vụ được nâng từ 0,55/1kg lên 0,75/1kg.

b) Tăng giá mua lợn thịt của gia đình xã viên từ 1đ75 lên 2đ/1kg. Ở các vành đai thực phẩm, giá ấy được tăng thêm 0đ20/1kg. Giá mua lợn thịt ngoài nghĩa vụ được khuyến khích 50% trên giá mua cơ bản; giá bò thịt, trâu thịt cũng được điều chỉnh lên từ 10% đến 30%.

c) Giá mua nhiều sản phẩm cây công nghiệp như: đỗ tương, lạc, đỗ xanh và đỗ đen, vừng, đay, gai, kén tằm, hồi, quế... cũng được điều chỉnh lên từ 25% đến 30% và chính sách giá khuyến khích bán sản phẩm vượt kế hoạch cao hơn giá cơ bản từ 20% đến 50% đã được áp dụng

đ) Giá tư liệu sản xuất cung cấp cho nông nghiệp vẫn được giữ nguyên như cũ, tiền thuê máy kéo làm đất giảm từ 30đ/1 ha tiêu chuẩn xuống 21đ/1 ha tiêu chuẩn, giá điện ngoài lưới giảm từ 180đ/1000kw giờ xuống 100đ/1000kw giờ.

Mức giá hàng tiêu dùng bán cho nông dân không thay đổi so với trước.

Ở miền Nam nước ta, trước ngày giải phóng, hệ thống giá cả không phản ánh đúng giá trị của hàng hóa trong nước. Dựa vào viện trợ của Mỹ và chính sách thực dân mới, ngụy quyền Sài-gòn và bè lũ tay sai đã mua nguyên liệu, máy, phụ tùng và hàng tiêu dùng với giá đặc biệt rẻ đem về bán cho dân, khiến cho *nền kinh tế trong nước phụ thuộc vào kinh tế nước ngoài và gây ra những tập quán tiêu dùng không có lợi cho nền kinh tế trong nước*. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, lợi dụng những khó khăn của nền kinh tế sau chiến tranh và những sơ hở của ta trong quản lý kinh tế, giai cấp tư sản hoạt động đầu cơ lũng đoạn thị trường, đẩy giá hàng lên, gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống của nhân dân, cho công tác quản lý của Nhà nước.

Để bảo đảm yêu cầu khôi phục và phát triển kinh tế, khuyến khích sản xuất, mở rộng lưu thông hàng hóa, góp phần ổn định đời sống của nhân dân, Nhà nước ta đã quy định giá những mặt hàng thiết yếu của sản xuất và đời sống nhân dân, hình thành hệ thống giá thu mua nông sản, lâm sản,

Digitized by Google

hải sản, giá bán tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng ở miền Nam.

— Nâng giá thu mua các loại nông sản như: lúa, màu, thịt lợn, các loại cây công nghiệp chủ yếu từ 15% trở lên so với giá đã hình thành trước ngày giải phóng.

— Giữ giá cung cấp tư liệu sản xuất cho nông nghiệp theo giá trước ngày giải phóng, mặc dầu giá nhập nhiều tư liệu sản xuất cao hơn nhiều so với giá bán.

— Ổn định giá bán lẻ những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như gạo, đường, muối, dầu hỏa, giấy viết..., đồng thời điều chỉnh một số mặt hàng khác để khuyến khích sản xuất trong nước và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống nhất giá cả trong cả nước.

Tuy nhiên, do các thành phần kinh tế tư nhân chưa được cải tạo, giai cấp tư sản còn nắm trong tay hàng hóa và một khối lượng lớn tiền mặt, lại sẵn có một hệ thống tư thương có chân rết khắp nơi, ra sức đầu cơ, tích trữ hàng hóa, mặt khác do việc tổ chức thu mua, phân phối của Nhà nước còn quá yếu, việc quản lý thị trường bị buông lỏng, cho nên tác dụng của hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước bị hạn chế.

Nhìn chung, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, hệ thống giá cả đã từng bước được xây dựng, điều chỉnh, bổ sung theo yêu cầu của cách mạng trong từng thời kỳ. Trong việc nghiên cứu cũng như trong việc chấp hành, có mặt làm tốt, có mặt chưa làm tốt. Đảng và Nhà nước ta luôn luôn chăm lo đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Trong những lúc tình hình kinh tế rất khó khăn, ngoài những chính sách đầu tư, tín dụng và nhiều chủ trương, biện pháp khác, Nhà nước đã cố gắng giữ giá cung cấp tư liệu sản xuất cho nông nghiệp, ổn định giá bán hàng tiêu dùng cho nhân dân, từng bước điều chỉnh và nâng giá mua nông sản, hải sản, lâm sản. Những chính sách ấy đã có tác dụng phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hóa, phục vụ và thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Nhưng do sự tàn phá nặng nề của chiến tranh và hậu quả của nó, do việc quản lý kinh tế bị buông lỏng kéo dài, không những gây ra những thiệt hại về tài sản, về tiền vốn và sản phẩm xã hội, mà còn gây ra nếp làm ăn không tính toán, làm ăn với bất cứ giá nào, gây ra tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước, ỷ lại vào cấp trên, ỷ lại vào nước ngoài..., cho nên, năng suất lao động xã hội còn quá thấp, sản phẩm làm ra không tăng kịp với nhu cầu.

Mặt khác, do những thiếu sót và sơ hở trong việc thu mua nông sản, trong việc tổ chức phân phối vật tư hàng hóa, trong công tác quản lý thị trường, quản lý giá cả, quản lý tiền tệ của Nhà nước, bọn gian thương, bọn đầu cơ có điều kiện nắm một phần quan trọng nông sản, lâm sản, hải sản, hàng công nghiệp. Chúng ra sức lũng đoạn thị trường, lũng đoạn giá cả, đẩy giá nhiều loại hàng trên thị trường vọt lên.

Trước tình hình ấy, thái độ của chúng ta không phải là chấp nhận mọi hậu quả của những sơ hở và thiếu sót về quản lý của ta và những tác động tiêu cực, quấy rối thị trường của bọn gian thương, của bọn đầu cơ lũng đoạn, của những hiện tượng lãng phí, ăn cắp, mà nâng giá nông sản lên, và đi theo đó phải nâng giá hàng công nghiệp, rồi lại phải tăng lương..., cuối cùng chẳng đưa lại lợi ích gì cho sản xuất và đời sống nhân dân cả.

Thái độ đúng đắn của chúng ta là phải tập trung sức chặn đứng và khắc phục những nhược điểm và sơ hở trong quản lý sản xuất, quản lý lưu thông phân phối, trong quản lý kinh tế tài chính của các ngành kinh tế Nhà nước, đấu tranh không khoan nhượng chống bọn đầu cơ bóc lột, bọn gian thương, bọn ăn cắp..., ra sức phát

Digitized by Google

huy tác dụng của hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước làm công cụ phục vụ nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước, và củng cố thị trường xã hội chủ nghĩa, cải tạo thị trường vô tổ chức, chứ không phải là chạy theo giá cả tự phát trên thị trường vô tổ chức.

Chúng ta chấp hành chính sách giá cả trong điều kiện nước nhà độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta có lực lượng lao động dồi dào, có đất đai và tài nguyên phong phú. Sau hơn 20 năm xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và sau gần 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, chúng ta đã tích lũy được những kinh nghiệm và kiến thức rất quý... Đó là những thuận lợi rất to lớn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta, nhiều nhân tố mới xuất hiện trong nhiều ngành, ở nhiều địa phương, ở các cơ sở... đang mở ra những triển vọng rất đáng phấn khởi.

Tuy nhiên, khó khăn trước mắt còn rất nhiều, nền kinh tế quốc dân còn mất cân đối nghiêm trọng trên nhiều mặt:

— Năng suất lao động xã hội còn quá thấp. Qua việc điều tra chi phí sản xuất trong nhiều hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, những năm gần đây, chúng ta thấy chi phí vật chất và tiêu hao lao động để làm ra một tạ thóc hay một đơn vị nông sản khác đã không giảm xuống mà tăng lên. Đó là một điều không bình thường trong quản lý sản xuất. Trong khi ở các nước công nghiệp tiên tiến, người ta tính thì giờ lao động phải tiêu tốn để làm ra 1 tạ gạo theo *số phút*, và ở một số nước khác, người ta tính thì giờ lao động ấy theo *số giờ*, thì chúng ta phải mất hàng chục ngày lao động để làm ra 1 tạ thóc.

— Hiện nay, trong các ngành công nghiệp, vận tải, xây dựng..., tài sản cố định tăng lên rất nhiều so với trước, nhưng nhìn chung chung ta chưa đạt được những định mức về năng suất lao động, về tiêu phí vật chất, về sử dụng công suất máy móc, thiết bị đã đạt được trong những năm trước chiến tranh. Tổng quỹ tiền lương đã tăng nhanh hơn mức tăng thu nhập quốc dân. Đó là điều rất đáng lo ngại.

Lực lượng lao động xã hội không được sử dụng hợp lý, hàng triệu người chưa được bố trí công ăn việc làm thích hợp, số ngày làm việc trong một năm, số giờ làm việc trong một ngày còn quá ít và năng suất lao động còn rất thấp, trong khi đó nhiều đất đai, tài nguyên, máy móc thiết bị, vật tư không được sử dụng để làm ra sản phẩm cho xã hội. Đó là mặt mất cân đối lớn và bao trùm hiện nay.

— Với sản phẩm làm ra, ngoài phần tiêu dùng trong sản xuất và tiêu dùng cho đời sống của người lao động, Nhà nước phải nắm phần lớn sản phẩm hàng hóa của xã hội để phân phối theo lợi ích của chủ nghĩa xã hội. Nhưng cho đến nay, việc thu mua nắm nông sản, lâm sản, hải sản trong tay Nhà nước làm chưa tốt. Kỷ luật giao nộp sản phẩm trong nhiều ngành kinh tế quốc doanh không được chấp hành nghiêm chỉnh. Tư thương và những phần tử đầu cơ không những nắm một phần quan trọng nông sản, hải sản, mà còn nắm một phần những sản phẩm do xí nghiệp quốc doanh sản xuất, những vật tư, nguyên liệu và hàng hóa nhập khẩu. Với khối lượng hàng hóa, tiền vốn trong tay và hệ thống tư thương, bọn gian thương đã ra sức lũng đoạn thị trường, lũng đoạn giá cả..., gây ra những biến động về giá cả, căng thẳng về cung cầu một cách giả tạo để kiếm lời.

— Số sản phẩm còn lại trong tay Nhà nước không được quản lý, sử dụng một cách hợp lý và tiết kiệm. Tình trạng lãng phí, tham nhũng, ăn cắp của công còn xảy ra ở nhiều nơi

Digitized by Google

Trong việc phân phối tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng cho nhân dân, khuyết điểm và nhược điểm đáng chú ý là phân phối không đúng đối tượng, không đủ số lượng, không bảo đảm phẩm chất và gây nhiều phiền hà cho dân... Một số vật tư, hàng tiêu dùng đến khâu bán buôn và bán lẻ lại lọt vào tay của bọn đầu cơ, bọn ăn cắp...

Tình hình trên đây đòi hỏi chúng ta phải có những nỗ lực rất lớn, ra sức phát huy khả năng và thuận lợi, khắc phục những nhược điểm và khó khăn, tập trung sức giải quyết các mặt mất cân đối lớn trong nền kinh tế quốc dân, từ sản xuất đến lưu thông phân phối. Bất cứ một chế độ xã hội nào, dù là phong kiến, tư bản hay xã hội chủ nghĩa, phải có phương thức sản xuất và phân phối phù hợp với chế độ xã hội đó. Đấu tranh để thực hiện phương thức sản xuất và phân phối xã hội chủ nghĩa, cải tạo phương thức sản xuất và phân phối có hại cho chủ nghĩa xã hội là biểu hiện của cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Chính sách giá cả và tổ chức quản lý giá cả phải kết hợp với các công cụ quản lý khác, góp phần giải quyết các mặt mất cân đối trong nền kinh tế quốc dân, bảo đảm thắng lợi cho phương thức sản xuất và phân phối xã hội chủ nghĩa; hạn chế và tiến tới xóa bỏ những phương thức sản xuất kinh doanh không có lợi cho chủ nghĩa xã hội. Làm được như vậy, chúng ta sẽ có cơ sở vững vàng để xây dựng hệ thống giá cả xã hội chủ nghĩa hoàn chỉnh và phát huy tác dụng của nó phục vụ các nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước.

Lần này, Nhà nước chỉ điều chỉnh giá một số nông sản chủ yếu, giá những tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng có liên quan nhiều đến giá nông sản; việc điều chỉnh này được tiến hành có trọng điểm, và được cân nhắc kỹ lưỡng và toàn diện.

Để thực hiện nghiêm chỉnh chính sách giá cả và tổ chức quản lý giá cả, cần làm tốt một số việc sau đây:

Về công tác tư tưởng, cần làm cho cán bộ và đảng viên hiểu rõ chính sách giá là một chính sách tổng hợp, có liên quan đến lợi ích của mọi người. Muốn có một thái độ đúng đối với chính sách giá của Đảng và Nhà nước, mọi người phải đứng trên quan điểm *toàn diện*, kết hợp đúng đắn lợi ích chung của cả nước với lợi ích riêng, lợi ích lâu dài với lợi ích trước mắt, lợi ích toàn cục với lợi ích cục bộ. Cán bộ, đảng viên là người phải thấu suốt đường lối chính sách của Đảng trước ai hết; phải tuyên truyền giải thích cho mọi người hiểu rằng chính sách giá của Đảng bảo đảm bù đắp lại chi phí sản xuất và có mức khuyến khích thỏa đáng, và yêu cầu mỗi người, mỗi hợp tác xã phải ra sức lao động, sản xuất, tiết kiệm để có nhiều nông sản bán cho Nhà nước, để tăng thu nhập; đó là con đường đúng đắn nhất. Chính sách giá không chỉ thể hiện quan hệ mua bán giữa Nhà nước với nhân dân, mà còn thể hiện việc Nhà nước cùng nhân dân chăm lo phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, xây dựng Tổ quốc giàu mạnh. Vấn đề lớn và cấp bách được đặt ra cho nhân dân và Nhà nước ta là phải làm thế nào, với lực lượng lao động sẵn có, với đất đai và tài nguyên phong phú, làm ra thật nhiều sản phẩm, với năng suất lao động, năng suất đất đai cao nhất. Có như vậy, nước mới mạnh, dân mới giàu.

Đảng ta yêu cầu đảng viên và cán bộ, một mặt phải gương mẫu chấp hành chính sách giá cả, mặt khác phải ra sức tuyên truyền giải thích chính sách ấy cho nhân dân, làm cho nhân dân hiểu và đồng tình. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức rằng: khi nghiên cứu chính sách giá cả, mỗi người phải tích cực tham gia ý kiến.

Digitized by Google

góp phần làm cho chính sách được công bằng, hợp lý, nhưng khi chính sách đã được ban hành thì mọi người phải chấp hành chính sách ấy một cách nghiêm chỉnh. Đó là thái độ đúng đắn của mỗi cán bộ, đảng viên và đó là kỷ luật của Đảng.

Về mặt *tổ chức thực hiện*, cán bộ chúng ta cần nhận rõ gốc của giá cả là sản xuất, vì vậy, các vấn đề năng suất lao động xã hội, thu mua nắm sản phẩm hàng hóa trong tay Nhà nước, tổ chức phân phối theo nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa có quan hệ mật thiết với nhau. Muốn thực hiện tốt chính sách giá cả, chúng ta phải gắn việc thực hiện chính sách giá cả với việc thực hiện chính sách lương thực, với việc giao kế hoạch sản xuất và bán lương thực, bán nông sản cho Nhà nước theo hợp đồng hai chiều. Các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước bảo đảm cung cấp cho hợp tác xã, cho nông dân những tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng theo số lượng, thời gian mà hai bên thỏa thuận; ngược lại, các hợp tác xã và nông dân bảo đảm bán cho Nhà nước một khối lượng nông sản vào những thời gian cụ thể..., giá mua và giá bán đều theo giá chỉ đạo của Nhà nước. Nghĩa vụ của cả hai bên là phải tôn trọng và thực hiện đầy đủ những điều đã được ký kết trong hợp đồng. Những đơn vị làm vượt mức đã ký kết trong hợp đồng thì được thưởng theo chính sách, những đơn vị hoặc cá nhân không thực hiện đầy đủ hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm về kinh tế do việc đó gây ra. Kết hợp chặt chẽ chính sách giá cả với kế hoạch sản xuất, kế hoạch cung cấp vật tư hàng hóa và kế hoạch thu mua nông sản theo hợp đồng hai chiều là cách bảo đảm vững chắc cho sản xuất, đồng thời bảo đảm cho Nhà nước nắm nông sản hàng hóa. Đó là quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với hợp tác xã và nông dân trong tình hình mới.

Mặt khác, phải kiên quyết đấu tranh chống mọi sự phá rối của bọn đầu cơ, buôn lậu, quản lý chặt chẽ thị trường, và sau khi đã xóa bỏ tư sản thương nghiệp, phải tiếp tục cải tạo trung thương, tiểu thương và tổ chức tốt việc phân phối vật tư, hàng hóa của thương nghiệp quốc doanh, của các cơ sở cung ứng vật tư, của các hợp tác xã mua bán. Công tác này đòi hỏi phải có sự nỗ lực rất lớn của các ngành, các cấp, phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa trung ương và địa phương, giữa các ngành...; phải có sự chỉ đạo chặt chẽ của các ngành, các cấp từ sản xuất đến lưu thông phân phối, trên địa bàn từng tỉnh, từng thành phố, từng huyện, nhằm bảo đảm yêu cầu của sản xuất và đời sống của nhân dân.

★

Bất cứ làm một việc gì, từ làm không tốt phấn đấu chuyển sang làm cho tốt cũng đều có những khó khăn nhất định. Hơn nữa, công tác giá cả là một công tác lớn và phức tạp, liên quan trực tiếp đến mọi người, mọi ngành, mọi cấp, và phải thực hiện cùng một lúc với việc giao kế hoạch sản xuất, xác định kế hoạch cung ứng vật tư hàng hóa và bảo đảm sản xuất, kế hoạch thu mua lương thực, thu mua nông sản theo hợp đồng hai chiều.. Do đó, việc thực hiện chính sách này gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Nhưng với sự nhất trí cao của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đối với đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, nhất định chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, vướng mắc, thực hiện tốt chính sách giá cả, góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, Hội nghị lần thứ 3 của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Digitized by Google

VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

CỦ-HUY-CẬN

NÔNG thôn nước ta đang biến đổi sâu sắc và toàn diện qua nhiều bước nhảy vọt khác nhau trong một thời gian tương đối ngắn. Nông thôn miền Bắc đang vượt qua giai đoạn hợp tác giản đơn, mở rộng quy mô hợp tác xã kết hợp với xây dựng kinh tế, văn hóa trên địa bàn huyện, từng bước xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng nông thôn mới, cuộc sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Nông thôn miền Nam đang từng bước xây dựng lối làm ăn tập thể, đi vào hợp tác hóa nông nghiệp nhằm khai thác tốt nhất những khả năng tiềm tàng to lớn của đất đai và lao động, vĩnh viễn xóa bỏ bóc lột, bất công, xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp. Công tác văn hóa và thông tin phải bám sát và phục vụ đắc lực những nhiệm vụ cụ thể đó ở nông thôn mỗi miền.

Yêu cầu và nội dung của công tác văn hóa và thông tin ở nông thôn hai miền hiện nay tuy có những điểm cụ thể khác nhau, nhưng ở đâu nó cũng đều phải làm cho nhân dân *thấu suốt những tư tưởng và quan điểm cơ bản của Đảng về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới*: phát triển nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế thống nhất công – nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp gắn liền với xây dựng nông thôn mới; phát triển sức sản xuất gắn liền với hoàn thiện quan hệ sản xuất; phấn đấu thực hiện cả 3 mục tiêu của nông, lâm, ngư nghiệp mà trọng tâm là giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm; phát triển đồng thời cả trồng trọt và chăn nuôi, lúa và màu; thâm canh tăng vụ đi đôi với khai hoang mở rộng diện tích canh tác; bán lương thực cho Nhà nước là nghĩa vụ để xây dựng đất nước, xây dựng nông thôn và xây dựng cuộc sống lâu dài của chính mình, v.v...

Công tác văn hóa và thông tin ở miền Nam hay ở miền Bắc cũng đều phải nhằm phương hướng chung là *bồi dưỡng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ tập thể của giai cấp công nhân cho nông dân, trước hết là cho cán bộ và đảng viên ở nông thôn*. Từ một quan niệm cũ kỹ "đến nhà ai rạng nhà ấy", đến một quan niệm mới "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người" là một cuộc đấu tranh bền bỉ, liên tục trong xã hội và trong bản thân mỗi người, về thế giới quan, về nhân sinh quan, về phương

Digitized by Google

pháp tư tưởng, về tổ chức xã hội, về đạo đức và lối sống.

Chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn đang được xây dựng trên cơ sở hợp tác hóa nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đó phải tiến hành hàng loạt biện pháp về tổ chức, về giáo dục, về pháp chế trên từng lĩnh vực cụ thể, nhưng trước hết phải làm tốt công tác giáo dục chính trị và tư tưởng. Nông dân Việt-nam ta vốn giàu lòng yêu nước, sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn khi Tổ quốc lâm nguy. Tinh thần yêu nước ấy cần được phát huy, vận dụng vào hoàn cảnh mới, gắn liền yêu nước với yêu chủ nghĩa xã hội để làm cơ sở cho việc xây dựng tư tưởng làm chủ tập thể. Biết bao nhiêu đơn vị và cá nhân đã nêu gương chủ động và sáng tạo hoàn thành vượt mức nhiệm vụ, tiêu biểu cho tinh thần cách mạng tiến công không ngừng, cho tinh thần làm chủ tập thể trên khắp mọi miền đất nước. Hoạt động văn hóa và thông tin phải phản ánh, miêu tả, ca ngợi, tuyên truyền sâu rộng những điển hình tiên tiến ấy, khẳng định những giá trị tư tưởng, đạo đức và lối sống xã hội chủ nghĩa ấy. Đi đôi với việc ca ngợi, hoạt động văn hóa và thông tin cần kiên trì đấu tranh, loại trừ những tàn dư tư tưởng phong kiến, tư tưởng tư sản, tiểu tư sản ra khỏi đời sống tinh thần của nhân dân ta ở nông thôn; phê phán lối sống riêng lẻ, đầu óc tư hữu hẹp hòi; từng bước khắc phục những biểu hiện tiêu cực của người sản xuất nhỏ; kiên quyết chống thói lười biếng, xoay xở, móc ngoặc, tham ô, chè chén, bè tha, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Bằng mọi phương tiện và khả năng của mình, công tác văn hóa và thông tin cần góp phần tích cực vào việc không ngừng nâng cao giác ngộ giai cấp, hiểu biết chính trị, pháp luật cho cán bộ và nhân dân. Nó phải phấn đấu làm cho tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống chính trị và tinh thần ở nông thôn, từng bước xây dựng được chế độ làm chủ tập thể vững mạnh, động viên được mọi người khắc phục khó khăn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch.

Chúng ta đang từng bước tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, đưa phương thức sản xuất công nghiệp vào nông thôn, và trong tương lai biến tất cả những người lao động ở nông thôn hiện nay thành công nhân nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc ngư nghiệp. Công tác văn hóa và thông tin có trách nhiệm *giúp cho những người lao động trên các mặt trận này dần dần nắm được những kiến thức khoa học và kỹ thuật cần thiết.* Những hiểu biết về cây trồng, về con gia súc, về đất nước, khí hậu, thời tiết, phân bón..., về vệ sinh lao động, sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng kế hoạch gia đình, v.v... rất cần thiết đối với cán bộ và nhân dân ta ở nông thôn hiện nay. Nhưng nhiều địa phương, nhiều ngành chuyên môn và cả một số cán bộ ngành văn hóa và thông tin chưa biết làm công tác tuyên truyền, giáo dục về mặt này.

Sách báo, phim ảnh trong đó có phim đèn chiếu, triển lãm, nói chuyện ở câu lạc bộ, v.v... là những phương tiện, những hình thức hoạt động có khả năng đi sâu vào từng đối tượng cán bộ và nhân dân, trực tiếp và kịp thời trả lời những vấn đề cụ thể về kỹ thuật nảy sinh trong từng lúc, từng vùng nhất định. Ví dụ, sâu rầy phá lúa xuất hiện ở một nơi nào đó, hoạt động văn hóa và thông tin không những động viên nhân dân chống sâu rầy mà còn phải tuyên truyền phổ biến kịp thời những hiểu biết cần thiết về sâu rầy và kỹ thuật tiêu diệt nó. Phạm vi những vấn đề khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp rất rộng lớn, đòi hỏi có sự phân ngành và chuyên sâu. Trong vài ba năm trước mắt, chúng

Digitized by Google

ta cố gắng xây dựng xong về cơ bản mạng lưới thư viện chuyên ngành đến cấp huyện và tương đương, đồng thời từng bước hướng dẫn tốt hoạt động của thư viện hoặc tủ sách khoa học chuyên ngành từ trung ương đến huyện và cơ sở. Những tin tức mới nhất về khoa học – kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phải được đưa đến « đúng địa chỉ », sớm nhất và kịp thời nhất, trước hết là đến cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn để tiếp sức cho họ giải quyết những mắc mứu về kỹ thuật nảy sinh trong công tác. Triển lãm sáng kiến, triển lãm thành tựu kinh tế và kỹ thuật cũng là những hoạt động thu hút được đông đảo nhân dân làm quen với khoa học và kỹ thuật. Xưởng phim thời sự tài liệu thuộc Bộ văn hóa và thông tin sẽ cùng các ngành chuyên môn về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, hải sản, v.v... sản xuất nhiều hơn nữa phim khoa học và phim tài liệu đề cập những vấn đề thiết thực, làm cho kỹ thuật từng ngành nghề đó được phổ cập nhanh chóng trong nhân dân. Chúng ta cũng nghiên cứu và tùy khả năng mà nhập những phim khoa học – kỹ thuật của nước ngoài trực tiếp liên quan đến lao động sản xuất ở nước ta. Chưa kể qua hệ thống vô tuyến truyền hình, hiện nay hằng năm chúng ta đã có trên dưới 100 triệu lượt người xem phim trong khu vực nông thôn, và con số này mỗi năm một lớn. Làm nhiều và làm tốt phim khoa học – kỹ thuật, phát triển và nâng cao chất lượng việc chiếu phim khoa học – kỹ thuật sẽ đem lại những hiệu quả đáng kể trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng lực làm chủ tập thể của cán bộ và nhân dân ta ở nông thôn.

Một đời sống văn hóa tươi vui, lành mạnh sau những giờ lao động khẩn trương sẽ làm cho người lao động thoải mái, tái tạo năng lực lao động. Đây là một nhu cầu thật sự trong đời sống của người lao động, một vấn đề có tính khoa học. Bốn cuộc điều tra cơ bản do Bộ văn hóa và thông tin tiến hành ở 4 huyện Quỳnh-lưu, Nam-ninh, Tân-lạc, Cai-lậy cho thấy dù hoàn cảnh gia đình và lứa tuổi có khác nhau, cán bộ và nhân dân ta ở nông thôn nói chung đều thiết tha muốn có được những sinh hoạt văn hóa bổ ích. Trung bình hằng ngày họ có thể dành từ 2 đến 3 giờ để đọc sách báo, nghe đài, xem phim, xem vô tuyến truyền hình, xem biểu diễn nghệ thuật hoặc tham gia những cuộc vui khác. Họ muốn thực hiện quyền làm chủ tập thể của họ về văn hóa. Chế độ thực dân cũ, nhất là chế độ thực dân mới, đã khai thác triệt để những thì giờ nhàn rỗi và nhu cầu giải trí này, vừa kinh doanh kiếm lời vừa gieo rắc những nọc độc về tư tưởng và văn hóa, phá hoại tâm hồn tuổi trẻ, tha hóa con người. Chủ nghĩa thực dân mới Mỹ đã để lại ở các vùng quân Mỹ chiếm đóng trước kia những hậu quả nặng nề về tư tưởng và văn hóa, về thẩm mỹ, về nếp sống, phải một thời gian nữa mới quét sạch được. Tổ chức tốt việc nghỉ ngơi, vui chơi giải trí cho nhân dân lao động – nhất là cho tầng lớp thanh niên – có ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển sản xuất và xây dựng nền văn hóa mới và con người mới ở nông thôn. Đây không phải một việc « không làm cũng chẳng chết ai », đây là quyền lợi thiết thân của quần chúng mà Đảng và Nhà nước ta phải quan tâm, phải quản lý chứ không thể buông lỏng, để tự phát.

Nông thôn mới đòi hỏi *một nếp sống mới*. Nếp sống mới lấy lao động có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao làm cốt lõi trong việc xây dựng mối quan hệ mới trong thôn ấp, xóm làng, trong hợp tác xã, đội sản xuất và ngay cả trong gia đình để tạo nên những gia đình văn hóa mới, thật sự dân chủ, bình đẳng, hạnh phúc. Cùng với tinh thần lao

Digitized by Google

động tự giác ấy là ý thức chấp hành mọi nghĩa vụ công dân, tôn trọng pháp luật của Nhà nước, quy ước của thôn xã, điều lệ của các tổ chức quần chúng, v.v... Chúng ta cần đẩy mạnh cuộc vận động nhân dân từng bước xóa bỏ tàn tích của nếp sống cũ, lạc hậu, trước hết xóa bỏ những hủ tục trong lễ cưới, lễ tang, giỗ chạp, những tệ nạn mê tín dị đoan đè nặng lên đời sống của người nông dân bao đời nay. Đây thật sự là một cuộc vận động cách mạng có tổ chức, có chỉ đạo, lấy kiên trì giáo dục, thuyết phục làm chính, đồng thời dùng cả biện pháp hành chính trong những trường hợp thật cần thiết để ngăn ngừa những kẻ xấu lợi dụng... Chỉ có Đảng và Nhà nước ta mới thật sự quan tâm đến nếp sống văn minh, hạnh phúc gia đình của nhân dân ta ở nông thôn. Đẩy mạnh cuộc vận động này là góp phần đắc lực vào việc thực hiện nhiệm vụ hàng đầu trên mặt trận kinh tế hiện nay là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, vào việc xây dựng nông thôn mới, xã hội chủ nghĩa.

★

Phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa là hai mặt quan hệ khăng khít với nhau. Công tác văn hóa và thông tin phục vụ sản xuất nông nghiệp là phục vụ người lao động trên mặt trận này, là thỏa mãn nhu cầu đời sống tinh thần và văn hóa của nhân dân lao động ở nông thôn.

Quá trình phục vụ việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, do đó cũng là quá trình phát triển sự nghiệp văn hóa và thông tin ở nông thôn, là quá trình xây dựng đời sống tinh thần và văn hóa mới ở nông thôn. Ở đây, phục vụ kịp thời kết hợp chặt chẽ với xây dựng lâu dài, văn hóa vừa là phương tiện vừa là mục đích, và phải được *tiến hành theo kế hoạch*: « Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đoàn thể khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân phải có phần kế hoạch phát triển văn hóa » (1). Kế hoạch phát triển văn hóa và thông tin bao gồm các mặt xây dựng và củng cố cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn, kinh phí cần thiết cho hoạt động hằng năm, các chỉ tiêu cần phấn đấu, v.v... Sự quan tâm của các cấp, các ngành, các đoàn thể đối với đời sống văn hóa của nhân dân lao động ở nông thôn phải được thể hiện bằng những chỉ tiêu kế hoạch hằng năm và bằng tinh thần phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu đó. Quần chúng giám sát chính quyền và thực hiện quyền làm chủ của mình về văn hóa và thông tin qua việc thực hiện các kế hoạch xây dựng đời sống văn hóa, phát triển sự nghiệp văn hóa và thông tin ngay ở cơ sở của mình.

Trong việc phục vụ sản xuất nông nghiệp và nông thôn, lâu nay lực lượng văn hóa và thông tin chuyên nghiệp cũng đã định ra những chỉ tiêu kế hoạch để phấn đấu như chỉ tiêu về số lượng người xem chiếu bóng, xem biểu diễn nghệ thuật, sách và văn hóa phẩm tính theo đầu người, v.v..., nhưng nói chung, chưa đi vào những chỉ tiêu chất lượng, chưa định mức phấn đấu cụ thể cho từng vùng, từng đối tượng khác nhau, chưa có ngay cả chỉ tiêu cụ thể về đề tài trong sáng tác về nông nghiệp và nông thôn... Ngành văn hóa và thông tin cũng còn thiếu những biện pháp cụ thể về chế độ doanh thu, về khen thưởng nhằm khuyến khích việc phục vụ kịp thời, sắc bén, sâu rộng lao động sản xuất ở nông thôn. Tóm lại là chưa có được [illegible] kế hoạch toàn diện và cụ thể. Vì vậy, [illegible]

(1) Chỉ thị số 08 — CT/TƯ ngày 13-4-1977 của Ban bí thư Trung ương Đảng.

Digitized by Google

tiến công tác làm kế hoạch văn hóa phục vụ nông thôn, bảo đảm cho những người sản xuất ra lương thực, thực phẩm của xã hội được xem những phim hay nhất, những sách tốt nhất, những chương trình nghệ thuật sân khấu, ca múa nhạc đặc sắc nhất. Tại sao lại cứ phải về các thị xã, các thành phố mới được thưởng thức những tác phẩm nghệ thuật hay, mới được xem các đoàn văn công Nhà nước, các nghệ sĩ tài giỏi biểu diễn? Những người lao động ở nông thôn cũng như ở thành thị đều có quyền đòi hỏi được thưởng thức, được làm chủ những giá trị văn hóa của dân tộc và của cả loài người nữa.

Xây dựng đời sống văn hóa mới ở nông thôn đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ chuyên môn, phải có hệ thống tổ chức văn hóa và thông tin từ huyện đến cơ sở được tổ chức trên cơ sở quy chế được chính quyền các cấp chấp nhận. Mỗi cơ sở khoảng trên dưới 5.000 dân đều cần có cán bộ trung cấp thư viện, trung cấp âm nhạc, đạo diễn sân khấu, cán bộ câu lạc bộ, kẻ vẽ, bảo tồn bảo tàng, trưởng ban văn hóa và thông tin có trình độ trung cấp về chuyên môn. Trước mắt, chưa thể đào tạo chính quy được đủ cán bộ chuyên môn, chúng ta phải mở những lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn ngày rồi bổ túc dần, nhưng chúng ta phải mau chóng có được quy hoạch lâu dài đào tạo đội ngũ cán bộ văn hóa và thông tin cho nông thôn nhịp nhàng với việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện.

« Việc xây dựng đời sống tinh thần và văn hóa mới ở nông thôn phải được tiến hành theo kế hoạch ở từng cơ sở và trên địa bàn huyện » (2). Vì vậy, trước mắt, các ngành, các cơ sở cần xây dựng ngay kế hoạch phát triển văn hóa và thông tin hằng năm và từ nay đến hết năm 1980, trong đó xác định rõ chỉ tiêu về xây dựng các công trình và cơ sở vật chất, về đào tạo cán bộ chuyên môn, v.v... Một số hợp tác xã, nông trường, lâm trường đã bước đầu có thư viện, nhà truyền thống, câu lạc bộ, sân khấu ngoài trời, đội văn nghệ, đội chiếu bóng... Nhưng nhìn chung, việc xây dựng kế hoạch văn hóa còn tùy tiện. Vì chưa có những tiêu chuẩn và định mức cụ thể cho nên có tình hình thu nhập tương đương mà có xã chi hằng năm 50 nghìn đồng, có xã chỉ chi 100 đồng cho hoạt động văn hóa và thông tin, có huyện chi 200 nghìn đồng để xây thư viện, có huyện chưa có một chỗ làm phòng đọc sách.

Trong kế hoạch xây dựng đời sống tinh thần và văn hóa mới ở nông thôn, *cấp huyện có một vị trí đặc biệt quan trọng.* Cấp huyện là một cấp quản lý các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng trong huyện, là cấp quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách. Thực tiễn nhiều năm ở miền Bắc và trên hai năm nay ở các tỉnh thành miền Nam đã khẳng định: không xây dựng tốt bộ máy văn hóa và thông tin cấp huyện thì không thể phục vụ sát và kịp thời yêu cầu của phong trào lao động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; không củng cố, phát triển được phong trào văn hóa quần chúng, phong trào nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới ở nông thôn, và nói chung điều đó ảnh hưởng không tốt đến việc xây dựng văn hóa mới ở nông thôn. Thị trấn huyện là trung tâm kinh tế đồng thời là trung tâm văn hóa của huyện. Để thu hẹp và đi đến xóa bỏ khoảng cách trong đời sống văn hóa giữa nông thôn và thành thị, góp phần tích cực vào việc thực hiện chính sách bình đẳng dân tộc về văn hóa, đưa văn hóa vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tiến kịp vùng đồng bằng và thành phố, nhất thiết

(2) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Digitized by Google

phải tăng cường việc xây dựng bộ máy văn hóa và thông tin cấp huyện ngày một vững mạnh, theo đà phát triển chung về kinh tế và đời sống vật chất của nhân dân.

Bộ máy văn hóa và thông tin cấp huyện phục vụ trên một địa bàn trên dưới 20 vạn dân ở vùng đồng bằng và trung du, 5 đến 10 vạn dân ở vùng miền núi (hoặc trên dưới 3 vạn dân ở những huyện vùng cao và biên giới). Xây dựng văn hóa huyện thực chất là xây dựng phong trào văn hóa và thông tin quần chúng nông thôn. Phòng văn hóa thông tin huyện trực tiếp quản lý các đơn vị văn hóa và thông tin chuyên nghiệp thuộc biên chế Nhà nước ở cấp huyện (nhà văn hóa, hiệu sách nhân dân, rạp và đội chiếu bóng, phòng triển lãm và thông tin, thư viện, nhà bảo tàng, cửa hàng nhiếp ảnh, nhà hát ngoài trời, công viên văn hóa...), trực tiếp hướng dẫn nghiệp vụ và chỉ đạo phong trào văn hóa và thông tin quần chúng trong toàn huyện. Nó cần được tăng cường cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn để làm tốt chức năng và nhiệm vụ đó, bao gồm cả quản lý nghiệp vụ, quản lý kế hoạch và quản lý ngân sách dành cho hoạt động văn hóa và thông tin. Tùy khả năng kinh tế, vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng của mình, bằng đầu tư của Nhà nước và sự đóng góp của nhân dân, mỗi huyện sẽ xây dựng những cơ sở vật chất và công trình văn hóa tiêu biểu trên địa bàn huyện.

Huyện và cơ sở có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Hoạt động văn hóa và thông tin ở mỗi hợp tác xã, mỗi cơ quan, xí nghiệp, nông trường, công trường trên địa bàn huyện trực tiếp phục vụ cán bộ và nhân dân cơ sở ấy là chính, nhưng trong chừng mực nhất định phải có sự phân công và điều hành khi cần thiết trên địa bàn toàn huyện. Từ huyện đến cơ sở sẽ hình thành những mạng lưới thư viện và phòng đọc sách, nhà văn hóa huyện và câu lạc bộ cơ sở, nhà bảo tàng huyện và nhà truyền thống cơ sở, các đội văn nghệ mạnh, các nhà hát ngoài trời và bãi chiếu bóng, các hiệu sách huyện với quầy bán sách ở các cửa hàng hợp tác xã mua bán ở cơ sở... Chúng ta cố gắng phát huy cao nhất hiệu quả của các công trình văn hóa ở huyện và ở các xã, hợp tác xã, xí nghiệp, công trường, nông trường trong địa bàn huyện. Thí dụ: luân chuyển sách giữa các thư viện và phòng đọc sách; phân công giữa các đội văn nghệ để chuyên sâu từng loại hình, để bớt trùng lắp tiết mục, làm cho sinh hoạt văn nghệ ở nông thôn có nhiều màu, nhiều vẻ, v.v...

Nông thôn ta từ 160 nghìn điểm dân cư phân tán manh mún hiện nay sẽ được bố trí lại theo quy hoạch dân cư mới. Quy hoạch văn hóa trên địa bàn huyện sẽ theo sát quy hoạch dân cư ấy. Mỗi huyện nằm trong quy hoạch tổng thể của toàn tỉnh hay toàn thành phố sẽ căn cứ vào đặc điểm kinh tế, dân cư, quân sự, truyền thống văn hóa và cách mạng của mình mà vạch lấy quy hoạch văn hóa và thông tin huyện. Chúng ta hiện có khoảng 400 huyện. Trước mắt, mỗi tỉnh và thành phố phấn đấu xây dựng lấy vài ba huyện có trung tâm văn hóa để rút kinh nghiệm, chuẩn bị điều kiện tốt về cán bộ, về phong trào, về vật tư, về kinh phí để đến cuối kế hoạch 5 năm 1976 – 1980 có thể triển khai việc xây dựng trung tâm văn hóa và thông tin cấp huyện.

★

Tăng cường công tác tư tưởng và văn hóa là một trong mười chủ trương và biện pháp lớn để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp. Văn hóa và thông tin, một binh chủng quan trọng trong công tác tư tưởng và văn hóa nhất định sẽ vươn lên mạnh mẽ để đáp ứng được yêu cầu nêu trong Nghị quyết Hội nghị lần

(Xem tiếp trang 105)

Digitized by Google

TỔ CHỨC CÔNG TRƯỜNG THỦ CÔNG LÀM THỦY LỢI

HOÀNG-TIẾN

HIỆU QUẢ CỦA CÔNG TRƯỜNG THỦ CÔNG LÀM THỦY LỢI

Việc tổ chức lao động thủ công làm thủy lợi ở các tỉnh miền Bắc đã có quá trình trên 20 năm, đi từ thấp đến cao. Thành quả về công tác thủy lợi trên miền Bắc chính là thành quả của việc sử dụng lực lượng lao động thủ công làm thủy lợi với mức độ huy động và tập trung lao động ngày càng lớn, năng lực tổ chức của cán bộ và trình độ tay nghề của người lao động ngày càng cao.

Từ những năm đầu sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng khỏi ách chiếm đóng của đế quốc Pháp, chúng ta đã huy động hàng chục vạn, thậm chí hàng triệu người chống hạn, chống úng, chống lũ lụt. Năm 1958, lần đầu tiên chúng ta tổ chức một công trường lớn làm thủy lợi tập trung 3 vạn người lao động để xây dựng công trình thủy nông lớn Bắc-hưng-hải cơ bản hoàn thành trong 7 tháng với khoảng 3 triệu m^3 đất và 1 vạn m^3 bê-tông.

Tiếp đó, trên cơ sở hợp tác hóa nông nghiệp, các đội chuyên làm thủy lợi nhanh chóng hình thành, chấm dứt chế độ đi làm thủy lợi theo lối « cắt phiên gọi lượt ». Sự phân công lao động mới ở nông thôn đã tạo nên một đội ngũ khoảng nửa triệu người chuyên nghiệp làm thủy lợi có kỹ thuật, đảm nhận thi công các công trình thủy lợi do Nhà nước đầu tư. Lực lượng đó làm thành thạo các phần việc về đào đắp đất, hơn nữa, một bộ phận còn thành thạo cả việc xây lắp. Tháng 3-1964, công trường đào sông tiêu úng Neo — Bùi-hòa (Hải-hưng) tập trung hai vạn đội viên thủy lợi, trang bị đầy đủ công cụ thường và công cụ cải tiến, đã đào đắp xong 2,5 triệu m^3 đất trong gần 3 tháng. Đây là công trường thủ công lớn đầu tiên được tổ chức theo hướng chuyên môn hóa và hiệp tác hóa.

Việc tổ chức công trường lớn làm thủy lợi thật sự được chú ý và được coi là một phương thức hoạt động mới kể từ khi chúng ta tổ chức công trường thi công công trình cải tạo đập Đáy. Đây là một công trình phân lũ đòi hỏi kỹ thuật và chất lượng cao, khối lượng đào đắp lớn, đã được hoàn thành trong 6 tháng trước mùa mưa lũ, vượt mức thời gian dự định 18 tháng. Công trình này hoàn toàn do ta thiết kế, thi công với sự tham gia của 20

Digitized by Google

đơn vị thuộc các bộ và các ngành, và lực lượng lao động của 10 tỉnh đồng bằng, trung du miền Bắc và bộ đội. Tất cả được tổ chức thành một liên hợp sản xuất bao gồm những đơn vị sản xuất chuyên môn hóa thuộc các ngành và các địa phương khác nhau. Bằng những hành động cách mạng cụ thể, sinh động, công trường cải tạo đập Đáy đã nêu một phong trào lao động mới, một điển hình về ứng dụng khoa học — kỹ thuật, về cách tổ chức quản lý trong điều kiện của nước ta, gợi lên một cách suy nghĩ mới và cách làm mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và xây dựng thủy lợi nói riêng ở nước ta.

Kinh nghiệm tổ chức công trường cải tạo đập Đáy đã được vận dụng vào công tác hoàn chỉnh thủy nông. Huyện Triệu-sơn (Thanh-hóa) trong 90 ngày đã huy động gần 2 vạn người lao động hoàn chỉnh thủy nông, đã hoàn thành một khối lượng đào đắp bằng khối lượng làm trong 10 năm trước kia. Phong trào ra quân hoàn chỉnh thủy nông được tiến hành mạnh mẽ ở khắp các tỉnh đồng bằng và trung du miền Bắc, lúc cao nhất có tới 60 vạn người lao động tham gia các công trường hoàn chỉnh thủy nông. Riêng trong năm 1976, các địa phương đã hoàn thành cơ bản phần đất và 70% phần xây đúc trong nhiệm vụ hoàn chỉnh thủy nông được giao trong 3 năm.

Trong xây dựng mới, nhiều nơi đã đi vào tổ chức quy mô lớn, tập trung lực lượng lao động cao độ để làm dứt điểm những công trình lớn trong một thời gian ngắn, sớm đưa vào phục vụ sản xuất. Hệ thống thủy nông Kẻ-gỗ (Nghệ-tĩnh) là một ví dụ điển hình về áp dụng phương thức làm mới này. Công trình này yêu cầu kỹ thuật phức tạp, khối lượng đào đắp gần 9 triệu m^3, xây lắp trên 6 vạn m^3 bê-tông và trên 5 vạn m^3 đá. Ở đây, có 2 Công ty xây dựng thủy lợi của Bộ thủy lợi thi công phần đầu mối; gần 2 vạn người lao động của tỉnh thi công phần kênh mương. Công trình được hoàn thành trong 3 năm (kế hoạch dự định làm trong 6 năm). Sau Kẻ-gỗ, hàng loạt công trường thủ công lớn khác được mở ở các địa phương miền Bắc. Công trình tiêu úng Quảng-châu (Thanh-hóa) bao gồm kênh và cống lớn, do hơn hai vạn người làm, với khối lượng đào đắp trên 2 triệu m^3 đất, xây lắp trên 3 vạn m^3 bê-tông và đá, đã căn bản hoàn thành trong 9 tháng, trước thời hạn dự định 15 tháng, bảo đảm tiêu úng ngay từ vụ mùa 1976. Kênh tiêu Vách-bắc (Nghệ-tĩnh) có trên 10 vạn người tham gia, đào đắp gần 3 triệu m^3 đất trong 1 tháng. Hệ thống tiêu úng sông Lý (Thanh-hóa) với 8 vạn người lao động tham gia công trường trong 48 ngày đã đào xong phần đất 2,5 triệu m^3 đất, và trong gần một mùa khô đã xây xong cống tiêu lớn. Công trường tuổi trẻ sông Nghèn (Nghệ-tĩnh) với lực lượng 6 vạn thanh niên trong 30 ngày đào đắp 2,5 triệu m^3 đất. Các tỉnh Thái-bình, Hà-nam-ninh, Hải-hưng đã mở các công trường thủ công lớn với lực lượng 2,5—3,5 vạn đội viên thủy lợi chuyên trách và công nhân kỹ thuật, đã hoàn thành thi công nhanh gọn cống tiêu úng Trà-linh II trong 9 tháng, trước thời hạn dự định 1 tháng rưỡi; trạm bơm tiêu úng sông Chanh làm xong trong 6 tháng, trước thời hạn dự định 6 tháng; cống tiêu úng An-thổ xong trong 9 tháng trước thời hạn dự định 9 tháng. Đáng chú ý là một số công trường thủ công do huyện trực tiếp phụ trách cũng đã thực hiện tốt kế hoạch thi công. Được bộ đội và lực lượng kỹ thuật tỉnh giúp đỡ, 2 vạn người lao động thuộc huyện Tĩnh-gia (Thanh-hóa) đã đắp xong đập ngăn sông trong 20 ngày và hoàn thành toàn bộ công trình ngăn mặn Lạch-lạng trong 12 tháng với 1 triệu m^3 đất và 3000 m^3 bê-tông. Được lực lượng cơ giới thuộc Tổng cục

Digitized by Google

khai hoang giúp thi công đầu mối, hơn 2.000 người lao động thuộc huyện Cẩm-thủy (Thanh-hóa) làm kênh mương, đã cơ bản làm xong công trình hồ chứa nước Thung-bằng trong một mùa khô, đưa nước tưới cho 500 ha ruộng. Từ đầu năm 1978 nhân dân các địa phương phấn đấu hoàn thành trước thời hạn dự định một loạt các công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất đông xuân như: hệ thống kênh Núi-Cốc (Bắc-thái), kênh Bắc-sơn (Hà-bắc), kênh Yên-lập (Quảng-ninh), mở rộng sông Xuân-thủy (Hà-nam-ninh), sông Hoàng (Thanh-hóa), v.v...

Ở các tỉnh miền Nam, tổ chức công trường thủ công lớn làm thủy lợi cũng phát triển ngày càng rộng. Tỉnh Bình-trị-thiên tổ chức 2 vạn người làm trong 2 tháng đã hoàn thành 8km kênh và 1 trạm bơm sông Hương gồm 30 máy, đưa nước về tưới cho 8.000 ha lúa. Tỉnh Quảng-nam — Đà-nẵng đã tổ chức hàng vạn người làm hồ chứa nước và kênh Phú-ninh. Tỉnh Nghĩa-bình tập trung lực lượng làm hồ chứa nước và kênh Liệt-sơn, rút ngắn được nửa thời gian so với mức quy định. Ở các tỉnh Đắc-lắc và Gia-lai — Công-tum có phong trào nhân dân làm các công trình thủy lợi nhanh gọn để phục vụ sản xuất. Nhiều địa phương ở đồng bằng sông Cửu-long đang phát triển các công trường thủ công lớn làm thủy lợi. Có nơi như tỉnh Cửu-long trong 85 ngày ra quân 3 đợt, mỗi đợt huy động trên dưới 2 vạn người, đã làm được 53,2 km kênh với trên 1,4 triệu m^3 đất. Một số huyện cũng đã mở công trường thủ công làm thủy lợi, như huyện Long-phú (Hậu-giang) tổ chức hàng vạn người vào các đội thủy lợi, có lúc huy động trên 3 vạn người tham gia đắp đê ngăn mặn và kênh tưới bảo đảm cho 2/3 diện tích trong huyện có nước ngọt phục vụ sản xuất. Huyện Ba-tri (Bến-tre) thường xuyên đưa hàng vạn người lên công trường làm trạm bơm và kênh Giồng-trôm — Ba-tri. Huyện Phú-châu (An-giang) đã huy động gần 2 vạn người làm 23 km đê và kênh lấy nước sông Tiền, đã đào đắp 47 vạn m^3 đất trong 75 ngày. Huyện Thủ-đức (thành phố Hồ-Chí-Minh) đã tổ chức hàng nghìn người đi làm thủy lợi. Các huyện Hồng-ngự (tỉnh Đồng-tháp), Tân-hiệp (tỉnh Kiên-giang), Vĩnh-lợi (tỉnh Minh-hải), Trảng-bàng (tỉnh Tây-ninh), v.v... cũng có những thành tích tương tự.

Hình thức tổ chức công trường thủ công làm thủy lợi đang được phát triển rộng, nhưng chưa đều giữa các tỉnh trong toàn quốc. Ngay ở những tỉnh và huyện có phong trào làm thủy lợi khá, cũng còn có nơi kém, phong trào phát triển thiếu liên tục do công tác chuẩn bị bước trước cho bước sau chưa tốt. Một số địa phương chưa nắm vững cách làm mới, tổ chức công trường ồ ạt, chuẩn bị không kỹ, chỉ đạo không tập trung và chưa chú ý lấy đơn vị huyện làm địa bàn điều hành lao động, do đó bị động và hiệu quả mang lại không cao...

Việc tổ chức các công trường thủ công lớn làm thủy lợi dựa vào nguồn lao động dồi dào kết hợp với những tri thức khoa học của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và thiết bị, vật tư hiện có, bảo đảm cho chúng ta có thể chủ động giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ lớn đặt ra cho công tác thủy lợi. Với phương thức tổ chức các công trường lớn làm thủy lợi này, chúng ta đã phát động được một phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng trên khắp các miền của đất nước. Các công trường lớn làm thủy lợi do đó, đang là nhân tố quyết định thắng lợi đối với sự nghiệp phát triển thủy lợi của chúng ta. Nó đã bảo đảm cho kế hoạch xây dựng cơ bản của ngành thủy lợi trong năm 1977 tăng gần 2 lần so với năm 1976. Nhiều địa phương như: Nghệ-

Digitized by Google

tỉnh, Thanh-hóa, Quảng-ninh, Nghĩa-bình, Phú-khánh, Quảng-nam – Đà-nẵng, An-giang, v.v... đã đạt và vượt kế hoạch thủy lợi năm 1977. Kết quả đó đã đưa phong trào quần chúng tiến quân vào mặt trận thủy lợi tiến lên một bước mới với quy mô lớn, mạnh mẽ và tốc độ phát triển cao, tạo điều kiện hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ to lớn của công tác thủy lợi trong kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 – 1980).

KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU VỀ TỔ CHỨC CÔNG TRƯỜNG THỦ CÔNG LÀM THỦY LỢI

Trong điều kiện hiện nay của nước ta, công trường thủ công là một phương thức tổ chức lao động có hiệu quả trên mặt trận thủy lợi. Đặc trưng của nó là tập hợp và sử dụng một lực lượng lớn lao động thủ công, tổ chức theo nguyên tắc chuyên môn hóa và hiệp tác hóa. Được tổ chức và chỉ huy chặt chẽ, người lao động làm việc với ý thức giác ngộ về nghĩa vụ và quyền lợi của mình, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, do đó các công trường thủ công làm thủy lợi có điều kiện đạt năng suất lao động bình quân cao, xây dựng nhanh gấp nhiều lần so với trước, hạ giá thành và bảo đảm chất lượng công trình tốt. Dương nhiên khi nói tới việc tổ chức và sử dụng lao động thủ công, chúng ta không xem nhẹ mà hết sức chú trọng vấn đề cơ giới hóa, từng bước phát triển lực lượng cơ giới phù hợp với khả năng của ta. Đặc biệt, để thi công các công trình thủy lợi đầu mối có khối lượng lớn, đòi hỏi kỹ thuật cao và phức tạp, không thể thiếu lực lượng cơ giới được.

Để thực hiện nhiệm vụ công tác thủy lợi đã được quy định trong kế hoạch 5 năm (1976 – 1980), hằng năm chúng ta cần có trên một triệu người chuyên làm trên các công trình thủy lợi. Đội quân lao động không lồ đó cần được tổ chức lại. Đội quân này được huy động theo 4 loại hình lực lượng: 1) Lực lượng lao động làm tại chỗ trong phạm vi của xã và hợp tác xã, do xã huy động tùy theo sự cần thiết. 2) Lực lượng lao động làm thủy lợi ngắn hạn từ 20 đến 30 ngày, được sử dụng trong phạm vi huyện, tỉnh; do cấp tỉnh, huyện huy động và được Nhà nước trợ cấp một phần tiền. 3) Các đội thủy lợi chuyên trách làm dài ngày theo chế độ nghĩa vụ lao động. 4) Lực lượng xây dựng chuyên nghiệp của Nhà nước, gồm các công ty xây dựng thủy lợi của Bộ thủy lợi, của tỉnh và một số đơn vị quân đội tham gia làm thủy lợi.

Ngoài ra, trong việc tổ chức lại sản xuất và phân bố lại lực lượng lao động, các huyện còn tổ chức đội quân làm thủy lợi chuyên nghiệp của mình để sử dụng hết lực lượng lao động dôi ra, như kiểu các «sư đoàn lao động» ở các huyện của Thanh-hóa, hoặc «tổng đội lao động» ở Nghệ-tĩnh. Nhiều tỉnh ở miền Nam tổ chức theo các hình thức «thanh niên xung phong», «thanh niên tình nguyện» của tỉnh, của huyện đi xây dựng công trình thủy lợi, v.v...

Đội quân lao động làm thủy lợi đông đảo đó được xây dựng trên cơ sở phương châm: Nhà nước và nhân dân cùng làm; phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân; động viên cao độ sức lao động trong nhân dân, trước hết là sức lao động trong nông dân; nêu cao ý thức tự lực tự cường, không trông chờ ỷ lại.

Trong thi công, lấy quy mô công trình làm căn cứ bố trí các lực lượng cho thích hợp. Đối với các công trình

Digitized by Google

loại lớn, vì khối lượng lớn và kỹ thuật phức tạp, thì phải dùng các lực lượng tổng hợp của trung ương và địa phương. Lực lượng chủ lực của Bộ làm công trình đầu mối. Lực lượng xây lắp của tỉnh thi công các công trình xây lắp phức tạp hoặc những việc khó như: thi công cầu máng, cống luồn lớn, đắm đất, san ủi đất bằng máy, v.v... Các đội thủy lợi và các lực lượng lao động khác của huyện thì đào đắp kênh mương nói chung và làm các cống nhỏ bằng công cụ thường và công cụ cải tiến. Các công trình liên huyện do tỉnh đảm nhận. Các công ty xây dựng thủy lợi, đội công trình của tỉnh thi công đầu mối và các công trình cầu, cống trên kênh. Các huyện chịu trách nhiệm phần đất do đội thủy lợi làm. Công trình có quy mô một huyện, chủ yếu do huyện đảm nhận, tỉnh giúp giải quyết một số khâu kỹ thuật, vật tư, thiết bị, v.v... Công trình thủy lợi nhỏ và xây dựng đồng ruộng do xã hoặc hợp tác xã tổ chức lực lượng lao động làm. Huyện hỗ trợ một số khâu kỹ thuật và vật tư cần thiết.

Vậy làm thế nào để có thể tổ chức một công trường thủ công, nhất là công trường thủ công lớn, làm thủy lợi đạt kết quả tốt?

Tổ chức hàng vạn người lao động đi làm công trình thủy lợi là nhằm xây dựng nhanh, gọn và dứt điểm công trình trong một thời gian ngắn với khối lượng công việc đào đắp và xây đúc hàng vạn và hàng triệu mét khối đất, đá và bê-tông, bảo đảm chất lượng công trình tốt và giá thành xây dựng rẻ.

Cho nên, trước hết phải quyết định một cách chính xác các công trình thủy lợi cần thi công bảo đảm phục vụ tốt yêu cầu cấp bách về sản xuất, đời sống của nhân dân, phù hợp với nguyện vọng của họ. Nhiều công trình chọn đúng là điểm "nóng" của địa phương, chỉ cần cấp trên duyệt cho thi công là quần chúng làm ngay, không chờ đợi tiền, gạo của Nhà nước cấp phát. Việc chọn địa bàn và thời điểm ra quân có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành thắng lợi vượt mức kế hoạch. Đáng chú ý là trong thi công thủy lợi có trường hợp thời điểm tốt nhất thường xuất hiện rất ngắn, nếu không chủ động chớp lấy thời cơ thì sẽ bị lỡ dịp. Ví dụ: tiến hành nạo vét kênh đang tưới, hoặc lấp chặn dòng sông...

Trong phong trào làm thủy lợi hiện nay, không kể các công trình nhỏ do nhân dân tự làm, số công trình có quy mô vừa chiếm vị trí rất quan trọng. Phần lớn những công trình này nằm trong phạm vi một huyện. Việc tổ chức thi công xây dựng công trình với quy mô huyện được xem là phổ biến. Do đó, mở công trường lao động thủ công lớn làm thủy lợi hiện nay, nên *lấy huyện làm cơ sở*. Những công trình có khối lượng lớn, có liên quan đến nhiều huyện do tỉnh phụ trách, nhưng vẫn phải lấy huyện làm cơ sở thực hiện theo sự phân công của công trường. Vì huyện luôn luôn là cấp trực tiếp điều hành giải quyết những công việc cụ thể về lao động, vật tư, phương tiện, lương thực thực phẩm và các mặt khác. Huyện điều hành tốt, sự tác động của tỉnh và các ngành sẽ có hiệu quả cao. Trên cơ sở phát huy sức mạnh của huyện, với tinh thần dựa vào sức mình là chính, Nhà nước và nhân dân cùng làm, với số kinh phí và vật tư có hạn, chúng ta có thể xây dựng được các công trình thủy lợi nhanh, bảo đảm chất lượng và tránh được lãng phí. Tuy vậy các cơ quan cấp tỉnh và đặc biệt là ngành thủy lợi cần tích cực giúp đỡ huyện có đủ điều kiện để đi sâu nắm nghiệp vụ quản lý xây dựng cơ bản trên các công trường lớn.

Công tác chuẩn bị trước khi ra quân đòi hỏi chu đáo, và toàn diện: tuyên truyền giáo dục cho quần chúng hiểu sâu sắc mục đích, tác dụng của việc xây dựng công trình, nghĩa

Digitized by Google

vụ và quyền lợi của họ đối với việc xây dựng công trình đó; động viên mọi người hăng hái, quyết tâm tham gia xây dựng công trình; chuẩn bị đồ án thiết kế; huấn luyện và đào tạo cán bộ kỹ thuật; tổ chức hậu cần phục vụ đời sống trên công trường.

Lao động trên công trường phải được tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm. Người lao động cần được huấn luyện, hướng dẫn về kỹ thuật và cần được chuẩn bị về các mặt khác để thực hiện đúng quy trình làm việc, tôn trọng kỷ luật lao động và bảo đảm chất lượng công trình. Cần tổ chức làm việc theo chế độ nhận khoán khối lượng với công trường, tránh lối làm việc theo công nhật, làm được đến đâu hay đến đấy, gây lãng phí về nhân, tài, vật lực. Các lực lượng lao động làm trên công trường phải có đủ công cụ, nhất là công cụ cải tiến có năng suất cao. Mặt khác công trường bảo đảm cung cấp đủ vật tư cần thiết tạo điều kiện cho các đơn vị lao động làm việc được liên tục.

Thực hiện tốt quan hệ giữa công trường với địa phương. Các hợp tác xã hoặc xã (nếu địa phương chưa có hợp tác xã) ở hậu phương có trách nhiệm lo liệu và cung cấp lương thực thực phẩm, v.v... cho người lao động làm việc trên công trường để họ yên tâm, phấn khởi lao động. Các ngành có liên quan ở địa phương, như: thương nghiệp, y tế, văn hóa, công nghiệp, giao thông vận tải, lương thực, v.v... tổ chức phục vụ công trường tùy theo chức năng của ngành mình.

Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể của người lao động trên công trường: xây dựng các biện pháp thực hiện kế hoạch, xác định nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động, kể cả quyền giám sát và phê bình những người chỉ huy để bảo đảm thực hiện tốt các kế hoạch, thực hiện tốt các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước ở công trường. Phát động phong trào thi đua liên tục và sôi nổi giữa các đơn vị nhằm đạt và vượt mức các yêu cầu đã đề ra.

Cán bộ chỉ huy của công trường cũng như của từng đơn vị lao động cần được huấn luyện chu đáo, am hiểu nhiệm vụ và biết cách chỉ huy, có tác phong sâu sát và có quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt chú ý đến bộ khung cán bộ ở xã, hợp tác xã, đội lao động, vì đây là những người trực tiếp đi nhận khoán khối lượng và định mức của các đơn vị lao động cơ sở. Thực tế cho thấy những đơn vị có năng suất cao đều là những đơn vị có cán bộ chỉ huy tốt, tổ chức lao động giỏi, thông thạo kỹ thuật thi công, có tín nhiệm với quần chúng

Lãnh đạo toàn bộ các hoạt động trên công trường phải bảo đảm tập trung, huy động được sức mạnh tổng hợp theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền trực tiếp phụ trách, quần chúng làm, các ngành tham gia, ngành chuyên môn làm tham mưu đắc lực trong thực hiện.

Như vậy tổ chức công trường thủ công lớn làm thủy lợi hoàn toàn khác với lối huy động ồ ạt người lên công trường, không có tổ chức chặt chẽ, không phát huy được tính ưu việt của việc hiệp tác hóa và chuyên môn hóa trong lao động, gây ra lãng phí lớn, hiệu quả thấp. Phương thức tổ chức công trường thủ công làm thủy lợi hiện đang được phát triển rộng rãi ở các địa phương, là một phương thức tổ chức lao động có tính chất khoa học. Những người lao động được tổ chức trong một đội ngũ chặt chẽ, làm việc với kiến thức mới, có kỹ thuật, có kỷ luật, với tinh thần làm chủ tập thể cao. Chỉ có một điều là công cụ sản xuất chủ yếu là công cụ thủ công và công cụ cải tiến chứ chưa phải là công cụ cơ giới. Phương thức này có thể áp dụng đối với cả công trình lớn

(Xem tiếp trang 100)

Digitized by Google

CÁCH LÀM HẢI-HẬU

THANH-HÀ

HẢI-hậu (thuộc tỉnh Hà-nam-ninh) là một huyện nằm trong vùng trọng điểm lúa của đồng bằng sông Hồng. Nhiều năm qua, Hải-hậu đã có phong trào sản xuất và chiến đấu khá. Nhất là từ cuối năm 1974 trở lại đây, thực hiện chỉ thị 208 của Ban bí thư Trung ương Đảng và nghị quyết 61/CP của Hội đồng Chính phủ về tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước công tác quản lý nông nghiệp từ cơ sở, Hải-hậu lại có những bước phát triển mới và nổi bật: **sản xuất lên, đời sống lên, đóng góp cho Nhà nước khá, phong trào hợp tác hóa vững.**

Với thành tích đó, nhân dân và cán bộ Hải-hậu xứng đáng được Quốc hội và Chính phủ tặng thưởng huân chương Lao động hạng nhất. Trong việc thực hiện đường lối, chính sách và các chủ trương của Đảng và Nhà nước, Hải-hậu đã có *cách làm* tốt, mang lại hiệu quả thiết thực và to lớn.

I – TỔ CHỨC LẠI LAO ĐỘNG, CẢI TIẾN QUẢN LÝ VÀ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT CHẶT CHẼ TRÊN PHẠM VI TOÀN HUYỆN

Hải-hậu có lực lượng lao động dồi dào. Cả huyện có gần 11 vạn người lao động. Muốn sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động đó, Hải-hậu đã tiến hành điều tra để nắm rõ trình độ tay nghề và kiến thức của từng loại lao động. Đặc biệt, Hải-hậu rất coi trọng việc điều tra, nắm cụ thể trình độ tay nghề và kiến thức chuyên môn của các đảng viên, bố trí họ làm nòng cốt, và lãnh đạo quần chúng trong các lãnh vực sản xuất của hợp tác xã.

Hiện nay số người lao động giỏi về cày, cấy, làm phân và có kỹ năng thâm canh lúa để đạt từ 8 đến 10 tấn/ha/năm chiếm tới 30% số người lao động trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Số thợ mộc, thợ nề thạo nghề là 7.000 người. Số người thạo nghề đánh cá biển có gần 1.000 người. Hải-hậu còn có khoảng 800 anh chị em bộ đội hải quân vừa phục viên về làng, trong đó có nhiều thợ máy giỏi, và nhiều người biết lái tàu, thuyền,

Digitized by Google

thông tin liên lạc trên biển, bảo dưỡng và sửa chữa tàu, thuyền, sửa chữa cơ khí, chịu đựng được sóng gió để tiến hành sản xuất trên biển... Dân Văn-lý và Kiên-chính có kỹ thuật làm muối giỏi, đạt năng suất cao gấp từ 1,5 đến 2 lần mức bình quân của huyện. Dân Phú-lễ giỏi làm cói. Dân Quần-anh thạo nghề tơ tằm... Trên cơ sở điều tra nắm rõ số lượng và chất lượng lao động cụ thể như vậy, ngày nay Hải-hậu đã bố trí và sử dụng người lao động tương đối đúng việc, hợp tài năng, phát huy tay nghề của từng loại lao động, bảo đảm sản xuất đạt hiệu quả tốt.

Hải-hậu cố gắng tránh xáo trộn tổ chức lao động một cách không cần thiết. Trước khi hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã lớn, Hải-hậu chú trọng củng cố thật vững chắc các đội sản xuất (gồm từ 60 đến 80 người lao động và phụ trách từ 30 đến 40 héc-ta). Khi hợp nhất hợp tác xã, cố gắng làm gọn, làm nhanh, để sớm đi vào củng cố và ổn định (hiện nay bình quân mỗi hợp tác xã có 465 héc-ta) và không thay đổi quy mô đội. Chỉ khi nào hợp tác xã hợp nhất đã đi vào ổn định thì mới xem xét lại đội sản xuất. Làm như vậy, trong quá trình hợp nhất và sau khi hợp nhất hợp tác xã, sản xuất của hợp tác xã vẫn tiếp tục phát triển.

Hải-hậu coi trọng việc củng cố các đội sản xuất (trước đây là đội cơ bản) (1). Cả huyện hiện nay có 437 đội sản xuất. Các đội này được ban quản trị giao khoán đến sản phẩm cuối cùng. Để làm được điều đó, các đội sản xuất có quyền lập hợp đồng với các đội chuyên khâu (hoạt động dưới sự điều hành thống nhất của ban quản trị). Trên cơ sở đội sản xuất được củng cố vững chắc, tùy theo yêu cầu của sản xuất và khả năng điều hành thống nhất của hợp tác xã, sẽ lựa chọn và tách người ra lập các tổ, đội chuyên khâu, đồng thời cũng thành lập chi bộ đảng trong các tổ, đội chuyên khâu đó. Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, tổ chức dân quân cũng được tổ chức theo đội sản xuất và theo tổ, đội chuyên khâu để tiện hoạt động. Đến nay, tất cả các hợp tác xã ở Hải-hậu đều đã tổ chức các tổ, đội chuyên khâu. Toàn huyện có 32 đội chuyên làm giống mạ, 75 đội làm đất, 38 đội thủy nông, 49 đội làm phân bón, 40 đội vận chuyển, 34 đội xây dựng cơ bản, 75 tổ vôi gạch, 38 tổ bảo vệ thực vật... Để bảo đảm có sự hiệp đồng chặt chẽ trong lao động sản xuất, khi thành lập các tổ, đội chuyên, Hải-hậu bắt tay ngay vào việc điều hành sản xuất theo kế hoạch thống nhất của hợp tác xã. Mặt khác, sự hoạt động của các tổ, đội chuyên lại đòi hỏi ban quản trị và các tiểu ban chuyên môn của hợp tác xã phải có đủ trình độ hiểu biết và khéo điều hành công việc sao cho mọi hoạt động hằng ngày của các tổ, đội chuyên và các đội sản xuất khác ăn khớp với nhau, bảo đảm cho công điểm và thu nhập của những thành viên trong tất cả các đơn vị sản xuất đó không chênh lệch nhau quá nhiều. Cái khó là ở chỗ đó. Kiểm tra lại việc làm của mình về mặt này, hợp tác xã Hải-thanh nhận thấy: bình quân một người lao động ở đội sản xuất (trước đây là đội cơ bản) một năm làm được 315 công, ở đội chuyên làm đất được 248 công, ở đội chuyên làm phân được 270 công, ở đội làm thủy nông được 307 công và ở đội chuyên làm giống mạ được 210 công... Bước đầu điều hành được như vậy là tương đối hợp lý, nhưng còn phải cố gắng bố trí công việc làm đồng đều hơn nữa giữa các loại tổ đội, thì mới phát huy được tác dụng to lớn của lao động chuyên môn hóa.

(1) Các đội sản xuất ở đây chỉ còn đảm nhiệm các công việc như: gieo mạ, nhổ mạ, cấy, làm cỏ, chăm sóc, xếp ải, tát nước đồng cao (nếu có), bảo đảm thu hoạch và giao nộp sản phẩm cuối cùng cho hợp tác xã. Các công việc đồng áng khác do các đội chuyên khâu làm.

Digitized by Google

Tổ chức lao động chuyên môn hóa đã giúp cho các hợp tác xã ở Hải-hậu cùng một lúc có thể làm được nhiều việc xen kẽ nhau theo lịch điều hành sản xuất, bảo đảm làm đúng « thì » và « thục » ngay cả trong thời gian rất eo hẹp của những ngày mùa bận rộn.

Việc tổ chức lại sản xuất ở cơ sở phải gắn liền với công tác cải tiến quản lý hợp tác xã.

Chủ nhiệm hợp tác xã — người có trách nhiệm lớn nhất trong ban quản trị, cũng là người trực tiếp chỉ đạo việc lập các kế hoạch của hợp tác xã. Các phó chủ nhiệm giúp chủ nhiệm xây dựng kế hoạch ngành và tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất chung của hợp tác xã. Trên cơ sở kế hoạch của hợp tác xã, các tổ trưởng và đội trưởng sản xuất dựa vào trí tuệ của toàn đội, xây dựng kế hoạch của đơn vị mình, với sự hướng dẫn và giúp đỡ của tiểu ban kế hoạch của hợp tác xã. Các cán bộ kế hoạch theo dõi ngành làm nhiệm vụ tính toán cân đối kế hoạch ngành và giúp các tổ, đội sản xuất lập kế hoạch từng tháng, từng vụ và kế hoạch năm. Tiểu ban kế hoạch của hợp tác xã giúp chủ nhiệm tổng hợp, cân đối kế hoạch toàn hợp tác xã và có trách nhiệm làm kế hoạch đúng phương pháp và thời hạn quy định. Các tiểu ban lao động, kỹ thuật, hạch toán lập kế hoạch phần mình phụ trách, theo chức năng nghiệp vụ quy định

Đại hội xã viên (phần lớn các hợp tác xã ở Hải-hậu không họp đại hội đại biểu xã viên, mà họp đại hội xã viên) bàn bạc và quyết định tất cả các chỉ tiêu kinh tế trong kế hoạch của hợp tác xã. Đó là các chỉ tiêu về: giá trị tổng sản lượng; sản lượng những sản phẩm chính; diện tích gieo trồng; những công trình và giá trị công trình xây dựng cơ bản; vốn đầu tư cho sản xuất và xây dựng cơ bản; sản phẩm hàng hóa và giá trị sản phẩm hàng hóa; giá thành các sản phẩm chính; đi xây dựng vùng kinh tế mới; giá trị ngày công; mức ăn và đời sống văn hóa, xã hội của xã viên. Đồng thời, đại hội xã viên cũng xét duyệt những biện pháp chủ yếu bảo đảm cân đối các điều kiện vật chất cho việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch.

Chủ nhiệm hợp tác xã đứng đầu ban quản trị, chịu trách nhiệm trước đại hội xã viên về thực hiện các chỉ tiêu gồm có: giá trị tổng sản lượng và sản lượng các sản phẩm chủ yếu; sản lượng hàng hóa giao nộp Nhà nước; lãi kế hoạch; mức thu nhập bình quân của một lao động (đã quy đổi thành lao động chính). Các phó chủ nhiệm chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu tổng hợp của ngành mình phụ trách bao gồm: giá trị sản lượng và sản phẩm chính của ngành; giá thành sản phẩm chính; lãi toàn ngành. Các đội trưởng sản xuất (trước đây gọi là đội cơ bản) nhận khoán của hợp tác xã về các chỉ tiêu: số lượng và chất lượng lao động được giao; giá trị sản lượng và sản phẩm chủ yếu phải bảo đảm; giá thành sản phẩm chưa hoàn chỉnh của đội; công cụ và vật tư hợp tác xã giao cho đội. Các đội chuyên khâu nhận khoán với các chỉ tiêu: số lượng và chất lượng lao động được giao; khối lượng, chất lượng và thời gian hoàn thành công việc; chi phí vật tư và tiền công lao động; công cụ và vật tư hợp tác xã cung cấp cho đội.

Đến nay, hầu hết các hợp tác xã ở Hải-hậu đã xây dựng được kế hoạch vụ và kế hoạch năm, một số hợp tác xã đã xây dựng được kế hoạch dài hạn. Nhưng việc điều hành theo kế hoạch không phải mọi hợp tác xã đã thực hiện đồng đều. 1/3 số hợp tác xã trong huyện tuy có lập được kế hoạch, nhưng chưa theo dõi sát được tình hình, cho nên còn lúng túng trong việc điều hành lao động theo kế hoạch

Digitized by Google

thống nhất của hợp tác xã. Các hợp tác xã khác bước đầu điều hành theo kế hoạch, nhưng thật sự làm tốt việc này mới có một số hợp tác xã như: Hải-thanh, Hải-quang, Hải-thịnh, Hải-bắc, Hải-trung và Hải-đường...

Đi đôi với công tác kế hoạch, các hợp tác xã ở Hải-hậu cũng đã từng bước củng cố công tác hạch toán kinh tế và từng bước thực hiện chế độ quản lý tài chính mới. Đến nay đã có 18 hợp tác xã đi vào thực hiện chế độ hạch toán 43 tài khoản. Việc thực hiện chế độ hạch toán mới, đã có tác dụng tốt trong việc giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất và kinh doanh của hợp tác xã, thực hiện chế độ tài chính công khai đối với xã viên, sử dụng tiền vốn và vật tư một cách có hiệu quả.

Việc cải tiến công tác quản lý đòi hỏi phải củng cố, kiện toàn cơ quan quản lý hợp tác xã và các bộ môn giúp việc ban quản trị. Với quy mô hợp tác xã bình quân 465 héc-ta, nhiều ban quản trị hợp tác xã ở Hải-hậu gồm một chủ nhiệm và bốn phó chủ nhiệm. Chủ nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, quyết định phân bố các chỉ tiêu kế hoạch cho các phó chủ nhiệm và các đội trưởng sản xuất theo nghị quyết của đại hội xã viên, điều động vật tư trong nội bộ hợp tác xã để bảo đảm hoàn thành kế hoạch chung của hợp tác xã, quyết định thưởng phạt và cách chức những cán bộ các bộ môn quản lý không làm tròn nhiệm vụ hoặc vi phạm các chế độ, thể lệ quản lý của hợp tác xã, ký kết hợp đồng kinh tế với các cơ quan khác. Một phó chủ nhiệm phụ trách cung ứng vật tư. Một phó chủ nhiệm phụ trách trồng trọt. Một phó chủ nhiệm phụ trách chăn nuôi. Một phó chủ nhiệm phụ trách ngành nghề. Các phó chủ nhiệm phụ trách ngành có quyền thay mặt chủ nhiệm điều hành công việc trong ngành và phối hợp hoạt động của các tổ, đội trong ngành. Trường hợp cần có sự phối hợp với các ngành khác, phải do chủ nhiệm điều phối. Các bộ môn giúp việc như: kế hoạch, lao động định mức, thống kê kế toán, kỹ thuật cũng phải được củng cố và tăng cường. Số cán bộ này ở các hợp tác xã của Hải-hậu, hiện nay có tất cả 568 người. Trong đó số cán bộ là đảng viên chiếm 58%, có trình độ văn hóa cấp II chiếm 73,4% và cấp III chiếm 4,1%, có trình độ kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trung cấp chiếm 15.7% và sơ cấp chiếm 56,2%, có thâm niên nghề nghiệp 3 – 4 năm chiếm 36% và trên 5 năm chiếm 55%. Nhờ củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý hợp tác xã và các tiểu ban chuyên môn, việc điều hành sản xuất theo kế hoạch của một số lớn hợp tác xã ở Hải-hậu đã có hiệu lực và ít bị va vấp lớn.

Tổ chức lao động chuyên môn hóa và điều hành sản xuất theo kế hoạch thống nhất của hợp tác xã, đòi hỏi mọi công việc lao động sản xuất đều phải có định mức cụ thể. Hải-hậu đã xác định được 382 định mức mẫu chung cho cả huyện. Trong đó có 165 định mức trồng trọt, 7 định mức chăn nuôi, 178 định mức ngành nghề, 7 định mức vận chuyển và 25 định mức trồng cây... Dựa vào các định mức mẫu, huyện tổ chức tập huấn cho các chủ nhiệm và cán bộ lao động định mức của hợp tác xã, và giao cho các hợp tác xã nhiệm vụ xây dựng các định mức cụ thể của mình. Đi đôi với xây dựng định mức lao động, hợp tác xã giao ngày công lao động từng vụ và cả năm cho từng loại xã viên, có theo dõi tổng hợp và thông báo công khai công điểm của mọi người, có thưởng phạt rõ ràng, có nội quy lao động cụ thể, do đó đã huy động được mọi lực lượng lao động tham gia sản xuất dưới sự điều hành thống nhất của ban quản trị hợp tác xã.

Digitized by Google

Công tác quản lý hợp tác xã được cải tiến một bước, bộ máy quản lý hợp tác xã được kiện toàn và củng cố, các định mức lao động được xác định, đó là những tiền đề quan trọng bảo đảm cho Hải-hậu tiến hành quản lý sản xuất và điều hành lao động một cách tập trung và có kế hoạch, khiến cho cả huyện trở thành một công trường thống nhất.

Việc điều hành lao động sản xuất trong các hợp tác xã ở Hải-hậu lấy đội sản xuất (trước đây là đội cơ bản) làm lực lượng tại chỗ. Các tổ, đội chuyên là lực lượng cơ động. Trong các tổ chức của lực lượng cơ động này, đội trưởng phụ trách chỉ đạo công việc hằng ngày theo kế hoạch đã ghi trong hợp đồng ký kết với các đội sản xuất. Trường hợp cần điều người đi viện trợ cho các đội khác hay nơi khác, đội phó chịu trách nhiệm chỉ huy bộ phận tách ra làm nhiệm vụ cơ động. Cách điều hành lao động sản xuất trong phạm vi từng hợp tác xã như vậy, có tác dụng bảo đảm cho mọi khâu lao động sản xuất trong hợp tác xã được tiến hành có kết quả.

Trên cơ sở và cùng với việc tổ chức lại sản xuất ở cơ sở, (thật ra việc tổ chức lại sản xuất ở cơ sở phải được tiến hành theo quy hoạch chung về tổ chức lại sản xuất trên phạm vi cả nước cũng như trong từng tỉnh và từng huyện) cấp huyện đã chỉ đạo các hợp tác xã một cách có hiệu quả. Huyện thường xuyên nắm tình hình sản xuất thông qua hệ thống thống kê từ cơ sở phản ánh lên, tổ chức các cuộc kiểm tra và đánh giá tình hình sản xuất tại cơ sở. Trong lãnh đạo và chỉ đạo sản xuất, cấp huyện vừa đẩy mạnh mọi mặt công tác, vừa nắm lấy công tác trung tâm, từng thời gian chọn ra khâu quyết định nhất để dồn sức làm dứt điểm, sau đó chuyển nhanh sang khâu quyết định tiếp theo. Khi đề ra những quyết định công tác, huyện tính toán thận trọng, có dự kiến trước những tình huống có thể xảy ra để có biện pháp đối phó kịp thời. Trong chỉ đạo sản xuất trên đồng ruộng, huyện nắm lại đất đai, bố trí lại cây trồng và hướng các ngành (như: thủy nông, vật tư, cơ khí...) phục vụ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp. Huyện lãnh đạo các cơ sở đưa ra cho quần chúng dân chủ bàn bạc các biện pháp kỹ thuật và chế độ quản lý. Từ sự nhất trí của quần chúng, biến thành quy trình và nội quy hoạt động của hợp tác xã để mọi người đều thực hiện.

Huyện chỉ đạo các hợp tác xã tiến hành sản xuất theo quy trình kỹ thuật, bảo đảm «thì» và «thục» trong sản xuất nông nghiệp để đạt năng suất cao và sản lượng nhiều. Tùy tình hình cụ thể về ruộng đất, lao động v.v... ở các hợp tác xã khác nhau, huyện phân biệt chỉ đạo từng đơn vị sản xuất. Tác động của huyện đến các hợp tác xã chủ yếu là ở chỗ chỉ đạo cho hợp tác xã tự giải quyết lấy các công việc của mình, chứ không phải là điều hành lực lượng lao động của toàn huyện đi giúp không cho một hợp tác xã nào (trừ trường hợp có thiên tai nghiêm trọng). Trong trường hợp có những hợp tác xã không bảo đảm «thì» và «thục» trong nông nghiệp, để ảnh hưởng không tốt đến năng suất và sản lượng cây trồng, huyện sẽ điều hành lực lượng cơ động của các nơi khác về giúp (như cày, cấy, dỡ cói...). Nơi được giúp phải thanh toán sòng phẳng bằng tiền công và lương thực cho người đến giúp. Nếu nơi được giúp chưa thể trả ngay được, thì phải làm giấy cam đoan đến vụ thu hoạch sẽ thanh toán đầy đủ cho bên đến giúp. Đi làm các công trình chung trên địa bàn huyện hoặc có liên quan đến nhiều xã cũng vậy, những hợp tác xã hoàn thành nhiệm vụ sớm thì được bố trí làm thêm việc để có thêm thu nhập; những hợp tác xã không hoàn thành nhiệm vụ thì phải trả bù cho hợp tác xã làm bớt phần

Digitized by Google

việc cho mình. Cách điều hành lao động trên địa bàn huyện như vậy có tác dụng thúc đẩy các đơn vị kém phải cố vươn lên làm tròn nhiệm vụ.

Sự phát triển tương đối đồng đều và vững chắc của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở đây, còn là kết quả của sự phối hợp hoạt động của các ngành ở huyện phục vụ cho sản xuất của các hợp tác xã. Căn cứ vào kế hoạch đã định, huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Hải-hậu đã chỉ đạo các ngành chuyên môn trong huyện phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc phục vụ sản xuất của các hợp tác xã. Ví dụ: huyện nắm và chỉ đạo trạm thủy nông điều khiển đóng mở cống, bảo đảm lấy nước và tiêu nước cho các hợp tác xã cày cấy theo kế hoạch và bảo đảm địa bàn cho đội máy kéo hoạt động. Ngành vật tư nông nghiệp cung cấp vật tư cho các hợp tác xã tiến hành sản xuất theo kế hoạch và quy trình kỹ thuật đã xác định. Huyện nắm lực lượng lao động cơ động (khoảng 12.000 người) chủ yếu là lực lượng "202" và những đội chuyên còn rảnh việc của các hợp tác xã để tiến hành sản xuất và xây dựng trên địa bàn huyện. Bằng cách này, hồi cuối năm ngoái, chỉ trong một thời gian ngắn (từ 10/12 đến 17/12) huyện Hải-hậu đã hoàn thành việc nạo vét sông Múc với khối lượng đất đào đắp trên 145.000m^3. Trong khi đó, ở các hợp tác xã vẫn có đủ lực lượng lao động bảo đảm tăng bèo dâu, đưa nước đầy đủ vào đồng, bảo đảm kế hoạch diện tích và thời vụ gieo mạ chiêm – xuân, giải phóng đất nhanh, không để trâu ở nề, tiếp tục xếp ải và bầy ải...

Thông qua thực tiễn chỉ đạo và điều hành lao động sản xuất trên địa bàn huyện và ở các hợp tác xã như vậy, Hải-hậu lựa chọn và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của mình, có chuẩn bị từng bước số cán bộ thay thế. Cán bộ các ngành ở huyện và cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ cốt cán có tác dụng rất lớn đối với phong trào lao động sản xuất, xây dựng và đối với đời sống của địa phương, do đó Hải-hậu coi trọng việc bồi dưỡng, ổn định đội ngũ cán bộ ấy và rất thận trọng trong khi thay thế cán bộ. Nhờ vậy, hàng ngũ cán bộ hợp tác xã ở Hải-hậu có thâm niên từ 3 – 8 năm là chủ nhiệm chiếm 50%, là phó chủ nhiệm chiếm 43% và là kế toán trưởng chiếm 55%; có thâm niên từ 9 năm trở lên là chủ nhiệm chiếm 16%, là phó chủ nhiệm chiếm 17% và là kế toán trưởng chiếm 36%... Những cán bộ có thành tích được khen thưởng kịp thời; những cán bộ có khuyết điểm thì chịu sự phê bình nghiêm khắc, nhưng việc xử lý lại có lý có tình. Ngay huyện ủy cũng nghiêm khắc kiểm điểm trước đảng bộ và nhân dân, khi có sai lầm. Cách lựa chọn, bồi dưỡng, ổn định đội ngũ cán bộ như vậy, đã tạo ra bầu không khí hiểu biết lẫn nhau, đoàn kết nhất trí trong cán bộ, bảo đảm mọi nghị quyết của Đảng đều được thực hiện nghiêm chỉnh, mọi hoạt động kinh tế, văn hóa và đời sống ở cơ sở và trên địa bàn huyện được phát triển đều khắp, với khi thế cả huyện là một công trường.

Đội ngũ cán bộ tuy có được tăng cường và nâng cao một bước về năng lực lãnh đạo và chỉ đạo sản xuất, nhưng cũng chỉ dừng ở trình độ sản xuất thủ công và chưa thoát khỏi tập quán suy nghĩ của người sản xuất nhỏ. Hiểu biết về tổ chức và quản lý sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhất là hiểu biết về công nghiệp của cán bộ từ huyện đến cơ sở còn rất hạn chế; nếu không sớm giải quyết tình hình đó thì sẽ gây trở ngại lớn cho bước đường xây dựng Hải-hậu thành huyện nông, ngư, diêm – công nghiệp.

Digitized by Google

II – PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ ĐỔI MỚI ĐỜI SỐNG NÔNG THÔN

Mấy năm qua, do quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng và chủ trương của tỉnh, do biết dựa vào sức mạnh của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, ý chí tự lực tự cường của nhân dân và biết vận dụng thích hợp những kinh nghiệm hay của các nơi khác, Hải-hậu đã vượt qua được nhiều thử thách khó khăn, giành thắng lợi lớn trong công cuộc phát triển kinh tế và đổi mới đời sống nông thôn.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, Hải-hậu nắm vững nhiệm vụ trọng tâm là sản xuất lương thực và thực phẩm. Nhất là về sản xuất lương thực, do đã mạnh dạn đưa giống lúa mới có năng suất cao vào cấy đại trà trên đồng ruộng, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, tăng vụ mở thêm diện tích trồng màu trên chân ruộng cấy 2 vụ lúa..., Hải-hậu đã tạo được bước phát triển mới về năng suất và sản lượng lương thực:

	Đơn vị	Bình quân 2 năm 1974 – 1975	Bình quân 2 năm 1976 — 1977	So sánh 2 năm sau với 2 năm trước
– Năng suất lúa	tạ/ha	58	65	111,1%
– Sản lượng thóc	Tấn	76.316	89.289	117,1%
– Lương thực bình quân đầu người (quy thóc)	Kg/người	363	423	117%

Chăn nuôi có chuyển biến rõ, nhất là đàn lợn đã phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đàn trâu được giữ vững (ngay ở những nơi thực hiện cơ giới hóa khâu làm đất, Hải-hậu vẫn chủ trương giữ vững đàn trâu để góp phần bảo đảm thời vụ nông nghiệp, làm công việc vận chuyển ở nông thôn, chăn nuôi lấy thịt, lấy sữa và cung cấp phân chuồng cho khâu trồng trọt). Chăn nuôi tiểu gia súc phát triển, nhất là nuôi cá được mở rộng theo hướng chuyên canh và thâm canh. Giá trị sản lượng chăn nuôi trong 2 năm 1976 – 1977 tăng 12% so với 2 năm 1974 — 1975. Tỷ trọng giá trị sản lượng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị nông nghiệp của Hải-hậu đã từ 16% trong 2 năm 1974 – 1975 tăng lên 18% trong 2 năm 1976 – 1977.

Trồng trọt và chăn nuôi là hai ngành sản xuất có số lượng sản phẩm lớn nhất. Giá trị sản lượng của hai ngành này ở Hải-hậu, bình quân trong các năm 1975 – 1977 đạt trên 50 triệu đồng, tăng 9% so với giá trị sản lượng bình quân của các năm 1970 — 1974. Điều đó chứng tỏ rằng nền nông nghiệp ở Hải-hậu phát triển khá tốt, nhất là năng suất lúa và năng suất lao động của người trồng lúa đã tăng lên, cho phép Hải-hậu có thể rút bớt số người lao động trong ngành trồng

Digitized by Google

trọt nói chung và ngành trồng lúa nói riêng, sang phát triển chăn nuôi và các ngành nghề khác, chủ yếu là phát triển các ngành kinh tế công nghiệp (2) trong huyện. Số người lao động làm nông nghiệp, từ trên 80% trong các năm 1970 — 1975, đến năm 1976, đã rút xuống còn hơn 65%; trong cũng thời gian như trên số người làm trong các ngành kinh tế công nghiệp từ gần 20% đã tăng lên gần 35%

Trên mặt trận sản xuất công nghiệp, sản lượng muối của Hải-hậu mỗi năm một tăng trên cơ sở tập trung làm thủy lợi, cải tạo ô nề, và thực hiện tốt các thao tác kỹ thuật. Đặc biệt từ năm 1975 trở lại đây, việc đưa Điều lệ vào hợp tác xã sản xuất muối đã củng cố thêm một bước quan hệ sản xuất mới ở vùng này và công tác cải tiến quản lý hợp tác xã, đã phát huy được vai trò làm chủ tập thể của xã viên, làm cho họ tích cực hăng hái sản xuất. Sản lượng muối trong các năm 1970 — 1975 ở Hải-hậu chỉ mới có 52 nghìn tấn. Năm 1976 lên 70 nghìn tấn và năm 1977 đạt 82 nghìn tấn, tăng gần 15 nghìn tấn so với kế hoạch và bằng 157% mức bình quân của các năm từ 1970 — 1975.

Khai thác cá biển trong những năm gần đây, được tiến hành theo phương hướng: củng cố và cải tiến nghề lộng, mở rộng nghề khơi, sử dụng phương tiện sẵn có kết hợp với phương tiện cơ giới được trang bị thêm, bám biển, đi xa đánh bắt dài ngày. Các hợp tác xã nghề cá được củng cố thêm một bước, công tác quản lý có chuyển biến tốt. Do đó, sản lượng cá khai thác mỗi năm một tăng. Năm 1976 đánh bắt được 2.084 tấn cá và năm 1977 được 2.717 tấn. Sản lượng cá đánh bắt bình quân trong 2 năm này bằng 240% mức bình quân các năm 1970 — 1975.

Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, nhất là tiểu thủ, công nghiệp trong các hợp tác xã (như: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến chiếu cói, dệt thảm, làm bao mành, cất tinh dầu xuất khẩu, v.v...) phát triển nhanh. Riêng trong năm 1977, giá trị sản lượng tiểu, thủ công nghiệp của các hợp tác xã chuyên nghiệp và của các xí nghiệp quốc doanh địa phương đạt trên 13 triệu đồng, bằng 139% mức kế hoạch. Kể cả tiểu, thủ công nghiệp của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thì giá trị sản lượng toàn ngành tiểu, thủ công nghiệp Hải-hậu đạt trên 21 triệu đồng.

Giá trị sản lượng của các ngành kinh tế công nghiệp ở Hải-hậu, trong những năm 1975 — 1977 bình quân mỗi năm đạt trên 26 triệu đồng, tăng 64% so với mức bình quân trong các năm 1970 — 1974. Tốc độ phát triển đó của kinh tế công nghiệp đã có tác dụng làm cho cơ cấu giá trị nông — công nghiệp ở đây phát triển theo chiều hướng: tỷ trọng giá trị sản lượng nông nghiệp trong tổng giá trị nông — công nghiệp ngày càng giảm và tỷ trọng giá trị sản lượng các ngành kinh tế công nghiệp ngày càng tăng:

(Xem biểu trang sau)

Mặc dù kinh tế công nghiệp của Hải-hậu đang còn nhỏ bé, song với mức độ phát triển như trên, nó cũng đã có tác dụng nhất định trong việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Bước phát triển mới của nông nghiệp và công nghiệp Hải-hậu đã dẫn đến sự phát triển của các ngành kinh tế — xã hội khác trong huyện, đưa giá trị tổng sản phẩm xã hội toàn huyện năm 1976 lên trên 127 triệu

(2) Kinh tế công nghiệp ở Hải-hậu bao gồm: sản xuất muối, đánh bắt và chế biến cá biển, giao thông vận tải, vật liệu xây dựng, xây dựng cơ bản, điện, thủ công nghiệp của các hợp tác xã chuyên nghiệp, ngành nghề có tính chất sản xuất công nghiệp của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và công nghiệp quốc doanh địa phương.

Digitized by Google

	Bình quân của các năm 1970 – 1974		Bình quân của các năm 1975 – 1977		So sánh các năm sau với các năm trước
	Giá trị	%	Giá trị	%	
+ Giá trị sản lượng nông – công nghiệp	64.281.000đ	100	76.841.000đ	100	
Trong đó :					
– Giá trị sản lượng nông nghiệp (bao gồm trồng trọt + chăn nuôi)	46.472.000đ	72	50.731.000đ	66	– 6%
– Giá trị sản lượng công nghiệp (kể cả ngành nghề ở hợp tác xã sản xuất nông nghiệp)	17.799.000đ	28	26.110.000đ	34	+ 6%

đồng và mang lại nguồn thu nhập quốc dân trong năm gần 84 triệu đồng. Do đó, ở Hải-hậu thu nhập quốc dân (v + m) bình quân của một lao động làm nông nghiệp (3) là trên 700 đồng (mức chung của các nơi khác khoảng 500 đồng) và của một lao động chung là gần 800 đồng (mức chung của các nơi khác khoảng 650 đồng).

Sản xuất lên, phần đóng góp cho Nhà nước và tích lũy cho hợp tác xã có điều kiện tăng lên nhanh chóng. Trong 2 năm 1976 – 1977 Hải-hậu đã bán cho Nhà nước 39.097 tấn thóc, 2.864 tấn thịt lợn hơi, 153.418 tấn muối, 2.018 tấn cá, 2.116 tấn cói chẻ và trên 100 tấn kén tằm... Riêng năm 1977, giá trị hàng hóa xuất khẩu của Hải-hậu tăng gấp đôi năm 1976 và giá trị sản phẩm hàng hóa mà Hải-hậu cung cấp cho Nhà nước đạt trên 16 triệu đồng với tỷ suất hàng hóa 26%. Đặc biệt có những hợp tác xã như Hải-quang trong 2 năm 1976 – 1977 đã bán cho Nhà nước 2.395 tấn thóc và Hải-thịnh đã bán trên 170 tấn thịt lợn hơi. Phần dành làm vốn tích lũy cho các hợp tác xã năm 1976 là 34 triệu đồng ; năm 1977 tăng lên 41 triệu đồng (năm 1971 chỉ 20 triệu đồng). Riêng số vốn dành làm quỹ tích lũy để tái sản xuất mở rộng cho các hợp tác xã năm 1971 chỉ 9 triệu đồng, năm 1976 tăng lên 16 triệu đồng và năm 1977 tăng lên gần 20 triệu đồng...

Đời sống nhân dân trong huyện được cải thiện từng bước và nâng lên về mọi mặt.

Bình quân hằng tháng, mỗi người dân Hải-hậu có mức ăn từ 15 kg (vào năm mất mùa) đến 19 kg thóc (vào năm được mùa). Mặt khác, cấp huyện ở đây còn thường xuyên và có kế hoạch chỉ đạo các hợp tác xã hướng dẫn và giúp đỡ cụ thể các gia đình xã viên kinh doanh tốt đất vườn, ao và tận dụng các làn sông, làn kênh mương, bờ ao, bờ dường, bờ ruộng, v.v... trồng nhiều khoai nước, đỗ tróc, đậu đỗ, rau quả... vừa bảo đảm có thức ăn cho chăn nuôi gia đình, vừa có thêm rau màu lương thực bổ sung cho người. Kèm theo số thóc hợp tác xã phân phối và số rau màu lương thực bổ sung đó, người dân Hải-hậu có mức lương thực hằng tháng đủ ăn.

Thu nhập của một ngày công lao động ở các hợp tác xã trong huyện Hải-hậu, hiện nay bình quân đã được 0đ86. Những hợp tác xã khá có thu nhập ngày công trên 1 đồng. Thu

(3) Kể cả kinh tế phụ gia đình (theo số liệu của phòng kế hoạch huyện Hải-hậu).

Digitized by Google

nhập bằng kinh tế phụ gia đình của xã viên ở đây cũng xấp xỉ mức thu nhập từ kinh tế tập thể. Do đó, nhiều gia đình xã viên ở Hải-hậu có nhiều tiền mua sắm quần áo, chăn màn, giường tủ, và các dụng cụ gia đình khác. Nhiều gia đình xây được nhà ngói, lát sân gạch, tậu xe đạp, xe máy...

Đời sống vật chất ở mức độ vừa phải như vậy, là tương xứng với trình độ phát triển kinh tế còn có hạn của các hợp tác xã trong huyện. Mặc dù điều kiện phát triển kinh tế chưa cao (thu nhập quốc dân đầu người mới có 340 đồng, phải tiêu dùng cho cá nhân trên 278 đồng, mức dư thừa không còn là bao), nhưng ngay từ bây giờ Hải-hậu đã có thể tổ chức được một đời sống văn hóa và xã hội khá tốt. Với tinh thần dựa vào sức mình là chính, các hợp tác xã ở Hải-hậu đã biết sử dụng nguồn lao động dồi dào và có kỹ năng của mình để tạo ra vật liệu xây dựng, xây cất các công trình phục vụ hoạt động văn hóa, giáo dục, văn nghệ, y tế, thể dục thể thao và các công trình phúc lợi công cộng khác, tạo nên cuộc sống tinh thần cao đẹp trong nông thôn hợp tác hóa.

Đến nay, hầu hết các trường học phổ thông từ cấp I đến cấp III ở các xã đều đã được xây dựng bằng gạch ngói, (chủ yếu bằng vốn liếng và công sức của hợp tác xã bỏ ra). Trong số đó có 11 trường cấp II hai tầng, và đang xây dựng 3 trường cấp II ba tầng... Các hợp tác xã đều có trường mẫu giáo và trường học vỡ lòng. Số trường lớp đã được xây dựng đó, hiện đang thu nhận trên 7 vạn người học, bằng 29,6% số dân năm 1977 của toàn huyện. Trong số người học đó, có 8.586 cháu học sinh mẫu giáo, 8.420 cháu học sinh vỡ lòng, 5.250 học viên bổ túc văn hóa là những cán bộ cốt cán của các cơ quan và các ngành từ huyện đến xã và hợp tác xã, những đảng viên, đoàn viên thanh niên và xã viên hợp tác xã. Hiện nay Hải-hậu là một trong ba huyện khá nhất của tỉnh Hà-nam-ninh về mặt học tập văn hóa.

Hải-hậu cũng đã có một bệnh viện đa khoa, 2 khu vực khám bệnh và đã xây dựng được 40 trạm y tế xã (đều bằng gạch ngói) có khá đủ tiện nghi hành nghề, nhiều cơ sở còn có vườn cây thuốc và xưởng bào chế thuốc nam cung cấp cho người bệnh. Đội ngũ cán bộ y tế trong các cơ sở quốc lập và dân lập có 553 người, trong năm 1977 đã khám bệnh cho 32 vạn lượt người và điều trị (cả nội trú và ngoại trú) cho gần 26 vạn lượt người bệnh.... bảo vệ tốt sức khỏe của nhân dân trong huyện.

Các hợp tác xã ở Hải-hậu đều có đội văn nghệ, tổ thông tin tuyên truyền, có câu lạc bộ, nhà văn hóa và hội trường. Một số hợp tác xã xây dựng được thư viện và nhà truyền thống xã. Khu trung tâm huyện có nhà bảo tàng và một thư viện 2 tầng vừa mới xây dựng. Xã nào cũng có bãi bóng và có từ 1 — 2 đội bóng chuyền. Nhiều xã đã có sân và có đội bóng đá. Hoạt động bóng bàn nơi nào cũng có... Những hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, bảo tồn bảo tàng, thư viện, thông tin tuyên truyền, câu lạc bộ, hội diễn, v.v... ở các hợp tác xã và trên địa bàn huyện đã và đang lôi cuốn được đông đảo nhân dân, nhất là thanh thiếu niên và học sinh tham gia. Những tập tục lạc hậu (ma chay, cưới xin chè chén, đồng bóng, bói toán, mê hoặc thần quyền...) được dần dần xóa bỏ. Một nếp sống văn hóa lành mạnh, vui tươi và tiến bộ đã hình thành.

Nhà trẻ và lớp mẫu giáo được xây dựng ở khắp các hợp tác xã và xuống tận đội sản xuất. Hợp tác xã trả công điểm cho cô nuôi dạy trẻ, bố mẹ các cháu không phải lo. Có nhiều hợp tác xã tổ chức cho các cháu ăn bữa trưa không mất tiền. Hợp tác xã phân phối

Digitized by Google

bảo đảm đời sống cho các cụ già. Những người già yếu, neo đơn không nơi nương tựa được hợp tác xã trợ cấp hoàn toàn. Nhiều hợp tác xã, như Hải-thịnh và Hải-vân đã xây dựng được khu an dưỡng cho các cụ phụ lão vui tuổi già...

Thực tiễn phát triển kinh tế và đổi mới đời sống nông thôn ở các hợp tác xã và trên địa bàn huyện Hải-hậu đã chứng tỏ rằng, nếu biết tổ chức lại sản xuất và phân công lại lao động trong từng hợp tác xã và trên địa bàn toàn huyện, kết hợp hoạt động của hợp tác xã với hoạt động của các ngành kinh tế, văn hóa v.v... trong huyện thì sẽ làm cho từng đơn vị kinh tế phát huy được sức mạnh của mình, đồng thời tạo ra sức mạnh tổng hợp và sự phát triển đồng bộ của cả huyện, bảo đảm sản xuất phát triển vững chắc. Kinh nghiệm của Hải-hậu cho thấy rằng ngay cả trong điều kiện kinh tế phát triển chưa cao, chúng ta hoàn toàn có thể « tổ chức lại đời sống xã hội trong huyện một cách toàn diện, từ sản xuất đến phân phối, từ ăn ở đến giao thông đi lại, từ kinh tế đến văn hóa, xã hội, nhằm xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông – công nghiệp, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng văn hóa mới, con người mới » (4).

III – TẠO BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA SẢN XUẤT TRONG VÀI BA NĂM TRƯỚC MẮT

Phấn đấu đạt được những kết quả nói trên là một cố gắng lớn của đảng bộ và nhân dân Hải-hậu. Song, do chưa khai thác đầy đủ nguồn lao động dồi dào và có kỹ năng, do chưa chú trọng đúng mức việc phát triển kinh tế biển, mở rộng vụ đông và phát triển mạnh chăn nuôi, chưa đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản và mở mang ngành nghề, và chưa coi trọng vận động nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới, v.v... cho nên **năng suất lao động xã hội vẫn còn thấp**. Đây là một điểm yếu cơ bản và cũng là điều đáng suy nghĩ lớn nhất đối với Hải-hậu.

Ở Hải-hậu năng suất lao động xã hội thấp thể hiện nổi bật ở chỗ giá trị sản phẩm làm ra hằng năm chỉ có hạn, nhưng số dân trong huyện lại quá đông. Cả huyện có trên 24 vạn dân (sinh sống trên một diện tích ruộng đất canh tác chỉ có 1,9 vạn héc-ta), nhưng lại phân bố không đều giữa các vùng trong huyện (các hợp tác xã phía bắc huyện có mật độ 1.282 người/km2, các xã miền biển chỉ có 614 người/km2). Tỷ lệ tăng số dân tự nhiên còn trên 2,5%... Sở dĩ năng suất lao động ở đây còn thấp, ngoài những nguyên nhân nói trên ra, một phần rất quan trọng là do cơ sở vật chất — kỹ thuật của nền kinh tế Hải-hậu đang còn yếu và thiếu. Từ năm 1960 đến năm 1977; mức đầu tư trang bị kỹ thuật cho mỗi héc-ta canh tác ở Hải-hậu mới khoảng 470 đồng (đây là mức thấp của tỉnh Hà-nam-ninh). Công tác thủy lợi chỉ mới dựa vào nước thủy triều để tưới tiêu, cho nên vẫn còn bị động. Lao động trong tất cả các ngành sản xuất chủ yếu còn làm bằng công cụ thủ công; công cụ cầm tay cũng chưa có đủ vì huyện chưa có đủ cơ sở sản xuất công cụ thường. Lao động bằng công cụ cơ giới còn rất ít. Đã

(4) Bài nói của đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng với cán bộ và đại biểu xã viên hợp tác xã Định-công ngày 10-1-1978 — Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Thanh-hóa ấn hành.

Digitized by Google

vậy, máy móc hư hỏng không có nơi sửa chữa (vì huyện chưa có cơ sở sửa chữa cơ khí) cho nên chỉ mới sử dụng được 30% số máy hiện có...

Hải-hậu phải và có thể làm gì để thoát ra khỏi tình trạng năng suất lao động thấp, nhằm tạo ra bước phát triển mới cho sản xuất trong vài ba năm trước mắt?

Phải thay đổi tình trạng phân bố và sử dụng không hợp lý lực lượng lao động trong huyện trong vài ba năm tới, rút số người làm trồng trọt xuống còn 40% tổng số người lao động trong huyện, kết hợp với đưa cơ giới vào đồng ruộng; đến lúc đó, mỗi lao động trồng trọt sẽ làm được từ 1,5 đến 2 héc-ta gieo trồng, tạo ra được khoảng 3,5 tấn thóc/năm, đủ nuôi sống khoảng 10 – 15 người.

Đi đôi với việc dành 15% diện tích ruộng đất để chuyên trồng thức ăn cho gia súc, phải tăng thêm lao động cho ngành chăn nuôi, đưa tỷ trọng lao động chăn nuôi lên khoảng 10% tổng số người lao động trong huyện.

Hải-hậu có điều kiện thuận lợi và tiềm năng rất lớn về phát triển kinh tế biển. Trong các năm tới, lực lượng lao động làm muối chỉ nên giữ ở mức 10% tổng số người lao động trong huyện như hiện nay, nhưng cần phấn đấu đưa năng suất muối lên 150 tấn/ha (hiện nay đã xấp xỉ 120 tấn/ha) và mở thêm khoảng 80 héc-ta đồng muối mới, để bảo đảm sản xuất 10 vạn tấn muối/năm với năng suất trung bình của mỗi lao động làm muối là 10 tấn/năm. Đưa người vào phát triển mạnh nghề cá biển, là mũi tiến công quan trọng nhất nhằm phân bổ và sử dụng hợp lý lực lượng lao động của Hải-hậu, bảo đảm có nguồn thu nhập lớn, hơn nữa còn có nhiều hải sản xuất khẩu (tôm, mực, cá...) để trang bị lại cho các ngành kinh tế trong huyện. Đi đôi với việc tăng cường và củng cố 8 hợp tác xã đánh cá biển hiện có, sẽ là một điều thích đáng nếu Trung ương và tỉnh cho phép thành lập xí nghiệp quốc doanh đánh cá biển Hải-hậu. Cần trang bị thêm những phương tiện đánh bắt, sửa chữa tàu thuyền, hậu cần, chế biến sản phẩm; đồng thời khẩn trương bồi dưỡng, chọn người đánh cá, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật để tổ chức lực lượng tiến công ra biển hằng năm khai thác từ 8.000 đến 10.000 tấn cá biển trong vài ba năm tới.

Số người lao động còn lại trong huyện, chủ yếu được phân bổ làm ngành nghề (tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản). Đưa thêm nhiều người sang phát triển mạnh các nghề thủ công trong các hợp tác xã để sản xuất hàng tiêu dùng cung cấp cho nhân dân địa phương và làm hàng xuất khẩu. Mạnh dạn đưa nhiều người vào làm vật liệu xây dựng và xây dựng cơ bản, làm giao thông vận tải và nhất là xây dựng các công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống nhân dân về học hành, sức khỏe, vệ sinh, văn nghệ, vui chơi, giải trí...

Như vậy trong vài ba năm tới, trên địa bàn huyện Hải-hậu sẽ hình thành cơ cấu phân bố lao động theo hướng «4 – 1 – 2 – 3», tức là sẽ có 50% tổng số người lao động trong huyện làm nông nghiệp (chia ra 40% làm trồng trọt và 10% làm chăn nuôi) và 50% làm kinh tế công nghiệp (chia ra 20% làm muối, cá và 30% làm các ngành nghề xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp). Cơ cấu phân bố lao động và phát triển kinh tế như vậy sẽ bảo đảm cho Hải-hậu đến năm 1980 có thu nhập quốc dân (chỉ kể những sản phẩm chủ yếu) tính theo đầu người lao động ít nhất là 1.500 đồng. Mức độ phát triển kinh tế như vậy sẽ bảo đảm cho nhân dân Hải-hậu có đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao rõ rệt.

Digitized by Google

Trong vài ba năm tới, muốn có mức thu nhập bình quân đầu người lao động như vậy, Hải-hậu chỉ được giữ lại trên địa bàn của mình khoảng 20 vạn dân với khoảng 9 vạn người lao động. Do đó, đi đôi với việc cố gắng giảm tỷ lệ sinh đẻ xuống 1,5% hàng năm, Hải-hậu còn phải ra sức vận động nhân dân (nhất là nhân dân phía Bắc huyện) đi xây dựng vùng kinh tế mới ở các tỉnh khác. Trước mắt cần tổ chức tốt việc đưa trên 1 vạn người lao động khỏe đi trước xây dựng những cơ sở ban đầu, sau đó sẽ đưa tiếp hàng vạn người trong các gia đình đến làm ăn sinh sống ở quê hương mới.

Trong vài ba năm trước mắt, tăng nhanh lúa và lợn cả về năng suất và sản lượng. Đưa năng suất lúa lên 9 – 10 tấn/ha/năm để đạt cho được sản lượng 10 vạn tấn thóc/năm và sản xuất khoảng 2 vạn tấn màu (quy thóc) nhằm đạt mức lương thực bình quân đầu người trên 500kg (hoặc là 600kg nếu không chế được số dân ở lại trong huyện là 20 vạn người). Đàn lợn đưa lên 10 vạn con, để có trên 4 lợn/ha gieo trồng và sản xuất 1 vạn tấn thịt lợn hơi một năm. Phấn đấu mỗi năm sản xuất từ 4.000 đến 6.000 tấn cói chẻ và 100 tấn kén tằm.

Để bảo đảm thực hiện các mục tiêu nông nghiệp nói trên, Hải-hậu cần coi trọng việc xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết, nhất là các cơ sở về thủy lợi, về cải tạo đất và đồng ruộng.

Cơ sở thủy lợi hiện có trên đồng ruộng Hải-hậu chỉ đủ để bảo đảm vững chắc năng suất lúa từ 5 đến 5,5 tấn thóc/ha. Vì thế, cần làm nhanh chóng và dứt điểm công tác hoàn chỉnh thủy nông, sử dụng đến mức cao nhất khả năng của nước thủy triều; đồng thời tranh thủ xây dựng cho được hệ thống trạm bơm điện trên đồng ruộng để chủ động tưới, tiêu nước bằng động lực, bảo đảm chống úng, đi vào thực hiện tưới tiêu khoa học và tạo điều kiện tăng nhanh diện tích làm vụ đông.

Kết hợp với thủy lợi, cần phát triển mạnh chăn nuôi để có nhiều phân chuồng (phân lợn và phân trâu), làm nhiều phân xanh (bèo dâu và điền thanh làm đầu vị cải tạo đất chua mặn) và tận dụng các nguồn phân khác, bảo đảm mỗi héc-ta gieo trồng được bón 15 tấn phân chuồng để đạt 10 tấn thóc/ha cả năm. Hiện nay mức xây dựng đồng ruộng của Hải-hậu chưa phải đã đáp ứng được yêu cầu của sản xuất thủ công có thâm canh. Bởi vậy, cần mở các đại công trường thủ công (dùng công cụ thủ công là chính, kết hợp một phần với lực lượng cơ giới) để san ghềnh, lấp trũng, cải tạo mặt bằng đồng ruộng, đưa nhanh vào sử dụng. Mặt khác, kết hợp với việc cải tạo, nâng cấp và xây dựng lại các trục đường giao thông thủy, bộ và ven biển, cần từng bước sắp xếp lại các cụm dân cư tập trung, gắn kinh tế với quốc phòng, bảo đảm tổ chức lại đồng ruộng theo yêu cầu của sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh và cơ giới hóa.

Ngay từ bây giờ, kiên quyết dành ít nhất 15% diện tích ruộng đất canh tác để chuyên sản xuất thức ăn cho gia súc. Khẩn trương hoàn thành xây dựng hai cơ sở chế biến thức ăn gia súc của huyện ở hai hợp tác xã Hải-thịnh và Hải-thanh. Phát triển đàn lợn nái, nhất là đàn nái của tập thể, nhằm sản xuất đủ giống lợn con tốt cung cấp cho yêu cầu phát triển chăn nuôi trong huyện. Phát triển mạnh lợn lai kinh tế, bảo đảm đàn lợn lai chiếm từ 60% – 70% tổng đàn lợn trong vài ba năm tới, để có trọng lượng lợn xuất chuồng đạt 60 kg/con trở lên. Tăng đầu tư cho xây dựng chuồng lợn (cả khu vực tập thể và gia đình xã viên) và chuồng trâu nuôi tập trung, bảo đảm có 100% số chuồng trại xây gạch ngói.

Digitized by Google

Xây dựng và củng cố hệ thống làm giống và giữ giống ở từng hợp tác xã, tiến lên bố trí những hợp tác xã sản xuất giỏi và có kinh nghiệm chuyên làm giống đầu giòng (lúa, lợn, cây phân xanh...), bảo đảm có đủ giống tốt cung cấp cho sản xuất.

Mở thêm và tăng cường các cơ sở sản xuất công cụ, bảo đảm có đủ công cụ thường, công cụ cải tiến cung cấp cho người lao động. Xây dựng cơ sở sửa chữa cơ khí huyện, bảo đảm sửa chữa kịp thời những máy móc hư hỏng của các cơ sở sản xuất trong huyện, tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất được trang bị công cụ cơ giới ngày càng nhiều, có điều kiện sử dụng phương tiện cơ giới vào các khâu công tác đạt hiệu quả cao.

Đẩy mạnh tốc độ sản xuất vật liệu xây dựng bằng cách mở rộng và xây dựng mới các xí nghiệp quốc doanh và cơ sở hợp tác xã (nơi có điều kiện thì tổ chức liên doanh) sản xuất gạch, ngói, vôi cung cấp cho nhu cầu xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, cơ sở phúc lợi công cộng và phấn đấu trong vài ba năm tới có 85% — 90% số nhà ở của nhân dân trong huyện được xây gạch lợp ngói.

Phát triển mạnh nghề thủ công trên cả ba lĩnh vực: chuyên nghiệp, nửa chuyên nghiệp trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và gia đình xã viên, nhằm làm ra nhiều hàng tiêu dùng cho nhân dân và cung cấp cho xuất khẩu.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, tổ chức tốt công tác lưu thông phân phối, vận tải, cung cấp kịp thời vật tư, thiết bị, hàng hóa và tiền vốn phục vụ cho sản xuất và đời sống.

Làm các công việc như trên, tuy có phần giúp đỡ của Nhà nước, song chủ yếu là dựa vào sức phấn đấu rất cao của từng hợp tác xã và của cả huyện, nhất là để có vốn đầu tư vào việc trang bị kỹ thuật mới, cần tính toán làm sản phẩm gì xuất khẩu được. Hiện nay, giá trị hàng xuất khẩu của Hải-hậu mới được trên 1 triệu đồng. Từng hợp tác xã ở Hải-hậu xây dựng kế hoạch xuất khẩu của mình dựa trên quy hoạch chung của huyện, cùng với huyện tạo ra những vùng trồng một số cây làm nông sản xuất khẩu. Ngay từ bây giờ, Hải-hậu có thể mở thêm 700 héc-ta đồng cói (ở đất bãi và ruộng chua mặn trồng lúa bấp bênh ven sông, ven biển) đi đôi với thâm canh tăng năng suất cói trên diện tích đã trồng (300 héc-ta), hằng năm sẽ thu hoạch 7.000 tấn cói chẻ, thu hút hàng vạn người lao động làm chiếu và thảm cói xuất khẩu. Cùng với diện tích dâu ruộng hiện có, phát triển mạnh dâu cây trồng ở bờ kênh, bờ mương và vườn tược gia đình, nuôi tằm cung cấp kén cho nhà máy ươm tơ xuất khẩu. Phát triển mạnh trồng tỏi xuất khẩu trên diện tích cấy lúa mùa sớm, trồng xen canh ở nương dâu và đất trồng màu của hợp tác xã và gia đình xã viên. Tận dụng đất hoang hóa trồng bạc hà, húng quế; tận dụng bờ mương, ven đường, ven sông trồng hương nhu và trồng hương lau ở ven biển, để sản xuất tinh dầu xuất khẩu. Trồng mây (mỗi hộ gia đình xã viên trồng 3 khóm trở lên) để đến năm 1980 Hải-hậu chủ động hơn về nguyên liệu làm hàng mây đan xuất khẩu — mặt hàng truyền thống của nhiều hợp tác xã. Mở thêm nghề thêu xuất khẩu ở nhiều hợp tác xã... Sử dụng lực lượng lao động dồi dào ở nông thôn làm hàng xuất khẩu như vậy, cũng tức là xuất khẩu lao động, đổi lấy vật tư, thiết bị, máy móc... của nước ngoài để xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật một cách hiện thực nhất.

Đương nhiên những vật tư, thiết bị kỹ thuật, những phương tiện đào tạo cán bộ, v.v... mà bản thân huyện không có và không tự làm lấy được, thì cần được các cơ quan Nhà nước

(Xem tiếp trang 88)

Digitized by Google

Thảo luận

DỰ THẢO HIẾN PHÁP MỚI

HIẾN PHÁP MỚI VÀ PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TRẦN-CÔNG-TƯỜNG

Chủ nhiệm Ủy ban pháp chế của Hội đồng Chính phủ

NGHỊ quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng có nói rằng cần nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động. Hiến pháp của nước ta thể chế hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thể chế hóa việc quản lý của Nhà nước, thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng, nghĩa là thể hiện nền chuyên chính vô sản của ta.

Hiến pháp mới kế thừa và phát triển các Hiến pháp 1946 và 1959 của nước ta.

Ở nước ta, cuộc Cách mạng tháng Tám do Đảng lãnh đạo là một cuộc Cách mạng nhân dân huy động hàng chục triệu người trong nước ta từ Nam chí Bắc, đập tan chế độ cũ, xây dựng chế độ mới, chế độ cách mạng, chế độ làm chủ của nhân dân, của đông đảo quần chúng lao động. Hiến pháp năm 1946 thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân, quy định chế độ Nhà nước của nhân dân, *chế độ dân chủ nhân dân*. Nó đã góp phần động viên và tổ chức nhân dân đưa cuộc kháng chiến chống chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đến thắng lợi.

Năm 1954, sau khi Hiệp nghị Giơ-nơ-vơ được ký kết, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng chuyển sang thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sau khi cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa hoàn thành, xã hội miền Bắc gồm có giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa, giai cấp nông dân tập thể và các tầng lớp lao động khác. Tư liệu sản xuất chủ yếu thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa của toàn dân hoặc của tập thể. Hiến pháp năm 1959 đã thể chế hóa những thắng lợi đó, nghĩa là quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của

Digitized by Google

nhân dân lao động về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, và vạch ra con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân dân có làm chủ được về mặt chính trị thì mới làm chủ được về mặt kinh tế và văn hóa; và việc làm chủ về mặt kinh tế và văn hóa ngược lại củng cố việc làm chủ của nhân dân về mặt chính trị. Các mặt làm chủ đó gắn liền một cách hữu cơ với nhau. Hiến pháp năm 1959 quy định chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, một chế độ Nhà nước thật sự *của dân, do dân, vì dân*. Chế độ đó đã đưa phong trào cách mạng của nhân dân ta dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi; sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt được những thành tựu to lớn; cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi hoàn toàn, miền Nam được giải phóng, nước nhà thống nhất.

Dự thảo Hiến pháp mới thể chế hóa đường lối của Đảng được đề ra trong Đại hội lần thứ IV, thể hiện những nguyên tắc cơ bản của nền chuyên chính vô sản, thể chế hóa quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý xã hội theo pháp luật.

Pháp chế tư sản — trước hết là hiến pháp tư sản — bảo đảm *quyền thống trị của giai cấp tư sản về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa* đối với nhân dân lao động. *Pháp chế xã hội chủ nghĩa — trước hết là hiến pháp xã hội chủ nghĩa* — bảo đảm xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong đó giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa và các tầng lớp lao động khác đoàn kết với nhau để xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống mới. Nó khẳng định và bảo vệ nền chuyên chính vô sản, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa; nó phục vụ mục tiêu xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Luật gia tư sản cho rằng *chuyên chính vô sản không thể có pháp chế được*. Đó hoàn toàn là luận điệu xằng bậy. Chuyên chính vô sản đặt ra một nền ***pháp chế rất phong phú thâm nhập vào mọi tổ chức và hoạt động của cơ quan Nhà nước, mọi lĩnh vực của đời sống nhân dân***. Hiến pháp tư sản chủ yếu là luật cơ bản về tổ chức Nhà nước, về tổ chức bộ máy thống trị của giai cấp tư sản. Hiến pháp xã hội chủ nghĩa trái lại quy định quan hệ khăng khít giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, khẳng định nền chuyên chính vô sản, thể chế hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý xã hội theo pháp luật. Dưới chế độ ta, pháp chế xã hội chủ nghĩa không ngừng được tăng cường. Điều 11, chương I của dự thảo Hiến pháp nói rõ: « Nhà nước quản lý xã hội theo pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tất cả các cơ quan Nhà nước, nhân viên Nhà nước và công dân đều phải tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh đề phòng ngừa và chống các tội phạm và việc làm vi phạm Hiến pháp, pháp luật ».

Điều 36, chương II về chế độ kinh tế và xã hội nói: « Nhà nước đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa về kinh tế, kiểm tra chặt chẽ, thưởng phạt công minh và kịp thời, ngăn ngừa và bài trừ các tệ quan liêu, lãng phí, tham ô và các biểu hiện tiêu cực khác trong hoạt động kinh tế ».

Điều 109, chương VII nói: « Hội đồng Bộ trưởng... bảo đảm việc thi hành các luật và pháp lệnh đã được Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước thông qua »...

Digitized by Google

Pháp chế xã hội chủ nghĩa thể hiện những nguyên tắc hoạt động của chuyên chính vô sản; đồng thời nó là *một hệ thống công tác, một hệ thống tổ chức gắn liền một cách hữu cơ với toàn thể hệ thống chuyên chính vô sản*, với hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, với đời sống hằng ngày của nhân dân.

Pháp chế xã hội chủ nghĩa bảo vệ và không ngừng củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa, bằng việc không ngừng tăng cường và củng cố nền chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Đó cũng chính là nội dung, nguồn sức mạnh và hiệu lực của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

LÊ-TRUNG-HÀ

MỘT kinh nghiệm lớn mà Đại hội lần thứ IV của Đảng ta đã tổng kết: điều kiện quyết định trước tiên để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta là *phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*. Điều này đã được thể hiện một cách nổi bật trong các điều 2, 3, 4 chương I của bản dự thảo Hiến pháp, và quán xuyến trong những chương khác về chế độ kinh tế và xã hội, văn hóa và giáo dục, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, tổ chức bộ máy Nhà nước, v.v... Vấn đề này rất rộng; ở đây chúng tôi chỉ xin phát biểu mấy ý kiến về vấn đề tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và phát huy tác dụng của Tòa án nhân dân.

Đảng ta đã xác định Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức cao nhất, rộng lớn nhất và tập trung nhất quyền làm chủ của nhân dân lao động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta có sứ mệnh lịch sử là động viên và tổ chức nhân dân tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đập tan mọi sự phản kháng và mọi sự xâm lược của kẻ thù, thực hiện xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến tới xã hội cộng sản không giai cấp. Nhà nước phải quản lý xã hội theo pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « *Toàn bộ pháp chế Nhà nước và pháp chế kinh tế, đó là đường lối, chính sách của Đảng cũng là lợi ích và ý chí của nhân dân biểu hiện dưới hình thức Nhà nước, là những công cụ tổ chức hùng mạnh, đầy hiệu lực của Nhà nước để thực hiện đường lối, chính sách, những nhiệm vụ do Đảng đề ra trên cơ sở một nền chuyên chính mạnh mẽ của giai cấp vô sản* » (1). Vì vậy, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa cũng chính là tăng cường chuyên chính vô sản và bảo đảm đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

(1) Lê-Duẩn: « *Mấy vấn đề về cán bộ và về tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa* », Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, trang 50.

Digitized by Google

Hiện nay, những việc vi phạm pháp luật và phạm pháp trong xã hội ta còn nhiều. Tình trạng đó có những nguyên nhân khách quan như : nền nếp làm ăn của người sản xuất nhỏ, hậu quả của chiến tranh, hậu quả của chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam, v.v... Nhưng về mặt chủ quan, trong những năm qua, chúng ta chưa chú ý thật đầy đủ việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý của Nhà nước. Chính vì vậy mà có nhiều việc vi phạm pháp luật, kể cả những việc phạm pháp chưa được xử lý đúng mức và kịp thời, thậm chí có việc không được xử lý. Mặt khác, luật lệ của ta nhiều chỗ còn sơ sài ; nhiều vấn đề về quản lý kinh tế, tài chính, về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan Nhà nước và chức trách của cán bộ... chưa được quy định rõ ràng. Cho nên những hiện tượng quan liêu, gây phiền hà cho nhân dân, tham ô, móc ngoặc, vi phạm chế độ, thể lệ quản lý, phân phối, v.v..., đã có điều kiện nảy sinh, gây thiệt hại về tài sản xã hội chủ nghĩa và gây khó khăn cho đời sống của nhân dân.

Những thiếu sót của chúng ta trong thời gian qua về mặt tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa đã hạn chế hiệu lực của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời làm ảnh hưởng đến lòng tin vào tính chất ưu việt của chế độ ta. Vì vậy, chúng tôi nhất trí với những quy định trong điều 11 của bản dự thảo Hiến pháp về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhưng muốn thực hiện được tốt việc đó, thì cần tích cực xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và chú ý giáo dục cho cán bộ và nhân dân về ý thức tôn trọng pháp chế.

Bản dự thảo Hiến pháp có dành hẳn một chương để quy định về tổ chức và hoạt động của các Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân là những cơ quan có nhiệm vụ căn cứ vào pháp luật để xử lý những vụ vi phạm pháp luật, bảo đảm tính thống nhất của pháp luật và đấu tranh chống những việc vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi thấy điều đó rất cần thiết, vì đó là những cơ quan trọng yếu của Nhà nước chuyên chính vô sản và của nhân dân. Trong tác phẩm « Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô-viết », Lê-nin đã chỉ rõ : « *Chuyên chính là một chính quyền sắt, có dũng khí cách mạng và nhanh chóng, thẳng tay khi cần trấn áp bọn bóc lột và bọn phá rối trật tự* ».

Đối với Tòa án nhân dân, một cơ quan chuyên chính của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chúng tôi thấy cần xác định rõ : *Tòa án nhân dân là cơ quan có nhiệm vụ bảo đảm nền công lý xã hội chủ nghĩa.* Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm vụ đó bằng công tác xét xử của mình và công tác xét xử phải chính xác, kịp thời. Tòa án nhân dân nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam mà tuyên án, cho nên bản án phải được mọi cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân chấp hành nghiêm chỉnh.

Nhìn chung, nhận thức của cán bộ và nhân dân ta đối với nền công lý xã hội chủ nghĩa nói chung và đối với Tòa án nhân dân nói riêng còn chưa được đầy đủ. Vì vậy, đã xảy ra hiện tượng có cơ quan hoặc cán bộ tùy tiện xử lý những việc phạm pháp trong nội bộ, mà không muốn đưa những việc đó ra truy tố, xét xử, vì sợ mất thành tích của đơn vị hoặc địa phương. Có một số cán bộ được Tòa án nhân dân triệu tập đến tòa án đã không chịu đến vì cho rằng mình có quyền hơn. Ngoài ra, lại còn có một số bản án không được các cơ quan hoặc cán bộ chấp hành nghiêm chỉnh.

Việc đấu tranh chống phạm pháp hiện nay đòi hỏi ba cơ quan : công an, kiểm sát và tòa án phải thực hiện thật tốt nhiệm vụ của mình và phải có sự hợp đồng chặt chẽ trên

Digitized by Google

nguyên tắc vừa có sự phối hợp, vừa có sự chế ước lẫn nhau, đồng thời tăng cường sức mạnh tổ chức của mỗi ngành.

Nói tóm lại, nhận thức về nền công lý xã hội chủ nghĩa và về Tòa án nhân dân trong cán bộ và nhân dân ta chưa đầy đủ, tổ chức và hoạt động của nó cũng chưa bảo đảm được đầy đủ yêu cầu phát huy hiệu lực của Nhà nước và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đó là những vấn đề tồn tại cần được tích cực khắc phục trong thời gian tới.

VỀ LỢI ÍCH CỦA NHÀ NƯỚC, CỦA TẬP THỂ VÀ CỦA CÁ NHÂN

PHAN-HỮU-CHI

TRONG đợt góp ý xây dựng dự thảo Hiến pháp mới ở một vài nơi, có ý kiến nêu ra là: dưới chế độ ta, một khi lợi ích của Nhà nước và của tập thể được đề cao thì lợi ích của cá nhân không tránh khỏi bị thu hẹp, và ở đâu có chủ nghĩa tập thể thì ở đó không có tự do cho cá nhân. Dự thảo Hiến pháp mới khi đề cập đến mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội lại nêu rằng: « lợi ích của Nhà nước và của tập thể với lợi ích chính đáng của cá nhân là thống nhất ».

Chúng ta đều biết rằng, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, sự đối lập giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của cá nhân người lao động là điều tất yếu, vì ở đó quyền tự do như Mác đã nói, không phải là quyền tự do của cá nhân, mà là quyền tự do của *tư bản*. Chế độ tư bản chủ nghĩa không để lại « giữa người và người một mối quan hệ nào khác ngoài mối lợi lạnh lùng, và *lối trả tiền ngay* không tình nghĩa » (2). Còn Nhà nước của giai cấp tư sản và pháp luật do họ đặt ra cũng là nhằm bảo vệ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, bảo vệ quyền của họ được tự do bóc lột nhân dân lao động. Trong điều kiện đó, sự đối kháng giữa cá nhân với Nhà nước tư sản là điều luôn luôn tồn tại trong bất kỳ nước tư bản chủ nghĩa nào.

Với việc thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu, Nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng xóa bỏ luôn nguồn gốc sâu xa gây ra sự đối kháng giữa lợi ích của cá nhân với lợi ích của Nhà nước. Việc xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tạo nên cơ sở kinh tế cho chế độ xã hội mới, đồng thời cũng tạo điều kiện cho việc hình thành và phát triển những quan hệ xã hội mới, mà tinh thần bao trùm là *sự tương trợ, sự cộng tác và sự quan tâm lẫn nhau* giữa những người được giải phóng khỏi chế độ bóc lột. Dưới chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, lợi ích cá nhân không còn là lợi ích riêng, ích kỷ hại nhân của kẻ tư hữu nữa. Sự phát triển về kinh tế, văn hóa xã hội chủ nghĩa là điều kiện để phát triển mọi năng lực và dần dần thỏa

(2) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, trang 23.

Digitized by Google

mãn nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần của mọi người lao động.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ để bảo vệ và giữ gìn lợi ích của nhân dân, bảo đảm để nhân dân làm chủ và quyết định mọi công việc của đất nước. Các chính sách mà Nhà nước thực hiện đều nhằm mục tiêu duy nhất: đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, cho nên được nhân dân lao động hưởng ứng và tích cực thực hiện. Vì vậy, nói: « lợi ích của Nhà nước và của tập thể với lợi ích chính đáng của cá nhân là thống nhất », là đúng.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích chính đáng của cá nhân, nói chung về cơ bản và lâu dài là thống nhất với lợi ích của Nhà nước và của xã hội. Về lợi ích trước mắt của cá nhân thì cũng có khi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ quốc, hoặc của tập thể. Trong trường hợp đó, mỗi người chúng ta phải biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng; nếu làm ngược lại là vì lợi ích nhỏ hẹp trước mắt mà hy sinh lợi ích cơ bản và lâu dài của mình.

Trong quá trình sống, làm việc và học tập dưới chủ nghĩa xã hội, người công dân nước ta sẽ ngày càng hiểu rõ rằng: con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa làm việc cho chính mình, cho con cháu mình và cho hạnh phúc của cả xã hội. Đồng thời, những thành tựu trong công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa của đất nước càng tạo điều kiện để Nhà nước và toàn xã hội chăm lo đầy đủ hơn đến nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân, làm cho lợi ích của mỗi cá nhân càng ngày càng hài hòa với lợi ích chung của toàn xã hội.

PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN VÀ TĂNG CƯỜNG CHUYÊN CHÍNH VỚI KẺ THÙ CỦA NHÂN DÂN

ĐÀO-VĂN-GIẢNG

HIẾN pháp là đạo luật cơ bản, đạo luật cao nhất của Nhà nước. « Xây dựng Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, thể chế hóa bằng đạo luật cơ bản của Nhà nước, quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân »(3). Trong khi nghiên cứu nội dung dự thảo Hiến pháp, chúng tôi thấy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và nội dung quyền làm chủ tập thể đó, như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra, đã được thể hiện trong toàn bộ dự thảo Hiến pháp mới.

Nội dung làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Xây dựng chế độ làm chủ tập thể về chính trị là thiết lập quyền lực của nhân

(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 67 — 68.

Digitized by Google

dân lao động, là đòi hỏi mọi công dân phải bảo vệ vững chắc chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đi đôi với xây dựng chủ nghĩa xã hội, đòi hỏi tất cả mọi người phải luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại và xâm lược của bất cứ kẻ thù nào. Đây là mối quan hệ cần được giải quyết một cách đúng đắn giữa phát huy và thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động với tăng cường chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Đây cũng là phương pháp giải quyết mâu thuẫn đối kháng giữa một bên là nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của đảng tiên phong của giai cấp công nhân với một bên là các thế lực thù địch chống lại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã ghi rõ: «chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của bọn gián điệp đế quốc, tư bản; kịp thời và kiên quyết trấn áp bọn phá hoại hiện hành; đập tan mọi mưu mô ngóc đầu dậy của các giai cấp bóc lột và của bọn phản động...». Để làm được các nhiệm vụ này, ngoài việc xây dựng các công cụ bạo lực cho thật mạnh mẽ, sắc bén, điều quan trọng là giáo dục nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho quần chúng nhân dân, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, muốn xây dựng được chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, một điều không thể thiếu được là phải tăng cường chuyên chính với kẻ thù của nhân dân, và ngược lại, muốn đập tan mọi âm mưu và hành động của kẻ thù thì điều có ý nghĩa quyết định là phải phát huy và thực hiện cho được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Tinh thần nói trên đã được thể hiện trong dự thảo Hiến pháp mới. Về mặt chuyên chính với kẻ thù, dự thảo Hiến pháp mới cũng đã ghi rõ ở những điều nói về sứ mệnh lịch sử của Nhà nước ta. Nhà nước chuyên chính vô sản là công cụ xây dựng, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội. Nhà nước đó phải «đập tan mọi sự phản kháng và mọi hành động xâm lược của kẻ thù» (Điều 2). «Mọi hành động chống lại độc lập và thống nhất Tổ quốc, chống lại sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đều bị nghiêm trị» (Điều 12).

Làm chủ tập thể về chính trị bao gồm cả nghĩa vụ và quyền lợi. Mọi công dân đều được hưởng đầy đủ các quyền tự do dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tinh thần ấy đã được ghi khá đầy đủ trong chương IV của dự thảo Hiến pháp mới. Điều 50 của dự thảo Hiến pháp mới khẳng định mối quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa tập thể và cá nhân, quy định trách nhiệm của Nhà nước và của công dân, «Nhà nước bảo đảm cho công dân được hưởng đầy đủ quyền lợi và đòi hỏi công dân làm tròn nghĩa vụ của mình». Cũng ở điều 50 này, dự thảo Hiến pháp nói rõ: «Mọi hành động lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của nhân dân đều bị nghiêm trị».

Dự thảo Hiến pháp mới đã ghi là phải nghiêm trị mọi hành động lợi dụng tự do dân chủ để phá hoại cách mạng, nói rõ thái độ kiên quyết và nghiêm khắc đối với địch để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, để bảo vệ cho nhân dân được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi mà Hiến pháp đã quy định.

Về các quyền tự do dân chủ của công dân, điều 60 nói: Công dân có các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội và tự do biểu tình vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân và nhằm bảo vệ, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân sử dụng các

Digitized by Google

quyền đó. Điều 65 : Công dân có quyền tự do cư trú và tự do đi lại trong nước, trừ những trường hợp cần hạn chế do luật định vì lý do an ninh và quốc phòng, v.v... dự thảo Hiến pháp quy định như vậy là rất cần thiết. Có như thế mới bảo vệ được các quyền tự do dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động mới thực hiện được quyền tự do dân chủ chân chính của mình, chống mọi âm mưu và hành động của kẻ địch lợi dụng để chống phá cách mạng. Quy định như thế hoàn toàn không có ý hạn chế quyền tự do dân chủ của nhân dân. Nếu có hạn chế thì đây là một sự hạn chế và ngăn chặn đối với bọn chống lại Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa chúng ta không thể chấp nhận thứ tự do vô chính phủ, tự do bừa bãi. Tự do của chế độ ta, của nhân dân ta là tự do có tổ chức, có kỷ luật.

Các quyền tự do dân chủ của công dân được thực hiện đầy đủ trong đời sống thực tế sẽ tạo nên sức mạnh to lớn của nhân dân để hoàn thành tốt đẹp mọi nhiệm vụ của cách mạng. Ở đâu cần phải trấn áp kẻ địch để bảo vệ cách mạng, thì ở đó lại cần phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng, tạo điều kiện cho nhân dân được hưởng đầy đủ quyền tự do dân chủ để đấu tranh chống kẻ địch. Chỉ có như thế kẻ địch mới chùn bước. Cho nên không phải vì kẻ địch hoạt động mà hạn chế quyền tự do dân chủ của nhân dân. Nhân dân có được thật sự hưởng tự do mới phát huy được sức mạnh để trấn áp kẻ địch. Vì vậy, dự thảo Hiến pháp mới đã ghi rõ : « Nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân sử dụng các quyền đó » (Điều 60), và điều kiện cơ bản bảo đảm chắc chắn nhất là chủ nghĩa xã hội, vì như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định, « Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới làm cho nhân dân ta vĩnh viễn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, có cuộc sống văn minh, hạnh phúc. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho nhân dân ta quyền làm chủ đầy đủ, mới làm cho Tổ quốc ta độc lập, tự do vững chắc và ngày càng giàu mạnh » (2).

(2) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 16—17.

GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT-NAM SẼ XỨNG ĐÁNG VỚI SỨ MỆNH CỦA MÌNH

ĐỖ-HỮU-KHÁNH

Dự thảo Hiến pháp mới định rõ vị trí, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân nước ta : « Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam người chủ tập thể là nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo » (điều 3). Dự thảo Hiến pháp mới cũng xác định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng cộng sản Việt-

Digitized by Google

nam – đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân – đối với Nhà nước và toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt-nam (điều 4).

Để thực hiện vai trò lãnh đạo của mình, giai cấp công nhân một mặt có nhiệm vụ đi đầu trong việc xây dựng các thể chế của nước ta – mà biểu hiện tập trung nhất là xây dựng Nhà nước chuyên chính vô sản – và kiên quyết đấu tranh bảo vệ những thể chế ấy, mặt khác gương mẫu thực hiện nghĩa vụ đồng thời là quyền lợi cao quý nhất trong chế độ ta được ghi trong dự thảo Hiến pháp mới là lao động với ý thức trách nhiệm cao: lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao với chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều, lao động sáng tạo, vượt mọi khó khăn thiếu thốn, bảo đảm hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch Nhà nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tạo tiền đề vật chất – kỹ thuật để tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân còn thể hiện rõ nét ở việc tập trung sức thực hiện nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách của cả nước trong giai đoạn hiện nay là tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp. Giai cấp công nhân cùng với giai cấp nông dân tập thể tạo mọi điều kiện để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích và kịp thời vụ. Đó là nội dung liên minh công nông trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội. Khối liên minh đó phải xứng đáng là lực lượng nòng cốt vững mạnh của khối đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, và công nông phải phát huy vai trò to lớn của mình là đội quân chủ lực xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong điều 9, chương I, dự thảo Hiến pháp mới xác định vai trò quan trọng của tổ chức Công đoàn, «tổ chức quần chúng rộng rãi nhất của giai cấp công nhân, là trường học chủ nghĩa cộng sản, trường học quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước», một thành viên của hệ thống chuyên chính vô sản. Đây là một vấn đề mới so với các Hiến pháp trước đây của nước ta, hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển của chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh chính quyền còn có các công cụ khác là các tổ chức quần chúng, cho nên giai cấp công nhân cùng các tầng lớp nhân dân lao động còn thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình bằng các tổ chức quần chúng, trong đó Công đoàn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Dưới chính thể mới do Đảng cộng sản Việt-nam lãnh đạo, cùng với sự lớn mạnh vượt bậc của giai cấp công nhân, tổ chức Công đoàn cũng phát triển mạnh mẽ về số lượng cũng như về chất lượng và luôn luôn là một tổ chức thống nhất, đoàn kết và nghiêm chỉnh chấp hành mọi đường lối, chính sách của Đảng, thật sự là chỗ dựa đáng tin cậy của chính quyền Nhà nước và là sợi dây chuyền vững chắc nối liền Đảng với quần chúng lao động trong suốt thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, để thực hiện những nhiệm vụ to lớn mà Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra đối với Công đoàn và thực hiện những điều quy định trong Hiến pháp mới sắp được ban hành, tổ chức Công đoàn đã xác định nhiệm vụ chung của mình trong giai đoạn mới là:

«Bồi dưỡng năng lực và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức, dấy lên phong trào cách mạng rộng lớn thực hiện thắng lợi đường lối chung

Digitized by Google

của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt; tích cực hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam; thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, thi đua phục vụ nông nghiệp, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà; trước mắt là hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 – 1980); chăm lo đời sống và bảo vệ lợi ích chính đáng của công nhân, viên chức; ra sức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ công đoàn, cải tiến tổ chức và phương pháp công tác, nâng cao năng lực hoạt động, năng lực tham gia quản lý kinh tế, tham gia vào công việc của Nhà nước và kiểm tra hoạt động của Nhà nước; góp phần tăng cường đoàn kết và thống nhất của phong trào công đoàn và của lao động thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, vì quyền lợi của người lao động, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội» (Nghị quyết Đại hội lần thứ IV Công đoàn Việt-nam).

Như vậy, nhiệm vụ của Công đoàn trong giai đoạn mới của cách mạng là hết sức to lớn và nặng nề.

Quán triệt đường lối của Đảng trong phong trào công nhân và hoạt động Công đoàn, tích cực tham gia thảo luận, xây dựng Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và nghiêm chỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt-nam lần thứ IV, phong trào công nhân và hoạt động công đoàn sẽ phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thắng lợi to lớn trong giai đoạn mới của cách mạng.

Cách làm Hải-hậu...

(Tiếp theo trang 78)

cấp trên (nhất là tỉnh) cung cấp. Mặt khác, chúng tôi nghĩ rằng Trung ương và tỉnh nên nghiên cứu phân cấp cho Hải-hậu được chế biến tại chỗ các sản phẩm làm ra ở địa phương (như: cói, dạy, cá, thóc cần xay xát...) rồi xuất thành phẩm. Riêng các phụ phẩm của thóc và cá (bao gồm: cám, trấu, bã chượp...) làm nghĩa vụ cho Nhà nước, nên để lại trên 50% cho huyện dùng để chế biến thức ăn cho gia súc và cải tạo đất.

Digitized by Google

QUA NHỮNG TRƯỜNG HỌC LÀM LẠI CON NGƯỜI

LÊ-XUÂN-VŨ

TỪ sau ngày giải phóng, miền Nam nước ta có một loại trường hoàn toàn mới lạ, mang tính chất nhân đạo cách mạng sâu sắc và rất Việt-nam. Đó là những trường *Phục hồi nhân phẩm thanh niên, Phục hồi nhân phẩm phụ nữ, Vì ngày mai, Thanh niên xây dựng cuộc sống mới*, v.v... do ngành Thương binh xã hội hay do Đoàn thanh niên quản lý. Những trường này vài năm nay đã thu nhận hàng vạn người nghiện xì ke ma túy, thanh niên nam nữ hư hỏng, những nạn nhân trực tiếp và trầm trọng của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ, để rồi sau một thời gian, biến đổi họ thành những con người lành mạnh, trả họ về với cuộc sống cũng đang lành mạnh trở lại và đổi mới từng ngày. Có thể gọi chung những trường này là những trường học làm lại con người cho một lớp người đã bị Mỹ—ngụy tước bỏ mất quyền sống làm người, biến thành những công cụ, bọt bèo.

Qua những trường học làm lại con người ấy, chúng ta thấy gì?

★

Trước hết là *những tội ác tày trời đáng muôn đời nguyền rủa của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ và tay sai.*

Tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam, đế quốc Mỹ không chỉ dùng mọi thứ vũ khí tối tân, hàng triệu quân ngụy và hơn nửa triệu lính viễn chinh Mỹ, không chỉ dựng lên những nhà tù chuồng cọp, gây ra những vụ thảm sát dã man, dội hàng chục triệu tấn bom, v.v... mà còn dùng đủ mọi thủ đoạn để tàn phá cả những người Việt-nam đang sống trong vòng kiểm soát của chúng, nhất là tầng lớp thanh niên, biến họ thành « bụi đời », thành « đồ chơi », thành lưu manh trộm cắp, thành những con thiêu thân. Đế quốc Mỹ đã phải cút khỏi nước ta, nhưng sự tàn phá do chúng gây ra còn để lại những hậu quả nặng nề mà chúng ta phải đổ biết bao công sức để khắc phục. Những vết thương trên thể xác và trong tâm hồn những lớp nạn nhân này là một trong những biểu hiện của biết bao tội ác mà đế quốc Mỹ đã gây ra đối với nhân dân ta.

Hãy đến một trường *Phục hồi nhân phẩm phụ nữ* ở thành phố Hồ-Chí-Minh chẳng hạn, xem Mỹ-ngụy đã *đã* đạp lên những người mẹ, người chị, người em gái Việt-nam như thế nào. Cho đến nay, trường đã kết thúc

Digitized by Google

nhiều khóa học cho hàng nghìn người, từ trường I đã lại có thêm trường II rồi trường III, nhưng hãy lấy khóa 1 của trường I làm ví dụ. Khóa này thu nhận 305 người từ các quận nội thành của thành phố Hồ-Chí-Minh gửi đến, trong đó có 240 người vốn từ các miền quê bị bom đạn dồn đuổi ra thành phố. Tuổi: từ 12 đến 46. Nghề nghiệp: 120 buôn bán vặt, 50 nội trợ, 56 làm công, 44 làm ruộng rẫy, 30 học sinh bỏ học và 3 từ cô nhi viện trốn ra. Trình độ văn hóa: 87 người mù chữ, 153 người cấp I, 39 người cấp II, 6 người cấp III. Trong số họ có 49 người đang sống với chồng, 51 người bỏ chồng, 32 người chồng chết và 173 người không có chồng chính thức; 43 người có con với chồng, 57 người không chồng mà có con, con đông nhất là 6 đứa, con nhỏ nhất là 2 tháng rưỡi và con lớn nhất là 31 tuổi. Vậy mà họ lại là những người bán dâm chuyên nghiệp (201 người) và không chuyên (104 người). Họ sống một quãng đời khổ nhục, chán chường, buông thả cả đến nhân phẩm của mình ở các quán bia ôm, cà-phê ôm (50 người), ở các « động » tức nhà chứa (114 người) hay ở « khơi » tức làm một mình không có chủ (136 người), v.v... Và hầu hết đều bị bệnh, phần lớn là lậu và giang mai. Họ mới chỉ là một số rất nhỏ trong số gái mãi dâm ở miền Nam thời Mỹ — ngụy.

Hãy đến một trường *Phục hồi nhân phẩm thanh niên* cũng ở thành phố Hồ-Chí-Minh chẳng hạn, xem Mỹ — ngụy đã biến một bộ phận thanh niên miền Nam nước ta trước đây thành những người như thế nào. Vào ra cửa trường này cũng đã có hàng nghìn người, nhưng hãy lấy một khóa làm ví dụ. Khóa này có 64,7% là thanh niên con nhà tư sản và tiểu tư sản học sinh, 35,3% là dân nghèo thành thị. Họ vốn đang ở tuổi đời đẹp nhất: 82% từ 15 đến 25 tuổi, 10% từ 25 đến 35 tuổi. Chỉ có 0,5% mù chữ, còn 19,2% có trình độ văn hóa cấp I, 31% cấp II và 49,3% từ cấp III trở lên. Nhưng họ lại là những con người sống bên lề xã hội, nước da chì, tay chân tím đen những vết chích ma túy, mắt lờ đờ, đầu tóc bơ phờ, môi thâm, răng hư, mặt méo mó đi vì những cơn nghiện. Trong số họ có tới trên 30% bị lậu và giang mai, 61% ghẻ lở và cả 100% phạm tội từ trộm cướp đến chặt tay người, giết người lấy của. Họ cũng mới chỉ là một số rất nhỏ trong số người nghiện xì ke ma túy ở miền Nam thời Mỹ — ngụy.

Chúng ta có thể kể thêm những con số ở trường *Thanh niên xây dựng cuộc sống mới* đóng tại xã Phước-bửu, huyện Xuyên-mộc, tỉnh Đồng-nai chẳng hạn. Trường có 2.422 học viên (2.079 nam và 343 nữ), trong đó 40% có trình độ văn hóa cấp I, 36% cấp II; 33,9% không có gia đình, sống lang thang ở hè phố, bến xe; 57,7% chỉ biết ăn chơi trụy lạc; hơn 50% trước đây cầm súng đánh thuê cho giặc; khi vào trường, 53,9% nghiện xì ke ma túy; 13,8% mắc bệnh xã hội trong đó 12,3% bị giang mai; phần đông đều suy nhược, sợ lao động, quen sống hưởng thụ, bi quan và hoài nghi tất cả.

Nhưng những con số ấy, kể cả những con số hàng chục vạn gái mãi dâm, hàng chục vạn người nghiện xì ke ma túy, 37 vạn trẻ em mồ côi hay hàng triệu người mắc bệnh hoa liễu, bệnh lao, v.v... ở miền Nam trước ngày giải phóng, vẫn chưa nói hết được tội ác và sự nham hiểm của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ trong việc tàn phá xã hội, tàn phá con người Việt-nam chúng ta. Hãy nghe chính những người đã và đang làm lại cuộc đời mình bắt đầu từ những trường phục hồi nhân phẩm ấy bộc bạch tâm sự, kể lại nguồn cơn gây nên nỗi đoạn trường của họ. Mỗi người một hoàn cảnh, một nguyên do cụ thể, chịu một phần trách nhiệm về sự sa ngã và tội lỗi của mình, nhưng tất cả

Digitized by Google

trước hết đều là nạn nhân của chính sách « điều kiện hóa » xã hội, « điều kiện hóa » con người theo mục tiêu chiến lược của đế quốc Mỹ, là nạn nhân của văn hóa thực dân mới Mỹ hoặc là của cả hai thứ đó.

Đế quốc Mỹ muốn tạo ra ở miền Nam nước ta một xã hội gồm những con người « tự nguyện » sống theo sự xếp đặt của chúng. Bốn triệu tấn bom và thuốc khai quang dồn đuổi nông dân về sống lang thang giữa các đô thị. Bộ máy quân sự, cảnh sát, mật vụ khổng lồ sẵn sàng trừng phạt mọi hành vi trái với ý đồ của Mỹ. Hàng hóa rẻ mạt tuôn vào tạo nên đời sống dễ dãi, đầy đủ tiện nghi cho những ai theo Mỹ, làm ác ôn cho Mỹ. Thêm vào đó là cả một hệ thống văn hóa phản động và đồi trụy : sách báo, phim ảnh chống cộng và khiêu dâm ; nhạc kích động và vũ thoát y ; những phong trào hip-py, cao bồi, những « đợt sống mới » đi tìm khoái lạc, tìm cảm giác mạnh lan tràn trong thanh niên ; những đại hội nhạc trẻ dàn dật do Tổng cục chiến tranh chính trị tổ chức ; những cuộc thi hoa hậu thế giới, hoa hậu học đường do Bộ văn hóa và giáo dục tổ chức ; những viện sửa sắc đẹp bơm vú bơm mông, sửa mặt nắn mũi, tạo cằm chẻ, làm mà lúm đồng tiền, cấy nốt ruồi duyên ; những sờ-nách-ba, phòng trà ca nhạc trá hình, phòng khiêu vũ, quán bia ôm, nhà tắm hơi, nhà chứa gái và đường dây buôn cần sa ma túy của bọn Mỹ—ngụy mỗi năm thu lời hàng trăm tỷ đồng.

Chính là từ những vùng quê tan hoang ấy, trong những thành thị bệnh hoạn ấy, do lối sống tiêu xài hưởng thụ đến cuồng loạn ấy mà một bộ phận nhân dân ta, trước hết là một lớp thanh niên nam nữ, đánh mất cả nhân phẩm của mình, sa vào cạm bẫy của giặc.

Biết bao phụ nữ nông thôn bị bức bách rời bỏ ruộng vườn lên thành thị, bơ vơ trong cảnh cha hay chồng bị tù đày, bị bắt lính, trốn lính hay chết trận, thất nghiệp, con đông, em nhỏ, rồi bị cám dỗ, lường gạt, làm giàu cho bọn tú bà ma cô bằng cả cuộc đời trong trắng của mình. Biết bao người khác bị đời sống vật chất xa hoa quyến rũ mà bán rẻ tiết trinh hoặc sẵn sàng đâm chém cả người thân. Biết bao thanh niên, thiếu niên chạy theo cách ăn mặc lòi lưng hở rốn, bắt chước nhân vật phim cao bồi du đãng, sa vào vòng truỵ lạc, nghiện ngập, đàng điếm...

Và đông nhất, chiếm tỷ lệ cao nhất, có lẽ là nạn nhân của cả hai thứ : đời sống vật chất xa hoa và văn hóa phản động đồi trụy. Những học sinh gái ngây thơ bị đầu độc bằng sách báo dâm ô, bị lợi dụng từ những cuộc thi hoa hậu học đường rồi đua đòi ăn mặc hở hang, làm tình không chút hồ thẹn. Thiếu niên 13, 14 tuổi bị cha mẹ la mắng hoặc không cho tiền ăn diện đàng điếm bỏ nhà đi hoang, gọi là đi « bụi đời », gia nhập các « băng » ăn chơi, cướp giật, xì ke, dì điếm, thậm chí kéo nhau về đánh đập, hành hạ, giết cả cha mẹ lấy tiền cung đốn cho đồng bọn. Tiết trinh đem đổi lấy vài nghìn bạc ngụy, một bộ quần áo hợp thời trang, thậm chí một chầu phở tái với người con trai mới quen trong một suất hát mà chẳng cần dằn đo suy nghĩ. Con gái 15, 17 tuổi tràng tráo cặp kè một nhà tư sản đáng tuổi ông nội, gọi là « tình không phân biệt tuổi tác ». Trai gái chung sống với nhau bừa bãi, nay người này mai người khác, gọi là « tình yêu văn nghệ ». Vợ đi lấy Mỹ, thỉnh thoảng chồng đóng vai « anh ruột » đến ngửa tay nhận tiền về tiêu xài. Chồng, mẹ chồng dắt mối cho vợ, nàng dâu và thản nhiên sống bằng đồng tiền vô liêm sỉ đó. Cha mẹ bán trinh con gái và đẩy con vào vòng truỵ lạc. Con gái « rước khách » ở nhà trước, mẹ ở sàn sau rón rén chào cơm hầu hạ...

Không thể kể hết những cảnh đời điên đảo ấy cùng những khổ nhục ê

Digitized by Google

chế của những nạn nhân khi họ ngẫm lại thân phận mình. Nhưng rõ ràng là đế quốc Mỹ đã được lợi đơn lợi kép rồi. Nó đã khống chế được một bộ phận nhân dân ta, trước hết là một bộ phận thanh niên ta ở miền Nam, đẩy họ đi làm tay sai và lính đánh thuê cho Mỹ, làm đồ chơi cho bọn lính viễn chinh. Nó đã gieo vào mảnh đất này một lối sống đồi trụy, lại lý thương luân, làm suy đồi phong hóa, hòng bắt đầu bằng tầng lớp thanh niên này mà phá hoại giống nòi ta, tiêu diệt tinh thần dân tộc ta, thực hiện chính sách diệt chủng nham hiểm của nó.

Cho nên mỗi nạn nhân ở đây là một lời tố cáo đanh thép đế quốc Mỹ và tay sai; mỗi nạn nhân ở đây là một cái tát nảy lửa vào mặt bọn đế quốc Mỹ bịp bợm đang mồm loa mép giải tự xưng là bảo vệ nhân quyền.

★

Qua những trường học làm lại con người ấy, chúng ta càng thấy sáng ngời *tình thương và trách nhiệm của cách mạng.*

Thật vậy. Học viên đến trường lúc đầu đâu phải đều đã tự nguyện! Họ được đưa đi học tập trung. Khi đến trường, nhiều người không chịu xuống xe, vào nhà, hoặc không chịu ăn uống, chữa bệnh, hoặc không chịu làm việc, học hành, rồi rủ nhau bỏ trốn, thậm chí phá cả trường trại. Hơn hai mươi năm ròng, chủ nghĩa thực dân mới Mỹ, bằng những phương tiện tinh vi và hiện đại, đã dầu độc họ, khiến họ hoài nghi hết thảy và mất cả lòng tin vào chính mình, đẩy họ vào một lối sống buông thả, sa đọa và đầy tội lỗi. Họ quen với lối sống ấy rồi, không cho họ sống như vậy nữa là họ phản đối, thế thôi, họ chẳng hiểu gì cả và cũng chẳng cần biết gì cả. Nhưng rồi cái gì đã cảm hóa họ? Đó trước hết là tình thương và trách nhiệm của cách mạng do những cán bộ của Đảng và Nhà nước công tác tại trường đem đến cho họ, rọi ánh sáng vào tâm hồn họ. Thái độ chân thành, sự thông cảm sâu sắc, sự chăm sóc ân cần, sự tận tụy và kiên trì của cán bộ nhà trường đã làm cho họ cảm thấy lần đầu tiên họ được đối xử thật sự như những con người sau bao năm bị xã hội cũ đọa đầy ruồng bỏ; làm cho họ dần dần hiểu rằng đây hoàn toàn không phải là nhà tù hay trại tập trung như họ lầm tưởng mà là trường học thật sự — trường học làm lại con người.

Khó khăn, thiếu thốn ở đây đương nhiên còn không ít, bởi vì học viên thường quá đông mà cơ sở vật chất, kinh phí, cán bộ, v.v... của nhà trường thì có hạn. Nhưng điều quan trọng là từ đây, họ bắt đầu thấy được ý nghĩa cuộc sống của con người.

Họ được chữa lành bệnh. Những người ốm o mặt bủng da chì vì xì ke ma túy chỉ sau 5, 7 ngày đã cắt được cơn nghiện bằng châm cứu, sau vài tháng đã phục hồi được thể lực. Những người bị lậu, bị giang mai, v.v... sau một thời gian điều trị đã lấy lại được sắc hồng trên má không cần đến phấn son.

Họ được học chính trị. Học tập chính trị được coi là biện pháp giáo dục hàng đầu. Tùy theo đối tượng, mỗi trường định ra chương trình và số bài cần thiết, nhưng đều nhằm làm cho học viên hiểu: tại sao Nhà nước đưa họ về đây tập trung học tập, cải tạo; nguồn gốc của những tệ nạn xã hội mà họ là nạn nhân; truyền thống anh hùng của dân tộc, tinh chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta; trách nhiệm tự cải tạo mình, phấn đấu trở thành con người mới có ích cho xã hội; ý thức tổ chức và kỷ luật, chấp hành nội quy của nhà trường, v.v... Tuy mới là bước đầu, nhưng giáo dục chính trị đã làm cho họ nhận rõ chế độ cũ đầy ải họ ra sao, chế độ mới là thế nào và là của ai;

Digitized by Google

đã khơi dậy ở họ tình yêu thương, lòng tự hào, niềm tin và ý thức trách nhiệm đối với dân tộc, đối với Tổ quốc Việt-nam, đối với tập thể và đối với chính mình.

Họ được phục hồi chức năng làm người của mình bằng lao động. Giáo dục lao động được coi là biện pháp cơ bản. Nhà trường nghiên cứu áp dụng những hình thức lao động thích hợp với trình độ, khả năng của từng người, tập cho họ quen dần với lao động. Người thì lần đầu tiên biết nấu cơm, giặt quần áo. Người thì tập sử dụng những công cụ đơn giản, đốn củi, khai hoang, trồng tỉa, chăn nuôi. Người thì học được một nghề thủ công như đan lát, may thêu. Nhưng tất cả, qua thực tiễn lao động đều đã nâng cao được nhận thức của mình, từ chỗ lười biếng, quen ăn bám, sợ lao động, đã dần dần thấy được giá trị của lao động, yêu quý lao động và sản phẩm lao động do mình làm ra, bước đầu xây dựng được thái độ lao động đúng đắn. Nhiều người đã hăng hái tham gia lao động. Nhiều người đã có nghề trong tay để có thể tự nuôi sống mình và giúp ích cho xã hội.

Họ còn được học văn hóa trong các lớp xóa nạn mù chữ và bổ túc văn hóa. Nhiều người rưng rưng nước mắt khi cầm trong tay tờ giấy chứng nhận biết chữ hay tờ chứng chỉ tốt nghiệp một cấp học.

Nhà trường còn chăm lo tổ chức đời sống tập thể vui tươi lành mạnh cho học viên, từ phân phối nhu yếu phẩm, sách báo đến làm công tác vệ sinh phòng bệnh, phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, v.v...

Những biện pháp giáo dục trên đây kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ nhau, cùng tác động thuận chiều đến sự tiến bộ của học viên. Và linh hồn của phương thức giáo dục tổng hợp ấy là tình thương và trách nhiệm của cách mạng biểu hiện cụ thể ở những cán bộ được Đảng và Nhà nước trao cho nhiệm vụ khó khăn và có ý nghĩa cao quý này. Có tình thương sâu sắc cho nên thông cảm được những đắng cay tủi cực của những con người đã chai lỳ trong một lối sống nhơ bẩn, xấu xa, tội lỗi. Có tình thương sâu sắc cho nên sẵn lòng gánh chịu những khó khăn, cực nhọc để cứu lấy những tâm hồn đã hư hỏng. Có tình thương sâu sắc cho nên hết sức tôn trọng và kiên trì nhẫn nại nhen nhóm lên ở lớp nạn nhân chán chường và bị ruồng bỏ này những phẩm chất làm người. Đây không phải là lòng từ bi hỉ xả hay sự làm phúc ban ơn mà là tình thương xuất phát từ sự tôn trọng nhân cách và tin tưởng ở mỗi con người Việt-nam, mỗi con người lao động sống trong thời đại này, trên đất nước này. Tình thương như vậy gắn liền với trách nhiệm đối với lớp người sa ngã, đối với cuộc sống hôm nay và tương lai của dân tộc, giống nòi. Tình thương như vậy đặt ra những yêu cầu nghiêm khắc đối với con người, đòi hỏi con người phải luôn luôn vươn tới, đổi mới. Không thể để cho lớp người này cứ tự hủy hoại cuộc đời mình và làm hại xã hội. Phải vực họ dậy, giúp họ tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống, từ chỗ căm thù xã hội cũ mà dám ngẩng mặt lên với đời. Phải cải tạo họ, giúp họ và buộc họ tự cải tạo mình... Kết quả là ở đây sự tôn trọng nhân cách đã khơi dậy lòng tự hào, niềm tin đã đánh thức niềm tin, tình thương đã sưởi ấm lại tình thương, và trách nhiệm đã kêu gọi trách nhiệm. Cho nên, thường chỉ sau một thời gian ngắn, nhà trường đã ổn định được tổ chức, việc giáo dục của nhà trường kết hợp với việc tự giáo dục và giáo dục lẫn nhau trong tập thể đã đi vào nền nếp, tạo nên những biến đổi nhanh chóng và có ý nghĩa quyết định trong nhận thức, tư tưởng, tình cảm, nếp sống của tuyệt đại đa số anh chị em học viên, chuẩn bị đầy đủ cho mỗi người làm lại cuộc đời mình.

★

Digitized by Google

Thành tích của các trường học làm lại con người này thật đáng phấn khởi. Nó chứng tỏ chủ trương cải tạo này là đúng đắn, phương thức cải tạo này là thích hợp, sự cố gắng của cán bộ, học viên là đáng biểu dương, và tổng quát hơn, nó chứng tỏ *tính ưu việt và sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.*

Muốn có ý niệm rõ rệt và sinh động về điều đó, hãy so sánh những người mới đến trường thân hình tiều tụy, co quắp trong cơn nghiện ma túy hay ngớ ngẩn, kiệt quệ vì bị dày vò quá sức, với những học viên đã ở trường ít lâu rắn rỏi, vui tươi trong một buổi tập thể dục, luyện khí công hay trong một tối văn nghệ rộn rã những lời ca, điệu múa ca ngợi chế độ mới và cuộc đời mới của họ. Hãy nhìn những bàn tay trước đây vô dụng hoặc có hại, đang thoăn thoắt đan mây, tre, đay, cói, ni lông hay cần mẫn thêu ren để xuất khẩu. Hãy đến những nương lúa, nương ngô, xưởng may, xưởng mộc, lò rèn, trại chăn nuôi của các trường đó. Hãy đến nông trại Phú-văn ở Sông-bé với trên 2.500 thanh niên gái trai đã ra trường về đây chung sức xây dựng những cơ ngơi mới, v.v... Của cải vật chất làm ra chưa nhiều, chưa tương xứng với lực lượng lao động to lớn hiện có, nhưng nếp sống của họ đã và đang đổi mới từng ngày, và đó là điều căn bản. Từ một lối sống lười biếng, thích tìm cảm giác mạnh, sẵn sàng gây gổ, đâm chém nhau, ăn mặc hở hang, cẩu quẩy, nói năng thô tục, lang chạ bừa bãi thậm chí đồng tính luyến ái, bất chấp mọi đạo lý làm người, tóm lại là một lối sống không cần biết đến ngày mai với đủ mọi thói hư tật xấu, hoàn toàn không phải lối sống của một con người, chuyển sang một lối sống có mục đích, có lý tưởng, có lao động, có văn hóa, có tình thương và trách nhiệm đối với người và đối với mình là cả một quá trình. Nhưng quá trình ấy đang diễn ra ở họ, bắt đầu từ đây, đầy hứa hẹn. Căm thù chế độ cũ bất công, tàn bạo, chà đạp con người, thấy ơn nặng nghĩa dày của chế độ mới công bằng nhân đạo, hối hận vì những lầm lỗi đã qua, quyết tâm vượt mọi khó khăn giành lấy cuộc sống mới, đó là tâm trạng phổ biến của đại đa số học viên.

Chẳng hạn, một khóa học của trường *Thanh niên xây dựng cuộc sống mới* ở Xuyên-mộc gồm hàng nghìn thanh niên được đưa đến đây tập trung cải tạo bằng lao động, sau 6 tháng học tập đã có hơn 80% làm đơn tình nguyện vào Đội thanh niên xung phong, nhiều người khác xin đi vùng kinh tế mới, về quê lập nghiệp hoặc ở lại trường công tác. Có người vốn là trùm băng cướp, chuyên «ăn những chuyến hàng lớn», quen bắn giết, nhiều lần ở tù dưới chế độ cũ, nay trở thành học viên đi đầu trong lao động và học tập. Có những người vốn là híp-py, nghiện xì ke ma túy và cả thuốc kích dâm, sa đọa đến tột cùng, nay căm giận cái xã hội tôn thờ đồng tiền làm chúa tể ấy, quyết tự lập bằng lao động trong tập thể. Có những người vốn bi quan yếm thế, chán cả cuộc sống vương giả và cái xã hội quyền quý của mình, không theo gia đình «di tản» sang Mỹ mà «ở lại thử xem cộng sản có gì lạ», nay đã tìm thấy cho mình một lý tưởng cao đẹp, chân chính, trở thành một người lao động mới.

Cho đến nay, chưa có được thống kê đầy đủ về số người đã thật sự làm lại cuộc đời mình từ các trường này. Nhưng chúng ta biết phần đông trong số họ đã vào các đội thanh niên xung phong, vào các nông trại, nông trường, công trường; hàng nghìn người khác nữa đã trở về nông thôn, vào các tổ hợp sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp; một số nhỏ về với gia đình, đi lấy vợ lấy chồng, lập gia đình mới hay ở lại trường công tác giúp đỡ những người đến sau. Mới qua một khóa học tập, các học viên chưa phải là đã rũ sạch được mọi

Digitized by Google

thói hư tật xấu, nhưng hoàn toàn có thể khẳng định rằng tuyệt đại đa số học viên các trường học làm lại con người này đã bước đầu được cải tạo. Theo đường lối, chủ trương của Đảng, bằng tình thương và trách nhiệm, các trường này đã cứu vớt được một số người bị sa ngã, giành lại một lực lượng lao động không nhỏ đang bị hủy hoại nghiêm trọng, biến những nạn nhân của xã hội cũ thành những con người có ích cho công cuộc xây dựng đất nước, thành những con người mới trong xã hội mới. Không chỉ những người xuất thân lao động một thời lầm lạc vì bị dồn ép, bị cám dỗ, ngay cả những người vốn hư hỏng đến mức tưởng chừng không thể nào cứu vớt được nữa cũng đang cố gắng dứt bỏ những ràng buộc với cuộc đời cũ để đi lên con đường sáng của cách mạng trước mắt còn lắm dốc nhiều đèo nhưng đang ngày một mở rộng. Chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta có sức hấp dẫn và sức mạnh phi thường như vậy đó. Thật ra, những người này chưa hiểu biết bao nhiêu về chế độ mới, xã hội chủ nghĩa, chế độ của những người lao động làm chủ tập thể về chính trị, về kinh tế, về văn hóa, về xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân. Nhưng qua hoạt động của nhà trường, họ cũng đã phần nào thấy được rằng đây là một xã hội đẹp, công bằng hợp lý, bảo đảm cho mọi người có đời sống ấm no hạnh phúc ; quan hệ giữa người và người đang được xây dựng là quan hệ hoàn toàn mới, « người và người sống để yêu nhau » ; con người mới, xã hội chủ nghĩa Việt-nam với bản chất cách mạng của nó, có kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc được hun đúc qua 4.000 năm lịch sử thật đáng tự hào ; con người mới ấy được xây dựng « từ những con người ra đời trong chế độ mới » và cả từ « những con người do chế độ cũ để lại », điều đó chính bản thân họ đã thể nghiệm được ngay ở đây.

Đương nhiên, công việc ở các trường học làm lại con người này chưa phải đều đã hoàn mỹ.

Những khó khăn về cơ sở vật chất và về cán bộ có khắc phục được không ? Bằng lực lượng tại chỗ, chúng ta có thể cải thiện hơn nữa điều kiện ăn, ở và lao động, mở rộng hơn nữa các cơ sở sản xuất, dạy nghề. Cũng theo phương hướng ấy, việc giáo dục chính trị, tư tưởng, văn hóa có thể tiến hành sâu sát hơn, có tính chất quần chúng rộng rãi hơn, dựa vào những phần tử tích cực nhất trong các học viên, bồ sung vào đội ngũ cán bộ nhà trường những người đã được cải tạo tốt. Giáo dục toàn diện, lấy giáo dục lao động làm biện pháp cơ bản và giáo dục chính trị làm biện pháp hàng đầu, trong tập thể lớn, xa thành phố, cách ly khỏi môi trường cũ quen thuộc của học viên, — phương thức giáo dục tổng hợp thấm nhuần tình thương bao la và trách nhiệm nặng nề ấy cần được thấu suốt hơn nữa trong mọi cán bộ và tập thể học viên nhà trường. Đối với những học viên chậm tiến, chậm giác ngộ, cần có sự quan tâm thật chu đáo. Đối với những học viên không chịu tiếp thu sự cải tạo và tự cải tạo, gây rối cho tập thể, thì tùy mức độ, phải có những biện pháp thích đáng. Đó cũng là thật sự yêu thương họ và có trách nhiệm đối với họ.

Giáo dục trong nhà trường phải đi đôi với cải tạo môi trường bên ngoài. Có những học viên được đi phép rồi không trở lại trường. Có những học viên ra trường rồi « ngựa quen đường cũ » lại phải đưa vào trường lần thứ hai, lần thứ ba. Lỗi trước hết là ở những học viên ấy. Nhưng môi trường bên ngoài cũng là một nguyên nhân. Ở một thành phố như Sài-gòn mới vài ba năm sau giải phóng, nọc độc nuôi dưỡng những tệ nạn xã hội cũ

Digitized by Google

đâu đã bị quét sạch hết. Có người không cưỡng lại được những cám dỗ quen thuộc từ những ổ xì ke ma túy lén lút, từ những quán nhấp nháy đèn màu. Có người bị bạn bè xấu rủ rê, khích bác trong lúc đời sống riêng còn nhiều khó khăn. Có người bị cha mẹ nuôi hờ hay chồng hờ giả vờ bảo lĩnh đem về để tiếp tục lợi dụng. Cá biệt có người bị gia đình dồi bại ép trở lại nghề cũ xấu xa... Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội cần chặt chẽ hơn nữa. Sau khi ra trường, học viên cần được đưa đến những môi trường thuận lợi để tiếp tục tiến bộ. Một nghề nghiệp chính đáng và vững chắc là điều kiện cần thiết để anh chị em củng cố và phát huy kết quả đã đạt được ở trường. Vì vậy, các ngành, các giới, các cơ sở sản xuất, v.v... nên cố gắng sắp xếp công ăn việc làm cho anh chị em, tạo điều kiện cho anh chị em vĩnh viễn chôn vùi cái quá khứ đau buồn tội lỗi của mình, trút bỏ mọi mặc cảm, hòa vào cuộc sống chung, cống hiến hết sức mình, như mọi thành viên khác của xã hội mới.

Cải tạo và xây dựng con người là công việc khó khăn, phức tạp, tinh tế, là trách nhiệm của mỗi người và của cả xã hội. Làm lại con người cho những nạn nhân trực tiếp và trầm trọng của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ là sự nghiệp nhân đạo chủ nghĩa cao cả mà chỉ có chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta mới làm nổi. Trong phạm vi được phân công, những trường *Phục hồi nhân phẩm, Vì ngày mai, Thanh niên xây dựng cuộc sống mới*, v.v... trên cơ sở những thành tích và kinh nghiệm đã có, sẽ cùng với các trường khác nữa, cố gắng trong những năm tới, theo đà cải tạo xã hội chủ nghĩa nói chung, căn bản giải quyết xong những tệ nạn xã hội do Mỹ – ngụy để lại ở miền Nam nước ta. Đến lúc đó, loại trường này, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của nó, sẽ chỉ còn là một ký ức đẹp trong tâm hồn những người đã từ đây làm lại con người mình, một ký ức đẹp trong tâm hồn của cả dân tộc ta nhân hậu.

Digitized by Google

CỦA CÔNG, CỦA RIÊNG

Đã lâu lắm rồi, ngay từ thuở xa xưa, những hiện tượng «cha chung không ai khóc», «của mình thì để, của rề thì bòn», «kéo áo người đắp bụng mình» đã bị nhân dân ta phê phán gay gắt. Phê phán là phải đạo thôi. Bởi vì những hiện tượng đó biểu hiện tư tưởng ích kỷ, cá nhân, không phù hợp với tinh thần tương thân tương ái của những con người vốn gắn bó chặt chẽ với cộng đồng của mình như những con ong không bao giờ rời bầy, lìa tổ. Tuy nhiên việc phê phán đó không giúp người ta từ bỏ được thói ích kỷ, cá nhân, bởi một lẽ giản đơn là thói ích kỷ, cá nhân đó có nguồn gốc sâu xa, có cơ sở vật chất là chế độ tư hữu.

Cao hơn tất cả các xã hội trước đây, xã hội xã hội chủ nghĩa xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Hầu hết của cải làm ra là tài sản chung của nhân dân, của xã hội, do Nhà nước và tập thể quản lý, phân phối cho mọi thành viên trong xã hội một cách công bằng. Vì vậy, dưới chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, việc tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ của công không phải chỉ là yêu cầu của lương tâm, của đạo lý, mà là luật pháp của Nhà nước. Mọi người trong xã hội đều có trách nhiệm và nghĩa vụ quý trọng, bảo vệ của công, sử dụng của công vào việc công với tinh thần hết sức tiết kiệm, đấu tranh chống mọi hành động tham ô, lãng phí, làm thiệt hại đến của công. Hồ Chủ tịch đã dạy: nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hóa. Đã là người chủ thì phải chăm lo việc nước như chăm lo việc nhà. Người công nhân phải yêu quý máy móc như yêu quý con mình. Người nông dân phải yêu quý trâu bò của hợp tác xã như bạn thân của mình. Người bộ đội phải giữ gìn súng đạn, quân trang quân dụng, kể cả chiến lợi phẩm thu được như máu mủ, xương thịt của mình. Mọi người đều có trách nhiệm giữ gìn của công, không được vung phí hoặc chiếm làm của riêng.

Vả chăng, đất nước ta còn nghèo, lại trải qua nhiều năm chiến tranh ác liệt chống quân thù xâm lược; của cải làm ra chưa được bao nhiêu. Nếu không nêu cao ý thức giữ gìn, tiết kiệm của công, thử hỏi chúng ta làm sao xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội?

Là những chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, những người lãnh đạo và người dầy tớ tận tụy của nhân dân, hơn ai hết, cán bộ, đảng viên càng phải gương mẫu giữ gìn, bảo vệ của công, thật sự «cần kiệm liêm chính», không xâm phạm tài sản của Nhà

Digitized by Google

nước, của nhân dân. Tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ của công là trách nhiệm lớn lao, là phẩm chất cao quý của mỗi cán bộ, đảng viên trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam, trong phần nói về nhiệm vụ thứ nhất của đảng viên, đã nêu rõ: đảng viên « phải tích cực bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân, chống lãng phí, tham ô » (1).

Nhất là đối với những người đã từng được rèn luyện, thử thách trong cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ trước đây, đã có những cống hiến đối với cách mạng, càng phải thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, giữ gìn trọn vẹn phẩm chất của mình. Nếu cậy mình có chút ít công lao đối với tập thể, đối với cách mạng, tự cho phép mình xà xẻo, sử dụng trái phép của công, là tự mình bôi nhọ thanh danh, uy tín của mình.

Chúng ta đều đã biết, Hồ Chủ tịch là một tấm gương trong sáng về đạo đức cách mạng « cần kiệm liêm chính, chí công vô tư ». Người sống một cuộc đời vô cùng thanh cao, giản dị và tiết kiệm. Ngay cả khi giữ những cương vị cao nhất của Đảng và Nhà nước ta, Người cũng tuyệt nhiên không có một ham muốn cá nhân nào, không đòi hỏi một chút lợi lộc riêng tư nào. Trái lại, Người nêu cao ý thức quý trọng, tiết kiệm của công, tiết kiệm ngay trong việc ăn, ở mặc, tiêu dùng hằng ngày; tiết kiệm từng mẩu bút chì, từng mảnh giấy viết, xót tiếc từng hạt gạo, hạt cơm rơi vãi, từng ngọn điện bị dùng phí phạm. Người thường nói: « Mỗi thứ của cải chúng ta làm ra phải tốn bao nhiêu mồ hôi và sức lao động. Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách *tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm*. Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống. Cho nên phải biết giữ gìn của công... Cán bộ và đảng viên càng phải nêu cao tinh thần phụ trách, nêu gương *« cần kiệm liêm chính »*, không xâm phạm một đồng xu hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân » (2). Người phê phán nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên, phạm vào tham ô, lãng phí. Người gọi những hành động tham ô, lãng phí là « tội ác xấu xa », « là hành động trộm cắp mà ai cũng phải thù ghét, phải trừ bỏ »; tham ô, lãng phí « là thứ giặc ở trong lòng », « giặc nội xâm », « là kẻ thù nguy hiểm » (3).

Đáng tiếc là đến nay, trong đội ngũ chúng ta vẫn có những cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ, đảng viên giữ những cương vị phụ trách trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước, chưa nêu cao ý thức tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ của công, thậm chí còn có những hành vi tham ô, chiếm dụng của công. Lợi dụng cương vị, quyền hạn của mình, họ tìm mọi « mưu ma chước quỷ » để sử dụng nhập nhằng, bừa bãi của công, xoay xở, bớn vét của công, chiếm của công làm của riêng. Họ bày đặt ra lễ nghị này, thủ tục nọ để phô trương hình thức, chè chén, « liên hoan », hoặc có khi « mượn gió bẻ măng » tạo cơ hội để « chấm mút » tiền của của nhân dân, của tập thể. Quen thân nhau, họ « móc ngoặc » trao đổi cho nhau hàng hóa, vật tư của Nhà nước, của tập thể theo kiểu « ông mất chân giò, bà thò chai rượu » để « giúp » nhau thỏa mãn những yêu cầu riêng, lợi ích riêng. Họ ngấm ngầm hoặc công khai bớt xén nguyên liệu, của cải của Nhà nước, tuồn hàng hóa từ trong kho của Nhà nước, của tập thể ra ngoài, tiếp tay cho bọn buôn gian, bán lậu, làm ăn phi pháp. Họ đua nhau « vặt lông », « làm thịt » những thứ hàng chiến lợi phẩm, chiếm

(1) *Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam*, trang 30.

(2) Hồ-Chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1970, trang 117 — 118.

(3) Hồ-Chí-Minh: *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1970.

Digitized by Google

làm của riêng những tài sản mà nhân dân và bộ đội ta phải đổ bao nhiêu mồ hôi, xương máu mới giành được. Có những người lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý của Nhà nước, ăn cắp của công, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa một cách trắng trợn. Thời thì « sống chết mặc bay », miễn sao lợi dụng của công đắp điếm cho mình càng được nhiều càng tốt (!).

Đó là chưa kể một số người sống theo phương châm « của người bồ tát của ta lạt buộc », thu góp các thứ cho riêng mình, nhưng thờ ơ, vô trách nhiệm trong việc giữ gìn, bảo vệ tài sản chung, làm hư hỏng, mất mát nhiều tài sản chung, hoặc sử dụng một cách vô tội vạ tài sản chung, gây lãng phí rất nghiêm trọng.

Không nói chúng ta cũng biết, đó là những hành động mang nặng chủ nghĩa cá nhân, rất xấu, rất đáng chê trách. Ở những mức độ khác nhau, những hành động đó đều là xâm phạm đến thành quả lao động của nhân dân, là vung phí mồ hôi và cả xương máu của những người đã sản xuất ra và bảo vệ của cải vật chất của xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến bước tiến lên của cách mạng, đến việc cải thiện đời sống của nhân dân. Những hành động đó biểu hiện sự sa sút về mặt phẩm chất cách mạng, nêu gương xấu trước quần chúng, làm cho quần chúng chê trách, oán ghét.

Trong số những người mắc sai lầm, khuyết điểm ấy, có người đã từng được rèn luyện, thử thách. Những người này trước đây khi đấu tranh chống địch, rất hăng hái, dũng cảm, không sợ nguy hiểm, không ngại gian khổ, khó khăn, nhưng đến nay sống trong điều kiện mới, có chút ít quyền hạn trong tay, sinh ra kiêu ngạo, xa xỉ, tham ô, lãng phí. Họ bị tư tưởng cá nhân, lối sống ích kỷ lôi kéo, trói buộc, họ thường chỉ nghĩ đến mình, chỉ vì mình, coi lợi ích của mình nặng hơn lợi ích chung của cách mạng, của tập thể. Họ quên mất rằng, Đảng ta, nhân dân ta rất trân trọng và ghi nhận công lao, thành tích của họ, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi họ phải tiếp tục rèn luyện giữ vững phẩm chất cao quý của mình, nêu gương tốt trước quần chúng để bảo vệ uy tín của Đảng, củng cố mối liên hệ tốt đẹp giữa Đảng và quần chúng.

Về phía mình, nhiều cơ quan chủ quản không có kế hoạch và biện pháp quản lý chặt chẽ hàng hóa, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên liệu... của Nhà nước, của tập thể, không vượt khó khăn, chủ động phòng ngừa những hiện tượng tham ô, lãng phí. Không ít cán bộ được giao nhiệm vụ phụ trách quản lý, bảo vệ của công nhưng làm ăn theo lối gặp chăng hay chớ, vô trách nhiệm, vô kỷ luật. Một số cơ quan và cán bộ phụ trách cấp trên quan liêu, không đi sâu, đi sát thực tế, chỉ nặng về nghe báo cáo, không nắm chắc tình hình, thiếu kiểm tra đôn đốc, không kịp thời đề ra những chủ trương và biện pháp thích hợp để buộc mọi người phải làm theo đúng pháp luật của Nhà nước, ngăn chặn những hành vi trộm cắp, lãng phí, lợi dụng của công. Một số cơ quan thuộc các ngành, các cấp chưa có thái độ xử lý thích đáng và kỷ luật nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên mắc sai lầm kể trên. Những hiện tượng hữu khuynh, né tránh, thiếu nghiêm túc trong việc thi hành kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn khá phổ biến. Tất cả những tình hình đó đã tạo điều kiện cho tư tưởng cá nhân, vụ lợi trỗi dậy ở một số người, tạo kẽ hở cho những sai lầm kể trên nảy nở và lây lan nhanh chóng. Nên nhớ rằng trước đây Lê-nin đã nhiều lần yêu cầu phải làm tốt công tác kiểm kê, kiểm sát, giữ gìn, bảo vệ tài sản hàng hóa của Nhà nước, của nhân dân. Lê-nin coi bọn ăn cắp của cải của Nhà nước là những con « sâu mọt » có hại, những con « chấy rận » hút máu người, cần phải « quét sạch » chúng đi. Đối với bọn chúng, không thể có một

Digitized by Google

sự hữu khuynh, mềm yếu nào cả. « Bất cứ một sự mềm yếu nào, bất cứ một sự do dự nào, bất cứ một sự thương hại nào về mặt này đều là tội ác tầy trời đối với chủ nghĩa xã hội » (4).

Là những người phấn đấu theo đạo đức cách mạng cao cả, mỗi chúng ta nghĩ gì và làm gì để góp phần khắc phục những hiện tượng sai sót kể trên?

NGƯỜI XÂY DỰNG

(4) V. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, trang 463.

Tổ chức công trường thủ công...

(Tiếp theo trang 64)

và các công trình quy mô vừa và nhỏ. Ở miền Nam nước ta, nông thôn chưa hợp tác hóa, song do đòi hỏi cấp bách về phát triển sản xuất nông nghiệp, chúng ta vẫn có thể huy động một lực lượng lao động lớn, tổ chức hợp lý các công trường thủ công làm thủy lợi, và trên cơ sở từng địa phương đã xác định được phương hướng làm thủy lợi chính xác, có đồ án kỹ thuật và kế hoạch thực hiện cụ thể, thì có thể đạt hiệu quả cao.

★

Phương thức tổ chức các công trường thủ công làm thủy lợi phát huy được tốt sức mạnh tổng hợp của các địa phương, các ngành và các đơn vị, tạo ra cục diện mỗi xã là một công trường, mỗi huyện là một công trường và cả tỉnh là một công trường làm thủy lợi nhằm giải quyết vấn đề nước là biện pháp hàng đầu để phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp và phục vụ các ngành kinh tế khác. Phương thức tổ chức lao động này phát huy được tinh thần cách mạng và ý chí tiến công của quần chúng, kết hợp chặt chẽ với lối làm việc khoa học biểu hiện trong việc tiến hành xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch, được đề ra trên cơ sở đã khảo sát thiết kế, có quy trình, quy phạm sản xuất cụ thể, tổ chức lao động và quản lý kinh tế chặt chẽ... Biện pháp thực hiện của nó có tính toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa điểm và diện, thể hiện sinh động phương châm thi công đồng bộ, dứt điểm, song song tiến hành thi công đầu mối lẫn kênh mương, vừa thi công vừa phát huy ngay tác dụng, đưa công trình từng bước phục vụ sản xuất. Kết quả đó lại càng động viên nhiệt tình của quần chúng hăng hái tích cực tham gia phong trào xây dựng các công trình thủy lợi ở khắp nơi. Do đó, phát triển rộng rãi phương thức tổ chức lao động công trường thủ công làm thủy lợi là một bảo đảm chắc chắn cho việc thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ phát triển thủy lợi rất lớn trong kế hoạch Nhà nước năm 1978 và kế hoạch 5 năm (1976 — 1980) của chúng ta.

Digitized by Google

THẮNG LỢI TO LỚN CỦA NHÂN DÂN Ê-TI-Ô-PI-A

LÊ-TỊNH

Ê-TI-Ô-PI-A là một nước lớn ở châu Phi về mặt số dân, diện tích và tài nguyên; và là nước lớn nhất vùng Sừng châu Phi bao gồm Ê-ti-ô-pi-a, Xô-ma-li và Gi-bu-ti. Vùng Sừng châu Phi tiếp giáp với Biển Đỏ và Ấn-độ-dương. Nó chẳng những có tầm quan trọng về mặt chiến lược đối với đường giao thông nối liền Đại-tây-dương, Địa-trung-hải và Ấn-độ-dương, qua kênh Xuy-ê, mà còn có tác động trực tiếp từ phía nam đối với khu vực Trung Đông. Hơn nữa, vùng Sừng châu Phi còn phát huy ảnh hưởng từ miền bắc xuống tận miền nam châu Phi. Bơ-rơ-de-din-xki, cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ, đã thừa nhận rằng « vùng Sừng châu Phi thật sự kiểm soát con đường đi vào Biển Đỏ và qua kênh Xuy-ê... nó tạo ra một tiềm năng bao vây chính trị đối với Trung Đông: vùng Sừng châu Phi, kết hợp với Ăng-gô-la tạo ra cơ sở cho những sức ép chính trị và quân sự từ cả hai phía cùng một lúc, xuyên thẳng qua đại lục, có thể là hướng về phía nam » (bài trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Mặt trời Ban-ti-mo, tháng 3-1978). Ở vào vị trí then chốt đó của châu Phi, lại là nơi tiếp giáp giữa 3 đại châu, 2 đại dương, Ê-ti-ô-pi-a rõ ràng có vị trí quan trọng đặc biệt.

Trước đây, do sự kìm hãm của chế độ phong kiến trung cổ, Ê-ti-ô-pi-a là một nước nông nghiệp lạc hậu ở châu Phi. Xê-la-xi-ê là tên vua hết sức xảo quyệt và tàn bạo. Trong nước, hắn kìm hãm nhân dân trong đói khổ và dốt nát. Bên ngoài, hắn xuất phát từ việc canh giữ lợi ích phong kiến, duy trì cái gọi là độc lập chính trị, nhưng thật ra là hắn câu kết với chủ nghĩa đế quốc và tư bản nước ngoài để bảo vệ ngôi vua của hắn. Tuy nhiên, trong thời đại sụp đổ của chủ nghĩa thực dân và đế quốc, trong cao trào đấu tranh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, dần dần quần chúng nông dân Ê-ti-ô-pi-a hiểu ra rằng Xê-la-xi-ê không phải là vị thánh che chở cho họ như họ vẫn tin trong gần nửa thế kỷ nay, mà là tên địa chủ giàu có nhất trong số hàng nghìn địa chủ ở Ê-ti-ô-pi-a. Và họ cũng hiểu ra rằng chế độ phong kiến lệ thuộc nước ngoài là nguồn gốc của mọi sự đói khát và đau khổ của họ. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ bùng nổ dữ dội. Đây là mâu thuẫn sâu sắc nhất trong xã hội Ê-ti-ô-pi-a. Cũng giống như mọi nơi khác, sự thức tỉnh

Digitized by Google

của nông dân là một quá trình. Trong hàng chục năm gần đây, hàng loạt cuộc đấu tranh của nông dân chống địa chủ nổ ra khắp nơi ở nông thôn Ê-ti-ô-pi-a. Những cuộc nổi dậy đó đã thức tỉnh các tầng lớp nhân dân khác, nhất là công nhân, sinh viên, trí thức; cuối cùng đã thức tỉnh cả một bộ phận sĩ quan và binh lính trong quân đội. Khi cuộc đấu tranh của nông dân đã kết hợp được với các cuộc đấu tranh của công nhân, sinh viên, quân đội cùng các tầng lớp nhân dân khác, chống lại chế độ phản động, thì cuộc đấu tranh đó thật sự giống như một đại dương đang chuyển động. Trước cao trào đó của toàn dân, quân đội thấy cần phải xác định chỗ đứng của mình. Hoặc là tiếp tục làm công cụ trung thành của tên vua lỗi thời; hoặc là đứng về phía nhân dân. Những người tiến bộ trong quân đội đã quyết định lựa chọn con đường thứ hai. Sự lựa chọn đó dẫn đến việc thành lập « Ủy ban phối hợp các lực lượng vũ trang », phụ trách lãnh đạo cuộc nổi dậy của toàn dân, bao gồm công nhân, nông dân, bộ phận tiến tiến trong giai cấp tiểu tư sản, sinh viên và trí thức cách mạng, do lực lượng tiến bộ trong quân đội làm nòng cốt. Như vậy, *cuộc cách mạng tháng 9 năm 1974 là cuộc cách mạng dân chủ chống phong kiến, giải phóng nhân dân lao động trong đó chủ yếu là nông dân.* Đây thật sự là cuộc nổi dậy của toàn dân, chứ không phải là một cuộc đảo chính quân sự. Một cuộc đảo chính làm sao xóa bỏ được một chế độ phong kiến đã bám rễ hơn 3.000 năm.

Trong thời kỳ trước chiến tranh thế giới thứ hai, khi chủ nghĩa thực dân còn thống trị khắp nơi trên thế giới, cái gì đã làm cho Nhà nước Ê-ti-ô-pi-a phong kiến duy trì được nền độc lập chính trị của mình? Chỉ có chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đấu tranh của nhân dân lao động Ê-ti-ô-pi-a — chứ không phải sức mạnh của bọn vua chúa — mới ngăn cản được nanh vuốt của bọn thực dân. Rốt cuộc, chế độ bóc lột phong kiến tàn bạo nhất châu Phi đã được duy trì và bảo vệ. Tuy nhiên, sau chiến tranh thế giới thứ hai, trong thời kỳ chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ và chủ nghĩa thực dân mới thâm nhập vào châu Á và châu Phi, chính quyền phong kiến Ê-ti-ô-pi-a không còn giữ được tính chất độc lập nữa, nhất là về mặt kinh tế. Các ngành công nghiệp chủ yếu của đất nước đều do bọn tư bản lũng đoạn nước ngoài nắm giữ; từ năm 1960, Ê-ti-ô-pi-a lệ thuộc Mỹ về mọi mặt. Nước Ê-ti-ô-pi-a phong kiến với chủ nghĩa tư bản phôi thai đã rơi vào chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Tập đoàn thống trị Xê-la-xi-ê ngày càng câu kết với tư bản lũng đoạn nước ngoài để tăng cường bóc lột và vơ vét của cải trong nước. Số tài sản mà Xê-la-xi-ê gửi ở nước ngoài lên tới hàng tỷ đô la. Lật đổ triều đại Xê-la-xi-ê, cuộc *cách mạng tháng 9 năm 1974 ở Ê-ti-ô-pi-a rõ ràng là có nội dung chống phong kiến, chống đế quốc và chống tư bản quan liêu.*

Đặc điểm của Cách mạng tháng 9 năm 1974 là, không phải ngay từ đầu đã có một chính đảng lãnh đạo. Nhưng những người lãnh đạo chủ chốt của cuộc cách mạng lại xuất phát từ lập trường của giai cấp công nhân và chủ nghĩa Mác — Lê-nin để xác định mục tiêu, nhiệm vụ, cùng các biện pháp cách mạng. Tính chất triệt để cách mạng và mọi biện pháp kinh tế, chính trị, ngoại giao, đều thể hiện lập trường của giai cấp công nhân. Đúng như Chủ tịch Men-gi-xtu đã từng nói, « Cuộc cách mạng này có một mục tiêu và mục đích rõ ràng, tức là lãnh đạo các tầng lớp quần chúng đông đảo bị áp bức và bảo vệ những lợi ích cơ bản của họ. Kim chỉ nam chính của cuộc cách mạng này là chủ nghĩa Mác — Lê-nin · ngọn đèn pha hy vọng của tất cả các dân tộc bị áp bức »

Digitized by Google

(bài nói ngày 12-9-1977). Việc thành lập đảng của giai cấp công nhân Ê-ti-ô-pi-a đang được tích cực chuẩn bị, là nhân tố cơ bản bảo đảm con đường tiến lên của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a. Cùng với việc lật đổ chế độ phong kiến, cách mạng Ê-ti-ô-pi-a đấu tranh xóa bỏ các thế lực của chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ ở Ê-ti-ôpi-a. Do tính chất triệt để của nó và ở trong hoàn cảnh thế giới ngày nay, cách mạng Ê-ti-ô-pi-a không có con đường nào khác là tiến lên chủ nghĩa xã hội. *Cách mạng Ê-ti-ô-pi-a là cuộc cách mạng dân chủ do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nó được tiến hành dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Nó tuân theo quy luật cách mạng không ngừng. Nó tiến từ cách mạng dân chủ* (mới) *lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.* Điều đó đã được xác định trong «Luận cương cách mạng dân chủ» của Ê-ti-ô-pi-a công bố ngày 21-4-1976.

Cách mạng Ê-ti-ô-pi-a đã giành được thắng lợi trong việc lật đổ chế độ phong kiến, thực hiện dân chủ, xóa bỏ các thế lực của chủ nghĩa đế quốc, hoàn thành và bảo vệ nền độc lập dân tộc, và bắt đầu thực hiện những nhiệm vụ xã hội chủ nghĩa. Như vậy ở Ê-ti-ô-pi-a, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội kết hợp làm một và trở thành sức mạnh mà không một thế lực phản động nào có thể ngăn cản nổi. Hàng chục triệu quần chúng công nông đã thức tỉnh và vùng dậy đấu tranh mạnh mẽ, lôi cuốn theo mình các tầng lớp nhân dân khác, đặc biệt là quân đội. *Cách mạng Ê-ti-ô-pi-a là sự nhảy vọt từ xã hội phong kiến mang tính chất bảo hoàng nhất lên thẳng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.*

Thắng lợi của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a làm cho nhân dân châu Phi và nhân dân thế giới vui mừng và khâm phục. Nhưng bọn đế quốc và bọn phản động tỏ ra lo sợ trước thắng lợi của nhân dân Ê-ti-ô-pi-a. Chúng lo ngại rằng một nước Ê-ti-ô-pi-a cách mạng và tiến lên chủ nghĩa xã hội án ngữ bên cạnh Biển Đỏ, phía nam khu vực Trung Đông, cạnh đường giao thông huyết mạch xuyên đại lục và đại dương sẽ có hại cho quyền lợi của chúng. Vì vậy chúng tìm trăm phương nghìn kế phá hoại cách mạng Ê-ti-ô-pi-a. Sau hàng loạt thất bại trong âm mưu sử dụng bọn tay sai chui vào phá bên trong cơ quan lãnh đạo cao nhất của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a, đế quốc Mỹ và bọn phản động dùng thủ đoạn hai mặt để đạt tới mục đích đen tối của chúng. Một mặt chúng giả nhân giả nghĩa duy trì những quan hệ nào đó với chính quyền mới của Ê-ti-ô-pi-a, thậm chí tuyên bố tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của Ê-ti-ô-pi-a đối với vùng sa mạc Ô-ga-đen. Mặt khác, chúng tính kế phá hoại cách mạng Ê-ti-ô-pi-a bằng cách sử dụng các «đồng minh địa phương» của Mỹ. Âm mưu này nằm trong chiến lược mới của Mỹ sau chiến tranh Việt-nam. Bằng thủ đoạn giấu mặt đó, đế quốc Mỹ đã cùng bọn đế quốc và phản động khác, lợi dụng lúc Ê-ti-ô-pi-a gặp phải những khó khăn tạm thời, kích động đầu óc sô-vanh dân tộc của một số giới lãnh đạo ở Mô-ga-đi-xi-ô, khiến họ đưa hơn 4 vạn quân chính quy tiến sâu vào lãnh thổ Ê-ti-ô-pi-a đến 500km. Chỉ trong vài tháng, lực lượng vũ trang Xô-ma-li đã chiếm đại bộ phận vùng Ô-ga-đen bao gồm ba tỉnh phía đông Ê-ti-ô-pi-a, rộng khoảng 15 vạn ki-lô-mét vuông với gần 1 triệu dân.

Trong thực tế lịch sử, Ô-ga-đen là lãnh thổ của Ê-ti-ô-pi-a từ cuối thế kỷ trước. Đã có những hiệp nghị quy định chủ quyền của Ê-ti-ô-pi-a đối với Ô-ga-đen.

Cuộc đổ máu của nhân dân hai nước láng giềng Ê-ti-ô-pi-a và Xô-ma-li có thể tránh được nếu chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động, đứng đầu là Mỹ, không kích động được tâm lý sô-vanh trong một số người lãnh đạo Nhà nước Xô-ma-li, sử dụng Xô-ma-li

Digitized by Google

làm công cụ để gây ra cuộc xâm lược vũ trang nhằm ngăn cản bước tiến của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a lên chủ nghĩa xã hội.

Những người lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước Xô-ma-li tự xưng là đi theo chủ nghĩa xã hội, nhưng họ đã hành động hoàn toàn trái với chủ nghĩa xã hội trong việc giải quyết mối quan hệ với Ê-ti-ô-pi-a. Trước đây, Lê-nin đã từng nói khá nhiều về thái độ của những người theo chủ nghĩa xã hội trong việc giải quyết vấn đề biên giới giữa các nước. Lê-nin cho rằng điều then chốt là các dân tộc phải thoát khỏi sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc. Một khi các dân tộc đã tách khỏi chủ nghĩa đế quốc và giành được độc lập, thì họ sẽ giải quyết vấn đề biên giới theo nguyên tắc hòa bình thương lượng và hữu nghị giữa các dân tộc. Nguyên tắc đúng đắn đó không những là lập trường của những người theo chủ nghĩa xã hội, mà còn là nguyện vọng chung của tất cả các dân tộc. Mọi thái độ gây thù hằn giữa các dân tộc, những tư tưởng bài ngoại cực đoan là hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Do tư tưởng sô-vanh, những người lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước Xô-ma-li tự biến mình thành công cụ của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động trong việc ngăn cản cách mạng Ê-ti-ô-pi-a. Nhưng âm mưu của bọn đế quốc và bọn phản động đã bị thất bại thảm hại. Thắng lợi của nhân dân Ê-ti-ô-pi-a thu hồi vùng Ô-ga-đen rộng lớn có ý nghĩa to lớn. Tình hình Ê-ti-ô-pi-a chứng tỏ ở đâu có độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ở đó có sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động; ở đâu có sự vùng dậy của nhân dân theo phương hướng của thời đại, thì bọn đế quốc và phản động xúm lại can thiệp như một bầy kẻ cướp. Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi đã phải đương đầu với bọn chúng. Cách mạng Việt-nam cũng phải đụng đầu với chúng. Cách mạng Ê-ti-ô-pi-a cũng ở trong quy luật đó. Điều khác nhau là trong thời kỳ sau Việt-nam, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ, không còn dám trắng trợn can thiệp « bằng liên quân 14 nước » hoặc dựng lên « sự kiện Vịnh Bắc-bộ » để đem quân trực tiếp vũ trang xâm lược. Đế quốc Mỹ, sau chiến tranh Việt-nam, đã trở nên rất lúng túng, nhưng vẫn không từ bỏ chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng. Thắng lợi của nhân dân Ê-ti-ô-pi-a một lần nữa đã giáng thêm một đòn mạnh mẽ vào chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ.

Thắng lợi của Ê-ti-ô-pi-a chứng tỏ đường lối của Ban lãnh đạo nước Ê-ti-ô-pi-a cách mạng, do Chủ tịch Ma-ri-am Men-gi-xtu đứng đầu, là đúng đắn. *Đó là đường lối bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước, là đường lối hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc.*

Qua thực tế ở Ê-ti-ô-pi-a, mọi người thấy rằng có một điểm giống nhau giữa các bọn sô-vanh ở các nơi trên thế giới. Bất cứ ở đâu bọn sô-vanh cũng quanh co đổi trắng thay đen. Bọn chúng đem quân xâm lược nước người, đòi chiếm cả một vùng lãnh thổ rộng lớn của nước người, nhưng lại rêu rao là chúng « bị xâm lược », chúng « không yêu sách lãnh thổ », chúng chỉ đánh « kẻ thù truyền kiếp », v.v... Chiến thắng Ô-ga-đen của nhân dân Ê-ti-ô-pi-a chứng tỏ rằng bọn sô-vanh làm công cụ cho bọn đế quốc và bọn phản động để ngăn cản và phá hoại cách mạng của nước khác nhất định sẽ thất bại.

Thắng lợi của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a đang tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân Ê-ti-ô-pi-a tiếp tục giải quyết các vấn đề to lớn khác của đất nước. Thắng lợi của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a mở ra triển vọng tốt đẹp không chỉ cho nhân dân Ê-ti-ô-pi-a mà cả cho

Digitized by Google

nhân dân tiến bộ ở vùng Sừng châu Phi và Trung Đông. Thắng lợi của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a có ý nghĩa hết sức to lớn, mà hiện nay chúng ta chưa thể đánh giá hết được.

Kẻ thù của nhân dân Ê-ti-ô-pi-a đã thất bại nặng nề nhưng chưa từ bỏ âm mưu phá hoại cách mạng Ê-ti-ô-pi-a. Nhân dân Ê-ti-ô-pi-a còn phải đương đầu với nhiều khó khăn trên con đường tiến lên. Chúng ta tin tưởng rằng, nhân dân Ê-ti-ô-pi-a có truyền thống đấu tranh anh hùng, có đường lối cách mạng đúng đắn, nhất định sẽ vượt qua mọi thử thách, đưa cách mạng nước mình tiến lên.

Văn hóa và thông tin phục vụ...

(Tiếp theo trang 58)

thứ 2 của Trung ương Đảng và tương xứng với khả năng hiện có của mình.

Các cấp, các ngành hữu quan hãy nắm lấy công tác văn hóa và thông tin để thúc đẩy việc phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Trong cao trào lao động sản xuất nông nghiệp đang dấy lên ở khắp nông thôn, miền Bắc và miền Nam, miền xuôi và miền ngược, nông trường và lâm trường, vùng kinh tế mới, v.v..., công tác văn hóa và thông tin phải cải tiến nội dung cho sát hợp với sự biến đổi cách mạng ở nông thôn.

Nó phải sáng tạo những hình thức và phương pháp có hiệu quả để giáo dục nông dân về con đường xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng ý thức làm chủ tập thể của nông dân xã viên trong lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao trình độ hiểu biết về kỹ thuật và quản lý cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; thực hiện nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới ở nông thôn.

Nó đòi hỏi những người hoạt động văn hóa cống hiến cả tâm hồn, trí tuệ và tài năng của mình. Thông minh và giàu tưởng tượng đến đâu cũng khó mà hình dung được tất cả những sáng tạo đẹp đẽ của cán bộ và nhân dân ta trên mặt trận nông nghiệp hiện nay. Anh chị em làm công tác văn hóa chúng ta, từ văn nghệ sĩ sáng tác và biểu diễn đến cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý hãy đi vào cuộc sống mới ở nông thôn. Hãy «đến những nơi tiên tiến, sống với những người tiên tiến» để cảm thụ được cái mới, cái hay, để thêm «sáng mắt sáng lòng», phục vụ đắc lực việc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Hãy đến cả những nơi yếu kém, nơi có nhiều khó khăn để góp phần thúc đẩy những nơi đó vươn lên. Hướng về cơ sở, xông vào mũi nhọn của cuộc sống, phục vụ công cuộc phát triển nông nghiệp hiện nay là nâng mình lên ngang tầm của cuộc sống, là tích cực góp phần giành thắng lợi cho sự nghiệp của chúng ta.

Digitized by Google

Коммунистический журнал
N° 6 — 1978 г

ПЕРЕДОВАЯ. Укрепить и развить новые факторы

КОММЕНТАРИЙ — Драгоценная дружба между вьетнамским и китайским народами обязательно будет сохранена.

ВО НГУЕН ЗИАП. Ускорить научно-техническую революцию в сельском хозяйстве Вьетнама.

ХОАНГ АНЬ. Мероприятия по ценообразованию на новом этапе.

КУ ХЮИ КАН. Культура и средства информации на службе развития сельского хозяйства и строительства новой деревни.

ХОАНГ ТИЕИ. Организация кустарных строек при проведении ирригации.

ТХАНЬ ХА. Стиль работы уезда Хайхау.

ТРИБУНА ОБСУЖДЕНИЯ ПРОЕКТА НОВОЙ КОНСТИТУЦИИ

Чан Конг Тыонг, Ле Цунг Ха, Фан хыу Ти, Дао Ван Зианг, До Хыу Кхань

ЛЕ СУАН ВУ. Посещение «школ по восстановлению человеческого достоинства».

ПАРТИЙНАЯ ЖИЗНЬ + Строитель. Общественная и личная собственность

ЛЕ ТИНЬ. Большая победа народа эфиопии.

共产主义杂志
一九七八年第六期

討　論：培养和发扬新因素

評　論：越南人民和中国人民的珍贵友谊一定保得住

武元甲：大力促进我国农业科学技术革命

黃　英：新阶段的物价工作

鞏輝近：文化和通讯为发展农业和建设新农村事业服务

黃　进：组织兴修水利的手工工地

雷　河：海后的作法

討論新宪法草案☆陈公祥、黎中河、潘友芝、陶文斌、杜友庆

黎春雨：在重新作人的学校所看到的

党的生活☆建設者：公与私

黎　靜：埃塞俄比亚人民的巨大胜利

Digitized by Google

REVUE DU COMMUNISME
N° 6 – 1978

Éditorial – Perfectionner et faire valoir les facteurs nouveaux

Commentaire – L'amitié précieuse entre les peuples vietnamien et chinois sera certainement préservée

VÕ-NGUYÊN-GIÁP – Donner une impulsion vigoureuse à la révolution scientifique et technique dans notre agriculture

HOÀNG-ANH – La politique des prix dans la situation nouvelle

CỪ-HUY-CẬN – La culture et l'information au service du développement de l'agriculture et de la promotion des zones rurales

HOÀNG-TIẾN – Organisation de chantiers artisanaux d'aménagement de l'hydraulique agricole

THANH-HÀ – De la manière de procéder du district de Hải-hậu

Discussions du projet de la nouvelle Constitution – *TRẦN-CÔNG-TƯỜNG, LÊ-TRUNG-HÀ, PHAN-HỮU-CHÍ, ĐÀO-VĂN-GIẢNG, ĐỖ-HỮU-KHÁNH*

LÊ-XUÂN-VỸ – A travers les écoles de rémodelage de l'homme

La vie du Parti ★ *LE CENSEUR* – Biens publics, biens personnels

LÊ-TỊNH – Les grands succès du peuple éthiopien

REVIEW OF COMMUNISM
N° 6 – 1978

Editorial – Foster and promote the new factors

Commentary – The valuable friendship between the Vietnamese people and the Chinese people will certainly be safeguarded

VÕ-NGUYÊN-GIÁP – Give a big impulse to the scientific and technical revolution in our agriculture

HOÀNG-ANH – Price fixing in the new situation

CỪ-HUY-CẬN – Culture and information at the service of agricultural development and the building of a new countryside

HOÀNG-TIẾN – The organization of water conservancy worksites

THANH-HÀ – The Hải-hậu style of work

Discussion of the new draft Constitution ★ *TRẦN-CÔNG-TƯỜNG, LÊ-TRUNG-HÀ, PHAN-HỮU-CHÍ, ĐÀO-VĂN-GIẢNG, ĐỖ-HỮU-KHÁNH*

LÊ-XUÂN-VỸ – The reformative schools

Party life ★ *CRITIC* – Public property, private property

LÊ-TỊNH – The great victory of the people of Ethiopia

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 6

1978

NĂM THỨ XXIV (270)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP:
1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội
Dây nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TR
TẠI MIỀN NAM:
40, Trần-Cao-Vân, TP Hồ-Chí-Minh
Dây nói: 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Bồi dưỡng và phát huy những nhân tố mới

Bình luận — Tình hữu nghị quý báu giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung quốc nhất định sẽ được bảo vệ

VÕ-NGUYÊN-GIÁP — Đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta

HOÀNG-ANH — Công tác giá cả trong tình hình mới

CÙ-HUY-CẬN — Văn hóa và thông tin phục vụ sự nghiệp phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

HOÀNG-TIẾN — Tổ chức công trường thủ công làm thủy lợi

THANH-HÀ — Cách làm Hải-hậu

Thảo luận dự thảo Hiến pháp mới ★ *TRẦN-CÔNG-TƯỜNG* — Hiến pháp mới và pháp chế xã hội chủ nghĩa ★ *LÊ-TRUNG-HÀ* — Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ★ *PHAN-HỮU-CHÍ* — Về lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của cá nhân ★ *ĐÀO VĂN-GIẢNG* — Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân ★ *ĐỖ HỮU-KHÁNH* — Giai cấp công nhân Việt-nam sẽ xứng đáng với sứ mệnh của mình

LÊ-XUÂN-VŨ — Qua những trường học làm lại con người

Sinh hoạt Đảng ★ *NGƯỜI XÂY DỰNG* — Của công, của riêng

LÊ-TỊNH — Thắng lợi to lớn của nhân dân Ê-li-ô-pi-a

Digitized by Google

Digitized by Google

Tìm đọc:

MÁC – ĂNG-GHEN: TOÀN TẬP

Tập I

(1839 – 1844)

(Bản tiếng Việt, xuất bản lần đầu tiên)

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 0đ40

Digitized by Google

Digitized by Google